KINH TẠP A-HÀM (HT Thiện Siêu & HT Thanh Từ)

Kinh Tạp A-Hàm (HT Thiện Siêu & HT Thanh Từ - VNC PHVN, 2022)

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN 4S SX

PHẬT GIÁO w NAM %

M0 :>

ỉỷ í^ ^

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

TAM TẠNG PHẬT GIÁO BÔ PHÁI Ỏ4

KINH TẠP A-HÀM

Việt dịch Hòa thương THÍCH THIỆN SIÊU Hòa thượng THÍCH THANH TỪ

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ Hổ CHÍ MINH

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ ĐỨC THẾ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC

HỒI ĐỒNG CHỨNG MINH
(Nhiệm kỳ 2017-2022)
PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
. Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
• Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
. Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
. Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH
HỒI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH

. Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
-Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
. Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
-Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
-Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
• Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG

-Phổ Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
-Viện trưởng Phăn viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội
. Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
-Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
BAN BIÊN TẬP & ẨN HÀNH TAM TẠNG PHẠT GIÁO Bô PHÁI

•Trưởng ban -Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

•Phó Trưởng ban
-Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH TÂM ĐỨC
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH ĐỨC THIỆN
•Tổng Biên tập
-Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH MINH THÀNH
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH NHẬT TỪ
•Phó Tổng Biên tập
. Hòa thượng THÍCH PHƯỚC CẨN
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH HẠNH BÌNH
-Thượng tọa Thạc sĩ THÍCH CHÚC PHÚ
•Thư ký Biên tập
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH GIÁC HOÀNG •ủy viên Biên tập
-Hoa thượng THrcH thông thiền
. Thượng tọa THÍCH THIỆN THUẬN
. Thượng tọa THÍCH NGUYÊN HUNG
-Thượng tọa THÍCH NGUYÊN TRANG
-Ni sư Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN HÒA
•Trưởng ban Tài chánh -Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH PHƯỚC TIẾN

LỜI CHÚNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật 7 ỉ "l 9 LC l . 7 , 9 Trong Kỉnh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ nhát nhát thân, xứ xứ chuyên pháp luâri',nghĩa là đức
Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi nơi mọi chôn chuyên bánh xe pháp. Thật hoan hỷ9 tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ân tông Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn góc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác. Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "Dĩ Thánh giáo vỉ minh cảnh chiếu kiến tự tăm, dĩ tự tăm vỉ trí đăng chiếu kinh u chr ,nghĩa là lấy Phật pháp làm tấm gương sáng soi vào tự tâm,
lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là

những việc làm trân quý. Việc áy không chỉ lam sáng ban tâm cua môi hanh giả nghiên cưu ma con chuyên hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học? dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó5 môi hành giả có được cách tiêp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nên văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bác thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Dạo pháp - Dân tQC." Chính vì vậy? những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

viii KINH TẠP A-HÀM

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự." Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 -DL.2019 Trưởng lão Hòa thương THÍCH PHỔ TUỆ (Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

hay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pali, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. 1. về thuật ngữ Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kinh Việt Nanỉ\ vôn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phàm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Narrf \ nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phô biên của cộng đông Phật giáo thê giới hiện nay. Khái niệm “Bại tạng kinh” chỉ đề cập đến “Kinh tạng99 (P. Sutta Pitaka. H.)tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vinaya Pitaka, H.Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhỉdhamma Pitaka, H.? Luận tạng), Văn học Chú giải (P. Atthakathaṃ. Văn học Phụ chú giải (P. Tĩkã), Văn học Tục tạng (các tác phẩm Phật học và văn học Phật giao Việt Nam).* Tam tạng Thánh

điển Phật giáo Việt Nam bao gom các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ5 Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

x KINH TẠPA-HÀM

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhammaṃ s. Dharma. H.Pháp), Đạo đức (P=S Vinctya, H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhidhamma, s. Abhidharma, H.5 Vô tỷ pháp). Thánh điên Phật giáo được truyên thừa qua hình thức khâu truyên, được cho là bằng ngon ngữ Pali từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lim truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đen Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL)? Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm Đảo sử (Dīpavamsa) và Đại sử {Mahāvamsa) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pali bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở di, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua 9 : • -« o -J X -

các bản dịch Hán cô, được các vua chúa, đại thí chủ lưu bô qua các bản chép tay, khác trên đá, khác trên gô, và vê sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ5 được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (Tibetan Buddhist Canori) gom hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ). 3. về phương diện lịch sử Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu câu thích nghi với quôc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyêt định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm. J J ___ ?

Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn: Giai đoạn l bắt đầu từ trước 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vao năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh {Ma-ha Bắt-nhã. Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Đại Bảo Tích, Nỉết-bàn, Đại Tập); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (Đại Bát-nhã); và chư vi Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (Trung A-hàm, Tăng nhất A-hànỉ). Hòa

thượng Thh Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (TrườngA-hàm, Tạp A-hàm), v.v...

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pâli sang tiếng Việt.12Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pâli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pâli và Hòa thượng Tinh Sự dịch Luận tạng Pâli. Gần dây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pâli. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền/ gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dích hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tang Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phan làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh. Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giao Việt Nam, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam. gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học Tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa. 4. Vê bản sác quôc gia Thánh điên Phật giáo được xem là quôc bảo của nhiêu quôc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điên Phật giáo băng tiêng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pali, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời Bắc Tống. Các nước Phật

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hanh,KM Trường bộ từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập ìn, IV). Các năm ketiep, Hòa thượng cho ấn hành các tạp Kỉnh Trung bộ'. 1973 (tập I), 1974 (tập II, in). 2 Còn thiếu 6 quyển trong Kinh Tiểu bộ'. Diễn giải, Phân tích đạo, Thảnh nhân kỷ sự, Phật sử, Hạnh tạng và Mỉlỉnda van đạo.

giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quôc đêu có ân bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kinh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kỉnh ()có cấu trúc mục lục khác với các
Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()dầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đen đầu thế kỷ XX, Đại Chảnh tân tu Đại tạng kỉnh (1924-1934) do các
học giả Takakusu JunjirQ Watanabe Kaikyoku và Ono Genmyou biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển^ trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo An Độ, Trung Quốc. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo An Độ, có nguồn góc từ Trường Đại học Nālandā nôi tiêng và một sô bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thây trong các Đại tạng kinh Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam chỉ mới hoàn tát gân một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. Sutamayapaññā. Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. Cintāmayapaññā, Tư tuệ) và trên nen tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chí, thiền quán (P. Bhāvanāmayapaññā. Tu tuệ). Đe tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh Tam tạng Thảnh điển

Phật giảo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tinh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điên Phật giảo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ dàu, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bền vững.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thương THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Tri sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thốnẹ tư tưởng minh triết của đạo Phật lim xuất từ Thánh điển Phật giáo trong nhiêu thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức ét Nam. Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối liên hệ với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mau của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn ỵ và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sañghamittā của vương triêu này đã truyên bá đạo Phật

xvi KINH TẠP A-HÀM

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vattagāmanī Ābhāya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải, ở Án Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniska từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảnệ bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viêt và khâu truyền. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát

hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào nam 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pâli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vattagāmanī Ābhāya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tôn được tô chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihâra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pâli được xem là Thánh điên Phật giáo chính thông của các nước thuộc hệ thông Nam truyên như An Độ, Tích Lan, Miên Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỵ v đã có công lớn đối với Thánh tạng Pali. Nửa cuối thế kỷ XIX? Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881 Pali TextSociety (Hội Thánh điển Pali) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pali và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pali sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ v. Ngoài tạng Pali và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thống lâu dòi, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là Khai Bảo tạng. hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó Bát vạn Đại tạng kinh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kinh) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ5 khắc vao thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh (Taishô Shinshũ Daỉzõkyõ,)do Takakusu Junjiro, Watanabe Kaikyoku và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản5 được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rát lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phân: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên dá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cô đức đã hét lòng truyên trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch

sử, công trình phiên dịch và ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kinh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kỉnh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Dức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Ton đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý ngài: Hòa thượng Thích Khánh Anh, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Phước Hảo, Hòa thượng Thích Tịnh Thuận, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ? Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhimg không đầy đủ. Trong khi đó, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải,

Phụ chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải. Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phân Tục tạng của Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam bao gôm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ trí thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam của chư tiên hiên hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý? nên tảng hành chánh cho việc tô chức nhân SỊT, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là công việc cần một nguôn nhân lực trí thức và tinh thân làm việc bên bi, đông thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quôc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyên Trang... đêu bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó9 độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải

dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pâli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản góc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời dại, một số rào cản ngôn ngữ trong các đê bản đã được giải mã và phản ánh trong các bản dịch mới trong Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiêu cho việc biên tập và dịch bô sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thong, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam còn thực hiện bản số hóa làm tăng

thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối mi. Bộ Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tô sư, các bậc chân tu thật học, nhiêu thê hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các ngài an nhẫn, kiên đinh, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bô sung từng cước chú, nhuận sác từng dâu châm phây, đê đảm bảo uvăn nghĩa đầy dỉT một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam? làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam lần này thật bất khả tư nghì. Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công dức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 -DL.20Ỉ9 Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

KINH SỐ 23.....15 KINH SỐ 24.....16 KINH SỐ 25.....17 KINH SỐ 26.....18 KINH SỐ 27.....18 KINH SỐ 28.....19 KINH SỐ 29.....19 KINH SỐ 30.....20 KINH SỐ 31.....22 KINH SỐ 32.....23 KINH SỐ 33.....25 KINH SỐ 34.....26 KINH SỐ 35.....26 KINH SỐ 36.....27 KINH SỐ 37.....28 KINH SỐ 38.....29 KINH SỐ 39.....30 KINH SỐ 40.....31 KINH SỐ 41.....31 KINH SỐ 42.....33 KINH SỐ 43.....36 KINH SỐ 44.....37 KINH SỐ 45.....38 KINH SỐ 46.....39 KINH SỐ 47.....40 KINH SỐ 48.....41 KINH SỐ 49.....41 KINH SỐ 50.....41 KINH SỐ 51.....42 KINH SỐ 52.....42 KINH SỐ 53.....42 KINH SỐ 54.....44 KINH SỐ 55.....45 KINH SỐ 56.....46 KINH SỐ 57.....46 KINH SỐ 58.....49 KINH SỐ 59.....52

KINH SỐ 60.....52 KINH SỐ 61.....53 KINH SỐ

62..... 54 KINH SỐ
63..... 55 KINH SỐ
64..... 55 KINH SỐ
65..... 57 KINH SỐ
66..... 58 KINH SỐ
67..... 58 KINH SỐ
68..... 59 KINH SỐ
69..... 60 KINH SỐ
70..... 61 KINH SỐ
71..... 61 KINH SỐ
72..... 62 KINH SỐ
73..... 63 KINH SỐ
74..... 63 KINH SỐ
75..... 64 KINH SỐ
76..... 65 KINH SỐ
77..... 65 KINH SỐ
78..... 66 KINH SỐ
79..... 66 KINH SỐ
80..... 66 KINH SỐ
81..... 68 KINH SỐ
82..... 69 KINH SỐ
83..... 70 KINH SỐ
84..... 71 KINH SỐ
85..... 72 KINH SỐ
86..... 72 KINH SỐ
87..... 73 KINH SỐ
88..... 74 KINH SỐ
89..... 74 KINH SỐ
90..... 75 KINH SỐ
91..... 76 KINH SỐ
92..... 78 KINH SỐ
93..... 79 KINH SỐ
94..... 82 KINH SỐ
95..... 84 KINH SỐ
96..... 85

xxiv KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ 97..... 86 KINH SỐ
98..... 87 KINH SỐ
99..... 88 KINH SỐ
100..... 89 KINH SỐ
101..... 90 KINH SỐ
102..... 91 KINH SỐ

103..... 93 KINH SỐ
104..... 96 KINH SỐ
105..... 100 KINH SỐ
106..... 103 KINH SỐ
107..... 105 KINH SỐ
108..... 107 KINH SỐ
109..... 109 KINH SỐ
110..... Ill KINH SỐ
111..... 118 KINH SỐ
112..... 119 KINH SỐ
113..... 119 KINH SỐ
114..... 120 KINH SỐ
115..... 121 KINH SỐ
116..... 122 KINH SỐ
117..... 123 KINH SỐ
118..... 123 KINH SỐ
119..... 124 KINH SỐ
120..... 125 KINH SỐ
121..... 126 KINH SỐ
122..... 126 KINH SỐ
123..... 127 KINH SỐ
124..... 128 KINH SỐ
125..... 129 KINH SỔ
126..... 130 KINH SỐ
127..... 130 KINH SỐ
128..... 130 KINH SỐ
129..... 131 KINH SỐ
130..... 131 KINH SỐ
131..... 132 KINH SO
132..... 132 KINH SỐ
133..... 132

MỤC LỤC XXV

KINH SỐ 134..... 134 KINH SỐ
135..... 134 KINH SỐ
136..... 134 KINH SỐ
137..... 135 KINH SỐ
138..... 135 KINH SỐ
139..... 136 KINH SỐ
140..... 137 KINH SỐ
141..... 137 KINH SỐ
142..... 137 KINH SỐ
143-144.....137 KINH SỐ

145..... 137 KINH SỐ
146..... 138 KINH SỐ
147..... 138 KINH SỐ
148..... 138 KINH SỐ
149..... 138 KINH SỐ
150..... 139 KINH SỐ
151..... 139 KINH SỐ
152..... 139 KINH SỐ
153..... 140 KINH SỐ
154..... 140 KINH SỐ
155..... 140 KINH SỐ
156..... 141 KINH SỐ
157..... 141 KINH SỐ
158..... 141 KINH SỐ
159..... 142 KINH SỐ
160..... 142 KINH SỐ
161..... 142 KINH SỐ
162..... 143 KINH SỔ
163..... 143 KINH SỐ
164..... 144 KINH SỐ
165..... 144 KINH SỐ
166..... 145 KINH SỐ
167..... 145 KINH SỐ
168..... 145 KINH SỐ
169..... 146 KINH SỐ
170..... 146 KINH SỐ
171..... 147

xxvi KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 172..... 147 KINH SỐ
173..... 147 KINH SỐ
174..... 148 KINH SỐ
175..... 148 KINH SỐ
176..... 149 KINH SỐ
177..... 149 KINH SỐ
178..... 150 KINH SỐ
179..... 151 KINH SỐ
180..... 151 KINH SỐ
181..... 152 KINH SỐ
182..... 152 KINH SỐ
183..... 153 KINH SỐ
184..... 154 KINH SỐ
185..... 154 KINH SỐ

186..... 155 KINH SỐ
187..... 157 KINH SỐ
188..... 157 KINH SỐ
189..... 158 KINH SO
190..... 158 KINH SỐ
191..... 159 KINH SỐ
192..... 159 KINH SỐ
193..... 159 KINH SỐ
194..... 160 KINH SỐ
195..... 160 KINH SỔ
196..... 160 KINH SỐ
197..... 161 KINH SỐ
198..... 162 KINH SỐ
199..... 163 KINH SỐ
200..... 163 KINH SỐ
201..... 165 KINH SỐ
202..... 166 KINH SỐ
203..... 166 KINH SỐ
204..... 167 KINH SỐ
205..... 168 KINH SỐ
206..... 168 KINH SỐ
207..... 168 KINH SỐ
208..... 169

KINH SỐ 209..... 169 KINH SỐ
210..... 170 KINH SỐ
211..... 171 KINH SỐ
212..... 172 KINH SỐ
213..... 173 KINH SỐ
214..... 173 KINH SỐ
215..... 174 KINH SỐ
216..... 174 KINH SỐ
217..... 175 KINH SỐ
218..... 175 KINH SỐ
219..... 176 KINH SỐ
220..... 176 KINH SỐ
221..... 176 KINH SỐ
222..... 176 KINH SỐ
223..... 177 KINH SỐ
224..... 177 KINH SỐ
225..... 177 KINH SỐ
226..... 178 KINH SỐ

227..... 178 KINH SỐ
228..... 179 KINH SỐ
229..... 179 KINH SỐ
230..... 180 KINH SỐ
231..... 180 KINH SỐ
232..... 181 KINH SỐ
233..... 181 KINH SỐ
234..... 181 KINH SỐ
235..... 182 KINH SỐ
236..... 183 KINH SỐ
237..... 184 KINH SỐ
238..... 184 KINH SỐ
239..... 185 KINH SỐ
240..... 185 KINH SỐ
241..... 186 KINH SỐ
242..... 187 KINH SỐ
243..... 187 KINH SỐ
244..... 188 KINH SỐ
245..... 188

xxviii KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ 246..... 189 KINH SỐ
247..... 190 KINH SỐ
248..... 190 KINH SỐ
249..... 192 KINH SỐ
250..... 193 KINH SỐ
251..... 194 KINH SỐ
252..... 195 KINH SỐ
253..... 197 KINH SỐ
254..... 200 KINH SỐ 255
..... 203 KINH SỐ
256..... 205 KINH SỐ 257
..... 206 KINH SỐ 258
..... 207 KINH SỐ
259..... 208 KINH SỐ
260..... 210 KINH SỐ
261..... 210 KINH SỐ
262..... 212 KINH SỐ 263
..... 214 KINH SỐ
264..... 215 KINH SỐ 265
..... 218 KINH SỐ
266..... 219 KINH SỐ
267..... 220 KINH SO

268..... 221 KINH SỐ
269..... 222 KINH SỐ
270..... 223 KINH SỐ 271
..... 224 KINH SỐ
272..... 227 KINH SỐ 273
..... 228 KINH SỐ
274..... 230 KINH SỐ 275
..... 231 KINH SỐ
276..... 232 KINH SỐ
277..... 238 KINH SỐ 278
..... 239 KINH SỐ
279..... 239 KINH SỐ
280..... 240 KINH SỐ 281
..... 242 KINH SỐ
282..... 245

KINH SỐ 283 ..... 247 KINH SỐ
284..... 248 KINH SỐ 285
..... 249 KINH SỐ
286..... 250 KINH SỐ
287..... 251 KINH SỐ 288
..... 252 KINH SỐ
289..... 254 KINH SỐ
290..... 255 KINH SỐ 291
..... 255 KINH SỐ
292..... 257 KINH SỐ 293
..... 259 KINH SỐ
294..... 260 KINH SỐ 295
..... 261 KINH SỐ
296..... 261 KINH SỔ
297..... 262 KINH SỐ
298..... 263 KINH SỐ
299..... 264 KINH SỐ
300..... 265 KINH SỐ 301
..... 265 KINH SỐ
302..... 266 KINH SỐ 303
..... 268 KINH SỐ
304..... 269 KINH SỐ 305
..... 270 KINH SỐ
306..... 271 KINH SỐ
307..... 272 KINH SỐ 308
..... 273 KINH SỐ

309..... 274 KINH SỐ
310..... 275 KINH
SỐ311..... 275 KINH SỐ
312..... 277 KINH SỐ
313..... 279 KINH SỐ
314..... 280 KINH SỐ
315..... 280 KINH SỐ
316..... 281 KINH SỐ
317..... 281 KINH SỐ
318..... 281 KINH SỐ
319..... 282

XXX KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 320..... 282 KINH SỐ 321
..... 283 KINH SỐ
322..... 283 KINH SỐ 323
..... 284 KINH SỐ
324..... 285 KINH SỐ 325
..... 285 KINH SỐ
326..... 285 KINH SỐ
327..... 285 KINH SỐ 328
..... 285 KINH SỐ
329..... 286 KINH SỐ
330..... 286 KINH SỐ 331
..... 286 KINH SỐ
332..... 286 KINH SỐ 333
..... 287 KINH SỐ
334..... 287 KINH SỐ 335
..... 288 KINH SỐ
336..... 288 KINH SỐ
337..... 288 KINH SỐ 338
..... 289 KINH SỐ
339..... 289 KINH SỐ
340..... 289 KINH SỐ 341
..... 289 KINH SỐ
342..... 290 KINH SỔ 343
..... 290 KINH SỐ
344..... 292 KINH SỐ 345
..... 296 KINH SỐ
346..... 297 KINH SỐ
347..... 299 KINH SỐ
348..... 304 KINH SỐ
349..... 304 KINH SỐ

350..... 305 KINH SỐ 351
..... 305 KINH SỐ
352..... 307 KINH SỐ
353..... 308 KINH SỐ
354..... 308 KINH SỐ
355..... 309 KINH SỐ
356..... 309

KINH SỐ 357..... 309 KINH SỐ
358..... 310 KINH SỐ
359..... 310 KINH SỐ
360..... 311 KINH SỐ
361..... 311 KINH SỐ
362..... 311 KINH SỐ 363
..... 312 KINH SỐ
364..... 312 KINH SỐ
365..... 313 KINH SỐ
366..... 313 KINH SỐ
367..... 314 KINH SỐ
368..... 314 KINH SỐ
369..... 314 KINH SỐ
370..... 315 KINH SỐ
371..... 315 KINH SỐ
372..... 316 KINH SỐ 373
..... 317 KINH SỐ
374..... 319 KINH SỐ
375..... 319 KINH SỐ
376..... 319 KINH SỐ
377..... 320 KINH SỐ
378..... 321 KINH SỐ
379..... 321 KINH SỐ
380..... 323 KINH SỐ 381
..... 323 KINH SỐ
382..... 323 KINH SỐ 383
..... 324 KINH SỐ
384..... 324 KINH SỐ
385..... 324 KINH SỐ
386..... 325 KINH SỐ
387..... 325 KINH SỔ
388..... 326 KINH SỐ
389..... 326 KINH SỔ
390..... 327 KINH SỐ 391

..... 327 KINH SỐ
392..... 328 KINH SỐ 393
..... 328

xxxii KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ 394..... 329 KINH SỐ
395..... 330 KINH SỐ
396..... 330 KINH SỐ
397..... 331 KINH SỐ
398..... 331 KINH SỐ
399..... 332 KINH SỐ
400..... 332 KINH SỐ 401
..... 333 KINH SỐ
402..... 333 KINH SỐ 403
..... 334 KINH SỐ
404..... 334 KINH SỐ 405
..... 335 KINH SỐ
406..... 336 KINH SỔ
407..... 336 KINH SỐ
408..... 337 KINH SỐ
409..... 338 KINH SỐ
410..... 338 KINH SỐ
411..... 339 KINH SỐ
412..... 339 KINH SỐ
413..... 339 KJNH SỐ
414..... 340 KINH SỐ
415..... 341 KINH SỐ
416..... 341 KINH SỐ
417..... 341 KINH SỐ
418..... 342 KINH SỐ
419..... 343 KINH SỐ
420..... 343 KINH SỐ 421
..... 343 KINH SỐ
422..... 344 KINH SỐ 423
..... 345 KINH SỐ
424..... 345 KINH SỐ
425..... 346 KINH SỐ
426..... 346 KINH SỐ
427..... 346 KINH SỔ
428..... 347 KINH SỐ
429..... 347 KINH SỐ
430..... 347

KINH SỐ 431 ..... 347 KINH SỐ 432..... 348 KINH SỐ 433 ..... 348 KINH SỐ 434..... 348 KINH SỐ 435..... 349 KINH SỐ 436..... 350 KINH SỐ 437..... 350 KINH SỐ 438..... 350 KINH SỐ 439..... 351 KINH SỐ 440..... 351 KINH SỐ 441 ..... 352 KINH SỐ 442..... 353 KINH SỐ 443 ..... 354 KINH SỐ 444..... 354 KINH SỐ 445.....355 KINH SỐ 446.....355 KINH SỐ 447..... 355 KINH SỔ 448..... 356 KINH SỐ 449..... 357 KINH SỐ 450..... 357 KINH SỔ 451 ..... 357 KINH SỐ 452..... 358 KINH SỐ 453 ..... 358 KINH SỐ 454..... 359 KINH SỐ 455..... 359 KINH SỐ 456..... 360 KINH SỐ 457..... 361 KINH SỐ 458..... 362 KINH SỐ 459..... 363 KINH SỐ 460..... 364 KINH SỐ 461 ..... 364 KINH SỐ 462..... 365 KINH SỐ 463 .....365 KINH SỐ 464.....365 KINH SỐ 465..... 367 KINH SỐ 466..... 368 KINH SỐ 467..... 368

xxxiv KINH TẠPA-HÀM _____

KINH SỔ 468..... 369 KINH SỐ 469..... 370 KINH SỐ

470..... 370 KINH SỐ 471
..... 372 KINH SỐ
472..... 372 KINH SỐ 473
..... 373 KINH SỐ
474..... 374 KINH SỐ 475
..... 375 KINH SỐ
476..... 376 KINH SỔ
477..... 376 KINH SỐ
478..... 376 KINH SỐ
479..... 377 KINH SỐ
480..... 377 KINH SỐ 481
..... 378 KINH SỐ
482..... 379 KINH SỐ 483
..... 380 KINH SỐ
484..... 381 KINH SỐ 485
..... 382 KINH SỐ
486.....383 KINH SỐ
487..... 384 KINH SỐ
488..... 384 KINH SỐ
489..... 384 KINH SỐ
490.....385 KINH SỐ 491
..... 393 KINH SỐ
492..... 393 KINH SỐ 493
..... 394 KINH SỐ
494..... 395 KINH SỐ
495..... 395 KINH SỐ
496..... 396 KINH SỐ
497..... 397 KINH SỐ
498..... 400 KINH SỔ
499..... 402 KINH SỐ
500..... 404 KINH SỐ 501
..... 405 KINH SỐ
502..... 406 KINH SỐ 503
..... 406 KINH SỐ
504..... 408

MỤC LỤC XXXV

KINH SỐ 505 ..... 409 KINH SỐ
506..... 410 KINH SỐ
507..... 412 KINH SỐ 508
..... 413 KINH SỐ
509..... 414 KINH SỐ
510..... 415 KINH

SỐ511..... 416 KINH SỐ
512..... 417 KINH SỐ
513..... 417 KINH SỐ
514..... 417 KINH SỐ
515..... 418 KINH SỐ
516..... 418 KINH SỐ
517..... 418 KINH SỐ
518..... 419 KINH SỐ
519..... 419 KINH SỐ
520..... 420 KINH SỐ 521
..... 420 KINH SỔ
522..... 420 KINH SỔ 523
..... 421 KINH SỐ
524..... 421 KINH SỐ 525
..... 422 KINH SỐ
526..... 422 KINH SỐ
527..... 423 KINH SỐ 528
..... 423 KINH SỐ
529..... 423 KINH SỐ
530..... 424 KINH SỐ 531
..... 424 KINH SỐ
532..... 424 KINH SỐ 533
..... 425 KINH SỐ
534..... 425 KINH SỐ 535
..... 426 KINH SỐ
536..... 427 KINH SỐ
537..... 427 KINH SỐ 538
..... 428 KINH SỐ
539..... 429 KINH SỐ
540..... 429 KINH SỐ 541
..... 430

xxxvi KINH TẠP A-HÀM _____

KINH số 542..... 431 KINH SỐ 543
..... 431 KINH SỐ
544..... 432 KINH SỐ 545
..... 432 KINH SỐ
546..... 433 KINH SỐ
547..... 434 KINH SỐ 548
..... 435 KINH SỐ
549..... 438 KINH SỐ
550..... 439 KINH SỐ 551
..... 441 KINH SỐ

552..... 443 KINH SỐ 553
..... 443 KINH SỐ
554..... 444 KINH SỐ 555
..... 445 KINH SỐ
556..... 446 KINH SỐ
557..... 447 KINH SỐ 558
..... 447 KINH SỐ
559..... 448 KINH SỐ
560..... 449 KINH SỐ 561
..... 449 KINH SỐ
562..... 450 KINH SỐ 563
..... 451 KINH SỐ
564..... 452 KINH SỐ 565
..... 454 KINH SỐ
566..... 455 KINH SỐ
567..... 457 KINH SỐ 568
..... 458 KINH SỐ
569..... 460 KINH SỐ
570..... 461 KINH SỐ 571
..... 462 KINH SỐ
572..... 464 KINH SỐ 573
..... 465 KINH SỐ
574..... 467 KINH SỐ 575
..... 468 KINH SỐ
576..... 469 KINH SỐ
577..... 470 KINH SỐ 578
..... 470

KINH SỐ 579..... 471 KINH SỐ
580..... 471 KINH SỐ 581
..... 472 KINH SỔ
582..... 473 KINH SỐ 583
..... 473 KINH SỐ
584..... 474 KINH SỐ 585
..... 475 KINH SỐ
586..... 476 KINH SỐ
587..... 476 KINH SỐ 588
..... 477 KINH SỐ
589..... 477 KINH SỐ
590.....478 KINH SỐ 591
.....479 KINH SỐ
592.....480 KINH SỔ 593

.....483 KINH SỐ 594..... 484 KINH SỐ 595
..... 485 KINH SỐ 596..... 487 KINH SỐ
597..... 487 KINH SỐ 598
..... 488 KINH SO 599..... 488 KINH SỐ
600..... 489 KINH SỐ 601
..... 489 KINH SỐ 602..... 490 KINH SỐ 603
.....490 KINH SỐ 604..... 491 KINH SỐ
605..... 518 KINH SỔ 606..... 518 KINH SỐ
607..... 519 KINH SỐ 608..... 519 KINH SỐ
609..... 519 KINH SỐ 610..... 520 KINH SỐ
611..... 520 KINH SỐ 612..... 520 KINH SỔ
613..... 521 KINH SỐ 614..... 521 KINH SỐ
615..... 522

xxxviii KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ 616.....523 KINH SỐ 617
..... 524 KINH SỐ 618..... 525 KINH SỐ
619..... 525 KINH SỐ 620..... 526 KINH SỐ 621
..... 526 KINH SỔ 622..... 527 KINH SỐ
623..... 528 KINH SỐ 624..... 529 KINH SỐ
625..... 530 KINH SỐ 626..... 531 KINH SỐ
627..... 531 KINH SỔ 628..... 531 KINH SỐ
629..... 532 KINH SỐ 630..... 532 KINH SỐ 631
..... 532 KINH SỐ 632.....533 KINH SỐ
633..... 533 KINH SỐ

634..... 533 KINH SỐ
635..... 534 KINH SỐ
636..... 534 KINH SỐ
637.....535 KINH SỐ
638..... 535 KINH SỐ
639..... 537 KINH SỐ
640..... 538 KINH SỐ 641
..... 544 KINH SỔ
642..... 549 KINH SỐ
643..... 549 KINH SỐ
644..... 550 KINH SỔ
645..... 550 KINH SỐ
646..... 550 KINH SỐ
647..... 551 KINH SỔ
648..... 551 KINH SỐ
649..... 551 KINH SỐ
650..... 552 KINH SỐ 651
..... 552 KINH SỐ
652..... 553

KINH SỐ 653 ..... 553 KINH SỐ
654.....553 KINH SỐ
655..... 554 KINH SỐ
656..... 554 KINH SỐ
657..... 554 KINH SỐ
658..... 555 KINH SỐ
659..... 555 KINH SỐ
660..... 556 KINH SỔ 661
..... 556 KINH SỔ
662..... 556 KINH SỐ 663
..... 557 KINH SỐ
664..... 557 KINH SỐ
665..... 557 KINH SỐ
666..... 557 KINH SỐ
667..... 558 KINH SỐ
668..... 558 KINH SỐ
669..... 558 KINH SỐ
670..... 559 KINH SỐ 671
..... 559 KINH SỐ
672..... 560 KINH SỐ
673..... 560 KINH SỐ
674..... 560 KINH SỐ

675..... 560 KINH SỐ
676..... 561 KINH SỐ
677..... 561 KINH SỐ
678..... 561 KINH SỐ
679..... 561 KINH SỔ
680..... 562 KINH SỐ 681
..... 562 KINH SỐ
682..... 563 KINH SỐ
683..... 563 KINH SỐ
684..... 563 KINH SỐ
685..... 566 KINH SỐ
686..... 566 KINH SỐ
687..... 567 KINH SỐ
688..... 567 KINH SỐ
689..... 568

xi KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ 690..... 568 KINH SỐ 691
..... 568 KINH SỐ
692..... 569 KINH SỔ
693..... 569 KINH SỐ
694..... 570 KINH SỐ
695..... 570 KINH SỔ
696..... 570 KINH SỐ
697..... 570 KINH SỔ
698..... 570 KINH SỐ
699..... 571 KINH SỐ
700..... 571 KINH SỐ 701
..... 571 KINH SỐ
702..... 572 KINH SỐ
703..... 572 KINH SỐ
704..... 573 KINH SỐ
705..... 573 KINH SỔ
706..... 573 KINH SỐ
707..... 574 KINH SỐ
708..... 574 KINH SỔ
709..... 575 KINH SỐ
710..... 575 KINH SỐ
711..... 576 KINH SỐ
712..... 577 KINH SỐ
713..... 578 KINH SỐ
714..... 579 KINH SỐ
715..... 580 KINH SỐ

716..... 583 KINH SỐ
717..... 583 KINH SỐ
718..... 584 KINH SỐ
719.....585 KINH SỐ 720.....
585 KINH SỐ 721 ..... 586 KINH SỐ
722..... 587 KINH SỐ 723
..... 589 KINH SỐ
724..... 589 KINH SỐ
725..... 590 KINH SỐ
726..... 590

KINH SỐ 727..... 591 KINH SỐ
728..... 592 KINH SỐ
729..... 592 KINH SỐ
730..... 593 KINH SỐ 731
.....593 KINH SỐ
732.....593 KINH SỐ
733.....593 KINH SỐ
734..... 594 KINH SỐ
735..... 594 KINH SỐ
736.....595 KINH SỐ
737..... 595 KINH SỐ
738..... 596 KINH SỐ
739..... 596 KINH SỐ
740..... 596 KINH SỐ 741
..... 596 KINH SỐ
742..... 597 KINH SỐ
743..... 597 KINH SỐ
744..... 598 KINH SỐ
745..... 598 KINH SỐ
746..... 599 KINH SỐ
747..... 599 KINH SỐ
748..... 599 KINH SỐ
749..... 600 KINH SỐ
750..... 600 KINH SỐ 751
..... 601 KINH SỐ
752..... 601 KINH SỐ
753..... 602 KINH SỐ
754..... 602 KINH SỐ
755-757..... 603 KINH SỐ
758..... 603 KINH SỐ
759..... 604 KINH SỐ

760..... 605 KINH SỐ 761
.....605 KINH SỐ
762..... 606 KINH SỐ 763
..... 606 KINH SỐ
764..... 606 KINH SỔ
765..... 606

xlii KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 766..... 607 KINH SỐ
767..... 607 KINH SỐ
768..... 607 KINH SỐ
769..... 608 KINH SỐ
770..... 608 KINH SỐ 771
..... 609 KINH SỐ
772-774..... 609 KINH SỐ 775
..... 610 KINH SỐ
776..... 610 KINH SỐ
777..... 610 KINH SỐ
778..... 611 KINH SỐ
779..... 612 KINH SỐ
780..... 612 KINH SỐ
781..... 613 KINH SỔ
782.....613 KINH SỐ 783
..... 614 KINH SỐ
784..... 615 KINH SỔ 785
..... 615 KINH SỐ
786..... 618 KINH SỐ
787..... 618 KINH SỐ
788..... 619 KINH SỐ
789..... 620 KINH SỐ
790..... 621 KINH SỐ 791
..... 621 KINH SỐ
792..... 621 KINH SỐ 793
..... 622 KINH SỐ
794..... 622 KINH SO
795..... 622 KINH SỐ
796..... 622 KINH SỐ
797..... 623 KINH SỐ
798.....623 KINH SỐ
799..... 623 KINH SỐ
800..... 624 KINH SỐ 801
..... 624 KINH SỐ
802..... 624 KINH SỐ 803

..... 624 KINH SỔ
804..... 625

KINH SỐ 805..... 626 KINH SỐ
806..... 626 KINH SỐ
807..... 627 KINH SỐ
808..... 628 KINH SỐ
809..... 629 KINH SỐ
810..... 630 KINH SỐ
811-812..... 632 KINH SỐ
813..... 632 KINH SỐ
814..... 634 KINH SỐ
815..... 634 KINH SỐ
816..... 636 KINH SỐ
817..... 636 KINH SỐ
818..... 637 KINH SỐ
819..... 637 KINH SỐ
820..... 637 KINH SỐ 821
..... 638 KINH SỐ
822..... 639 KINH SỐ 823
..... 640 KINH SỔ
824..... 640 KINH SỐ
825..... 641 KINH SỐ
826..... 641 KINH SỐ
827..... 642 KINH SỔ
828.....643 KINH SỐ
829..... 643 KINH SỐ
830..... 644 KINH SỐ 831
..... 646 KINH SỐ
832..... 646 KINH SỐ
833..... 646 KINH SỐ
834..... 647 KINH SỐ
835..... 648 KINH SỐ
836..... 648 KINH SỐ
837..... 648 KINH SỐ
838..... 650 KINH SỐ
839..... 650 KINH SỐ
840..... 650 KINH SỐ 841
..... 650 KINH SỐ
842..... 651

KINH số 843..... 651 KINH SỐ
844..... 652 KINH SỐ
845.....653 KINH SỐ
846..... 654 KINH SỐ
847..... 654 KINH SỐ
848..... 654 KINH SỐ
849..... 656 KINH SỐ
850..... 656 KINH SỐ 851
..... 657 KINH SỔ
852..... 657 KINH SỐ 853
..... 657 KINH SỐ
854..... 658 KINH SỐ
855..... 659 KINH SỐ
856..... 659 KINH SỐ
857..... 660 KINH SỐ
858..... 661 KINH SỐ
859..... 661 KINH SỐ
860..... 661 KINH SỐ 861
.....663 KINH SỐ
862.....663 KINH SỐ 863
..... 664 KINH SỔ
864..... 664 KINH SỐ
865..... 664 KINH SỐ
866..... 665 KINH SỐ
867..... 665 KINH SỐ
868..... 665 KINH SỐ
869..... 666 KINH SO
870..... 666 KINH SỔ 871
..... 666 KINH SỐ
872..... 667 KINH SỐ 873
..... 667 KINH SỐ
874..... 668 KINH SỐ
875..... 668 KINH SỐ
876..... 669 KINH SỐ
877..... 669 KINH SỐ
878..... 669 KINH SỐ
879..... 670

KINH SỐ 880..... 671 KINH SỐ 881
..... 671 KINH SỐ
882..... 671 KINH SỐ 883
.....673 KINH SỐ

884.....675 KINH SỐ
885..... 675 KINH SỐ
886..... 676 KINH SỐ
887..... 677 KINH SỐ
888..... 678 KINH SỔ
889..... 678 KINH SỐ
890..... 678 KINH SỐ 891
..... 679 KINH SỐ
892..... 679 KINH SỐ 893
..... 680 KINH SỐ
894..... 680 KINH SỐ
895..... 681 KINH SỐ
896..... 681 KINH SỐ
897..... 681 KINH SỐ
898..... 682 KINH SỐ
899..... 682 KINH SỐ
900..... 682 KINH SỐ 901
..... 683 KINH SO
902..... 683 KINH SỐ 903
..... 683 KINH SỐ
904..... 683 KINH SỐ
905..... 684 KINH SỐ
906.....685 KINH SỔ
907..... 686 KINH SỐ
908..... 688 KINH SỔ
909..... 689 KINH SỐ
910..... 690 KINH SỐ
911..... 691 KINH SỐ
912..... 693 KINH SỐ
913.....695 KINH SỐ
914..... 697 KINH SỐ
915..... 699 KINH SỐ
916..... 702

xlvi KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 917..... 704 KINH SỐ
918..... 705 KINH SỐ
919..... 706 KINH SỐ
920..... 707 KINH SỐ 921
..... 708 KINH SỐ
922..... 708 KINH SỐ 923
..... 709 KINH SỐ
924..... 711 KINH SỔ

925..... 712 KINH SỐ
926..... 713 KINH SỐ
927..... 715 KINH SỐ
928..... 716 KINH SỐ
929..... 717 KINH SỐ
930..... 719 KINH SỐ
931..... 719 KINH SỔ
932..... 721 KINH SỐ 933
..... 722 KINH SỐ
934..... 723 KINH SỐ
935..... 724 KINH SỐ
936..... 725 KINH SỐ
937..... 727 KINH SỐ
938..... 728 KINH SỐ
939..... 729 KINH SỐ
940..... 730 KINH SỐ 941
..... 731 KINH SỐ
942..... 731 KINH SỐ 943
..... 731 KINH SỔ
944..... 731 KINH SỐ
945..... 732 KINH SỐ
946..... 732 KINH SỐ
947..... 733 KINH SỐ
948..... 733 KINH SỐ
949..... 734 KINH SỐ
950..... 735 KINH SỐ 951
..... 735 KINH SỐ
952..... 736 KINH SỔ 953
..... 736

KINH SỐ 954..... 736 KINH SỐ
955..... 737 KINH SỐ
956..... 737 KINH SỐ
957..... 738 KINH SỐ
958..... 740 KINH SỐ
959..... 741 KINH SỐ
960..... 742 KINH SỐ 961
.....743 KINH SỐ
962..... 744 KINH SỐ 963
..... 746 KINH SỐ
964..... 747 KINH SỐ
965..... 751 KINH SỐ

966..... 752 KINH SỐ
967..... 753 KINH SỐ
968..... 754 KINH SỐ
969..... 757 KINH SỐ
970..... 759 KINH SỐ 971
..... 761 KINH SỐ
972..... 762 KINH SỐ 973
..... 763 KINH SỐ
974..... 764 KINH SỐ 975
.....765 KINH SỐ
976..... 767 KINH SỐ
977..... 767 KINH SỐ
978..... 769 KINH SỐ
979..... 770 KINH SỐ
980..... 772 KINH SỐ 981
..... 774 KINH SỐ
982.....775 KINH SỐ 983
..... 776 KINH SỐ
984..... 777 KINH SỐ 985
..... 777 KINH SỐ
986..... 779 KINH SỐ
987..... 779 KINH SỐ
988..... 780 KINH SỐ
989..... 781 KINH SỐ
990..... 781

xlviii KINH TẠPA-HÀM _____

KINH SỐ 991 ..... 783 KINH SỐ
992..... 784 KINH SỐ 993
..... 785 KINH SỐ
994..... 786 KINH SỐ
995..... 789 KINH SỔ
996..... 790 KINH SỐ
997..... 790 KINH SỐ
998..... 791 KINH SỐ
999..... 791 KINH SỐ
1000.....793 KINH SỐ 1001
..... 794 KINH SỐ
1002..... 795 KINH SỐ 1003
..... 795 KINH SỐ
1004.....795 KINH SỐ
1005..... 796 KINH SỐ
1006..... 796 KINH SỐ

1007..... 797 KINH SỔ
1008..... 797 KINH SỔ
1009..... 798 KINH SỐ
1010..... 799 KINH SỐ
1011..... 799 KINH SỐ
1012..... 800 KINH SỐ
1013..... 800 KINH SỐ
1014..... 801 KINH SỐ
1015..... 801 KINH SỐ
1016..... 802 KINH SỐ
1017..... 802 KINH SỐ
1018..... 803 KINH SỐ
1019..... 803 KINH SỐ
1020..... 804 KINH SỐ 1021
..... 804 KINH SỐ
1022.....805 KINH SỐ
1023..... 805 KINH SỐ
1024..... 807 KINH SỐ
1025..... 808 KINH SỐ
1026..... 810 KINH SỐ
1027..... 811

KINH SỐ 1028..... 811 KINH SỐ
1029..... 813 KINH SỐ
1030..... 813 KINH SỐ
1031..... 814 KINH SỐ
1032..... 815 KINH SỐ
1033..... 816 KINH SỐ
1034..... 817 KINH SỐ
1035.....818 KINH SỐ
1036.....818 KINH SỐ
1037..... 819 KINH SỐ
1038..... 819 KINH SỐ
1039..... 820 KINH SỐ
1040..... 822 KINH SỐ 1041
..... 823 KINH SỐ
1042..... 825 KINH SỐ
1043..... 827 KINH SỐ
1044..... 827 KINH SỐ
1045.....828 KINH SỐ
1046..... 828 KINH SỐ
1047..... 829 KINH SỐ

1048..... 829 KINH SỐ
1049..... 830 KINH SỐ
1050..... 831 KINH SỐ 1051
..... 831 KINH SỐ
1052..... 832 KINH SỔ
1053..... 832 KINH SỔ
1054..... 832 KINH SỐ
1055..... 833 KINH SỐ
1056..... 833 KINH SỐ
1057..... 833 KINH SỐ
1058..... 834 KINH SỐ
1059..... 834 KINH SỐ
1060..... 835 KINH SỐ 1061
..... 835 KINH SỐ
1062..... 835 KINH SỐ
1063..... 836 KINH SỔ
1064.....837

l KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 1065..... 838 KINH SỐ
1066..... 838 KINH SỐ
1067..... 839 KINH SỐ
1068..... 839 KINH SỐ
1069..... 840 KINH SỐ
1070..... 841 KINH SỐ 1071
..... 841 KINH SỐ
1072..... 842 KINH SỐ
1073..... 843 KINH SỐ
1074..... 844 KINH SỐ
1075..... 846 KINH SỐ
1076..... 849 KINH SỐ
1077..... 850 KINH SỐ
1078..... 852 KINH SỐ
1079..... 854 KINH SỐ
1080..... 855 KINH SỐ 1081
..... 856 KINH SỐ
1082..... 857 KINH SỐ
1083..... 859 KINH SỐ
1084..... 860 KINH SỐ
1085..... 861 KINH SỐ
1086..... 861 KINH SỐ
1087..... 862 KINH SỐ
1088..... 862 KINH SỐ

1089..... 863 KINH SỐ
1090..... 864 KINH SỐ 1091
..... 864 KINH SỐ
1092..... 866 KINH SỐ
1093..... 869 KINH SỐ
1094..... 869 KINH SỐ
1095..... 870 KINH SỐ
1096..... 871 KINH SỐ
1097..... 871 KINH SỐ
1098..... 872 KINH SỐ
1099..... 873 KINH SỐ
1100..... 874 KINH SỔ
HOI..... 875

KINH SỐ 1102..... 876 KINH SỐ
1103..... 876 KINH SỐ
1104..... 877 KINH SỐ
1105..... 877 KINH SỐ
1106.....878 KINH SỐ
1107..... 880 KINH SỐ
1108..... 881 KINH SỐ
1109..... 882 KINH SỐ
1110..... 883 KINH SỐ
lin..... 884 KINH SỔ
1112..... 886 KINH SỐ
1113..... 886 KINH SỐ
1114..... 887 KINH SỐ
1115..... 889 KINH SỐ
1116..... 891 KINH SỐ
1117..... 892 KINH SỐ
1118..... 893 KINH SỐ
1119..... 894 KINH SỐ
1120..... 895 KINH SỐ
1121..... 897 KINH SỐ
1122.....898 KINH SỐ 1123
.....900 KINH SỐ
1124.....901 KINH SỐ
1125..... 901 KINH SỐ
1126..... 901 KINH SỔ
1127..... 901 KINH SỐ
1128..... 902 KINH SỐ
1129..... 902 KINH SỐ

1130.....902 KINH SỐ
1131..... 903 KINH SỐ
1132..... 903 KINH SỐ 1133
..... 903 KINH SỐ
1134..... 904 KINH SỐ 1135
..... 904 KINH SỐ
1136.....905 KINH SỐ
1137..... 906 KINH SỐ
1138..... 907

lii KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 1139.....909 KINH SỐ
1140.....910 KINH SỐ
1141..... 911 KINH SỔ
1142.....912 KINH SỐ
1143.....913 KINH SỔ
1144.....915 KINH SỐ
1145.....918 KINH SỐ
1146.....920 KINH SỐ
1147.....922 KINH SỐ
1148.....923 KINH SỐ
1149.....924 KINH SỔ
1150.....926 KINH SỐ
1151.....927 KINH SỐ
1152.....927 KINH SỐ 1153
.....928 KINH SỐ
1154.....929 KINH SỐ
1155.....929 KINH SỐ
1156.....930 KINH SỐ
1157.....930 KINH SỐ
1158.....932 KINH SỐ
1159.....933 KINH SỔ
1160.....934 KINH SỐ
1161..... 935 KINH SỐ
1162.....935 KINH SỐ 1163
.....936 KINH SỐ
1164.....937 KINH SỐ 1165
.....938 KINH SỐ
1166.....940 KINH SỐ
1167..... 940 KINH SỐ
1168..... 941 KINH SỐ
1169.....942 KINH SỐ
1170.....944 KINH SỐ

1171.....944 KINH SỐ
1172..... 945 KINH SỐ 1173
.....946 KINH SỐ
1174.....948 KINH SỐ
1175..... 951

KINH SỐ 1176.....953 KINH SỐ
1177.....956 KINH SỐ
1178.....957 KINH SỐ
1179.....960 KINH SỐ
1180.....962 KINH SỐ
1181.....962 KINH SỐ
1182.....963 KINH SỐ 1183
.....964 KINH SỐ
1184.....965 KINH SỐ
1185.....967 KINH SỐ
1186.....968 KINH SỐ
1187.....968 KINH SỐ
1188.....968 KINH SỐ
1189.....969 KINH SỐ
1190.....970 KINH SỐ
1191.....971 KINH SỐ
1192.....972 KINH SỐ 1193
.....972 KINH SỐ
1194.....974 KINH SỐ 1195
.....975 KINH SỐ
1196.....976 KINH SỐ
1197.....978 KINH SỐ
1198.....979 KINH SỐ
1199.....980 KINH SỐ
1200..... 981 KINH SỐ 1201
..... 981 KINH SỐ
1202..... 982 KINH SỐ
1203..... 983 KINH SỐ
1204.....984 KINH SỐ
1205.....984 KINH SỐ
1206..... 985 KINH SỐ
1207.....986 KINH SỐ
1208..... 987 KINH SỐ
1209.....988 KINH SỐ
1210..... 988 KINH SỐ
1211.....989 KINH SỐ

1212.....989

KINH SỐ 1213..... 992 KINH SỐ
1214..... 992 KINH SỐ
1215..... 993 KINH SỐ
1216..... 994 KINH SỐ
1217..... 994 KINH SỐ
1218..... 995 KINH SỐ
1219..... 996 KINH SỐ
1220..... 997 KINH SỐ 1221
..... 997 KINH SỐ
1222..... 999 KINH SỐ 1223
..... 999 KINH SỐ
1224.....1000 KINH SỐ
1225..... 1002 KINH SỐ
1226..... 1002 KINH SỐ
1227..... 1003 KINH SỐ
1228..... 1004 KINH SỐ
1229..... 1005 KINH SỐ
1230..... 1006 KINH SỐ
1231.....1007 KINH SỐ
1232..... 1008 KINH SỐ
1233..... 1009 KINH SỐ
1234..... 1011 KINH SỐ
1235..... 1011 KINH SỐ
1236..... 1012 KINH SỐ
1237..... 1012 KINH SỐ
1238..... 1013 KINH SỐ
1239.....1014 KINH SỔ
1240..... 1015 KINH SỐ
1241..... 1016 KINH SỔ
1242..... 1018 KINH SỐ
1243..... 1018 KINH SỐ
1244.....1019 KINH SỐ
1245.....1020 KINH SỐ
1246..... 1020 KINH SỔ
1247..... 1021 KINH SỐ
1248..... 1022 KINH SỔ
1249..... 1023

KINH SỐ 1250..... 1025 KINH SỐ
1251..... 1026 KINH SỐ
1252..... 1027 KINH SỐ
1253..... 1028 KINH SỐ
1254..... 1028 KINH SỐ
1255.....1029 KINH SỐ
1256..... 1029 KINH SỐ
1257..... 1029 KINH SỐ
1258..... 1030 KINH SỐ
1259..... 1031 KINH SỐ
1260..... 1032 KINH SỐ
1261..... 1032 KINH SỐ
1262..... 1033 KINH SỐ
1263..... 1033 KINH SỐ
1264..... 1037 KINH SỐ
1265..... 1037 KINH SỐ
1266..... 1041 KINH SỐ
1267..... 1043 KINH SỐ
1268.....1044 KINH SỐ
1269..... 1045 KINH SỐ
1270..... 1045 KINH SỐ
1271..... 1046 KINH SỐ
1272..... 1047 KINH SỐ
1273..... 1048 KINH SỐ
1274..... 1049 KINH SỐ
1275..... 1050 KINH SỐ
1276..... 1051 KINH SỐ
1277..... 1051 KINH SỐ
1278..... 1052 KINH SỐ
1279..... 1054 KINH SỐ
1280..... 1055 KINH SỐ
1281..... 1056 KINH SỐ
1282..... 1056 KINH SỐ
1283..... 1057 KINH SỐ
1284..... 1057 KINH SỐ
1285..... 1059 KINH SỐ
1286..... 1060

Ivi KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ 1287..... 1060 KINH SỐ
1288..... 1061 KINH SỐ
1289..... 1062 KINH SỔ
1290..... 1063 KINH SỐ

1291..... 1063 KINH SỐ
1292..... 1064 KINH SỐ
1293.....1064 KINH SỐ
1294..... 1065 KINH SỐ
1295..... 1065 KINH SỐ
1296.....1066 KINH SỐ
1297..... 1067 KINH SỐ
1298..... 1067 KINH SỐ
1299..... 1067 KINH SỔ
1300..... 1068 KINH SỐ
1301..... 1069 KINH SỐ
1302..... 1069 KINH SỐ
1303.....1070 KINH SỐ
1304.....1070 KINH SỐ
1305..... 1071 KINH SỐ
1306..... 1071 KINH SỐ
1307..... 1072 KINH SỔ
1308..... 1073 KINH SỐ
1309..... 1075 KINH SỐ
1310..... 1076 KINH SỐ
1311..... 1076 KINH SỐ
1312..... 1077 KINH SỐ
1313..... 1077 KINH SỐ
1314..... 1078 KINH SỐ
1315..... 1078 KINH SỐ
1316..... 1079 KINH SỐ
1317..... 1079 KINH SỐ
1318.....1080 KINH SỐ
1319.....1080 KINH SỐ
1320..... 1081 KINH SỐ
1321..... 1082 KINH SỐ
1322..... 1082 KINH SỐ
1323..... 1083

KINH SỐ 1324.....1084 KINH SỐ
1325..... 1085 KINH SỐ
1326..... 1086 KINH SỐ
1327..... 1088 KINH SỐ
1328..... 1089 KINH SỐ
1329..... 1090 KINH SỐ
1330..... 1094 KINH SỐ 1331
..... 1095 KINH SỐ

1332..... 1095 KINH SỐ
1333..... 1096 KINH SỐ
1334..... 1097 KINH SỐ
1335..... 1097 KINH SỐ
1336..... 1097 KINH SỐ
1337..... 1098 KINH SỐ
1338..... 1098 KINH SỐ
1339.....1100 KINH SỐ
1340..... 1100 KINH SỐ
1341..... 1100 KINH SỐ 1342
..... HOI KINH SỐ 1343
..... HOI KINH SỐ
1344.....1102 KINH SỐ
1345..... 1103 KINH SỐ
1346..... 1103 KINH SỐ
1347..... 1104 KINH SỐ
1348..... 1105 KINH SỐ
1349..... 1105 KINH SỐ
1350..... 1105 KINH SỐ
1351..... 1105 KINH SỐ
1352..... 1106 KINH SỐ
1353.....1106 KINH SỐ
1354..... 1107 KINH SỐ
1355..... 1107 KINH SỐ
1356..... 1107 KINH SỐ
1357..... 1108 KINH SỐ
1358..... 1108 KINH SỐ
1359..... 1109 KINH SỐ
1360..... 1109

lx KINH TẠPA-HÀM

Kkvt. Kañkhāvitaranī (Giải nghí) Kv. Kathāvatthu (Luận sự / Những điểm dỉ biệt) M. Majjhimā Nikãya (Kinh Trung bộ) MA. Majjhimā Nikãya Atthakathā (Chủ giải Kinh Trung bô) Mhbv. Mahābodhivamsa (Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan) Mhvs. Mahāvamsa (Đại sử) Miln. Milindapañha (Mi-tiên vân đáp / Mỉlinda vân đạo) MNid. Mahãniddesa (Đại nghĩa thích / Đại diễn giải) MNidA. Mahāniddesa Atthakathā (Chú giải Đại nghĩa thích / Chủ giải Đại diễn giải) MT. Majjhimā Nikãya Tĩkã (Phụ chú giải Kỉnh Trung bộ) Mv. Mahāvagga (Đại phẩm) Nỉd. Niddesa (Nghũỉ thích /Diễn giải) NidA. Nỉddesa Atthakathā (Chú giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải) Netti. Nettipakaraụa (Chỉ đạo luận / cẩm nang học Phật) Pat. Patthāna (Duyên hệ) Pe. Petakopadesa (Chú thích Kỉnh tạng / Tìm hiểu Tam tạng) Ps. Patisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo /Phân tích đạo) PsA. Patisambhidāmagga Atthakathā (Chủ giải Vô ngại giải đạo / Chú giải Phân tích đạo) "g. Puggalapañňatti (Nhân thi thiết) r PugA. Puggalapañňatti Atthakathā (Chú

giải Nhân thi thiêt) Pv. Petavatthu (Ngợ quỷ sự / Chuyện nga quỷ) PvA, Petavatthu Atthakathā (Chủ giải Ngợ quỷ sự/ Chủ giải Chuyện nga quy) S. Samyutta Nikãya (Kinh Tương ưng bộ) SA. Samyutta Nỉkãya Atthakathā (Chú giải Kinh Tương ưng bộ) Sn. Suttanỉpãta (Kỉnh tập) SnA. Suttanỉpâta Atthakathā (Chủ giải Kỉnh tập) Sum. Sumañgalavilāsinī (Chú giải Kỉnh Trường bô) Thag. Theragãthã (Trưởng lão Tăng kệ) ThagA. Theragãthã Atthakathā (Chủ giải Trưởng lão Tăng kệ) Thĩg. Therīgāthā trưởng lão Ni kệ)

ThĩgA. Therīgāthā Atthakathā (Chú giải Trưởng lão Ni kệ)
Thũvs. Thūpavamsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)
Ud. Udãna (Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)
UdA. Udāna Atthakathā
(Chú giải Kỉnh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ)
Uj Upāsakajanālañkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)
Vbh. Vibhañga (Phân tích)
VbhA. Vibhañga Atthakathā (Chủ giải Phân tích)
Vin. Vỉnaya Pitaka {Luật tạng)
VinA. Vỉnaya Atthakathā (Chú giải Luật tạng)
Vism. Visuddhỉmagga (Thanh tịnh đạo)
Vv. Vimãnavatthu (Thiên cung sự / Chuyện thiên cung)
VvA. Vimānavatthu Atthakathā
(Chủ giải Thiên cung sự/ Chủ giải Chuyện thiên cung)
Yam. Yamaka (Song đổi)
TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT
Divy. Divyāvadāna (Thiên cung sự)
Mhvu. Mahāvastu (Đại sự) r
MPS. Mahāparinirvānasūtra (Kinh Đại Bát-niêt-bàn)
TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmese-script Buddhasãsana Samỉtỉ edition of the Majjhimā Nikāya (Kinh Trung phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BI. Buddhist India (Phật giáo Ân Độ) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tâm ly Đạo đức Phật giáo) Cpd. Compendium ofphilosophy (Cương yêu Triết học / Tóm tát và giải thích bộ A bhidhammatthasañgaha) DB. Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bọ) Expos. Expositor (Chủ giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kinh Tăng chỉ bộ)

KS. Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bộ)
MB. A Manual ofBuddhism (Câm nang Phật giáo)
MLS. Middle Length Sayings (Kinh Trung bộ)
QKM. Questions ofKing Milinda (Milinda vân đạo)

9

PC. Points of Controversy (Những diêm dỉ biệt) Pss. Breth, Psalms of the Brethren (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sis. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ) SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thánh điển Phật giáo) SBE The Sacred Books of the East (Thánh điển phương Đông)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT TTTĐPGVN, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam TTP V. Tam tạng Pali- Việt

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT./Đại./T. Đại Chánh tân tu Đại tạng ()

N. Nam truyền Đại tạng Ấ7•()

Biệt Tạp. Biệt dịch Tạp A-hàm kỉnh ()

Tăng./EÂ. Tăng nhất A-hàm kinh (,Ekottarikāgamd)

Tạp./ SĀ, Tạp A-hàm kinh (,Samyuktāgama)

Trung./MA. Trung A-hàm kinh (,Mādhyamāgamd)

Trường./DÃ. Trường A-hàm kinh (,Dīrghāgama)

TỪ ĐIỂN BHSD. Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giáo Sanskrit hôn hợp) CPD. Critical Pali Dictionary (Từ điển Biện giải Pali) DPPN. Dictionary ofPali Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pall) EB. Encyclopaedia ofBuddhism (Bách khoa Từ điển Phật giáo) EPD. English-Pāli Dictionary (Từ điển Anh - Pali) ERE. Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức) PED. Pali-English Dictionary (Từ điển Pali - Anh) PQĐTĐ. Phật Quang đại từ điển

BẢNG VIẾT TẮT Ixiii

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ CST. Chattha Sañgāyana Tipitaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6) PTS. Pali Text Society (Hội Thánh điển Pâli) CBETA. Chinese Buddhist Electronic Text Association (,Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa) SAT. The SAT Daizokyo Text Database (Cơ sở dữ liệu văn bản Đại tạng kinh) VRI. Vipassanā Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán) JPTS. Journal ofPali Text Society (Tạp chí Hội Thảnh điển Pali) JRAS. Journal ofthe Royal Asiatic Society (Tạp chỉ Hội Hoàng gia A châu)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt

S. Tiếng Sanskrit P Tiếng Pali H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch DL. Dương lịch PL. Phật lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn NXB. Nhà xuất bản nt. như trên

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư FT-ī* A ~ se. Sư cô TS. Tiên sĩ ThS. Thạc sĩ ND. Người dịch BBT. Ban Biên tập

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini) Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiếu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) edn. (edition) ấn bản etc. (ét cetera) vân vân...(VV...) f./ if. (following pages) trang kế tiếp / các trang kế tiếp fig- hình minh họa

ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn / như trên n. (note) chú thích op. cit (opere citato) sách đã dẫn p./pp (page/pages) trang / các trang (by) dịch bởi trans, (translation) bản dịch v. (verse) bài kệ, khổ ke, kệ ngôn Ven. (Venerable) Thượng tọa vol./ vols. (volume/ volumes) tập, quyển / các tập, các quyển

DẪN LUẬN KINH TẠPA-HÀM

I. TỔNG QUAN KINH TẠPA-HÀM 1. Tựa đề kỉnh và số lượng kỉnh Kinh Tạp A-hàm S. Samyukta Āgamā, Samyuktāgama,123 còn gọi là Tương ưngA-hàm ,Tương imgA-cấp-ma hay Tương ưng Tu-đa-la theo Đại sư Nghĩa Tịnh ,6?5713 và Đại sư Ấn Thuận ,1906-2005/ hoặc Tuyển tập các lời dạy về các nhóm chủ đe khác nhau Chủng chủng sự tương ưng giáo sở tập hay Các kinh phân theo nhiều nhóm chủ đề Tạp A-cấp-ma; Tạp loại A-cẩp-mă theo Đại sư Huyền Trang 602-664 trong Du-già sư đỉa luận thích S. Yogācārabhūmi-sāstrakārikā. P Dựa vào cách thức tổ chức văn bản, bố cục và nội dung giáo pháp, có thể thấy rằng, bộ Kỉnh Tạp A-hàm của Phật giáo Bộ phái được biên tập khá sớm so với các bộ kinh khác, khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch. Trong tựa đề Sanskrit, "Samyukta Āgamā" được tạo thành bởi chữ "samyukta" có nghĩa là unối kế hay "c6 liên hệ" connected và chữ "āgamc^ thường được phiên âm là "Acấp-ma",có nghĩa là "tuyển tập Thánh giáo"hay "tuyển tập các kinh".Trong Hán ngữ, chữ "tạp" có nhiều nghĩa như hỗn tạp, hỗn hợp, trộn lộn, pha trộn, lộn xộn, không thuần, tạp nhạp, nhiều loại, lặt vặt, linh tinh, lẫn lộn. Trong ngữ cảnh của Kinh Tạp A-hàm. chữ “tạp” c6 nghĩa là "tương ưng” S. samyukta. p. samyutta., chỉ cho các nhóm kinh group of discourses} có nội dung liên hệ connected discourses hoặc các nhóm kinh ngắn về nhiều chủ đề khác nhau , chủng chủng tương ưng. Do vậy, Kinh Tạp A-hàm có thể dịch trong tiếng Việt là Tuyên tập các chủ đê khác nhau hay Kinh có chủ đê liên hệ.

1 Tạp A-hàm của ấn bản CBETA'. https://tripitaka.cbeta.org/ T02n0099 truy cập ngày 01-12-2021. 3 Du-gia sư địa luận thích S. Yogācārabhūmi-śāstrakārikā,có nghĩa là ^Giải thích luận về cảnh giới của bậc thầy Du-gia'\ l quyển, có mã số b^ì văn ữong Đại Chảnh tân ỉuĐại tạng kinh là T30nl580, l quyển do Tối Thắng Ti£Jinaputrā,sAng Huyền Trang dịch ngày 08-3-650. Bản Việt do Hòa thượmg Thích Tâm Châu dích. CBETA'. http://tripit^ca.cbeta.org/ I30nl580.

Đứng từ góc độ văn học Phật giáo, "A-hàm" S. Āgamā, PíT# trong Hán ngữ là tuyển tập hàng ngàn kinh của Phật giáo Bộ phái tương ứng với "Pali Nikāya55 tức tuyển tập hơn 17.000 kinh Pâli của Thượng Tọa bộ. Các học giả cho rằng Kinh Tạp A-hàm là tuyển tập kinh A-hàm được biên tập sớm nhất trong bốn tuyển tập kinh A-hàm S. catvāri-āgama, tứ bộ A-hàm kinh,,tứ A-cấp-ma thuộc Kinh tạng Phật giáo Bộ phái, do đó5 chứa đựng những lời dạy được xem là sớm nhất trong các bản văn Phật giáo. về số lượng kinh trong Kỉnh Tạp A-hàm. do cách tính khác nhau về

các kinh trùng lắp tạo nên số lượng kinh khác nhau. Theo cách tính thông dụng trước giờ, Kinh Tạp A-hàm gồm 50 quyển và 1.362 kinh theo các nhóm chủ đề khác nhau, phần lớn là các kinh rất ngắn. Trong tác phẩm của mình Tạp A-hàm kinh luận hội biên ,4 gọi tắt là Hội biên ,Đại sư Ấn Thuận liệt ra 13.412 kinh thuộc Kinh Tạp A-hàm. đang khi tác phẩm Quốc dịch nhất thiết kỉnh 5 của Nhật Bản nêu ra 13.443 kinh, được xem là cách tính số kinh nhiều nhất so với các ấn bản Kinh Tạp A-hàm. Bản Hán ngữ của Kinh Tạp A-hàm trong Tạp A-hàm kinh luận hội biên là bản dịch từ Sanskrit của cầu-na-bạt- đà-la S. Gunabhadra,394-468 vào năm 443. Quyển luận về tác phẩm này chính là Du-già sư địa luận chủ yếu là chương "Nhiếp sự phần55 do ngài Huyền Trang dịch từ Sanskrit sang Hán ngữ vào năm 648. Dựa vào nội dung của các bài kinh, Đại sư Ấn Thuận và nhóm biên tập bộ Quốc dịch nhất thiết kinh đã so sánh Kỉnh Tạp A-hàm với Kinh Tương ưng của văn học Pali, liệt dẫn ra tổng số bài kinh, điều chỉnh mục lục, thứ tự của các bài kinh để đạt tính logic và hợp lý hơn. 2. Các bản dịch Kinh Tạp A-hàm và mã số bản văn trong Đại Chánh CÓ bôn bản dịch Hán ngữ của Kinh Tạp A-hàm. trong đó, ba bản dịch cô đại diện cho ba tông phái Phật giáo gồm Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ S. Sarvāstivāda, ,Ẩm Quang bộ S. Kāśyapīya,,bản còn lại không rõ tông phái và bản dịch Bạch thoại mang tính so sánh, giải thích.

Tác phầm Tạp A-ham kinh luận hôi của Đại sư Ấn Thuận được NXB. Chánh Văn JE xuất bản lần đầu vào năm tái bản năm 1994. Độc giả có thể xem toàn văn của 5 Quốc dịch nhất thiết là tùng thư về Kinh, Luật, Luận, gồm quyển được tuyển chọn và phiên dịch ra Nhật ngữ, do NXB. Đại Đông in. Nội dung tuyển tập này gồm phần: i Tuyển tập bản văn được trước tác ở An Độ, đã được dịch ra Hán ngữ và Nhật ngữ, xuất bản lần đầu vào năm và tái bản năm g6m các bộ A-hàm, bộ Bản duyên, bộ Bát-nhã, bộ Pháp Hoa, bộ Hoa Nghiêm, bộ Luận triêt; ii Tuyên tập 100 bản văn do Trung Quốc và Nhật Bản trước tác, chủ yếu là van học chú giải về Tam tạng, sử truyện, xuất bản vào năm 1958.

DÂN LUẬN Ixvii

i Kinh TạpA-hàm của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ: Ấn bản Sanskrit của Kinh Tạp A-hàm được ngài Pháp Hiển 337-422 từ Tích Lan mang về Trung Quốc vào thế kỷ v Đây là bản Hán ngữ hoàn chỉnh nhất của Kinh Tạp A-hàm do Tôn giả cầu-na-bạt-đà-la dịch vào năm 435-443 đời Lưu Tống, tại chùa Ngõa Quan ,6 gồm có 1.362 kinh. Trong Đợi Chánh tân tu Đại tạng kinh Kinh TạpA-hàm ú^xọcA-hàm bộ là bản văn thứ 100 trong tập 1. Mã số Kinh TạpA-hàm trong ấn bản CBETA tức ấn bản điện tử của Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa Chinese Buddhist Electronic Text Association^ là T02n00995 trong khi mã số tựa đề Đại Chánh của SAT6789 là T0001 99.10 Trong ấn bản online của CBETA, mã số truy cập của quyển thứ nhất11 là T02n0099_001 và mã số truy cập của quyển 5012 là T02n0099_050. ii Biệt dịch Tạp A~hàm kinh nghĩa la Bản dịch khác của Kinh Tạp A-hàm có lẽ thuộc Ẩm Quang bộ,13 gồm 16 quyển14 với 364 kinh được dịch vào khoảng năm 352-431 trong triều đại Tam Tan ,không rõ dịch giả, có mã số bản văn trong Đại

Chảnh tân tu Đại tạng kinh là T02n0100.15

6 Thamchiếu thông tin chi tiếttrong bài nghiên cứu sau đây: Enomoto, Fumio 1986, "On the Formation of the Original Texts of the Chinese Amas", Buddhist Studies Review 3 1, 19-30. Đọc thêm các thông tin thú vị trong bài viêt sau đây: Tripāthī^ Chandra Ed. 1962. ^Fūrifundzwanzig Sutras Des Nidanasamyuktc^ in Sanskrittexte aus dèn Turfanfunden Vol. VIII, edited by Ernst Waldschmidt Berlin: Akademie-Verlag, 1962. 7 Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh Taisho Shinshu Daizokyo,do Takakusu Junjiro ,Cao Nam Thuận Thứ Lang và Watanabe Kaikyoku ,Độ Biên Hải Húc chủ biên, gồm tập chữ Hán, lần đầu được NXB. Đại Đông xuất bản tại Tqkyo^vao năm 1924-34, nhanh chóng sau đó trở thành nguồn tài liệu góc của các nghiến cứu và trích dẫn về văn học Phật giáo Trung Quốc quan trọng nhất trên thế giới. 8 CBETA được thành lập vào ngày 15-02-1998, do Thượng tọa Huệ Mần làm Tổng Biên tập. Các cơ quan tham gia thực hiện có Viện Nghiên cứu Phất học Trung Hoa Pháp cổ Sơn, EỈại học Tning ương, Đại học Huyền Trang, Học viện Phật học Hương Quang, Học viện Phạt học Viên Quang, Học viện Phật học Phước Nghiêm và Hoa Nghiêm liền xã. CBETA la ídiô tư liệu điện tư bang chir Han của ấn bản Đại Chảnh đầy đủ nhất từ trước đến nay. Đen ngày 18-02-2006, CBETA đã hoàn tất các tập 1-55 và 85 7.877 vạn chư của Đại Chảnh. Đen nam 2007, CBETA hoàn tát Vạn Tân tục "g 7.122 vạn chữ. Ấn bản offline có thể download tại: http://www.cbeta.org/download/cbreader.php. 9 SAT có nghĩa là “Co sở dữ liệu văn bản Đại tạng kmh?, thường gọi là ấn bản SAT, có trụ sở tại Tokyo, Nhật Bản, hoàn thành điện tử hóa các tập 56-84 cua Đại Chánh tan tu Đại tạng kinh. cũng là tổ chức giư tác quyền và cho phép CBETA thực hiện điện tử hóa các tập l -55 và 85 của Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh. 10 Kỉnh TạpA-hàm của ấn bản SAT: https://21 dzk.Lu-tokyo.ac.jp/SAT2012/ddb-sat2.php truy cập ngày 01-12-2021. 11 Kỉnh Tạp A-ham quyển l https://tripitaka.cbeta.org/T02n0099_001 truy cập ngày 01-12-2021. 12 Kỉnh Tạp A-hàm quyển 50: https://tripitaka.cbeta.org/T02n0099_050 truy cập ngày 01-12-2021. 13 về nguồn gốc, theo ngài Ấn Thuận ựong Nguyen thủy Phật giáo Thảnh điển chi tập thành ,bộ kinh này có vấn đề về bộ phái. Một vài thư tịch cổ cho rằng Biệt dịch TgpA-ham kinh thuộc Ẩm Quang bộ, hoặc ức đoán là Hóa Địa bộ, hoặc Pháp Tạng bộ Theo Lịch đại Tam bảo kỷ M % quyển Chủng kỉnh mục lục quyển Khai Nguyên Thích giảo lục ,quyền Biệt dịch Tạp A-ham có quyển: Ồ 15 Kỉnh Tạp A-hàm bản dịch khác ,g dịch Tạp A-hàm kinh của ấn bản CBETA tại địa

Có ân bản khác của bản dịch Kinh Tạp A-hàm tại Trung Quôc, gôm 20 quyên (),dịch vào năm 431 được bố cục logic hơn.16 Thực chất, đây là bản dịch ngan (The shorter Chinese Samyukta Āgamā) hay bản dịch không hoàn chỉnh incomplete Chinese translation of the Samyukta Āgamā) về Kỉnh Tạp A-ham của Ẩm Quang bộ, nói đúng hơn chỉ còn một phần.17 (iii) Bản dịch Kinh Tạp A-hàm^ l quyển.

Bản dịch chữ Hán không hoàn chỉnh của Kỉnh Tạp A-hàm chỉ có l quyển, được dịch vào năm 222-280 (triều đại nhà Ngô,),không rõ người dịch, không rõ bộ phái Phật giáo nào sử dụng, có mã số bản văn trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh là T02n0101.18* 2về 0 niên dại, đây là bản dịch sớm nhất của Kinh Tạp A-hàm bằng Hán ngữ, rất tiếc phần lớn các chương của bản dịch này đã bị thất lạc. (iv) Bản Tạp A-hàm kinh hiệu thích (The Collation and Annotation of Samyuktāgama) bằng tiếng Bạch thoại do Vương Kiến Vĩ (1958-) và Kim Huy (1971)9 dịch trong 10 năm, gồm 8 tập, được NXB. Trường Đại học Sư phạm Hoa Đông in lần đầu vào ngày o l-7-2014; Bản dịch này được trao 3 giải thưởng danh giá gồm Giải thưởng Sách cổ Xuất sắc Quốc gia (National Excellent Ancient BookAyvard)^ Giải thưởng Sách cổ Xuất sắc Hoa Đông (Excellent Ancient Book Award in East China) năm 2014 và đoạt Giải nhất của Giải thưởng Sách Thượng Hải lần 14 (14th Shanghai Book Aware/).21 Bản dịch và chú thích mới này có 4 phần, 7 chương, 56 nhóm chủ đề (samyuktci) và 8.491 kinh, với 3.720 trang. Đóng góp chính của bản dịch Bạch thoại này là cung cap các thông tin đôi chiêu giữa Kinh Tạp A-hàm và các kinh thuộc Thượng Tọa bộ cũng như A-tỳ-đạt-ma (Abhidhammd) bằng Pali và Hán ngữ, đồng thời phân loại và khôi phục các bản văn có liên hệ, bổ sung một số kmh bị that lạc. 3. Ba bản dịch chữ Việt Kỉnh Tạp A-ham có 3 bản dịch chữ Việt hiện đang lưu hành dưới dạng sách in và online. Mặc dù rất muốn in tất cả 3 bản dịch trong ấn bản Tam tạng Thánh

16 Xem các nghiên cứu chi tiết về ấn bản 16 quyển và ấn bản 20 quyển qua 2 bài viết sau đây: (i) Bucknell, Roderick, “The Two Versions of the Other Translation of Saipyuktagama" in Chung-Hwa Buddhist Journal. 21: 23-54; (ii) Bingenheimer, Marcus (10-11-2006), “The Shorter Chmese Sarnyukta Āgamā: Preliminary Findings and Translation of Fascicle", Buddhist Studies Review 23 (1): 21-60. J về vấn đề này, đọc thêm Từ điển Phật giáo (À Dictionary ofBuddhism) của Damien Keown (London: Oxford University Press, 2004). 18 Kỉnh TạpA-hàm không rõ dịch giả của ấn bản CBETA '. https://tripitaka.cbeta.org/T02n01 o l (truy cập ngày 01-12-2021). ^Vuang KienVĩ (Wang Jianwei) và Kim Huy (Jin Húi) tốt nghiệp tại Đại học Sư phạm Hoa Đông (East China Normal University) và học Phật học tại Đại học Kelaniya, Tích Lan.
20 “..; Sinobook.(truy cập ngày
21-6-2016).

diên Phật giáo Việt Nam nhăm tôn vinh đóng góp của các dịch giả Việt Nam, nhung do những hạn chế về tác quyền, Ban Biên tập chỉ có thể sử dụng bản dịch 1 và iii: i Kinh Tạp A-hàní12 do Hòa thượng Thh Thiện Siêu và Hòa thượng Thích Thanh Từ dịch trước năm 1975, Hội đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam biên tập và xuất bản năm 1994-95. ii Kinh Tạp A-hàm13 do Hòa thượng Thích Đức Thắng dịch, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ hiệu đính và chú thích năm 2002, NXB. Phương Đông xuất bản lần đầu năm 2010, tái bản năm 2015.22 2425 23 iii Kỉnh Tạp A-hàm do Trung tâm dịch thuật Trí Tịnh thuộc Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam phiên dịch, từ tháng 12-2018 đến tháng 5-2021. 4. Bộ phái truyền thừa Kinh Tạp A-hàm Bốn bộ kinh

A-hàm Āgamā là Kinh tạng căn bản? quan trọng và cũng là tụng bản Ecủa Phật giáo Bộ phái npviết bằng Sanskrit vào khoảng thế kỷ 1,25 đượC các cao Tăng Ấn Độ gồm Phật-đà- da-xá S. Buddhayaśas,Cù-đàm Tăng-già-đề-bà S. Gautama Samghadeva,cầu-na-bạt-đà-la S. Gunabhadra, với sự cộng tác của các Sa-môn Trung Quốc gồm Trúc Phật Niệm ,Thích Đạo Hàm ,Thích Bao Vân ,Thích Tuẹ Tung Thích Tuệ Quán dịch ra Hán ngữ. Ngoài các bộ kinh A-hàm được dịch toàn bộ, có nhiều kinh lẻ thuộc hệ thống A-hàm cũng được tuyển dịch. Hiện vẫn còn vài bản chép tay trong tiếng Sanskrit của một số bài kinh A-hàm được bảo tồn trong Đại tạng kỉnh Tây Tạng , đặc biệt trong bộ Kangyur Cam-châu-nhi, bộ chứa đựng lời Phật dạy về Kinh tạng và Luật tạng .

22 Đây là bản dịch Kỉnh Tạp A-hàm đầu tiên và được in sớm nhất, đồng thời cũng là bản dịch được các nhóm dịch giả sau này tham khảo để các bản dịch hoàn chỉnh hơn. 23 Ấn bản online của Kỉnh Tạp A-hàm do Hòa thượng Thích Đức Thắng dịch và Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ viết lời giới thiệu và chú thích: https://thuvienhoasen.org/al 1294/kinh-tap-a-ham truy cập ngay 01-8-2022, https://www.daitangkinhvietnam.org/node/8728 hoặc ấn bản PDF tại địa chỉ https:// thuvienhoasen.org/images/file/yEY erJ l GOQgQAEIR/kinh-tap-a-ham-thich-duc-thang-dich.pdf. 24 Bản dịch này dựa theo cấu trúc của Tạp A hàm kinh luận hôi biên của Đại sư Ấn Thuận, nhưng điều khác biêt là co 8 tụng chương, 47 tưởnig img nhóm kinh, 1.360 kinh, trong khi bản của ngai Ấn Thuận có 7 tụng chương, 51 tương ưng nhóm kinh, 13.412 kinh. 25 Theo khảo cứu, khoảng cuối thế kỷ II, các bản kinh A-hàm chép tay theo trí nhớ đã du nhập vào Trung Quốc. Chi Khiêm là mọt trong những người đầu tiên dịch A-hàm. Mặt khác, bằng chứng xác thực nhất mới được khám phá gan đây là 29 ban kinh cổ viết tay trên vỏ cây bạch dương Betula Platyphyllà, có niên đại vào thế ky I, trong số đó có Kinh phúng tụng thuộc ^Trường A-harn. Ngài Dalai Lama gửi lời chúc mừng về phát hiện nay và được in đầu tiên trong tác phẩm: Richard Salomon, Ancient Buddhist Scrollsfrom Gandhāra: The British Library Kharosthī Fragments Seattle: University of Washington Press, 1999, pp. 15, 89, 186.

về truyền thừa bộ phái, mỗi bộ trong bốn bộ kinh A-hàm được sử dụng làm tụng bản của các bộ phái Phật giáo khác nhau. Kinh Trường A-hàm Dĩrgha Āgamā.Tuyển tập kinh dài là tụng bản của Pháp Tạng bộ Dharmaguptaka,có nội dung tương đương với Kinh Trường bộ Dīghā Nikãya, cha Thượng Tọa bộ. Kỉnh Trung A-hàm là tụng bản 26

của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Sarvāstivāda,_tương đương Kinh Trung bộ {Majjhimā Nikāya,Tuyển tập kỉnh trung bình.21 Kỉnh Tăng nhất A-hàm Ekottarika Āgamā,thuộc Đại Chúng bộ Mahāsāinghika,tương đương với Kỉnh Tăng chi bộ Añguttara Nikāya,,Tuyển tập kỉnh các con số tăng dần. Kinh Tạp A-hàm Samyuktāgama Sūtra,là tụng bản của Căn Bản Thuyết Nhất

Thiết Hữu bộ Mūlasarvāstivāda, tương đương Kinh Tương ưng bộ Samyutta Nikãya, đang khi Biệt dịch ,28

Kinh Tạp A-hàm thuộc Ẩm Quang bộ tương đương với "Thiên có ke" trong Kinh Tương ưng bộ. Sau đây là thông tin mô tả vê truyên thừa bộ phái Phật giáo đối với bốn bộ kinh A-hàm. Kình Trường A-hàm S. Dīrgha Āgamā,Tuyển tập kinh 29 22 quyển, TOlnOOOl, thuộc Pháp Tạng bộ. Phật-đà-da-xá và Trúc Phật dài,26 28 27 Niệm dịch từ Sanskrit ra Hán ngữ vào năm 413 đời Hậu Tần,,Thích Đạo Hàm ghi chép3031tại Trường An 7. 2 Kinh Trung A-hàm S. Madhyama Āgamā.Tuyển tập kinh trung 60 quyển, T01n0026, thuộc Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ. Tăng- ,31

già-la-xoa S. Samgharaksa,đọc bản Sanskrit, Cù-đàm Tăng-già- đề-bà dịch từ Sanskrit ra Hán ngữ, Thích Đạo Từ ghi chép từ ngày 12-12-397 đến ngày 24-7-398 đời Đông Tấn,.Theo quyển Xuất Tam tạng ky tập còn có bản dịch Kỉnh Trung A-hàm. 59 quyển đã thất lạc, do Sa-môn Đàm-ma-nan-đề S. Dharmānandī,Pháp Hỷ,

26 Kỉnh Trường bộ tức Tuyển tập 34 kinh dài JDīgha Nikāya,Trường bô kỉnh điển, D. 1-34 được HộiThánh điển Pali dích Anh ngữ và xuất bản vào năm 1899. Xem thông tin chi tiết về Kỉnh Trường gQ trong Thích Nhật Từ, Sô tay mục lục Tam tạng PãIi Hà Nội: NXB. Hông Đức, 2021, tr. 13-4; xem Dần lu Kỉnh Trường bộ, tr. 149-60. 27 Xem thông tin chi tiết về Kỉnh Trung bô trong Thích Nhật Từ, sổ tay mục lục Tam tạng Pali Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021, tr. 14-5, Dần luận NQ Kỉnh Trung bộ, tĩ. 160-202. 28 Xem thông tin chi tiết về Kinh Tương ưng bộ trong Thích Nhật Từ, sổ tay mục lục Tam tans: Pali m Nọi: NXB Hong Đúc, 2021, tr. 15-9. • 29 Toàn văn Kinh Trường A-hàm theo ấn bản internet CBETA'. http://tripitaka.cbeta.org/TOlnOOOl truy cập ngày 01-8-2022. 30^Xem thông tin chi tiết trong Xuất Tam tạng ký tập .Nguyên văn như sau:" ả.i!.:
iwf.lM; , Toàn văn Kỉnh Trung A-hàm theo ấn bản
CBETA '. http://tripitaka.cbeta.org/TO l n0026 truy cập ngày 01-8-2022.

đọc Sanskrit, Trúc Phật Niệm dịch Hán ngữ và Tuệ Tung ghi chép vào năm 384 đời Phù Tần,tại Trường An. 3 Kinh Tạp A-hàm S. Samyuktāgama Sutra,Tuyển tập kinh theo nhóm chủ 50 quyển, T02n0099, thuộc Căn Bản Thuyết Nhất Thiết ,32

Hữu bộ. cầu-na-bạt-đà-la đọc bản Sanskrit, Thích Bảo Vân dịch Hán ngữ vào năm 435-443 đời Lưu Tống,Thích Tuệ Quán ghi chép tại chùa Ngõa Quan, Nam Kinh . Biệt dịch Kinh Tạp A-hàm S. Samyuktāgama Sūtra, ^1,Bản dịch khác về tuyển tập kinh theo nhóm chủ %,33 20 quyển, T02n0100, thuộc Ẩm Quang bộ, được dịch vào năm 352-431 đời Tam Tần,không rõ dịch giả. Kỉnh Tăng nhất A-hàm S. Ekottarika Āgamā.Tuyển tập kinh qua các con sổ, 51 quyển/4 T02n0125, thuộc Đại Chúng bộ hoặc Thuyết Xuất Thế bộ Lokottaravāda,.Cù-đàm Tăng-già-đề-bà dịch vào năm 398 đời Đông Tấn,tại Lô Sơn .Theo Lịch đại Tam

bảo ky còn có bản dịch Kinh Trung A-hàm, 41 quyển, 5

do Sa-môn Đàm-ma-nan-đề đọc Sanskrit, Trúc Phật Niệm dịch Hán ngữ và Tuệ Tung ghi chép vào năm 384 đời Phù Tần,tại Trường An . Bài tựa tổng quát
trong Tát-bà-đa Tỳ-ni Tỳ-bà-sa 36 đề cập đến đối tượng thính chúng
của bốn bộ kinh A-hàm như sau: "Thuyết pháp tùy nghi cho con người và trời, Tăng nhát A-hàm có nội dung khuyến hóa người nghe; Trung A-hàm trình bày triết lý sâu xa cho các người thông thái và các học giả; Kỉnh Tạp A-hàm giới thiệu các pháp tu thiền, dành cho người tu thiền và Kinh Trường A-hàm đối thoại tôn giáo, bẻ gãy các học thuyết tôn giáo khác."37 Trên thực tế, nội dung của từng bộ trong bốn bộ kinh A-hàm đa dạng và phong phú hon, một mặt giới thiệu triết học Phật giáo, mặt khác mang tính đối thoại liên tôn giáo, liên triết học về các vấn đề, vấn nạn mà con người quan tâm và cần giải pháp giải quyết nỗi khổ niềm đau.*

32 Toàn văn Kinh Tạp A-hàm theo ấn bản CBETA'. http://tripitaka.cbeta.org/T02n0099 truy cập ngày 01-8-2022. 33 Toàn văn Kỉnh Tạp A-hàm biệt dịch theo ấn bản CBETA'. http://tripitaka.cbeta.org/T02n0100 truy cập ngày 01-8-2022. 34 Toàn văn Kỉnh Tăng nhất A-hàm theo ấn bản CBETA '. http://tripitaka.cbeta.org/T02n0125 truy cập ngày 01-8-2022. 35 Gồm 15 quyển, T49n2034, do Phí Trường Phòng soạn vào năm 597. Xem toàn văn ấn bản 36 Tắt-bà-đa Tỳ-ni Tỳ-bà-sa T.23. 1440. 0503c 18.
.Ịặ 37 Đoạn nguyên tác trong Tắt-bà-đa Tỳ-ni ;
„.; l l

.,'

Ixxii KINH TẠP A-HÀM

IL BỐ CỤC VÀ NÔI DUNG KINH TẠPA-HÀM 1. Bố cục của Kinh Tạp A-hàm Kỉnh Tạp A-hàm có nhiều nội dung tương đương với Kỉnh Tương ưng bộ Samyutta Nỉkãya.38 của Phật giáo Nam truyền, về cấu trúc, Kinh Tương ưng bô chia làm 5 thiên yagga,phẩm, thiên với 56 nhóm kinh samyutta,,tương ưng chủ đề như sau: i Thiên có kệ Sagāthāvagga, ,Hữu kệ phẩm gồm 11 nhóm kinh có liên hệ ;ii Thiên nhân duyên Nidānavagga.,Nhân duyên phẩm có 10 nhóm kinh ; iii Thiên uẩn ỰChandhavagga,uẩn phẩm có 13 nhóm kinh iv Thiên sáu xứ SaỊãyatanavagga, Lục xứ phẩm có 10 nhóm kinh v Thiên đại Mahāvagga,Đại phẩm có 12 nhóm kinh . . Kỉnh Tạp A-hàm có các ấn bản khác nhau với cách bố cục và số thứ tự kinh khác nhau: i Ấn bản in trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh viết tắt là “Bại"5 ii Ấn bản Phật Quang tạng thường viết tắt là "Quang" ,iii Ấn bản của NXB. Giáo dục Nội quán viết tắt là "Nội eR. Trong bốn bộ kinh A-hàm S. Āgamā,hay kinh A-cấp-ma Kinh Tạp A-hàm được xem là kinh chứa đựng các lời dạy căn bản của đức Phật, bao gồm năm tổ hợp mười hai xứ ,mười tám giới duyên khởi ,chân lý ,bốn nền tảng chánh niệm ,các loại thức ăn V.V.. về cấu trúc hoàn chỉnh, Kỉnh Tạp A-hàm trong giai đoạn thứ nhất thuộc bản gốc gồm có 4 phần chính: 1 Phần các nhóm kinh về uẩn ,xứ :i Nhóm kinh

về năm tổ hợp ,ii Nhóm kinh về sáu xứ /,iii Nhóm kinh về nhân duyên ,iv Nhóm kinh về thức ăn ,v Nhóm kinh về chân lý và vi Nhóm kinh về giới . 2 Phần các kinh do Thánh Tăng và đức Phật nói yii Nhóm kinh do các Thánh Tăng A-la-hán nói nổi bật gom Tôn giả Xá-lợi-phất ,Tôn giả Mục-kiền-liên và viii Nhóm kinh do đức Phật nói . 3 Phần đạo phẩm chứa ix Nhóm kinh an trú chánh niệm

Bản dịch tiếng Anh của c. A F. Rhys Davids F. L. Woodward về Kinh Tương ưng là "Sách về những lời dạy co liên hệ mật thiếf, Jhe Book ofKindred Sayings hay "Các bài kinh phân theo ĩlhóm,, The Grouped Discourses hay The Grouped Suttas, do NXB. Hội Thánh điển Pali Pali Text Society in tại Bristol vào năm 1917-30. Bản dịch tiêng Anh của Ven. Bodhi có tựa đê là t4Cac bài kinh có liên hệ của đức Phát" The Connected Discourses of the Buddha do NXB. Wisdom Publications in tại Somerville, Massachusetts vào năm 2000. Ven. Sujāto dịch có tựa đề "Các kinh liên he" The Linked Discourses xuāt bản trên trang SuttaCentral vào năm 2018: https://suttacentral.net/sn?view=normal.

4 Phần kết tập chứa x Nhóm kinh về tám cộng đồng nổi bật nhất là Tỳ-kheo ,Ma ,Đế-thích ,vua chúa ,v.v... Theo Đại sư Ấn Thuận trong tác phẩm Tuyển tập Thánh điển Phật giáo Nguyên thủy xuất bản năm 1971, trong giai đoạn thứ hai, Kinh Tạp A-hàm được biên tập hoàn chỉnh, chia làm 7 phần như sau: 1 Nhóm kinh về năm tổ hợp . 2 Nhóm kinh về sáu xứ . 3 Nhóm kinh về nhân duyên ,chân lý ,giới và cảm giác .
4 Nhóm kinh về đạo phẩm gồm nền tảng chánh niệm , hơi thở ,học niềm tin thanh tịnh, không bị hủy hoại . 5 Nhóm kinh về tám cộng đồng gồm Tỳ-kheo ,Tỳ-kheo-ni ,Ma ,Đế-thích ,chư thiên ,vua chúa ,Bà-la- m6n ? dạ-xoa . 6 Nhóm kinh do Thánh Tăng A-la-hán nói gồm Tôn giả Xá-lợi-phất ,Tôn giả Mục-kiền-liên . 7 Nhóm kinh do đức Phật nói . Kỉnh Tạp A-hàm trong Đại tạng kỉnh Tây Tạng chia làm 10 phần như sau: 1 Năm tổ hợp ;2 Sáu xứ 3 Nhân duyên ;4 Thức n ;5 Chân lý 6 Giới và cảm giác ; 7 Thánh Tăng A-la-hán giảng 8 Đức Phật giảng 9 Đạo phẩm ín gồm niệm trú hay bốn niệm xứ, chánh đoạn hay bốn chánh cần, thần túc hay bốn như ý túc, căn tức năm căn lành, lực tức năm lực, giác chi tức 7 yếu tố giác ngộ, yếu tố đạo tức Thánh đạo tám ngành, hơi thở ra vào ,học tức ba học, đạt niềm tin thanh tịnh 10 Tám cộng đồng .
Vê thê tài văn học, Kinh Tạp A-hàm với 50 quyên và l.362 bài kinh, được chia thành 3 phần chính: i Phần Kinh văn xuôi S. Sutra,giải thích về năm tổ hợp ,sáu xứ ? duyên khởi ,thức n ,chân lý ,giới ,an trú chánh niệm ,v.v...
ii Phần Kệ tụng S. Geya, Geyya. p. Gāthā,eBn được phiên âm là Kỳ-dạ 0,chứa đựng các thi kệ dưới dạng vấn đáp. iii Phần Ký thuyết S. Vyākarana. p.

Veyyākarana.hay Ký biệt ,Phân biệt chứa đựng các bài kinh do các Thánh Tăng A-la-hán hoặc đức Phật thuyết giảng.

Ixxiv KINH TẠPA-HÀM

Dưới đây là cấu trúc của Kinh Tạp A-hàm căn cứ theo Đại sư Ấn Thuận trong quyển Tạp A-hàm kinh luận hội biên gồm 7 chương tụng, 51 nhóm kinh tương ưng, 13.412 kinh như sau: Chương 1: Nhóm kỉnh về năm tổ họp ,Ngũ ấm tụng đệ nhất. 1 Nhóm kinh về năm tổ hợp Ấm tương ưng: 178 kinh. Chương 2: Nhóm kinh về sáu xứ ,Lịic nhập xứ tụng đệ nhị. 2 Nhóm kinh về sáu giác quan: 285 kinh. Chương 3: Nhóm kinh về nhân duyên Tạp nhân tụng đệ tam. 3 Nhóm kinh về nhân duyên ,Nhân duyên tương ưng: 78 kinh. 4 Nhóm kinh về chân lý Đe tương ưng: 150 kinh. 5 Nhóm kinh về giới Giới tương ưng: 37 kinh. 6 Nhóm kinh về cảm giác Thọ tương ưng: 31 kinh. Chương 4: Nhóm kỉnh về con đường ,Đạo phẩm tụng đệ tứ. 7 Nhóm kinh về [bốn] nền tảng chánh niệm ,Niệm xứ tương ưng: 54 kinh. 8 Nhóm kinh về [bốn] chánh tinh tấn ,Chánh đoạn tương ưng: Bị thất lạc ? dật. 9 Nhóm kinh về [bốn] như ý túc Như ý túc tương ưng: Bị thất lạc ,dật. 10 Nhóm kinh về [năm] căn lành Căn tương img: 27 kinh. 11 Nhóm kinh về [năm] sức mạnh ,Lực tương ưng: 60 kinh. 12 Nhóm kinh về [bảy] yếu tố giác ngộ ,Giác chi tương ưng: 67 kinh. 13 Nhóm kinh về [tám] Thánh đạo ,Thánh đạo phần tương ưng: 114 kinh. 14 Nhóm kinh về hơi thở chánh niệm An-na-bát-na niệm tương ưng: 22 kinh. 15 Nhóm kinh về [tam] học Học tương ưng: 32 kinh. 16 Nhóm kinh về niềm tin trong sạch không thể hủy hoại , Bất hoại tịnh tương ưng: 29 kinh. Chương 5: Nhóm kinh về tám hội chúng 7Bát chúng tụng đệ ngũ. 17 Nhóm kinh về Tỳ-kheo Tỳ-kheo tương ưng: 22 kinh.

ĐẪN LUẬN Ixxv

18 Nhóm kinh về ma Ma tương ưng: 20 kinh. 19 Nhóm kinh về Trời Đế-thích ,Đế-thích tương ưng: 22 kinh. 20 Nhóm kinh về vua chiia Sát-lọi tương ưng: 21 kinh. 21 Nhóm kinh về Bà-la-môn ,Bà-la-môn tương ưng: 38 kinh. 22 Nhóm kinh về Phạm thiên ,Phạm thiên tương ưng: l o kinh. 23 Nhóm kinh về Tỳ-kheo-ni ,Tỳ-kheo-ni tương img: l o kinh. 24 Nhóm kinh về Bà-kỳ-xá ,Bà-kỳ-xá tương ưng: 16 kinh. 25 Nhóm kinh về các trời Chư thiên tương ưng: 108 kinh. 26 Nhóm kinh về dạ-xoa Dạ-xoa tương ưng: 12 kinh. 27 Nhóm kinh về rừng L2m tương ưng: 32 kinh. Chương 6: Nhóm kỉnh về lời dạy của các bậc Thánh Tăng ? Đệ tử sở thuyết tụng đệ lục. 28 Nhóm kinh về Xá-lợi-phất ,Xá-lợi-phất tương ưng: 81 kinh. 29 Nhóm kinh về Mục-kiền-liên Mục-kiền-liên tương ưng: 53 kinh. 30 Nhóm kinh về A-na-luật ,A-na-luật tương ưng: 11 kinh. 31 Nhóm kinh về Đại Ca-chiên-diên Đại Ca-chiên-diên tương ưng: 10 kinh. 32 Nhóm kinh về A-nan A-nan tương ưng: 11 kinh. 33 Nhóm kinh về Chất-đa-la ,chất-đa-la tương ưng: l o kinh. Chương 7: Nhóm kinh về lời dạy của đức Phật

,Như Lai sở thuyết tụng đệ thất. 34 Nhóm kinh về La-đà La-dà tương ưng: 133 kinh. 35 Nhóm kinh về cái thấy ,Kiến tương ưng: 93 kinh. 36 Nhóm kinh về đoạn tri ,Đoạn tri tương ưng: 10.996 kinh.39 37 Nhóm kinh về trời ,Thiên tương ưng: 48 kinh. 38 Nhóm kinh về tu chứng ,Tu chứng tương ưng: 70 kinh. 39 Nhóm kinh về nhập, giới, ấm ,Nhập giới ấm tương img: 182 kinh. 40 Nhóm kinh về niềm tin thanh tịnh không bị hủy hoại ,Bất hoại tinh tương ưng: 62 kinh.

39 Sở dĩ bản "Hội bierf" có con số như vậy, vì nhóm "Đoạn tri tương ưng"này, ngài Ấn Thuận cắt nhỏ các kinh ra, vài chữ một kinh, một đoạn một kinh, nên sô lượng mới tăng lên con sô như trên.

Ixxvi KINH TẠPA-HÀM _____

41 Nhóm kinh về Đại Ca-diếp ,Đại Ca-diếp tương ưng: 11 kinh. 42 Nhóm kinh về trưởng làng ,Tq lạc chủ tương ưng: l o kinh. 43 Nhóm kinh về ngựa ,Mã tương ưng: 10 kinh. 44 Nhóm kinh về Ma-ha-nam Ma-ha-nam tương ưng: 10 kinh. 45 Nhóm kinh về không có bắt đầu ,V6 thủy tương img: 20 kinh. 46 Nhóm kinh Bà-sa di tu 9 Bà-sa xuất gia tương ưng: 9 kinh. 47 Nhóm kinh người khác đạo xuất gia theo Phật ,Ngoại đạo xuất gia tương ưng: 15 kinh. 48 Nhóm kinh về nhiều chủ đề Tạp tương ưng: 18 kinh. 49 Nhóm kinh về thí dụ Thí dụ tương ưng: 19 kinh. 50 Nhóm kinh về bệnh Bệnh tương ưng: 20 kinh. 51 Nhóm kinh về nghiệp báo ,Nghiệp báo tương ưng: 35 kinh. 2. Khái quát nội dung của Kinh Tạp A-hàm Trong Kinh A-hàm nói chung, cuối từng nhóm kinh có một bài kệ tóm tắt viết tên các bài kinh trong nhóm, tiếng Hán là Nhiếp tụng .Kỉnh Tạp A hàm cũng tuân theo cấu trúc này nhưng hâu hét Nhiêp tụng bị thát lạc trong quá trình truyền thụ5 giữ gìn nên chỉ còn 15 bài Nhiếp tụng, với khoảng 150 tựa đề kinh. Căn cứ vào nội dung kinh, trong bản dịch Việt của Trung tâm dịch thuật Trí Tịnh, nhóm dịch giả đã đặt tựa đề kinh nhằm thuận tiện hơn cho việc đọc tụng, nghiên cứu. Đe hiểu rõ những điểm tương đồng và di biệt về các bản văn của Kỉnh Tạp A-hàm, quý độc giả tham khảo Phụ lục 2 ở cuối tập này "So sánh tựa đề Kỉnh Tạp A-hàm với các ấn bản tương đương.,, Bên cạnh việc so sánh sự tương ứng của 2 bản dịch tiếng Việt về Kỉnh Tạp A-hàm nêu trên với bản Kinh Tạp A-hàm bằng Hán ngữ với mã số T02n0099 trong CBETA. bảng đối chiếu này còn so sánh 3 an bản Kinh Tương ưng bang Pali, Anh ngữ và Việt ngữ. Căn cứ vào nội dung kinh, dựa theo cấu trúc của tạng Đại Chánh, đồng thời có sự tham khảo từ Kỉnh Tương ưng bô Samyutta Nỉkãyd và "Hội biên'\ bản dịch tiếng Việt Kỉnh Tạp A-hàm trong bản in lan này gom có 1.362 kinh, được chia thành 8 chương, với 51 nhóm chủ đề: Chương 1: Năm tổ hợp ,Ngũ ấm tụng 1 Nhóm kinh về năm tổ hợp Ấm tương ưng40 gồm các kinh 1-87, 103-110, 130-132, 256-272.41 Đức Phật định nghĩa về uẩn, thủ uẩn, đồng

40 Quyển ^Hội bS"do Đại sư Ấn Thuận biên soạn, đặt nhóm kinh về năm tổ hợp vào chương l và nhóm kinh 1. 41 Các kinh 88-102 thuộc nhóm kinh về Bà-la-môn.

thời dạy cách thức nhận diện bản chất con người gồm thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức và thế giới là vô thường .Không nhận ra quy luật này sẽ chấp ngã dẫn đến khổ đau . Người tu học nên quán phi ngã99 và tánh không thực thể do mọi sự vật đều được hình thành bởi nhân duyên để thấy rõ tiến trình hình thành, tồn tại, chấm dứt của mọi sự vật về phương diện vật lý và nhận diện ngọt, sự tai hại và xuất ly" về phương diện tâm lý nhận thức để chẩm dưt khố đau. 2 Nhóm kỉnh về La-đà La-đà tương ưng42 gồm các kinh 111-129 với hai nội dung chính: i Đức Phật dạy cho thị giả của Ngài là Tỳ-kheo La-đà về cách chấm dứt khổ đau vơi năm mắc xích bắt đầu từ tham ái trên nền tảng không chấp dính vào năm tổ hợp con người, nhờ đó vượt ra khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não5 đi đến giải thoát sanh tử; ii Đức Phật xác chứng và dạy thêm vê những điêu La-đà đôi thoại triêt học với những người khác tôn giáo. 3 Nhóm kỉnh về kiến chấp Kiến tương ưng43 gồm các kinh Đức Phật dạy về sự chấp ngã nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức, khiến 133-171.4445 chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, phải rong ruổi đường dài, mãi lưu chuyển trong luân hồi. Người tu tập cần có chánh tuệ đối với những gì thuộc về năm uẩn, hoặc quá khứ, tương lai, hiện tại; hoặc trong hoặc ngoài; hoặc thô hoặc tế; hoặc đẹp hoặc xấu; hoặc xa hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau; nhờ có chánh tuệ như vậy sẽ chấm dứt hoài nghi với bốn dế, chấm dứt vòng tái sanh. 4 Nhóm kinh về đoạn tri Đoạn tri tương ưng,45 còn gọi là Liễu tri tương ưng, gồm các kinh 172-187. Đức Phật dạy cách dứt trừ hoài nghi tăng cường niềm tin vững chãi với Phật, Pháp, Tăng, đạo đức, tu chánh niệm, thiền chi, thiền quán với thái độ như cứu lửa đang cháy trên đầu để chấm dứt khổ đau. Chương 2: Sáu giác quan Lục nhập xứ tụng 5 Nhóm kinh về sáu giác quan Nhập xứ tương ưng46 gồm các kinh 188-255, 273-282, 304-342, 1164-1177.47 Đúc Phật dạy cách khòng châp thủ khi sáu giác quan gôm măt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiêp xúc với sáu đối tượng gồm ảnh tượng, âm thanh, các mùi, các vị5 xúc chạm và pháp, làm

42 Quyển ^Hội bn"đặt nhóm kinh La-đà vào chương 7, nhóm kinh 34 thuộc nhóm kinh "Nhu Lai sơ thuyếí." 43 Quyển ^Hội biM đặt nhóm kinh về kiến chấp vào chương 7, nhóm kinh 35 thuộc nhóm kinh "Như Lai sở thuyết." 44 Các kinh 130-132 thuộc nhóm kinh về năm tổ hợp. 45 Quyển "Hội b'đặt nhóm kinh về đoạn tri vào chương 7, nhóm kinh 36 thuộc nhóm kiĩứi “Nhu Lai sở thuyet.,; • J 46 Quyển "H biên"đặt nhóm kinh về sáu giác quan vào chương 2, nhóm kinh 2. 47 Các kinh 256-272 thuộc nhóm kinh về năm tổ hợp.

phát sanh sáu loại nhận thức giác quan gồm thị giác tức nhãn thức ,thính giác tức nhĩ thức khứu giác tức tỷ thức ,vị giác tức thiệt thức ,xúc giác tức thân thức và ý thức .Cần thấy rõ vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly đối với năm giác quan và nhận thức giác quan để đạt được cái thấy như thật ,biết như thật , xa lìa mọi chấp thủ, không còn dục lậu, tâm được giải

thoát, chứng đạt Niết-bàn. Chương Các loại nhân duyên Tạp nhân tụng Nhóm kỉnh về nhân duyên ,Nhân duyên tương ưng48 gồm các kinh 283-303, 343-378. Đức Phật dạy năm pháp quán chiếu, đó là quán vô r r thường, quán tiên trình sanh diệt, quán vô dục, quán Niêt-bàn, quán buông xả để không sanh luyến tiếc, dính mắc, chấm dứt tham ái. Đối với con người, đức Phật dạy nhận thức về 12 mắc xích hình thành sự sống trong 3 chiều thời gian, dù Phật có ra đời hay không, con người sanh ra từ vô thủy và khi chết lại tiếp tục tái sanh. Làm chủ 4 loại thức ăn gồm: i Thức ăn thô hoặc tế kabaḷīkāro, thô đoàn thực; ii Thức ăn nhờ cảm giác phassāhāro.xúc thực; iii Thức ăn nhờ ý muốn manosañcetanāhāro,ý tư thực; iv Thức ăn nhờ thức viññānāhāro,thức thực. Con người không tham, không vui mừng sẽ không có sầu5 bi, khổ, ưu, não, chấm dứt tái sanh. Nhóm kinh về chân lý ,Đe tương ưng49 gồm các kinh 379-443. Đức Phật dạy phương pháp vượt qua khổ đau, chấm dứt sanh tử băng 4 bước: i Nhận diện khô đau; ii Truy tìm nguyên nhân; iii Trải nghiệm Niết-bàn; iv Thực tập chánh đạo. Chân lý này thiết thực hiện tại, có khả năng xua tan bóng toi vô minh, giúp con người đạt được Thánh trí, trải nghiệm an vui. 8 Nhóm kinh về cảnh giới Giới tương ưng50 gồm các kinh 444-465. Đức Phật dạy về: i Sáu yếu tố dhātu tức đất, nước, lửa, gió, hư không và thức tạo nên sự song của con người và vạn vật; ii Ba cõi gồm cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; iii Bảy cảnh giới gồm cảnh giới ánh sáng, cảnh giới thanh tinh, cảnh giới Không vô biên, cảnh giới Thức vô biên, cảnh giới Vô sở hữu, cảnh giới Phi tưởng phi phi tưởng, cảnh giới Diệt thọ tưởng định. 9 Nhóm kinh về cảm giác Thọ tương ưng51 gồm các kinh 466-489. Đức Phật phân tích ba loại cảm giác gom cảm giác hạnh phúc, cảm giác đau khổ, cảm giác trung tính đối với thân và tâm đều sanh ra và bi biến đoi. Các cảm xúc tiêu cực dẫn đến tà kiến và khổ đau. Làm chủ cảm xúc,

48 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về nhân duyên vào chương 2, nhóm kinh 3. 49 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về chân lý vào chương 3, nhóm kinh 4. 50 Quyển ^Hội bỉêri^ đặt nhóm kinh về cảnh giới vào chương 3, nhóm kinh 5. 51 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về cảm giác vào chương 3, nhóm kinh 6.

không vướng kẹt vào tham ái và sân hận, giữ tâm xả ly, đạt được chánh trí và Niết-bàn an vui. Chương 4: Lời dạy của các bậc Thánh Tăng Đệ tử sở thuyết tụng 10 Nhóm kinh về Diêm-phù-xa ,Diêm-phù-xa tương ưng5253 có một kinh sô 490, do Tôn giả Xá-lợi-phất dạy cho tu sĩ ngoại đạo Diêm-phù- xa Jambukhādaka vôn là bạn cũ. Tôn giả tuân tự giải nghi nhiều vấn đê mà Diêm-phù-xa còn vướng mắc. Tôn giả nhấn mạnh rằng Thánh đạo tám chi là con đường tối thượng làm cho thiện phá^ tăng trưởng, điều phục được tham sân si, thoát ra ngoài mọi ràng buộc của phiên não, chứng đắc Niết-bàn tịch tịnh. 11 Nhóm kỉnh về ngài Xá-lợi-phất Xá-lợi-phất tương ưng53 gồm các kinh 491-500, do Tôn giả Xá-lọd-phất giảng: i Giảng cho các vị đồng tu về cách đạt được tâm tịch tĩnh giải thoát, cách đi ngược dòng tham ái giữa đời thường, vượt qua chấp thân, không vướng các ách nạn và thác ghềnh vô minh, đạt

được giải thoát; ii Đối thoại và giảng cho người khác tôn giáo về con đường giác ngộ và cách vượt qua khó khăn khi thực tập con đường giác ngộ. 12 Nhóm kinh về ngài Mục-kiền-liên Mục-kiền-liên tương ưng5455gồm các kinh 501-534, do Tôn gi Mục-kiền-liên giảng: i Chia sẻ với các bạn đồng tu như Tôn giả Xá-lợi-phất? Tôn giả A-nan về các loại quả báo mà mắt thường không nhận biết hết được; ii Giảng cho các trời và Đế- thích về sự phức tạp của nhân quả và cách chuyển nghiệp để sống an vui. 13 Nhóm kỉnh về ngài A-na-luật ,A-na-luật tương ưng55 gồm các kinh 535545, do Tôn giả A-na-luật đàm đạo với bạn đồng tu gôm Tôn giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả A-nan về bốn nền tảng chánh niệm, làm chủ thân thể, cảm giác, tâm và các pháp, cũng như những kinh nghiệm tu tập và chứng đắc đạo quả. 14 Nhóm kinh về ngài Đại Ca-chiên-diên Đại Ca- chiên-diên tương ưng56 gồm các kinh 546-555, do Tôn giả Đại Ca-chiên-diên giảng về: i Chủ trương bình đẳng xã hội, bình đẳng giới, giá trị và nhân phẩm của con người là do đời sống đạo đức, các nguyên nhân mâu thuẫn, xung đột

52 ở "Hội biên", kinh này thuộc nhóm kinh về ngài Xá-lợi-phất, tuy nhiên, ở Kinh Tương ưng bộ thuộc về tương ưng38 của Thiện sáu xứ. Khảo sát nội dung cho thấy, tuy bản Hán đánh số là một kinh, nhưng thực tể bao gồm nhiều tiết, đoạn. Theo nội dung được ghi nhận trong kinh văn: Cwwg như kỉnh trên, với những câu hỏi ở phần đầu của Diêm-phù-xa, cỏ thêm 40 kinh ín .Với những cơ sở như thế nên chúng tôi tách ra thành một nhóm riềng. Đặc biệt, ở dòng đau tiên của bản kinh này, tức là đầu quyển có thêm^một dòng chữ Hán,Alà dâu vết của sự phân chia chuơĩ^ mục thời Kiracon sót lại, mang nôi dung: Phẩm thứ tư, chương về lời dạy của các bậc Thánh Tăng H Đệ tử sở5thuyết tụng đệ tứ phẩm. Từ cơ sơ đó, nên chúng tôi đưa bài kinh này vào mục đầu tiên của chương về lời dạy của các bậc Thánh Tăng. 53 Quyển ^Hội brĩ"đặt nhóm kinh về ngài Xá-lợi-phất vào chương 6, nhóm kinh 28. 54 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về ngài Mục-kiền-liên vào chương 6, nhóm kinh 29. 55 Quyển 6íHội biên"đặt nhóm kinh về ngài A-na-luật trong chương 6, nhóm kinh 30. 56 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về ngài Đại Ca-chiên-diên trong chương 6, nhóm kinh 31.

trong xã hội và cách vượt qua; (ii) Phương pháp niệm Phật, niệm Chánh pháp, niệm Tăng đoàn, niệm đạo dức, niệm bố thí và niệm về thiên giới, cũng như cách thiết lập niềm tin vững chãi đối với Phật, Pháp, Tăng và đạo đức; (iii) Cách tu giải thoát do kết thúc toàn bộ ái dục. (15) Nhóm kỉnh về ngài A-nan (,A-nan tương ưng)5758 gồm các 59 kinh 556-565, do Tôn giả A-nan giảng cho các Tăng, Ni đồng tu và các thành phần xã hội về: (i) Bốn thanh tịnh gồm giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh, cái thấy thanh tịnh và giải thoát thanh tịnh; (ii) Cách tu tập thiền chỉ để được định và thiền quán để đạt trí tuệ; (iii) Bốn cảnh giới thiền và tu định Vô tướng để vượt qua ham muốn và ái dục; (iv) Trau dồi giới hạnh, làm chủ việc tiêu thụ thức ăn, chấm dứt ngã mạn và ái dục để sống thong dong và hạnh phúc giữa đời thường. (16) Nhóm kỉnh về trưởng giả Chất-đa-la (Chất-đa-la tương ưng)58 gồm các kinh 566-575,59 do cư sĩ Chất-đa-la

đàm đạo với các thầy Tỳ-kheo về tâm từ, tâm bi, tâm hỷ5 tâm xả, không chấp sở hữu, nương ba loại tam-muội để an tịnh tâm, thực tập thiền để trải nghiệm tỉnh thức, trải qua các cảnh giới thiên, đặc biệt là cảnh giới không còn cảm giác và tri giác đê vượt qua mọi sầu khổ trong đời. Chương 5: Vua A-dục (,A-dục vương tụng) (17) Nhóm kỉnh về Vua A-dục (A-dục vương tương ưng) gôm 3 kinh 604, 640, 641? đê cập đên cuộc đời và sự nghiệp của Vua A-dục trong kiếp trước cũng như trong hiện đời; những phương cách cai trị đất nước đúng pháp; những thử thách, trở ngại trong cuộc đời và tâm the vững chãi của nhà vua. Chương 6: Con đường tỉnh thức (,Đạo phẩm tụng) (18) Nhóm kinh về nền tảng chánh niệm (. Niệm xứ tương ưng)60 gồm các kinh 605-639, do đức Phật giảng dạy về bốn nền tảng chánh niệm gồm quán thân để làm chủ thân, quán cảm giác để làm chủ cảm giác, quán tâm để làm chủ tâm và quán pháp thế gian để không vướng chấp, quán pháp xuất thế gian để giác ngộ, giải thoát. (19) Nhóm kinh về các căn lành (Căn tương ưng)61 gồm các kinh 642-660, do đức Phật dạy về ba loại căn gồm căn chưa biết nên biết, đã biết căn và biết căn đầy đủ, đồng thời phát triển năm căn gồm niềm tin, nỗ lực, chánh niệm, thiền định và trí tuệ.

57 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về ngài A-nan trong chương 6, nhóm kinh 32. 58 Quyển ^Hội bỉêrC'()đặt nhóm kinh về trưởng giả Chất-đa-la trong chương 6, nhóm kinh 33. 59 Các kinh 576-603 thuộc nhóm kinh về thiên tử và thiên nữ. 60 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về nền tảng chánh niệm trong chương 4, nhóm kinh 7. 61 Quyển "'Hội bi@n''()đặt nhóm kinh về các căn lành trong chương 4, nhóm kinh 10.

(20) Nhóm kinh về các sức mạnh (Lực tương ưng)6263 64 gồm các kinh 661-703, do đức Phật dạy về: (i) Ba sức mạnh gồm niềm tin, nỗ lực, trí tuệ; (ii) Bốn sức mạnh gồm niềm tin, nỗ lực, chánh niệm, trí tuệ; (iii) Năm sức mạnh gồm niềm tin, nỗ lực, chánh niệm, thiền định, trí tuệ; (iv) Bảy sức mạnh gôm niêm tin, nô lực, xâu hô cá nhân, xâu hô xã hội, chánh niệm, thiên định, trí tuệ; (v) Chín sức mạnh gồm niềm tin, nỗ lực, xấu hổ cá nhân, xấu hổ xã hội, chánh niệm, thiền định, tư trạch, trí tuệ, tu tập. (21) Nhóm kỉnh về các yếu tố giác ngQ (,Giác chi tương ưng),63 gồm các kinh 704-747, đức Phật dạy về cách tu và giá trị của chánh niệm, trạch pháp, nỗ lực, khinh an, hoan hỷ, định tĩnh, buông xả để vượt qua năm trói buộc tâm gồm ái dục, sân hận, hôn trầm thụy miên, dao động và hoài nghi. về phong cách thực tập các yếu tố giác ngộ này, đức Phật khuyên không giải đãi nhưng không quá gắng sức, tu đều đặn để đạt được giác ngộ, giải thoát. (22) Nhóm kinh về tám chi Thánh đạo (Thánh đạo phần tương ưng),64 gồm các kinh 748-800, đức Phật dạy về con đường giải thoát với tám yêu tô chân chánh gôm tâm nhìn chân chánh, tư duy chân chánh, lời nói chân chánh, hành động chân chánh, nghề nghiệp chân chánh, nỗ lực chân chánh, chánh niệm hiện tiền và đại định nhất tâm để đạt được giải thoát và trí tuệ về sự giải thoát của bản thân. (23) Nhóm kinh về quán niệm hơi thở (,An-na-bát-na niệm tương ưng)6566 gồm các kinh 801-815, dạy về: (i) Kỹ năng thở thiền với hơi thở vào, thở ra {ānapānd) để làm chủ cảm xúc, giải phóng căng thẳng, tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần; (ii) Lối sống tỉnh thức với năm bước gôm sông giới hạnh, ít ham câu và

bận rộn, tiết độ trong ăn uông và tiêu thụ, nỗ lực tu tập ngày đêm và xa lánh nơi ồn náo để vượt qua sự vướng chấp thế tục; (iii) Phối hợp với bốn nền tảng chánh niệm để thở thiền có kết quả thiết thực, đồng thời phối hợp tu tập hơi thở thiền với bảy yếu tố giác ngộ để giải phóng kho đau. (24) Nhóm kỉnh về các học pháp (,Học tương ưng)66 gồm các kinh 816-832, dạy về cách thực tập và đề cao giá trị của ba học cao quý: (i) Học đạo đức thanh cao qua làm chủ giác quan và các oai nghi; (ii) Học thiên đinh đê lân lượt đạt được bốn cấp thiền gồm hỷ lạc do lìa tham ái, hỷ lạc do đinh lực, diệu lạc do không chấp vào hỷ lạc và xả niệm thanh tịnh; (iii) Học trí tuệ siêu việt qua bốn chân lý Thánh nhằm khép lại các nỗi khổ và niềm đau.

62 Quyển "H0i bn"()đặt nhóm kinh về các sức mạnh trong chương 4, nhóm kinh 11. 63 Quyển bn"()đặt nhóm kinh về các yếu tố giác ngộ trong chương 4, nhóm kinh 12, 64 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về tám chi Thánh đạo trong chương 4, nhóm kinh 13. 65 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về quán niệm hơi thở trong chương 4, nhóm kinh 14. 66 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về các học pháp trong chương 4, nhóm kinh 15.

(25) Nhóm kỉnh về niềm tin vững chãi (,Bất hoại tịnh tương ưng)67 gồm các kinh 833-860, 902-904, 1121-1135, dạy về bốn niềm tin trong sạch, không thể hủy hoại (tứ bất hoại tín), tức niềm tin không dao động, niềm tin chắc chắn: (i) Niềm tin chắc chắn đối với vai trò Đạo sư của đức Phật (,Phật bất hoại tín); (ii) Niềm tin chắc chắn đối với chân lý Phật (,Pháp bất hoại tín) trị liệu khổ đau; (iii) Niềm tin chắc chắn đối với Tăng đoàn (,Tăng bất hoại tín); (iv) Niềm tin chắc chắn đối với giá trị của việc thành tựu Thánh giới (). (26) Nhóm kinh về các cõi trời (Thiên tương img)68 gồm các kinh 861-872, giới thiệu về: (i) Các cuộc đối thoại giữa các cư dân trời gồm trời Đâu-suất? Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại và Tịnh Cư về cuộc sống an lành, siêu việt hơn sự sống trên quả địa cầu này; (ii) Các hiện tượng thiên nhiên, các giới hạn của cõi trời, cách đạt được bôn cáp độ thiên định gôm hỷ lạc do lìa tham ái, hỷ lạc do định lực5 diệu lạc do không chấp vào hỷ lạc và xả niệm thanh tịnh. (27) Nhóm kỉnh về tu chứng (,Tu chứng tương ưng)69 gồm các kinh 873-891, do đức Phật dạy về: (i) Cách tu tập và giá trị khác biệt của cộng đồng người xuất gia và người tại gia; (ii) Nhận diện ba cấp độ của con thành công so với cha mẹ gom con kém cha mẹ, con bằng cha mẹ và con hơn cha mẹ; (iii) Phát triển niềm tin làm động lực tu tập và phát triển các giá trị; (iv) Người chứng đắc lần lượt đạt được ba tuệ giác gồm tuệ giác về các kiếp quá khứ, tuệ giác về tái sanh trong tương lai và tuệ giác không còn khổ đau ở hiện tại. (28) Nhóm kỉnh về uẩn, xứ, giới (,Xứ giới uẩn tương ưng)70 gồm các kinh 892-901,71 dạy về bốn nỗ lực chân chánh, dứt trừ ba độc hại, tinh tấn không buông lung, tu tập bốn thiền để đạt được thiền chứng, chứng đắc Tam minh, đạt giác ngộ, giải thoát. (29) Nhóm kinh về ngài Đại Ca-diếp (Đại Ca-diếp tương ưng)72 gồm các kinh 905-906,1136-1144, ban về: (i) Cuộc đàm đạo của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả Xá-lợi-phất về sắc là nhân duyên để Như Lai có sanh tử ở đời sau, không có sanh tử ở đời sau, vừa có vừa không có sanh tử ở đời sau hay chẳng phải có cũng chẳng phải

không có sanh tử ở đời sau; (ii) Đức Phật chế định giới luật song hàng đệ tử thọ trì không giống nhau vì căn tánh khác nhau; năm nhân duyên khiến Chánh pháp chìm mất; năm nhân duyên khiến

67 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về niềm tin vững chãi trong chương 4, nhóm kinh 16. 68 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về các cõi trời frong chương 7, nhóm kinh 37. 69 Quyển biên"()đặt nhóm kinh về tu chứng trong chương 7, nhóm kinh 38. 70 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về uẩn, xứ, giới trong chương 7, nhóm kinh 39. 71 Các kinh 902-904 thuộc nhóm kinh về niềm tin vững chãi. Các kinh 905-906 thuộc nhóm kinh về ngài Đại Ca-diếp. 72 Quyển "H0i biê)'()đặt nhóm kinh về ngài Đại Ca-diếp trong chương 7, nhóm kinh 41.

Chánh pháp tồn tại lâu dài; iii Đức Phật tán thán Tôn giả Ca-diếp và khuyến r 9

khích các Tỳ-kheo phải nhiêp tâm, kiêm thúc thân, chánh niệm khi nhận vật thực, biết ho thẹn, khiêm hạ. Chương 7: Lời dạy của đức Phật ,Như Lai sở thuyết tụng 30 Nhóm kinh về trưởng làng m lạc chủ tương ưng73 gồm các kinh 907-916. Đức Phật dạy cho các thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la, Ác Tính, Ma-ni-châu-kế, Vương Đảnh, Kiệt-đàm về pháp tu tập để được sanh thiên, đó là không sát sanh, không tranh đau, có tâm hiền thiện, thường hành bố thí, có niềm tin Tam bảo kiên cố. Hơn thế nữa, đức Phật chỉ rõ tài sản thuộc chín nhà để không còn tham chấp, tránh xa hai cực đoan, nhận thức và tu tập theo bốn chân lý Thánh, hướng đến cuộc sống an lạc trong hiện tại và tương lai. 31 Nhóm kinh về loài ngựa Mã tương ưng74 gồm các kinh 917-926. Đức Phật dạy vê ba loại ngựa được điêu phục, ba loại ngựa tự điêu phục, ba loại ngựa tốt, ba loại ngựa hay, ba loại ngựa quý, loại ngựa hội đủ bôn phàm chát tót lành, đông thời ngài dạy nhiêu cách luyện ngựa dâu là loại ngựa chứng, khó thuần phục. Nói về các phẩm tính và cách dạy cho các loại ngựa chính là ẩn dụ chỉ cho việc tu tập, các hành giả dù với nhiều căn tánh trí phàm, nhanh chậm, đều có thể tu tập sửa đổi để tâm tánh trở nên hiền thiện, thành tựu giới thân Vô học, định thân Vô học, tuệ thân Vô học và giải thoát thân Vô học. 32 Nhóm kỉnh về Ma-ha-nam Ma-ha-nam tương ưng75 gồm các kinh 927-936. Đức Phật định nghĩa về một ưu-bà-tắc đúng nghĩa cần phải đây đủ tín, giới, văn, thí, xả, tuệ. Ngài dạy 6 niệm, 11 pháp, 16 pháp đê một vị ưu-bà-tắc thực hành giáo pháp không bị lui sụt, có tri kiến, có khả năng quyết định, an trụ cửa giải thoát, tiếp cận hương vị giải thoát, lần lượt đoạn trừ năm kiết sử thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham, sân, thành tựu được quả vị Tu-dà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, sớm chứng đắc giải thoát Niết-bàn. 33 Nhóm kỉnh về không có khỏi đầu ,Vô thủy tương ưng76 gồm các kinh 937-956. Đức Phật dạy về sự lang thang đau khổ triền miên của chúng sinh trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ đến nay; máu, nước mắt đã chảy, sữa mẹ đã uống, nỗi sợ hãi, núi xương khô không tính ke trong dòng chảy luân hồi; có vô lượng mẹ cha, có niềm vui nhưng tất cả đều vô thường, mong manh tạm bợ như bong bóng nước, như gặp trận mưa lớn ngậm tràn khiến chúng sanh mãi chìm trong đau khổ không biết đâu nguồn cội, lối thoát. Đức Phật khuyến khích: "Các thầy hãy đoạn trừ các hữu lậu, không cho tăng trưởng.55

73 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về trưởng làng trong chương 7, nhóm kinh 42. 74 Quyển "Hội bin"đặt nhóm kinh về loài ngựa trong chương 7, nhóm kinh 43. 75 Quyển ^Hội bi@n"đặt nhóm kinh về Ma-ha-nam trong chương 7, nhóm kinh 44. 76 Quyển i6Hội biên"đặt nhóm kinh về không có khởi đầu trong chương 7, nhóm kinh 45.

(34) Nhóm kinh về tu sĩ ngoại đạo Bà-sa (Bà-sa xuất gia tương ưng)77 gồm các kinh 957-964, nói về tu sĩ ngoại đạo dòng Bà-sa từ lúc còn nhiều hoài nghi về sự hiện hữu của thân và mạng, vê sự tôn tại và không tôn tại sau khi chết, thường kiến hay đoạn kiến, thế gian thường hay vô thường,... cho đến lúc ông đặt trọn niềm tin vào ngôi Tam bảo và phát tâm xuất gia. Đức Phật đã giúp ông nhận thức rõ vi ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của năm tổ hợp, an tru ông vào bốn chân lý Thánh và thọ ký cho ông trở thành bậc A-la-hán. (35) Nhóm kỉnh về tu sĩ ngoại đạo xuất gia (,Ngoại đạo xuất gia tương ưng)7879 gồm các kinh 965-979, dạy về: (i) Tấm gương của các Tôn giả xuất thân từ tôn giáo khác, tu tập tỉnh thức, chứng đắc quả Thánh; (ii) Lối sống tỉnh thức, giữ giới thanh tịnh, tinh tấn, vượt qua nghiện ngập, luôn niệm Phật tỉnh tâm, thiêu hủy tâm tham ái, theo dòng Thánh nhân. (36) Nhóm kỉnh nhiều chủ đề (Tạp tương img) gồm các kinh 980-992, 1241-1245, được đức Phật dạy cho Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-nan, Trời Đe-thích, ưu-bà-di Lộc Trụ và chư Tỳ-kheo. Ngài dạy pháp cung kính Tam bảo, thường niệm Phật, Pháp, Tăng, hành pháp bố thì, giữ trọn vẹn năm giới, không còn tâm sợ hãi, được sanh lên cõi trời. Với tâm cung kính Tam bảo, người tu tập thường điều phục tâm5 đay đủ oai nghi, giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân, thành tựu Vô dư Niết- bàn. Đức Phật dạy tàm và quý là hai pháp hộ trì thế gian; 18 ái hành là gốc rễ tái sanh luân hồi; thân khẩu ý bất thiện là pháp đốt cháy khiến chúng sinh đọa lạc cõi dữ; hãy biết đủ và buông bỏ pháp bất thiện, nhất định được lợi ích an lạc. Chương 8: Tám hội chúng (,Bát chúng tụng) (37) Nhóm kỉnh về Bà-kỳ-xá (Bà-kỳ-xá tương ưng)79 gồm các kinh 993-994, 1208-1221, dạy về: (i) Tâm nhẫn nhục, tâm không đắm nhiễm, không chấp trước, không dính mắc, vượt qua tật bệnh, xa lìa điên đảo, thành tựu giải thoát; (ii) Đức Phật và chư Thánh Tăng làm tự tứ, soi sáng khiếm khuyết về thân, khẩu, ý, được thấy, được nghe, được nghi cho nhau; (iii) Tôn giả Bà-kỳ-xá hết lòng tôn kính Tam bảo, thường dùng tài thi ca để làm kệ tán thán đức Phật và chư Thánh Tăng, tán thán lời pháp vi diệu của đức Phật; ngài cũng làm kệ khởi ý trong khi trải nghiệm tu tập để cảnh tỉnh chính mình đoạn trừ tâm kiêu mạn buông lung, ở nơi rừng vắng, chuyên tinh tu tập, tự thân tác chứng, đạt được Ba minh. (38) Nhóm kinh về thiên tử và thiên nữ (Chư thiên tương ưng)80 gồm các kinh 576-603, 995-1022, 1267-1318. Các VỊ thiên tử thỉnh vấn

77 Quyển ^Hội biên9'()đặt nhóm kinh về tu sĩ ngoại đạo Bà-sa trong chương 7, nhóm kinh 46. 78 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về tu sĩ ngoại đạo xuất gia trong chương 7, nhóm kinh 47. 79 Quyển "Hbiên"()đặt nhóm kinh về Bà-kỳ-xá trong chương 5, nhóm kinh 24. 80 Quyển ^Hội biM ()đặt nhóm kinh về thiên tử và thiên nữ

trong chương 5, nhóm kinh 25.

và được đức Phật dạy về: (i) Sự tu tập thanh tịnh ở nơi a-lan-nh cách tu tập tăng trưởng công đức, cách chế ngự tâm kiêu mạn, nhiếp phục các giác tưởng, các loại phước bố thí, các loại thiện tri thức, hữu dư và vô dư; (ii) Quy luật vô thường, mạng người ngắn ngủi, già bệnh chết luôn đang bức bách, chúng sanh nương vào nghiệp đến đi trong vòng sanh tử; (iii) Triết lý thức và ngủ, đoạn trừ các pháp bất thiện, trì giới thanh tinh, tâm không đắm nhiễm, chánh niệm tỉnh thức đe được tái sanh vào cảnh giới lành, các cõi trời và tu tập thiện pháp, tiến hóa dần, đạt đến quả vi Thánh, thoát vòng sanh tử; (iv) Tấm gương các vị thiên tử Thủ, Vô Phiền, cấp Cô Độc, v.v... lúc còn ở thế gian đã có niêm tin Tam bảo, bô thí cúng dường, giữ giới, biêt đủ? hành các hạnh lành. (39) Nhóm kỉnh về bệnh (? Bệnh tương ưng)8i gồm các kinh 1023- 1038, 1265-Í266, dạy về các tình huống: (i) Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni và cư sĩ đang bị bệnh nặng, hấp hối được đức Phật đến bên giường bệnh hướng dẫn thực tập "pháp vô ngâT, từ bỏ mọi chấp thủ về thái độ "tôi "dây là sở hữu của tôf\ "đây là tự ngã của t6i", nên vượt qua được sự đau nhức trên thân; nếu người ra đi sẽ được nhẹ nhàng, nhanh chóng tái sanh vào cảnh giới an lành; (ii) Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni và Phật tử tại gia nhờ thực tập “pháp vô ngã9\ vượt qua đau đớn trên thân, thậm chí chứng đắc quả Thánh. (40) Nhóm kỉnh về nghiệp báo (7 Nghiệp báo tương ưng)81 82 gồm các kinh 1039-106Í, được đức Phật phân tích về các loại hành vi, nhân quả với 3 chiều thời gian, cách vượt qua nghiệp bất thiện, gieo trồng các hạt giống lành, cách chuyển nghiệp để sống hạnh phúc. (41) Nhóm kỉnh về Tỳ-kheo (,Tỳ-kheo tương ưng)83 gồm các kinh 1062-1083, nói về các thành phần xã hội giác ngộ chân lý Phật, phát tâm xuất gia, trở thành Tăng sĩ Phật giáo, sinh hoạt thường nhật và cách thức tu tập Phạm hạnh thanh cao, sống hòa hợp trong Tăng đoàn, giáo hóa mọi người vượt qua khổ đau. (42) Nhóm kỉnh về Ma Ba-tuần (? Ma tương ưng)84 gồm các kinh 1084-1103, nói về: (i) Ma Ba-tuần thường biến hiện khuấy động, nhiễu loạn đức Phật và các Tỳ-kheo9 gây khó khăn chướng ngại để các Tỳ-kheo sợ hãi, chán nản5 thối chí tu tập, nhưng Ma vương đều bi thất bại; (ii) Đức Phật dạy về sự năm thủ uẩn, sáu xúc nhập xứ, sự tập khởi và sự diệt tận của chúng đe các Tỳ-kheo nhận diện, tu tập, vượt qua các nội ma phiền não và tâm lý tiêu cực, chứng đắc quả Thánh hiện đời.

81 Quyển ^Hội biên"'()đặt nhóm kinh về bệnh trong chương 7, nhóm kinh 50. 82 Quyển "H biên"()đặt nhóm kinh về nghiệp báo trong chương 7, nhóm kinh 51. 83 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về Tỳ-kheo trong chương 5, nhóm kinh 17. 84 Quyển "H0i biêrf'()đặt nhóm kinh về Ma Ba-tuần trong chương 5, nhóm kinh 18.

(43) Nhóm kỉnh về Đế-thích (Đế-thích tương ưng)8586 gồm các kinh 1104-1120,1222-1225, dạy về: (i) Hành trì bảy giới cấm được sanh lên cõi trời Đế-thích, đó là phụng dưỡng cha mẹ, phụng dưỡng các bậc tôn trưởng, lời nói ôn hòa nhu nhuyến, không nói lời thô ác chia rẽ, luôn nói lời chân thật, tâm không bon xẻn, thường

hành bố thí cúng dường bình đẳng với tất cả; (ii) Đức Phật khen ngợi Thích-đề-hoàn-nhân thường hành nhẫn nhục, tán thán người thực hành nhẫn nhục, không sân hận, không tranh dấu, không dùng lời thô ác, biết tự phòng hộ, nội tâm thường phản tỉnh. (44) Nhóm kinh về những người họ Thích (Sát-lợi tương ưng)8 gồm các kinh 1121-1123.87 Đức Phật dạy về lợi ích của giữ giới và khuyến khích những người dòng họ Thích thực hành tám trai giới, tùy sức bố thí, tu tập các công đức; dạy cho Thích Nan-đề pháp thăm bệnh; dạy cho Thích Bô-đê hạnh phúc lớn nhát chính là thành tựu niêm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, Pháp, Tăng. (45) Nhóm kỉnh về Vua Ba-tư-nặc (Ba-tư-nặc tương ưng) gồm các kinh 1145-1150, 1226-1240. Đức Phật dạy cho nhà vua về các việc: (i) Gieo vào các ruộng phước tối thượng chính là cúng dường cho các vị Sa- môn? Bà-la-môn đã đoạn trừ hoàn toàn tham dục, sân hận, thụy miên, trạo hối và nghi; (ii) Giáo pháp của Thế Tôn thiết thực hiện tại9 lìa mọi nóng bức, vượt không gian và thời gian, dẫn đến Niết-bàn; (iii) Bốn hạng người trong đời gồm hạng người từ bóng tối vào bóng tối, từ bóng tối ra ánh sáng, từ ánh sáng vào bóng tối, từ ánh sáng ra ánh sáng; bốn việc không nên xem thường là vương tử Sát-lợi nhỏ tuổi, rắn nhỏ, đốm lửa nhỏ và vị Tỳ-kheo nhỏ tuổi; (iii) Phật dạy cho nhà vua cách tri nước bằng chánh pháp, cách tiết độ trong ăn uông, ý thức rõ sự vô thường của các pháp, yêu quý chính mình băng cách giữ gìn thân miệng ý thanh tịnh, cách cúng tế chân chánh, tất cả mang lại lợi ích cho tự thân và tha nhân. (46) Nhóm kinh về Bà-la-môn (Bà-la-môn tương ưng)88 gồm các kinh 88-102, 1151-1Í63, 1Í78-1187.89 Đức Phật dạy cho các Bà-la- mồn Uât-đa-la, Ưu-ba-ca, Uât-xà-ca9 Kiêu Mạn, vê: (i) Hiên dưỡng với cha mẹ? giúp cha mẹ lìa khổ được vui; (ii) Các cách hiến tế đúng pháp mang lại lợi ích cho mình và cho người; (iii) Bốn pháp giúp người tại gia an ổn hạnh phúc trong cuộc sống hiện tại, đó là đầy đủ sự siêng năng, phòng hộ, bạn lành và biết

85 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về Đế-thích trong chương 5, nhóm kinh 19. 86 Quyển "Hội bn"()đặt nhóm kinh về những người họ Thích trong chương 5, nhóm kinh 20. 8\Các kinh 1124-Ị135 thuộc nhóm kinh về niềm tin vững chãi. Các kinh 1136-1144 thuộc nhóm kinh ve ngài Đại Ca-diếp. 88 Quyển ^Hội brT ()đặt nhóm kinh về Bà-la-môn trong chương 5, nhóm kinh 2l. 89 Các kinh 1Í64-1165 thuộc nhóm kinh về sáu giác quan. Các kinh 1Í66-1177 thuộc Nhóm kinh về thí dụ.

thăng bằng trong sinh hoạt; (iv) Công đức bố thí, trì giới, các pháp thanh tịnh, sanh thiên, giảng sâu về vị ngọt, sự tai hại, sự xuất ly của các dục, khai thị bốn chân lý Thánh để hành giả bước lên con đường tu tập, đạt được tâm giải thoát hoàn toàn. (47) Nhóm kỉnh về Phạm thiên (,Phạm thiên tương ưng)9091 92 gồm các kinh 1188-1197, nói về: (i) Khi vừa thành đạo chưa bao lâu, đức Phật quán chiếu ai trong chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn9 Bà-la-môn? thiên thần hay người thế gian có đầy đủ giới đức, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến hơn Ngài để Ngài cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và M A A •

sông nương tựa. Ngài nhận ra răng chỉ có Chánh pháp giúp Ngài tự giác ngộ, thành tựu giác ngộ hoàn toàn, nên Ngài cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và sống nương tựa vào Chánh pháp; (ii) Ngài nhận ra con đường trực tiếp, tịnh hóa chúng sanh, thoát mọi lo buôn, diệt trừ khô não, chứng ngộ Niêt- bàn, đó là bôn niệm xứ; (iii) Phạm thiên vương và các vị Phạm thiên được Phật giáo hóa. (48) Nhóm kỉnh về Tỳ-kheo-ni (Tỳ-kheo-ni tương ưng)9i gồm các kinh 1198-1207,92 thuật lại việc Ma Ba-tuần hóa hiện nhiều thân làm nhiêu loạn thiên định của chư vị Tỳ-kheo-ni: A-lạp-tỳ, Tô-ma, Cát-ly-xá Cù- dàm-di, Liên Hoa sắc, Thi-la, Tỳ-la, Tỳ-xà-da, Giá-la, Ưu-ba-giá-la, Thi-lợi-sa-giá-la. Thế nhung, Ma Ba-tuần hoàn toàn thất bại vì đã bị các vị Thánh Ni nhận ra ác tâm của Ma ngay từ lúc bắt đầu. (49) Nhóm kỉnh về thí dụ (,Thí dụ tương ưng)9394 gồm các kinh 1166-1177, 1246-1264,94 do đức Phật giảng về nhiều ẩn dụ triết học, nhằm giúp người tu học vượt qua thói phàm, tu tập tỉnh thức, song hạnh phúc giữa đời. Các ân dụ nôi bật gôm ân dụ chăn bò, ân dụ nước mưa, ân dụ gia đình trai ít gái nhiêu, ân dụ luyện kim, ân dụ dao nhọn, ân dụ đát trên đâu móng tay, ân dụ người băn cung, ân dụ trông a-năng-ha5 ân dụ mèo chôn. Nhóm kinh về dạ-xoa (,Da-xoa tương ưng)95 gồm các kinh 1319-Í330, dạy về: (i) Cách bố tìíi không tiếc nuối, đại hội hiến tế; (ii) Không oán hận giữa chiến thắng và thất bại; (iii) Không buông thả, hạnh được yêu mến, hạnh cung kính, phước sanh cõi trời; (iv) Cách bảo vệ Tổ quốc và hộ trì thế gian.

90 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về Phạm thiên trong chương 5, nhóm kinh 22. 91 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về Tỳ-kheo-ni trong chương 5, nhóm kinh 23. 92 Các kinh 1208-1221 thuộc nhóm kinh về Bà-kỳ-xá. Các kinh 1222-1225 thuộc nhóm kinh về Đế-thích. Các kinh 1226-1240 thuộc nhóm kinh về Vua Ba-tư-nặc. Các kinh 1241-1245 thuộc nhóm kinh nhiều chủ đề. 93 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về thí dụ trong chương 7, nhóm kinh 49. 94 Các kinh 1265-1266 thuộc nhóm kinh về bệnh. Các kinh 1267-1318 thuộc nhóm kinh về thiên tử và thiên nữ. 95 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về dạ-xoa trong chương 5, nhóm kinh 26.

Ixxxviii KINH TẠPA-HÀM

(51) Nhóm kỉnh về rừng (Lâm tương ưng)96 gồm các kinh 1331-1362, dạy về: (i) Các vị thần ở trong rừng nhắc nhở hộ trì chư Tỳ-kheo chuyên tinh tu tập, điều phục tham dục, không ham mê ngủ nghí, đoạn trừ tưởng bất thiện, an trú thiền tập, siêng năng tụng lời Phật dạy, giới hạnh đoan chánh, giữ gìn oai nghi tế hạnh, không gần người thế, không dao động trước những lời khen chê, thường hành tứ y pháp; (ii) Chư Tỳ-kheo được sự nhắc nhở của các thiện thần biết tàm quý, nỗ lực tu tập, vượt qua mọi phiền não, đạt được giải thoát, chứng đắc quả vị A-la-hán. Kết luận về nội dung, ngoài những chủ đề về đức Phật lịch sử, vai trò Đạo sư của đức Phật và các học thuyêt quan trọng trong triêt học Phật giáo, Kinh Tạp A-hàm là nguôn dữ liệu phong phú vê những lời dạy nguyên thủy của đức Phật. Với những bài kinh ngắn gọn thuộc nhiều nhóm chủ đề khác nhau và mang tính giáo huấn cao, Kinh Tạp A-hàm đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu nền tảng Phật học, giúp hành giả nắm bắt được những lời dạy cốt lõi của đức Phật trong suốt 45 năm truyền bá chân lý. Chung quy lại, Kỉnh Tạp A-hàm chú trọng bốn lĩnh vực sau: (i) Lời dạy về các chủ đề: Năm tổ hợp, sáu giác

quan, sáu đối tượng, sáu nhận thức, các cảnh giới sống, pháp an vui trong hiện đời, đời sau và chứng đắc Niết-bàn, v.v... (ii) Pháp tu căn bản: Dùng bốn chân lý Thánh để giải quyết khổ đau. Áp dụng thuyết tương quan vũ trụ, thuyết 12 mắc xích sự sống con người để thấy Sự tương quan vô tận trong cuộc sông. Ưng dụng quán vô ngã đê không khô đau trong vô thường. (iii) Thực hành: Thực hành theo niềm tin, thực hành theo Chánh pháp, bao gồm 37 yếu tố giác ngộ, tu tập trọn vẹn trí tuệ9 đạo dức, thiền định để vượt qua khô đau. (iv) Quả vị chứng đắc: Đi từ chân nhân đến tiệm cận Thánh nhân, bốn quả vị Thánh Thanh văn và quả vị Phật, giác ngộ, giải thoát, kết thúc luân hồi.

Chùa Giác Ngô, ngày 20-8-2022 TT.TS. THÍCH NHẬT TỪ (Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển PGVN)

96 Quyển 6íHội b'()đặt nhóm kinh về rừng trong chương 5, nhóm kinh 27.

KINH

TẠPA-HÀM

KINH SỐ l

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Các thầy hãy quán sắc là vô thường. Quán như vậy là chánh quán. Do chánh quán mà phát sinh sự yểm ly. Do yểm ly mà hỷ tham bi diệt tận. Do hỷ tham bi diệt tận mà nói là tâm giải thoát.

y

Cũng vậy, các thây hãy quán thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Quán như vậy là chánh quán. Do chánh quán mà phát sinh sự yểm ly. Do yểm ly mà hỷ tham bi diệt tận. Do hỷ tham bị diệt tận mà nói là tâm giải thoát. Tỳ-kheo như vậy là bậc tâm giải thoát, nếu muốn tự mình chứng ngộ thì có thê tự mình chứng ngộ: “Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cân làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nua/9 Quán vô thường, khổ, không và phi ngã cũng như vậy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 2 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Đôi với săc5 các thây hãy chánh tư duy, quán sác là vô thường, biêt một cách như thật. Tại sao vậy? Tỳ-kheo đối với sắc, chánh tư duy, quán sắc là vô thường, biết một cách như thật thì đối với sắc, dục tham được đoạn trừ. Do dục tham được đoạn trừ mà nói là tâm giải thoát. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức, các thầy hãy chánh tư duy, quán thức là vô thường, biết một cách như thật. Tại sao vậy? Tỳ-kheo đối với thức, chánh tư duy, quán thức là vô thường, biết một cách như thật thì đối với thức, dục tham được đoạn trừ. Do dục tham được đoạn trừ mà nói là tâm giải thoát.

2 KINH TẠPA-HÀM

Như vậy, người với tâm giải thoát, nêu muôn tự mình chứng ngộ thì có thê tự mình chứng ngộ: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa?5 Chánh tư duy vô thường, chánh tư duy khổ, không và phi ngã cũng như vậy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, đức The Ton noi vơi các Ty-kheo: Ai đối với sắc, nếu không biết, không hiểu rõ, không đoạn, không ly dục tham thì người áy không thê đoạn tận khô. Cũng vậy, ai đối với thọ, tưởng, hành, thức, nếu không biết, không hiểu rõ, không đoạn, không ly dục tham thì người ấy không thể đoạn tận khổ. "X T \ r-p Ạ l l • 4- Á • r\ w Á l • ÁJ Á 1 • À x Á 4- Á j 1 Nay các Ty-kheo, ai đôi vơi sac, nêu biêt, nêu niêu rõ, nêu đoạn, nêu ly dục tham thì người ấy có thể đoạn tận khổ. Cũng vậy, ai đối với thọ, tưởng, hành, thức, nếu biết, nếu hiểu rõ, nếu đoạn, nếu ly dục tham thì người ấy có thể đoạn tận kho. Bẩy giờ, các Ty-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Ai đối với sắc, nếu không biết, không hiểu rõ, không đoạn, không ly dục tham, tâm không giải thoát thì người ấy không thể vượt qua sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết. Cũng vậy, ai đối với thọ, tưởng, hành, thức, nếu không biết, không hiểu rõ, không đoạn, không ly dục tham, tâm không giải thoát thì người ấy không thể vượt qua sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết. Này các Tỳ-kheo, ai đối với sắc, nếu biết, hiểu rõ, đoạn, ly dục tham, tâm giải thoát thì người ấy có thể vượt qua sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết. Cũng vậy, ai đối với thọ, tưởng, hành, thức, nếu biết, hiểu rõ5 đoạn, ly dục tham, tâm giải thoát thì người ấy có thể vượt qua sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết. Bây giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠP A HÀM 3

KINH SO Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Ai đối với sắc mà ái hỷ thì đối với khổ cũng ái hỷ. Ai đối với khổ mà ái hỷ thì đối với khổ, người ấy không thể giải thoát. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà ái hỷ thì cũng ái hỷ khổ. Ai ái hỷ khổ thì đối với khổ, người ấy không thể giải thoát. Này các Tỳ-kheo, ai đối vơi sắc mà không ái hỷ thì không ái hỷ khổ. Ai không ái hỷ khổ thì đối với khổ, người ấy có thể giải thoát. Cũng vậy, ai không ái hỷ thọ? tưởng, hành, thức thì người ấy không ái hỷ khổ. Ai không ái hỷ khổ thì đối với khổ, người ấy được giải thoát. Này các Tỳ-kheo5 ai đối với sắc nếu không biết, không hiểu rõ, không ly dục tham, tâm không giải thoát thì người ấy không the đoạn tận kho. Cũng vậy, ai đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu không biết, không hiểu rõ, không ly dục tham, tâm không giải thoát thì người ấy không the đoạn tận kho. Ai đôi với sác nêu biêt, nêu hiêu rõ, nêu ly dục tham, tâm được giải thoát thì người ấy có thể đoạn tận khổ. Cũng vậy, ai đối với thọ5 tưởng, hành, thức nếu biết, nếu hiểu rõ, nếu ly dục tham, tâm được giải thoát thì người ấy có thể đoạn tận khổ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Ai đối với sắc nếu không biết, không hiểu rõ, không ly dục tham, tâm không giải thoát thì người ây không thê vượt qua sợ hãi vê sanh, già, bệnh, chét. Cũng vậy, ai đôi với thọ, tưởng, hành, thức nêu không biêt, không hiêu rõ? không ly dục tham, tâm không giải thoát thì người ấy không thể vượt qua sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết. Này các Tỳ-kheo, ai đôi với sác nêu biêt, nêu hiêu rõ, nêu ly dục tham, tâm giải thoát thì người ấy có thể vượt qua sợ hãi ve sanh, già, bệnh, chết. Cũng vậy, ai đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu biết, nếu hiểu rõ, nếu ly dục tham, tâm giải thoát thì người ấy có thể vượt qua sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

4 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 7 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Ai đối với sắc mà ái hỷ thì đối với khổ cũng ái hỷ. Ai đối với khổ mà ái hỷ thì đối với khổ, người ấy không thể giải thoát. Cũng vậy, ai đối với thọ, tưởng, hành, thức mà ái hỷ thì cũng ái hỷ khổ. Ai ái hỷ khổ thì đối với khổ, người ấy không thể giải thoát. Này các Tỳ-kheo, ai không ái hỷ sắc thì cũng không ái hỷ khổ. Ai không ái hỷ khổ thì đối với khổ, người ấy có thể giải thoát. Cũng vậy, ai không ái hỷ thọ, tưởng, hành, thức thì cũng không ái hỷ khổ. Ai không ái hỷ khổ thì đối với khổ, người ấy có thể giải thoát. Bấy giờ, các Tỳ-kheo, sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. * Bài kệ tóm tắt nội dung bảy kinh trên: Vô thường, khổ và không, Phi ngã, chánh tư duy, Không biết, tất cả bốn, Và hỷ lạc với sắc. *** KINH SỐ 8 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Sắc quá khứ, sắc vị lai đều là vô thường, huống nữa là sắc hiện tại. Thánh đệ tử quán như vậy, không đoái tưởng sắc quá khứ, không mong cầu sắc vi lai, đối với sắc hiện tại thì yểm ly, ly dục, hướng thẳng diệt tận. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ và vi lai đều vô thường; huống nữa là thọ, tưởng, hành, thức hiện tại. Thánh đệ tử quán như vậy, không đoái tưởng thọ, tưởng, hành, thức quá khứ; không mong cầu thọ, tưởng, hành, thức vi lai; đôi với thọ, tưởng, hành, thức hiện tại thì yêm ly5 ly dục, hướng thăng diệt tán. Vô thường, khổ, không và phi ngã cũng như vậy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠP A-HÁM 5

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Sắc là vô thường. Vô thường tức khổ. Khổ tức phi ngã. Cái gì là phi ngã thì cũng phi ngã sở. Quán như vậy gọi là chân thật chánh quán. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức khổ. Khổ tức phi ngã. Cái gì là phi ngã thì cũng phi ngã sở. Quán như vậy gọi là chân thật chánh quán. Thánh đệ tử do quán như vậy mà yểm ly sắc, yểm ly thọ, tưởng, hành, thức. Do yểm ly cho nên không ưa thích. Do không ưa thích nên được giải thoát. Ai giải thoát thì trí

chân thật phát sinh: "Su sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa." Bây giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, đức The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Sắc là vô thường. Vô thường tức khổ. Khổ tức phi ngã. Cái gì là phi ngã thì cũng phi ngã sở. Quán như vậy là chân thật chánh quán. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức khổ. Khổ tức phi ngã. Cái gì là phi ngã thì cũng phi ngã sở. Quán như vậy là chân thật chánh quán. Thánh đệ tử quán như vậy, giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Ta nói, đó là sự giải thoát hoàn toàn khỏi sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, đức The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Sắc vô thường. Những gì hoặc nhân, hoặc duyên sanh ra sắc cũng vô thường. Các sắc được sanh ra từ nhân vô thường, duyên vô thường, sao lại có thể thường được? Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức vô thường. Những gì hoặc nhân, hoặc duyên sanh ra thức cũng vô thường. Các thức được sanh ra từ nhân vô thường, duyên vô thường, sao lại có thể thường được?

Như vậy, này các Tỳ-kheo, sắc vô thường, thọ, tưởng, hành, thức vô thường. Cái gì vô thường, cái đó là khổ. Cái gì khổ, cái đó là phi ngã. Cái gì là phi ngã thì cũng phi ngã sở. Thánh đệ tử quán như vậy, yểm ly sắc, yểm ly thọ, tưởng, hành, thức. Do yểm ly nên không ưa thích. Do không ưa thích nên giải thoát, giải thoát tri kiên: uSự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, điều cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 12 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, ở rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, đức The Ton noi với các Ty-kheo: Sắc vô thường. Những gì hoặc nhân, hoặc duyên sanh ra sắc cũng vô thường. Các sắc được sanh ra từ nhân vô thường, duyên vô thường, sao lại có thể thường được? Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức vô thường. Những gì hoặc nhân, hoặc duyên sanh ra thức cũng vô thường. Các thức được sanh ra từ nhân vô thường, duyên vô thường, sao lại có the thường được? Như vậy, này các Tỳ-kheo, sác vô thường, thọ? tưởng, hành, thức vô thường. Cái gì vô thuơng, cái đó là khổ. Cái gì là khổ, cái đó là phi ngã. Cái gì là phi ngã thì cũng phi ngã sở. Quán như vậy là chân thật chánh quán. Thánh đệ tử quán như vậy, giải thoát sắc, giải thoát thọ, tưởng, hành, thức. Ta nói đó là sự giải thoát hoàn toàn khỏi sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SO 13 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cồ Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Nêu chúng sanh nào không nếm vị ngọt của sắc thì không đắm nhiễm sắc. Vì chúng sanh nếm vị ngọt của sắc cho nên đắm nhiễm sắc. Cũng vậy, nếu chúng sanh nào không nếm vị ngọt của thọ,

tưởng, hành, thức; chúng sanh ấy không đắm nhiễm... thức. Vì chúng sanh nếm vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức cho nên đam nhiễm... thức. Này các Tỳ-kheo, nếu sắc đối với chúng sanh không phải là sự tai hại, các chúng sanh đó không cần phải yêm ly sao. Vì săc là sự tai hại của chúng sanh, cho nên các chúng sanh đó mới yểm ly sắc. Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành,

KINHTẠPA-HÀM^ 7

thức không phải là sự tai hại thì các chúng sanh đó không cần yểm ly... thức. Vì thọ, tưởng, hành, thức là sự tai hại của chúng sanh, cho nên các chúng sanh đó mới yểm ly... thức. Này các Tỳ-kheo, nếu sắc đối với chúng sanh không thể xuất ly, các chúng sanh đó không cần xuất ly sắc. Vì sắc đối với chúng sanh có thể xuất ly, cho nên chúng sanh đó mới xuất ly sắc. Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức đối với chúng sanh không thê xuất ly, các chúng sanh đó không cân xuất ly... thức. Vì thọ, tưởng, hành, thức đối với chúng sanh có thể xuất ly, cho nên các chúng sanh đó mới xuất ly... thức. Này các Tỳ-kheo? nếu đối với năm thọ ấm này mà Ta không hiểu biết một cách như thật rằng vi ngọt là vi ngọt, tai hại là tai hại, sự xuất ly là xuất ly, thời trong chúng chư Thiên, hoặc Ma, hoặc Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, trời, người, Ta đã không thoát, không xuất, không ly, vĩnh viễn trụ nơi điên đảo, cũng không thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này các Tỳ-kheo, vì Ta đã hiểu biết năm thọ ấm này một cách như thật rằng vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, cho nên trong chúng chư Thiên, hoặc Ma, hoặc Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, trời và người, Ta đã tự mình chứng ngộ, được thoát, được xuất, được ly, được giải thoát khỏi các trói buộc, vĩnh viễn không trụ nơi điên đảo, và có thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 14 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Trước kia Ta đã từng đi tầm cầu vi ngọt của sắc. Nếu có kinh nghiệm gì về vị ngọt của sắc thì bằng trí tuệ Ta thấy rõ như thật vị ngọt của sắc. Cũng vậy, Ta đã đi tầm cầu vi ngọt của thọ, tưởng, hành, thức. Nếu có kinh nghiệm gì về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức thì bằng trí tuệ Ta thấy rõ như thật vị ngọt của... thức. Này các Tỳ-kheo, Ta đã từng đi tầm cầu sự tai hại của sắc. Nếu có kinh nghiệm gì về sự tai hại của sắc thì bằng trí tuệ Ta thấy rõ như thật sự tai hại của sác. Cũng vậy, Ta đã đi tầm cầu sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức. Nếu có kinh nghiệm gì về sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức thì bằng trí tuệ Ta thấy rõ như thật sự tai hại của... thức. Này các Tỳ-kheo, Ta đã từng đi tầm càu sự xuất ly của sắc. Nếu có kinh nghiệm gì về sự xuất ly của sắc thì bằng trí tuệ Ta thấy rõ như thật sự xuất ly của sắc. Cũng vậy, Ta đã từng đi tầm cầu sự xuất ly của thọ, tưởng, hành, thức. Nêu có kinh nghiệm gì về sự xuất ly của thọ, tưởng, hành, thức thì băng trí tuệ Ta thấy rõ như thật sự xuất ly của... thức.

8 9 KINH TẠP A-HAM

Này các Tỳ-kheo5 nếu đối với năm thọ ấm này mà Ta không hiểu biết một cách như thật rằng, vi ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, sự xuất ly là xuất ly, thời trong chúng chư

Thiên, hoặc Ma, Phạm, Sa-môn? Bà-la-môn, trời, người, Ta đã không thoát, không xuất, không ly, vĩnh viễn trụ nơi điên đảo, không thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này các Tỳ-kheo? vì Ta đã hiểu biết năm thọ ấm một cách như thật rằng, vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, sự xuất ly là xuất ly, nên trong chúng chư Thiên, hoặc Ma, Phạm, Sa-môn? Bà-la-môn? trời, người, Ta đã tự mình chứng ngộ, được thoát, được xuất, được ly, được ệiải thoát khỏi các trói buộc, vĩnh viễn không trụ nơi điên đảo, và cũng có the tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. *

Bài kệ tóm tắt nội dung bảy kinh trên:

Quá khứ, nói bốn loại, Yểm ly và giải thoát,

Hai loại nói nhân duyên, Vị ngọt cũng hai loại.

***

KINH SỐ 15 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, đứng sang một bên? rồi bạch Phật: Lành thay! Bạch Thế Tôn! Nay nên vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Con sau khi nghe pháp, sẽ một mình ở chỗ vắng, tu tập không buông lung. Sau khi tu tập không buông lung, con lại sẽ tư duy lý do mà một thiện nam tử lìa bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp phục, tin tưởng, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, là vì cứu cánh vô thượng Phạm hạnh, được chứng ngộ ngay trong đời này: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nua?9 Bây giờ, đức The Ton noi vơi Tỳ-kheo ây: Lành thay! Lành thay! Thầy khéo nói lời này: "Nay nên vì con mà nói tóm tát pháp yêu. Con sau khi nghe pháp, sẽ một mình ở chỗ vắng, tu tập không buông lung... tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."' Có phải thầy nói như vậy chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Đức Phật nói với Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ ky, Ta sẽ vì thầy giảng nói!

KINH TẠPA-HÀM 9

Này Tỳ-kheo, nếu tùy kiết sử sai sử, tức là chết theo kiết sử, chết theo kiết sử là bị thủ trói buộc. Nay Tỳ-kheo, nếu không tùy kiết sử sai sử, tức không chết theo kiết sử. Không chết theo kiết sử, tức đối với thủ được giải thoát. Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Con đã biết. Phật bảo Tỳ-kheo: ở trong pháp Ta nói vắn tắt, thầy hiểu rộng ý nghĩa đó như thế nào? Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, sắc tùy kiết sử sai sử, sắc chết theo kiết sử. sắc tùy kiết sử sai sử? sắc chết theo kiết sử, thời bị thủ trói buộc. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức tùy kiết sử sai sử, chết theo kiết sử. Tùy kiết sử sai sử, chết theo kiết sử, thời bị thủ trói buộc. Bạch Thế Tôn, nếu sắc không tùy kiết sử sai sử, thời không chết theo kiết sử. Không tùy kiết sử sai sử, không chết theo kiết sử, thời đối với thủ được giải thoát. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không tùy kiết sử sai sử, không chết theo kiết sử. Không tùy kiết sử sai sử, không chết theo kiết sử, thời đối với thủ được giải thoát. Như vậy, bạch Thê Tôn, ở trong pháp được nói văn tăt? con hiêu rộng ý nghĩa đó như vậy. Phật bảo Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đối với pháp Ta nói vắn tắt đã hiểu rộng ý nghĩa đó. Vì cớ sao? sắc tùy kiết sử sai sử?

thời chết theo kiết sử. Tùy kiết sử sai sử, chết theo kiết sử, thời bị thủ trói buộc. Như vậy9 thọ, tưởng, hành, thức tùy kiết sử sai sử, thời chết theo kiết sử. Tùy kiết sử sai sử, chết theo kiết sử, thời bi thủ trói buộc. Này Tỳ-kheo, sắc không tùy kiết sử sai sử, thời Idiông chết theo kiết sử. Không tùy kiết sử sai sử, không chết theo kiết sử, thời đối với thủ được giải thoát. Như vậy, thọ, tưởng, hành, thức không tùy kiết sử sai sử, thời không chết theo kiết sử. Không tùy kiết sử sai sử, không chết theo kiết sử, thời đối với thủ được giải thoát. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy sau khi nghe lời Phật dạy, tâm rất hoan hỷ, lễ Phật rồi lui ra. Vi ấy một mình ở chỗ vắng, tinh cần tu tập, sống không buông lung. Sau khi tinh cần tu tập, sống không buông lung, vị ấy tư duy lý do mà thiện nam tử từ bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp phục, tin tưởng xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... tự biết không còn tái sanh đời sau nữa." Bấy giờ, vị Tỳ-kheo ấy thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát.

KINH SỐ 16 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, thưa hỏi như trên, với những khác biệt như sau: Cái gì là tùy kiết sử sai sử, chết theo kiết sử, cái đó tăng các số. Cái ỊÌ không tùy kiết sử sai sử? không chết theo kiết sử, thời cái đó không tăng các so. Đức Phật nói với Tỳ-kheo ấy: Trong pháp Ta nói vắn tắt, thầy hiểu rộng ý nghĩa đó như thế nào? Tỳ-kheo bạch Phật: Nếu sắc tùy kiết sử sai sử, chết theo kiết sử; cái gì tùy kiết sử sai sử, chết theo kiết SÍT, thời cái đó tăng các số. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức tùy kiết sử sai sử, chết theo kiết sử; cái gì tùy kiết sử sai sử5 chết theo kiết sử, thời cái đó tăng các số. Bạch Thế Tôn, nếu sắc không tùy kiết sử sai sử, không chết theo kiết sử; cái gì không tùy kiết sử sai sử, không chết theo kiết sử, thời cái đó không tăng các số. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không tùy kiết sử sai sử, không chét theo kiết sử; cái gi không tùy kiết sử sai sử, không chết theo kiết sử, thời cái đó không tăng các số. Bạch Thế Tôn, trong pháp được nói vắn tắt, con hiểu rộng ý nghĩa đó như vậy. (Cũng tương tợ như kỉnh trên, cho đến đắc A-la-hán, tâm được giải thoáty)

KINH SỐ 17 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai hữu, chắp tay bạch Phạt: Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin vì con mà lược nói pháp yếu. Con sau khi nghe pháp, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, tư duy lý do mà một thiện nam tử từ bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp phục, chánh tín xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, là vì cứu cánh vô thượng Phạm hạnh, được chứng ngộ ngay trong đời này: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau.” Bấy giờ, Thế Tôn nói với Tỳ-kheo ấy: Lành thay! Lành thay! Thay khéo nói lời này: "Nay xin vì con mà lược nói pháp yếu. Con sau khi nghe pháp, sẽ một mình ở chỗ vắng, tu tập không buông lung,... tự biết không còn thọ thân sau."' Có phải thầy nói như vậy chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! Phật bảo Tỳ-kheo: Lang nghe, lắng nghe, khéo suy niệm, Ta sẽ vì thầy nói!

KINH TẠP A-HÀM 11

Này Tỳ-kheo, pháp nào không đáng của thây, hãy nên gáp rút đoạn trừ. Ai đoạn trừ pháp đó vì nghĩa lợi, vì thiện ích, sẽ được yên vui lâu dài. Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Con đã biết. Phật bảo Tỳ-kheo: Trong pháp của Ta lược nói, thầy hiểu rộng ý nghĩa đó như thế nào? Tỳ"kheo bạch Phật: Sắc không đáng là của con, phải nên gấp rút đoạn trừ. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không đáng là của con, phải nên gấp rút đoạn trừ. Sau khi đã đoạn trừ vì nghĩa lợi, vì thiện ích, sẽ được yên vui lâu dài. Cho nên, bạch Thế Tôn, đối với pháp lược nói, con đã hiểu rộng ý nghĩa đó như vậy. Đức Phật nói: Lành thay! Lành thay! Này Theo, ở trong pháp Ta nói vắn tắt, thầy đã hiểu rộng ý nghĩa đó. Vì cớ sao? Vì sắc không đáng là của thầy, hãy nên gấp rút đoạn trừ. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không đáng là của thầy, hãy nên gấp rút đoạn trừ. Sau khi đã đoạn trừ vì nghĩa lợi, vì thiện ích, sẽ được yên vui lâu dài. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy, sau khi nghe lời Phật dạy, tâm rất hoan hỷ, lễ Phật rồi lui ra, một mình ở chỗ vắng, tinh cần tu tập, sống không buông lung. Sau khi tinh cần tu tập, sống không buông lung, vị ấy tư duy lý do mà thiện nam tử từ bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp phục, tin tưởng xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình,... tự biết không còn tái sanh đời sau." Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát.

KINH SỐ 18 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai hữu, chắp tay bạch Phật: Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin vì con lược nói pháp yếu. Con sau khi nghe pháp, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung... "... tự biêt không còn tái sanh đời sau nữa." Phật bảo Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Thầy khéo nói lời này: “Bạch Thế Tôn, xin vì con lược nói pháp yếu. Con sau khi nghe pháp, sẽ một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung... c... tự biết không còn tái sanh đời sau.'", có phải chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, đúng như vậy!

12 KINH TẠPA-HÀM

Phật bảo Tỳ-kheo: Lăng nghe, lăng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ vì thây giảng nói! Nếu cái gì không đáng là thầy, không đáng là của thầy, cũng không đáng là của người khác, pháp đó hãy nên gấp rút đoạn trừ. Sau khi đã đoạn trừ pháp đó vì nghĩa lợi, vì thiện ích, sẽ được yên vui lâu dài. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu. Phật bảo Tỳ-kheo: Trong pháp Ta nói vắn tắt, thầy hiểu rộng ý nghĩa đó như thế nào? Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, sắc không đáng là con, không đáng là của con, cũng không đáng là của người khác; pháp đó phải nên gấp rút đoạn trừ. Sau khi đã đoạn trừ pháp đó vì nghĩa lợi, vì thiện ích, sẽ được yên vui lâu dài. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không đáng là con, không đáng là của con, cũng không đáng là của người khác; pháp đó phải nên gấp rút đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy vì nghĩa lợi, vì thiện ích, sẽ được yên vui lâu dài. Thế nên, đối với pháp Như Lai lược nói, con đã hiểu rộng nghĩa ấy như vậy. Phật bảo Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Trong pháp Ta lược nói, thây đã hiêu rộng nghĩa đó như thế. Vì cớ sao? Này Tỳ-kheo, sắc không phải là thầy, không phải của thầy, cũng không phải của người khác; pháp ấy

nên gấp rút đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ pháp ấy vì nghĩa lợi, vì thiện ích, sẽ được yên vui lâu dài. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không phải là thầy, không phải của thầy, cũng không phải của người khác; pháp ấy nên gấp rút đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ pháp ấy vì nghĩa lợi, vì thiện ích, sẽ được yên vui lâu dài. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy sau khi nghe lời Phật dạy, tâm rất vui mừng, lễ Phật rồi lui ra, một mình ở tại chỗ vắng, tinh cần tu tập, sống không buông lung... "... tự biết không còn tái sanh đời sau.” Ngay lúc ây, Tỳ-kheo ây tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán.

KINH SỐ 19 y

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ? có một Tỳ-kheo tò chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ Phật, rồi bạch Phật: Bạch The Tôn, xin vì con mà lược nói pháp yếu. Con sau khi nghe pháp, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, tư duy lý do mà một thiện nam tử chánh tín xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... "... tự biết không còn tái sanh đời sau."

KINH TẠPA-HÀM^ 13

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Thầy khéo nói lời này: "Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin vì con lược nói pháp yếu. Con sau khi nghe pháp, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, song không buông lung... tự biết không còn tái sanh đời sau"', có phải chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! Phật bảo Tỳ-kheo: Hãy lăng nghe, hãy lăng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ vì thây giảng nói! Này Tỳ-kheo, pháp nào bị kiết sử trói buộc, hãy nên gấp rút đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ vì nghĩa lợi? vì thiện ích, sẽ được yên vui lâu dài. Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Con đã biết. Phật bảo Tỳ-kheo: Trong pháp Ta lược nói, thầy hiểu rộng nghĩa đó như thế nào? Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, sắc là pháp bi kiết sử trói buộc. Pháp bị kiết sử trói buộc, pháp ấy phải nên gấp rút đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ pháp ấy vì nghĩa lợi, vì thiện ích, sẽ được yên vui lâu dài. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Pháp bị kiết sử trói buộc, pháp ấy nên gấp rút đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ pháp ấy vì nghĩa lợi, vì thiện ích, sẽ được yên vui lâu dài. Cho nên, trong pháp Thế Tôn lược nói, con đã hiểu rộng nghĩa đó như vậy. Phật bảo Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Trong pháp Ta lược nói, thây đã hiêu rộng nghĩa đó như vậy. Vì cớ sao? Vì sắc là pháp bị kiết sử trói buộc, pháp ấy nên gấp rút đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ pháp ấy vì nghĩa lợi, vì thiện ích, sẽ được yên vui lâu dài. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là pháp bị kiết sử trói buộc, pháp ấy nên gấp rút đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ pháp ấy vì nghĩa lợi, vì thiện ích, sẽ được yên vui lâu dài. Bây giờ, Tỳ-kheo kia sau khi nghe đức Phật dạy, tâm rát vui mừng, làm lê roi lui ra, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung tự biết không còn tái sanh đời sau.".. tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán.

KINH SỐ 20 Thâm kỉnh cũng được nói như vây.

KINH SỐ 21 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ Phật, rồi bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, xin vì con lược nói pháp yếu. Con sau khi nghe pháp, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung. Sau khi sống không buông lung, con sẽ tư duy lý do mà thiện nam tử chánh tín xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... "... tự biết không còn tái sanh đời sau." Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Thầy khéo nói lời này: “Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin vì con lược nói pháp yếu. Con sau khi nghe pháp, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung... "... tự biết không còn tái sanh đời sau."', có phải chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Phật bảo Tỳ-kheo: Hãy lăng nghe, hãy lăng nghe, khéo tư niệm, Ta sẽ vì thây giảng nói! Này Tỳ-kheo, ai dao động thì bi ma trói buộc. Ai không dao động thời giải thoát khỏi Thiên ma Ba-tuần. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Con đã biết. Phật bảo Tỳ-kheo: Trong pháp Ta lược nói, thầy hiểu rộng ý nghĩa đó như thế nào? Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn? khi bị sắc làm dao động thời bị ma trói buộc, nếu không dao động thời giải thoát khỏi Thiên ma Ba-tuần. Cũng vậy, khi bị thọ, tưởng, hành, thức làm dao động thời bi ma trói buộc, nếu không dao động thời giải thoát khỏi Thiên ma Ba-tuần. Cho nên, trong pháp Thế Tôn lược nói, con đã hiểu rộng nghĩa đó như vậy. Phật bảo Tỳ-kheo: 9

Lành thay! Lành thay! Thây ở trong pháp Ta lược nói, đã hiên rộng nghĩa đó. Vì sao? Nêu khi bi săc làm dao động thời bị ma trói buộc, nếu không dao động thời giải thoát khỏi Thiên ma Ba-tuần. Cũng vậy, khi bị thọ, tưởng, hành, thức làm dao động thời bi ma trói buộc, nếu không dao động thời giải thoát khỏi Thiên ma Ba-tuần. tự biết không còn tái sanh đời sau?9... tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán.

KINH SỐ 22 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 15

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo tên là Kiếp-ba đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, đứng sang một bên, rồi bạch: Như lời Thế Tôn dạy: uTỳ-kheo tâm được khéo giải thoát?5 Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo tâm được khéo giải thoát? Bấy giờ, Thế Tôn nói với Kiếp-ba: Lành thay! Lành thay! Thầy có thể hỏi Như Lai về tâm khéo giải thoát. Lành thay, Kiếp-ba! Hãy lang nghe, hãy lắng nghe, khéo suy niệm kỹ, Ta sẽ vì thầy giảng nói! Này Kiếp-ba, hãy quán biết những gì có sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều vô thường. Sau khi chánh quán vô thường, sắc ái liền bị đoạn trừ. Sau khi sắc ái bị đoạn trừ, tâm khéo giải thoát. Cũng vậy, quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều vô thường. Sau khi chánh quán vô thường, thức ái liền bị đoạn trừ. Sau khi thức ái được đoạn trừ, Ta nói là tâm khéo giải thoát. Này Kiếp-ba, Tỳ-kheo tâm khéo giải thoát như vậy, Như Lai gọi đó là bậc tâm khéo giải thoát. Vì sao? Vì đoạn trừ ái dục. Ai đoạn trừ ái dục, Như Lai gọi là tâm khéo giải thoát.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Kiếp-ba sau khi nghe lời Phật dạy, tâm rất hoan hỷ, lễ Phật rồi lui ra. Bấy giờ, Tỳ-kheo Kiếp-ba vâng lãnh những điều Phật dạy, một mình tại chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung.tự biết không còn thọ thân sau." tâm khéo giải thoát, thành bậc A-la-hán.

KINH SỐ 23 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ sát chân Phật, đứng sang một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào để đối với thức thân này của con cùng với tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, có thể khiến cho không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn kiết sử? Phật bảo La-hầu-la: Lành thay! Lành thay! Có phải thầy hỏi Như Lai rằng: “Biết thế nào, thấy thế nào để đối với thức thân này của con cùng với tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, có thể khiến cho không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn kiết sử" chăng? La-hầu-la bạch Phật: Bạch Thế Tôn, đúng như vậy!

Phật bảo La-hầu-la: Lành thay! Lành thay! Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, hãy khéo suy niệm, Ta sẽ vì thầy giảng nói! Này La-hầu-la, hãy quán những gì có sắc hoặc quá khứ, hoặc vi lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gàn; tất cả chúng đều là không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Như vậy, với tuệ bình đẳng mà chánh quán. Cũng vậy, quán những gì có thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vi lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tê5 hoặc tót, hoặc xâu, hoặc xa, hoặc gân; tát cả chúng đêu không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Như vậy, với tuệ bình đẳng mà quán đúng như thật. Như vậy, này La-hầu-la, Tỳ"kheo biết như vậy, thấy như vậy, ai biết như vậy, thấy như vậy thì đối với thức thân này cùng với tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn kiết sử. Này La-hầu-la, nếu Tỳ-kheo như vậy đối với thức thân này cùng với tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài là không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn kiết sử, Tỳ-kheo đó được gọi là vị đã cắt đứt ái dục, đẩy đi các kiết sử, chơn chánh liên tục đi đến tận cùng mé khổ. Bấy giờ, La-hầu-la sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 24 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giơ, đức Thê Tôn noi với La-hâu-la: Tỳ-kheo biết thế nào? thấy thế nào, đối với thức thân của mìiýi? cùng với tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn kiết sử? La-hầu-la bạch Phật: Thế Tôn là Pháp Chủ, Thế Tôn là Đạo Su, Thế Ton là Vị Che Chở. Lành thay! Bạch Thế Tôn? xin vì các Tỳ-kheo diễn nói nghĩa ấy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Phật bảo La-hầu-la: Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo suy niệm, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! La-hầu-la bạch Phật: Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Phật dạy: Hãy quán những gì có sắc, hoặc quá khứ, hoặc vi lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần; tất

cả chúng thảy đều không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Như vậy, với tuệ bình đang quán đúng như thật. Cũng vậy, quán những gì có thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng thảy đều không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Như vậy, với tuệ bình đẳng quán đúng như thật. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, đối với thức thân này của mình cùng với tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn kiết sử. Này La-hầu-la, Tỳ-kheo như vậy đối với thức thân này cùng với tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn kiết sử. Vị ấy siêu việt tâm nghi ngờ, xa lìa các tướng, tịch tinh giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo đã cắt đứt ái dục? đẩy đi các kiết sử, chơn chánh liên tục đi đến tận cùng mé khổ. Bấy giờ, La-hầu-la sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. * Bài kệ tóm tắt nội dung các kinh trên: Sử, tăng các số, Phi ta5 phi kia, Kiết buộc, dao động, Kiếp-ba thưa hỏi Và La-hầu-la Hai kinh được hỏi. *** KINH SỐ 25 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lễ Phật xong, đứng sang một bên, bạch Phạt: Như Thế Tôn dạy: "Da văn/9 Thế nào là đa văn? Phật bảo Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Có phải nay thầy hỏi Ta về ý nghĩa đa văn chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Phật bảo Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, hãy khéo suy niệm, Ta sẽ vì thầy giảng nói! Tỳ-kheo nên biết, nếu nghe rằng: sắc là pháp làm phát sinh sự yểm ly, ly dục? diệt tận, tịch tĩnh, đó gọi là đa văn. Cũng vậy, nếu nghe rằng: Thọ, tưởng, hành, thức là pháp làm phát sinh sự yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, đó gọi là đa văn.

18 KINH TẠP A-HÀM

Này Tỳ-kheo, đó là đa văn mà Như Lai nói đến. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ? phấn khởi, làm lễ rồi lui ra.

KINH SỐ 26 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, đứng sang một bến, rồi bạch Phật: Như Thế Tôn dạy: 'Tháp SU." Thế nào là Pháp sư? Phật bảo Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Có phải nay thầy muốn biết nghĩa Pháp sư mà Như Lai nói đến chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Phật bảo Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, hãy khéo suy niệm, Ta sẽ vì thầy giảng nói! Phật bảo Tỳ-kheo: Nếu ai đối với sắc mà nói rằng, đó là pháp sanh ra yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tinh, đó gọi là Pháp sư. Nếu ai đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nói rằng, đó là các pháp sanh ra yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tinh, đó gọi là Pháp sư. Đó là Pháp sư mà Như Lai nói đến. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, phấn khởi, làm lễ rồi lui ra.

KINH SỐ 27

Tôi nghe như vầy:

Một thòd, Phật tru tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi đến bạch đức Phật:

Như Thế Tôn dạy: 'Tháp thứ pháp hướng." Thế nào là 'Tháp thứ pháp hướng'5?

Phật bảo Tỳ-kheo:

Lành thay! Lành thay! Có phải thầy nay muốn biết nghĩa "Pháp thứ pháp hướng" chăng?

Tỳ-kheo bạch Phật:

Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

KINH TẠP A-HÀM 19

Phật bảo Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, khéo suy niệm, Ta sẽ vì thầy giảng nói! Này Tỳ-kheo, đối với sắc hướng đến yểm ly, ly dục, diệt tận, đó gọi là "Pháp thứ pháp hướng." Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức hướng đến yểm ly, ly dục, diệt tận, đó gọi là "Pháp thứ pháp hướng.^, Bấy giờ, Tỳ-kheo kia sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, phấn khởi, làm lễ rồi lui ra.

KINH SỐ 28 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, đứng qua một bên, rồi bạch Phật: Như lời Thế Tôn đã dạy: uNiết-bàn trong hiện tại." Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo đạt được Niết-bàn trong hiện tại? Phật bảo Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Nay thầy muốn biết về Niết-bàn trong hiện tại chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Phật bảo Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, khéo suy niệm, Ta sẽ vì thầy mà giảng nói! Phật bảo Tỳ-kheo: Đôi với sác mà sanh tâm yêm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, không khởi các lậu5 tâm chánh giải thoát, đó gọi là Tỳ-kheo đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại. Cũng vậy đoi với thọ, tưởng, hành, thức mà sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không khởi các lậu, tâm chánh giải thoát, đó gọi là Tỳ-kheo đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, phấn khởi, làm lễ rồi lui ra.

KINH SO 29 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Tam-mật-ly-đề đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, đứng qua một bên, rồi bạch Phật: Như Thế Tôn dạy: “Thuyết pháp SU." Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Thuyết pháp sư?

20 KINH TẠP A-HÀM

Phật bảo Tỳ-kheo: Thầy nay muốn biết nghĩa của Thuyết pháp sư chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Phật bảo Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, khéo suy niệm, Ta sẽ vì thầy giảng nói! Nếu Tỳ-kheo đối với sắc mà nói yểm ly, ly dục, diệt tận, đó gọi là Thuyết pháp sư. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nói yểm ly, ly dục, diệt e r tận, đó gọi là Thuyêt pháp sư. Bấy giờ? Tỳ-kheo kia sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ5 phấn khởi, làm lễ rồi lui ra. *

Bài kệ tóm tắt nội dung năm kinh trên:

Đa văn5 khéo thuyết pháp, Hướng pháp và Niết-bn,

Tam-mật-ly-đề hỏi: Thế nào, Thuyết pháp sư?

***

KINH SỐ 30 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà quật. Lúc bấy giờ, có một vị

trưởng giả tử tên là Thâu-lũ-na, ngày ngày du hành, đên núi Kỳ-xà quật, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. chào đón hỏi thăm xong, ngồi xuống một bên. nói VOT Ton gia X^lợppỉSt:

Nêu các Sa-môn5 Bà-la-môn nào đôi với săc vô thường, biên dịch, không an ổn, mà nói rằng: "Ta hơn, ta bằng, ta kém,5; tại sao các Sa-môn, Bà-la-môn ấy có ý tưởng như vậy mà không thấy cái chân thật? Nấu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với thọ, tưởng, hành, thức vô thường, biến dịch, không an ổn, mà nói v • r răng: "Ta hơn, ta băng, ta kém,9; tại sao các Sa-môn, Bà-la-môn ây có ý tưởng như vậy mà không thấy cái chân thật? Do chủ trương gì mà không thấy cái chân tlìạt? Này Thâu-lũ-na, ý ông nghĩ sao, sắc là thường hay vô thường? Đáp: -Vô thường! Nếu là vô thường, có phải là khổ chăng? Đáp: -Là khổ!

KINH TẠPA-HÀM 21

Này Thâu-lũ-na, nếu sắc vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Ý ông nghĩ sao, Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Đáp: Không! Này Thâu-lũ-na, ý ông nghĩ sao, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? Đáp: Vô thường! Nếu là vô thường, có phải khổ chăng? Đáp: -Là khổ! Này Thâu-lũna, nếu thọ, tưởng, hành, thức vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Y ông nghĩ sao, Thánh đệ tử có nên ở trong đó thây thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Đáp: -Không! Này Thâu-lũ-na, nên biết rằng, sắc hoặc quá khứ, hoặc vi lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gân; tát cả sác ây đêu không phải là ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vi lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xâu, hoặc xa, hoặc gân; tát cả thọ, tưởng, hành, thức ây đêu không phải là ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật. Này Thâu-lũ-na, đôi với săc, thọ, tưởng, hành, thức mà sanh yêm ly? ly dục, giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, trưởng giả tử Thâu-lũ-na xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Khi ấy, trưởng giả tử Thâu-lũ-na thấy pháp, đắc pháp không do người khác, ở trong Chánh pháp được vô sở úy; bèn từ chỗ ngồi đứng dậy? trịch áo vai hữu, quỳ xuống chắp tay bạch Tôn giả Xá- lợi-phất: Con nay đã được độ. Ke từ hôm nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, làm xru-bà-tắc. Ke từ hôm nay cho đến trọn đời, con thanh tinh quy y Tam bảo. Bấy giờ, trưởng giả tử Thâu-lũ-na sau khi nghe lời Tôn giả Xá-lợi-phất nói, hoan hỷ, phấn khởi, làm lễ rồi lui ra.

22 KINH TẠPA-HÀM _____

KINH SỐ 31 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà quật. Khi ấy có trưởng giả tử tên Thâu-lũ-na, ngày ngày du hành, đến núi Kỳ-xà quật, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cúi đàu đanh lễ rồi ngồi xuống một bên. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Thâu-lũ-na: Nếu Sa-môn5 Bà-la-môn nào không như thật biết sắc, không như thật biết

sự tập khởi của sắc, sự diệt tận sắc, con đường đưa đen sự diệt tận sắc; này Thâu-lũ-na, phải biết rằng Sa-môn5 Bà-la-môn đó không đủ khả năng đoạn trừ sắc. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật biết thọ, tưởng, hành, thức, không như thật biêt sự tập khởi của... thức, sự diệt tận... thức, con đường đưa đen diệt tận... thức; này Thâu-lũ-na5 phải biết rằng Sa-môn9 Bà-lamôn đó không đủ khả năng đoạn trừ... thức. Này Thâu-lũ-na, nếu Sa-môn9 Bà-la-môn nào như thật biết sắc, như thật biêt sự tập khởi của sác, sự diệt tận sác, con đường đưa đên sự diệt tận sác; này Thâu-lũ-na, phải biết rằng Sa-môn, Bà-la-môn đó có khả năng đoạn trừ sắc. Cũng vậy, này Thâu-lũ-na, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với thọ, tưởng, hành, thức, như thật biết... thức, như thật biết sự tập khởi của... thức, như thật biết sự diệt tận... thức, con đường đưa đến sự diệt tận... thức; này Thâu-lũ-na, phải nên biết rang Sa-môn, Bà-la-môn đó có đủ khả năng đoạn trừ... thức. Này Thâu-lũ-na5 ý ông nghĩ sao, sắc là thường hay vô thường? Đáp: -Vô thường! Lại hỏi: Nếu là vô thường, có phải khổ chăng? Đáp: -Là khổ! Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Nếu sắc vô thường, khổ? là pháp biến dịch, Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Đáp: Không nên! -Này Thâu-lũ-na5 cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? Đáp: -Vô thường! Lại hỏi: Nếu là vô thường, có phải khổ chăng?

KINH TẠPA-HẢM 23

Đáp: -Là khổ! Lại hỏi: Nấu thọ, tưởng, hành, thức vô thường, khổ, là pháp biến dịch, Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy... thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Đáp: Không nên! Này Thâu-lũ-na? nên biêt răng, sác hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gàn; tất cả sắc ấy không phải là ngã5 không khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật. Này Thâu-lũ-na, Thánh đệ tử đối vói sắc, sanh yểm ly, ly dục, giải thoát, giải thoát khỏi sanh-lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần; tất cả... thức ấy không phải là ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật. Này Thâu-lũ-na, Thánh đệ tử đối với thọ, tưởng, hành, thức, sanh yểm ly, ly dục, giải thoát, giải thoát khỏi sanh-lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não. Bấy giờ, Thâu-lũ-na sau khi nghe lời Tôn giả Xá-lợi-phất nói? hoan hỷ, phấn khơi, lam lễ rồi lui ra.

KINH SỐ 32 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà quật. Khi ấy có trưởng giả tử tên là Thâu-lũ-na? ngày ngày du hành, đến núi Kỳ-xà quật, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất cúi đầu đảnh lễ, ngồi xuống một bên. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Thâu-lũ-na: Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật biết sắc, không như thật biết sự tập khởi của sắc, không như thật biết sự diệt tận sắc, không như thật biết vị ngọt của sắc, không như thật biết tai họa của sắc, không như thật biết sự xuất ly của sắc thì Sa-môn, Bà-la-môn ấy không thể siêu việt các sắc. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật biết thọ, tưởng, hành, thức, không như thật biết sự tập khởi của..* thức, không như thật biết sự diệt tận... thức, không như thật biết vị ngọt của... thức, không như thật

biết tai họa của... thức, không như thật biết sự xuất ly của... thức thì Sa-môn, Bà-la-môn ấy không thể siêu việt... thức.

24 KINH TẠPA-HÀM

ĩ • z r Nêu Sa-môn9 Bà-la-môn nào như thật biêt săc, sự tập khởi của sác, sự diệt tận sác, vị ngọt của sác, tai họa của sác, sự xuât ly của sác thì Sa-môn, Bà-lamôn ấy có the siêu việt các sắc. Nêu Sa-môn, Bà-la-môn nào như thật biết thọ, tưởng, hành, thức, sự tập khởi của... thức, sự diệt tận... thức, vị ngọt của... thức, tai họa của... thức, sự xuất ly của... thức thì Sa-môn9 Bà-la-môn ấy có the siêu việt... thức. Này Thâu-lũ-na? ý ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường? Đáp: -Vô thường! -Vô thường có phải là khổ chăng? Là khổ! Này Thâu-lũ-na, nếu sắc vô thường, khổ, là pháp biến dịch, Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Đáp: Thưa không! Này Thâu-lũ-na, ý ông nghĩ thế nào, thọ5 tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? Đáp: -Vô thường! Nếu vô thường có phải là khổ chăng? Đáp: -Là khổ! Này Thâu-lũ-na, nếu thọ, tưởng, hành, thức vô thường, khổ, là pháp biến dịch, Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Đáp: Thưa không! Này Thâu-lũ-na, phải biết rằng, sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần; tất cả sắc không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau; đó gọi là biết như thật. Này Thâu-lũ-na, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gan; tất cả thọ, tưởng, hành, thức không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau; đó gọi là biết như thật. Này Thâu-lũ-na, Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này chơn chánh quán sát là không phải ngã, không phải ngã sở. Chánh quán như vậy, đối với thế gian

KINH TẠPA-HÀM 25

không có gì để nhiếp thọ; không có gì để nhiếp thọ nên không có gì để chấp trước; không có gì để chấp trước nên tự mình chứng đắc Niết-bàn: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Bấy giờ,

KINH TẠPA-HÀM 25

không có gì để nhiếp thọ; không có gì để nhiếp thọ nên không có gì để chấp trước; không có gì để chấp trước nên tự mình chứng đắc Niết-bàn: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Bấy giờ,

26 KINH TẠPA-HÀM _____

KINH SỐ 34 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú ở nước Ba-la-nại, tại trụ xứ tiên nhơn, trong vườn Lộc Dã. Bấy giờ, Thế Tôn nói với năm vị Tỳ-kheo: Sắc không có ngã. Nếu sắc có ngã thì sẽ không có bệnh, kho sanh ra nơi sắc, và đối với sắc cũng không được mong rằng: “Mong là như vậy, hay mong đừng là như vậy.^ Vì sắc không có ngã cho

nên bệnh, khổ sanh ra nơi sắc, và đối với sắc cũng được mong rằng: "Mong là như vậy, hay đừng là như vay." Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này Tỳ-kheo? ý thầy nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường? Tỳ-kheo bạch Phật rằng: Vô thường, bạch Thế Tôn! Này Tỳ-kheo, nếu là vô thường có phải khổ chăng? -Bạch Thế Tôn, là khổ. Này Tỳ-kheo, nếu sắc vô thường, khổ, là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy sắc là ngã, khác ngã, ở trong nhau chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: Không nên5 bạch Thế Tôn! (Lời hỏi đáp tương tự như trên đoi với thọ, tưởng, hành, thức). Cho nên, này Tỳ-kheo, những gì có sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở? hãy như thật quán sát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm nay, thấy là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát như vậy rồi, đối với thế gian đều không có gì chấp thủ; không có gì chấp thủ cho nên không có gì đăm trước; không có gì đắm trước cho nên tự giác Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt5 Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nua.95 Phật nói kinh này xong, năm Tỳ-kheo không khởi các lậu, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 35

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru tại Chi-đề, tinh xá Trúc Viên. Bấy giờ, có ba vi Chánh si, xuất gia chưa bao lâu. Đó là Tôn giả A-nậu-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả

Kim-ty-la.

KINHTẠPA-HÀM^ 27

Bấy giờ, đức Thế Tôn biết rõ ý nghĩ trong tâm họ, bèn giáo giới họ rằng: Này các Ty.kheo, tâm này, ý này, thức này; hãy tư duy điều này, chớ tư điêu này; hãy đoạn trừ dục này, hãy đoạn trừ sắc này, tự thân chứng ngộ đủ và an trụ. Này các Tỳ-kheo? có thể có sắc nào mà thường còn, không biến dịch, tồn tại mãi chăng? Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật bảo Tỳ-kheo: Sắc là pháp vô thương, biến dịch, yểm lỵ, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh. sắc như vậy từ xưa đến nay, tất cả là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Sau khi biết như vậy, các lậu, hại, xí nhiên, ưu não duyên theo sắc đó mà sanh ra, thảy đều bị đoạn diệt. Sau khi đã đoạn diệt, không có gì để chấp trước; do không có gì để chấp trước cho nên sống an lạc, được Bát-niết-bàn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Khi Phật nói kinh này, ba vi Chánh sĩ không khởi lên các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 36 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Ma-thâu-la, bên bờ sông Bạt-đề, trong vườn xoài Tan Cai. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Hãy trú trên hòn đảo của chính mình, tru trên chỗ nương tựa của chính mình, trú trên hòn đảo Chánh pháp, tru trên chỗ nương tựa Chánh pháp, chứ đừng trú trên hòn đảo khác, chỗ nương tựa nào khác. Tỳ-kheo hãy chơn chánh quán sát, trú trên hòn đảo của chính mình, nơi nương tựa của chính mình, trên hòn đảo Chánh pháp, trên chỗ nương tựa Pháp, chứ đừng trú trên hòn đảo nào khác, chỗ nương tưa nào khác, rằng do nhân gì

mà ưu-bi-khổ-não sanh ra? Tại sao có bốn? Do cớ gì, do sự trói buộc nào? Thế nào là tự mình quán sát iru-bi-khổ-não chưa sanh nay sanh, ưu-bi-khổ-não đã sanh thì tăng trưởng lớn thêm? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp; cúi mong Thế Tôn giảng nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, sẽ đúng như điêu giảng phụng hành. Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, khéo suy niệm, Ta sẽ vì các thầy giảng nói!

28 KINH TẠPA-HÀM

Này các Tỳ-kheo, có sắc, nhân sắc trói buộc sắc, tự mình quán sát ưu-bi- khổ-não chưa sanh sẽ sanh, đã sanh thì lại thêm lớn. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo? có thể có sắc nào là thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi chăng? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật bảo các Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo, sác là vô thường. Nêu thiện nam tử biết sắc là vô thường, biến dịch, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh; từ xưa đến nay tất cả sắc đều là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Sau khi biết như vậy, nếu ưu bi-khổ-não do nhân duyên sắc mà sanh, liền được đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ chúng, khônẹ có gì để chấp trước. Do không có gì chấp trước cho nên sống yên ôn5 an lạc. Sông yên ôn, an lạc được gọi là Niêt-bàn. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Khi Phật nói kinh này, có mười sáu Tỳ-kheo không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. * Bài kệ tóm tắt nội dung bảy kinh trên: Trúc Viên, Tỳ-xá-ly, Thanh tịnh, chánh quán sát, Vô thường, khổ, phi ngã, Năm, ba và mười sáu. *** KINH SỐ 37 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Ta không tranh luận với thế gian, chỉ có thế gian tranh luận với Ta. Vì cớ sao? Này các Tỳ-kheo, nếu ai nói đúng như pháp, vị ấy không tranh luận với thế gian. Cái ẹì kẻ trí trong thế gian nói là có, Ta cũng nói là có. Thế nào là người trí trong thê gian nói c6, Ta cũng nói có? Này các Tỳ-kheo, sắc là vô thường, khổ, là pháp biên dịch; kẻ trí trong thế gian nói là có, Ta cũng nói là có. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch; kẻ trí trong thế gian nói có? Ta cũng nói là có. Cái gì kẻ trí trong thế gian nói là không, Ta cũng nói là không. Thế nào là kẻ trí trong thê gian nói là không, Ta cũng nói là không? Đó là sắc thường hằng,

KINH TẠPA-HÀM 29

tồn tại, không biến đổi. Đó là điều kẻ trí trong thế gian nói không, Ta cũng nói không. Cũng vậy5 thọ, tưởng, hành, thức thường hằng,... Ta cũng nói không. Này các Tỳ-kheo, có pháp thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự mình biết rõ, tự mình chứng ngộ, rồi phân biệt, diễn thuyết, hiển thị cho người khác. Nhưng kẻ mù không có mắt trong the gian, không biết, không thấy, không phải là lỗi tại Ta. Này các Tỳ-kheo, cái gì là pháp thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự mình biết rõ, tự mình chứng ngộ, rồi phân biệt, diễn thuyết, hiển thị cho người khác nhưng những kẻ mù không có mắt trong thế gian, không biết, không thấy? Đó là, này các Tỳ-kheo9 sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là pháp thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, kho, là pháp biến dịch. Đó là pháp thế gian ở trong thế gian. Này các Tỳ-kheo?

đó là pháp thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự mình hiểu rõ5 tự mình chứng ngộ, rồi phân biệt, diễn thuyết, hiển thi cho người khác, nhimg kẻ mù không có mắt trong thế gian, không biết, không thấy. Đối với kẻ mù không có mắt, không thấy, không biết kia, Ta biết làm sao được! Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SO 38 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton noi VƠI các Ty-kneo: Người đời làm các nghê nghiệp tháp kém, tìm đủ cách đê mưu sông mà được giàu sang; người đời đều biêt. Như chỗ biết của người đời, Ta cũng nói như vậy. Vì cớ sao? Đừng nói rằng Ta khác với người đời. Này các Tỳ-kheo, như có một món đồ dùng, có chỗ người ta gọi nó là kiện-tý, có chỗ gọi nó là bát, có chỗ gọi nó là chủy-chủy-la? có chỗ gọi nó là giá-liru, có chỗ gọi nó là tỳ-tất-da, có chỗ gọi nó là bà-xà-na, có chỗ gọi nó là tát-lao, đúng theo chỗ hiểu biết các nơi ấy. Ta cũng nói như vậy. Vì cớ sao? Đừng nói rằng Ta khác với người đời. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, có pháp thê gian mà Ta đã tự mình biêt rõ, tự mình chứng ngộ, rồi phân biệt, diễn nói, hiển thị cho người đời; do thấy, biết mà nói. Nhimg kẻ mù không có mắt trong thế gian, khônẹ thấy, không biết. Kẻ mù không có mắt trong thế gian, không thây, không biêt ây, Ta biêt làm sao được! Này các Tỳ-kheo? thê nào là pháp thê gian ở trong thê gian mà Ta đã tự mình biết rõ, tự mình chứng ngộ,... không biết, không thấy? Đó là, sắc là vô thường, khô, là pháp biến dịch; đó là pháp thế gian ở trong thê gian. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháỊ) biên dịch; đó là pháp the gian ở trong thế gian. Này Tỳ-kheo, đó gọi là pháp thế ệian ở trong thế gian mà Ta đã tự thây, tự biết,... kẻ mil, không có mắt, không biêt, không thấy thì Ta biết làm sao được! Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

30 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton noi với các Tỳ-kheo: Có năm loại hạt giống. Những gì là năm? Hạt giống từ rễ, hạt giống từ cọng, hạt giống từ đốt, hạt giống từ hạt rụng, hạt giống từ trái. Năm loại hạt giống này, nếu không bị gián đoạn, không hư, không thối, không trúng gió, vừa mới chín, rắn chắc, có đất, nhưng không có nước thì các loại hạt giống ấy không thể sinh trưởng lớn mạnh được. Nếu hạt giống ấy vừa mới chín, ran chắc, không gián đoạn, không hư, không thối, không trúng gió, có nước nhưng không có đất thì hạt giống ấy cũng không thể sinh trưởng lớn mạnh được. Nếu hạt giống ấy vừa mới chín, ran chắc, không gián đoạn, không hư, không thoi, không trúng gió, có đát và nước thì hạt giông ây sinh trưởng lớn mạnh. Này các Tỳ-kheo, năm loại hạt giống ấy ví dụ cho các thủ ấm cũng có mặt với thức. Đất ví dụ cho bon thức trụ. Nước ví dụ cho hỷ tham. Bon thủ phan duyên thức trụ. Thê nào là bôn? Thức trụ trong săc, phan duyên săc, mà hỷ tham được đượm nhuần, sinh trưởng lớn mạnh. Thức trụ trong thọ, tưởng, hành, phan duyên thọ, tưởng, hành, mà hỷ tham được đượm nhuần, được sinh trưởng, lớn mạnh. Này các Tỳ-kheo, thức ở trong đó, hoặc đến, hoặc đi, hoặc trụ, hoặc biến mất, hoặc sinh trưởng lớn mạnh. Này các Tỳ-kheo, nếu lìa sắc, thọ, tưởng, hành, mà thức có đi, có đen, có trụ, có sanh, đó chỉ là lời nói suông, hỏi thì không biết, càng

thêm sanh nghi, vì không phải cảnh giới vậy. Sắc giới lìa tham. Do lìa tham, bó buộc ngưng trệ, và ý sanh ra trói buộc được đoạn trừ; do sắc bó buộc ngưng trệ, ý sanh ra trói buộc được đoạn trừ, nên phan duyên được đoạn trừ; do phan duyên được đoạn trừ nên thức không có trú xứ, không còn sinh trưởng lớn mạnh nữa. Thọ, tưởng, hành giới lìa tham. Sau khi lìa tham, đối với hành bó buộc ngưng trệ, ý sanh ra xúc được đoạn trừ. Đoi với hành bó buộc ngưng trệ, ý sanh ra xúc được đoạn trừ rồi, nên phan duyên đoạn trừ; do phan duyên được đoạn trừ nên thức không có trú xứ, không còn sinh trưởng lớn mạnh nữa; do không sinh trưởng nên không tác thành; do không tác thành nên an trú; do an trú nên tri túc; do tri túc nên giải thoát; do giải thoát cho nên đối với thế gian đều không có gì để chấp thủ, không có gì để đắm trước; do không chấp thủ, không đắm trước nên tự giác Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cân làm đã làm xong, tự biêt không còn tái sanh đời sau nífa." Ta nói, thức của vị ấy không đi đến Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía và trên dưới, không có chỗ đên mà chỉ muôn Niêt-bàn ngay trong hiện tại, tịch diệt, mát mẻ, thanh tịnh, chân thật. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 31

KINH SỐ 40 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Phong trệ thì không giải thoát. Không phong trệ thì giải thoát. Thế nào là phong trệ thì không giải thoát? Này các Tỳ-kheo, do phan duyên bốn thủ ấm mà thức trụ. Thế nào là bốn? sắc phong trệ mà thức trụ. Thọ, tưởng, hành phong trệ mà thức trụ,... vì không phải cảnh giới vậy. Đó gọi là phong trệ cho nên không giải thoát. Thế nào là không phong trệ thì giải thoát? Là đối với sắc giới lìa tham. Thọ, tưởng, hành, thức giới lìa tham,... thanh tịnh, chân thật. Đó gọi là không phong trệ thì giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 41 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton noi vơi các Ty-kheo: Có năm thọ ấm. Đó là sắc thọ ấm, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Ta đối với năm thọ ấm này, có năm thứ biết như thật: Như thật biết sắc, như thật biết sự tập khởi của sac, như thật biêt vị ngọt của sac, như thật biêt tai họa của sac, như thật biết sự xuất ly của sắc. Cũng vậy, như thật biết về thọ, tưởng, hành, thức, sự tập khởi của... thức, vị ngọt của... thức, tai họa của... thức, sự xuất ly của... thức. Thế nào là như thật biết sắc? Những gì co sắc, tất cả bốn đại và sắc do bốn đại tạo. Đó là sắc. Như vậy là như thật biết sắc. Thế nào là như thật biết sự tập khởi của sắc? Đối với sắc, ưa thích. Đó là sự tập khởi của sắc. Như vậy là như thật biết sự tập khởi của sắc. Thế nào là như thật biết vi ngọt của sắc? Hỷ lạc do nhân duyên sắc mà sanh. Đó là vị ngọt của sắc. Như vậy là như thật biết vị ngọt của sắc. Thế nào là như thật biết tai họa của sắc? sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó là tai họa của sac. Như vậy là như thật biêt tai họa của sac. Thế nào là như thật biết sự xuất ly của sắc? Đối với sắc mà điều phục được dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt dục tham. Đó gọi là sự xuất ly của sắc. Như vậy là như thật biết sự xuất ly của sắc. Thế nào là như thật biết thọ? Có sáu thọ thân: Thọ sanh từ nhãn xúc, thọ sanh từ nhĩ xúc; thọ sanh từ

tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Đó gọi là thọ. Như vậy là như thật biết thọ.

32 $ KINH TẠP A-HÀM

Thế nào là như thật biết sự tập khởi của thọ? Tập khởi của xúc là tập khởi của thọ. Đó gọi là sự tập khởi của thọ. Như vậy là như thật biết sự tập khởi của thọ. Thế nào là như thật biết vi ngọt của thọ? Hỷ lạc duyên sáu thọ mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thọ. Như vậy là như thật biết vị ngọt của thọ. Thế nào là như thật biết tai họa của thọ? Thọ là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là tai họa của thọ. Như vậy là như thật biết tai họa của thọ. Thế nào là như thật biết sự xuất ly của thọ? Đối với thọ, điều phục dục tham, đoạn dục tham, vượt dục tham. Đó gọi là sự xuất ly của thọ. Như vậy là như thật biết sự xuất ly của thọ. Thế nào là như thật biết tưởng? Có sáu tưởng thân: Tưởng sanh từ nhãn xúc, tưởng sanh từ nhi, tỷ, thiệt, thân, ý5 xúc. Đó gọi là tưởng. Như vậy là như thật biết về tưởng. Thế nào là như thật biết sự tập khởi của tưởng? Tập khởi của xúc là tập khởi của tưởng. Đó là sự tập khởi của tưởng. Như vậy là như thật biết sự tập khởi của tưởng. Thế nào là như thật biết vi ngọt của tưởng? Hỷ lạc do nhân duyên tưởng mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của tưởng. Như vậy là như thật biết vị ngọt của tưởng. Thế nào là như thật biết tai họa của tưởng? Tưởng là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là tai họa của tưởng. Như vậy là như thật biết tai họa của tưởng. Thế nào là như thật biết sự xuất ly của tưởng? Đối với tưởng, điều phục dục tham, đoạn dục tham, vượt dục tham. Đó gọi là sự xuất ly của tưởng. Như vậy là như thật biết sự xuất ly của tưởng. Thế nào là như thật biết hành? Nghĩa là sáu tư thân: Tư sanh ra từ nhãn xúc; tư sanh từ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Đó gọi là hành. Như vậy là như thật biết hành. Thế nào là như thật biết sự tập khởi của hành? Tập khởi của xúc là tập khởi của hành. Đó gọi là sự tập khởi của hành. Như vậy là như thật biết sự tập khởi của hành. Thế nào là như thật biết vị ngọt của hành? Hỷ lạc do nhân duyên hành mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của hành. Như vậy là như thật biết vi ngọt của hành. Thế nào là như thật biết tai họa của hành? Hành là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là tai họa của hành. Như vậy là như thật biết tai họa của hành. Thế nào là như thật biết sự xuất ly của hành? Đối với hành, điều phục dục tham, đoạn dục tham, vượt dục tham. Đó gọi là sự xuất ly của hành. Như vậy là như thật biết sự xuất ly của hành. Thế nào là như thật biết thức thân? Nghĩa là sáu thức thân: Nhãn thức thân, nhi, tỷ, thiệt, thân, ý thức thân. Đó gọi là thức thân. Như vậy là như thật biết thức thân.

KINH TẠPA-HÀM 33

Thế nào là như thật biết sự tập khởi của thức? Tập khởi của danh sắc là tập khởi của thức. Đó gọi là sự tập khởi của thức. Như vậy là như thật biết sự tập khởi của thức. Thế nào là như thật biết vị ngọt của thức? Hỷ lạc do thức làm nhân duyên mà sanh. Đó là vị ngọt của thức. Như vậy là như thật biết vi ngọt của thức. Thế nào là như thật biết tai họa của thức? Thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là tai họa của thức. Như vậy là như thật biết tai họa của thức. Thế nào là như thật biết xuất ly của thức? Đối với thức, điều phục dục tham, đoạn dục tham, vượt dục tham. Đó gọi là sự xuất ly của thức. Như vậy là như thật biết sự xuất ly của thức. Này Tỳ-kheo? nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sắc, biết như vậy, thấy như vậy thì do biêt như vậy, thây như

vậy, vi ây hướng đên ly dục; đó gọi là sự hướng đến chơn chánh. Ai hướng đến chơn chánh, Ta nói người đó trụ vững trong Pháp và Luật. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sắc, biết như thật, thấy như thật thì vị ấy đối với sắc, sanh yểm ly, ly dục, không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Nếu ai tâm được giải thoát, vị đó là thuần nhất. Ai thuần nhất, vị ấy Phạm hạnh đã thành. Ai Phạm hạnh đã thành là xa lìa sắc, được tự tại. Đó gọi là biên tế của khổ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 42 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Có bảy xứ thiện, với ba cách quán nghĩa, thảy đều ở trong pháp này mà lậu hoặc được đoạn tận; do lậu hoặc được đoạn tận mà tâm được giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời tự mình biết rõ, tự thân chứng ngộ đây đủ và an trụ: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa?5 Này các Tỳ-kheo5 thế nào là bảy xứ thiện? Tỳ-kheo như thật biết sắc, như thật biết sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, con đường đưa đến sự diệt tận sắc, vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, sự xuất ly của sắc. Cũng vậy, Tỳ-kheo như thật biết thọ, tưởng, hành, thức, sự tập khởi của... thức, sự diệt tận của... thức, con đường đưa đến sự diệt tận... thức, vị ngọt của... thức, tai họa của... thức, sự xuất ly của... thức.

Thế nào là như thật biết sắc? Những gì có sắc, tất cả bốn đại và sắc do bốn đại tạo. Đó gọi là sac. Như vậy là như thật biêt sac. Thế nào là như thật biết sự tập khởi của sắc? Ai hỷ. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Như vậy là như thật biết sự tập khởi của sắc. Thế nào là như thật biết sự diệt tận của sắc? Diệt tận ái hỷ. Đó gọi là sự diệt tận của sắc. Như vậy là như thật biết sự diệt tận của sắc. Thế nào là như thật biết con đường đưa đến sự diệt tận sắc? Nghĩa là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó là con đường đưa đến sự diệt tận sắc. Như vậy là như thật biết con đường đưa đến sự diệt tận sắc. Thế nào là như thật biết vị ngọt của sắc? Hỷ lạc do sắc làm nhân duyên mà sanh ra. Đó gọi là vi ngọt của sac. Như vậy là như thật biêt vị ngọt của sac. Thế nào là như thật biết tai họa của sắc? sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là tai họa của sắc. Như vậy là như thật biết tai họa của sắc. Thê nào là như thật biêt sự xuat ly của sac? Đôi với sac, điêu phục dục tham, đoạn dục tham, vượt dục tham. Đó gọi là sự xuất ly của sắc. Như vậy là như thật biết sự xuất ly của sắc. Thế nào là như thật biết thọ? Nghĩa là sáu thọ: Thọ sanh ra từ nhãn xúc; thọ sanh ra từ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Đó gọi là thọ. Như vậy là như thật biết thọ. Thế nào là như thật biết sự tập khởi của thọ? Tập khởi của xúc là tập khởi của thọ. Đó gọi là sự tập khởi của thọ. Như vậy là như thật biết sự tập khởi của thọ. Thế nào là như thật biết diệt tận của thọ? Diệt tận của xúc là diệt tận của thọ. Đó gọi là sự tập diệt tận của thọ. Như vậy là như thật biết sự diệt tận của thọ. Thế nào là như thật biết con đường đưa đến sự diệt tận thọ? Nghĩa là tám Thánh đạo: Chánh kiến... chánh định. Đó là con đường đưa đến sự diệt tận thọ. Như vậy là như thật biết

con đường đưa đến sự diệt tận thọ. Thế nào là như thật biết vi ngọt của thọ? Hỷ lạc do thọ làm nhân duyên mà sanh ra. Đó gọi là vị ngọt của thọ. Như vậy là như thật biết vi ngọt của thọ. Thế nào là như thật biết tai họa của thọ? Thọ là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là tai họa của thọ. Như vậy là như thật biết tai họa của thọ. Thế nào là như thật biết sự xuất ly của thọ? Đối với thọ, điều phục dục tham, đoạn dục tham, vượt dục tham. Đó gọi là sự xuất ly của thọ. Như vậy là như thật biết sự xuất ly của thọ. Thế nào là như thật biết tưởng? Nghĩa là sáu tưởng: Tưởng sanh ra từ nhãn xúc; tưởng sanh ra từ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Đó gọi là tưởng. Như vậy là như thật biết tưởng. Thế nào là như thật biết sự tập khởi của tưởng? Tập khởi của xúc là tập khởi

của tưởng. Đó gọi là sự tập khởi của tưởng. Như vậy là như thật biết sự tập khởi của tưởng. Thế nào là như thật biết sự diệt tận của tưởng? Diệt tận xúc là diệt tận tưởng. Đó gọi là sự diệt tận của tưởng. Như vậy là như thật biết sự diệt tận của tưởng. Thế nào là như thật biết con đường đưa đến sự diệt tận tưởng? Nghĩa là tám Thánh đạo: Chánh kiến... chánh định. Đó là con đường đưa đến sự diệt tận tưởng. Như vậy là như thật biết con đường đưa đến sự diệt tận tưởng. Thê nào là như thật biêt vị ngọt của tưởng? Hỷ lạc do tưởng làm nhân duyên mà sanh ra. Đó gọi là vị ngọt của tưởng. Như vậy là như thật biết vị

Thế nào là như thật biết sự tập khởi của thức? Tập khởi của danh sắc là tập khởi của thức. Đó gọi là sự tập khởi của thức. Như vậy là như thật biết sự tập khởi của thức. Thế nào là như thật biết sự diệt tận của thức? Diệt tận danh sắc là diệt tận thức. Đó gọi là sự diệt tận của thức. Như vậy là như thật biết sự diệt tận thức. Thế nào là như thật biết con đường đưa đến sự diệt tận thức? Nghĩa là tám Thánh đạo: Chánh kiến... chánh định. Đó là con đường đưa đến sự diệt tận thức. Như vậy là như thật biết con đường đưa đến sự diệt tận thức. Thế nào là như thật biết vi ngọt của thức? Hỷ lạc do thức làm nhân duyên mà sanh ra. Đó gọi là vị ngọt của thức. Như vậy là như thật biết vị ngọt của thức. Thế nào là như thật biết tai họa của thức? Thức là vô thường, khổ, là r _ • . . -t • X . pháp biên dịch. Đó gọi là tai họa của thức. Như vậy là như thật biêt tai họa của thức. Thế nào là như thật biết sự xuất ly của thức? Đối với thức, điều phục dục tham, đoạn dục tham, vượt dục tham. Đó gọi là sự xuất ly của thức. Như vậy là như thật biết sự xuất ly của thức. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là bảy xứ thiện. Thế nào là ba cách quán nghĩa? Nếu Tỳ-kheo ở tại chỗ rừng vắng, dưới gốc cây, giữa đồng trống, quán sát ấm5 giới, nhập; đó gọi là Tỳ-kheo ba cách quán nghĩa. Vị ấy dùng phương tiện chơn chánh tư duy nghĩa đó. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là bảy xứ thiện, với ba cách quán nghĩa, thảy đều ở trong pháp này mà lậu hoặc được đoạn tận; do lậu hoặc được đoạn tận, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự mình biết rõ9 tự thân chứng ngộ đầy đủ an trụ: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 43

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bay giơ, The Ton noi vơi các Ty-kheo:

Do chap thủ nên sanh đăm trước. Không chap thủ thì không đăm trước.

Hãy lang nghe và khéo suy niệm, Ta sẽ vì các thay mà giảng nói!

Các Ty-kheo bạch Phật:

Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

ỉ k r

Thê nào là do chap thủ nên sanh đăm trước? Kẻ phàm phu ngu si vô học, đối với sắc thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; thấy sắc là ngã, ngã sở nên

KINH TẠPA-HÀM 37

chấp thủ. Khi đã chấp thủ, nếu sắc kia hoặc biến chuyển, hoặc đổi khác thì tâm cũng chuyển theo. Vì tâm bị chuyển theo nên cũng sanh chấp thủ, đắm trước, trì giữ tâm một chỗ. Do trì giữ tâm một chỗ nên sanh ra sợ hãi, chướng ngại, tâm loạn. Đó là vì thủ trước vậy. Kẻ phàm phu ngu si vô học, đôi với thọ, tưởng, hành, thức thây là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; thấy thức là nga, ngã sở nên chấp thủ. Khi đã chấp thủ, nếu thức kia hoặc biến chuyển, hoặc đổi khác thì tâm kia cũng chuyển theo. Vì tâm bi chuyển theo nên cũng sanh chấp thủ, đắm trước, trì giữ tâm một chỗ. Do trì giữ tâm một chỗ nên sanh ra sợ hãi, chướng ngại, tâm loạn. Đó là vì thủ trước vậy. Đó gọi là thủ trước. Thế nào là không chấp thủ thì không đắm trước? Đa văn Thánh đệ tử đối với sắc không thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; đối với sắc không thấy là ngã, ngã sở để chấp thủ. Khi không thấy là ngã, ngã sở để chấp thủ sắc thì sắc kia hoặc chuyển biến, hoặc đổi khác, tâm không bị chuyển theo. Vì tâm không bị chuyển theo nên không sanh ra chấp thủ, đắm trước, không trì giữ tâm một chỗ. Do không trì giữ tâm một chỗ cho nên không sanh ra sợ hãi, chướng ngại, tâm loạn. Đó là vì không thủ trước vậy. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức không thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau. Khi không thấy là ngã, ngã sở để chấp thủ thì thức kia hoặc chuyển biến, hoặc đổi khác, tâm không bị chuyển theo. Vì tâm không bi chuyển theo nên không sanh ra chấp thủ, đắm trước, không trì giữ tâm một chỗ. Do không trì giữ tâm một chỗ nên không sanh ra sợ hãi, chướng ngại, tâm loạn. Đó là vì không thủ trước vậy. Đó gọi là không thủ trước. Như vậy gọi là thủ trước và không thủ trước. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 44 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 ở rừng Kỳdà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Thê Tôn noi vơi các Tỳ-kheo: Nếu có sanh thì bi trói buộc, không sanh thì không bị trói buộc. Hãy lắng nghe, hãy khéo suy niệm, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là có sanh thì bị trói buộc? Kẻ phàm phu ngu si vô học, vì không biết như thật sắc, tập khởi của sắc, diệt tận sắc, con đường đưa đen diệt tận sắc, vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, xuất ly của sắc. Do không như thật biết cho nên hoan hỷ sắc, tán thán sắc, thủ trước sắc, ở nơi sắc thấy là ngã, ngã sở để chấp thủ. Do chấp thủ nên khi

sắc ấy hoặc bị chuyển biến, hoặc đổi khác thì tâm bi chuyển biến, đổi khác theo. Do tâm bị chuyển biến, đổi khác theo, nên

tâm bị trói buộc, trì giữ tâm một chỗ. Do trì giữ tâm một chỗ nên sanh ra sợ hãi, chướng ngại, luyến tiếc. Vì có sanh nên bị trói buộc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vây. Đó gọi là có sanh thì bi trói buộc. Thế nào là không sanh thì không bị trói buộc? Đa văn Thánh đệ tử như thật biết sắc, tập khởi của sắc, diệt tận sắc, con đường đưa đến diệt tận sắc, vi ngọt của sắc, tai họa của sắc, xuất ly của sắc. Do như thật biết nên không ái hỷ sắc, không tán thán sắc, không thủ trước sắc, ở nơi sắc không thấy ngã, ngã sở để chấp thủ. Do không chấp thủ nên khi sắc ấy hoặc bị chuyển biến, hoặc đổi khác thì tâm không chuyển biến, đổi khác theo. Do tâm không bi chuyển biến, đổi khác theo, nên tâm không bị trói buộc, không trì giữ tâm một chỗ. Do không trì giữ tâm một chỗ cho nên tâm không sanh ra sợ hãi, chướng ngại, luyến tiếc. Vì không sanh nên không thủ trước. Đổi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không sanh thì không bị trói buộc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 45 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Có năm thọ ấm. Những gì là năm? sắc thọ ấm; thọ5 tưởng, hành, thức thọ âm. Nêu những Sa-môn, Bà-la-môn nào thây có ngã thì họ đêu từ nơi năm thọ âm này mà thây có ngã. Các Sa-môn? Bà-la-môn nào thây săc là ngã, là khác ngã, hoặc sác ở trong ngã, ngã ở trong săc; thì thây thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là khác ngã, hoặc thọ, tưởng, hành, thức ở trong ngã, ngã ở trong thọ, tưởng, hành, thức. Phàm phu ngu si vô học, do vô minh nên thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau và nói ngã là chân thật nên không xả. Do không xả9 các căn tăng trưởng. Các căn đã tăng trưởng thì sanh các xúc. Do xúc chạm của sáu xúc nhập xứ nên phàm phu ngu si vô học khởi lên cảm giác khổ, lạc, từ xúc nhập xứ khởi lên. Những gì là sáu? Đó là nhãn xúc nhập xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ. Như vậy, này Tỳ-kheo, có ý giới, pháp giới, vô minh giới. Phàm phu ngu si vô học do vô minh xúc mà khởi ý tưởng có, ý tưởng không, ý tưởng vừa không vừa có; ý tưởng ta hơn, ý tưởng ta bằng, ý tưởng ta kém; ý tưởng ta biết, ta thấy; ý tưởng biết như vậy, ý tưởng thấy như vậy, đều do sáu xúc nhập xứ khởi lên. Đa văn Thánh đệ tử đối với sáu xúc nhập xứ này, xả ly vô minh mà sanh minh. Không sanh ý tưởng có, ý tưởng không, ý tưởng vừa có vừa không; ý

tưởng ta hơn, ý tưởng ta bằng, ý tưởng ta kém; ý tưởng ta biết, ý tưởng ta thấy. Đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, vô minh xúc khởi lên trước kia bị diệt. Ý tưởng minh xúc sau được sanh khởi. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 46 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Có năm thọ ấm. Những gì

là năm? sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào bằng Túc mạng trí, tự mình biết rõ các đời sống trước, đã biết, sẽ biết, đang biết thì thảy đều ở nơi năm thọ ấm này mà đã biết, sẽ biết, đang biết rằng: “Ta trải qua đời quá khứ, có sắc như vậy, thọ như vậy, tưởng như vậy, hành như vậy, thức như vậy.55 Nêu cái gì bị chướng ngại, bị phân tán, cái đó gọi là sác thọ âm. Chướng ngại nhau hoặc do tay, hoặc đá, hoặc gậy, hoặc đao, hoặc lạnh, hoặc nóng, hoặc khát, hoặc đói, hoặc sự xúc chạm của muỗi mòng, độc trùng, mưa gió; đó gọi là bị chướng ngại bởi sự xúc chạm. Cho nên, bị chướng ngại là sắc thọ ấm. Lại nữa, sắc thọ ấm này vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Các tướng cảm giác đó gọi là thọ thọ ấm. Cảm thọ cái gì? Cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, cảm thọ không khổ không lạc, cho nên nói rằng tướng cảm giác là thọ thọ ấm. Lại nữa, thọ thọ ấm này vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Các tưởng là tưởng thọ ấm. Tưởng những gì? ít tưởng, nhiều tưởng, vô lượng tưởng, tưởng đối với không có gì, khởi tưởng không gì; cho nên nói tưởng là tưởng thọ âm. Lại nữa, tưởng thọ âm này vô thường, khô, là pháp biến dịch. Tướng tạo tác là hành thọ âm. Tạo tác cái gì? Tạor tác sác, tạo tác thọ, rtưởng, hành, thức; cho nên nói tướng tạo tác là hành thọ âm. Lại nữa, hành thọ âm này vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Tướng phân biệt biết rõ là thức thọ ấm. Biết rõ cái gì? Biết sắc, biết thanh, hương, vị, xúc, pháp; cho nên nói tướng phân biệt biết rõ là thức thọ ấm. Lại nữa, thức thọ âm này là pháp vô thường, khô, biên dịch. Này các Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử đôi với săc thọ âm hãy học như vây: “Ta nay, hiện tại bi sác hiện tại ăn; trong đời quá khứ đã từng bị săc ây ăn, cũng như trong hiện tại này." Rồi vị ấy lại suy nghĩ như vầy: "Ta nay bị sắc hiện tại ăn. Nếu ta lại tham đắm sắc vị lai thì cũng sẽ bị sắc ấy ăn như trong hiện tại." Biết như vậy rồi, vị ấy không tiếc nuối sắc quá khứ, không mong cầu sắc vị lai, đối với sắc hiện tại thì sanh ra yểm ly, ly dục, diệt tận, hướng đến tịch diệt.

40 KINH TẠPA-HÀM

Đa văn Thánh đệ tử đối với thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm hãy học như vầy: “Ta nay, hiện tại bi... thức hiện tại ăn, trong đời quá khứ đã từng bị... thức ấy ăn, cũng như trong hiện tại ny." Rồi vị ấy lại suy nghĩ như vầy: "Ta nay đã bị... thức hiện tại ăn. Nếu ta còn tham đắm... thức vị lai thì cũng sẽ bi... thức ấy ăn như trong hiện tại." Biết như vậy rồi, vị ấy không tiếc nuối... thức quá khứ, không mong câu... thức vị lai, đôi với... thức hiện tại thì sanh ra yêm ly, ly dục, diệt tận, hướng đến tịch diệt. Diệt chứ không tăng, lùi chứ không tiến, diệt chứ không khởi, xả chứ không thủ. Đối với cái gì diệt chứ không tăng? sắc diệt chứ không tăng; thọ, tưởng, hành, thức diệt chứ không tăng. Đối với cái gì lùi chớ không tiến? sắc lùi chớ không tiến; thọ, tưởng, hành, thức lùi chớ không tiến. Đối với cái gì diệt chớ không khởi? sắc diệt chớ không khởi; thọ, tưởng, hành, thức diệt chứ không khởi. Đối với cái gì xả chứ không thủ? sắc xả chứ không thủ; thọ, tưởng, hành, thức xả chứ không thủ. Diệt chứ không tăng, tịch diệt mà an trụ; lùi chứ không tiến, tịch tĩnh rút lui mà an trụ; diệt chứ không khởi, tịch diệt mà an trụ; xả chứ không thủ, không sanh ra trói buộc. Do không bị trói buộc nên tự giác Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. *
Bài kệ tóm tăt nội dung mười kinh trên: Ta thấp kém, hạt giống, Phong trệ, năm

chuyển, bảy, Hai trói buộc và giác, Ba đời ấm bị ăn. ***

KINH SỐ 47 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Thiện nam tử có tín tâm cần phải suy nghĩ như vầy: "Ta cần phải tùy thuận pháp. Ta, đối với sắc, hãy sống tu tập nhiều về yểm ly; đối với thọ, tưởng, hành, thức, hãy sống tu tập nhiều về yểm ly." Thiện nam tử có tín tâm liền đối với sắc thường sống tu tập nhiều hơn về yểm ly. Cho nên vi ấy đối với sắc được yểm ly; đối với thọ, tưởng, hành, thức được yểm ly. Do yểm ly, vị ấy ly dục, giải thoát,

giải thoát tri kiên: "Su sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cân làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh nữa." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 48 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Thiện nam tử có tín tâm, chánh tín xuất gia, sống không gia đình, tự suy nghĩ: “Ta nên tùy thuận pháp, đối với sắc, hãy sốn^ thường tu tập về yểm ly; đoi với thọ, tưởng, hành, thức, hãy sống thường tu tập về yểm ly.” Thiện nam tử có tín tâm, chánh tín xuất gia, sống không gia đình. Vì đối với sắc, vị ấy sống thường tu tập về nhàm chán; đôi với thọ5 tưởng, hành, thức, vị ấy sông thường tu tập về nhàm chán, nên đối với sắc được thoát ly; đối với thọ, tưởng, hành, thức, được thoát ly. Ta nói, các vị ấy chắc chắn thảy đều thoát ly sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 49 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, đức The Ton noi vơi Ton giả A-nan: Nếu trưởng giả hay con của trưởng giả có tín tâm đến hỏi thầy rằng: "Đối với những pháp nào biết được sự sanh diệt của n6?" Thầy sẽ trả lời như thế nào? Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn, nếu có trưởng giả hay con của trưởng giả có tín tâm đến hỏi, con sẽ đáp như vầy: “Biết sắc là pháp sanh diệt; biết thọ, tưởng, hành, thức, là pháp sanh diet." Bạch Thế Tôn, nếu có trưởng giả hay con của trưởng giả đến hỏi, con sẽ trả lời như vậy. Phật bảo Tôn giả A-nan: Lành thay! Lành thay! cần phải trả lời như vậy. Vì cơ sao? Vì sắc là pháp sanh diệt; thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt. Biết sắc là pháp sanh diệt, đó gọi là biết sắc; biết thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt, đó gọi là biết thọ, tưởng, hành, thức. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 50 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với Tôn giả A-nan: Nấu các người xuất gia ngoại đạo đến hỏi thầy rằng: uNày A-nan, vì sao Thế Tôn dạy người ta tu hành Phạm hạnh?,, Được hỏi

như vậy, thầy sẽ trả lời như thế nào? Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn, nếu những người xuất gia ngoại đạo đến hỏi con: "Này A-nan? vì sao Thế Tôn dạy người ta tu tập các Phạm hanh?" Con sẽ trả lời: "Vì để đối với sắc tu tập yểm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, cho nên Thế Tôn dạy người ta tu tập các Phạm hạnh; vì để đối với thọ, tưởng, hành, thức tu tập yểm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, cho nên Thế Tôn dạy người ta tu tập các Phạm hạnh." Bạch Thế Tôn, nếu có người xuất gia ngoại đạo đến hỏi, con sẽ trả lời như vậy. Phật bảo Tôn giả A-nan: Lành thay! Lành thay! Nên trả lời như vậy. Vì cớ sao? Quả thật, Ta vì để đối với sắc tu tập yểm ly, ly dục, giải thoát, không sanh, cho nên dạy người tu tập các Phạm hạnh; đối với thọ, tưởng, hành, thức tu tập yểm ly, ly dục, giải thoát, không sanh, cho nên dạy người tu tập các Phạm hạnh. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 51 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. ... Bay giơ, The Ton noi vơi các Ty-kheo: Ta nay sẽ vì các thầy giảng nói về pháp hoại và pháp bất hoại. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Này các Tỳ-kheo5 sắc là pháp hoại. sắc ấy diệt; Niết-bàn là pháp bất hoại. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp hoại... Thức ấy diệt; Niết-bàn là pháp bất hoại. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 52 (Uất-đê-ca Tu-đa-la? như được nói trong Tăng nhất A-hàm, về phẩm Bon pháp Ỵ

KINH SỐ 53 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Câu-tát-la9 du hành trong nhân gian, ở phía Bắc tụ lạc Tát-la? trú trong rừng Thân-thứ.

KINH TẠPA-HÀM 43

r . __ A y

Bây giờ, tụ lạc chủ, Bà-la-môn Đại Tánh nghe đôn răng: uSa-môn dòng họ Thích, từ dòng họ lớn Thích-ca, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chánh tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thành bậc Vô thượng Đẳng Chánh Giác, đến nước Câu-tát-la này, du hành trong nhân gian, đến phía Bắc tụ lạc Tát-la, tru trong rừng Thân-thứ. Lại nữa? Sa-môn Cù-đàm ấy, như vậy sác mạo, danh xưng, chân thật công đức, được trời và người tán thán, tiếng đồn khắp tám phương, là bậc Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn; Ngài ở giữa các thế giới, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa- môn9 Bà-la-môn? với đại trí có thể tự mình chứng biết rằng: cSự sanh của Ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.5 Ngài thuyết pháp cho đời, khoảng đầu, đoạn giữa và đoạn cuối đều toàn thiện, nghĩa toàn thiện, vị toàn thiện, thuần nhất, mãn tinh, Phạm hạnh thanh bạch, diễn thuyết Diệu pháp. Lành thay, nên gặp vị ấy! Lành thay, nên đi đến vị ấy! Lành thay, nên cung kính vi ấy!" Suy nghĩ như vậy rồi, Bà-la-môn Đại Tánh sửa soạn xe, mang theo nhiều tùy tùng, bung bình vàng, cầm lọng cán vàng, đi đến chỗ Phật, cung kính phụng sự. Đen cửa rừng, vị ấy xuống xe, đi đến chỗ Thế Tôn, chào đón hỏi

thăm xong, ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn: Sa-môn Cù-đàm luận cái gì? thuyết cái gì? Phật nói với Bà-la-môn: Ta luận về nhân, thuyết về nhân. Bà-la-môn ấy lại bạch Phật: Luận về nhân như thế nào? Thuyết về nhân như thế nào? Phật bảo Bà-la-môn: Có nhân, có duyên, thế gian tập khởi. Có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế gian. Có nhân, có duyên, thế gian diệt tận. Có nhân, có duyên cho sự diệt tận của thế gian. Bà-la-môn bạch Phật: Thế nào là có nhân, có duyên, thế gian tập khởi? Có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế gian? Phật bảo Bà-la-môn: Phàm phu ngu si không học, không như thật biêt săc, tập khởi của sác, diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, xuất ly của sắc. Do không như thật biết nên vị ấy ái lạc sắc, tán thán sắc, sống theo tâm đắm nhiễm. Do ái lạc sắc cho nên có thủ, do duyên thủ nên có hữu; do duyên hữu nên có sanh-già-bệnh- chết-iru-bi-khổ-não; đó là sự tập khởi của toàn khối khổ lớn. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

8 r

Này Bà-la-môn, đó gọi là có nhân, có duyên, thê gian tập khởi. Có nhân, có duyên cho sự tập khởi của the gian. Bà-la-môn bạch Phật: Thế nào là có nhân, có duyên, thế gian diệt? Có nhân, có duyên cho sự diệt tận của thế gian? Phật bảo Bà-la-môn: Đa văn Thánh đệ tử như thật biết sắc, tập khởi của sắc, diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, xuất ly của sắc; do như thật biết, vị ấy đối với sắc không ái lạc, không tán thán, không đam nhiễm, không lưu trụ; do không ái lạc, không lưu tru, nên sắc ái diệt. Ái diệt thì thủ diệt. Thủ diệt thì hữu diệt. Hữu diệt thì sanh-già-bệnh-chết-iru-bi-khổ-não diệt. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này Bà-la-môn, đó gọi là có nhân, có duyên, thế gian diệt. Có nhân, có duyên cho sự diệt tận của thế gian. Này Bà-la-môn, đó gọi là luận nhân, đó gọi là thuyết nhân. Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Cù-đàm9 như vậy là luận nhân, như vậy là thuyết nhân. Tôi bận nhiều việc, nay xin cáo từ. Phật bảo Bà-la-môn: Nên biết đúng thời! Phật thuyêt kinh này xong, các Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, tùy hỷ, hoan hỷ5 lễ chân Phật, rồi lui về.

KINH SỐ 54 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Ba-la-nại, trong chỗ trú xứ tiên nhơn, vườn Lộc Dã. Lúc ấy, tại tụ lạc Tỳ-ca-đa-lỗ-ca có một người Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, cung kính chào hỏi, ngồi sang một bên, rồi bạch Phật: Thưa Cù-đàm? tôi có một đệ tử trẻ, biết thiên văn, biết chủng tộc, xem tướng cát hung cho đại chúng; nói c6, tất là có; nói không, tất là không; nói thành, tất là thành; nói hoại, tất là hoại. Thưa Cù-đàm, ý Ngài nghĩ sao? Phật bảo Bà-la-môn: Hãy gác qua việc đệ tử trẻ của ông biết thiên văn, tộc tánh. Nay Ta hỏi ông, ông cứ tùy theo ý mà trả lời. Này Bà-la-môn9 ý ông nghĩ sao, sắc vốn không có chủng loại chăng? Thọ, tưởng, hành, thức vốn không có chủng loại chăng?

Đáp: Đúng vậy, thưa Cù-đàm! Phật bảo Bà-la-môn: Ong nói răng đệ tử trẻ của ông biêt rõ thiên văn, tộc tánh, nói cho đại chúng như vầy; nói có, tất có; nói không, tất không; sự biết và thấy ấy không phải là không thật chăng? Bà-la-môn bạch Phật: Đúng

vậy, bạch đức Thế Tôn! Phật bảo Bà-la-môn: Y ông nghĩ sao? Có sác nào là thường trụ trăm năm chăng? Hay là đôi khác mà sanh, đổi khác mà diệt? Có thọ, tưởng, hành, thức nào là thường trụ trăm năm chăng? Hay là đổi khác mà sanh, đổi khác mà diệt? Đáp: Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Phật bảo Bà-la-môn: Ý ong nghĩ sao? Đệ tử trẻ của ông biết thiên văn, tộc tánh, và nói cho đại chúng rằng thành tất là không hoại; sự biết, thấy ấy không phải là không thay đổi chăng? Đáp: Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Phật bảo Bà-la-môn: Ong nghĩ sao? Pháp này và pháp kia, sự thuyêt này và sự thuyết kia, trường hợp nào hơn? Bà-la-môn bạch Phật: Bạch Thế Tôn, đây là thuyết đúng như pháp, đúng như điều Phật nói, hiển bày, khai phát. Cũng như có một người chìm xuống nước được vớt lên, người bị tù tội được cứu ra, người lạc đường được chỉ lối, nơi tối tăm được đưa đèn sáng, ngày hôm nay Thế Tôn khéo nói pháp thù thắng cũng lại như vậy, hiển bày, khai phát. Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Tỳ-ca-đa-lỗ-ca nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, bèn rời chỗ ngoi đứng dậy, lễ chân Phật rồi lui về.

KINH SỐ 55

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru tại nước Ba-la-nại? trong tru xứ tiên nhơn, vườn Lộc Dã.

Bay giơ, The Ton noi vơi các Ty-kneo:

Nay Ta sẽ nói về ấm và thọ ấm.

46 KINH TẠP A-HÀM

Thế nào là ấm? Những gì có sắc, hoặc quá khứ, hoặc vi lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng được gọi chung là sắc ấm. Tùy theo những gì có thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Tất cả chúng được gọi chung là thọ, tưởng, hành, thức ấm. Đó gọi là ấm. Thế nào là thọ ấm? Nếu sắc là hữu lậu, có chấp thủ thì sắc ấy, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, phát sinh tham dục, sân nhuế, ngu si và các thứ tâm sở tùy phiên não khác. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là thọ âm. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 56 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói về pháp hữu lậu và vô lậu. Nếu sắc là hữu lậu đưa đến chấp thủ thì sắc ấy có khả năng sanh ra ái và nhuế. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là hữu lậu đưa đến chấp thủ thì... thức ấy có khả năng sanh ra ái, nhuế. Đó gọi là pháp hữu lậu. Thế nào là pháp vô lậu? Những gì có sắc là vô lậu không đưa đến chấp thủ thì sác ây, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, không sanh ra ái, nhuê. Cũng vậy, những gì có thọ, tưởng, hành, thức là vô lậu không đưa đến chấp thủ thì... thức ấy, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, không sanh ra ái, nhuế. Đó gọi là pháp vô lậu. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. * _ r Bài kệ tóm tát nội dung các kinh trên: Hai tín, hai A-nan, Hoại pháp, uất-đê-ca5 Bà-la-môn và thế gian, Trừ lậu, vô lậu pháp. *** KINH SỐ 57 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn khoác y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Sau đó? Ngài lại ôm y bát, không nói với chúng Tăng, không gọi thị giả, chỉ một mình không ai theo, đi về quốc độ phương Tây,

du hành ữong nhân gian.

KINH TẠPA-HÀM 47

LÚC ấy, ở trong rừng An-đà, có một Tỳ-kheo từ xa trông thấy Thế Tôn, không nói với chúng Tăng, không gọi thị giả, chỉ một mình không ai theo. Sau khi thấy vậy, vi ấy bèn đi đến chỗ Tôn giả A-nan, bạch với Tôn giả A-nan: Tôn giả biết cho, Thế Tôn không nói với chúng Tăng, không gọi thị giả, chỉ một mình không ai theo mà ra đi du hành. Tôn giả A-nan nói với vị Tỳ-kheo ấy: Nếu như Thế Tôn không nói với chúng Tăng, không gọi thị giả, chỉ một mình không ai theo mà ra đi du hành thì không nên đi theo Ngài. Vì cớ sao? Ngày hôm nay The Tôn muốn an trụ trong tịch diệt, bận rộn. Bấy giờ, Thế Tôn du hành qua phương Bắc, đến nước Bán-xà? tại tụ lạc Ba- đà, ở dưới một gốc cây bạt-đà-tát-la trong rừng có người giữ gìn. Lúc bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn gi A-nan, nói với Tôn giả A-nan: Thưa Tôn giả, ngài có nghe đức Thế Tôn hiện giờ ở đâu? Tôn giả A-nan trả lời: Tôi nghe Thế Tôn đi về phương Bắc, trú ở dưới gốc cây bạt-đà-tát-la trong rừng, có người giữ gùi, thuộc tụ lạc Ba-đà nước Bán-xà. Bây giờ, các Tỳ-kheo nói với Tôn giả A-nan: Ton gia nen biêt, chung toi không được thây đức The Tôn đã lâu; nêu không ngại mệt nhọc, xin Tôn giả cung chúng tôi đi đến chỗ Thế Tôn. Xin thương xót! Tôn giả A-nan biết đúng lúc, nên im lặng nhận lời. Bây giờ, Tôn giả A-nan cùng sô đông Tỳ-kheo, qua khỏi đêm, vào sáng sớm, đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, khất thực xong trở về tinh xá, xếp ngọa cụ, mang y bát, đi ra hướng Tây, du hành trong nhân gian, rồi quay về phía Bắc, đến trong rừng có người giữ gìn, thuộc tụ lạc Ba-đà nước Bán-xà. Bấy giờ, Tôn giả A-nan ciing với số đông Ty-kheo xếp y bát, rửa chân xong, đi đến chỗ đức Thế Tôn, đầu mặt đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi xuống một bên. Bấy giờ, đức Thế Tôn vì số đông Tỳ-kheo thuyết pháp, chỉ dạy điều lợi ích an vui. Khi ấy, ở giữa chúng có một Tỳ-kheo nghĩ rằng: "Biết thế nào, thấy thế nào để mau được dứt sạch lậu hoāc?59 Bấy giờ, đức Thế Tôn biết điều suy nghĩ trong tâm của Tỳ-kheo ấy, mới bảo các Tỳ-kheo: Nếu có Tỳ-kheo ở trong chúng này suy nghĩ rằng: "Biết thế nào, thấy thế nào để mau được dứt sạch lậu hoặc? Ta đã thuyết pháp rằng: "Hãy khéo quán sát các âm, đó gọi là bôn niệm xú*, bôn chánh cân, bôn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi và tám Thánh đạo phần. Ta đã thuyết pháp như vậy, khiến quán

sát các ấm, mà nay còn có thiện nam tử, không siêng năng muốn làm, không siêng năng vui thích, không siêng năng suy nghĩ, không siêng năng tin tưởng, mà tự biếng nhác, không thể tinh tấn để được dứt hết các lậu hoặc. Nếu lại có thiện nam tử, đối với pháp của Ta nói ra, quán sát các ấm, siêng năng muốn làm, vui thích, suy niệm, tin tưởng thì người đó có thể mau được dứt hết các lậu hoặc. Kẻ phàm phu ngu si không học, đối với sắc thấy là ngã. Nếu thấy ngã thì đó gọi là hành. Hành đó lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, do cái gì sanh và do cái gì chuyển? Do vô minh xúc mà sanh tham ái, duyên tham ái khởi ra hành kia. Ái này ĩ < ..ve •: lây gì làm nhân, lây gì làm tập khởi, do cái gì sanh và do cái gì chuyên? Ái lấy thọ làm nhân, lấy thọ làm tập khởi, do thọ sanh và do thọ chuyển. Thọ lây gì làm nhân, lây gì làm tập khởi, do cái gì sanh, do cái gì

chuyên? Thọ lây xúc làm nhân, lây xúc làm tập khởi, do xúc sanh, do xúc chuyên. Xúc lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, do cái gì sanh, do cái gì chuyển? Xúc lấy sáu nhập xứ làm nhân, lấy sáu nhập xứ làm tập khởi, do sáu nhập xứ sanh và do sáu nhập xứ chuyển. Sáu nhập xứ này là pháp hữu vi, vô thường, là pháp duyên khởi của tâm. Xúc thọ, hành thọ này cũng là pháp hữu vi, vô thường, là pháp duyên khởi của tâm. Quán sát như vậy mà còn thấy sắc là ngã hay không thấy sắc là ngã mà thấy sac là ngã sở; không thây săc là ngã sở mà thây sác ở trong ngã; không thây sác ở trong ngã mà thấy ngã ở trong sắc; không thấy ngã ở trong sắc mà thấy thọ là ngã; không thấy thọ là ngã mà thấy thọ là ngã sở; không thấy thọ là ngã sở mà thấy thọ ở trong ngã; không thấy thọ ở trong ngã mà thấy ngã ở trong thọ; không thây ngã ở trong thọ mà thây tưởng là ngã; không thây tưởng là ngã mà thấy tưởng là ngã sở; không thấy tưởng là ngã sở mà thấy tưởng ở trong ngã; không thấy tưởng ở trong ngã mà thấy ngã ở trong tưởng; không thấy ngã ở trong tưởng mà thấy hành là ngã; không thấy hành là ngã mà thấy hành là ngã sở; không thấy hành là ngã sở mà thấy hành ở trong ngã; không thấy hành ở trong ngã mà thấy ngã ở trong hành; không thấy ngã ở trong hành mà thấy thức là ngã; không thấy thức là ngã mà thấy thức là ngã sở; không thấy thức là ngã sở mà thấy thức ở trong ngã; không thấy thức ở trong ngã mà thấy ngã ở trong thức; không thấy ngã ở trong thức, lại khởi đoạn kiến, hoại hữu kiến; không khởi đoạn kiến, hoại hữu kiến, mà không lìa ngã mạn. Ai không lìa ngã mạn mà lại thấy ngã, người thấy ngã đó tức là hành. Hành ấy do nhân cái gì, tập khởi gì? do đâu sanh, do đâu chuyển? (Nói giống như trước cho đên ngã mạn). Ai biết như thế, thấy như thế thì mau được dứt sạch lậu hoặc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 49

KINH SỐ 58 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? ở giảng đường Lộc Mầu, vườn phía Đông. Sau giờ tọa thiền buổi chiều, Thế Tôn đến trước các Tỳ-kheo trải tòa ngồi và nói với các Tỳ-kheo: Có năm thọ ấm. Thế nào là năm? Nghĩa là sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trjch áo vai hữu, quỳ gối sát đất, chắp tay bạch Phạt: Bạch Thế Tôn, năm thọ ấm này là sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm phải không? Phật bảo Tỳ-kheo: Thầy hãy trở lại chỗ ngồi mà hỏi. Ta sẽ vì thầy giảng nói! Vi Tỳ-kheo ấy lễ Phật xong, trở về chỗ ngồi của mình, bạch đức Phật: Bạch Thế Tôn, năm thọ ấm này lấy cái gì làm gốc, lấy cái gì làm tập, do cái gì sanh, do cái gì xúc? Phật bảo Tỳ-kheo: Năm thọ ấm này lấy dục làm gốc, do dục tập, dục sanh, dục xúc. Khi nghe Phật nói như thế, Tỳ-kheo ấy vui vẻ, tày hỷ, bạch Phật: Thế Tôn nói về năm thọ ấm như vậy, hay thay lời nói này! Bây giờ, con lại xin hỏi Thế Tôn, năm ấm tức là thọ hay là năm ấm khác thọ? Phật bảo Tỳ-kheo: Chẳng phải năm ấm tức là thọ, cũng chẳng phải năm ấm khác thọ. Nếu người đôi với năm âm có dục tham, đó là năm thọ âm. Tỳ-kheo bạch Phật: Lành thay! Thế Tôn hoan hỷ, tùy hỷ, cho con xin hỏi lần nữa. Có hai ấm tương quan chăng? Phật bảo Tỳ-kheo: Đúng the! Đúng the! Nếu có một người suy nghĩ thế này: "Ta ở đời vị lai sẽ được sắc như vầy, thọ như vầy, tưởng như vầy, hành như vầy, thức như vầy." ĐÓ gọi là âm âm tương quan. Tỳ-kheo bạch Phật: Lời Ngài dạy thật hay! Con rất vui mừng, tùy

hỷ. Con lại xin hỏi nữa. Bạch The Tôn, the nào gọi là âm? Phật bảo Tỳ-kheo: Những gì có sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc

ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần, gọi chung tất cả là ấm. Đó gọi là ấm. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Như thế, này Tỳ-kheo9 đó gọi là ấm. Tỳ-kheo bạch Phật: Những điều Ngài dạy thật hay! Con rất vui mừng, tùy hỷ. Con xin được hỏi nữa. Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì gọi là sắc ấm? Do nhân gì, do duyên gì gọi là thọ, tưởng, hành, thức ấm? Phật bảo Tỳ-kheo: Bốn đại là nhân, bốn đại là duyên, đó gọi là sắc ấm. Vì cớ sao? Những gì thuộc về sắc ấm, tất cả đều là bốn đại, do bốn đại tạo tác. Xúc là nhân, xúc là duyên sanh thọ, tưởng, hành. Vì thế nên gọi là thọ, tưởng, hành ấm. Vì cớ sao? Vì nếu những gì thuộc thọ, tưởng, hành, tất cả chúng đều lấy xúc làm duyên. Danh sắc làm nhân, danh sắc làm duyên, đó gọi là thức ấm. Vì cớ sao? Vì nếu cái gì thuộc về thức, tất cả thứ ấy đều do danh sắc làm duyên. Tỳ-kheo bạch Phật: Lành thay! Lời dạy của Ngài con rất tùy hỷ? vui mừng. Con lại xin hỏi thêm. Bạch Thế Tôn, thế nào là sắc vi? Thế nào là sắc hoạn? Thế nào là sắc ly? Thế nào là thọ5 tưởng, hành, thức vị? Thế nào là... thức hoạn? Thế nào là... thức ly? Phật bảo Tỳ-kheo: r e • r e r 9 9 Ị. Duyên theo sác sanh ra vui thích, gọi là sác vị. Vì sác vô thường, khô, biên dịch, đó gọi là sắc hoạn. Nếu đối với sắc, điều phục được dục tham, đoạn dứt dục tham, vượt qua dục tham, đó gọi là sắc ly. Nếu duyên theo thọ, tưởng, hành, thức sanh ra vui thích, đó gọi là... thức vị. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, biến dịch, đó gọi là... thức hoạn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức, điều phục được dục tham, đoạn dứt dục tham, vượt qua dục tham, đó gọi là... thức ly. Tỳ-kheo bạch Phật: Lành thay! Những điều Phật chỉ dạy, con rất vui mừng, tùy hỷ. Con lại xin hỏi nữa. Bạch Thế Tôn, thế nào là sanh ngã mạn? Phật bảo Tỳ-kheo: Hàng phàm phu ngu si vô học, nơi sắc thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau, từ nơi đó sanh ngã mạn. Tỳ-kheo bạch Phật: Lành thay! Lời dạy của Ngài con rất vui mừng, tùy hỷ. Con lại xin hỏi nữa. Bạch Thế Tôn, làm sao được không ngã mạn? Phật bảo Tỳ-kheo:

Đa văn Thánh đệ tử đối với sắc không thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; đối với thọ, tưởng, hành, thức không thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau, đó gọi là không ngã mạn. Tỳ-kheo bạch Phật: Lành thay lời dạy của Thế Tôn! Con xin được hỏi nữa. Bạch Thế Tôn, thấy được gi, biết được gì mới dứt hết các lậu hoặc? Phật bảo Tỳ-kheo: Những gì thuộc về sắc quá khứ, hoặc vi lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần, tất cả đều chăng phải là ngã, chăng khác ngã, chăng ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Tỳ-kheo nào biết như thế, thấy như thế thì chóng dứt sạch hết lậu hoặc. Lúc bấy giờ, trong pháp hội có một vị Tỳ-kheo kia độn căn, không hiểu biết, bị vô minh che lâp, khởi ác tà kiên, nghĩ răng: "Nêu vô ngã, tạo nghiệp vô ngã thì trong đời vi lai ai sẽ thọ quả báo?" Khi đó? Thế Tôn biết điều suy nghĩ trong tâm Tỳ-kheo ấy, liền nói với các Tỳ-kheo: ở trong chúng này, nếu có kẻ ngu si vô minh nghĩ rằng: "Nếu sắc vô ngã, tạo

nghiệp vô ngã; thọ, tưởng, hành, thức vô ngã, tạo nghiệp vô ngã thì trong đời vi lai ai sẽ thọ quả bAo?" Điêu nghi ngờ như vậy, trước hét Ta giải thích cho Tỳ-kheo kia. Thế nào Tỳ-kheo? sắc là thường hay vô thường? Đáp: Bạch Thế Tôn, vô thường! Nếu vô thường là khổ chăng? Đáp: Bạch Thế Tôn, là khổ! Hỏi: -Nếu là pháp vô thường, khổ, biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Đáp: Bạch Thế Tôn, không! Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Vậy nên, này các Tỳ-kheo? những gì thuộc về sắc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần; tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở; người thấy như thế gọi là chánh kiến. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Đa văn Thánh đệ tử quán như thế thì tâm liền nhàm chán, nhàm chán rồi thì lìa dục, đã lìa dục thì được giải thoát,

giải thoát tri kiến: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành... tự biết không còn tái sanh đời sau nữa." Sau khi đức Phật nói kinh này xong, nhiều vị Tỳ-kheo không sanh khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành. * Bài kệ tóm tắt nội dung các kinh trên: Ấm căn, ấm tức thọ, Hai ấm cùng tương quan, Danh dự, nhân hai vj, Ngã mạn, chóng lậu tận. *** KINH SỐ 59 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, đức The Ton noi vơi các Ty-kheo: Có năm thọ ấm. Thế nào là năm? sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ âm. Quán năm thọ âm này là pháp sanh diệt. Nghĩa là sac này, sac tập khởi này, sắc diệt này; thọ, tưởng, hành, thức này,... thức tập khởi này,... thức diệt này. Thế nào là sắc tập khởi? Thế nào là sắc diệt? Thế nào là thọ, tưởng, hành, thức tập khởi? Thế nào là thọ, tưởng, hành, thức diệt? Ái hỷ tập khởi là sắc tập khởi, ái hỷ diệt là sắc diệt. Xúc tập khởi là thọ, tưởng, hành tập khởi; xúc diệt là thọ, tưởng, hành diệt. Danh sắc tập khởi là thức tập khởi, danh sắc diệt là thức diệt. Này Ty-kheo, như thế là sắc tập khởi, sắc diệt; đó là sắc tập khởi, sắc diệt. Như thế là thọ, tưởng, hành, thức tập khởi; thọ, tưởng, hành, thức diệt; đó là thọ, tưởng, hành, thức tập khởi; thọ, tưởng, hành, thức diệt. Bây giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 60 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, ở rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có năm thọ ấm. Thế nào là năm? Đó là sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Lành thay, Tỳ-kheo không vui thích đối với sắc, không khen ngợi sắc, không bám giữ đối với sắc, không dính mắc sắc! Lành thay, Tỳ- kheo không vui thích đối với thọ, tưởng, hành, thức; không khen ngợi... thức; không bám giữ... thức; không dính mắc... thức! Vì cớ sao? Nếu Tỳ-kheo không vui thích đoi với sắc, không khen ngợi sắc, không bám giữ sắc, không

52 KINH TẠP A-HÀM

giải thoát tri kiến: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành... tự biết không còn tái sanh đời sau nữa." Sau khi đức Phật nói kinh này xong, nhiều vị Tỳ-kheo không sanh khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy

xong, hoan hỷ phụng hành. * Bài kệ tóm tắt nội dung các kinh trên: Ấm căn, ấm tức thọ, Hai ấm cùng tương quan, Danh dự, nhân hai vj, Ngã mạn, chóng lậu tận. *** KINH SỐ 59 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, đức The Ton noi vơi các Ty-kheo: Có năm thọ ấm. Thế nào là năm? sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ âm. Quán năm thọ âm này là pháp sanh diệt. Nghĩa là sac này, sac tập khởi này, sắc diệt này; thọ, tưởng, hành, thức này,... thức tập khởi này,... thức diệt này. Thế nào là sắc tập khởi? Thế nào là sắc diệt? Thế nào là thọ, tưởng, hành, thức tập khởi? Thế nào là thọ, tưởng, hành, thức diệt? Ái hỷ tập khởi là sắc tập khởi, ái hỷ diệt là sắc diệt. Xúc tập khởi là thọ, tưởng, hành tập khởi; xúc diệt là thọ, tưởng, hành diệt. Danh sắc tập khởi là thức tập khởi, danh sắc diệt là thức diệt. Này Ty-kheo, như thế là sắc tập khởi, sắc diệt; đó là sắc tập khởi, sắc diệt. Như thế là thọ, tưởng, hành, thức tập khởi; thọ, tưởng, hành, thức diệt; đó là thọ, tưởng, hành, thức tập khởi; thọ, tưởng, hành, thức diệt. Bây giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 60 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, ở rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có năm thọ ấm. Thế nào là năm? Đó là sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Lành thay, Tỳ-kheo không vui thích đối với sắc, không khen ngợi sắc, không bám giữ đối với sắc, không dính mắc sắc! Lành thay, Tỳ- kheo không vui thích đối với thọ, tưởng, hành, thức; không khen ngợi... thức; không bám giữ... thức; không dính mắc... thức! Vì cớ sao? Nếu Tỳ-kheo không vui thích đoi với sắc, không khen ngợi sắc, không bám giữ sắc, không

dính mắc sắc; thì đối với sắc không vui thích, tâm được giải thoát. Cũng như thế, đoi với thọ, tưởng, hành, thức chẳng vui thích; đối với... thức chẳng khen ngợi; chăng bám giữ đối với... thức; chẳng dính mắc đối với... thức; thì đối với... thức chẳng ưa thích, tâm được giải thoát. Nếu Tỳ-kheo chẳng ưa sắc, tâm được giải thoát, như thế đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng không vui thích, tâm được giải thoát, không diệt, không sanh, bình đẳng trụ nơi hạnh buông xả, chánh niệm, chánh chí. Tỳ-kheo tin biết như thế, thấy như thế, mé trước đều thông suốt không sót, mé trước đều thông suốt không sót hết rồi; mé sau cũng đều thông suốt hết không sót; mé sau thông suốt không sót hết rồi; mé trước, mé sau đều thông suốt không sót, không có gì dính mắc. Vì không có gì dính mắc nên đoi với thế gian không có gì chấp thủ, không chấp thủ nên không có gì mong cầu, không mong cầu nên tự giác Niết-bàn: "Su sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 61 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ9 ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Nghĩa là sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Thế nào là sắc thọ ấm? Những gì thuộc về sắc, tất cả đều là bốn đại và bốn đại tạo sắc; đó gọi là sắc thọ ấm. Lại nữa, sắc đó là pháp vô thường, khổ, biến dịch. Nếu sắc thọ ấm kia dứt hết, không sót, rốt ráo, xa lìa, diệt tận? ly dục, tịch lặng; sắc thọ ấm khác lại không nối tiếp,

chẳng khởi, chẳng xuất; đó gọi là diệu, đó gọi là tịch tinh, đó gọi là xả ly, sạch hết tất cả các ái còn lại, được vô dục, diệt tận, Niết-bàn. Thế nào là thọ thọ ấm? Nghĩa là sáu thọ thân. Những gì là sáu thọ thân? Nghĩa là thọ sanh ra bởi nhãn xúc; thọ sanh ra bởi nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Đó gọi là thọ thọ âm. Lại nữa, thọ thọ âm này là pháp vô thường, khô, biên dịch... diệt tận, Niết-bàn. Thế nào là tưởng thọ ấm? Nghĩa là sáu tưởng thân. Những gì là sáu? Nghĩa là tưởng sanh ra bởi nhãn xúc;... ý xúc. Đó gọi là tưởng thọ ấm. Lại nữa, tưởng thọ ấm này là pháp vô thường, khổ, biến dịch,... diệt tận, Niết-bàn. Thế nào là hành thọ ấm? Nghĩa là sáu tư thân. Những gì là sáu? Nghĩa là tư sanh ra bởi nhãn xúc;... ý xúc. Đó gọi là hành thọ ấm. Lại nữa, hành thọ ấm này là pháp vô thường, khổ, biến dịch,... diệt tận, Niết-bàn.

Thế nào là thức thọ ấm? Nghĩa là sáu thức thân. Những gì là sáu? Nghĩa là nhãn thức thân;... ý thức thân. Đó gọi là thức thọ ấm. Lại nữa, thức thọ ấm này là pháp vô thường, khổ, biến dịch,... diệt tận, Niết-bàn. Này Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này dùng trí tuệ tư duy, quán sát, phân biệt, nhẫn chịu, đó gọi là Tùy tín hành; siêu việt, lìa sanh, vượt qua phàm phu, chưa đắc quả Tu-đà-hoàn, khoảng giữa nếu chưa chết, chắc chắn được quả Dự lưu. Này Tỳ-kheo, nếu nơi pháp này tăng trưởng trí tuệ, tư duy, quán sát, nhẫn chịu, đó gọi là Tùy pháp hành; siêu việt, xa lìa sanh, vượt khỏi hàng phàm phu, chưa được quả Tu-đà-hoàn, khoảng giữa nếu chưa chết, chắc chắn được quả Tu-đà-hoàn. Này Tỳ-kheo, đối với pháp này đều thấy như thật với chánh tuệ, ba kiết được đoạn tận, biết khắp hết, nghĩa là thân kiên, giới câm thủ và nghi. Này Tỳ-kheo, đó gọi là quả Tu-đà-hoàn, không rơi vào đường ác, quyết định sẽ thẳng đến Chánh giác, bảy lần qua lại trong cõi trời, người, sau đó mới giải thoát. Này Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này đều thấy với chánh tuệ như thật, tâm không khởi lậu hoặc gọi là A-la-hán; các lậu đã dứt sạch, việc cần làm đã làm xong, buông bỏ, xa lìa gánh nặng, chính mình được lợi ích, sạch các kiết sử, chánh trí, tâm được giải thoát. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 62 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Có năm thọ ấm. Đó là sắc thọ ấm; thọ? tưởng, hành, thức thọ ấm. Phàm phu ngu si vô học, không trí tuệ, không sáng suốt, đối với năm thọ ấm sanh ngã kiến, bị ràng buộc, khiến cho tâm bị ràng buộc, dính mắc mà sanh ra tham dục. Này các Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử có trí tuệ sáng suốt, đối với năm thọ ấm này, không thay ngã bị ràng buộc, dính mắc khiến cho tâm bi hệ trược mà khởi tham dục. Vì sao kẻ phàm phu ngu si vô học, không trí tuệ, không sáng suốt, đối với năm thọ ấm, thấy ngã hệ trược, khiến cho tâm bị ràng buộc, dính mắc mà sanh tham dục? Này các Tỳ-kheo? phàm phu ngu si vô học, không trí tuệ? không sáng suốt, thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau. Cũng thế, người ấy thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau. Như vậy phàm phu ngu si vô học, không trí tuệ, không sáng suốt, đối với năm thọ ấm, nói là ngã5 hệ trược, làm cho tâm bị trói buộc mà sanh tham dục.

Này các Tỳ-kheo? vì sao vi đa văn Thánh đệ tử có trí tuệ sáng suốt, không thấy ngã hệ trược, khiến trói buộc tâm, mà sanh ra tham dục? Vì Thánh đệ tử không thấy sắc là ngã, khác ngã? hoặc ở trong nhau. Cũng thế, vị ấy đối với thọ, tưởng, hành, thức không thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau. Như vậy, vi đa văn Thánh đệ tử có trí tuệ sáng suốt, đối với năm thọ ấm này không thấy có ngã, hệ trược, khiến trói buộc tâm sanh tham dục. Nếu những gì thuộc về sắc hoặc quá khứ, hoặc vi lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần, vị ấy quán sát tất cả đều là vô thường. Cũng như thế thọ? tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vi lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần, vi ấy chánh quán tất cả đều vô thường. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 63 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Có năm thọ ấm. Đó là sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Này Tỳ- kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn chấp có ngã thì tất cả đều chấp nơi năm thọ ấm này là ngã. Những gì là năm? Các Sa-môn9 Bà-la-môn đối với sắc thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau. Cũng thê nơi thọ, tưởng, hành, thức, vi ây thây là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau. Như vậy là phàm phu ngu si, vô minh, chấp ngã, phân biệt, chấp ngã sở. Người không lìa ngã sở thì vin vào các căn rồi sanh ra xúc. Sáu xúc duyên vào sở xúc thì phàm phu ngu si vô học sanh ra kho vui, từ đó mà phát sinh các thứ pháp này, pháp khác; đó là sáu xúc thân. Những gì là sáu? Đó là nhãn xúc nhập xứ; lứiĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ. Tỳ-kheo có ý giới, pháp giới, vô minh giới; đối với xúc của vô minh xúc, kẻ phàm phu ngu si vô học nói c6, nói không, nói vừa có vừa không, nói chẳng phải có chẳng phải không, nói ta là tối thắng, nói ta bằng, ta biết, ta thấy. Lại nữa, này Tỳ-kheo9 đa văn Thánh đệ tử trụ nơi sáu xúc nhập xứ có thể nhàm chán mà xa lìa vô minh và sanh ra sự sáng suốt. Người ấy đối với vô minh, lìa dục và sanh ra sự sáng suốt, chẳng có, chẳng không, chẳng phải vừa có vừa không, chẳng phải chẳng có chẳng không, chẳng có ta hơn, ta kém, ta bằng, ta biết, ta thấy. Biết như thế, thấy như thế rồi thì vô minh xúc trước diệt đi, minh xúc sau sanh khởi. Bấy giờ9 các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 64 Tôi nghe như vây:

56 KINH TẠPA-HÀM

Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-vệ, ở vườn phía Đông, giảng đường Lộc Tử Mau. Bấy giờ, Thế Tôn sau giờ tọa thiền buổi chiều, Ngài vào giảng đường, trải tòa ngồi giữa đại chúng, nói kệ tán thán: Pháp không có tự ngã, Cũng không có ngã sở, Ngã đã còn không có? Ngã sở do đâu sanh? Tỳ-kheo giải thoát đây, Ắt dứt hạ phần kiết. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai hữu, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn, thế nào là "Không có tự ngã, cũng không có ngã sở; ngã đã chẳng c6, ngã sở do đâu sanh? Tỳ-kheo giải thoát đây, ắt dứt hạ phần kiết"? Phật bảo Tỳ-kheo: Phàm phu ngu si vô học chấp sắc là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; chấp thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau. Đa văn Thánh đệ tử không thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã

hoặc ở trong nhau; cũng chẳng phải người biết, cũng chẳng phải người thấy, sắc này là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, sắc là khổ; thọ, tưởng, hành, thức là khổ. sắc là vô ngã; thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã. Cái sắc này không nên có; thọ, tưởng, hành, thức không nên có. Vì cái sắc này là pháp hư hoại; thọ, tưởng, hành, thức là pháp hư hoại; cho nên chẳng phải nẹã, chẳng phải ngã sở. Ngã, ngã sở không nên có, người giải thoát như thế, chắc chắn sẽ dứt được năm hạ phần kiết sử. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy bạch Phật: Bạch Thế Tôn, đã dứt năm hạ phần kiết sử rồi làm sao được sạch các lậu hoặc, thành vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đay đủ: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc can làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau nữa"? Phật bảo Tỳ-kheo: Phàm phu ngu si vô học, ở nơi không sợ hãi mà sanh sợ hãi, đó là sự sợ hãi của kẻ phàm phu ngu si. Vô ngã, phi ngã sở, Cả hai chẳng nên sanh. Phan duyên bốn chỗ thức ở. Những gì là bốn? Đó là thức ở sắc. sắc phan duyên sắc, yêu thích tăng thêm, sinh trưởng rộng lớn; đối với thức trụ nơi thọ, tưởng, hành, phan duyên, yêu thích tăng thêm, sinh trưởng rộng lớn. Này Tỳ-kheo? thức ở nơi chỗ này, hoặc đến, hoặc di, hoặc trụ, hoặc khởi, hoặc diệt, tăng thêm, sinh trưởng rộng lớn. Nếu có ai nói: "Lại có pháp khác nơi đó, thức hoặc đên, hoặc đi, hoặc trụ, hoặc khởi, hoặc diệt, hoặc tăng thêm, sinh trưởng rộng lớn^^; đó chỉ là lời nói suông, hỏi đến rồi chẳng biết, chỉ thêm ngu si, vì chẳng phải cảnh giới của họ. Vì cớ sao? Này Tỳ-kheo? đã lìa tham dục

KINH TẠPA-HÀM 57

của sắc giới, ý sanh ràng buộc đối với sắc cũng dứt; ý sanh ràng buộc đối với sác đã dứt hẳn, thức phan duyên cũng đoạn, thức không trụ trở lại, cũng không tăng tiên, sinh trưởng rộng lớn. Đã lìa tham dục của thọ, tưởng, hành giới; ý sanh ràng buộc đối với thọ, tưởng, hành cũng dứt. Ý sanh ràng buộc đối với thọ, tưởng, hành dứt; thức phan duyên cũng đoạn, thức không chỗ trụ, cũng không tăng tiến, sinh trưởng rộng lớn. Thức không chỗ trụ nên không tăng trưởng, không tăng trưởng nên không có điều gì tạo tác, không có điều gì tạo tác nên an trụ, an trụ nên biêt đủ5 biêt đủ nên được giải thoát, giải thoát nên đối với các pháp thế gian không có gì chấp thủ, vì không chấp thủ nên không đắm trước, không đam trước nên tự giác Niết-bàn: uSự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa." Này Tỳ-kheo, Ta nói thức chẳng trụ ở bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc trên dưới, diệt trừ tham dục, thấy pháp Niết-bàn, diệt tận, tịch tịnh, mát mẻ. Bây giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. * Bài kệ tóm tắt nội dung các kinh trên: Sanh diệt chẳng nên vui, Cùng ba thứ phân biệt, Nên quán sát tham trước, Đó gọi là Ưu-đà-na. *** KINH SỐ 65 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton nói với các Tỳ-kheo: Thường nên tu tập tinh tấn, thiền tư, tĩnh lặng tâm mình, quán sát như thật.
Thế nào là quán sát như thật? Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là... thức tập; đây là... thức diệt. Thế nào là sắc tập? Thế nào là thọ, tưởng, hành, thức tập? Phàm phu ngu si vô học đối với các thọ, khô, vui, không khô không vui; không quán sát như thật thọ tập, thọ diệt, thọ vj, thọ hoạn, thọ ly này. Vì không quán sát như thật cho nên đôi với thọ lại vui thích, đắm trước, sanh chấp thủ?

thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não; như thế thuần đại khổ tụ từ tập mà sanh. Đó gọi là sắc tập. Đó gọi là thọ, tưởng, hành, thức tập. Thế nào là sắc diệt; thọ, tưởng, hành, thức diệt? Đa văn Thánh đệ tử đối với các thọ, khổ, vui, không khổ không vui; quán sát như thật thọ tập, thọ diệt, thọ vị, thọ hoạn, thọ ly. Vì quán sát như thật nên đối với thọ dứt sự ái trước, ái trước dứt nên thủ dứt, thủ dứt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên lão- bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não diệt; như thế thuần đại khổ tụ đều diệt hết. Đó gọi là sắc diệt; thọ5 tưởng, hành, thức diệt. Vì thế Tỳ-kheo phải thường nên tu tập tinh tấn, thiền tư, tĩnh lặng tâm mình, quán sát như thật.

58 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Như vậy là quán sát, như vậy là phân biệt các thứ phân biệt, biết rộng tất cả, biết gần gũi, tu tập, nhập xúc chứng. (Hai kỉnh cũng nói rộng như thẽ).

KINH SỐ 66 Tôi nghe như vây: Một thòi, đức Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Các Tỳ-kheo thường nên tu tập tinh tấn, thiền tư, tĩnh lặng tâm mình. Vì cớ sao? Tu tập tinh tấn, thiền tư, tĩnh lặng tâm mình thì quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Nghĩa là như thật quán sát sắc này, sác tập này, sác diệt này; thọ, tưởng, hành, thức này; thức tập này;... thức diệt này. Thế nào là sắc tập? Thế nào là thọ, tưởng, hành, thức tập? Này Tỳ-kheo, phàm phu ngu si vô học không quán sát như thật sắc tập, sắc vị? sắc hoạn, sắc ly; nên vui thích sắc ấy, khen ngợi, ái trước nên sắc còn phải tái sanh đời vị lai. Thọ, tưởng, hành, thức cũng được nói rộng như the. sắc ấy sanh thì thọ, tưởng, hành, thức liền sanh; đã không giải thoát đối với sắc thì cũng không giải thoát đối với thọ, tưởng, hành, thức; Ta nói người ấy cũng không giải thoát đối với sanh-già-bệnh-chết-lo-buồn-khổ-não? thuần đại kho tụ. Đó gọi là sắc tập; thọ, tưởng, hành, thức tập. Thế nào là sắc diệt; thọ, tưởng, hành, thức diệt? Đa văn Thánh đệ tử quán sát như thật về sắc tập, sắc diệt, sắc vị? sắc hoạn, sắc ly và biết như thật. Vì biết như thật nên vị ấy không ưa thích đối với sắc, không khen ngợi sắc, không đắm trước săc9 cũng không sanh sắc vị lai. Thọ, tưởng, hành, thức cũng được nói rộng như thế. Vì sắc chẳng sanh; thọ? tưởng, hành, thức chẳng sanh; nên đối với sác được giải thoát, đôi với thọ, tưởng, hành, thức được giải thoát; Ta nói n^ười ấy được giải thoát sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não và thuần đại kho tụ. Đó gọi là sắc diệt; thọ, tưởng, hành, thức diệt; Vì thế Tỳ-kheo phải luôn luôn tu tập tinh tấn, thiền tư, tĩnh lặng nội tâm, tinh cần phương tiện, quán sát như thật. Bây giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. {Quan sát như thế,.., cho đến tác chứng, mười hai kinh cũng nói rộng như thê).

KINH SỐ 67 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Thường nên tu tập tinh tấn, thiền tư, tĩnh lặng nội tâm. Vì sao? Tỳ-kheo tu tập tinh tấn, thiền tư, tĩnh lặng nội tâm thì như thật quán sát. Thế nào là như

thật quán sát, như thật biết? Biết như thật sắc này, sắc tập này, sắc diệt này; thọ, tưởng, hành, thức này;... thức tập này;... thức diệt này. Thế nào là sắc tập; thọ, tưởng, hành, thức tập? Phàm phu ngu si vô học không biết như thật sắc tập, sắc diệt, sắc vi, sắc hoạn, sắc ly. Vì không biết như thật nên vui thích, đắm trước sắc ấy, khen ngợi sắc ấy. Vì đắm trước sắc, khen ngợi sắc nên chấp thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão-tử-mi-bi-khổ-não; như thế thuần đại khổ tụ sanh. Đó gọi là sác tập; thọ, tưởng, hành, thức tập. Thế nào là sắc diệt; thọ, tưởng, hành, thức diệt? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật sắc tập, sắc diệt, sắc vị? sắc hoạn, sắc ly. Vì biết như thật cho nên không vui thích, không khen ngợi sắc. Vì không vui thích, không khen ngợi sắc nên ái lạc diệt, ái lạc diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên lão-tử-ưu-bi-khổ-não diệt; như thế thuần đại khổ tụ diệt. Thế nào là đa văn Thánh đệ tử biết như thật thọ, tưởng, hành, thức;... thức tập,... thức diệt,... thức vị,... thức hoạn,... thức ly? Vì biết như thật nên không vui thích, không đăm trước, không khen ngợi thức ây; vì không vui thích, không đắm trước, không khen ngợi... nên ái lạc diệt; ái lạc diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên lão-tử-ưu-bi-khổ-não diệt; như thế thuần đại khổ tụ diệt, tất cả đều diệt. Này các Tỳ-kheo, đó gọi Là sắc diệt; thọ, tưởng, hành, thức diệt. Tỳ-kheo nên luôn luôn tu tập tinh tấn, thiền tư, tĩnh lặng nội tâm. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Quán sát như thế,,., tác chứng mười hai kinh cũng nói rộng như thế).

KINH SỐ 68 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ5 ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton noi vơi các Ty-kheo: Thường nên tu tập tinh tấn, thiền tư, tĩnh lặng tâm mình, quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Biết như thật sắc này, sắc tập này, sắc diệt này; thọ, tưởng, hành, thức này;... thức tập này;... thức diệt này. Thế nào là sắc tập; thọ, tưởng, hành, thức tập? Do mắt và sắc làm duyên sanh ra thức, ba pháp này hòa hợp sanh xúc, duyên xúc sanh thọ, duyên thọ sanh ái9... thuần đại khổ tụ sanh. Đó gọi là sắc tập. Như thế tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý và pháp làm duyên sanh ý thức, ba pháp này hòa hợp sanh xúc, duyên xúc sanh thọ, duyên thọ sanh ái... thuần đại kho tụ sanh. Đó gọi là sắc tập; thọ, tưởng, hành, thức tập.

Thế nào là sắc diệt; thọ, tưởng, hành, thức diệt? Do mắt và sắc, nhãn thức sanh, ba pháp này hòa hợp sanh xúc, xúc diệt thì thọ diệt,... thuần đại khổ tụ diệt. Như thế tai, mũi, lưỡi, thân, ý; duyên ý và pháp, ý thức sanh, ba pháp này hòa hợp sanh xúc, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt... thuần đại khổ tụ diệt. Đó gọi là sắc diệt; thọ, tưởng, hành, thức diệt. Vì thế, này các Tỳ-kheo, nên luôn tu tập tinh tấn, thiền tư, tĩnh lặng nội tâm. Bấy giờ các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. r r (Quán sát như thê,... tác chứng mười hai kinh cũng nói rộng như thẽ). *

Bài kệ tóm tắt nội dung các kinh trên:
Thọ cùng sanh và vui, Cũng nói sáu nhập xứ,

Mỗi mỗi mười hai loại, Kỉnh thiền đinh tam-muội.
***

KINH SỐ 69 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-ve, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Ạ _• Ạ _ ĩ Ạ r • r_ • r rrn Ạ A Bay giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Hôm nay Ta sẽ nói hữu thân tập thú đạo và hữu thân tập diệt đạo. Thế nào là hữu thân tập thú đạo? Phàm phu ngu si vô học không biết như thật sắc tập, sắc diệt, sắc vị5 sắc hoạn, sắc ly. Vì không biết như thật nên yêu thích sắc, khen ngợi sắc, đắm trước sắc, trụ sắc và thích sắc. Vì khen ngợi sắc, đắm trước sắc, trụ sắc, nên yêu thích thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão-tử-ưu-bi-khổ-não. Như thế thuần đại khô tụ sanh. Thọ? tưởng, hành, thức cũng được nói rộng như thê. Đó gọi là hữu thân tập thú đạo. Tỳ-kheo nên biết hữu thân tập thú đạo tức khổ tập thú đạo. Thế nào là hữu thân tập diệt đạo? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật sắc, sắc tập5 sắc diệt, sắc vị, sắc hoạn, sắc ly. Vì biết như thật nên đối với sắc không ưa thích, không khen ngợi, không đắm trước, không trụ. Vì không ưa thích, không khen ngợi, không đắm trước, không trụ nên ái lạc sắc diệt. Ái lạc sắc diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão-tử-mi-bi-khổ-não5 thuần đại khổ tụ diệt. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Đó gọi là hữu thân diệt đạo tích. Hữu thân diệt đạo tích tức là khổ diệt đạo tích, vì thế nên nói hữu thân diệt đạo tích. Bây giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (về “hữu" và về "nên biếu cũng nói như trên).

KINHTẠPA-HÀM^ 61

KINH SỐ 70 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-ve, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Ta se noi ve hữu than biên, hữu than tạp biên, hưu than diệt biên. Các Ty- kheo hãy lắng nghe, khéo nghĩ nhớ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là hữu thân biên? Đó là năm thọ ấm. Những gì là năm? Đó là sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Đó gọi là hữu thân biên. Thế nào là hữu thân tập biên? Nghĩa là ưa thích ái cùng với hỷ tham về sự hữu (nghiệp quả) trong tương lai, mỗi mỗi đều vui thích, tham đắm. Đó gọi là hữu thân tập biên. Thế nào là hữu thân diệt biên? Nghĩa là ưa thích ái cùng với hỷ tham về sự hữu (nghiệp quả) trong tương lai, mỗi mỗi sự yêu thích, đắm trước đã nhổ hết, đã dứt sạch không còn sót5 lìa dục, tịch diệt, vắng lặng. Đó gọi là hữu thân diệt biên. Vì thế nên nói hữu thân biên, hữu thân tập biên, hữu thân diệt biên. Bây giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (về “hữu" vd về "nên biếr cũng nói như trên).

KINH SỐ 71 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Hôm nay Ta sẽ nói hữu thân, hữu thân tập, hữu thân diệt, hữu thân diệt đạo tích. Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe, khéo tư niệm, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là hữu thân? Nghĩa là năm thọ ấm. Những gì là năm? sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Đó gọi là hữu thân. Thế nào là hữu thân tập? Ái cùng hỷ tham về sự hữu (nghiệp quả) trong tương lai những thứ nhiễm trước này. Đó gọi là hữu thân tập. Thế nào là hữu thân diệt? Ái cùng hỷ tham về sự hữu (nghiệp quả) trong tương lai đã nhổ hết, dứt sạch, không còn thừa, ly dục, tịch diệt. Đó gọi là hữu thân diệt. Thế nào là hữu thân diệt đạo tích? Đó là bát

Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là hữu thân diệt đạo tích. Vì thế nên nói hữu thân, hữu thân tap, hữu thân diệt, hữu thân diệt đạo tích.

62 KINH TẠP A-HÀM

r Bây giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Kinhr khác cũng nói như thê, nhưng có điêu khác là: Nên biêt hữu thân, nên biêt đoạn hữu thân tập, nên biêt chứng hữu thân diệt, nên biêt tu đoạn hữu thân đạo tích). Bây giờ? các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (yề “hữu" và "nên biếc cũng nói như trên, có điều sai khác ỉa: Tỳ-kheo nên biết hữu thân, đoạn hữu thân tập, chứng hữu thân diệt, tu đoạn hữu thân đạo tích; đó gọi là Tỳ-kheo dứt hết các pháp ái dục? ràng buộc, tu hành tương tục, tột cùng mé khổ. Lại có diêm sai khác nữa: Đó gọi là Tỳ-kheo giải thoát, hoàn toàn lìa câu uế? Phạm hạnh cứu cánh, là bậc Thượng sĩ thuần tịnh. Lại có diêm sai khác nữa: Đó gọi là Tỳ-kheo A-la-hán, sạch hét hữu lậu, việc cần làm đã làm xong, đã buông bỏ gánh nặng, chóng được tự lợi, dứt hết các kiêt sử, chánh trí, tâm giải thoát. Lại có điểm sai khác nữa: Đó gọi là Tỳ-kheo dứt cửa ải, vượt qua hào, siêu việt cảnh giới, thoát các lưới giăng, dựng lập Thánh pháp tràng. Thế nào là dứt cửa ải? Nghĩa là dứt năm hạ phần kiết sử. Thế nào là vượt r e * qua hào? Nghĩa là vượt qua hào sâu vô minh. Thê nào là siêu việt cảnh giới? Nghĩa là tột cùng vô thỉ sanh tử. Thế nào là thoát khỏi các lưới giăng? Nghĩa là ái hết sạch. Thế nào là dựng lập Thánh pháp tràng? Nghĩa là ngã mạn hết. Lại có điểm sai khác nữa: Đó gọi là Tỳ-kheo dứt được năm chi thành sáu chi, thủ hộ nương nơi một, bôn thứ khí xả các đê, lìa các mong câu, lặng các giác quán, thân hành dừng nghỉ, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, thuần nhất thành tựu Phạm hạnh bậc Vô thượng sĩ). Đạo ấy có ba hạng, Thật giác cũng ba hạng, Nói bốn hạng có thân, La-hán có sáu bậc.

KINH SỐ 72 A

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ5 ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ? Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Ta sẽ nói pháp được biết bởi trí và người trí. Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe, khéo suy niệm, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là pháp được biết? Đó là năm thọ ấm. Những gì là năm? sắc thọ am; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Đó gọi là pháp được biết. Thế nào là trí? Điều phục dục tham, dứt dục tham, vượt qua dục tham. Đó gọi là trí.

KINH TẠPA-HÀM 63

Thế nào gọi là người trí? A-la-hán là người trí. Bậc A-la-hán chẳng có sự chết đời sau, chẳng phải không có sự chết đời sau, chẳng phải vừa có vừa không có sự chết đời sau, chẳng phải chẳng có chẳng không có sự chết đời sau. Nói rộng vô lượng kiếp số sanh tử đều dứt. Đó là nói pháp được biết bởi trí và người trí. Bây giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 73 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, Thê Tôn noi vơi các Tỳ-kheo: Hôm nay Ta sẽ nói về gánh nặng, giữ lấy gánh năng, buông bỏ gánh nặng và kẻ mang gánh nặng. Các

Tỳ-kheo hãy lắng nghe, khéo suy niệm, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là gánh nặng? Đó là năm thọ ấm. Những gì là năm? sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Thê nào là giữ lây gánh nặng? Tâm ái cùng với hỷ tham vê sự hữu trong tương lai, mỗi mỗi ưa thích, tham trước. Thế nào là buông bỏ gánh nặng? Sự yêu thích tham đã dứt hẳn, diệt hẳn, không còn sót, nhổ sạch, lìa dục, tịch tinh. Thê nào là kẻ mang gánh nặng? Nghĩa là người, người ây có tên như thê, sanh ra như thế, dòng họ như thế, ăn uống như thế, chịu khổ như thế, sống dai như thế, ở lâu như thế, mạng sống có hạn. Đó gọi là gánh nặng, giữ lấy gánh nặng, buông bỏ gánh nặng, người mang gánh nặng. Khi ay The Ton noi kẹ: Đã buông bỏ gánh nặng Không nên giữ lại nữa, Gánh nặng là khổ lớn, Buông gánh là vui lớn. Nếu dứt tất cả ái, Thì dứt tất cả hành, Thấu suốt các cảnh khác, Chẳng trở lại có nữa. Bấy giờ, các Ty-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 74 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ9 ở rừng Kỳ-đà5 ương vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Có năm thọ ấm. Những gì là năm? sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Kẻ phàm phu ngu si vô học không biết như thật sắc, sắc tập, sắc vị, sắc hoạn, sắc ly. Vì không biết như thật nên đối với sắc vui thh, khen ngợi, trụ

hệ trước, bị sắc ràng buộc, bị ràng buộc ở bên trong, không biết cội gốc, không biết giới hạn, không biết lìa khỏi. Đó gọi là kẻ phàm phu ngu si vô học, do ràng buộc mà sanh, do ràng buộc mà tử, ràng buộc từ đời này sang đời khác; người ấy do ràng buộc mà sanh cũng do ràng buộc mà tử. Đó gọi là kẻ phàm phu ngu si vô học, theo ma, mặc tình vào trong lưới ma, theo sự xúi giục của ma, bi ma lôi đi. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật sắc, sắc tập, sắc diệt, sắc vị, sắc hoạn, sắc ly. Vì biết như thật nên không vui thích sắc, không khen ngợi, không trụ hệ trước, chẳng bị ràng buộc của sắc trói chặt, chẳng bị ràng buộc bên trong trói chặt, biết cội gốc, biết giới hạn, biết lìa khỏi. Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử không theo ràng buộc mà sanh, không theo ràng buộc mà tử, không theo ràng buộc từ đời này sang đời khác, không theo ma, không rơi vào tay ma, không theo việc làm của ma, không bi ma trói buộc, giải thoát sự ràng buộc của ma, rời khỏi sự lôi cuốn của ma. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 75 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton noi vơi các Ty-kheo: Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Nghĩa là sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Tỳ-kheo đối với sắc sanh nhàm chán, ly dục, tịch diệt, không khởi, giải thoát. Đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế, sanh nhàm chán, ly dục, tịch diệt, không khởi, giải thoát. Đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Tỳ-kheo cũng đối với sắc sanh nhàm chán, ly dục, tịch diệt. Đó gọi là bậc A-la-hán được tuệ giải thoát. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế, nhàm chán, ly dục, tịch diệt, giải thoát. Đó gọi là bậc A-la-hán được tuệ giải thoát. Này các Ty-kheo, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán được tuệ giải thoát có gì sai biệt? Các Ty-kheo bạch Phật: Như

Lai là gốc của pháp, con mắt của pháp, nơi nương tựa của pháp; xin Thê Tôn vì các Tỳ-kheo nói rộng nghĩa này, các Tỳ-kheo chúng con nghe xong sẽ kính vâng làm. Phật bảo các Tỳ-kheo: Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe, khéo suy niệm, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đối với pháp chưa từng nghe, có thể tự giác được pháp, thông đạt Vô thượng Bồ-đề5 vì muốn giác ngộ hàng Thanh

văn trong đời vị lai nên nói các pháp như: Tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát Thánh đạo. Này các Tỳ-kheo? đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, đối với điêu chưa đác mà đăc? điêu chưa lợi ích được lợi ích, biêt đạo, phân biệt đạo, nói dạo, thông suốt đạo, lại có thể thành tựu cho các vị Thanh văn, dạy dỗ, nhắc nhở, nói pháp lành, chánh thuận, an vui như thế. Đó là sự sai biệt giữa Như Lai và A-la-hán. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 76 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton noi vơi các Ty-kheo: Có năm thọ ấm. Những gì là năm? sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Này các Tỳ-kheo, các thầy nên quán sát đối với sắc, quán sát sắc rồi, thấy có ngã, khác ngã, cũng ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, không! Phật bảo các Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo5 sắc là vô ngã, vô ngã thì vô thường, vô thường thì khô; nêu khô thì tát cả chúng đêu chăng có ngã, chăng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Nên quán thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đa văn Thánh đệ tử đôi với năm thọ âm này quán sát chăng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Đã quán sát như thế nên đối với thế gian không có gì chấp thủ, người không châp thủ thì chác chăn không có gì đăm trước, vì không đăm trước nên tự giác Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 77 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton noi vơi các Ty-kheo: Các Tỳ-kheo nên đoạn dục tham đối với sắc, dục tham đã dứt thì sắc dứt, sắc đã dứt thì biết sắc đã dứt, biết sắc đã dứt thì cội gốc dứt, như chặt ngọn cây da-la, vị lai không sanh được nữa. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Nêu sác sanh khởi, dừng ở, sanh ra thì chác chăn là khô nơi sự khởi lên này, là bệnh nơi sự dừng ở này, là già chết nơi sự sanh khởi này. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo, nếu sắc diệt mất thời khổ ngay nơi đó diệt, bệnh ngay nơi đó dừng nghỉ, già chết ngay nơi đó diệt mất. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 79 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-ve, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Sắc quá khứ, sắc vị lai còn vô thường, huống là sắc hiện tại. Đa văn Thánh đệ tử đã quán sát như thê, không tiêc nuôi sác quá khứ, không mong câu sác vị lai, đối với sắc hiện tại thì nhàm chán, xa lia, ly dục, diệt tận. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo, nếu không có sắc quá khứ thì đa văn Thánh đệ tử đã không có sự việc "không tiếc nuối sắc quá khứ", do có sắc quá khứ nên đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối sắc quá khứ. Nếu không có sắc vị lai thì đa văn Thánh đệ tử không có sự việc "không mong cầu sắc vi lai", vì có sắc vị lai nên đa văn Thánh đệ tử không mong cầu sắc vị lai. Nếu không có sắc hiện tại thì đa văn Thánh đệ tử không đối với sắc hiện tại sanh tâm yểm ly, hết tham dục, hướng về tịch tịnh, vì có sắc hiện tại nên đa văn Thánh đệ tử đối với sác hiện tại sanh tâm nhàm chán, hét tham dục, hướng vê tịch tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Bây giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như kỉnh về vô thường; ba kỉnh: Khổ, không, vô ngã cũng nói như vậy).

KINH SỐ 80

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Ta sẽ nói về Thánh pháp ấn và kiến thanh tịnh. Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe, khéo suy niệm.

Nếu có Tỳ-kheo nói rằng: “Ta đối với Không tam-muội chưa có sở đắc mà khởi vô tướng, vô sở hữu, lìa tri kiến kiêu mạn" thì chớ nói như thế. Vì cớ sao? Vì nếu ai đối với Không chưa đắc mà nói mình dắc, khởi vô tướng, vô sở hữu, lìa tri kiến kiêu mạn thì việc này không thể có được. Nếu có Tỳ-kheo nói như sau: “T6i đắc lý Không, có thể khởi vô tướng, vô sở hữu, lìa tri kiến kiêu mạn,5 thì đó là lời nói xác đáng. Vì cớ sao? Vì nếu người đã đắc được Không thì có thể khởi vô tướng, vô sở hữu, lìa tri kiến kiêu mạn; chắc chắn như vậy. Thế nào là Thánh đệ tử được kiến thanh tịnh? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Như Lai là gốc của pháp, con mắt của pháp, nơi nương tựa của pháp; xin Ngài hãy vì chúng con nói, Tỳ-kheo chúng con sau khi nghe pháp xong sẽ vâng theo lời dạy. Phật bảo các Tỳ-kheo: Nêu Tỳ-kheo ở nơi thanh văng, trông không, ngôi dưới cội cây, khéo quán sát săc là pháp vô thường, hoại diệt, ly dục; cũng thê, quán sát các âm kia là pháp vô thường, hoại diệt, không bền chắc, biến đổi; thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường, hoại diệt, ly dục, không bền chắc, biến đổi, tâm an vui giải thoát, thanh tịnh, đó gọi là Không. Người quán sát như thế cũng không thể được thanh tịnh, xa lìa tri kiến kiêu mạn. Lại có chánh tư duy tam-muội? quán sắc tướng đoạn diệt; quán thanh, hương, vị, xúc, pháp tướng đoạn diệt. Đó gọi là vô tướng. Người quán như thế cũng chưa được thanh tịnh, chưa lìa tri kiến kiêu mạn. Lại có chánh tư duy tam-muội9 quán sát tướng tham dứt; tướng sân, nhuế, si dứt. Đó gọi là vô sở hữu. Người quán như thế cũng chưa được thanh tịnh, chưa lìa tri kiến kiêu mạn. Lại có chánh tư duy tam-muội, quán sát ngã? ngã sở từ đâu sanh? Lại có chánh tư duy tam-muội, quán sát ngã, ngã sở

hoặc thay, hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc nếm, hoặc xúc chạm, hoặc biết mà sanh. Lại quán sát như vầy: "Hoặc nhân, hoặc duyên mà sanh thức, nhân duyên sanh ra thức ấy là thường hay vô thường?,^ Lại suy nghĩ nữa: "Hoặc nhân, hoặc duyên mà sanh thức; nhân ấy, duyên ấy đều là vô thiròng." Lại nữa, nhân ấy, duyên ấy thảy đều vô thường, thức được sanh ra làm sao thường được? Vô thường là hành hữu vi, từ duyên khởi, đó là pháp tai hại, pháp hoại diệt, pháp lìa dục, pháp đoạn tri. Đó gọi là Thánh pháp ấn, tri kiến thanh tịnh, vì thế Tỳ-kheo nên nói về Thánh pháp ấn, tri kiến thanh tịnh, như Ta đã nói rộng như thế. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

68 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thơi, đức Phật trú ở Tỳ-xá-ly, bên bờ ao Di Hầu, tại giảng đường Trùng Các. Khi ấy, có thanh niên dòng Ly-xa tên Ma-ha-nam, mỗi ngày thường đi du hành. Khi đến chỗ Phật, thanh niên Ly-xa nghĩ thầm: "Nếu ta đến chỗ Phật sớm thì Phật và các vi Tỳ-kheo quen biết của ta đều thiền tư; bây giờ ta nên đến chỗ bảy cây yêm-la, nơi của ngoại đạo A-xà-tỳ, rồi đến trụ xứ của Phú-lan-na Ca-diep?9 Phú-lan-na Ca-diếp lãnh đạo chúng ngoại đạo gồm năm trăm người vây quanh, đùa cợt, ồn náo, bàn luận việc thế gian. Lúc Phú-lan-na Ca-diếp từ xa trông thây Ly-xa Ma-ha-nam đên, liên bảo với quyên thuộc nên giữ yên tĩnh: "Các ông nên yên lặng, đó là nhà quý tộc Ly-xa Ma-ha-nam, đệ tử của Sa-mon Cù-đàm? là vị đệ tử cư sĩ của Sa-môn Cíbdàm, đứng đầu ở Ty-xa-ly? ông ấy thường ưa tĩnh lặng, tán thán sự tĩnh lặng, chỗ ông ấy đến là nơi đồ chúng tĩnh lặng, vì thế các ông nên yên lặng?9 Ma-ha-nam đên trong chúng Phu-lan-na, cung nhau ân cân hỏi thăm, roi ngôi qua một bên. Bây giờ, Ma-ha-nam bảo với Phū-lan-na: Tôi nghe Phu-lan-na vì các đệ tử nói pháp, không nhân, không duyên, chúng sanh cấu uế; không nhân, không duyên, chúng sanh thanh tịnh. Thế gian CÓ luận thuyêt này. Ong nên xét kỹ, luận thuyêt này là lời hủy báng nhau của người ngoài. Người thế gian chọn lựa đây là pháp, đó là phi pháp, nên người thế gian cùng bàn cãi, thắc mắc, hiểm trách phải không? Phú-lan-na Ca-diếp đáp: Thực có luận thuyết này, chẳng phải người đời dối truyền. Tôi lập luận thuyết này là như pháp luận, tôi nói pháp này đều là thuận pháp, không có người thế gian đến bày tỏ vấn nạn, trách cứ chi cả. Vì cớ sao? Thưa ngài Ma-ha- nam, tôi thấy như thế nên nói như thế, không nhân, không duyên, chúng sanh cấu uế; không nhân, không duyên, chúng sanh thanh tịnh. Ma-ha-nam nghe Phú-lan-na nói như thế, tâm không vui, quở trách, rồi đứng lên từ giã, đi thẳng đến chỗ Phật. Ma-ha-nam đảnh lễ Phật, ngồi qua một bên, đem cuộc luận nghị với Phú-lan-na thuật rõ với Thế Tôn. Phật bảo Ly-xa Ma-ha-nam: Phú-lan-na nói theo ý mình, không đáng ghi nhớ. Như thế Phú-lan-na ngu si, không hiểu biết, chẳng thiện khi nói là không nhân, không duyên, chúng sanh cấu uế; không nhân, không duyên, chúng sanh thanh tịnh. Vì cớ sao? Vì có nhân, có duyên, chúng sanh cấu uế; có nhân, có duyên, chúng sanh thanh tịnh. Này Ma-ha-nam, nhân gì, duyên gì, chúng sanh cấu uế; nhân gi, duyên gì, chúng sanh thanh tịnh? Này Ma-ha-nam, nếu sắc chẳng phải một bề là khổ, chẳng vui, chẳng theo vui thích, chẳng phải sự trưởng dưỡng của vui, lìa vui thì

chúng sanh không nên nhân đây mà sanh ra ưa thích, đắm trước. Ma-ha-nam? do sắc chẳng phải một bề là khổ, chẳng phải vui, theo cái vui, chẳng phải nuôi lớn vui, không lìa vui. Vì thê nên chúng sanh đôi với sác sanh nhiêm trước, vì nhiễm trước nên ràng buộc, vì ràng buộc nên có phiền não. Này Ma-ha-nam, nếu thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải một bề là khổ, chẳng vui, chẳng theo cái vui, chẳng phải nuôi lớn vui, lìa vui, chúng sanh không nên nhân đó sanh vui thích, đắm trước. Này Ma-ha-nam, vì thức chẳng phải một bề là khổ, chẳng theo cái vui, cái vui được nuôi lớn, không lìa vui. Vì the chúng sanh đối với thức sanh nhiễm trước, vì nhiễm trước nên bị trói buộc, vì trói buộc nên sanh phiền não. Này Ma-ha-nam, đó gọi là có nhân, có duyên, chúng sanh cấu uế. Này Ma-ha-nam? nhân gì, duyên gì, chúng sanh thanh tịnh? Này Ma-ha-nam, nếu sắc một bề là vui, chẳng phải khổ, chẳng theo khổ, chẳng có sự nuôi lớn buồn khổ, lìa khổ thì chúng sanh chẳng nên đối với sắc sanh nhàm chán, xa lìa. Này Ma-ha-nam, vì sác chăng phải một bê là vui, mà là khô, theo khô, nuôi lớn buồn khổ, không lìa khổ. Vì thế nên chúng sanh nhàm chán, xa lìa sắc? vì nhàm chán nên chăng vui thích, vì chăng vui thích nên giải thoát. Này Ma-ha- nam, nếu thọ, tưởng, hành, thức một bề là vui, chẳng phải khổ, chẳng theo khổ, chẳng nuôi lớn buồn kho, chẳng lìa kho, chúng sanh không nên nhân nơi thức mà sanh nhàm chán, xa lìa. Này Maha-nam, vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải một bề là vui, mà là khổ, theo khổ, nuôi lớn buồn khổ, không lìa khổ. Vì thế chúng sanh nên nhàm chán cái thức này, vì nhàm chán nên chẳng vui thích, vì chẳng vui thích nên giải thoát... Này Ma-ha-nam, đó gọi là có nhân, có duyên, chúng sanh thanh tinh. Ma-ha-nam sau khi nghe Phật dạy xong, vui mừng tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi lui về. *

Bài kệ tóm tắt nội dung các bài kinh trên:

Biết pháp và gánh nặng, Đi đến quán tham dục,

Cùng chúng sanh lược nói, Pháp ấn, Phú-lan-na.

***

KINH SỐ 82

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-ve, nơi tinh xá Chi-đề ở Trúc Viên.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Đa văn Thánh đệ tử đối với cái gì thấy được vô thường, khổ?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

Thế Tôn là gốc của pháp, con mắt của pháp, nơi nương tựa của pháp, xin Ngài hãy vì chúng con nói, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ vâng làm theo lời Phật dạy. Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, khéo suy niệm, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Đa văn Iliánh đệ tử đối với sắc thấy vô thường, khổ; đối với thọ, tưởng, hành, thức thấy vô thường, khổ. Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, vô thường! Này các Tỳ-kheo, vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế

Tôn, là khổ! Này các Tỳ-kheo, nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ>kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, không! Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Vì vậy, này các T'-kheo, phàm sắc gì hoặc quá khứ, hoặc vị lai5 hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần, tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như thế, nhàm chán sắc, nhàm chán thọ, tưởng, hành, thức, vì nhàm chán nên không ưa thích, vì không ưa thích nên được giải thoát, được giải thoát nên biêt: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cân làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa." Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật day, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 83

Tôi nghe như vây:

Một thòi, đức Phật trú tại Tỳ-xá-ly, bên ao Di Hầu, nơi giảng đường

Trùng Các.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Đa văn Thánh đệ tử đối với cái gì thấy chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau mà gọi là chánh quán bình đẳng, thấy biết như thật?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

Thế Tôn là gốc của pháp, con mắt của pháp, nơi nương tựa của pháp, xin

Ngài vì chúng con nói, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ vâng làm.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

Hãy lang nghe, khéo suy niệm, Ta sẽ vì các thầy giảng nói!

KINH TẠPA-HÀM 71

Đa văn Thánh đệ tử đối với sắc thấy chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh quán như thật. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như the. Phật bảo các Tỳ-kheo: Sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, vô thường! Phật lại bảo các Tỳ-kheo: Nếu vô thường thì có phải là khổ chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Là khổ, bạch Thế Tôn! Này các Tỳ-kheo, nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch thì đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã5 hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa không, bạch Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Vì vậy, này các Tỳ-kheo? phàm sắc gì hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tót xâu, hoặc xa gân, tát cả đêu chăng phải ngã, chăng khác ngã, chăng ở trong nhau. Đó gọi là chánh quán như thật. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như thê đôi với săc được giải thoát; đôi với thọ, tưởng, hành, thức được giải thoát. Ta nói người ấy giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não, thuần đại khổ tụ. Bay giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 84 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Sắc là vô thường, vô

thường là khổ, khổ là chẳng phải ngã. Chẳng phải ngã là tất cả những thứ ấy chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Biết như thật như thế gọi là chánh quán. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở như thế. Quán sát đối với các pháp thế gian đều không có chỗ chấp thủ, vì không chấp thủ nên không đắm trước, vì không đắm trước nên tự giác Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau nữa." Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

72 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ 85 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo, đối với cái gì chẳng thấy ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, con mắt của pháp, nơi nương tựa của pháp, xin Ngài vì chúng con nói pháp, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong lời Phật dạy sẽ kính vâng theo. Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, khéo suy niệm, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Đối với sắc chẳng thấy ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Vô thường, bạch Thế Tôn! Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu vô thường thì có phải là khổ chăng? Đáp: Là khổ, bạch Thế Tôn! Này các Tỳ-kheo, nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch thì đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong ấy thấy có ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa không, bạch Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vì thế, này các Tỳ-kheo, những gì thuộc vê sác hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc đẹp xấu, hoặc xa gần, tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử ạuán sát năm thọ ấm chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Người quán sát như the đối với thế gian không chấp thủ, vì không chập thủ nên không đắm trước, không đắm trước nên tự giác Niết-bàn: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc càn làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh trong đời sau." Bây giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 86 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trủ tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 73

Á__ FT11 Á FT1 ___L* z rr^ y Bay giơ, The Ton noi với các Tỳ-kheo: Nêu sác vô thường là cái hữu thường thì sac ây chăng nên có bệnh, có khổ, cũng chẳng nên đối với sắc, tìm cầu, mong muốn khiến cho như thế hay không như thế. Bởi vì sắc là vô thường nên nơi sắc có bệnh, có khổ phát sinh, cũng không thể mong muốn khiến cho như thế hay không như thế. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo? ý các thầy nghĩ sao, sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, vô thường! Này các Tỳ-kheo, vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, là khổ! Này các Tỳ-kheo, nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ

tử có nên ở trong ấy thấy là ngã9 khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa không, bạch Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Vì vậy, này các Tỳ-kheo5 những gì thuộc về sắc hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vi lai, hoặc trong ngoài, hoặc thô tê, hoặc tót xâu, hoặc xa gân, tát cả chúng đêu chăng phải ngã, chăng phải ngã sở, hãy biết như thật như thế. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Đa văn Thánh đệ tử chánh quán đối với sắc, chánh quán rồi đối với sắc sanh nhàm chán, lìa tham muốn, chẳng vui thích, được giải thoát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức, sanh nhàm chán, lìa dục, chẳng vui thích, được giải thoát: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 87 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton noi với các Ty-kheo: Sắc là khổ. Nếu sắc chẳng phải khổ thì sắc ấy chẳng nên có bệnh, có khổ sanh, cũng chẳng nên đối với sắc mong muốn khiến cho như thế hay không như thế. Vì sắc là khổ nên nơi sắc bệnh sanh, cũng có thể nơi sắc muôn khiên cho như thế hay khiến cho không như thế. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo? sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, vô thường!

-VÔ thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Là khổ, bạch Thế Tôn! Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch thì đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy ngã, khác ngã, cùng ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa không, bạch Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vì thế, này các Tỳ-kheo, phàm các sắc hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vi lai, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc đẹp xấu, hoặc xa gần, tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Như thật quán sát thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đa văn Thánh đệ tử đối với sắc được giải thoát; đối với thọ, tưởng, hành, thức được giải thoát. Ta nói vị ây giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chét, lo, buôn, khô não, thuần đại khổ tụ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 88 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiếu niên dòng Bà-la-mon tên uất-đa-la đi đến chỗ Phật. Gặp nhau hỏi thăm ân cần xong, uất-đa-la ngồi qua một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con thường đi khất thực đúng như pháp, đem về cúng dường cha mẹ? làm cho cha mẹ được an vui, lia khổ. Bạch Thế Tôn, con làm như thê có được nhiêu phước hay không? Phật bảo Uất-đa-la: Thật có nhiêu phước. Vì cớ sao? Nêu có người khát thực câu đúng như pháp, cúng dường cha mẹ? khiến cha mẹ được an vui, lìa khổ, quả thật người ấy được phước lớn. Khi áy The Tôn liên noi kệ: Như người đối cha mẹ, Cung kính và cúng dường, Hiện đời được tiếng thơm, Mạng chung lên thiên đường. Bấy giờ, thiếu niên uất-đa-la sau khi nghe lời Phật dạy, khen ngợi, liền hoan hỷ phụng hành, làm lễ lui ra.

KINH SỐ 89 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

74 KINH TẠPA-HÀM

-VÔ thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Là khổ, bạch Thế Tôn! Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch thì đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy ngã, khác ngã, cùng ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa không, bạch Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vì thế, này các Tỳ-kheo, phàm các sắc hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vi lai, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc đẹp xấu, hoặc xa gần, tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Như thật quán sát thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đa văn Thánh đệ tử đối với sắc được giải thoát; đối với thọ, tưởng, hành, thức được giải thoát. Ta nói vị ây giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chét, lo, buôn, khô não, thuần đại khổ tụ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 88 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiếu niên dòng Bà-la-mon tên uất-đa-la đi đến chỗ Phật. Gặp nhau hỏi thăm ân cần xong, uất-đa-la ngồi qua một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con thường đi khất thực đúng như pháp, đem về cúng dường cha mẹ? làm cho cha mẹ được an vui, lia khổ. Bạch Thế Tôn, con làm như thê có được nhiêu phước hay không? Phật bảo Uất-đa-la: Thật có nhiêu phước. Vì cớ sao? Nêu có người khát thực câu đúng như pháp, cúng dường cha mẹ? khiến cha mẹ được an vui, lìa khổ, quả thật người ấy được phước lớn. Khi áy The Tôn liên noi kệ: Như người đối cha mẹ, Cung kính và cúng dường, Hiện đời được tiếng thơm, Mạng chung lên thiên đường. Bấy giờ, thiếu niên uất-đa-la sau khi nghe lời Phật dạy, khen ngợi, liền hoan hỷ phụng hành, làm lễ lui ra.

KINH SỐ 89 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 75

Bấy giờ, có thiếu niên Bà-la-môn tên Ưu-ba-ca đi đến chỗ Phật; sau khi ân cần chào hỏi, ưu-ba-ca ngồi qua một bên, bạch Phật: Thưa Cù-đàm9 các Bà-la-môn thường khen ngợi đại hội tế lễ. Có phải Sa- môn Cù-đàm cũng khen ngợi đại hội tế lễ chăng? Phật bảo Ưu-ba-ca: Ta chẳng một bề khen ngợi, hoặc có đại hội tế lễ có thể khen ngợi, hoặc có đại hội tế lễ không thể khen ngợi. ưu-ba-ca bạch Phật: Thưa Ngài, những đại hội tế lễ nào đáng được khen ngợi? Những đại hội tế lễ nào không đáng được khen ngợi? Phật bảo Ưu-ba-ca: Nêu đại hội tê lê như cột trói cả bây trâu con, trâu đực, trâu cái, các con dê và các chúng sanh nhỏ bé đều bị sát hại, bức bách vô cùng đau đớn; những kẻ nô tỳ? làm công, chiu roi vọt đánh đập, sợ hãi, buồn khổ, khóc lóc kêu gào, không ưa, không thích, làm việc nhọc nhằn; nhữ^ig đại hội tế lễ như vậy không thể khen ngợi được, vì nó gây nên tai họa lớn. Nếu có đại hội không bắt trói súc vật cho đến không làm cho chúng sanh phải chịu khổ sở? nhọc nhằn, đại hội tế lễ như thế được Ta khen ngợi, vì không gây nên tai họa lớn. LÚC áy, The Ton liên noi kẹ: Đại hội cúng sinh vật,

Tạo các việc tai hại, Sự tế lễ như vậy, Như Lai không khen ngợi. Trói buộc các chúng sanh, Sát hại sinh vật nhỏ, Chẳng phải hội chơn chánh, Như Lai không tùy thuận. Nếu chẳng hại chúng sanh, Chẳng gây các khổ nạn, Đo gọi là chánh hội, Như Lai khen ngợi theo. Bố thí, tu cúng dường, Là tế lễ đúng pháp, Người thí tâm thanh tịnh, Phạm hạnh, ruộng phước tốt; Như thế đại hội này, Là hội A-la-hán. Hội này được quả lớn, Chư thiên đều vui mừng, Tự đến cung kính thỉnh, Tự tay ban bô cho, Mình, người đều thanh tịnh, Thí này được quả lớn. Người trí thí như vậy, Tín tâm đáng giải thoát, Không tội lỗi thế gian, Kẻ trí sanh nơi đó. Bấy giờ, Bà-la-môn Ưu-ba-ca sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, làm lễ rồi lui ra.

KINH SỐ 90 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

76 KINH TẠPA-HÀM

(Đức Phật cũng nói rộng như trước, điều sai khác là tùy trường hợp nói bài kệ sai khác): Vô vi, không các nạn, Lúc tế lễ thanh tinh, Thuận hành đúng như pháp, Giữ gìn các Phạm hạnh, Tiếng ứiơm khắp thế giới, Vượt lên hàng phàm tục, Phật đối tế lễ tốt, Khen ngợi tê lê này. Bố thí và cúng dường, Te lễ tùy theo thời, Tịnh tín, bình đẳng thí, Phạm hạnh, ruộng phước tốt, Người bố thí như thế, Là cúng ruộng La-hán. Bố thí lớn như vậy, Được chư thiên khen ngợi, Tự đến cung kính thỉnh, Tự tay đem cúng dường, Mình, người đều lợi ích, Te lễ được quả lớn. Người trí thí như vậy, Tâm tịnh tín giải thoát, Nơi thế giới vô tội, Người trí sanh đến đó. Bấy giờ, Bà-la-môn Ưu-ba-ca sau l nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, làm lễ rồi lui ra.

KINH SỐ 91 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiếu niên Bà-la-môn tên uất-xà-ca đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, người thế tục tại gia nên thực hành những điều gì để được sự an ổn và vui vẻ trong cuộc sống hiện tại? Phật bảo Bà-la-môn: Có bốn pháp giúp người thế tục tại gia được sự an ổn, vui vẻ trong cuộc sống hiện tại. Những gì là bốn? Đó là phương tiện đầy đủ, thủ hộ đầy đủ5 thiện tri thức đầy đủ, chánh mạng đầy đủ. Thế nào là phương tiện đầy đủ? Nghĩa là người thiện nam có các nghề nghiệp, công xảo để tự nuôi sống đầy đủ như làm ruộng, buôn bán, làm quan, hoặc viết sách, kế toán, hội họa...; đối với các nghề nghiệp công xảo thì siêng năng trau dồi. Đó gọi là phương tiện đầy đủ. Những gì là thủ hộ đầy đủ? Nghĩa là người thiện nam có những tiền bạc, gạo thóc, do phương tiện kiếm được, tư tay làm ra, đúng như pháp mà được, hết sức giữ gìn, không đe vua, giặc, nước, lửa, cướp đoạt, trôi chìm mất mát, nếu không khéo giữ gìn sẽ mất mát, bị kẻ oán nghịch chiếm lấy, và các tai nạn làm hư hỏng. Đó gọi là thiện nam tử khéo thủ hộ. Thế nào là thiện tri thức đầy đủ? Nếu có người thiện nam chừng mực, không buông lung, không giả dối, không hung hiểm, bậc tri thức như vậy có thể

KINH TẠPA-HÀM 77

khéo an ủi; buồn khổ chưa sanh, người ấy có thể ngăn khiến không sanh, buồn khổ đã sanh, người ấy có thể khiến cho cởi mở, tỉnh sáng; an vui chưa sanh, người ấy có thể

khiến cho chóng sanh, sự an vui đã sanh, người ấy có thể khiến không mất. Đó gọi là thiện nam tử đầy đủ thiện tri thức. The nào gọi là chánh mạng đầy đủ? Nghĩa là những tiền tài người thiện nam tử có được, biết chi thu cân đối, giữ gìn trọn vẹn, không thể thu nhiều chi ít, hoặc chi nhiều thu ít, như người cam cân, hễ thiếu thì phải thêm, nhiều thì phải bớt, biết đã cân bằnẹ rồi mới thôi. Như thế những tiền tài nẹười thiện nam tử có được, thu chi cân đoi, khônệ thu nhiều chi ít, hoặc chi nhiều thu ít. Nếu người thiện nam không có nhiều tiền tài mà tiêu dùng rộng rãi, phung phí, do lối sống này mọi người đều gọi là hoa Ưu-đàm-bát không có hạt giống, kẻ đó ngu si tham dục, không nghĩ đến ngày sau. Hoặc có người thiện nam tiền của đầy ắp mà không dám tiêu dùng, người ngoài nhìn thấy đều nói: "Đó là kẻ ngu si như con chó chết d6i." Vì thế người thiện nam đối với tiền tài5 của cải nên chừng mực thu xuất điều hòa. Đó gọi là chánh mạng đầy đủ. Như thế, này Bà-la-môn, bốn pháp này thành tựu thì cuộc sống hiện tại được an ổn, vui vẻ. Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Thế Tôn, người tại gia có bốn pháp có thể làm cho đời sau được an ổn, đời sau được hạnh phúc. Bon pháp ấy là gì? Đó là niềm tin đầy đủ, giới hạnh đầy đủ, bố thí đầy đủ và trí tuệ đầy đủ. Thế nào là niềm tin đầy đủ? Nghĩa la người thiện nam đối với Như Lai có lòng tín kính, xây dựng góc tin vững chắc, chẳng bị chư Thiên, Ma, Phạm và thế nhân phá hoại. Đó gọi là người thiện nam có niềm tin đầy đủ. Thế nào là giới hạnh đầy đủ? Nghĩa là người thiện nam không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là giới hạnh đầy đủ. Thế nào là bố thí đầy đủ? Nghĩa là người thiện nam lìa bỏ tâm keo lẫn, ở tại gia đình và thực hành hạnh bố thí giải thoát. Vị ấy thường tự tay đem cho, vui mừng tu hạnh thí xả; tâm luôn luôn hành trì hạnh bố thí. Đó gọi là người thiện nam có bố thí đày đủ. Thế nào là trí tuệ đầy đủ? Nghĩa là nẹười thiện nam biết như thật khổ Thánh đế; tập, diệt, đạo Thánh đế, thảy đều biêt như thật. Đó gọi là người thiện nam có trí tuệ đầy đủ. Nếu người thiện nam tại gia thực hành bốn pháp này, có thể khiến đời sau được an ổn, đời sau hạnh phúc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ: Phương tiện tạo nghề nghiệp, Tích tập nên gìn giữ, Người thiện nam tri thức, Tự sống với chánh mạng. Tinh tín, giới đầy đủ? Bố thí lìa xan tật, Trừ bỏ con đường mê, Đời sau được an lạc.

78 KINH TẠPA-HÀM

Nếu sông trong gia đình, Thành tựu tám pháp này, Xét kỹ lời Phật dạy, Là những điều Phật biết, Hiện tại được an ổn? Hiện tại sống hỷ lạc, Đời sau sống hỷ lạc. Bấy giờ, uất-xà-ca sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, làm lễ rồi lui ra.

KINH SO 92 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật từ Câu-tát-la9 du hành trong nhân gian đến nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, ở nước Xá-vệ có Bà-la-môn kiêu mạn dang cư ngụ ở đấy, cha mẹ dòng họ đều trong sạch, kh6ng chút tỳ vết, có thê nói răng đã bảy đời nôi tiếp nhau đều trong sạch, là bậc thây của Bà-la-môn, ngôn luận thông đạt; các kinh điển, sách vở? luận thuyết, tất cả đều biết hết; hiểu rõ pháp hơn kém, rành rẽ từng câu, từng lời trong sách vở; dung mạo đoan chánh; có ý tự kiêu về nơi sanh, về dòng họ, về tướng mạo; tự kiêu về sự thông minh, về sự giàu sang; không kính trọng cha mẹ, các bậc Tôn túc, Sư trưởng. Vị ấy nghe Sa-môn Cù- đàm ở nước Câu-tát-la9 du hành trong nhân gian, đến nước Xá-vệ? nơi rừng Kỳ-đà? trong

vườn cấp Cô Độc, nghe xong liền nghĩ thầm: uTa sẽ đến chỗ của Sa-môn Cù-đàm kia. Nếu có nói điêu gì ta sẽ cùng bàn luận, nếu không nói điều gì ta sẽ im lặng trở về." Bấy giờ, Bà-la-môn kiêu mạn đó đi xe ngựa trắng có các thiếu niên Bà-la- môn trước sau đi theo, cầm dù cán vàng, tay ôm bình bát vàng, đi đến gặp Thế Tôn. Tới trước cửa vườn, Bà-la-môn xuống xe đi bộ. Lúc ấy? Thế Tôn đang thuyết pháp, đại chúng vây quanh lắng nghe, không để ý đến Bà-la-môn kia. Bà-la-môn kiêu mạn liền suy nghĩ: "Sa-m6n Cù-đàm không để ý đến ta, thôi ta di." Ngay khi đó? Thế Tôn biết tâm niệm của Bà-la-môn kiêu mạn, nên Ngài liền nói kệ: Kiêu mạn đã đến đây, Bất thiện, lại thêm mạn, Nêu đen vì đạo lý, Hãy chuyển tâm, hợp đạo. Lúc ấy, Bà-la-môn kiêu mạn nghĩ thầm: uSa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta, muốn ta lanh lễ." Thế Tôn bảo Bà-la-môn kiêu mạn: Thôi! Thôi! Không cần làm lễ, tâm tinh là đủ rồi. Bấy giờ, đại chúng đều đồng to tiếng khen ngợi: Lạ thay! Thế Tôn, bậc Đại Đức, Đại Lực, hôm nay Bà-la-môn kiêu mạn này, ỷ thị nơi sanh sanh kiêu mạn; kiêu mạn về dòng họ, về nhan sắc, về thông

minh, về sự giàu sang; không kính cha mẹ, các bậc Tôn túc, Sư trưởng. Thế mà ngày nay ông ta đến trước Sa-môn Cù-đàm khiêm hạ, từ tốn, muốn lễ chân Phật! Khi ấy, Bà-la-môn kiêu mạn ở trước đại chúng bảo nên im lặng, rồi nói kệ: Thế nào chẳng khởi mạn? Thế nào khởi cung kính? Thế nào khéo ủy dụ? The nào khéo cúng dường? The Ton nói kẹ đáp lại: Với cha mẹ, huynh trưởng, Hòa thượng, bậc Sư trưởng, Cùng các bậc tôn trọng, Chẳng nên sanh kiêu mạn. Phải một lòng cung kính, Khiêm hạ và thăm hỏi, Tận tâm để phụng SỊT, Bày các việc cúng dường, Lìa tâm tham, sân, si, Lậu tận A-la-hán, Chánh trí, thiện giải thoát, Dẹp sạch tâm kiêu mạn, Đối các Hiền thánh này, Chắp tay cúi đầu lễ. Bấy giờ, Thế Tôn vì Bà-la-môn kiêu mạn thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho vui mừng. Thế Tôn tuần tự thuyết pháp, nói về công đức bố thí, trì giới sanh cõi trời, nói về vi ngọt, tai họa của ái dục, giải thoát, phiền não sạch hết, xa lìa, nói rộng như thế về những pháp thanh tinh. Giống như chiếc áo trắng sạch không một điểm nhơ, ch6ng tham màu nhuộm, Bà-la-môn kiêu mạn ngay tại chỗ ngồi hiểu rõ tứ Thánh đe: Khổ, tập, diệt, đạo, được vô gián đẳng, thấy pháp, đắc pháp, tri pháp, thâm nhập pháp, vượt qua các nghi hoặc, không do người khác mà được giải thoát, ở trong Chánh pháp, được vô sở úy. Bà-la-môn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ và chắp tay bạch Phật: Hôm nay con có thể được ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc chăng? Phật bảo Bà-la-môn kiêu mạn: Hôm nay ông có thê ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc. Bà-la-môn liền được xuất gia, một mình lặng lẽ suy tư về lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa9 chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

KINH SỐ 93 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở nước Câu-tát-la9 du hành trong nhân gian đến nước Xá-vệ, nơi rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Bà-la-môn Trường Thân tổ chức đại hội tế lễ, bắt bảy trăm con trâu đực cột sắp hàng nơi cây trụ, các con trâu mẹ, trâu con và dê tơ, cùng với các loài súc sanh nhỏ bé đều bi trói chặt, bày biện các thức ăn uống, bố thí một cách rộng rãi. Nhiều ngoại đạo từ các nước khác đến tập hợp lại trong đại hội tế lễ này.

Bà-la-môn Trường Thân nghe nói Sa-môn Cù-đàm từ nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, đến nước Xá-vệ? nơi rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc, liền nghĩ: "Hôm nay ta tổ chức đại hội tế lễ với bảy trăm con trâu cột sắp hàng cho đến các sinh vật nhỏ đều dùng để cúng tế. Vì đại hội tế lễ nên có đủ ngoại đạo từ các nơi đến tham dự. Bây giờ, ta nên đến nơi Sa-môn Cù-đàm để hỏi về pháp tế lễ cho sự tổ chức đại hội tế lễ của ta không bị thiếu s6t." Suy nghĩ xong, Bà-la-môn đi xe ngựa trắng, các thiếu niên Bà-la-môn kẻ trước người sau đi theo, cắm dù lọng cán vàng, ôm bình vàng, ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến chỗ Thê Tôn với lòng cung kính, phụng sự. Tới trước công tinh xá, họ xuông xe đi bộ, đến trước đức Phật, cùng Phật chào hỏi ân cần, rồi ngồi qua một bên và bạch Phật: Thưa Cù-đàm, hôm nay tôi muốn tổ chức đại hội tế lễ, đem bảy trăm con trâu cột thành hàng nơi các trụ cho đến các sinh vật nhỏ cũng đều bi bắt trói. Vì đây là đại hội tê lê nên có đủ các ngoại đạo kháp nơi đên tham dự. Tôi lại nghe Cù-đàm từ nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến nước Xá-vệ, nơi rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc, nên tôi đến thưa hỏi Cù-đàm về pháp đại hội tế lễ, số lượng các vật để cho sự tổ chức đại hội tế lễ của tôi không bi thiếu sót. Phật bảo Bà-la-môn: Hoặc có đại hội tế lễ, người chủ thực hành bố thí, làm phước mà lại sanh tội, bị đâm cắt bởi ba thứ đao kiếm, chuốc lấy quả báo dữ. Ba thứ đao kiếm là gì? Nghĩa là thân đao kiếm, miệng đao kiếm, ý đao kiếm. Thế nào là ý đao kiếm sanh ra quả báo khổ? Như một người chủ tổ chức đại hội tế lễ suy nghĩ rằng: UTổ chức đại hội tế lễ phải giết nhiều con trâu mạnh khỏe, nhiêu con trâu cái, trâu con và các sinh vật nh6." Đó gọi là ý đao kiêm sanh ra quả báo khô. Như vậy, tuy người thí chủ muôn làm các việc bô thí, cúng dường nhimg thật ra lại sanh thêm tội lỗi. Thê nào là miệng đao kiêm sanh ra quả báo khô? Có người chủ tô chức đại hội bảo như vậy: "H6m nay ta tổ chức đại hội tế lễ? các ông hãy giết bấy nhiêu con trâu tơ khỏe... hãy giết bấy nhiêu sinh vật nh6." Đó gọi là miệng đao kiếm sanh ra các quả báo khô. Người chủ đại hội tuy muôn bô thí, cúng dường nhưng thực ra lại sanh thêm tội lỗi. Thê nào là thân đao kiêm sanh ra các quả báo khô? Như một người chủ đại hội tô chức đại hội tê lê, tự tay sát hại nhiêu con trâu cho đên sát hại nhiêu sinh vật nhỏ. Đó gọi là thân đao kiếm sanh ra các quả báo khổ. Người chủ đại hội kia tuy nghĩ đến việc bố thí, cúng dường nhưng thật ra lại sanh thêm tội lỗi. Những Bà-la-môn nào siêng năng, tùy thời cúng dường, cung kính, lễ bái, phụng sự ba thứ lửa đem lại sự an lạc. Ba thứ lửa ấy là gì? Một là lửa căn bản, hai là lửa cư gia, ba là lửa phước điền.

KINH TẠPA-HÀM 81

Thế nào là lửa căn bản tùy thời cung kính, cúng dường, phụng sự, đem lại sự an lạc? Nghĩa là người thiện nam được tiền của do làm việc cần khổ và thu hoạch như pháp, rồi đem cúng dường cha mẹ, làm cho cha mẹ được an vui. Đó gọi là lửa căn bản. Vì sao gọi là căn bản? Vì người thiện nam là do cha mẹ sanh ra, nên gọi cha mẹ là căn bản. Người thiện nam do tôn trọng căn bản nên tùy thời cung kính, phụng sự, cúng dường và đem lại sự an lạc cho họ. Thế nào là lửa cư gia? Người thiện nam tùy thời nuôi dưỡng và đem lại sự an lạc. Nghĩa là người thiện nam được tiền của do làm việc cần

khổ và thu hoạch hợp pháp, roi đem cung cáp cho vợ con, tôn thân quyên thuộc, người giúp việc, khách thương, tùy lúc chu cấp cho họ và đem lại an vui cho người thân. Đó gọi là lửa cư gia. Vì người thiện nam sống trong gia đình, vui thì cùng vui, khổ thì cùng khổ, trong gia đình mọi việc đều chia sớt ngọt bùi, ấm lạnh, cho nên gọi là cư gia. Do đó, người thiện nam tùy thời cung cấp và đem lại an vui. Thê nào là lửa phước điên mà người thiện nam nên tùy thời cúng dường, tôn trọng và đem lại sự an lạc? Nghĩa là người thiện nam siêng năng được tiền của do sự làm việc lao nhọc, thu hoạch hợp pháp, rồi đem phụng SỊT, cúng dường cho các Sa-môn, Bà-la-môn5 những người khéo điều phục tham, sân, si; cúng dường những Sa-môn Bà-la-môn như thế là kiến lập ruộng phước, càng thêm tăng tiến, hiện tại an vui, được quả báo tốt, vị lai sanh về cõi trời. Đó gọi là biển ruộng phước điền của thế gian. Sao gọi là điền? Vì ruộng phước là người đáng được cúng dường nên gọi là ruộng phước, mà người thiện nam tùy thời cung kính cúng dường và đem lại an lạc. Bay giơ, The Ton lại noi kẹ: Căn bản và cư gia, Nên cúng lửa phước điên, Cúng dường nhiều lửa ấy, Đầy đủ vui, an ổn. Thế gian vui, không tội, Người trí sanh về đó9 Như pháp tài mở hội, Cúng dường nơi xứng đáng, Vì cúng nơi đáng cúng, Sanh cõi trời tiếng thơm. Nhimg này Bà-la-môn, người thiện nam trước khi cúng dường nên dập tắt ba thứ lửa. Những gì là ba? Đó là lửa tham dục, lửa sân hận, lửa ngu si. Vì sao? Nếu lửa tham không dứt thì sẽ tự hại, hại mình, hại người; mình người đều bị hại, hiện tại đắc tội, đời sau đắc tội, hiện tại và đời sau đều đắc tội. Do các tội lỗi, tâm sanh ưu phiền, khổ não. Lửa sân, lửa si cũng lại như vậy. Này Bà-la-môn, nếu người thiện nam chăm lo chứa củi lửa, rất cực nhọc và tùy thời đốt, tùy thời tắt lửa, do nhân duyên ấy chịu khổ. Bấy giờ, Trường Thân Bà-la-môn đứng yên lặng. Khi ấy có người con trai của Bà-la-môn tên là uất-đa-la ngồi ở trong hội. Trường Thân Bà-la-môn suy nghĩ trong phút chốc, rồi bảo uất-đa-la: Con hãy đi đến chỗ đại hội tế lễ và thả những con trâu, những sinh vật bị cột trói, tất cả đều buông thả hết và con hãy tuyên bố rằng: "Trường Thân Bà-

la-môn cho phép các ngươi tùy ý tự tại thênh thang ở núi, đầm, đồng hoang... ăn cỏ tươi, uống dòng nước trong, bốn bề gió mát, hưởng mọi lạc Uất-đa-la thưa: Con xin vâng theo lời Thây dạy! uất-đa-la liền đi đến chỗ đại hội tế lễ, thả hết chúng sanh và tuyên bố: "Trường Thân Bà-la-môn cho các ngươi tùy sở thích đi về ở núi, đầm, đồng hoang, uống nước, ăn cỏ5 bốn bề gió mát, tự thỏa thích.” Thế Tôn sau khi đã biết việc làm của uất-da-la, liền vì Trường Thân Bà-la- môn mà nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui giống như luật thuyết pháp của các đức Phật, trước sau lần lượt nói về trì giới, bố thí và công đức sanh về cõi trời, nói về vị ngọt, tai họa của ái dục, giải thoát, thanh tinh, phiền não lắng sạch, chỉ dạy rõ ràng. Ví như một tấm lụa trắng đẹ^ dễ thấm màu nhuộm, Trường Thân Bà-la-môn cũng như thê, ngay nơi chô ngôi, thây được bôn chân đế, không gián đoạn. Bấy giờ, Trường Thân Bà-la-môn thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, vượt qua các nghi hoặc, được giải thoát không do người khác, ở trong Chánh pháp được vô sở úy? liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai hữu, chăp tay bạch Phật: Bạch Thê Tôn, con đã được độ. Từ ngày nay cho đên suôt đời con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, làm ưu-bà-tắc, mong Ngài chứng tri

cho con. Con xin The Tôn cho phép đại chúng nhận thức ăn uống cúng dường của con. Thế Tôn im lặng nhận lời. Sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời thỉnh, Bà-la- môn Trường Thân đảnh lễ Phật, đi nhiễu quanh về phía hữu ba vòng rồi trở về chỗ tế lễ? sửa soạn các thức cúng dường thanh khiết, ngon lành, sắp đặt giường ghế, chỗ ngồi xong, sai người đến thỉnh Phật: Thưa Ngài đã đúng giờ, xin Ngài biết cho! Lúc ấy, Thế Tôn đắp y, mang bát cùng với đại chúng đi đến đại hội của Bà-la-môn Trường Thân. Ngài ngồi xuống trước đại chúng, Bà-la-môn Trường Thân biết Thế Tôn an tọa, tự tay dâng cúng các thức ăn uống. Sau khi ăn xong, rửa tay, rửa bát, Bà-la-môn ngồi riêng ngay ngắn trên một chiếc ghế thấp trước đại chúng để nghe pháp. Bấy giờ, Thế Tôn vì Bà-la-môn Trường Thân nói các thứ pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui5 rồi Ngài rời chỗ ngồi, đứng lên và từ giã.

KINH SỐ 94 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiếu niên Bà-la-môn tên Tăng-già-la đi đến chỗ Phật. Sau khi hỏi thăm nhau ân cần, Bà-la-môn ngồi qua một bên và bạch Phật: Thưa Cù-đàm? làm sao có thể biết được người bất thiện?

KINH TẠPA-HÀM 83

Phật bảo Bà-la-môn: -Ví dụ như mặt trăng. Bà-la-môn lại hỏi: Làm sao biết được thế nào là người thiện? Phật bảo Bà-la-môn: Ví dụ như mặt trăng. Bà-la-môn bạch Phật: Thế nào là người bất thiện giống như mặt trăng? Đức Phật bảo Bà-la-môn: Như trăng cuối tháng, ánh sáng tắt mất, màu sắc cũng mất, những gì liên hệ cũng không còn, ngày đêm đều tiêu mất cho đến không còn hiện ra nữa; cũng thế, có người đối với Như Lai, phát lòng tin, lãnh thọ tịnh giới, khéo học, nghe nhiều, giảm phần mình để bố thí, chánh kiến chân thật, nhưng sau đó lại lui sụt đối với giới luật, đa văn, bố thí, chánh kiến; tất cả đều mất hết cả ngày, lẫn đêm, cho đến trong khoảnh khắc cũng không còn gì. Lại nữa Bà-la-môn, nêu người thiện nam không gân gũi thiện tri thức, không thường nghe pháp, không chánh tư duy, thân làm những hành vi ác, miệng nói lời ác? ý nghĩ điều ác. Do nhân duyên làm ác nên sau khi thân hoại mạng chung, bị đọa vào đường ác, địa ngục. Như thế, này Bà-la-môn, là người bất thiện được ví như mặt trăng. Bà-la-môn bạch Phật: Thế nào là người thiện được ví như mặt trăng? Phật bảo Bà-la-môn: Như trăng đầu tháng trong sáng, ngày đêm càng tăng thêm ánh sáng cho đến lúc trăng tròn đầy, chiếu sáng khắp nơi; cũng thế, người thiện nam nơi Pháp, Luật của Như Lai, có lòng tin trong sạch, có chánh kiên chân thật, thanh tịnh, thêm sáng suốt và tăng tiến về mọi mặt: Giới luật, bố thí, đa văn, trí tuệ ngày đêm tăng trưởng. Vào những lúc khác, lại gần gũi thiện tri thức, nghe Chánh pháp, bên trong chánh tư duy, thân, miệng, ý làm những điều lành. Do nhân duyên này nên sau khi thân hoại mạng chung, hóa sanh ở cõi trời. Này Bà-la-môn, do đó người thiện được ví như ánh trăng. r _ _ Bay giờ, The Ton lại nói kê: Ví như trăng không nhơ, Đi khắp bầu hư không, Trong tất cả tinh tú, Anh sáng trăng hơn cả. Tịnh tín cũng như thế, Giới, văn, lìa bon xẻn, Giữa thế gian xan lẫn, Bố thí kia sáng ngời. Bấy giờ, Bà-la-môn Tăng-già-la sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, đảnh lễ rồi lui ra.

84 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Khi đó Ba-la-môn Sinh Văn đi đến chỗ Phật. Sau khi cùng Phật chào đón hỏi thăm ân cần, Bà-la-môn ngồi một bên, bạch Phật: Thưa Cù-đàm9 tôi nghe những lời đồn đại về Cù-đàm như sau: “Chi nên cúng dường Ta, không nên bố thí người khác; bố thí Ta sẽ được quả báo lớn, không phải bố thí người khác mà được quả báo lớn. Nên bố thí cho đệ tử của Ta, không nên bố thí cho đệ tử người khác; bố thí cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn, không phải bố thí cho đệ tử người khác mà được quả báo lớn.,, Thưa Cù- đàm? những lời ấy của Ngài là thật chăng? Chẳng phải là phỉ báng Cù-đàm sao? Hay là nói đúng như lời Phật nói, nói đúng như pháp? Hay là pháp thứ, pháp thuyết, không để bị người khác đến đem pháp tương tợ để rêu rao, quở trách? Phật bảo Bà-la-môn: Kẻ nói những lời như thế là phỉ báng Ta, không phải nói đúng như lời Ta nói, không phải nói đúng như pháp, pháp thứ, pháp thuyết, không để bị người khác đến đem pháp tương tợ để rêu rao, quở trách. Vì sao? Vì Ta không nói những lời như vầy: "Nên bố thí cho Ta, không nên bố thí cho người khác, bố thí cho Ta được quả báo lớn, không phải bố thí cho người khác mà được quả báo lớn; nên bố thí cho đệ tử của Ta, không nên bố thí cho đệ tử người khác; bố thí cho đệ tử Ta được quả báo lớn, không phải bố thí cho đệ tử người khác mà được quả báo lớn.,, Này Bà-la-môn, những lời nói như the gây ra hai thứ chướng ngại: Ngăn trở người bố thí và chướng ngại người nhận lợi dưỡng. Nhưng này Bà-la-môn, bất cứ người nào đem chút nước rửa bát chỉ còn cặn đồ ăn? đổ trên đất sạch, làm cho các chúng sanh ở chỗ ấy đều được lọi h, vui mừng, Ta nói những người đó đã vào cửa phước lành, huống là người bố thí. Này Bà-la-môn, tuy nhiên Ta cũng lại nói người bố thí, người trì giới được quả báo không đồng với người phạm giới. Bà-la-môn Sinh Văn bạch Phật: Thưa Cù-đàm, đúng như thế, tôi cũng nói như thế, bố thí cho kẻ trì giới được quả báo lớn, chứ không phải bố thí cho kẻ phạm giới. Á__ ___ ! Á rin Ạ 1 • À r • 1 Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Hoặc đen hoặc trắng bạch, Hoặc đỏ hoặc có sắc, Màu tạp hay sắc vàng, Toàn vàng hay màu xám, Những con trâu như vầy, Con trâu đẹp đẽ này, Đầy đủ sức hùng tráng, Thuần thục đi nhanh nhẹn, Chỉ khiến chuyên chở nặng, Không hỏi chi màu sắc. Con người cũng như thế, Mỗi người tùy nơi sanh, Sát-lợi9 Bà-la-môn, Tỳ-xá5 Thủ-đa-la5

KINH TẠPA-HÀM 85

Chiên-đà-la hạ tiện, Nơi sanh đều chẳng đồng, Chỉ khiến giữ tịnh giới Lìa gánh nặng, phiền não, Thuần nhất tu Phạm hạnh. Lậu tận A-la-hán, Thiện Thệ giữa thế gian, Thí kia được quả lớn. Người ngu, không trí tuệ, Chưa từng nghe Chánh pháp, Thí kia không quả lớn, Vì chẳng gần thiện hữu. Nếu gần thiện tri thức, Như Lai và Thanh văn, Lòng tin Phật trong sạch, Căn sanh sức kiên cố, Đi về nơi đường lành, Và sanh dòng tôn quý, Cứu cánh Bát-niết-bàn, Như Lai nói như thế. Bấy giờ, Bà-la-môn Sinh Văn, sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, đảnh lễ rồi lui ra.

KINH SỐ 96 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ sáng sớm, Thế Tôn đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Lúc ây có một Bà-la-môn tuổi già sức yêu, chông gậy, ôm bát đi khát thực từng nhà. Khi ấy, Thế Tôn hỏi Bà-la-môn kia: Ông nay tại sao tuổi già, sức yếu lại còn

chống gậy, ôm bát đi khất thực từng nhà như thể? Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Cù-dàm, trong nhà tôi có bao nhiêu tài vật đều giao cho đứa con trai và đứa dâu mà tôi đã cho nó làm vợ, nhimg sau nó đuổi tôi phải bỏ nhà, nên chống gậy, ôm bát, đi xin từng nhà. Đức Phật bảo: Này Bà-la-môn, ông có thể chịu học thuộc một bài kệ của Ta, rồi trở về trong đại chúng Bà-la-môn nói cho đứa con trai của ông nghe được không? Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Cù-đàm? được! Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Sanh con lòng vui mừng, Vì con chứa tiền của, Lo cưới vợ cho con, Rồi phải rời bỏ nhà, Đe ruộng, nhà cho con. Kẻ phụ ân cha mẹ, Hình người, tâm la-sát, Bỏ bê người già yếu, Như ngựa già vô dụng, Bi cướp mất lúa mạch. Con trẻ mà cha già, Phải ăn xin từng nhà, Khúc gậy này tốt hơn, Không phải con, ân ái, Giúp ta phòng trâu dữ, Tránh chỗ hiểm được an,

Xua đuổi chó hung bạo, Dìu ta đi chỗ tối, Tránh hầm sâu, giếng thẳm, Cây cỏ cùng gai góc, Nhờ vào sức cây gậy, Đứng vững không rơi ngã. Bà-la-môn sau khi nhận kệ ấy từ Thế Tôn, liền trở về trong đại chúng Bà- la-môn vì con trai mà nói, trước tiên thưa với mọi người: "Các ông hãy nghe tôi nói?5 Và vị Bà-la-môn ấy liền đọc bài kệ trên. Người con trai vừa xấu hổ, vừa sợ hãi, liên ôm cha nó đi vào nhà, lau mình tăm rửa, mặc áo sạch sẽ, lập làm gia chủ. Lúc đó, vị Bà-la-môn nghĩ thầm: "H6m nay ta được vào dòng tôn quý chính là nhờ ân của Sa-môn Cù-đàm. Kinh điển của ta có dạy: aLà bậc Thầy thì cúng dường như bậc Thầy, là Hòa thượng thì cúng dường như Hòa thượng.9 Sở dĩ ta y r y được như ngày nay đêu là do oai lực của Sa-môn Cíi-dàm, đây là Thây của ta. Hôm nay ta nên đem cái y tốt đẹp, quý giá cúng dường cti-dàm." Ba-la-mon đem cái y quý giá nhất đến chỗ Thế Tôn, lúc mới gặp, hỏi thăm ân cần rồi ngồi qua một bên và bạch Phật: Thưa Cù-đàm, ngày nay việc con ở nhà đã thành tựu đó là do oai lực của Ngài, trong kinh điển của con có nói: "Là bậc Thầy thì phải cúng dường theo bậc Thầy, là Hòa thượng thì phải cúng dường theo Hòa thượng.,, Ngày nay Cù- đàm là Thầy của con, xin Ngài vì thương xót con nhận cái y này! Thế Tôn liền nhận y vì lòng thương xót. Ke đó, Thế Tôn vì Bà-la-môn nói đủ các pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui. Bà-la-môn ấy sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, đảnh lễ rồi ra đi.

KINH SỐ 97 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ sáng sớm, Thế Tôn đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khi ấy có Bà-la-môn kia, tuổi già sức yếu, chổng gậy ôm bát đi khất thực từng nhà. Bà-la-môntưxa trông thấy Thế Tôn liền nghĩ tham: "Sa-môn Cù-đàm cầm gậy, ôm bát đi khất thực từng nhà, ta cũng chống gậy, ôm bát đi khất thực từng nhà. Ta và Cù-đàm đều là Tỳ-kheo/9 Lúc đó, Thế Tôn nói bài kệ đáp: Gọi là bậc Tỳ-kheo, Chăng phải do khát thực, Giữ gìn pháp tại gia, Đau gọi là Tỳ-kheo! Nơi mọi điều lầm lỗi? Đều lia, tu chánh hạnh, Tâm kia không sợ hãi, Đây gọi là Tỳ-kheo. Bà-la-môn sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, đảnh lễ rồi từ giã.

KINH SỐ 98 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-tát-la, du hanh trong nhân gian, đi đến thôn Nhất-na-la ở trong rừng Nhất-na-la. Lúc ấy, Thế Tôn đắp y,

mang bát vào trong thôn Nhất-na-la khất thực. Ngài nghĩ thầm: "Bây giơ còn sơm, Ta có thể đi qua chỗ Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá đang làm ruộng để sinh s6ng." Bà-la-đậu-bà-giá sắm năm trăm cái cày làm ruộng sinh nhai, từ xa Bà-la- môn đã trông thấy Thế Tôn, liền đến bạch Phật: Thưa Cù-đàm? hôm nay tôi cày ruộng, gieo giống để cung cấp thức ăn; Sa-môn Cù-đàm cũng nên cày ruộng gieo giống để cung cấp đồ ăn, thức uống. Phật bảo Bà-la-môn: Ta cũng cày ruộng, gieo giống để cung cấp ăn uống. Bà-la-môn bạch Phật: -Tôi chăng thây Sa-môn Cù-đàm có cày, hoặc ách, hoặc vòng da, hoặc dây trói, hoặc cái bừa, hoặc roi, mà nay Sa-môn lại Ĩ16Ì: "Ta cũng cày ruộng, gieo giống để cung cấp ăn u6ng." Lúc ấy, Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá liền nói kệ: Ngài tự nói làm ruộng, Mà chăng thây cái cày, Còn tôi nói cày ruộng, Vì tôi biết cách cày. Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp lại: Lòng tin là hạt giống, Khổ hạnh là trời mưa, Trí tuệ là cày, ách, Tam hổ thẹn là trục, Tự giữ gìn chánh niệm, Đấy là khéo điều phục. Thúc liêm nghiệp thân, miệng, Như nơi cát thức ăn, ă Chân thật là xe tốt, ~L vui, không biếng nhác, ... Sống Tinh tấn, không hoang phế, An ổn và tiến nhanh, Đi thẳng, chẳng trở lại, Đạt đến nơi vô ưu. Người cày ruộng như thế, Mau được quả giải thoát Người cày ruộng như the, Không trở vào các cõi. Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá bạch Phật: Cù-đàm thật khéo cày ruộng! Cù-đàm cày ruộng thật tài! Trong lúc Bà-la-môn nghe Phật nói kệ, tâm chuyển dần dần thêm tin tưởng, đem đến đầy bát thức ăn thơm ngon dâng cúng Phật. Thế Tôn chẳng nhận, nhân dịp này Ngài nói kệ: Không do vì thuyết pháp, Nhận ăn đồ ăn kia. (Như vậy rộng nói, như đã rộng nói với Hỏa Chủng Bà-la-môn trước kia). Khi ấy Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá, bạch Phật: Thưa Cù-đàm, nay con đem thức ăn này đê ở đâu?

Phật bảo Bà-la-môn: Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, trời, thần hay người thế gian có thể dùng thức ăn này mà được an ổn. Ông hãy đem thức ăn này để vào trong nước không có trùng và chỗ đất ít cỏ tươi. Bà-la-môn ấy liền đem thức ăn này để vào trong nước không trùng, nước liền bốc khói, sôi trào kêu xèo xèo như viên sắt nóng bị ném vào trong nước lạnh tiếng kêu xèo xèo. Thức ăn ấy bỏ vào trong nước không trùng, bốc khói sôi lên kêu xèo xèo như thế, khi ấy Bà-la-môn nghĩ thầm: "Thật kỳ đặc! Sa-mon Cù-đàm có oai đức lớn, có đại lực nên mới có thể làm cho thức ăn than biến nhu thế!" Khi ấy Bà-la-môn thấy điềm lạ của thức ăn, tín tâm càng thêm mạnh, liền bạch Phật: Thưa Cù-đàm, ngày nay con có thể ở trong Chánh pháp xuất gia thọ giới Cụ túc chăng? Phật bảo Bà-la-môn: Ong nay có thê được ở trong Chánh pháp xuất gia thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo. Bà-la-môn ấy, sau khi xuất gia, một mình lặng lẽ tư duy lý do khiến người thuộc dòng quý tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo cho đến đắc quả A-la-hán, được tâm giải thoát.

KINH SỐ 99 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại thành Vương Xá, lúc ấy có Tôn giả Tinh Thiên từ nước Tỳ-đề-ha du hành trong nhân gian, đến thành Di-hy-la trong vườn Yêm- la. Tôn giả Tinh Thiên sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Di-hy-la khất thực, tuần tự khất thực xong, trở về nhà cũ. Trong khi ây, mẹ của Tịnh Thiên tuôi đã già, đang ở nhà đem thức ăn cúng thần lửa để cầu sanh cõi trời, không biết Tôn giả Tịnh

Thiên đứng ngoài cửa. Bấy giờ, Tỳ-sa-môn Thiên vương ở nơi chỗ Tịnh Thiên với tất cả lòng tín kính. Tỳ-sa-môn Thiên vương có các dạ-xoa đi theo cùng lướt trên hư không, thây Tôn giả Tinh Thiên đứng ngoài cửa, và thấy mẹ của Tôn giả tay bưng thức ăn, đặt giữa nhà, cúng dường thần lửa mà khônệ thấy con của bà đứng bên ngoài. Thấy thế, thiên tử từ hư không hạ xuống, đen trước bà mẹ của Tịnh Thiên va noi kê: Này nữ Bà-la-môn, Phạm thiên thật xa xôi, Vì cầu sanh nơi đó? ở đây cúng thờ lửa, Chẳng phải đạo Phạm thiên, Sao luống thờ cúng đây? Này nữ Bà-la-môn, Tịnh Thiên ở ngoài cửa.

KINH TẠPA-HÀM ! 89

Cấu uế trọn dứt sạch, Là trời trong các trời, Lặng lẽ không có gì, Một mình không của cải, Vì khất thực, vào nhà, Người đáng được cúng dường. Tịnh Thiên khéo tu thân, Ruộng phước tốt trời, người, Xa lìa mọi điều ác, Không hề bị nhiễm Đức đồng với Phạm thiên. Thân tuy ở nhân gian, Chẳng dính mắc các pháp, Như con rồng trưởng thành, Tỳ-kheo sống chánh niệm, Tam kia khéo giải thoát, Nên cúng dường chư Phật. Đấy là phước điền lớn, Nên đem lòng tịnh tín, Kịp thời mau cúng dường, Nên dự lập hòn đảo, Khiến vị lai an vui. Bà xem ẩn sĩ này, Đã vượt qua biển khổ, Thế nên phát lòng tin, Kịp thời mau cúng dường, Nên dự lập hòn đảo, Khiến vi lai an vui. Tỳ-sa-môn Thiên vương, Khai phát cho bà kia, Khiến xả bỏ thờ lửa. Bay giờ, Ton giả Tịnh Thiên liên vì mẹ nói các pháp, chỉ dạy, soi sáng làm cho an vui, xong rồi trở ra đường và đi.

KINH SỐ 100 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật tru tại nước Xá-vệ; rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có người Bà-la-môn kia đi đến chỗ Phật, cùng nhau hỏi thăm ân cân, roi ngôi qua một bên và bạch Phật: Thưa Cù-đàm, gọi là Phật, thế nào là Phật? Là tên do cha mẹ đặt, hay tên do Bà-la-môn đặt? Bấy giờ, Bà-la-môn liền nói kệ: Phật là tên đẹp nhất, Vượt hơn cả thê gian, Là tên cha mẹ đặt, Gọi đó là Phật ư? The Ton noi kẹ đáp lại: Phật thấy đời quá khứ, Như thế thấy vị lai, Cũng thấy đời hiện tại, Tất cả hành khởi diệt, Minh trí biết rõ ràng, Điều nên tu đã tu, Điều nên dứt đã dứt, Vì thế gọi là Phật. Nhiều kiếp cầu chọn lựa, Thuần khổ, không tạm vui, Có sanh đều phải diệt, Xa lìa dứt trần cấu, Nhổ sạch gai kiết sử, Đẳng Giác gọi là Phật. Đức Phật nói kệ xong, Bà-la-môn ấy nghe lời Phật dạy, vui mừng, tùy hỷ, từ chỗ ngoi đứng dậy và cáo từ.

90 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian giữa hai thôn Tùng-ca-đa và Đọa-cứu-la, rồi Ngài ngồi dưới gốc cây nhập định Diệt tận. Lúc ấy, có Bà-la-môn tên Đậu-ma, cùng đường đi theo Phật, thấy dấu chân Phật hiện rõ dấu chỉ tướng như bánh xe ngàn tăm in rõ ràng, trục đều, vành xe tròn, đầy vẻ đẹp. Trông thấy như thế? Bà-la-môn nghĩ thầm "Ta chưa từng thấy người thế gian có dấu chân như thế, bây giờ ta hãy theo dấu tìm gặp người ấy." Bà-la-môn nương theo dấu chân đi đến chỗ Phật, thấy Thế Tôn đang thiền định dưới một gốc cây, dung mạo đoan nghiêm lạ lùng, các căn đều lặng lẽ? tâm Ngài an đinh, điều phục bậc nhất, chánh quán thành tựu, tướng sáng rực rỡ như núi vàng. Bà-la-môn thấy như thế liền thưa: Ngài là trời chăng? Phật trả lời Bà-la-môn: Ta chẳng phải trời! Bà-la-môn hỏi: Ngài là rông, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khân-na-la? ma-hâula-già,

nhơn, phi nhơn chăng? Phật bảo Bà-la-môn: Ta chẳng phải rồng... nhơn và phi nhơn. Bà-la-môn bạch Phật: Nếu chẳng phải trời, chẳng phải rồng... chẳng phải là nhơn, hoặc phi nhơn thì Ngài là ai? LÚC ay, The Ton mơi noi kệ đáp lại: Trời, rồng, càn-thát-bà9 Khẩn-na-la, dạ-xoa, A-tu-la chẳng lành, Các ma-hầu-la-già, Người cùng với phi nhơn, Đêu do phiên não sanh. Lậu hoặc phiền não kia, Tát ca Ta đã bo, Đã phá, đã hết sạch, Như hoa sen chợt nở, Tuy mọc lên từ nước, Mà chưa từng dính nước. Ta tuy sanh thế gian, Chẳng nhiễm trước thế gian, Nhiều kiếp luôn chọn lựa, Thuân khô chăng tạm vui. Tất cả hành hữu vi, Đều là pháp sanh diệt, Lìa cấu chẳng khuynh động, Đã nhổ sạch gai góc, Tột cùng mé sanh tử, Nên gọi là Phạt-đà.

KINH TẠPA-HÀM 91

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Đậu-ma vui mừng, tùy hỷ? theo đường mà đi.

KINH SỐ 102 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật trú tại thành Vương Xá9 trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Ngày kia, sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá để khất thực, thứ lớp khất thực, đến nhà của Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá. Khi ấy, Bà-la-môn tay cầm muỗng đựng đày thức ăn, cúng dường đồ thờ lửa, đứng ở bên cửa, từ xa thấy Phật đi đến5 thấy rồi vội vàng bạch Phật: Dừng! Dừng lại! Này Lĩnh-quần-đặc, chớ đến gần cửa ta. Phật bảo Bà-la-môn: Ông có biết Lĩnh-quần-đặc và pháp của Lĩnh-quần-đặc không? Bà-la-môn đáp: Tôi không biết Lĩnh-quần-đặc và pháp của Lĩnh-quần-đặc, Sa-môn Cùđàm có biết không? Phật bảo: Ta biết rõ Lĩnh-quần-đặc và pháp của Lĩnh-quần-đặc. Ngay lúc ấy Bà-la-môn liền ném các đồ thờ lửa, vội vàng trải giường, mời đức Phật ngồi và thưa: Thưa Cù-đàm? xin Ngài vì tôi nói vê Lĩnh-quân-đặc và pháp của Lĩnh- " < quân-đặc. Đức Phật liền đến tòa ngồi và nói kệ: Tâm sân ôm oán hận, Che giấu các lỗi lầm, Phạm giới, khởi ác kiến, Hư ngụy, chăng chân thật, Những hạng người như thế, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Hung dữ, tham, bon xẻn, Ác dục, xan, dối trá, Không có tâm tàm quý, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Đối với các sanh mạng, Đều giết hại tất cả, Không có tâm từ bi, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Hoặc giết, trói, đánh đập, Thôn xóm và thành ấp, Đánh mắng cách vô đạo, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Dừng, ở và đi đường, Dần đầu cho đám đông, Làm kho kẻ dưới tay, Gây sợ hãi bức bách, Thủ lợi, đem về mìiủi, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Nơi thôn làng đất trống, Vật có chủ, không chủ, Giữ lấy làm của mình, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Tự phụ bạc vợ mình, Lại chăng vào nhà diêm,

92 KINH TẠP A-HÀM

Mà xâm phạm vợ người, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Đối thân thuộc trong ngoài, Đồng tâm thiện tri thức, Xâm lược đồ của họ, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Nói dối lừa gạt người, Lấy của không chứng cớ, Người đòi mà không trả, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Vì mình cũng vì người, Trách móc và gây sự, Hoặc lại thuận lời người, Nói dối để làm chứng, Kẻ vọng ngữ như thế, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Tạo ác nghiệp chẳng lành, Không có người hay biêt, Liền che giấu điều ác, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Nấu người hỏi nghĩa ấy, Mà đáp bằng phi nghĩa, Điên đảo lừa dối người, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Trống rỗng, không có gì, Mà khinh chê người trí, Ngu si chỉ vì lợi, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Cao mạn tự khoe khoang, Hay hủy hoại người khác, Thật kiêu mạn, xấu hèn, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Tự tạo các lầm lỗi, Và đổ lỗi

người khác, Nói dối chê thanh bạch, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Nhận lợi dưỡng của người, Khi người đi đến mình, Không có lòng biết ơn, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Sa-môn, Bà-la-môn5 Như pháp đến khất thực, Quở trách mà chăng cho, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Nêu cha mẹ tuổi già, Khí lực đã suy kém, Chẳng chăm lo phụng dưỡng, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Cha mẹ5 bậc Tôn trưởng, Anh em cùng quyến thuộc, Thật chẳng phải La-hán, Tự bày đức La-hán, Kẻ giặc lớn thế gian, Đó là Lĩnh-quần-đặc. Sanh từ dòng cao quý, Học sách Bà-la-môn, Mà lại ở trong đó? Tập làm các nghiệp ác, Không vì sanh dòng quý, Ngăn tránh được đường ác, Hiện tại bi chê trách, Đời sau đọa ác đạo, Sanh nhà Chien-đà-la. Đời gọi Tu-đà-di? Tiếng đồn khắp thiên hạ, Chiên-đà-la thấp kém, Bà-la-m6n, Sát-lợi, Được mọi người cúng dường, Nương nơi đạo Tịnh thiên, Bình đẳng sống chơn chánh, Không phải vì nơi sanh, Chướng ngại sanh Phạm thiên. Hiện tại tiếng đồn tốt, Đời sau sanh cõi lành, Hai đời ông nên biết, Như Ta đã trình bày, Không do nơi sanh ra, Gọi là Lĩnh-quần-đặc.

KINH TẠPA-HÀM # 93

Không do nơi sanh ra, Gọi là Bà-la-môn. Nghiệp là Lĩnh-quần-đặc. Nghiệp là Bà-la-môn. Bà-la-môn bạch Phật: Như vậy Đại Tinh Tấn, Như vậy Đại Mâu-ni, Không do nơi sanh ra, Gọi là Lĩnh-quần-đặc. Cũng chẳng do nơi sanh, Gọi là Bà-la-môn. Nghiệp là Lĩnh-quần-đặc. Nghiệp là Bà-la-môn. Bấy giờ, Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá thờ lửa chuyển được lòng tin, đem bát đựng đầy thức ăn ngon dâng cúng Thế Tôn. Thế Tôn không nhận, vì nói kệ mà được cúng. Bài kệ nói như trên. Bấy giờ, Bà-la-môn thờ lửa thấy thức ăn hiện ra điềm lạ, càng tăng thêm lòng tin và bạch Phật: Bạch Thế Tôn, ngày nay con có thể ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia, thọ Cụ túc giới chăng? Phật bảo Bà-la-môn: Hôm nay ông có thê ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia, thọ Cụ túc giới. Bà-la-môn liền được xuất gia rồi ở một mình lặng lẽ tư duy... (nói như trước cho đến đắc quả A-la-hán, tâm khẻo giải thoát). Và Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà- giá đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát, tự biết được an vui, liền nói kệ: Trái đạo cầu thanh tinh, Cúng dường, thờ kính lửa, Không biết đạo thanh tịnh, Như kẻ bị mù lòa, Nay đã được an lạc, Xuất gia thọ Cụ túc, Chóng đắc được Tam minh, Làm xong lời Phật dạy. Trước Bà-la-môn hỏi, Nay là Bà-la-môn, Tâm sạch, lìa trần cấu, Độ chư thiên bờ kia.

KINH SỐ 103 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật có chúng Tỳ-kheo Thượng tọa ở tại nước Câu-xá-di9 trong vườn Cù-sư-la. Ngày nọ5 Tỳ-kheo Sai-ma cư ngụ ở nước Câu-xá-di, nơi vườn Bạt-đà-la bi bệnh nặng. Khi ấy, có Tỳ-kheo Đà-sa là người chăm sóc bệnh đi đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, đảnh lễ các Tỳ-kheo Thượng tọa rồi đứng qua một bên. Các Tỳ-kheo Thượng tọa nói với Đà-sa: Ông hãy đến Tỳ-kheo Sai-ma và nói như sau: "Các Thượng tọa hỏi thăm Tỳ-kheo bớt bệnh, an ổn, không đau đớn lắm chng?" Lúc ấy, Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời đi đến chỗ Tỳ-kheo Sai-ma, nói với Tỳ- kheo ấy: Các Thượng tọa hỏi thăm bệnh của thầy đã thuyên giảm dần chưa? Các thứ khổ không tăng thêm chứ?

KINH TẠPA-HÀM # 93

Không do nơi sanh ra, Gọi là Bà-la-môn. Nghiệp là Lĩnh-quần-đặc. Nghiệp là Bà-la-môn. Bà-la-môn bạch Phật: Như vậy Đại Tinh Tấn, Như vậy Đại Mâu-ni, Không do nơi sanh ra, Gọi là Lĩnh-quần-đặc. Cũng chẳng do nơi sanh, Gọi là Bà-la-môn. Nghiệp là Lĩnh-quần-đặc. Nghiệp là Bà-la-môn. Bấy giờ, Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá thờ lửa chuyển được lòng tin, đem bát đựng đầy thức ăn ngon dâng cúng Thế Tôn. Thế Tôn không nhận, vì nói kệ mà được cúng. Bài kệ nói như trên. Bấy giờ, Bà-la-môn thờ lửa thấy thức ăn hiện ra điềm lạ, càng tăng thêm lòng tin và bạch Phật: Bạch Thế Tôn, ngày nay con có thể ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia, thọ Cụ túc giới chăng? Phật bảo Bà-la-môn: Hôm nay ông có thê ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia, thọ Cụ túc giới. Bà-la-môn liền được xuất gia rồi ở một mình lặng lẽ tư duy... (nói như trước cho đến đắc quả A-la-hán, tâm khẻo giải thoát). Và Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà- giá đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát, tự biết được an vui, liền nói kệ: Trái đạo cầu thanh tinh, Cúng dường, thờ kính lửa, Không biết đạo thanh tịnh, Như kẻ bị mù lòa, Nay đã được an lạc, Xuất gia thọ Cụ túc, Chóng đắc được Tam minh, Làm xong lời Phật dạy. Trước Bà-la-môn hỏi, Nay là Bà-la-môn, Tâm sạch, lìa trần cấu, Độ chư thiên bờ kia.

KINH SỐ 103 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật có chúng Tỳ-kheo Thượng tọa ở tại nước Câu-xá-di9 trong vườn Cù-sư-la. Ngày nọ5 Tỳ-kheo Sai-ma cư ngụ ở nước Câu-xá-di, nơi vườn Bạt-đà-la bi bệnh nặng. Khi ấy, có Tỳ-kheo Đà-sa là người chăm sóc bệnh đi đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, đảnh lễ các Tỳ-kheo Thượng tọa rồi đứng qua một bên. Các Tỳ-kheo Thượng tọa nói với Đà-sa: Ông hãy đến Tỳ-kheo Sai-ma và nói như sau: "Các Thượng tọa hỏi thăm Tỳ-kheo bớt bệnh, an ổn, không đau đớn lắm chng?" Lúc ấy, Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời đi đến chỗ Tỳ-kheo Sai-ma, nói với Tỳ- kheo ấy: Các Thượng tọa hỏi thăm bệnh của thầy đã thuyên giảm dần chưa? Các thứ khổ không tăng thêm chứ?

Tỳ-kheo Sai-ma trả lời: Bệnh của tôi chẳng bớt, thân chẳng an ổn. Các sự thống khổ càng tăng thêm, e không cứu được. Ví như một lực sĩ bắt lấy một người yếu đuối, dùng dây trói đầu và hai tay thật chặt, siết chặt làm cho hết sức đau đớn. Tôi hiện nay đau đớn còn hơn người kia. Ví như kẻ đồ tể dùng dao bén mổ bụng con trâu lấy ruột gan của nó, bụng của con trâu đau đớn còn chịu nôi; bụng tôi bây giờ còn đau hơn cái đau của con trâu đó. Như hai người lực sĩ bắt một người yếu đuối, treo lên trên lửa, đốt hai chân của người đó, hai chân tôi hiện giờ còn nóng hơn cả người đó. Sau đó, Tỳ-kheo Đà-sa trở về chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, đem tất cả những lời Tỳ-kheo Sai-ma nói về bệnh trạng thuật lại đầy đủ cho các Thượng tọa nghe. Các Thượng tọa lại sai Tỳ-kheo Đà-sa đến chỗ Sai-ma và nói: "Thế Tôn thường nói có năm thọ ấm. Năm thọ ấm ấy là gì? Đó là sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Tỳ-kheo Sai-ma, thầy có thể quán sát một chút năm thọ am này chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở có được kh6ng?" Tỳ-kheo Đà-sa nhận lời dạy của các Tỳ-kheo Thượng tọa, đi đến bảo với Tỳ-kheo Sai-ma: Các Thượng tọa nhắn với thầy: "Thế Tôn nói có năm thọ ấm, thầy có thể quán sát một chút năm thọ ấm này chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở có được không?" Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa: Tôi đối với năm thọ ấm này, có thể quán sát năm thọ ấm này

chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Tỳ-kheo Đà-sa trở vê bạch với các Thượng tọa: Tỳ-kheo Sai-ma nói thầy ấy có thể đối với năm thọ ấm quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Các Thượng tọa lại sai Tỳ-kheo Đà-sa đến nói lại với Tỳ-kheo Sai-ma: “Thầy có thể đối với năm thọ ấm quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở như A-la-hán hết sạch các lậu hoặc chng?” Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời dạy của các Thượng tọa, đi đến chỗ Sai-ma và nói với Ty-kheo ấy: Này Tỳ-kheo, thầy có thể quán sát năm thọ ấm như thế, giống như bậc A-la-hán hết sạch các lậu hoặc chăng? Tỳ-kheo Sai-ma đáp: Tôi quán sát năm thọ ấm chẳng phải ngã và ngã sở được, nhưng chẳng phải là A-la-hán sạch hết các lậu hoặc. Ke đỏ, Tỳ-kheo Đà-sa trô về chỗ các Thượng tọa thuật lại lời nói của Sai-ma. Các Thượng tọa bảo Đà-sa:

KINH TẠPA-HÀM 95

Thầy hãy trở lại nói với Tỳ-kheo Sai-ma: "Thầy nói quán năm thọ ấm chẳng phải ngã? chẳng phải ngã sở mà không phải là A-la-hán hết sạch các lậu hoặc, trước sau nói trái nhau." Tỳ-kheo Đà-sa cũng vâng lời các Thượng tọa đến Tỳ-kheo Sai-ma nói lại như trên. Tỳ-kheo Sai-ma nghe xong, liền bảo Tỳ-kheo Đà-sa: Tôi đối với năm thọ ấm quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, nhimg chẳng phải là A-la-hán. Vì tôi đối với năm thọ ấm, ngã mạn, ngã dục, ngã sử chưa dứt, chưa biết, chưa lìa, chưa chán. Tỳ-kheo Đà-sa trở về thuật lại lời của Tỳ-kheo Sai-ma, các Thượng tọa lại sai Đà-sa đến nói với Sai-ma: Thầy nói có ngã, ở đâu có ngã? sắc là ngã hay ngã khác sắc? Thọ, tưởng, hành, thức là ngã hay ngã khác... thức? Tỳ-kheo Sai-ma bảo Tỳ-kheo Đà-sa: Tôi không nói sắc là ngã, ngã khác sắc. Thọ, tưởng, hành, thức là ngã, ngã khác... thức, nhimg đối với năm thọ ấm, ngã mạn, ngã dục, ngã sử chưa dứt, chưa biết, chưa lìa, chưa chán. Tỳ-kheo Sai-ma lại nói với Tỳ-kheo Đà-sa: Đâu dám phiền Tôn giả chạy đi chạy lại. Xin Tôn giả mang gậy đến? tôi sẽ chông gậy đi đên các Thượng tọa kia. Xin trao gậy cho tôi. Tỳ-kheo Sai-ma liền tự chống gậy đi đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa. Các Thượng tọa trông thấy Tỳ-kheo Sai-ma chống gậy đi tới, liền trải tòa, sửa ghế, thân hành đón tiếp, cầm hộ y bát và mời ngồi; cùng nhau chào hỏi, xong rồi các Thượng tọa nói với Tỳ-kheo Sai-ma: Thầy nói ngã mạn, ở đâu thấy ngã? sắc là ngã chăng? sắc khác ngã chăng? Thọ, tưởng, hành, thức là ngã chăng? Hay ngã khác... thức chăng? Tỳ-kheo Sai-ma thưa: Chẳng phải sắc là ngã, chẳng phải ngã khác sắc; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức là ngã, chăng phải ngã khác... thức. Nhưng tôi đôi với năm thọ âm, ngã mạn, ngã dục, ngã sử chưa dứt, chưa biết, chưa lìa, chưa chán. Ví như mùi hương của hoa iru-bát-la, bát-đàm-ma? câu-mâu-đầu? phân-đà-lợi, mùi thơm của những hoa này là mùi thơm của rễ hay mùi thơm khác rễ, hay là mùi thơm của thân, lá9 cuống hay của sự tinh thô? Các Thượng tọa đáp: Không phải đâu, Tỳ-kheo Sai-ma. Chẳng phải hoa ưu-bát-la, bát-đàm-ma, câu-mâu-đầu, phân-đà-lợi, rễ cây tức là mùi thơm, chẳng phải mùi thơm khác rễ cây, cũng chẳng phải thân, lá? cuống, tinh thô là mùi thơm. Cũng chẳng phải mùi thơm khác sự tinh thô. Tỳ-kheo Sai-ma lại hỏi:

96 KINH TẠPA-HÀM

Đấy là những mùi thơm gì? Các Thượng tọa đáp: Mùi thơm của hoa. Tỳ-kheo Sai-ma lại nói: Ngã cũng như thế. Chẳng phải sắc tức là ngã, ngã chẳng lìa sắc; chẳng phải thọ,

tưởng, hành, thức là ngã? ngã chăng lìa... thức. Nhimg tôi đôi với năm thọ ấm, thấy chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, mà đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử chưa dứt, chưa biết, chưa lìa, chưa chán. Quý Thượng tọa nghe tôi nói ví dụ, người trí do ví dụ được hiểu rõ. Ví như cái áo của người vú em đưa cho người đem giặt, dùng các thứ nước tro, giặt sạch bụi nhơ, mà vẫn còn hôi hám, phải dùng đủ thứ mùi hương thơm xông ướp làm cho tiêu mát. Như thê đa văn Thánh đệ tử lìa năm thọ ấm, chánh quán chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, có thể đối với năm thọ ấm, ngã mạn, ngã dục, ngã sử chưa dứt, chưa biết, chưa lia, chưa chán. Nhimg sau đó đối với năm thọ ấm, vị ấy suy nghĩ thêm nữa, quán sát sanh diệt, sắc này, sắc này tập, sắc này diệt; quán thọ? tưởng, hành, thức này;... thức này tập;... thức này diệt. Đối với năm thọ ấm, vị ấy quán sát sanh diệt như vậy rồi, ngã dục, ngã mạn, ngã SÍT, tất cả đều trừ diệt. Đó gọi là chân thật chánh quán. Trong khi Tỳ-kheo Sai-ma nói pháp này, các Thượng tọa xa lìa trần câu, được pháp nhãn thanh tinh. Tỳ-kheo Sai-ma không khởi các lậu hoặc, tâm được • . -g -g ĩ

giải thoát, vì được lợi ích an vui từ Chánh pháp, thân bệnh đêu trừ sạch. . _ _ Lúc bây giờ, các Tỳ-kheo Thượng tọa nói với Tỳ-kheo Sai-ma: Chúng tôi nghe nhân giả nói lần đầu đã hiểu và vui mừng, huống chi lại được nghe nhiều lần, nhưng sở dĩ hỏi hoài là vì muốn làm phát khởi biện tài vi diệu của nhân giả, chẳng phải có ý quấy rối. Nhân giả có khả năng diễn nói rộng rãi giáo pháp của Như Lai, Đẳng Chánh Giác. Tỳ-kheo Sai-ma nói pháp này xong, các Thượng tọa sau khi nghe những điều Tỳ-kheo Sai-ma nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 104 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Diệm-ma-ca khởi ác tà kiến, tuyên bố rằng: "Nhu tôi hiêu pháp của Phật nói, bậc Lậu tận A-la-hán sau khi chết không còn gì nữa." Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo nghe lời nói của Diệm-ma-ca, đi đến chỗ ở của Diệm-ma-ca và nói: Thầy thật có nói: "Nhu tôi hiểu pháp của Phật nói, bậc Lậu tận A-la-hán, khi chết rồi không còn gì nữa"?

KINH TẠPA-HÀM 97

Diệm-ma-ca đáp: Thưa chư Tôn giả, thật như vậy! Bây giờ, các Tỳ-kheo bảo Diệm-ma-ca: Chớ nên hủy báng Thế Tôn, hủy báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không thể nói như vậy. Thầy nên xả bỏ ác tà kiến này. Lúc ấy, các Tỳ-kheo nói như thế, Tỳ-kheo Diệm-ma-ca vẫn chấp ác tà kiến nên nói: Thưa chư Tôn, chỉ có đây là thật, khác đi là hư vọng. Tỳ-kheo Diệm-ma-ca nói như vậy ba lan. Các Tỳ-kheo không thể điều phục Diệm-ma-ca, liền đi đến chỗ Tôn giả Xá- lợi-phất, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất như sau: Tôn giả nên biết, Tỳ-kheo Diệm-ma-ca khởi ác tà kiến và nói: "Tôi hiểu pháp của Phật nói, bậc Lậu tận A-la-hán, sau khi chết không còn gì cả/5 Chúng tôi nghe những lời ấy, đã đến hỏi Diệm-ma-ca: "Thầy thật có tri kiến như vậy chng?" Thay ay đáp: "That như vậy, nói khác là kẻ ngu n6i." Chúng tôi liền bảo: Thay chơ nen huy bang The Ton, The Ton không noi như vạy, thay nen xa bỏ ác tà kiến này." Ba lân can ngăn, Ty-kheo áy vân không xả bỏ ác tà kiên đó. Vì thê ngày nay chung tôi đến chỗ Tôn giả, xin Ton giả hãy làm cho Ty-kheo kia chấm dứt ác tà kiến, vì rủ lòng thương xót thầy ấy

vậy. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Như thế, tôi sẽ làm cho thầy ấy dứt ác tà kiến. Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói như vậy, đều vui mừng, trở vê chỗ cũ của mình. Tôn giả Xá-lợi-phất sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ để khất thực, khất thực xong, ra khỏi thành, trở về tinh xá? thu dọn y bát rồi đi đến chỗ Diệm- ma-ca. Diệm-ma-ca từ xa trông thấy Xá-lợi-phất đến, vội vàng trải tòa, sửa soạn nước rửa chân, xép đặt ghê ngôi và ân cân đón tiêp? câm hộ y bát và mời ngôi. Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi rửa chân, ngồi xuống, bảo Tỳ-kheo Diệm-ma-ca: Thầy thực có nói những lời này: "Tôi hiểu pháp của Thế Tôn nói, bậc Lậu tận A-la-hán, sau khi chết không còn gì nữa" chăng? Diệm-ma-ca thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất: Thật vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất.

98 KINH TẠPA-HÀM

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:
Tôi nay hỏi thầy, tùy ý thầy đáp lời tôi. Thế nào, Diệm-ma-ca, sắc là thường hay vô thường?
Đáp:
Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vô thường.
Lại hỏi:
Nếu vô thường là khổ chăng?
Đáp:
-Là khổ!
Lại hỏi:
Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong ấy thấy là ngã, khác ngã và ở trong nhau chăng?
Đáp:
Thưa Tôn giả, không!
Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.
Lại hỏi:
Thế nào, Diệm-ma-ca? sắc là Như Lai chăng?
Đáp:
Thưa Tôn giả, không!
Thọ, tưởng, hành, thức là Như Lai chăng?
Đáp:
Thưa Tôn giả, không!
Lại hỏi:
Thế nào, Diệm-ma-ca5 khác sắc có Như Lai chăng? Khác thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai chăng?
Đáp:
Thưa không, Tôn giả Xá-lợi-phất!
Lại hỏi:
Trong săc có Như Lai chăng? Trong thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai chăng?

Đáp:
Thưa không, Tôn giả Xá-lợi-phất!
Lại hỏi:
Trong Như Lai có sắc chăng? Trong Như Lai có thọ, tưởng, hành, thức chăng?
Đáp:
Thưa không, Tôn giả Xá-lợi-phất!
KINH TẠPA-HÀM 99

Lại hỏi: Chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai chăng? Đáp: Thưa không, Tôn giả Xá-lợi-phất! Như vậy, này Diệm-ma-ca, Như Lai thấy pháp chân thật như trú vô sở đắc, không có chỗ thi thiết; thế thì vì sao thầy lại nói: "T6i hiểu pháp của Thế Tôn nói, bậc Lậu tận A-la-hán, sau khi chết không còn gì nữa cả." Nói như vậy, đúng không? Đáp: Thưa không, Tôn giả! Lại hỏi Diệm-ma-ca: Lúc trước thầy nói: "T6i hiểu pháp của Thế Tôn nói, bậc Lậu tận A-la- hán, sau khi chết không còn gì nữa c*'; sao bây giờ lại nói không phải? Diệm-ma-ca nói: -Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, trước kia tôi vì vô minh kh6ng hiểu nên có ác tà kiến mà nói như vậy; nay nghe Tôn giả nói, tất cả vô minh đều dứt. Lại hỏi: -Này Diệm-ma-ca, nếu có người hỏi Tỳ-kheo như trước nói theo ác tà kiến, nay do thấy biết gtất cả đều xa lìa? Thầy sẽ đáp như thế nào? Diệm-ma-ca đáp: Thưa Tôn gi$ Xá-lợi-phất5 nếu có người đến hỏi, tôi sẽ đáp: 'Bác Lậu tận A-la-hán thấy sắc là vô thường, vô thường là khổ, dứt bặt khổ, vắng lặng, mát mẻ, tịch tĩnh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vay." Nêu có người đên hỏi, tôi sẽ đáp như vậy. Xá-lợi-phất nói: Lành thay! Lành thay! Ty-kheo Diệm-ma-ca, thầy nên đáp như thế. Vì sao? Vì bậc Lậu tận A-la-hán thấy sắc là vô thường, vô thường là khổ, nếu vô thường là khổ, là pháp sanh diệt; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Sau khi nghe Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp, Tỳ-kheo Diệm-ma-ca xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Diệm- ma-ca: Bây giờ, tôi sẽ nói ví dụ, người trí do ví dụ được hiểu rõ. Ví như trưởng giả hay con trưởng giả giàu có, nhiều tiền của, mong có nhiều tôi tớ đe giữ gìn của cải. Lúc ấy, có kẻ oan gia hung ác giả dạng đến gần gũi, làm tôi tớ, thường rình lúc ngủ muộn, dậy sớm, hầu hạ hai bên, kính cẩn phục vụ, thuận theo lời chủ, khiến chủ nhân vừa lòng, xem như bạn thân, như con cái, hết sức tin tưởng, không nghi, chẳng tự đề phòng. Sau đó kẻ kia tay cầm dao bén, giết chết chủ nhân. Này Diệm-ma-ca, thầy nghĩ sao, kẻ oan gia hung ác đó, bạn thân của

100 KINH TẠPA-HÀM

trưởng giả, đâu chẳng phải là phương tiện ban đầu mà vẫn độc hại, thường tìm cơ hội, cho đến chung cuộc, nhưng trưởng giả kia không hề hay biêt, nên đên nay phải chịu nguy hại chăng? Đáp: Thưa, thật như vậy! Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Tỳ-kheo Diệm-ma-ca: Thầy nghĩ sao? Trưởng giả ấy nếu biết người kia giả làm thân để ám hại, khéo tự đề phòng, sẽ không bi hại, phải không? Đáp: Thua, đúng như vậy! Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Này Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, như thế phàm phu ngu si vô học đoi với năm ấm tưởng là thường, tưởng là an ổn, tưởng là không bệnh, tưởng là ngã, ngã sở. Đối với năm thọ ấm này gìn giữ, tiếc nuối, rốt cuộc bị năm thọ ấm oan gia làm hại như trưởng giả kia bị oan gia giả thân cận ám hại mà không hay biết. Này Diệm-ma-ca? đa

văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này quán sát như bệnh, như ung nhọt, như gươm nhọn, như giết hại, vô thường, khô, không, chăng phải ngã, chăng phải ngã sở. Đôi với năm thọ âm này, vi ây chăng châp trước, chẳng lãnh thọ, vì chẳng lãnh thọ nên chẳng chấp trước, vì không chấp trước nên tự giác Niết-bàn: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Trong khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này, Tỳ-kheo Diệm-ma-ca không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Tôn giả Xá-lợi-phất vì Tỳ-kheo Diệm- ma-ca thuyết pháp, chỉ dạy? soi sáng làm cho an vui xong rồi Ngài rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

KINH SỐ 105 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có ngoại đạo xuất gia tên Tiên-ni đi đến chỗ Phật, cung kính chào hỏi, rồi ngồi qua một bên và bạch Phật: Thưa Thế Tôn, ngày hôm trước, các Sa-môn hoặc Bà-la-môn, hoặc Giá- la-ca cũng tụ tập tại giảng đường Hy Hữu, khen ngợi như sau: 'Thú-lan-na Ca-diếp đứng đầu đại chúng với năm trăm đệ tử vây quanh, trong ấy có người cực thông minh, có người căn cơ đần độn, đến khi họ chết đều không nói họ sẽ sanh vào chỗ nào. Lại có Mạt-già-lê Cù-xá-lê tử là người lãnh đạo đại chúng gôm năm trămy đệ tử vâyr quanh. Cácr đệ\ tử của ôngy ây có kẻ thông minh, cũng CÓ kẻ căn cơ đan độn, đên khi họ chét đêu không nói họ sẽ sanh vê nơi nào. Như

thế Tiên-xà-na-tỳ-la-chi tử, A-xà-đa-xi-xá-khâm-bà-la, Ca-la-câu-đà-ca-chiên- diên, Ni-kiền-đà-nhã-đề tử, v.v... mỗi vị đều có năm trăm đệ tử vây quanh cũng như trước. Thưa Sa-môn Cù-đàm? bấy giờ cũng chính trong lời biện luận kia, họ nói: uSa-môn Cù-đàm là vi lãnh đạo đại chúng. Các đệ tử của Ngài khi có người mạng chung, liền nói trước sẽ sanh chỗ này, sanh chỗ kia. Lúc đầu tôi sanh nghi, vì sao Sa-môn Cù-đàm được pháp như vậy?,, Phật bảo Tiên-ni: Ong chớ sarứi nghi. Vì có mê lầm nên có nghi hoặc. Tiên-ni nên biết: Có ba hạng thầy. Thế nào là ba hạng? Có một hạng thầy thấy đời hiện tại chân thật là ngã, nói ra theo cái đã biết mà không thể biết việc sau khi chết. Đó gọi là hạng thầy thứ nhất xuất hiện ở thế gian. Lại nữa, Tiên-ni, có một hạng thầy thấy đời hiện tại chân thật là ngã, sau khi chết rồi cũng thấy là ngã, nói ra theo điều mình biết. Lại nữa, Tiên-ni? có một hạng thầy không thấy đời hiện tại chân thật là ngã, cũng không thây sau khi chét roi chân thật là ngã. Này Tiên-ni, hạng thầy thứ nhất thấy đời hiện tại chân thật là ngã, nói ra theo sự hiểu biết này, đó gọi là đoạn kiến. Hạng thày thứ hai thấy đời này đời sau chân thật là ngã, nói ra theo sự hiểu biết này, đó gọi là thường kiến. Hạng thầy thứ ba không thấy đời hiện tại chân thật là ngã, sau khi chết rồi cũng không thấy là ngã, đó là Như Lai, Đẳng Chánh Giác nói, hiện tại dứt ái, lìa dục, được Niết-bàn. Tiên-ni bạch Phật: Thưa Thế Tôn, con nghe Thế Tôn nói càng thêm sanh nghi. Phật bảo Tiên-ni: Thật đáng thêm nghi, vì sao? Vì đây là điều sâu xa khó thấy, khó biết, cần phải quán sát rõ ràng, sâu xa, vi diệu mới thấu đáo, bậc thông tuệ mới hiểu được, còn chúng sanh tầm thường chưa có thể hiểu biết được. Vì sao? Bởi vì chúng sanh mờ tối thấy biết có khác, sức chịu đựng khác, tìm cầu khác, sự mong muốn khác vậy. Tiên-ni bạch Phật: Thưa Thế Tôn, con ở nơi Thế Tôn được lòng tin trong sạch. Xin Thế Tôn vì con thuyết pháp, khiến cho con ở ngay đây tuệ nhãn được thanh

tinh. Phật bảo Tiên-ni: Ta sẽ vì ông giảng nói, theo chỗ ưa thích của ông. Phật bảo Tiên-ni: Sắc là thường hay vô thường? Đáp: Là vô thường! Thế Tôn lại hỏi: Nếu vô thường là khổ chăng?

Đáp:

-Là khổ!

Thế Tôn lại hỏi Tiên-ni:

Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?

Đáp:

Thưa Thế Tôn, không!

_ Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Lại hỏi:

Thế nào Tiên-ni, sắc là Như Lai chăng?

Đáp:

Thưa Thế Tôn, không!

Thọ, tưởng, hành, thức là Như Lai chăng?

Đáp:

Thưa Thế Tôn, không!

Lại hỏi Tiên-ni:

Khác sắc có Như Lai chăng? Khác thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai chăng?

Đáp:

Thưa Thế Tôn? không!

Lại hỏi Tien-ni:

Trong sắc có Như Lai chăng? Trong thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai chăng?

Đáp:

Thưa Thế Tôn, không!

Lại hỏi:

Trong Như Lai có sắc chăng? Trong Như Lai có thọ, tưởng, hành, thức chăng?

Đáp:

Thưa Thế Tôn, không!

Lại hỏi:

Chẳng phải sắc, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai chăng?

Đáp:

Thưa Thế Tôn, không!

Phật bảo Tiên-ni:

Các đệ tử của Ta, nghe pháp Ta nói, không hiểu hết nghĩa lý để khởi tâm hiện quán về mạn. Vì không hiện quán nên mạn ấy không dứt. Vì mạn không

dứt, nên khi xả bỏ ấm thân này rồi lại cùng với ấm thân khác tiếp tục sanh. Vì the, này Tiên-ni? Ta sẽ ký thuyết những người đệ tử này sau khi chết sẽ sanh vào các chỗ kia. Vì sao? Vì họ còn kiêu mạn. Này Tiên-ni? các đệ tử của Ta, nghe lời Ta nói, hiểu được nghĩa lý. Các vị ấy đôi với các mạn đã được hiện quán, vì được hiện quán nên các mạn dứt. Vì các thứ mạn dứt nên khi chết rồi lại không nối tiếp. Này Tiên-ni, Ta không nói những người đệ tử ấy bỏ ấm thân này rồi sẽ sanh ở những nơi kia. Vì sao? Vì không nhân duyên có thể ký thuyết được. Muốn Ta ký thuyết, Ta sẽ ký thuyết rằng: "Người kia khi dứt các ái dục, vĩnh viễn lìa hữu kiết, chánh ý giải thoát, cùng tận mé khổ?5 Ta từ trước đến nay thường nói đến mạn, quá mạn, tập mạn, sanh mạn khởi; nếu đối với kiêu mạn này quán sát liên tục thì các khổ không sanh. Lúc Phật nói pháp này, tu sĩ ngoại đạo Tiên-ni xa lìa trần cấu, được pháp nhẫn thanh tinh. Bấy giờ, Tiên-ni thấy pháp, đắc pháp, dứt hết nghi hoặc, biết không do người khác mà được, độ không do người khác mà được, ở trong Chánh pháp, tâm vị ấy được vô úy. Vi ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay bạch Phật: Thưa Thế Tôn? con có thể ở trong Chánh pháp xuất gia tu Phạm hạnh chăng? Phật bảo Tiên-ni: Ong có thê ở trong Chánh pháp được xuất gia, thọ giới Cụ túc làm Tỳ-kheo. Sau khi Tiên-ni được xuất gia, một mình ở nơi vắng vẻ tu hành, không buông lung, tự suy nghĩ lý do khiến người dòng họ quý phái cạo bỏ râu tóc, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, tu hành Phạm hạnh, thây pháp, tự biêt tác chứng: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau", đắc quả A-la-hán. Sau khi nghe Phật dạy xong, Tiên-ni vui mừng, cung kính vâng theo.

KINH SỐ 106 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Lúc ấy, có Tỳ-kheo ten là A-nậu-la-độ? ở trong núi Kỳ-xà quật. Bấy giờ, có nhiều tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ của A-nậu-la-độ. Sau khi cùng nhau chào hỏi ân cần, họ đứng qua một bên, rồi nói với A-nậu-la-độ: Chúng tôi có điều muốn hỏi, ngài có thể thư thả để giải thích cho chăng? A-nậu-la-độ nói với những người ngoại đạo: Tùy các ông muốn hỏi, biết đến đâu tôi xin trả lời đến đó. Các ngoại đạo hỏi: Thế nào Tôn giả, Như Lai sau khi chết là có chăng? A-nậu-la-độ nói: Như lời Thế Tôn nói: "Điều này không đề cáp."

104 KINH TẠPA-HÀM

Lại hỏi: Như Lai sau khi chết là không chăng? A-nậu-la-độ đáp: Như lời Thế Tôn nói: "Diều này không đề cập.^ Lại hỏi: Như Lai sau khi chết cũng có, cũng không hay chẳng phải có, chẳng phải không? A-nậu-la-độ nói: Như lời Thế Tôn nói: "Diều này không đề cap." Lại hỏi: Thế nào Tôn giả, Như Lai sau khi chết là có chăng? Nói rằng Như Lai không đề cập. Như Lai sau khi chết là không chăng? Nói rằng Như Lai không đề cập. Như Lai sau khi chết cũng có, cũng không, chẳng phải có, chẳng phải không chăng? Nói rằng Như Lai không đề cập. Thế nào Tôn giả, Sa-môn Cùđàm vì chẳng biết, chẳng thấy chăng? A-nậu-la-độ nói: Thế Tôn chẳng phải không biết, chẳng phải không thấy. Lúc ấy, các ngoại đạo không hài lòng về những lời nói của A-nậu-la-độ. Họ chê trách, rồi từ chỗ ngồi đứng lên bỏ đi. A-nậu-la-độ biết các ngoại đạo đã bỏ đi rồi, liền đi đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên, đem các câu hỏi của các

ngoại đạo thưa lại với Thế Tôn: Thưa Thế Tôn, họ đã hỏi như thế và con đã trả lời với họ như vậy, nói như thế có phù hợp với Chánh pháp không? Có không hủy báng Thế Tôn không? Là thuận pháp hay trái pháp? Không làm cho người khác đến vấn nạn để rơi vào chỗ đáng chê trách chăng? Phật bảo A-nậu-la-độ: Ta nay hỏi thầy, hãy trả lời những câu hỏi của Ta. Này A-nậu-la-độ? sắc là thường hay vô thường? Đáp: Bạch Thế Tôn, vô thường! Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường. Đáp: Bạch Thế Tôn, vô thường! (Nói rộng như trong Kỉnh Dịệm-ma-că). Thức là Như Lai chăng? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn!

KINH TẠPA-HÀM 105

Phật bảo A-nậu-la-độ: Nói như thế là nói lời tùy thuận, chẳng hủy báng Như Lai, chẳng vượt thứ lớp, như lời Như Lai nói, theo thứ lớp nói pháp, không ai có thể đến gạn hỏi chê trách. Vì sao? Vì Ta đối với sắc biết như thật sắc, sắc tập, sắc diệt, sắc diệt đạo tích. Này A-nậu-la-độ? nếu xả bỏ việc làm của Như Lai, người không biết, không thấy mà nói thì đây là những lời nói sai. Phật nói kinh này xong, A-nậu-la-độ sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 107 y

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật tru tại nước Bà-kỳ? ở núi Thiết-thủ-bà-la, trong rừng sâu Lộc Da. Bây giờ, có trưởng giả Na-câu-la đã một trăm hai mươi tuổi, già yêu, các căn suy kém, bệnh khổ, tha thiết muốn được diện kiến Thế Tôn và các Tỳ-kheo đáng kính đã quen biết. Trưởng giả đi đến chỗ Phật, đảnh lễ, rồi ngồi qua một bên và bạch Phật: Thưa Thế Tôn, ngày nay con đã tuổi già, suy yếu, gầy ốm, bệnh khổ, gắng sức đến yết kiến Thế Tôn và các vị Tỳ-kheo đáng kính đã quen biết trước đây. Xin Thế Tôn vì con nói pháp, khiến cho con luôn luôn được an vui. Khi ấy, Thế Tôn bảo trưởng giả Na-câu-la: Lành thay, trưởng giả! Ông thật đã lớn tuổi, các căn suy yếu, đau đớn, bệnh hoạn mà có thể tự mình gồng sức, đi đến diện kiến Như Lai và các Tỳ- kheo đáng kính. Trưởng giả nên biêt, đôi với cái thân bệnh khô này, nên luôn luôn tu học thân không bệnh khổ. Bấy giờ, Thế Tôn vì trưởng giả Na-câu-la chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui rồi yên lặng. Trưởng giả Na-câu-la nghe Phật dạy, vui mừng tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi lui ra. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất cách chỗ Phật không xa, đang ngồi yên dưới cội cây. Trưởng giả Na-câu-la đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất? đảnh lễ ngài rồi ngồi qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi trưởng giả: Hôm nay trưởng giả các căn vui vẻ, sắc mặt tươi sáng, có lẽ đã được nghe pháp sâu xa từ Thế Tôn phải không? Trưởng giả Na-câu-la bạch ngài Xá-lợi-phât: Ngày nay Thế Tôn đã vì con nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho được an vui, dùng nước pháp cam lộ rưới thân tâm con. Thế nên, thân tâm con ngày nay được vui vẻ, dung mạo tươi sáng.

106 % KINH TẠP A-HÀM

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi trưởng giả: Thế Tôn đã vì ông nói pháp gì, chỉ dạy, soi sáng, làm cho được an vui, thấm nhuần pháp cam lộ? Trưởng giả Na-câu-la thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất: Con đi đến Thế Tôn và bạch: "Con đã tuổi già, suy yếu, bệnh hoạn, tự mình đi đến, yết kiến Thế Ton và các Tỳ-kheo đáng kínỈỊ." Đức Phật nói với con: "Ông

thực quá già nua, ốm yếu, đau bệnh, mà vẫn cố gắng đi đến gặp Ta và các Tỳ-kheo đáng kính trước đây. Bây giờ, ông nên nơi cái thân bệnh khổ này tu học thân không bệnh khổ?5 Thế Tôn đã vì con nói pháp như thế, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, lấy pháp cam lộ thấm nhuần. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi trưởng giả: Sao ông không hỏi lại Thế Tôn, thế nào là thân bệnh khổ, tâm bệnh khổ? Thế nào là thân bệnh khổ mà tâm không bệnh khổ? Trưởng giả đáp: Con vì lẽ này nên tìm đến Tôn giả, xin Tôn giả hãy vì con nói pháp yếu. Tôn giả Xá-lợi-phất bảo trưởng giả: Ong hãy nghe kỹ, ta sẽ vì ông giảng nói. Phàm phu ngu si đôi với săc tập, sắc diệt, sắc hoạn, sắc vị5 sắc ly, không biết như thật. Vì không biết như thật nên yêu thích sắc, cho rằng sắc là ngã, ngã sở rồi nắm giữ lấy; khi sắc kia hư hoại, hoặc khác đi? tâm thức chuyển theo, khổ não sanh; khổ não đã sanh, sợ hãi? chướng ngại, luyến niệm, buồn khổ kết chặt; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là thân tâm bệnh khổ. Thế nào là thân bệnh khổ mà tâm không bệnh khổ? Đa văn Thánh đệ tử đối với sắc tập, sắc diệt, sắc vi, sắc hoạn, sắc ly, biết như thật; biết như thật rồi không sanh yêu thích, thấy sắc là ngã, là ngã sở; khi sắc ấy hoặc thay đổi, hoặc khác di, tâm không chuyển theo sanh khổ não; tâm không chuyển theo sanh khổ não rồi thời được không sợ hãi chướng ngại, không luyến niệm kết chặt. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là thân bệnh khổ mà tâm không bệnh khổ. Lúc Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này, trưởng giả Na-câu-la được pháp nhãn thanh tịnh. Bấy giờ5 trưởng giả Na-câu-la thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, nhập pháp, vượt qua sự hoài nghi, không nhờ người khác, ở trong Chánh pháp tâm được vô sở úy, từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục, cung kính chắp tay và bạch Tôn giả Xá-lợi-phất: Con đã được độ. Ngày nay con xin quy y Phật, Pháp, Tăng, xin được làm im-bà-tăc. Xin ngài chứng tri cho con. Con nay xin suốt đời quy y Tam bảo. Trưởng giả Na-câu-la nghe xong lời dạy của Tôn giả Xá-lợi-phất, lấy làm vui mừng, tùy hỷ, đảnh lễ cáo từ.

KINH TẠPA-HÀM 107

KINH SỐ 108 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại lang Thích Thi Thiện Hiện. Khi đó^có nhiều Tỳ-kheo ở phương Tây muốn trở về phương Tây an cư. Họ đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ Phật, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì họ thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui. Đã được Phật chỉ dạy và an ủi, các Tỳ-kheo phương Tây rời chỗ ngồi, chắp tay bạch Phạt: Bạch Thế Tôn, chúng con là những Tỳ-kheo ở phương Tây muốn trở về phương Tây an cu, nay xin được cáo từ. Phật bảo các Tỳ-kheo ở phương Tây: Các thầy từ giã Xá-lợi-phất chưa? Họ đáp: Bạch, chưa từ giã! Phật bảo các Tỳ-kheo phương Tây: Xá-lợi-phất chuyên tu Phạm hạnh, các Tỳ-kheo nên đến từ giã, thầy ấy có thể giúp cho các Tỳ-kheo được lợi ích, an vui. Lúc các Tỳ-kheo phương Tây từ giã sắp ra đi, Tôn giả Xá-lợi-phất ở cách Phật không xa, đang ngồi dưới cội cây kiên cố. Các Tỳ-kheo phương Tây đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cúi đầu đảnh lễ, ngồi qua một bên và thưa Tôn giả: Chúng con muốn trở về phương Tây để an cư nên đến đây xin từ giã Ngài. Xá-lợi-phất hỏi: Các thầy đã từ giã Thế Tôn chưa? Đáp: Thưa, xong rồi! Xá-lợi-phất bảo với họ: Các thầy trở về phương Tây, mỗi quốc độ khác nhau, chúng hội khác nhau. Tôi thử hỏi các thầy, các thầy nay ở nơi chỗ Thế Tôn, được nghe Thế Tôn thuyết pháp; các thầy đã khéo lãnh thọ5 khéo giữ gìn, khéo quán sát, khéo thâm nhập

để có thể đủ khả năng vì người khác nói pháp một cách đầy đủ5 không hủy báng Phật chăng? Không khiến cho kẻ khác gạn hỏi, chê trách đến nỗi phải bị thua họ chăng? Các Tỳ-kheo bạch ngài Xá-lợi-phất: Chúng con vì muốn nghe pháp nên đến chỗ Tôn giả. Xin ngài thương xót nói pháp đầy đủ cho chúng con. Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

Người ở Diêm-phù-đề thông minh, căn cơ lanh lợi, hoặc Sát-đế-lợi9 hoặc Sa-môn5 Bà-la-môn, hoặc trưởng giả, chắc chắn sẽ hỏi các thầy: "Bậc Đạo sư của các ông thuyết pháp như thế nào? Dạy các ông pháp gi?" Các thầy nên đáp: “Bạo sư chỉ nói pháp điều phục dục tham và đem pháp ấy chỉ dạy." Nếu họ lại hỏi các thầy: "d trong pháp gì điều phục dục tham?" Các thầy nên đáp: "Bạo sư chỉ nói ngay nơi sắc ấm này điều phục dục tham; nơi thọ, tưởng, hành, thức ấm điều phục dục tham. Đạo sư của chúng tôi nói pháp như thế." Họ lại hỏi: "Dục tham có lỗi lầm gì mà Đạo sư nói ngay nơi sắc điều phục dục tham; ngay nơi thọ, tưởng, hành, thức điều phục dục tham?" Các thầy nên đáp: "Nếu đối với sắc, dục không dứt, tham không dứt, ái không dứt, niệm không dứt, sự khao khát không dứt thì khi sắc kia hoặc thay đổi, hoặc khác di, chắc chắn sẽ sanh ưu-bi-khổ-não; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thấy dục tham có những lỗi lầm như thế nên nơi sắc điều phục dục tham; nơi thọ, tưởng, hành, thức điều phục dục tham.,, Họ lại hỏi nữa: "Vi thấy dứt dục tham có ích lợi gì mà Đạo sư nói nơi sắc điều phục dục tham; nơi thọ, tưởng, hành, thức điều phục dục tham?" Các thầy nên đáp: "Nếu nơi sắc dứt dục tham, niệm dứt, ái dứt, khao khát dứt thì khi sắc kia hoặc thay đổi, hoặc khác di, chẳng khởi ưu-bi-khổ-não; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Các ông nêu vì nguyên nhân lãnh thọ các pháp bát thiện mà ngay trong hiện tại được sống yên vui, không khổ, không chướng ngại, không phiền não, không nhiệt, sau khi chết được sanh vào chỗ lành thì Thế Tôn trọn không dạy: Nên dứt các pháp bất thiện; cũng chẳng dạy người ở trong Phật pháp tu các Phạm hạnh, được dứt sạch đau kho. Nhưng vì nguyên nhân lãnh thọ các pháp bất thiện, nên ngay hiện tại sống trong đau khổ, chướng ngại, bức bách, sau khi chết, bị rơi vào trong đường ác. Vì thế, Thế Tôn dạy nên dứt các pháp bất thiện, ở trong Phật pháp tu các Phạm hạnh, bình đẳng giải thoát, được dứt sạch khô đau. Nêu vì nguyên nhân lãnh thọ các pháp thiện mà hiện tại sống trong kho não, chướng ngại, bức bách, sau khi chết, rơi vào đường ác thì Thế Tôn trọn chẳng dạy: Thọ trì thiện pháp, ở trong Phật pháp tu các Phạm hạnh, bình đẳng giải thoát, dứt hết khổ đau. Nhưng nhờ thọ trì thiện pháp mà hiện tại được sống an vui, không khổ, không chướng ngại, không nhiệt não, sau khi chết được sanh

về cõi lành. Vì lẽ đó nên Thế Tôn khen ngợi, dạy người lãnh thọ các pháp lành, ở trong Phật pháp tu các Phạm hạnh, bình đẳng giải thoát, dứt hết khổ đau?5 Lúc Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp này, các Tỳ-kheo phương Tây không khởi các lậu, tâm được giải thoát. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp xong, các Tỳ-kheo phương Tây đêu vui mừng, tùy hỷ? đảnh lễ rồi lui ra.

KINH SỐ 109 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như hồ nước vuông, rộng năm trăm do-tuần, chiều sâu cũng như thế, đầy nước; lại có người lấy sợi lông, hoặc cọng cỏ, hay móng tay để vít nước. Này Tỳ-kheo, các thầy nghĩ sao? Nước do người kia vít lên là nhiều hay nước trong hồ nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Người kia dùng sợi lông, hoặc cọng cỏ, hoặc m6ng tay để vít nước, nước ây rát ít, không đáng nói; còn nước trong hồ nhiều gáp trăm, ngàn, vạn lần không thể so sánh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, người thấy được chân lý? dứt được các khổ cũng như nước trong hồ, đến đời vị lai vĩnh viễn không sanh lại. Thế Tôn sau khi nói pháp này xong, vào thất tọa thiền. Ngài Xá-lợi-phất ngồi ở giữa chúng và bảo các Tỳ-kheo: Thật là điều chưa từng được nghe! Hôm nay Thế Tôn nói ví dụ cái hồ. Vì sao như thế? Thánh đệ tử thấy chân lý một cách đầy đủ, đắc quả hiện quán. Nếu kẻ phàm tục khởi tà kiến, thân kiến, căn bản thân kiến, tập thân kiến, sanh thân kiến, nghĩa là giấu kín lo buồn, vui mừng gìn giữ, thương tiếc cho là ngã, là chúng sanh, là cậy mình, kiêu căng... Các thứ tà như the đều trừ diệt, dứt sạch gốc rễ như chặt cây da-la, đời sau không còn tái sanh lại nữa. Này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh đệ tử thấy chân lý, dứt các điều tà trên, đời sau vĩnh viễn không khởi lại nữa? Kẻ phàm phu ngu si vô học, thấy sắc là ngã, khác ngã, ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã; ngã ở trong... thức;... thức ở trong ngã. Thế nào thấy sắc là ngã? Nghĩa là quán đất biến khắp tất cả chỗ liền khởi niệm: "Bất là ngã, ngã là đất, ngã cùng với đất chỉ một, không hai, không khác, không riêng." Như thế quán nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng biến khắp tất cả chỗ, quán xong nghĩ rằng: "Hành tức là ngã, ngã tức là hành, chỉ là một, không hai, không khác, không riêng.,, Như thế đối với các nhập xứ, mỗi mỗi đều chấp là ngã. Đó gọi là sắc tức là ngã.

110 KINH TẠPA-HÀM

Thế nào là thấy sắc khác ngã? Nghĩa là nếu người kia thấy thọ là ngã, đã thấy thọ là ngã thì thấy sắc là ngã sở. Hoặc thấy tưởng, hành, thức là ngã thì thấy sắc là ngã sở. Thế nào là thấy sắc ở trong ngã? Nghĩa là thấy thọ là ngã, sắc ở trong ngã; lại thấy tưởng, hành, thức là ngã5 sắc ở trong ngã. Thế nào là thấy ngã ở trong sắc? Nghĩa là thấy thọ tức là ngã5 trụ ở trong sắc, vào trong sắc, trùm khắp toàn thân; thấy tưởng, hành, thức là ngã, trụ trong sắc, trùm khập toàn thân. Đó gọi là ngã ở trong sắc. Thế nào là thấy thọ là ngã? Nghĩa là sáu thọ thân: Mắt tiếp xúc sanh thọ; tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh thọ. Sáu thứ thọ thân này mỗi mỗi thấy là ngã, ngã là thọ. Đó gọi là thấy thọ là ngã. Thế nào là thấy thọ khác ngã? Nghĩa là thấy sắc là ngã, thọ là ngã sở. Nghĩa là tưởng, hành, thức là ngã, thọ là ngã sở. Đó gọi là thọ khác ngã. Thế nào là thấy thọ ở trong ngã? Nghĩa là sắc là ngã, thọ ở trong ấy; tưởng, hành, thức là ngã, thọ ở trong ấy. Thế nào là thấy ngã ở trong thọ? Nghĩa là sắc là ngã, trụ ở trong thọ, trùm khắp toàn thân. Tưởng, hành, thức là ngã, trụ ở trong thọ, trùm khắp toàn thân. Đó gọi là ngã ở trong thọ. Thế nào là thấy ngã là tưởng? Nghĩa là sáu tưởng thân: Nhãn xúc sanh tưởng; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sanh tưởng. Đó gọi là sáu tưởng thân. Mỗi mỗi đều thấy là ngã. Đó gọi là thấy tưởng là ngã. Thế nào là thấy tưởng khác ngã? Nghĩa là thấy sắc là ngã, tưởng là ngã sở. Thọ là ngã, tưởng là ngã sở. Ấy gọi là tưởng khác ngã. Hành, thức là ngã, tưởng là ngã sở. Đó gọi là thấy tưởng khác ngã. Thế nào là thấy tưởng ở trong ngã? Nghĩa là

sắc là ngã, tưởng trụ ở trong đó; thọ, hành, thức là ngã, tưởng trụ ở trong đó. Đó gọi là tưởng ở trong ngã. Thế nào là thấy ngã ở trong tưởng? Nghĩa là sắc là ngã, trụ ở trong tưởng, trùm kháp toàn thân; thọ, tưởng, hành, thức là ngã, trụ ở trong tưởng, trùm khắp toàn thân. Đó gọi là ngã ở trong tưởng. Thế nào là thấy hành là ngã? Nghĩa là sáu tư thân: Mắt tiếp xúc sanh tư; tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh tư; nơi sáu tư thân này, mỗi mỗi thấy là ngã. Đó gọi là thấy hành là ngã. Thế nào là thấy hành khác ngã? Nghĩa là thấy sắc là ngã, hành là ngã sở; thọ, tưởng, thức là ngã, hành là ngã sở. Đó gọi là thấy hành khác ngã. Thế nào là thấy hành ở trong ngã? Nghĩa là sắc là ngã, hành trụ ở trong đó; thọ, tưởng, thức là ngã, hành trụ ở trong đó. Đó gọi là hành ở trong ngã. Thế nào là thấy ngã ở trong hành? Nghĩa là sắc là ngã, trụ ở trong hành, trùm khăp toàn thân. Nghĩa là thọ, tưởng, thức là ngã, hành trụ ở trong đó? trùm kháp toàn thân. Đó gọi là ngã ở trong hành.

KINHTẠPA-HÀM 111

Thế nào là thấy thức tức là ngã? Nghĩa là sáu thức thân: Nhãn thức; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức thân; nơi sáu thức thân này mỗi mỗi thấy là ngã. Đó gọi thức tức là ngã. Thế nào là thấy thức khác ngã? Nghĩa là thấy sắc là ngã5 thức là ngã sở; thấy thọ, tưởng, hành là ngã, thức là ngã sở. Đó gọi là thức khác ngã. Thế nào là thấy thức ở trong ngã? Nghĩa là sắc là ngã, thức trụ ở trong đó; thọ, tưởng, hành là ngã, thức trụ ở trong đó. Đó gọi là thức ở trong ngã. Thế nào là ngã ở trong thức? Nghĩa là sắc là ngã, trụ ở trong thức, trùm khắp toàn thân. Thọ, tưởng, hành là ngã, trụ ở trong thức, trùm khắp toàn thân. Đó gọi là ngã ở trong thức. Như thế là Thánh đệ tử thấy bốn chân đế, đắc quả hiện quán, dứt các tà kiến; ở đời vị lai, vĩnh viễn không khởi lại nữa. Có sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc đẹp xấu, hoặc xa gần, một bề tích tụ và quán sát như sau: "Tất cả đều vô thường, tất cả là khổ? tất cả đều không, tất cả chẳng phải ngã, chẳng đáng yêu thích, thủ lấy, giữ gìn; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, chẳng đáng yêu thích, thủ lấy, giữ gin." Khéo quán sát như vậy, vị ấy giữ gìn tâm sáng suốt, không mê muội, không ngu si, đối với pháp lại tinh tấn quán sát, lìa tâm biếng nhác được hỷ lạc, thân tâm an ổn? yên lặng, buông xả, đầy đủ các đạo phẩm, tu hành trọn vẹn, dứt hẳn các ác, tất cả đều tiêu tán5 đều vắng lặng; dứt rồi chẳng dấy khởi nữa, giảm rồi không tăng, dứt roi không sanh, chẳng sanh, chẳng thủ, chẳng trước, tự giác Niết-bàn: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Trong lúc ngài Xá-lợi-phất thuyết pháp này, sáu mươi Tỳ-kheo không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Các Tỳ-kheo nghe Xá-lợi-phất nói kinh này xong, hoan hỷ, vui mừng, cung kính phụng hành.

KINH SỐ 110 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật tru tại Tỳ-xá-ly, bên bờ ao Di Hầu, trong nước Tỳ-xá- ly có Ni-kiên tử thông tuệ, minh triêt, hiêu rõ các luận, kiêu mạn vê sự thông minh, đã học tập các thứ luận, diệu trí đến mức tuyệt vời, thuyết pháp vượt qua các luận sư, thường nghĩ rằng: "Các Sa-môn? Bà-la-môn không ai bằng ta, cho đến Như Lai, ta cũng có thể cùng nghị luận. Các luận sư nghe danh của ta đều toát mồ hôi trán, lỗ chân lông đều toát mồ hôi. Ta luận nghĩa như gió làm rập cỏ, gãy cây, đập nát vàng dá, hàng phục long tượng, huống chi bọn luận sư ở thế gian mà có thể đương đau

với ta.” Lúc ấy, có Tỳ-kheo tên là A-thấp-bà-thệ, sáng sớm đắp y, mang bát? đầy đủ oai nghi, mắt nhìn đoan chánh, vào thành khất thực.

112 & KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Tát-giá Ni-kiền tử có chút việc đi vào làng x6m, từ cửa thành đi ra, trông thấy Tỳ-kheo A-thấp-bà-thệ liền đi tới chỗ của Tỳ-kheo và hỏi: Sa-môn Cù-đàm nói pháp cho các đệ tử như thế nào? Đem những pháp nào dạy cho các đệ tử tu tập? A-thấp-bà-thệ nói: Này Hỏa Chủng cư sĩ, Thế Tôn nói pháp như thế này, dạy các đệ tử theo đó tu học. Ngài nói: "Này các Tỳ-kheo, đối với sắc nên quán vô ngã; thọ, tưởng, hành, thức nên quán vô ngã. Năm thọ ấm này, siêng năng phương tiện quán sát như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, vô thường, kho, không, chẳng phải nga." Tát-giá Ni-kiền tử nghe lời nói này tâm không vui, nói rang: A-thấp-bà-thệ5 chắc có lẽ ông nghe lầm, Sa-môn Cù-đàm không hề nói như thê. Nêu Sa-môn Cù-đàm nói như thê thì đó là tà kiên; tôi sẽ đên gạn hỏi để ngăn dứt điều đó. e r 9 /y

Tát-giá Ni-kiên tử đi đên làng xóm, tập hợp những người Ly-xa một chô và bảo với họ: Hôm nay tôi gặp người đệ tử bậc nhất của Cù-đàm tên là A-thấp-bà-thệ, cùng nhau luận nghi. Nếu như lời nói của ông ấy, tôi sẽ đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để cùng luận nghị, tiến tới hay xoay lại chắc chắn là tùy theo ý ta. Ví như người cắt cỏ rậm, hay nắm cọng cỏ, đưa lên rũ trừ các bụi bặm; tôi cũng như the, tôi cùng với Sa-môn Cù-đàm luận nghị, gạn hỏi, nắm lấy điều yếu lĩnh của Ông ấy? tiến tới hay xoay lại tùy ý9 trừ bỏ tà thuyết của Ông ta. Như nhà nâu rượu câm đẩy rượu ép lây nước rượu tinh thuân, bỏ đi cặn bã; tôi cũng như thế, đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm cùng luận nghị, cật nạn, tiến tới hay xoay lại, nắm lấy ý nghĩa trong sáng, chân thật, trừ bỏ đi những tà thuyết. Ví như thợ dệt chiếu, vì trên chiếu dính vết nhơ nên phải giặt sạch, tẩy xóa những vết nhơ trước khi đem ra chợ bán; tôi cũng như thế, đến luận nghi với Sa-môn Cù- đàm, muốn tiến tới hay xoay chuyển, nắm lấy những điều cương lĩnh và bỏ đi những lời nói càn. Giống như người điều phục voi của vua5 người đó lôi con voi say vào trong nước sâu, tam rửa thân the của nó, toàn thân con voi được rửa ráy, tẩy sạch nhơ uế; tôi cũng như thế, tôi đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm luận nghi, cật nạn, tiến tới hoặc xoay lại, tùy ý tự tại, nắm lấy cương lĩnh của Ông ta, bỏ đi những lời nói càn. Các người Ly-xa cũng nên cùng đi với tôi để xem sự đắc thất. Trong đám Ly-xa có người nói: Tát-giá Ni-kiền tử có thể cùng với Sa-môn Cù-đàm luận nghị, chuyện đó không thể xảy ra. Lại có người nói: Tát-giá Ni-kiền tử thông tuệ, lợi căn có thể cùng Sa-môn Cù-đàm luận nghị.

KINH TẠPA-HÀM 113

LÚC ấy, có năm trăm Ly-xa cùng với Tát-giá Ni-kiền tử đi đến chỗ Phật để luận nghị. The Tôn đang ở trong rừng Đại Lâm, ngồi dưới cội cây, chỗ chư thiên trú. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo ra khỏi phòng, đi kinh hành trong rừng, xa xa trông thấy Tát-giá Ni-kiền tử đang từ từ đến chỗ các Tỳ-kheo và hỏi các Tỳ-kheo: Sa-môn Cù-đàm đang ở đâu? Các Tỳ-kheo đáp: Ngài đang ở trong Đại Lâm, ngồi dưới cội cây, chỗ chư thiên trú. Tát-giá Ni"kiền tử liền đi đến chỗ Phật, cung kính chào hỏi, rồi ngồi qua một bên. Các trưởng giả Ly-xa cũng đi đến chỗ Phật, có người cung kính, có người chắp tay chào hỏi,

rồi đứng qua một bên. Tát-giá Ni-kiền tử bạch Phật: -Tôi nghe Cù-đàm thuyết pháp và dạy các đệ tử như sau: "Đối với sắc quán sát vô ngã; đối với thọ, tưởng, hành, thức, quán sát vô ngã. Siêng năng, phương tiện quán sát năm thọ ấm này như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, vô thường, khô, không, chăng phải ngâu' Đó là Cù-đàm có dạy như vậy hay là lời người truyền lại hủy báng Cù-đàm? Đó là nói đúng như lời dạy hay là nói không đúng như lời dạy chăng? Có phải nói đúng như pháp chăng? Nói như pháp và thứ pháp chăng? Không có kẻ dị kiến đến cật nạn khiến phải bị thua họ chăng? Phật nói với Tát-giá Ni-kiền tử: Đúng như điều ông đã nghe, các đệ tử nói đúng như Ta nói, nói đúng như pháp, nói pháp và thứ pháp. Chẳng phải là hủy báng, cũng không phải là nạn vấn khiến phải bị thua họ. Vì sao? Ta thật vì các đệ tử thuyết pháp như thế, Ta thật thường dạy các đệ tử khiên tùy thuận theo pháp giáo, khiên quán sát săc là vô ngã; thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã? quán năm thọ ấm này như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, vô thường, khổ, không, chẳng phải ngã. Tát-giá Ni-kiền tử bạch Phật: Thưa Cù-đàm5 bây giờ tôi muôn nói ví dụ. Phật bảo Tát-giá Ni-kiền tử: Ông nên biết đúng lúc! Ví như tất cả mọi việc làm ở thế gian, đều nương nơi đất, cũng như vậy sắc là ngã5 là nhân; mọi thiện, ác từ đó sanh. Lại ví như loài người, loài than, dược thảo, cây cối đều nương nơi đất mà được sinh trưởng. Cũng như vậy, sắc là ngã, là nhân; thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là nhân. Phật bảo Hỏa Chủng cư sĩ: Ông nói sắc là ngã, là nhân; thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là nhân chăng? Thưa Cù-đàm, đúng như vậy. sắc là ngã, là nhân; thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là nhân. Các người ở đây đều nói như thế.

Phật bảo Hỏa Chủng cư sĩ: Thôi! Hãy cứ lập luận thuyết của ông, cần gì dẫn đến người khác. Tát-giá Ni-kiền tử bạch Phật: Sắc thật là ngã, là nhân. Phật bảo Hỏa Chủng cư sĩ: Bây giờ Ta hỏi ông, ông hãy tùy ý đáp. Ví như nhà vua ở tại nước mình có kẻ phạm tội thì đáng bị giết hoặc bi trói, hoặc đuổi di, hoặc đánh bằng roi, hoặc chặt đứt tay chân. Còn nếu là người có công thì sẽ được ban cho voi, ngựa, xe cộ, thành ấp, tiền bạc, của cải. Vua có thể làm tất cả những việc thưởng phạt này không? Đáp: Thưa Cù-đàm9 có thể được! Phật bảo Hỏa Chủng cư sĩ: Hễ là người chủ thì chắc chắn là được tự tại phải không? Đáp: Thưa Cù-đàm9 đúng như the! Phật bảo Hỏa Chủng cư sĩ: Ông nói sắc là ngã; thọ, tưởng, hành, thức là ngã, được tùy ý tự tại khiến nó như thế, hay không khiến nó như thế chăng? Lúc đỏ, Tát-giá Ni-kiền tử đứng im lặng. Phật bảo Hỏa Chủng cư sĩ: Nói mau! Nói mau! Vì sao im lặng? Ba lần như thế. Tát-giá Ni-kiền tử vẫn đứng im lặng. Trong khi ấy thần Kim Cương lực sĩ cầm chày kim cương bốc lửa hừng hực đang ở giữa hư không, đặt lên đầu Tát-giá Ni-kiền tử bảo rằng: "Thế Tôn đã ba lần hỏi, vì sao ông không đáp? Ta sẽ dùng chày kim cương đập nát đau ông ra làm bảy phan.,, Do thần lực của Phật nên chỉ khiến cho Tát-giá Ni-kiền tử thấy được thần Kim Cương, còn những người khác đều không thấy. Tát-giá Ni-kiền tử sợ hãi, bạch Phật: Thưa Thế Tôn, không phải như the! Phật bảo Tát-giá Ni-kiền tử: Nên từ từ suy nghĩ, sau đó mới giải nói. Trước đây ông ở trong chúng nói sắc là ngã; thọ, tưởng, hành, thức là ngã? mà bây giờ nói là không phải. Lời nói trước sau trái nhau. Trước đây ông thường nói sắc là ngã; thọ, tưởng, hành, thức là ngã. Này Hỏa Chủng cư si, bây giờ Ta

hỏi ông: sắc là thường hay vô thường? Thưa Cù-đàm, vô thường.

KINH TẠP A-HÀM 115

Phật lại hỏi: -Vô thường là khổ chăng? Thưa Cù-đàm? là khổ! Phật lại hỏi: - Vô thường, khổ, là pháp biến dịch thì đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong ây thây là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Thưa không, Cù-đàm! Thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy. Phật bảo Hỏa Chủng cư sĩ: Ong khéo suy nghĩ rồi nói. Phật lại hỏi Hỏa Chủng cư sĩ: Nếu đối với sắc chưa lìa tham, chưa lìa dục, chưa lìa niệm, chưa lìa ái, chưa lìa khao khát thì khi sắc kia hoặc biến đổi, hoặc khác đi sẽ sanh lo buồn, khổ não chăng? Thưa Cù-đàm, đúng như the! Thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy. Phật lại hỏi Hỏa Chủng cư sĩ: Đối với sắc lìa tham, lìa dục, lìa niệm, lìa ái, lìa khao khát thì khi sắc kia hoặc biến đổi, hoặc khác đi sẽ chẳng sanh lo buồn, khổ não chăng? Đúng như thế, thưa Cù-đàm! Như thật không khác. Thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như thế. Này Hỏa Chủng cư si, ví như một người thân mác bệnh khô, luôn luôn sống đau khổ, cái khổ kia không dứt, không xả bỏ? sẽ được an vui chăng? Thưa không, Cù-đàm! Như thế, này Hỏa Chủng cư sĩ? thân đầy bệnh khổ? luôn luôn sống đau kho, cái kho kia không dứt, không xả bỏ thì chẳng được an vui. Này Hỏa Chủng cư sĩ, ví như một người mang búa vào trong núi, tìm gỗ cây rắn chắc, thấy cây chuối to lớn ngay thẳng, liền chặt lá? lột bẹ cho đến cũng tận thân chuối đều không rắn chắc. Này Hỏa Chủng cư sĩ, ông cũng như vậy, tự lập luận thuyết. Nay Ta khéo tìm nghía lý chân thật trong đó? thấy đều không có gì chắc thật, y như cây chuối. Thế mà ở trong chúng này, ông dám đem ra nói: "Ta chẳng thấy Sa-môn? Bà-la-môn đem tri kiến của họ để có thể luận nghi với tri kiến của Như Lai mà không bi ta điều phúc." Ông lại tự nói: "Ta luận nghị như gi6 làm rạp cỏ, gãy cây, dập nát vàng đá, điều phục long tượng, đên nôi khiên đôi phương phải toát mo hôi trán, chân lông đẫm mồ hôi/5 Bây giờ ông tự luận nghị rồi, nhưng không tự lặp lại lời nói khoác lác trước kia, không dẹp hết các tướng kia. Nay ông đã đem hết lý lẽ thủ đắc của mình mà không thể làm lay động Như Lai một mảy lông.

116 KINH TẠP A-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn ở trong đại chúng trật y uất-đa-la-tăng, bày ngực và chỉ: Các ông thử nhìn xem! Có thể làm lay động đến Như Lai một mảy lông không? Khi ấy, Tát-giá Ni-kiền tử im lặng, cúi đầu, hổ thẹn, thất sắc. Lúc ấy, trong chúng có một Ly-xa tên là Đột-mục-khư từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật: Thưa Thế Tôn, xin cho phép con nói ví dụ. Phật bảo Đột-mục-khư: Ông nên biết thời! Đột-mục-khư bạch Phật: Thưa Thế Tôn, ví như có người cầm cái đấu, cái hộc, từ trong đống thóc xúc ra hai ba hộc. Nay Tát-giá Ni-kiền tử này cũng như thế. Thưa Thế Tôn, ví như trưởng giả giàu c6, nhiêu của cải5 bông phạm tội, tát cả tài vật đêu bi nhà vua tịch thu. Tát-giá Ni-kiền tử cũng như vậy, có bao nhiêu tài biện luận đều bị Như Lai thu tóm hết. Ví như ở ven thành ấp, làng xóm, có dòng sông: Trai gái, lớn nhỏ đều nô đùa trong nước; họ bắt con cua bẻ gãy chân rồi thả cua trên đất. Vì không có chân nên con cua không thể trở lại dòng sông. Tát-giá Ni-kiền tử cũng như the, các tài biện luận đều bị Như Lai bẻ gãy, tuyệt nhiên không dám trở lại cùng với Như Lai đoi địch luận nghị. LÚC đó?

Tát-giá Ni-kiên tử vô cùng giận dữ, măng chửi Ly-xa Đột-mục-khư: Ong là đô ngu ngóc, không biêt gì cũng lên tiêng, ta tự luận nghị với Sa- môn Cù-đàm nào có can dự gì đen ông? Tát-giá Ni-kiền tử mắng nhiếc Đột-mục-khư xong, bạch Phật: Gác lời nói của tên hạ tiện qua một bên? riêng tôi có điều cần hỏi. Phật bảo Tát-giá Ni-kiền tử: Ông cứ hỏi, Ta sẽ giải đáp theo câu hỏi. Cù-đàm vì các đệ tử thuyêt pháp như thê nào đê lìa nghi hoặc. Phật bảo Hỏa Chủng cư sĩ: Ta vì các đệ tử nói: "Những gì thuộc về sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô tế, hoặc đẹp xấu, hoặc xa gần. Tất cả đêu quán sát như thật, chăng phải ngã, chăng khác ngã, chăng ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.,^ Cái học ấy chắc chắn thấy được dấu đạo, không dứt mất, có thể thành tựu được tri kiến, nhàm lìa, giữ pháp môn giải thoát, tuy chăng phải tát cả đêu được cứu cánh nhưng hướng về Niết-bàn. Như thế các đệ tử theo giáo pháp của Ta, được lìa nghi hoặc. Lại hỏi: Thưa Cù-đàm9 Ngài dạy như thế nào khiến các đệ tử nơi Phật pháp được sạch hết các lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, ở trong pháp hiện tại tự

biết chứng đắc: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau" Phật bảo Hỏa Chủng cư sĩ: Chính do pháp này, những gì thuộc về sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần, r • v?... * 9 . ọ . tát cả đêu biêt như thật chăng phải ngã, chăng khác ngã, chăng ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Người kia khi ấy thành tựu ba thứ vô thượng: Trí vô thượng, giải thoát vô thượng, giải thoát tri kiến vô thượng; thành tựu được ba thứ vô thượng rồi, đối với bậc Đạo su, cung kính, tôn trọng, cúng dường chư Phật Thế Tôn giác ngộ tất cả pháp, đem pháp này điều phục đệ tử, làm cho họ an ổn, không sợ hãi, điều phục, tịch tĩnh, cứu cánh Niết-bàn. Thế Tôn vì Niết-bàn an lạc nên nói pháp cho các đệ tử. Này Hỏa Chủng cư sĩ, đệ tử của Ta ở trong pháp này được sạch hết các lậu hoặc, được tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ở trong pháp hiện tại tự biết chứng đắc: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Tát-giá Ni-kiền tử bạch Phật: Thưa Cù-đàm, cũng như một người khỏe mạnh bị những mũi dao nhọn rơi loạn xạ vào mình còn có thể tránh khỏi, nhưng đoi với thủ thuật luận nghị của Cù-đàm thật khó có thể thoát khỏi. Như con rắn đầy nọc độc có thể tránh được, như lửa dữ trong cánh đồng hoang còn có thể tránh được, như voi say hung ác còn có thể tránh, như sư tử đói cuồng nộ, tất cả đều có thể tránh được; chứ đối với thủ thuật luận nghị của Sa-môn Cù-đàm thật khó có thể thoát khỏi, đâu phải như luận thuyết tầm thường, quê kệch, thiếu sót của tôi. Vì muốn luận nghị nên tôi đi đến chỗ Cù-đàm. Thưa Sa-môn Cù-đàm, tại đất nước Tỳ-xá-ly phong phú, an lạc này, có tháp miếu Giá-ba-lê, Tát-yêm-la-thọ? tháp miếu Đa Tử, Cù-đàm ở tại tháp miếu Câu-lậu-đà? Ba-la Thọ Trì, Xả-trọng-đảm, Lực Sĩ Bảo Quan, Thế Tôn nên an vui ở lại nước Tỳ-xá-ly này, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, và những người thế gian luôn luôn đối với Thế Tôn rất cung kính, phụng sự, cúng dường khiến cho chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn5 Bà-la-môn luôn luôn được an lạc. Xin Ngài hãy dừng lại nơi đây, sáng mai cùng với đại chúng thọ dụng bữa cơm đạm bạc của con. Bấy giờ9 Thế Tôn im lặng nhận lời. Tát-giá Ni-kiền tử

biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời, tỏ vẻ vui mừng tùy hỷ, rời chỗ ngồi đứng lên rồi ra về. Đi dọc đường, Tát-giá Ni-kiền tử bảo với các Ly-xa: Ta đã mời Sa-môn Cù-đàm cùng đại chúng cúng dường bữa ăn? các người mỗi người phải lo sửa soạn thức ăn đem đến chỗ của ta. Các Ly-xa mỗi người trở về nhà sửa soạn thức ăn, sớm đem đến nhà của Ni-kiền tử. Tát-giá Ni-kiền tử sáng sớm quét dọn, trải bàn, để sẵn nước sạch, rồi sai người đến chỗ Phật, thưa rằng: “Thi giờ đã đến, xin Ngài biết cho.95

Khi ấy, Thế Tôn cùng với đại chúng đắp y,

Thờ lửa là hơn hết, Bà-tỳ-đế cao tột. e 9 ĩ

Các sông, biên lớn nhát, Các sáng, mặt trời hơn, Đăng Chánh Giác tôi thượng.

118 KINH TẠP A-HÀM

Khi ấy, Thế Tôn cùng với đại chúng đắp y,

Thờ lửa là hơn hết, Bà-tỳ-đế cao tột. e 9 ĩ

Các sông, biên lớn nhát, Các sáng, mặt trời hơn, Đăng Chánh Giác tôi thượng.

Như lời Thế Tôn dạy về hữu lưu. Thế nào gọi là hữu lim? Thế nào gọi là hữu lira diệt? Phật bảo La-đà: Câu hỏi của thầy hay lắm! Ta sẽ giải thích cho thầy. Gọi là hữu lưu, nghĩa là phàm phu ngu si vô học, đối với sắc tập, sắc diệt, sắc vị? sắc hoạn, sắc ly không biết như thật. Vì không biết như thật nên đối với sắc yêu thích, khen ngợi, giữ lay và dính mắc. Vì duyên yêu thích sắc nên thủ, duyên thủ nên hữu, duyên hữu nên sanh, duyên sanh nên có lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não tăng trưởng; như thế thuần đại khổ tụ tập khởi. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là hữu lưu. Đa văn Thánh đệ tử đối với sắc tập, sắc diệt, sắc vị? sắc hoạn, sắc ly biết như thật; lýiờ biết như thật nên đối với sắc kia không khởi yêu thích, khen ngợi, giữ lấy, đắm trước. Nhờ không yêu thích, khen ngợi, giữ lấy, đắm trước nên sắc ái diệt; ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão-bệnh-tử-iru-bi-khổ-não diệt; như thế thuần đại khổ tụ diệt. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là hữu lưu và hữu lưu diệt mà Như Lai đã nói. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 112 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật tru tại núi Ma-cau-la, lúc ấy có Tỳ-kheo thị giả tên là La-dà, buổi chiều sau giờ tọa thiền, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài, rồi ngồi qua một bên5 bạch Phật: Bạch Thế Tôn, như lời Thế Tôn dạy, biết sắc bị đoạn; biết thọ5 tưởng, hành, thức bị đoạn. Bạch Thế Tôn, thế nào là biết sắc bị đoạn? Biết thọ, tưởng, hành, thức bị đoạn? Phật bảo La-đà: Câu hỏi của thầy hay lắm! Ta sẽ vì thầy giảng noi. Đối với sắc, ưu-bi-khổ- não chấm dứt, lìa dục, hoàn toàn dứt bặt; đó gọi là biết sắc bị đoạn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức, ưu-bi-khổ-não chấm dứt, hoàn toàn dứt bặt, lìa dục. Đó gọi là biết thọ, tưởng, hành, thức bị đoạn. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 113 . x Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại núi Ma-câu-la, lúc ấy có Tỳ-kheo thi giả tên La-đà.

120 ! KINH TẠP A-HÀM

Khi ấy có chúng ngoại đạo xuất gia đi đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau chào hỏi, rồi lui ngồi một bên, hỏi Tôn giả La-đà: -Tại sao ông ở nơi Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? Tôn giả La-đà đáp: Tôi vì muốn dứt khổ nên đến chỗ Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh. Lại hỏi: Ông vì muốn dứt cái khổ nào mà đến chỗ Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? La-đà đáp: Vì tôi muốn dứt những cái khổ về sắc, nên đến chỗ Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh; vì muôn dứt những cái khô của thọ, tưởng, hành, thức nên tôi đên chỗ Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh. Các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả La-đà nói như thế trong lòng không vui; họ liền đứng dậy trách mắng rồi bỏ đi một mạch. Khi ấy Tôn giả La-đà biết họ đã đi khỏi, mới nghĩ thầm: "Ta vừa nói với họ như thế, không biết là có gì hủy báng Thế Tôn chăng? Như lời Phật mà nói chăng? Nói đúng như pháp, nói pháp và thứ pháp chăng? Sẽ không bị người khác gạn hỏi, trách móc đen nỗi phải rơi vào chỗ bi thua họ chng?" Buổi chiều hôm đó, sau khi tọa thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật, ngồi qua một bên, đem cuộc đối thoại trên thuật lại đầy đủ và bạch Phật: Bạch Thế Tôn, những lời con nói trước đây có sai lầm không? Chẳng biết có hủy báng Thế Tôn không? Không bị người khác gạn hỏi, trách móc đến nỗi bị thua họ chăng? Nói đúng như Phật nói chăng? Nói đúng như pháp, nói pháp và thứ pháp chăng? Phật bảo La-đà: Thầy nói lời thành thật, không có hủy báng Như Lai, nói đúng như lời Ta nói, nói đúng như pháp, nói pháp và thứ pháp. Vì cớ sao? Này La-đà, sắc là khổ, vì muốn dứt khổ kia nên xuất gia tu Phạm hạnh. Thọ, tưởng, hành, thức là khổ, vì muốn dứt cái khổ kia nên xuất gia tu Phạm hạnh. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 114 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại núi Ma-cau-la, lúc ấy có Tỳ-kheo thi giả tên La-đà. Ngày kia có các tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau chào hỏi, rồi lui ngồi một bên và hỏi Tôn giả La-đà:

KINH TẠPA-HÀM^ 121

Ông vì lý do nào mà đến chỗ Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? La-đà đáp: Tôi do biết khổ nên đến chỗ Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh. Các tu sĩ ngoại đạo nghe La-đà đáp như thế, tỏ vẻ bực bội, vội vàng đứng lên mạ lỵ rồi bỏ đi. Chiều lại, sau khi tọa thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật, ngồi lui một bên, đem cuộc đối thoại trên thuật lại đầy đủ và thưa: Bạch Thế Tôn, những lời vừa nói của con có hủy báng Thế Tôn không? Sẽ không khiến cho người khác gạn hỏi đến nỗi để rơi vào chỗ bị thua họ chăng? Không nói đúng như Phật nói, không nói đúng như pháp, nói pháp và thứ pháp chăng? Phật bảo La-đà: Thầy nói đúng chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến người khác gạn hỏi, trách móc đến nỗi phải bị thua họ9 nói đúng như pháp, nói pháp và thứ pháp. Vì cớ sao? Vì sắc là khổ, do biết cái khổ đó nen thầy đen chỗ Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Vì thọ, tưởng, hành, thức là khổ, do biết cái khổ đó nên thầy đến chỗ Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Phật nói kinh này xong,

Tỳ-kheo La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 115 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại núi Ma-câu-la, lúc ấy có Tỳ-kheo thị giả tên La-đà. Ngày kia có các ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau chào hỏi, rồi lui ngồi một bên, hỏi Tôn giả La-đà: Vì lý do gì ông đến chỗ Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? La-đà đáp: Vì đối với sắc muốn dứt sạch lo buồn, khổ não, vĩnh viễn hết sạch, lìa dục nên tôi đến chỗ Thế Tôn, xuất gia tu Phạm hạnh. Vì đối với thọ, tưởng, hành, thức muốn dứt sạch lo buồn, kho não9 vĩnh viễn hết sạch, lìa dục nên tôi đến chỗ Thế Tôn, xuất gia tu Phạm hạnh. Các tu sĩ ngoại đạo nghe những lời La-đà đáp, bực bội, đứng lên trách mắng rồi bỏ đi. Buổi chiều, sau giờ tọa thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Ngài, rồi lui ngồi một bên, đem cuộc đối thoại trên thuật lại đầy đủ và bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, con nói như thế là không hủy báng Thế Tôn chăng? Không khiến cho người khác đến gạn hỏi, trách móc, đến nỗi rơi vào chỗ bi thua họ chăng? Không nói đúng như lời Phật nói, không nói đúng như pháp, nói pháp và thứ pháp chăng?

Phật bảo La-đà: Thây nói đúng, không hủy báng Như Lai, không khiên cho người khác gạn hỏi, trách móc, đến nỗi phải bị thua họ, nói như lời Ta nói, nói đúng như pháp, nói pháp và thứ pháp. Vì sao? Này La-đà, sắc là ưu-bi-khổ-não9 vì muốn dứt khổ ấy nên thầy đến chỗ Như Lai, xuất gia tu Phạm hạnh. Thọ, tưởng, hành, thức là ưu-bi-khổ-não9 vì muốn dứt khổ ấy nên thầy đến chỗ Như Lai, xuất gia tu Phạm hạnh. Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 116 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại núi Ma-câu-la9 lúc ấy có Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà. Ngày kia có các tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả La-đà? cùng nhau chào hỏi, rồi lui ngồi một bên và hỏi Tôn giả La-đà: Vì sao ông đến chỗ Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? La-đà đáp: Đối với sắc thấy là ngã, ngã sở, ngã mạn, các sử ràng buộc, vì muốn dứt cái thấy này, lìa dục, tịch tịnh nên tôi đến chỗ Thế Tôn, xuất gia tu Phạm hạnh; vì muốn dứt những pháp này, lìa dục, tịch tịnh, không còn sót. Thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, ngã sở, ngã mạn, các sử trói buộc, vì muốn dứt những pháp này, lìa dục, tịch tịnh, không còn sót. Các tu sĩ ngoại đạo nghe lời này lấy làm không vui, đứng lên trách mắng rồi bỏ đi. Sau giơ tọa thiền buổi chiều, Tỳ-kheo La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Ngài, thuật lại đầy đủ cuộc đối thoại kia và bạch Phật: Bạch Thế Tôn, những lời nói của con có hủy báng Thế Tôn chăng? Không khiến cho người khác đến gạn hỏi, trách móc đến nỗi rơi vào chỗ bị thua họ chăng? Nói không đúng như Phật nói, nói không đúng như pháp, nói pháp và thứ pháp chăng? Phật bảo La-đà: La-đà nói đúng, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác đến gạn hỏi, đến nỗi rơi vào chỗ bị thua họ, nói đúng như lời Phật nói, nói đúng như pháp, nói pháp và thứ pháp. Vì sao? Vì đối với sắc thấy là ngã, ngã sở5 ngã mạn, các sử trói buộc, và muốn dứt những pháp này, lìa dục, tịch tịnh, không còn sót. Đoi với thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, ngã sở, ngã mạn, các sử trói buộc, vì muốn dứt những pháp này, lìa dục? tịch tịnh, không còn sót, nên thầy đến chỗ Như Lai, xuất gia tu Phạm hạnh.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 117 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại núi Ma-câu-la. Lúc ấy có Tỳ-kheo làm thị giả tên La- đà. Ngày kia có các tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau chào hỏi, rồi lui ngồi một bên và hỏi Tôn giả La-đà: Vì sao ông đến chỗ Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? La-đà đáp: Đôi với sác hữu lậu, chướng ngại, nhiệt não, ưu bi; vì muôn dứt sạch săc này, lìa dục, tịch tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, chướng ngại, nhiệt não, ưu bi; vì muốn dứt sạch những pháp này, lìa dục, tịch tinh, nên tôi đến chỗ Như Lai, xuất gia tu Phạm hạnh. Các tu sĩ ngoại đạo nghe lời này, lòng không vui, đứng lên trách mắng, rồi bỏ đi. Sau giờ tọa thiền buổi chiều, La-đà di đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật, thuật lại đầy đủ cuộc đối thoại kia và bạch: Bạch Thế Tôn, những lời nói của con không hủy báng Thế Tôn chăng? Không khiến người khác đến gạn hỏi, trách móc, đến nỗi rơi vào chỗ thua họ chăng? Không nói đúng như lời Phật nói, không nói đúng như pháp, nói pháp và thứ pháp chăng? Phật bảo La-đà: Thầy nói dúng, không hủy báng Như Lai. Vì cớ sao? sắc hữu lậu có chướng ngại, nhiệt não, ưu bi; vì muốn dứt sạch những pháp này. Thọ, tưởng, hành, thức có chướng ngại, nhiệt não, ưu bi; vì muốn dứt sạch những pháp này nên thầy đến chỗ Như Lai, xuất gia tu Phạm hạnh. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 118 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại núi Ma-câu-la. Lúc ấy, có Tỳ-kheo thị giả tên La-đà. Ngày kia có các tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau chào hỏi, rồi lui ngồi một bên và hỏi Tôn giả La-đà: Vì sao ông đến chỗ Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? La-đà đáp:

Vì đối với Sắc tham, sân, si; vì muốn dứt sạch pháp này, lìa dục; đối với thọ, tưởng, hành, thức tham, sân, si; vì muốn dứt sạch những pháp này, lìa dục, tịch tịnh nên tôi đến chỗ Như Lai, xuất gia tu Phạm hạnh. Chúng ngoại đạo nghe nói như thê, không vui, đứng dậy trách măng roi bỏ đi. Sau giờ tọa thiền buổi chiều, La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Ngài, ngồi qua một bên, thuật lại đầy đủ cuộc đối thoại trên và bạch: Bạch Thế Tôn, những lời nói của con có hủy báng Thế Tôn chăng? Có thể khiến cho người khác gạn hỏi, trách móc đến nỗi rơi vào chỗ bị thua họ chăng? Nói không đúng như lời Phật nói, nói không đúng như pháp, nói pháp và thứ pháp chăng? Phật đáp: La-đà nói đúng, không hủy báng Như Lai, không khiến cho người khác gạn hỏi, trách móc, đến nỗi rơi vào chỗ bị thua họ, nói đúng như lời Phật nói, nói đúng như pháp, nói pháp và thứ pháp. Vì cớ sao? Đối với sắc tham, sân, si; vì muốn dứt sạch những pháp này, lìa dục, tịch tịnh; đối với thọ, tưởng, hành, thức tham, sân, si; vì muốn dứt sạch những pháp này, lìa dục, tịch tịnh nên đến chỗ Như Lai, xuất gia tu Phạm hạnh. Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà sau khi khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 119 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại núi Ma-câu-la. Lúc ấy, có Tỳ-kheo thị giả tên La-đà. Ngày kia có các tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả La-đà, cùng nhau

chào hỏi, rồi lui ngồi một bên và hỏi Tôn giả La-đà: Vì sao ông đến chỗ Sa-môn Cù-đàm xuất gia, tu Phạm hạnh? Tôn giả La-đà đáp: Đôi với sác ưa muôn, yêu thích; vì muôn dứt sạch những pháp này, lìa dục, tịch tịnh; đoi với thọ, tưởng, hành, thức ưa muốn, yêu thích; vì muốn dứt sạch những pháp này, lìa dục, tịch tịnh, nên tôi đến chỗ Như Lai, xuất gia tu Phạm hạnh. Các tu sĩ ngoại đạo nghe lời này, không vui, đứng dậy trách mắng rồi bỏ đi. Sau giờ tọa thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Ngài rồi ngồi qua một bên, thuật lại cuộc đối thoại đầy đủ, rồi bạch Phật: Bạch Thế Tôn, lời nói của con có hủy báng Thế Tôn chăng? Không khiến người khác đến gạn hỏi, trách móc, đến nỗi rơi vào chỗ bị thua họ chăng? Không nói đúng như lời Phật, không nói đúng như pháp, không nói pháp và thứ pháp chăng?

KINH TẠPA-HÀM« 125

Phật bảo La-đà: Thầy nói chân thật, không hủy báng Như Lai, không khiến người khác đến gạn hỏi, trách móc, đến nỗi rơi vào chỗ bị thua họ5 nói đúng như lời Phật, nói đúng như pháp, nói pháp và thứ pháp. Vì sao? Đối với sắc ưa muốn, yêu thích; vì muốn dứt sạch những pháp này, lìa dục, tịch tịnh; đối với thọ, tưởng, hành, thức ưa muốn, yêu thích; vì muốn dứt sạch những pháp này, lìa dục, tịch tịnh nên thầy đến chỗ Như Lai, xuất gia tu Phạm hạnh. Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 120 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại núi Ma-câu-la. Lúc ấy, có Tỳ-kheo thị giả tên La-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà: Những gì thuộc về sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hay hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần, nên quán sát những pháp này đều do ma tạo tác. Những pháp thuộc thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vi lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần; tất cả những pháp này nên quán sát đều do ma tạo tác. Phật bảo La-đà: Sắc là thường hay vô thường? Bạch Thế Tôn, vô thường! Nếu vô thường thì khổ chăng? Bạch Thế Tôn, khổ! Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Phật lại hỏi: Này La-đà, nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy sắc là ngã, khác ngã, sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc chăng? Bạch Thế Tôn, không! Phật bảo La-đà: Đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này, không thấy là ngã, ngã sở, đối với các pháp thế gian không chấp thủ. Do không chấp thủ nên không dính mắc. Do không dính mắc nên tự giác Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau.” Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

126 % KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại núi Ma-câu-la. Lúc ấy, có Tỳ-kheo thị giả tên La-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo La-đà: Những gì thuộc về sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hay hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần; tát cả những pháp đó đêu là pháp chết. Những gì thuộc về thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vi lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần; tất cả những pháp ấy đều là ph(chết. Phật bảo La-đà: Sắc là thường hay vô

thường? Bạch Thế Tôn, vô thường! Nếu vô thường là khổ chăng? Bạch Thế Tôn, là khổ! Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? Bạch Thế Tôn, vô thường! Phật lại hỏi: Nếu vô thường là khổ chăng? Bạch Thế Tôn, là khổ! Vô thường, khổ, là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong ấy thấy là ngã? khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Bạch Thế Tôn, không! Phật bảo La-đà: Nêu đa văn Thánh đệ tử đôi với năm thọ âm này quán sát như thật chăng phải ngã, ngã sở thì đoi với các pháp thế gian không chấp thủ. Do không chấp thủ nên không dính mắc. Do không dính mắc nên tự giác Niết-bàn: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 122

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại núi Ma-câu-la. Lúc ấy5 có Tỳ-kheo thị giả tên La-đà bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, nói là chúng sanh. Sao gọi là chúng sanh?

KINH TẠPA-HÀM ! 127

Phật bảo La-đà: Đối với sắc, đắm nhiễm triền miên thì gọi là chúng sanh; đối với thọ, tưởng, hành, thức, đắm nhiễm triền miên thì gọi là chúng sanh. Phật lại bảo La-đà: Ta nói đối với năm cảnh giới sắc là tan hoại, tiêu diệt; đối với cảnh giới thọ, tưởng, hành, thức là tan hoại, tiêu diệt; đoạn trừ ái dục, ái sạch thì khổ 9 • •

dứt, khô dứt Ta nói là giải thoát. Ví như trong xóm làng có bé trai, bé gái chơi đùa, nhóm đất, rồi làm ra thành quách, nhà cửa, khởi tâm yêu thích, dính mắc, yêu thích chưa dứt, tham muốn chưa sạch, niệm chưa bỏ, khao khát chưa trừ, tâm quá ưa thích nên giữ gìn, cho là thành quách của mình, nhà cửa của mình. Nếu đối với đống đất kia, yêu thích dứt, tham muốn sạch, niệm hết? lòng khát ngưỡng hết rồi thì chúng nó sẽ dùng tay hất, chân đạp, khiến cho các thứ kia tan nát. Như thê, này La-đà? đôi với sác tan hoại, tiêu diệt sự yêu thích, ái sạch thì khổ dứt, khổ dứt Ta nói là giải thoát. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 123 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại núi Ma-câu-la. Lúc ấy, có Tỳ-kheo thị giả tên La-đà, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên và bạch Phật: Lành thay, xin Thế Tôn vì con lược nói pháp yếu, sau khi nghe pháp con sẽ một mình tại chỗ vắng, sống không buông lung, chuyên tâm tư duy về lý do khiến cho người dòng quý phái cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, tinh tấn tu các Phạm hạnh, thấy pháp tự biết tác chứng: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà: Lành thay! La-đà có thể ở trước Phật hỏi điều này! Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì thầy giảng nói! La-đà nên biết, có thân, có thân tập, có thân diệt, có thân diệt đạo tích. Những gì là có thân? Nghĩa là năm thọ ấm: sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ âm. Thế nào là có thân tập? Nghĩa là tương lai có đủ ái, tham, hỷ? mỗi mỗi ưa thích. Đó gọi là có thân tập. Thế nào là có thân diệt? Nghĩa là ái, hỷ9 tham, mỗi mỗi ưa thích dứt sạch, không còn sót, lìa dục, tịch tịnh. Đó gọi là có thân

diệt.

128 KINH TẠPA-HÀM

Thế nào là có thân diệt đạo tích? Đó là bát chánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là có thân diệt đạo tích. Đối với thân nên biết, đối với thân tập nên đoạn, đối với thân diệt nên chứng, đối với thân diệt đạo tích nên tu. Này La-dà, nếu đa văn Thánh đệ tử, đối với thân hoặc biết, hoặc đoạn; đối với thân tập hoặc biết, hoặc đoạn; đối với thân diệt hoặc biết, hoặc chứng; đôi với thân diệt đạo tích hoặc biết, hoặc tu rồi, đó gọi là quán sát đoạn dứt ái, lìa ái, chuyển kiết sử, dừng kiêu mạn, cứu cánh giải thoát. Tỳ-kheo La-đà nghe lời Phật dạy, vui mừng, cung kính phụng hành, từ chỗ ngồi đứng dậy, làm lễ lui về. Thế Tôn dạy như thế rồi, Tỳ-kheo La-đà một mình tại chỗ vắng, chuyên tinh tư duy về lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo; vi ấy càng thêm tinh tấn tu các Phạm hạnh, thấy pháp, tự biết tác chứng: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau", thành A-la-hán, tâm hoàn toàn giải thoát. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 124 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại núi Ma-câu-la. Lúc ấy, có Tỳ-kheo thi giả tên La-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo La-đà: Những gì có sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần, nên quán tất cả những sắc đó đều là ma. Thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tê, hoặc đẹp xâu, hoặc xa gân, nên quán tát cả những pháp ấy đều là ma. Này La-dà, ý thầy thế nào, sắc là thường hay vô thường? Bạch Thế Tôn, vô thường! Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch thì đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã chăng? Bạch Thế Tôn, không! Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Thế nên La-đà, đa văn Thánh đệ tử đối với sắc sanh nhàm chán; đối với thọ5 tưởng, hành, thức sanh nhàm chán. Vì nhàm chán nên không ưa thích, không ưa thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiên: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM) 129

KINH SỐ 125 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại núi Ma-câu-la. Lúc ấy, có Tỳ-kheo thi giả tên La-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà: Những gì thuộc về sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc đẹp xấu, hoặc xa gần; tất cả những pháp đó đều do ma tạo tác. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Phật bảo La-đà: Ý thầy thế nào, sắc là thường hay vô thường? Bạch Thế Tôn, vô thường! Nếu vô thường là khổ chăng? -Bạch Thế Tôn, là khổ! Phật lại hỏi: Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? Bạch Thế Tôn, vô thường! Nếu vô thường là khổ chăng? -Bạch Thế Tôn, là khổ! Phật bảo La-đà: Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch thì đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Bạch

Thế Tôn, không! Thê nên La-đà, đa văn Thánh đệ tử đôi với sác sanh nhàm chán, vì nhàm chán nên không ưa thích, không ưa thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc can làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Kinh thứ ba cũng như thế, điểm khác tò): Phật bảo La-đà: "Ba văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, sau khi quán sát các pháp thê gian đêu không châp thủ; vì không châp thủ nên không dính mắc; vì không dính mắc nên tự giác Niết-bàn: 'Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cân làm đã làm xong, tự biêt không còn thọ thân sau.'" Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 126 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại núi Ma-câu-la. Lúc ấy, có Tỳ-kheo thi giả tên La-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà: Những gì thuộc về sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc đẹp xấu, hoặc xa gàn; tất cả những pháp ấy nên quán là pháp chết; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như the (ngoài ra như đã nói ở trước). (Tương tự như bài kinh 125 trêri).

KINH SỐ 127 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại núi Ma-câu-la. Lúc ấy, có Tỳ-kheo thị giả tên La-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà: Những gì thuộc vê sác hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc đẹp xấu, hoặc xa gần, nên quán tất cả những pháp ấy là pháp đoạn diệt; thọ? tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như thê, đôi với sác sanh tâm nhàm chán; đôi với thọ, tưởng, hành, thức sanh tâm nhàm chán. Vì nhàm chán nên không ưa thích; vì không ưa thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc can làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau.” Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như quán sát pháp đoạn dứt, quán sát pháp diệt cũng như thế, quán sát pháp xả, quản sát pháp vô thường, quản sát pháp kho, pháp không, quán sát pháp vô ngã, quán sát pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, quán sát pháp bệnh, quán sát pháp ung nhọt, quán sát pháp gai nhọn, quản sát pháp giết hại, quán sát pháp giêt hại căn bản; các kỉnh như thê đêu nói như bài kinh trên).

KINH SỐ 128 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại núi Ma-câu-la. Lúc ấy, có Tỳ-kheo thi giả tên La-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà: Những gì thuộc về sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tê, hoặc đẹp xấu, hoặc xa gần, nên quán tất cả những pháp ấy là pháp đoạn dứt. Sau khi đã quán sát, đối với sắc dục tham đoạn dứt, dục tham đoạn dứt roi, ta nói tâm hoàn toàn giải thoát. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như thế, mười bổn kỉnh cũng nói như trêri).

KINH TẠPA-HÀM* 131

KINH SỐ 129 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại núi Ma-câu-la. Lúc ấy, có Tỳ-kheo thi giả tên La-đà. Bấy giờ? Thế Tôn bảo La-đà: Những gì thuộc về sắc hoặc quá khứ,

hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần; tất cả pháp ấy nên quán là pháp đoạn diệt. Quán sát đối với pháp đoạn diệt rồi, đối với sắc đoạn dục tham. Ta nói tâm được giải thoát. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 130 Tôi nghe như vây: Một thơi, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Muốn đoạn dứt năm thọ ấm, nên cầu Đại sư. Những gì là năm? Đó là sắc thọ ấm, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Muốn đoạn dứt năm thọ ấm này, nên cầu Đại sư. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giống như bài kinh nên đoạn dứt, những bài kinh nên biết, nên nhàm chán, nên dứt, nên bỏ, cũng lại như thê. Giông như câu Đại sư, câu bậc thây sáng suôt, bậc thây thuận theo thứ lớp, bậc thông suốt, bậc thông suốt rộng rãi, bậc thông suốt tất cả, bậc hướng dẫn, bậc hướng dẫn rộng rãi, bậc hướng dẫn rốt ráo, bậc thuyết giảng rộng rãi, bậc thuyết giảng theo thứ lớp, bậc chơn chánh, bạn hữu, chơn tri thức, người gan gũi, người thương xót, người cứu giúp, người đảng kính, người an ủi, người đáng mếnf người đáng tiếp xúc, người an ủi, người nhiệt tình, người tinh tấn, người khéo lẻo, người siêng năng, người dũng mãnh, người kiên cố, người mạnh mẽf người nhan nhục, người chăm chỉ, người tâm không thoi lui, người giữ gìn chặt chẽ, người huân tập, người không buông lung, người hòa hợp, người suy xét, người nhớ nghĩ, người hiểu, người biết, người sảng suốt, người trí tuệ, người lãnh thọ, người tư duyf người Phạm hạnh, người được niệm xứ, người được chánh cần, người được như ỷ túc, người được ngũ cănf người được ngũ lực, người được giác phần, người được đạo phần, người được chỉ, người được quản, người được niệm thân, người được chánh ức niệmf cũng lại như vậy).

KINH SỐ 131 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu Sa-môn, Bà-la-môn tập cận theo sắc thì bị lệ thuộc theo ma, rơi vào tay ma, theo ý muốn của ma, bị ma trói buộc, không thoát khỏi sự trói buộc của ma. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nếu Sa-môn9 Bà-la-môn không tập cận theo sắc thì Sa-môn, Bà-la-môn như thế không bi lệ thuộc theo ma, không rơi vào tay ma, không theo ý muốn của ma, thoát khỏi sự trói buộc của ma. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ĩ r _r (Như thê, người thân cận, người đăm trước, người thích thú, người đăm trước sâu đậm, người dừng nghỉ, người sai sử, người qua lại, người chọn lựa, người không buông xả, người không nhàm chán đoi với sắc, các Sa-mônf Bà- ỉa-môn như the bi lệ thuộc theo ma như trên nói).

KINH SỐ 132 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Nêu có các Sa-môn, Bà-la-môn đôi với sác không tập cận, thời không bị lệ thuộc theo ma, không rơi vào tay ma, không theo ý muôn của ma, không bi ma trói buộc, thoát khỏi sự trói buộc của ma; không tập cận thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau

khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Cho đến nhàm chán các sắc cũng lại như thể).

KINH SỐ 133 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, cái gì thấy ngã khiến chúng sanh bị vô minh che lấp, ái trói buộc ngã trước tiên, đường dài rong ruổi, sanh tử luân hồi, lưu chuyển trong sanh tử, không biết cội gốc? Các Tỳ-kheo bạch Phật:

KINH TẠP A-HÀM 133

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là chỗ nương tựa của pháp. Lành thay, bạch Thế Tôn! Cúi xin Ngài thương xót nói rộng nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ, phụng hành. Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Này các Tỳ-kheo, sắc hiện hữu, nên các việc về sắc dấy khởi, sắc trói buộc, dính mắc, thay ngã, khiến chúng sanh bị vô minh che lấp, bi ái trói buộc, đường dài rong ruổi, sanh tử luân hôi, liru chuyên trong sanh tử. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo5 sắc là thường hay vô thường? Bạch Thế Tôn, vô thường! Nếu vô thường là khổ chăng? -Bạch Thế Tôn, là khổ! Phật dạy: Như thế, này các Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ, vì cái khổ này có nên dấy khởi các việc, trói buộc, dính mắc, thấy ngã, khiến chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, đường dài sanh tử rong ruổi, lưu chuyển trong sanh tử? Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thế nên, này các Tỳ-kheo, những gì thuộc về sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc đẹp xấu, hoặc xa gần, tất cả thứ ây chăng phải ngã, chăng khác ngã và chăng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Như thế, thấy, nghe, hiểu biết, mong muôn, tùy theo nghĩ nhớ, tùy theo giác quán, tát cả thứ ây chăng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Nếu chấp rằng có ngã, có thế gian, có đời này, pháp thường hằng, không biến đổi thì biết tất cả thứ ấy chẳng phải là ngã, chẳng khác ngã và chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Nếu lại có chấp rằng chẳng phải cái ngã này, chẳng phải ngã sở này, chẳng 9 r < 9

phải ngã tương lai, chăng phải ngã sở tương lai thì biêt tát cả thứ ây chăng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Nếu đa văn Thánh đệ tử đối với sáu kiến xứ này quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở; người quán như thế đối với Phật dứt hết hoài nghi, đối với Pháp, đối với Tăng đoạn dứt hoài nghi, đó gọi là Tỳ-kheo đa văn Thánh đệ tử không còn tạo nghiệp thân, miệng, ý đưa đên ba đường ác, khiên cho buông lung. Đa văn Thánh đệ tử quyết định hướng đến Chánh giác, bảy lần qua lại trời, người, được thoát kho. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

134 KINH TẠP A-HÀM _____

KINH SỐ 134 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. _ Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: (Nói rộng như trên, chỉ sai khác là): Đa văn Thánh đệ tử đối với sáu kiến xứ này quán sát chẳng phải ngã, chẳng

phải ngã sở, quán sát như thế, quán sát như thế đối với khổ, hoài nghi đoạn dứt; đối với tập, diệt, đạo, hoài nghi đoạn dứt. Đó gọi là Tỳ-kheo đa văn Thánh đệ tử không còn tạo nghiệp thân, miệng, ý đưa đến ba đường ác, như thế, nói rộng cho đến thoát khổ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 135 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: (Nói rộng như trên, chỉ có sai khác tó): Nêu đa văn Thánh đệ tử, đôi với sáu kiến xứ này, quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở; người quán sát như thế, đối với Phật không còn hoài nghi, đối với Pháp, Tăng, khổ, tập, diệt, đạo, đoạn dứt hoài nghi, như thế nói rộng cho đến thoát khổ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 136 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Từ đâu có việc này? Chỗ nào khởi? Chỗ nào trói buộc, dính mắc? Từ đâu thấy ngã, khiến chúng sanh kia bị vô minh che lấp, bi ái trói buộc, đường dài rong ruổi, sanh tử luân hồi, lưu chuyển sanh tử, không biết cội gốc? Các Tỳ-kheo bạch Phật: The Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là chỗ nương tựa của pháp. Lành thay, The Tôn! Cúi xin Ngài thương xót, nói rộng nghĩa này, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ, phụng hành. Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Này các Tỳ- kheo, sắc hiện hữu nên những việc về sắc dấy khởi, đối với sắc bị trói buộc, dính mác, nơi săc thây ngã? khiên chúng sanh bị vô minh che lâp, bị ái trói buộc,

KINH TẠPA-HÀM 135

đường dài rong ruổi, sanh tử luân hồi, lưu chuyển sanh tử; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường? Bạch Thế Tôn, vô thường! Nếu vô thường là khổ chăng? -Bạch Thế Tôn? là khổ! Phật dạy: Như thế, này các Tỳ-kheo, nếu vô thường là khổ, vì cái khổ này có nên các việc dấy khởi, trói buộc, dính mắc, thấy ngã, khiến chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, đường dài rong ruổi, sanh tử luân hồi, lưu chuyển sanh tử? Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thế nên, này các Tỳ-kheo, những gì thuộc về sắc hoặc quá khứ, hoặc vi lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tê, hoặc tót xâu, hoặc xa gân thì tát cả chăng phải ngã, chăng khác ngã, chăng ở trong nhau. Quán sát như thê gọi là chánh tuệ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Như thế, thấy, nghe, hay, biêt, mong câu được, theo nhớ nghĩ, theo giác quán, tát cả những pháp áy đêu không phải ngã, chẳng khác ngã và chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Nêu có chap răng có ngã, có đời này, có đời khác, có thường, có hăng, không biến đổi thì biết tất cả những thứ ấy chẳng phải ngã, chẳng khác ngã và chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Nếu có chấp rằng chẳng phải ngã này, chẳng phải ngã sở này, chẳng phải cái ngã tương lai, chăng phải cái ngã sở tương lai thì biêt tát cả đêu chăng phải ngã, chang khác ngã và chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Nêu đa văn Thánh đệ tử đôi với sáu kiên xứ này quán sát chăng phải ngã, chẳng phải ngã sở, quán sát như thế đối với Phật, Pháp, Tăng dứt sạch hoài nghi, đó gọi là Ty-kheo không còn tạo nghiệp thân, miệng, ý đưa đến ba đường ác. Giả sử có buông lung thì các Thánh đệ tử đều quyết đinh hướng về Chánh giác, bảy lần qua

lại cõi trời, cõi người, đạt đến bờ mé cuối cung của sự khổ. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 137 (Kinh thứ hai cũng như thế, chỉ có sai khác là: Đổi với kho, tập, diệt, đạo, dứt sạch hoài nghí).

KINH SÒ 138 (Kinh thứ ba cũng như thếf chỉ có sai khác là: Đổi với Phật, Pháp, Tăng, dứt sạch hoài nghi; đối với khổ, tập, diệt, đạo, dứt sạch hoài nghí).

136 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Do cái gì c6, cái gì khởi, cái gì trói buộc, cái gì dính mắc, cái gì thấy ngã, nếu chưa khởi ưu-bi-khổ-não thì khiến cho khởi; đã khởi ưu-bi-khổ-não càng tăng trưởng thêm? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là chỗ nương tựa của pháp, xin Ngài nói rộng nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ, phụng hành. Phật bảo các Tỳ-kheo: Do sắc hiện hữu nên sắc dấy động, sắc trói buộc, dính mắc nên nơi sắc thấy ngã, chưa khởi ưu-bi-khổ-nẫo khiến cho khởi; đã khởi, mi-bi-khổ-não lại khiến cho tăng trưởng. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo5 ý các thầy nghĩ sao, sắc là thường hay vô thường? Bạch Thế Tôn, vô thường! Nếu vô thường là khổ chăng? Bạch Thế Tôn? là khổ! Phật dạy: Như thế, này các Tỳ-kheo? nếu vô thường là khổ, vì cái khổ này có nên dấy khởi các việc trói buộc, dính mắc và thấy ngã. Nếu chưa khởi ưu-bi-khổ- não thì khiến cho khởi; đã khởi ưu-bi-khổ-não lại khiến cho tăng trưởng. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thế nên, này các Tỳ-kheo5 những gì thuộc về sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai hay hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tê? hoặc tót xâu, hoặc xa gân, tát cả thứ ấy chẳng phải ngã, chẳng khác ngã và chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nêu hoặc thây, nghe, hay, biêt, khởi mong câu, nhớ nghĩ, tùy giác, tùy quán thì tất cả thứ ấy chẳng phải ngã, chẳng khác ngã và chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Nếu thấy có ngã, có thế gian, có đời này, có đời khác, thường hằng, không biến đổi thì biết tất cả thứ ấy đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã và chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Nếu có chấp chẳng phải ngã đời này, chẳng phải ngã sở đời này, chẳng phải ngã tương lai, chẳng phải ngã sở tương lai thì biết tất cả thứ ấy chẳng phải ngã, chăng khác ngã và chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Nếu đa văn Thánh đệ tử đối với sáu kiến xứ này, quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở; người quán sát như thế đối với Phật không còn hoài nghi,

KINH TẠP A-HÀM 137

đối với Pháp, Tăng dứt sạch hoài nghi. Đó gọi là Tỳ-kheo đa văn Thánh đệ tử không còn tạo nghiệp thân, miệng, ý đưa đến ba đường ác. Giả sử có buông lung thì Thánh đệ tử quyết đinh hướng về Chánh giác, bảy lần qua lại cõi trời, cõi người, đạt đến bờ mé tận cùng của sự khổ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 140 (Kinh kê tiêp cũng như thêf chỉ sai khác là: Đôi với khô, tập, diệt, đạo, dứt sạch hoài nghí).

KINH SỐ 141 (Kinh này cũng vây, chỉ có sai khác là: Đổi với Phật, Pháp, Tăng, khổ, tập, diệt, đạo, dứt sạch hoài nghí).

KINH SỐ 142 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. rị Á • \ r-pl Á rp/X 19 r ryi y *1 l Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Do cái gì có? cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã, mà ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, dính mắc chưa khởi khiến cho khởi; ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, dính mắc đã khởi lại khiến cho tăng trưởng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thê Tôn là góc của pháp, là con mat của pháp, là chô nương tựa của pháp, (như thế nói rộng cho đến Phật nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành).

KINH SỐ 143-144 (Hai kinh này cũng nói tương tự như kỉnh trên).

KINH SÒ 145 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. r r Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã, mà hữu lậu chướng ngại, thiêu đốt, ưu-bi-khổ-não chưa khởi thì sanh khởi; và hữu lậu chướng ngại, thiêu đốt, ưu-bi-khổ-não đã khởi lại càng tăng trưởng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là chỗ nương tựa của pháp. (Như the nói rộng lan lượt như ba kinh trên).

KINH SỐ 146

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

r r r

Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mác, cái gì thây ngã khiên ba thọ ở thế gian chuyển sanh?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp.

(Như the nói rộng theo thứ lớp như ba kỉnh trên).

KINH SỐ 147

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

Do cái gì có? cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến ba khổ chuyển sanh ở thế gian?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp.

(Như the nói rộng theo thứ lớp như ba kinh trêrỉ).

KINH SỐ 148 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến cho tám pháp ở the gian chuyển sanh? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp. (Như the nói rộng theo thứ lớp như ba kinh trên).

KINH SỐ 149 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM^ 139

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do cái gì c6, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: "Ta hơn, ta bằng, ta kEm"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp. (Như thế nói rộng theo thứ lớp như ba kinh trên).

KINH SỐ 150 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: "C6 người hơn ta, có người bằng ta, có người kém ta” Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thê Tôn là góc của pháp, là con mat của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (theo thứ lớp như ba kinh trên).

KINH SỐ 151 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mac, cái gì thây ngã khiên các chúng sanh khởi ra cái thây như vây, nói như vây: "Không có người hơn ta, không có người bang ta, không có người kém ta"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như the, nói rộng theo thứ lớp như ba kinh trên).

KINH SỐ 152 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, Thê Tôn bao các Tỳ-kheo: Do cái gì c6, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính măc? cái gì thây ngã khiên các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: “C6 ta, có đời này, có đời khác, là pháp thường hằng, không biến đổi, an trụ như vay"?

140 KINH TẠPA-HÀM

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như the, nói rộng theo thứ lớp như ba kinh trên).

KINH SỐ 153 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Thê Ton bảo các Ty-kheo: Do cái gì c6, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mac, cái gì thây ngã khiên các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: "Nhu thế ta và người không hai, không khác, không diet"? Các Ty-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như the, nói rộng theo thứ lớp như ba kỉnh trên).

KINH SỐ 154 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Do cái gì c6, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến các chúng sanh khởi ra cái thây như vây, nói như vây: "Không bô thí, không chúng hội, không nói; không có nghiệp báo, đường lành, đường ác; không có đời này, đời khác; không có cha mẹ? không có chúng sanh; không có thế gian, không có A-la-hán thẳng đến, hướng đến, như đời này, đời khác, thấy pháp tự biết, thân an trụ, tác chứng đầy đủ: 'Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc can làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau'"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như thế, theo thứ lớp nói rộng như ba kinh trên).

KINH SỐ 155 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: "Không sức lực, không tinh tân, không sức lực tinh tấn; không người phương tiện; không người tinh cân, không người phương tiện tinh cần; không tự tác, không tha tác; không tự

tha tác; tất cả người, tất cả chúng sanh, tất cả thần, không phương tiện, không sức lực, không thế lực, không tinh tấn, không kham nhẫn, định phần tương tục chuyển biến, chịu khổ vui sáu đường"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thê Tôn là góc của pháp, là con măt của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như the, theo thứ lớp nói rộng như ba kinh trêrỉ).

KINH SỐ 156 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do cái gì c6, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: "Các chúng sanh sống ở đời, sau khi chết tiêu mất, không còn gì; con người do bốn đại hòa hợp, khi thân hoại mạng chung, đất trô về đất, nước trở về nước, lửa trở về lửa, gió trở về gió, các căn trở về không; nằm trên giường, đệ tử bốn người khiêng người chết đưa đến gò mả, cho đến chưa thiêu đốt có thể hay biết, thiêu đốt xong, xương cốt sắc trắng như chim bồ câu, người kia kiêu mạn biết bố thí, người có chút trí tuệ biết lãnh thọ; nếu cho là có thì tất cả những thứ ấy đều là lời nói dối trá, hư vọng, hoặc ngu hoặc trí, sau khi chết qua đời khác đều đoạn dứt, hoặc mất không còn gi"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như thế, theo thứ lớp nói rộng như ba kinh trên).

KINH SỐ 157 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kneo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mac, cái gì thây ngã khiên các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: "Không nhân, không duyên, chúng sanh phiền nW? Các Ty-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như thế, theo thứ lớp nói rộng như ba kinh trên).

KINH SỐ 158 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Ky.dà, trong vườn cấp Cô Độc.

142 * KINH TẠPA-HÀM

f-v Á _ • nnl- Á r-in 2 _ / _ rr-ī \ 1 1 Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: "Không nhân, không duyên, chúng sanh thanh tjnh" Các Ty-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (nhu the, theo thứ lớp nói rộng như ba kinh trên).

KINH SỐ 159 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mac, cái gì thây ngã khiên các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: "Không nhân, không duyên, chúng sanh không biết, không thấy"? Các Ty-kheo bạch Phật: Thê Tôn là góc của pháp, là con mat của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như thef theo thứ lớp nói rộng như ba kỉnh trên).

KINH SỐ 160 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: ... Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thê Tôn là góc của pháp, là con mat của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như the, theo thứ lớp nói rộng như ba kinh trên).

KINH SỐ 161 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: "Bảy thân chẳng phải tạo tác, chăng phải được tạo tác; chăng phải hóa, chăng phải được hóa; chắc thật, chẳng giết, chẳng động. Những gì là bảy? Đó là thân đất, thân nước, thân lửa,

KINH TẠPA-HẢM^ 143

thân gió, khổ vui, mạng. Bảy loại thân này chẳng tạo tác, chẳng bị tạo tác; chẳng hóa, chăng bi hóa, chác thật; chăng giêt5 chăng động, chăng chuyên, chăng biên, chăng bức bách nhau; hoặc phước, hoặc ác, hoặc phước ác; hoặc khổ, hoặc vui, hoặc khổ vui. Kẻ mạnh mẽ? kẻ đứng đầu cũng không bức bách thế gian, hoặc mạng, hoặc thân, trong khoảng bảy thân, đao đâm qua lại cũng không hại mạng; ở nơi đó không giết, không người giết, không trói buộc, không người trói buộc, không nghĩ nhớ, không người nghĩ nhớ, không dạy, không người dạy"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như thếf nói rộng theo thứ lớp như ba kinh trên).

KINH SỐ 162 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do cái gì c6, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: “Làm, xúi làm; đoạn mạng, xui đoạn mạng; nau, xui nau; giet, xui giet; sát hại

chung sanh, trộm của người, hành tà dâm, biết mà nói doi, uống rượu; khoét vách, bẻ khóa, cướp đoạt; lại hại người dân dọc đường, trong thôn xóm, thành phố, dùng dao bén cắt, chặt, xẻo, làm thành đống thịt lớn. Học như thế, điều đó chẳng phải nhân duyên ác, cũng chẳng phải chiêu vời điều ác. ở phía Nam sông Hang giết hại rồi bỏ đi; ở phía Bắc sông Hằng mở đại hội rồi đi. Hai việc đó chẳng phải la nhân duyên phước hay ác, cũng chẳng phải chiêu vời phước hay ác. Ra ân bố thí, điều phục giữ gìn, làm lợi ích, đồng lợi ích. Đối với những việc làm này cũng chẳng phải là tạo phu&c"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như the, nói rộng theo thứ lớp như ba kinh trêri).

KINH SỐ 163 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mac, cái gì thây ngã khiên các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: "Đối với mười bốn trăm ngàn sanh môn, sáu mươi ngàn một trăm lẻ năm nghiệp, ba nghiệp, hai nghiệp, một nghiệp, nửa nghiệp; sáu mươi hai dấu đạo, sáu mươi hai nội kiếp, một trăm hai mươi nê-lê9 một trăm ba mươi căn; ba mươi sáu cõi tham; bốn mươi

chín ngàn loại rông, bôn mươi chín ngàn loại Kim Si điêu; bôn mươi chín ngàn ngoại đạo tà mạng, bốn mươi chín ngàn ngoại đạo xuất gia; bảy kiếp tưởng, bảy kiếp vô tưởng; bảy a-tu-la, bảy tỳ-xá-giá? bảy trời, bảy người, bảy trăm người; bảy mộng, bảy trăm mộng; bảy hiểm, bảy trăm hiểm; bảy giác, bảy trăm giác; sáu sanh, mười tăng tấn, tám đại sĩ địa. Đối với tám vạn bốn ngàn đại kiêp này hoặc ngu hoặc trí trải qua lai vãng cùng tận khổ. Nơi đó không có Sa-môn, Bà-la-môn khởi nói như sau: 6Ta thường giữ giới, chịu những khổ hạnh, tu các Phạm hạnh, nghiệp chưa thuần thục khiên cho thuân thục, nghiệp đã thuân thục thì buông xả9 tiến thoái không thể biết, thường sống trong cái khổ vui này, sanh tử có hạn lượng, nhất định. Ví như ống chỉ ném lên hư không, dần dần rơi xuống đến đất thì dừng, như thế tám vạn bốn ngàn đại kiếp sanh tử có hạn lượng nhất định cũng như t+“, Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thê Tôn là góc của pháp, là con mat của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như thếf nói rộng theo thứ lớp như ba kỉnh trên).

KINH SỐ 164 Tôi nghe như vày: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: "Gi6 không thổi, lửa không cháy, nước không chảy, tên không ban, mang thai không sanh, sữa không bổ; mặt trời mặt trăng hoặc mọc, hoặc lặn, hoặc sáng, hoặc tối, chẳng thể biết"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như thế, nói rộng theo thứ lớp như ba kỉnh trêrì).

KINH SỐ 165 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như

vầy: “Dại Phạm Tự Tại này tạo tác, tự nhiên, là cha của chúng sanh"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: ỉ r ,

Thê Tôn là góc của pháp, là con mat của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như thê, nói rộng theo thứ lớp như ba kinh trên).

KINH TẠPA-HÀM 145

KINH SỐ 166 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: “Sắc là ngã, ngoài ra là hư vọng; phi sắc là ngã, ngoài ra là hư vọng; sắc phi sắc là ngã, ngoài ra là hư vọng; phi sắc phi vô sắc là ngã, ngoài ra là hư vọng; ngã hữu biên, ngoài ra là hư vọng; ngã vô biên, ngoài ra là hư vọng; ngã hữu biên vô biên, ngoài ra là hư vọng; ngã phi hữu biên phi vô biên, ngoài ra là hư vọng; ngã một tưởng, nhiều thứ tưởng, nhiều tưởng, vô lượng tưởng, ngã thuần vui, thuần khổ, hoặc khổ, vui, hoặc không khổ không vui, ngoài ra là hư vQng"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như thế, nói rộng theo thứ lớp như ba kinh trên).

KINH SỐ 167 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: "Sắc là ngã, ngoài ra là hư vọng; phi sắc phi vô sắc là ngã, ngoài ra là hư vọng; ngã hữu biên, ngoài ra là hư vọng; ngã vô biên, ngoài ra là hư vọng; ngã phi hữu biên, phi vô biên, ngoài ra là hư vọng; ngã một tưởng, nhiêu thứ tưởng, ít tưởng, vô lượng tưởng, ngã thuần vui, thuần khổ, hoặc khổ5 vui, hoặc không khổ không vui"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như the nói rộng theo thứ lớp như ba kinh trêrì).

KINH SỐ 168 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mc, cái gì thây ngã khiên các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: "Ngã, thế gian là thường; ngã, thế gian vô thường; ngã, thế gian thường vô thường; ngã, thế gian chẳng

146 KINH TẠP A-HÀM

phải thường chẳng phải vô thường; ngã, thế gian hữu biên; ngã, thế gian vô biên; ngã, thế gian hữu biên vô biên; ngã, thế gian phi hữu biên phi vô biên; mạng tức là thân; mạng khác thân khác; Như Lai sau khi chét là có; Như Lai sau khi chết là không; Như Lai sau khi chết vừa có vừa không; Như Lai sau khi chết chẳng phải vừa có vừa kh6ng"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như thếf nói rộng theo thứ lớp như ba kinh trên).

KINH SỐ 169 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do cái gì c6, cái gì khởi, cái gì trói

buộc, dính măc? cái gì thây ngã khiên các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: "Thế gian, ngã là thường; thế gian, ngã là vô thường; thế gian, ngã thường vô thường; thế gian, ngã phi thường phi vô thường; ngã khổ là thường; ngã kho vô thường; ngã kho thường vô thường; ngã kho phi thường phi vô thường; the gian, ngã là tự tác; the gian, ngã là tha tác; the gian, ngã là tự tác tha tác; the gian, ngã chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, chẳng phải tự, chẳng phải tha, vồ nhân tác; thế gian, ngã khổ tự tác; the gian, ngã kho tha tác; thế gian, ngã kho tự tác, tha tác; the gian, ngã khổ chẳng phải tự, chẳng phải tha, vô nhân tác"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như thế, nói rộng theo thứ lớp như ba kỉnh trên).

KINH SỐ 170 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. r _ r Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: "Nếu không có ngũ dục vui thh thì được thấy pháp Bát-niết-bàn. Nếu lìa pháp bất thiện, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, nhập Sơ thiền cho đến đệ Tứ thiền, là đệ nhất nghĩa Niếi-bàn - Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như thế, nói rộng theo thứ lớp như ba kỉnh trên).

KINH TẠP A-HÀM 147

KINH SỐ 171 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do cái gì có, cái gì khởi, cái gì trói buộc, dính mắc, cái gì thấy ngã khiến các chúng sanh khởi ra cái thấy như vầy, nói như vầy: "Nếu sắc thô tứ đại hoại diệt không còn gì, đó là ngã thực sự đoạn diệt. Nếu ngã Dục giới hoại diệt, sau khi chết không còn gì, đó gọi là ngã thực sự đoạn diệt. Nếu ngã sắc giới, sau khi chết hoại diệt, không còn gì, đó gọi là ngã thực sự đoạn diệt. Nếu được Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, ngã sau khi chết hoại diệt không còn gi, đó gọi là ngã thực sự đoạn diet'? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thêr Tôn là góc của pháp, là con mat của pháp, là nơi nương tựa của pháp, (như thê, nói rộng theo thứ lớp như ba kỉnh trên).

KINH SỐ 172 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kneo: Nếu pháp là vô thường, nên đoạn dứt; đoạn dứt pháp ấy rồi được nhiều Sự lợi ích và luôn luôn được an lạc. Pháp gì là vô thường? Đó là sác vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 173 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kneo: Nếu pháp quá khứ là vô thường, nên đoạn dứt; đoạn dứt pháp ấy rồi được nhiều lợi ích và luôn luôn được an lạc. Thế nào là pháp quá khứ vô thường? sắc quá khứ là pháp vô thường, dục quá khứ là pháp vô thường. Pháp ấy nên đoạn dứt, đoạn dứt pháp ấy rồi được nhiều lợi ích và luôn luôn được an lạc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, các

Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Vị lai, hiện tại, quá khứ; hiện tại vỉ lai, hiện tại quả khứ; vi lai quả khứ, vi lai hiện tại cũng nói như trêrỉ).

148 . KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kneo: Vì dứt pháp vô thường nên phải cầu Đại sư. Thế nào là pháp vô thường? Nghĩa là, sắc là pháp vô thường. Vì muốn dứt pháp ấy nên phải cầu Đại sư; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Quá khứ, vi lai, hiện tại; hiện tại vị lai, hiện tại quá khứ, vị lai quả khứ, vỉ lai hiện tại; phải nên cầu Đại sư, Tám kinh như thế. Những lời dạy tùy thuận, rộng rãi, khắp hết, hướng dẫn rộng rãi, hướng dẫn rốt ráo, nói rộng, nói tùy thuận. Người bạnr chơn tri thức thứ hair đong ỷf thương xót, trọng nghĩa, trọng 9

an ủif đáng tiêp xúc, thích an ôn, nhiệt thành, tinh tânf khéo léo, phương tiện rộng rãi, phương tiện nhan nhục, ben chắc, mạnh mẽ, tám điều dũng mãnh nơi thân, dũng mãnh điều phục, nhiếp thọ thường học, tu không buông lung, tư duy niệm giác, trí tuệ sảng suốt, biện biệt, suy xét Phạm hạnh, như ỷ, niệm xứ, chánh cần, cănf lực, giác đạo, chỉ quán, niệm thân, chảnh ức niệm; mỗi thứ tám kỉnh cũng nói như trên, như nghĩa đoạn, như the như nghĩa biết, nghĩa dứt sạch, như trên, như nghĩa đoạn, như the như nghĩa biết, nghĩa dứt sạch, nghĩa nhàm chán, nghĩa dừng nghỉ, nghĩa buông xả, cũng như thế),

KINH SỐ 175 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Ví như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa The Tôn, phải nôn nóng, mau chóng tìm phương cách để dập tắt. Phật bảo các Tỳ-kheo: Đầu, áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên, lửa dữ vô thường phải đoạn trừ, dứt sạch. Vì đoạn trừ lửa vô thường nên phải cần cầu Đại sư. Vì đoạn trừ những pháp vô thường gì nên cần cầu Đại sư? Đó là đoạn sắc vô thường nên cần cầu Đại sư; đoạn thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên cần cầu Đại sư. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giông như bài kỉnh đoạn vô thường, quá khứ vô thường, vi lai vô thường, hiện tại vô thường, quá khứ vị lai vô thường, quả khứ hiện tại vô thường, vị lai hiện tại vô thường, quả khứ vị lai hiện tại vô thường; như thế tám kỉnh ví dụ như cứu lửa chảy đau nói rộng như trên, phải cần cầu Đại sư cũng như thế. cầu

KINH TẠPA-HÀM« 149

những lời dạy, tùy thuận dạy, nói rộng như trên, như nghĩa đoạn dứt, cũng lại như vậy; nghĩa biết, nghĩa dứt sạch, nghĩa nhàm chán, nghĩa dừng nghỉ, nghĩa buông xả, nghĩa diệt, nghĩa dứt bặt cũng lại như vầy).

KINH SỐ 176 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Vì đoạn vô thường nên tu nội thân, thân quán trụ. Những gì là pháp vô thường? Đó là săc vô thường; vì đoạn nó nên sống tùy thuận, tu quán nội thân trên thân. Thọ, tưởng, hành, thức vô thường cũng như thế;

vì đoạn chúng nên sống tùy thuận, tu quán nội thân trên thân. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giống như vô thường, sắc quá khứ vô thường, sắc vị lai, sắc hiện tại; sắc quá khứ vỉ lai, sắc quả khứ hiện tại, sắc vi lai hiện tại; sắc quá khứ vi lai hiện tại vô thường cũng như thế, vì đoạn nó, nên sống tùy thuận, tu quản nội thân trên thân. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Giống như song tùy thuận, tu quán nội thân trên thân, tám thứ như thế, ngoại thân thân quán, nội ngoại thân thân quán; nội thọ thọ quản, ngoại thọ thọ quán, nội ngoại thọ thọ quán; nội tâm tâm quán, ngoại tam tâm quán, nội ngoại tâm tam quản; nội pháp pháp quán, ngoại pháp pháp quán, nội ngoại pháp pháp quản; moi thứ tam kinh cũng nói như thê, Như nghĩa đoạn dứt vô thường, tu bôn niệm xứ; nghĩa biêt, nghĩa dứt sạch, nghĩa nhàm chán, nghĩa dừng nghỉ, nghĩa buông xả, nghĩa diệt, nghĩa dứt bặt, phải tùy thuận tu bon niệm xứ cũng nói như trèn).

KINH SỐ 177 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, phải làm thế nào để cứu chữa? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn? phải nôn nóng, mau chóng tìm phương cứu chữa, dập tắt! Phật bảo các Tỳ-kheo: Đầu, áo bị đốt còn có thể tạm quên, lửa dữ vô thường phải nên dứt sạch. Vì đoạn lửa vô thường, nên sống tùy thuận tu quán nội thân trên thân. Làm sao để đoạn dứt lửa vô thường, sống tùy thuận tu quán nội thân trên thân? Nghĩa là sắc vô thường, vì đoạn dứt sắc nên sống tùy thuận tu quán nội thân trên thân. Thọ, tưởng, hành, thức vô thường, vì đoạn những pháp này, nên sông tùy thuận tu quán nội thân trên thân.

(Nói rộng cho đến) Phật nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành). (Như vô thường, quá khứ vô thường, vi lai vô thường, hiện tại vô thường; quá khứ vị lai vô thường, quá khứ hiện tại vô thườnệ, vị lai hiện tại vô thường; quá khứ, vi lai, hiện tại vô thường cũng như the. Giong như tám kinh song quán nội thân trên thân, như the tám kỉnh quán ngoại thân trên thân, tám kinh quản nội ngoại thân trên thân đều nói như trên. Như hai mươi bôn kinh nói vê thân niệm xứ; hai mươi bôn r kỉnh nói vê thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ cũng nói như trên. Giông như chín mươi kinh về đoạn dứt vô thường, chín mươi kinh về nên biết, nên nhàm chán, nên dứt sạch, nên dừng nghỉ, nên buông xấf nên diệt, nên dứt bặt, mỗi mỗi đều như vậy)-

KINH SỐ 178

_ .

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo:

Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, phải làm sao cứu chữa?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, phải nôn nóng, tìm phương cách cứu chữa, dập tắt!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

A e r 9

Bâu, áo bị đót cháy còn có thê tạm quên, lửa dữ vô thường phải nên dứt sạch. Vì đoạn lửa dữ vô thường nên pháp ác, bất thiện đã sanh sẽ được đoạn, khởi ý muốn tinh tấn, nhiếp tâm khiên cho tăng trưởng. Do đoạn những pháp vô thường gì mà pháp ác, bất thiện đã sanh sẽ được đoạn, khởi ý muốn tinh tấn, nhiếp tâm, tăng trưởng? Nghĩa là đoạn sắc vô thường; đoạn thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên pháp ác5 bất thiện đã sanh được đoạn, khởi ý muốn, tinh tấn, nhiếp tâm, tăng trưởng. (Nói rộng cho đền) Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giông như tám kinh vê vô thường, quá khứ vô thường, vỉ lai vô thường, hiện tại vô thường; quá khứ vỉ lai vô thường, quả khứ hiện tại vô thường, vi lai hiện tại vô thường; quá khứ vị lai hiện tại vô thường cũng nói như trên. Giong như kỉnh nói về những pháp ác, bất thiện đã sanh nên đoạn, như thế các pháp ác, bất thiện chưa sanh khiến đừng sanh, pháp thiện chưa sanh khiến sanh, pháp thiện đã sanh thì khiển cho tăng trưởng, khởi ỷ muốn, phương tiện, khiến tâm tăng trưởng, khởi ỷ muốn phương tiện nhiếp tâm tăng trưởng cũng nói như trên. Như ba mươi hai kinh ve đoạn dứt vô thường, như the nên biết, nên nhàm chán, nên dứt sạch, nên dừng nghỉf nên buông xả, nên diệt, nên dứt bặt, mỗi moi đều nói rộng như trên).

KINH TẠP A-HÀM 151

KINH SỐ 179 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, làm thế nào cứu chữa và dập tắt? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch The Tôn, phải nôn nóng, mau chóng tìm phương tiện cứu chữa, dập tắt! Phật bảo các Tỳ-kheo: Bầu, áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên, lửa dữ vô thường phải nên dứt sạch. Vì đoạn dứt lửa vô thường nên tu dục định đoạn hành thành tựu như ý túc. Vậy phải đoạn những pháp vô thường gì? Nghĩa là phải đoạn sắc vô thường, phải đoạn thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu dục định đoạn hành thành tựu như ý túc. (Như thế nói rộng cho đến) Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giông như kỉnh nói vê vô thường, tám kỉnh nói vê quả khứ vô thường, vi lai vô thường, hiện tại vô thường; quá khứ vị lai vô thường, quả khứ hiện tại vô thường, vị lai hiện tại vô thường; quả khứ vi lai hiện tại vô thường cũng nói như trên. Giống như kinh nói về tu dục đinh, ba mươi hai kinh nói về tu tinh tân định, , ỷ định, • tư duyr đinh cũng như thê. Giông như ba mươi hai kinh nói vê J r

phải đoạn dứt; như thê ba mươi hai kỉnh nói vê nên biêt, nên nhàm chán, nên dứt sạch, nên dừng nghỉ, nên buông xả, nên diệt, nên dứt bặt mỗi mỗi kinh đều nói như trêri).

KINH SỐ 180 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, phải làm thế nào để cứu chữa? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, phải nôn nóng, mau chóng tìm phương cách cứu chữa, dập tắt! Phật bảo các Tỳ-kheo: Đầu, áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên, lửa dữ vô thường phải nên dứt sạch. Vì đoạn lửa dữ vô thường, nên tu tín căn. Vậy đoạn dứt những pháp vô

thường gì? Nghĩa là phải đoạn dứt sắc vô thường; phải đoạn dứt thọ, tưởng, hành, thức vô thường, nên tu tín căn. (Như thế nói rộng cho đến) Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giống như kỉnh nói về vô thường, kinh nói về quả khứ vô thường, vỉ lai vô thường, hiện tại vô thường; quá khứ vi lai vô thường, quá khứ hiện tại vô thường, vi lai hiện tại vô thường; quá khứ vị lai hiện tại vô thường cũng nói như trên. Như tám kinh nói về tín căn, tám kinh nói về tu tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng nói như trên. Như bôn mươi kinh nói vê đoạn dứt, bôn mươi kinh nói về nên biết, nên nhàm chán, nên dứt sạch, nên dừng, nên buông xả, nên diệt, nên dứt bặt, đều nói như trên).

KINH SỐ 181 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, phải làm thế nào để cứu chữa? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch The Tôn, phải nôn nóng, mau chóng tìm phương tiện cứu chữa, dập tắt! Phật bảo các Tỳ-kheo: Bâu, áo bị đót còn có thê tạm quên, lửa dữ vô thường phải nên đoạn dứt. Vì muốn đoạn dứt lửa dữ vô thường phải tu tín lực. Như vậy đoạn dứt pháp vô thường gì phải tu tín lực? Nghĩa là đoạn dứt sắc vô thường phải tu tín lực; đoạn dứt thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên phải tu tín lực. (Như thê nói rộng cho đên) Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giông như kỉnh nói vê vô thường, tám kinh nói vê quả khứ vô thường, vi lai vô thường, hiện tại vô thường; quả khứ vỉ lai vô thường, quả khứ hiện tại vô thường, vi lai hiện tại vô thường; quá khứ vi lai hiện tại vô thường, cũng nói như trên. Giông như tín lực, cũng vậy tám kinh nói vê tinh tân lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, cũng nói như trên. Giống như bon mươi kỉnh nói ve đoạn dứt, bon mươi kinh nói ve nên biết, nên nhàm chán, nên dứt sạch, nên dừng nghí, nên xả, nên diệt, nên dứt bặt, moi mỗi đều nói như trên).

KINH SỐ 182 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠP A-HÀM 153

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, phải làm thế nào để cứu chữa? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch The Tôn, phải nôn nóng, mau chóng tìm phương tiện cứu chữa, dập tắt! Phật bảo các Tỳ-kheo: Đầu, áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên, lửa dữ vô thường phải nên dứt sạch. Vì muốn đoạn dứt lửa dữ vô thường nên phải tu niệm giác phần. Vậy đoạn những pháp vô thường gì mà phải tu niệm giác phần? Nghĩa là đoạn sắc vô thường nên phải tu niệm giác phần; đoạn thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên phải tu niệm giác phan. (Như thế nói rộng cho đếrì) Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giống như kinh nói về vô thường, quá khứ vô thường, vi lai vô thường, hiện tại vô thường; quả khứ vi lai vô thường, quá khứ hiện tại vô thường, vi lai hiện tại vô thường; quá khứ vị lai hiện tại vô thường, đều nói như trên. Như tám kinh nói về niệm giác phần, tám kinh nói về trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, từ giác

phần, xả giác phần, định giác phần, mỗi mỗi cũng nói như trên. Như năm mươi sáu kinh nói ve nên đoạn dứt, năm mươi sáu kinh nói ve nên biết, nên dứt sạch, nên dừng nghỉ, nên xả, nên diệt, nên dứt bặt, moi môi cũng đêu nói như trên).

KINH SỐ 183 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như có người bi lửa đốt cháy đầu và áo, phải làm sao để cứu chữa? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Phải nôn nóng, mau chóng tìm phương tiện cứu chữa, dập tắt! Phật bảo các Tỳ-kheo: Đầu, áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên, lửa dữ vô thường phải nên dứt sạch. Vì đoạn lửa vô thường nên phải tu chánh kiến. Vậy đoạn pháp vô thường gì nên tu chánh kiến? Đoạn dứt sắc vô thườnệ nên tu chánh kiến; đoạn dứt thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu chánh kiến. (Như thế nói rộng cho đến) Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giống như kỉnh nói về vô thường, kinh nói về quả khứ vô thường, vi lai vô thường, hiện tại vô thường; quá khứ vị lai vô thường, quá khứ hiện tại vô

thường, vị lai hiện tại vô thường; quá khứ vi lai hiện tại vô thường cũng nói như thế. Giống như tám kỉnh nói ve chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chảnh niệm, chảnh định, môi môi cũng đểu nói như trên. Giống như sáu mươi bốn kỉnh nói về nên đoạn, như the sáu mươi bon kinh nói về nên biết, nên nhàm chán, nên dứt sạch, nên dừng nghí, nên xả, nên diệt, nên dứt bặt, mỗi mỗi cũng nói như thế).

KINH SỐ 184 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo9 phải làm thế nào để cứu chữa? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, phải nôn nóng, mau chóng tìm phương tiện cứu chữa, dập tắt! Phật bảo các Tỳ-kheo: Đầu, áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên, lửa dữ vô thường phải dứt sạch, không còn sót. Vì đoạn lửa dữ vô thường nên phải tu khổ, tập, diệt, đạo. Vậy đoạn dứt những pháp vô thường gì nên phải tu khổ, tập, diệt, đạo? Nghĩa là đoạn dứt sắc vô thường phải tu khổ, tập, diệt, đạo; đoạn dứt thọ, tưởng, hành, thức vô thường phải tu khổ, tập, diệt, đạo. (Như thế nói rộng cho đến) Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như kinh nói vê vô thường, tám kỉnh nói vê quả khứ vô thường, vi lai vô thường, hiện tại vô thường; quá khứ vi lai vô thường, quá khứ hiện tại vô thường, vi lai hiện tại vô thường; quá khứ vị lai hiện tại vô thường cũng nói như trên. Như tám kinh ve kho, tập, diệt, đạo; tám kinh nói ve kho tận đạo, lạc phi tận đạo, lạc tận đạo, cũng nói như trên. Như ba mươi hai kỉnh nói về nên đoạn, ba mươi hai kinh nói ve nên biết, nên nhàm chán, nên dứt sạch, nên dừng nghỉ, nên xả, nên diệt, nên dứt bặt, môi kỉnh cũng nói như trên).

KINH SỐ 185

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, phải làm thế nào để cứu chữa?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

KINH TẠPA-HÀM 155

Bạch Thế Tôn, phải nôn nóng, mau chóng tìm phương tiện cứu chữa, dập tắt! Phật bảo các Tỳ-kheo: Dâu, áo bị đót cháy còn có thê tạm quên, lửa dữ vô thường phải dứt sạch, không còn sót. Vì đoạn lửa vô thường nên phải tu pháp cú không tham. Đoạn những pháp vô thường gì nên phải tu pháp cú không tham? Nghĩa là đoạn sắc vô thường phải tu pháp cú không tham; đoạn thọ? tưởng, hành, thức vô thường phải tu pháp cú không tham. (Như thế nói rộng cho đến) Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như kinh về vô thường, tám kinh nói về quả khứ vô thường, vỉ lai vô thường, hiện tại vô thường; quá khứ vi lai vô thường, quá khứ hiện tại vô thường, vị lai hiện tại vô thường; quá khứ vị lai hiện tại vô thường, cũng nói như trên, Như tam kinh nói về tu pháp củ vô tham, tám kinh nói về tu các pháp cú vô tham, vô sân, vô si, môi môi cũng nói như trên. Như hai mươi bôn kinh nói vê nên đoạn, hai mươi bon kinh nói ve nên biết, nên nhàm chán, nên dứt sạch, nên dừng nghỉ, nên xả, nên diệt, nên dứt bặt, moi moi cũng nói như trên).

KINH SỐ 186 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. , - Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, phải làm thế nào để cứu chữa? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thê Tôn, phải nôn nóng, mau chóng tìm phương tiện đê cứu chữa, dập tắt! Phật bảo các Tỳ-kheo: Đầu, áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên, lửa dữ vô thường phải nên dứt sạch, không còn sót. Vì dứt sạch lửa dữ vô thường nên phải tu chỉ. Vậy đoạn những pháp vô thường gì nên phải tu chỉ? Nghĩa là đoạn dứt sắc vô thường phải tu chỉ; đoạn thọ, tưởng, hành, thức vô thường phải tu chỉ. (Như thế nói rộng cho đến) Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như kinh nói về vô thường, tám kỉnh nói về quả khứ vô thường, vi lai vô thường, hiện tại vô thường; quá khứ vị lai vô thường, quả khứ hiện tại vô thường, vị lai hiện tại vô thường; quá khứ vi lai hiện tại vô thường, cũng nói như trên. Như tám kỉnh nói ve tu chí, tám kinh nói ve tu quán cũng nói như trên. Như mười sáu kinh nói ve nên đoạn dứt, nên biết, nên nhàm chán, nên dứt sạch, nên dừng nghỉ, nên xả, nên diệt, nên dứt bặt, moi moi cũng nói như trên).

156 KINH TẠPA-HÀM

Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần. Tất cả những thứ ấy chẳng phải ngã, chẳng khác ngã và chẳng ở trong nhau, biết như thật; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đa văn Thánh đệ tử chánh quán như thế đôi với sác sanh nhàm chán; đối với thọ, tưởng, hành, thức sanh nhàm chán. Nhàm chán rồi sẽ không còn ưa thích, vì không ưa thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như kinh nói vê vô thường, đôi với dao động, xoay vân, gây yêu, bệnh hoạn, phá hoại, dật dờ, hủ bại, nguy đốn,

không hằng, không em, biến đổi, khổ não, tai họa, ma tà, ma the, ma khỉ, như bọt, như bóng, như cây chuối, như huyễn, như hóa, yếu kém, tham đắm, đánh giết, đao kiếm, tật đổ, tàn sát, tổn giảm, suy hao, trói buộc, đánh đập, ghẻ chóc, ung thư, mũi nhọn, phiền não, trách phạt, che giấu lỗi lầm, buồn rầu, lo lắng, ác tri thức, khổ, không, chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, oan gia vây bủa, phi nghĩa, chẳng an on, nhiệt não, không che, không cho, khôn^ giấu, không nương, không bảo hộ, pháp sanh, pháp già, pháp bệnh, pháp chết, pháp ưu bi, pháp kho não, pháp vô lực, pháp yếu kém, pháp không the muốn, pháp dụ dan, pháp trưởng dưỡng, cỏ pháp kho, có pháp giết, có pháp não, có pháp nhiệt, có pháp tướng, có pháp suy, có pháp thủ, có pháp thâm hiếm, pháp nan sáp, pháp bất chánh, pháp hung bạo, pháp có tham, pháp có sần, pháp có si, pháp không trụ, pháp đốt cháy, pháp trở ngại, pháp tai ương, pháp tập, pháp diệt, pháp khúc xương, pháp khúc thịt, pháp cam đuốc, pháp hâm lửa, như răn độc, như mộngf như vay mượn, như trái cây, như đô têf như kẻ giết người, như sương bám, như đầm nước, như dòng nước cuộn, như sợi dệt, như bánh xe đạp nước, như nhảy nhót, như bình độc, như thâm độc, như hoa độc, như trái độc, phiền não vang động; cũng như the). Như thế, Tỳ-kheo... nên diệt, nên dứt bặt, phải tu chỉ quán. Đoạn dứt những pháp gì? Quá khứ, vị lai, hiện tại, vô thường... dứt bặt? tu chỉ quán. Nghĩa là đoạn sắc quá khứ, vi lai, hiện tại, vô thường... dứt bặt, nên tu chỉ quán. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thế nên những gì thuộc về sác hoặc quá khứ, vị lai hay hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa ^ần. Tất cả thứ ấy chẳng phải là ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau, biêt như thật; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy đối với sắc sanh nhàm chán, đối với thọ, tưởng, hành, thức sanh nhàm chán. Do nhàm chán nên không ưa thích, do không ưa thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM^ 157

KINH SỐ 187 Tôi nghe như vây: Một

KINH TẠPA-HÀM^ 157

KINH SỐ 187 Tôi nghe như vây: Một

158 KINH TẠPA-HÀM _____

Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nên chơn chánh quán sát mắt là vô thường, người quán sát như thế gọi là chánh kiến, chơn chánh quán sát nên sanh ra nhàm chán, do nhàm chán nên lìa hỷ, lìa tham. Do lìa hỷ, lìa tham, Ta nói là tâm chánh giải thoát. Như thế, tai, mũi, lưỡi, thân, ý lìa hỷ? lìa tham; do lìa hỷ tham, Ta nói là tâm chánh giải thoát. Người tâm chánh giải thoát có thể tự biết trước: "Su sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như vô thường, kho, không, vô ngã cũng nói như thẽ).

KINH SỐ 189 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Đối với mắt nên chơn chánh tư duy, quán sát vô thường. Vì sao? Vì đối với mắt chơn chánh tư duy, quán sát vô thường thì đối với mắt, dục tham đoạn dứt; do dục tham đoạn dứt nên Ta nói tâm chánh giải thoát. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý chánh tư duy quán sát nên dục tham đoạn dứt; người dục tham đoạn dứt Ta nói tâm chánh giải thoát. Này các Tỳ-kheo, như thế người tâm chánh giải thoát có thể tự biết trước: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 190 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu người đối với mắt không phân biệt, không biết, không đoạn dứt, không lìa dục, ắt hẳn không chơn chánh sạch hết khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo, đối với mắt hoặc biết, hoặc phân biệt, hoặc đoạn, hoặc lìa dục thì có thể thật sự sạch hết khổ não. Ai đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý hoặc phân biệt, hoặc đoạn dứt, hoặc lìa dục thì có thể thật sự sạch hết khổ não. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠP A-HÀM 159

KINH SỐ 191 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu người đối với mắt hoặc không phân biệt, hoặc không biết, hoặc không đoạn, không lìa dục thì không thê vượt khỏi khô, sanh, già, bệnh, chét. Người đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý không biết, không phân biệt, không đoạn dứt, không lìa dục thì không thể vượt khỏi khổ, sanh, gi/ bệnh, chết. Này các Tỳ-kheo5 người đối với sắc hoặc biết, hoặc phân biệt, hoặc đoạn dứt, hoặc lìa dục thì có thê vượt khỏi khô, sanh, già, bệnh, chét. Người đôi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý hoặc biết, hoặc phân biệt, hoặc đoạn, hoặc lìa dục thì có thể vượt khỏi khổ, sanh, già, bệnh, chết. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 192 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu người đối với mắt không lìa dục5 tâm không giải thoát thì không thể chơn chánh sạch hét khô. Người đôi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý không lìa dục, tâm không giải thoát thì không thể chơn chánh sạch hết khổ. Này các Tỳ-kheo, người đối với mắt và sắc lìa dục, tâm được giải thoát thì có thể chơn chánh sạch hết khổ. Nếu người đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lìa dục, tâm được giải thoát thì có thể chơn chánh sạch hết khổ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 193 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu người đối với mắt và sắc không lìa dục, tâm không giải thoát thì không thể vượt khỏi khổ, sanh, già, bệnh, chết. Người đối với tai, mũi? lưỡi, thân, ý không lìa dục, tâm không giải thoát thì không thể

vượt khỏi khổ, sanh, già, bệnh, chết. Này các Tỳ-kheo? nếu người đối với mắt và sắc lìa dục, tâm được giải thoát thì có thể vượt khỏi khổ, sanh, già, bệnh, chết. Người đối với tai, mũi, lưỡi, thân ý lìa dục, tâm được giải thoát thì có thể vượt khỏi khổ, sanh, già, bệnh, chết. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy? hoan hỷ phụng hành.

160 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá~vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nêu người đôi với mát sanh hoan hỷ thì đôi với khô cũng sanh hoan hỷ. Nêu người đôi với khô sanh hoan hỷ thì Ta nói người ấy không giải thoát khỏi khổ. Nếu người đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý sanh hoan hỷ thì đối với khổ cũng sanh hoan hỷ. Người đối với khổ sanh hoan hỷ thì Ta nói người ấy không giải thoát khỏi khổ. Này các Tỳ-kheo? nếu người đối với mắt không sanh hoan hỷ thì đối với kho cũng không sanh hoan hỷ. Người đoi với kho không sanh hoan hỷ? Ta nói người này giải thoát khỏi khổ. Người đối với tai, mũi, lưỡi, thân, y không sanh hoan hỷ thì đôi với khô không sanh hoan hỷ. Người đối với khô không sanh hoan hỷ, Ta nói người ấy giải thoát khỏi khổ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 195 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Tất cả đều vô thường. Thế nào là tất cả đều vô thường? Nghĩa là sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh thọ biết khổ, biết vui, biết không khổ không vui, những pháp đó cũng vô thường. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như thế đối với mắt sanh nhàm chán. Nếu đối với sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh cảm thọ5 biết khổ, biết vui, biêt không khổ không vui. Đối với những pháp đó, người ấy sanh nhàm chán. Tai, mũi? lưỡi, thân, ý; thanh, hương, v] xúc, pháp, ý và thức, ba sự hòa hợp thành ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh cảm thọ, biết khổ, biết vui, biết không khổ không vui. Đối với những pháp đó người kia cũng sanh nhàm chán. Do nhàm chán nên không ưa thích, do không ưa thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiên: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như thê kinh vô thường, khôf không, vô ngã cũng nói như vây).

KINH SỐ 196 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM^ 161

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Tất cả đều là vô thường. Thế nào là tất cả vô thường? Nghĩa là mắt vô thường. Đối với sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp sanh nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, những pháp đó cũng vô thường. Như thế, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; đối với pháp, ý và thức, ba sự hòa hợp thành ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ hoặc khổ,

hoặc vui, hoặc không khổ không vui, những thứ đó cũng vô thường. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như thế đối với mắt được giải thoát. Đối với sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ kho, vui, hoặc không kho không vui, người kia được giải thoát. Như thế, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; pháp, ý và thức, ba sự hòa hợp thành ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, người kia cũng được giải thoát. Ta nói người kia giải thoát khỏi sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. r r ọ r (Như nói tát cả là vô thường, tát cả là khô, tát cả là không, tát cả là vô ngã, tất cả pháp hư dối, tất cả pháp phá hoại, tất cả pháp sanh, tất cả pháp g0tất cả pháp bệnh, tát cả pháp chét, tát cả pháp buôn râu, tát cả pháp phiên não, tát cả pháp tận, tát cả pháp diệt, tát cả pháp biêt, tát cả pháp phân biệt, tát cả pháp đoạn trừ, tất cả pháp giác, tất cả tác chứng, tất cả ma, tất cả ma thế lực, r r r r r r \ tát cả ma khỉ cụ, tát cả thiêu đót, tát cả cháy bùng, tát cả đót chảy, thảy đêu nói rộng như hai kinh trên).

KINH SỐ 197 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại đạo tràng Già-xà-thi-lợi-sa cùng với một ngàn vị Tỳ- kheo xưa kia là những người Bà-la-môn tóc quăn. Khi ấy, Thế Ton vì một ngàn Tỳ-kheo này thị hiện ba thứ giáo hóa. Thế nào là ba? Thị hiện thần túc biến hóa, thi hiện tha tâm, thị hiện giáo giới. Thị hiện thần túc là Thế Tôn tuy theo sở thích của họ5 thị hiện nhập thiền định chánh thọ, trong hư không đi đến phương Đông hiện bốn oai nghi, di, đứng, ngồi, nằm, nhập vào lửa tam-muội, roi xuất ra các thứ hỏa quang săc xanh, vàng, đỏ, trăng, hồng, pha lê, nước, lửa đều hiện ra, hoặc dưới thân ra lửa, trên thân ra nước, hoặc trên thân ra lửa, dưới thân ra nước, chung quanh bốn phía cũng lại như vậy. Bấy giờ, Thế Tôn đã thần biến các thứ rồi ngồi lại trong đại chúng. Đó gọi là thị hiện thần túc. Thị hiện tha tâm là như tâm của người kia, ý của người kia, như sự phân biệt của người kia, người kia khởi nghĩ như thế và không khởi nghĩ như thế, người kia nên buông xả như thế, người kia nên thân chứng trụ như thế. Đó gọi là thị hiện tha tâm.

Thị hiện giáo giới là Thế Tôn nói: '"Này các Ty-kheo, tất cả là bốc cháy! Thế nào tất cả là bốc cháy? Nghĩa là mắt bốc cháy; sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh cảm thọ, hoặc kho, hoặc vui, hoặc kh6ng khổ không vui, những thứ đó cũng bốc cháy. Như thế, tai, mũi, lưỡi, thân, ý bốc cháy; pháp, ý và ý thức, ba thứ hòa hợp thành ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, những thứ đó cũng bốc cháy. Do lửa gì bốc cháy? Lửa tham bốc cháy, lửa sân bốc cháy, lửa si bốc cháy, lửa sanh-già-bệnh-chết-iru-bi-khổ-não bốc cháy." Bấy giờ, một ngàn vị Ty-kheo? sau khi nghe Phật nói như thế, không khởi phiền não, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 198 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ-xà quật. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào, đối với nội thức thân của con và

tất cả tướng bên ngoài khiến ngã, ngã sở, ngã mạn, các sử trói buộc dính mắc không sanh? Khi ấy, Thế Tôn bảo La-hầu-la: Lành thay! Lành thay, La-hầu-la! Thầy có thể hỏi Như Lai về nghĩa sâu xa ấy, tốt lắm! Này La-hầu-la, mắt hoặc quá khứ, vị lai? hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tê, hoặc tót xâu, hoặc xa gân, tát cả thứ đó chăng phải ngã, chẳng khác ngã và chẳng ở trong nhau, biết như thật. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Này La-hầu-la? khởi biết như thế, thấy như thế, đối với thức thân này của ta và tất cả tướng bên ngoài khiến ngã, ngã sở? ngã mạn, các sử trói buộc không sanh. Này La-hâu-la9 như thê là ngã, ngã sở, ngã mạn, các sử trói buộc không sanh. Này La-hầu-la, đó gọi là đoạn dứt ái trược, luôn thấy chơn chánh và được giải thoát. Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như nội nhập xứ, ngoại nhập xứf sắc, thanh, hương, vi, xúc, pháp; nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ỷ thức; nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc; nhãn xúc sanh thọ, rứũ.., tỷ..., thiệt..,, thân.,., ỷ xúc sanh thọ; nhãn xúc sanh tưởng, nhĩ,.., tỷ..., thiệt,.., thân..., ỷ xúc sanh tưởng; nhãn xúc sanh tưf nhĩ..., tỷ..., thiệt.,,, thân..., ỷ xúc sanh tư; nhãn xúc sanh ái, nhĩ..., tỷ..., thiệt..., thân..., ỷ xúc sanh ải, cũng nói như trên).

KINH TẠP A-HÀM 163

KINH SỐ 199 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá? trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả La-hầu-la: Biết thế nào, thấy thế nào, đối với thức thân này và tất cả tướng bên ngoài khiến không có ngã, ngã sở, ngã mạn, các sử trói buộc, dính mắc? La-hầu-la bạch Phật: Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp. Lành thay, The Tôn! Xin vì các Tỳ-kheo nói rộng nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ, vâng làm. Phật bảo La-hầu-la: Tốt lắm! Hãy lắng nghe, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Những gì thuộc về mắt hoặc quá khứ, vi lai, hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần, tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã và chẳng ở trong nhau, nên quán sát chơn chánh đúng như thật. Này La-hầu-la, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Này La-hầu-la, biết như thế, thấy như thế đối với thức thân này của ta và tất cả tướng bên ngoài khiến ngã, ngã sở, ngã mạn, các sử trói buộc không sanh. Này La-hầu-la, Tỳ- kheo như thê vượt ra nhị biên, lìa các tướng, văng lặng, được giải thoát. Này La-hầu-la, Tỳ-kheo như thế là đoạn dứt các ái dục, chuyển bỏ các kiết sử và được giải thoát. Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như nôi nhập xứ, ngoại nhập xứ, cho đến ỷ xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cũng nói như trên).

KINH SỐ 200 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bẩn, bạch Phạt: Lành thay, Thế Tôn! Xin vì con nói pháp, sau khi nghe xong, con sẽ một mình đến chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung; đã một mình ở chô văng chuyên tinh tư duy, do tư duy không buông lung như thê con biêt được lý do khiến người thanh niên dòng dõi tôn quý cạo bỏ râu tóc, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, giữ gìn Phạm hạnh, thấy pháp, tự biết tác chứng: “Sịt sanh của ta

đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc can làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau."

164 KINH TẠP A-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn quán sát La-hầu-la? tâm giải thoát và trí tuệ chưa thuần, chưa thể thọ lãnh pháp tăng thượng. Ngài hỏi La-hầu-la: Thầy đã nói về năm thọ ấm cho người khác nghe chưa? La-hầu-la bạch Phật: Bạch Thế Tôn, chưa! Phật bảo La-hầu-la: Thây nên vì người khác nói vê năm thọ âm. La-hâu-la nghe lời Phật dạy xong, vào một lúc khác vì người mà nói vê năm thọ ấm, nói xong trở lại chỗ Phật, lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con đã nói cho người khác nghe về năm thọ ấm. Xin Thế Tôn vì con thuyết pháp. Sau khi nghe pháp, con sẽ một mình tại chỗ vắng chuyên tinh tư duy, sống không buông lung... "... tự biết không còn thọ thân sau." Thế Tôn lại quán sát La-hầu-la, tâm giải thoát chưa thuần, chưa thể lãnh thọ pháp tăng thượng. Ngài hỏi La-hầu-la: Thầy đã nói sáu nhập xứ cho người khác nghe chưa? La-hầu-la đáp: Bạch Thế Tôn, chưa! Phật bảo La-hầu-la: Thay nên nói sáu nhập xứ cho người khác nghe. La-hầu-la vào dịp khác lại nói sáu nhập xứ cho người khác nghe; nói sáu nhập xứ xong, sau đó La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con đã nói cho người khác nghe về sáu nhập xứ. Xin Thế Tôn nói pháp cho con. Sau khi nghe xong, con sẽ một mình ở chỗ vắng, chuyên tâm tư duy, sống không buông lung... "... tự biết không còn thọ thân sau." Thế Tôn xét thấy La-hầu-la? tam giải thoát, trí chưa thuần, chưa thể lãnh thọ pháp tăng thượng. Ngài hỏi La-hầu-la: Thây đã vì người khác nói pháp Ni-đà-na chưa? La-hầu-la bạch Phật: Bạch Thế Tôn, chưa! Phật bảo La-hầu-la: Thầy nên nói pháp Ni-đà-na cho người khác nghe. Thê roi La-hâu-la vào dịp khác, nói pháp Ni-đà-na cho người khác nghe, sau đó đi đến chỗ Phật, lễ chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, xin vì con thuyết pháp. Sau khi nghe xong, con sẽ một mình tại chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung.. tự biết không còn thọ thân sau."

KINH TẠP A-HÀM 165

ĩ \ A

Thê Tôn lại quán sát La-hâu-la, tâm giải thoát, trí chưa thuần, (nói rộng cho đến) bảo La-hầu-la: Thây nên đôi với các pháp đã nói trên, một mình ở chô văng, chuyên tinh tư duy, quán sát nghĩa lý. Bấy giờ, La-hầu-la vâng lời Phật dạy, như pháp đã nghe, pháp đã nói, tư duy \ r y cân nhác, quán sát nghĩa lý, khởi nghĩ như vây: "Các pháp này tát cả đêu thuận đến Niết-bàn, chảy vào Niết-bàn, cuối cùng an trụ Niết-bàn." Khi ấy, La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con như pháp đã nghe, pháp đã nói ở trên, một mình ở chỗ văng, tư duy, cân nhác, quán sát nghĩa lý, biêt các pháp này đêu thuận đên Niêt- bàn, chảy vào Niết-bàn, cuối cùng an trụ vào Niết-bàn. Thế Tôn quán sát La-hầu-la tâm đã giải thoát, trí đã thuần thục, có thể lãnh thọ pháp tăng thượng, mới bảo La-hầu-la: -Này La-hầu-la, tất cả là vô thường. Những pháp gì vô thường? Đó là mắt vô thường. Đối với sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc cũng vô thường, (nói rộng như trên). Khi ấy,

La-hầu-la nghe Phật nói xong, hoan hỷ lễ Phật rồi lui ra. La-hầu-la vâng lời Phật dạy, một mình đến nơi vắng lặng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, hiểu được lý do khiến người dòng quý phái, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, thuần tu Phạm hạnh cho đến thây pháp, tự biết tác chứng: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau", thành bậc A-la-hán, tâm hoàn toàn giải thoát. Phật nói kinh này xong, La-hầu-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 201 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú ở nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi đến đảnh lễ Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào, lần lượt hay nhanh chóng đoạn tận lậu hoặc? Khi đó, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo: Nên chơn chánh quán sát vô thường. Những pháp gì vô thường? Đó là mắt vô thường. Hoặc sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ hoặc kho, hoặc vui, hoặc không kho không vui, nên quán sát là vô thường. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý nên quán sát là vô thường. Hoặc pháp, ý và thức, ba sự hòa hợp thành ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra

cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, những pháp này cũng vô thường. Này Tỳ-kheo, biết như thế, thấy như thế sẽ lần lượt sạch hết hữu lậu. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, làm lễ rồi lui ra. (Giông như kỉnh Phật nói cho Tỳ-kheo, nhưng có chô sai khác đó lấy. "Biêt thế nào, thấy thế nào, lần lượt sạch tất cả kiết sử, đoạn dứt tất cả trói buộc, đoạn tất cả sử, đoạn tất cả thượng phẩm phiền não, đoạn tất cả kiết, đoạn tất cả lưu, đoạn tất cả ách, đoạn tất cả thủ, đoạn các xúc, đoạn các ngăn che, đoạn các thọ, đoạn các cấu, đoạn các ái, đoạn các y, đoạn tà kiến, sanh chánh kiến, đoạn vô minh, sanh minh trí?" Này Ty.kheo, như thế quán sát mắt là vô thường (... biết như thế, thấy như thế, lần lượt vô minh dứt sạch, sanh ra minh trí). Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy? hoan hỷ phụng hành, đảnh lể rồi lui ra.

KINH SỐ 202 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, có Tỳ-kheo đến đảnh lễ Phật và bạch: Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào, sẽ lần lượt dứt cái thấy ngã, sanh cái thấy vô ngã? Phật bảo Tỳ-kheo: Đối với mắt chơn chánh quán sát vô thường. Nếu đối với sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh cảm thọ hoặc khô, hoặc vui, hoặc không khô không vui, những pháp đó cũng nên chơn chánh quán sát vô ngã. Như thế... ý tiếp xúc làm nhân duyên sanh cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; những pháp đó cũng nên quán sát chơn chánh vô ngã. Này Tỳ-kheo, biết như thế, thấy như thế, sẽ lần lượt dứt cái thấy ngã, phát sinh cái thấy vô ngã. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, đảnh lễ rồi lui ra.

KINH SỐ 203

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly5 trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳbà Câu-ma-la. Bay giơ, The Ton noi với các Ty-kheo:

KINH TẠP A-HÀM 167

Nếu có Tỳ-kheo có thể đoạn một pháp thì được chánh trí, có thể tự biết trước: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là chỗ nương tựa của pháp, xin The Tôn diễn nói, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ vâng làm. Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Này các Tỳ- kheo, the nào là đoạn một pháp (cho đến) không thọ thân sau? Nghĩa là dứt vô minh, xa lìa dục, minh sanh, được chánh trí, có thể tự biết trước: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tư biết không còn thọ thân sau." Lúc ấy, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục, bày vai phải, đảnh lễ Phật, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào sẽ dứt vô minh, lìa dục, minh sanh? Phật bảo Tỳ-kheo: Nên chơn chánh quán sát mát là vô thường. Nêu đôi với săc5 mát và nhãn thức, ba thứ hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, những pháp đó cũng chơn chánh quán sát vô thường. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Này Tỳ-kheo? biết như thế, thấy như thế, sẽ dứt vô minh, lìa dục, minh sanh. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 204 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly, trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ- bà Câu-ma-la. Bây giơ, Thê Tôn bảo Tôn giả A-nan: Đối với mắt nên biết như thật, thấy như thật. Nếu mắt, sắc, nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc? nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; cũng biết như thật, thấy như thật những pháp này. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thê. Sau khi đôi với nhữn^ pháp này biêt như thật, thấy như thật thì đối với mắt sanh nhàm chán. Đoi với sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc; nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; những thứ đó cũng sanh ra nhàm chán. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Nhàm chán rồi nên không ưa thích, không ưa thích thì được giải thoát, giải thoát tri kiên: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

168 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly vườnAm-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu- ma-la. Bấy giờ, Thế Tôn sau khi nói xong tất cả kệ Ưu-đà-na, mới bảo Tôn giả A-nan: Mắt là pháp vô thường, khổ, biến dịch, sai khác. Nếu đối với sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; những thứ đó cũng là pháp vô thường, khổ, biến dịch, sai khác. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như thế, đối với mắt được giải thoát. Nếu đối với sắc, mắt và thức, ba sự

hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ; những pháp đó cũng giải thoát;... tai,... mũi,... lưỡi,... thân,... ý đối với pháp, ý và thức, ba sự hòa hợp thành ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc kho, hoặc vui, hoặc không kho không vui; những pháp này cũng giải thoát, Ta nói người ấy giải thoát sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Phật nói kinh này xong, Tôn giảA-nan vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 206 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú ở nước Tỳ-xá-ly trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la. Bay giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Các Tỳ-kheo nên chuyên cần phương tiện thiền định tư duy, nội tâm vắng lặng. Vì sao? Này các Tỳ-kheo, phương tiện thiền định tư duy, nội tâm vắng lặng, như thế là rõ ràng biết như thật. Rõ ràng biết như thật cái gì? Nơi mắt rõ ràng biết như thật. Nếu đối với sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khô không vui; cũng rõ ràng biêt như thật những pháp đó. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Các pháp vô thường, hữu vi này cũng rõ ràng biết như thật. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 207 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly, trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳbà Câu-ma-la. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Các Tỳ-kheo nên tu vô lượng tam-ma-đề, tinh cần5 nhiếp niệm. Vì sao? Vì sau khi tu vô lượng tam-ma-đề? tinh cần, nhiếp niệm rồi thì biết rõ ràng như

thật. Biết rõ ràng như thật đối với cái gì? Đối với mắt biết rõ ràng như thật. (Như the nói rộng cho đến các pháp vô thường, hữu vi này biết rô ràng như thật). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 208 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú ở thành Tỳ-xá-ly, trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ- bà Câu-ma-la. Bay giơ, The Ton noi với các Ty-kheo: Mat quá khứ, vị lai là vô thường, huông là mat hiện tại. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như thế, không luyến tiếc mắt quá khứ, không ưa thích mắt vị lai, đối với mắt hiện tại nhàm chán, không ưa thích, lìa dục, hướng đến chán bỏ; tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giống như vô thường, khổ, không, vô ngãf cũng nói như thế, Như bổn kỉnh nội nhập xứ, cũng như thế; bốn kinh ngoại nhập xứ sắc, thanh, hương, vi, xúc, pháp; bốn kinh nội ngoại nhập xứ cũng nói như thế).

KINH SỐ 209 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở nước Tỳ-xá-ly, trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la. Bay giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Có sáu xúc nhập xứ. Thế nào là sáu? Đó là nhãn xúc nhập xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ. Sa-môn9 Bà-la-môn đối với sáu xúc nhập xứ này, sự tập khởi, sự đoạn diệt, vi ngọt, tai họa và sự xuất ly của chúng mà không biết như thật; nên biết Sa-môn, Bà-la-môn ấy cách xa Pháp, Luật của Ta như trời với đất. Khi ấy, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng lên sửa lại y phục, lễ Phật, chắp tay bạch: Con biết như thật đầy đủ về sáu nhập xứ này, sự

tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa và sự xuất ly của chúng. Phật bảo Tỳ-kheo: Nay Ta hỏi Tỳ-kheo, hãy trả lời theo câu hỏi của Ta. Này Tỳ-kheo, thầy thấy nhãn xúc nhập xứ là ngã, khác ngã và ở trong nhau chăng? Bạch Thế Tôn, không! Phật bảo Tỳ-kheo: Lành thay! Đối với nhãn xúc nhập xứ này chẳng phải ngã, chẳng khác ngã và chẳng ở trong nhau, người thấy biết như thật, không khởi các lậu hoặc,

tâm không nhiêm trước, tâm được giải thoát. Đó gọi là xúc nhập xứ đâu tiên đã đoạn, đã biết rõ? đã đoạn cội gốc ấy như chặt ngọn cây đa-la. Đối với pháp vị lai trọn không khởi trở lại, nghĩa là nhãn thức và sắc. Thầy thấy tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ là ngã, khác ngã và ở trong nhau chăng? Bạch Thế Tôn, không! Phật bảo Tỳ-kheo: r 9

Lành thay! Lành thay! Đôi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ, chăng phải ngã, chẳng khác ngã và chẳng ở trong nhau, người thấy biết như thật như thế không khởi các lậu hoặc, tâm không nhiễm trước, tâm được giải thoát. Đây gọi là Tỳ-kheo đối với sáu xúc nhập xứ đã đoạn, đã biết rõ, đã đoạn cội gốc ấy như chặt ngọn cây đa-la? ở đời vị lai không sanh trở lại nữa. Đó là ý thức và pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 210 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru ở nước Tỳ-xá-ly, trong vườn cây Am-la của thây thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la. r _ r Bay giơ, The Ton noi vơi các Ty-kheo: Chớ vui, chớ khổ. Vì sao? Vì có sáu xúc nhập xứ. Chúng sanh địa ngục, người sanh trong địa ngục mắt chỉ thấy sắc không đáng yêu thích, chứ không thấy được sắc đáng yêu thích, chỉ thấy sắc không đáng nghĩ nhớ, chứ không thấy được sắc đáng nghĩ nhớ, chỉ thấy sắc không tốt đẹp, chứ không thấy sắc tốt đẹp, do nhân duyên này nên một bề chịu buồn khổ. Tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, than đối với xúc, ý thức đối với pháp chỉ thấy không đáng yêu thích, chứ không thấy đáng yêu thích, chỉ thấy điều không đáng nhớ, chứ không thấy điều đáng nhớ, chỉ thấy pháp không tốt đẹp, chứ không thấy pháp tốt đẹp, do nhân duyên này nên thường chịu buồn khổ. Này các Tỳ-kheo, có sáu xúc nhập xứ, những chúng sanh nào sanh ở đó thì mắt chỉ thấy sắc đáng yêu thích, chứ không thấy sắc không đáng yêu thích, chỉ thấy sắc đáng nghĩ nhớ, chứ chẳng phải sắc không đáng nghĩ nhớ, chỉ thấy sắc tốt đẹp, chẳng phải sắc không tốt đẹp, do nhân duyên này nên một bề thường cảm nhận những yêu thích. Tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị5 thân đối với xúc, ý đối với pháp đáng yêu thh, không phải là không đáng yêu thích, đáng nghĩ nhớ, không phải là không đáng nghĩ nhớ, thấy tốt đẹp, không phải là không tốt đẹp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 211 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú ở nước Tỳ-xá-ly? trong vườn cây Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la. y-v Á • y 1 FT1*! r* Á FT1 Lr • rp A 1 1 Bay giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Ta xưa kia khi chưa thành Chánh giác, một mình ở chỗ vắng, thiền đinh tư duy, tự tâm phần nhiều hướng đến chỗ nào quán sát, tự tâm phần nhiều chạy theo công đức ngũ dục của quá khứ mà ít chạy theo công đức ngũ dục của

hiện tại, lại càng rất ít chạy theo đời vị lai. Sự quán sát của Ta phần nhiều chạy theo dục tâm chơn chánh của quá khứ. Ta liền sanh rất nhiều phương tiện, tinh cần tự gìn giữ, không còn để chạy theo công đức ngũ dục của quá khứ. Ta do tinh cần tự gìn giữ nên dần dần gần gũi với Chánh đẳng Chánh giác. Này các Tỳ-kheo, các thây cũng lại phân nhiêu chạy theo công đức ngũ dục của quá khứ, còn đối với hiện tại, vi lai thì lại rất ít. Các thầy cũng nên dùng tâm phần nhiều chạy theo công đức ngũ dục của quá khứ, tinh tấn tự giữ gìn, chẳng bao lâu cũng sẽ được sạch hết các lậu hoặc, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Vì sao? Vì mat thây sác làm nhân duyên sanh nội thọ, hoặc khô, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp làm nhân duyên sanh ra nội thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Thế nên Tỳ-kheo đối với những nhập xứ kia nên giác tri, nếu mắt diệt, sắc tưởng ắt lìa; tai, mũi, lưỡi, thân, ý diệt thì pháp tưởng ắt lìa. Phật nói nên giác tri sáu nhập xứ, nói xong vào thất ngồi thiền định. Khi ấy, có nhiều chúng Tỳ-kheo sau khi Thế Tôn đi rồi bàn luận với nhau như sau: "Thế Tôn vì chúng ta lược nói pháp yếu, không giải thích rộng rãi mà đi vào thất và ngồi thiền. Thế Tôn nói rằng: 'Nên giác tri sáu nhập xứ, nếu mắt diệt thì sắc tưởng ắt lìa. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý diệt thì pháp tưởng ắt lìa/ Hôm nay chúng ta đôi với pháp Thê Tôn lược nói vân còn chưa hiêu. ơ trong chúng dây, vị nào có trí tuệ, có thể vì chúng ta nói rộng nghĩa lý kia?" Họ lại khởi nghĩ như vầy: "Chi có Tôn giả A-nan thường hầu bên Thế Tôn, thường được Đạo Sư khen ngợi là thông minh, trí tuệ, Phạm hạnh; chỉ có Tôn giả A-nan có the nói rộng cho chúng ta nghe về nghĩa lý kia. Hôm nay chúng ta hãy cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả A-nan hỏi người về yếu nghĩa ấy. Như lời Tôn giả A-nan nói, tất cả chúng ta lãnh thọ và vâng theo." Khi ấy, nhiều chúng Tỳ-kheo cùng đi đến chỗ Tôn giả A-nan, sau khi chào đón, hỏi han, ngôi xuống, thưa Tôn-giả A-nan: Tôn giả nên biết, Thế Tôn vì chúng tôi lược nói pháp yếu như trên; xin Tôn giả A-nan vì chúng tôi giải thích nghĩa này.

172 KINH TẠP A-HÀM

Tôn giả A-nan nói: Thưa các Hiên giả, hãy lăng nghe, khéo suy nghĩ, ở trong pháp Thê Tôn lược nói, tôi sẽ vì quý vị nói rộng nghĩa này. Thế Tôn nói sơ lược, tức là sáu nhập xứ diệt, còn những điều khác thì sẽ nói, nói rằng nhãn xứ diệt, ắt sắc tưởng lìa; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, nhập xứ diệt, pháp tưởng ắt lìa. Thế Tôn nói lược pháp này xong, đi vào thất và ngồi thiền. Hôm nay tôi đã vì quý vị phân biệt, giải nghĩa. Tôn giả A-nan nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lời Tôn giả nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 212 Tôi nghe như vay: Một thòi, Phật tru ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Ta không vì tất cả Tỳ-kheo nói hạnh không buông lung, cũng không phải không vì tát cả Tỳ-kheo nói hạnh không buông lung; Ta không nhăm đên những Tỳ-kheo tương tợ nào nói hạnh không buông lung. Nếu Tỳ-kheo đắc A-la-hán, sạch các hữu lậu, lìa các gánh nặng, sớm được lợi ích cho chính mình, sạch các kiêt sử hữu lậu, tâm chơn chánh giải thoát, Tỳ-kheo tương tợ như thê, Ta không vì họ mà nói hạnh không buông lung. Vì sao? Vì những Tỳ-kheo kia đã không buông lung nên không còn các việc buông lung nữa. Nay Ta thay những

Tỳ-kheo ây được quả không buông lung, thê nên Ta không vì họ mà nói hạnh không buông lung. Ta vì những Tỳ-kheo tương tợ nào mà nói hạnh không buông lung? Nếu các Tỳ-kheo còn ở học địa, tâm ý chưa được tăng thượng, an ổn, hướng đến an trụ Niết-bàn; những Tỳ-kheo tương tợ như thế, Ta sẽ vì họ nói hạnh không buông lung. Vì sao? Vì những Tỳ-kheo ấy các căn huân tập, tâm ưa thích, thuận theo, biết đủ, gần gũi bạn lành, chẳng bao lâu sẽ sạch các hữu lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại tự biết tác chứng: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Vì cớ sao? Vì những Tỳ-kheo kia nhãn thức đối với sắc đáng yêu thích, đắm trước, những Tỳ-kheo ấy thấy rồi không vui, không khen ngợi, không nhiễm, không dính mắc, đắm trước. Do không vui, không khen ngợi, không nhiễm, không dính mắc, không đắm trước nên chuyên tinh nỗ lực, thân tâm dừng nghĩ, tâm tuyệt đối an trụ chẳng quên, thường đinh nhất tâm, vô lượng pháp hỷ, chóng được tam-muội chánh thọ bậc nhất, trọn không hề thối lui theo mắt và sắc. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠP A-HÀM 173

KINH SỐ 213 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton nói vơi các Tỳ-kheo: Tôi sẽ vì các thầy nói hai pháp. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ. Những gì là hai? Đó là mắt và sắc là hai, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp là hai. Đó gọi là hai pháp. Nếu có Sa-môn5 Bà-la-môn nói thế này: "Bây chẳng phải là hai. Sa-môn Cù-đàm nói hai pháp. Đây chẳng phải là hai/9 Người ấy tự ý nói hai pháp, chỉ có ngôn thuyết. Hỏi tới thì người ấy chẳng biết, lại tăng thêm nghi hoặc vì chẳng phải là cảnh giới của họ. Vì cớ sao? Vì duyên mắt và sắc, nhân thức sanh, ba sự hòa hợp thành xúc, duyên xúc sanh cảm thọ hoặc khổ? hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Nếu người nào đối với sự tập khởi, sự đoạn diệt, vi ngọt, tai họa và sự xuất ly của thọ, không biết như thật thì sẽ vun trồng các thứ tham dục về thân xúc chạm, các thứ sân nhuế về thân xúc chạm, các thứ giới thủ về thân xúc chạm, các thứ ngã kiến về thân xúc chạm, cũng vun trồng và làm tăng trưởng các pháp ác, bất thiện. Như thế, thuần đại khổ tụ đều từ tập mà sanh. Như thế tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm duyên sanh ý thức. Ba thứ hòa hợp, thành xúc... (nói rộng như trên). Lại nữa, mắt duyên sắc sanh nhãn thức, ba sự hòa hợp thành xúc, duyên xúc sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Đối với những cảm thọ, sự tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt, tai họa và sự xuất ly của thọ biết như thế. Biết như thế rồi không gieo trồng tham dục về thân xúc chạm, không gieo trồng sân nhuế về thân xúc chạm, không gieo trồng giới thủ về thân xúc chạm, không gieo trồng ngã kiến vê thân xúc chạm, không gieo trông các pháp ác, bát thiện. Như thê, các pháp ác, bất thiện diệt mất, thuần đại khổ tụ diệt mất; đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 214 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú ở nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, Thê Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Có hai nhân duyên sanh thức.

Những gì là hai? Đó là măt và săc? tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp, (như the nói rộng cho đen chẳng phải cảnh giới của họ). Vì cớ sao? Vì mắt và sắc làm nhân duyên sanh ra nhãn thức. Những pháp đó vô thường, hữu vi, tâm duyên theo đó phát sinh. Sắc hoặc nhãn thức vô thường, hữu vi, tâm duyên theo đó phát sinh, ba pháp này hòa hợp tiếp xúc, xúc rồi cảm thọ, thọ rồi tư, tư rồi tưởng. Những pháp này

VÔ thường, hữu vi, tâm duyên theo đó phát sinh, đó là xúc, tưởng, tư. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lòd Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 215 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru ở nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Ton giả Phú-lâu-na cùng với các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật: Thế Tôn nói hiện pháp, nói nhiệt thiêu đốt, nói không đợi thời, nói đúng hướng, nói chính cái thấy này, nói duyên tự giác. Bạch Thế Tôn, thế nào là hiện pháp... duyên tư giác? Phật bảo Phú-lâu-na: Lành thay, Phú-lâu-na có thể hỏi những điều này. Này Phú-lâu-na? hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ. Ta sẽ vì thầy giảng nói! Này Phú-lâu-na9 mắt thấy sắc rồi giác tri sắc5 giác tri sắc tham: "Ta trong đây có nhãn thức sắc tham, ta trong đây biết như thật có nhãn thức sắc tham Này Phú-lâu-na? nếu mắt thấy sắc rồi giác tri sắc, giác tri sắc cái tham: "Ta trong đây biết như thật có cái tham khi mắt biết sắc; biết như thế là hiện thấy pháp.” Thế nào là nhiệt thiêu đốt? Thế nào là không đợi thời? Thế nào là đúng hướng? Thế nào là chính cái thấy này? Thế nào là duyên tự giác? Này Phú-lâu-na5 mát thây sác roi giác tri săc, không khởi sác tham, biêt không khởi sắc tham. Biết đúng như thật: "Ta có nội nhãn thức sắc tham, biết không khởi săc tham.,, Nêu Tỳ-kheo Phú-lâu-na mát thây sác roi giác tri sác, không khởi sắc tham cũng biết, như thật biết sắc, không khởi sắc tham biết như thật; đó gọi là nhiệt thiêu đốt, không đợi thời, đúng hướng, chính cái thấy này, duyên tự giác. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Phú-lâu-na nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 216 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú ở nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Nói biên lớn là người ngu nói, chăng phải bậc Thánh nói, đó là nước trong biển lớn vậy. Vậy bậc Thánh nói về biển là thế nào? Nghĩa là mắt thấy sắc sanh yêu thích, nghĩ nhớ? nhiễm trước, tham luyến, tạo nghiệp thân, miệng, ý... đó gọi là biển lớn. Tất cả thế gian, chúng a-tu-la cho đến trời, người thảy đều ở trong ấy, tham luyến, đắm chìm, như trong ruột chó, như đống cỏ rối, đời này, đời khác trói

buộc, siết chặt cũng lại như vậy. Tai phân biệt tiếng, mũi phân biệt mùi, lưỡi phân biệt vi, thân phân biệt xúc? đời này đời khác, trói buộc, siết chặt cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Cũng như nghiệp thân, khẩu, ỷ; tham, sân, si, già, bệnh, chết cũng nói như vây. Giống như ba kinh ve

năm căn; ba kinh ve sáu căn cũng nói như vậy).

KINH SỐ 217 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Gọi là biển lớn là người ngu thế gian nói, chẳng phải bậc Thánh nói, đó là nước trong biển lớn vậy. Bậc Thánh nói mắt là biển lớn của con người, sắc là sóng biên. Nêu người nào kham nhẫn nôi sắc ba đào ấy thì qua được bờ biển lớn của mắt. ở nơi sóng các dòng nước cuốn trôi trùng dữ và nữ quỷ la-sát; tai, mũi, lưỡi, thân, ý là biển lớn của con người. Âm thanh, mùi hương, vị ngọt, xúc chạm và pháp là ba đào. Nếu kham nhẫn nổi những pháp ba đào kia thì qua được biển ý trọn vẹn. ở nơi sóng cuốn trôi hết thú dữ và nữ quỷ la-sát. Bấy giờ? Thế Tôn đọc bài kệ: , x " , Biên lớn cuôn cuộn sóng, Ác trùng, la-sát sợ, Khó qua mà qua được, Hằng xa lìa hết thảy, Đoạn dứt tất cả khổ, Không sanh lại đời khác, Hăng sông với Niêt-bàn, Không còn buông lung nữa. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 218 y Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Hôm nay Ta sẽ vì các thầy giảng nói về khổ tập đạo tích và khổ diệt đạo tích. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ. Thế nào là khổ tập đạo tích? Đó là duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp là xúc. Xúc duyên thọ, thọ duyên ải, ải duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già-bệnh-chêt-ưu- bi-khổ-não tập khởi như thế. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là khổ tập đạo tích. Thế nào là khổ diệt đạo tích. Đó là duyên mắt và sắc sanh nhãn thức, ba sự hòa hợp là xúc, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già-bệnh-chết-xru-bi-khổ-não diệt, như thế thuần đại khổ tụ diệt. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Đó gọi là khổ diệt đạo tích. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

176 2 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nay Ta sẽ nói về Niet-ban đạo tích. Thế nào là Niết-bàn đạo tích? Nghĩa là quán mắt là vô thường. Nếu đối với sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, bên trong có cảm giác hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, những pháp này cũng vô thường. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đây gọi là Niết-bàn đạo tích. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 220 _ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có đạo tích tương tợ hướng đến Niết-bàn. Thế nào là đạo tích tương tợ hướng đến Niết-bàn? Nghĩa là quán sát mắt chẳng phải ngã. Nếu đối với sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, bên trong cảm giác hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, những pháp ấy cũng quán sát là vô thường. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đó gọi là đạo tích tương tợ hướng đến Niết-bàn. Phật nói kinh

này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 221 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có đạo tích hướng đến tất cả thủ. Thế nào là đạo tích hướng đến tất cả thủ? Nghĩa là duyên mắt và sắc sanh nhãn thức, ba sự hòa hợp xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ và sở thủ. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là đạo tích hướng đến tất cả thủ. Thế nào là đạo tích đoạn tát cả thủ? Nghĩa là duyên mắt và sắc sanh nhãn thức, ba sự hòa hợp là xúc, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, biết như thế. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 222 Tôi nghe như vầy:

KINH TẠPA-HÀM % 177

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nên biết tất cả pháp tri và tất cả pháp thức. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là tất cả pháp tri, tất cả pháp thức? Này các Ty-kheo, mắt là pháp tri, pháp thức. sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, bên trong cảm giác hoặc khô, hoặc vui, hoặc không khổ, không vui; tất cả những pháp đó là pháp tri, pháp thức. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 223 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: Ta không nói một pháp, không biết, không phân biệt mà được giải thoát. Thế nào là không nói một pháp, không biết, không phân biệt mà được giải thoát? Nghĩa là không nói về mắt, không biết, không phân biệt mà được giải thoát. Đôi với sāc? mat và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, bên trong cảm giác hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Ta cũng lại không nói rằng, không biết, không thấy mà được giải thoát. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 224 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Tất cả pháp dục phải nên đoạn. Thế nào là tất cả pháp dục phải nên đoạn? Đó là mắt, là tất cả pháp dục phải nên đoạn, sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, bên trong cảm giác hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; tất cả những pháp dục ấy phải nên đoạn. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thê. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 225 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta không nói một pháp, không biết, không đoạn mà được giải thoát. Thế nào là không nói một pháp, không biết, không đoạn mà được giải thoát? Nghĩa là không nói về mắt, không biết, không đoạn dứt mà được giải thoát, sắc, mát và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, bên trong cảm giác hoặc khổ? hoặc vui, hoặc không khổ không vui; tất cả thứ đó không nói, không biết, không đoạn dứt mà được giải thoát. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 226 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói về đoạn tất cả kế chấp. Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là không kế chấp? Nghĩa là không kế chấp ngã thấy sắc, không kế chấp mắt là ngã sở9 không kế chấp là thuộc về nhau. Như đối với sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, bên trong cảm giác hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; những thứ đó cũng không kế chấp là ngã và ngã sở, không kế chấp ưa thích tướng vui. Không kế chấp tai, mũi? lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Người nào không kế chấp như thế thì đối với các pháp thế gian thường không chấp thủ, vì không chấp thủ nên không dính mắc, không dính mắc nên tự giác Niết-bàn: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã .c : làm xong, tự biêt không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giong như đã nói ở trên, mắt, v.v... không kế chấp tất cả việc không kế chấp cũng như the).

KINH SỐ 227 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Sự kế chấp là bệnh hoạn, kế chấp là ung nhọt, kế chấp là gai nhọn. Như Lai nhờ không kế chấp nên xa lìa bệnh hoạn, xa lìa ung nhọt, xa lìa gai nhọn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, nếu muốn cầu đừng kế chấp để xa lìa bệnh, ung nhọt, gai nhọn thì Tỳ-kheo không kế chấp mắt là ngã, là ngã sở5 không kế chấp mắt thuộc về nhau, không kế chấp sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành

nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, bên trong cảm giác hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, những thứ đó cũng không kế chấp là ngã, ngã sở? hoặc thuộc vào nhau. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Này Tỳ-kheo? người không kế chấp như thế thì không còn chấp thủ đối với mát, không chấp thủ nên không dính mắc, không dính mắc nên tự giác Niết- bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như đã nói về ngoài ra mỗi thứ cũng như thế).

KINH SỐ 228 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói về pháp tăng trưởng và pháp diệt mất. Thế nào là pháp tăng trưởng? Nghĩa là duyên mát và sắc sanh

ra nhãn thức, ba sự hòa hợp là xúc, xúc duyên thọ, nói rộng cho đến thuần đại khổ tụ tập. Đó gọi là pháp tăng trưởng. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đó gọi là pháp tăng trưởng. Thế nào là pháp diệt mất? Nghĩa là duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức, ba sự hòa hợp là xúc, xúc diệt thì thọ diệt, nói rộng cho đên thuần đại khô tụ diệt. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đấy gọi là pháp diệt mất. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giống như tăng trưởng và diệt mất; pháp khởi, pháp xứ, biển dịch, pháp tập, pháp diệt cũng nói như trên).

KINH SỐ 229 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. r _ ĩ Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói về pháp hữu lậu và vô lậu. Thế nào là pháp hữu lậu? Nghĩa là mắt thấy sắc; mắt, sắc và thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc; nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, bên trong cảm giác hoặc kho, hoặc vui, hoặc không kho không vui. Tai... mũi... lưỡi... thân... ý, pháp và thức, ba sự hòa hợp thành ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, bên trong biêt hoặc khô, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, là thế tục; đó gọi là pháp hữu lậu. Thế nào gọi là pháp vô lậu? Nghĩa là ra khỏi cái ý của thế gian. Nấu đối với pháp, ý và thức, ba sự hòa hợp thành ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, bên trong biêt hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, thuộc xuất thế gian; đó gọi là vô lậu. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

180 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, có Tỳ-kheo tên là Tam-di-li-đề đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, nói là thế gian, thế nào gọi là thế gian? Phật bảo Tam-di-li-đề: Nghĩa là mắt, sắc và thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong biêt hoặc khô, hoặc vui, hoặc không khô không vui. Tai... mũi... lưỡi... thân... ý, pháp, ý thức, ba sự hòa hợp thành ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong biết hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Đó gọi là thế gian. Vì cớ sao? Vì sáu nhập xứ tập thì xúc tập, như thế cho đến thuần đại khổ tụ tập. Này Tam-di-li-đề, nếu không có mắt, không có sắc, không có nhãn thức thì không có nhãn xúc, không có nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong biết hoặc kho, hoặc vui, hoặc không kho không vui. Không có tai... mũi... lưỡi... thân... ý? pháp và thức, ba sự hòa hợp thành ý xúc thì không có ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong biết hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, và không có the gian cũng không thi thiết ra the gian. Vì cớ sao? Vì sáu nhập xứ diệt thì xúc diệt, như thế cho đến thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giông như thê gian; chủng sanh, ma cũng nói như thê).

KINH SỐ 231 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, có Tỳ-kheo Tam-di-li-đề đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, nói là thế gian, thế nào gọi là thế gian? Phật bảo Tam-di-li-đề: Nguy khốn, hư hoại, đó gọi là thế gian. Thế nào là nguy khốn, hư hoại? Này Tam-di-li-dề, mắt là pháp nguy khốn, hư hoại. Nếu sắc, mắt và nhãn thức,

ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong biết hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; tất cả thứ ấy cũng là nguy khôn, hư hoại. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đó là những pháp nguy khốn, hư hoại nên gọi là thế gian. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-li-đề nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠP A-HÀM 181

KINH SỐ 232 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, có Tỳ-kheo Tam-di-li-đề đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, nói là thế gian không, thế nào là thế gian không? Phật bảo Tam-di-li-đề: Mắt là không, pháp thường hằng khôn^ biến đổi là không, ngã sở là không. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Nêu săc? mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong biết, hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, những thứ đó cũng không, pháp thường hằng không biến đổi là không, ngã sở là không. Vì sao? Vì tánh nó tự là như vậy. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đó gọi là thế gian không. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-li-đề nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 233 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói về thế gian, thế gian tập, thế gian diệt và thế gian đạo tích. Hãy lang nghe, khéo suy nghĩ. Thế nào là thế gian? Đó là sáu nội nhập xứ: Nhãn nội nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nội nhập xu. Thế nào là thế gian tập? Nghĩa là tương lai có ái, hỷ, tham, mỗi mỗi là nguyên nhân của tập nhân dính mắc. Thế nào thế gian diệt? Nghĩa là tương lai có ái, hỷ5 tham, mỗi mỗi là nguyên nhân dính mắc, đã dứt sạch không còn sót, đã bỏ hết, đã nhàm chán, đã sạch hết, đã xa lìa dục, tịch lặng và dừng nghỉ. Thế nào là thế gian diệt đạo tích? Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 234

Tôi nghe như vay:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ"đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

182 KINH TẠP A-HÀM

Ta không nói người đi đến tận cùng thế giới, Ta cũng không nói người không đi đến tận cùng thế giới mà được giải thoát khỏi khổ. Sau khi Thế Tôn hỏi như thế rồi, Ngài đi vào thất và thiền định. Khi ấy9 chúng Tỳ-kheo thấy Thế Tôn đi rồi, liền cùng nhau bàn luận: "Thế Tôn vừa rồi lược nói pháp rằng: 'Ta không nói người đi đến tận cùng thế giới, Ta cũng không nói người không đi đến tận cùnẹ thế giới mà được giải thoát khỏi khổ/ Ngài chỉ nói thế, rồi đi vào thất và thiên định. Chúng ta hiện tại đối với bài pháp mà Thế Tôn lược nói chưa hiểu rõ nghĩa lý. Trong hội chúng này, ai là người có khả năng giải nghĩa bài pháp ấy cho chúng ta?" Lại nói: "Chi có Tôn giả A-nan thông minh,

trí tuệ, nhớ hét tất cả và thường theo hầu bên Thế Tôn, đức Thế Tôn thường khen ngợi Tôn giả là đa văn, Phạm hạnh, có thể giải thích rộng bài pháp của Thế Tôn lược nói cho chúng ta nghe. Chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả A-nan và nhờ Tôn giả giải thích.” Các Tỳ-kheo liền đi đến chỗ Tôn giả A-nan; sau khi thăm hỏi xong, các vị ấy ngồi một bên, đem hết bài pháp trên hỏi Tôn giả A-nan. Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo: r r Hãy lăng nghe, khéo suy nghĩ, tôi sẽ vì các Tôn giả giảng nói! Nêu là thê gian, như thế gian danh, thế gian giác, thế gian ngôn từ, thế gian ngữ thuyết, những thứ này đều vào thế gian số. Thưa các Tôn giả, nghĩa là mắt, là thế gian, thế gian danh, thế gian giác, thế gian ngôn từ, thế gian ngữ thuyết, những thứ này đều vào thế gian số. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đa văn Thánh đệ tử, đối với sáu nhập xứ, sự tập khỏi, đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, xuất ly biết như thật. Đó gọi là Thánh đệ tử đi đến tận cùng thế giới, biết thế gian và những thứ nặng nề của thế gian, vượt qua thế gian. Tôn giả A-nan đọc bài kệ: Chăng phải người dạo đi, Được đến bờ thế giới, Không đến bờ thế giới, Không thể khỏi các khổ. Thê nên đức Mâu-ni, Gọi người biết thế gian, Đen được bờ thế giới, Các Phạm hạnh đã thành. Bờ thế giới chỉ c6, Chánh trí mới thật rõ, Giác tuệ đạt thế gian, Nên nói vượt bờ kia. Như thế, chư Tôn giả, đức Thế Tôn vừa rồi lược nói pháp xong, liền vào thất ngồi thiền. Nay tôi đã vì các Tôn giả phân biệt, nói rộng. Tôn giả A-nan nói xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả A-nan nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 235 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠP A-HÀM 183

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có thầy, có đệ tử gần gũi thì ở riêng là khổ; không thầy, không đệ tử gần gũi thì ở riêng là vui. Thế nào là có thầy, có đệ tử gần gũi thì ở riêng là khổ? Đó là duyên mắt, thấy sắc sanh cảm giác ác9 bất thiện, cùng với tham, sân, si. Nấu Tỳ-kheo nào hành những pháp này thì gọi là có thầy; nếu dừng trụ nơi mé này thì gọi là có đệ tử gần gũi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Như vậy, có thầy, có đệ tử gần gũi thì ở riêng là khổ. Thế nào là không thầy, không đệ tử gần gũi, ở riêng thường được an vui? Nghĩa là duyên mắt thay sắc, sanh ra cảm giác ác, bất thiện, cùng với tham, sân, si. Vi Tỳ-kheo nào không làm theo thì gọi là không thầy; không nương theo thì gọi là không đệ tử gần gũi. Đó gọi là không thầy, không đệ tử gần gũi, ở riêng thường được an vui. Nêu Tỳ-kheo nào không thây, không đệ tử gân gũi, Ta nói họ được phước Phạm hạnh. Vì sao? Vì không thầy, không đệ tử, Tỳ-kheo ấy đối với Ta dựng lập Phạm hạnh, chơn chánh sạch hết khổ, rốt ráo khổ tập. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 236 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Tôn giả Xá-lợi-phât? sáng sớm đáp y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, khất thực xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cầm tọa cụ vào rừng ngồi thiền. Sau khi ngồi thiền xong, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất: Thầy từ đâu đến? Xá-lợi-phất đáp: Con từ trong rừng, ban ngày ngồi thiền xong, đến đây. Phật hỏi Xá-lợi-phất: Nay thây đang nhập những thiên gì? Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch

Thế Tôn, nay con ở trong rừng, nhập vào thiền Không tam-muội. Phật bảo Xá-lợi-phất: Lành thay! Lành thay, Xá-lợi-phất! Thầy nay an trụ cách tọa thiền bậc thượng mà tọa thiền. Nếu các Tỳ-kheo muốn nhập vào cách tọa thiền bậc thượng thì phải học như vầy: "Hoặc khi vào thành, hoặc khi đi khất thực, hoặc khi ra khỏi thành, phải tư duy thế này: 'Nay ta mắt thấy sắc, có khởi dục ái, yêu thích đắm mến chăng?9,9 Này Xá-lợi-phất, khởi quán như thế, nếu nhãn thức đối với sắc? có yêu mến đắm trước thì Tỳ-kheo ấy vì muốn đoạn ác bất thiện, nên

184 3 KINH TẠPA-HÀM

phải chuyên cần, dùng phương tiện kham năng buộc niệm để tu học. Ví dụ như có người bi lửa đốt cháy đầu, áo; vì muốn dập tắt lửa, nên phải nôn nóng dùng phương tiện để cứu chữa cho lửa tắt. Tỳ-kheo kia cũng lại như thế, phải chuyên cần, nôn nóng dùng phương tiện buộc niệm tu học. Nêu Tỳ-kheo quán sát, hoặc ở giữa đường, hoặc đi khất thực trong làng xóm, hoặc ra khỏi làng xóm, trong lúc đó5 nhãn thức đối với sắc, không có niệm ái nhiễm đắm trước, Tỳ-kheo ấy mong muốn dừng các căn tốt đẹp, an vui này, ngày đêm phải tinh cần, buộc niệm tu tập. Đó gọi là Tỳ-kheo di, đứng, nằm, ngồi an tinh khất thực. Thế nên kinh này gọi là Thanh tịnh khất thực trụ. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 237 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly9 trong giảng đường Trùng Các, bên bờ ao Di Hầu. Khi ấy, có trưởng giả tên úc-cù-lũ, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, tại sao có Tỳ-kheo thấy pháp Bát-niết-bàn và có Tỳ-kheo không thấy pháp Bát-niết-bàn? Phật đáp: Nêu có Tỳ-kheo, nhãn thức đối với sắc, ái niệm nhiễm trước, vì ái niệm nhiễm trước nên thường nương theo phân biệt, và bị trói buộc hoặc chấp giữ có; do đó nên không thể thấy pháp Bát-niết-bàn. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Nếu Ty.kheo, nhãn thức đối với sắc, không yêu thích đắm trước, vì không yêu thích đắm trước nên không nương nơi phân biệt, không tiếp xúc, không dính mắc, không chấp thủ, Tỳ-kheo này được thấy pháp Bát-niết-bàn. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp cũng lại như vậy. Thế nên, này trưởng giả, có Tỳ-kheo thấy pháp Bát-niết-bàn. (Giống như kỉnh trưởng giả hỏi, kinh A-nan hỏi và kỉnh Phật vì các Tỳ-kheo tự nói cũng nói như trên).

KINH SỐ 238
Tôi nghe như vầy:
Một thòi, Phật trú tại thành Tỳ-xá-ly, trong giảng đường Trùng Các, bên ao
Di Hầu. J
KINH TẠP A-HÀM 185

Khi ấy, có Tỳ-kheo kia đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì nhãn thức sanh? Do nhân gì, duyên gì nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức sanh? Phật đáp: Do mắt duyên sắc, nhãn thức sanh. Vì sao? Vì nhãn thức sanh là do tất cả mắt và sắc làm nhân duyên. Tai và âm thanh làm nhân duyên, mũi và hương làm nhân duyên, lưỡi và vị làm nhân duyên, ý và pháp làm nhân duyên nên ý thức sanh. Vì sao? Vì những thứ thuộc về ý

thức đều do ý và pháp làm nhân duyên sanh. Này Tỳ-kheo, đó gọi là nhãn thức do nhân duyên sanh, ý thức do nhân duyên sanh. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo ấy nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, làm lễ roi lui ra.

KINH SỐ 239 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly, trong giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu. Bây giơ, Thê Tôn bao các Tỳ-kheo: A e e r 9 r Nay Ta sẽ nói vê pháp bị kiêt sử trói buộc và pháp kiêt sử. Thế nào là pháp bi kiết sử trói buộc? Đó là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị5 thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là pháp bị kiết sử trói buộc. Thế nào là pháp kiết sử? Nghĩa là dục tham, đó gọi là pháp kiết sử. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 240 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly, trong giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta sẽ nói về pháp bị chấp thủ và pháp chấp thủ. Thế nào là pháp bị chấp thủ? Đó là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vj, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là pháp bị chấp thủ. Thế nào là pháp chấp thủ? Nghĩa là dục tham. Đó gọi là pháp chấp thủ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly5 trong giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo? phàm phu ngu si vô học, thà lây lửa nâu chảy đông sôi đem đốt con mắt của mình, khiến cho nó cháy thiêu, chứ không đê nhãn thức chạy theo sắc tướng, chạy theo hình dáng tốt đẹp. Vì sao? Vì chạy theo sắc tướng, chạy theo hình dáng tốt đẹp là rơi vào đường ác như viên săt bị chìm. Phàm phu ngu si vô học, thà đốt dùi sắt đỏ đem dùi lỗ tai, chứ không để nhĩ thức chạy theo âm thanh, chạy theo tiếng hay. Vì sao? Vì nhĩ thức chạy theo âm thanh, chạy theo tiếng hay thì khi thân hoại mạng chung, sẽ rơi vào đường ác như viên sắt bị chìm. Phàm phu ngu si vô học, thà lấy dao bén cắt đứt mũi, chứ không để tỷ thức chạy theo hương, chạy theo mùi thơm. Vì sao? Vì tỷ thức chạy theo hương, chạy theo mùi thơm thì khi thân hoại mạng chung, sẽ rơi vào đường ác như viên sắt bị chìm. Phàm phu ngu si vô học, thà dùng dao bén cat đứt lưỡi, chứ không đê thiệt thức chạy theo vi, chạy theo vị ngon. Vì sao? Vì thiệt thức chạy theo vị, chạy theo vị ngon thì khi thân hoại mạng chung, sẽ rơi vào đường ác như viên sắt bị chìm. Phàm phu ngu si vô học, thà dùng cây săt cứng, cây thương mũi nhọn đâm vào thân thể, chứ không để thân thức chạy theo xúc và sự xúc chạm êm ái. Vì sao? Vì chạy theo xúc, chạy theo sự xúc chạm êm ái thì khi thân hoại mạng chung, sẽ rơi vào đường ác như viên sắt bi chìm. Này các Tỳ-kheo, người mê ngủ là kiêp sông ngu si, là si mạn, không lợi ích, không phước đức. Nhưng này các Tỳ-kheo5 thà nên say ngủ, chứ không vì săc kia mà khởi giác tưởng. Nếu người khởi giác tưởng ắt sanh ra triền phược, tranh tụng, hay làm cho con người hành động phi nghĩa, không lợi ích an lạc cho trời, người. Đa văn Thánh đệ tử nên học như thế này: "Nay ta thà đốt nóng cây thương băng săt đem đâm vào con mắt, chứ không đê nhãn thức chạy theo sắc tướng đê rơi vào ba đường ác, mãi mãi chịu khổ đau. Ta từ hôm nay chánh tư duy, quán sát mắt là pháp hữu vi, vô thường, do tâm duyên sanh. Nếu sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc

làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong biết, hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; những thứ đó cũng là pháp hữu vi, vô thường, do tâm duyên sanh." Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng học như thế: "Thà đem cây thương bằng sắt đâm vào thân thể, chứ không để thân thức chạy theo sự xúc chạm mềm mại dịu dàng để rơi vào ba đường ác. Ta từ hôm nay phải chánh tư duy quán thân là pháp hữu vi, vô thường, do tâm duyên sanh. Nếu xúc, thân và thức, ba sự hòa hợp

thành thân xúc, thân xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong biết, hoặc khô, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; những thứ đó cũng là pháp hữu vi, vô thường, do tâm duyên sanh." Đa văn Thánh đệ tử nên học như vầy: "Người mê ngủ là kiếp sống ngu si, là si mạn, không công quả, không lợi ích, không phước đức; ta không mê ngủ cũng không khởi giác tưởng. Người khởi giác tưởng sanh ra triền phược, tranh tụng, làm cho con người hành động phi nghĩa, không lợi ích, không an lạc." Đa văn Thánh đệ tử, người nào quán như thế đối với mắt sanh nhàm chán. Nếu sắc, mắt và nhãn thức, ba sự hòa hợp thành nhãn xúc, nhãn xúc làm duyên sanh ra cảm thọ bên trong biết, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; đối với những thứ đó cũng sanh nhàm chán. Vì nhàm chán nên không ưa thích, vì không ưa thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 242 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly, trong giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nếu đối với mắt, không biết, không phân biệt, không đoạn dứt, không xa lìa dục thì không thể chơn chánh sạch hết khổ. Đối với mắt, hoặc biết, hoặc phân biệt, hoặc đoạn dứt, hoặc lìa dục thì có thể chơn chánh sạch hết kho. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Bôn kinh nói vê mat, như thê cho đên hai mươi bôn kinh nói vê ỷ, cũng giống như trên).

KINH SỐ 243 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly, trong giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu r _ ĩ _ _ Bây giờ, Thê Tôn bao các Ty-kheo: Nếu các Tỳ-kheo, ai đối với mắt, đắm trước vị ngọt; nên biết Sa-môn, Bà- la-môn ấy không được tự tại, không thoát khỏi tay ma, bị ma trói buộc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Nấu Sa-môn, Bà-la-môn đối với mắt không đắm trước vi ngọt; nên biết Sa-môn, Bà-la-môn ấy không tùy thuộc ma, thoát khỏi tay ma, không vào vòng ma trói buộc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Giống như vị ngọt; hoan hỷ, khen ngợi, đắm nhiễm, dừng trụ, ưa thích, ganh ghét cũng nói như thê. Giông như bảy kinh vê nội nhập xứ; bảy kinh vê ngoại nhập xứ, cũng nói như vây).

KINH SÒ 244 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly? trong giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có sáu cái móc câu của

ma. Những gì là sáu? Nghĩa là mát đăm vào sác, đó là móc câu của ma. Tai đắm vào âm thanh, đó là móc câu của ma. Mũi đăm vào mùi thơm, đó là móc câu của ma. Lưỡi đắm vào vị, đó là móc câu của ma. Thân đắm vào xúc chạm, đó là móc câu của ma. Ý đắm vào pháp trần, đó là móc câu của ma. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mắt đắm vào sắc tướng; nên biết Sa-môn, Bà- la-môn ấy bị móc câu của ma móc vào yết hầu, đối với ma không được tự tại. (Nói dơ, nói sạch, nói rộng như trên).

KINH SỐ 245 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại Câu-lmi-sấu9 ở tụ lạc Điều Phục Bát Ngưu. Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ vì các thầy thuyết pháp, lời đầu hay, lời giữa hay, lời cuối cũng hay, nghĩa hay và vị hay, thuần một vị thanh tịnh, Phạm hạnh thanh bạch. Đó là Kinh tứ phẩm pháp. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Kinh tứ phẩm pháp là những gì? Đó là có mắt phân biệt sắc đáng yêu thích, đáng nghĩ nhớ, đáng đắm mến, đáng dính mắc. Các Tỳ-kheo thấy sắc ấy rồi vui vẻ, khen ngợi, ưa thích, đắm mến và dính mắc vào đó. Có mắt phân biệt sắc không đáng yêu, khônẹ đáng nha không đáng đăm mên, chỉ nhàm chán, khô não. Tỳ-kheo thấy sắc áy rồi thì sân giận, ghét bỏ. Tỳ-kheo như thế, đối với ma không được tự tại, cho nên không giải thoát khỏi sự trói buộc của ma. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Có mắt phân biệt sắc đáng yêu, đáng nhớ, đáng mến, đáng dính mắc. Tỳ- kheo thây sác ây rồi không vui mừng, không khen ngợi, không ưa thích, không đắm mến, không chấp chặt. Có mắt phân biệt sắc không đáng yêu thích, không đáng nghĩ nhớ, đắm mến, Tỳ-kheo thấy sắc ấy rồi, không sân giận, ghét bỏ. Tỳ- kheo như thê không lệ thuộc theo ý ma,. giải thoát khỏi sự trói buộc của ma. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là Kinh tứ phẩm pháp.

KINH TẠPA-HÀM ! 189

KINH SỐ 246 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, núi Kỳ-xà quật. Bấy giơ, đức Thế Tôn sáng sớm đắp y, mang bát vào thành Vương Xá khất thực. Khi ấy, Thiên ma Ba-tuần khởi nghĩ rằng: "Sa-m6n Cù-đàm sáng nay đắp y, mang bát vào thành Vương Xá khất thực; nay ta sẽ đen nhiễu loạn ý đạo của ông ấy." Nghĩ rồi, Thiên ma Ba-tuần hóa làm người đánh xe, cầm roi đi tìm bò, mặc đồ rách rưới, đầu bù tóc rối, tay chân sần sùi, tay cầm cái roi bò, đến trước The Ton va hỏi: Cù-đàm có thấy con bò của tôi ở đâu không? Đức Thế Tôn liền khởi nghĩ: "Đây là Ác ma, muốn đến nhiễu loạn Ta", Ngài liền nói với Ác ma: Này Ác ma, bò ở chỗ nào, dùng bò để làm gì? Ma liền khởi nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm biết ta là ma", bèn bạch Phật: Thưa Ngài Cù-đàm? nhãn xúc nhập xứ là xe của tôi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ là xe của tôi. Ác ma lại hỏi: Thưa Ngài Cù-đàm9 Ngài muốn đi đâu? Phật bảo Ác ma: Ông có nhãn xúc nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ. Nếu không có nhãn xúc nhập xứ? không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ thì ông không đến được, Ta đến được. Bấy giờ, Ma Ba-tuần nói kệ: Nếu người thường có ngã, Kia đều là của ta, Tất cả đều thuộc ta, Cù-đàm9 đi đâu được? Thê Tôn noi kê đáp lại: Nếu nói người có ngã, Kia nói ngã là quấy, Thế nên biết Ba-tuần, Liền tự rơi chỗ thua. Ma lại nói kệ: r y 9 r Nêu nói răng biêt đạo, An ổn đến Niết-bàn? ĩ Ngài một mình đi đên, Phiền gì dạy người khác? Thế Tôn nói kệ đáp lại: Nếu có người lìa ma, Hỏi đường qua bờ giác, Vì họ bình đẳng nói, Chân thật trọn không sót,

Luôn tập, không buông lung, Hằng lìa ma, tự tại. Ma lại nói kệ: Có đá tợ miếng thịt, Quạ đói đến mổ ăn, Nó tưởng là ngon lành, Đe lấp chỗ bụng trống,

Trọn chẳng được vị kia, Gãy mỏ mà bay đi. Nay con giống như quạ, Cù-đàm tợ đá kia, Không biết thẹn mà đi, Như quạ bay giữa không, Trong tâm ôm sầu độc, Bay mất chẳng còn hiện.

KINH SỐ 247 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, núi Kỳ-xà quật. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu Sa-môn9 Bà-la-môn mắt quen gần gũi với sắc thì rơi vào chỗ tự tại của ma, cho nên không giải thoát khỏi sự trói buộc của ma. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Nếu Sa-môn9 Bà-la-môn mắt không thường gần gũi với sắc thì không rơi vào chỗ tự tại của ma, cho nên thoát khỏi sự trói buộc của ma. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giông như kinh quen gân gũi trên; trói buộc, dính mác, vị ngọt, láng giêng, nêu khiên cho nó giữ gìn, trói buộc, đỉnh mác, ngã sở câu dục, nông hậu không bỏ, cũng nói như trèn).

KINH SỐ 248 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-tra-lợi Phất-đa-la? ở vườn Kê Lâm. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả Thuần-đà, cùng nhau hỏi thăm xong, roi ngôi xuông một bên, thưa Thuân-đà: Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh để giải đáp cho chăng? Tôn giả Thuần-đà nói với Tôn giả A-nan: Tùy theo câu hỏi của Tồn giả, tôi biết điều gì sẽ trả lời. Tôn giả A-nan hỏi Thuần-đà: -Như Thế Tôn, Như Lai, Chánh Đẳng Chánh Giác theo chỗ biết, chỗ thấy nói về bốn đại tạo sắc, chỉ bày rõ ràng, sắc tứ đại này chẳng phải ngã và theo chỗ biết, chỗ thấy của Như Lai, Chánh Đẳng Chánh Giác cũng lại nói là thức chẳng phải ngã chăng? Tôn giả Thuần-đà nói với Tôn giả A-nan: -Tôn giả thật là đa văn. Tôi từ xa đến chỗ Tôn giả là vì muốn hỏi pháp này. Hôm nay xin Tôn giả nói về nghĩa ấy. Tôn giả A-nan trả lời:

Nay tôi hỏi Tôn giả hãy tùy ý ưả lời. Thưa Tôn giả Thuần-dà, vì có mắt, có sắc nên có nhãn thức phải không?

Thưa phải!

Tôn giả A-nan lại hỏi:

Vì duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức phải không?

Đúng như vậy!

Nếu mắt và sắc sanh ra nhãn thức thì nhân ấy, duyên ấy là thường hay vô thường?

-Vô thường!

Tôn giả A-nan lại hỏi:

Nhân ây, duyên ây sanh ra nhãn thức; nhân ây, duyên ây là vô thường, biến dịch thì thức kia có trụ không?

Thưa Tôn giả, không!

Tôn giả A-nan lại hỏi:

Ý Tôn giả thế nào, pháp kia hoặc sanh, hoặc diệt, có thể biết và đa văn
Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?
Thưa Tôn giả, không!
Tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp, ý Tôn giả nghĩ sao, có ý? có pháp nên có ý thức không?
Thưa phải!
Tôn giả A-nan lại hỏi:
Vì duyên ý và pháp sanh ra ý thức chăng?
Thưa Tôn giả, đúng vậy!
Tôn giả A-nan lại hỏi:
Nếu ý duyên pháp sanh ý thức; nhân ấy, duyên ấy là thường hay vô thường?
Vô thường!
Tôn giả A-nan lại hỏi:
Hoặc nhân, hoặc duyên sanh ý thức; thì nhân ấy, duyên ấy vô thường, biến dịch, vậy ý thức có trụ chăng?
Thưa Tôn giả, không!
Tôn giả A-nan lại hỏi:
Ý Tôn giả nghĩ sao, pháp ấy hoặc sanh, hoặc diệt, có thể biết và đa văn
Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?
Thưa Tôn giả, không!
Tôn giả A-nan nói với Thuần-đà:
Thế nên Tôn giả, theo chỗ biết, chỗ thấy của Như Lai, ứng Cúng, Đẳng

Chánh Giác nói, thức cũng vô thường. Ví như người cầm rìu vào núi thấy cây chuối cho là dùng được, bèn chặt đứt gốc, tách lá, lột bẹ để tìm lõi của nó, lột đến tận cùng cũng không thấy chỗ nào chắc. Như thế, đa văn Thánh đệ tử chơn chánh quán sát nhãn thức, lýiĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Trong lúc đang chánh quán thì vị ấy thấy không có gì đáng chấp thủ, không đáng chấp thủ nên không bi dính mắc, vì không dính mắc nên tự giác Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Khi hai vị Chánh sĩ kia thuyết pháp này thì đều tùy hỷ và mỗi người trở về chỗ của mình.

KINH SỐ 249

Tôi nghe như vầy:
Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc.
Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất và nói với Tôn giả
Xá-lợi-phất: J
Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh để giải thích cho không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:
Tuy cau hỏi cua Ton gia, điêu nào toi biêt sẽ Ưa lơi. Ton giả A-nan hỏi: Sáu xúc nhập xứ5 sau khi đã lìa dục, dứt bặt, vắng lặng lại có còn thừa nữa không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Đừng hỏi: "Sáu xúc nhập xứ hết sạch, xa lìa dục, dứt bặt, vắng lặng

rồi lại có còn thừa chng?" A-nan lại hỏi: Sáu xúc nhập xứ hết sạch, lìa dục, dứt bặt, vắng lặng rồi, không còn thừa chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Cũng lại không nên hỏi rằng: "Sáu xúc nhập xứ hết sạch, lìa dục? dứt bặt, vắng lặng rồi5 không còn thừa chng?" Ton gia A-nan lại hỏi: Sáu xúc nhập xứ hết sạch, xa lìa dục, dứt bặt, vắng lặng rồi, có thừa, không thừa, chẳng có thừa chẳng không thừa chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Đây cũng không nên hỏi rằng: "Sáu xúc nhập xứ hết sạch, xa lìa dục, dứt bặt, vắng lặng rồi, có thừa, không thừa, chẳng có thừa chẳng không thừa chảng?"

KINH TẠPA-HÀM^ 193

Ton gia A-nan lại hoi: Như lời Tôn giả nói: "Sáu xúc nhập xứ hết sạch, lìa dục, dứt bặt, vắng lặng rôi? có cũng không nên nói, không cũng không nên nói, có và không cũng không nên nói, chẳng phải có chẳng phải không cũng không nên nói; thì lời nói này có nghĩa gi?" Tôn giả Xá-lợi-phất bảo A-nan: Sáu xúc nhập xứ hết sạch, lìa dục, dứt bặt, vắng lặng rồi, có thừa chăng, đó là lời hư dối; không thừa chăng, đó là lời hư dối; có thừa, không thừa chăng, đó là lời hư dối; chẳng có thừa chẳng không thừa chăng, đó cũng là lời hư dối. Nếu nói sáu xúc nhập xứ hết sạch, lìa dục, dứt bặt, vắng lặng rồi, lìa các hư ngụy, được Bát-niết-bàn. Đó là lời Phật nói. Khi ấy, hai vị Chánh sĩ đều tùy hỷ, mỗi người trở về chỗ của mình.

KINH SỐ 250 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lọí-phất, Tôn giả Ma-ha Câu-hỵ-la cùng ở núi Kỳ-xà quật. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la, buổi chiều, sau khi xả thiền, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau hỏi thăm xong, rồi ngồi xuống một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh để giải đáp cho không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Tùy câu hỏi của Tôn giả, điều nào tôi biết sẽ trả lời. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la hỏi: Thế nào, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, mắt trói buộc sắc, hay sắc trói buộc mắt? Tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp, ý trói buộc pháp hay pháp trói buộc ý? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Chẳng phải mắt trói buộc sắc, chẳng phải sắc trói buộc mắt,... chẳng phải ý trói buộc pháp, chẳng phải pháp trói buộc ý. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la, ở trong đó, nếu có dục tham thì đó là trói buộc. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la9 ví như hai con trâu, một đen, một trắng, được cột vào một cái ách, có người hỏi rằng: "Trâu đen cột trâu trắng, hay trâu trắng cột trâu dèn?" Hỏi như thế có đúng không? Thưa không. Thưa Tôn giả Xá-lqi-phất, chẳng phải trâu đen trói trâu trắng, cũng chẳng phải trâu trắng cột trâu dèn, nhimg ở trong đó hoặc là cái ách, hoặc là sợi dây trói, những thứ kia là sự trói buộc. 9 9

Đúng vậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la, chăng phải măt trói buộc sác, chăng phải sắc trói buộc mắt,... chẳng phải ý trói buộc pháp, chăng phải pháp trói buộc

194 KINH TẠPA-HÀM

ý, mà ở trong đó dục tham trói buộc vậy. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la5 nêu mắt trói buộc sắc, hoặc sắc trói buộc mắt,... hoặc ý trói buộc pháp, hoặc pháp trói buộc thì Thế Tôn đã không dạy người dựng lập Phạm hạnh để được dứt sạch hết khổ. Do chẳng phải mắt trói buộc sắc, chẳng phải sắc trói buộc mắt,... chẳng phải ý trói buộc pháp, chẳng

phải pháp trói buộc y, nên Thế Tôn dạy người dựng lập Phạm hạnh, được dứt sạch hết khổ. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la? đối với Thế Tôn, mắt thấy sắc hoặc tốt, hoặc xấu không khởi dục tham, còn các chúng sanh khác, mắt nếu thấy sắc hoặc tốt, hoặc xấu thì khởi dục tham; do đó The Tôn nói nên đoạn dứt dục tham, thời tâm được giải thoát,... ý, pháp cũng lại như vậy. Khi ấy, hai vị Chánh sĩ cùng nhau tùy hỷ, mỗi người trở về chỗ của mình.

KINH SỐ 251 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đều ở trong núi Kỳ-xà quật. Ton giả Ma-ha Câu-hy-la, buổi chiều sau khi xả thiền, đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau hỏi thăm xong, rồi ngồi xuống một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh để trả lời cho không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Tùy câu hỏi của Tôn giả, điều gì tôi biết sẽ trả lời. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la hỏi: Nói là vô minh, thế nào là vô minh? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Nghĩa là không biết, không biết là vô minh. Thế nào là không biết? Nghĩa là mắt vô thường, mà không biết như thật. Đó gọi là không biết, không biết như thật mắt là pháp sanh diệt. Đó gọi là không biết. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Như thế, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la, đôi với sáu xúc nhập xứ này, liên tục không biết như thật, ngu si, tối tăm, đó gọi là vô minh. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la lại hỏi: Nói là minh, thế nào là minh? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Nghĩa là biết vậy. Biết là minh. Biết những điều gì? Biết như thật mắt là vô thường, biết như thật mắt là pháp sanh diệt. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thê. Thưa Tôn giả Ma-la Câu-hy-la5 đối với sáu xúc nhập xứ này, thấy biết như thật rõ ràng, giác ngộ, trí tuệ liên tục, đó gọi là minh. Khi ấy, hai vị Chánh sĩ cùng nhau tùy hỷ, mỗi người trở về chỗ của mình.

KINH TẠP A-HÀM 195

KINH SỐ 252 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, có vị Tỳ-kheo tên là Ưu-ba-tiên-na trú tại thành Vương Xá, trong Hàn Lâm, trên gò mả, dưới chân núi Xà Đầu, ở xứ Ca-lan-đà. Lúc ấy, Tôn giả Ưu-ba-tiên-na một mình ngồi thiền nơi đó. Bấy giờ, có con rắn cực độc, dài khoảng một thước, từ trên phiến đá rơi xuống mình Ưu-ba-tiên-na. ưu-ba-tiên- na mới gọi Tôn giả Xá-lợi-phất về nói với các Tỳ-kheo: Có con rắn độc rơi trên mình tôi, chất độc ngấm vào trong thân tôi rồi. Chư Tôn giả hãy đến nhanh lên, đỡ giùm thân tôi đem ra ngoài, chớ để thân này rã ra như một đống cám. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới một cội cây gần đó, nghe Ưu- ba-tiên-na nói thế, liền vội vã đến chỗ ưu-ba-tiên-na và nói với ưu-ba-tiên-na: Tôi xem thây sác mạo của Hiên giả các căn không khác với bình thường mà nói là trúng độc, nhờ khiêng ra, chớ để tan hoại như một đống cám, cuối cùng là thế nào? Ưu-ba-tiên-na nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Nếu có người đối với mắt, chấp con mắt là tôi, là của tôi; đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, chấp tai, mũi, lưỡi, thân, ý là tôi, là của tôi; đối với sắc, thanh, hương, vị? xúc, pháp, chấp sắc, thanh, hương, vị? xúc, pháp là tôi, là của tôi; đối với địa giới, chấp địa giới là tôi, là của tôi; đối với nước, lửa, gió, không, thức .. r e k , ỉ ĩ giới, chập nước, lửa, gió, không, thức giới là tôi, là của tôi; đôi với sác âm? chập sắc ấm là tôi, là của tôi; đối với thọ, tưởng, hành, thức ấm, chấp thọ, tưởng, hành,

thức ấm là tôi, là của tôi thì sắc mặt và các căn mới có biến đổi. Còn nay tôi không như thế. Mắt chẳng phải là tôi, là của tôi, cho đến thức ấm chẳng phải là tôi, là của tôi, thê nên sác mặt và các căn không có biên đôi. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Như thế, Ưu-ba-tiên-na, nhớ luôn luôn xa lìa ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, dính măc, khiên đoạn dứt cội góc ây như chặt đâu cây đa-la thì đôi với đời vi lai trọn không trở lại, làm sao mà sắc mặt và các căn biến đổi được. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất liền đi vòng đến đỡ thân của Tôn giả Ưu-ba- tiên-na đưa ra ngoài hang. Thân của Ưu-ba-tiên-na bị trúng độc, rã ra như một đống cám. Lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói bài kệ: Thường trồng các Phạm hạnh, Khéo tu bát chánh đạo, Vui vẻ xả bỏ thân, Giống như ném bát độc. Thường trồng các Phạm hạnh, Khéo tu bát chánh đạo, Vui vẻ xả bỏ thân, Như người bệnh thuyên giảm.

Thường trồng các Phạm hạnh, Khéo tu bát chánh đạo, Như ra khỏi nhà lửa, Lâm chung không buồn tiếc. Thường trông các Phạm hạnh, Khéo tu bát chánh đạo, Dùng tuệ quán thế gian, Giông như cây cỏ thôi, Không còn mong cầu nữa, Lại cũng không tiếp tục. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi cúng dường thi thể Ưu-ba-tiên-na xong, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, Tôn giả ưu-ba-tiên-na bi một con rắn độc nhỏ bằng cái thẻ trị mắt rơi trên thân, thân của Tôn giả ưu-ba-tiên-na liền nát ra như cám. Phật bảo Xá-lợi-phất: Nếu ưu-ba-tiên-na đọc bài kệ này thì không trúng độc và thân cũng không nát ra như cám. Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn, bài kệ ấy thế nào? Lời văn ra sao? Phật vì Xá-lợi-phất đọc kệ: Thường thương xót loài kia, Kiên cô Lại-tra-la, Từ Y-la-bát-na, Y-bà-phất-đa-la, Khâm-bà-la thượng mã, Cũng từ Ca-câu-tra, Và hắc Cù-đàm kia, Nan-đà, Bạt-nan-đà, Thương xót loài không chân, Và cả loài hai chân, Bốn chân cùng nhiều chân, Cũng khởi lòng từ bi. Tư bi đoi loai rong, Loài ở đất và nước, Thương tất cả chúng sanh, Đem được, không đếm được. An vui với tất cả, Cũng xa lìa phiên não, Muốn cho tất cả hiền, Tất cả đừng sanh ác9 Thường ở núi Xà Đầu, Cái ác không nhóm lại. Ran hung độc ác hại, Hay hại mạng chúng sanh, Như lời chắc thật này, Vô thượng Đạo sư thuyết. Nay ta tụng kệ này, Lời Đạo sư chân thật, Tất cả các ác độc, Không thể hại thân ta. Tham dục, sân nhuế, si, Ba độc của thế gian, Như ba thứ độc này, Trừ dứt gọi Phật bảo. Pháp bảo diệt ác độc, Tăng bảo cũng không khác, Phá hoại độc hung ác, Nhiếp thọ những người lành, Phật phá tát cả độc, Nay vì phá rắn độc, Nên nói chú thuật này. Ô-đam-bà-lệ, Đam-bà-lệ, Đam-lục, Bà-bà-đam-lục? Nại-tể-túc, Nại-tể, Chỉ-bạt-tể, Văn-na-di5 Tam-madi, Đàn-để5 Ni-la-chỉ-thí, Bà-la, Câu-hạ-ô-lệ, Ô-ngu-lệ-tất-bà-ha.

Này Xá-lợi-phất5 thiện nam tử ưu-ba-tiên-na nếu bấy giờ nói bài kệ này, đọc những câu này, chắc chắn rắn độc không thể rơi trúng thân, thân cũng không hoại như đống cám. Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch The Tôn, Tôn giả ưu-ba-tiên-na chưa từng nghe kệ này, chưa từng nghe câu chú này. Hôm nay Thế Tôn mới nói bài kệ này, chính là giúp cho đời sau. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy, vui mừng, cung kính lui về.

KINH SỐ 253 Tôi nghe như vây: Một thời, Tôn giả Ưu-đà-di đến nước Câu-tát-la, đi du hành trong nhân gian, đến thôn Ciru-bàn-trà, tru ngụ trong vườn Am-la của nữ Bà-la-môn Tỳ- nữu Ca-chiên-diên. Bấy giờ, có những người đệ tử nhỏ tuổi của Tỳ-nữu Ca-chiên-diên đi đốn củi trong vườn Am-la, thấy Tôn giả Ưu-đà-di ngồi dưới một cội cây, dung mạo đoan chánh, các căn vắng lặng, tâm ý an trụ, thành tựu sự điều phục bậc nhất, thấy ngài rồi bèn đi đến hỏi thăm và ngồi xuống một bên. Khi ấy, Ưu-đà-di vì các thiếu niên thuyết các thứ pháp, khích lệ xong, rồi im lặng. Sau khi nghe Tôn giả nói xong, các thiêu niên đêu vui vẻ đứng dậy chào vê. Các thiêu niên ấy gánh củi trở về chỗ nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên, đặt củi xuống đất, đi đến chỗ nữ Bà-la-môn, thưa: Thưa thầy, trong vườn Am-la có Sa-môn Ưu-đà-di, dòng họ Cù-đàm5 đang ở đó thuyết pháp rất hay. Nữ Bà-la-môn nói với các thiếu niên: Các con hãy đến mời Sa-môn ưu-đà-di họ Cù-đàm ngày mai đến đây dùng cơm. Khi ấy, các đệ tử nhỏ vâng lời nữ Bà-la-môn, đi đến chỗ Tôn giả ưu-đà-di và thưa: Thầy con là nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu dòng Ca-chiên-diên mời Tôn giả ngày mai dùng cơm. Khi ấy, Tôn giả ưu-đà-di im lặng nhận lời. Các thiếu niên biết Tôn giả ưu- đà-di im lặng nhận lời rồi, trở về thưa với nữ Bà-la-môn: Thưa thầy, chúng con đã mời Tôn giả, Tôn giả im lặng nhận lời. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di, qua khỏi đêm, sáng sớm, đắp y, mang bát đến nhà của nữ Bà-la-môn. Nữ Bà-la-môn trông thấy Tôn giả đến, vội trải sàng tòa mời ngồi, bày các thức ăn uống, tự tay cúng dường món ngon đầy đủ. Sau khi

ăn xong, xỉa răng, rửa bát, Tôn giả trở lại chỗ ngồi. Nữ Bà-la-môn biết ngài đã dùng xong, bà mang một đôi giày tốt, lấy áo trùm đầu, đặt một cái ghế cao, tỏ ý khinh thường, ngạo mạn ngồi xuống, nói với Tôn giả Ưu-đà-di: Tôi có điều muốn hỏi, ngài có rảnh để trả lời cho chăng? Tôn giả ưu-đà-di đáp: Thưa cô? hôm nay không đúng lúc. Tôn giả nói như thế xong, rồi đứng dậy ra đi. Đen sáng hôm sau, các đệ tử lại đến vườn Am-la đốn củi, nghe pháp và trở về thưa lại với thầy, rồi thầy lại sai đến mời Tôn giả Ưu-đà-di dùng cơm. Ba lần đến thỉnh pháp như thế đều bị Tôn giả Ưu-đà-di trả lời là không đúng lúc. Tôn giả không chịu thuyết pháp. Các đệ tử trẻ tuổi lại thưa với thầy: Trong vườn Amla, Sa-môn Ưu-đà-di thuyết pháp rất hay. Vị thầy đáp: Ta cũng biêt ông ây thuyết pháp rát hay, mời ba lân đên, cúng dường và hỏi pháp đều bị từ chối, nói là không đúng lúc rồi bỏ đi. Các đệ tử thưa với thầy của họ: Thây mang đôi giày tôt5 lại lây áo che đâu và dáng ngôi của thây không cung kính thì Tôn giả ấy làm sao mà thuyết pháp được! Vì sao? Vì Tôn giả Ưu- đà-di kia rất kỉnh pháp nên không nói mà bỏ đi. Vi thầy trả lời: Nêu như thê thì các con vì ta đên mời ông ây một lân nữa. Các đệ tử vâng lời đi thỉnh cúng dường như trước. Sau khi vi thầy biết Tôn giả ưu-đà-di ăn uống xong, bà liền cởi giày, sửa lại y phục, ngồi xuống một cái ghế thấp, cung kính thưa: Thưa Tôn giả? tôi có điều muốn hỏi. Ngài có rảnh để trả lời cho chăng? Tôn giả Ưu-đà-di trả lời: Cô cứ hỏi tự nhiên, tôi sẽ vì cô giảng nói. Vi thầy ấy liền hỏi: Có Sa-môn, Bà-la-môn nói khổ vui tự tác, lại có người nói khổ vui tha tác, lại có người nói kho vui tự tác và tha tác, lại có người nói khổ vui chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác. Còn Tôn giả thì thế nào? Tôn giả Ưu-đà-di đáp: Thưa cô, A-la-hán nói kho vui do cái khác sanh chứ chẳng phải nói như trên. Nữ Bà-la-môn lại hỏi: Nghĩa này thế nào?

Tôn giả ưu-đà-di đáp: A-la-hán nói từ nhân duyên sanh các khổ vui. Tôn giả ưu-đà-di lại nói với nữ Bà-la-môn: Bây giờ tôi hỏi, cô tùy ý trả lời tôi. Ý cô thế nào, có mắt không? Thưa có! Có sắc không? Thưa có! Có mat phân biệt, mat tiêp xúc, mat tiêp xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui chăng? Như thế, thưa Tôn giả! Tôn giả Ưu-đà-di lại hỏi: Có tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ hoặc khô, hoặc vui, hoặc không khô không vui chăng? Như thế, thưa Tôn giả! Tôn giả Ưu-đà-di nói: Đó là điều A-la-hán nói từ nhân duyên sanh ra khổ vui. Nữ Bà-la-môn thưa với Tôn giả Ưu-đà-di: Như thế là A-la-hán nói từ nhân duyên sanh ra khổ vui phải không? Tôn giả Ưu-đà-di đáp: Đúng vậy, nữ Bà-la-môn! Nữ Bà-la-môn lại hỏi: Thưa Tôn giả, vì sao A-la-hán nói là nhân duyên sanh ra kho vui và từ nhân duyên không khổ không vui diệt? Tôn giả Ưu-đà-di đáp: Bây giờ tôi hỏi, cô tùy ý trả lời toi. Này nữ Bà-la-môn, tất cả mắt, tất cả thời diệt hết không còn gì thì còn có mắt tiếp xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, bên trong cảm giác hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khô không vui chăng? Thưa không! Như thế tai, mũi, lưỡi, thân, ý tất cả diệt hết không còn gì thì còn có ý tiếp xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, bên trong cảm giác hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui chăng? Thưa không! Như thế, này nữ Bà-la-môn, A-la-hán nói là nhân duyên sanh ra khổ vui và từ nhân duyên không khổ không vui diệt. Khi Tôn giả Ưu-đà-di nói pháp này, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ? nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thấy pháp, biết pháp, nhập pháp, dứt hết những nghi hoặc, không do người khác, thâm nhập giáo pháp Phật. Đối với pháp không sợ hãi, vị ấy từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục, cung kính chắp tay thưa với Tôn giả Ưu-đà-di: Hôm nay con quyết định ngay từ bây giờ, xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, con từ bây giờ cho đến trọn đời quy y Tam bảo. Khi ấy, Tôn giả ưu-đà-di vì nữ Bà-la-môn thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo rõ ràng rồi, vui vẻ đứng dậy ra về.

KINH SỐ 254 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ ở núi Kỳ-xà quật, thường tinh cần tu tập pháp Bồ-đề phần. Khi ấy, Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ một mình tư duy, khởi nghĩ rằng: "d trong hàng đệ tử Thanh văn tinh cần của Thế Tôn, ta là người trong số đó? nhưng hôm nay ta chưa dứt hết các lậu. Ta là người dòng quý tộc, có nhiều tài sản quý báu, nay thà hoàn tục, hưởng thụ ngũ dục, rồi làm phước bố thí rộng rãi tốt hơn." Bấy giờ, Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm của Nhị Thập ức Nhĩ, Ngài bảo một vị Tỳ-kheo: Thầy hãy đến chỗ Nhi Thập ức Nhi, nói là Thế Tôn gọi. Tỳ-kheo này vâng lời đi đến chỗ Nhi Thập ức Nhĩ, nói rằng: The Ton gọi Hiên giả. Nhi Thập ức Nhĩ nghe Tỳ-kheo kia nói bậc Đạo sư gọi, liền vội vàng đến chỗ Thế Tôn, lễ dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn bảo Nhị Thập ức Nhĩ: -Thầy có thật một mình ở chỗ vắng tư duy, khởi lên ý nghĩ như vầy: "Trong hàng Thanh văn tu học tinh cần của Thế Tôn, ta là người trong số ấy, nhưng nay ta chưa được lậu tận, giải thoát. Ta là người dòng quý tộc, có nhiều tiền tài, thà hoàn tục hưởng thụ ngũ dục, rồi làm phước bố thí rộng rãi tốt hơn", có phải như thế

không? Khi ấy, Nhị Thập ức Nhĩ nghĩ rằng: "Thế Tôn đã biết tâm của ta”kinh ngạc sợ hãi, lông dựng đứng, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, thật vậy! Phật bảo Nhị Thập ức Nhĩ: Ỵ Nay Ta hỏi thầy, thầy tùy ý trả lời Ta. Này Nhị Thập ức Nhĩ, lúc thầy còn ở thế tục, thầy đàn hay lắm phải không? Dạ, đúng vậy!

KINH TẠPA-HÀM 201

nni Ạ rin 1 • 1 9 • The Ton lại hỏi: Ý thầy nghĩ sao, khi thầy đàn, nếu sợi dây đàn thẳng quá thì âm thanh có hòa nhã, vi diệu không? Thưa không! The Tôn lại hỏi: Thế nào, nếu sợi dây đàn chùng quá thì có phát ra âm thanh hòa nhã, vi diệu không? Thưa không! The Ton lại hoi: Thế nào, nếu điều chỉnh dây đàn, không chùng, không thẳng sau mới phát ra âm thanh vi diệu phải không? Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Phật bảo Nhi Thập ức Nhĩ: Người tinh tấn thái quá chỉ tăng thêm trạo hối, người thiếu tinh tấn thì sanh ra biếng nhác. Thầy nên giữ mức tu tập điều độ, chớ đắm trước, chớ buông lung, chớ chấp tướng. Tôn giả Nhi Thập ức Nhĩ nghe Phật dạy xong, vui mừng làm lễ lui về. Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ thường nghĩ đến ví dụ về dây đàn mà Thế Tôn dạy. Tôn giả một mình ở chỗ vắng tư duy, thiền định những lời nói trên cho đến lậu tận, tâm được giải thoát, thành A-la-hán. Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ đắc A-la-hán, bên trong cảm giác an lạc giải thoát, khởi nghĩ rằng: “Nay ta nên đến thăm viếng Thế T6n." Tôn giả liền đi đến chỗ Phật, lễ chân Phật, ngồi xuống một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, ở trong pháp của Thế Tôn, con đắc A-la-hán, sạch các hữu lậu, việc làm đã xong, như trút bỏ gánh nặng, được lợi h cho chính mình, dứt sạch các hữu kiết sử, chánh trí, tâm giải thoát; ngay lúc đó giải thoát sáu xứ. Thế nào là sáu? Lìa dục được giải thoát, Lìa nhuế được giải thoát, Xa lìa được giải thoát, Ái sạch được giải thoát, Các thủ được giải thoát, Tâm không quên niệm giải thoát. Bạch Thế Tôn, nếu có người nương nơi một ít tín tâm mà nói lìa dục, giải thoát, điều này chẳng đúng. Tham, nhuế, si dứt sạch thì gọi là chân thật lìa dục, giải thoát. Nếu lại có người nương nơi một ít trì giới mà nói được lìa nhuế, giải thoát, điều này cũng không đúng. Tham, nhuế, si dứt sạch mới gọi là chân thật lìa nhuế, giải thoát. Nếu lại có người nương nơi tu tập, xa lìa lợi dưỡng mà nói xa lìa được dục, giải thoát, điều này cũng không đúng. Tham, nhuế, si dứt sạch mới là chân thật xa lìa dục, giải thoát. Tham, nhuế, si dứt sạch cũng gọi là lìa ái, cũng gọi là lìa thủ, cũng gọi là lìa thất niệm, được giải thoát. Như thế, bạch Thế Tôn, nếu các Tỳ-kheo chưa đắc A-la-hán, chưa sạch các lậu, đối với sáu

202 KINH TẠP A-HÀM

xứ này, không được giải thoát. Nấu lại có Tỳ-kheo còn ở học địa, chưa được tăng thượng an vui Niết-bàn, bèn tu tập hướng về trụ tâm, bấy giờ thành tựu học giới, thành tựu học căn, sau đó được lậu tận, không còn phiên não, tâm giải thoát, tự biết không còn thọ thân sau, ngay hiện tại được vô học giới, được vô học các căn. Ví như đứa trẻ sơ sanh nằm ngửa, ngu ngơ? khi ấy chỉ thành tựu các căn của một đứa trẻ, rồi sau đó dần dần tăng trưởng thành tựu các căn; bấy giờ mới thành tựu các căn của người lớn. Người còn ở học địa cũng lại như vậy, chưa được tăng thượng an lạc,... thành tựu vô học giới, vô học các căn. Nêu mắt thường phân biệt sắc thì vẫn trọn không chướng ngại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì ý đã kiên trụ, bên trong đã tu vô lượng thiện giải

thoát, quán sát sanh diệt cho đến vô thường. Tai phân biệt âm thanh, mũi phân biệt mùi hương, lưỡi phân biệt vi, thân phân biệt xúc, ý phân biệt pháp trần thì cũng không thể chướng ngại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì ý đã kiên trụ, bên trong đã tu vô lượng thiện giải thoát, quán sát sanh diệt. Ví như ở gần thôn ấp, có núi đá lớn không chẻ, không đập vỡ? không đục thủng được vì núi dày đặc; giả sử gió bốn phương thổi đến không thể làm lay động, không thể xuyên qua. Bậc Vô học kia cũng lại như thế. Mắt thường phân biệt sắc,... ý thường phân biệt pháp, cũng không thể trở ngại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì ý đã kiên trụ, bên trong tu vô lượng thiện giải thoát, quán sát sanh diệt. Bấy giờ, Nhi Thập ức Nhĩ lặp lại bằng bài kệ: Lìa dục, tâm giải thoát, Không nhuê, cũng giải thoát, Xa lìa, tâm giải thoát, Tham ái trọn không còn. Tám giải thoát các thủ, Và ý không thất niệm, Rõ ràng nhập xứ sanh, Nơi kia tâm giải thoát. Người được tâm giải thoát, Tỳ-kheo ý dừng nghỉ, Các việc đã làm xong, Không còn việc để làm. Giống như núi đá lớn, Bốn gió không thể động, Sắc, thanh, hương, vị, xúc, Và những pháp tốt xấu, Đoi diện sáu nhập xứ, Không thể động tâm kia, Tâm thường trụ vững chắc, Quán sát pháp sanh diệt. Khi Tôn giả Nhi Thập ức Nhĩ nói pháp này, bậc Đạo sư trong lòng vui vẻ, các vị đa văn Phạm hạnh nghe những điều Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ nói ra, đều rất hoan hỷ. Bấy giờ, Tôn giả Nhi Thập ức Nhĩ nghe Phật thuyết pháp xong, vui vẻ, tùy hỷ, làm lễ lui ra. Lúc ấy, Thế Tôn biết Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ đi ra chưa lâu, mới bảo các Tỳ-kheo: Người tâm khéo giải thoát nên nói như thế, giống như Nhị Thập ức Nhi, do trí tuệ nói quyết định, không tự cao, cũng không khinh người, nói đúng sự thật, không phải như những người tăng thượng mạn? không có được việc này mà tự khen ngợi được pháp hơn người, để tự mình phải bị tổn giảm.

KINH TẠPA-HÀM 203

KINH SỐ 255 Tôi nghe như vầy: Một thời, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên tru tại nước Abàn-dề, bên sông Thấp-ma-đà? trong thôn Di Hầu Thất, hang A-luyện-nhã, có Bà-la-môn Lỗ-hê- giá, cung kính thờ phụng đúng pháp A-la-hán. Bấy giờ, Tôn giả Ca-chiên-diên sáng sớm, đắp y, mang bát vào thôn Di Hầu Thất thứ lớp khất thực. Khất thực xong, Tôn giả trở về cất y bát, rửa chân rồi vào thất tọa thiền. Khi ấy, Bà-la-môn Lỗ-hê-giá có các đệ tử nhỏ tuổi đi lượm củi, đến gần bên hang của Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên? cười nói, giỡn đùa: "Trong hang này có Sa-môn trọc đầu ở, là người đen đủi, không phải là người tôn quý. Tại sao Bà-la-môn Lỗ-hê-giá chúng ta lại phải tôn trọng cúng dường như đối với bậc A-lah4n?" Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói với các đệ tử của Lỗ-hê-giá: Này các chú bé, các chú chớ làm ồn! Các thiếu niên trả lời: Trọn không dám nói nữa! Đen ba lần như thế. Nhưng rồi họ vẫn nói mãi, tức thì Tôn giả Ma-ha Ca- chiên-diên liền đi ra ngoài cửa nói với các chú bé: Này các chú nhỏ, các chú đừng làm ồn nữa. Ta sẽ vì các chú thuyết pháp, các chú hãy lắng nghe! Các chú bé nói: Dạ vâng! Xin ngài thuyết pháp, chúng con sẽ lắng nghe và lãnh thọ! Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói kệ: Xưa kia Bà-la-môn? Tu tập giới thắng diệu, Được sanh Trí túc mạng, An lạc thiền chân thật, Thường trụ ở từ bi, Đóng hết các căn môn, Điều phục lỗi của miệng. Xưa kia hành như thế, Bỏ hạnh chân thật cũ, Mà giữ việc hư dối, Giữ tộc tánh buông lung, Theo các căn duyên cảnh, Đói khát ở gò mả, Ba lần tắm tụng ba kinh, Không giữ gìn căn môn, Giống như mộng được báu. Bện tóc, khoác áo da,

Không trộm, thân bết tro, Áo thô, che thân xấu, Cầm gậy, ôm bình nước, Giả hình Bà-la-môn, Đe mong cầu lợi dưỡng. Khéo nhiếp hộ thân kia, Lắng sạch lìa trần cấu, Không não hại chúng sanh, Là đạo Bà-la-môn. Bấy giờ, các cậu bé Bà-la-môn tức giận, không vui, nói Tôn giả Ma-ha Ca- chiên-diên đã phỉ báng kinh điển họ, hủy báng những điều kinh nói, mạ nhục

Bà-la-môn. Nói xong họ ôm củi trở về chỗ Bà-la-môn Lỗ-hê-giá và nói với Lỗ-hê-giá: Thây có biêt chăng, ông Ma-ha Ca-chiên-diên hủy báng kinh điên mình, nói lời chê bai, nhục mạ Bà-la-môn? Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói với các đệ tử trẻ: Các con đừng nói vậy! Vì sao? Vì ngài Ma-ha Ca-chiên-diên đầy đủ giới đức, không lý nào hủy báng kinh điển, nói lời chê bai, mắng nhiếc Bà-la-môn. Các thiếu niên thưa: Thầy không tin lời chúng con thì cứ đến đó xem. Khi ấy, Bà-la-môn Lỗ-hê-giá không tin lời các trẻ nói, bèn đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cùng nhau hỏi thăm xong, ngồi xuống một bên, nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: Mấy chú đệ tử nhỏ của tôi có đến đây không? Có đến! Họ có cùng ngài nói gì không? Có cùng nhau nói chuyện! Lỗ-hê-giá nói: Những lời ngài đã nói với họ, xin ngài có thể vì tôi lặp lại. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên liền nói lại đầy đủ, Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nghe xong cũng tức giận, tâm không vui, nói với Tôn giả Ca-chiên-diên: Trước đây tôi không tin lời của trẻ nhỏ, bây giờ thì đúng là ngài phỉ báng kinh điển tôi, chê bai, nhục mạ Bà-la-môn. Ngừng một lát, ông lại nói với Tôn giả Ca-chiên-diên: Ngài nói về căn môn. Thế nào là căn môn? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp: Lành thay! Lành thay! Bà-la-môn, ông hỏi đúng pháp. Tôi sẽ nói cho ông nghe về căn môn. Này Bà-la-môn, mắt là cửa vì để thấy sắc; tai, mũi, lưỡi, thân, ý là cửa vì để biết pháp. Bà-la-môn nói: Lạ thay! Ma-ha Ca-chiên-diên, tôi hỏi về cửa, ngài liền nói về cửa. Đúng như lời ngài đã nói, không giữ gìn cửa, thế nào là không giữ gìn cửa, thưa ngài? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói: Lành thay! Lành thay! Bà-la-môn? ong hỏi về không giữ gìn cửa, câu hỏi đúng như pháp, tôi sẽ nói cho ông nghe về không giữ gìn cửa. Này Bà-la-môn? phàm phu ngu si vô học, mắt thấy sắc rồi, với sắc đáng nhớ thì khởi tâm duyên theo, dính mắc, với sắc không đáng nhớ thì khởi lòng sân hận, không tu tập

thân niệm xứ... đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát không biết như thật; đối với những thứ đó khởi các pháp ác bất thiện, không được diệt sạch; đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát bị trở ngại, không được đầy đủ. Vì tâm giải thoát, tuệ giải thoát không được đầy đủ nên thân đầy những ác hạnh, không được dừng nghỉ, tâm không tịch tĩnh. Vì không tịch tĩnh nên đối với căn môn không điều phục, không gìn giữ, không tu tập được. Mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và mùi, lưỡi và vị? thân và xúc, ý và pháp cũng lại như vậy. Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói: Lạ thay! Lạ thay! Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên9 tôi hỏi về không giữ gìn cửa, ngài liên vì tôi nói vê không giữ gìn cửa. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên- diên5 thế nào gọi là khéo giữ gìn cửa? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói: Lành thay! Lành thay! Ông hỏi ta về nghĩa khéo giữ gìn cửa. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, ta sẽ nói cho ông nghe vê nghĩa khéo giữ gìn cửa. Đa văn Thánh đệ tử mắt thấy

sắc rồi? đối với sắc đáng nhớ, không khởi tâm duyên theo, dính mắc; đoi với sắc không đáng nhớ, không khởi lòng sân hận, thường nhiếp phục tâm mình, trụ thân niệm xứ, vô lượng tâm giải thoát, tuệ giải thoát, biết như thật; đối với các pháp bất thiện đã khởi kia, vắng lặng, dứt sạch không còn sót, đôi với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, được đây đủ, đã giải thoát đây đủ. Những ác hạnh của thân xúc, đều được dừng nghỉ, tâm được chánh niệm. Đó gọi là cửa thứ nhất, khéo điều phục, gìn giữ, tu tập. Mắt và sắc5 tai và tiếng, mũi và mùi, lưỡi và vị9 thân và xúc, ý và pháp cũng lại như vậy. Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói: Lạ thay! Lạ thay! Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, tôi hỏi về nghĩa gìn giữ cửa, ngài liên vì tôi nói vê nghĩa gìn giữ cửa. Giông như người đi tìm cây thuôc độc lại được cam lộ. Nay tôi cũng như vậy, đem lòng sân, si đi đến ngồi đây, lại được ngài đem mưa pháp rưới mát thân tôi như mưa cam lộ. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên9 tôi bận nhiều việc xin cáo từ. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói: Bà-la-môn, nên biết đúng thời! Khi ấy, Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, vui vẻ ra về.

KINH SỐ 256

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la cùng ở núi Kỳxà quật.

KINH TẠPA-HÀM 205

thân niệm xứ... đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát không biết như thật; đối với những thứ đó khởi các pháp ác bất thiện, không được diệt sạch; đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát bị trở ngại, không được đầy đủ. Vì tâm giải thoát, tuệ giải thoát không được đầy đủ nên thân đầy những ác hạnh, không được dừng nghỉ, tâm không tịch tĩnh. Vì không tịch tĩnh nên đối với căn môn không điều phục, không gìn giữ, không tu tập được. Mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và mùi, lưỡi và vị? thân và xúc, ý và pháp cũng lại như vậy. Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói: Lạ thay! Lạ thay! Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên9 tôi hỏi về không giữ gìn cửa, ngài liên vì tôi nói vê không giữ gìn cửa. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên- diên5 thế nào gọi là khéo giữ gìn cửa? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói: Lành thay! Lành thay! Ông hỏi ta về nghĩa khéo giữ gìn cửa. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, ta sẽ nói cho ông nghe vê nghĩa khéo giữ gìn cửa. Đa văn Thánh đệ tử mắt thấy sắc rồi? đối với sắc đáng nhớ, không khởi tâm duyên theo, dính mắc; đoi với sắc không đáng nhớ, không khởi lòng sân hận, thường nhiếp phục tâm mình, trụ thân niệm xứ, vô lượng tâm giải thoát, tuệ giải thoát, biết như thật; đối với các pháp bất thiện đã khởi kia, vắng lặng, dứt sạch không còn sót, đôi với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, được đây đủ, đã giải thoát đây đủ. Những ác hạnh của thân xúc, đều được dừng nghỉ, tâm được chánh niệm. Đó gọi là cửa thứ nhất, khéo điều phục, gìn giữ, tu tập. Mắt và sắc5 tai và tiếng, mũi và mùi, lưỡi và vị9 thân và xúc, ý và pháp cũng lại như vậy. Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói: Lạ thay! Lạ thay! Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, tôi hỏi về nghĩa gìn giữ cửa, ngài liên vì tôi nói vê nghĩa gìn giữ cửa. Giông như người đi tìm cây thuôc độc lại được cam lộ. Nay tôi cũng như vậy, đem lòng sân, si đi đến ngồi đây, lại được ngài đem mưa pháp rưới mát thân tôi như mưa cam lộ. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên9 tôi

bận nhiều việc xin cáo từ. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói: Bà-la-môn, nên biết đúng thời! Khi ấy, Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, vui vẻ ra về.

KINH SỐ 256

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la cùng ở núi Kỳxà quật.

206 KINH TẠP A-HÀM

Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la sau giờ tọa thiền buổi chiều, đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất5 cùng nhau chào hỏi rồi ngồi xuống một bên, hỏi Tôn giả Xá- lợi-phất: -Tôi có điều muốn hỏi, ngài có rảnh để giải đáp cho chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Tùy theo câu hỏi của Hiền giả, điều nào tôi biết, tôi sẽ trả lời. Tôn giả Câu-hy-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Nói là vô minh, thế nào là vô minh? Ai có vô minh này? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Vô minh là không biết, không biết là vô minh. Không biết điều gì? sắc là vô thường, không biết như thật sắc là vô thường, sắc là pháp hoại diệt, không biết như thật sắc là pháp hoại diệt, sắc là pháp sanh diệt, không biết như thật sắc là pháp sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường; không biết như thật thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. ... thức là pháp hoại diệt, không biêt như thật... thức là pháp hoại diệt. ... thức là pháp sanh diệt, không biết như thật... thức là pháp sanh diệt. Này Ma-ha Câu-hy-la, đối với năm thọ ấm này, không thấy, không biết như thật, không có giác tuệ tương tục, ngu si, không sáng suốt, gọi là vô minh. Người thành tựu những điều này gọi là người vô minh. Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: Gọi là minh, the nào gọi là minh? Ai có minh này? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Minh tức là biết, biết tức là minh.

Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: Biết điều gì? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Đó là sác vô thường, biêt như thật sác là vô thường. Sác là pháp hoại diệt, biết như thật sắc là pháp hoại diệt, sắc là pháp sanh diệt, biết như thật sắc là pháp sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường; biết như thật thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. ... thức là pháp hoại diệt, biết như thật... thức là pháp hoại diệt. ... thức là pháp sanh diệt, biết như thật... thức là pháp sanh diệt. Này Hiền giả Câu-hy-la5 đối với năm thọ ấm này, biết như thật, thấy rõ, giác tuệ tương tục, gọi đó là minh. Người nào thành tựu những pháp này gọi là người có minh. Sau khi nghe xong những lời này, hai Tôn giả vui vẻ đứng lên, mỗi người trở về chỗ cũ của mình.

KINH SỐ 257 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

KINH TẠPA-HÀM 207

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la cùn^ ở núi Kỳ- xà quật. Khi ây, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la sau giờ tọa thiên buổi chiêu, đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất cùng nhau hỏi thăm xong, ngồi xuống một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Tôi có điều muốn hỏi, Hiền giả có rảnh để giải đáp cho chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Tùy theo câu hỏi của Hiền giả, điều nào tôi biết sẽ trả lời.

Tôn giả Câu-hy-la hỏi: Gọi là vô minh, the nào là vô minh? Ai có vô minh này? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Vô minh nghĩa là không biết, không biết là vô minh. Không biết điều gì? Đó là không biết như thật về sắc, sắc tập? sắc diệt, sắc diệt đạo tích; không biết như thật ve thọ, tưởng, hành, thức; không biết như thật về... thức tập;... thức diệt;... thức diệt đạo tích. Này Ma-ha Câu-hy-la9 đối với năm thọ ấm này, không thấy, không biết như thật, không có giác tuệ tương tục, ngu si, không sáng suốt, gọi đó là vô minh. Người nào thành tựu điều đó gọi là vô minh. Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: - Thế nào là minh? Ai có minh này? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Gọi là minh tức là biết, biết là minh vậy.

Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: Biết những điều gì? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Đó là biết như thật về sắc, sắc tập, sắc diệt, sắc diệt đạo tích; biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về... thức tập;... thức diệt;... thức diệt đạo tích. Này Hiền giả Câu-hy-la9 đối với năm thọ ấm này, biết như thật, thấy rõ, giác tuệ tương tục, gọi đó là minh. Người nào thành tựu những pháp này gọi là có minh. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, cùng nhau hoan hỷ, mỗi người đứng dậy trở về chỗ cũ của mình.

KINH SỐ 258 A Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương x trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giơ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Cau-hy-la címg ở núi Kỳ-xà quật. Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la sau giờ tọa thiền buổi chiều, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất9 cùng nhau hỏi thăm xong, ngồi xuống một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

-Tôi có điều muốn hỏi, Hiền giả có rảnh để giải đáp cho chăng? Tùy theo câu hỏi của Hiền giả, điều gì tôi biết sẽ trả lời.

Tôn giả Câu-hy-la hỏi:

Gọi là vô minh, thế nào là vô minh? Ai có vô minh này?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

Không biết là vô minh.

Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: -Không biết những gì? -Đó là không biết như thật về sắc, sắc tập, sắc diệt, sắc vị, sắc hoạn, sắc ly; không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; không biết như thật về... thức tập;... thức diệt;... thức vi;... thức hoạn;... thức ly. Này Ma-ha Câuhyla, đối với năm thọ ấm này, không biết như thật, không thấy như thật, không có giác tuệ tương tục, ngu si, tối tăm, gọi là vô minh. Ai thành tựu những pháp này gọi là vô minh. Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: -Nói là minh, thế nào là minh? Ai có minh này? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Biết là minh.

Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: -Biết điều gì? -Đó là biết như thật về sắc, sắc tập, sắc diệt, sắc vị, sắc hoạn, sắc ly; biết như thật th, tưởng, hành, thức; biết như thật về... thức tập;... thức diệt;... thức vi;... thức hoạn;... thức ly. Này Ma-ha Câu-hy-la, đối với năm thọ ấm này, biết như thật, thấy như thật, thấy rõ, giác tuệ tương tục, gọi là minh. Ai thành tựu những pháp này gọi là có minh. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, cùng nhau hoan hỷ, mỗi người đứng lên trở về chỗ cũ của mình.

KINH SỐ 259 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la cùng ở núi Kỳ-xà quật. Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la sau giờ tọa thiền buổi chiều, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau hỏi thăm xong, ngồi xuống một bên, hỏi Tôn giả Xa-lợi-phất: -Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh vì tôi trả lời cho chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Tùy theo câu hỏi của Tôn giả, điều nào tôi biết, tôi sẽ trả lời.

KINH TẠPA-HÀM 209

Tôn giả Câu-hy-la hỏi: Nêu Tỳ-kheo chưa được pháp giác tuệ tương tục, muôn câu pháp giác tuệ tương tục, bằng cách gì để cầu? Nên tư duy pháp gì? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Nêu Tỳ-kheo chưa được pháp giác tuệ tương tục, muốn cầu pháp giác tuệ tương tục, phải tinh cần tư duy năm thọ ấm là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là giết hại, vô thường, khổ, không, vô ngã. Vì sao? Vì đây là những điều nên tư duy. Nêu Tỳ-kheo đoi với năm thọ ấm này tinh cần tư duy, sẽ được chứng quả Tu-đà-hoàn. Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: -Đã chứng quả Tu-đà-hoàn, nếu muốn chứng quả Tư-đà-hàm5 người ấy phải tư duy những pháp gì? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Này Hiên giả Câu-hy-la, đã chứng quả Tu-đà-hoàn roi, nêu muôn chứng quả Tư-đà-hàm, cũng phải tinh cần tư duy năm thọ ấm này là bệnh hoạn, là ung nhọt, là gai nhọn, là giết hại, vô thường, khổ, không, vo ngã. Vì sao? Vì đây là những điều nên tư duy. Nếu Tỳ-kheo đối với năm thọ ấm này tinh cần tư duy, sẽ được chứng quả Tư-đà-hàm. Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: Đã chứng quả Tư-đà-hàm, nếu muốn chứng quả A-na-hàm, người ấy phải tư duy những pháp gì? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Này Hiên giả Câu-hy-la? đã chứng quả Tư-đà-hàm, nêu muôn được A-na- hàm, cũng phải tinh cần tư duy năm thọ ấm này là bệnh hoạn, là ung nhọt, là gai nhọn, là giết hại, là vô thường, khổ, không, vo ngã. Vì sao? Vì đó là những điều nên tư duy. Nấu Tỳ-kheo, đối với năm thọ ấm này tinh cần tư duy, được chứng quả A-na-hàm rồi, muốn chứng quả A-la-hán, cũng phải tinh cần tư duy năm thọ am này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là giết hại, là vô thường, kho, không, vô ngã. Vì sao? Vì đó là điều nên tư duy. Nếu Tỳ-kheo đối với năm thọ ấm này tinh cần tư duy, sẽ được chứng quả A-la-hán. Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: —Đã chứng quả A-la-hán, còn phải tư duy những pháp gì? Tôn giả Xá-lợi-phát đáp: -Này Ma-ha Câu-hy-la, A-la-hán cũng lại tư duy năm thọ ấm này là bệnh hoạn, là ung nhọt, là gai nhọn, là giết hại, là vô thường, khô, không, vô ngã. Vì sao? Vì được điều chưa được, chứng pháp chưa chứng, thấy pháp, an vui trong Chánh pháp. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, cùng nhau hoan hỷ, mỗi người đứng lên trở về chỗ cũ của mình.

210 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ 260

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy gia Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau hỏi thăm xong, ngồi qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-nan:

-Tôi có điều muốn hỏi, Hiền giả có rảnh để giải đáp cho chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

-Tôn giả cứ hỏi, tôi sẽ đáp.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-nan:

Nói là diệt, thế nào là diệt? Ai có diệt này?

Tôn giả A-nan đáp: Năm thọ âm là góc tạo tác, là góc suy nghi, mong câu, là pháp vô thường, hoại diệt. Vì pháp ấy hoại diệt nên gọi là diệt. Những gì là năm? Đó là sắc thọ ấm, là gốc tạo tác, là gốc suy nghĩ, mong cầu, là pháp vô thường, hoại diệt. Vì pháp ấy hoại diệt nên gọi là diệt. Như thê thọ, tưởng, hành, thức c&ig là góc tạo tác, gốc suy nghĩ, mong cầu, là pháp vô thường hoại diệt. Vì pháp ây hoại diệt nên gọi là diệt. Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Đúng the! Đúng the! A-nan, như điều Hiền giả nói, năm thọ ấm này là gốc tạo tác, là gốc suy nghĩ, mong cầu, là pháp vô thường, hoại diệt, vì pháp ấy hoại diệt nên gọi là diệt. Những gì là năm? Đó là sắc thọ ấm, là gốc tạo tác, là góc suy nghĩ, mong câu, là pháp vô thường, hoại diệt. Vì pháp ây hoại diệt nên gọi là diệt. Như thê thọ, tưởng, hành, thức là góc tạo tác, là góc suy nghĩ, mong cầu, là pháp vô thường, hoại diệt. Vì pháp ấy hoại diệt nên gọi là diệt. Này Hiên giả A-nan, năm thọ âm này, nêu khônệ phải là góc tạo tác, góc suy nghĩ, mong câu, làm sao mà diệt được? Này Hiên giả A-nan, vì năm thọ ấm này là gốc tạo tác, gốc suy nghĩ, mong cầu, là pháp vô thường, hoại diệt. Vì pháp ây hoại diệt nên gọi là diệt. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, hoan hỷ trở về chỗ cũ của mình.

KINH SỐ 261 Tôi nghe như vầy: Một thời, Tôn giả A-nan trú tại nước Câu-diệm-di, trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo: -Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni tử lúc tuổi trẻ mới xuất gia, thường nói pháp yếu sâu xa như thế này: “A-nan đối với pháp sanh pháp chấp là ngã, chẳng phải không sanh. A-nan, the nào đoi với pháp sanh pháp chấp là ngã, chẳng phải không sanh? sắc sanh,

KINH TẠPA-HÀM 211

sanh là ngã, chẳng phải không sanh. Thọ, tưởng, hành, thức sanh, sanh là ngã, chăng phải không sanh. Ví như người cầm tấm kính sáng và mặt nước trong, tự xem thấy mặt mình sanh ra. Vì sanh cho nên thấy, chẳng phải không sanh. Thế nên A-nan? sắc sanh, bởi sanh nên chấp là ngã, chẳng phải không sanh. Như thế thọ, tưởng, hành, thức sanh, bởi sanh nên chấp là ngã, chẳng phải không sanh. Này A-nan, thế nào, sắc là thường hay vô thương?" Đáp: “vHhường!”

Lại hỏi: "V6 thường là khổ chng?" Đáp: “Là khổ!" Lại hỏi: "V6 thường, khổ, là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó chấp là ngã, khác ngã hoặc ở trong nhau chng?” Đáp: "Thưa kh6ng!” "Nhu thế thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thương?" Đáp: "Vo thương "Vậy vô thường là khổ chng?" uLakho!" Lại hỏi: "Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó chấp là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chang?^ Báp: “liuakh6ng!” "Này A-nan, vì thế nên sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹI), hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần, tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Như vậy, thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vi lai, hoặc hiện tại, hoặc trong

ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần, tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Biết như thật, quán như thật như vậy. Quán như vậy, Thánh đệ tử đối với sắc sanh nhàm chán, ly dục, giải thoát: 'Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau/Như vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh nhàm chán, ly dục, giải thoát: 'Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau. s

Các Tỳ-kheo nên biết, nhờ vi Tôn giả ấy ta được sự lợi ích lớn. Ta từ chỗ Tôn giả ấy nghe pháp xong, liền xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Ta từ khi ấy đến nay, thường đem pháp này nói với bốn chúng, mà chẳng nói với các Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo.

KINH SO 262 Tôi nghe như vây: Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn chưa bao lâu, một thời có chúng nhiều Tỳ- kheo Thượng tọa, ở tại Lộc Uyển, nơi tiên nhơn đọa xứ, trong nước Ba-la-nại. Một hôm sánẹ sớm, Trưởng lão Xiển-đà đắp y, mang bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Khát thực xong, vi ây thu dọn y bát, rửa chân roi câm chìa khóa cửa, đi từ rừng này đến rừng kia, từ phòng này đến phòng kia, từ chỗ kinh hành này đến chỗ kinh hành kia, đến mỗi nơi và thưa các Tỳ-kheo: Xin các ngài dạy cho tôi, vì tôi nói pháp để cho tôi được biết pháp, thấy pháp, tôi sẽ biết đúng như pháp mà quan sát như pháp. Khi ấy, các Tỳ-kheo nói với Xiển-đà: Sắc vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường; tất cả hành vô thường, tất cả pháp vô ngã, Niết-bàn tịch diệt. Xiển-đà nói với các Tỳ-kheo: -Tôi đã biết sắc vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường; tất cả hành vô thường, tất cả pháp vô ngã, Niết-bàn tịch diệt. Xiển-đà lại nói tiếp: -Nhưng tôi không ưa khi nghe tất cả các hành không tịch, bất khả đắc, ái tận, lìa dục, Niết-bàn. ở trong đây làm sao lại có ngã mà nói là biết như vậy, thấy như vậy, gọi đây là thấy pháp? Lần thứ nhì, lần thứ ba, Xiển-đà lặp lại lời nói như thế. Xiển-đà lại nói: ở tronệ đây vị Tỳ-kheo nào có khả năng vì tôi nói pháp, khiến tôi được biết pháp, thay pháp? Xiên-đà lại thâm nghĩ: "Tôn giả A-nan đang ở vườn Cù-sư-la? nước Câu- diệm-di, đã từng cúng dường, gần gũi Thế Tôn và được Phật khen ngợi, các bậc Phạm hạnh đều biết. Tôn giả áy chắc chắn có thể vì ta nói pháp, khiến ta biết pháp, thây pháp.” Xiển-đà qua đêm đó, sáng sớm đắp y, mang bát vào thành Ba-la-nại khất thực, khất thực xong, trở về thu dọn ngọa cụ, mang y bát, đi đến nước Câu- diệm-di. Xiển-đà dần dần du hành đến Câu-diệm-di, xếp đặt y bát, rửa chân xong, đến chỗ Tôn giả A-nan cùng nhau hỏi thăm, rồi ngoi qua một bên. LÚC ây, Xiên-đà thưa với Tôn giả A-nan: Một thòi, các Tỳ-kheo Thượng tọa tru tại Lộc Uyển, chỗ tiên nhơn đọa xứ, trong nước Ba-la-nại. Một hôm, sáng sớm, tôi đắp y, mang bát vào thành

Ba-la-nại khất thực, thọ thực xong trở về thu dọn y bát, rửa chân rồi tôi cầm chìa khóa cửa đi từ rừng này đến rừng kia, từ phòng này đến phòng kia, từ chỗ kinh hành này đen chỗ kinh hành kia, đen chỗ nào gặp các vị Tỳ-kheo tôi đều thưa rang: "Xin dạy cho tôi, hãy vì tôi nói pháp, khiến cho tôi được biết pháp, thấy pháp?9 Lúc ấy, các Tỳ-kheo

vì tôi nói pháp: usắc vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường; tất cả hành vô thường, tất cả pháp vô ngã, Niết-bàn tịch diet." Khi đó tôi nói với các Tỳ-kheo: "Tôi đã biết sắc vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường; tất cả hành vô thường, tất cả pháp vô ngã, Niết-bàn tịch diệt. Nhưng tôi không ưa khi nghe tất cả các hành không tịch, bất khả dắc, ái tận, lìa dục, giải thoát. Trong dây làm sao có ngã mà nói biết như vậy, thấy như vậy, gọi đó là thấy pháp?" Bấy giờ, tôi nghĩ: "Trong các Tỳ-kheo ấy, ai là người có khả năng nói pháp khiến cho tôi được biết pháp, thay pháp?" Tôi lại khởi niệm: "Ngài A-nan hiện đang ở tại vườn Cù-sư-la? nước Câu-diệm-di9 đã từng cúng dường, ệần gũi Thế Tôn và được Phật ngợi khen, các bậc Phạm hạnh đều biết. Ngài chác chắn có khả năng nói pháp cho tôi, khiến tôi biết pháp, thấy pháp." Lành thay, Tôn giả A-nan! Nay xin vì tôi thuyết pháp, khiến tôi biết pháp, thây pháp. Sau khi nghe Xiển-đà nói, Tôn giả A-nan bảo: Lành thay, Xiển-đà! Tôi rất hoan hỷ, tôi mừng cho Hiền giả có thể đối trước người Phạm hạnh không chút che giấu, phá dẹp gai nhọn giả dối. Này Xiển-đà? kẻ ngu si không thể hiểu sắc vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường; tất cả hành vô thường, tất cả pháp vô ngã, Niết-bàn tịch diệt. Ngày nay Hiền giả kham thọ Diệu pháp thù thắng, giờ đây Hiền giả nên nghe kỹ, tôi sẽ vì Hiền giả giảng nói. Lúc ấy, Xiển-đà nghĩ rằng: "Ta rất vui mừnệ được tâm thắng diệu, tâm sung sướng, phấn khởi, vì ta có the lãnh thọ pháp thang diêu." Tôn giả A-nan nói với Xiển-đà: -Chính tôi được nghe Phật dạy cho Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-dien: "Người thế gian điên đảo nương vào hai bên: Hoặc có hoặc không. Họ bám lấy các cảnh giới, tâm liền chấp trước. Này Ca-chiên-diên, nếu không thọ, không thủ, không trụ, không chấp nơi n^ã, lúc cái khổ này sanh là khổ sanh, lúc cái khổ này diệt là khô diệt. Đôi với điều này không nghi, không mê lầm, không do người khác mà có thể tự biết. Đó gọi là chánh kiến mà Như Lai đã nói. Vì cớ sao? Này Ca- chiên-diên, ai hay chánh quán như thật về thế gian tập thì không sanh kiến chấp cho thế gian là không; ai hay chánh quán như thật về thế gian diệt thì không sanh kiến chấp cho thế gian là có. Này Ca-chiên-diên, Như Lai xa lìa nhị biên, nói Trung đạo, nghĩa là: Cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh. Nghĩa là duyên vô minh có hành, cho đen sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não tập. Nói là cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt. Nghĩa là, vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não diet.”

— . 9 y r Tôn giả A-nan nói pháp này xong, Tỳ-kheo Xiên-đà xa lìa trân câu, được pháp nhãn thanh tịnh. Khi ây, Tỳ-kheo Xiên-đà thây pháp, đác pháp, biêt pháp, khởi pháp, vượt tất cả hoài nghi, không do nệười khác, đôi với giáo pháp của bậc Đạo su, được không sợ hãi, cung kính chăp tay thưa Tôn giả A-nan: Đúng như vậy, bậc trí tuệ Phạm hạnh như vậy, là thiện tri thức, giáo thọ, giáo giới, nói pháp. Tôi nay từ chỗ Tôn giả A-nan được nghe pháp này: "Tất cả hành đều không, đều tịch diệt, bất khả đắc, ái tận, lỵ dục, diệt tận, Niết-bàn, tâm an lạc, chánh trụ giải thoát, không còn thối chuyển, không còn thấy ngã, chỉ thấy Chánh pháp." Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Xiển-đà: Nay Hiền giả đã được thiện lợi lớn, trong Phật pháp sâu xa, được Huệ nhãn của bậc Thẫnh. Lúc ấy, hai vị Chánh sĩ cùng nhau vui vẻ, đứng dậy, mỗi người về chỗ cũ của

mình. * Bài kệ tóm tắt nội dung các kinh trên: Du-lũ-na, ba loại, Vô minh cũng có ba, Vô gián đẳng và diệt, Phú-lâu-na9 Xiển-đà. ***

KINH SỐ 263 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Câu-liru, trong làng nuôi trâu tạp sắc. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Ta do tri kiến nên được sạch hết các lậu, chẳng phải không tri kiến. Thế nào là do tri kiến nên được sạch hết các lậu, chẳng phải không tri kiến? Nghĩa là sắc này, sắc này tập, sắc này diệt. Thọ, tưởng, hành, thức này;... thức này tập;... thức này diệt. Còn không tu tập phương tiện, tùy thuận thành tựu mà dụng tâm mong câu cho mình sạch hết các lậu, tâm được giải thoát thì các thầy nên biết, Tỳ-kheo kia sẽ không thể sạch hết các lậu và giải thoát. Vì cớ sao? Vì chẳng tu tập. Chẳng tu tập những gì? Đó là chẳng tu tập niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo. Ví như ẹà mái sanh nhiều trứng thì không thể tùy thời ấm lạnh ấp trứng mà muốn khiến cho gà con lấy mỏ, móng chân mổ vỏ trứng để thoát ra an ôn. Nên biết gà con kia không đủ sức lấy mỏ, móng mổ vỏ trứng để thoát ra an ổn. Vì cớ sao? Vì gà mẹ không thể tùy thời ấm lạnh ấp trứng, chắt chiu nuôi nấng. Cũng thế, các Tỳ-kheo không siêng năng tu tập, tùy thuận thành tựu mà muốn sạch hết các lậu, giải thoát, việc này không thể có được. Vì cớ sao? Vì không tu tập. Không tu tập những gì? Đó là không tu niệm xứ, chánh cân, như ý túc, căn, lực, giác, đạo. Nếu Tỳ-kheo tu tập, tùy thuận thành tựu, tuy chăng muôn làm cho sạch hết các lậu, giải thoát, Tỳ-kheo ấy vẫn tự nhiên sạch

KINH TẠPA-HÀM 215

hết các lậu, tâm được giải thoát. Vì cớ sao? Vì tu tập vậy. Tu tập những gì? Đó là tu tập niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn? lực; giác, đạo. Như gà mái khéo nuôi con, tùy thời ấp trứng đủ ấm, dù không muốn cho gà con tìm cách tự mổ vỏ trứng thoát ra thì gà con vẫn tự có the xoay xở ra khỏi vỏ trứng. Vì cớ sao? Vì gà mái khéo ấp trứng. Cũng như thế, các Tỳ-kheo khéo tu phương tiện, dù chẳng muốn lậu tận giải thoát, Tỳ-kheo ấy vẫn tự nhiên hết sạch các lậu, tâm được giải thoát. Vì cớ sao? Do siêng năng tu tập. Tu tập những gì? Đó là tu niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo. Ví như người thợ khéo hay học trò của n^ười thợ khéo, tay cầm cán búa, cầm mãi không thôi, dần dần cán búa mòn đi rất vi tế, hiện ra nơi chỗ ngón tay cầm, nhưng người kia chẳng biết cán búa mòn dần đi một cách vi tế, cho đến khi hiện ra nơi chỗ tay cầm. Cũng như vậy, Tỳ-kheo tinh cần tu tập, tùy thuận thành tựu, không tự thấy biết, hôm nay được lậu tận như vậy, ngày mai sẽ lậu tận như vậy. Nhưng Tỳ-kheo kia biết các lậu tận đã sạch hết. Vì cớ sao? Vì nhờ tu tập. Tu tập những gì? Tu tập niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo. Giống như chiêc thuyền lớn đậu ven biển, trải nhiều tháng hè bị gió xát, mặt trời nung, dây cột từ từ đứt. Cũng như thế, Ty-kheo tinh cần tu tập, tùy thuận thành tựu thì tất cả kiết sử phiền não ràng buộc dần dần được giải thoát. Vì cớ sao? Vì khéo tu tập. Tu tập những gì? Đó là tu tập niệm xứ5 chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo. Khi đức Phật nói pháp này, sáu mươi Tỳ-kheo không khởi các lậu, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 264 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, có Tỳ-kheo kia, trong khi thiền định, tư duy rằng: UCÓ sắc thường hằng, không biến đổi, chánh trụ chăng? Như vậy, thọ? tưởng, hành, thức

thường hằng, không biến đổi, chánh trụ chng?" Buổi chiều sau giờ tọa thiền, Tỳ-kheo này đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đứng qua một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con trong lúc ngồi thiền, tư duy khởi niệm: "C6 sắc thường hằng, không biến đổi5 chánh trụ chăng? Cũng thế, thọ, tưởng, hành, thức thường hằng, không biến đổi, chánh trụ chng?" Nay bạch Thế Tôn, có sắc thường hằng, không biến đổi, chánh trụ chăng? Có thọ, tưởng, hành, thức thường hằng, không biến đổi, chánh trụ chăng? Bấy giờ, Thế Tôn tay cầm một nắm đất nhẻ), hỏi Tỳ-kheo ấy: -Thầy có thấy nắm đất trong tay Ta không? Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, con có thấy!

Này Tỳ-kheo, như thê áy, nêu cái ngã băng một chút xíu đát cũng không thể được. Nếu cái ngã có thể được thì đó là pháp thường hằng, không biến đổi, chánh trụ. Phật lại nói: Ta nhớ lại đời trước, tu phước lâu dài, được các sự thắng diệu và quả báo khả ái. Ta đã từng bảy năm tu tập tâm từ, trải qua bảy kiếp thành hoại, Ta không trở lại cõi đời này. Lúc bảy kiếp hoại, Ta sanh lên Quang Âm thiên; lúc bảy kiếp thành, Ta lại sanh lên cõi Phạm, làm Đại Phạm Vương ở trong cung điện giữa hư không, không ai hơn, không ai trên, thống lãnh cả ngàn thế giới. Từ đó về sau, ba mươi sáu lần Ta làm Bế-thích, rồi lại trăm ngàn lần làm Chuyển Luân Thánh Vương, thống lãnh tứ thiên hạ, đem Chánh pháp giáo hóa cai tri, bảy báu đầy đủ, gồm có xe báu, voi báu, ngựa báu, ma-ni báu, ngọc nữ báu, kho báu, đại thần báu và chủ binh báu. Ta có đầy đủ ngàn đứa con, tất cả đều dũng kiện, ở trong bôn biên, đát đai băng phăng, không có gai độc, chăng dùng uy thê, cũng chẳng bức bách, chỉ dùng Chánh pháp để điều phục. Pháp vua quán đảnh có tám muôn bốn ngàn long tượng được trang sức bằng các báu trang nghiêm, lưới báu phủ lên, dựng lập cờ báu, trong đó tượng vương Bố-tát dẫn đầu, sáng chiều hai thời tự hội họp trước điện. Bấy giờ Ta nghĩ thầm: "Bầy voi to lớn này, mỗi ngày vãng lai đạp chết chúng sanh vô số, Ta muốn khiến cho bốn muôn hai ngàn voi này, một trăm năm đến một lần", liền được như sự mong ước, bôn muôn hai ngàn voi, một trăm năm đên một lân. Pháp vua quán đảnh lại có tám muôn bốn ngàn thớt ngựa cũng lấy vàng rồng làm xe cưỡi, lưới vàng phủ lên, Bà-la mã vương dẫn đầu. Pháp vua quán đảnh có tám muôn bốn ngàn loại xe báu như xe vàng, xe bạc, xe lưu ly, xe pha lê, da sư tử, cọp, beo, tạp sắc, xe Khâm-bà-la, che phủ lên trên, xe Bạt-cầu, Tỳ-xà-gia, Nan-đề âm thanh dẫn đầu. Pháp vua quán đảnh thống lãnh tám muôn bốn ngàn thành an vui, phồn thịnh, nhân dân đông đúc do Vua Câu-xá-bà-đề dẫn đầu. Pháp vua quán đảnh có tám muôn bốn ngàn loại cung điện gồm vàng, bạc, lưu ly, pha lê, ma-ni, lưu ly, do-ha là hơn hét. Pháp vua quán đảnh có tám muôn bôn ngàn loại giường báu, băng các thứ như vàng, bạc, lưu ly, pha lê, các thứ nệm lụa quý, ngọa cụ ca-lăng-già đê trải lên trên và đặt gói đỏ. Lại nữa, Tỳ-kheo9 pháp vua quán đảnh lại có tám muôn bốn ngàn thứ y phục như y ca-thi-tế, y sô-ma, y đầu-cưu-la? y câu-chiên-bà. Lại nữa, Tỳ-kheo? pháp vua quán đảnh có tám muôn bốn ngàn ngọc nữ như Sát-lợi nữ, tương tợ Sát-lợi nữ, huống lại là các người nữ khác. Lại nữa, Tỳ-kheo, pháp vua quán đảnh có tám muôn bốn ngàn thức ăn uống đay mỹ vi. Này Tỳ-kheo, trong tám muôn bốn ngàn ngọc nữ, vua chỉ chọn một người để hầu hạ vua; trong tám muôn bốn ngàn y phục báu, vua chỉ mặc có một y; trong tám muôn bốn ngàn giường báu, vua chỉ nằm một giường; trong tám muôn bốn

ngàn cung điện, vua chỉ có một cung; trong tám muôn bốn ngàn thành, vua chỉ ở có một thành gọi là Câu-xá-bà-đề; trong tám muôn bốn ngàn xe báu, vua chỉ cưỡi một xe gọi là Tỳ-xà-giá-na-đề-cù-sa, ra khỏi thành du lãm;

trong tám muôn bốn ngàn thớt ngựa báu, vua chỉ cưỡi một con tên là Bà-la-ha, lông đuôi sắc biếc; trong tám vạn bốn ngàn long tượng, vua chỉ cưỡi một con tên là Bố-tát-đà, ra ngoài thành du ngoạn. Này Tỳ-kheo, đây là nghiệp báo gì được oai đức tự tại như vậy? Đây là ba thứ nghiệp báo. Những gì là ba? Một là bố thí, hai là điều phục, ba là tu đạo. Tỳ-kheo nên biết, kẻ phàm phu tập nhiễm năm dục, không biết đủ, không biết chán. Thánh nhân trí tuệ thành tựu đầy đủ ma luôn luôn biết đủ. Này Tỳ-kheo, tất cả các hanh quá khứ đã diệt hết, quá khứ biến dịch. Các vật tự nhiên có được và danh tiếng, tất cả đều hoại diệt. Vì thế Tỳ-kheo phải dứt han các hành, chán lìa, đoạn dục, giải thoát. Này Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường? Tỳ-kheo ấy bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, vô thường! -Nếu vô thường là khổ chăng? Tỳ-kheo ấy bạch Phật: -Bạch The Tôn, là khổ! -Này Tỳ-kheo, nếu là vô thường, khổ thì đó là pháp biến dịch, Thánh đệ tử có nên ở trong ấy chấp là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Tỳ-kheo ấy bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, không! Như vậy thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? Tỳ-kheo ấy bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, vô thường! - Nếu vô thường là khổ chăng? -Bạch Thế Tôn, là khổ! Này Tỳ-kheo5 nếu vô thường, khổ, đó là pháp biến dịch, Thánh đệ tử có nên ở trong đó chấp là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Tỳ-kheo ấy bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, không! Phật bảo Tỳ-kheo ấy: Những gì thuộc về sắc hoặc quá khứ, hoặc vi lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần, tất cả thứ ấy đều chẳng phải là ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Như vậy, thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vi lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần, tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã và chẳng ở trong nhau. Này Tỳ-kheo, đối với sắc nên sanh tâm nhàm chán, xa lia, muốn giải thoát. Cũng thế đối với thọ, tưởng, hành, thức, nên sanh tâm nhàm chán, lìa dục, giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau."

Tỳ-kheo ấy nghe lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, đảnh lễ Phật rồi lui ra, thường hay nghĩ đến lời dạy về ví dụ nắm đất và ở một mình, chỗ văng vẻ, tinh cần tư duy, sống không buông lung, nhờ sống không buông lung, mà thiện nam tử này cạo bỏ râu tóc, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, lấy Phạm hạnh vô thượng làm cứu cánh, thấy pháp, tự biết tác chứng: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Bấy giờ, Tôn giả ấy cũng tự biết pháp, tâm được giải thoát, thành A-la-hán.

KINH SỐ 265 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại xứ A-tỳ-đà, bên bờ sông Hằng. Khi ấy, Phật nói với các Tỳ-kheo: -Ví như nước sông Hằng chảy mạnh tuôn trào, nổi lên những bọt nước, người mắt sáng nhìn kỹ phân biệt, lúc nhìn kỹ phân biệt, thay không

có gì cả, không có gì ben chắc, không thật, không có gì kiên co. Vì sao? Vì trong nhóm bọt nước kia không có gì chắc thật. Như vậy những gì thuộc về sắc hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần, Tỳ-kheo nên quán sát kỹ5 tư duy phân biệt là không bền chắc, không thật, không kiên cố, như bệnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Vì sao? Vì sắc là không chắc thật. Này các Tỳ-kheo? ví như trời mưa lớn, bong bong nước vừa khởi liền diệt, người mắt sáng nhìn kỹ, tư duy, phân biệt là không bền chắc, không thật, không kiên cố. Vì sao? Vì bong bóng nước không chắc thật. Như vậy này các Tỳ-kheo, những gì thuộc về thọ hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần, Tỳ-kheo nên quán sát kỹ, tư duy phân biệt; quán sát kỹ, tư duy phân biệt là không bền chắc, không thật, không kiên cố, như bệnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, vô thường, khổ, không, vô ngã. Vì sao? Vì thọ không chắc thật vậy. Này các Tỳ-kheo, ví như cuối mùa xuân, đầu mùa hạ không mây, không mưa, giữa trưa nắng gắt, sóng nắng chập chờn, người mắt sáng quán sát kỹ, tư duy, phân biệt; quán sát kỹ, tư duy, phân biệt là không bền chắc, không thật, không kiên cố. Vì sao? Vì sóng nắng không chắc thật. Này các Tỳ-kheo, cũng thê, những gì thuộc về tưởng hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần, Tỳ-kheo nên quán sát ky, tư duy, phân biệt; tư duy, phân biệt là không có gì bền chắc, không thật, không kiên cô, như bệnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, vô thường, khổ, không, vô ngã. Vì sao? Vì tưởng không chắc thật. Này các Tỳ-kheo5 ví như ngượi mắt sáng, muốn tìm gỗ cứng chắc nên cầm búa bén vào rừng. Người này thấy một cây chuối thân ngay thẳng to lớn, liền đốn gốc, chặt đứt ngọn, lột ra từng bẹ, trọn không chác thật, quán sát kỹ, tư duy, phân biệt; khi quán sát kỹ, tư duy, phân biệt, thấy không có gì bền chác, không thật, không kiên cố. Vì sao? Vì cây chuôi vôn không chác thật. Như vậy này các Tỳ-kheo5 những gì thuộc về

hành hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần, Tỳ-kheo nên quán sát kỹ càng, tư duy, phân biệt; quán sát kỹ, tư duy, phân biệt là không có gì bền chắc, không thật, không kiên cố, như bệnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, vô thường, khổ, không, vô ngã. Vì sao? Vì các hành ấy không thật. Này các Tỳ-kheo, ví như nhà ảo thuật hay đệ tử nhà ảo thuật ở ngã tư đường, dối bày các trò tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh... Người có trí mắt sáng quán sát kỹ, tư duy, phân biệt; quán sát kỹ, tư duy phân biệt là không có gì bền chác, không thật, không kiên cố. Vì cớ sao? Vì sự huyễn hóa kia không chắc thật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, những gì thuộc về thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần, Tỳ- kheo nên quán sát kỹ càng, tư duy phân biệt; quán sát kỹ, tư duy, phân biệt là không có gì bền chắc, không thật, không kiên cố, như bệnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, vô thường, khổ, không, vô ngã. Vì cớ sao? Vì thức kia không chắc thật vậy. Lúc ấy, Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này, liền nói bài kệ: Quán sắc như bọt nước, Thọ như bong bóng nước, Tưởng như gợn sóng nắng, Các hành như cây chuối, Các thức, pháp như huyễn, Đây là

lời Phật dạy. Cặn kẽ tư duy khắp, Chánh niệm, khéo quán sát? Chẳng thật, chẳng kiên cố? Chẳng có ngã, ngã sở. Nơi thân khổ ấm này, Đại trí phân biệt nói, Xa lìa ba pháp này, Thân thành vật bỏ đi. Thọ, noãn và các thức, Lìa đây thân phần khác, Vĩnh viễn vùi gò hoang, Như cây, không thức, tưởng. Thân này thường như thế, Giả dối dụ người ngu, Như giết hại, gai độc, Không có gì bền chắc. Tỳ-kheo siêng tu tập, Quán sát ấm thân này, Đêm ngày luôn chuyên tinh, Chánh trí buộc niệm trụ, Hành hữu vi hằng dứt, Trọn được chỗ thanh lương. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 266 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, Phật bảo các Tỳ-kheo: -Đối với sanh tử vô thỉ bị vô minh che lấp, ái kiết buộc ràng, mờ mịt luân hồi, không biết cội ệốc của thống khổ? như lâu ngày không mưa, trăm thứ cỏ cây mọc trên mặt đất đều khô khan tàn héo. Này các Tỳ-kheo? do bị vô minh che lấp, ái kiết buộc ràng, nên chúng sanh sanh tử luân hoi, ái kiết không dứt,

không thoát được khổ. Này các Tỳ-kheo, có lúc trời lâu ngày không mưa, nước biển lớn cũng bị khô kiệt. Này các Tỵ-kheo, vì bi vô minh che lấp, ái kiết buộc ràng, nên chúng sanh sanh tử luân hồi, ái kiết không dứt, không hết kho. Này các Tỳ-kheo, có lúc núi chúa Tu-di sụp đổ mãi mãi. Do bị vô minh che lấp và ái kiết buộc ràng, nên chúng sanh chìm đam trong đêm dài sanh tử luân hoi, ái kiết không hết, không dứt khổ. Này các Tỳ-ldieo, có khi quả đất này tan nát vĩnh viễn, những chúng sanh bi vô minh che lấp, ái kiết buộc ràng, nên chiing sanh mờ mịt, mãi mãi chìm đắm sanh tử luân hoi, ái kiết không dứt, không hét khổ. Này các Tỳ-kheo9 ví như con chó bị buộc vào cây cột, sự trói buộc kia không dứt, ngày đêm đi quanh cây cột, xoay vân tới lui. Này các Tỳ-kheo5 cũng như vậy, chúng sanh ngu muội, không biêt như thật vê săc? săc tập, sác diệt, sác vị? sắc hoạn, sắc ly, sẽ mãi mãi luân hồi, xoay chuyển theo sắc. Cũng như thế, chẳng biết như thật thọ, tưởng, hành, thức;... thức tập;... thức diệt;... thức vị;... thức hoạn;... thức ly thì sẽ mãi mãi luân hồi, xoay chuyển theo thức. Này các Tỳ-kheo, chuyển theo sắc, chuyển theo thọ, chuyển theo tưởng, chuyển theo hành, chuyển theo thức. Vì chuyển theo sắc nên không thoát khỏi sắc; vì chuyển theo thọ, tưởng, hành, thức nên không thoát khỏi... thức. Vì không thoát, nên chẳng thoát khỏi sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Đa văn Thánh đệ tử như thật biết về sắc, sắc tập, sắc diệt, sắc vị? sắc hoạn, sắc ly. Do như thật biết về thọ, tưởng, hành, thức;... thức tập;... thức diệt;... thức vị;... thức hoạn;... thức ly nên không chuyển theo... thức. Vì không chuyển theo nên thoát khỏi sắc, thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Ta nói thoát khỏi sanh-già-bệnh- chết-iru-bi-khổ-não. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 267 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh ở trong vô thỉ sanh tử, bi vô minh che lấp, ái kiết buộc ràng, mãi mãi luân hoi trong sanh tử, không biết bờ mé khổ đau. Này các Tỳ-kheo, ví như con chó bi buộc vào cây cột, vì sự trói buộc này

không dứt, nên nó chỉ xoay chuyển theo cây cột, hoặc đứng, hoặc nằm, không lúc nào rời khỏi cây cột. Cũng như thế, chúng sanh phàm phu, đối với sắc không lìa tham dục, chẳng lìa yêu thích, chẳng lìa nghĩ nhớ, chẳng lìa khao khát, chìm đắm nơi sắc, theo sắc chuyển, hoặc đứng, hoặc nằm, chẳng lìa sắc. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức chuyên theo thọ, tưởng, hành, thức, hoặc đứng, hoặc nằm, không rời khỏi... thức. Này các Tỳ-kheo, hãy khéo tư duy quán sát tâm mình. Vì cớ sao? Vì tâm luôn luôn bị tham dục làm nhơ, bị sân hận, ngu si làm nhơ. Này các Tỳ-kheo, vì tâm phiền não nên chúng sanh phiền não. Vì tâm tịnh nên chúng sanh tịnh. Này các Tỳ-kheo? Ta không thây một sắc, mà các thứ sắc như chim có nhiều màu

Sắc, tâm lại còn hơn thế nữa. Vì cớ sao? Vì súc sanh kia có đủ thứ tâm, nên có đủ thứ sắc. Vì thế, Tỳ-kheo phải quán sát tâm mình. Này các Tỳ-kheo, tâm luôn luôn bị tham dục làm nhiễm, sân hận, ngu si làm nhiễm; do tâm phiền não nên chúng sanh phiền não; do tâm tịnh nên chúng sanh tịnh. Này các Tỳ-kheo, các thầy có thấy loài chim sài-lang-na có nhiều màu sắc không? -Bạch Thế Tôn, chúng con đã từng thấy! Phật nói: -Này các Tỳ-kheo, như chim sài-lang-na có nhiều màu sắc. Ta nói loài chim có nhiều thứ tâm cũng lại như thế. Vì cớ sao? Vì chim sài-lang-na có các thứ tâm, nên sắc nó nhiều màu. Vì thế Tỳ-kheo phải khéo quán sát, tư duy tâm mình, vì luôn luôn có các thứ tham dục, sân hận và ngu si làm nhơ tâm; do tâm phiền não nên chúng sanh phiền não, do tâm tịnh nên chúng sanh tịnh. Như người thợ vẽ hoặc học trò của người thợ vẽ khéo sửa chỗ sạch, dùng đầy đủ các màu sắc, tùy ý vẽ nên các hình tượng. Như thế, này các Tỳ-kheo, chúng sanh phàm phu không như thật biết sắc, sắc tập, sắc diệt, sắc vị, sắc hoạn, sắc ly, đối với sắc không như thật biết, nên ưa thích đắm trước nơi sắc. Vì ưa thh đắm trước sắc nên sanh các sắc vị lai. Cũng như thế, phàm phu không như thật biết thọ, tưởng, hành, thức;... thức tập;... thức diệt;... thức vị;... thức hoạn;... thức ly. Do không như thật biết, nên ưa thích đắm trước nơi thức, vì ưa thích đắm trước nơi thức, nên sanh ra các thức vi lai. Vì sanh ưa thích, đắm trước sắc, thọ, tưởng, hành, thức vị lai, cho nên đối với sắc không được giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức không được giải thoát. Ta nói người ấy không thoát khỏi sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Đa văn Thánh đệ tử như thật biết sắc, sắc tập, sắc diệt, sắc hoạn, sắc vị9 sắc ly. Vì như thật biết, nên không ưa thích, đam trước nơi sắc. Do khônệ ưa thích đam trước nên không sanh ưa thích, đam trước sắc vị lai; như thật biêt thọ, tưởng, hành, thức;... thức tập;... thức diệt;... thức vị;... thức hoạn;... thức ly. Do như thật biết nên không nhiễm trước nơi... thức, do không nhiễm trước nên không sanh ưa thích, đắm trước các... thức vị lai. Vì chẳng ưa thích đắm trước các sắc? thọ, tưởng, hành, thức nên giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Ta nói người ấy giải thoát khỏi sanh-già-bệnh-chết-iru-bi-khổ-não. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 268 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như con sông phát xuất từ khe núi, dòng nước sâu, chảy cuồn cuộn, có thể cuốn trôi tất cả. Hai bên bờ sông mọc nhiều

loại cây cỏ um tùm bi dòng

nước cuôn năm rạp bên bờ. Chúng sanh bơi lội, nhiêu người bị nước cuôn trôi theo dong chìm đam, gặp song đay vao gan bơ, tay VỌI vang chụp lay co, cay co lại đứt, lại bi trôi theo dòng nước. Như vậy, này các Tỳ-kheo5 cũng như chúng sanh phàm phu không như thật biết sắc, sắc tập, sắc diệt, sắc vị, sắc hoạn, sắc ly. Vì không như thật biết, nên ưa thích đam trước nơi sắc, nói rang sắc là ta, theo sắc kia mà chết. Cũng vậy, không như thật biết thọ, tưởng, hành, thức;... thức tập;... thức diệt;... thức vi;... thức hoạn;... thức ly; vì không như thật biết, nên ưa thích đam trước nơi... thức; nói... thức là ta; theo... thức kia mà chết. Đa văn Thánh đệ tử như thật biêt sac? sac tập, sac diệt, sac vị, sac hoạn, sac ly. Do như thật biêt, nên không ưa thích, đăm trước nơi sac; như thật biêt thọ, tưởng, hành, thức;... thức tập;... thức diệt;... thức vị;... thức hoạn;... thức ly. Do như thật biết, nên không ưa thích, đắm trước, tự biết như thế sẽ được Bát-niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tư biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 269 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Những pháp không phải của các thầy, hãy nên buông bỏ, xa lìa; buông bỏ những pháp ây roi, các thây sẽ được an vui mãi mãi. Này các Tỳ-kheo, những pháp gì không phải của các thầy, các thầy phải nhanh chóng lìa bỏ? sắc, thọ, tưởng, hành, thức không phải pháp của các thầy, hãy lìa bỏ, dứt sạch. Dứt sạch pháp ấy5 các thầy sẽ được an vui mãi mãi. Ví như cây cối trong rừng Kỳ Hoàn, có người đến đốn cành lá rồi đem đi, các thày cũng chẳng lấy làm lo buồn. Vì sao? Vì cây ấy chẳng phải ta, chẳng phải của ta. Như vậy, này các Tỳ-kheo, những gì không phải của các thầy, hãy buông bỏ? xa lìa tất cả; xa lìa hết rồi thì các thầy sẽ được an vui mãi mãi. Những gì không phải của các thầy? sắc không phải của các thầy, phải buông bỏ, xa lìa, xa lìa rồi sẽ được an vui mãi mãi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không phải của các thầy, hãy nhanh chóng buông bỏ, xa lìa, xa lìa các pháp ấy rồi, sẽ được an vui mãi mãi. Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch: - Bạch Thế Tôn, vô thường! Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, là khổ!

Phật bảo: -Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy có ta, khác ta, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Như vậy thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? - Bạch Thế Tôn, vô thường! Phật bảo: -Nếu vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, là khổ! Phật bảo: -Nếu vô thường, là khổ? là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy có ta, khác ta, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, không! Này các Tỳ-kheo? vì thế những gì thuộc về sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hay hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần, tất cả đều chẳng phải ta, chẳng

khác ta, chẳng ở trong nhau. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hay hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô tế, hoặc tốt xấu, hoặc xa gần, tất cả những pháp đó đều chẳng phải ta, chẳng khác ta, chăng ở trong nhau. Thánh đệ tử quán sát năm ấm này chẳng phải ta? chẳng phải của ta. Lúc quán sát như thế thì đối với thế gian không có chỗ nắm giữ, dính mắc. Vì không nắm giữ, dính mắc nên tự được Niết-bàn: uSự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc can làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 270 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt được tất cả dục ái5 sắc ái? vô sắc ái, trạo cử? kiêu mạn, vô minh. Cũng như người làm ruộng, cuối hạ đầu thu, cày sâu đất, làm sạch cỏ. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt được tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh. Này các Tỳ-kheo, như người cắt cỏ, tay nắm lấy gốc cỏ? đưa lên giũ sạch, cỏ khô héo đều rớt hết, lay được những cọng cỏ dài. Như the Tỳ-kheo tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt hẳn tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc

ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh. Ví như quả am-la lơ lửng trên cây, một cơn ệió mạnh thôi qua, quả đó liên rụng. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiêu, có thể dứt tát cả dục ái5 sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh. Ví như bên trong lầu gác để các thứ gỗ ván đều bền chắc, giữ gìn không phân tán. Cũng vậy5 tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có the dứt tất cả dục ái, sắc ái? vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh. Ví như trong tất cả dấu chân của chúng sanh thì dấu chân voi là lớn, vì có thể bao gồm nhiều dấu chân khác. Cũnệ vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh. Ví như tát cả sônẹ ngòi ở thê gian này, đêu đô ra biên lớn, biên lớn này hơn hết, vì nó bao gôm tát cả. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn và vô minh. Ví như mặt trời xuất hiện, có thể phá trừ sự tối tăm của thế gian. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt tất cả dục ái, sắc ải, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn và vô minh. Ví như Chuyển Luân Thánh Vương so với các tiểu vương là tối thượng, tối thắng. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có the dứt tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái5 trạo cử, kiêu mạn và vô minh. Này các Tỳ-kheo? thế nào là tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn và vô minh? Nêu Tỳ-kheo ở chô văng hoặc trong rừng cây, khéo chánh tư duy, quán sát sắc vô thường, thọ, tưởng, hành, thức vô thường, tư duy như thế thì dứt hết tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn và vô minh. Vì sao? Ai tu vô thường tưởng thì có thể tu vô ngã tưởng. Thánh đệ tử trú ở vô ngã tưởng, tâm lìa ngã mạn, thuận đắc Niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 271 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, Tỳ-kheo tên là Đề-xá cùng với nhiều Tỳ-kheo khác tụ tập ở

trong nhà ăn. Tỳ-kheo Đề-xá nói với các Tỳ-kheo:

-Thưa các Hiền giả, tôi không thể phân biệt đối với pháp, tôi chẳng ưa tu Phạm hạnh nữa, chỉ ưa thích ngủ nghỉ, đối với pháp tôi rất nghi hoặc. Bấy giờ, trong chúng có một Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật, đứng qua một bên, rồi bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Đề-xá nhan lúc chúng Tăng tụ tập nơi nhà ăn, đã nói những lời như sau: "T6i không thể phân biệt đối với pháp, không ưa tu Phạm hạnh, ham thích ngủ nghỉ, đối với pháp còn nghi hoặc.,? Phật bảo: Này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Đề-xá này là kẻ ngu si, không gìn giữ các căn, ăn

M A uông không được chừng mực, đâu đêm, cuôi đêm, tâm không tỉnh giác, giải đãi biếng nhác, không nỗ lực tinh tấn, không khéo quán sát tư duy thiện pháp; Tỳ- kheo kia đôi với phân biệt pháp, tâm ưa tu Phạm hạnh, lìa sự ngủ nghỉ, ở trong Chánh pháp không còn nghi hoặc, việc này không thể xảy ra. Nếu đúng là Tỳ-kheo giữ gìn các căn, ăn uống chừng mực, đầu đêm, cuối đêm, tỉnh giác tinh tấn, quán sát thiện pháp, ưa phân biệt pháp, ưa tu Phạm hạnh, xa lìa ngủ nghỉ, tâm không nghi hoặc, điều này có thể xảy ra. Khi ấy, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo: -Thầy hãy đến nói với Tỳ-kheo Đề-xá rằng: "Dạo sư gQÌ." Tỳ-kheo bạch Phật: - Xin vâng, bạch Thế Tôn! Sau khi lễ chân Phật, Tỳ-kheo kia đi đến chỗ Đề-xá, bảo rằng: - Thế Tôn gọi thầy! Đề-xá vâng lời, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, ngồi xuống một bên. Bây giơ, The Ton noi vơi Tỳ-kheo Đê-xá: Có thật thầy cùng với nhiều Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn và tuyên bố những lời như sau: "Thua các Trưởng lão, tôi không thể phân biệt đối với pháp, không ưa tu Phạm hạnh, chỉ ưa ngủ nghỉ, nghi hoặc pháp?" Đề-xá bạch Phật: -Thật như vậy, bạch Thế Tôn! Phật hỏi Đề-xá: - Bây giờ Ta hỏi thầy, hãy tùy ý trả lời. Ý thầy nghĩ sao? Nếu đối với sắc không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa nghĩ nhớ, không lìa khao khát, sắc ấy nếu biến đổi hoặc khác đi thì thầy nghĩ thế nào, có sanh ra lo buồn, khổ não chăng? Đề-xá bạch Phật: Thật vậy, bạch Thế Tôn. Nếu đối với sắc chẳng lìa tham, chẳng lìa dục, chẳng lìa ái, chẳng lìa nghĩ nhớ, chẳng lìa khao khát, sắc ấy nếu biến đổi hoặc khác đi thì quả thật sẽ khởi lo buồn, khổ não. Bạch Thế Tôn, thật như thế, không khác. Phật bảo Đề-xá: -Lành thay! Lành thay! Bề-xá, đúng như thế, chẳng lìa tham dục mà nói pháp. Này Đầ-xá, đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng lìa tham, chẳng lìa dục, chẳng lìa yêu thích, chẳng lìa nghĩ nhớ, chẳng lìa khao khát;... thức ấy hoặc biến đôi hoặc khác đi, ý thây nghĩ sao, có sanh ra lo buôn, khô não chăng? Đề-xá bạch Phật: Bạch Thế Tôn, đúng như vậy, đối với... thức chẳng lìa tham, chẳng lìa

dục, chẳng lìa niệm, chẳng lìa khao khát, nếu... thức ấy biến đổi hoặc khác di, thật sẽ khởi lo buồn và khổ não. Bạch Thế Tôn, thật như thế, không khác. Phật bảo Đề-xá: -Lành thay! Lành thay! Thật đúng như vậy, đối với... thức chẳng lìa tham dục nói pháp. Phật nói với Đề-xá: Ý thầy Ïiệhĩ sao? Nếu đối với sắc lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa nghĩ nhớ, lìa khao khát, sắc ẩy hoặc biến đoi hoặc khác di, có sanh ra lo buồn, kho não chăng? Đề-xá bạch Phật: Bạch Thế Tôn, không! Như vậy chẳng khác. Ý thầy nghĩ

sao? Đối với thọ, tưởng, hanh, thức lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa nghĩ nhớ, lìa khao khát;... thức ấy hoặc biến đổi hoặc khác di, có sanh ra lo buồn, khổ não chăng? Đề-xá bạch Phật: Bạch Thế Tôn, không! Như thế chẳng khác. Phật bảo Đề-xá: Lành thay! Lành thay! Đề-xá, bây giờ Ta sẽ nói ví dụ, người trí do ví dụ hiểu được. Như hai người cùng đi trên đường, một người biết rành đường, một người không rành đường, người không biết nói với người biết: "T6i muốn đến thành phố kia, thôn xóm kia, làng mạc kia, hãy chỉ đường cho tôi đến d6." Khi ấy5 người rành đường liền chỉ đường cho người kia, nói rằng: "Anh đi theo con đường này, sẽ thấy hai con đường ở phía trước, bỏ bên trái, đi theo lối phải, sẽ gặp một cái hố sâu và một dòng nước lớn. Lại bỏ bên trái, theo lối phải, sẽ gặp một khu rừng. Lại bỏ bên trái, theo lối phải, anh cứ như thế, từ từ tiến bước thì sẽ đến thành kia." Phật bảo Đề-xá: -Ví dụ này như thế, người không biết đường là ví cho kẻ phàm phu ngu si, còn người biết đường là ví cho Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Hai con đường trước là chỉ cho sự hoài nghi của chúng sanh, con đường bên trái là ba pháp bát thiện: Tham, sân, si; con đường bên phải là chỉ cho ba thiện giác: Xuat yeu ly dục giác, bất sân giác, bất hại giác. Đi qua đường bên trái là chỉ cho tà kiên, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Đi qua đường bên phải là chỉ cho chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Còn hầm hố và dòng nước lớn là chỉ cho sân nhuế, lo buồn, che lấp. Rừng cây là chỉ cho công năng của ngũ dục. Thành kia là chỉ cho Niết-bàn. Phật bảo Đề-xá: -Phật là vị Đạo sư, vì các hàng Thanh văn làm những việc đã làm, ngày nay vì khởi lòng thương xót đem nghĩa an vui thực hiện hoàn tất. Hôm nay thầy nên

KINH TẠPA-HÀM 227

làm việc phải làm. Hãy đến nơi gốc cây, hoặc chỗ đất trống, hoặc trong hang núi, trải cỏ làm tòa ngôi, khéo tư duy chánh niệm, tinh cần tu tập, không buông lung, chớ để hối hận về sau. Nay Ta dạy thầy như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 272 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, trong chúng tranh cãi một việc nhỏ nên Thế Tôn quở trách các Tỳ-kheo. Đức Phật sáng sớm đắp y, mang bát vào thành khất thực. Sau khi khất thực, Ngài thọ trai xong, xếp y bát, rửa chân đi vào rừng An-đà? ngồi dưới cội cây, một mình tư duy rằng: "Trong chúng tranh cãi một việc nhỏ, Ta quở trách các Tỳ-kheo, nhưng trong chúng kia có nhiều Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, không gặp được Đạo sư, họ sẽ khởi tâm hối tiếc, buồn rầu không vui. Ta luôn luôn có lòng thương xót đối với các Tỳ-kheo, bây giờ Ta phải trở về để nhiếp thủ đồ chúng kia vì lòng thương x6t." Khi ấy, Vua Đại Phạm biết được ý nghĩ của Phật, trong khoảnh khắc, như lực sĩ duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời Phạm Thiên, đến trước Phật, bạch: Đúng thế, bạch Thế Tôn! Bạch Thiện Thệ, Ngài đã quở trách các Tỳ-kheo vì chút việc nhỏ tranh cãi, vì ở trong chúng kia có nhiều Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, không được gặp Đạo su, khởi tâm hối tiếc, buồn rầu không vui. Đức Thế Tôn luôn luôn thương xót, nhiếp thọ chúng Tăng. Lành thay, bạch Thế Tôn! Ngày nay xin Ngài trở về để nhiếp

thủ các Tỳ-kheo. Bấy giờ, đức Phật cảm kích tấm Ibng chân thành của Phạm thiên, Ngài im lặng nhận lời. Khi ấy, trời Đại Phạm biêt Thế Tôn đã nhận lời rồi, đảnh lễ, đi nhiễu bên phải ba vòng rồi biến mất. Đại Phạm Thiên vương đi chưa bao lâu, đức Thế Tôn trở về vườn cấp Cô Độc, trải tọa cụ ngồi ngay thẳng, hiện các tướng vi diệu, khiến cho các Tỳ-kheo bớt e ngại đến gặp Ngài. Các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật với dáng điệu hổ thẹn, đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, Phật bảo các Tỳ-kheo: Người xuất gia cuộc sống thanh bần, cạo bỏ râu tóc, mang bình bát, đi khất thực từng nhà giống như vị cấm chú. Vì cớ sao? Vì muốn cầu thắng nghĩa, vì muốn thoát khỏi sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não để được giải thoát hoàn toàn. Này các thiện nam, các thầy không bị vua, giặc sai sử, không vì mắc nợ người, không vì khủng bố, không vì mất mạng mà xuất gia, nhưng chính là vì giải thoát khỏi sanh-già-bệnh-chết-iru-bi-khổ-não. Các thầy vì những điều này mà xuất gia phải không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, thật vậy! Phật bảo các Tỳ-kheo: -Như vậy các thầy vì thắng nghĩa mà xuất gia, tại sao ở trong đây lại còn có kẻ phàm phu ngu si khởi tham dục, sanh ra đắm nhiễm quá độ5 sân si hung bạo, giải đãi, hạ liệt, thất niệm bất định, các căn mê loạn, ệiông như nguôi từ tôi tăm vào tối tăm, từ mờ mịt vào mờ mịt? từ hầm phẩn ra roi lại rơi xuổng hầm phẩn, lây máu rửa máu, xả bỏ5 xa lìa các việc ác, roi trở lại giữ lây các việc ác. Ta nói ví dụ này, Tỳ-kheo phàm phu cũng như thế. Lại ví như củi thiêu tử thi, ném trên gò mả? không thể thu nhặt lại được. Ta nói ví dụ này, Tỳ-kheo phàm phu ngu si khởi tham dục? đắm nhiễm quá độ5 sân si hung bạo, giải đãi, hạ liệt, thất niệm bất định, các căn tán loạn cũng lại như thế. Này các Tỳ-kheo5 có ba pháp bất thiện. Những gì là ba? Đó là tham, sân, si. Ba pháp này

cùpíSpKầsyĩâiy

228 KINH TẠP A-HÀM

Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, thật vậy! Phật bảo các Tỳ-kheo: -Như vậy các thầy vì thắng nghĩa mà xuất gia, tại sao ở trong đây lại còn có kẻ phàm phu ngu si khởi tham dục, sanh ra đắm nhiễm quá độ5 sân si hung bạo, giải đãi, hạ liệt, thất niệm bất định, các căn mê loạn, ệiông như nguôi từ tôi tăm vào tối tăm, từ mờ mịt vào mờ mịt? từ hầm phẩn ra roi lại rơi xuổng hầm phẩn, lây máu rửa máu, xả bỏ5 xa lìa các việc ác, roi trở lại giữ lây các việc ác. Ta nói ví dụ này, Tỳ-kheo phàm phu cũng như thế. Lại ví như củi thiêu tử thi, ném trên gò mả? không thể thu nhặt lại được. Ta nói ví dụ này, Tỳ-kheo phàm phu ngu si khởi tham dục? đắm nhiễm quá độ5 sân si hung bạo, giải đãi, hạ liệt, thất niệm bất định, các căn tán loạn cũng lại như thế. Này các Tỳ-kheo5 có ba pháp bất thiện. Những gì là ba? Đó là tham, sân, si. Ba pháp này

cùpíSpKầsyĩâiy

Bấy giờ, có Tỳ-kheo kia một mình ở chỗ vắng, tư duy: "Thế nào là ngã? Ngã làm gì? Những gì là ngã? Ngã trụ ở dâu?" Sau khi tọa thiền, Tỳ-kheo ấy đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, đứng lên bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ vắng tư duy: í6Thế nào là ngã? Ngã làm gì? Những gì là ngã? Ngã trụ ở dâu?" Phật bảo Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ vì thầy nói hai pháp, thầy nên lắng nghe, khéo suy nghĩ. Thế nào là hai? Mắt và sắc là hai. Tai và tiếng, mũi và mùi, lưỡi và vi, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là hai pháp. Nếu có người nói rằng: "Sa-m6n Cù-đàm nói hai pháp, đây chẳng phải là hai, tôi sẽ bỏ cái này và lập hai pháp khác." Người kia chỉ có nói nhưng hỏi vài lần vẫn không biết, càng tăng thêm nghi hoặc, vì chẳng phải là cảnh giới của họ. Vì cớ sao? Vì duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức. Này Tỳ-kheo, mắt kia là mắt thịt, hoặc bên trong, là nhân duyên, là cứng, là cảm thọ. Đó gọi là nội địa giới của mắt thịt. Này Tỳ-kheo, nếu mắt thịt hoặc bên trong, hoặc nhân duyên, chất nước từ mắt tiết ra, đó gọi là thọ. Đó gọi là nội thủy giới của mắt thịt. Này Tỳ-kheo, nếu con mắt thịt kia, hoặc bên trong, hoặc nhân duyên, phát ra ánh sáng ấm nóng, đó là thọ. Đó gọi là nội hỏa giới của mắt thịt. Này Tỳ-kheo, nếu mắt thịt kia hoặc ở trong, hoặc nhân duyên, dao động nhẹ nhàng, đó gọi là thọ. Đó là nội phong giới của mắt thịt. Này Tỳ-kheo? ví như hai tay hiệp lại tạo thành âm thanh, như thế duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức. Ba việc hòa hợp sanh xúc, xúc sanh ra thọ, tưởng và tư. Các pháp này chẳng phải ngã, chẳng phải thường mà là cái ngã vô thường, chẳng phải hằng, chẳng phải an ổn, mà là cái ngã biến đổi. Vì cớ sao? Này Tỳ-kheo, nghĩa là các pháp thọ sanh ve sanh, già, bệnh, chết chưa mất. Này Tỳ-kheo, các hành như huyên, như sóng năng, trong khoảng sát-na, bị tàn lụi, không thật đến, không thật đi. Thế nên Tỳ-kheo? đối với các hành không, hãy nên biết, nên vui, nên niệm, luôn luôn trụ các hành khônệ, pháp không, biến đổi, không, vô ngã và ngã sở. Ví như người mắt sáng tay cam đèn sáng vào trong nhà trống, xem xét cái nhà ấy. Như thế Tỳ-kheo đối với tất cả tâm không, hành khônệ, quán sát vui vẻ. Đối với pháp hành không, phải luôn luôn trụ pháp không, biên đổi, không, vô ngã và ngã sở. Như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm nhân duyên sanh ra ý thức; ba sự hòa hợp thành xúc; xúc sanh ra thọ, tưởng, tư; các pháp này vô ngã, vô thường, cho đến không, vô ngã và ngã sở. Tỳ-kheo? ý thầy the nào? Mắt là thường hay vô thường? - Bạch Thế Tôn, vô thường! Phật lại hỏi: -Nếu vô thường là khổ chăng? Bạch Thế Tôn, là khổ!

Phật lại hỏi: -Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong ấy thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Như vậy đa văn Thánh đệ tử đối với mắt sanh nhàm chán, nhàm chán nên không ưa thích, không ưa thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Tỳ-kheo ấy nghe Phật thuyết về kinh ví dụ hai tay hợp lại phát tiếng, một mình đi đến chỗ vắng, tinh cần tư duy, sống không buông lung,... tự biết không còn thọ thân sau, thành A-la-hán.

KINH SỐ 274 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Những gì không phải của các thầy,

phải xả bỏ; xả bỏ hết pháp đó rồi, luôn luôn được an vui. Này các Tỳ-kheo? ý các thầy thế nào? ở trong rừng Kỳ Hoàn này, các cỏ cây, nhánh lá có người mang đi; các thầy có nghĩ rằng: "Những vật này là ta, của ta, người kia sao lại đem đi?" Các Tỳ-kheo đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì cớ sao? Vì những vật ấy chẳng phải ta, chẳng phải của ta. Tỳ-kheo các thây cũng lại như thê, đôi với vật không phải của mình, phải xả bỏ hết, đã xả bỏ những pháp này rồi, luôn luôn được an vui. Những gì không phải của các thầy? Đó là mắt không phải của các thầy, nên xả bỏ; xả bỏ rồi, luôn luôn được an vui. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Thế nào Tỳ-kheo? Mắt là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, vô thường! Phật lại hỏi: Nếu vô thường là khổ chăng? Bạch Thế Tôn, là khổ! Phật lại hỏi: -Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ta, của ta, hoặc ở trong nhau chăng? Bạch Thế Tôn, không!

KINH TẠPA-HÀM 231

Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đa văn Thánh đệ tử đối với sáu nhập xứ này, quán sát chẳng phải ta, chẳng phải của ta. Quán sát rồi đối với các pháp thế gian không chấp thủ; nhờ không chấp thủ nên không đắm trước, do không đam trước nên tự giác Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 275 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Có người nói: "Nguôi có sức mạnh nhất chỉ có Nan-da?5 Đây là lời nói xác đáng. Có người nói: "Người đoan chánh nhất cũng chỉ có Nan-da.99 Đây là lời nói đúng. Có người lại nói: "Người ái dục nặng cũng chỉ có Nan-da.^ Đây là lời nói đúng. Này các Tỳ-kheo? nhưng ngày nay Nan-đà đã đóng hết các căn5 ăn uống chừng mực, đầu đêm, cuối đêm, tinh cần tu tập, thành tựu chánh trí, suốt đời thanh tinh, Phạm hạnh trong sạch. Tỳ-kheo Nan-đà đã đóng kín các căn, nếu mắt thấy sắc, không còn giữ lấy sắc tướng, không còn chạy theo vẻ đẹp. Nếu các nhãn căn tăng các luật nghi thì vô minh che mờ, các pháp ác5 bất thiện, tham ái ở thế gian không lọt vào trong tâm kia mà sanh các luật nghi, phòng hộ các căn; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý sanh ra các luật nghi. Đó gọi là Tỳ-kheo Nan-đà đóng cửa các căn, ăn uống chừng mực. Tỳ-kheo Nan-đà ăn uống độ lượng, không tự cao, không buông lung, không đắm sắc, không đắm trang sức, vừa đủ nuôi thân mà thôi, không kể ngon dở, cốt trừ đói khát để tu Phạm hạnh. Vì thế nên đối với những cảm giác khổ đã khởi, liền làm cho dừng, những cảm giác khổ chưa khởi khiến cho không khởi, như thế sẽ thành tựu được ý chí hướng thượng, khí lực an ổn, vui vẻ, luôn luôn ở một mình. Như người đi xe phải thoa dầu, không vì tự cao, hoặc vì làm đẹp mà vì sự đi lại. Cũng giống như xức ghẻ, không phải vì ưa vị thuôc mà vì muôn hét đau. Như thê thiện nam tử Nan-đà biêt ăn uông chừng mực,... luôn luôn ở một mình. Đó gọi là Nan-đà biết ăn uống chừng mực. Thiện nam tử Nan-đà đâu đêm, cuôi đêm, tinh cân tu tập. Nan-đà ban ngày kinh hành, tọa thiền, trừ bỏ ấm chướng để cho thân thanh tinh; đầu đêm kinh hành, tọa thiền, trừ bỏ ấm chướng để cho thân thanh tịnh; nửa đêm ra ngoài phòng rửa chân rồi

vào phòng thất nằm nghiêng bên phải, hai chân chồng lên nhau, buộc niệm về quang minh tưởng, khởi lên giác tưởng; cuối đêm từ từ tỉnh dậy? kinh hành, tọa thiền. Đó gọi là thiện nam tử Nan-đà, đầu đêm, cuối đêm, tinh cần tu tập. Thiện nam tử Nan-đà kia thắng niệm, chánh trí. Thiện

nam tử Nan-đà quán sát phương Đông nhất tâm chánh niệm, an trú quán sát, quán sát phương Nam, phương Tây, phương Băc cũng lại như vậy. Nhát tâm chánh niệm, an trú quán sát, người quán như thế, các pháp bất thiện, tham ưu ở thê gian không lọt vào tâm. Thiện nam tử Nan-đà kia tỉnh giác các thọ khi sanh khởi, tỉnh giác các thọ trú, tỉnh giác các thọ diệt, trú trong chánh niệm, không tán loạn, tỉnh giác các tưởng sanh khởi, tỉnh giác các tưởng trú, tỉnh giác các tưởng diệt, tỉnh giác các giác sanh khởi, tỉnh giác các giác trú, tỉnh giác các giác diệt, tâm an trú trong chánh niệm, không tán loạn. Đó gọi là thiện nam tử Nan-đà thành tựu chánh niệm, chánh trí. Thế nên, các Tỳ-kheo nên học thế này: "Đóng kín các căn môn như thiện nam tử Nan-đà, ăn uống chừng mực như thiện nam tử Nan-đà, đầu đêm, cuối đêm tinh cần tu tập như thiện nam tử Nan-đà, thành tựu chánh niệm, chánh trí, như pháp truyền dạy cho Nan-đà cũng nên được truyền dạy cho người khác." Khi ấy, có Tỳ-kheo kia nói kệ: Khéo đóng các căn môn, Nhiếp tâm, trú chánh niệm, Ăn uống biết chừng mực, Giác biết các tướng tâm, Thiện nam tử Nan-đà, Được Thế Tôn khen ngợi. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 276 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, có chúng Tỳ-kheo-ni thuộc hàng Đại Thanh văn ở trong vườn vua nước Xá-vệ. Tên các Tỳ-kheo-ni là Thuần-dà-dà, Dân-đà, Ma-la-bà, Ba-la-giá- la, Đà-la-tỳ-ca, Sai-ma, Nam-ma, Cáo-nan-xá, Cù-đàm-di, Ưu-bát-la-sắc? Ma-ha-ba-xà-ba-đề, những vị này và một số Tỳ-kheo-ni khác đều ở trong vườn vua. Khi ây, Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đê cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni trước sau vây quanh đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi ngồi qua một bên. Thế Tôn liền vì Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xàr-ba-đề thuyết pháp, khai thị, chỉ dạy, soi sáng, vui mừng, ân cần, thuyết pháp về nhiều vấn đề. Sau khi huấn thị xong, Ngài cho phép lui về. Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề nghe xong, vui vẻ làm lễ cáo từ. Thế Tôn biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề đã về rồi mới bảo các Tỳ-kheo: Ta nay tuổi đã già yếu, không còn có thể vì các Tỳ-kheo-ni thuyết pháp được, Tỳ-kheo-tăng các thầy ngày nay là bậc Thượng tọa, đầy đủ đạo đức, nên đen dạy dỗ các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo vang lời Thế Tôn dạy, thứ lớp dạy dỗ các Tỳ-kheo-ni. Đen phiên Nan-đà. Khi ấy Nan-đà đến phiên phải đi, nhưng ông không muốn đi.

. M rm e rm -f • , Khi ây, Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đê cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni trước sau vây quanh đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, xin được nghe pháp. Nghe xong, vị Tỳ-kheo-ni này vui vẻ, đảnh lễ rồi ra về. Biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề đã về, Thế Tôn cho gọi A-nan đến hỏi: -Đen phiên ai giáo thọ các Tỳ-kheo-ni? Tôn giả

A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn, các Thượng tọa đã làn lượt giáo thọ Tỳ-kheo-ni rồi, tới phiên Nan-dà, nhưng Nan-đà không muốn giáo thọ. Thế Tôn bảo Nan-đà: Thầy nên giáo thọ các Tỳ-kheo-ni, thuyết pháp cho các Tỳ-kheo-ni. Vì cớ sao? Vì Ta đã đích thân dạy dỗ các Tỳ-kheo-ni thì thầy cũng phải như thế. Ta đã thuyêt pháp cho các Tỳ-kheo-ni thì thây cũng phải như thê. Nan-đà đành phải im lặng vâng lời. Đên sáng hôm sau, Nan-đà đáp y, mang bát vào thành Xá-vệ khát thực, thọ trai xong, trở vê tinh xá, thu dọn y bát, rửa chân vào thất tọa thiền. Sau khi tọa thiền, Nan-đà khoác y Tăng-già-lê, dẫn một Tỳ-kheo đi đến vườn vua. Các Tỳ-kheo-ni trông thấy Tôn giả Nan-đà đến, vội vàng trải tòa mời ngồi. Tôn giả Nan-đà an tọa xong, các Tỳ-kheo-ni cúi đầu đảnh lễ, rồi lui ngồi một bên. Tôn giả Nan-đà nói với các Tỳ-kheo-ni: -Thưa quý co, quý cô nen hỏi tôi, tôi sẽ vì quỵ cô thuyết pháp. Quý cô hiểu rồi, xin nói đã hiểu; nếu chẳng hiểu, nên nói chẳng hiểu. Những nghĩa lý tôi nói ra nếu đã hiểu hãy khéo thực hành. Nếu không hiểu phải hỏi lại, tôi sẽ sẵn sàng nói lại. Các Tỳ-kheo-ni thưa Tôn giả Nan-đà: -Chúng con ngày nay nghe Tôn giả cho phép chúng con hỏi và nói: Nấu chung con chưa niêu, sẽ hoi lại, nêu đã niêu, chúng con noi đã niêu, chưa niêu, chúng con nói chưa hiểu. Đối với những nghĩa lý mà Tôn giả nói ra; nếu đã hiểu, chúng con sẽ thực hành, chưa hiểu, sẽ hỏi lại. Chúng con nghe được điều này, lòng rất vui mừng. Những nghĩa lý chưa hiểu, bây giờ chúng con sẽ hỏi. Lúc đó, Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: Thế nào, quý cô quán sát nội nhập xứ của mắt là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả Nan-đà? không! Quán sát nội nhập xứ của tai, mũi, lưỡi, thân, ý là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả Nan-dà, không! Vì cớ sao? Thưa Tôn giả Nan-đà, chúng

r e r < • £ -r — .v — con đã từng đôi với pháp này thây biêt như thật. Đôi với sáu nội nhập xứ quán sát vô ngã, chúng con từng hiểu như vậy: Sáu nội nhập xứ là vô ngã. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: -Lành thay! Lành thay! Quý cô hiểu như thế rất đúng. Quán sát sáu nội nhập xứ là vô ngã. Này các Tỳ-kheo-ni, sắc ngoại nhập xứ là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: -Thưa Tôn giả Nan-đà, không! Thanh, hương, vị, xúc, pháp ngoại nhập xứ là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? -Thưa Tôn giả Nan-đà, không! Vì cớ sao? Vì chúng con đã từng đối với sáu ngoại nhập xứ quán sát như thật vô ngã. Chúng con thường hiểu ý này: Sáu ngoại nhập xứ như thật vô ngã. Tôn giả Nan-đà khen ngợi các Tỳ-kheo-ni: -Tốt lắm! Quý cô đối với nghĩa này nên quán sát như thế, sáu ngoại nhập xứ vô ngã. Nếu duyên mắt và sắc sanh nhãn thức, nhãn thức ấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả Nan-đà, không! Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp làm duyên sanh ý thức, ý thức ây là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? -Thưa Tôn giả Nan-dà, không! Vì cớ sao? Chúng con đã từng đối với sáu thức thân này quán sát như thật vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu ý này: Sáu thức thân như thật vô ngã. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: Lành thay! Lành thay! Quý cô đối với nghĩa này nên quán sát như thế: Sáu thức thân như thật vô ngã; duyên mắt và sắc sanh nhãn thức; ba sự hòa hợp sanh ra xúc; xúc ấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả Nan-đà, không! Tai, mũi, lưỡi, thân, ý? pháp làm duyên sanh ý thức; ba thứ

hòa hợp sanh ra xúc; xúc ấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Thưa Tôn giả Nan-đà, không! Vì cớ sao? Chúng con đã từng đối với sáu xúc này quán sát như thật vô ngã, chúng con cũng thường hiểu như vầy: Sáu xúc như thật vô ngã. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: -Lành thay! Quý cô đối với nghĩa này nên quán sát như thế: Sáu xúc thân

như thật vô ngã. Duyên mắt và sắc sanh nhãn thức; ba sự hòa hợp sanh xúc; xúc duyên thọ, thọ kia là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả Nan-đà, không! -Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp làm duyên sanh ý thức; ba thứ hòa hợp thành xúc; xúc duyên thọ, thọ ấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? -Thưa Tôn giả Nan-đà, không! Vì cớ sao? Vì chúng con đã từng đối với sáu thọ thân này như thật quán sát vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu ý này: Sáu thọ thân như thật vô ngã. Tôn giả Nan-đà lại bảo các Tỳ-kheo-ni: Lành thay! Quý cô đối với nghĩa này nên quán sát như thế: Sáu thọ thân này như thật vô ngã. Duyên mắt và sắc sanh nhãn thức; ba sự hòa hợp sanh xúc; xúc duyên tưởng, tưởng ấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả Nan-đà, không! -Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp làm duyên sanh ý thức; ba sự hòa hợp sanh xúc; xúc duyên tưởng, tưởng ấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Thưa Tôn giả Nan-dà, không! Vì cớ sao? Vì chúng con đã từng đoi với sáu tưởng thân này như thật quán sát vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu ý này: Sáu tưởng thân như thật vô ngã. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: Lành thay! Tỳ-kheo-ni9 quý cô đối với nghĩa này nên quán sát như thế: Sáu tưởng thân này như thật vô ngã. Duyên mắt và sắc sanh nhãn thức; ba sự hòa hợp thành xúc; xúc duyên tư, tư ấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả Nan-đà? không! —Tai, mũi, lưỡi, thân, y, pháp làm duyên sanh ý thức; ba sự hòa hợp thành xúc; xúc duyên tư, tư ấy là ngã? khác ngã hoặc ở trong nhau chăng? -Thưa Tôn giả Nan-dà, không! Vì cớ sao? Vì chúng con đã từng đối với sáu tư thân này như thật quán sát vô ngã. Chúng con thường hiểu ý này: Sáu tư thân này như thật vô ngã. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: Lành thay! Tỳ-kheo-ni, quý cô đối với nghĩa này nên quán sát như thế: Sáu tư thân này như thật vô ngã. Duyên mắt và sắc sanh nhãn thức; ba sự hòa hợp thành xúc; xúc duyên ái, ái ấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả Nan-đà, không!

Tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm duyên sanh ý thức; ba sự hòa hợp thành xúc; xúc duyên ái, ái ấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? -Thưa Tôn giả Nan-đà, không! Vì cớ sao? Vì chúng con đã từng đối với e9 sáu ái thân này như thật quán sát vô ngã. Chúng con thường hiêu ý này: Sáu ái thân này như thật vô ngã. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: -Quý cô đối với nghĩa này nên quán sát như thế: Sáu ái thân này như thật vô ngã. Này các Tỳ-kheo-ni, ví như nhờ có dầu và tim đèn nên đèn được cháy sáng; dầu ấy vô thường, tim đèn vô thường, lửa vô thường, cây đèn cũng vô thường. Nếu có người bảo rằng không dầu, không tim, không lửa, không đèn mà có ánh sáng thường hằng, không biến đổi thì lời nói ấy có đúng chăng? Thưa Tôn giả Nan-đà9

không! Tôn giả Nan-đà nói: -Vì cớ sao? Vì nhờ dầu, tim, cây đèn nên đèn cháy sáng; dầu, tim và cây đèn ây đêu là vô thường. Nêu không dâu, không tim, không đèn thì ánh sáng ây cũng theo đó diệt mất, mát mẻ? chân thật. Như thế, này quý cô5 sáu nội nhập xứ này vô thường. Nêu có người bảo răng sáu nội nhập xứ này là nhân duyên sanh vui vẻ, an lạc, thường hằng, không biến đổi, an ổn, lời nói này có đúng không? Các Tỳ-kheo-ni đáp: -Thưa Tôn giả Nan-đà, không! Vì cớ sao? Vì chúng con đã từng quán sát như thật do những pháp kia làm duyên sanh những pháp này; những pháp làm duyên kia diệt thì các pháp sanh này cũng tùy theo đó diệt, mát mẻ, chân thật. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: Lành thay! Quý cô đối với nghĩa này nên quán sát như thế. Do những pháp kia làm duyên sanh những pháp này; những pháp làm duyên kia diệt thì các pháp sanh này cũng tùy theo đó diệt, tịch tinh, mát mẻ, chân thật. Này các Tỳ-kheo-ni, ví như cây đại thọ có góc, cành, nhánh, lá; góc là vô thường, cành, nhánh, lá cũng vô thường. Nếu có người bảo rằng không có cành, nhánh, lá của cây kia, chỉ có cái bóng nó thường hằng, không biến đổi thì lời nói này có đúng không? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Ton giả Nan-đà, không! Vì cớ sao? Vì như gốc, cành, nhánh, lá cây lớn kia, gốc kia vô thường thì cành, nhánh, lá cũng vô thường. Không gốc, không cành, không nhánh, không lá thì bóng nương nơi cây thảy đều không. Thưa quý cô? nếu duyên nơi ngoại lục nhập xứ vô thường, có người nói sáu ngoại nhập xứ là nhân duyên sanh vui vẻ, an lạc, thường hằng, không biến đổi, an ổn thì lời nói này có đúng không? -Thưa Tôn giả, không! Vì cớ sao? Vì chúng con đối với nghĩa này đã quán

sát như thật, do những pháp kia làm duyên sanh những pháp này; những pháp làm duyên kia diệt thì các pháp sanh này cũng tùy theo đó diệt, vang lặng, mát mẻ, chan thật. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: -Lành thay! Quý Tỳ-kheo-ni? đối với nghĩa này nên như thật quán sát, do những pháp kia làm duyên sanh những pháp này; những pháp làm duyên kia diệt thì các pháp sanh này cũng tùy theo đó diệt, vang lặng, mát mẻ? chân thật. Quý cô, xin hãy nghe tôi nói ví dụ, người trí do ví dụ sẽ hiểu rõ. Ví như người đồ tể giết trâu thiện nghệ, hoặc người học trò của ông ta, tay cầm dao bén mổ trâu, lách ở giữa, lột da mà không chạm phần thịt bên trong, cũng không rách phần da ở bên ngoài, mổ xẻ chân cẳng gân cốt, sau đó dùng tấm da trâu phủ lên trên. Nếu có người bảo rằng: "Da thịt của con trâu này hoàn toàn không bi cắt xẻ", lời nói này có đúng không? Các Tỳ-kheo-ni đáp: —Thưa Tôn giả Nan-đà, không! Vì cớ sao? Vì người đồ tể thiện nghệ kia và học trò của ông ta tay cầm dao bén, lách ở giữa, lột da, khôiiệ chạm đến da thịt, nhưng chân, cẳng, gân, xương, tất cả đều đứt hết, lại đem tấm da phủ lên trên thì da thịt bi cắt đã lìa, chẳng phải là không bị cắt lìa. Thưa quý cô, tôi sẽ giải thích ý nghĩa ví dụ đó: Con trâu dụ cho sắc thô của thân người (như bài Kinh giỏ ran độc có nói rông). Thịt là chỉ cho nội lục nhập xứ. Da ngoài chỉ cho ngoại lục nhập xứ. Người đồ tể chỉ cho kẻ học thấy dấu dao. Gân xương ở khoảng giữa da thịt chỉ cho hai món tham, hỷ. Dao bén chỉ cho trí tuệ lanh lợi. Đa văn Thánh đệ tử dùng dao bén trí tuệ chặt đứt tất cả những ràng buộc, những kiết sử phiền não, những trói buộc của thượng phiền não. Do đó9 quý cô nên học như thế. Đối với những pháp đáng yêu thích, tâm không nên đắm trước, là đoạn trừ tham vậy. Đối với những pháp đáng sân hận,

tâm cũng không sân hận, là đoạn trừ sân vậy. Đối với những pháp đáng si5 tâm không nên si, là đoạn trừ si vậy. Đối với năm thọ ấm phải quán sát sanh diệt. Đối với sáu xúc nhập xứ phải quán tập, diệt. Đối với bốn niệm xứ nên khéo buộc tâm trú thất giác phân; tu bảy giác phần rồi, đôi với dục lậu kia tâm sẽ không dính mắc, tâm giải thoát. Đối với hữu lậu, tâm không dính mắc, tâm giải thoát. Đối với vô minh lậu, tâm không dính mắc, tâm được giải thoát. Quý cô nên học như the. Tôn giả Nan-đà9 sau khi thuyết pháp, khai thị chỉ giáo cho Tỳ-kheo-ni? từ tòa, đứng dậy ra về. Lúc đó, Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề cùng đi với năm trăm Tỳ-kheo-ni quyến thuộc vây quanh đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, lui đứng một bên,... đảnh lễ Phật rồi trở ve. Bấy giờ, Thế Tôn biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba- xà-ba-đề đã về, Ngài mới bảo các Tỳ-kheo: -Ví như đêm mười bốn trăng sáng, nhiều người ngắm trăng, có tròn hay chưa tròn? Nên biết vầng trăng ấy chưa tròn lắm.

Như thê, thiện nam tử Nan-đà vì năm trăm Tỳ-kheo-ni thuyêt pháp dạy dô? đối với sự giải thoát của họ, cũng vẫn chưa rốt ráo? nhưng những Tỳ-kheo-ni này khi mạng chung không có một kiết sử nào mà không đoạn, có thể khiến cho họ sanh trở lại đời này. Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo Nan-đà: Hãy thuyêt pháp cho các Tỳ-kheo-ni! Lúc ấy, Tôn giả Nan-đà im lặng vâng lời. Sáng hôm sau, Tôn giả mang bát vào thành khất thực. Thọ trai xong, Tôn giả đi tới vườn vua, rồi ngồi xuống tòa vì các Tỳ-kheo-ni thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, chỉ giáo xong, rời khỏi tòa, đứng dậy ra về. Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề, lúc khác cùng năm trăm Tỳ- kheo-ni trước sau vây quanh, đến chỗ Phật, cúi đau lễ chân Phật, cho đen đảnh lễ lui về. Thế Tôn biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề đã đi rồi? bảo các Tỳ-kheo: Ví như đêm răm trăng sáng, không còn ai nghi ngờ vâng trăng tròn hay không tròn, nhưng vầng trăng kia tròn đầy như thiện nam tử Nan-đà vì các Tỳ-kheo-ni truyền dạy đúng như thế, giải thoát rốt ráo, nếu lúc mạng chung, dù khônệ có người nói cho họ biết sẽ đi về đâu thì họ cũng tự biết đây là giải thoát kho. Khi ấy, Thế Tôn thọ ký cho năm trăm Tỳ-kheo-ni chứng quả Tu-đà-hoàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 277 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Có bất luật nghi và luật nghi, các Tỳ-kheo phải lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! The nào là bất luật nghi? Nhãn căn không được luật nghi nhiếp hộ, nhãn thức đắm sắc? do đắm sắc sanh ra khổ thọ, do khổ thọ nên không nhát tâm, do không nhất tâm nên không như thật thấy biết, do không như thật thấy biết nên không lìa nghi hoặc, do không lìa nghi hoặc nên bi những thứ ấy làm mê lầm mà khổ mãi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là bat luật nghi. Thế nào là luật nghi? Nhãn căn được luật nghi nhiếp hộ, nhãn thức biết sắc, tâm không nhiễm trước, tâm đã không nhiễm trước thì tâm thường an vui, tâm đã vui thì thường được nhất tâm, đã nhất tâm thì liền như thật thấy biết, đã như thật thấy biết thì lìa nghi hoặc, đã lìa nghi hoặc thì sẽ không bị những pháp kia làm mê lầm, thường được vui. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là luật nghi. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 278 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ"đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có pháp thối chuyển, không thối chuyển và sáu xúc nhập xứ, các Tỳ- kheo hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là pháp thối chuyển? Nghĩa là mắt biết sắc, sanh cảm giác ham muốn. Tỳ-kheo ấy vui mừng, khen ngợi, chấp lấy, dính mắc, tùy thuận pháp ấy, bi pháp ấy xoay chuyển. Nên biết Tỳ-kheo này thối chuyển các pháp lành. Thế Tôn nói đó là pháp thối chuyển. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Thế nào là pháp không thối chuyển? Mắt biết sắc, không sanh cảm giác ham muôn. Tỳ-kheo ây không vui mừng, không khen ngợi, không châp lây, không dính mắc, đối với pháp ấy không tùy thuận, không bị xoay chuyển. Nên biết Tỳ-ldieo ấy không thối chuyển các pháp lành. Thế Tôn nói đó là pháp không thối chuyển. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Thê nào là sáu thăng nhập xứ? Măt thây săc, không sanh cảm giác ham muốn, đắm nhiễm. Nên biết Tỳ-kheo ấy đã thắng được nhập xứ kia. Thế Ton nói đó là thắng được nhập xứ kia. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Nếu Tỳ-kheo kia đối với sáu thắng nhập xứ đã thắng được rồi thì tham dục kiết sử đoạn dứt, ngu si, sân hận, kiêt sử đoạn dứt, giông như ông vua đánh thăng oán địch, được tôn là: "ông vua chiến thắng"; người đã đoạn trừ các kiết sử rồi được gọi là: 6tBà-la-môn thù thắng.” Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 279 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Đối với sáu căn này không điều phục, không đóng kín, không thủ hộ, không chấp trì, không tu tập, đời vị lai sẽ chịu khổ báo. Những gì là sáu căn? Nhãn căn không điều phục, không đóng kín, không thủ hộ, không chấp trì, không tu tập, ở đời vi lai sẽ chiu khổ báo. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Phàm phu ngu si vô học, mắt thấy sắc, giữ lấy tướng, lãnh thọ, chạy theo hình sắc tốt đẹp, mặc cho mắt rong ruổi theo sắc, chấp giữ, không có luật nghi, bị các pháp ác bất thiện tham ái của thế gian lọt vào tâm. Những người này không thể giữ gìn luật nghi, phòng hộ nhãn căn. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Như thế đối với sáu căn, không điều phục, không đóng kín, không thủ hộ9 không chấp trì, không tu tập, ở đời vị lai sẽ chiu khổ báo.

Thê nào là sáu căn khéo điêu phục, khéo đóng kín, khéo thủ hộ, khéo châp trì, khéo tu tập, ở đời vị lai sẽ được an vui? Đa văn Thánh đệ tử mắt thấy sắc không giữ lấy sắc tướng, không chạy theo vẻ đẹp, mặc cho nhãn căn tiếp xúc vẫn thường ở trong luật nghi. Những pháp ác, bất thiện tham ái ở thế gian không lọt vào tâm, hay sanh ra các luật nghi, khéo giữ gìn nhãn căn. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là sáu căn khéo điều phục, khéo đóng kín, khéo thủ hộ9 khéo chấp trì, khéo tu tập, ở đời vị lai sẽ được an vui. Đức Phật liền nói bài kệ: Nơi lục xúc nhập xứ5 Trú ở không luật nghi, Những Tỳ-kheo như thế, Mãi mãi chịu khổ báo. Nơi các Pháp, Luật nghi, Luôn tinh cần tu tập, Chánh tín, tâm không hai, Phiền não chẳng vào tâm. Mắt thấy những sắc kia, Vừa ý, không vừa ý5 Vừa ý không ham muôn, Không vừa, chẳng ghét bỏ. Tai nghe

những âm thanh, Có niệm và không niệm, Nơi niệm không dính mắc, Không niệm, không khởi ác. Mũi ngửi biết các mùi, Hoặc thơm, hoặc là hôi, Thơm, hôi đều bình đẳng, Không muốn, cũng không trái. An uông, thọ các vị, Cũng có ngon và dở, Vi ngon không khởi tham, Vị dở không kén chọn. Thân xúc chạm êm ái, Mà chẳng sanh buông lung, Bị xúc chạm khổ đau, Không sanh tưởng chán ghét. Khổ vui đều xả hết, Chẳng diệt làm cho diệt, Phải quán sát tâm ý? Các tướng, các tướng kia, Giả dối mà phân biệt, Dục tham càng tăng trưởng, Giác ngộ các ác kia, An trú tâm lìa dục. Khéo nhiếp sáu căn này, Sáu cảnh xúc không động, Dẹp sạch các ma oán, Vượt qua bờ sanh tử. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 280 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-tát-la, đi du hành trong nhân gian, đến phía Bắc thành Tần-đầu, trong rừng Thân-thứ. Bấy giờ, trong thành Tần-đầu có các trưởng giả Bà-la-môn đều nghe Thế Tôn ở nước Câu-tát-la5 đi du hành trong nhân gian, cư trú ở trong rừng Thân -thứ, thành Tần-đầu. Mọi người nghe rồi đều ra khỏi thành, đến rừng Thân-thứ, đến chỗ của Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, đức Phật bảo trưởng giả Bà-la-môn thành Tần-đầu:

KINH TẠPA-HÀM 241

-Nêu có người hỏi ông: "Những hạng Sa-môn, Bà-la-môn nào không đáng cung kính, lễ bái, thừa sự cúng đường?", ông nên trả lời: “Nếu Sa-môn, Bà-la- môn mat thây sác chưa lìa tham dục, chưa lìa ái, chưa lìa khao khát, chưa lìa niệm, trong tâm không tịch tịnh, hành động phi pháp, việc làm lôi thôi; tai, mũi, lưỡi, thân, ý pháp cũng lại như thê, hạng Tỳ-kheo như thê không đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, thừa sự cúng đường." Nói như thế xong, lại có người hỏi: "Vi sao những Sa-môn, Bà-la-môn này không đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự cúng đường?", ông nên trả lời: uChúng tôi mắt thấy sắc không lìa dục, không lìa ái, không lìa khao khát, không lìa niệm, trong tâm không tịch tịnh. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý pháp cũng lại như thế. Những Sa-môn? Bà-la-môn kia mắt thấy sắc cũng không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa khao khát, không lìa niệm, trong tâm không tịch tịnh, hành động phi pháp, việc làm lôi thôi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý? pháp cũng lại như vậy. Tôi đối với những vị này đâu có sai khác gì; cho nên tôi với họ giống nhau, không đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng SỊT, cúng đường.” Nêu có người hỏi: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự, cúng đường?", ông nên trả lời: "Nếu những vị ấy mắt thấy sắc mà lìa dục, lìa tham, lìa ái, lìa khao khát, lìa niệm, trong tâm tịch tịnh, không hành động phi pháp, làm những hạnh bình đang, việc làm không lôi thôi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý pháp cũng lại như vậy. Những hạng Sa-môn, Bà-la-môn như thê đáng được cung kính, tôn trọng, lê bái, phụng sự, cúng dường.,, Nếu lại hỏi: "Vi sao những Sa-môn, Bà-la-môn này được cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự, cúng đường?", ông nên trả lời: "Chúng tôi mắt thấy sắc không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa khao khát, không lìa niệm, trong tâm không tịch tịnh, hành động phi pháp, việc làm lôi thôi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý pháp cũng lại như vậy. Nhưng những vị Sa-môn, Bà-la-môn này lìa tham, lìa dục, lìa ải, lìa khao khát, lìa niệm, trong tâm tịch tịnh, hành động đúng pháp, việc làm không lôi thôi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý5 pháp cũng lại như vậy. Chúng tôi

và các vị ấy có chỗ khác nhau, nên các Sa-môn9 Bà-la-môn ấy đáng được cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự, cúng đường." Đã trả lời như thế, nếu có người lại hỏi: "Các Sa-môn, Bà-la-môn kia có phương cách gì, có hình mạo thế nào, có tư cách ra sao khiến các ông biết các Sa-môn, Bà-la-môn này lìa tham, hướng đến điều phục tham, lìa sân, hướng đến điều phục sân, lìa si, hướng đến điều phục si?", ông phải trả lời rằng: "Tôi thấy Sa-môn, Bà-la-môn ấy có những sự kiện như thế này: ở trong rừng vắng, dưới góc cây, giường tháp, hoặc nơi nệm cỏ, tu hạnh viên ly, xa lìa người nữ, ưa gần người độc cư để cung thiền đinh tư duy. Nếu ở chỗ đó? mắt không thấy sắc để sanh tham đắm, tai không nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị5 thân xúc chạm để sanh tham đắm. Sa-môn, Bà-la-môn có những hành động như thế, tướng mạo như thế, tư cách như thế, khiến cho chúng tôi biết Sa-môn? Bà-la-

môn này lìa tham, hướng đến điều phục tham, lìa sân, hướng đến điều phục sân, lìa si, hướng đến điều phục si." Khi ấy các Sa-m6n, Bà-la-môn9 trưởng giả bạch Phật: Lạ thay! Thế Tôn không tự khen mình, không chê người, nói đúng nghĩa ấy, mỗi người từ nơi các căn phân biệt nhiễm ô, thanh tịnh, rộng nói duyên khởi, lời nói của Như Lai ví như người cứu được kẻ chết chìm, như mở chỗ bít lấp, như chỉ lối cho kẻ lầm đường, như thắp đèn nơi tối. Thế Tôn cũng như thế; không khen minh, chê người, nói đúng nghĩa này cho đen như lời Như Lai nói. Trưởng giả Bà-la-môn ở thành Tần-đầu, sau khi nghe pháp thoại này, vui vẻ? làm lễ ra về.

KINH SỐ 281 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy ệiờ, có Mục-kiền-liên tóc quăn ra khỏi nhà, đi đến chỗ Phật, hỏi thăm xong, ngoi qua một bên. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với Mục-kiền-liên tóc quăn: - Ông từ đâu đến? Mục-kiền-liên liền bạch Phật: -Tôi theo chúng ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn Giá-la-ca xuất gia, rồi hội họp ở giảng đường Vị Tằng Hữu để nghe pháp, từ rừng đó đến đây. Phật bảo Mục-kiền-liên tóc quăn: -Ong vì câu những phước lực gì mà từ những chúng Sa-môn? Bà-la-môn ngoại đạo Giá-la-ca kia xuất gia, nghe thuyết pháp? Mục-kiền-liên tóc quăn thưa: -Tôi thử nghe họ tranh hơn nhau, luận nghi về phước lợi; nghe họ trái ngược nhau, luận nghi về phước lợi. Phật bảo Mục-kiền-liên: -Từ lâu xa, các Sa-môn5 Bà-la-môn ngoại đạo Giá-la-ca xuất gia, tranh hơn nhau, luận nghị trái ngược nhau về phước lợi mà phá hoại lẫn nhau. Mục-kiền-liên tóc quăn bạch Phật: Cù-đàm vì các đệ tử nói những pháp phước lợi gì, để các đệ tử kia nói lại cho người khác nghe mà không phỉ báng Như Lai, không tăng, không giảm, thuyết pháp chân thật, thuyết pháp và thứ pháp, chẳng có ai có thể đến so sánh, nạn vấn, trách cứ? Phật bảo Mục-kiền-liên: Ai được minh giải thoát quả báo phước lợi, nói lại cho người nghe; người ây khonệ phỉ báng Như Lai, không trái đạo lý, nói pháp và thứ pháp, không ai có thê đên so sánh, nạn vấn, trách cứ.

Mục-kiên-liên tóc quăn bạch Phật: Thưa Cù-đàm, các đệ tử của Ngài có pháp tu tập, tu tập hơn nữa khiến hiểu rõ đầy đủ, phước lợi giải thoát đầy đủ chăng? Phật bảo

Mục-kiền-liên tóc quăn: Có bảy giác phần, tu tập? tu tập nhiều hơn nữa để được đầy đủ phước lợi giải thoát. Mục-kiền-liên tóc quăn bạch Phật: Có pháp tu tập, tu tập nhiều khiến cho bảy giác phần đầy đủ chăng?

Phật bảo: -Có tứ niệm xứ tu tập, tu tập nhiều hơn khiến cho bảy giác phần được đầy đủ. Mục-kiền-liên tóc quăn lại bạch Phật: Lại có pháp tu tập, tu tập nhiều hơn nữa khiến cho tứ niệm xứ đầy đủ chăng? Phật bảo Mục-kiên-liên tóc quăn: Có ba diệu hạnh tu tập, tu tập nhiều khiến cho tứ niệm xứ đầy đủ. Mục-kiền-liên bạch Phật: Lại có pháp tu tập, tu tập nhiều hơn nữa khiến cho ba diệu hạnh đầy đủ chăng? Phật bảo Mục-kiền-liên: -Có sáu xúc nhập xứ theo luật nghi tu tập, tu tập nhiều khiến ba diệu hạnh đầy đủ. Mục-kiền-liên tóc quăn bạch Phật: Thê nào sáu xúc nhập xứ theo luật nghi tu tập, tu tập nhiêu khiên cho ba diệu hạnh đầy đủ? Phật bảo Mục-kiên-liên tóc quăn: Nêu mat thây săc vừa ý? đáng ưa, đáng nhớ, hay nuôi lớn dục lạc, khiên người dính măc sác, Tỳ-kheo thấy săc ây nhưng không vui, khống khen ngợi, không duyên theo, không dính mác, không đắm trước. Nếu măt thây sắc không vừa ý, không đáng ưa, không đáng nghĩ nhớ, thuận theo sắc để sanh cảm giác khổ, Tỳ-kheo ấy kh6ng sợ, không ghét, không hiềm, khônệ tức đối với sắc kia, thây roi cũng không đăm trước, không ưa thích săc; mát thây rồi không ưa thích sắc, mắt thấy rồi không đắm trước thì nội tâm an trụ bất động, khéo tu giải thoát, tâm không lười mỏi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, thức pháp cũng lại như vậy. Như thế, đối với sáu xúc nhập tu tập, tu tập nhiều hơn nữa mới đay đủ ba diệu hạnh. Thế nào là tu ba diệu hạnh khiến đầy đủ bốn niệm xứ? Đa văn Thánh đệ tử ở chỗ vắng vẻ trong rừng, dưới cội cây tu học như vầy, tư duy như vầy: "Thân này làm ác, đời này đời sau phải chiu ác báo. Nêu ta làm thân ác hạnh, ắt phải tự sanh chán nản, hối hận, người khác chê trách, Đạo sư cũng chê trách, những

người Phạm hạnh cũng đem pháp chê trách ta, tiếng ác đồn khắp nơi, thân hoại mạng chung sẽ rơi vào địa ngúc.” Đối với thân ác hạnh thấy quả báo đời này, đời sau như thế, thế nên phải trừ thân ác hạnh, phải tu thân diệu hạnh; miệng, ý ác hạnh cũng lại như vậy. Đó gọi là đã tu tập ba diệu hạnh, được tư niệm xứ thanh tịnh đầy đủ. Thế nào là tu tứ niệm xứ để được bảy giác phần đầy đủ? Này Mục-kiền- liên, như thế, thuận thân, thân quán tru. Khi người kia thuận thân, thân quán trú, nhiêp niệm an trú không quên, bây giờ khéo léo tu tập niệm giác phân; khéo léo tu tập niệm giác phân xong, được niệm giác phân đây đủ. Đôi với tâm niệm kia phải chọn lựa pháp, giác tưởng suy nghĩ. Bây giờ khéo léo tu tập trạch pháp giác phần; khéo léo tu tập trạch pháp giác phần xong, mới được trạch pháp giác phần đầy đủ. Chọn lựa pháp kia giác tưởng, suy nghĩ, khéo léo tu tập tinh tấn giác phân; khéo léo tu tập tinh tân giác phân roi, mới được tinh tấn giác phần đầy đủ. Do siênệ năng tinh tấn nên sanh tâm hoan hỷ. Bây giờ khéo léo tu tập hoan hỷ giác phân; khéo léo tu tập hoan hỷ giác phân xong, mới được hoan hỷ giác phần đầy đủ. Tâm hoan hỷ thì thân tâm được dừng nghỉ. Bây giờ tu tập ỷ tức giác phần, tu tập ỷ tức giác phần xong, mới được ỷ giác phần đầy đủ. Thân tâm đã được dừng nghỉ thì được chánh định. Bây giờ tu tập định giác phần; tu tập đinh giác phân xong, mới được đinh giác phân đây đủ. Đó gọi là nhất tâm, tham ưu diệt mất, xả

nội thân hành. Khéo léo tu tập xả giác phần; khéo léo tu tập xả giác phần xong, mới được xả giác phần thanh tịnh đầy đủ. Thọ, tâm, pháp niệm xứ cũng nói như vậy. Như thế tu tập tứ niệm xứ thì bảy giác phần đầy đủ. Thế nào là tu tập bảy giác phần đề được giải thoát đầy đủ? Này Mục-kiền- liên, nếu Tỳ-kheo tu niệm giác phần nương nơi viễn ly, nương nơi lìa dục, nương nơi diệt xả hay tiến đến tu niệm giác phần thì được giải thoát thanh tịnh đầy đủ. Cho đen tu tập xả giác phần cũng nói như thế. Đó gọi là tu tập bảy giác phần xong thì được minh giải thoát thanh tịnh đầy đủ. Như thế, Mục-kiền-liên, pháp pháp nương nhau từ bờ này đến bờ kia. Sau khi nghe Phật thuyết pháp xong, Mục-kiền-liên tóc quăn xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Khi ấy, Mục-kiền-liên tóc quăn thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, nhập pháp, hết những nghi ngờ mê hoặc, không do nơi người khác. Đối với các Pháp, Luật, tâm không sợ hãi, từ tòa đứng lên, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, chắp tay bạch rằng: Con nay có được ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia, thọ giới Cụ túc không? Phật bảo Mục-kiền-liên: Ong ngày nay đã được xuât gia trong Chánh pháp, Luật, được thọ Cụ túc giới. Sau khi được xuất gia rồi, Mục-kiền-liên chuyên cần tư duy, không buông lung, cho đến thành A-la-hán.

KINH TẠPA-HÀM 245

KINH SỐ 282 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại rừng Ca-vi-già-la Mâu-chơn-lân-đà. Bấy giờ, có chú bé tên là uất-đa-la, là đệ tử của Ba-la-xà-na, đi đến chỗ Phật, cung kính hỏi thăm, rồi lui ngồi một bên. Khi ấy, Thế Tôn hỏi uất-đa-la: Thây con, Ba-la-xà-na có dạy cho con tu tập các căn không? uất-đa-la trả lời: - Bạch Thế Tôn, có! Đức Phật bảo uất-đa-la: Thây con dạy tu vê các căn như thê nào? uất-đa-la bạch Phật: Thây con nói mát không thây săc9 tai không nghe tiêng, đây là tu vê căn. Phật bảo uất-đa-la: —Nếu như lời thầy con nói thì những người mù là tu căn chăng? Vì cớ sao? Vì chỉ có mắt người mù là không thấy sắc. Bây giờ, Tôn giả A-nan đang đứng phía sau câm quạt hâu Phật. Tôn giả A-nan nói với Uất-đa-la: Như lời Ba-la-xà-na nói thì người điêc cũng tu căn chăng? Vì cớ sao? Vì chỉ có người điếc tai mới không nghe tiếng. LÚC áy, The Ton noi vơi Ton gia A-nan: -Khác với Pháp, Luật vô thượng của Hiền thánh tu về các căn. Tôn giả A-nan bạch Phật: -Xin đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói về Pháp, Luật vô thượng của Hiền thánh tu về các căn. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ cung kính vâng làm. Phật bảo A-nan: -Hãy lắng nghe, khéo suy nghi, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Duyên mat và sac sanh nhãn thức, nêu thây sac vừa y, nên tu chánh trí, chánh niệm, chán lìa của Như Lai. Mắt và sắc làm duyên sanh nhãn thức, nếu sắc không vừa ý cũng nên tu chánh trí, chánh niệm, không chán lìa của Như Lai. Duyên mắt và sắc sanh nhãn thức, vừa ý hay không vừa ý, nên tu chánh trí, chánh niệm, chán lìa, không chán lìa của Như Lai. Duyên mắt và sắc sanh nhãn thức vừa y, không vừa ý cũng nên tu chánh trí, chánh niệm, chán lìa, không chán lìa của Như Lai. Duyên mắt và sắc sanh nhãn thức vừa ý, không vừa ý cũng nên tu chánh trí, chánh niệm, tâm lìa bỏ, nhàm chán, không nhàm chán của Như Lai. Như thế, A-nan, nếu có người nào đối với năm căn này, tâm khéo điều phục, khéo đóng kín, khéo giữ gìn, khéo nhiếp hộ, khéo tu tập, đó

là đối với nhãn thức tu căn vô thượng. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý9 pháp cũng lại như vậy. Này A-nan, đó gọi là Pháp, Luật vô thượng tu căn của Hiền thánh. Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn, thế nào là Pháp, Luật Hiền thánh giúp cho Thánh đệ tử tu các căn? Phật bảo A-nan: -Duyên mắt và sắc sanh nhãn thức, sanh vừa ý? sanh không vừa ý? sanh vừa ý không vừa ý. Thánh đệ tử kia như thật biết là mắt của ta và mắt làm duyên sanh nhãn thức, sanh vừa ý? không vừa y, sanh vừa ý không vừa ý9 đó là tịch diệt, đó là thắng diệu. Có nghĩa là phải xả hết, đã xả hết thì mới lìa chán và không chán. Giống như người lực sĩ frong khoảnh khắc co cánh tay; cũng vậy, mắt và sắc làm duyên sanh nhãn thức, sanh vừa ý? sanh không vừa ý? sanh vừa ý không vừa ý9 trong khoảnh khác đêu diệt hét, lìa bỏ, nhàm chán và không nhàm chán. Cũng vậy, tai và tiếng làm duyên sanh nhĩ thức, sanh vừa ý? sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý. Thánh đệ tử biết như thật nhĩ thức của ta nghe tiếng, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý; đó là tịch diệt, đó là thắng diệu. Có nghĩa là buông xả, xả rồi liền xa lìa, nhàm chán, không nhàm chán. Giống như người lực sĩ trong khoảnh khắc khảy móng tay ra tiếng liền mất. Cũng vậy, tai và tiếng làm duyên sanh nhĩ thức, sanh vừa ý5 sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý? sanh roi diệt tận; đó là buông xả, buông xả roi thì lìa nhàm chán, không nhàm chán. Mũi và mùi làm duyên sanh tỷ thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý. Thánh đệ tử như thật biết như thế. Mũi và mùi làm duyên sanh tỷ thức, sanh vừa ý5 sanh không vừa ý5 sanh vừa ý không vừa ý; đó là tịch diệt, đó là thăng diệu. Có nghĩa là buông xả, buông xả roi thì lìa chán, không chán. Ví như hoa sen ở dưới nước không nhiễm bùn; cũng vậy, mũi và mùi làm duyên sanh tỷ thức, sanh vừa ý5 sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý? sanh rồi diệt hết. Có nghĩa là buông xả, buông xả rồi lìa chán, không chán. Lưỡi và vị làm duyên sanh thiệt thức, sanh vừa ý? sanh không vừa ý9 sanh vừa ý không vừa ý. Thánh đệ tử kia như thật biết rằng lưỡi và vị làm duyên sanh thiệt thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý? sanh vừa ý không vừa ý9 sanh rồi diệt tận, tịch diệt, thắng diệu. Có nghĩa là buông xả, buông xả rồi lìa chán, không chán. Như người lực sĩ nhổ hết vị ra. Cũng vậy, lưỡi và vị làm duyên sanh thiệt thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, sanh rồi diệt tận. Nghĩa là buông xả, buông xả hết rồi, xa lìa nhàm chán, không chán. Thân và xúc làm duyên sanh thân thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý9 sanh rồi diệt tận. Thánh đệ tử như thật biết thân và xúc làm duyên sanh thân thức, sanh vừa ý9 sanh không vừa ý5 sanh vừa ý không vừa ý, sanh rồi diệt tận, tịch diệt, thắng diệu. Nghĩa là buông xả, buông xả rồi lìa chán, không chán. Ví như viên sắt đốt thật nóng, rưới vào một giọt nước, giọt

KINH TẠPA-HÀM 247

nước liền tiêu mất; cũng vậy, thân và xúc làm duyên sanh thân thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý? sanh vừa ý không vừa ý, sanh rồi diệt tận. Nghĩa là buông xả, buông xả rồi

KINH TẠPA-HÀM 247

nước liền tiêu mất; cũng vậy, thân và xúc làm duyên sanh thân thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý? sanh vừa ý không vừa ý, sanh rồi diệt tận. Nghĩa là buông xả, buông xả

rồi

chắc chắn thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì ỉẫo-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não diệt. Như thế, thuần đại khổ tụ diệt. Cũng giống trồng cây, ban đầu cây còn nhỏ, mềm yếu, không chăm sóc, không làm cho nó an Sn, không vun bồi phân đất, không tùy thời tưới nước, không thích hợp nóng lạnh; cây ấy không thể tăng trưởng, lại còn chặt gốc, bẻ cành, cắt ra từng đoạn, chia ra từng phần, gió thổi, nắng táp, dùng lửa thiêu đốt. Cây bị đốt rồi thành tro, hoặc bị bốc lên do gió lốc, hoặc bi quăng xuống nước. Này Tỳ-kheo5 ý thầy thế nào? Chẳng phải là chặt đứt cây kia cho đến thiêu đốt khiến nó hoại diệt, ở đời vi lai thành pháp không sanh chăng? - Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! Như thế, này Tỳ-kheo? đối với pháp bị trói buộc, tùy thuận quán vô thường, quán sanh, trụ, diệt, quán vô dục, quán diệt, quán xả5 chẳng nghĩ nhớ. Tâm không dính mắc thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão-bệnh-tử-iru-bi-khổ-não diệt. Như thế thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 284 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: -Nếu đối với pháp mà chấp thủ thì theo đó sanh ra dính mắc, nghĩ nhớ, vương vấn trong lòng, tâm rong ruổi theo danh sắc. Danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não. Như thế, thuần đại kho tụ tập. Ví như gốc cây lớn, cành, nhánh, lá, hoa, quả, gốc trồng sâu, đắp phân tro, lây nước tưới, cây ây vững chăc5 trọn đời không bị mục nát. Như thế, này Tỳ-kheo5 đối với pháp mà chấp thủ thì theo đó sanh đắm trước, nghĩ nhớ, vương vấn trong lòng, tâm rong ruổi đuổi theo danh sắc. Danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái? ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não. Như thế, thuần đại khổ tụ tập. Nếu đối với pháp chấp thủ, tùy thuận quán vô thường, quán trụ, sanh, diệt, quán vô dục, quán diệt, quán nhàm chán, tâm không nghĩ nhớ, không dính mắc, thức sẽ không rong ruổi đuổi theo danh sắc, do đó danh sắc diệt. Danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não diệt. Như thế, thuần đại khổ tụ diệt. Giống như trồng cây không tùy thời săn sóc để cho cây an ổn, không bón phân đất, không tùy thời tưới nước, lạnh nóng bất thường, cây không tăng

trưởng được; lại còn chặt góc róc nhánh, chặt ra từng khúc, chẻ ra từng phân, gió thổi, nắng táp, lấy lửa thiêu đốt. Cây bi đốt rồi thành tro, hoặc bị bốc lên bởi gió lốc, hoặc bi quăng bỏ xuống nước. Này Ty-kheo, ý thầy nghĩ sao? Chẳng phải là cây kia bi chặt đứt gốc cho đến thiêu đốt khiến nó hoại diệt, ở đời vi lai thành pháp không sanh chăng? -Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! - Như thế, này Tỳ-kheo? đối với pháp chấp thủ nên tùy thuận quán vô thường, quán trụ, sanh, diệt, quán vô dục, quán diệt, quán xả? không

nghĩ nhớ, tâm không dính mắc. Thức không rong ruổi đuổi theo danh sắc thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não diệt. Như thế, thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 285 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Ta nhớ kiếp trước, khi chưa thành Chánh giác, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh thiền định, tư duy, khởi nghĩ như sau: "Vấn đề nan giải của thế gian là sanh, già, bệnh, chết, dời đổi, thọ sanh. Nhimg chúng sanh lại nương tựa nơi đó5 không như thật biết." Ta nghĩ rằng: 'Tháp gì có nên có sanh, pháp gì làm duyên nên có sanh?" Ta liền chánh tư duy, khởi biết như thật liên tục: "Biết có hữu nên có sanh, vì duyên hữu nên có sanh." Ta lại tư duy: 'Tháp gì có nên có hữu, pháp gì làm duyên nên có hữu?" Ta liền chánh tư duy, khởi biết như thật liên tục: "Vi có thủ nên có hữu, duyên thủ nên có hữu." Ta lại nghĩ rằng: "Thủ lại duyên gì, pháp gì có nên có thủ, duyên pháp gì nên có thiỉ?" Ta liên chánh tư duy, khởi biêt như thật liên tục: “Châp giữ pháp, đăm trước, nghĩ nhớ, vương vấn trong lòng, ái dục tăng trưởng, ái kia có nên có thiỉ, ái duyên thủ? thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não. Như thế, thuần đại khổ tụ tap." Này các Tỳ-kheo5 ý các thầy nghĩ sao? Ví như nhờ dầu, tim đèn, đèn được đốt sáng, số dầu và tim tăng lên, đèn ấy có sáng lâu không? -Thưa đúng thế, bạch Thế Tôn! Này các Tỳ-kheo? đối với sắc mà chấp thủ, đắm trước, nghĩ nhớ, thích thú, vương vấn, tăng trưởng ái nên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não. Như thế, thuần đại khổ tụ tập.

250 KINH TẠPA-HÀM

LÚC ấy, Ta lại nghĩ: 'Tháp gì không nên không có lo, bệnh, tử này? Pháp gì diệt nên lão, bệnh, tử diet?" Ta liền chánh tư duy, khởi biết như thật liên tục: "Vi không có sanh thì không có lão, bệnh, tử; sanh diệt nên lão, bệnh, tử diet." Ta lại suy nghi như sau: 'Tháp gì không nên không sanh, pháp gì diệt nên sanh diet?" Ta liên chánh tư duy khởi biết như thật liên tục: "Vi hữu không nên sanh không, vì hữu diệt nên sanh diet." Ta lại tư duy: 'Tháp gì không nên hữu không? Pháp gì diệt nên hữu diet?" Ta liền chánh tư duy, khởi biết như thật liên tục: 'Tháp bi chấp thủ là vô thường, sanh diệt, lìa dục, diệt tận, xả ly, tâm không nhớ nghĩ, tâm không dính mắc thì ái diệt. Ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não diệt. Như thế, thuần đại khổ tụ diet." Này các Tỳ-kheo? ý các thầy nghĩ sao? Ví như dầu, tim đèn, nếu không châm thêm dâu, sửa tim, phải chăng ánh sáng của đèn kia trong vị lai không còn mà tắt chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Như thế, này các Tỳ-kheo5 đối với các pháp bị chấp thủ quán sát vô thường, sanh diệt, lìa dục, diệt tận, xả ly, tâm không nhớ nghi, tâm không đắm trước thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt cho đến thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 286 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. r : - r Ạ rrn _ / • r* _ / _ rin \ 1 1_ _ Bay giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Ta thuở trước, khi chưa thành Đẳng chánh giác, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh thiền định, tư duy... (nói rộng như kinh trên, chỉ có khác là): Ví như gom củi làm mười bó? hai mươi bó, ba mươi bó, bốn mươi bó9 năm mươi bó5 trăm bó, ngàn b6, trăm ngàn bó, chất lại thành một đống, đốt lên làm thành một đống lửa lớn. Nếu có người cho thêm củi và cỏ khô, này các Tỳkheo? các thầy nghĩ sao, lửa này tiếp tục cháy mãi được không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! -Như thế, này các Tỳ-kheo, đối với pháp bị chấp thủ, đắm trước rồi, nhớ nghi lòng càng vương vấn, tham ái, ái lấy thủ làm duyên, thủ duyên hữu cho đen thuần đại khổ tụ tập. Này các Tỳ-kheo, nếu đống lửa kia không thêm củi và cỏ khô, các Tỳ-kheo nghĩ sao, lửa kia sẽ tắt chăng? Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

KINH TẠPA-HÀM 251

Như thế, này các Tỳ-kheo? đối với pháp bị chấp thủ quán sát vô thường, sanh diệt, lìa dục, diệt tận, xả ly, tâm không nhớ lại, không đắm trước thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt như thế nói rộng cho đến thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 287 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Ta nhớ thuở trước, khi chưa thành Chánh giác, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh thiền đinh tư duy, khởi nghĩ như sau: "Pháp gì có nên lão tử có, duyên pháp gì nên lão tử c6?" Ta liền chánh tư duy khởi biết như thật liên tục: “Vi có sanh nên có lão tử, duyên sanh có lão tử; cũng như vậy hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc." 'Tháp gì có nên danh sắc có, duyên pháp gì nên danh sắc c6?" Ta liền chánh tư duy khởi biết như thật liên tục: "Vi có thức nên danh sắc có, duyên thức nên có danh sắc." Khi Ta tư duy đều biết ngang thức mà lui không thể vượt qua nó. Nghĩa là duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập, duyên lục nhập có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có lão-bệnh-tử-ưu-bi-khô-não. Như thê, thuần đại khổ tụ tập. Khi Ta nghĩ rằng: 'Tháp gì không nên lão tử không, pháp gì diệt nên lão tử diet?" Ta liền chánh tư duy, khởi biết như thật liên tục: "Vi sanh không nên lão tử không, sanh diệt nên lão tử diet.” Hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc, thức, hành cũng như vậy... (nói rộng như kinh trên). Ta lại tư duy: 'Tháp gì không nên hành không, pháp gì diệt nên hành diet?" Ta liền chánh tư duy khởi biết như thật liên tục: "Vi vô minh không nên hành không, vô minh diệt nên hành diệt. Hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên lão-bệnh-tử-iru-bi-khổ-não diệt. Như thế thuần đại khổ tụ diệt.y Bấy giờ Ta nghĩ rằng: "Ta đã gặp được đạo của cổ Hiền thánh, được lối của cổ Hiền thánh, được đạo tích của cổ Hiền thánh, cổ Hiền thánh đã theo dấu này di, Ta nay cũng di theo." Ví như có người đi giữa đồng hoang, đang hoang mang tìm đường di, chợt gặp đường cũ của người xưa đã di, người kia liền theo đó đi, dần dần tới trước

thấy được thành ấp cũ, cung điện vua xưa, vườn tược, ao tăm, rừng cây sạch sẽ9 người ây nghĩ răng: “Bây giờ ta nên đên tâu cho vua biết." Người ấy vội vàng đi đến quốc vương tâu: "Tâu Đại vương, tôi đang đi giữa đồng hoang, tìm đường chợt gặp đường cũ của người xưa đã đi; tôi liền theo đó di, thấy được thành ấp cũ? cung điện vua xưa, vườn tược, ao

tắm, rừng cây, dòng nước sạch sẽ, Đại vương có thể đến đó nghỉ ngoi." Quốc vương liền đi đến nơi đó cư trú, được nhiều an lạc và nhân dân được phôi! thịnh. Nay Ta cũng như vậy, gặp được đạo của cổ Hiền thánh, lối đi của cổ Hiền thánh, đạo tích của cổ Hiền thánh; chỗ Hiền thánh xưa đã đi, Ta cũng theo đó đi. Nghĩa là bát chánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Ta từ nơi đạo kia mà thấy được lão, bệnh, tử; lão, bệnh, tử tập; lão, bệnh, tử diệt; lão, bệnh, tử diệt đạo tích; thấy sanh...; hữu...; thủ...; ái...; thọ...; xúc...; lục nhập xứ...; danh sắc...; thức...; hành, hành tập, hành diệt, hành diệt đạo tích. Ta đối với pháp này tự biết, tự giác ngộ, thành tựu Đẳng chánh giác. Vì để cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo- ni, ưu-bà-tắc, xru-bà-di và các Sa-môn, ngoại đạo, Bà-la-môn... người tại gia, xuất gia, cả bốn chúng đều được nghe Chánh pháp, khởi niềm tin, ưa biết pháp lành, Phạm hạnh thêm rộng, được nhiều lợi ích, Ta mới khai thị rõ ràng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 288 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Ton giả Xá-lợi-phất? Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la cùng ở trong núi Kỳ-xà quật. Bấy giờ, buổi chiều, sau khi tọa thiền, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Tôn giả Câu-hy-la, cùng nhau hỏi thăm, vui mừng, hai Tôn giả cùng ngồi xuống. Tôn giả Xá-lợi-phất thưa với Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la: -Tôi có điều muốn hỏi, Hiền giả có rảnh để giải đáp cho chăng? Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đáp lời Tôn giả Xá-lợi-phất: Hiền giả cứ hỏi, điều gì biết được tôi sẽ đáp. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la: -Thưa Hiền giả Câu-hy-la, thế nào, có già không? Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, có! -Có chết không? -Có! Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Thế nào, già chết tự tác, hay tha tác, hay tự và tha tác, hay chẳng phải tự và chăng phải tha, vô nhân tác chăng? Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, già chết chẳng phải tư tác, chẳng phải tha tác, chăng phải tự và tha tác, chăng phải tự và tha tác, vô nhân tác, nhưng vì duyên sanh nên có già chết. Như thế sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc5 sáu nhập xứ5 danh sắc là tự tác, là tha tác, là tự và tha tác, là chẳng phải tự và chẳng phải tha tác, vô nhân tác chăng?

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, danh sắc chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, chăng phải tự và tha tác, chăng phải chăng tự và chẳng phải tha tác, chẳng phải vô nhân tác, nhưng danh sắc duyên thức sanh. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Thức kia là tự tác, là tha tác, là tự và tha tác, là chẳng phải tự và tha tác, vô nhân tác chăng? -Thưa Hiền giả Xá-lọi-phất, thức ấy chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, chăng phải tự và tha tác, chẳng phải chẳng tự và tha tác, nhưng thức này duyên danh sác mà sanh. Tôn giả

Xá-lợi-phất lại hỏi: —Hiên giả Ma-ha Câu-hy-la? trước đây Hiên giả nói danh sác chăng phải tự tác, chăng phải tha tác, chăng phải tự và tha tác, chăng phải chẳng tự và tha, vô nhân tác, nhimg danh sắc ấy duyên thức mà sanh. Bây giờ lại nói danh sắc duyên thức, nghĩa này là thế nào? Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đáp: Nay tôi sẽ nói ví dụ, người trí do ví dụ sẽ hiểu. Ví như ba cây lau được dựng lên nơi đất trống, nhờ nương tựa vào nhau mới có thể đứng vững, nếu lấy ra một cây thì hai cây kia không đứng được, nếu lấy đi hai cây thì một cây cũng không đứng được; chúng phải nương tựa lẫn nhau mới có the đứng vững. Thức duyên danh sắc cũng lại như thế, nương tựa lẫn nhau mới được sinh trưởng. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: -Lành thay! Lành thay! Hiền giả Câu-hy-la ở trong hàng đệ tử Thanh văn của Phật là người trí tuệ thông dạt, khéo điều phục, không sợ hãi, thấy pháp cam lộ, do pháp cam lộ chứng nghiệm đầy đủ. Nghĩa là Hiền giả Ma-ha Câu-hy-la đã biện tài, nghĩa lý sâu xa như thế, có thể giải đáp tất cả các câu hỏi. Như ngọc quý vô giá, thế gian đội trên đầu; nay tôi cũng xin trân trọng nhận lấy những lời dạy của Hiền giả. Thưa Hiền giả Ma-ha Câu-hy-la, hôm nay tôi ở nơi Hiền ẹiả được lợi ích, còn những người Phạm hạnh khác nếu được gặp Hiền giả chác cũng sẽ được thiện lợi vì nhờ Hiền giả khéo thuyết pháp. Tôi được nghe pháp của Hiền giả Câu-hy-la nên tôi xin đem ba mươi cách khen ngợi để tỏ bày lòng tùy hỷ. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la nói: Già, chét là tai họa đáng chán, ly dục, diệt tận đó gọi là Pháp sư. Nói răng: “Sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc, thức mà chán ghét, ly dục, diệt tận đó gọi là Pháp sư. Nếu Tỳ-kheo đối với già, chết mà nhàm chán, hướng đến ly dục, diệt tận? đó gọi là Pháp sư. Cho đến đối với thức mà chán ghét, hướng đến ly dục, diệt tận, đó gọi là Pháp sư. Nếu Tỳ-kheo đối với lão, tử mà chán ghét, ly dục, diệt tận, không khởi các lậu, tâm khéo giải thoát, đó gọi là Pháp sư. Cho đến đối với thức mà chán ghét, ly dục, diệt tận, không khởi các lậu, tâm khéo giải thoát, đó gọi là Pháp sư?5

Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Lành thay! Trong các đệ tử Thanh văn của Thế Tôn, người có trí tuệ sáng suốt, khéo điều phục, không sợ hãi, thấy pháp cam lộ, do pháp cam lộ chính mình chứng nghiệm đầy đủ, chính là Hiền giả Xá-lợi-phất. Vì Hiền giả khéo hỏi những điều sâu xa của chánh trí, quý báu như hạt châu vô giá được người thế gian trân trọng đội trên đau. Ngày nay Hiền giả cũng vậy, Hiền giả đáng được tất cả người Phạm hạnh cung kính, phụng sự một cách trân trọng. Hôm nay tôi rất vui mừng, được lợi ích nhờ cuộc đàm luận với Hiền giả về diệu nghĩa. Hai vị Tôn giả đều vui vẻ, mỗi người trở về chỗ cũ của mình.

KINH SỐ 289 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giơ, The Ton noi vơi các Ty-kheo: Phàm phu ngu si vô học, đối với thân bốn đại là tai họa đáng chán, lìa dục, đáng quay lưng, xả bỏ mà chang biết. Vì cớ sao? Vì họ thay thân bon đại có thêm bớt, có thủ, xả, mà nơi tâm, ý thức kẻ phàm phu ngu si vô học không the sanh nhàm chán, lìa dục, giải thoát. Vì cớ sao? Vì họ luôn luôn đoi với thân bốn đại này giữ gìn, nuối tiếc, chấp làm ngã, hoặc được, hoặc giữ lấy thì nói rằng đây là ta, là của ta, hoặc ở trong nhau. Cho nên kẻ phàm phu ngu si vô học không the đoi với thân này sanh nhàm chán, lìa dục, quay lưng, buông bỏ. Kẻ phàm phu ngu si

thà chỉ đối với thân bốn đại chấp là ta, là của ta, chứ không nên đối với thức chấp là ta, là của ta. Vì cớ sao? Vì đối với xác thân bốn dại, hoặc thấy tồn tại trong khoảng mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, cho đến trăm năm5 hoặc khéo rõ nó tăng giảm ít nhiều, còn tâm, ý9 thức kia vẫn ngày đêm, thời khắc, phút chốc, chuyển biến, sanh diệt, đổi khác. Cũng như con vượn trong rừng cây, thoáng chốc nơi này, chợt thoắt đi nơi khác, chuyền qua cành nhánh, buông cây này nắm cây kia, tâm ý thức kia cũng lại như thế, sanh, diệt, đổi khác. Đa văn Thánh đệ tử đối với các duyên khởi khéo tư duy quán sát như sau: Lạc xúc làm duyên sanh lạc thọ. Khi biết lạc thọ, biết như thật về cảm giác lạc thọ thì lạc xúc kia diệt, thọ do lạc xúc làm nhân duyên sanh ra cũng diệt mất, mát mẻ, bặt hết. Như lạc thọ, khổ xúc, hỷ xúc, ưu xúc, xả xúc làm nhân duyên sanh xả thọ. Khi cảm giác xả thọ biết như thật cảm giác xả thọ thì xả xúc kia diệt; xả thọ do xả xúc làm nhân duyên sanh ra cũng diệt mất, mát mẻ, bặt hết. Người ây tư duy răng: "Cái thọ xúc này sanh xúc lạc, xúc phược, bởi cái xúc lạc mà có các thọ lạc; các xúc lạc diệt thì thọ lạc ấy cũng diệt, mát mẻ5 bặt hết. Như thế, đa văn Thánh đệ tử đối với sắc sanh nhàm chán; đối với thọ? tưởng, hành, thức sanh nhàm chán, vì nhàm chán nên không ưa thích, vì không

ưa thích nên ệiải thoát, giải thoát tri kiến: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cân làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 290 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Phàm phu ngu si vô học đối với thân tư đại đáng sanh tâm nhàm chán, đáng lìa dục, quay limg xả bỏ mà chẳng biết. Vì cớ sao? Vì họ thấy thân bốn đại có thêm, có bớt, có thủ, có xả. Còn tâm, ý, thức kẻ phàm phu ngu si vô học không thể đối với thức sanh nhàm chán, lìa dục, quay lưng, buông bỏ, luôn luôn giữ chấp làm ngã, hoặc được, hoặc chấp giữ nói là ta, là của ta, hoặc ở trong nhau. Cho nên kẻ phàm phu ngu si vô học không thể đối với thức ấy sanh nhàm chán, lìa dục, quay lưng, buông bỏ. Kẻ phàm phu ngu si vô học thà đối với thân bốn đại chấp là ta, là của ta, chứ không thể đoi với thức chấp là ta5 là của ta. Vì CỚ sao? Vì đôi với săc thân bôn đại hoặc thây tôn tại trong khoảng mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, cho đến một trăm năm, hoặc khéo rõ tăng giảm ít nhiêu, còn tâm, ý thức kia vân ngày đêm, thời khác, phút chóc chuyên biên, sanh diệt đổi khác. Cũng như con vượn trong rừng cây, thoáng chốc nơi này thoắt đi nơi khác, chuyền qua cành nhánh, buông cây này nắm cây kia; tâm, ý, thức kia cũng lại như the; các thứ đoi dời, sanh diệt, đoi khác. Đa văn Thánh đệ tử đối với các duyên khởi, khéo tư duy quán sát như sau: Lạc xúc làm duyên sanh lạc thọ, khi biết lạc thọ, biết như thật ve cảm giác lạc thọ thì lạc xúc kia diệt. Lạc thọ do lạc xúc làm nhân duyên sanh ra cũng diệt mất, mát mẻ, bặt hết. Như lạc thọ, khổ xúc, hỷ xúc? ưu xúc, xả xúc làm nhân duyên sanh xả thọ, khi biết xả thọ, biết như thật về cảm giác xả thọ thì xả xúc kia diệt, xả thọ do xả xúc làm nhân duyên sanh ra cũng diệt mất, mát mẻ, bặt hết. Ví như hai cây gỗ cọ nhau, hòa hợp sanh ra lửa, nếu hai thanh gỗ rời ra, lửa cũng theo đó mà tắt đi. Như thế các thọ duyên xúc,

xúc sanh, xúc tập, nếu những xúc kia tập khởi thì những thọ kia cũng khởi, những xúc tập kia diệt thì những thọ tập kia cũng diệt mất, mát mẻ, bặt hét. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như thế, đối với sắc được giải thoát; đối với thọ, tưởng, hành, thức được giải thoát; đối với sanh, già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ- não được giải thoát. Ta nói người này đã giải thoát kho. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 291 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá5 trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Ta đã nói về nội xúc pháp, các thầy có gìn giữ không? Khi ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục, cúi đầu lễ chân Phật, chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn, nội xúc pháp mà Phật đã nói, con đã giữ lấy rồi. Lúc Tỳ-kheo ấy ở trước Phật tự xác nhận như thế, nhưng Thế Tôn tỏ vẻ không vui. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang ở phía sau cầm quạt hầu Phật. Phật bảo A-nan: -Nội xúc pháp theo như Pháp, Luật Hiền thánh khác với những điều Tỳ- kheo này nói chứ? A-nan bạch Phật: Bây giờ đã đung lúc, xin Thế Tôn vì các Tỳ"kheo nói về nội xúc pháp trong Pháp, Luật Hiền thánh, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ, vâng làm! Phật bảo: -Này A-nan, lành thay! Các Tỳ-kheo hãy lăng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Này các Tỳ-kheo9 giữ lấy nội xúc pháp nên tư duy như sau: "Nếu chúng sanh có đủ các thứ khổ, cái khổ này do nhân duyên gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Lúc giữ lấy như thế, nên biết cái khổ này ức-ba-đề nhân, ức-ba-đề tập, ức-ba-đề sanh, bá ức-đê chuyen.^ Lại nữa, này các Tỳ-kheo, nội xúc pháp lại do ức-ba-đê nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Lúc giữ lấy nên biết ức-ba-đề ái nhân, ái tập, ái sanh, ái xúc. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, thủ nội xúc pháp phải biết ái nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Như vậy, lúc giữ lấy nên biết sắc được thế gian chú ý5 nghĩ nhớ, đối với sắc ấy ái sanh, rồi sanh vướng mắc, vướng mắc rồi trụ trong đó. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc được người thế gian chú ý, nghĩ nhớ, khi thấy khởi tưởng là thường hằng, là an ổn, là không bệnh, tưởng là ngã, ngã sở thì đối với sắc này ái càng tăng trưởng. Ái đã tăng trưởng thì ức-ba-đề tăng trưởng; ức-ba-đề tăng trưởng thì khổ tăng trưởng. Nếu khổ tăng trưởng thì chắc chan sẽ không giải thoát sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Ta nói kẻ ấy không giải thoát khổ. Ví như ao nước trong mát bên đường đầy đủ hương vị, có kẻ lén bỏ chát độc vào ao. Tháng đâu xuân, người đi đường bị gió nóng làm khô khát, họ tranh nhau muốn đến ao uống nước, có người nói rằng: “Này các anh, đây là ao nước trong mát, đầy đủ hương vị nhưng trong ấy có chất độc, các anh chớ uống, nếu uống vào các anh sẽ chết hoặc sẽ bị khổ đến gần chết." Những người khát nước kia không tin lời, cứ uống, tuy được vi ngon, chốc lát bị chết, hoặc bị khổ đến gần chết. Cũng như thế, các Sa-môn, Bà-la-môn thấy sác đẹp đẽ được thế gian ưa thích, nghĩ nhớ, khởi cái thấy sắc này thường hằng, là an ôn? là không bệnh, là ta, là của ta, cho đên không được giải thoát sanh-già- bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não.

Nếu các Sa-môn5 Bà-la-môn đối với sắc đẹp đẽ được thế gian nghĩ nhớ, quán sát như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, vô thường, khổ, không, vô ngã, ái kia chắc chắn phải lìa. Ái lìa nên ức-ba-đề lìa; ức-ba-đề lìa nên khổ lìa, khổ đã lìa nên sanh-già-bệnh-chết-iru-bi-khổ-não lìa. Ví như bên đường có ao nước trong mát, đầy đủ hương vị, có kẻ lén bỏ chất độc trong nước. Tháng đâu xuân, người đi đường bị gió nắng làm khô khát, họ tranh nhau muốn đến uống nước, có người nói với họ: "Nước này có chất độc, các anh đừng uống, nếu uống vào các anh sẽ chết hoặc bị khổ gần chết." Người kia nghĩ thầm: "Nước này có chất độc, nếu ta uống vào sẽ chết hoặc bị khổ gần chết, thôi ta cố chiu khát, ăn đỡ cơm bún khô, không dám uống nu&c." Cũng như thế, Sa-môn5 Bà-la-môn đối với sắc đẹp đẽ thế gian ưa thích, nên quán sát như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, vô thường, khô, không, chănệ phải ngã... giải thoát sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Vì thê, này A-nan, đôi với pháp này thây như thê, nghe như thế, giác như thế, biết như the, đoi với quá khứ, hiện tại, vị lai cũng như đoi với đạo này nên quán sát như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 292 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giơ, The Ton noi vơi các Ty-kheo: -Làm thế nào suy nghĩ, quán sát chơn chánh tận khổ, nơi tột cùng mé khổ, khi suy nghĩ về tất cả cái khổ khác nhau của chúng sanh? Các khổ này do nhân gtập gsanh gì, xúc gì? Suy nghĩ biết rằng, do thủ làm nhân, thủ tập, thủ sanh, thủ xúc. Nếu thủ kia diệt, không còn sót, chắc chắn các khổ kia sẽ diệt, người quán sát như thế được khổ diệt đạo tích; biết như thật tu hành pháp hướng, pháp thứ; đó gọi là Ty-kheo dứt sạch khổ, hướng thẳng đến giải thoát, nghĩa là thủ đã diệt. Lại nữa, lúc Ty-kheo suy nghĩ, quán sát, muốn dứt sạch khổ, giải thoát, suy nghĩ thủ kia do nhân gi, tập gì, sanh gì, xúc gì. Suy xét thủ ấy do ái làm nhân, ái tập, ái sanh, ái xúc, nếu ái kia diệt hẳn, không còn thì thủ cũng theo đó diệt, người ấy được thủ diệt đạo tích, biết như thật tu hành pháp hướng, pháp thứ; đó gọi là Ty-kheo dứt sạch khổ, hướng đến giải thoát, nghĩa là ái diệt. Lại nữa, Ty-kheo suy nghĩ rằng... ái ấy do nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc gì. Biết ái là do thọ làm nhân, thọ tập, thọ sanh, thọ xúc, thọ ấy diệt hẳn không còn thì ái diệt. Người ấy được ái diệt đạo tích, biết như thật, tu hành pháp hướng, pháp thứ; đó gọi là Ty-kheo dứt sạch khổ, hướng đến giải thoát, nghĩa là thọ diệt. Lại nữa, này các Ty-kheo? lúc suy nghĩ quán sát, muốn dứt khổ, giải thoát, suy nghĩ rằng, thọ ấy do nhân gì, tập gsanh gì, xúc gì. Biết thọ kia do xúc làm

nhân, xúc tập, xúc sanh, xúc duyên, xúc kia diệt mất không còn sót thì thọ diệt. Người ấy được xúc diệt đạo tích, biết như thật tu tập pháp hướng, pháp thứ; đó gọi là Tỳ-kheo chơn chánh dứt sạch khổ, hướng đên giải thoát. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, lúc suy xét hướng đến sự chơn chánh dứt khô, được giải thoát. Tỳ- kheo lại suy nghĩ rằng xúc ấy do nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc gì. Nên biết xúc ấy là do sáu nhập xứ làm nhân, sáu nhập xứ tập, sáu nhập xứ sanh, sáu nhập xứ xúc. Khi sáu nhập xứ kia diệt, không sót thì xúc diệt. Người này được lục xúc nhập xứ diệt đạo tích, biết như thật tu tập pháp hướng, pháp thứ; đó gọi là Tỳ- kheo hướng đến sự chơn chánh dứt sạch khổ, được giải

thoát. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, suy xét chơn chánh dứt khổ, được giải thoát. Lúc suy xét sáu nhập xứ kia do nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc gnên biết sáu nhập xứ kia là do danh sắc làm nhân, danh sắc tập, danh sắc sanh, danh sắc xúc; khi danh sắc kia diệt hết, không còn sót thì sáu nhập xứ diệt. Người ấy được danh sắc diệt đạo tích, biết như thật tu tập pháp hướng, pháp thứ; đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến sự chơn chánh dứt sạch khổ, được giải thoát, nghĩa là danh sắc diệt. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, nên suy xét chơn chánh dứt khổ được giải thoát. LÚC suy xét danh sác do nhân gtập gì, sanh gxúc gì5 biêt danh sác là do thức làm nhân, thức tập, thức sanh, thức xúc; khi thức ấy diệt không còn thì danh sắc diệt. Người ấy được thức diệt đạo tích, biết như thật, tu tập pháp hướng, pháp thứ; đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến sự chơn chánh dứt sạch khổ, được giải thoát, nghĩa là thức díet. Lại nữa, này các Tỳ-kheo? nên suy xét chơn chánh dứt khổ, được giải thoát. Lúc suy xét, suy lường quán sát về thức kia do nhân gtập gì, sanh gì, xúc gì, biết thức ấy là do hành làm nhân, hành tập, hành sanh, hành xúc, làm các phước hạnh, thiện thức sanh, làm những việc không phước, không lành thì thức bất thiện sanh, làm một hành vi trống rỗng, thức trống rỗng sanh. Đó là vì cái thức ấy do hành làm nhân, hành tập, hành sanh, hành xúc; khi hành kia diệt, không còn thì thức diệt. Người ấy được hành diệt đạo tích, biết như thật tu tập pháp hướng, pháp thứ; đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến sự chơn chánh dứt sạch khổ, được giải thoát, nghĩa là hành diệt. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, nên suy nghĩ, quán sát về sự chơn chánh dứt khổ, giải thoát. Lúc suy xét hành kia do nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc gì, biết hành ấy do vô minh làm nhân, vô minh tap, vô minh sanh, vô minh xúc, các phước hạnh do vô minh làm duyên, phi phước hạnh cũng do vô minh làm duyên, chẳng phải phi phước hạnh cũng do vô minh làm duyên. Do đó nên biết hành kia do vô minh làm nhân, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh xúc; khi vô minh hoàn toàn diệt, không còn thì hành kia diệt. Người ấy được vô minh diệt đạo tích, biết như thật, tu tập pháp hướng, pháp thứ; đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến sự chơn chánh dứt khổ, được giải thoát, nghĩa là vô minh diệt. Phật bảo các Tỳ-kheo:

KINH TẠPA-HÀM 259

-Ý các thầy nghĩ sao? Nếu không ưa vô minh mà sanh minh thì còn duyên vô minh ây làm các hành vi phước hạnh, phi phước hạnh hoặc hành vi trống rỗng chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì cớ sao? Vì đa văn Thánh đệ tử không ưa vo minh mà sanh minh, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, như thế cho đến sanh-già-bệnh-chết-iru-bi-khổ-não diệt. Như thế, thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói: -Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo, Ta cũng nói như thế, Tỳ-kheo cũng nên biết điều này, đối với mỗi mỗi pháp kia, khởi mỗi mỗi pháp, sanh mỗi mỗi pháp, diệt mỗi mỗi pháp, dừng diệt, mát mẻ, bặt hết. Nếu đa văn Thánh đệ tử lìa dục vô minh mà sanh minh; về cảm giác giới hạn của thân, khi cảm giác giới hạn của thân biết như thật; về cảm giác giới hạn của mạng sống, khi cảm giác giới hạn của mạng sống biết như thật thì lúc thân hoại, mạng sống chấm dứt, tất cả thọ này đều diệt hết, không còn sót. Ví như người lực sĩ lấy món đồ vật bằng ngói mới nung, còn nóng đặt trên đất, trong chốc lát vật này bị tan hoại, sức nóng cũng tan mất. Này các Tỳ-kheo? lìa dục vô minh mà sanh minh, cảm giác giới hạn của thân biết như thật, cảm giác giới hạn của mạng sống

biết như thật thì khi thân hoại, mạng chung, tất cả thọ này đều diệt, không còn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 293 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn nói với vị Tỳ-kheo kia: -Ta đã vượt qua mọi điều nghi, lìa sự do dự, nhổ sạch gai tà kiến, không còn thôi chuyên, tâm không chấp trước thì nơi nào có ngã? Ta vì các Tỳ-kheo thuyết pháp. Ta vì các Tỳ-kheo nói pháp là pháp tùy thuận duyên khởi, tương ưng với không của bậc Hiền thánh xuất thế. Nghĩa là cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi; đó là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập xứ, duyên lục nhập xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ5 duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có lão-tử-ưu-bi-khổ-não. Như thế, thuần đại khổ tụ tập cho đến thuần đại khổ tụ diệt. Thuyết pháp như thế, nhưng Tỳ-kheo vẫn còn nghi hoặc, do dự, trước chẳng đắc mà tưởng đắc, chẳng đạt mà tưởng đạt, chẳng chứng mà tưởng chứng. Ngày nay các Tỳ-kheo nghe pháp xong tâm sanh lo buồn, bị hối hận làm chướng ngại. Vì cớ sao? Vì đây là điều sâu xa, nghĩa là pháp duyên khởi càng sâu xa, khó

thấy gấp bội. Nghĩa là đã lìa tất cả thủ, ái tận5 vô dục, tịch tịnh, Niết-bàn. Như hai pháp này là pháp hữu vi hay vô vi? Hữu vi là hoặc sanh, hoặc trụ, hoặc dị, hoặc diệt; vô vi là chẳng sanh, chẳng trụ, chẳng dị, chẳng diệt. Này Tỳ-kheo5 đó gọi là các hành khổ đã tịch diệt, Niết-bàn. Do tập nên khổ tập, do diệt nên khổ diệt, đoạn hẳn các nẻo, dứt hẳn tương tục, tương tục diệt. Đây gọi là mé khô. Nay Tỳ-kheo, diệt là cái gì? Nghĩa là có những thứ khổ còn lại người ấy diệt hẳn, mát mẻ9 dứt bặt, gọi là đã lìa tất cả thủ, ái tận? vô dục, tịch tịnh, Niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy5 hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 294

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

_ r

Bay giờ, The Ton noi vơi các Ty-kheo: -Kẻ phàm phu ngu si vô học bị vô minh che lâp, ái duyên ràng buộc được có cái thức này, trong thân có cái thức này, ngoài thân có danh sắc. Hai duyên này sanh xúc. Vê sự tiêp xúc của sáu nhập này, kẻ ngu si phàm phu vô học nhân đó khởi lên những cảm giác kho vui. The nào là sáu? Nghĩa là nhãn xúc nhập xứ, nhĩ..., tỷ..., thiệt.., thân..., ý xúc nhập xứ. Nêu người trí tuệ bị vô minh che mờ, ái duyên ràng buộc có cái thức này, như vậy trong thân có cái thức này, ngoài thân có danh sắc. Hai cái này làm duyên sanh sáu xúc nhập xứ, là sự tiếp xúc của sáu xúc. Người trí nhận biết, nhân đó khởi ra các cảm thọ kho vui. Những gì là sáu? Nhãn xúc nhập xứ? nhĩ..., tỷ..., thiệt..., thân..., ý xúc nhập xứ. Người ngu tối, người trí tuệ, hai hạng người ấy ở nơi Ta tu các Phạm hạnh, có gì sai khác? Các Ty-kheo bạch Phật: -Bạch Thê Tôn, Ngài là góc của pháp, là con mat của pháp, là nơi nương tựa của pháp. Bạch Thế Tôn, lành thay! Xin Ngài diễn nói, các Ty-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ, vâng làm. Bấy

giờ, Thế Tôn nói với các Ty-kheo: - Hãy lang nghe, khéo suy nghi, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Kẻ phàm phu ngu si vô học bị vô minh che lấp, ái duyên ràng buộc, có cái thức này, vô minh chẳng dứt, ái duyên chẳng hết, sau khi chết rồi trở lại thọ thân, vì trở lại thọ thân nên không được giải thoát sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi- khô-não. Vì cớ sao? Vì kẻ phàm phu ngu si vôn chăng tu Phạm hạnh, hướng đến chánh dạo, dứt sạch khổ, giải thoát; nên người kia sau khi chết trở lại thọ thân, bởi thọ thân nên không được giải thoát sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ- não. Nêu kẻ trí tuệ bị vô minh che lấp, ái duyên ràng buộc, được cái thức thân này, nhưng họ dứt vô minh, ái duyên hết, do vô minh dứt, ái duyên hết; nên sau khi chết không còn thọ sanh, vì chẳng thọ sanh nên được giải thoát sanh-già-

bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Vì cớ sao? Vì người kia trước tu Phạm hạnh, hướng đên chánh đạo, dứt sạch khô, giải thoát; nên người kia sau khi chết không trở lại thọ thân, bởi không thọ thân nên được giải thoát sanh-già-bệnh-chết-iru-bi- khổ-não. Đó là chỗ sai khác giữa kẻ phàm phu và người trí tuệ ở nơi Ta tu các Phạm hạnh. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 295 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ5 Phật nói với các Tỳ-kheo: Thân này chẳng phải của các thầy, chẳng phải của người khác, nghĩa là sáu xúc nhập xứ, vốn do tu hạnh nguyện nên thọ được thân này. Thế nào là sáu? Đó là nhãn xúc nhập xứ, nhĩ..., tỷ..., thiệt..., thân..., ý xúc nhập xứ. Đa văn Thánh đệ tử kia đoi với các duyên khởi khéo chánh tư duy, quán sát có sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân. Nghĩa là vì thân này có cho nên tương lai sẽ có các khô vê sanh-già-bệnh-chêt-ưu-bi-khô-não. Như thế, thuần đại khổ tụ tập, đó gọi có nhân có duyên thế gian tập. Nghĩa là thân này không, nên sáu thức thân không, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân không. Nghĩa là vì thân này không, nên không có sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Như thế, thuần đại khổ tụ diệt. Nếu đa văn Thánh đệ tử đối với thế gian tập, thế gian diệt, chánh trí như thật, khéo thấy, khéo tỉnh giác, khéo thể nhập, đó gọi là Thánh đệ tử chiêu cảm pháp lành này, được pháp lành này, biết pháp lành này, nhập pháp lành này, giác tri, giác kiến thế gian sanh diệt, thành tựu Hiền thánh xuất ly, chơn chánh dứt sạch khổ, giải thoát. Vì cớ sao? Vì đa văn Thánh đệ tử biết như thật thế gian tập, thế gian diệt, khéo thấy, khéo tỉnh giác, khéo thể nhập. Phật nói kinh này xong, các Tỳ"kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 296 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giờ, The Ton nói vơi các Ty-kheo: Hôm nay Ta sẽ nói pháp nhân duyên và pháp duyên sanh. Thế nào là pháp nhân duyên? Nghĩa là cái này có nên cái kia có, như duyên vô minh có hành, duyên hành có thức,...như thế thuần đại khổ tụ tập. Thế nào là pháp duyên sanh? Là vô minh, hành, dù Phật xuất hiện hay không xuất hiện ở thế gian thì pháp này vẫn thường trụ, pháp trụ, pháp giới. Pháp này Như Lai đã tự giác tri thành Đẳng chánh giác, vì người diễn nói, chỉ dạy rõ ràng như: Duyên vô minh có hành,...

duyên sanh có già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Dù đức Phật xuất hiện, hay không xuất hiện ở thế gian thì pháp này vẫn thường trụ, pháp trụ, pháp giới. Pháp này Như Lai đã tự giác tri thành Đẳng chánh giác, vì người diễn nói, chỉ dạy rõ ràng. Nghĩa là duyên sanh nên có già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Các pháp này, pháp trụ, pháp không, pháp như, pháp nhĩ, pháp chẳng lìa như, pháp chẳng khác như, xét kỹ, chân thật, chẳng điên đảo. Như thế tùy thuận duyên khởi, đó gọi là pháp duyên sanh. Gồm có: Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ? não. Đó gọi là pháp duyên sanh. Đa văn Thánh đệ tử đối với pháp nhân duyên và pháp duyên sanh này biết đúng, khéo thấy, chẳng mong cầu về đời trước mà nói rằng: "T6i trong quá khứ hoặc có, hoặc không? Tôi trong quá khứ là loài gì? Tôi trong quá khứ như thế no?" Chăng mong câu tương lai nói răng: "Tôi ở đời sau hoặc có, hoặc không? Tôi ở đời sau là loài gì? Tôi ở đời sau sẽ như thế nào?" Bên trong chẳng do dự: uĐây là những thứ gi? Tại sao có cái này, cái gì trước, cái gì sau, tại sao? Chúng sanh này từ đâu đẫi? Nơi này mất rồi sẽ sanh về dau?...^ Nếu các Sa-môn, Bà-la- môn khởi các kiên chấp phàm tục đây ràng buộc, như nói bị ngã kiên ràng buộc, chúng sanh kiến ràng buộc, thọ mạng ràng buộc, hoặc bị những kiến chấp cử kiêng tốt xấu ràng buộc; khi tất cả thảy đều dứt, thảy đều biết, dứt hẳn từ cội gốc của những kiến chấp, như chặt ngọn cây da-la, ở đời vị lai thành pháp bất sanh. Đó là đa văn Thánh đệ tử đối với pháp nhân duyên và pháp duyên sanh, chánh tri như thật, khéo thấy, khéo giác, khéo tu, khéo thể nhập. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 297 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại làng nuôi trâu Câu-lưu-sấu. Bây giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: - Ta sẽ vì các thầy nói pháp, ban dầu, khoảng giữa và sau rốt đều thiện. Thiện nghĩa, thiện vi, thuần nhát thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch, đó gọi là Kinh đại không pháp, các Tỳ-kheo hãy lắng nghe, khéo tư duy, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thê nào là Kinh đại không pháp? Nghĩa là cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, như duyên vô minh có hành, duyên hành có thức,... thuần đại khổ tụ tập. Duyên sanh có lão tử. Nếu có người hỏi: "Ai già chết? Già chết thuộc về ai?" Người ấy sẽ đáp: "Ngã là già chết, nay già chết thuộc về ngã, già chết là ngã.59 Nói răng: "Mạng tức là thân, hoặc nói mạng khác, thân khác" đó chỉ một nghĩa mà nói có các thứ. Nếu thấy nói mạng tức là thân thì Phạm hạnh kia không có. Nếu lại thấy nói mạng khác, thân khác thì Phạm hạnh kia không có. Đoi với hai bên đó, tâm chẳng theo, chánh hướng trung đạo; bậc Hiền thánh

xuất thế như thật chánh kiến, chẳng điên đảo. Nghĩa là duyên sanh có lão tử, như thê sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành, duyên vô minh cho nên có hành. Nếu lại hỏi: "Cái gì là hành? Hành thuộc về ai?" Người ấy sẽ đáp: "Hành là ngã, hành là ngã s&." Như thế mạng tức là thân, hoặc nói mạng khác, thân khác; kẻ thấy mạng tức là thân thì Phạm hạnh không có. Kẻ thây mạng khác, thân khác thì Phạm hạnh cũng không có. Lìa hai bên này, chánh hướng trung đạo, bậc Hiền thánh xuất thế

như thật chánh kiến, chẳng điên đảo. Đó gọi là vô minh duyên hành. Nếu Tỳ-kheo, lìa dục vô minh mà sanh minh thì còn ai già chết, già chết thuộc về ai? Già chết đã dứt thì biết dứt hẳn cội gốc của sanh tử, như chặt ngọn cây đa-la9 đời vị lai không thể sanh trở lại. Nếu Tỳ-kheo lìa dục vô minh mà sanh minh, vậy còn ai sanh, sự sanh thuộc về ai, cho đến ai hành, hành thuộc về ai thì hành chắc chắn sẽ dứt thời biết dứt cội gốc của hành, như chặt ngọn cây đa-la, đời sau không thể sanh trở lại. Nếu Tỳ-kheo lìa dục vô minh mà sanh minh, cái vô minh kia diệt thì hành diệt, cho đến thuần đại khổ tụ diệt. Đó gọi là Kinh đại không pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 298 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại làng nuôi trâu Câu-lưu-sấu. r _ Bay giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Hôm nay Ta sẽ nói pháp duyên khởi, pháp thuyêt, nghĩa thuyêt, các thây hãy lăng nghe, khéo suy nghi, Ta sẽ vì các thây giảng nói! Thế nào là pháp thuyết về pháp duyên khởi? Nghĩa là đây có nên kia có, đây khởi nên kia khởi, như duyên vô minh có hành... thuân đại khô tụ tập. Đó gọi là pháp thuyết của pháp duyên khởi. Thế nào là nghĩa thuyết? Nghĩa là duyên vô minh có hành ấy. Thế nào là vô minh? Nếu chẳng biết được mé trước, chẳng biết mé sau, chẳng biết mé trước sau; chẳng biết trong, chẳng biết ngoài, chẳng biết cả trong lẫn ngoài; chẳng biết nghiệp, chẳng biết báo, chẳng biết nghiệp báo; chẳng biết Phật, chẳng biết Pháp, chẳng biết Tăng; chẳng biết khổ, chẳng biết tập? chẳng biết diệt, chẳng biêt đạo, chăng biêt nhân, chăng biêt nhân từ đâu khởi pháp, chăng biêt thiện, bất thiện, có tội, không tội, tập, không tập, hoặc kém, hoặc hơn, hoặc nhiễm ô, hoặc thanh tịnh, phân biệt duyên khởi thảy đêu chăng biêt. Đôi với sáu nhập xứ không giác tri như thật, nơi các pháp ấy không thấy không biết một cách tương tục, si ám, tối tăm, dày đặc, đó gọi là vô minh. Duyên vô minh có hành. Thế nào la hành? Hành gồm có thân hành, miệng hành, ý hành. Duyên hành có thức. Thế nào là thức? Đó là sáu thức thân: Nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân.

Duyên thức có danh sắc. Thế nào là danh? Đó là bốn ấm vô sắc: Thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm. Thế nào là sắc? Đó là bốn đại, sắc do bốn đại tạo thành, sắc này hợp cùng với danh đã nói trước gọi là danh sắc. Duyên danh sắc có lục nhập xứ. Thế nào là lục nhập xứ? Là gồm sáu nội nhập xứ: Nhãn nhập xứ, nhĩ..., tỷ..., thiệt.., thân..., ý nhập xứ. Duyên lục nhập xứ có xúc. Thế nào là xúc? Đó là sáu xúc thân: Nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân. Duyên xúc có thọ. Thế nào là thọ? Nghĩa là ba thọ: Thọ khổ, thọ vui và thọ chẳng khổ chăng vui. Duyên thọ có ái. Thê nào là ái? Đó là ba ái: Dục ái, sác ái và vô sác ái. Duyên ái có thủ. Thế nào là thủ? Đó là bốn thủ: Dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ. Duyên thủ có hữu. Thế nào là hữu? Đó là ba hữu: Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu. Duyên hữu có sanh. Thế nào là sanh? Nếu mỗi mỗi chúng sanh có mỗi mỗi thân, các loài trải qua sự hòa hợp sanh ra, được ấm, được giới, được nhập xứ, được mạng căn. Đó gọi là sanh. Duyên sanh có lão tử. Thế nào là lão? Như tóc bạc trên dầu, da nhăn, các căn suy hoại, tay chân yếu ớt, lưng còm, đầu cúi, rên ri, hơi thở ngắn, mệt nhọc, chống gậy lom khom, thân thể đen sạm, lẩm

cẩm, lú lẫn, làm việc gì cũng khó khăn, kém cỏi. Đó gọi là lão. Thế nào là tử? Mỗi mỗi chúng sanh, mỗi mỗi chủng loại kia chết, dời đổi, thân hoại, mạng sống chấm dứt, hơi ấm đã lìa, mạng sống kết thúc, lúc từ bỏ cái ấm thân. Đó gọi là tử. Tử cùng lão đã nói trước gọi chung là lão tử. Đó là nghĩa thuyết của duyên khởi. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 299 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại làng nuôi trâu Câu-lưu-sấu. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Ngài, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, Ngài nói pháp duyên khởi, đó là Ngài làm ra hay do người khác làm ra? Phật đáp Tỳ-kheo ấy: Pháp duyên khởi chẳng phải do Ta làm ra, chẳng phải do người khác làm ra, nhưng dù Như Lai xuất hiện hay không xuất hiện ở thế gian thì pháp giới vẫn thường trụ. Như Lai tự giác ngộ pháp này, thành Đẳng chánh giác, vì các chúng sanh phân biệt, diễn nói, chỉ dạy rõ ràng. Đó là: "Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, là duyên vô minh có hành,... thuần đại khổ tụ tập; vô minh diệt nên hành diệt cho đến thuần đại khổ tụ diệt.^, Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 265

KINH SỐ 300

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại làng nuôi trâu Câu-lưu-sấu.

Bấy giờ, có người Bà-la-môn đi đến chỗ Thế Tôn; sau khi chào đón vui vẻ,

Bà-la-môn ngồi qua một bên, bạch Phật:

Thưa Ngài Cù-đàm, là tự tác, là tự giác chăng?

Phật bảo Bà-la-môn:

Ta nói điều này không ký thuyết. Tự tác, tự giác, điều này không ký thuyết.

Bà-la-môn hỏi: Thế nào Cù-đàm? Tha tác, tha giác chăng?

Phật bảo Bà-la-môn: -Tha tác, tha giác, điều này không ký thuyết. Bà-la-môn bạch Phật: -Tôi hỏi: Tự tác? tự giác; Ngài đáp không ký thuyết. Tôi hỏi: Tha tác, tha giác; Ngài đáp là không ký thuyết, nghĩa này như thế nào? Phật bảo Bà-la-môn: Tự tác, tự giác ắt rơi vào thường kiến; tha tác, tha giác rơi vào đoạn kiến. Nghĩa thuyết, pháp thuyết lìa hai bên này ở nơi trung đạo mà Ta thuyết pháp. Như nói rằng: "Cái này có nên cái kia c6, cái này khởi nên cái kia khởi, duyên vô minh có hành... thuần đại khổ tụ tập. Vô minh diệt thì hành diệt cho đến thuần đại khổ tụ diet." Phật dạy xong, Bà-la-môn ây vui vẻ, hài lòng từ chô đứng lên từ giã.

KINH SỐ 301 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nhà đãi khách, trong rừng sâu, thuộc làng Na-lê. Bấy giờ, Tôn giả Tán-đà-ca-chiên-diên đi đến chỗ Phật, đảnh lễ, ngồi qua một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, như Ngài nói về chánh kiến. Thế nào là chánh kiến? Bạch Thế Tôn, vì sao Ngài lập bày chánh kiến? Phật nói với Tán-đà-ca-chiên-diên: -Thê gian có hai điêu nương tựa là hoặc có, hoặc không, là chập thủ các xúc, vì chấp thủ các xúc nên hoặc nương vào có, hoặc nương vào không. Nêu không có chấp thủ này thì tâm cảnh đối nhau không còn dính mắc, không còn chấp thủ, không trụ, không chấp

ngã; khổ sanh là khổ sanh, khổ diệt là khổ diệt, đối với việc ấy không nghi, không lầm, không do người khác mà tự biết; đó gọi

là chánh kiến. Chánh kiến do Như Lai lập bày. Vì sao? Vì thế gian tập, thấy biết đúng như thật thế gian tập. Nếu thế gian là không thì không có thấy biết đúng như thật thế gian tập. Thế gian diệt, thấy biết đúng như thật thế gian diệt. Nấu thế gian là có thì không có thấy biết đúng như thật thế gian diệt. Đó gọi là lìa hai bên, nói pháp theo trung đạo. Nghĩa là cái này có nên kia có, cái này khởi nên cái kia khởi; như duyên vô minh có hành,... thuần đại khổ tụ tập. Vô minh diệt nên hành diệt,... thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tán-đà-ca-chiên-diên nghe lời Phật dạy, chẳng khởi các lậu, tâm được giải thoát, thành A-la-hán.

KINH SỐ 302 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ-xà quật. Bấy giờ sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát ra khỏi núi Kỳ-xà quật, vào thành Vương Xá khất thực. Khi ấy, A-chi-la-ca-diếp có chút việc đi ra khỏi thành Vương Xá, hướng về núi Kỳ-xà quật, từ xa trông thấy đức Phật, vội vàng đi đến, bạch Phật: Bạch Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, Ngài có rảnh để giải đáp cho chăng? Phật nói với Ca-diếp: Nay không phải là lúc bàn luận, bây giờ Ta đang vào thành khất thực, ông hãy trở lại đây đúng lúc, Ta sẽ vì ông nói pháp. Đức Phật nói như thế lần thứ hai. Ca-diếp lại thưa lần thứ ba. Bạch Cù-đàm9 sao Ngài lại từ chối! Làm sao lạ thế? Hôm nay con có điều muốn hỏi, xin Ngài giải đáp cho con. Phật bảo A-chi-la-ca-diếp: -Tuy điêu ong hỏi. A-chi-la-ca-diếp bạch Phật: Thưa Cù-đàm? khổ có phải do tự tác chăng?

Phật đáp: Khổ do tự tác, điều này Ta không ký thuyết. Thưa Cù-đàm, khổ là do tha tác chăng?

Phật đáp:

Khổ do tha tác, điều này Ta cũng không ký thuyết.

Ca-diếp lại hỏi:

Khổ do tự, tha tác chăng?

Phật bảo Ca-diếp: Khổ do tự, tha tác, điều này Ta cũng không ký thuyết. Ca-diếp lại hỏi: Thưa Cù-đàm? khổ chẳng phải tự, chẳng phải tha, vô nhân tác chăng? Phật bảo Ca-diếp: Khổ chẳng phải tự, chẳng phải tha, vô nhân tác, điều này Ta cũng không ký thuyết. Ca-diếp hỏi: Thế nào Cù-đàm? con hỏi khổ tự tác chăng, Ngài đáp không ký thuyết. Con hỏi khổ tha tác, tự tha tác chăng; chẳng phải tự, tha, vô nhân tác chăng, Ngài cũng đáp không ký thuyết. Vậy nay không có cái khổ này chăng? Phật bảo Ca-diếp: Chẳng phải không có cái khổ này, mà thật có cái khổ này. Ca-diếp bạch Phật: Hay lắm, thưa Cù-đàm? Ngài nói có cái khổ này. Xin vì con thuyết pháp khiến cho con biết khổ, thấy khổ! Phật bảo Ca-diếp: Nếu thọ tức là người tự thọ, lý đáng Ta nói khổ do tự tác; cái khổ người khác thọ tức là thọ giả, như thế Ta nói tha tác. Nếu thọ tự thọ, tha thọ lại cùng với cái khổ ấy, như thế tự tha tác, Ta cũng chẳng nói. Nếu chẳng nhân tự, tha 9 _ r mà vô nhân sanh khô, Ta cũng chăng nói như thê. Lìa các bên này nói

trung đạo; Như Lai thuyết pháp, cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, nghĩa là duyên vô minh mà có hành,... thuần đại khổ tụ tập. Vô minh diệt thì hành diệt,... thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, A-chi-la-ca-diếp liền xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Bấy giờ? A-chi-la-ca-diếp thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, cởi bỏ điều nghi, không do người khác mà biết, chẳng do người khác độ giúp, đối với Chánh pháp, Luật, tâm được không sợ hãi. Ca-diếp chắp tay bạch Phật: Nay con đã được Phật hóa độ, từ hôm nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời xin làm ưu-bà-tắc, xin Ngài chứng tri cho con! A-chi-la-ca-diếp nghe Phật dạy xong, hài lòng làm lễ rồi đi. A-chi-la-ca-diếp từ giã Phật đi chưa bao xa, thình lình bị trâu húc chết, lúc mạng chung các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng. Lúc Thế Tôn vào thành khất thực, có nhiều Tỳ-kheo cũng vào thành Vương Xá khất thực, nghe đồn A-chi-la-ca-diếp được nghe pháp từ Thế Tôn; sau khi từ giã Phật chẳng bao lâu bị trâu húc chết, khi mạng chung các căn thanh tịnh,

Sắc mặt tươi sáng, các Tỳ-kheo khất thực xong trở về, thu dọn y bát, rửa chân, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, sáng nay nhiều Tỳ-kheo vào thành khất thực, nghe chuyện A-chi-la-ca-diếp sau khi được nghe Chánh pháp, chẳng bao lâu bị tai nạn trâu húc chết, lúc từ trần các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng. Bạch Thế Tôn, A-chi- la-ca-diếp sanh ở loài nào, thọ sanh nơi đâu và có sở đắc gì? Phật bảo các Tỳ-kheo: -Ông ấy đã thấy pháp, biết pháp, thứ pháp, chẳng thọ đối với pháp, đã đạt đến Niết-bàn. Các Tỳ-kheo nên đến cúng dường thân của A-chi-la-ca-diếp. Khi ấy, Thế Tôn vì A-chi-la-ca-diếp thọ ký đầu tiên.

KINH SỐ 303 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá? trong núi Kỳ-xà quật. Bấy giờ vào sáng sớm, Ngài mang y, cầm bát vào thành Vương Xá khất thực, dọc đường gặp tu sĩ ngoại đạo tên là Điếm-mâu-lim có chút việc đi đến núi Kỳ-xà quật, từ xa trông thấy liền đi đến chỗ Thế Tôn; hai bên chào đón ân cần xong, tu sĩ ngoại đạo này đứng qua một bên, bạch Phật: -Thưa Cù-đàm? tôi có vài điều muốn hỏi, Ngài có rảnh để giải đáp cho chăng? Phật nói với tu sĩ ngoại đạo Điếm-mâu-lxm: -Bây giờ chẳng phải lúc bàn luận, Ta phải vào thành khất thực, rồi sẽ trở về nói pháp cho ông. Phật lặp lại lời này hai làn, tu sĩ ngoại đạo vẫn cố thỉnh lần thứ ba. -Thưa Ngài, sao Ngài đành từ chối, chẳng muốn giải đáp những câu hỏi của tôi? Phật bảo tu sĩ ngoại đạo Điếm-mâu-lưu: -Tuy y ong hỏi, Ta sẽ giải đáp. Điếm-mâu-lmi liền hỏi Sa-môn Cù-đàm: -Thưa Ngài, khổ vui do tự tác chăng? Phật đáp: Khổ vui do tự tác, điều này Ta không ký thuyết. Điếm-mâu-lưu lại hỏi: -Sa-môn Cù-đàm? khổ vui có phải do tha tác? Phật đáp: -Nói khổ vui do tha tác, điều này Ta không ký thuyết. Khổ vui tự tha tác chăng?

Nói khổ vui do tự tha tác, điều này Ta không ký thuyết. Điếm-mâu-lưu lại hỏi: Khổ vui chẳng phải do tự tác, do tha tác, vô nhân tác chăng?

Phật đáp: Nói rằng khổ vui chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, vô nhân tác, điều này Ta không ký thuyết. Phật nói rộng như Kỉnh A-chỉ-la-ca-dỉếp trên, sau đó Thế Tôn

thọ ký đầu tiên cho tu sĩ ngoại đạo Điếm-mâu-lưu.

KINH SỐ 304 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại làng nuôi trâu Câu-lưu-sấu. __ Bay giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: -Hôm nay Ta sẽ vì các thầy nói pháp, chặng đầu, chặng giữa, đoạn sau cùng đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị? thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch. Hãy lắng nghe, khéo tư duy. Có sáu sáu pháp. Những gì là sáu sáu pháp? Là sáu nội nhập xứ5 sáu ngoại nhập xứ, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu ái thân. Những gì là sáu nội nhập xứ? Là nhãn nhập xứ, nhĩ nhập xứ, tỷ nhập xứ, thiệt nhập xứ, thân nhập xứ, ý nhập xứ. Những gì là sáu ngoại nhập xứ? Là sắc nhập xứ, thanh nhập xứ, hương nhập xứ, vị nhập xứ, xúc nhập xứ? pháp nhập xứ. Những gì là sáu thức thân? Là nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân. Những gì là sáu xúc thân? Là nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân. Những gì là sáu thọ thân? Là nhãn xúc sanh thọ, nhĩ xúc sanh thọ, tỷ xúc sanh thọ, thiệt xúc sanh thọ, thân xúc sanh thọ, ý xúc sanh thọ. Những gì là sáu ái thân? Nghĩa là mắt tiếp xúc sanh ái, tai tiếp xúc sanh ái? mũi tiếp xúc sanh ái, lưỡi tiêp xúc sanh ái, thân tiêp xúc sanh ái, ý tiêp xúc sanh ái. Nêu có người nói rằng mắt là ngã, điều ấy chẳng đúng. Vì cớ sao? Vì mắt là sanh diệt. Nếu mắt là ngã thì ngã phải chịu sanh tử, cho nên nói mắt là ngã, điều này chẳng đúng. Như vậy, hoặc sắc, hoặc nhãn thức, hoặc nhãn xúc, hoặc xúc sanh thọ, nếu là ngã, điều này chẳng đúng. Vì cớ sao? Thọ do mắt tiếp xúc sanh, là pháp sanh diệt, nếu thọ do nhãn xúc sanh là ngã thì ngã phải chịu sanh tử, cho nên nói thọ do nhãn xúc sanh là ngã, điều này chẳng đúng, cho nên thọ do nhãn xúc sanh chẳng phải ngã. Như thế, thọ do nhi, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sanh chẳng phải ngã, ngã phải chiu sanh tử, cho nên nói thọ do ý xúc sanh là ngã, điều đó chẳng đúng, do đó thọ do ý xúc sanh chẳng phải là ngã. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên biết như thật, trí thành tim do mắt thấy, trí này tịch diệt, trí này khai phát thần thong, chánh hướng Niết-bàn Thế nào là như thật tri kiến trí thành tựu do mắt thấy cho đến chánh hướng Niết-bàn? Như

KINH TẠPA-HÀM 269

Nói khổ vui do tự tha tác, điều này Ta không ký thuyết. Điếm-mâu-lưu lại hỏi: Khổ vui chẳng phải do tự tác, do tha tác, vô nhân tác chăng?

Phật đáp: Nói rằng khổ vui chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, vô nhân tác, điều này Ta không ký thuyết. Phật nói rộng như Kỉnh A-chỉ-la-ca-dỉếp trên, sau đó Thế Tôn thọ ký đầu tiên cho tu sĩ ngoại đạo Điếm-mâu-lưu.

KINH SỐ 304 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại làng nuôi trâu Câu-lưu-sấu. __ Bay giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: -Hôm nay Ta sẽ vì các thầy nói pháp, chặng đầu, chặng giữa, đoạn sau cùng đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị? thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch. Hãy lắng nghe, khéo tư duy. Có sáu sáu pháp. Những gì là sáu sáu pháp? Là sáu nội nhập xứ5 sáu ngoại nhập xứ, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu ái thân. Những gì là sáu nội nhập xứ? Là nhãn nhập xứ, nhĩ nhập xứ, tỷ nhập xứ, thiệt nhập xứ, thân nhập xứ, ý nhập xứ. Những gì là sáu ngoại nhập xứ? Là sắc nhập xứ, thanh nhập xứ, hương nhập xứ, vị nhập xứ, xúc nhập xứ? pháp nhập xứ.

Những gì là sáu thức thân? Là nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân. Những gì là sáu xúc thân? Là nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân. Những gì là sáu thọ thân? Là nhãn xúc sanh thọ, nhĩ xúc sanh thọ, tỷ xúc sanh thọ, thiệt xúc sanh thọ, thân xúc sanh thọ, ý xúc sanh thọ. Những gì là sáu ái thân? Nghĩa là mắt tiếp xúc sanh ái, tai tiếp xúc sanh ái? mũi tiếp xúc sanh ái, lưỡi tiêp xúc sanh ái, thân tiêp xúc sanh ái, ý tiêp xúc sanh ái. Nêu có người nói rằng mắt là ngã, điều ấy chẳng đúng. Vì cớ sao? Vì mắt là sanh diệt. Nếu mắt là ngã thì ngã phải chịu sanh tử, cho nên nói mắt là ngã, điều này chẳng đúng. Như vậy, hoặc sắc, hoặc nhãn thức, hoặc nhãn xúc, hoặc xúc sanh thọ, nếu là ngã, điều này chẳng đúng. Vì cớ sao? Thọ do mắt tiếp xúc sanh, là pháp sanh diệt, nếu thọ do nhãn xúc sanh là ngã thì ngã phải chịu sanh tử, cho nên nói thọ do nhãn xúc sanh là ngã, điều này chẳng đúng, cho nên thọ do nhãn xúc sanh chẳng phải ngã. Như thế, thọ do nhi, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sanh chẳng phải ngã, ngã phải chiu sanh tử, cho nên nói thọ do ý xúc sanh là ngã, điều đó chẳng đúng, do đó thọ do ý xúc sanh chẳng phải là ngã. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên biết như thật, trí thành tim do mắt thấy, trí này tịch diệt, trí này khai phát thần thong, chánh hướng Niết-bàn Thế nào là như thật tri kiến trí thành tựu do mắt thấy cho đến chánh hướng Niết-bàn? Như

vậy, này các Tỳ-kheo, mắt chẳng phải ngã. Nếu sắc, nhãn, thức, ba sự hòa hợp sanh nhãn xúc, nhân duyên nhãn xúc sanh thọ, bên trong biết hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, Tỳ-kheo cũng quán sát chẳng phải ngã. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng nói như thế. Đó gọi là tri kiến như thật. Đó là tri kiến như thật trí thành tựu do mắt thấy, cho đến chánh hướng Niết- bàn. Đó gọi là Kinh sáu sáu pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 305 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại làng nuôi trâu Câu-lưu-sấu. Bây giờ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: -Hôm nay Ta sẽ vì các thầy nói pháp, ban đầu, khoảng giữa và đoạn sau cũng đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị5 thuần nhất thanh tinh, Phạm hạnh trong sạch. Đó là Kỉnh sáu phân biệt, sáu nhập xứ. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thê nào là Kỉnh sáu phân biệt, sáu nhập xứ? Nghĩa là đôi với nhãn nhập xứ, chẳng như thật tri kiến: sắc, nhãn, thức ba sự hòa hợp sanh nhãn xúc, do nhân duyên nhãn xúc sanh thọ, bên trong biêt khô, vui, chăng khô chăng vui, chăng thay biết như thật, vì chẳng thấy biết như thật nên mắt nhiễm trước; nếu sắc, mắt, thức ba sự hòa hợp sanh nhãn xúc, do nhân duyên nhãn xúc sanh thọ, bên trong biết khổ, vui, hoặc không khổ không vui, đều sanh nhiễm trước. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như thế. Nếu pháp, ý? thức, ba sự hòa hợp sanh y xúc, do nhân duyên ý xúc sanh thọ, bên trong biêt khổ, vui, hoặc chẳng khổ chăng vui, không thay biết như thật. Do không thấy biết như thật nên sanh nhiễm trước. Nhiễm trước như vậy tương ưng với ngu tối, nhớ tưởng, ràng buộc tâm, nuôi lớn năm thọ ấm và tương lai sẽ có ái, tham, hỷ5 thảy đều tăng trưởng, thân tâm mệt nhọc, thân tâm thiêu đốt, thân tâm hầy hừng, thân tâm cuồng loạn, thân sanh ra cảm giác kho. Vì thân sanh cảm giác khổ nên trong đời sau sanh-già-bệnh-chết-ưu- bi-khổ-não đều tăng trưởng. Đó gọi là thuần đại khổ ấm

tụ tập. Này các Tỳ-kheo? nếu đối với mắt thấy biết như thật; nếu sắc, nhãn, thức, ba sự hòa hợp sanh nhãn xúc, do nhân duyên nhãn xúc sanh thọ, bên trong biết hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, thấy biết như thật, thấy biết rồi đối với mắt không nhiễm trước. Nấu sắc, nhãn, thức, ba sự hòa hợp sanh nhãn xúc, do nhân duyên nhãn xúc sanh thọ, bên trong biết hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, chẳng nhiễm trước. Như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp thảy đêu biêt như thật. Nếu pháp, ý, thức, ba sự hòa hợp sanh ý xúc, do nhân duyên ý xúc sanh thọ, bên trong biết hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, thấy biết như thật, vì thấy biết như thật nên đối với ý không nhiễm trước. Nếu pháp, ý, thức, ba sự hòa hợp sanh ý xúc, do nhân duyên ý xúc sanh thọ, bên

trong biết hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, chẳng nhiễm trước; vì không nhiễm trước nên không lẫn lộn, chẳng ngu tối, nhớ tưởng, chẳng ràng buộc, tổn ậảm năm thọ ấm, trong đời sau các ái, tham, hỷ, những thứ nhiễm trước kia đều tiêu diệt. Thân không khổ nhọc, tâm không khổ nhọc, thân chẳng cháy, tâm chẳng cháy, thân chẳng hay hừng, tâm chẳng hay hừng. Thân cảm thấy vui, tâm cảm thấy vui. Vì thân tâm cảm thấy vui nên trong đời sau sanh- già-bệnh-chết-iru-bi-khổ-não đều tiêu diệt. Như thế, thuần đại khổ tụ ấm diệt. Biết như thế, thấy như thế, gọi là đã tu tập chánh kiến đầy đủ, chánh chí, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, như trước nói, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, thanh tịnh tu tập đầy đủ. Đó gọi là tu tập bát Thánh đạo thanh tịnh đầy đủ. Bát Thánh đạo tu tập đầy đủ rồi, tứ niệm xứ tu tập đầy đủ5 tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ can, ngũ lực, thất Bồ-đề phần tu tập đầy đủ. Đối vơi pháp nên biết, nếu thấu suốt, tất cả đều biết, đều thấu suốt; pháp cần nen biết, nên đoạn dứt, tất cả đều biết, đều đoạn; pháp nên biết, nên chứng, thảy đều biết, đều chứng; pháp nên biết, nên tu tập, thảy đều đã tu tập. Những pháp gì nên biết, nên thấu suốt? Đó là danh sắc. Những pháp nào cần phải biết, cần phải dứt? Đó là vô minh và hữu ái. Những pháp nào nên biết, nên chứng? Đó là minh, giải thoát. Những pháp nào nên biết, nên tu? Đó là chánh quán. Nếu Tỳ-kheo đối với pháp nên biết, nên hiểu, tất cả đều biết, tất cả đều hiểu; pháp nên biết, nên dứt thảy đều biết, đều dứt; pháp nên biết, nên chứng, thảy đều biết, đều chứng; pháp nên biết, nên tu, thảy đều biết, thảy đều tu; đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái ràng buộc, người này thật không ngừng đạt đến giải thoát. Này các Tỳ-kheo, đấy gọi là Kinh sáu phân biệt, sáu nhập xứ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 306 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình ở nơi vắng vẻ9 chuyên tinh tư duy, nghĩ thầm: uTỳ-kheo nên biết thế nào, thấy thế nào để được thấy pháp?" Suy nghĩ như thế xong, Tỳ-kheo liền rời nơi tọa thiền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con một mình ở nơi vắng vẻ, chuyên tinh tư duy, con có khởi niệm: C4Tỳ-kheo nên biết thế nào, thấy thế nào để được thấy pháp?59 Khi ấy, Thế Tôn nói với Tỳ-kheo kia: Thầy hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì thầy giảng nói! Có hai pháp. Những gì là hai? Mắt và sắc là hai,... (nói tông quát

như thê cho đên những thứ chảng phải là cảnh giới của Tỳ-kheo). Vì cớ sao? Vì mắt và sắc làm duyên sanh nhãn thức, ba sự hòa hợp sanh xúc, xúc cùng sanh thọ, tưởng, tư, bôn vô

272 KINH TẠPA-HÀM

Sắc ấm này. Mắt và sắc... những pháp này gọi là người, đối với những pháp này tưởng là người, chúng sanh, Na-la-ma-nậu-xà-ma-na-bà-sĩ, Kỳ-phước? Già-la? Kỳ-bà-thiền-đầu. Lại nói như thế này: uMắt tôi thấy sắc, tai tôi nghe tiếng, mũi tôi ngửi mùi, lưỡi tôi nếm vị, thân tôi chạm biết, ý tôi phân biệt ph" Người ấy trình bày và nói rằng: Tôn giả này tên như vậy, sanh ra như vậy5 họ như vậy, ăn uông như vậy, chịu khô vui như vậy, sông lâu như vậy, ở lâu như vậy, thọ mạng giới hạn như vāy../9 Này Tỳ-kheo? đây hẳn là tưởng, là ghi nhớ, là thuộc ngôn thuyết, các pháp này đều vô thường, hữu vi, do suy nghĩ mong câu sanh ra. Nếu vô thường, hữu vi, do suy nghĩ mong cầu sanh ra, đó là khổ. Khổ kia sanh khổ tụ, khổ diệt, cái khổ ấy cũng thường thường phát sinh, tất cả đều khổ. Nếu cái khổ ấy dứt, không còn thừa, xả bỏ hết, xa lìa dục, vắng lặng, dứt tiệt, các kho khác không còn tiếp tục, không còn phát sinh nữa. Đó là tịch diệt, r* r đó là thăng diệu, nghĩa là xả bỏ tát cả những gì còn sót, tát cả ái tận, vô dục, vắng lặng, Niết-bàn. Tai, mũi, lưỡi, thân, làm duyên sanh thức thân, ba sự hòa hợp sanh xúc, xúc cùng sanh thọ, tưởng, tư; bốn món này là vô sắc ấm, thân căn là sắc ấm. Đó gọi là người. (Nói như trên, cho đến diệt tận Niết-bàrì). Duyên ý và pháp sanh ý thức, ba sự hòa hợp sanh xúc, xúc cùng sanh thọ, tưởng, tư; bốn thứ này là vô sắc ấm, bốn đại mà người ta nương vào; những pháp này gọi là người. (Nói rộng như trên, cho đến diệt tận Niết-bàn). Nếu có người đối với các pháp này, tâm theo đó an trú, giải thoát không thối chuyển, không dính mắc, được vô ngã, Tỳ-kheo biết như thế, thấy như thế, đó là thấy pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 307 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, có Tỳ-kheo một mình ở chỗ vắng vẻ, chuyên tinh tư duy, nghĩ thầm rằng: "'Biết thế nào, thấy thế nào, gọi là thấy phap?55 Suy nghĩ xong, rời khỏi nơi tọa thiền, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, nghĩ thầm: "Tỵ-kheo biết thế nào, thấy thế nào, gọi là thấy pháp?" Hôm nay con xin hỏi Thế Tôn, cúi mong Ngài giải thích. Phật bảo Tỳ-kheo: Ỵ Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì thầy giảng nói! Có hai pháp: Mắt và sắc làm duyên sanh nhãn thức, (nói rộng như trên).

KINH TẠPA-HÀM 273

Tỳ-kheo ây như lời Phật dạy, nói bài kệ: Mắt, sắc hai thứ duyên, Sanh tâm và tâm pháp, Thức xúc và cấu sanh, Thọ, tưởng... đều có nhân. Chẳng phải ngã, ngã sở, Chẳng phải phước Già-la, Chẳng phải Ma-nậu-xà? Chẳng phải Ma-na-bà. Đây là lý sanh diệt, Khổ ấm pháp biến dịch, Nơi pháp này khởi tưởng, Lập bày ra chúng sanh. Na-la-ma, Nậu-xà, 9 y Cùng với Ma-na-bà? Cũng còn nhiêu tưởng khác, Đều nhân khổ ấm sanh. Các nghiệp ái vô minh, Tích lũy ấm đời khác, Sa-môn các đạo khác, Nói khác về hai

pháp. Nếu họ nói như thế, Nghe rồi thêm nghi hoặc, Tham ái dứt không còn, Vô minh lặng diệt hẳn, Ái sạch, các khổ dứt Vô thượng, Phật nói rõ. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo ấy nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 308 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chư thiên, người thế gian đối với sắc đắm nhiễm, ưa thích, gìn giữ, sắc ấy nếu vô thường, biến đổi, hoặc diệt mất thì trời và người kia sẽ cảm thấy rất thống khổ. Đối với âm thanh, mùi, vi, xúc, pháp, cũng đắm nhiễm, ưa thích, gìn giữ, nêu các pháp ây biên đôi, vô thường, hoặc diệt mát thì trời, người kia sẽ rất thống khổ. Như Lai đối với sắc, sắc tập, sắc diệt, sắc vị, sắc hoạn, sắc ly, biết như thật, vì đã biết như thật, nên đối với sắc không còn đắm nhiễm, ưa thích, gìn giữ. Săc ây dù vô thường, biên đôi, diệt tận, ăt sanh lạc trụ. Đôi với thanh, hương, vi, xúc, pháp; tập, diệt, vị, hoạn, ly, biết như thật. Đã biết như ĩ .a v e / r 9 r9 e

thật thì không còn đăm nhiêm, ưa thích, gìn giữ. Sác ây dù vô thường biên đôi, diệt tận, ắt sanh lạc trụ. Vì cớ sao? Vì mắt và sắc làm duyên sanh nhãn thức, ba sự hòa hợp thành xúc; xúc làm duyên sanh thọ, hoặc kho hoặc vui, hoặc không khổ không vui; ba thứ thọ tập này, thọ diệt này, thọ vi này, thọ hoạn này, thọ ly này, biết như thật. Đối với sắc kia làm nhân duyên sanh ra trở ngại, hết trở ngại rồi gọi là vô thượng an ổn, Niết-bàn. Tai...; mũi...; lưỡi...; thân...; ý và pháp làm duyên sanh thức, ba sự hòa hợp thành xúc. Xúc duyên thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, thọ tập, thọ diệt, thọvị, thọ hoạn, thọ ly kia biết như thật. Biết như thật rồi, pháp ấy làm nhân duyênsanh ra trở ngại, hết trở ngại rồi gọi là vô thượng an ổn, Niết-bàn. n Ạ • A_ r rT^1_ À rin _ _ r • 1 _ _ y • Bây giờ, Thê Tôn noi bai kẹ:

Nơi Sắc, thanh, hương, vị5 Xúc, pháp, sáu cảnh giới, Một bề sanh vui thích, Mê đắm, ái nhiễm sáu. Chư thiên, người thế gian, Chỉ vì cái vui nay, Khi biến đổi, diệt mất, Liền sanh ra thống khổ. Chỉ có bậc Hiền thánh, Thấy thọ diệt, an vui, Lạc trụ của thế gian, Quán sát đều là oán. Hiền thánh thấy là khổ, The gian cho là vui, Cái khổ của thế gian, Đối với Thánh là vui. Pháp sâu xa khó hiểu, Thế gian tự nghi hoặc, Chìm đắm trong tăm tối, Mờ mịt chẳng thấy gì. Chỉ có người trí tuệ, Khai mở sự sáng suốt, Lời sâu xa như thế, Phi Thánh, nào ai biết? Không trở lại thọ thân, Thâm đạt lẽ chân thật. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 309 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Chiêm-bà, bên bờ hồ Yết-già. Bấy giờ, Tôn giả Lộc-nữu đi đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Ton, như lời Thế Tôn nói, có cái tru thứ hai, có mỗi mỗi tru. Bạch Thế Tôn, thế nào là có cái trú thứ hai? Thế nào là mỗi mỗi trú? Phật bảo Lộc-nữu: -Lành thay! Lành thay! Ong hỏi Như Lai nghĩa ây. Phật bảo Lộc-nữu: -Nêu mát biêt săc? đáng ưa, đáng vui, đáng nhớ, vừa ý? tăng trưởng tham muốn, Tỳ-kheo kia thấy rồi, khởi vui vẻ, ưa thích, khen ngợi, đắm trước, chìm ở trong sự ưa thích khen ngợi, đắm trước. Chìm ở trong sự ưa thích, khen ngợi ấy, càng đắm mến tâm càng thích thú, càng thích thú sự mê đắm càng sâu, mê đắm sâu thì tham ái nặng, càng tham ái thì càng chướng

ngại. Vui vẻ, mê đắm, tham ái, chướng ngại, đó gọi là tru thứ hai. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như thế. Này Lộc-nữu, nếu Tỳ-kheo có người tương tợ như thế, dù ngay lúc ở nơi vắng vẻ, thanh nhàn, cũng gọi là trú thứ hai. Vì cớ sao? Vì ái nhiễm, ưa thích ấy không dứt, không diệt, người ưa muốn không dứt, không biết thì Như Lai gọi là trú thứ hai. Nếu có Tỳ-kheo đối với sắc đáng ưa, đáng vui, đáng nhớ, vừa ý thì cùng tăng trưởng tham muốn. Tỳ-kheo kia thấy rồi không vui vẻ, không ưa thích, không khen ngợi, không đắm nhiễm. Do không ưa thích, không khen ngợi, không đắm nhiễm, nên không hoan hỷ. Do không hoan hỷ nên không đắm trước sâu, vì không đăm trước sâu nên không tham ái. Vì không tham ái, nên

không bi chướng ngại. Người không vui thích, không tham ái, không chướng ngại, đó gọi là mỗi mỗi trú. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Này Lộc-nữu5 nếu có Tỳ-kheo tương tợ như thế, dù ở nơi trùng các, lầu cao vẫn là mỗi mỗi trú. Vì cớ sao? Vì tham ái đã dứt sạch, đã biết rõ. Người đã dứt sạch tham ái, đã biết rõ thì chư Phật, Như Lai gọi là mỗi mỗi tru. Tôn giả Lộc-nữu nghe Phật dạy xong, vui mừng đảnh lễ cáo từ.

KINH SỐ 310 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Chiêm-bà? bên bờ hồ Yết-già. Khi ấy, Tôn giả Lộc-nữu đi đến chỗ Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật: Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin vì con thuyết pháp! Con nghe pháp rồi, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung,... tự biết chẳng thọ thân sau. Phật bảo: Lành thay! Lộc-nữu có thể hỏi Như Lai nghĩa như thế. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì thầy giảng nói! Phật bảo Lộc-nữu: Nêu mát thây săc? đáng ưa thích, vừa ý, đáng nghĩ nhớ, nuôi lớn dục, thây rồi lại khen ngợi mê đắm, thích thú, mê đắm rồi thì vui thích tập, vui thích tập rồi thì khổ. Tai, mũi5 lưỡi, thân, ý cũng nói như thế. Nếu có Tỳ-kheo mắt thấy săc đáng ưa thích, đáng vừa ý? đáng nghĩ nhớ, nuôi lớn dục, vị ây thây roi chăng khởi vui thích, chẳng khen ngợi, chẳng đắm trước, vì chẳng vui thích, chẳng khen ngợi, chẳng đam trước nên vui thích chẳng tập, vì vui thích chang tập cho nên dứt khô. Các pháp tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thê. Tôn giả Lộc-nữu sau khi nghe Phật dạy, vui mừng làm lễ rồi lui ra. Bây giờ, Tôn giả Lộc-nữu nghe Phật giáo giới xong, một mình ở chô văng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, cho đến đắc quả A-la-hán, tâm thiện giải thoát.

KINH SỐ 311 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, Tôn giả Phú-lâu-na đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật: Lành thay! Bạch Thê Tôn, xin vì con thuyết pháp. Con một mình ở nơi văng vẻ, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung,... tự biết chẳng thọ thân sau.

Phật bảo Phú-lâu-na: -Lành thay! Thầy có thể hỏi Như Lai nghĩa như the! Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì thây giảng nói! Nêu có Tỳ-kheo măt thây săc đáng ưa thích, đáng nghĩ nhớ, vừa ý, nuôi lớn dục, vị ấy thây roi ưa thích, khen ngợi, đăm trước; vui thích, khen ngợi, đắm trước rồi vui mừng, vui mừng rồi say đắm, say đắm rồi tham

ái; vì tham ái nên bị chướng ngại, do đó cách xa Niết-bàn. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như thế. Này Phú-lâu-na9 nêu Tỳ-kheo mát thây săc đáng ưa thích, đáng nghĩ nhớ, vừa ý, nuôi lớn dục, vị ấy thấy rồi chẳng vui thích, chẳng khen ngợi, chẳng mê đắm. Vì chẳng vui thích, chẳng khen ngợi, chẳng đắm trước nên chẳng hoan hỷ? 9 9 • 7 VÌ chăng hoan hỷ nên chăng say đăm, vì chăng say đăm nên chăng tham ái, vì chẳng tham ái nên không chướng ngại. Vì chẳng vui, chẳng thích, chẳng tham ái, chẳng chướng ngại cho nên dần dần đạt đến Niết-bàn. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như thế. Phật bảo Phú-lâu-na: -Ta đã lược nói giáo pháp, Phú-lâu-na muôn an trú ở đâu? Tôn giả Phú-lâu-na bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, con đã được Thế Tôn ban bố pháp yếu và dạy dỗ, con muốn đi về phương Tây, xứ Du-lô-na du hành trong dân gian. Phật bảo Phú-lâu-na: Người ở phương Tây, xứ Du-lô-na hung dữ, nóng nảy, thô bạo, ưa chửi bới. Phú-lâu-na, nếu thầy nghe những lời hung ác, nóng nảy, thô bạo, mắng rủa, hủy nhục thì thầy thế nào? Phú-lâu-na bạch Phật: -Bạch Thê Tôn, nêu người nước Du-lô-na trước mặt con nói những lời hung ác, mắng chửi, hủy nhục, con nghĩ rằng: "Những người Du-lô-na ở phương Tây ấy tốt lành, trí tuệ; tuy họ ở trước mặt ta nói lời hung ác, mắng chửi, hay hủy nhục, ta cũng chưa bị họ dùng tay để đánh đập hoặc ném dá." Phật bảo Phú-lâu-na: Người Du-lô-na ở phương Tây kia chỉ hung ác, nóng nảy, mắng chửi, hủy nhục đối với thầy, thầy có thể tránh được, họ còn dùng tay, dá, đánh, ném nữa thì thầy thế nào? Phú-lâu-na bạch Phật: Bạch Thế Tôn, người Du-lô-na ở phương Tây dùng tay, đá, đánh, ném con đi nữa, con nghĩ rằng: "Những người Du-lô-na còn tốt lành, trí tuệ, tuy dùng tay, đá, đánh, ném mà chẳng dùng dao gay." Phật bảo Phú-lâu-na: -Nếu những người kia dùng dao gậy để hại thầy thì sao?

Phú-lâu-na bạch Phật: -Bạch Thê Tôn, nêu những người kia lại dùng dao gậy đê hại con, con nghĩ răng: "Những người Du-lô-na kia còn tốt lành, trí tuệ, tuy dùng dao gậy hại ta, nhưng chưa giết ta." Phật bảo Phú-lâu-na: -Giả sử những người kia giết thầy thì sao? Phú-lâu-na bạch Phật: Bạch Thế Ton, nếu những người Du-lô-na giết con, con sẽ nghĩ rằng: :C6 các đệ tử của Thế Tôn nhàm chán thân này, hoặc dùng dao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc dùng dây thắt cổ, hoặc gieo mình xuống hầm sâu; người Du- lô-na kia tót lành, trí tuệ, đôi với cái thân hủ bại của ta, chỉ tạo chút phương tiện khiến ta được giải thoát." Phật bảo: -Lành thay, Phú-lâu-na! Thầy khéo học hạnh nhẫn nhục, thầy có thể đến Du-lô-na ở lại. Ngày nay, thầy có thể đến độ người chưa được độ, an cho người chưa được an, người chưa được Niết-bàn khiến cho họ được Niết-bàn. Tôn giả Phú-lâu-na sau khi nghe Phật dạy, vui mừng phấn khởi, làm lễ rồi từ giã. Khi ấy, Tôn giả Phú-lâu-na qua đêm, sáng sớm đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, thọ thực xong lại trở ra, giao lại ngọa cụ, đem y bát đi du hành trong nước Du-lô-na và an cư tại đó. Tôn giả thuyết pháp cho năm trăm vị ưu- bà-tăc9 kiên lập năm trăm Tăng-già-lam, giường năm, chăn, mên, các thứ cúng dường đều đầy đủ; trải qua ba tháng hạ, Tôn giả Phú-lâu-na đầy đủ Tam minh, liền ở nơi ấy nhập Vô dư Niết-bàn.

KINH SỐ 312 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Lúc ấy, có Ma-la-ca-cữu đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật,

rồi ngoi qua một bên, bạch Phật: -Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin Ngài vì con nói pháp. Nghe pháp xong, con một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung,...chẳng thọ thân sau. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ma-la-ca-cữu: -Những người trẻ tuổi, thông minh, lợi căn, nơi Pháp, Luật của Ta xuất gia chưa bao lâu, đối với Pháp, Luật của Ta còn không biếng nhác; huống chi thầy ngày nay tuổi đã già, các căn đã suy yếu mà lại muốn nghe Ta răn dạy, nhắc nhở.

Ma-la-ca-cữu bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, con tuy tuổi già, các căn suy yếu mà vẫn còn muốn nghe Thế Tôn chỉ dạy, nhắc nhở. Xin Thế Tôn chỉ dạy cho con. Sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy,...tự biêt chăng thọ thân sau. Ma-la-ca-cữu thưa như thê ba lân. Phật nói với Ma-la-ca-cữu: Hãy thôi đi! Dù thầy thỉnh đến ba lần Ta cũng chẳng nói. Khi ấy, Thế Tôn bảo Ma-la-ca-cữu: Bây giờ Ta hỏi thầy, tùy ý đáp lời của Ta. Phật bảo tiếp: Nếu mắt chưa từng thấy sắc, thầy sẽ muốn thấy, đối với sắc ấy khởi dục, khởi ái, khởi niệm, khởi nhiễm trước chăng? Ma-la-ca-cữu đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Tai đối với âm thanh, mũi đối với hương, lưỡi với vị? thân với xúc, ý với pháp cũng nói như thế. Phật bảo Ma-la-ca-cữu: A -e £ .

Lành thay! Này Ma-la-ca-cữu, thây, do thây hạn lượng; nghe, do nghe hạn lượng; giác, do giác hạn lượng; thức, do thức hạn lượng. Và Phật nói bài kệ: Nếu thầy chẳng phải kia, Kia cũng chẳng phải thầy, Cũng chẳng giữa, hai bên, Đây chính là mé khổ. Ma-la-ca-cữu bạch Phật: Con đã biết, bạch Thế Tôn! Con đã biết, bạch Thiện Thệ!

Phật bảo Ma-la-ca-cữu: —Thầy hiểu thế nào về cái nghĩa rộng rãi của pháp Ta đã lược nói? Ma-la-ca-cữu nói kệ bạch Phật: Nấu mắt đã thấy sắc, Mà đánh mất chánh niệm, Đôi với sác được thây, Giữ lấy tướng yêu thích. Giữ lấy tướng yêu thích, Tâm thường bi dính mắc, Dấy khởi các thứ ái, Vô lượng sắc tập sanh. Tham dục, sân hại, giác, Khiến tâm kia thối giảm, Tăng trưởng thêm các khổ, Trọn xa lìa Niết-bàn. Thấy sắc chẳng thủ tướng, Tâm ấy theo chánh niệm, Không nhiễm ái, ác tâm, Cũng chẳng sanh dính mắc Chẳng khởi nơi các ái, Vô lượng sắc tập sanh, Tham dục, nhuế hại, giác, Chẳng thể hoại tâm kia. ít tăng trưởng các khô, Lần lượt gần Niết-bàn,

Thế Tôn đã nói rõ5 Lìa ái, đạt Niết-bàn. Nếu tai nghe các tiếng, Tâm đánh mát chánh niệm, Giữ lấy tướng âm thanh, Giữ chặt không xả bỏ, Mũi, hương, lưỡi nếm vị? Thân, xúc, ý niệm pháp, Quên mất nơi chánh niệm, Thủ tướng cũng như thế, Tâm kia sanh yêu thích, Mê đắm trụ vững chắc, Khởi ra các thứ ái, Vô lượng pháp tập sanh, Tham dục, nhuế hại, giác, Thối giảm làm hại tâm, Nuôi lớn các nhóm khổ, Trọn xa lìa Niết-bàn. Chăng nhiêm nơi các pháp, Chánh trí, trụ chánh niệm, Tâm ấy chẳng nhiễm ô, Cũng lại không mê đăm, Chẳng khởi nơi các ái, Vô lượng pháp tập sanh, Tham, sân, nhuế, hại? giác, Chẳng làm thối giảm tâm, Các khổ theo đó giảm, Dần dần gần Niết-bn, Ái tận, Bát-niết-bàn, The Ton đã noi the. Đó gọi là giảng rộng nghĩa của pháp Phật đã lược nói. Phật bảo Ma-la-ca-cữu: Thật thầy đã giải thích rộng nghĩa ấy đối với pháp Ta đã lược nói. Vì sao? Vì như thầy đã nói kệ: Nếu mắt thấy các sắc, Quên mất nơi chánh

niệm, Đối với sắc được thấy, Giữ lấy tướng ái niệm. (Như trên đã nói rộng). Tôn giả Ma-la-ca-cữu nghe lời Phật dạy xong, phấn khởi, làm lễ cáo từ. Bấy giờ, Ma-la-ca-cữu đã giải rộng nghĩa mà đối với pháp Thế Tôn đã lược nói, rồi một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung,... thành A-la-hán, tâm được giải thoát.

KINH SO 313 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: - Có kinh pháp, các Tỳ-kheo sùng kính, hướng tới, mà đối với kinh pháp ấy, hạng người tin khác, muốn khác, nghe khác, thực hành khác, tư duy khác, nhận thấy khác, chịu khó suy xét kỹ, biêt đúng rồi nói rằng: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau.” Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp. Lành thay, bạch Thế Tôn! Xin Ngài nói rộng thêm nữa, các Tỳ-kheo chúng con nghe xong sẽ lãnh thọ và vâng làm.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: - Hãy nghe ky, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thày giảng nói! Này các Tỳ- kheo, mắt thấy sắc rồi nhận biết sắc mà không biết cái tham đối với sắc: "Trước kia nhãn thức của ta đối với sắc không có tham và hiện nay nhãn thức của ta đôi với sắc có tham." Nấu Tỳ-kheo mắt thấy sắc rồi nhận biết sắc mà không khởi tham sắc, vị ấy biết rằng: "Nhãn thức của ta trước kia có tham và nhãn thức của ta hiện nay đối với sắc không tham,\ biết như thật. Các thầy nghĩ sao? Người ấy đối với pháp này là có tin, có muốn, có nghe, có thực hành, có tư duy, có chiu khó suy xét chín chắn không? Các Tỳ-kheo đáp: - Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Trở về nương tựa pháp này thì những điều thấy, biết có, biết đúng như thật chăng? - Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Tai, mũi, lưỡi, thân, ý pháp cũng nói như thế. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có kinh pháp. Tỳ-kheo đối với kinh pháp này hết sức tôn trọng, nếu có hạng người tin khác, muốn khác, nghe khác, thực hành khác, tư duy khác, nhận thấy khác, mà chịu khó suy xét chín chắn, chánh tri, rồi nói: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 314 Tôi nghe như vày: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Nên đoạn dục, dứt sự ham muốn của mắt rồi, sự ham muốn của mắt đã đoạn, đã biết, là đoạn được cái cội gốc kia, như chặt đầu cây đa-la, ở đời vi lai trọn không sanh trở lại nữa. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 315 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Nếu mắt sanh, trú, xuất hiện; thì khổ sanh, bệnh, lão, tử xuất hiện. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Nếu mắt diệt thì khổ sanh cũng diệt, bệnh dứt, tử cũng hét. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như thế.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 316 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: —Mắt là vô thường, nếu mắt là thường thì lý đáng không phải chiu cái khổ bức bách, cũng không nên nói: "Đối với con mắt ta muốn khiến nó như thế này, hay không muốn khiến nó như thế này." Nhimg vì mắt là vô thường nên chịu khổ bức bách. Do đó không được đối với mắt muốn khiến nó như thế này, hay không khiến nó như thế này. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 317 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Mắt là khổ, nếu mắt là vui thì lý đáng không chiu khổ bức bách, lý đáng được đối với mắt muốn khiến nó như thế này, hay không khiến nó như thế này. Nhưng vì mắt là khổ nên chịu khổ bức bách, không được đối với mắt muốn khiến nó như thế này, hay không khiến nó như thế này. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 318 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: -Mắt chẳng phải ngã, nếu mắt là ngã thì lý đáng không chịu khổ bức bách, lý đáng được đối với mắt muốn khiến nó như thế này, hay không khiến nó như thế này. Nhimg vì mắt chẳng phải là ngã, nên chịu khổ bức bách, không được đối với mắt muốn khiến nó như thế này, hay không khiến nó như thê này. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như ba kinh nội lục nhập xứ, ba kinh ngoại lục nhập xứ cũng nói như thế).

282 KINH TẠPA-HÀM _____

KINH SỐ 319 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ"đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sinh Văn đi đến chỗ Phật; sau khi chào đón hỏi thăm nhau, ngồi một bên, bạch Phật: Thưa Cù-đàm5 Ngài nói là tất cả, thế nào là tất cả?

Phật bảo Bà-la-môn: -Tất cả nghĩa là mười hai nhập xứ, mắt đối với sắc, tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị? thân đối với xúc, ý đối với pháp, đó gọi là tất cả. Nếu lại có người nói rằng: UĐÓ không phải là tất cả, Sa-môn Cù-đàm nói tất cả, nay ta bỏ tất cả ấy mà lập riêng tất cả khác95 thì người ấy chỉ nói suông, hỏi đến lại không biết; họ chỉ tăng thêm nghi hoặc. Vì sao? Vì chẳng phải là cảnh giới của họ. Bà-la-môn Sinh Văn nghe Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 320 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sinh Văn đi đến chỗ Phật, sau khi cùng Phật chào hỏi xong, ngồi qua một bên5 bạch Phật: Thưa Cù-dàm, Ngài nói là tất cả đều có, thế nào là tất cả đều có?

Phật bảo Bà-la-môn Sinh Văn:

Nay Ta hỏi, ông tùy ý trả lời câu hỏi của Ta. Này Bà-la-môn, ý ông thế nào? Mắt là có chăng?

Thưa Sa-môn Cù-đàm, có!

Phật lại hỏi:

-Sắc là có chăng?

Thưa Sa-môn Cù-đàm? có!

Phật lại hỏi:

Này Bà-la-môn, có sắc, có cái biết của mắt, có sự xúc chạm của mắt; vì có sự xúc chạm của mắt nên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui chăng?

Bà-la-môn Sinh Văn đáp:

Thưa Cù-đàm, có!

Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như thế. (Như thế, nói rộng cho đến chẳng phải cảnh giới của người ấy).

KINH TẠPA-HÀM 283

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sinh Văn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, đứng lên từ giã.

KINH SỐ 321 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sinh Văn đi đến chỗ Phật, sau khi cùng Phật chào hỏi xong, ngồi một bên, bạch Phật: -Thưa Sa-môn Cù-đàm, Ngài nói là tất cả pháp, thế nào là tất cả pháp? Phật bảo Bà-la-môn Sinh Văn: Mắt, sắc, nhãn thức sanh nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Tai...; mũi...; lưỡi...; thân...; ý và pháp, ý thức sanh ý xúc; ý xúc làm nhân duyên sanh thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, đó gọi là tất cả pháp. Nếu lại có người nói: UỞ đó không phải là tất cả các pháp nhưng Sa-môn Cù-đàm nói tất cả pháp, nay ta bỏ tất cả pháp ấy mà lập riêng tất cả pháp khác95 thì người ấy chỉ nói suông, hỏi đến lại không biết, chỉ tăng thêm nghi hoặc. Vì sao? Vì chẳng phải là cảnh giới của người ấy. Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sinh Văn nghe lời Phật dạy? hoan hỷ phụng hành. (Gi8ng như ba kinh Bà-la-môn Sinh Văn đã hỏi, ba kinh có Tỳ-kheo khác hỏi và ba kinh Tôn giảA-nan hỏi, ba kinh Thế Tôn nói về pháp nhãn, pháp căn, pháp y, cũng nói như trên).

KINH SỐ 322 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo kia đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, như lời Thế Ton dạy, mắt là nội nhập xứ, Thế Tôn chỉ nói lược, không phân biệt rộng rãi. Thế nào mắt là nội nhập xứ? Phật bảo Tỳ-kheo ấy: Mắt là nội nhập xứ, sắc tịnh do bốn đại tạo, không thể thấy nhimg có đối ngại. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý nội nhập xứ cũng nói như the. Tỳ-kheo lại bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, như lời Thế Tôn dạy, ý là nội nhập xứ, không phân biệt rộng. Thế nào là ý nội nhập xứ?

284 > KINH TẠPA-HÀM

Phật bảo: Ý nội nhập xứ là tâm ý thức chẳng phải sắc, không thể thấy, không đối ngại. Đó gọi là ý nội nhập xứ. Tỳ-kheo ấy lại hỏi: Như lời Thế Tôn dạy, sắc ngoại nhập xứ,

Thế Tôn nói lược, không phân biệt rộng rãi. Bạch Thế Tôn, thế nào là sắc ngoại nhập xứ? Phật bảo Tỳ-kheo ấy: Sắc ngoại nhập xứ là sắc do tứ đại tạo, có thể thấy, có đối ngại. Đó gọi là sắc ngoại nhập xứ. -Thế Tôn nói âm thanh là ngoại nhập xứ, nhưng không phân biệt rộng. Thế nào là âm thanh ngoại nhập xứ? Phật bảo: Nếu âm thanh do tứ đại tạo không thể trông thấy, nhimg có đối ngại, như âm thanh, mùi vi cũng như thế. Tỳ-kheo ấy lại hỏi: Thế Tôn nói xúc ngoại nhập xứ, nhimg không phân biệt rộng rãi, thế nào là xúc ngoại nhập xứ? Phật bảo Tỳ-kheo: Xúc ngoại nhập xứ là tứ đại và sắc do tứ đại tạo, không thể thấy, nhưng có đối ngại. Đó gọi là xúc ngoại nhập xứ. Tỳ-kheo ấy lại hỏi Thế Tôn: Thế Tôn chỉ nói pháp ngoại nhập xứ, không phân biệt rộng rãi, thế nào là pháp ngoại nhập xứ? Phật bảo Tỳ-kheo ấy: -Pháp ngoại nhập xứ là những pháp không gồm trong mười một nhập xứ kia, không thể thấy, không đối ngại. Đó gọi là pháp ngoại nhập xứ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo ấy nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 323

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Phật nói với các Tỳ-kheo:

Có sáu nội nhập xứ. Nghĩa là mắt nội nhập xứ; tai...; mũi...; lưỡi...; thân...;

ý nội nhập xứ.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 285

KINH SỐ 324 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Phật bảo Tỳ-kheo: -Có sáu ngoại nhập xứ. Thế nào là sáu ngoại nhập xứ? Nghĩa là sắc ngoại nhập xứ; thanh...; hương...; vị...; xúc...; pháp ngoại nhập xứ. Đó gọi là sáu ngoại nhập xứ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 325 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton noi vơi các Ty-kheo: Có sáu thức thân. Thế nào là sáu? Đó là nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân và ý thức thân. Đó gọi là sáu thức thân. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 326 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. VẠ • A_ À rwn _ r •__ r* _ r _ rr^_A_ _ Bay giờ, The Ton noi vơi các Ty-kneo: -Có sáu xúc thân. Thế nào là sáu xúc thân? Đó là nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân và ý xúc thân. Đó gọi là sáu xúc thân. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 327 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Có sáu thọ thân. Thế nào là sáu? Đó là mắt tiếp xúc sanh thọ; tai...; mũi...; lưỡi...; thân...; ý tiếp xúc sanh thọ. Đó gọi là sáu thọ thân. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng

hành.

KINH SỐ

_ . ...

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

286 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Có sáu tưởng thân. Thế nào là sáu? Đó là mắt tiếp xúc sanh tưởng; tai...; mũi...; lưỡi...; thân...; ý tiếp xúc sanh tưởng. Đó gọi là sáu tưởng thân. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 329 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Có sáu tư thân. Thế nào là sáu? Đó là mắt tiếp xúc sanh tư; tai...; mũi...; lưỡi...; thân...; ý tiếp xúc sanh tư. Đó gọi là sáu tư thân. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 330 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Có sáu ái thân. Thế nào là sáu? Đó là mắt tiếp xúc sanh ái; tai...; mũi...; lưỡi...; thân...; ý tiếp xúc sanh ái. Đó gọi là sáu ái thân. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 331 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ5 Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Có sáu thứ luyến niệm. Thế nào là sáu? Đó là luyến nhớ sắc, luyến nhớ âm thanh, luyến nhớ hương, luyến nhớ vị, luyến nhớ xúc, luyến nhớ pháp. Đó gọi là sáu thứ luyến niệm. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 332 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Có sáu thứ che giấu. Thế nào là sáu? Nghĩa là sắc hữu lậu giữ tâm che giâu; thanh...; hương...; vị...; xúc...; pháp hữu lậu giữ tâm che giấu. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy? hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 287

KINH SỐ 333 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: ở quá khứ, vi lai, mắt là vô thường, huống chi là hiện tại. Đa văn Thánh đệ tử quán như thế, chẳng luyến tiếc mắt quá khứ, chẳng ưa thích mắt vị lai, đối với mắt hiện tại sanh nhàm chán, lìa dục, hướng đến diệt tận. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như the. (Ve vô thường, kho, không, vô ngã, cũng nói như thế). r r , (Như bôn kỉnh nội nhập xứ, bôn kinh ngoại nhập xứ cũng nói như thê).

KINH SỐ 334 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại làng nuôi trâu Câu-lưu-sấu. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Hôm nay Ta sẽ thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tinh, Phạm hạnh trong sạch. Hãy lăng nghe, khéo suy nghĩ. Đó là kinh có nhân, có duyên, có pháp ràng buộc. Thê nào kinh có nhân, có duyên, có pháp ràng buộc? Nghĩa là măt có nhân, có duyên, có ràng buộc. Những gì là nhân của mắt, duyên của mắt, sự ràng buộc của mắt? Nói nghiệp là nhân, nghiệp là duyên, nghiệp là ràng buộc của mắt9 nghiệp có nhân, có duyên, có ràng buộc. Những gì là nhân của nghiệp, là duyên của nghiệp, là trói buộc của nghiệp? Nói ái là nhân của nghiệp, ái là duyên của nghiệp, ái là trói buộc của nghiệp. Ái có nhân, có duyên, có ràng buộc. Những gì là nhân của ái, là duyên của ái, là trói buộc của ái? Nói rằng vô minh là nhân của ái5 vô minh là duyên của ái? vô minh là trói buộc của ái. Vô minh có nhân, có duyên, có trói buộc. Những gì là nhân của vô minh, duyên của vô minh, là trói buộc của vô minh? Nghĩa là không chánh tư duy là nhân, không chánh tư duy là duyên, không chánh tư duy là trói buộc của vô minh. Không chánh tư duy có nhân, có duyên, có trói buộc. Những gì là nhân của không chánh tư duy, là duyên của không chánh tư duy, là trói buộc của không chánh tư duy? Nghĩa là do mắt thấy sắc không chánh tư duy mà sanh si mê9 sự ngu si ấy là vô minh, si mê mong muốn gọi là ái; do ái tạo tác hành vi gọi là nghiệp. Như thế, này các Tỳ-kheo? không chánh tư duy là nhân của vô minh, vô minh là nhân của ái? ái là nhân của nghiệp, nghiệp là nhân của mắt. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như thế. Đó gọi là kinh có nhân, có duyên, có pháp trói buộc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

288 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại trong làng nuôi trâu Câu-liru-sấu. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Hôm nay Ta sẽ vì các thầy nói pháp ban dầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện; thiện nghĩa, thiện vị? thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch, đó là Kinh đệ nhất nghĩa không. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là Kinh đệ nhất nghĩa không? Này các Tỳ-kheo? lúc mắt sanh thì không có chỗ đến, lúc mắt diệt thì không có chỗ đi. Như thế, mắt chẳng thật sanh, sanh rồi diệt hết, có nghiệp báo mà không tác giả. Ấm này diệt rồi, ấm khác tương tục, trừ pháp tục số. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như thế, trừ pháp tục số. Pháp tục số nghĩa là cái này có, nên cái kia có; cái này khởi, nên cái kia khởi; như vô minh duyên hành, hành duyên thức, nói một cách rộng rãi cho đến thuần đại khổ tụ tập. Lại nữa, cái này không, nên cái kia không, cái này diệt, nên cái kia diệt, vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt. Như thế, nói rộng cho đến thuần đại khổ tụ diệt. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là Kỉnh đệ nhất nghĩa không. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 336 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton noi vơi các Ty-kheo: Co sáu hỷ hành. Thế nào là sáu? Này các Ty-kheo, nếu ngay khi thấy sắc, cảm thây vui đó là sac xứ hành; lúc tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nêm vị, thân xúc chạm, ý tiếp xúc pháp trần đều cảm

thấy vui thích, đó là pháp xứ hành. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là sáu hỷ hành. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 337 Tôi nghe như vày: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ5 Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Có sáu ưu hành. Thế nào là sáu? Này các Tỳ-kheo, nếu mắt thấy sắc, khởi lo buôn, như vậy là săc xứ hành; tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp, khởi lo buồn, đó là pháp xứ hành. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là sáu ưu hành. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 338 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Có sáu xả hành. Thế nào là sáu? Này các Tỳ-kheo, khi mắt thấy sắc liền buông xả, nơi kia là sắc xứ hành; tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp, nơi kia là pháp xứ hành. Đó gọi là sáu hành xả của Tỳ-kheo. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 339 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton noi vơi các Ty-kheo: Có sáu thường hành. Thế nào là sáu? Nếu Tỳ-kheo mắt thấy sắc, không khổ, không vui, chánh niệm, chánh trí, trụ xả tâm; tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp, không khổ, không vui, trụ xả tâm, chánh niệm, chánh trí. Đó gọi là sáu thường hành. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 340 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton noi với các Tỳ-kheo: Có sáu thường hành. Thế nào là sáu? Nếu Tỳ-kheo mắt thấy sắc, không khổ, không vui, trụ xả tâm, chánh niệm, chánh trí; tai đối với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp, không khổ không vui, trụ xả tâm, chánh niệm, chánh trí. Đó gọi là sáu thường hành. Tỳ-kheo nên thành tựu sáu thường hành này là điều thế gian khó làm được. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lòi Phật day, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 341 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Có sáu thường hành. Thế nào là sáu? Nếu Tỳ-kheo mắt thấy sắc, không khổ, không vui, trụ xả tâm, chánh niệm, chánh trí; tai với âm thanh, mũi với

mùi, lưỡi với vị? thân với xúc, ý với pháp, không khổ, không vui, trụ xả tâm, chánh niệm, chánh trí; nếu Tỳ-kheo thành tựu sáu pháp thường hành này mà thế gian khó làm được, người ấy đáng được phụng sự, cung kính, cúng dường, là phước điền vô thượng của thế gian. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 342 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Có sáu thường hành. Thế nào là sáu? Nếu Tỳ-kheo mắt thấy sắc, không khổ, không vui, trụ xả tâm, chánh niệm, chánh trí; tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp, không kho, không vui, trụ xả tâm, chánh niệm, chánh trí; nếu Tỳ-kheo thành tựu sáu thường hành này, nên biết đó là Xá-lợi-phất? v.v... Tỳ-kheo Xá-lợi-phất mắt thấy sắc, không khổ, không vui, trụ xả tâm, chánh niệm, chánh trí; tai đoi với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp, không khổ, không vui, trụ xả tâm, chánh niệm, chánh trí. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thành tựu sáu pháp thường hành mà thế gian khó làm được, nên xứng đáng được phụng sự5 cung kính, cúng dường, là phước điền vô thượng của the gian. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 343 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có Tôn giả Phù-di ở trong núi Kỳ-xà quật. Khi ấy có nhiều tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả Phù-di, cùng nhau chào đón ân cần, rồi lui ngồi một bên và thưa với Tôn giả Phù-di: Chúng tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh để giải đáp cho chăng?

Tôn giả Phù-di nói với các tu sĩ ngoại đạo:

Tùy câu hỏi của quý vị? tôi xin giải đáp.

Các tu sĩ ngoại đạo hỏi Tôn giả Phù-di:

- Khổ vui tự tác chăng?

Tôn giả Phù-di đáp:

-Các ngoại đạo nói khổ vui là tự tác, Thế Tôn thì nói điều này không ký thuyết.

mùi, lưỡi với vị? thân với xúc, ý với pháp, không khổ, không vui, trụ xả tâm, chánh niệm, chánh trí; nếu Tỳ-kheo thành tựu sáu pháp thường hành này mà thế gian khó làm được, người ấy đáng được phụng sự, cung kính, cúng dường, là phước điền vô thượng của thế gian. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 342 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Có sáu thường hành. Thế nào là sáu? Nếu Tỳ-kheo mắt thấy sắc, không khổ, không vui, trụ xả tâm, chánh niệm, chánh trí; tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp, không kho, không vui, trụ xả tâm, chánh niệm, chánh trí; nếu Tỳ-kheo thành tựu sáu thường hành này, nên biết đó là Xá-lợi-phất? v.v... Tỳ-kheo Xá-lợi-phất mắt thấy sắc, không khổ, không vui, trụ xả tâm, chánh niệm, chánh trí; tai đoi với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp, không khổ, không vui, trụ xả tâm, chánh niệm, chánh trí. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thành tựu sáu pháp thường hành mà thế gian khó làm được, nên xứng đáng được phụng sự5 cung kính, cúng dường, là phước điền vô thượng của the gian. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng

hành.

KINH SỐ 343 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có Tôn giả Phù-di ở trong núi Kỳ-xà quật. Khi ấy có nhiều tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả Phù-di, cùng nhau chào đón ân cần, rồi lui ngồi một bên và thưa với Tôn giả Phù-di: Chúng tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh để giải đáp cho chăng?

Tôn giả Phù-di nói với các tu sĩ ngoại đạo:

Tùy câu hỏi của quý vị? tôi xin giải đáp.

Các tu sĩ ngoại đạo hỏi Tôn giả Phù-di:

- Khổ vui tự tác chăng?

Tôn giả Phù-di đáp:

-Các ngoại đạo nói khổ vui là tự tác, Thế Tôn thì nói điều này không ký thuyết.

KINH TẠPA-HÀM 291

Các tu sĩ ngoại đạo lại hỏi: Khổ vui có phải tha tác chăng? Khổ vui tha tác, Thế Tôn nói điều này không ký thuyết.

Khô vui có phải tự tha tác chăng? Khổ vui tự tha tác, Thế Tôn nói điều này không ký thuyết. Có phải khổ vui chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, vô nhân tác chăng? Khổ vui chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, vô nhân tác, Thế Tôn nói điều này không ký thuyết. Các tu sĩ ngoại đạo lại hỏi: Thế nào, Tôn giả Phù-di? Khi được hỏi: "N6i khổ vui là tự tác chng?" Ngài đáp rằng: "Kh6ng ký thuyết.,, Được hỏi: uKhổ vui tha tác chang?" Ngài đáp rằng: "Không ký thuyết." Được hỏi: 46]piổ vui tự tha tác chng?" Ngài đáp rằng: "Không ký thuyết.” Được hỏi: "Khổ vui không phải tự tác, không phải tha tác, vô nhân tác chng?" Ngài đáp rằng: "Không ký thuyết." Nay Sa-môn Cù-đàm nói khổ vui sanh khởi như thế nào? Tôn giả Phù-di đáp: Này các tu sĩ ngoại đạo! Thế Tôn nói khổ vui từ duyên khởi sanh. Các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả Phù-di nói như thế, tâm không vui, phàn nàn rồi bỏ đi. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất ở cách Tôn giả Phù-di không xa, đang ngồi yên nơi cội cây. Sau khi biết các tu sĩ ngoại đạo đi rồi, Tôn giả Phù-di đi đến Tôn giả Xá-lợi-phất? đến rồi cùng nhau chào đón vui vẻ. Tôn giả Phù-di đem những câu hỏi của các tu sĩ ngoại đạo trình bày đây đủ với Tôn giả Xá-lợi-phât: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôi đã trả lời như thế, lời đáp của tôi không biết có khỏi hủy báng Thế Tôn, không nói như lời Phật đã nói, không nói như pháp, không phải là hành pháp, tùy thuận pháp, không bị những người khác nhân nơi pháp luận đến cật vấn, quở trách chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Này Tôn giả Phù-di! Điều ông nói đúng như Phật nói, không hủy báng Như Lai, như pháp nói, pháp hạnh, pháp thuyết, không bị những người khác nhân nơi luận nghĩa đến cật vấn quở trách. Vì sao? Vì Thế Tôn nói khổ vui đều do duyên khởi sanh. Này Tôn giả Phù-di! Câu hỏi của các Sa-môn, Bà-la-môn kia về khổ vui tự tác; đó cũng là từ duyên khởi sanh. Nói là không từ duyên khởi sanh, điều ấy không thể có được. Khổ vui tha tác, tự tha tác; cũng chẳng phải tự tha tác, nói là vô nhân tác; đó cũng là từ duyên khởi sanh. Nếu nói chẳng phải từ duyên sanh, điều ấy không thể có được.

Tôn giả Phù-di! Các Sa-môn9 Bà-la-môn kia nói khổ vui tự tác cũng là duyên nơi xúc chạm sanh. Nêu nói chăng từ xúc chạm sanh, điêu ây không thê có được. Khổ vui tha tác, tự tha tác; chẳng phải tự tha tác, vô nhân tác; đây cũng là duyên xúc chạm sanh. Nếu nói chẳng từ xúc chạm sanh, điêu này không thê có được. Lúc đó, Tôn giả A-nan ở cách Tôn giả Xá-lợi-phất không xa, đang ngồi nơi cội cây, nghe Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Phù-di đàm luận. Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Phật; đảnh lễ chân Phật, lui đứng một bên và đem những lời đàm luận của hai vị Tôn giả bạch lại đầy đủ với Thế Tôn. Phật bảo Tôn giả A-nan: Lành thay, A-nan! Xá-lợi-phất có người đến hỏi, khéo tùy thời đáp. Tốt lắm! Vì Xá-lợi-phất có trí tuệ ứng phó kịp thời, nên tùy lúc có người hỏi, Xá- lợi-phất liền tùy thời giải đáp. Nếu hàng Thanh văn của Ta gặp người hỏi, cũng nên khéo tùy thời đáp như Xá-lợi-phất. Này A-nan! Lúc Ta ở tại thành Vương Xá, trong núi, nơi trụ xứ của tiên nhơn, có những tu sĩ ngoại đạo đã đem các nghĩa như thế, câu như thế, ý vị như thế đến hỏi Ta. Ta vì họ đem nghĩa thế này, câu thế này, ý vị thế này mà nói cho họ, giống như lời Xá-lợi-phất nói. A-nan! Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn cho rằng khổ vui tự tác, Ta liền đến hỏi họ: "C6 thật các ông nói khổ vui tự tác chng?" Họ đáp: "Tôi nói như thế." Ta liền hỏi họ: “Các ông chấp chặt nghĩa này cho đây là chân thật, còn những gì khác đều là ngu si, Ta không chấp nhận như thế. Vì sao? Vì Ta nói sự sanh khởi của khổ vui khác hẳn với điều ny." Nếu họ hỏi Ta: “Tại sao Cù-đàm nói sự sanh khởi của khổ vui kh&c?" Ta sẽ đáp: “Từ duyên khởi sanh ra khô vui." Như thê, nêu họ nói khô vui tha tác, tự tha tác; chăng phải tự tác, chẳng phải tha tác, vô nhân tác. Với họ, Ta cũng nói như thế. Tôn giả A-nan bạch Phật: - Như nghĩa lý Thế Tôn vừa nói, con đã hiểu; có sanh nên có già chết, chẳng phải duyên nào khác. Vì có sanh nên có già chết, cho đến do vô minh nên có hành... chăng phải do duyên khác. Vì có vô minh nên có hành, vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh diệt thì già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não diệt; như thế thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 344 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đang ở núi Kỳ-xà quật. Sau giờ tọa thiên buổi chiều, Tôn giả Câu-hy-la đi đến chỗ Tôn giả Xá- lợi-phât, cùng nhau chào đón, hỏi thăm vui vẻ xong lui ngồi một bên? rồi nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

-Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh để giải đáp cho chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la: -Tôn giả cứ hỏi, điều gì biết được tôi sẽ trả lời. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: -Đa văn Thánh đệ tử đối với Pháp, Luật này thành tựu pháp gì gọi là chánh kiên, thành tựu nhận thức đày đủ, trực kiến thanh tinh, đối với Phật thành tựu lòng tin thanh tịnh, chẳng hoại, ở trong Chánh pháp, đắc Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này? Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la: Đa văn Thánh đệ tử biết như thật đối với pháp bất thiện, biết như thật bất thiện căn, biết như thật thiện pháp, biết như thật thiện căn. Thế nào là biết như thật

pháp bất thiện? Các nghiệp thân, miệng, ý chẳng lành; đây gọi là pháp bất thiện. Như vậy là biết như thật pháp bất thiện. Thế nào là biết như thật bất thiện căn? Ba căn chẳng lành, tham là gốc chăng lành, sân là góc chăng lành, si là góc chăng lành; đây gọi là bát thiện căn. Như vậy là biết như thật bất thiện căn. Thế nào là biết như thật thiện pháp? Nghiệp lành của thân, miệng, ý; đây gọi là thiện pháp. Như vậy là biết như thật thiện pháp. Thế nào là biết như thật thiện căn? Nghĩa là ba cần lành không tham, không sân, không si; đây gọi là ba thiện căn. Như vậy là biết như thật thiện căn. Này Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Như vậy9 đa văn Thánh đệ tử biết như thật pháp bất thiện, biết như thật căn bất thiện, biết như thật thiện pháp, biết như thật thiện căn. Thế nên vị ấy đối với Pháp, Luật này có chánh kiến đầy đủ, trực kiến thành tựu; đối với Phật thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố? sẽ ở trong Chánh pháp, đắc Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: -Thật có những pháp này, ngoài ra còn pháp gì khác chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Có. Nếu đa văn Thánh đệ tử biết như thật đối với thực (ăn) thì vị ấy biết như thật thực tập, thực diệt, thực diệt đạo tích. Thế nào là biết như thật đối với thực? Có bốn cách thực. Những gì là bốn? Một là thô đoàn thực, hai là tế xúc thực, ba là ý tư thực và bốn là thức thực; đây gọi là thực. Như vậy là biết như thật về thực. Thế nào là biết như thật về thực tập? Nghĩa là tương lai có ái, hỷ cùng với tham, vui thích, mê đắm những thứ ấy; đây gọi là thực tập. Như vậy là biết như thật về thực tập. Thế nào là biết như thật đối với ứiực diệt? Nếu tương lai có ái, hỷ cùng với tham, những thứ vui thích mê đắm ấy đều dứt bỏ không còn sót, đã buông xả hết, lìa dục, dứt bặt; đây gọi là thực diệt. Như thế là biêt như thật vê thực diệt.

Thế nào là biết như thật đối với thực diệt đạo tích? Nghĩa là bát Thánh dạo, gồm: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định; đây gọi là thực diệt đạo tích. Như vậy là biết như thật về thực diệt đạo tích. Đa văn Thanh đệ tử biết như thật đối với thực, biết như thật về thực tập, biết như thật về thực diệt, biết như thật về thực diệt đạo tích. Thế nên đa văn Thánh đệ tử đối với Chánh pháp, Luật, có chánh kiến đầy đủ, trực kiến thành tựu; đối với Phật thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố, ở trong Chánh pháp, tỏ ngộ Chánh pháp này. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thật có những pháp này, lại còn có những pháp gì khác? Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la: Lại còn có những pháp khác, đa văn Thánh đệ tử biết như thật đối với bệnh, biết như thật bệnh tập, biết như thật bệnh diệt, biết như thật bệnh diệt đạo tích. Thế nào là biết như thật đối với bệnh? Nghĩa là ba thứ bệnh: Dục bệnh, hữu bệnh, vô minh bệnh; đây gọi là bệnh. Như thế là biết như thật về bệnh. Thế nào là biết như thật đối vơi bệnh tap? Vô minh tập là bệnh tập. Như vậy là biết như thật về bệnh tập. Thế nào là biết như thật đối với bệnh diệt? Vô minh diệt là bệnh diệt. Như vậy là biết như that về bệnh diệt. Thế nào là biết như thật đối với bệnh diệt đạo tích? Nghĩa là biết bát Thánh đạo... (nói như trên). Như vậy là biết như thật về bệnh diệt đạo tích. Nếu đa văn Thánh đệ tử biết như thật đối với bệnh, biết như thật bệnh tập, biết như thật bệnh diệt, biết như thật bệnh diệt đạo tích thì đa văn Thánh đệ tử đoi với Pháp, Luật này có chánh kiến đay

đủ... ngộ Chánh pháp này. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thật có những pháp này, lại có những pháp gì khác chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la: Cũng có những pháp khác nữa. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật đối với khổ, biết như thật khổ tập,, biết như thật khổ diệt, biết như thật khổ diệt đạo tích. Thế nào là biết như thật đối với khổ? Nghĩa là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khô, ái xa lìa là khô, oán ghét gặp nhau là khô, mong muôn chăng được là khô... (nói sơ lược về cái kho của năm thọ am như the); đây được gọi là kho. Như vậy là biết như thật về khổ. Thế nào là biết như thật đối với khổ tập? Tương lai có ái, hỷ cung với tham, những thư ấy tập nhiễm gọi là khổ tập. Như vậy là biết như thật về khổ tập. Thế nào là biết như thật đối với khổ diệt? Nếu tương lai có ái, hỷ cùng với tham, những thứ tập nhiêm đêu đoạn trò không còn sót cho đến dứt bặt; đây gQÌ là khổ diệt. Như vậy là biết như thật về khổ diệt. Thế nào là biết như thật đoi với khổ diệt đạo tích? Nghĩa là bát Thánh đạo... (như trên đã nói); đây gọi là khổ diệt đạo tích. Như vậy là biết như thật về khổ diệt đạo tích.

KINH TẠPA-HÀM 295

Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về khổ như thế, biết như thật về khổ tập, khổ diệt, khổ diệt đạo tích. Như thế, da văn Thánh đệ tử đối với Pháp, Luật này có chánh kiến đầy đủ, trực kiến thành tựu; đối với Phật thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố, sẽ ở trong Chánh pháp, đắc Chánh pháp này, ngộ Chánh pháp này. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thật có pháp này, lại còn có pháp gì khác chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Còn có pháp khác, nghĩa là đa văn Thánh đệ tử biết như thật về lão tử, biết như thật về lão tử tập, biết như thật về lão tử diệt, biết như thật về lão tử diệt đạo tích. (... như trước, Kinh phân biệt nói). Thế nào là biết như thật đối với lão tử tập. Sanh tập là lão tử tập, sanh diệt là lão tử diệt. Lão tử diệt đạo tích la gồm bát Thánh đạo... (như trước đã nói). Đa văn Thánh đệ tử biết như thật đối với lão tử này... biết như thật về lão tử diệt đạo tích. Như thế Thánh đệ tử đối với Pháp, Luật của Phật có chánh kiến đầy đủ, trực kiến thành tựu; đối với Phật thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố, ở trong Chánh pháp, đắc Chánh pháp này, ngộ Chánh pháp này. Như vậy, sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành... Thánh đệ tử biết như thật đối với hành, hành tập, hành diệt, hành diệt đạo tích. Thế nào là biết như thật đối với hành? Hành có ba thứ: Than hành, khẩu hành và ý hành. Như thế là biết như thật về hành. Thế nào là biết như thật đối với hành tập? Vô minh tập là hành tập. Như vậy là biết như thật về hành tập. Thế nào là biết như thật đối với hành diệt? Vô minh diệt là hành diệt. Như vậy là biết như thật về hành diệt. Thế nào là biết như thật đối với hành diệt đạo tích? Nghĩa là bát Thánh đạo... (như trước đã nói). Này Ma-ha Câu-hy-la! Đây gọi là Thánh đệ tử biết như thật về hành, biết như thật về hành tập, hành diệt, hành diệt đạo tích; đối với Pháp, Luật của Phật có chánh kiến đầy đủ? trực kiến thành tựu; đối với Phật thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố, sẽ ở trong Chánh pháp, đắc Chánh pháp này, ngộ Chánh pháp này. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Chỉ có những pháp này, hay còn có pháp gì khác? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la? sao Tôn giả cứ đeo đuổi vo ích, rốt cuộc Tôn giả cũng không thể tột cùng các luận thuyết cho đến biên tế của các luận thuyết. Nêu Thánh đệ tử đoạn trừ vô minh và

phát sinh minh trí thì đâu cần tìm cầu gì nữa! Sau khi đàm đạo xong, hai vi Tôn giả mỗi người trở về trú xứ của mình.

296 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ 345 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Lúc Ta nói Kinh Ba-la-dỉên-gia. A-dật-đa đã dùng kệ hỏi: Có người được dạy dỗ các pháp, Có người thành tựu các môn học, Đầy đủ oai nghi và Phạm hạnh, Như Lai vì con phân biệt nói. Này Xá-lợi-phất! Thế nào gọi là học? Thế nào gọi là pháp số? Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng, không đáp, lần thứ hai, lần thứ ba cũng im lặng. Phật bảo: -Xá-lợi-phất, chân thật! Xá-lợi-phất bạch Phật: Thế Ton, chân thật! Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo chân thật là chán lìa, dứt sạch tham dục về sự sanh khởi của thực tập. Tỳ-kheo kia đối với các thứ thực (ăn), sanh tâm nhàm chán, xa lìa tham dục dứt sạch, nhờ vào các thứ thực đã chấm dứt. Đó gọi là chân thật diệt tận. Vì đã giác tri rồi, nên Tỳ-kheo chán lìa, hết sạch tham dục, hướng đến giải thoát. Đó gọi là học. —Xá-lọi-phất, chân thật! Xá-lợi-phất bạch Phật: Thế Tôn, chân thật! Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo chân thật là chán lìa, tham dục diệt tận, chẳng khởi các lậu tận, tâm thiện giải thoát, người ấy từ thực tập sanh. Nếu chân thật tức là diệt tận, giác tri như thế rồi thì Tỳ-kheo đối với diệt sanh chán, lìa dục, diệt tận, chẳng khởi các lậu, tâm thiện giải thoát. Đây gọi là pháp số. Phật bảo Xá-lợi-phất: Đúng thế, đúng the! Như Xá-lợi-phất nói, Tỳ-kheo đối với chân thật sanh chán, lìa dục, diệt tận. Đây gọi là pháp số. Nói như thế xong, Thế Tôn đứng lên đi vào phòng tọa thiền. Tôn giả Xá-lợi- phất biết Thế Tôn đã đi, một lát sau, Tôn giả nói với các Tỳ-kheo: Chư Tôn giả, vì tôi không thể hiểu rõ những câu hỏi đầu tiên của Thế Tôn cho nên tôi im lặng; sau một hồi, Thế Tôn lại vì tôi vui vẻ gợi lại câu hỏi, tôi liền giải thh được như thế. Giả sử Thế Tôn lại tra vấn nghĩa này với những câu khác, ý vi khác suốt cả ngày đêm, hoặc suốt bảy ngày đêm thì tôi cũng có thể giải thích, nói rộng nghĩa này với những câu khác, ý vi khác suốt bảy ngày đêm.

KINH TẠPA-HÀM 297

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến đảnh lễ Phật, lui đứng một bên, bạch Phật: Ỵ Bạch Thế Tôn! Tôn giả Xá-lợi-phất đã nói những điều kỳ đặc chưa từng có. ơ trong đại chúng Tôn giả đã dõng dạc tuyên bố như sư tử rống: "T6i không thể trả lời câu hỏi đầu tiên của Thế Tôn, cho đến ba lần Ngài hỏi tôi đều im lặng, không đáp được. Thế Tôn lại vì tôi vui vẻ gợi lại câu hỏi, tôi liền giải thích được. Giả sử Thế Tôn lại tra vấn nghĩa này với những câu khác, ý vị khác suốt cả ngày đêm, hoặc suốt bảy ngày đêm thì tôi có thể giải thích với câu khác, ý vị khác suốt bảy ngày đêm.^, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Quả thật việc tra vấn nghĩa ấy của Ta đối với câu khác, ý vị khác suốt ngày đêm cho đến bảy ngày đêm thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có thể giải thích với câu khác, ý vị khác cho đến bảy ngày đêm. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất khéo nhập vào pháp giới. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 346 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Có ba pháp thế gian không ưa thích,

không nghĩ nhớ, không vừa ý. Những gì là ba? Đó là già, bệnh, chết. Thế gian nếu không có ba pháp không thể ưa thích, không thể nghĩ nhớ, không thể vừa ý này thì Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác không xuất hiện ở thế gian, thế gian cũng không biết có Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, do tri kiến giác ngộ, nói Chánh pháp, Luật. Vì thế gian có già, bệnh, chết, ba pháp không thể ưa thích, không thể nghĩ nhớ và không thê vừa ý này cho nên Như Lai, Ưng Cúng, Đăng Chánh Giác mới xuất hiện ở thế gian, thế gian mới biết có Như Lai, ứng Cúng, Đang Chánh Giác, với điều đã biết, đã thấy, nói Chánh pháp, Luật. Lại có ba pháp chẳng đoạn nên không thể thoát khỏi già, bệnh, chết. Những gì là ba? Đó là tham, sân, si. Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa tham, sân, si. Những gì là ba? Đó là thân kiến, giới thủ, nghi. Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên chẳng thể lìa được thân kiến, giới thủ, nghi. Những gì là ba? Đó là không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm giải đãi. Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa được không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm giải đãi. Những gì là ba? Đó là thất niệm, chẳng chánh tri, loạn tâm. Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên chẳng có the lìa thất niệm, chẳng chánh tri, loạn tâm. Những gì là ba? Đó là dao động, không luật nghi, chẳng học giới. Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa dao động, chẳng luật nghi, chẳng học giới. Những gì là ba? Đó là chẳng tin, khó dạy, biếng nhác. Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa chẳng tin, khó dạy,

biếng nhác. Những gì là ba? Đó là chẳng muốn thấy bậc Thánh, chẳng muốn nghe pháp, thường hay tìm điều dở của người. Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa được sự chẳng muốn thấy bậc Thánh, chẳng muốn nghe pháp, ưa tìm điều dở của người. Những gì là ba? Đó là chẳng cung kính, nói năng ngang ngược, tập theo bạn xấu. Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa được chẳng cung kính, nói năng ngang ngược, tập theo bạn xấu. Những gì là ba? Đó là không tàm, không quý, buông lung. Vì ba pháp này không dứt nên không thể lìa được chăng cung kính, nói năng ngang ngược, tập theo bạn xâu. Vì sao? Vì do không tàm, không quý nên buông lung; vì buông lung nên không cung kính; vì không cung kính nên tập theo bạn xấu; vì tập theo bạn xấu nên không muốn thấy bậc Thánh, không muốn nghe pháp, ưa tìm điều dở của người; vì ưa tìm điều dở của người nên chẳng tin, khó dạy, nói năng ngang ngược, biêng nhác; vì biêng nhác nên dao động, chăng luật nghi, chăng học giới; vì chẳng học giới nên thất niệm, chẳng chánh tri, loạn tâm; vì loạn tâm nên chẳng chánh tư duy, thân cận tà đạo, tâm biếng nhác; vì tâm biếng nhác nên có thân kiến, giới thủ, nghi; vì nghi nên chẳng lìa tham, sân, si; vì không lìa tham, sân, si nên không thể lìa được già, bệnh, chết. Dứt được ba pháp này mới có thể lìa già, bệnh, chết. Thế nào là ba? Đó là tham, sân, si. Ba pháp dứt rồi mới có thể lìa già, bệnh, chết. Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa được tham, sân, si. Những gì là ba? Đó là thân kiến, giới thủ, nghi. Vì dứt được ba pháp này nên có thê lìa tham, sân, si. Lại vì dứt ba pháp nên có thê lìa thân kiên, giới thủ, nghi. Những gì là ba? Đó là chẳng chánh tư duy, thân cận tà đạo, khởi tâm biếng nhác. Do dứt ba pháp này nên lìa thân kiến, giới thủ, nghi. Lại vì dứt ba pháp nên có thê lìa chăng chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biêng nhác. Những gì là ba? Đó là thất niệm, chẳng chánh tri, loạn tâm. Vì dứt ba pháp này nên có thể lìa chẳng chánh tư

duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác. Lại vì dứt được ba pháp nên có thê lìa được thát niệm, tâm chăng chánh tri, loạn tâm. Những gì là ba? Đó là dao động, chẳng luật nghi, phạm giới. Vì dứt ba pháp này nên có the lìa thất niệm, tâm chẳng chánh tri, loạn tâm. Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa dao động, chăng luật nghi, phạm giới. Những gì là ba? Đó là chẳng tin, khó dạy, biếng nhác. Vì dứt ba pháp này nên có thể lìa dao động, chẳng luật nghi, phạm giới. Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa chẳng tin, khó dạy, biếng nhác. Những gì là ba? Đó là chẳng muốn thấy bậc Thánh, chẳng ưa nghe pháp, ưa tìm điều dở của người. Vì dứt ba pháp này nên có the lìa chẳng tin, khó dạy, biếng nhác. Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa tâm chẳng muốn thấy bậc Thánh, chẳng ưa nghe pháp, ưa tìm điều dở của người. Những gì là ba? Đó là chẳng cung kính, nói năng ngang ngược, tập theo bạn xấu. Vì dứt ba pháp này nên lìa sự không muôn thây bậc Thánh, không muốn nghe pháp, ưa tìm điều dở của người. Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa chẳng cung kính, nói năng ngang ngược, tập theo bạn xấu. Những gì là ba? Đó là không tàm, không quý, buông lung. Vì sao? Vì do tàm quý nên không buông lung, vì chẳng buông lung nên tâm cung kính, nói

KINH TẠPA-HÀM 299

năng hòa nhã, làm thiện trí thức. Vì là thiện trí thức nên ưa thấy Hiền thánh, ưa nghe Chánh pháp, chẳng tìm điều dở của người. Vì chẳng ưa tìm điều dở của người nên sanh lòng tin, nói năng hòa nhã và tinh tấn. Vì tinh tấn nên không dao động, an trú trong luật nghi, học giới. Nhờ học giới nên chẳng thất niệm, an trú chánh tri, chẳng loạn tâm. Nhờ không loạn tâm nên chánh tư duy, gần gũi chánh dạo, tâm không biếng nhác. Nhờ tâm không biếng nhác nên không chấp trước thân kiến, không chấp trước giới thủ, vượt khỏi nghi hoặc. Nhờ chẳng nghi, nên chăng khởi tham, sân, si. Nhờ lìa tham, sân, si nên có thê dứt già, bệnh, chết. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 347 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, các quốc vương, đại thần, trưởng giả, Bà-la-môn, cư sĩ và những người khác ở thê gian đều cung kính, tôn trọng, cúng dường Phật và chúng Thanh văn được nhiêu lợi dưỡng: Y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men. Còn đối với các ngoại đạo tà giáo, họ hoàn toàn chẳng cung kính, tôn trọng, cúng dường. Bây giờ, các ngoại đạo tụ họp tại giảng đường Vị Tăng Hữu bàn bạc với nhau: Chúng ta từ trước đến nay thường được nhà vua, đại thần, trưởng giả, cư sĩ và tất cả những người khác phụng sự, cung kính cúng dường y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men, ngày nay lại dứt tuyệt. Họ chỉ cung kính, cúng dường Sa-môn Cù-đàm và đại chúng Thanh văn. Nay trong chúng dây, người nào có trí tuệ, là bậc đại sĩ có thể lén trà trộn ở trong chúng của Sa-môn Cù-đàm xuất gia nghe pháp của Sa-môn Cù-đàm rồi trở về nói lại rõ ràng. Chúng ta sẽ dùng pháp được nghe để giáo hóa quốc vương, đại thần, trưởng giả? cư sĩ, khiến cho họ tin ưa5 có thể họ sẽ trở lại cúng dường chúng ta như trước? Lúc ấy, có người lên tiếng: -Có một thiếu niên tên Tu-thâm, thông minh, có trí tuệ; có thể lén vào trong chúng của Cù-đàm xuất gia, nghe pháp của Cù-đàm xong rồi trở về trình bày lại. Bây giờ, các ngoại đạo vội vàng đi đên chô Tu-thâm bảo răng: - Hôm nay chúng tôi tập

hợp đại chúng tại giảng đường Vị Tằng Hữu bàn luận như sau: "Từ trước đến nay chúng ta được nhà vua, đại thần, trưởng giả, cư sĩ và những người khác cung kính, phụng sự? cúng dường y Rhpc, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men, ngày nay bỗng bị dứt tuyệt. Nhà vua, đại thân, trưởng giả, cư sĩ và mọi người đều đua nhau phụng sự Sa-môn Cù-đàm và đại chúng Thanh văn. Trong đại chúng của ta đây ai là người thông minh, trí tuệ có thê lén trà trộn ở trong chúng Sa-môn Cù-đàm xuất gia, học đạo, nghe pháp của Sa-môn Cù-đàm trở về nói lại rồi đem ra giáo hóa quốc vương, các đại thần, trưởng giả, cư sĩ để chúng của ta trở lại được cung kính, tôn trọng cúng dường?^, Trong chúng có người nói rằng: "Chi có Tu-thâm thông minh, trí tuệ, có thê lén đên

trong pháp của Cù-đàm xuất gia, học đạo, nghe Cù-đàm thuyết pháp chắc chắn có thể lãnh hội được để trở về n6i lại." Do đó, chúng tôi cùng nhau đên đây mời nhân giả nên nhận lời đi. Bấy giờ, Tu-thâm im lặng nhận lời, đi đến thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo ra khỏi phòng, đi kinh hành ngoài đất trống. Tu-thâm liền đi đến chỗ chúng Tỳ-kheo nói rằng: Thưa chư Tôn giả! Ngày nay con có thể được ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc, tu Phạm hạnh không? Chúng Tỳ-kheo đưa Tu-thâm đi đến chỗ Thế Tôn, thành kính đảnh lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hôm nay ngoại đạo Tu-thâm cầu xin được ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc, tu Phạm hạnh. Thế Tôn biết rõ tâm niệm của Tu-thâm, Ngài bảo các Tỳ-kheo: -Các Tỳ-kheo nên độ cho ngoại đạo Tu-thâm được xuất gia. Bấy giờ, các Tỳ-kheo giúp cho Tu-thâm xuất gia, trải qua nửa tháng. Một hôm có vị Tỳ-kheo nói với Tu-thâm: Tu-thâm nên biết, chúng tôi đã chấm dứt sanh tử, Phạm hạnh đã thành, việc cân làm đã làm xong, tự biêt không còn thọ thân sau. Tu-thâm thưa với Tỳ-kheo: -Thưa Tôn giả! Thế nào để học về sự lìa dục, các pháp ác bất thiện, có giác, có quán, do lìa mà sanh hỷ lạc, đầy đủ Sơ thiền chẳng khởi các lậu, tâm thiện giải thoát? Tỳ-kheo đáp: -Chẳng phải như the! Tu-thâm. Tu-thâm lại hỏi: Thế nào là lìa giác, lìa quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, định sanh hỷ lạc, đầy đủ Nhị thiền, chẳng khởi các lậu, tâm thiện giải thoát. Tỳ-kheo đáp: Chẳng phải như the! Tu-thâm.

Tu-thâm lại hỏi: The nào là ly hỷ, xả tâm, trụ chánh niệm, chánh tri, thân tâm thọ vui như bậc Thánh nói, xả, đầy đủ Tam thiền, chẳng khởi các lậu, tâm thiện giải thoát? Chẳng phải như the! Tu-thâm. Thưa Tôn giả! Thế nào lìa khổ, dứt vui, đoạn ưu hỷ trước, chẳng khổ, chẳng vui đều xả? tịnh niệm nhất tâm, đầy đủ đệ Tứ thiền, chẳng khởi các lậu, tâm thiện giải thoát? Chẳng phải như the! Tu-thâm.

-Như Lai tịch tịnh giải thoát khỏi sắc, vô sắc, thân tác chứng, trụ đầy đủ thì không còn khởi các lậu, tâm thiện giải thoát chăng? -Chẳng phải như the! Tu-thâm. Tu-thâm lại hỏi: Thưa Tôn giả! Lời nói của Tôn giả chẳng đồng nhất, trước sau trái nhau. Tại sao Tôn giả chẳng đắc thiền đinh mà lại dám xác nhận như vậy. Tỳ-kheo ấy đáp: -Tôi được tuệ giải thoát. Sau khi nói lời ấy xong, các Tỳ-kheo đều đứng lên, rời chỗ ngồi và đi ra.

Sau khi các Tỳ-kheo đi rồi, Tu-thâm phân vân suy nghĩ: "Các Tôn giả này nói năng chẳng đồng nhất, trước sau trái nhau, đã nói chẳng đắc chánh định mà lại xác nhận tự biết tác chứng." Suy nghĩ xong, Tu-thâm vội vàng đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật và lui ngồi một bên5 bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Các Tỳ-kheo kia ở trước mặt con xác nhận: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Con liền hỏi Tôn giả kia: "Được lìa dục và pháp ác bất thiện... tự thân tác chứng thì không còn khởi các lậu, tâm thiện giải thoát chăng?95 Vị ấy trả lời: "Tôi chẳng phải vậy, Tuthâm." Con liền hỏi: "Sao lời nói của Tôn giả trước sau trái nhau, chẳng nhập chánh định mà lại xác nhận là tự biết tác chứng?,, Vị ấy đáp với con rằng: "T6i được tuệ giải thoát." Nói như thế xong, mỗi người đều rời khỏi tòa, dứng lên đi. Hôm nay con xin hỏi Thế Tôn, vì sao lời nói của Tỳ-kheo kia chẳng đồng nhất, trước sau trái nhau, không đắc chánh đinh mà lại nói tự biết tác chứng? Phật bảo Tu-thâm: Trước tiên họ biết pháp trụ, sau biết Niết-bàn. Các thiện nam ấy một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, lìa ngã kiến, chẳng khởi các lậu, tâm thiện giải thoát. Tu-thâm bạch Phật: -Con nay không hiểu: Trước biết pháp trụ, sau biết Niết-bàn như các Tỳ- kheo kia một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, lìa ngã kiến, chẳng khởi các lậu, tâm thiện giải thoát. Không luận người biết hay không biết về các thiện nam tử kia trước tự biết pháp trụ, sau biết Niếtbàn, một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, lìa ngã kiến, tâm thiện giải thoát. Xin Thế Tôn hãy vì con nói pháp khiến cho con được trí biết pháp trụ, được trí thấy pháp trụ. Nay Ta hỏi, Tu-thâm tùy ý đáp. Tu-thâm nghĩ thế nào? Vì có sanh nên có già, chết, chứ không phải lìa sanh mà có già, chết chăng?

Đúng the! Bạch Thế Tôn! Vì có sanh nên có già, chết, không thể lìa sanh mà có già, chết. Cũng thế, sanh, hữu, thủ, ái9 thọ, xúc lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành, vô minh; có vô minh nên có hành, chứ không phải lìa vô minh mà có hành chăng? Đúng thế, bạch Thế Tôn! Vì có vô minh nên có hành, không thể lìa vô minh mà có hành. Vì không sanh nên không có già chết, không thể lìa cái sanh diệt mà già, chết diệt chăng? Đúng thế, bạch Thế Tôn! Bởi không sanh nên không già, chết, không thể lìa sanh diệt mà già, chết diệt. Như thế cho đến không có vô minh nên không có hành, không thể lìa vô minh diệt mà hành diệt chăng? - Đúng thế, bạch Thế Tôn! Vì không có vô minh nên không có hành, không thể lìa vô minh diệt mà hành diệt. Người khởi lên cái biết như thế, thấy như thế, có phải là đã lìa dục và pháp ác bát thiện, cho đên tự thân tác chứng an trụ đây đủ chăng? - Chẳng phải thế, bạch Thế Tôn! Phật bảo Tu-thâm: -Đó gọi là trước biết pháp trụ, sau biết Niết-bàn mà các thiện nam tử kia, một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, lìa ngã kiến, chẳng khởi các lậu, tâm thiện giải thoát. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tu-thâm xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Khi ấy Tu-thâm kiến pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp, thoát khỏi nghi, được niềm tin không do người khác, được độ không do người khác, ở trong Chánh pháp, tâm được vô sở úy, cúi đầu lễ chân Phật và bạch: -Bạch Thế Tôn! Nay con xin sám hối. Con ở trong Chánh pháp, lén xuất gia, nên con xin sám hối. Phật bảo Tu-thâm: Thế nào là ở trong Chánh pháp, lén xuất gia?

Tu-thâm bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Có nhiều người ngoại đạo đến nói với con: 66Tu-thâm nên biết, chúng tôi trước đây được quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ và người thế gian đều cung kính, cúng dường mà nay dứt tuyệt. Bởi vì họ đều thi nhau cung dường Sa-môn Cù-đàm và đại chúng Thanh văn. Ngày nay ông hãy lén đên trong đại chúng của Sa-môn Cù-đàm xuất gia, thọ giới pháp rồi trở về nói cho chúng ta nghe, đem pháp đã nghe giáo hóa thế gian khiến họ trở lại cung kính, cúng dường như trước.,, Bạch Thế Tôn! Vì thế, con đã ở trong Chánh

pháp, Luật, lén xuất gia, hôm nay con xin sám hối. Xin Thế Tôn thương xót cho con được sám hối. Phật từ bi bảo Tu-thâm: Ta nhận sự sám hối của Tu-thâm. Thầy nên nói đầy đủ: "Ngày xưa con ngu si bất thiện, vô trí ở trong Chánh pháp, Luật, lén xuất gia, ngày nay ăn năn lỗi lầm? tự thấy tội, tự biết tội, trong đời sau sẽ thành tựu luật nghi, công đức tăng trưởng trọn không thối giảm.,, Vì sao? Hễ có người có tội tự thấy, tự biết và ăn năn lỗi lầm thì ở đời sau luật nghi sẽ thành tựu, công đức tăng trưởng, trọn không thối giảm. Phật lại bảo: Hôm nay Ta sẽ nói ví dụ, người trí tuệ do ví dụ sẽ được hiểu, ví như nhà vua có người canh tuần bắt được trộm cướp trói lại, đưa đến chỗ nhà vua, tâu rằng: "Thua Đại vương người này là giặc cướp, xin Đại vương xử tội.,, Vua truyền lệnh: "Đem tội nhân di, trói ngược hai tay và hãy công bố khắp nước; sau đó đem tội nhân ra khỏi kinh thành, đến chỗ hành phạt, khắp thân thể tội nhân bị xẻo cắt bởi trăm gươm giáo." Người đứng ra hành hình nhận lệnh vua, bắt tội nhân trói ngược hai tay, loan tin khắp thành ấp đem ra ngoài thành và hành hình tội nhân bằng cách xẻo thân thể với trăm cây giáo nhọn. r

Đên trưa, vua hỏi:

"Tội nhân còn sống kh6ng?”

Các quan đáp:

"Còn s6ng."

Vua lại ra lệnh đâm thêm một trăm cây giáo, cho đến chiều, lại đâm thêm một trăm cây giáo, người kia vẫn không chết.

Phật hỏi Tu-thâm:

Nhà vua tri tội dùng ba trăm mũi giáo đâm vào thân người tội kia chừng có còn chỗ nào toàn vẹn bằng lòng bàn tay chăng?

Tu-thâm bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, không!

Phật hỏi Tu-thâm: -Do nhân duyên dùng ba trăm mũi giáo đâm vào thân, người ấy chịu khổ ghê gớm có phải không? Tu-thâm bạch Phật: Bạch Thế Tôn, khổ tột cùng! Nếu bị một mũi giáo đâm vào cũng đã là đau dơn, không chịu nổi, huống chi đến ba trăm mũi giáo.

Phật bảo Tu-thâm: Việc này còn có thể chịu đựng được, chứ nếu như có kẻ nơi Chánh pháp, lén xuất gia, trộm thọ trì giới pháp rồi đem nói lại cho người, sẽ phải chịu thống

khổ gấp bội hơn người kia. Trong lúc Phật nói pháp ấy rồi, ngoại đạo Tu-thâm được lậu tận, ý giải. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tu-thâm nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 348 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá5 trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bây giơ, Thê Tôn bao các Ty-kheo: -Như Lai thành tựu mười lực, được bôn vô úy, biêt chô đạt đên của chư Phật trước, hay chuyên pháp luân, ở trong đại chúng phát ra tiêng sư tử rông: "Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, nghĩa là duyên vô minh nên có hành... (nói rông ra cho đên) thuần đại khô tụ tập, thuan đại khô tụ diet." Này các Ty-kheo! Đây là giáo pháp chân thật, hiển hiện rõ ràng chấm dứt dòng sanh tử, cho đen người nào khéo hiển bày như the. Đây là giáo pháp chân thật, rõ ràng chấm dứt dòng sanh tử, đủ khiến cho người thiện nam phát lòng tín, chơn chánh xuất gia, phương tiện tu tập, sông không buông lung, ở trong Chánh pháp, Luật, tinh cần khổ hạnh. Dù da bọc xương, máu thịt khô kiệt, nếu người ấy chưa đạt được điều cần phải đạt thì không rời sự chuyên cần phương tiện và cố gắng kiên trì mới có thể được. Vì sao? Vì sống trong biếng nhác hay sanh ra các pháp ác bất thiện, tương lai sẽ có kiết sử bừng bừng, tăng trưởng sanh, già, bệnh, chết; ở trong đời sau bị sanh, già, bệnh chết, bị thối giảm lợi ích lớn. Người tinh tấn ưa sống một mình, chẳng sanh các pháp ác bất thiện, đưa đến các kiết sử quả báo khổ bừng bừng trong tương lai, không tăng trưởng sanh, già, bệnh, chết và thành tựu lợi ích lớn, được trở thành trường giáo pháp bậc nhất. Đó là người đối diện Như Lai, đích thân được nghe thuyết pháp tịch diệt Niết-bàn, chánh hướng Bồ-đề, khéo đạt đến Chánh giác. Do đó Tỳ-kheo nên quán tự lợi, lợi tha, tự tha đều lợi, nên siêng năng tu học. Ngày nay Ta xuất gia, không ngu, không mê, có quả, có vui, được sự cúng dường các thứ: Y phục, am thực, ngọa cụ, thuốc men, tất cả đều được quả báo lớn, phước lợi lớn. Các Tỳ-kheo nên học như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÔ 349 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

KINH TẠPA-HÀM 305

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Thiện lai Tỳ-kheo, đã xuất gia một cách tốt lành và được lợi ích tốt đẹp cho bản thân, từ nhiều đời, lúc nào cũng đều được sanh ra chỗ có bậc Thánh, các căn đay đủ, không ngu, không si, không câm ngọng, nói hay, nói dở đều có khả năng hiểu nghĩa. Ngày nay Ta ở đời này làm Phật, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, nói pháp Niết-bàn tịch diệt, chánh hướng Bồ-đề? khéo đạt đến Đẳng chánh giác. Nói là cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, nghĩa là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức... thuần đại khổ tụ tập; vô minh diệt thì hành diệt... thuần đại khổ tụ diệt. Này các Tỳ-kheo: Chỗ khó được đã được, sanh chỗ có bậc Thánh, các căn đầy đủ... thuần đại khổ tụ tập, thuần đại khổ tụ diệt. Thế nên Tỳ-kheo phải học như vậy, tự lợi, lợi tha, tự tha đều lợi, xuất gia như thế không ngu, không si, có quả, có vui, có quả báo vui. Và người cúng dường y phục, ẩm thực, ngọa cụ, A r

thuôc men, chác chăn sẽ được quả báo tôt5 phước lớn và lợi ích rộng lớn. Các Tỳ-kheo nên học như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 350 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Đa văn Thánh đệ tử không nghĩ rằng: "Do cái gì có nên cái này có. Do cái gì khởi nên cái này khởi. Do cái gì không nên cái này không. Do cái gì diệt nên cái này diet." Nhtmg đa văn Thánh đệ tử biết rằng: "Do cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, nghĩa là duyên vô minh nên có hành... thuần đại khổ tụ tập; vô minh diệt nên hành diệt... thuần đại khổ tụ diet.” Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 351 Tôi nghe như vay: Một thời, Tôn giả Na-la, Tôn giả Mậu-sư-la, Tôn giả Thù Thắng và Tôn giả A-nan đang ở nước Xá-vệ, bên ao Tượng Nhĩ. Bấy giờ, Tôn giả Na-la nói với Tôn giả Mậu-sư-la: - Có sự tin tưởng khác, mong muốn khác, nghe khác, sự hành trì khác, giác tưởng khác, cái thấy khác, hãy chịu khó xét kỹ, có tri kiến tự giác chơn chánh

như vầy sanh: Nói là vì có sanh nên có già chết, không thể lìa sanh mà có già chết không? Tôn giả Mậu-sư-la nói: Có sự tin tưởng khác, mong muốn khác, nghe khác, sự hành trì khác, giác tưởng khác, nhận thức khác, nên chịu khó xét kỹ, có tri kiến tự giác chơn chánh như vầy sanh: Đó là có sanh nên có già chết, không thể lìa sanh mà có già chết, nói có như thế. Thưa Tôn giả Mậu-sư-la, có tin tưởng khác... chịu khó suy xét kỹ? được tri kiến tự giác sanh, nói rằng: "Hữu diệt mà Niết-bàn tịch diệt chng?" Tôn giả Mậu-sư-la đáp: Có sự tin tưởng khác cho đến chiu khó suy xét kỹ sẽ được tri kiến tự giác sanh, nói là hữu diệt, có Niết-bàn tịch diệt. Tôn giả Na-la lại hỏi Tôn giả Mậu-sư-la: Có diệt thì Niết-bàn tịch diệt, có người nói: "Ong nay là bậc A-la-hán mà đã dứt hết các lậu chng?" Tôn giả Mậu-sư-la im lặng, không đáp, hỏi lần thứ hai, lần thứ ba cũng không đáp. Khi ấy Tôn giả Thù Thắng nói với Tôn giả Mậu-sư-la: Bay giờ Ton giả hãy dưng, toi sẽ thay Ton gia tra lơi Ton gia Na-la. Tôn giả Mậu-sư-la nói: Ngang đây tôi xin dừng, Tôn giả hãy giải đáp giùm tôi. Khi ấy Tôn giả Thù Thắng nói với Tôn giả Na-la: -Có sự tin tưởng khác... chịu khó xét kỹ sẽ được tri kiến tự giác sanh: Đó là có diệt thì Niết-bàn tịch diệt. Bấy giờ Tôn giả Na-la hỏi Tôn giả Thù Thắng: Có sự tin tưởng khác... chịu khó suy nghĩ kỹ được tri kiến tự giác sanh: UĐÓ là có diệt thì Niết-bàn tịch diệt, nay Tôn giả đã là bậc A-la-hán sạch hết phiền não chàng?" Ton gia Thu Thăng noi: Tôi nói có diệt thì Niết-bàn tịch diệt, nhưng tôi chẳng phải là A-la-hán sạch hết các lậu. Tôn giả Na-la nói: Lời nói của Tôn giả không đồng nhất, trước sau trái nhau. Như Tôn giả nói có diệt thì Niêt-bàn tịch diệt, nhưng lại nói không phải A-la-hán sạch hết các lậu, như vậy là thế nào? Tôn giả Thù Thắng nói với Tôn giả Na-la: Bây giờ sẽ nói ví dụ, người trí do ví dụ liền hiểu. Như nơi cánh đồng vắng bên đường có giêng nước, nhưng không có dây, cũng không có gàu để lấy nước. Người đi đường lúc ây bi cơn khát bức bách, đi quanh giếng tìm nhưng không

CÓ dây? cũng không có gàu. Người ấy xem xét kỹ nước giếng thấy biết như thật mà chăng xúc chạm thân. Cũng như thế, tôi nói có diệt là Niết-bàn tịch diệt, nhưng mà tự mình chưa được là bậc A-la-hán sạch hết các lậu. Khi ấy, Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Na-la: -Tôn giả Na-la nghĩ thế nào về điều Tôn giả Thù Thắng nói? Tôn giả Na-la trả lời Tôn giả A-nan: -Tôn giả Thù Thắng khéo nói và biết như thật, đâu còn gì để nói nữa. Sau khi đàm đạo xong, các Tôn giả rời chỗ ngồi đứng lên, từ giã nhau.

KINH SỐ 352 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nêu các Sa-môn9 Bà-la-môn đôi với pháp không biêt như thật, pháp tập, pháp diệt, pháp diệt đạo tích không biết như thật, người ấy chẳng phải Sa- môn, chẳng được kể vào hàng Sa-môn5 chẳng phải Bà-la-môn, chẳng được kể vào hàng Bà-la-môn? người ấy chẳng đúng với ý nghĩa Sa-môn? hay Bà-la- môn, chẳng thấy pháp tự biết tác chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau.” Thế nào là pháp chẳng biết như thật? Thế nào là pháp tập chẳng biết như thật? Thế nào là pháp diệt chẳng biết như thật? Thế nào là pháp diệt đạo tích chẳng biết như thật? Nghĩa là đối với pháp lão tử không biết như thật, đối vơi lão tử tập, lão tử diệt, lão tử diệt đạo tích chẳng biết như thật. Cũng vậy đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ không biết như thật, sáu nhập xứ tập, sáu nhập xứ diệt, sáu nhập xứ diệt đạo tích không biết như thật. Cũng vậy, đối với các pháp không biết như thật, đối với pháp tập, pháp diệt, pháp diệt đạo tích không biết như thật. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn đối với pháp biết như thật, pháp tập, pháp diệt, pháp diệt đạo tích biết như thật thì biết Sa-môn, Bà-la-môn ấy được kể vào hàng Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh, đúng với nghĩa Sa-môn, Bà-la-môn, thấy pháp tự biết tác chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Những pháp gì nên biết như thật? Những gì là pháp tập, pháp diệt, pháp diệt đạo tích nên biết như thật? Đó là các pháp lão tử nên biết rủiu thật, lão tử tập, lão tử diệt, lão tử diệt đạo tích nên biết như thật. Cũng vậy đối với sanh, hữu, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ biết như thật, sáu nhập xứ tập, sáu nhập xứ diệt, sáu nhập xứ diệt đạo tích nên biết như thật. Đó là biêt như thật các pháp, pháp tập, pháp diệt, pháp diệt đạo tích đều biết như thật. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Nếu Sa-môn9 Bà-la-môn đối với pháp không biết như thật, đối với pháp tập, pháp diệt, pháp diệt đạo tích không biết như thật thì nên biết Sa-môn, Bà- la-môn đó chẳng phải thật Sa-môn, Bà-la-môn. Vì chẳng phải Sa-môn? Bà-la- môn nên vị ấy chẳng đúng với nghĩa Sa-môn5 chẳng đúng với nghĩa Bà-la-môn? chẳng thấy pháp, tự biết tác chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Vị ấy đối với pháp gì không biết như thật, đối với pháp tập, pháp diệt, pháp diệt đạo tích không biết như thật? Nghĩa là đối với pháp lục nhập xứ không biết như thật, đối với lục nhập xứ tập,

lục nhập xứ diệt, lục nhập xứ diệt đạo tích không biết như thật. Nhimg vị ấy đối với xúc lại biết như thật thì không thể có được, đối với xúc tập, xúc diệt, xúc diệt đạo tích biết như thật thì không thể có được. Cũng vậy, đôi với thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử mà biêt như thật thì không thể có được. Nếu Sa-môn9 Bà-la-môn đối với lục nhập xứ biết như thật, đối với lục nhập xứ tập, lục nhập xứ diệt, lục nhập xứ diệt đạo tích biết như thật thì đối với xúc biêt như thật; điêu này có thê có được. Như vậy, đôi với thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử biết như thật..., điều này có thể có được. Đức Phật thuyết kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 354 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có sai khác lấy. Nêu các Sa-môn, Bà-la-môn đôi với sáu nhập xứ không biêt như thật mà muốn vượt thoát khỏi xúc thì không thể có được; đối với xúc tập, xúc diệt, xúc diệt đạo tích mà muốn vượt thoát, không thể có được. Như vậy vượt thoát thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử; điều này không thể có được. Vượt thoát lão tử tập, lão tử diệt, lão tử diệt đạo tích; điều này không thể có được. Nếu Sa-môn, Bà-la- môn đoi với sáu nhập xứ biết như thật, sáu nhập xứ tập, sáu nhập xứ diệt, sáu nhập xứ diệt đạo tích, biết như thật nên vượt thoát xúc; điều này có thể có được. Cũng vậy, vượt thoát thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử; điều này có thể có được,... vượt thoát lão tử diệt đạo tích; điều này có thể có được.

KINH TẠPA-HÀM 309

Phật nói kinh này xong, các Tỳ"kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Như vậy từ lão tử... lục nhập xứ có ba kinh, từ lão tử đến hành có ba kinh; cũng nói như thế.

KINH SỐ 355 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nên giác tri lão tử, giác tri lão tử tập, lão tử diệt, lão tử diệt đạo [tích]. Như thế cho đến giác tri hành, hành tập, hành diệt, hành diệt đạo tích. Nên giác tri lão tử như thế nào? Giác tri duyên sanh nên có lão tử; như thế là giác tri lão tử. Thế nào là lão tử tập? Sanh tập là lão tử tập, như thế là giác tri lão tử tập. Thế nào là giác tri lão tử diệt? Nghĩa là sanh diệt thì lão tử diệt, như thế là giác tri lão tử diệt. Thế nào là giác tri lão tử diệt đạo tích? Nghĩa là tám Thánh đạo, đó là lão tử diệt đạo tích; như thế là giác tri lão tử diệt đạo tích. Cho đến thế nào là giác tri hành? Nghĩa là ba hành: Thân hành, khẩu hành, ý hành; như thế là giác tri hành. Thế nào là giác tri hành tập? Nghĩa là vô minh tập là hành tập, như thế là giác tri hành tập. Thế nào là giác tri hành diệt? Nghĩa là vô minh diệt là hành diệt, như thế là giác tri hành diệt. Thế nào là giác tri hành diệt đạo tích? Nghĩa là tám Thánh đạo, là hành diệt đạo tích, như thế là giác tri hành diệt đạo tích. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÔ 356 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có bốn mươi bốn thứ trí, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Bốn mươi bốn thứ trí là gì? Đó là lão tử trí, lão tử tập trí, lão tử diệt trí, lão tử diệt đạo tích trí. Cũng vậy, sanh..., hữu..., thủ..., ái...? thọ..., xúc..., lục nhập xứ...5 danh sắc..., thức..., hành trí, hành tập trí, hành

diệt trí, hành diệt đạo tích trí. Đây gọi là bốn mươi bốn trí. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 357 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: _ Có bảy mươi bảy thứ trí, hãy lắng nghe, khéo tư duy, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là bảy mươi bảy thứ trí? Đó là trí biết do sanh làm duyên nên có lão tử; trí biết chẳng phải ngoài sanh làm duyên mà có lão tử; trí biêt do sanh quá khứ làm duyên nên có lão tử; trí biết chẳng phải ngoài sanh quá khứ làm duyên mà có lão tử; trí biết do sanh vị lai làm duyên nên có lão tử; và trí biết pháp trụ; trí biết vô thường tâm, hữu vi làm duyên nên sanh, pháp tận, pháp biến dịch, pháp ly dục, pháp diệt, pháp đoạn và pháp tri. Cũng vậy, trí biêt vê sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành; vô minh quá khứ làm duyên nên có hành trí biết chẳng phải ngoài làm duyên mà có hành; trí biết do vô minh vị lai làm duyên nên có hành, trí biết chẳng phải ngoài vô minh vị lai làm duyên mà có hành và trí biết pháp trụ, trí biết vô thường, tâm hữu vi làm duyên sanh, pháp tận, pháp biến dịch, pháp ly dục, pháp diệt và pháp đoạn. Đó gọi bảy mươi bảy thứ trí. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 358 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. ĩ Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có pháp tăng, có pháp giảm, hãy lăng nghe, khéo tư duy, Ta sẽ vì các thây giảng nói! Thê nào là pháp tăng? Nghĩa là cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức... thuần đại khổ tụ tập. Đó gọi là pháp tăng. Thế nào là pháp giảm? Nghĩa là cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt, nghĩa là vô minh diệt nên hành diệt... thuần đại khổ tụ diệt. Đó gọi là pháp giảm. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. r ,

(Giông như pháp tăng và pháp giảm; cũng vây pháp sanh, pháp biên dịch, pháp tập, pháp diệt cũng nói như trêrỉ). (Giông như ba kinh đang nói, nên biêt có ba kinh cũng nói như trên).

KINH SỐ 359 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: —Nếu suy lường, nếu vọng tưởng sanh khởi thì sẽ khiến thức phan duyên tôn tại. Vì có thức phan duyên tồn tại nên có sanh-lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não đời vị lai. Như thế thuần đại khổ tụ tập.

Nếu chẳng suy lường, chẳng vọng tưởng thì không khiến thức phan duyên tôn tại. Vì không có thức phan duyên tồn tại nên ở đời vị lai sanh-già-bệnh- chết-iru-bi-khổ-não đều diệt. Như thế thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 360 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu suy lường, nếu vọng tưởng thời chắc chắn sẽ khiến thức phan duyên tồn tại. Vì có thức phan duyên tồn tại nên nhập vào danh sắc. Vì nhập vào danh sác nên có sanh-lão-bệnh-tử-iru-bi-khô-não ở vị lai. Như thê thuân đại khổ tụ tập. Nếu không suy lường, không vọng tưởng thời sẽ không khiến thức phan duyên tôn tại. Vì không có thức phan duyên tôn tại, nên không nhập vào danh săc9 vì không nhập vào danh sác nên sanh-lão-bệnh-tử-xru-bi-khô-não diệt ở đời vị lai. Như thế thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 361 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu có suy lường, có vọng tưởng thời chắc chắn sẽ khiến thức phan duyên tồn tại. Vì có thức phan duyên tồn tại nên nhập vào danh sắc. Vì nhập vào danh sắc nên có qua lại. Vì có qua lại nên có sanh tử. Vì có sanh tử nên có sanh-lão-bệĩih-tử-iru-bi-khổ-não ở đời vị lai. Như the thuần đại kho tụ tập. Nếu chẳng suy lường, chẳng vọng tưởng thời sẽ không khiến thức phan duyên tồn tại. Vì không có thức phan duyên tồn tại nên không nhập vào danh sắc. Vì không nhập vào danh sắc nên không qua lại. Vì không qua lại nên không có sanh tử. Vì không có sanh tử nên sanh-lão-bệnh-tử-ưu-bi-khô-não ở đời vị lai diệt. Như thế, thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 362 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có Tỳ-kheo đa văn. Như Lai trình bày thế nào là Tỳ-kheo đa văn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là chỗ nương tựa của pháp. Xin Ngài nói cho chúng con nghe về Tỳ-kheo đa văn. Các Tỳ-kheo chúng con nghe xong sẽ lãnh thọ5 vâng làm. Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Này các Tỳ-kheo! Nếu có Tỳ-kheo nghe pháp lão, bệnh, tử sanh nhàm chán, lìa dục, diệt tận. Đó gọi là Tỳ-kheo đa văn. Cũng vậy, đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành sanh nhàm chán, ly dục, diệt tận. Đó gọi là Tỳ-kheo đa văn. Đó là Như Lai trình bày về Tỳ-kheo đa văn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 363

Tôi nghe như vay:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bây giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như Lai nói thế nào là Tỳ-kheo thuyết pháp?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thê Tôn là góc của pháp, là con măt của pháp, là chô nương tưa của pháp. Xin Ngài vì chúng con nói về Tỳ-kheo thuyết pháp, các Tỳ-kheo chúng

con nghe xong sẽ lãnh thọ, vâng làm. Phật bảo: Nêu các Tỳ-kheo nói pháp lão, bệnh, tử sanh nhàm chán, lìa dục? diệt tận; đó là Tỳ-kheo thuyết pháp. Cũng vậy, nói các pháp sanh, thủ, hữu, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành sanh nhàm chán, ly dục, diệt tận; đó gọi là Tỳ-kheo thuyết pháp. Các Tỳ-kheo! Đó là Như Lai nói về Tỳ-kheo thuyết pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 364

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nói là pháp thứ, pháp hướng, này các Tỳ-kheo, thế nào là pháp thứ, pháp hướng?

KINH TẠPA-HÀM 313

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thể Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là chỗ nương tựa của pháp. Lành thay, Thê Tôn! Xin Ngài vì chúng con giảng nói. Các Tỳ-kheo chúng con nghe xong sẽ lãnh thọ, vâng làm. Phật bảo: -Nêu Tỳ-kheo đôi với lão, bệnh, tử như thê sanh nhàm chán, lỵ dục, hướng đên diệt tận. Đây gọi là pháp thứ, pháp hướng. Như thế sanh cho đen hành, sanh nhàm chán, ly dục hướng đến diệt tận. Đó gọi là pháp thứ, pháp hướng. Đây gọi là Như Lai lập bày pháp thứ, pháp hướng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 365 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Ky.dà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Thấy pháp Bát-niết-bàn. Như Lai nói thế nào là thấy pháp Bát-niết-bàn? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thê Tôn là góc của pháp, là con mat của pháp, là chô nương tựa của pháp. Xin Ngài vì chúng con nói vê thấy pháp Bát-niết-bàn. Chúng con nghe xong sẽ lãnh thọ, vâng làm. Thế nào là Tỳ-kheo được thấy pháp Bát-niết-bàn? Phật bảo các Tỳ-kheo: -Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Nêu các Tỳ- kheo đối với lão, bệnh, tử nhàm chán, ly dục, diệt tận, chẳng khởi các lậu, tâm thiện giải thoát; đó gọi là Tỳ-kheo được thấy pháp Bát-niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 366 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Lúc Phật Tỳ-bà-thi chưa thành Chánh giác, một mình ở nơi văng vẻ, chuyên tinh thiền đinh, tư duy, nghĩ thầm: “Tất cả thế gian đều vào trong sanh tử, tự sanh, tự già, tự diệt và tự mất, nhưng chúng sanh kia đối với con đường xuất thế gian, vượt ra lão tử chẳng biết như thát." Ngài liền tự quán sát: "Do duyên gì có lão tử này?” Như thế Ngài chánh tư duy, quán sát, được hiện quán như thật, khởi biết rằng: "Vi có sanh nên có lão tử này, duyên sanh nen có lão tử.” Ngài lại chánh tư duy: "Do duyên gì nen có sanh này?” Ngài liền chánh tư duy, được hiện quán như thật, khởi biết rằng: UVÌ duyên hữu nên có sanh.”

KINH TẠPA-HÀM 313

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thể Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là chỗ nương tựa của pháp. Lành thay, Thê Tôn! Xin Ngài vì chúng con giảng nói. Các Tỳ-kheo chúng con nghe xong sẽ lãnh thọ, vâng làm. Phật bảo: -Nêu Tỳ-kheo đôi với lão, bệnh, tử như thê sanh nhàm chán, lỵ dục, hướng đên diệt tận. Đây gọi là pháp thứ, pháp hướng. Như thế sanh cho đen hành, sanh nhàm chán, ly dục hướng đến diệt tận. Đó gọi là pháp thứ, pháp hướng. Đây gọi là Như Lai lập bày pháp thứ, pháp hướng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 365 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Ky.dà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Thấy pháp Bát-niết-bàn. Như Lai nói thế nào là thấy pháp Bát-niết-bàn? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thê Tôn là góc của pháp, là con mat của pháp, là chô nương tựa của pháp. Xin Ngài vì chúng con nói vê thấy pháp Bát-niết-bàn. Chúng con nghe xong sẽ lãnh thọ, vâng làm. Thế nào là Tỳ-kheo được thấy pháp Bát-niết-bàn? Phật bảo các Tỳ-kheo: -Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Nêu các Tỳ- kheo đối với lão, bệnh, tử nhàm chán, ly dục, diệt tận, chẳng khởi các lậu, tâm thiện giải thoát; đó gọi là Tỳ-kheo được thấy pháp Bát-niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 366 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Lúc Phật Tỳ-bà-thi chưa thành Chánh giác, một mình ở nơi văng vẻ, chuyên tinh thiền đinh, tư duy, nghĩ thầm: “Tất cả thế gian đều vào trong sanh tử, tự sanh, tự già, tự diệt và tự mất, nhưng chúng sanh kia đối với con đường xuất thế gian, vượt ra lão tử chẳng biết như thát." Ngài liền tự quán sát: "Do duyên gì có lão tử này?” Như thế Ngài chánh tư duy, quán sát, được hiện quán như thật, khởi biết rằng: "Vi có sanh nên có lão tử này, duyên sanh nen có lão tử.” Ngài lại chánh tư duy: "Do duyên gì nen có sanh này?” Ngài liền chánh tư duy, được hiện quán như thật, khởi biết rằng: UVÌ duyên hữu nên có sanh.”

Ngài lại chánh tư duy: "Do duyên gì nên có hữu?" Ngài lại chánh tư duy, được hiện quán như thật, khởi biết rằnệ "Vi có thủ nên có Ịặữu." Ngài liên chánh tư duy, quán sát như thật, khởi biết răng: “Giữ lây pháp, đăm trước vị, luyên niệm, do duyên xúc làm ái tăng trưởng. Nên biết duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có lão-bệnh-tử-ưu-bi-khô-não; như thê thuân đại khổ tụ tập. Ví như nhờ dầu và tim đèn mà đèn sáng, nếu người kia thường thêm dầu và sửa tim, đèn kia thường sáng, đèn thắp sáng không ngừng.” (Như trước Phật nói ví dụ ve cải thành và nói ví dụ một cách rộng rãi). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như Phật Tỳ-bà-thỉ; cũng vậy Phật Thi-khỉ, Phật Tỳ-thấp-bà-phùf Phật Ca-la-ca-tÔYỉ-đê, Phật Ca-na-mâu-nif Phật Ca-diêp đêu nói như thể).

KINH SỐ 367 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo phải siêng năng phương tiện tu tập thiền định, tĩnh lặng nội tâm. Vì sao? Tỳ-kheo thiền đinh, tĩnh lặng nội tâm,

tinh cần phương tiện, như thế, như thật hiển hiện. Thế nào là như thật hiển hiện? Lão tử như thật hiển hiện, lão tử tập, lão tử diệt, lão tử diệt đạo tích như thật hiển hiện. Sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành như thật hiển hiện. Hành tập9 hành diệt, hành diệt đạo tích như thật hiển hiện. Các pháp này vô thường, hữu vi, hữu lậu như thật hiển hiện. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 368 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nên tu vô lượng tam-ma-dề, chuyên tinh hệ niệm tu vô lượng tam-ma-đề? chuyên tinh hệ niệm rồi, như thật hiển hiện như thế. Thế nào là như thật hiển hiện? Nghĩa là lão tử như thật hiển hiện, cho đến hành như thật hiển hiện. Pháp này vô thường, hữu vi, hữu lậu. Như thật hiển hiện như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 369 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠP A-HÀM 315

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Thuở xưa đức Phật Tỳ-bà-thi? khi chưa thành Chánh giác, Ngài trụ tại Bồ-đề chẳnệ bao lâu thành Phật, rồi đến bên gốc cây Bồ-đề trải cỏ làm tòa ngồi kiết-già5 ngoi thẳng, chánh niệm, suốt bảy ngày đoi với mười hai duyên khởi quán sát thuận nghịch như sau: "Cái này có nên cái kia có? cái này khởi nên cái kia khởi, duyên vô minh có hành... duyên sanh có lão tử và thuần đại khổ tụ tập, thuần đại khổ tụ diet." Đức Phật Tỳ-bà-thi sau bảy ngày tịnh tọa, từ tam-muội tỉnh giác nói kệ: Như thế các pháp sanh, Người siêng tu thiên tư, Trọn lìa các nghi hoặc, Biết pháp nhân duyên sanh, Nếu biết nhân sanh khổ, Biết các ái diệt tận, Biết pháp nhân duyên tận, Ắt biết hữu lậu tận. Như thế các pháp sanh, Người siêng tu thiền tư, Trọn lìa các nghi hoặc, Biết có nhân sanh khổ. Như thế các pháp sanh, Người siêng tu thiên tư, Trọn lìa các nghi hoặc, Biết các thọ diệt tập. Như thế các pháp sanh, Người siêng tu thiền tư, Trọn lìa các nghi hoặc, Biết pháp nhân duyên tận. Như thế các pháp sanh, Người siêng tu thiền tư, Trọn lìa các nghi hoặc, Biết hết các hữu lậu. Như thế các pháp sanh. Người siêng tu thiền tư, Soi sáng khắp thế gian, Như mặt trời giữa không, Phá tan các quân ma, Giác các kiết, giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như Phật Tỳ-bà-thỉ; cũng vậy Phật Thi-khí, Phật Tỳ-thấp-bà-phù; Phật Ca-la-ca-tôn-đề, Phật Ca-na-ca-mâu-Yiỉ, Phật Ca-diếp cũng nói như thế).

KINH SỐ 370 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại uất-tỳ-la, bên bờ sông Ni-liên-thiền nơi cội đại Bồ-đề? chẳng bao lâu sẽ thành Chánh giác. Ngài đến nơi cây Bồ-đề trải cỏ làm tòa, ngồi kiết-già, chánh thân, chánh niệm... (nói rộng như trên).

KINH SỐ 371 . A

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có bốn cách ăn (tứ thực) giúp ích chúng sanh, khiến chúng sanh được sống còn và trưởng dưỡng. Những gì là bốn? Thứ nhất là cách

ăn thô từng nắm; thứ

hai là cách ăn tế nhị bằng xúc chạm; thứ ba là cách ăn bằng ý suy tư; thứ tư là cách ăn bằng thức. Bốn cách ăn này có nhân gì, tập gsanh gi, xúc gì? Bon cách ăn này có ái là nhân, ái là tập, ái sanh, ái xúc. Ai này có nhân gtập gì, sanh gì, xúc gì? Ái do thọ là nhân, thọ là tập, là sanh, là xúc của ái. Thọ này có là do nhân gtập gì, sanh gì5 xúc gì? Thọ do xúc là nhân, là tập, là sanh, là xúc của thọ. Xúc này có nhân là gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Xúc do sáu nhập xứ là nhân, là tập, là sanh, là xúc. Sáu nhập xứ tập là xúc tập, xúc tập thì thọ tập, thọ tập thì ái tập, ái tập thì thức tập. Vì thức tập nên sanh-lão-bệnh-tử-iru-bi-khổ-não tập ở đời vị lai. Như thế thuần đại khổ tụ tập. Như vậy, sáu nhập xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thức diệt. Vì thức diệt nên ở đời vị lai sanh-lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não diệt. Như thế thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 372 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn cách ăn giúp ích chúng sanh, khiến chúng sanh được sống còn và tăng trưởng. Những gì là bốn? Cách thứ nhất là ăn thô từng nắm (đoàn thực), cách ăn thứ hai là tế nhi bằng xúc chạm (xúc thực), cách ăn thứ ba là bằng ý suy tưởng (tư thực) và cách ăn thứ tư là bằng thức phân biệt (thức thực). Khi ấy có Tỳ-kheo tên là Phả-cầu-na đang đứng sau, quạt hầu Phật, bạch Phật: - Thưa Thế Tôn! Ai ăn thức này? Phật bảo Phả-cầu-na: Ta không nói có người ăn thức này, nếu Ta nói có người ăn thức này thì thầy nên hỏi câu đó. Ta nói thức là ăn, thầy nên hỏi như vầy: “Do nhân duyên gì có thức thực?" thì Ta sẽ đáp: "Thức thực có thể chiêu cảm cái hữu trong vi lai khiến cho tương tục sanh, vì có hữu nên có sáu nhập xứ, sáu nhập xứ làm duyên nên có xúc." Phả-cầu-na lại hỏi: Ai xúc? Phật bảo Phả-cầu-na: -Ta không nói có người xúc. Nếu Ta nói có người xúc thì thầy nên hỏi câu này: “Là ai xúc?" Thầy nên hỏi như vầy: “Do nhân duyên gì nên sanh xiic?" Ta sẽ đáp như sau: "Lục nhập xứ làm duyên sanh xúc, xúc làm duyên sanh thọ?5 Phả-cầu-na lại hỏi: -Ai thọ? Phật bảo Phả-cầu-na:

Ta không nói có người thọ. Nếu Ta nói có người thọ, thầy nên hỏi: "Ai thẹ)?" Thầy nên hỏi: "Do nhân duyên nào nên có thọ?95 Ta sẽ đáp như vầy: "Xúc làm duyên nên có thọ, thọ làm duyên nên có ắiy -Ai ái? Phật bảo Phả-cầu-na: Ta không nói có người ái. Nếu Ta nói có người ái5 thầy nên hỏi Ta: "Ai ái?" Thầy nên hỏi: “Do nhân duyên gì có ải?" Ta sẽ đáp như vầy: “Vi duyên thọ nên có ái? do ái làm duyên nên có thủ?9 -ThưaThế Tôn! Ai thủ? Phật bảo Phả-cầu-na: -Ta không nói có người thủ. Nếu Ta nói có người thủ, thầy nên hỏi: "Ai thiỉ?" Thầy nên hỏi: "Do duyên gì có thiỉ?" Ta sẽ đáp: "Do duyên ái nên có thủ, do thủ làm duyên nên có hữu." Phả-câu-na lại hỏi: - Thưa Thế Tôn! Ai hữu? Phật bảo Phả-cầu-na: Ta không nói có người hữu. Nếu Ta nói có người hữu thì thầy nên hỏi: "Ai hữu?,, Thầy nên hỏi: "Do duyên gì có hữu?” Ta sẽ đáp: "Duyên thủ nên có hữu,

có thể chiêu cảm hữu, xúc sanh ra trong vị lai." Đó gọi là có hữu nên có lục nhập xứ, lục nhập xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não. Như thế thuần đại khổ tụ tập. Nói là lục nhập xứ diệt là xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão-bệnh-tử-mi-bi-khổ-não diệt. Như thế thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 373 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Có bốn cách ăn giúp ích chúng sanh, khiến chúng sanh được sống còn và tăng trưởng. Những gì là bốn? Cách thứ nhất là đoàn thực; cách thứ hai là xúc thực; cách thứ ba là ý tư thực; cách thứ tư là thức thực. Thế nào là Tỳ-kheo quán sát đoàn thực? Ví như hai vợ chồng chỉ có một đứa con thương yêu nuôi nang, muốn vượt qua con đường hoang vang, nguy hiểm, chỗ có tai nạn, nhưng lương thực đã hết sạch, bi đói khát cùng cực, nghĩ không ra cách cứu vãn, vợ chồng bàn nhau: "Chúng ta có một đứa con rất mực thương yêu, nếu ăn thịt con mới có thể qua khỏi cơn hiểm nạn chớ lẽ đâu ba người ở đây cùng chịu chết.” Suy

tính như vậy xong, họ liền giết chết con, ngậm ngùi đau xót rơi lệ, gượng ăn thịt con để đi qua khỏi nơi hoang vắng. Thế nào các Tỳ-kheo5 vợ chồng người kia cùng nhau ăn thịt con là chỉ cần hương vị hay vì làm đẹp, vui thích mà ăn? Bạch Thế Tôn! Không phải như the!

Lại hỏi: Này các Tỳ-kheo! Có phải vợ chông người kia gượng ăn thịt con đê vượt qua khỏi đường hiểm hoang vắng chăng? - Bạch Thế Tôn, đúng như the! Phật bảo: Tỳ-kheo đối với đoàn thực nên quán như thế. Quán như thế thời đoàn thực được đoạn, được biêt; đoàn thực được đoạn, được biêt roi, đôi với công đức ngũ dục, tâm tham ái sẽ dứt. Ngiròi đối với ngũ dục tâm tham ái đã dứt, Ta không thấy đa văn Thánh đệ tử đoi với công đức ngũ dục còn có một kiết sử nào mà không dứt. Bởi vì còn có một kiết sử trói buộc thì sẽ trở lại đời này. Tỳ-kheo quán sát xúc thực như thế nào? Ví như con trâu bị lột da toàn thân, bị các con trùng rỉa, đất cát, bụi bặm, cây cỏ châm chích. Nêu nam nơi đất thì bị trùng ở đất ăn5 nếu nằm nơi nước thì bị trùng ở nước ăn5 nếu nơi hư không thì bị phi trùng ăn5 năm xuông đứng lên thường thây đau đớn thân thê. Như thê, Tỳ-kheo đối với xúc thực nên quán như thế. Quán như thế xúc thực được đoạn, được biết. Người đã đoạn, đã biết xúc thực thì ba thọ ắt sẽ dứt, là người dứt được ba thọ. Đa văn Thánh đệ tử đối với những pháp trên không còn tạo tác vì những việc can làm đã làm xong. Tỳ-kheo quán sát ý tư thực như thế nào? Ví như ở ven làng xóm hay thành ấp bốc lửa, không có khói, kh6ng có ngọn lửa, khi ấy có người thông minh, có chút trí tuệ, xả bỏ khô, hướng đên an vui, chán chét, thích sông, liền nghĩ như vầy: "Chỗ kia có lửa cháy lớn, không khói, không ngọn, người đi ngang phải tránh, chớ đê bị sa vào trong đó, chác sẽ chét mát, không nghi." Suy nghĩ như thế rồi người ấy thường ước mong bỏ đi xa. Quán ý tư thực cũng thế. Người quán như thê, ý tư thực dứt. Người dứt được ý tư thực thì ba ái chắc chắn sẽ dứt. Người dứt được ba ái thì như đa văn

Thánh đệ tử đối với các pháp trên không còn tạo tác, vì những việc can làm đã làm xong. Này các Tỳ-kheo! Thế nào là quán sát thức thực? Ví như quốc vương có quan lính canh tuần bắt được kẻ trộm cướp, trói lại đem đến chỗ vua... (Như ở trước trong Kinh Tu-thăm đã nói). Do nhân duyên ấy phải chiu ba trăm mũi giáo, thấy đau đớn khổ sở suốt ngày đêm. Quán sát thức thực cũng như thế. Người quán như thế, thức thực được đoạn, được biết. Người biết thức thực đã đoạn, đã biết rồi thì danh sắc được đoạn, được biết. Người đối với danh sắc đã đoạn, đã biết thì như đa văn Thánh đệ tử, đối với các pháp trên không còn tạo tác, vì những việc cần làm đã làm xong. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 319

KINH SỐ 374 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn cách ăn giúp ích chúng sanh, khiến chúng sanh được sống còn và tăng trưởng. Những gì là bốn? Thứ nhất là đoàn thực, thứ hai là xúc thực, thứ ba là ý tư thực, thứ tư là thức thực. Nếu Tỳ-kheo đối với bốn cách ăn này có hỷ, có tham thì thức tăn^ trưởng. Vì thức tồn tại tăng trưởng nên nhập vào danh sắc; vì nhập vào danh sác nên các hành tăng trưởng; vì hành tăng trưởng nên hữu đời sau sẽ tăng trưởng; vì hữu đời sau tăng trưởng nên sanh-lão-bệnh-tử-ưu- bi-khổ-não tập. Như thế thuần đại khổ tụ tập. Nếu đối với bốn cách ăn không tham, không hỷ; vì không tham, không hỷ nên thức chẳng tồn tại, chẳng tăng trưởng, vì thức chăng tôn tại và chăng tăng trưởng nên không nhập vào danh sác; vì không nhập vào danh sắc nên hành chẳng tăng trưởng; vì hành chẳng tăng trưởng nên hữu đời sau chẳng sanh, chẳng lớn; vì hữu đời sau chẳng sanh, chẳng lớn nên ở đời vị lai sanh-lão-bệnh-tử-ira-bi-khổ-não chẳng khởi. Như thế thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 375 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn cách ăn giúp ích chúng sanh, khiến cho chúng sanh sống còn và tăng trưởng. Những gì là bốn? Thứ nhất là đoàn thực, thứ hai là xúc thực, thứ ba lay tư thực, thứ tư là thức thực. Các Tỳ-kheo đối với bốn cách ăn này có tham, có hỷ, ăt có tru bi, có trân câu. Nêu họ đôi với bôn cách ăn này không tham, không hỷ? ắt không có ưu bi, cũng không có trần cấu. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 376 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bôn cách ăn giúp ích chúng sanh, khiên cho chúng sanh được sông còn và tăng trưởng. Những gì là bốn? Thứ nhất là đoàn thực, thứ hai là xúc thực, thứ ba là ý tư thực, thứ tư là thức thực. Các Ty-kheo đối với bốn cách ăn này có tham, có hỷ, thức tồn tại tăng trưởng, cho đến thuần đại khổ tụ tập. Ví như lầu các cung điện Bắc Tây dài rộng, Đông Tây cửa ngõ thì mặt trời mọc ở phương

Đông, ánh sáng chiếu trên vách phía Tây. Cũng vậy, Ty-kheo đối với bốn cách ăn này có tham, có hỷ... (như trước đã nói rộng cho đến thuần đại khổ tụ tập). Nếu họ đối với bon cách ăn này không tham, không hỷ... (như trước đã nói rộng cho đen thuần đại kho tụ diệt). Các Tỳ-kheo! Ví như lầu các cung điện Bắc Tây dài rộng, Đông Tây cửa ngõ thì mặt trời mọc ở phương Đông sẽ chiêu ở chô nào? Tỳ-kheo bạch Phật: Lý đúng chiếu sáng vách phía Tây.

Phật bảo các Tỳ-kheo:
-Nếu không có vách phía Tây thì mặt trời sẽ chiếu sáng chỗ nào?
Tỳ-kheo bạch Phật:
Mặt trời sẽ chiếu sáng hư không, không có chỗ phan duyên.
Phật bảo các Tỳ-kheo: - Như thế, này Tỳ-kheo? đối với bốn cách ăn không tham, không hỷ? thức không có chỗ tồn tại... thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 377 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ5 Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có bôn cách ăn ệiúp ích chúng sanh, khiên cho chúng sanh được sông còn và tăng trưởng. The nào là bốn? Thứ nhất là đoàn thực, thứ hai là xúc thực, thứ ba là ý tư thực, thứ tư là thức thực. Các Tỳ-kheo đoi với bon cách ăn này có tham, có hỷ, thời thức tồn tại tăng trưởng cho đến thuần đại khổ tụ tập. Này các Tỳ-kheo! Ví như lầu các cung điện Bắc Tây dài rộng, Đông Tây cửa ngố thì mặt trời mọc ở phương Đông sẽ chiếu sáng chỗ nào? Tỳ-kheo bạch Phật: - Sẽ chiếu sáng ở vách phía Tây. Phật bảo các Tỳ-kheo: Như thế đối với bốn cách ăn có tham, có hỷ, thời thức tồn tại, tăng trưởng cho đến thuần đại khổ tụ tập. Nếu đối với bốn cách ăn này không tham, không hỷ thời cũng không có thức tồn tại, tăng trưởng cho đến thuần đại khổ tụ diệt. Này các Tỳ-kheo! Ví như họa sư và học trò của họa sư, gom các màu sắc muốn điểm tô vẽ vời giữa hư không, có thể vẽ được không? Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa không thể được. Vì sao? Bởi vì hư không kia chẳng phải sắc, không đối ngại, không thể thấy. Như thế, Tỳ-kheo đối với bốn cách ăn này không

tham, không hỷ thời không có thức tồn tại, tăng trưởng như thế cho đến thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 378 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn cách ăn ẹiúp ích chúng sanh, khiến cho chúng sanh được sống còn và tăng trưởng. The nào là bốn? Thứ nhất là đoàn thực, thứ hai là xúc thực, thứ ba là ý tư thực, thứ tư là thức thực. Các Tỳ-kheo đối với bốn cách ăn này có tham, có hỷ, thời thức tồn tại, tăng trưởng cho đến thuần đại khổ tụ tập. Này các Tỳ-kheo! Ví như họa sư hoặc đệ tử của họa sư gom các màu sắc, muốn trang trí vẽ vời các hình tượng trên sắc chất. Các Tỳ-kheo! Ý các thầy nghĩ sao? Họa sư ấy hoặc đệ tử của ông ấy có thể dùng màu sắc trang trí, vẽ vời trên sắc chất được không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Đúng the! Bạch Thế Tôn, họ có thể trang điểm, tô vẽ trên sắc chất.

Phật bảo: Tỳ-kheo, đối với bốn cách ăn này có tham, có hỷ, thời có thức tồn tại, tăng trưởng cho đến như thế thuần đại khổ tụ tập. Này các Tỳ-kheo! Nếu đối với bốn cách ăn này không tham, không hỷ, không có thức tồn tại, tăng trưởng, cho đến thuần đại khổ tụ diệt. Này các Tỳ-kheo! Ví như họa sư hoặc đệ tử của họa sư gom các màu săc5 muôn lìa khỏi săc chát mà trang trí vẽ vời các hình tượng, có ứiể vẽ được không? Tỳ-kheo bạch Phật: -Thưa Thế Tôn! Không thể được. Như thê, này các Tỳ-kheo? đôi với bôn cách ăn không tham, không hỷ thời không có thức tồn tại, tăng trưởng, cho đến thuần đại khổ tụ diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 379 Tôi nghe như vây: Một th,Phật tru tại Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi tru xứ của tiên nhơn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo với năm vị Tỳ-kheo: Khổ Thánh đế này vốn là pháp các thầy chưa từng nghe, nên chánh tư duy sẽ phát sinh nhãn trí, minh giác. Cái khổ tập này, cái khổ diệt này, cái khổ diệt đạo tích Thánh đế này vốn là pháp chưa từng nghe, nên chánh tư duy sẽ phát

sinh nhãn trí, minh giác. Lại nữa, trí biết về khổ Thánh đế phải nên biết, đó vốn là pháp chưa từng nghe, nên chánh tư duy sẽ phát sinh nhãn trí, minh giác. Khô tập Thánh đế đã biết nên đoạn, vốn là pháp chưa từng nghe, nên chánh tư duy sẽ phát sinh nhãn trí, minh giác. Lại nữa, kho tập diệt Thánh đế này đã biết nên tác chứng, vốn là pháp chưa từng nghe nên chánh tư duy phát sinh nhãn trí, minh giác. Lại nữa, khổ diệt đạo tích Thánh đế này đã biết nên tu, vốn là pháp chưa từng nghe, nên chánh tư duy phát sinh nhãn trí, minh giác. Lại nữa, này các Tỳ- kheo? khổ Thánh đế này đã biết, biết rồi, ra khỏi, là pháp chưa từng nghe, nên chánh tư duy phát sinh nhãn trí, minh giác. Lại nữa, kho tập Thánh đe này đã biết, đoạn rồi, ra khỏi, là pháp chưa từng nghe, nên chánh tư duy sẽ sanh nhãn trí, minh giác. Lại nữa, khổ diệt Thánh đế đã biết, đã tác chứng, là pháp chưa từng nghe, nên chánh tư duy, sẽ phát sinh nhãn trí, minh giác. Lại nữa, khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, đã tu, vốn là pháp chưa từng nghe, nên chánh tư duy sẽ phát sinh nhãn trí, minh giác. Này các Tỳ-kheo! Ta đối với bốn Thánh đế này ba lần chuyển, mười hai hành, nếu chẳng sanh nhãn trí, minh giác, Ta không bao giờ được ở trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn? Bà-la-môn nghe pháp, tự cho là giải thoát, là xuất ly5 cũng chẳng tự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhưng vì Ta đã đối với bốn Thánh đế ba lần chuyển, mười hai hành, sanh nhãn trí, minh giác, nên đối với chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn? Bà-la-môn nghe pháp Ta tuyên bố được xuất ly, được giải thoát, tự chứng đắc, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc Thế Tôn nói pháp này, Tôn giả Kiều-trần-như và tám muôn chư thiên xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả Kiều-trần-như: - Biết pháp chưa? Kiều-trần-như bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con đã biết! Thế Tôn lại bảo: -Tôn giả Kiều-trần-như biết pháp chưa? Câu-lân bạch Phật: Bạch Thiện Thệ, con đã biết! Vì Tôn giả Câu-lân đã biết pháp nên gọi là A-nhã Câu-lân. Tôn giả A-nhã Câu-lân đã biết pháp, địa thần cất tiếng tuyên bố: Thưa các Tôn giả, đức Thế Tôn ở trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của tiên nhơn trong nước Ba-la-nại, ba lần

chuyển, mười hai hành pháp luân mà các Sa- môn, Bà-la-môn? chư Thiên, Ma, Phạm chưa từng chuyển, đem lại lợi ích, đem lại an lạc. Thế Tôn thương xót thế gian đem nghĩa sâu xa này làm lợi ích an vui cho trời, người, tăng thêm số chúng cõi trời, giảm bớt chúng a-tu-la.

KINH TẠPA-HÀM 323

Địa thần xướng lên xong, nghe thấu đến thiên thần nơi hư không, vua trời Tứ Thiên, trời Ba Mươi Ba, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất-đà? trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại lần lượt truyền xướng, trong khoảnh khắc, lại nghe đến Phạm thiên, từ cõi Phạm Thiên truyền vang âm thanh rằng: Này các nhân giả, Thế Tôn ở trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của tiên nhơn trong nước Ba-la-nại, ba lần chuyển, mười hai hành pháp luân, mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và người thế gian nghe pháp chưa từng được ai chuyển, đem lại nhiều lợi ích, đem lại nhiều an lạc, đem nghĩa này lợi ích chư thiên và người thế gian, làm tăng thêm thiên chúng và giảm bớt chúng a-tu- la. Thế Tôn trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của tiên nhơn, tại nước Ba-la-nại chuyển pháp luân, thế nên kinh này gọi là Kinh chuyển pháp luân. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 380 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của các tiên nhơn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 381 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của các tiên nhơn. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: - Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là khổ Thánh đế, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nếu Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, phải nên tu tập hiện quán, khởi ý muốn tăng thượng phương tiện nỗ lực, chánh niệm, chánh tri, cần phải tỉnh giác. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 382
Tôi nghe như vay:
Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của các tiên nhơn.
Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:
324 KINH TẠPA-HÀM

- CÓ bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Idiổ Thánh đế nên biết, nên hiểu; đối với khổ tập Thánh đế nên biết, nên đoạn; đối với khổ diệt Thánh đế nên biết, nên chứng; đối với khổ diệt đạo tích Thánh đế nên biết, nên tu. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 383 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của các tiên nhơn. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế5 khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, đã tu. Như thế, Tỳ-kheo chắc chắn đoạn được ái dục, cởi bỏ hết kiết sử hiện quán về mạn, được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 384 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của các tiên nhơn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là khổ Thánh đế9 khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với khổ tập Thấnh đế đã biết, đã đoạn; đối với khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, đã tu. Tỳ-kheo như thê được gọi là A-la-hán, các lậu đã hét, việc đã làm xong, lìa các gánh nặng, được sự lợi ích cho chính mình, hết sạch kiết sử trong các cối, chánh trí, tầm thiện giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 385 Tôi nghe như vầy: Một thòi, Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của các tiên nhơn.

KINH TẠPA-HÀM 325

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, đã tu. Tỳ-kheo như thế đạt đến giải thoát lìa hết cấu nhiễm, Phạm hạnh đã vẹn toàn, thuần nhất trong sạch, được gọi là bậc Thượng sĩ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 386 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của các tiên nhơn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, đã tu. Tỳ-kheo như thế không có các chướng ngại, bình tri thành hào, vượt qua các hiêm nạn, cởi mở mọi ràng buộc, gọi là Hiên thánh, dựng ngọn cờ Chánh pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 387 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của các tiên nhơn. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: - Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là khổ Thánh đế, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Ty-kheo đối với khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với khổ tập

Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, đã tu. Tỳ-kheo như thế không có chướng ngại, bình trị thành hào5 vượt qua các hiểm nạn, được gọi là Hiền thánh, dựng ngọn cờ Chánh pháp. Này Tỳ-kheo! Thế nào là không có chướng ngại? Nghĩa là năm hạ phần kiết sử đã lìa, đã biết; đó gọi là đã lìa chướng ngại. Thế nào là bình trị thành hào? Nghĩa là hào sâu vô minh đã dứt, đã biết; đó gọi là bình trị thành hào. Thế nào là vượt qua các hiểm nạn? Nghĩa là giải thoát khỏi khổ sanh tử không bờ mé; đó gọi là vượt qua các hiểm nạn. Thế nào là giải thoát kiết phược? Nghĩa là ái đã đoạn, đã biết. Thế nào là

dựng ngọn cờ Chánh pháp? Nghĩa là ngã mạn đã đoạn, đã biết; đó gọi là dựng ngọn cờ Chánh pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 388 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại5 trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của các tiên nhơn. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: —Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nếu Tỳ-kheo đối vơi khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, đã tu. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ngũ chi, thành sáu phan, thủ hộ một, nương dựa nơi bôn, trừ bỏ các đê, lìa bôn đường, chứng các giác tưởng do chính mình tạo tác, tâm thiện giải thoát, tuệ thiện giải thoát, thuần nhất trong sạch; đó gọi là Thượng sĩ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 389 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của các tiên nhơn. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: —Có bốn pháp thành tựu gọi là bậc Đại Y Vương, xứng đáng ngôi vị vua, chức phận vua. Những gì là bốn? Thứ nhất là khéo biết bệnh, thứ hai là khéo biết nguyên nhan của bệnh, thứ ba là khéo biết cách đối trị bệnh, thứ tư là khéo biết tri bệnh, để về sau bệnh không còn tái phát nữa. Thế nào gọi là lương y khéo biết bệnh? Nghĩa là lương y biết rành các thứ bệnh; đây gọi là lương y khéo biết bệnh. Thế nào là lương y khéo biết nguyên do của bệnh? Nghĩa là lương y biết rành bệnh này do gió khởi, do đàm ấm khởi, mũi đã khởi, khí lạnh khởi, do các sự việc hiện tại khởi, do thời tiết khởi; đó gọi là lương y khéo biết nguyên do của bệnh. Thế nào là lương y kheo biết cách đối trị bệnh? Nghĩa là lương y biết rành các thứ bệnh, nên thoa thuốc, cho mửa, cho xổ, nên nhỏ mũi, nên xông, nên cho ra mồ hôi. Có các cách đối trị như thế gọi là lương y khéo biết cách đối trị bệnh. Thế nào là lương y kheo biết trị bệnh rồi về sau bệnh không còn tái phát nữa? Nghĩa là lương y trị tất cả bệnh khiến rốt ráo trừ dứt, sau này vĩnh viễn không trở lại nữa. Đó gọi là lương y khéo biết trị bệnh không còn tái phát nữa. Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác là bậc Đại Y Vương

thành tựu bốn đức, chữa lành bệnh chúng sanh cũng như thế. Những gì là bốn đức? Đó là Như Lai biết đây là khổ Thánh dế, đã biết như thật; đây là khổ tập Thánh đã biết như thật; đây là khổ diệt Thánh đế đã biết như thật; đây la khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết như thật. Này các Tỳ-kheo! Các lương y thế gian đối trị với cội gốc sanh không biết như thật, đối trị cội gốc lão-bệnh-tử-ưu-bi- khổ-não không biết như thật. Còn Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác là vị Đại Y Vương, đối với cội gốc sanh, biết đối tri, biết như thật, đối với cội gốc lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não biết đối trị, biết như thật. Vì thế nên Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác gọi là Đại Y Vương. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 390 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc D nơi trụ xứ của các tiên nhơn. Ã • y r-pi Á rp 19 r r-p y 1 1 Bay giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn đối với khổ Thánh đế này không biết như thật, khổ tập Thánh đế này không biết như thật, khổ diệt Thánh đế này không biết như thật, khổ diệt đạo tích Thánh đế này không biết như thật. Đó chang phải là Sa-môn của Sa-môn, Bà-la-môn của Bà-la-môn, người ấy cũng chẳng xứng với cái nghĩa Sa-môn, nghĩa Bà-la-môn, thấy pháp tự biết tác chứng: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Nấu Sa-môn, Bà-la-môn đối với khổ Thánh đế này biết như thật, khổ tập Thánh đế này biết như thật, khổ diệt Thánh đế này biết như thật, khổ diệt đạo tích Thánh đe biết như thật thì nên biết Sa-môn9 Bà-la-môn này là Sa-môn của Sa-môn5 Bà-la-môn của Bà-la-môn, xứng với nghĩa Sa-m6n, nghĩa Bà-la-môn, thấy pháp, tự biết tác chứng: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biêt không thọ thân sau." Thế nên Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế phải hiện quán nên khởi Ibng mong muốn, tăng thượng, tinh cần, nỗ lực, phương tiện tu học. Những gì là bôn? Đó là khổ Thánh đế, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 391 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của các tiên nhơn... (nói rộng như trên, chỉ có khác là: Đoi với bon Thánh đe không biết như thật ở trong số Sa-môn, Bà-la-môn. Người đối với bốn Thánh đế biết như thật là người ở trong số Sa-môn, Bà-la-môn cho đến Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành).

KINH SỐ Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của các tiên nhơn. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Nếu Sa-môn, Bà-la-môn đối với khổ Thánh đế không biết như thật, khổ tập Thánh đế không biết như thật, khổ diệt Thánh đế không biết như thật, khổ diệt đạo tích Thánh đế không biết như thật thì nên biết Sa-môn9 Bà-la-môn ấy không thoát được khổ. Nếu Sa-môn9 Bà-la-môn đối với khổ Thánh đế biết như thật, đối với khổ tập Thánh đế biết như thật; đối với khổ diệt Thánh đế biết như thật, đối với khổ diệt đạo tích Thánh đế biết như thật thì nên biết Sa-môn, Bà- la-môn ấy giải thoát khổ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Như đối với khổ, không giải thoát mà giải thoát; cũng

vậy xả đường ác, không giải thoát mà giải thoát. Có thể xả giới thối giảm, hay không xả giới thối giảm mà tự nói được pháp hơn người, tự chứng thì không có the tự nói được pháp hơn người, tác chứng. Có thể ngoài những điều ấy, cầu phước điền tốt lành mà cũng không thể ngoài những điều ấy mà cầu phước điền tốt lành. Có thể ngoài những điều ấy cầu bậc Đại sư mà cũng không thể ngoài những điều áy mà câu bậc Đại sư. Không thê vượt qua khô mà cũng có thê vượt qua khô, không thể thoát khổ mà cũng có thể thoát khổ. (Các kỉnh như trên đều lặp lại ke tiếp bang lời kệ): Nếu chẳng biết cái khổ, Và nhân các khổ kia, Tất cả các pháp khổ, Tịch diệt trọn không sót. Nếu không biết dấu đạo, Tư duy tất cả khổ, Tâm giải thoát cả khổ, Tuệ giải thoát cũng thế, Không thể vượt các khổ, Khiến hoàn toàn thoát khổ. Nếu như thật biết khổ, Cũng biết nhân các khổ, Và tất cả các khổ, Diệt hết hẳn, chẳng còn. Nếu lại biết như thật, Dấu đạo dứt các khổ, Ý giải thoát đầy đủ, Tuệ giải thoát cũng thế, Có thể vượt các khổ, Cứu cánh được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 393

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của tiên nhơn.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

KINH TẠPA-HÀM 329

Nêu người thiện nam chánh tín lìa bỏ gia đình, xuất gia học dạo, tát cả những người kia phải biết pháp bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là biết khổ Thánh đế, biết khổ tập Thánh đế, biết khổ diệt Thánh đế, biết khổ diệt đạo tích Thánh đế. Thế nên Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán, phải siêng năng, phương tiện tu tập hiện quán... (Như chương cú này, tất cả kinh bổn Thánh đếf nên nói đầy đu). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Biết như thế, thấy như thế, hiện quán như thế; cũng nói như thế. Hết sạch ba kiết, đắc quả Tu-đà-hoàn, tất cả nên biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là biết khổ Thánh dế, biết khổ tập Thánh đế, biết khổ diệt Thánh dế, biết khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như thế, thấy như thế, hiện quán như thế; cũng nói như thê. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Nêu ba kiêt hét sạch, tham, nhusi mỏng sẽ đăc Tư-đà-hàm, tát cả những người ấy đối với bốn Thánh đế đều biết như thật. Những gì là bốn? Đó là biết khổ Thánh đế? biết khổ tập Thánh đế, biết khổ diệt Thánh dế, biết khổ diệt đạo tích Thánh đế. Như thế nên biết, như thế nên thấy, nên hiện quán; cũng nói như thế. Năm hạ phần kiết sử hết sạch, được sanh Bát-niết-bàn A-na-hàm, không trở lại thế gian này, vị ấy biết rõ tất cả bốn Thánh đế, biết khổ diệt Thánh đế, biết khổ diệt đạo tích Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là biết khổ Thánh dế j biết khổ tập Thánh đế, biết khổ diệt Thánh đế. biết khổ diệt đạo tích Thánh đế. Biết như thế, thấy như thế, nên hiện quán như thế; cũng được nói như thế. Nếu tất cả lậu tận thì được tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, thây pháp tự biêt tác chứng: "Sự sanh của ta đã châm dứt, Phạm hạnh đã thành, việc can làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Những vị ấy đều biết tất cả bốn Thánh đế. Những gi là bốn? Đó là biết khổ Thánh đế, biết khổ tập Thánh dế, biết khổ diệt Thánh đế, biết khổ diệt đạo tích Thánh đế. Biết như thế, thấy

như thế, nên hiện quán như thế; cũng nói như vậy. Nếu được chứng Bích-chi Phật cũng vì do tất cả những vị ấy biết tất cả bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là biết khổ Thánh đế, biết khổ tập Thánh đế, biết khổ diệt Thánh đế, biết khổ diệt đạo tích Thánh đế. Biết như thế, thấy như thế, nên hiện quán như thế; cũng nói như thế. Nếu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là do những vị ấy biết tất cả bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là biết khổ Thánh đế? biết khổ tập Thánh đế, biết khổ diệt Thánh đế, biết khổ diệt đạo tích Thánh đế. Biết như thế, thấy như thế, nên hiện quán như thế; cũng nói như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 394 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của tiên nhơn.

Á ! rTif_ Á rpi A 7 _ _ ' _ rri \ 1 _L _ _ . Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: —Ví như khi mặt trời mọc, tướng sáng hiện trước. Cũng thế, ngay khi hết sạch khổ cũng có tướng khởi lên trước. Đó là biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Biết kho Thánh đế, biết khổ tập Thánh đế, biết khổ diệt Thánh đế, biết khổ diệt đạo tích Thánh đế. Biết như thế, thấy như thế, hiện quán như thế; cũng đều nói như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 395 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của tiên nhơn. Bây giơ, The Tôn bảo các Ty-kheo: Nếu mặt trời, mặt trăng không xuất hiện ở thế gian, tất cả các tinh tú cũng không xuất hiện ở thế gian thì ngày đêm, nửa tháng, một tháng, thời tiết, năm tháng, thời khác, chóc lát đêu chác han không có được. Như thê, thê gian sẽ luôn luôn tối tăm, không có ánh sáng, chỉ có đêm dài, thuần là một khối mù tối lớn hiện ra ở thế gian. Nếu Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác chẳng xuất hiện ở thế gian, không nói khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế thì thế gian này sẽ mù tối không co ánh sáng chiếu rọi, đêm dài như thế thuần là bóng tối trùm khắp thế gian. Nếu mặt trời, mặt trăng xuất hiện ở thế gian, các tinh tú cũng xuất hiện thì ngày đêm, nửa tháng, một tháng, năm, thời tiết, thời khắc, chốc lát đều hiện ra ở thế gian, đêm dài sẽ có ánh sáng xuất hiện ở thế gian. Cũng thế, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian nói khổ Thánh dế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế thì thế gian không còn tối tăm vì đêm dài được soi sáng, thuần nhất, trí tuệ hiện ra ở thế gian. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 396 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của tiên nhơn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như mặt trời xuất hiện vận hành giữa hư không, phá tan tối tăm, ánh sáng chiếu rõ. Cũng vậy, Thánh đệ tử có các tập khởi pháp tát cả đều diệt hết rồi, lìa các trần cấu, được sanh pháp nhãn cùng hiện quán đều đoạn ba kiết sử5 nghĩa là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kiết sử này hết sạch, gọi là Tu-đà-hoàn, không rơi vào đường ác, chắc chắn được Chánh giác, bảy lần qua lại cõi trời, cõi người,

là được giải thoát khổ. Thánh đệ tử kia ở khoảng giữa tuy có khởi ưu, khổ nhưng Thánh đệ tử kia lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác, có quán, do lìa dục sanh hỷ lạc, an trụ Sơ thiền đầy đủ nên không thấy Thánh đệ tử kia còn có một pháp nào mà không đoạn có thể khiến trở lại sanh đời này. Như thế Thánh đệ tử ấy được đại nghĩa của pháp nhãn. Thế nên Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế này chưa hiện quán nên siêng năng, tinh cần phương tiện, khởi ý muốn tinh cần tu học. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 397 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của tiên nhơn. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Các thầy nói: "Tôi đối với khổ Thánh đế chưa hiện quán, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế chưa hiện quán, mà nói ta sẽ được hiện quán về khổ diệt đạo tích Thánh thì lời nói nay không đúng. Vì sao? Vì không có lẽ ấy. Nếu khổ Thánh dế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế chưa hiện quán mà nói: "Ta đã hiện quán về khổ diệt đạo tích Thánh dế" điều này không thể có được. Ví như có người nói: "Tôi muôn lây lá khư-đê-la két lại làm thành món đô đựng nước để mang di"; điều này không thể có được. Vì sao? Vì không có lẽ ấy. Nói như thế này: "Tôi đối với khổ Thánh đế, khổ tập Thanh dế, khổ diệt Thánh đế chưa hiện quán sát mà muốn được hiện quán ve khổ diệt đạo tích Thánh dế"; điều này không thể có được. Nếu lại nói: "T6i đối với khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh dế, đã hiện quán, lại được hiện quán khổ diệt đạo tích Thánh đế?5 Đó là khéo nói. Vì sao? Vì việc này có thể có được. Nấu khổ Thánh đế, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế đã được hiện quán rồi và muốn hiện quán kho diệt đạo tích Thánh đe; điều này có the được. Ví như có người nói: "Tôi lấy lá thuần-đàm-ma, lá ma-lâu-ca kết lại thành đồ đựng nước đem di." Đó là khéo nói. Vì sao? Vì điều này có thể có được. Như thế, nếu nói rằng: "Tôi đối với khổ Thánh đế, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế đã được hiện quán ya muốn hiện quán khổ diệt đạo tích Thánh dế."£)6 la khéo nói. Vì sao? Vì điều này có thể có được. Nếu đối với khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế đã hiện quán và muốn hiện quán khổ diệt đạo tích Thánh đế; điều này có the có được. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 398 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của tiên nhơn.

Ạ ... rwnl_Ạ rf! 17 • A 11 rri Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Như một miếng bông gòn nhỏ hay miếng bông kiếp-bối đặt ở ngã tư đường, bốn phương gió thổi, bông sẽ theo chiều gió bay về một hướng. Cũng vậy, Sa-môn? Bà-la-môn đối với khổ Thánh đế không biết như thật, đối với khổ tập Thánh đế, đối với khổ diệt Thánh đế, đối với khổ diệt đạo tích Thánh đế không biết như thật; nên biết Sa-môn9 Bà-la-môn ấy thường nhìn mặt người, thường theo lời nói của người. Vì không biêt như thật, nên nghe người khác nói, hướng theo lời nói thọ nhận. Nên biêt người ây đời trước chăng tu tập trí tuệ vậy. Ví như cây trụ nhân-đà-la làm bằng đồng sắt, đem cắm sâu xuống đất, bon phương gió mạnh cũng không the làm lay động. Cũng vậy, Sa-môn5 Bà-la-mon đối với khổ Thánh đế biết như thật, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh dế, khổ

diệt đạo tích Thánh đế biết như thật; nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này chẳng xem mặt người, không theo lời nói của người, vì Sa-môn, Bà-la-môn này là người có trí tuệ vững chắc. Do người ấy theo sự tu tập mà không theo lời nói của người. Thế nên Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lòd Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 399 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của tiên nhơn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như một cây trụ dài mười sáu khuỷu tay, căm xuông đát sâu tám khuỷu tay, dù bốn phương có gió thổi cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, Sa- môn, Bà-la-môn đối với khổ Thánh đế biết íủiư thật, đối với khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh đế biết như thật, Sa-môn, Bà-la-môn này dù đến các chỗ luận thuyết cũng không thể bị khuất phục, tâm người ấy giải thoát, tuệ giải thoát, có thể khiến cho Sa-môn, Bà-la-môn khác lại sanh lo khổ. Như thế biết như thật, thấy như thật đều là do tu tập đời trước khiến trí tuệ không có thể khuynh động. Thế nên Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 400 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của tiên nhơn.

KINH TẠPA-HÀM 333

Á__ ___ ! fTii Á rr\ /\ 9 _ _ rn 1 1 Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, liền khởi ý muốn cấp cứu dập tắt. Ty-kheo! Chớ nên nói như vầy: "Nên để y, đầu, áo như the.59 Đoi với bốn Thánh đế phải khởi ý muốn tinh tấn, siêng năng phương tiện, tu tập hiện quán. Những gì là bốn? Đó là Idio Thánh đế, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế chưa được hiện quán, phải siêng năng, phương tiện, tu tập hiện quán. Vì sao? Này Ty-kheo, vì chúng sanh ở địa ngục, súc sanh, nga quỷ, luôn bi thiêu đốt mà không thấy quả khổ. Như đối với khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế chưa được hiện quán. Thế nên Ty-kheo nên nhẫn khổ, lạc, ưu, bi, đối với bốn Thánh đế lại càng siêng năng tinh tấn phương tiện, tu tập hiện quán, như thế cần nên học. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 401

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của tiên nhơn.

r _ r

Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Ví như có người sông lâu trăm tuôi, có người khác nói với người ây răng: "Ông muốn nghe pháp thì mỗi ngày ba thời phải chịu khổ: Sáng sớm chịu khổ trăm gươm đâm vào; trưa, chiều chịu khổ cũng như thế. Trong một ngày, chịu khổ ba trăm mũi thương dâm, như vậy, ngày ngày tiếp tục cho đến trăm năm rồi sau đó nghe pháp, được hiện quán. Ông có thể làm được như thế kh6ng?" Người kia vì muôn nghe pháp nên có thê chịu đựng tất cả. Vì sao? Vì con người sanh ra ở thế gian

luôn luôn chịu kho, khi thì địa ngục, khi thì súc sanh, khi thì nga quỷ, trong ba đường ác luôn thọ khổ mà cũng không được nghe pháp. Thế nên, ngày nay người ấy vì muốn được hiện quán, nên chẳng cho cái khổ ba trăm mũi thương đâm vào mình trọn đời là cái khổ lớn. Thế nên, Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế chưa được hiện quán, phải siêng năng phương tiện khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 402 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trụ xứ của tiên nhơn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Đối với bốn Thánh đế bình đẳng Chánh giác gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Những gì là bốn? Đó là khổ Thánh đế, khổ tập Thánh dế,

khổ diệt Thánh đế? khổ diệt đạo tích Thánh đế. Đối với bốn Thánh đế này, bình đẳng Chánh giác gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Thế nên, các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế chưa được hiện quán, phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 403 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật tru tại nước Ma-kiệt-đà? du hành trong nhân gian, nơi thành Vương Xá, Ba-la-lợi-phất, ở giữa khu rừng trúc của quốc vương có xây nhà Phước Đức. Khi ấy, Thế Tôn cùng đại chúng dừng lại nghỉ đêm tại đó. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta cùng với các thầy đối với bốn Thánh đế không biết, không thấy, không tùy thuận giác, không tùy thuận thọ, cho nên phải luôn luôn rong ruổi sanh tử. Những gì là bốn? Đó là khổ Thánh đế, khổ tậj)Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Ta cùng với các thầy đối với bốn Thánh đế không biết, không thấy, không tùy thuận giác, không tùy thuận thọ, nên phải luôn luôn rong ruổi sanh tử. Nhimg vì Ta cùng với các thầy đối với khổ Thánh đế thuận biêt, thuận vào, dứt các dòng hữu, hết sạch sanh tử, không thọ thân sau, đối với khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế thuận biết, thuận vào, dứt các dòng sanh diệt, hết sạch sanh tử, không thọ thân sau. Thê nên, Tỳ-kheo đôi với bôn Thánh đê chưa được hiện quán, nên siêng năng phương tiện khởi ý muốn tăng thượng, tu tập hiện quán. _ ỉ _ _ Ạ

Khi ay, The Ton liên noi kê: Ta thường cung các thầy, Luôn qua lại sanh tử, Vì không thấy Thánh đế, Khổ lớn ngày càng tăng. Nếu thấy bốn Thánh đế, Dứt các dòng hữu lớn, Sanh tử trọn đã trừ, Không thọ sanh đời sau. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 404 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ma-kiệt-đà, du hành trong nhân gian, nơi thành Vương Xá, Ba-la-lợi-phất? ở giữa khu vực rừng trúc của quốc vương, trong đó lập nha Phước Đức. J Khi ấy, Thế Tôn cùng đại chúng dừng lại nghỉ đêm tại đó. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Các thầy nên cùng Ta đi đến rừng Thân-thứ.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng đại chúng đi đến rừng Thân-thứ, rồi ngồi nơi gốc cây. Khi đó? Thế Tôn đưa nắm lá cây hỏi các Tỳ-kheo: Lá cây trong nắm tay này nhiều hay lá cây trong rừng nhiều?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Lá cây trong tay Phật rất ít, còn lá cây trong rừng nhiều vô lượng gấp trăm, ngàn, muôn, ức lần cho đến tính toán ví dụ cũng không thể so sánh. -Này các Tỳ-kheo! Ta thành Đẳng chánh giác, những pháp do Ta tư thấy vì người giảng nói chỉ ít như lá cây trong tay. Vì sao? Vì pháp ẩy có lợi ích về nghĩa, về pháp, về Phạm hạnh và minh tuệ Chánh giác thẳng đến Niết-bàn. Như lá cây trong rừng, như vậy Chánh pháp Ta tự tri khi thành Đang chánh giác, mà Ta không nói ra cũng lại như thế. Vì sao? Vì pháp ấy không có lợi ích về nghĩa, về pháp, về Phạm hạnh và minh tuệ Chánh giác, chánh hướng Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế chưa được hiện quán nên siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 405 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại Tỳ-xá-ly9 bên bờ ao Di Hầu, nơi giảng đường Trùng Các. r 9 r Bây giờ, Tôn giả A-nan sáng sớm đăp y, mang bát vào thành Tỳ-xá-lỵ khát thực. Khi ây có đám thiêu niên Ly-xa sáng sớm từ trong thành đi ra đên cửa tinh xá, đem cung tên, tranh nhau bắn vào cửa tinh xá. Các mũi tên đều lọt vào trong kẽ cửa. Tôn giả A-nan trông thây lây làm lạ vê các thiêu niên Ly-xa kia có thể làm được một việc khó khăn như thế. Sau khi Tôn giả A-nan vào thành khất thực trở về, xếp y bát, rửa chân rồi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, lui đứng một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Sáng sớm hôm nay, lúc con mang bát vào thành Tỳ-xá-ly khất thực, gặp đám thiếu niên Ly-xa từ thành đi ra đến cửa tinh xá tranh nhau bắn tên vào kẽ cửa, mỗi mũi tên đều cắm vào. Con liền nghĩ rằng: "Biều này thật kỳ lạ! Các thiếu niên Ly-xa có thể làm được việc khó khăn như vầy r Phật bảo A-nan: Thầy nghĩ thế nào? Các thiếu niên Ly-xa tranh nhau bắn tên vào kẽ cửa, mỗi mũi tên đều trúng vào. Đó là khó hay là chẻ một sợi lông thành trăm phân, rồi bắn trúng vào một phần sợi lông, mỗi mũi tên đều trúng là khó chăng? Tôn giả A-nan bạch Phật: Chẻ sợi lông làm trăm phần, rồi bắn vào một phần sợi lông mỗi phát đều trúng, điều này rất là khó.

336 KINH TẠPA-HÀM

Phật bảo A-nan: Nếu đối với khổ Thánh đế biết như thật, điều này mới thật là khó hem; cũng thế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh đế thấy biết như thật. Đó là khó nhất. Bây giơ, Thê Ton liên noi kệ: Sợi lông chẻ trăm phần, Khó bắn trúng một phần, Quán mỗi mỗi khổ ấm, Phi ngã thật khó hơn! Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 406
Tôi nghe như vầy:
Một thời, Phật trú tại bờ ao Di Hầu, nơi giảng đường Trùng Các.

–
Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo:

Ví như đất liền đều thành biển lớn, có một con rùa mù sống vô lượng kiếp, một trăm năm mới trôi đâu lên một lân, trong biên có một khúc gô nôi, chỉ

Phật bảo A-nan: Nếu đối với khổ Thánh đế biết như thật, điều này mới thật là khó hem; cũng thế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh đế thấy biết như thật. Đó là khó nhất. Bây giơ, Thê Ton liên noi kệ: Sợi lông chẻ trăm phần, Khó bắn trúng một phần, Quán mỗi mỗi khổ ấm, Phi ngã thật khó hơn! Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 406

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại bờ ao Di Hầu, nơi giảng đường Trùng Các.

–

Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo:

Ví như đất liền đều thành biển lớn, có một con rùa mù sống vô lượng kiếp, một trăm năm mới trôi đâu lên một lân, trong biên có một khúc gô nôi, chỉ

Này các Tỳ-kheo! Các thầy chớ nên tư duy những điều thế gian tư duy. Vì sao? Vì sự tư duy của thế gian chẳng có lợi ích về nghĩa, về pháp, về Phạm hạnh, chẳng phải trí, chẳng phải giác, chẳng phải thuận Niết-bàn. Các thầy nên chánh tư duy khổ Thánh đe? khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, kho diệt đạo tích Thánh đế này. Vì sao? Vì tư duy như thế thì được lợi ích về nghĩa, về pháp, ve Phạm hạnh, chánh trí, chánh giác, thẳng đến Niết-bàn. Thời xưa có một người ra khỏi thành Vương Xá, đi đến bờ ao Câu-hy-la, ngồi tư duy về sự tư duy của thế gian. Trong lúc tư duy người ấy bỗng thấy bốn thứ quân binh: Voi, ngựa, xe, bộ binh vô lượng vô sô, tất cả đều vào trong lỗ của ngó sen, thấy rồi liền nghi thầm: "Ta đã điên cuồng, mất tâm tính, điều thế gian không có mà nay ta thây như thế.” Bấy giờ cách ao ấy không xa, có đại chúng nhóm lại một chỗ. Người kia liền đi đến chỗ đại chúng nói rằng: "Này các nguôi, tôi nay phát cuồng, tôi đã mất tâm tánh, điều thế gian không có mà tôi thay c6.” Người ấy kể đầy đủ sự việc trên. Khi ây, đại chúng đêu nói người kia là phát điên, mát tâm tính, những việc the gian không có mà người kia thay có như vậy. Phật nói với các Tỳ-kheo: -Nhung người ấy không phải điên cuồng mất tâm tính, người ấy thấy chơn chật. Vì sao? Vì khi ấy cách ao Câu-hy-la không xa có các vi trời và a-tu-la khởi bốn thứ quân chiến đấu trong hư không. Lúc chư thiên đắc thắng, quân a-tu-la bại trận, rút lui nấp vào trong ngó sen. Thế nên, này các Tỳ-kheo, các thầy hãy cẩn thận chớ nên suy nghĩ việc thế gian. Vì sao? Vì tư duy thế gian chẳng có lợi ích về nghĩa, về pháp, về Phạm hạnh, chẳng phải trí, chẳng phải giác, chẳng phải thẳng đến Niết-bàn. Nen tư duy bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Đó là khổ Thánh dế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 408 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá? nơi Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận như vầy: "Thế gian là

thường, hoặc nói thế gian vô thường, thế gian hữu thường vô thường, thế gian phi hữu thường, phi vô thường; thế gian hữu biên, thế gian vô biên, thế gian hữu biên vô biên, thế gian phi hữu biên, phi vô biên; mạng là thân, mạng khác thân khác; Như Lai sau khi chết là có, Như Lai sau khi chết là không, r r 9

Như Lai sau khi chét vừa có vừa không, Như Lai sau khi chét chăng phải có, chẳng phải kh6ng." Khi ấy, Thế Tôn ở một chỗ ngồi thiền, với thiên nhĩ, nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo ở nhà ăn. Nghe xong Ngài đi tới nơi đó, trước đại chúng trải tòa ngồi và bảo các Tỳ-kheo:

Này các Tỳ-kheo! Các thầy tụ tập đông người để nói bàn việc gì?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế tôn! Chúng con nhóm lại ở nhà ăn này bàn luận rằng: "Hoặc nói hữu thường, hoặc nói vô thường,... (nói rộng như trên)y Phật bảo các Tỳ-kheo: Các thầy chớ bàn luận như vậy. Vì sao? Vì sự bàn luận này chẳng có lợi ích về nghĩa, về pháp, về Phạm hạnh, chẳng phải trí, chẳng phải chánh giác, chăng phải chánh hướng Niêt-bàn. Này các Tỳ-kheo! Các thây nên luận nghị như thế này: “Bây là khổ Thánh dế, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế? khổ diệt đạo tích Thánh dế." Vì sao? Vì luận nghị này có lợi ích về nghĩa, về pháp, vê Phạm hạnh, chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niêt-bàn. Thê nên Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế chưa được hiện quán phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÔ 409 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, nơi Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ? các Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, có người có tham giác, có người CÓ nhuê giác, hoặc có người có hại giác. Khi ây, Thê Tôn biêt được tâm niệm của các Tỳ-kheo, liên đi đên nhà ăn, trải tọa cụ ngôi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo: -Các thầy chớ khởi giác tưởng về tham, chớ khởi giác tưởng về nhuế, chớ khởi giác tưởng vê hại. Vì sao? Vì những giác tưởng này không có lợi ích vê nghĩa, vê pháp, vê Phạm hạnh, chăng phải trí, chăng phải chánh giác, chăng hướng đến Niết-bàn. Các thầy nên khởi giác tưởng về khổ Thánh đế, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì sự tỉnh . . r r • A A giác đôi với bôn Thánh đê này có lợi ích vê nghĩa, vê Phạm hạnh, chánh trí, chánh giác, hướng đến Niết-bàn. Thế nên Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, chánh trí, chánh niệm, tinh tấn tu học. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 410 Tôi nghe như vầy: Một thời,... (nói rộng như trên; chỉ có khác là: Khởi giác tưởng về bà con thân thuộc, khởi giác tưởng về nhân dân, cõi nước, khởi giác tưởng về không chết nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành).

KINH SỐ 411 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bây giờ, các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn bàn luận các việc như vây: Việc vua,

việc giặc cướp, việc tranh đấu, việc tiền của, y phục, ăn uống, việc nam nữ? ngôn ngữ thê gian, sự nghiệp, việc biên cả, v.v... Khi ấy, Thế Tôn đang thiền định, với thiên nhi, nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liên từ chô ngôi đứng lên, đi đên nhà ăn, trải tọa cụ ngôi xuông trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo: -Này các Tỳ-kheo! Các thầy tụ tập bàn luận việc gì? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thê Tôn, chúng con tụ tập ở đây nói đủ các việc: Việc vua, v.v... (nói rộng như trên). Phật bảo các Tỳ-kheo: Các thây chớ bàn luận các việc vua... (như thê cho đên không hướng đên Niết-bàn). Nêu có bàn luận, nên nói kho Thánh đe này, Idio tập Thárýi đe, kho diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì bốn Thánh đế này đem lại lợi ích vê nghĩa, vê pháp, vê Phạm hạnh, chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 412 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, nơi Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, các Tỳ-kheo tập hợp ở nhà ăn, nói với nhau rằng: "T6i biết Pháp, Luật, các ông không biêt; điêu tôi nói thành tựu, điêu tôi nói hợp đạo lý9 điêu các ông nói không thành tựu, không hợp đạo lý; đáng lý cái nên nói trước thì nói sau, cái đáng nói sau thì nói trước, tranh nhau nói. Lý luận của tôi các ông không bang, người nào có the đáp nên đáp di." Lúc ấy, Thế Tôn đang thiền định, với thiên nhĩ, nghe tiếng các Tỳ-kheo tranh luận... (nói rộng như trên cho đến bổn Thánh đế chưa hiện quán phải siêng năng, khởi ỷ muốn tăng thượng, tu học hiện quán). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 413 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, nơi Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bây giờ, Tỳ-kheo tập hợp ở nhà ăn bàn luận răng: “Vua Ba-tư-nặc và Vua Tần-bà-sa-la, vua nào có thế lực lớn, vua nào giàu có lớn?" Lúc ấy, Thế Tôn đang thiền định, với thiên nhĩ, nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liền từ chỗ ngồi đi đến nhà ăn, trải tọa cụ ngồi xuống trước đại chúng, hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy bàn luận việc gì? Bấy giờ, các Tỳ-kheo đem các việc trên thuật lại đầy đủ với Thế Tôn. Phật nói với các Tỳ-kheo: Các thây bàn việc vê thê lực lớn, vê sự giàu sang của các vua làm gì? Này các Tỳ-kheo! Các thầy chớ luận bàn như thế. Vì sao? Vì việc này chẳng có lợi ích về nghĩa, về pháp, về Phạm hạnh, chẳng phải trí, chẳng phải chánh giác, chẳng đưa đến Niết-bàn. Các thầy nên bàn về khổ Thánh dế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì bốn Thánh đế này là có lợi vê nghĩa, vê pháp, vê Phạm hạnh, chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn. Thế nên Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế này chưa được hiện quán, nên siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 414 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá? nơi Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bây giờ, các Tỳ-kheo tụ họp tại nhà ăn bàn luận như sau: "Đời trước các Ông làm những nghê nghiệp gì, công xảo gì, lây gì đê tự s6ng?" Khi ấy, Thế Tôn đang thiền

định, với thiên nhĩ, nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liên từ chô ngôi đứng lên, đi thăng đên nhà ăn, trải tọa cụ ngôi xuông trước đại chúng, hỏi các Tỳ-kheo: -Các thầy nói những việc gì? Bấy giờ, các Tỳ-kheo đem những việc trên thuật lại đầy đủ. The Ton bao các Tỳ-kheo: -Này các Tỳ-kheo! Các thầy chớ bàn việc đời trước đã làm. Vì sao? Vì việc này chẳng có lợi ích về nghĩa, về pháp, về Phạm hạnh, chẳng phải trí, chẳng phải chánh giác, chẳng đưa đến Niết-bàn. Này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy cùng nhau bàn luận: Khổ Thảnh đế này? khổ tập Thánh dế, khổ diệt Tháiứi đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế này. Vì sao? Vì đây là có lợi ích về nghĩa, về pháp, về Phạm hạnh, chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn. Thế nên Tỳ-kheo? đối với bốn Thánh dế, nếu chưa hiện quán, nên siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 341

KINH SỐ 415 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn bàn luận: uĐàn-việt kia làm thức ăn thô sơ? chúng ta ăn xong chẳng thấy ngon, chẳng thấy khỏe, không bằng chúng ta bỏ thức ăn kia mà đi khất thực. Vì sao? Vì khi các Tỳ-kheo đi khất thực thường được thức ăn ngon, lại thấy sắc đẹp, nghe tiếng hay, được nhiều người biết, lại được y phục, chăn mền, ngọa cụ, thuốc men." Khi ấy, Thế Tôn đang thiền định, với thiên nhĩ, nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liền đi đến nhà ăn... (nói rộng như thế, cho đến chánh hướng Niết-bàn). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 416

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá5 trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

-Các thầy có thọ trì bốn Thánh đế mà Ta đã nói chăng?

Khi ây, có một Tỳ-kheo đứng dậy, sửa lại y phục, chăp tay đảnh lê, bạch Phật:

Thưa vâng, Bạch Thế Tôn! Bốn Thánh đế mà Ngài đã nói, con đều thọ trì.

Phật bảo Tỳ-kheo: -Thầy thọ trì bốn Thánh đế ấy như thế nào? Tỳ-kheo bạch Phật: Như lời Thế Tôn nói: "Đây là khổ Thánh đế, con liền thọ trì; đây là khổ tập Thánh đế, đây là khổ diệt Thánh đế, đây là khổ diệt đạo tích Thánh dế." Bạch Thế Tôn! Như thế, bốn Thánh đế mà Ngài đã nói, con đều thọ trì. Phật bảo Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Ta nói khổ Thánh đế, thầy chân thật thọ trì, Ta nói khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh dế, thầy đều chân thật thn trì. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 417

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Các thầy có thọ trì bốn Thánh đế mà Ta đã nói chăng?

Khi ấy có Tỳ-kheo đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai phải, đảnh lễ, chắp tay bạch Phật: Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Bốn Thánh đế mà Ngài đã nói, con đều thọ trì.

Phật bảo Tỳ-kheo: Thầy thọ trì như thế nào về bốn Thánh đế mà Ta đã nói?

Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, Ngài nói về khổ Thánh đế con đều thọ trì, như như, không lìa nhu, không khác như, chân thật, xét kỹ, không điên đảo, là đế lý của bậc Thánh. Đó là khổ Thánh đế. Thế Tôn nói về khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế, như nhu, không lìa như, không khác như, chân thật, xét kỹ? không điên đảo, là đế lý của bậc Thánh. Đó gọi là bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã nói, \

con đêu thọ trì. Phật bảo Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Thầy chân thật thọ trì về bốn Thánh đế mà Ta đã nói như như, không lìa nhu, không khác như, chân thật xét kỹ, không điên đảo. Đó gọi là Tỳ-kheo chân thật thọ trì bốn Thánh đế của Ta. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 418

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo:

—Các thầy có thọ trì bốn Thánh đế mà Ta đã nói chăng?

. /y r

Khi ây? có một Tỳ-kheo đứng lên, sửa lại y phục, đảnh lê? chăp tay bạch Phật: Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Bốn Thánh đế Ngài đã nói, con đều thọ trì. Bốn Thánh đế là gì? Như lời Thế Tôn nói: Là khổ Thánh dế, con đã thọ trì; khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh dế, con đều thọ trì. Phật bảo Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Như bốn Thánh đế mà Ta đã nói, thầy đều thọ trì. Này các Tỳ-kheo! Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nói như sau: "Khổ Thánh đế như Sa-môn Cù-đàm đã nói, ta sẽ bỏ đi, rồi sẽ lặp lại khổ Thánh đế khc", điều đó chỉ là lời nói suông, hỏi đến thì chẳng biết, càng tăng thêm nghi hoặc, vì chẳng phải là cảnh giới của họ. ÍCKhổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế5 khổ diệt đạo tích Thánh đế này ta sẽ bỏ đi, rồi sẽ lặp lại bốn Thánh đế khác"; điều đó chỉ là lời nói suông, nếu hỏi đến thì chẳng biết, chỉ càng tăng thêm nghi hoặc, vì chẳng phải là cảnh giới của họ.

KINH TẠPA-HÀM 343

Thế nên, này các Tỳ-kheo5 đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán nên siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 419 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nếu Tỳ-kheo đối vơi Phật có nghĩ thì đối với khổ Thánh đế có nghi, đối với khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh đế có nghi. Nếu đối với Pháp, Tăng có nghi thì đối với khổ Thánh đế có nghi, đối với khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế có nghi. Nếu người đối với Phật không nghi thì đối với khổ Thánh đế không nghi, đối với khổ tập

Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế không nghi. Nếu người đối với Pháp, Tăng không nghi thì đối vơi khổ Thánh đế không nghi, đối với khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh đế không nghi. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 420 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nếu Sa-môn9 Bà-la-môn đối với khổ Thánh đế có nghi thì đối với Phật có nghi, đối với Pháp, Tăng có nghi. Đối với khổ, tập, diệt, đạo có nghi thì đối với Phật co nghi, đối với Pháp, Tăng có nghi. Nếu đối với khổ Thánh đế Idiong nghi thì đối với Phật không nghi, đối với Pháp, Tăng không nghi. Người đối với tập, diệt, đạo Thánh đế không nghi thì đối với Phật không nghi, đối với Pháp, Tăng không nghi. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 421

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bây giờ, Thê Tôn bảo các Ty-kheo:

Các thầy nên cùng đi với Ta vào hang núi sâu.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Khi ấy Thế Tôn và đại chúng cùng đến hang núi sâu, trải tòa ngồi, sau khi đi xung quanh quan sát hang núi hiểm trở xong, Ngài bảo với các Tỳ-kheo: Hang núi này thật sâu và nguy hiêm. Lúc ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hang núi này thật sâu hiểm, nhưng còn có thứ gì vô cùng sâu hiểm đáng sợ không? Phật biết ý của Tỳ-kheo này, nên đáp: Như thê, này Tỳ-kheo? ở đây rát sâu hiêm nhưng còn có thứ sâu hiêm đáng sợ hơn nữa. Đó là Sa-môn, Bà-la-môn đối với khổ Thánh đế không biết như thật, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh để, khổ diệt đạo tích Thánh đế không biết như thật. Người kia đối với cội gốc sanh tử của các hành đắm trước, đối với lão-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não cội gốc sanh ra các hành đắm trước, mà tạo tác các hành, lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não thêm tăng trưởng nên rơi vào chỗ hiểm nạn, rơi vào hang sâu nguy hiểm của lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não. Như thế, này Tỳ-kheo? đó chính là hang sâu đầy nguy hiểm. Thế nên, Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 422 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có địa ngục Đại Nhiệt, nếu chúng sanh sanh trong địa ngục ấy sẽ luôn bị thiêu đốt. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, chắp tay bạch Phật: Như Thế Tôn đã nói, địa ngục Đại Nhiệt này vô cùng nóng bức, nhưng thưa Thê Tôn, lại còn có sự nóng bức nào đáng sợ hơn địa ngục ấy chăng, không còn gì hơn chăng? Này Tỳ-kheo! Địa ngục ấy thật là

nóng bức, lại cũng có thứ nóng bức hơn địa ngục ấy rất đáng sợ, không còn gì hơn. Những gì lại có thứ nóng đáng sợ hãi hơn địa ngục Đại Nhiệt? Đó là Sa-môn, Bà-la-môn đối với khổ Thánh đế này không biết như thật; đối với khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế không biết như thật. Như thế cho đến sanh-lão-bệnh-tử-iru- bi-khổ-não là sự nóng bức thiêu đốt cùng cực. Này Tỳ-kheo! Đây gọi là nóng bức thiêu đốt cùng cực thật đáng sợ, không còn gì hơn. Thế nên5 Tỳ-kheo đối

với bốn Thánh đế chưa hiện quán, nên siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 423 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có địa ngục Đại Am, các chúng sanh đời đời sanh ra không thấy được thân phần của chính mình. Khi ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng lên sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn địa ngục này vô cùng tối tăm. Chỉ có nơi này tối tăm hay còn có sự tối tăm nào đáng sợ hơn địa ngục này chăng? Phật bảo Tỳ-kheo: -Như thế còn có sự tối tăm rất đáng sợ hơn địa ngục này nữa. Đó là Sa- môn9 Bà-la-môn đối với bốn Thánh đế không biết như thật cho đến rơi vào sự tối tăm cùng cực của sanh-lão-bệnh-tử-mi-bi-khổ-não. Thế nên, Tỳ-kheo đối với bốn Thánh để chưa hiện quán, phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 424 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bây giơ, Thê Ton bảo các Tỳ-kheo: Như mặt trời du hành chiếu sáng các thế giới cho đến cả ngàn mặt trời, ngàn mặt trăng, chiếu sáng ngàn thế giới, ngàn núi Tu-di, ngàn Phất-bà-dề, ngàn Diêm-phù-đề? ngàn Câu-gia-ni, ngàn uất-đơn-việt, ngàn Tứ Thiên Vương, ngàn cõi Tam Thập Tam thiên, ngàn Diệm-ma thiên, ngàn Đâu-suất thiên, ngàn Hóa Lạc thiên, ngàn Tha Hóa Tự Tại thiên, ngàn Phạm thiên. Đó gọi là tiểu thiên thế giới. Khoảng giữa một ngàn thế giới này tối tăm, dù có ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu sáng, có oai đức lớn cũng không thấy được, những chúng sanh sanh ra trong những nơi ấy không thấy thân phần của chính mình. Bấy giờ, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói, ngoài sự tối tăm đó, còn có sự tối tăm nào hơn nữa không? Phật bảo Tỳ-kheo:

CÓ Sự tối tăm quá hơn sự tối tăm này. Đó là Sa-môn, Bà-la-môn đối với khổ Thánh đế không biết như thật, cho đến rơi vào sự tối tăm vô cùng của sanh-lão-bệnh-tử-mi-bi-khổ-não. Đó gọi là Tỳ-kheo có sự tối tăm ạuá hơn cả sự tối tăm giữa các thế giới. Thế nên Tỳ-kheo? đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 425 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Tư tiểu thiên thế giới, con số nhân lên đến một ngàn. Đây gọi là trung thiên thế giới. Khoảng giữa trung thiên thế giới tối tăm... (như trên đã nói) cho đến đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 426 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá? trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Từ trung thiên thê giới con sô nhân lên đên một ngàn. Đây gọi là tam thiên đại thiên the giới. Khoảng giữa các the giới là chỗ toi tăm, dù có mặt trời, mặt trăng du hành, chiếu khắp thế giới nhưng chúng sanh kia vẫn không thấy, cho đên rơi vào trong chô tôi tăm của sanh-lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não. Thế nên các Tỳ-kheo? đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 427 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ"kheo: Nay Ta sẽ nói về bốn Thánh dế, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ. Những gì là bốn? Đó la khổ Thánh đế, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Đó gọi là bốn Thánh đế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Những gì sẽ nói về bốn Thánh đế đều cũng nói như trên).

KINH TẠPA-HÀM 347

KINH SỐ 428 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nên chuyên cần thiền tư, phương tiện chân chính, tĩnh lặng nội tâm. Vì sao? Tỳ-kheo thiền tư, nội tĩnh tâm mình đã thành tựu, hiển hiện như thật. Thế nào là hiển hiện như thật? Nghĩa là khổ Thánh đế này hiển hiện như thật; khổ tập Thánh đế này, khổ diệt đạo tích Thánh đế hiển hiện như thật. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 429 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-dà. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nên tu vô lượng tam-ma-đề, chuyên tâm chánh niệm. Vì sao? Vì tu vô lượng tam-ma-đề9 chuyên tâm chánh niệm rồi, như thế như thật hiển hiện. Thế nào là như thật hiển hiện? Nghĩa là khổ Thánh đế này như thật hiển hiện; khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế này như thật hiển hiện. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 430 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Như người ném gậy lên hư không, gậy liền rơi trở xuống, hoặc gốc dính đất, hoặc thân dính đất, hoặc đầu dính đất. Cũng thế, Sa-mon9 Ba-la-mon đối vơi khổ Thánh đế này không biết như thật, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế không biết như thật, nên biết Sa-môn9 Bà-la- môn này hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào nga quỷ.

Thế nên, Ty-kheo đối với bốn Thánh đế này chưa hiện quán, phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 431 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá5 trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bây giờ, The Ton bao các Ty-kneo: Như người ném cây gậy lên hư không, chắc chắn nó rơi xuống, hoặc rơi trên đất sạch, hoặc rơi trên đất không sạch. Cũng thế, Sa-môn, Bà-la-môn đối với Idiổ Thánh đế không biết như thật; đối vơi khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế không biết như thật; vì không biết như thật, cho nên hoặc sanh cõi lành, hoặc sanh cõi ác. Thê nên, các Tỳ-kheo đôi với bốn Thánh đế chưa hiện quán, phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 432 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương x trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như cái vòng có năm đốt nối liền nhau, một người thanh niên khỏe mạnh có thê quay nhanh vòng ây. Cũng thê, Sa-môn, Bà-la-môn đôi với kho Thanh đế này không biết như thật; khổ tập Thánh đế này, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh đế không biết như thật, luân hồi trong năm đường xoay vần mau chóng, hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào nga quỷ, hoặc người, hoặc trời rồi lại đọa vào đường ác, luôn luôn luân chuyển. Thế nên, Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 433 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã nói pháp tăng thượng như thế, nghĩa là bôn Thánh đế được khai thị, trình bày, kiến lập, phân biệt, giảng nói nhiều hơn, bày tỏ rõ ràng. Những gì là bốn? Đó là khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Thế nên, Tỳ-kheo đối vơi bôn Thánh đế này chưa hiện quán, phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 434 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thế nao là trí tuệ sáng suốt. Đó là biết như thật khổ Thánh để này, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh dế, hay là không biết như thật chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa Thế Tôn, theo như chúng con hiểu lời Phật dạy, người đối với bốn Thánh đế biết như thật, đó gọi là trí tuệ sáng suốt. Phật bảo các Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Đối với khổ Thánh đế, khổ tập

Thánh đế, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh đế biết như thật. Đó là trí tuệ sáng suốt. Thế nên Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 435 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ? trưởng giả Tu-đạt-đa đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bốn Thánh đế này là thứ lớp hiện quán hay là nhất đốn hiện quán. Phật bảo trưởng giả: r r e 9 r r e Bôn Thánh đê này thứ lớp hiện quán chăng phải nhát đôn hiện quán.

Phật bảo trưởng giả: Nếu có người nói: uĐối với khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh đế được hiện quán" thì lời nói này không đúng. Vì sao? Vì nếu đối với khổ Thánh đế chưa hiện quán mà muốn đối với Idiổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thárứi đế hiện quán là điều không thể có. Cũng giống như người lấy hai lá cây nhỏ xếp lại đê làm đô đựng nước mang đi thời không thê được. Cũng thê, đôi với khô Thánh đế chưa hiện quán mà muốn đối với khổ tập Tháíih đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế hiện quán là điều không thể có. Ví như có người lấy lá sen hợp lại làm đồ chứa nước đem đi, việc làm này có thể được. Cũng thế, này trưởng giả, đối với khổ Thánh đế đã hiện quán ròi, muốn đối với khổ tập Thánh đế? khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo Hch Thánh đế hiện quán, điều này có thể được. Thế nên, trưởng giả đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

350 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ (Như trưởng giả Tu-đạt-đa đã hỏi, có Tỳ-kheo khác hỏi, Phật cũng nói như thê, chỉ có vỉ dụ sai khác). Như có bôn bậc thêm đi lên chánh điện. Nêu có người nói: "Chẳng lên bậc thứ nhất mà lên bậc thứ hai, thứ ba, thứ tư, đi lên chánh điện,5 thì không thể được. Vì sao? Vì phải do bậc đầu tiên rồi kế đến bậc thứ hai? bậc thứ ba, bậc thứ tư mới lên chánh điện được. Cũng thế, Ty-kheo, đối với khổ Thánh đế chưa hiện quán mà muốn đối với khổ tập Thanh đế, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh đế hiện quán thì không thể được. Ví như, Tỳ-kheo, nếu có người nói: "Nhờ bốn bậc thềm đưa lên chánh điện, phải từ bậc thềm dầu, rồi đến bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư mới đưa len chánh diên", nói như thế mới đúng. Vì sao? Vì phải do bậc thềm đàu tiên, kế đó mới leo lên bậc thềm thứ hai, thứ ba? thứ tư mới lên đến chánh điện thì việc này có thể được. Cũng vậy, Tỳ-kheo, nếu nói đối với khổ Thánh đế hiện quán rồi sau đó thứ lớp đối với khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế hiện quán thì nói như thế mới đúng. Vì sao? Vì nếu đối với khổ Thanh đế đã hiện quán, sau đó thứ lớp đối với khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế hiện quán là việc có thể được. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 437 (Như Tỳ-kheo khác hỏi, những điêu Tôn giả A-nan hỏi, Phật cũng nói như thế, chỉ có vỉ dụ khác là Phật bảo A-nan): -Ví như cái thang có bôn bậc đưa lên chánh điện. Nêu có người nói: "Không do bậc ban đầu mà lên bậc thứ hai, thứ ba, thứ tư leo lên chánh diên" thì không thể được. Cũng thế, A-nan? nếu đối với khổ Thánh đế chưa hiện quán mà muốn đối với khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế hiện quán, điều đó không thể được. Vì sao? Vì nếu đối với khổ Thánh đế chưa hiện quán, mà đối với khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế hiện quán thì không thể được. Này A-nan, ví như cái thang có bốn bậc đưa lên chánh điện, nếu có người nói: 'Thải từ bậc đầu tiên, lần lượt lên bậc thứ hai, thứ ba, thứ tư mới lên tới chánh diên", nói như thế mới đúng. Vì sao? Vì phải do bậc đầu tiên, thứ lớp lên bậc thứ hai, thứ ba, thứ tư mới tới chánh điện thì điều này có thể được. Cũng thế, A-nan, đối với khổ Thánh đế đã hiện quán, sau đó thứ lớp đối với khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế hiện quán thì điều này có thể được. Phật nói kùih này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 438 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 351

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Ví như lấy hết cây cỏ trên quả đất, dùng làm cây thương, xâu hết tất cả loài thủy trùng trong biển lớn, có thể nào xuyên suốt được chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa Thế Tôn, không thể được. Vì sao? Vì các con vật ở trong biển lớn đủ các hình, loại, hoặc nhỏ quá, hoặc lớn quá, đều không thể xâu được. Phật bảo Tỳ-kheo: Đúng thế? đúng the! Chủng loại chúng sanh vô số? vô lượng. Thế nên, Tỳ- kheo đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, nên siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 439

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn đưa tay nắm một chút đất, hỏi các Tỳ-kheo:

Các thầy nghĩ sao? Đất trong tay Ta nhiều hay đất ở núi Tuyết nhiều?

Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Đất trong tay của Ngài rất ít, còn đất ở núi Tuyết thì nhiều vô lượng, trăm ngàn muôn ức, không thể dùng toán số, ví dụ để so sánh được. Phật bảo Tỳ-kheo: Các chung sanh kia, những người đối với khổ Thánh đế biết như thật, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đe, khổ diệt đạo tích Thánh đế biết như thật thì ít như đất trong tay của Ta. Còn các chúng sanh, những người đối với khổ Thánh đế khônẹ biêt như thật, đối với khổ tập Thánh đế không biết như thật, khổ diệt Thánh dế, Idiổ diệt đạo tích Thánh đế không biết lỷiư thật thì nhiều như đất ở núi Tuyết, nhiều đến vô lượng. Thế nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 440 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như ao, hồ nước sâu rộng năm mươi do-tuần, nếu có người dùng một sợi tóc, hoặc sợi lông, hoặc đầu ngón tay thấm vào nước hồ kia cho đến ba lần. Thế nào, này các Tỳ-kheo, nước của người kia thấm nhiều hay nước trong hồ nhiều?

Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nước trên sợi tóc, sợi lông hay đầu ngón tay của người kia rất ít, còn nước trong hồ nhiều vô lượng, vô số cho đến không thể dùng toán số, ví dụ để so sánh được. Phật bảo Tỳ-kheo: Nước trong hồ nhiều vô lượng. Cũng thế, đa văn Thảỉyi đệ tử thấy được đế lý một cách đầy đủ, được đạo quả Thánh, dứt các gốc khổ, như cây đa-la bị chặt gốc, ở đời vị lai thành tựu pháp bất sanh. Các lậu hoặc còn lại chưa dứt hết chỉ ít như nước đầu sợi tóc, sợi lông, móng tay của người kia. The nên, Tỳ-kheo, ai đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, phải siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như vỉ dụ nước trong hồ lớn; cũng vây, ví dụ sông Tảt-da-đa-tra-ca, sông Hằng, sông Gia-phù-na, Tát-ỉa-du, Y-ỉa-bạt-đề, Ma-hê và ví dụ ve bon biển lớnf cũng nói như trên).

KINH SỐ 441

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn nắm trong tay một hòn đất to bằng trái lê. Ngài bảo các Tỳ-kheo:

Hòn đất trong tay Ta nhiều hay đất trong núi Tuyết nhiều?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thưa Thế Tôn hòn đất trong tay Ngài rất ít; còn đất ở núi Tuyết thật nhiều, nhiều đến trăm ngàn ức na-do-tha, cho đến không thể dùng toán số? ví dụ để so sánh được. Phật nói với các Tỳ-kheo: Những chúng sanh đối với khổ Thánh đế biết như thật, đối với khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh đế biết như thật cũng ít như hòn đất trong tay Ta. Những chúng sanh đối với khổ Thánh đế không biết như thật, đối với khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế không biết như thật, nhiều như đất ở núi chúa Tuyết. Thế nên, Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán nên siêng năng phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như vỉ dụ núi chúa Tuyết; cũng vậy, các vỉ dụ núi Ni-dân-đà-la, Tỳ-na-đa- caf Mã-nhĩ, Thiện-kiến, Khư-đề, La-ca, Y-sa-đà-laf Do-kỉền-đà-ỉa, Tu-di sơn vương, và đất trên đại địa cũng lại như the. Như vỉ dụ trái lê; cũng vây, các vỉ

dụ trái a-ma-lặc-ca, bạt-đà-la, ca-la-caf quả đậu, cho đến vỉ dụ tép tỏi cũng nói như vậy).

KINH SỐ 442 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn lấy móng tay vít một chút đất bảo các Tỳ-kheo: Các thầy nghĩ thế nào? Đất ở trong móng tay của Ta nhiều hay là đất ở ngoài nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thíra Thế Tôn! Đất vít trong móng tay Ngài rất ít, vô cùng ít; còn đất ở bên ngoài nhiều vô lượng, cho đến không thể dùng toán số5 ví dụ để so sánh được. Phật bảo các Tỳ-kheo: Giông như đát trong móng tay, thân của các chúng sanh có thê thây được cũng như thế; còn thân chúng sanh vi tế không thể thấy nhiều như đất trên đại địa. Thế nên, các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, nên siêng năng phương tiện, tu học hiện quán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như ví dụ vê lục địa và ví dụ vê nước: Sô chúng sanh được sanh trong cối người ít như đất dính trong móng tay; còn số chúng sanh chẳng được làm người nhiều như đất đại địa. Số chúng sanh được sanh ở nơi có văn hóa cũng ít, như đất dính trên móng tay; còn sô chúng sanh sanh ra ở biên địa nhiêu như đát trên đại địa. Người thành tựu Thánh tuệ nhãn như đất trên móng tay; còn người chẳng thành tựu Thánh tuệ nhãn nhiều như đất ở đại địa. Số chúng sanh biết được Pháp, Luật này cũng ít như đất dính trên móng tay; còn số chúng sanh không biết Pháp, Luật nhiều như đất ở đại địa. Nếu biết như thế, biết khắp tất cả, chánh tưởng, chánh giác, chánh giải, pháp hiện quán cũng như thế. Số chúng sanh biết có cha mẹ ít như đất dính trên móng tay; còn số chúng sanh không biết có cha mẹ nhiều như đất ở đại địa. Số chúng sanh biết có bậc Tôn trưởng của dòng Sa-môn, Bà-la-môn, biết làm những điều phước cần làm đời này, đời khác, sợ tội hay bố thí, ăn chay, giữ giới ít như đất dính trên đầu móng tay; còn số chúng sanh không biết có bậc Tôn trưởng của Sa-môn, Bà-la-môn, không biết làm những điều phước cần làm đời này, đời khác, không sợ tội lỗi, không bố thí, không ăn chay, không giữ giới nhiều như đất ở đại địa. Số chúng sanh không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng

ngữ, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không nói thêu dệt ít như đất trên móng tay; còn số chúng sanh không giữ gìn giới luật nhiều như đất ở đại địa. Cũng thế, chúng sanh lìa tham nhuế, tà kiến và chúng sanh không lìa tham nhuế, tà kiến cũng nói như thế. Số chúng sanh không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, ít như đất dính trên móng tay; còn số chúng sanh không giữ gìn năm giới nhiều như đất ở đại địa. số chúng sanh giữ gìn tám giới ít như đất dính trên móng tay; còn số chúng sanh chẳng giữ gìn tám giới nhiều như đất ở đại địa. Số chúng sanh giữ gìn mười điều lành ít như đất trên móng tay; còn số chúng sanh không giữ mười điều lành nhiều như đất ở đại địa. Số chúng sanh từ địa ngục sau khi chết rồi được sanh làm người ít như đất dính trên móng tay; còn số chúng sanh từ địa ngục sau khi chết trở lại sanh vào địa ngục, hoặc súc sanh, hoặc nga quỷ nhiều như đất ở đại địa. Số chúng sanh từ địa ngục sau khi chết được sanh lên cõi trời ít như đất dính trên móng tay; còn số chúng sanh từ địa ngục, hoặc nga quỷ, súc sanh chết rồi sanh trở lại địa ngục, nga quỷ, súc sanh nhiều như đất ở đại địa. Số chúng sanh ở loài người chết đi rồi sanh trở lại loài người ít như đất dính trên móng tay; còn sô chúng sanh ở loài người chét roi sanh vào địa ngục, súc sanh, nga quỷ nhiều như đất ở đại địa. Số chúng sanh từ

cõi trời chết rồi trở lại sanh lên cõi trời ít như đất dính trên móng tay; còn số chúng sanh ở cõi trời chết rồi sanh vào địa ngục, súc sanh, nga quỷ nhiều như đất ở đại địa).

KINH SỐ 443 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ5 Phật bảo các Tỳ-kheo: -Lúc Ta chưa nghe pháp thì đã được chánh tư duy khổ Thánh đế này nên chánh kiến đã phát sinh; được chánh tư duy, khổ tập Thánh đế này, khổ diệt Thánh đế này, khổ diệt đạo tích Thánh đế này nên chánh kiến đã phát sinh. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như kỉnh nói đã sanh cũng thế, đang sanh, sẽ sanh; kỉnh nói về khởi, gần gũi, tu nhiều, tu xúc tác chứng cũng nói như vậy).

KINH SỐ 444

Tôi nghe như vày:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

KINH TẠPA-HÀM 355

Ví như viên thuốc chữa đau mắt, sâu rộng một do-tuần. Nếu có người lấy viên thuốc này để ở mỗi cõi có thể mau chóng để khắp hết các cõi kia thì cũng không thể tột cùng bờ mé của nó? nên biết các cõi số nhiều đến vô lượng. Thế nên, các Tỳ-kheo khéo học về các cõi, khéo rành về các cõi, nên học như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 445 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Chúng sanh thường cùng với cảnh giới hòa hợp. Thế nào là chúng sanh thường cùng với cảnh giới hòa hợp? Nghĩa là khi chúng sanh khởi tâm hành bất thiện thì cùng hiệp với cảnh giới không lành, khi khởi tâm thiện thì cùng hiệp với cảnh giới lành, khi khởi thắng tâm thì cùng hiệp với cảnh giới thù thắng, tâm xâu xa thì cùng hiệp với cảnh giới xâu xa. Thê nên, Tỳ-kheo phải học rành về các cảnh giới. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 446 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Nói rộng như trên chỉ có khác là nói thêm kệ sau đầy). Thường hợp nên thường sanh, Rời nhau sanh ắt đoạn, Như người ôm gỗ nhỏ, Mà vào trong biển lớn, r r

Người, gỗ ắt đều chìm. Biêng nhác cũng như thê, Nên lìa xa biếng nhác, Siêng năng về hạ liệt Hiền thánh không giải đãi. An trụ nơi xa lìa, Ân cần tinh tấn thiền, Vượt qua dòng sanh tử, Như sơn gặp lụa trắng, Lửa gặp gió cháy bừng, Ngọc và sữa đồng sắc, Chúng sanh và the giới, Tương tợ cùng hòa hợp, Tăng trưởng cũng như thế.

KINH SỐ 447

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

cùng hợp với cảnh giới? Nghĩa là khi tâm chúng sanh bất thiện thì cùng hợp với cảnh giới bất thiện, tâm thiện thì hợp với cảnh giới thiện, khi tâm xâu xa thì cùng hợp với cảnh giới xấu xa, tâm thù thắng thì hợp với cảnh giới thù thăng. Khi ấy, Tôn giả Kiều-trần-như cùng với nhiều Tỳ-kheo đi kinh hành gần đó, tất cả đều là những bậc Thượng tọa, Đại đức đa văn, xuất gia đã lâu, đầy đủ Phạm hạnh. Lại có Tôn giả Đại Ca-diếp cùng với nhiều Tỳ-kheo đi kinh hành gần đó, tất cả đều ít muốn, biết đủ, Đầu-đà, khổ hạnh, không chứa đồ dư. Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với nhiều Tỳ-kheo đi kinh hành gần đó, tất cả đều là những bậc Đại trí biện tài. Tôn giả Đại Mục-kiền-lien cùng với nhiều Tỳ-kheo đi kinh hành gần đó, tất cả đều là những bậc có sức thần thông lớn. Tôn giả A-na-luật-đà cùng với nhiều Tỳ-kheo đi kinh hành gần đó, tất cả đều được thiên nhãn sáng suốt. Khi ấy, có Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ, cùng với nhiều Tỳ-kheo đi kinh hành gàn đó, tất cả đều dũng mãnh, tinh tấn, chuyên cần tu hành. Khi ấy, có Tôn giả Đà-phiêu cùng với nhiêu Tỳ-kheo đi kinh hành gân đó, tát cả đêu vì đại chúng tu hạnh cúng dường đầy đủ. Lại có Tôn giả Ưu-ba-ly cùng với nhiều Tỳ-kheo đi kinh hành gần đó, tất cả đều thông đạt luật hạnh. Khi đó5 Tôn giả Phú-lâu-na cùng với chúng Tỳ-kheo đi kinh hành gần đó5 tất cả đều là những bậc biện tài, thuyết pháp. Khi đó, Tôn giả Ca-chiên-diên cùng với chúng Tỳ-kheo đi kinh hành gần đó, tất cả đều có khả năng phân biệt các kinh, khéo nói pháp tướng. Khi đó, Tôn giả A-nan cùng với nhiều Tỳ-kheo đi kinh hành gần đó, tất cả đều là những bậc đa văn uyên bác. Có Tôn giả La-hâu-la cùng với chúng Tỳ-kheo đi kinh hành gân đó, tất cả đều khéo giữ gìn luật hạnh. Khi đó, có Tôn giả Đe-bà-đạt-đa cùng với chúng Tỳ-kheo đi kinh hành gần đó5 tất cả đều tập quen nhiều ác hạnh. Đó gọi là các Tỳ-kheo thường cùng hòa hợp với cảnh giới. Thế nên, các Tỳ-kheo phải khéo phân biệt các cảnh giới. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 448 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà... (như trên đã nói một cách rộng rãi), Phật liền nói kệ: Thường hợp nên thường sanh, Lìa nhau sanh ắt đoạn, Như người ôm gỗ nhỏ, Mà vào trong biển lớn, Người, gỗ ắt đều chìm. Biếng nhác cũng như thế, Nên lìa xa biếng nhác, Siêng năng về hạ liệt, Hiền thánh không giải đãi, An trụ nơi viễn ly, Nỗ lực tinh tấn thiền, Vượt qua dòng sanh tử Như sơn gặp lụa trắng, Lửa gặp gió cháy bừng, Ngọc và sữa đồng sắc, Chúng sanh cùng thế giới, Tương tợ và hòa hợp, Tăng trưởng cũng như thế.

KINH TẠPA-HÀM 357

KINH SỐ 449 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh thường cùng hợp với cảnh giới và cùng cảnh giới hòa hợp. (Nói rộng như thế)... khi sanh tâm thù thắng thì hợp với cảnh giới thù thắng; khi sanh tâm xấu xa thì hợp với cảnh giới xấu xa; khi sát sanh thì hợp với cảnh giới sát sanh; khi tâm khởi các niệm trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu thì hợp với các cảnh giới đó; khi tâm không sát sanh thì hợp với cảnh giới không sát sanh; khi tâm không trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu thì hợp với cảnh

giới không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Thế nên, các Tỳ-kheo phải khéo phân biệt các cảnh giới. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 450 Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh thường cùng hòa hợp với cảnh giới. Khi chúng sanh bất tín thì hợp với cảnh giới bất tín; khi chúng sanh phạm giới thì hợp với cảnh giới phạm giới; khi chúng sanh không biết tàm, quý thì hợp với cảnh giới không có tàm, quý; khi chúng sanh có lòng tin thì hợp với cảnh giới có lòng tin; khi chúng sanh trì giới thì hợp với cảnh giới trì giới; khi tâm chúng sanh biết tàm, quý thì hợp với cảnh giới biết tàm, quý. Thế nên, các Tỳ-kheo phải khéo phân biệt các cảnh giới ấy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như tin hoặc chăng tin; cũng vậy, tinh tân hoặc chăng tỉnh tân, thát niệm hoặc chẳng thất niệm, chánh thọ hoặc chẳng chánh thọ, đa văn hoặc thiểu văn, xan lẫn hoặc bổ thí, ác tuệ hoặc thiện tuệ, khó nuôi dưỡng hoặc dễ nuôi dưỡng, khó đầy đủ hoặc dễ đầy đủ, ham muốn nhiều hoặc ham muốn ít, biết đủ hoặc không biết đủ, điều phục hoặc không điều phục đều hợp với các cảnh giới đỏ,... như đoạn kỉnh trên đã nói rộng).

KINH SỐ 451

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Hôm nay Ta sẽ nói về các giới. Hãy lắng nghe kỹ, khéo tư duy, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là các giới? Nghĩa là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Đó gọi là các thứ giới. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 452 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Do duyên các giới sanh ra các xúc, do duyên các xúc sanh ra các thọ, do duyên các thọ sanh các ái. Thế nào là các thứ giới? Nghĩa là mười tám giới: Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới... ý giới, pháp giới, ý thức giới. Đó gọi là các thứ giới. Thế nào là do duyên các giới sanh ra các xúc... Thế nào là do duyên các thọ sanh ra các ái? Nghĩa là duyên nhãn giới sanh nhãn xúc, duyên nhãn xúc sanh nhãn thọ, duyên nhãn thọ sanh ái. Như thế, nhĩ giới..., tỷ giới..., thiệt giới..., thân giới..., ý giới làm duyên sanh ý xúc, duyên ý xúc sanh thọ, duyên ý thọ sanh ái. Này các Tỳ-kheo! Chẳng phải do duyên các ái sanh ra các thọ, chẳng phải do duyên các thọ sanh ra các xúc, chẳng phải do duyên các xúc sanh ra các giới; cần phải duyên các thứ giới sanh ra các xúc, các xúc sanh ra các thọ, duyên các thọ sanh ra các ái. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là duyên các giới sanh các xúc, duyên các xúc sanh ra các thọ? duyên các thọ sanh ra các ái. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 453 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do duyên các giới sanh ra các xúc, do duyên các xúc sanh ra các thọ, do duyên các thọ sanh ra các ái. Thế nào là các thứ giới? Nghĩa là mười tám giới: Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới... ý giói, pháp giới, ý thức giới. Đó gọi là các thứ giới. Thê nào là duyên các thứ giới sanh ra các thứ xúc, duyên các thứ xúc sanh ra các thứ thọ, duyên các thứ thọ sanh ra các thứ ái? Nghĩa là duyên nhãn giới sanh nhãn xúc, chẳng phải duyên nhãn xúc sanh nhãn giới, chỉ duyên nhãn giới sanh nhãn xúc; duyên nhãn xúc sanh nhãn thọ, chẳng phải duyên nhãn thọ sanh nhãn xúc, chỉ duyên nhãn xúc sanh nhãn thọ; duyên nhãn thọ sanh nhãn ái, chẳng phải duyên nhãn ái sanh nhãn thọ, chỉ duyên nhãn thọ sanh nhãn ái. Cũng thế, duyên nhĩ giới..., tỷ giới..., thiệt giới..., thân giới..., duyên ý giới sanh

ý xúc, chẳng phải duyên ý xúc sanh ý giới, chỉ duyên ý giới sanh ý xúc; duyên ý xúc sanh ý thọ, chăng phải duyên ý thọ sanh ý xúc, chỉ duyên ý xúc sanh ý thọ; duyên ý thọ sanh ý ái, chẳng phải duyên ý ái sanh ý thọ, chỉ duyên ý thọ sanh ý ái. Thê nên, Tỳ-kheo chăng phải duyên các thứ ái sanh các thứ thọ, chẳng phải duyên các thứ thọ sanh các thứ xúc, chẳng phải duyên các thứ xúc sanh các thứ giới; chỉ duyên các thứ giới sanh ra các thứ xúc, duyên các thứ xúc sanh ra các thứ thọ, duyên các thứ thọ sanh ra các thứ ái. Này Tỳ-kheo, đó gọi là nên khéo phân biệt các thứ giới. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 454 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Do duyên các thứ giới sanh ra các thứ xúc. Do duyên các thứ xúc sanh ra các thứ thọ. Do duyên các thứ thọ sanh ra các thứ tưởng. Duyên các thứ tưởng sanh ra các thứ dục. Duyên các thứ dục sanh ra các thứ giác. Duyên các thứ giác sanh ra các thứ nóng bức. Duyên các thứ nóng bức sanh ra các thứ mong cầu. Thế nào là các thứ giới? Nghĩa là mười tám giới, nhãn giới... pháp giới. Thế nào là duyên các thứ giới sanh ra các thứ xúc... duyên các thứ nóng bức sanh ra các thứ mong câu? Nghĩa là duyên nhãn giới sanh nhãn xúc. Duyên nhãn xúc sanh nhãn thọ. Duyên nhãn thọ sanh nhãn tưởng. Duyên nhãn tưởng sanh nhãn dục. Duyên nhãn dục sanh nhãn giác. Duyên nhãn giác sanh nhãn nhiệt. Duyên nhãn nhiệt sanh nhãn cầu. Cũng thế, nhĩ giới..., tỷ giới..., thiệt giới..., thân giới..., ý giới làm duyên sanh ý xúc. Duyên ý xúc sanh ý thọ. Duyên ý thọ sanh ý tưởng. Duyên ý tưởng sanh ý giác. Duyên ý giác sanh ý nhiệt. Duyên ý nhiệt sanh ý cầu. Này Tỳ-kheo? đó gọi là duyên các thứ giới nên sanh ra các thứ xúc... duyên các thứ nhiệt sanh ra các thứ mong cầu. Này Tỳ-kheo! Chẳng phải duyên các thứ mong cầu sanh ra các thứ nhiệt. Chẳng phải duyên các thứ nhiệt sanh ra các thứ giác. Chẳng phải duyên các thứ giác sanh các thứ tưởng. Chẳng phải duyên các thứ tưởng sanh các thứ thọ. Chẳng phải duyên các thứ thọ sanh các thứ xúc. Chẳng phải duyên các thứ xúc sanh các thứ giới. Chỉ duyên các thứ giới sanh các thứ xúc,... duyên các thứ nhiệt sanh các thứ mong câu. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 455 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 359

ý xúc, chẳng phải duyên ý xúc sanh ý giới, chỉ duyên ý giới sanh ý xúc; duyên ý xúc sanh ý thọ, chăng phải duyên ý thọ sanh ý xúc, chỉ duyên ý xúc sanh ý thọ; duyên ý thọ sanh ý ái, chẳng phải duyên ý ái sanh ý thọ, chỉ duyên ý thọ sanh ý ái. Thê nên, Tỳ-kheo chăng phải duyên các thứ ái sanh các thứ thọ, chẳng phải duyên các thứ thọ sanh các thứ xúc, chẳng phải duyên các thứ xúc sanh các thứ giới; chỉ duyên các thứ giới sanh ra các thứ xúc, duyên các thứ xúc sanh ra các thứ thọ, duyên các thứ thọ sanh ra các thứ ái. Này Tỳ-kheo, đó gọi là nên khéo phân biệt các thứ giới. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 454 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Do duyên các thứ giới sanh ra các thứ xúc. Do duyên các thứ xúc sanh ra các thứ thọ. Do duyên các thứ thọ sanh ra các thứ tưởng. Duyên các thứ tưởng sanh ra các thứ dục. Duyên các thứ dục sanh ra các thứ giác. Duyên các thứ giác sanh ra các thứ nóng bức. Duyên các thứ nóng bức sanh ra các thứ mong cầu. Thế nào là các thứ giới? Nghĩa là mười tám giới, nhãn giới... pháp giới. Thế nào là duyên các thứ giới sanh ra các thứ xúc... duyên các thứ nóng bức sanh ra các thứ mong câu? Nghĩa là duyên nhãn giới sanh nhãn xúc. Duyên nhãn xúc sanh nhãn thọ. Duyên nhãn thọ sanh nhãn tưởng. Duyên nhãn tưởng sanh nhãn dục. Duyên nhãn dục sanh nhãn giác. Duyên nhãn giác sanh nhãn nhiệt. Duyên nhãn nhiệt sanh nhãn cầu. Cũng thế, nhĩ giới..., tỷ giới..., thiệt giới..., thân giới..., ý giới làm duyên sanh ý xúc. Duyên ý xúc sanh ý thọ. Duyên ý thọ sanh ý tưởng. Duyên ý tưởng sanh ý giác. Duyên ý giác sanh ý nhiệt. Duyên ý nhiệt sanh ý cầu. Này Tỳ-kheo? đó gọi là duyên các thứ giới nên sanh ra các thứ xúc... duyên các thứ nhiệt sanh ra các thứ mong cầu. Này Tỳ-kheo! Chẳng phải duyên các thứ mong cầu sanh ra các thứ nhiệt. Chẳng phải duyên các thứ nhiệt sanh ra các thứ giác. Chẳng phải duyên các thứ giác sanh các thứ tưởng. Chẳng phải duyên các thứ tưởng sanh các thứ thọ. Chẳng phải duyên các thứ thọ sanh các thứ xúc. Chẳng phải duyên các thứ xúc sanh các thứ giới. Chỉ duyên các thứ giới sanh các thứ xúc,... duyên các thứ nhiệt sanh các thứ mong câu. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 455 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc.

360 KINH TẠPA-HÀM

Bây giơ, Thê Ton bao các Ty-kheo: Vì duyên các thứ giới nên sanh các thứ xúc. Vì duyên các thứ xúc nên sanh các thứ tưởng. Duyên các thứ tưởng nên sanh các thứ dục. Duyên các thứ dục nên sanh các thứ giác. Duyên các thứ giác nên sanh các thứ nhiệt. Duyên các thứ nhiệt nên sanh ra các thứ mong cầu. Thế nào là các thứ giới? Nghĩa là mười tám giới, từ nhãn giới cho đến pháp giới. Thế nào là duyên các thứ giới sanh ra các thứ xúc?... Thế nào là duyên các thứ nhiệt sanh ra các thứ mong cầu? Nghĩa là

duyên nhãn giới sanh nhãn xúc, chẳng phải duyên nhãn xúc sanh nhãn giới, chỉ duyên nhãn giới sanh nhãn xúc; duyên nhãn xúc sanh nhãn tưởng, chẳng phải duyên nhãn tưởng sanh nhãn xúc, chỉ duyên nhãn xúc sanh nhãn tưởng; duyên nhãn tưởng sanh nhãn dục, chẳng phải duyên nhãn dục sanh nhãn tưởng, chỉ duyên nhãn tưởng sanh nhãn dục; duyên nhãn dục sanh nhãn giác, chẳng phải duyên nhãn giác sanh nhãn dục, chỉ duyên nhãn dục sanh nhãn giác; duyên nhãn giác sanh nhãn nhiệt, chẳng phải duyên nhãn nhiệt sanh nhãn giác, chỉ duyên nhãn giác sanh nhãn nhiệt; duyên nhãn nhiệt sanh nhãn cầu, chẳng phải duyên nhãn cầu sanh nhãn nhiệt, chỉ duyên nhãn nhiệt sanh ra nhãn cầu. Cũng thế, duyên nhĩ giới..., tỷ giới..., thiệt giới..., thân giới..., ý giới sanh ý xúc... duyên ý nhiệt sanh ý cầu cũng nói rộng như thế. Này Tỳ-kheo, đó gọi là duyên các thứ giới sanh các thứ xúc... duyên các thứ nhiệt sanh ra các thứ mong cầu. Chẳng phải duyên các thứ mong cầu sanh các thứ nhiệt,... Chẳng phải duyên các thứ xúc sanh các thứ giới, chỉ duyên các thứ giới sanh các thứ xúc,... duyên các thứ nhiệt sanh các thứ mong cau. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giông như nội lục nhập xứ, ngoại lục nhập xứ cũng nói như thẽ).

KINH SỐ 456 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có Quang giới, Tịnh giới, Vô lượng không nhập xứ giới, Vô lượng thức nhập xứ giới, Vô sở hữu nhập xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới, hữu Diệt giới. Khi ấy có Tỳ-kheo từ tòa đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay lễ Phật, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có Quang giới, Tịnh giới, Vô lượng không nhập xứ giới, Vô lượng thức nhập xứ giới, Vô sở hữu nhập xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới, Diệt giới. Như thế các thứ giới ấy do nhân duyên nào có thể biết? Phật bảo Tỳ-kheo ấy: Quang giới là do bởi tối tăm mà biết. Tịnh giới là do bất tịnh mà biết. Vô lượng không nhập xứ giới là do sắc mà biết. Vô lượng thức nhập xứ giới là do

từ bên trong mà biết. Vô sở hữu xứ nhập xứ giới là do từ cái có mà biết. Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới là do có cái đệ nhất mà biết. Diệt giới là do có thân mà biết. Các Tỳ-kheo bạch Phật: —Quang giới... Diệt giới là do định gì mà được như thế? Phật bảo các Tỳ-kheo: Quang giới, Tịnh giới, Vô lượng không nhập xứ giới, Vô lượng thức nhập xứ giới, Vô sở hữu nhập xứ giới, các cõi này ngay lúc tự tu thiền định liền được. Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới là đạt đến định bậc nhất mà được. Diệt giới là nơi thân hiện hữu được định diệt tận. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 457 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, nơi Đông Viên, giảng đường Lộc Tử Mau. Bấy giờ, Thế Tôn sau thời tọa thiền buổi chiều, đến dưới bóng mát của giảng đường, trải tòa, ngồi trước đại chúng nói những câu kệ Ưu-đàn-na: Này Tỳ-kheo! Do duyên giới nên sanh ra nói, chăng phải không duyên giới. Do từ giới nên sanh ra kiến, chẳng phải không duyên giới. Do duyên giới nên sanh ra tưởng, chẳng phải không duyên giới. Do duyên hạ giới Ta nói sanh hạ thuyết, hạ kiến, hạ tưởng, hạ tu, hạ dục, hạ nguyện, hạ sĩ phu, hạ sở tác, hạ thi thiết, hạ kiến lập, hạ bộ phận, hạ hiển

bày. Thọ sanh duyên trung giới cũng thế. Như vậy, thắng giới duyên thắng giới. Ta nói người kia sanh thắng, thắng thuyết, thắng kiến, thắng tưởng, thắng tư, thắng nguyện, thắng sĩ phu, thắng sở tác, thắng thi thiết, thắng kiến lập, thắng bộ phận, thắng hiển bày, thắng thọ sanh. Bấy giờ có Tỳ-kheo Bà-ca-ly đang đứng sau, cầm quạt hầu Phật, thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Nấu nói với Chánh đẳng Chánh giác, khởi kiến giải chẳng phải là Chánh đẳng Chánh giác thì cái kiến giải này cũng duyên theo cõi giới mà sanh chăng? Phật bảo Tỳ-kheo ấy: Đối với Chánh đẳng Chánh giác khởi kiến giải chẳng phải là Chánh đẳng Chánh giác thì cũng duyên theo cõi giới mà sanh, chăng phải chăng duyên cõi giới. Vì sao? Cõi của phàm phu là cõi vô minh, như trước Ta đã nói: Duyên hạ giới thì sanh ra hạ thuyết, hạ kiến cho đến hạ thọ sanh. Duyên trung giới cũng vậy. Duyên thắng giới sanh thắng thuyết, thắng kiến cho đến thắng thọ sanh. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

362 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có nhân sanh ra dục tưởng, chẳng phải không có nhân, có nhân sanh ra nhuế tưởng, hại tưởng chẳng phải không nhân. Thế nào là có nhân sanh ra dục tưởng? Đó là duyên dục giới. Do duyên dục giới nên sanh dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt, dục cầu. Phàm phu ngu si đã khởi dục càu, chúng sanh này khởi lên ba chỗ tà vạy là thân, miệng, tâm. Do nhân duyên tà vạy như thê nên hiện tại ở trong khổ não, có khổ, có chướng ngại, có não phiên, có nóng bức, sau khi chết rồi sanh vào trong đường ác. Đó gọi là nhân duyên sanh dục tưởng. Thế nào là có nhân duyên sanh ra nhuế tưởng, hại tưởng? Nghĩa là hại giới. Do duyên hại giới sanh ra hại tưởng, hại dục5 hại giác, hại nhiệt, hại cầu. Phàm phu ngu si đã khởi sự mong muốn làm hại, chúng sanh ấy khởi lên ba nơi tà vạy là thân, miệng, tâm. Vì nhân duyên khởi lên ba nơi tà vạy nên hiện tại sốnệ trong khổ đau, có khổ? có chướng ngại, có phiền não, có nóng bức, sau khi chét sanh vào đường ác. Đó gọi là nhân duyên sanh ra hại tưởng. Này các Tỳ-kheo! Nếu Sa-môn, Bà-la-môn đang sống an ổn như thế mà sanh ra tư tưởng nguy hiểm, không muốn lìa bỏ, không biêt, không nhàm chán thì hiện tại người ây đang ở trong khổ đau, có khổ, có chướng ngại, có phiền não nóng bức, sau khi chết sẽ sanh vào đường ác. Ví như cách thành ấp, làng xóm không xa, có cánh đồng hoang vắng bốc lửa lớn, người không có sức mạnh không thể nào dập tắt lửa, phải biết rằng các chúng sanh ở trong đồng hoang chắc chắn sẽ bị lửa hại. Cũng như thế, Sa-môn, Bà-la-môn đang sống an ổn mà sanh ra tư tưởng nguy hiểm, sau khi chết sẽ sanh vào đường ác. Này các Tỳ-kheo! Có nguyên nhân sanh ra tư tưởng giải thoát, chẳng phải là không có nguyên nhân. Thế nào là có nguyên nhân sanh ra tư tưởng giải thoát? Nghĩa là cõi giải thoát. Duyên cõi giải thoát sanh ra tư tưởng giải thoát, giải thoát dục, ệiải thoát giác, giải thoát nhiệt, giải thoát cầu. Nghĩa là người trí tuệ kia khi câu giải thoát thì đôi với ba chỗ khởi sanh chơn chánh là thân, miệng, tâm. Vị ấy vì nhân duyên đối với ba chỗ khởi sanh chân chính, khởi lên ba chỗ chân chính như thế nên hiện tại được sống an vui, không khổ đau, không chướng ngại, không phiền não? không nóng bức, sau khi chét được sanh vào cõi lành. Đó gọi là nhân duyên sanh giải thoát tưởng. The nào là có nhân duyên sanh tưởng chăng nhuê, chăng hại. Đó là cõi bất

hại. Do nhân duyên cõi bất hại nen sanh ra tưởng không hại, dục không hại, giác không hại, nhiệt không hại, câu không hại. Lúc người trí tuệ ấy cầu không hại thì đối với ba chỗ khởi sanh chơn chánh là thân, miệng, tâm. Do nhân duyên vị ấy đối với ba chỗ khởi lên chơn chánh roi, nên hiện tại người ấy sẽ sống an vui, không khổ đau, không chướng ngại, không phiên não, không nóng bức, sau khi chết được sanh vào cõi lành. Đó gọi là nhân duyên sanh tưởng bất hại. Nếu các Sa-môn5 Bà-la-môn

đang sống an ổn mà sanh tư tưởng bất hại chẳng lìa bỏ9 chẳng giác, chẳng nhàm chán nên hiện tại sông an vui, không khổ đau, không chướng ngại, không phiền não, không nóng bức, sau khi chết được sanh vào cõi lành. Ví như ven thành, ấp, làng xóm có đồng hoang chợt khởi hỏa hoạn, có người đủ sức dùng tay chân đê dập tát lửa, nên biết các chúng sanh sống nương nhờ theo cây cỏ kia đều không bị hại. Cũng thê, Sa-môn, Bà-la-môn đang sống an ổn mà sanh tư tưởng chơn chánh, không bỏ? không giác, không nhàm chán thì hiện tại sống an vui, không khổ đau, không chướng ngại, không phiền não, không nóng bức, sau khi chết được sanh vào cõi lành. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 459

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, có Bà-la-môn đến chỗ Phật, sau khi cùng Thế Tôn thăm hỏi, lui đứng một bên, bạch Phật:

9 9

Chúng sanh chăng phải tự tác, chăng phải tha tác? Phật bảo Bà-la-môn: Luận thuyết như thế không cùng kiến giải với Ta, hôm nay ông tự đen và nói ngã chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác. Bà-la-môn thưa: Thưa Cù-đàm! Như thế nào, chúng sanh tự tác hay tha tác?

Bây giờ Ta hỏi, ông tùy ý đáp lời Ta. Này Bà-la-môn? ý ông nghĩ sao, có cõi phương tiện nào của chúng sanh khiến cho các chúng sanh biết tạo tác phương tiện chăng? -Thưa Cù-đàm! Có cõi phương tiện của chúng sanh khiến cho chúng sanh biết tạo tác phương tiện. -Nếu có cõi phương tiện khiến cho các chúng sanh biết có phương tiện thì hẳn là chúng sanh tự tác hay là tha tác? Này Bà-la-môn? ý ông nghĩ sao, có cõi chúng sanh an trụ, cõi kiên cố, cõi xuất ly? cõi tạo tác khiên cho chúng sanh biêt có tạo tác chăng? -Có cõi chúng sanh an trụ, cõi kiên cố, cõi xuất ly và cõi tạo tác khiến cho chúng sanh biết có tạo tác. Nếu cối an trụ kia, cõi kiên cố, cõi xuất ly và cõi tạo tác khiến cho các chúng sanh biết có người tạo tác thì như thế là chúng sanh tự tác hay là tha tác? Bà-la-môn thưa: Thưa Cù-đàm! Có chúng sanh tự tác, có tha tác. Thế gian nhiều việc bận rộn, bây giờ xin Ngài cho phép cáo từ.

Phật bảo Bà-la-môn: Thế gian lắm việc, ông có việc cần cứ tùy nghi. Sau khi nghe Phật nói, Bà-la-môn hoan hỷ? tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên đi về.

KINH SỐ 460 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di? trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, trưởng giả Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan? đảnh lễ Tôn giả Anan, rồi lui ngồi một bên, thưa rằng: -Tôn giả nói về các thứ giới. Thế nào là các thứ giới? Tôn giả A-nan bảo trưởng giả Cù-sư-la: Nhãn giới khác, sắc giới khác thuộc hỷ xứ. Hai thứ làm nhân duyên sanh thức, ba sự hòa hợp sanh hỷ xúc. Lại hỷ xúc làm nhân duyên sanh lạc thọ. Nhi, tỷ, thiệt, thân, ý? pháp cũng nói như thế. Lại nữa, trưởng giả, có nhãn giới khác, sắc giới khác thuộc ưu xứ. Hai thứ làm nhân duyên sanh thức, ba sự hòa hợp sanh khổ xúc, khổ xúc này làm nhân duyên sanh khổ thọ. Nhi, tỷ, thiệt, thân, ý, pháp cũng nói như thế. Lại nữa, trưởng giả, nhãn giới khác, sắc giới khác thuộc xả xứ. Hai thứ làm nhân duyên sanh thức, ba sự hòa hợp sanh xả xúc không khổ, không lạc; do xả xúc làm nhân duyên sanh xả thọ không khổ, không lạc. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, pháp cũng nói như vậy. Trưởng giả Cù-sư-la sau khi nghe lời dạy của Tôn giả Anan, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra.

KINH SỐ 461 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di, trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, trưởng giả Cù-sư-la đến chỗ Tôn giảA-nan cúi đầu đảnh lễ, rồi lui ngồi một bên, thưa Tôn giả A-nan: Thưa Tôn giả! Tôn giả nói về các thứ giới, thế nào là các thứ giới?

Tôn giả A-nan bảo trưởng giả Cù-sư-la: Có ba thứ giới. Thế nào là ba? Đó là Dục giới, sắc giới, Vô sắc giới. Khi ấy, Tôn giả A-nan liền nói kệ: Sớm thoát khỏi Dục giới, Sắc giới cũng như thế, Xả bỏ hết các hữu, Được vô dư tịch diệt, Nơi thân hòa hợp này, Hoàn toàn chứng vô du, Chư Phật đã nói kệ, Không ưu não, ly cấu. Tôn giả A-nan nói kinh này xong, trưởng giả Cù-sư-la hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi đi.

KINH TẠPA-HÀM 365

KINH SỐ 462 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di? trong vườn Cù-sư-la. Bẩy giờ, trưởng giả Cù-sư-la đến chỗ Tôn giảA-nan, cúi đầu đảnh lễ, rồi lui ngồi một bên, thưa Tôn giả A-nan: Thưa Tôn giả A-nan! Tôn giả nói về các thứ giới. Thế nào là các thứ giới?

Tôn giả A-nan bảo trưởng giả Cù-sư-la: —Có ba giới: Sắc giới, Vô sắc giới, diệt giới. Đó gọi là ba giới. Tôn giả A-nan liền nói kệ: Nếu chúng sanh sắc giới, Và trụ Vô sắc giới, Không biết đến diệt giới, Trở lại thọ các hữu. Nếu dứt nơi Sắc giới, Không trụ Vô sắc giới, Diệt giới, tâm giải thoát, Vĩnh viễn lìa sanh tử. Tôn giả A-nan nói kinh này xong, trưởng giả Cù-sư-la hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi đi.

KINH SỐ 463 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di, trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, trưởng giả Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giảA-nan, cúi đầu đảnh lễ, rồi lui ngồi một bên, thưa Tôn giả A-nan: Thưa Tôn giả! Tôn giả nói về các thứ giới. Thế nào là các thứ giới?

Tôn giả A-nan đáp trưởng giả Cù-sư-la: Có ba thứ giới xuất ly. Thế nào là ba? Tư Dục giới ra khỏi lên đến sắc giới, từ Sắc giới ra khỏi lên đến Vô sắc giới, tất cả các hành, tất cả thế giới tư tưởng đều dứt. Đó gọi là ba cõi xuất ly. Tôn giả A-nan liền nói kệ: Biết từ Dục giới ra, Vượt lên khỏi sắc giới, Tất cả hành tịch diệt, Siêng tu chánh phương tiện,

Đoạn trừ tất cả ái, Tất cả hành diệt tận, Biết tất cả có thừa, Không còn trở lại hữu. Tôn giảA-nan nói kinh này xong, trưởng giả Cù-sư-la hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi đi.

KINH SỐ 464 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di9 trong vườn Cù-sư-la.

366 KINH TẠP A-HÀM

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến vi Thượng tọa Danh Giả, đến nơi ấy sau khi Tôn giả ân cần cung kính thăm hỏi, rồi lui ngồi một bên, thưa Thượng tọa Danh Giả: Nếu Tỳ-kheo ở nơi vắng lặng, dưới cội cây, ở trong phòng yên tĩnh tư duy, nên dùng pháp gì để chuyên tinh tư duy? Thượng tọa đáp: Này Tôn giả A-nan! Nếu người ở chỗ vắng lặng, dưới cội cây hay ở trong phòng yên tĩnh, nên dùng hai pháp này chuyên tinh tư duy. Đó là chỉ và quán. Tôn giả A-nan lại hỏi Thượng tọa: Tu tập nơi chỉ, tu tập nhiều rồi sẽ được thành tựu pháp gì? Tu tập nơi quán, tu tập nhiều rồi sẽ được thành tựu pháp gì? Thượng tọa nói với Tôn giả A-nan: Tu tập nơi chỉ cuối cùng thành tựu nơi quán, tu tập nơi quán cũng thành tựu nơi chí, nghĩa là Thánh đệ tử chí, quán đều tu, được các giới giải thoát. Tôn giả A-nan lại hỏi Thượng tọa: -Thưa Thượng tọa, những gì là các giới giải thoát? Thượng tọa đáp: Này Tôn giả A-nan! Nếu đoạn giới, vô dục giới, diệt giới, đó gọi là các giới giải thoát. Tôn giả A-nan lại hỏi Thượng tọa: Thế nào là đoạn giới cho đến diệt giới?

Thượng tọa đáp: Này Tôn giả A-nan! Dứt tất cả hành gọi là đoạn giới, đoạn trừ ái dục là vô dục giới, tất cả hành diệt gọi là diệt giới. Tôn giả A-nan sau khi nghe Thượng tọa nói xong, hoan hỷ5 tùy hỷ? đi thẳng đến chỗ năm trăm Tỳ-kheo5 cung kính hỏi thăm, lui ngồi một bên, rồi thưa với năm trăm vị Tỳ-kheo như sau: -Nêu Tỳ-kheo trong lúc ở chô văng lặng, dưới cội cây hoặc trong phòng yên tĩnh tư duy, nên dùng pháp gì để chuyên tinh tư duy? Năm trăm Tỳ-kheo đáp: Thưa Tôn giả A-nan! Nên dùng hai pháp chuyên tinh tư duy cho đến diệt giới như Thượng tọa đã nói. Tôn giả A-nan khi nghe năm trăm vị Tỳ-kheo nói như thế, cảm thấy hoan hỷ5 liền đi đến chỗ Phật; cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo ở chỗ vắng lặng, dưới cội cây hay trong phòng yên tĩnh tư duy, nên dùng pháp gì để chuyên tinh tư duy?

KINH TẠPA-HÀM 367

Phật bảo Tôn giả A-nan:

Nêu Tỳ-kheo ở chô văng lặng, dưới cội cây hay trong phòng yên tĩnh tư duy, nên dùng hai pháp chuyên tinh tư duy cho đến diệt giới, như năm trăm
Tỳ-kheo đã nói.

r

LÚC ây, Tôn giả A-nan bạch Phật: Lạ thay, bạch Thế Tôn! Bậc Đại sư và các đệ tử đều đồng pháp, đồng cú, đông nghĩa, đông vị. Hôm nay, con đến Thượng tọa Danh Giả hỏi nghĩa này, Tôn giả ấy cũng đem nghĩa này, câu này, vi này giải đáp cho con, như nay Thế Tôn đã nói. Con lại đến chỗ năm trăm Tỳ-kheo cũng đem nghĩa này, câu này, vị này hỏi năm trăm Tỳ-kheo; họ cũng đem nghĩa này, câu này, vị này đáp, như bây giờ

Thế Tôn nói. Vì thế nên biết, Thầy và đệ tử, tất cả đều đồng pháp, đồng nghĩa, đồng cú, đồng vị. Phật bảo Tôn giả A-nan: Thầy biết Thượng tọa kia là Tỳ-kheo thế nào không?

Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con không biết.

Phật bảo Tôn giả A-nan: -Thượng tọa ấy là bậc A-la-hán, các lậu đã hết sạch, đã vứt bỏ gánh năng, được chánh trí, tâm thiện giải thoát. Năm trăm vi Tỳ-kheo kia cũng đều như vậy. Phật nói kinh này xong, Tôn giảA-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 465 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ? Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Biết thế nào, thấy thế nào đối với thức thân này của con và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã và ngã sở, ngã mạn trói buộc, sai khiến? Phật bảo La-hầu-la: Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì thầy mà nói! Nếu Tỳ-kheo đối với những gì thuộc địa giới hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa hay gần, tất cả những thứ ấy đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau, biết như thật. Thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới cũng lại như thế. Này La-hầu-la! Tỳ-kheo biết như thế, thấy như thế đối với thức thân này của chính mình và tất cả các tướng thuộc cảnh giới bên ngoài, không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, sai khiến. Này La-hầu-la! Nếu Tỳ-kheo đối với thức thân

này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, sai khiến thì đó gọi là dứt sự ràng buộc của ái, các kiêt sử dứt, đoạn ái, dừng kiêu mạn, hiện quán thẳng đến tột cùng mé kho. Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 466 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Biết thế nào, thấy thế nào đối với thức thân này của con và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, thấy không có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, sai khiến? Phật bảo La-hầu-la: Có ba thứ thọ là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Ba thọ này do nhân gì, tập gi, sanh gì, chuyển gì? Nghĩa là ba thọ này có xúc là nhân, là tập, là sanh, là chuyển. Các xúc làm nhân sanh ra các thọ, nếu những xúc ấy diệt thì các thọ kia cũng diệt, dừng lặng, mát mẻ, tiêu mất. Biết như thế, thấy như thế thì cái thức thân này của thầy cùng với tất cả các tướng thuộc cảnh giới bên ngoài được không thây có ngã, ngã sở, ngã mạn ràng buộc, sai khiên. Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 467 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: y Bạch Thế Tôn! Biết thế nào, thấy thế nào đối với thức thân này của con và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, thấy không có ngã, ngã sở? ngã mạn trói buộc, sai khiến? Phật bảo Tôn giả La-hầu-la: Có ba thọ là khổ thọ, lạc thọ,

không khổ không lạc thọ. Quán sát nơi lạc thọ mà tưởng là khổ, quán nơi khổ thọ mà tưởng là đao kiếm, quán nơi thọ chẳng kho chẳng lạc, tác tưởng vô thường. Nấu Tỳ-kheo ấy quán nơi lạc thọ mà tưởng là khổ, quán nơi khổ thọ mà tưởng là gươm đao, quán không khổ không lạc thọ mà tưởng là vô thường, hoại diệt thì đó gọi là chánh kiến.

KINH TẠPA-HÀM 369

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: 9 r

Quán lạc tưởng là khổ, Khô thọ như đao kiêm, Đoi thọ chẳng khổ vui, Tu tập vô thường tưởng. Như thế là Tỳ-kheo, Chánh kiến được thành tựu, Đạo an vui tịch diệt, Trụ nơi thân cuối cùng, Vĩnh viễn lìa phiền não, Dẹp tan đám quân ma. Sau khi nghe Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 468 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: y Bạch Thế Tôn! Biết thế nào, thấy thế nào đối với thức thân này của con và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài được thấy không có ngã và ngã s&, ngã mạn trói buộc, sai khiến? Phật bảo Tôn giả La-hầu-la: —Có ba thứ thọ là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Quán sát nơi lạc thọ, vì dứt kiết sử tham của lạc thọ nên đối với ngã sở tu Phạm hạnh, vì dứt kiết sử sân nhuế của khổ thọ nên đối với ngã sở tu Phạm hạnh, vì dứt kiết sử ngu si của xả thọ, không khổ, không lạc nên đoi với ngã sở tu Phạm hạnh. Này La-hầu-la! Nếu Tỳ-kheo đối với kiết sử tham của lạc thọ đã dứt, đã biết, đối với kiết sử sân nhuế của khổ thọ đã dứt, đã biết, đối với kiết sử si của thọ chẳng khổ chẳng lạc đã dứt, đã biết thì đó gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ ái dục, cởi mở các kết mạn, hiện quán, thẳng đến tột cùng mé khổ. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Lúc cảm nhận lạc thọ, Thì không biết lạc thọ, Bị tham sử sai khiến, Chẳng thay đạo thoát khổ. 9

LÚC chịu cảm giác khô5 Thì không biết khổ thọ, Bị sân nhuế sai sử, Chẳng thấy đạo thoát khổ. Thọ chẳng vui chẳng khổ, Bậc Chánh Giác đã nói, Người chẳng khéo quán sát, Trọn chẳng qua bờ kia. Tỳ-kheo cần tinh tấn, Chánh tri không động chuyển, Như thế tất cả thọ, Người trí hay giác tri, Người giác tri các thọ, Hiện tại hết các lậu, Người minh trí mạng chung, Không rơi vào các cõi, Các lậu đã dứt hẳn, Hằng nhập vào Niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

370 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 469 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Biển lớn sâu hiểm, đó là điều mà người ngu si ở thế gian thường nói, sự sâu hiểm này không phải như Pháp, Luật của Hiền thánh nói đến. Thế gian nói sâu hiểm là lượng nước lớn tích tụ nhiều. Nêu từ thân sanh ra các thọ, các khổ bức bách, hoặc phiền não, hoặc chết thì đó gọi là chỗ biển lớn vô cùng sâu hiểm. Phàm phu ngu si vô học đối với thân này sanh các thọ, thống khổ, bức bách, hoặc phiền não, hoặc chết, lo buồn, thán oán, khóc lóc, kêu la, tâm loạn phát cuồng, mãi chìm đắm không chỗ dừng nghỉ. Đa văn Thánh đệ tử đối với thân sanh các thọ, thống khổ, bức bách, hoặc phiền não, hoặc chết chẳng sanh lo buồn, khóc lóc kêu

la, tâm chẳng sanh cuồng loạn, không chìm đắm sanh tử, được chỗ dừng nghỉ. Khi ây, The Ton liên noi kẹ: Thân sanh các khổ thọ, Bức bách cho đến chết, Lo buồn cam chiu mãi? Than khóc phát cuông loạn. Tâm tự sanh chướng ngại, Chiêu tập các khổ thêm, Chìm đắm biển sanh tử, Nào biết chỗ dừng nghỉ. Hay bỏ thân các thọ, Khổ não từ thân sanh, Bức bách cho đến chết, Chẳng khởi tưởng lo buồn, Chẳng than khóc kêu gào, Hay tự nhẫn các khổ, Tâm chẳng sanh chướng ngại, Chiêu tập các khổ thêm, Chẳng chìm đắm sanh tử, Trọn được nơi an ôn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 470 Tôi nghe như vày: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Phàm phu ngu si vô học sanh khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ; đa văn Thánh đệ tử cũng sanh khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Này các Tỳ-kheo! Như vậy phàm phu và Thánh nhân có gì sai biệt? Các Ty-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngài là cội gốc của pháp, là con mắt của pháp, là chỗ nương tựa của pháp. Lành thay, bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy giảng nói rộng, Tỳ-kheo chúng con được nghe xong sẽ cung kính lãnh thọ, vâng làm. Phật bảo các Tỳ-kheo:

KINH TẠPA-HÀM 371

Phàm phu ngu si vô học, thân xúc chạm sanh ra các thọ? bị thống khổ, bức bách cho đến cướp mất mạng sống, lo buồn khóc lóc, thán oán kêu gào. Phật lại bảo các Tỳ-kheo: -Hãy lang nghe kỹ, khéo tư duy, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Này các Tỳ-kheo! Phàm phu ngu si vô học, thân xúc chạm sanh ra các thọ, tăng thêm các khổ dàu, cho đến cướp mất mạng sống, lo buồn thán oán, khóc lóc, kêu gào, tâm sanh cuồng loạn, ngay lúc ấy tăng trưởng hai thứ thọ hoặc thân thọ, hoặc tâm thọ. Ví như có người thân bị trúng hai mũi tên độc hết sức đau đớn, phàm phu ngu si vô học cũng lại như thế, tăng trưởng hai thọ: Thân thọ5 tâm thọ, vô cùng đau đớn, khổ sở. Vì sao? Vì phàm phu ngu si vô học ấy không biết, đoi với ngũ dục sanh vui, thích cảm thọ, xúc chạm, thọ nhận cái vui của ngũ dục, vì thọ nhận cái vui ngũ dục nên bi tham sử sai khiến. Vì xúc chạm cảm thọ kho nên sanh sân nhuế, do sân nhuế nên bị nhuế sử sai khiến. Đối với hai thọ này hoặc tập, hoặc diệt, hoặc vị, hoặc hoạn, hoặc ly không biết như thật. Vì không biêt như thật nên sanh cảm thọ không khô không lạc, bi si sử sai khiến, bi lạc thọ trói buộc không thể lìa, bi khổ thọ trói buộc, trọn không thể lìa, bi cảm thọ không khổ không lạc trói buộc, trọn không thể lìa. Thế nào là trói buộc? Nghĩa là bị tham, nhuế, si trói buộc; bị sanh, già, bệnh, chết, lo, buôn, khô, não trói buộc. Đa văn Thánh đệ tử thân xúc sanh khổ thọ, mối khổ lớn bức bách cho đến cướp mất sanh mạng, không khởi lo buồn, thán oán, khóc lóc kêu gào, tâm loạn phát cuồng. Ngay lúc ấy chỉ sanh một thứ thọ đó là thân thọ, không sanh tâm thọ. Ví như người bị một mũi tên độc, không bị mũi tên độc thứ hai, khi ấy chỉ sanh có một cảm thọ, đó là thân thọ mà không sanh tâm thọ. Vì xúc chạm lạc thọ không nhiễm dục lạc, do không nhiễm dục lạc nên đối với lạc thọ ấy tham . • e r • 9 /K jT

sử không sai khiên được. Khi xúc chạm nhăm khô thọ không sanh sân nhuê, do không sanh sân nhuế nên nhuế sử không thể sai khiến. Như đối với hai sử, cũng vậy, đối với

tập, diệt, vị, hoạn, ly đều biết như thật. Vì biết như thật cảm thọ không khổ không lạc nên si sử không thể sai khiến được. Đoi với lạc thọ được giải thoát, không bị trói buộc; khổ thọ, chẳng khổ chẳng lạc thọ được giải thoát, không bị trói buộc. Chẳng bị cái gì trói buộc? Nghĩa là tham, nhuế, si không trói buộc; sanh-lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não không trói buộc. Thê Tôn liên noi kẹ: Đa văn đối khổ vui, Chẳng phải không giác tri, So với kẻ phàm phu, Người ấy thật sáng suốt. Thọ vui không buông lung, Gặp khổ không lo âu, Khổ vui thảy đều xả, Chẳng thuận cũng chẳng trái. Tỳ-kheo siêng phương tiện, Chánh trí không khuynh động, Đối với tất cả thọ, Trí tuệ thường biết rõ.

Vì biết rõ các thọ, Hiện tại sạch các lậu, Khi chết không đọa lạc, An trú đại Niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 471 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như trong hư không, bỗng nổi gió lộng từ khắp bốn phương thổi đến, gió có bụi bặm, gió không bụi bặm, gió tỳ-thấp-bà, gió tỳ-lam-bà, gió mỏng, gió dày, cho đến phong luân dậy gió. Trong thân thu nhận gió cũng như thê, đủ các thứ thọ khởi là lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ. Đó là những cảm thọ lạc của thân, cảm thọ khổ của thân, cảm thọ không kho không lạc của thân, cảm thọ lạc của tâm, cảm thọ khổ của tâm, cảm thọ không khổ không lạc của tâm; cảm thọ khi nêm cái vui, cảm thọ khi nêm cái khô, cảm thọ khi nêm cái kh6ng khổ không vui; cảm thọ khi không nếm cái vui, không nếm cái khổ, không nem cái không khổ không vui; cảm thọ vui do tham, cảm thọ kho do tham, cảm thọ không khổ không vui do tham; cảm thọ vui giải thoát, cảm thọ khổ giải thoát, cảm thọ không khổ không vui giải thoát. Bây giơ, The Ton liên noi kệ: Ví như trong hư không, Các thứ gió loạn cuồng, Gió Đông, Tây, Nam, Bắc, Bốn phương đều dậy gió. Có bụi và không bụi, Cho đến phong luân khởi, Như thế trong thân này, Các thọ cũng dấy lên, Hoặc lạc, hoặc khổ thọ, Và chẳng khổ chẳng lạc, Có nếm cùng chẳng nếm, Tham trước, chẳng tham trước. Tỳ-kheo siêng phương tiện, Chánh trí không khuynh động, Đối với tất cả thọ, Trí tuệ thường biết rõ. Vì biết rõ các thọ, Hiện tại sạch các lậu, Khi chết không đọa lạc, An trụ Bát-niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 472 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như nhà khách có đủ hạng người đến ở, như Sát-đế-lợi, Bà-la-môn5 trưởng giả, cư sĩ, người nhà quê, thợ săn, người trì giới, người phạm giới, người tại gia, xuất gia, v.v... Tất cả đều ở trong nhà đó. Thân này cũng lại như thế.

Các thứ thọ sanh khởi: Khổ thọ, lạc thọ, chẳng khổ chẳng lạc thọ; thân thọ lạc, than thọ khổ, thân thọ chẳng khổ chẳng lạc; tâm thọ lạc, tâm thọ khổ, tâm thọ chăng khổ chẳng lạc; cảm thọ vui khi ăn, cảm thọ khổ khi ăn, cảm thọ không vui không khô khi ăn; cảm thọ vui khi không ăn, cảm thọ khổ khi không ăn, cảm thọ không khô không vui khi

không ăn; cảm thọ vui do tham trước, cảm thọ kho do tham trước, cảm thọ không khổ không vui do tham trước; cảm thọ vui khi giải thoát, cảm thọ khổ khi giải thoát, cảm thọ không khổ không vui khi giải thoát. Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ: Ví như trong nhà khách, Đủ hạng người ở trọ, Sát-lọd, Bà-la-môn, Trưởng giả và cư si, Chiên-đà-la, dân quê, Người trì giới, phạm giới, Kẻ tại gia, xuất gia, Nhiều hạng người như the. Thân này cũng như vậy, Các thứ cảm thọ sanh, Hoặc lạc, hoặc khổ thọ, Và chẳng khổ chẳng lạc, r 9 r

Có ăn cùng không ăn, Tham đăm, chăng tham đăm, Tỳ-kheo siêng phương tiện, Chánh trí chẳng khuynh động, Đôi với các thọ ây, Trí tuệ thường biết rõ? Vì biết rõ các thọ, Hiện tại hết các lậu, Khi chết không đọa lạc, An trụ Bát-niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 473 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình ở chỗ vắng, thiền định tư duy rằng: “Thế Tôn nói ba thọ là lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói hễ có thọ đều là khổ. Điều này có nghĩa gi?” Tỳ-kheo suy nghĩ như thế xong, bèn xả thiền đi đến chỗ Phật; cúi đầu lễ chân Phật, lui đứng một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con ở chỗ vắng, trong lúc thiền tư có nghĩ thầm: "Thế Tôn nói ba thọ là lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói hễ có thọ thảy đều là khổ. Điều này có nghĩa gi?" Phật bảo Tỳ-kheo: Do tất cả hành đều vô thường, tất cả hành là pháp biến đổi, nên Ta nói hễ có thọ đều là khổ. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Biết các hành vô thường, Đều là pháp biến đổi, Nên nói thọ đều khổ, Chánh giác biết điều này.

374 KINH TẠPA-HÀM

Tỳ-kheo siêng phương tiện, Chánh trí, không khuynh động, Đối với tất cả thọ, Trí tuệ thường biết rõ5 Biết rõ tất cả thọ, Hiện tại hết các lậu, Khi chết không đọa lạc, An trụ Bát-niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 474 _ . Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình ở chỗ vắng, trong lúc thiền tư, nghĩ thầm: “Thế Tôn nói ba thọ là lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói hễ có thọ thảy đều là khổ* Điều này có nghĩa gi?" Suy nghĩ rồi, Tôn giả liền xả thiền, đi đến chỗ Phật; cúi đầu đảnh lễ chân Phật, lui đứng một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Lúc con một mình ở chỗ vắng, thiền định, tư duy rang: "Như lời Thế Tôn nói ba thọ là lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nỏi tất cả các thọ đều là khổ. Điều này có nghĩa gi?" Phật bảo Tôn giả A-nan: Vì tất cả hành vô thường, tất cả hành là pháp biến đổi, nên Ta nói những gì thuộc vê thọ đêu là khô. Lại nữa A-nan, do các hành dân dân văng lặng, do các hành dần dần dừng nghỉ, nên Ta nói tất cả các thọ đều là khổ. Tôn giả A-nan bạch Phật: Thế Tôn làm thế nào mà các thọ dần dần vắng lặng và nói ra điều này?

Phật bảo Tôn giả A-nan: Khi nhập vào Sơ thiền chánh đinh thì ngôn ngữ vắng lặng. Khi vào chánh định Nhị thiền thì giác quán vắng lăng. Khi vào định Tam thiền thì tâm

hỷ vắng lặng. Đen định Tứ thiền thì hơi thở ra vào vắng lặng. Khi vào định Không xứ thì sắc tưởng vắng lặng. Khi vào đinh Thức xứ thì tưởng không xứ vắng lặng. Khi vào định Vô sở hữu xứ thì tưởng thức xứ vắng lặng. Khi vào định Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì tưởng vô sở hữu xứ vắng lặng. Khi vào đinh Diệt thọ tưởng thì tưởng thọ văng lặng. Đó gọi là các hành dần dân vắng lặng. Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là các hành dần dần dừng nghỉ?

Phật bảo Tôn giả A-nan: Khi vào định Sơ thiền thì ngôn ngữ dừng nghỉ. Khi vào định Nhị thiền thì giác quán dừng nghỉ. Khi vào định Tam thiền thì tâm hỷ dừng nghỉ. Khi vào đinh Tứ thiền thì hơi thở ra vào dừng nghỉ. Khi vào định Không xứ thì sắc tưởng dừng nghỉ. Khi vào định Thức xứ thì tưởng không xứ dừng nghỉ. Khi vào

định Vô sở hữu xứ thì tưởng thức xứ dừng nghỉ. Khi vào định Phi tưởng phi phi tưởng thì tưởng vô sở hữu xứ dừng nghỉ. Khi vào chánh định Diệt thọ tưởng thì tưởng thọ dừng nghỉ. Đó gọi là các hành dần dần dừng nghỉ. Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đó gọi là các hành dần dần dừng nghỉ.

Phật bảo Tôn giả A-nan: - Lại có sự dừng nghỉ thù thắng, dừng nghỉ kỳ đặc, dừng nghỉ thượng và dừng nghỉ vô thượng. Dừng nghỉ như thế, đối với những sự dừng nghỉ khác, không hơn được. Tôn giả A-nan bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Thế nào là dừng nghỉ thù thắng, dừng nghỉ kỳ dặc, dừng nghỉ thượng, dừng nghỉ vô thượng mà những sự dừng nghỉ khác không thể hơn được? Phật bảo Tôn giả A-nan: Đối với tham dục, tâm không vui thích, được giải thoát; với sân nhuế, tâm không vui thích, được giải thoát; đó gọi là dừng nghỉ thù thắng, dừng nghỉ kỳ đặc, dừng nghỉ thượng, dừng nghỉ vô thượng mà những sự dừng nghỉ khác không thể hơn được. Phật nói kừih này xong, Tôn giảA-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 475 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Khi Phật Tỳ-bà-thi chưa thành đạo, một mình ở chỗ vắng thiền định, tư duy, quán sát như vầy: [Quán sát các thọ, thế nào là thọ? Thế nào là thọ tập? Thế nào là thọ diệt? Thế nào là thọ diệt đạo tích? Thế nào là thọ vi? Thế nào là thọ hoạn? Thế nào là thọ ly?" Như thế quán sát có ba thọ: Khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Xúc tập là thọ tập, xúc diệt là thọ diệt. Nếu đối vơi thọ yêu mến, khen ngợi, đắm nhiễm, kiên trụ thì đó gọi là thọ tập đạo tích. Nếu đối với thọ không yêu mến, khen ngợi, đắm nhiễm, kiên trụ thì gọi là thọ diệt đạo tích. Nếu cảm thọ là nhân duyên sanh ra vui thích thì gọi là thọ vi. Nếu cảm thọ vô thường, biến đổi thì gọi là thọ hoạn. Nếu đối với cảm thọ đoạn dứt dục tham, vượt qua dục tham thì gọi là thọ ly. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Giống như Phật Tỳ-bà-thi, Phật Thi-khí, Phật Tỳ-thấp-bà-phù9 Phật Ca-la- ca-tôn-đề5 Phật Ca-na-ca-mâu-ni, Phật Ca-diếp và Ta, Phật Thích-ca-văn, khi chưa thành Phật, tư duy quán sát các thọ cũng lại như thế.

KINH SỐ 476 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có Tỳ-kheo kia, một mình ở chỗ vắng, thiền định, tư duy, quán sát các thọ như vầy: "Thế nào là thọ? Thế nào là thọ tập? Thế nào là thọ diệt? Thế nào là thọ tập đạo tích? Thế nào là thọ diệt đạo tích? Thế nào là thọ vị? Thế nào là thọ hoạn? Thế nào là thọ ly?" Khi ấy Tỳ-kheo kia, sau khi xả thiền, đi đến chỗ Phật, lễ dưới chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con một mình ở chỗ vắng thiền định, tư duy, quán sát các thọ: "Thế nào là thọ? Thế nào là thọ tập? Thế nào là thọ diệt? Thế nào là thọ tập đạo tích? Thế nào là thọ diệt đạo tích? Thế nào là thọ vị? Thế nào là thọ hoạn? Thế nào là thọ ly?" Phật bảo Tỳ-kheo: -Có ba thọ là khổ thọ, lạc thọ và không khổ không lạc thọ. Xúc tập là thọ tập, xúc diệt là thọ diệt. Nếu đối với thọ yêu mến, khen ngợi, đắm nhiễm, kiên trụ thì gọi là thọ tập đạo tích. Nếu đối với thọ không yêu mến, khen ngợi, đắm nhiễm, kiên trụ thì gọi là thọ diệt đạo tích. Nếu thọ là nhân duyên sanh ra vui thích thì gọi là thọ vị. Nếu thọ bị vô thường biến đổi thì gọi là thọ hoạn. Nếu đối với thọ đoạn dứt dục tham thì gọi là thọ ly. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 477 / my 1 lọ 9 1 1 1 (Giông như kinh Tỳ-kheo kia hỏi ở kinh sô 476, kỉnh này Tôn giả A-nan cũng hỏi như the).

KINH SỐ 478 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thế nào là thọ? Thế nào là thọ tập? Thế nào là thọ diệt? Thế nào là thọ tập đạo tích? Thế nào là thọ diệt đạo tích? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là chỗ nương tựa của pháp. Lành thay, bạch Thế Tôn! Xin Ngài nói rộng nghĩa này, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ, vâng làm. Phật bảo các Tỳ-kheo:

KINH TẠPA-HÀM 377

 Hãy lăng nghe, khéo suy nghi, Ta sẽ vì các thây giảng nói! Này các Tỳ- kheo! Có ba thọ là lạc thọ, khổ thọ và không khổ không lạc thọ. Xúc tập là thọ tập, xúc diệt là thọ diệt. Nấu đối với thọ yêu mến, khen ngợi, đắm nhiễm, kiên trụ thì gọi là thọ tập đạo tích. Nếu đối với thọ không yêu mến, khen ngợi, đắm nhiễm, kiên trụ thì gọi là thọ diệt đạo tích. Nếu thọ là nhân duyên sanh ra vui thích thì gọi là thọ vi. Nếu thọ bị vô thường biến đổi thì gọi là thọ hoạn. Nếu đối với thọ đoạn dứt dục tham, vượt qua dục tham thì gọi là thọ ly. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 479 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu Ta đối với các thọ không biết như thật, đối với thọ tập, thọ diệt, thọ tập đạo tích, thọ diệt đạo tích, thọ vị, thọ hoạn, thọ ly không biết như thật thì Ta ở trong chúng chư Thiên thế gian, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn9 trời, người không được giải thoát ra khỏi điên đảo, cũng chăng được Chánh đăng Chánh giác. Vì Ta đối với các thọ, thọ tập, thọ diệt, thọ tập đạo tích, thọ diệt đạo tích, thọ vị, thọ hoạn và thọ ly đều biết như thật nên Ta ở trong chúng chư Thiên thế gian, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn? trời, người là bậc giải thoát, là xuất ly? là ra khỏi

các điên đảo, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 480 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu Sa-môn9 Bà-la-môn đối với các thọ không biết như thật, đối với thọ tập, thọ diệt, thọ tập đạo tích, thọ diệt đạo tích, thọ vị, thọ hoạn và thọ ly không biết như thật thì người ấy chẳng phải Sa-môn5 chẳng phải Bà-la-môn5 không đồng với Sa-môn và Bà-la-môn5 cũng chẳng phải nghĩa Sa-môn, cũng chẳng phải nghĩa Bà-la-môn? đối với hiện pháp chẳng tự biết tác chứng: "Su sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Nếu Sa-môn, Bà-la-môn đối với các thọ biết như thật, đối với thọ tập, thọ diệt, thọ tập đạo tích, thọ diệt đạo tích, thọ vị, thọ hoạn và thọ ly biết như thật thì người ấy là Sa-môn của Sa-môn, Bà-la-môn của Bà-la-mon; đồng Sa- môn, Bà-la-môn; đúng nghĩa Sa-môn, Bà-la-môn, hiện pháp tự biết tác chứng: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết khổng thọ thân sau.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Giống như Sa-môn9 chẳng phải Sa-môn, Sa-môn số và chẳng phải Sa-môn số, cũng đều nói như vậy.

KINH SỐ 481 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta muốn ở lại đây tọa thiền nửa tháng. Này các Tỳ-kheo! Ta không đi du hành nữa, chỉ trừ đi khất thực và Bố-tát? còn lại là tọa thiền. Bấy giờ nửa tháng đã trôi qua, đức Thế Tôn trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, nói với các Tỳ-kheo: Khi Ta mới thành Phật, tư duy về các pháp thiền, được ít phần thiền. Nửa tháng nay, Ta tư duy, khởi nghĩ rằng: “C6 những người sanh ra, cảm thọ đều có nhân duyên, chẳng phải không có nhân duyên. Thế nào là nhân duyên? Dục là nhân duyên, giác là nhân duyên, xúc là nhân duyên.,, Này các Tỳ-kheo! Vì đối với dục không vắng lặng, đối với giác không vắng lặng, đối với xúc không vắng lặng, do những nhân duyên đó nên chúng sanh sanh ra cảm thọ. Do nhân duyên không vắng lặng nên chúng sanh sanh ra cảm thọ. Nêu dục vắng lăng mà giác không văng lặng, xúc không văng lặng, do nhân duyên ây nên chúng sanh sanh ra cảm thọ. Do nhân duyên không vang lặng nên chúng sanh sanh ra cảm thọ. Nếu dục vắng lặng, giác vắng lăng mà xúc không vắng lặng, do nhân duyên ấy nên chúng sanh sanh ra cảm thọ. Do nhân duyên không vắng lặng nên chúng sanh sanh ra cảm thọ. Nêu dục văng lặng, giác văng lặng, xúc văng lặng, do nhân duyên đó nên chúng sanh sanh ra cảm thọ. Do nhân duyên vắng lặng đó nên chúng sanh sanh ra cảm thọ. Do nhân duyên tà kiến nên chúng sanh sanh ra cảm thọ. Do nhân duyên tà kiến không vắng lặng nên chúng sanh sanh ra cảm thọ. Do nhân duyên tà chí... tà ngữ... tà nghiệp... tà mạng... tà phương tiện... tà niệm... tà định... tà giải thoát... tà trí nên chúng sanh sanh ra cảm thọ. Do nhân duyên tà trí không vắng lặng nên chúng sanh sanh ra cảm thọ. Do nhân duyên chánh kiến nên chúng sanh sanh ra cảm thọ. Do nhân duyên chánh kiến vang lặng nên chúng sanh sanh ra cảm thọ. Do nhân duyên chánh chí... chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh

mạng... chánh phương tiện... chánh niệm... chánh định... chánh giải thoát... chánh trí nên chúng sanh sanh ra cảm thọ. Do nhân duyên chánh trí vắng lặng nên chúng sanh sanh ra cảm thọ. Nếu dục kia không được mà được, không thành tựu mà thành tựu, không chứng mà chứng, do nhân duyên đó5 chúng sanh sanh ra cảm thọ. Do nhân duyên vắng lặng đó chúng sanh sanh ra cảm thọ. Đó gọi là nhân duyên không vắng lặng, chúng sanh sanh ra cảm thọ. Do nhân duyên vắng lặng chúng sanh sanh ra cảm thọ.

KINH TẠPA-HÀM 379

Nếu Sa-môn? Bà-la-môn như thế đối với nhân duyên duyên, duyên duyên tập, duyên duyên diệt, duyên duyên tập đạo tích, duyên duyên diệt đạo tích, không biết như thật thì người ấy chẳng phải là Sa-môn của Sa-môn, Bà-la-môn của Bà-la-môn, không đông với Sa-môn của Sa-môn, không đông với Bà-la-môn của Bà-la-môn? chẳng đúng nghĩa Sa-môn, chẳng đúng nghĩa Bà-la-môn, đối với hiện pháp không tự biết tác chứng: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biêt không còn thọ thân sau.” Nêu Sa-môn, Bà-la-môn đối với duyên duyên, duyên duyên tập, duyên duyên diệt, duyên duyên tập đạo tích, duyên duyên diệt đạo tích này biết như thật, nên biết người này là Sa-môn của Sa-môn9 Bà-la-môn của Bà-la-môn5 đông với Sa-môn, đông với Bà-la-môn, đúng nghĩa Sa-môn? đúng nghĩa Bà-la-môn, hiện pháp tự biết tác chứng: "Sự sanh của ta cham dứt, Phạm hạnh đã thành, việc can làm đã làm xong, tự biêt không còn thọ thân sau.” Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 482 \

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc hạ an cu, trưởng giả cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật; lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Phật vì trưởng giả thuyết pháp, khai thi, chỉ giáo soi sáng làm cho vui mừng, nói các thứ pháp. Phật khai thi, chỉ giáo soi sáng làm cho vui mừng xong, trưởng giả đứng dậy sửa lại y phục, đảnh lễ chân Phật, chắp tay, bạch Phật: Cúi xin Thế Tôn và đại chúng từ bi thọ dụng, cho con được cúng dường y phục, ẩm thực, y dược, ngọa cụ trong ba tháng hạ. Bấy giơ, Thế Tôn im lặng hứa khả. Khi ấy cấp Cô Độc biết Phật đã im lặng nhận lời rồi, đứng dậy từ giã, trở về nhà. Qua ba tháng, ông đến chỗ Phật, lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Phật bảo Cấp Cô Độc: Lành thay, trưởng giả! Ba tháng ông đã cúng dường y phục, âm thực, y dược, ngọa cụ. ông do đạo trang nghiêm thanh tịnh, vào đời vị lai sẽ được phước báu an lạc. Nhưng ông nay không nên thản nhiên hưởng thọ sự an lạc này, ông phải luôn luôn siêng năng tinh tấn học pháp hỷ lạc về hạnh viễn ly để tự thân tác chứng đầy đủ. Khi ấy, trưởng giả cấp Cô Độc nghe Phật dạy như vậy, hoan hỷ, tùy hỷ, đứng dậy đảnh lễ ra về. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi giữa đại chúng, biết ông cấp Cô Độc đã về rồi, liền bạch Phật:

380 KINH TẠPA-HÀM

Lạ thay, Thế Tôn! Khéo vì trưởng giả cấp Cô Độc thuyết pháp, khích lệ ông Cấp Cô Độc rằng: "Ba tháng hạ ông đã cúng dường đầy đủ cho Như Lai và đại chúng, nhờ đạo trang

nghiêm thanh tinh nên vào đời vị lai sẽ được phước báu an lạc. Nhưng hiện tại ông không nên thản nhiên vui đam phước này. Ong phải luôn luôn siêng năng tinh tấn học pháp hỷ lạc về hạnh viễn ly để được tự thân tác chứng đầy diỉ." Bạch Thế Tôn! Nếu muốn khiến Thánh đệ tử học pháp hỷ lạc về hạnh viễn ly để được tự thân tác chứng đầy đủ thì được năm pháp viễn ly, tu đủ năm pháp. Thế nào là năm pháp viễn ly? Nghĩa là đoạn dứt cái hỷ do dục trưởng dưỡng, đoạn dứt cái lo do dục trưởng dưỡng, đoạn dứt cái xả do dục trưởng dưỡng, đoạn dứt cái hỷ do pháp bất thiện trưởng dưỡng, đoạn dứt cái lo do pháp bất thiện trưởng dưỡng. Đó gọi là năm pháp viễn ly. Thế nào là tu đủ năm pháp? Đó là tùy hỷ, hoan hỷ, khinh an, lạc và nhất tâm. Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Đúng the! Đúng the! Nếu Thánh đệ tử tu học hỷ lạc về hạnh viễn ly thì tư thân tác chứng đây đủ, viên ly năm pháp, tu đủ năm pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 483 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Có thực niệm, có vô thực niệm, có vô thực vô thực niệm; có thực lạc, có vô thực lạc, có vô thực vô thực lạc; có thực xả? có vô thực xả, có vô thực vô thực xả; có thực giải thoát, có vô thực giải thoát, có vô thực vô thực giải thoát. Thế nào là thực niệm? Nghĩa là ngũ dục làm nhân duyên sanh niệm. Thế nào là vô thực niệm? Nghĩa là Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, an trụ Sơ thiền trọn vẹn. Đó gọi là vô thực niệm. Thế nào là vô thực vô thực niệm? Nghĩa là Tỳ-kheo có giác, có quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, trụ vào Nhị thiền. Đó gọi là vô thực vô thực niệm. Thế nào là hữu thực lạc? Nghĩa là ngũ dục làm nhân duyên sanh lạc, sanh hỷ. Đó gọi là hữu thực lạc. Thế nào là vô thực lạc? Nghĩa là dứt giác, dứt quán, nội tĩnh nhát tâm, không giác, không quán, định sanh hỷ lạc. Đó gọi là vô thực lạc. Thế nào là vô thực vô thực lạc? Nghĩa là Tỳ-kheo lìa hỷ, tham, xả tâm trụ chánh niệm chánh tri, an lạc trụ vào thuyết xả của bậc Thánh. Đó gọi là vô thực vô thực lạc. Thế nào là hữu thực xả? Nghĩa là ngũ dục làm nhân duyên sanh ra xả. Đó gọi là hữu thực xả. Thế nào là vô thực xả? Nghĩa là Tỳ-kheo ấy lìa hỷ tham, xả tâm trụ, chánh niệm chánh tri, an lạc, trụ vào xả của bậc Thánh, tức là trụ trọn vẹn vào Tam thiền. Đó gọi là vô thực xả. Thế nào là vô thực vô thực xả? Nghĩa là Tỳ-kheo lìa khổ dứt vui, ưu hỷ trước đã lìa, không khổ không

vui, xả niệm thanh tịnh, nhất tâm là an trụ trọn vẹn vào Tứ thiền. Đó gọi là vô thực vô thực xả. Thế nào là hữu thực giải thoát? Nghĩa là sắc cùng đi với hành. Thế nào là vô thực giải thoát? Nghĩa là vô sắc cùng đi với hành. Thế nào là vô thực vô thực giải thoát? Nghĩa là Tỳ-kheo ấy không nhiễm tham dục5 được giải thoát, tâm không nhiễm sân nhuế, ngu si, được giải thoát. Đó gọi là vô thực vô thực giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 484 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-la và Tôn giả A-nan đều ở vườn cấp Cô Độc. Khi ây, Tôn giả A-nan đi đên chô Tôn giả Bạt-đà-la; sau khi thăm hỏi xong, ngôi xuống, hỏi Tôn giả Bạt-đà-la: Thế nào là thấy đệ nhất? Thế nào là nghe đệ nhất? Thế nào là

vui đệ nhất? Thế nào là tưởng đệ nhất? Thế nào là hữu đệ nhất? Tôn giả Bạt-đà-la nói với Tôn giả A-nan: Có Phạm thiên tạo tác tự tại, biến hóa theo ý mình, là cha của thế gian. Nếu người nào thấy Phạm thiên gọi là thấy đệ nhất. Này A-nan! Có chúng sanh ly sanh hỷ lạc, toàn thân thấm nhuần vui vẻ, sung mãn, mọi chỗ đều tròn đầy. Đó là ly sanh hỷ lạc, người ấy xuất định xướng lên giữa đại chúng. Người thật vắng lặng thì ly sanh hỷ lạc, người thật an lạc là ly sanh hỷ lạc, người nào nghe được âm thanh này gọi là nghe đệ nhất. Lại nữa A-nan! Có chúng sanh đoi với thân này lìa bỏ sự thấm nhuần vui vẻ, sung mãn cùng khắp toàn thân của hỷ? đó là cái vui của ly hỷ. Ấy gọi là cái vui thứ nhất. Thế nào là tưởng đệ nhất? Này A-nan! Có chúng sanh vượt qua tất cả thức nhập xứ và an trụ trọn vẹn vào Vô sở hữu nhập xứ, nếu người nào khởi tưởng kia thì gọi là tưởng đệ nhất. Thế nào là hữu đệ nhất? Lại nữa A-nan! Có chúng sanh vượt qua tất cả Vô sở hữu nhập xứ, an trụ trọn vẹn vào Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, nếu người nào khởi hữu ấy thì gọi là hữu đệ nhất. Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Bạt-đà-la: Có nhiều người thấy như thế, nói như thế, Tôn giả cũng giống họ, đâu có khác gì? Tôi hỏi Tôn giả, Tôn giả hãy lắng nghe. Theo như chỗ quán sát đó mà lần lượt sạch hết phiền não thì mới là thấy đệ nhất, theo như chỗ nghe đó mà lần lượt sạch hết phiền não thì mới gọi là nghe đệ nhất, theo như chỗ phát sinh niềm vui mà lần lượt sạch hết phiền não thì mới gọi là vui đệ nhất, theo như tưởng kia mà lần lượt sạch hết phiền não thì mới gọi là tưởng đệ nhất, theo như chỗ thực quán sát mà lần lượt sạch hết phiền não thì mới gọi là hữu đệ nhất. Khi ấy hai vi Chánh sĩ đàm đạo xong, đứng dậy cáo từ.

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Vua Bình-sa đi đến chỗ Tôn giả Ưu-đà-di? đảnh lễ rồi lui ngồi một bên, thưa với Tôn giả Ưu-đà-di: Đức Thế Tôn nói về các thọ là những thọ gì?

Tôn giả ưu-đà-di đáp: -Tâu Đại vương! Thế Tôn nói ba thọ là thọ khổ, thọ vui và thọ không khổ không vui. Vua Bình-sa thưa với Tôn giả Ưu-đà-di: Chớ nói như the! Thế Tôn nói ba thọ là thọ khổ? thọ vui và thọ không khổ không vui; đúng ra nên nói có hai thọ là thọ khổ và thọ vui, vì thọ không khổ không vui là tịch diệt. Nói ba lần như thế. Tôn giả Ưu-đà-di không thể xác lập về ba thọ cho vua nghe được, vua cũng không thể xác lập về hai thọ của mình, bèn cùng nhau đi đến chỗ Phật, lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Khi ấy, Tôn giả Ưu-đà-di bạch lại với Phật những việc trên và thưa: Bạch Thế Tôn! Con cũng không thể xác lập về ba thọ và vua cũng kh6ng thể xác lập về hai thọ, nên nay chúng con cùng đến để xin hỏi Thế Tôn quyết định nghĩa này có mấy thọ? Phật bảo Tôn giả Ưu-đà-di: -Ta có khi nói một thọ, có khi nói hai thọ, hoặc có khi nói ba, bốn, năm5 sáu, mười tám, ba mươi sáu, cho đến một trăm lẻ tám thọ, hoặc có khi nói vô lượng thọ. Vì sao Ta nói một thọ? Như nói, hễ có cảm thọ đều là khổ. Đó gọi là Ta nói một thọ. Thế nào là nói hai thọ? Đó là nói về thân thọ và tâm thọ. Đó gọi là hai thọ. Thế nào là ba thọ? Thọ khổ, thọ vui và thọ không khổ không vui. Thế nào là bốn thọ? Nghĩa là thọ hệ thuộc Dục giới, thọ hệ thuộc sắc giới, thọ hệ thuộc Vô Sắc giới và thọ không hệ thuộc đâu cả. Thế nào là nói năm thọ? Nghĩa là lạc căn, hỷ căn, khổ căn, ưu căn và xả căn. Đó gọi là năm thọ. Thế nào là sáu thọ? Nghĩa là thọ sanh từ nhãn xúc; thọ sanh từ

nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Đó gọi là sáu thọ. Thế nào là mười tám thọ? Nghĩa là cảm thọ, theo hành tác của sáu hỷ, sáu ưu và sáu xả. Đó gọi là mười tám thọ. Thế nào là ba mươi sáu thọ? Nghĩa là sáu hỷ dựa theo tham trước, sáu hỷ dựa theo lìa tham trước, sáu ưu dựa theo tham trước, sáu ưu dựa theo lìa tham trước, sáu xả dựa theo tham trước, sáu xả dựa theo lìa tham trước. Đó gọi là ba mươi sáu thọ. Thế nào là một trăm lẻ tám thọ? Nghĩa là ba mươi sáu thọ quá khứ, ba mươi sáu thọ vị lai, ba mươi sáu thọ hiện tại. Đó gọi là một trăm lẻ tám thọ. Thế nào là vô lượng thọ? Như nói thọ này, thọ kia, v.v... Này Tỳ-kheo! Như thế gọi là vô lượng thọ.

KINH TẠPA-HÀM 383

Này ưu-đà-di! Như vậy? Ta nói các thứ thọ đúng nghĩa như thật. Thế gian không hiểu, nên tranh luận và mâu thuẫn nhau, cuối cùng không nắm được nghĩa chân thật trong Pháp, Luật của Ta, hãy tự dừng lại. Này Ưu-đà-di! Nếu đối với những thứ nghĩa thọ mà Ta vừa nói đây, hiểu biết như thật thì không khởi tranh luận và mâu thuẫn nhau, khi tranh luận đã khởi hay chưa khởi có thê dùng Pháp, Luật này ngăn ngừa, khiên nó châm dứt. Nhimg này Ưu-đà-di, có hai thọ: Thọ dục và thọ ly dục. Thế nào là thọ dục? Nghĩa là thọ do nhân duyên công đức ngũ dục sanh ra. Đó gọi là thọ dục. Thế nào là thọ ly dục. Nghĩa là Tỳ-kheo ly dục pháp ác bất thiện, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc an trụ trọn vẹn vào Sơ thiền. Đó gọi là thọ ly dục. r y ?

Nêu có người nói: "Chúng sanh nương theo Sơ thiên này chỉ là vui chăng \ r

còn gì khác hơn^, thì điêu này không đúng. Vì sao? Vì còn có cái vui thù thăng hơn cái vui này. Đó là vui gì? Nghĩa là Tỳ-kheo lìa giác lìa quán, trong tâm đinh tĩnh sanh ra hỷ lạc, an trụ Nhi thiền. Đó gọi là vui thù thắng. Như thế cho đến Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, càng lên càng thù thắng. Nếu có người nói: "Chí có những xứ này cho đến Phi tưởng phi phi tưởng là cực vui, chẳng còn chỗ nào khác”như thế cũng lại không đúng. Vì sao? Vì còn có cái vui thù thắng hơn đây nữa, đó là vui gì? Nghĩa là Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng đầy đủ5 . r : r r .

cái vui này thù thăng hơn cái vui trên. Nêu có kẻ di học xuất gia nói: "Sa-môn Thích tử chỉ nói đến tưởng thọ diệt, cho là chí lạc" thì điều này không đúng. Vì sao? Nên nói rằng: “Bây chẳng phải số thọ lạc mà Thế Tôn đã nói, Thế Tôn nói về số thọ lạc, như nói: 'Này Ưu-đà-di! Có bốn thứ lạc. Những gì là bốn? Đó là lạc ly dục, lạc viễn ly, lạc tịch diệt và lạc Bo-de?^ Phật nói kinh này xong, ưu-đà-di và Vua Bình-sa nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 486 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Nếu đối với một pháp, sanh ra nhàm chán, xa lìa, không ưa, thích xả bỏ thì sẽ dứt sạch hết các phiền não. Bởi vì tất cả chúng sanh do ăn mà sống còn. Lại có hai pháp: Đó là danh và sắc. Lại có ba pháp: Đó là ba thọ. Lại có bốn pháp: Đó là bốn thực. Lại có năm pháp: Đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp: Đó là lục nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp: Đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp: Đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp: Đó là chín chỗ ở của chúng sanh. Lại

có mười pháp: Đó là mười nghiệp.

Đối với mười pháp này sanh nhàm chán, không ưa thích, xả bỏ thì sạch hết các phiền não. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 487 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Nếu đối với một pháp thật sự nhàm chán, xa lìa, không ưa, thích xả bỏ, rốt ráo hết khổ, giải thoát khỏi khổ, đó là tất cả chúng sanh do ăn mà tồn tại. Lại có hai pháp: Đó là danh và sắc. Lại có ba pháp: Đó là ba thọ. Lại có bốn pháp: Đó là bốn thực. Lại có năm pháp: Đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp: Đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp: Đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp: Đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp: Đó là chín chỗ ở của chúng sanh. Lại có mười pháp: Đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này, thật sự nhàm chán, xa lìa, không ưa thích, xả bỏ, rốt ráo hết khổ, giải thoát khỏi khổ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 488 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. -pv Á • y rpi Á rip/X 19 r rp \ l 1 Bay giơ, The Tôn bảo các Ty-kheo: Nếu đối với một pháp, quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt mất, quán sát xả ly thì sẽ sạch hết các phiền não. Nghĩa là tất cả chúng sanh do thực mà tồn tại. Lại có hai pháp: Đó là danh và sắc. Lại có ba pháp: Đó là ba thọ. Lại có bốn pháp: Đó là bốn thực. Lại có năm pháp: Đó là năm thọ am. Lại có sáu pháp: Đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp: Đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp: Đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp: Đó là chín chỗ ở của chúng sanh. Lại có mười pháp: Đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này, chơn chánh quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt mất, quán sát xả ly thì sạch hết các lậu. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 489 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

KINH TẠPA-HÀM 385

Á !FT^i Á FT* A ? _ _ / _ nn \ *1 -l Bay giơ, The Ton bao các Ty-kneo: Nêu đôi với một pháp quán sát vô thường, quán sát biên đôi, quán sát lìa dục, quán sát diệt mất, quán sát xả ly, cứu cánh giải thoát, giải thoát khổ. Nghĩa là tát cả chúng sanh do thực mà tôn tại. Lại có hai pháp: Đó là danh và sac. Lại có ba pháp: Đó là ba thọ. Lại có bốn pháp: Đó là bốn thực. Lại có năm pháp: Đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp: Đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp: Đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp: Đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp: Đó là chín chỗ ở của chúng sanh. Lại có mười pháp: Đó là mười nghiệp. Đôi với mười pháp này, chơn chánh quán sát vô thường, quán sát biên z. ĩ

đôi, quán sát ly dục, quán sát diệt mát, quán sát xả ly, cứu cánh giải thoát, giải thoát khổ. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 490 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Ma-kiệt-đề, xóm Na-la. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng ở nước Ma-kiệt-đề? xóm Na-la. Khi ấy ngoại đạo xuất gia tên Diêm-phù-xa, là bạn cũ của Tôn giả Xá-lợi-phất. Diêmphù-xa đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau thăm hỏi xong lui ngồi một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Trong Pháp, Luật của Hiền thánh có việc gì khó? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Chỉ có xuất gia là khó. -Tại sao xuất gia lại khó? Vì chỉ có tâm ưa thích nên khó. Vì sao ưa thích là khó? Vì thường phải ưa thích tu tập thiện pháp nên khó. Diêm-phù-xa lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Có đạo lý, có hướng đi tu tập, tu tập nhiều, thường tu tập thì thiện pháp có tăng trưởng không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Có. Đó là bát chánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Diêm-phù-xa nói: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đây là đường lành, đây là hướng lành, phải tu tập, tu tập nhiều đối với các pháp lành, thường tu tập tăng trưởng. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Người xuất gia thường tu tập đạo này chẳng bao lâu sau được sạch hét các lậu.

KINH TẠPA-HÀM 385

Á !FT^i Á FT* A ? _ _ / _ nn \ *1 -l Bay giơ, The Ton bao các Ty-kneo: Nêu đôi với một pháp quán sát vô thường, quán sát biên đôi, quán sát lìa dục, quán sát diệt mất, quán sát xả ly, cứu cánh giải thoát, giải thoát khổ. Nghĩa là tát cả chúng sanh do thực mà tôn tại. Lại có hai pháp: Đó là danh và sac. Lại có ba pháp: Đó là ba thọ. Lại có bốn pháp: Đó là bốn thực. Lại có năm pháp: Đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp: Đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp: Đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp: Đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp: Đó là chín chỗ ở của chúng sanh. Lại có mười pháp: Đó là mười nghiệp. Đôi với mười pháp này, chơn chánh quán sát vô thường, quán sát biên z. ĩ

đôi, quán sát ly dục, quán sát diệt mát, quán sát xả ly, cứu cánh giải thoát, giải thoát khổ. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 490 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Ma-kiệt-đề, xóm Na-la. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng ở nước Ma-kiệt-đề? xóm Na-la. Khi ấy ngoại đạo xuất gia tên Diêm-phù-xa, là bạn cũ của Tôn giả Xá-lợi-phất. Diêmphù-xa đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau thăm hỏi xong lui ngồi một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Trong Pháp, Luật của Hiền thánh có việc gì khó? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Chỉ có xuất gia là khó. -Tại sao xuất gia lại khó? Vì chỉ có tâm ưa thích nên khó. Vì sao ưa thích là khó? Vì thường phải ưa thích tu tập thiện pháp nên khó. Diêm-phù-xa lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Có đạo lý, có hướng đi tu tập, tu tập nhiều, thường tu tập thì thiện pháp có tăng trưởng không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Có. Đó là bát chánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Diêm-phù-xa nói: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đây là đường lành, đây là hướng lành, phải tu tập, tu tập nhiều đối với các pháp lành, thường tu tập tăng trưởng. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Người xuất gia thường tu tập đạo này chẳng bao lâu sau được sạch hét các lậu.

386 KINH TẠP A-HÀM

Khi ấy hai vi Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. (Như thế Diêm-phù-xa hỏi phần tựa bốn mươi kinh). Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thê nào gọi là người thiện thuyêt pháp, làm chô chánh hướng cho thê gian? Thế nào gọi là thiện thệ của thế gian? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Nếu thuyết pháp về điều phục dục tham, điều phục sân nhuế, điều phục ngu si, là người thuyết pháp hay ở thế gian. Nếu hướng đến điều phục dục tham, hướng đến điều phục sân nhuế, hướng đến điều phục ngu si thì gọi là chánh hướng. Nếu tham dục đã sạch hết, không còn sót thì đã đoạn, đã biết. Sân nhuế, ngu si đã sạch hết không còn sót thì đã đoạn, đã biết. Đây gọi là thiện thệ của thế gian. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều thì có thể khéo đoạn dứt Idiong? -Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Sau khi hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Nói là Niết-bàn, thế nào là Niết-bàn? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Niết-bàn là tham dục đã hết, sân nhuế, ngu si đã hết, các phiền não sạch hết, gọi là Niết-bàn. -Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều có đạt đến Niết-bàn không? Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Sau khi hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Vì sao ở chỗ Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Vì muôn đoạn dứt tham dục, sân nhuê và ngu si nên ở chô Sa-môn Cùđàm xuất gia tu Phạm hạnh. -Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều thì có đoạn được tham dục, sân nhuế, ngu si không? -Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Sau khi hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ.

KINH TẠPA-HÀM 387

Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Nói là hữu lậu sạch hết. Thế nào là hữu lậu được sạch hết? Xá-lợi-phất đáp: Hữu lậu có ba. Đó là dục hữu lậu, hữu hữu lậu và vô minh hữu lậu. Ba hữu lậu này dứt sạch, không còn sót thì gọi là hữu lậu sạch. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều thì các lậu sạch hết không? Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Gọi là A-la-hán, thế nào là A-la-hán? Tham dục đã dứt sạch không còn sót, sân nhuế và ngu si đã dứt sạch không còn sót thì gọi là A-la-hán. Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều đắc A-la-hán không? —Có. Đó là bát chánh dạo, từ chánh kiến đến chánh đinh. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Nói là A-la-hán. Thế nào gọi là A-la-hán? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Tham dục, sân nhuế, ngu si vĩnh viễn dứt sạch không còn sót, gọi là A-la-hán. Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều đắc A-la-hán không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Nói là vô minh, thế nào là vô minh? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Nói là vô minh, nghĩa là đoi với mé trước không biết, mé sau không biết, mé giữa không biết; không biết Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng; không biết khổ, tập, diệt, đạo; không biết thiện, bất thiện và vô ký; không biết trong, không biết ngoài. Nếu đối với những thứ trên bị ám chướng, không biết thì gọi là vô minh. Diêm-phù-xa nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Đây là chỗ tích tụ tối tăm

lớn. Diêm-phù-xa lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều đoạn dứt vô minh không?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Nói là hữu lậu. Thế nào là hữu lậu? (... Tôn giả Xá-lợi-phất đáp như kỉnh trước). Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Nói là hữu, thế nào là hữu? —Hữu có ba, đó là dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu. Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều đoạn dứt những hữu này không? Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vi Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Nói là có thân. Thế nào là có thân? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Có thân là năm thọ ấm. Thế nào là năm thọ ấm? Đó là sắc thọ ấm, thọ thọ ấm, tưởng thọ ấm, hành thọ ấm, thức thọ ấm. Có đạo, có hướng, đoạn dứt hữu thân này không? -Có. Đó là bát chánh dạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngoi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Nói là khổ. Thế nào là khổ? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Ipiổ là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ái biệt ly khổ, oán tang hội khổ, cầu bất đắc khổ (... lược nói, năm thọ ấm khổ). Đây gọi là khổ. -Có dạo, có hướng, đoạn dứt những khô này không? -Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh đinh. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngòi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Nói là lưu, thế nào gọi là lưu? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Lưu là dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu. Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều đoạn dứt những lim này không? Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ.

Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

Nói là ách, thế nào là ách?

(Ách nói giống như lưu).

Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

-Nói là thủ, thế nào là thủ?

Thủ có bốn: Dục thủ, ngã thủ, kiến thủ, giới thủ.

Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiêu thì đoạn dứt những thủ này không? -Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Nói là phược, thế nào là phược? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Phược có bốn: Tham dục phược, sân nhuế phược, giới thủ phược và ngã kiến phược. -Có dạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều có đoạn dứt những phược này không? -Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngoi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Nói là kiết, thế nào là kiết? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Kiết có chín: Đó là ái kiết, sân kiết, mạn kiết, vô minh kiết, kiến kiết, tha thủ kiết,

nghi kiết, tập kiết và xan kiết. Có dạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều thì có đoạn dứt những kiết ấy không? -Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Nói là sử. Thế nào là sử? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Sử có bảy: Đó là tham dục sử, sân nhuê sử, hữu ái sử, mạn sít, vô minh sử, kiến sử và nghi sử. -Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều thì đoạn dứt những sử ấy không? -Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Gọi là dục, thế nào là dục?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Dục là mắt phân biệt sắc: sắc đáng yêu thích, nghĩ nhớ, đắm trước. Tai và âm thanh, mũi và mùi5 lưỡi và vị, thân phân biệt xúc đáng yêu thích, nghĩ nhớ, đắm trước. Này Diêm-phù-xa! Năm công năng: sắc, thanh, hương, vị, xúc chẳng phải là dục, chỉ là tư duy giác tưởng. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói kệ: Hết thảy sắc thế gian, Chẳng sử ái dục kia, Chỉ có người giác tưởng, Đó là người ái dục. Bao nhiêu cảnh sắc kia, Thường ở nơi thế gian, Điều phục tâm ái dục, Đó là người thông tuệ. Diêm-phù-xa lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phât! Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiêu có đoạn dứt những dục ấy không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Nói là triền cái, thế nào là triền cái? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Triên cái có năm. Đó là tham dục cái, sân nhuê cái, thùy miên cái, trạo hôi cái và nghi cái. Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều thì đoạn dứt năm triền cái ấy không? Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Nói là dừng nghỉ, thế nào là dừng nghỉ? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Dừng nghỉ là đối với ba kiết đã dứt. Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều thì đoạn dứt được ba kiết ấy không? Có. Đó là bát chánh dạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vi Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Nói là được dừng nghỉ, thế nào là được dừng nghỉ? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Được dừng nghỉ, nghĩa là ba kiết sử đã dứt, đã biết. Có đạo, có hướng để có thể đoạn ba kiết sử chăng? Có. Đó là bát chánh dạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ cùng nhau đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Nói là được dừng nghỉ bậc thượng, thế nào là được chỗ dừng nghỉ bậc thượng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Được chỗ dừng nghỉ bậc thượng nghĩa là đã đoạn, đã biết tham dục, sân nhuế, ngu si, vĩnh viễn dứt hẳn, không còn sót. Đó gọi là được chỗ dừng nghỉ bậc thượng. Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều thì có đạt đến sự dừng nghỉ bậc thượng không? -Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Nói là được chỗ dừng nghỉ bậc thượng, thế nào là được chỗ dừng nghỉ bậc thượng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Được

chỗ dừng nghỉ bậc thượng nghĩa là đã đoạn, đã biết tham dục, sân nhuế, ngu si, vĩnh viễn dứt hẳn, không còn sót. Đó gọi là được chỗ dừng nghỉ bậc thượng. Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều thì được chỗ dừng nghỉ bậc thượng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Có. Đó là bát chánh đạo? từ chánh kiến đến chánh định. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Nói là thanh lương, thế nào là thanh lương? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Thanh lương là năm hạ phần kiết sử hết sạch, tức là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục và sân nhuế. Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều thì đoạn dứt năm hạ phần kiết sử ấy đạt đến thanh lương không? Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vi Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Nói là được thanh lương, thế nào là được thanh lương? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Đối với năm hạ phần kiết sử đã dứt, đã biết. Đó gọi là được thanh lương.

CÓ đạo, CÓ hướng tu tập, tu tập nhiều thì được thanh lương không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Có. Đó là bát chánh dạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Nói là thanh lương bậc thượng, thế nào là thanh lương bậc thượng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Thanh lương bậc thượng nghĩa là tham dục, sân nhuê và ngu si vĩnh viên dứt hẳn, không còn sót; tất cả phiền não vĩnh viễn dứt hẳn, không còn sót. Đó gọi là thanh lương bậc thượng. -Có dạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều thì đạt đến thanh lương bậc thượng không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Gọi là đạt được thanh lương bậc thượng, the nào là đạt được thanh lương bậc thượng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Đạt được thanh lương bậc thượng là đối với tham dục vĩnh viễn dứt sạch, không còn sót, đã đoạn, đã biết. Đối với sân nhuế, ngu si vĩnh viễn dứt sạch, không còn sót, đã đoạn, đã biết. Đó gọi là đạt được thanh lương bậc thượng. Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều thì được thanh lương bậc thượng này không? -Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vi Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Nói là ái, thế nào gọi là ái? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Ái có ba là dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Có đạo, có hướng tu tập, tu tập nhiều thì dứt ba ái này không? Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Nói là nghiệp tích, thế nào là nghiệp tích? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

Nghiệp tích là mười nghiệp tích bất thiện. Đó là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham dục, sân nhuế và tà kiến. Có dạo, có hướng tu tập, tu tập nhiêu thì đoạn dứt mười nghiệp tích này không? Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vi Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Nói là uế, thế nào là uế? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -uế có ba là tham dục, sân nhuế và ngu si. -Có dạo, có hướng tu tập, tu

tập nhiêu thì đoạn dứt ba uê này không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Có. Đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ. (Giông như kỉnh nói vê uê; cũng vậy các kinh nói vê câu nhiêm, dơ bân, kinh cấu, ni, gai nhẹm, luyến tiếc và trói buộc cũng như thế).

KINH SỐ 491 (.Giống như kinh Dỉêm-phù-xa hỏif kinh Sa-môn xuất gia hỏi cũng giống như the).

KINH SỐ 492 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở đó? Tôn giả nói với các Tỳ-kheo: Nếu có Tỳ-kheo được vô lượng tam-muội? thân tác chứng đầy đủ thì khi thân thể hoại diệt được Niết-bàn, tâm không còn ưa thích đắm trước, tiếc nuối thân. Ví dụ? như người tay dính đầy keo mà vịn trên cành cây thì tay họ bị dính trên cành không gỡ ra được. Vì sao? Vì chất keo dính đầy tay. Này các Tỳ-kheo! Vô lượng tam-ma-đê, thân đã tác chứng, tâm không còn đăm trước. Nếu khi thân thể hoại diệt, được Niết-bàn. Nếu tâm còn tiếc nuối thân thì cuối cùng không xả ly được, không được hiện pháp, tùy thuận giáo pháp, cho đến khi mạng chung cũng chẳng được gì mà phải sanh lại cõi này, rốt cuộc rồi cũng không phá được ngu si, tối tăm. Ví như bên cạnh làng có cái ao bùn sâu thăm thẳm, nhưng trời hạn lâu, không mưa, nước ao cạn khô, đất trong lòng ao nứt ra. Như thế, Tỳ-kheo không thấy được pháp, tùy thuận giáo pháp khi mạng chung cũng chẳng được gì, trở lại đọa vào cõi này.

Nếu có Tỳ-kheo được vô lượng tam-muội9 thân tác chứng đầy đủ thì khi thân thể hoại diệt được Niết-bàn, tâm sanh ra an lạc, vui vẻ, không nuối tiếc thân này; giống như người có bàn tay sạch sẽ, khô ráo, khi vịn vào cành cây, tay không bi dính theo cây. Vì sao? Vì bàn tay sạch. Như thế Tỳ"kheo được vô lượng tam-muội, thân tác chứng đầy đủ thì khi hữu thức hoại diệt được Niết- bàn, tâm sanh tin tưởng vui vẻ, không tiếc nuối thân, hiện pháp, tùy thuận pháp khi mạng chung không còn sanh lại cõi này. Thế nên Tỳ-kheo phải siêng năng phương tiện phá tan vô minh. Giống như bên cạnh làng có cái ao bùn, nước chảy bốn mặt, trời hay mưa, nước thường vào ao đầy rẫy, đồ dơ bẩn chảy ra hết, ao nước kia trong trẻo. Tỳ-kheo như thế đều được hiện pháp, tùy thuận giáo pháp, khi mạng chung không sanh trô lại cõi này. Do đó5 Tỳ-kheo phải siêng năng phương tiện phá tan vô minh. Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 493 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: -Nếu Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ, hoặc ở giữa đất trống, trong rừng, dưới cội cây nên học thế này: "Quay vào bên trong quán sát, tư duy, tự biết trong tâm còn có dục tưởng kh6ng?” Nếu không tự biết được, hãy ở nơi cảnh giới hoặc ở nơi tinh tướng. Nếu có ái dục khởi lên là biết trái với hạnh viễn ly. Giống như người dùng sức chèo thuyền ngược dòng đi lên, nếu thân hơi mệt mỏi, biếng nhác thì thuyền quay ngược lại, thuận dòng đi xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo tư duy tinh tướng, trở lại sanh ra ái dục, trái với hạnh viễn ly là vì Tỳ-kheo ấy tu học

phương tiện kém, không đạt được sự thuần tịnh. Do đỏ, trở lại chìm trong ái dục, không được pháp lực, tâm không tĩnh lặng, không thuần nhất được tâm mình; đối với tịnh tướng kia tuy sanh ái dục, trôi nổi lăn lóc, trái với hạnh viễn ly. Nên biêt, Tỳ-kheo này không dám tư nhận đôi với công năng ngũ dục, mình đã được lìa dục giải thoát. Nêu Tỳ-kheo ở trên đất trông, trong rừng hoặc dưới cội cây, phải tư duy như vầy: "Trong tâm ta có lìa dục không?59 Tỳ-kheo ấy nên ở nơi cảnh giới hoặc quán tịnh tướng. Nếu biết tâm mình đối với tịnh tướng kia đã viễn ly tức thuận dòng tiến lên. Giống như lông chim vào lửa thì quắn lại, không có nở ra; cũng vậy, Tỳ-kheo, hoặc quán lấy tịnh tướng, tức thuận với viễn ly, trôi nhanh theo dòng. Này Tỳ-kheo! Nên biết như thế, tinh tấn tu hành, tâm không giải đãi, được pháp tĩnh lặng, dừng nghỉ an vui, nhất tâm thuần tịnh, thầm nói: “Ta đã tư duy, đối với tịnh tướng, thuận hạnh viễn ly, tùy thuận tu đạo thì có thể tự nhận đoi với công năng ngũ dục được lìa dục giải thoát."

KINH TẠPA-HÀM 395

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 494 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong núi Kỳ-xà quật. Sáng sớm Tôn giả đắp y, mang bát ra khỏi núi, vào thành Vương Xá khất thực. Bên lề đường, Tôn giả thấy một cây đại thọ chết khô liền đến nơi cội cây ấy trải tọa cụ ngồi ngay thẳng, nói với các Tỳ-kheo: -Nếu có Tỳ-kheo tu tập thiền đinh tư duy, có thần thông, tâm được tự tại, muốn biến cây khô này thành đất, tức thì thành đất. Vì sao? Vì trong cây khô này có địa giới. Thế nên Tỳ-kheo có thần thông, tâm muốn tạo ra đất, tức thì thành đất không khác. Nêu có Tỳ-kheo được sức thân thông, tự tại như y, muôn khiên cây này làm thành các vật như nước, lửa, gió, vàng, bạc, v.v... đêu thành tựu không khác. Vì sao? Vì trong cây khô này có thủy giới. Thế nên Tỳ-kheo thiền định tư duy, được sức thần thông, tự tại như ý, muốn khiến cây khô này thành vàng, tức thời thành vàng không khác, và những vật khác cũng đều thành tựu như thế. Vì sao? Vì trong cây khô kia có các giới. Do đó? Tỳ-kheo thiền định tư duy, được sức thần thông, tự tại như ý, muốn làm thành các vật, thảy đều thanh tựu không khác. Tỳ-kheo nên biết, Tỳ-kheo thiền định tư duy, cảnh giới thần thông không thể nghĩ bàn. Thế nên, Tỳ-kheo phải tinh cần tư duy, học các thần thông. Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 495 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương x trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong núi Kỳ-xà quật. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: Người phạm giới là vì phá giới cho nên chỗ nương tựa giảm sút, tâm không còn an lạc. Tâm không còn an lạc nên mất tam-muội tĩnh lặng an lạc, mất hẳn sự thấy biết như thật, sự nhàm chán, xa lìa, ly dục, giải thoát, không thể được Vô dư Niết-bàn. Giống như gốc cây mục thì hết thảy cành, lá, hoa, trái khó thành tựu; Tỳ-kheo phạm giới cũng lại như vậy, công đức giảm sút, tâm không còn an lạc, tâm không an lạc nên mất tam-muội tĩnh lặng an lạc, mất hẳn sự thấy biết như thật, sự nhàm chán, xa lìa, ly dục, giải thoát; không thể được Vô dư Niết-bàn.

Tỳ-kheo trì giới, căn bổn đầy đủ, chỗ nương tựa đầy đủ? tâm được tín lạc; được tín lạc nên tâm được hoan hỷ, đạt đên tam-muội tịch tĩnh an lạc, thây biêt như thật, nhàm chán, xa lia, ly dục, giải thoát, được giải thoát rồi mau chóng đạt đến Vô dư Niết-bàn. Ví như gốc cây không mục thì cành lá, hoa, trái đều được thành tựu; Tỳ-kheo trì giới cũng lại như thế, căn bổn đầy đủ, chỗ nương tựa thành tựu, tâm được tín lạc, được tín lạc rồi hoan hỷ, được tam-muội tịch tĩnh an lạc, thấy biết như thật, nhàm chán, xa lìa, ly dục, giải thoát, mau được VôdưNiết-bàn. Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe rồi, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 496 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: Nêu các Tỳ-kheo khởi lên tranh cãi với nhau rang có Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo cử tội, v.v... Những điều này nếu không nương vào chánh tư duy, tự tỉnh quán sát, nên biết Tỳ-kheo kia luôn luôn bướng bỉnh, ngang ngạnh, tranh cãi kiện tụng càng tăng và chống đối nhau, đào sâu thêm sự hận thù. Đối với những tội lỗi đã khởi, không thể dùng Chánh pháp, Luật, ngăn chặn cho nó dừng lại. Nếu Tỳ-kheo đã khởi lên tranh tụng, hoặc là Tỳ-kheo phạm tội, hoặc là Tỳ-kheo cử tội, đều phải y vào chánh tư duy, tự tỉnh giác quán sát, chế phục, tự trách, nên biết Tỳ-kheo ấy không còn ngang ngạnh, chống báng nhau, hận thù không tăng trưởng, đổi với tội đã khởi có thể dùng Chánh Pháp, Luật, ngăn chặn cho nó dừng lại. Thế nào là Tỳ-kheo chánh tư duy, tự tỉnh giác, quán sát? Này Tỳ-kheo nen tư duy như vầy: "Ta thật không phải, không tốt, đáng lẽ không nên tạo tội, để cho người khác bắt gặp mình, nếu mình không tạo tội này thì người kia ắt không bắt gặp mình phạm tội nên không vui vẻ, hiềm trách, nên cử tội. Những Tỳ-kheo khác nghe được, cũng hiềm trách, the nên luôn luôn tranh tụng, ngang bướng càng tăng trưởng, tranh cãi với nhau. Đối với tội đã khởi, không thể dùng Chánh pháp, Luật, ngăn chặn dừng lại. Nay ta tự biết như mình đã nộp đủ thuế." Đó gọi là Tỳ-kheo đối với tội đã khởi tự quán sát. Thế nào là Tỳ-kheo cử tội, hay tự tỉnh giác, quán sát? Tỵ-kheo cử tội nên nghĩ như vầy: "Trưởng lão kia phạm tội không tốt khiến ta bắt gặp, nếu người ấy không phạm tội không tốt đó thì mình đâu có thấy, vì mình bắt gặp tội kia nên không vui, phải nói ra. Nấu những Tỳ-kheo khác bắt gặp cũng không vui và phải cử tội ông ấy. Sự tranh tụng kéo dài tăng trưởng không dừng, không thể dùng Chánh pháp, Luật, ngăn chặn những tội đã làm, khiến cho dừng. Ta từ nay hãy tự từ bỏ như mình nộp đủ thug." Như thế Tỳ-kheo cử tội khéo nương vào chánh tư duy, nội tĩnh quán sát. Do đó, này các Tỳ-kheo, người có tội và cử

tội đều phải nương vào chánh tư duy, tự quán sát đừng để cho sự ngang ngạnh, bướng bỉnh tăng trưởng thêm lên. Này các Tỳ-kheo! Phải dừng tranh tụng, nếu tranh tụng khởi thì có thể dùng Chánh pháp, Luật, ngăn chặn khiến nó dừng lại. Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe rồi, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 497 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật; lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo cử tội muốn cử tội người khác, khiến cho tâm an trụ, phải có bao nhiêu pháp thì được cử tội người khác? Phật dạy: -Nếu Tỳ-kheo khiến tâm an trụ, phải có đủ năm pháp mới được cử tội người. Thế nào là năm? Đó là: (i) Thật, chẳng phải không thật, (ii) Đúng thời, không phải phi thời, (iii) Nghĩa lợi ích, chẳng phải phi nghĩa lợi ích. (iv) Nhu nhuyến, không thô bạo. (v) Từ tâm, không sân hận. Này Xá-lợi-phất! Tỳ-kheo cử tội phải đủ năm pháp này mới được cử tội người khác. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội, phải dùng bao nhiêu pháp mới tự an được tâm mình? Phật dạy: -Tỳ-kheo bi cử tội phải do năm pháp mới khiến cho tâm mình an được, phải nghĩ rằng: (i) Người kia từ chỗ nào được cử tội là đúng sự thật, chớ đừng khiến không thật. (ii) Đúng thời, chớ đừng khiến phi thời, (iii) Đúng nghĩa lợi ích, chớ đừng khiến phi nghĩa lợi ích. (iv) Nhu nhuyến, chớ đừng khiến thô bạo. (v) Từ tâm, chớ đừng khiến sân hận. Này Xá-lợi-phất! Người bị cử tội phải có đủ năm pháp này thì mới tự an được tâm mình. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con thấy cử tội người khác không thật, phi thời, phi nghĩa lợi ích, chẳng phải nghĩa lợi ích, thô bạo, không nhu nhuyến, sân hận, không có từ tâm. Bạch Thế Tôn! Đối với Tỳ-kheo cử tội người khác mà không đúng sự thật thì phải dùng bao nhiêu pháp có lợi ích, khiến cho họ hoi cải? Phật dạy: Tỳ"kheo cử tội mà không đúng sự thật, phải dùng năm pháp lợi ích, khiên họ hối cải được. Phải nói họ rằng: “Thua Trưởng lão! Hôm nay Trưởng lão cử tội, không thật chứ chẳng phải thật; Trưởng lão nên hối cải, phi thời chứ chẳng

phải thời, phi nghĩa lợi ích chứ chẳng phải là nghĩa lợi ích, thô bạo chứ chẳng phải là nhu nhuyến, sân hận chứ chẳng phải là từ tâm. Trưởng lão nên hối cải.99 Này Xá-lợi-phất! Đối với Tỳ-kheo cử tội người khác mà không đúng sự thật thì phải dùng năm pháp lợi ích này khiến cho họ hối cải, cũng để khiến cho các Tỳ-kheo vị lai đừng cử tội người khác không đúng sự thật. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo bi cử tội không đúng sự thật, phải dùng bao nhiêu pháp để khỏi áy náy? Phật dạy: Tỳ-kheo bị cử tội không đúng, phải dùng năm pháp đe khỏi áy náy. Người ấy phải nghĩ thế này: ÍCTỳ-kheo kia cử tội không thật chứ chẳng phải thật, phi thời chứ chẳng phải đúng thời, không lợi ích chứ chẳng phải lợi ích, thô bạo chứ chăng phải nhu nhuyễn, sân hận chứ không có từ tâm; ta thật là áy náy." Tỳ-kheo bị cử tội không thực nên dùng năm pháp này đe tự an tâm mình, không tự áy náy. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có Tỳ-kheo cử tội đúng sự thật chứ chẳng phải không thật, đúng thời chứ chẳng phải phi thời, nghĩa lợi ích chứ chẳng phải không có nghĩa lợi ích, nhu nhuyến chứ chẳng phải thô bạo, từ tâm chứ chẳng phải sân hận. Tỳ-kheo cử tội đúng thì phải dùng bao nhiêu pháp lợi ích để không hối hận? Phật dạy: Tỳ-kheo cử tội đúng thì nên dùng năm pháp lợi ích để không hối hận. Phải nói thế này: “Thua Trưởng lão! Trưởng lão cử tội đúng thật chứ chẳng phải không thật, đúng thời chứ chẳng phải phi thời, nghĩa lợi ích chứ chẳng phải không có nghĩa lợi ích, nhu nhuyến chứ chẳng phải thô bạo, từ tâm chứ chẳng phải sân han.” Này Xá-lợi-phất! Ty-kheo cử tội đúng

phải dùng năm pháp lợi ích này thì không hối hận, cũng để khiến cho Tỳ-kheo đời sau cử tội người khác đúng mà không hối hận. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo bị cử tội đúng, phải dùng bao nhiêu pháp lợi ích để không áy náy? Phật dạy: Tỳ-kheo bị cử tội đúng, phải dùng năm pháp lợi ích thì không áy náy. Phải nói thế này: ÍẾTỳ-kheo kia cử tội đúng chứ chẳng phải không đúng, ông đừng áy náy, đúng thời chứ chẳng phải phi thời, có lợi ích chứ chẳng phải không có lợi ích, nhu nhuyến chứ chẳng phải thô bạo, có từ tâm chứ chẳng phải sân hận; ông đừng áy náy.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con thấy Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà lại sân hận. Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà sân hận thì phải dùng bao nhiêu pháp để tự tỉnh giác đối với sân hận? Phật dạy: Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà khởi sân hận thì phải dùng năm pháp để tự tỉnh giác, tức là phải nói với người ấy rằng: “Thua Trưởng lão, Tỳ-kheo kia cử tội ông đúng thật chứ chẳng phải không thật. Ông chớ sân hận... từ tâm chứ chẳng phải sân han." Này Xá-lợi-phất! Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà khởi sân hận nên dùng năm pháp này để tỉnh giác, đối trị sân hận. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Nếu con bị cử tội đúng hay không đúng thì đối với hai người này con phải tự an tâm mình. Nếu họ đúng thì con phải tự biết. Hoặc họ không đúng thì con phải tự hóa giải rằng: uĐiều này không dúng, nay ta tự biết không có lỗi ấy." Bạch Thế Tôn, con phải như thế, như lời Thế Tôn đã dạy trong bài kinh ví dụ về rừng cây, dạy cho các Sa-môn: "Nhu có giặc đến bắt ông dùng cưa, cưa xẻ thân thể ông, các ông đối với giặc móng niệm ác, nói lời ác là tự sanh ra chướng ngại. Thế nên, Tỳ-kheo, nêu giặc dùng cưa xẻ thân của các ông thì các ông đối với giặc chớ khởi lòng ác và nói lời ác, chỉ tự làm chướng ngại. Đối với người kia nên sanh lòng từ bi, không oán, không hận. Đối với cảnh giới bốn phương phải an trụ đầy đủ chánh định, từ tâm. Nên học như thế." Do đó, bạch Thế Tôn, con phải như thế, dúng như lời Thế Tôn đã dạy, cởi bỏ được cái khổ của thân, nên tự an nhẫn; huống chi những cái khổ chút xíu hay những lời phỉ báng nhỏ nhặt mà không nhẫn được. Những Sa-môn đã vì lợi dưỡng, Sa-môn đã vì tham dục, nay muốn đoạn dứt pháp bất thiện, muốn tu thiện pháp thì đối với pháp bất thiện này nên đoạn, đối với pháp thiện nên tinh tấn dũng mãnh, khéo tự phòng ngừa, nhiếp niệm tư duy, không buông lung, nên học như vậy. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: Con nếu cử tội Tỳ-kheo khác thì đúng sự thật chứ chẳng phải không thật, đúng thời chứ chẳng phải phi thời, nghĩa lợi ích chứ chẳng phải không lợi ích, nhu nhuyến chứ chẳng phải thô bạo, có từ tâm chứ chẳng phải sân hận. Nhtrng Tỳ-kheo bị cử tội kia vẫn có người ôm lòng sân hận. Phật hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Như những Tỳ-kheo nào nghe thầy cử tội họ mà nổi sân hận? Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo kia cong vạy, giả dối, lừa gạt bất tín, không hổ, không thẹn, giải đãi, thất niệm, bất định tĩnh, ác tuệ, ngã mạn, trái với hạnh viễn ly, không kính giới luật, không trọng Sa-môn, không tinh cần tu học,

không tự tỉnh giác quán sát, vì sinh sông mà xuất gia, không vì câu Niết-bàn an lạc thì Tỳ-kheo như thế nghe con cử tội liền sanh sân hận. Phật hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

Những hạng Tỳ-kheo nào nghe thây cử tội mà không sân hận? Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo tâm không cong vạy, không hư dối lừa gạt, có chánh tín, biết hổ thẹn, tinh cần chánh niệm, chánh định, trí tuệ? không ngã mạn, không bỏ hạnh viễn ly, tôn kính giới luật, mến hạnh Sa-môn, tôn sùng Niêt-bàn, vì pháp xuất gia, không vì sinh sông thì Tỳ-kheo như thê nghe con cử tội hoan hỷ, nhận lãnh như uông cam lộ. Ví như cô gái dòng Sát-đê-lợi hay Bà-la-môn tắm gội sạch sẽ, được bông hoa đẹp ưa thích nâng niu lấy cài lên đầu. Tỳ-kheo như thế không cong vạy, không hư dối, không lừa gạt, chánh tín, có tâm hổ thẹn, tinh cần chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, giữ hạnh viễn ly, tôn kính giới luật, thích hạnh Sa-môn5 siêng tu tập, tỉnh giác quán sát, vì pháp xuất gia, chí cầu Niết-bàn. Tỳ-kheo như thế nghe con cử tội, vui vẻ nhận như uống cam lộ. Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Nếu Tỳ-kheo kia cong vạy, hư dối, lừa gạt, bất tín, không hổ thẹn, giải đãi, thất niệm, bất định, ác tuệ, ngã mạn, trái với hạnh viễn ly, không kính giới luật, không thích hạnh Sa-môn9 không cầu Niết-bàn, vì sanh kế xuất gia thì đối với Tỳ-kheo như thế, không nên dạy dỗ và trò chuyện. Vì sao? Vì những Tỳ- kheo này phá Phạm hạnh. Nếu Tỳ-kheo không cong vạy, không hư dối, không lừa gạt, chánh tín, hổ thẹn, tinh cần, chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, tâm thích viễn ly, tôn kính giới luật, thích hạnh Sa-môn9 chí cầu Niết-bàn, vì pháp xuất gia thì đối với Tỳ-kheo như thế, phải nên dạy dỗ. Vì sao? Vì những Tỳ-kheo này hay tu Phạm hạnh, hay tự đứng vững. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 498 y Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại vườn Am-la của người bán y tên là Na-la-kiện-đà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Phật; cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ngồi một bến, bạch Phạt: Con tin sâu về Thế Tôn rằng: "Dù các Sa-môn hay Bà-la-môn quá khứ, vị lai hay hiện tại có trí tuệ cũng không bằng trí tuệ của Thế Tôn, huống lại là hơn!" Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

KINH TẠPA-HÀM 401

Lành thay! Làrýi thay, Xá-lợi-phất! Lành thay lời nói về đệ nhất, ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử, tự nói tin sâu về Thế Tôn rằng: "DÍI các Sa-môn, các Bà-la-môn quá khứ, vị lai, hiện tại có trí tuệ cũng không bằng trí tuệ của Thế Tôn, huống lại là hơn!" Phật hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thầy có biết rõ về Phật quá khứ có giới tăng thượng không? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế Tôn, không biết!

Đức Phật lại nói: Này Xá-lợi-phất! Thầy có biết pháp như thế, tuệ như thế, minh như thế, giải thoát như thế và trụ như thế không? Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn, không biết! Phật lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thầy co biết Phật vị lai có giới tăng thượng, pháp như thế, tuệ như thế, minh như thế, giải thoát như thế và trụ như thế không? Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, không biết! Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Thầy có biết Phật hiện tại có giới tăng thượng, pháp như thế, tuệ như thế, minh như thế, giải thoát như thế và trụ như thế không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Bạch Thế Tôn, không biết! Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Thầy nếu không biết trong tâm của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai có các pháp đó, tại sao ở giữa đại chúng rông lên tiêng sư tử tán thán như thê này: "Con tin sâu về Thế Tôn, dù các Sa-môn hay

Bà-la-môn quá khứ, vị lai, hiện tại có trí tuệ thì cũng không bằng trí tuệ của Thế Tôn, huống lại là hơn"? Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con không biết giới hạn trong tâm của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, nhưng con có thê biêt giới hạn vê pháp của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Con nghe Thế Tôn thuyết pháp, càng nghe càng sâu, càng nghe càng thù thắng, càng nghe càng tăng thượng, càng nghe càng vi diệu. Con nghe Thế Tôn thuyết pháp, biết một pháp tức đoạn một pháp, biết một pháp liền chứng một pháp, biết một pháp tức tu tập một pháp, cứu cánh nơi pháp. Thế nên, đối với bậc Đại sư, lòng tin của con thanh tịnh, tâm được thanh tinh, Thế Tôn là bậc Đẳng Chánh Giác.

402 KINH TẠPA-HÀM

Ví như quốc vương có vòng thành bao quanh bốn mặt, kiên cố, chắc chắn, chỉ có một cửa ra vào, không có cửa thứ hai, sai người đứng giữ cửa, nhân dân ra vào đều từ cửa này, hoặc đi ra hoặc đi vào, người giữ cửa kia tuy không biết số người nhiều hay ít, nhimg phải biết nhân dân chỉ đi có một cửa này, không đi chỗ khác. Giống như thế, con biết chư Phật quá khứ, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác quá khứ đã dứt sạch năm thứ ngăn che não loạn tâm; lại đối với người tuệ lực kém, bị rơi vào chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn, khiến họ tu tứ niệm xứ, tu bảy giác phần, được Chánh đẳng Chánh giác. Chư Phật Thế Tôn đời vị lai cũng đoạn sạch hết phiền não ngũ cái; lại đối với người tuệ lực kém, bị rơi vào chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn, khiến họ tu tứ niệm xứ, tu bảy giác phần, được Chánh đẳng Chánh giác. Chư Phật, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác hiện tại cũng đoạn hết phiền não ngũ cái; lại đối với hạng người tuệ lực kém, bị rơi vào chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn, khiến họ tu tứ niệm xứ, tu bảy giác phần, được Chánh đẳng Chánh giác. Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Đúng thế, đúng thế, Xá-lợi-phất! Chư vị ấy ở quá khứ, vị lai và hiện tại thảy đêu đoạn hét phiên não ngũ cái; lại đôi với hạng người tuệ lực kém, bi rơi vào chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn, khiến họ tu tứ niệm xứ, tu bảy giác phần, được Chánh đẳng Chánh giác. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 499

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá? trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà quật. Khi ấy, có Tỳ-kheo Nguyệt Tử là đệ tử của Bề-bà-dạt-da, đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất thăm hỏi xong rồi đứng một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tỳ-kheo Nguyệt Tử:

-Tỳ-kheo Đe-bà-đạt-đa có hay thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo nghe không?

Nguyệt Tử thưa:

-Thưa có thuyết pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Nguyệt Tử:

Đề-bà-đạt-đa thuyết pháp gì?

Nguyệt Tử thưa: Đề-bà-đạt-đa thuyết pháp như vầy: "Tỳ-kheo tâm pháp tu tâm, Tỳ-kheo này có thể tự nói trước rằng: 'Ta đã lìa dục, giải thoát khỏi công năng ngũ due.'" Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Nguyệt Tử: A Đê-bà-đạt-đa của ông vì sao không thuyêt pháp như vây: 66Tỳ-kheo tâm

pháp khéo tu tâm, lìa tâm tham dục, lìa tâm sân nhuê? lìa tâm ngu si, được pháp không tham, được pháp không sân và không si, không trở lại pháp dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu; thì Tỳ-kheo ấy có thể tự nói trước: 'Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau'"? Nguyệt Tử thưa: -Vị ấy không thể thuyết như vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Nguyệt Tử: -Nêu có Tỳ-kheo tâm pháp khéo tu tâm, có thê xa lìa tâm tham dục, tâm sân hận và ngu si, được pháp không tham, không sân và không si; thì Tỳ-kheo ấy có thể tự nói trước: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau.” Ví như gân thôn xóm có một dãy núi đá lớn, không thê chẻ được, không thể đập nát và xuyên thủng, nó dày đặc và kín mít, giả sử có gió từ phương Đông thổi tới, không thể làm nó lay động, cũng không thể vượt nó qua đến bốn phương. Như thế, gió từ phương Nam, Tây, Bắc và bốn góc thổi đến cũng không thể làm nó lay động và vượt qua khỏi nó. Cũng thế, Tỳ-kheo tâm pháp khéo tu tâm thì xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và ngu si, được pháp không tham, không sân và không si, Tỳ-kheo ấy có thể tự nói trước: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau.” Ví như sắt đồng nhơn đá và trụ đồng cắm sâu trong đất, đắp đất lên chật kín, gió bốn phía có thổi đến cũng không thể lay động được. Cũng thế, Tỳ-kheo tâm pháp khéo tu tâm rồi xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và ngu si, được pháp không tham, không sân và không si, Tỳ-kheo ấy có thể tự nói trước: uSự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau.” Ví như trụ đá dài mười sáu khuỷu tay, cắm vào lòng đất tám khuỷu tay, gió bốn phương thổi đến cũng không thể lay động được. Giống như thế, Tỳ-kheo tâm pháp khéo tu tâm rồi, đều xa lìa tâm tham dục, sân nhuế và ngu si, được pháp không tham, không sân và không si, có the tự nói trước: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Ví như người đót lửa chưa cháy, cháy roi thì không đót nữa. Giông như thê, Tỳ-kheo tâm pháp khéo tu tâm roi thì xa lìa tâm tham dục, sân nhuê và ngu si, được pháp không tham, không sân và không si, có the tự nói trước: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe rồi? hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ A

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở đó. Sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y, mang bát vào thành Vương Xá khất thực. Khất thực xong, ngồi bên cội cây thọ trai. Đang lúc

ây có một nữ ngoại đạo xuất gia tên Tịnh Khâu từ trong thành Vương Xá đi ra có chút việc, gặp Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi ăn bên cội cây, bà tiến tới hỏi: -Sa-môn đang ăn đấy à? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Vâng, đang ăn! Sa-môn đang ăn cách hạ khẩu thực phải không?

Thưa tỷ muội, không! Hay là ngưỡng khẩu thực?

Thưa tỷ muội, không! Chắc là phương khẩu thực?

-Thưa tỷ muội, không! -Như vậy là tứ duy khẩu thực phải không? Thưa tỷ muội, không! Nữ ngoại đạo lại hỏi: -Tôi hỏi Sa-môn đang ăn, Sa-môn đáp là đang ăn, tôi hỏi Sa-môn ăn cách hạ khẩu thực phải không, Sa-môn đáp không. Tôi hỏi về ngưỡng khẩu thực, phương khẩu thực và tứ duy khẩu thực, Sa-môn đều trả lời không. Sa-môn trả lời như vậy là ý nghĩa gì? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Thưa tỷ muội, có các Sa-môn hay Bà-la-môn hiểu rành công việc, rõ cách tà vạy, kiếm ăn nuôi sống một cách tà vạy thì Sa-môn9 Bà-la-môn ấy là hạ khẩu thực. Nêu Sa-môn, Bà-la-môn ngước xem hiện tượng trăng sao, kiêm ăn nuôi sông một cách tà mạng như thê thì Sa-môn, Bà-la-môn ây là ngưỡng khâu thực. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn vì người sai đi làm sứ mạng kiếm ăn một cách tà mạn, như thế Sa-môn, Bà-la-môn ấy là phương khẩu thực. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn làm thầy thuốc tri các bệnh, kiếm ăn nuôi sống một cách tà mạn, như thế Sa-môn5 Bà-la-mon ấy là tứ duy khẩu thực. Này tỷ muội, tôi không kiếm ăn theo bốn thứ tà mạn ấy, tôi chỉ đúng pháp mà kiếm ăn để tự sống. Do đó, tôi nói với tỷ muội là không kiếm ăn theo bốn cách tà mạn đó. Khi nữ ngoại đạo xuất gia ten Tịnh Khẩu nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cáo từ, rồi bà đi đến giữa ngã tư đường trong thành

KINH TẠPA-HÀM 405

Vương Xá, khen ngợi rằng: uSa-môn Thích tử sinh sống thanh tịnh, thật thanh tịnh. Nếu người nào muốn bố thí cúng dường thì nên bố thí cúng dường cho Sa-môn Thích tử, nếu muốn tạo phước thì nên đến Sa-môn Thích tử tạo phước.55 Lúc ấy có các Sa-môn ngoại đạo nghe nữ ngoại đạo xuất gia tên Tịnh Khẩu khen ngợi Sa-môn họ Thích, bèn khởi tâm tật đô hại bà ây. Nữ ngoại đạo đó bi họ hại chết, sanh lên cõi trời Đâu-suất, do sanh lòng tin với Tôn giả Xá-lợi-phất.

KINH SỐ 501 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà quật, thành Vương Xá, bảo các Tỳ-kheo: -Có một lần đức Thế Tôn ở tại Vườn Trúc Ca-lan-đà, tôi cũng đang ở trong núi Kỳ-xà quật, một mình ở chỗ vắng, khởi nghĩ rằng: "Thế nào là sự im lặng của bậc Thánh?" Lại nghĩ: í6Nếu có Tỳ-kheo bặt dứt có giác, có quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, chánh định sanh ra hỷ lạc, an trụ trọn vẹn ở Nhị thiền. Đó gọi là im lặng như bậc Thánh." Lại nghĩ: "Nay ta cũng nên im lặng như bậc Thánh, bặt dứt có giác, có quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, chánh định sanh hỷ lạc, an trụ đầy đủ, đã an trụ nhiều rồi, tâm lại khởi có giác, có quán." Bấy giờ? Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm tôi, tức thì Ngài biến mất ở tinh xá Trúc Viên và hiện ở núi Kỳ-xà quật, trước mặt tôi, Ngài nói với tôi rang: "Này Mục-kiền-liên! Thầy nên im

lặng như bậc Thánh, chớ sanh buông lung.” Tôi nghe Thế Tôn nói xong, tức thì xa lìa có giác, có quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác không quán, chánh định sanh hỷ lạc, an trụ đây đủ Nhị thiên. Ba lần như vậy, Phật cũng dạy tôi ba lần: "Thày nên im lặng như bậc Thánh chớ buông lung.” Tôi lại bặt dứt có giác, có quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, chánh định sanh hỷ lạc, an trụ đầy đủ vào Tam thiền. Nấu nói đúng, người Phật tử từ miệng Phật sanh, từ Pháp hóa sanh, được phần Phật pháp, người ấy chính là tôi vậy. Vì sao? Vì tôi là Phật tử, từ miệng Phật sanh, từ Pháp hóa sanh, được phần Phật pháp, dùng phương tiện ít mà được thiền giải thoát, tam-muội chánh thọ. Ví như thái tử lớn của Chuyển Luân Thánh Vương tuy chưa làm lễ quán đảnh nhưng đã được phép vua không cần phương tiện, có thê được công năng ngũ dục. Tôi cũng như the, là con của Phật, không cân phương tiện, có the được thiền giải thoát, tam-muội chánh thọ. Trong một ngày, Thế Tôn dùng thần thông ba lần đến chỗ tôi, ba lần dạy dỗ tôi, đem chỗ của bậc Đại nhân kiến lập cho tôi. Sau khi Tôn giả Mục-kiền-liên nói kinh này, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

406 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở trong núi Kỳ-xà quật, thành Vương Xá? bảo các Tỳ-kheo: Một thời, Thế Tôn ở thành Vương x tôi ở trong núi Kỳ-xà quật, một mình ở chỗ vắng, khởi nghĩ rằng: "Tại sao gọi là Thánh trụ?" Lại nghĩ: “Nếu có Tỳ-kheo không nghĩ tất cả tướng vô tướng, tâm chánh thọ, thân tác chứng đầy đủ. Đó gọi là Thánh trụ.^, Tôi nghĩ rằng: "Ta phải ở nơi Thánh trụ này, không nghĩ tới tất cả tướng vô tướng, tâm chánh thọ, thân tác chứng đầy đủ, an trụ và an trụ nhiều, khi đã an trụ nhiêu rồi, tâm chấp tướng lại sanh." Bấy giờ, Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm tôi, trong khoảnh khắc như lực sĩ duỗi cánh tay, dùng sức thần thông biến mất ở tinh xá Trúc Viên và hiện ở núi Kỳ-xà quật, đến trước tôi, Ngài nói: "Này Mục-kiền-liên! Thầy nên trụ vào chỗ trụ của bậc Thánh, chớ sanh buông lung.59 Tôi nghe Thế Tôn dạy xong, liền lìa tất cả tướng vô tướng, tâm chánh thọ, thân tác chứng an trụ đầy đủ, ba lần như thế. Thế Tôn cũng ba lần đến dạy toi: "Thầy nên trụ chỗ Thánh trụ, chớ sanh buông lung.” Tôi nghe dạy xong, liền xa lìa tất cả tướng vô tướng, tâm chánh thọ, thân tác chứng an trụ đầy đủ. Chư Đại đức! Nếu nói đúng, người Phật tử từ miệng Phật sanh, từ Pháp hóa sanh, được phần Phật pháp; người ấy chính là tôi vậy. Vì sao? Vì tôi là Phật tử thì chính tôi từ miệng Phật sanh, từ Pháp hóa sanh, được phần Phật pháp, dùng ít phương tiện, được thiên giải thoát, tam-muội chánh thọ. Ví như thái tử của Chuyển Luân Thánh Vương, tuy chưa làm lễ quán đảnh, nhimg đã được phép vua, không cần phương tiện, vẫn được công năng của ngũ dục. Tôi cũng như thế, là con của Phật không cần phương tiện, được thiền giải thoát, tam-muội chánh thọ. ở trong một ngày mà Thế Tôn dùng thần lực đến chỗ tôi ba lần, và dạy tôi ba lần, đem chỗ của bậc Đại nhân kiến lập cho tôi. Tôn giả Mục-kiền-liên nói kinh này xong, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 503 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ? chư Tôn giả Xá-lợi-phât? Đại Mục-kiên-liên, A-nan cùng ở

chung một phòng tại thành Vương Xá, Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, vào cuối đêm, trời gân sáng, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên: Lạ thay! Tôn giả Mục-kiền-liên! Hôm nay Tôn giả trụ vào chánh định văng lặng, tôi không nghe tiếng thở của Tôn giả.

Tôn giả Mục-kiền-liên trả lời: Đó không phải là chánh định tịch tịnh mà chỉ là ở vào thô chánh định. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đêm nay tôi hầu chuyện với Thế Tôn. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Thưa Tôn giả Mục-kiền-liên! Thế Tôn đang trú tại vườn cấp Cô Độc, nước Xá-vệ? cách đây rất xa làm sao hầu chuyện được? Còn Tôn giả đang ở Vườn Trúc làm sao hầu chuyện được hay là Tôn giả dùng sức thần thông đến chỗ Thế Tôn, hay là Thế Tôn dùng sức thần thông đến chỗ Tôn giả? Tôn giả Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: -Tôi không dùng sức thần thông đến chỗ Thế Tôn, Thế Tôn cũng không dùng sức thần thông đến chỗ toi. Nhưng tôi vẫn nghe lời Phật ở trong thành Vương Xá, nước Xá-vệ. Vì Thế Tôn và tôi đều có thiên nhãn và thiên nhĩ, nên toi co the hoi The Ton ve sự an can tinh tan: "Thế nào gọi là ân cần tinh tấn?" The Ton đáp: “Này Mục-kiền-liên! Nếu Tỳ-kheo ban ngày kinh hành hay ngồi thiền do không bị pháp chướng ngại nên tự tinh tâm mình; đầu đêm hoặc ngồi thiền hay kinh hành, do không bi pháp chướng ngại nên tự tịnh tâm mình; vào giữa đêm ra khỏi phòng, rửa chân, trở vào nam nghiêng hông bên phải, hai chân xếp lên nhau, nhiếp niệm về tướng sáng, chánh niệm, chánh trí, dấy khởi tư duy. Đen cuối đêm từ từ thức dậy, hoặc ngồi thiền hay kinh hành, do không bị pháp chướng ngại, nên tự tịnh tâm mình. Này Mục-kiền-liên! Đây gọi là Tỳ-kheo ân cần tinh tan. Ton gia Xa-lợi-phat noi vơi Ton gia Muc-kien-lien: -Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thật là có sức thần thông lớn, sức công đức lớn, an tọa mà ngồi; tôi cũng có sức công đức lớn, được cung ở chung với Tôn giả. Thưa Tôn giả Mục-kiền-liên, ví như núi lớn có người cầm một hòn đá nhỏ ném vào thì đá cùng màu sắc với núi. Tôi cũng như thế, được cùng với Tôn giả sức lớn, đức lớn, ngồi cùng tòa. Ví như vật đẹp đẽ tươi tốt của thế gian được mọi người tôn trọng. Cũng vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đức lớn, sức lớn, những người Phạm hạnh đều phải cung kính tôn trọng. Ai được gặp Tôn giả Mục-kiền-liên5 qua lại kết thân, cung kính cúng dường, người ấy được lợi ích lớn. Nay tôi được cùng Tôn giả Mục- kiền-liên kết thân qua lại, cũng được lợi ích tốt đẹp. Khi ấy5 Tôn giả Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Nay tôi được cùng với bậc Đại trí, Đại đức Xá-lợi-phất ngồi cùng tòa, cũng giống như cầm hòn đá nhỏ ném vào núi lớn, đá cùng màu sắc với núi. Tôi cũng như thế, được cùng với Tôn giả Xá-lợi-phất ngồi cùng tòa, làm bạn. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người cáo từ trở về chỗ của mình.

KINH SỐ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở trong núi Kỳ-xà quật. Khi ấy, Vua Thích-đề-hoàn-nhơn ở Thượng Diệu đường quán, trong đêm ông ta đi đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên, cúi đầu lễ dưới chân, rồi lui ngồi một bên. Bấy giờ, ánh sáng của Thích-đề-hoàn-nhơn chiếu rực khắp cả núi Kỳ-xà quật. Lúc ấy, Thích- đề-hoàn-nhơn

ngồi xuống liền đọc bài kệ: Điều phục tánh keo kiệt, Đại đức tùy thời thí, Là bậc Hiền bố thí, Đời sau thấy thù thắng. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Đế-thích: Này Kiều-thi-ca! Thế nào là điều phục keo kiệt, thấy được thù thắng mà ông nói rang: Điều phục tánh keo kiệt, Đại đức tùy thời thí, Là bậc Hiền bố thí, Đời sau thấy thù thắng? Đế-thích đáp: -Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, là bậc thù thắng hơn dòng Bà-la-môn? thù thắng hơn dòng Sát-đế-lợi, thù thắng hơn dòng trưởng giả, thù thắng hơn cả Tứ Thiên Vương thiên, hơn cả trời Ba Mươi Ba. Con cúi đầu đảnh lễ, kính thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Con vì bậc thù thắng hơn dòng Bà-la-môn5 thù thăng hơn dòng lớn Sát-đê-lợi, thù thăng hơn dòng lớn trưởng giả, thù thăng hơn cả Tứ Thiên Vương và trời Ba Mươi Ba, cung kính làm lễ và được phước báu này, nên nói bài kệ đó. Lại nữa, thưa Tôn giả Mục-kiền-liên? cho đến mặt trời đi vòng quanh, chiếu sáng khắp noi, đến ngàn thế giới, ngàn mặt trăng, ngàn mặt trời, ngàn núi chúa Tu-di, ngàn Phất-bà-dề-xá, ngàn Uất-đa-la-đề-xá, ngàn Cù-đà-ni-ca, ngàn Diêm-phù-đề? ngàn Tứ Thiên Vương, ngàn Tam Thập Tam thiên, trời Diệm- ma, trời Đâu-suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, ngàn Phạm thiên gọi là tiểu thiên thế giới. Trong tiểu thiên thế giới này, không có đường quán và Tỳ- xá-duyên đường quán, nhưng Tỳ-xá-duyên đường quán có một trăm lẻ một lầu quán, quán có bảy lớp, lớp có bảy phòng, phòng có bảy thiên hậu, mỗi thiên hậu có bảy thị nữ. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! ở tiểu thiên thế giới không có đường quán trang nghiêm như ở Tỳ-xá-duyên. Con thấy điều phục tánh keo kiệt thì có được diệu quả này, nên con nói kệ đó. Tôn giả Mục-kiền-liên nói với trời Đế-thích: -Lành thay! Lành thay! Kiều-thi-ca5 ông thấy được quả báo thắng diệu này nên nói bài kệ vừa rồi. Khi ấy, trời Đế-thích nghe Mục-kiền-liên nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, liền biến mất.

KINH TẠPA-HÀM 409

KINH SỐ 505 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá. Khi áy, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên đang ở trong núi Kỳ-xà quật, một mình ở chỗ vắng thiền định, tư duy, khởi nghĩ rằng: "Lúc tnrớc, có lần Thích-đề- hoàn-nhơn ở trong hang đá núi Giới Cách, đã hỏi Thế Tôn về nghĩa ái sạch được giải thoát. Thế Tôn đã trả lời, Đế-thích nghe xong tùy hỷ. Dường như ông ấy còn muốn hỏi lại nghĩa khác nữa, nay ta phải đi ngay đen hỏi về ý tùy hỷ của Đế-thích/5 “ Nghĩ như thế rồi, trong khoảnh khắc như lực sĩ duỗi cánh tay. Mục-kiền- liên biến mất ở núi Kỳ-xà quật đến cõi trời Ba Mươi Ba và đứng gần ao Phân- đà-lợi. Bấy giờ, Đế-thích đang tắm trong ao, vui chơi với năm trăm thể nữ, có các thiên nữ âm thanh mỹ diệu. Khi ấy, Đấ-thích từ xa trông thấy Tôn giả Mục- kiền-liên, liền bảo các thiên nữ: Đừng hát nữa! Đừng hát nữa! Tức thì các thiên nữ im lặng. Đế-thích liền đi đến chỗ Tôn giả Mục-kiền- liên, cúi đầu lễ chân Tôn giả, rồi lui đứng một bên. Tôn giả Mục-kiền-liên hỏi trời Đế-thích: Ông trước kia ở trong núi Giới Cách đã hỏi Thế Tôn về nghĩa ái sạch được giải thoát, nghe rồi tùy hỷ, ý ông thế nào? Vì nghe Phật nói xong tùy hỷ, hay là còn muốn hỏi nghĩa khác nữa mà ông tùy hỷ chăng? Đế-thích đáp: Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Con, vua trời Ba Mươi Ba, say đắm buông lung theo dục lạc, hoặc nhớ việc trước, hoặc có khi khôĩiệ nhớ. Đức Thế Tôn hiện ở Vườn Trúc Ca-lan-dà, thành Vương Xá, Tôn giả muôn biết việc con đã hỏi ở núi Giới Cách, Tôn giả có thể đến hỏi đức Thế Tôn. Tôn giả theo lời The Tôn dạy mà thọ trì.

Nhưng ở đây con có đường quán khang trang, mới làm xong chưa bao lâu, mời Tôn giả vào thăm. Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên im lặng nhận lời, liền cùng với Đế-thích đi vào đường quán. Các thiên nữ vừa trông thấy Đế-thích đến, liền trỗi nhạc trời, ca múa. Các thiên nữ trang nghiêm thân bằng anh lạc, phát ra âm thanh vi diệu hợp với ngũ nhạc, như khéo trỗi nhạc âm thanh không khác. Các thiên nữ chợt thay Tôn giả Mục-kiền-liên bèn hổ thẹn, lui vào trong trốn mất. Trời Đế-thích thưa với Tôn giả Mục-kiền-liên: -Tôn giả xem đường quán này đất tốt5 bằng phẳng, tường vách cột kèo, lầu gác, cửa nẻo, màn lưới thảy đều trang nghiêm tốt đẹp. Tôn giả Mục-kiền-liên nói với Đế-thích: A A

Này Kiêu-thi-ca! Nhờ nhân duyên trước tu thiện pháp, đây đủ phước đức mới thành tựu được diệu quả này.

410 KINH TẠPA-HÀM

Đế-thích ba lần tự khen ngợi như vậy, rồi hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên, Tôn giả cũng ba lần trả lời. Lúc đó, Tôn ệiả Mục-kiền-liên liền khởi nghĩ: "Hiện tại trời Đế-thích này quá phóng dật, đăm trước chỗ ở thiên thân, ca ngợi mãi đường quán này. Ta sẽ làm cho tâm ông sanh nhàm lia." Tôn giả liền nhập đinh dùng sức thần thông, dùng một ngón chân hất ngôi đường quán, thời tất cả rung chuyển đảo lộn. Xong rồi Tôn giả liền biến mất. Các thiên nữ thấy đường quán bị đảo lộn, rung chuyển hoảng hốt sợ hãi, vội vàng chạy đến tâu với trời Đế-thích: Thầy của Kiều-thi-ca có sức công đức lớn như vậy ư? Đế-thích đáp: -Tôn giả cũng chẳng phải là thầy của ta, mà là đệ tử của thầy ta. Tôn giả Phạm hạnh thanh tinh, công đức rất lớn. Các thiên nữ nói: Lành thay, Kiều-thi-ca! Có được người đồng học có Phạm hạnh, đức lực lớn lao như vậy, huống gì là đức lực của bậc Đại sư thì không biết thế nào nữa!

KINH SỔ 506 A

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú trên tảng đá xốp mềm, màu trắng xám, tại cõi trời Ba Mươi Ba, cách hương thọ Ba-lê-gia-đa-la-câu-tỳ-đà-la không xa. Ngài an cư ở đó để thuyết pháp cho mẫu thân Ngài và chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang an cư ở nước Xá-vệ, rưng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Khi ấy toàn thể tứ chúng, đồng đến chỗ Tôn giả Mục-kiền- liên? lễ chân Tôn giả và cùng lui ngồi một bên, thưa với Tôn giả Mục-kiền-liên: -Tôn giả có biết đức Thế Tôn an cư ở đâu không? Tôn giả Mục-kiền-liên đáp: Ta nghe Thế Tôn ở trên tảng đá xốp mềm, màu trắng xám, tại cõi trời Ba Mươi Ba, cách hương thọ Ba-lê-gia-đa-la-câu-tỳ-đà-la không xa. Ngài an cư ở đó để thuyết pháp cho mẫu thân và chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Sau khi nghe Tôn giả Mục-kiền-liên nói thế, tất cả tứ chúng đều hoan hỷ? tùy hỷ, đứng dậy làm lễ cáo từ. Bay giờ, bốn chúng đã trải qua ba tháng an cư, lại cùng nhau đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên? cúi đầu lễ chân Tôn giả, rồi lui ngồi một bên. Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên vì tứ chúng thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo. Khai thị, chỉ giáo xong, Tôn giả đứng im, tứ chúng đứng dậy đảnh lễ và thưa với Tôn giả Mục- kiền-liên: -Tôn giả nên biết, chúng tôi không được thấy đức Thế Tôn đã lâu, lòng rất khao khát muốn thấy Thế Tôn. Xin Tôn giả nếu không mệt mỏi, hãy vì chúng

tôi lên cõi trời Ba Mươi Ba thay cho chúng tôi hỏi thăm Thế Tôn ít bệnh, ít não, đi ở an lạc, nhẹ nhàng chăng. Và Tôn giả bạch với Thế Tôn là tứ chúng ở Diêm-phù-đề mong gặp Thế Tôn, nhưng vì không có thần lực bay lên cõi trời Ba Mươi Ba để kính lễ Thế Tôn, còn trời Ba Mươi Ba thì có thần lực đi xuống nhân gian. Cúi mong Thê Tôn rủ lòng thương xót trở lại cõi Diêm-phù-đê. Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Tất cả tứ chúng biết Tôn giả đã im lặng nhận lời rồi, hoan hỷ đứng dậy làm lễ ra về. Bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên biết bốn chúng đã đi, liền nhập định, trong khoảnh khắc như lực sĩ duỗi cánh tay, từ nước Xá-vệ biến mất, hiện ra chỗ tảng đá xốp mềm, màu trắng xám ở cõi trời Ba Mươi Ba cách hương thọ Ba-lê-gia- đa-la-câu-tỳ-đà-la không xa. Bấy giờ, đức Thế Ton đang thuyết pháp cho chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba cùng vô lượng quyến thuộc đang vây quanh. Tôn giả Mục-kiền-liên vừa trônệ thấy Thế Tôn, liền hân hoan vui mừng, nghĩ rằng: “Nay Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng, chư thiên vây quanh, không khác gì chúng hội ở DiOm-phíi-dề.” Thế Tôn khi ấy liền biết được ý nghĩ của Tôn giả Mục-kiền- liên, bèn nói với Tôn giả Mục-kiền-liên: Này Mục-kiên-liên! Khi Ta muôn thuyêt pháp cho chư thiên nghe, không phải dùng thần lực khiến họ đến hay khiến họ trở về, mà là tùy tâm họ muốn đến nghe hay trở về. Lúc này, Tôn giả Mục-kiền-liên đến lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, trong hàng chư thiên đang vân tập ở đây, có vị đã từng theo Phật nghe thuyết pháp, đối với pháp thành tựu lòng tin thanh tinh không biến hoại, nên khi mạng chúng sanh đến cõi này. Phật bảo Đại Mục-kiền-liên: Đúng vậy, đúng vậy! Trong hàng chư thiên đang vân tập ở đây, có vị đời trước nghe pháp và thành tựu Thánh giới, nên khi thân hoại mạng chung, sanh đến cõi này. Khi ấy, trời Đế-thích thấy Thế Tôn và Tôn giả Mục-kiền-liên khen ngợi chư thiên rồi, thưa với Tôn giả Mục-kiền-liên: -Đúng vậy, đúng vậy! Thưa Tôn giả Mục-kiên-liên, trong chúng hội chư thiên ở

thi

tin thanh tịnh, bất hoại đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, và thành tựu Thánh giới, nên khi thân hoại mạng chung sanh đến cõi này. Lúc đó, có một thiên tử từ tòa đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai hữu, chắp tay bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con cũng thành tựu lòng tin thanh tịnh, bất hoại đối với đức Phật nên được sanh đến đây. Lại có thiên tử nói: -Con được thành tựu lòng tin thanh tịnh, bất hoại, đối với Pháp. Có vị nói: Con thành tựu Thánh giới nên được sanh đến cõi này. Như thế vô lượng ngàn số chư thiên đến trước Thế Tôn mỗi người tự thuật đều được pháp Tu-đà-hoàn, cả thảy ở trước Phật liền biến mất. Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên biết chúng chư thiên đi chưa bao lâu, liền từ tòa đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai phải, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Tứ chúng ở Diêm-phù-đề xin cúi đầu đảnh lễ Thế Tôn, và kính thăm Thế Tôn ít bệnh, ít não, đi ở an lạc, nhẹ nhàng chăng. Tứ chúng mong nhớ, trông gặp Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Chúng con ở nhân gian không có thần lực bay lên cõi trời Ba Mươi Ba để kính lễ Thế Tôn, nhưng chư thiên có thần lực, đức lớn có thể bay xuống Diêm-phù-đề. Cúi xin Thế Tôn thương xót bốn chúng, trở về Di©mph£i-(tè." Phật bảo Tôn giả Mục-kiền-liên: - Thầy

hãy trở về nói với người Diêm-phù-đề5 bảy ngày nữa Thế Tôn sẽ trở lại Diêm-phù-đề, thành Tăng-ca-xá? nơi cây iru-đàm-bát? phía bên ngoài cửa ngoài. Tôn giả Mục-kiền-liên vâng lời Thế Tôn, liền nhập chánh định trong khoảnh khắc như lực sĩ duỗi cánh tay, từ cõi trời Ba Mươi Ba biến mất, hiện đến Diêm- phù-đê báo với tứ chúng răng: -Các người nên biết, bảy ngày nữa Thế Tôn sẽ từ trời Ba Mươi Ba trở lại Diêm-phù-đề, tại thành Tăng-ca-xá? nơi cây ưu-đàm-bát5 phía bên ngoài cửa ngoài. Đúng hẹn bảy ngày Thế Tôn từ cối trời Ba Mươi Ba trở về cõi Diêm- phù-đề, thành Tăng-ca-xá? nơi cây ưu-đàm-bát. Thiên long, quỷ thần cho đến Phạm thiên, đều theo Thế Tôn xuống, chính vào lúc này gọi hội này tên là Thiên Hạ Xứ. '

KINH SỐ 507 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá? trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

KINH TẠPA-HÀM 413

Khi ấy, có bốn mươi thiên tử đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên, cúi đầu đảnh lễ? rồi lui ngồi một bên. Bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên nói với các thiên tử: Lành thay, các thiên tử! Đối với đức Phật được thành tựu lòng tin thanh tịnh chẳng biến hoại; đối với Pháp, Tăng thành tựu lòng tin thanh tịnh chẳng biến hoại. Bốn mươi thiên tử từ tòa đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai phải, chắp tay thưa với Tôn giả Mục-kiền-liên: Thưa Ton giả! Chúng con đối với Phật thành tựu lòng tin thanh tịnh chẳng biến hoại; đối với Pháp, Tăng thành tựu lòng tin thanh tịnh, chẳng biến hoại; thành tựu Thánh giới, nên được sanh lên cõi trời. Có một thiên tử nói: -Đôi với Phật thành tựu lòng tin thanh tinh chăng biên hoại. Có vị nói: Đoi với Pháp thành tựu lòng tin thanh tinh chẳng biến hoại.

Có vị nói: -Đoi với Tăng thành tựu lòng tin thanh tinh chẳng biến hoại. Có vị nói: -Được thành tựu Thánh giới, nên khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời. Bốn mươi thiên tử đều đến trước Tôn giả Mục-kiền-liên9 mỗi người thuật lại sự thành tựu của mình và tự nhận đã được Tu-đà-hoàn quả, liền biến mất. Giống như bốn mươi thiên tử; cũng thế bốn trăm, tám trăm, mười ngàn thiên tử cũng nói như thế.

KINH SỐ 508 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên và Tôn giả Lặc-xoa-na đang cùng ở trong núi Kỳ-xà quật. Bấy giờ, Tôn giả Lặc-xoa-na sáng sớm đi đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên, mời Tôn giả Mục-kiền-liên đi ra khỏi núi Kỳ-xà quật, vào thành Vương Xá khất thực. Tôn giả Mục-kiền-liên im lặng nhận lời và hai Tôn giả cùng đi vào thành Vương Xá khất thực. Đi đến một nơi, Tôn giả Mục-kiền-liên trong tâm khởi niệm, liên vui tươi mỉm cười. Tôn giả Lặc-xoa-na thây Tôn giả Mục-kiền-liên mỉm cười, liền hỏi: Nêu đức Phật và các đệ tử vui tươi, mỉm cười không phải là không có duyên cớ. Hôm nay Tôn giả do nhân duyên gì lại mỉm cười như vậy? Tôn giả Mục-kiền-liên đáp:

414 KINH TẠP A-HÀM

-Câu hỏi chưa đúng lúc, chờ khất thực xong, trở về chỗ Thế Tôn sẽ hỏi việc này5 khi ấy thầy nên hỏi, tôi sẽ nói cho thầy nghe. Hai Tôn giả vào thành Vương Xá khát thực xong, trở vê rửa chân, cát y bát, roi cung đi đen cho The Ton cui đâu le chan Phạt, lui ngoi

mọt ben. Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên: -Sáng nay tôi cùng với thầy ra khỏi núi Kỳ-xà quật, đi khất thực, đến chỗ nọ? thầy lại vui vẻ mỉm cười, tôi liền hỏi thầy cười việc gì? thầy nói tôi hỏi không đúng lúc. Bây giờ tôi hỏi: "Vi nhân duyên gì thầy vui vẻ mỉm cuòd?" Tôn giả Mục-kiền-liên đáp: Giữa đường tôi thấy một chúng sanh, thân to như cái lầu các, khóc lóc, kêu gào, buồn khổ, đau đớn, đi trên hư không. Tôi khởi nghĩ chúng sanh này mang cái thân như thế mà còn đau khổ buồn rầu quá như vậy, nên tôi mỉm cười. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Trong chúng Thanh văn của Ta, người có thực nhãn, thực trí, thực nghĩa, thực pháp, quyết định thông suốt, thấy chúng sanh này; Ta cũng thấy chúng sanh này mà không nói, sợ người không tin. Vì sao? Như Lai đã nói: “Những người không tin là kẻ ngu si, mãi mãi thọ kho?9 Phật bảo: Này các Tỳ-kheo! Thời quá khứ, chúng sanh có thân to lớn kia ở tại thành Vương Xá này làm người đồ tể giết trâu bò. Do tội giết trâu bò nên ở trong trăm ngàn năm đọa vào địa ngục, ra khỏi địa ngục, tội giết trâu bò còn dư báo, nên phải chịu cái thân như thế, phải thọ sự đau khổ buồn rầu như vậy. Thế nên, các Tỳ-kheo, giống như người mà Mục-kiền-liên đã thấy, không khác. Các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 509 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên và Tôn giả Lặc-xoa-na đang cùng ở trong núi Kỳ-xà quật. Bay giờ, Tôn giả Lặc-xoa-na sáng sớm đến chỗ Tôn giả Mục- kiền-liên, mời Tôn giả Mục-kiền-liên đi ra khỏi núi Kỳ-xà quật, vào thành Vương Xá khất thực. Tôn giả Mục-kiền-liên im lặng nhận lời, cả hai Tôn giả cùng ra khỏi núi Kỳ-xà quật, vào thành Vương Xá khất thực. Đi đến một nơi, Tôn giả Mục-kiền-liên trong tâm khởi niệm, liền vui tươi mỉm cười. Tôn giả Lặc-xoa-na thấy Tôn giả Mục-kiền-liên mỉm cười, liền hỏi: Khi đức Phật và chư đệ tử vui tươi mỉm cười, không phải là không có duyên cớ. Hôm nay Tôn giả do nhân duyên gì lại mỉm cười như vậy?

KINH TẠPA-HÀM 415

Tôn giả Mục-kiền-liên đáp: -Câu hỏi chưa đúng lúc, chờ khất thực xong, trở về chỗ Thế Tôn, lúc ấy thầy nên hỏi, tôi sẽ nói cho thầy nghe. Hai Tôn giả vào thành Vương Xá khất thực xong, trở về rửa chân, cất y bát, roi cung đi đen cho The Ton, cui đâu le chân Phật, lui ngôi một bên. Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên: Sáng nay tôi cùng với thầy vào thành Vương Xá khất thực, đến chỗ nọ? thầy lại vui vẻ mỉm cười, tôi liền hỏi thầy cười việc gì, thầy nói tôi hỏi không đúng lúc. Nay tôi hỏi: "Vi nhân duyên gì mà thầy vui tươi mỉm cu&i?" Tôn giả Mục-kiền-liên đáp: Giữa đường tôi thấy một chúng sanh gân với xương liền nhau, thân thể dơ bẩn, hôi hám ghê rợn, bi quạ? diều, két, kên kên, dã can, chó đói chạy theo mổ ăn, hoặc móc nội tạng từ xương sườn ra ăn, cực kỳ đau đớn, kêu la gào thét. Tôi thấy vậy liền nghĩ: “Chứng sanh này mang cái thân như thế, lại còn chiu sự thống Idiổ kinh khiếp như thế. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Lành thay, Tỳ-kheo! Trong hàng Thanh văn của Ta, có người đã trụ thực nhãn, thực trí, thực nghĩa, thực pháp, quyết định thông suốt, thấy chúng sanh như thế; Ta cũng thấy chúng sanh này, mà không nói? vì sợ người không tin. Vì sao? Vì Như Lai đã nói: “Những người không tin là kẻ ngu si, mãi mãi chiu thống khổ.59 Này các Tỳ-kheo!

Chúng sanh kia vào thời quá khứ, ở thành Vương Xá này là đệ tử của người giết trâu bò9 do tội giết trâu bò nên trải qua trăm ngàn năm? đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ, do dư báo của tội giết trâu bò còn lại, nên ngày nay phải mang cái thân này và tiếp tục chịu khổ như vậy. Này các Tỳ- kheo! Giống như người mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy, đúng thật không khác. Các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 510 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên và Tôn giả Lặc-xoa-na đang cùng ở trong núi Kỳ-xà quật. Bấy giờ, Tôn giả Lặc-xoa-na sáng sớm đi đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên; mời Tôn giả Mục-kiền-liên đi ra khỏi núi Kỳ-xà quật, vào thành Vương Xá khất thực. Tôn giả Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Cả hai Tôn giả cùng ra khỏi núi Kỳ-xà quật, vào thành Vương Xá khát thực. Đi đến một nơi, Tôn giả Mục-kiền-liên trong tâm khởi niệm, liền vui vẻ mỉm cười. Tôn giả Lặc- xoa-na thấy Tôn giả Mục-kiền-liên mỉm cười liền hỏi:

Khi đức Phật và các đệ tử vui tươi mỉm cười không phải không có duyên cớ. Hôm nay, Tôn giả do duyên cớ gì lại mỉm cười như vậy? Tôn giả Mục-kiền-liên đáp: Câu hỏi chưa đúng lúc5 chờ khất thực xong, trở về chỗ Thế Tôn sẽ hỏi việc này, lúc ấy thầy nên hỏi. Hai Tôn giả vào thành Vương Xá khát thực, ăn xong, trở vê rửa chân, cát y bát rồi cùng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên: Sáng nay tôi cùng với thây vào thành Vương Xá khát thực, đên một chô nọ, thầy lại vui vẻ mỉm cười, tôi liền hỏi thầy cười việc gì. Thầy nói tôi hỏi không đúng lúc. Nay tôi hỏi vì nhân duyên gì mà thầy vui vẻ mỉm cười? Tôn giả Mục-kiền-liên đáp: Giữa đường tôi thấy một chúng sanh to lớn, toàn thân không có da bao bọc, chỉ là một khối thịt, đi trong hư không, bi quạ, diều, két, kên kên, dã can, chó đói rượt theo cấu xé để ăn? hoặc moi nội tạng ra khỏi xương sườn để ăn. Thống khổ bức bách, kêu la thảm thiết. Tôi liền suy nghĩ: "Chúng sanh này phải mang cái thân như thế, còn phải chịu sự đau đớn kinh khủng như vậy.,, Phật bảo các Tỳ-kheo: -Lành thay, Tỳ-kheo! Trong hàng Thanh văn của Ta, có người tru thực nhãn, thực trí, thực nghĩa, thực pháp quyết đinh thông suốt, thấy chúng sanh này, Ta cũng thấy chúng sanh này nhưng không nói, sợ người không tin. Vì sao? Như Lai nói điều gì, người không tin thì người ấy là kẻ ngu, mãi mãi phải chịu khổ não. Này các Ty-kheo! Chúng sanh kia vào thời quá khứ đã ở thành Vương Xá này làm nghề giết dê. Do tội ấy nên trải qua trăm ngàn năm đọa vào địa ngục chịu vô lượng khổ, nên nay vị ấy bị mang cái thân này là do tội báo kia còn sót lại, phải tiếp tục chiu khổ ấy. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên đã thấy là đúng thật không khác, các thay phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 511

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá...

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

Giữa đường thấy một chúng sanh thân to lớn, không có da bao bọc, giống như một đống thịt khô đi trong hư không...

Phật bảo các Tỳ-kheo:

KINH TẠPA-HÀM 417

Chúng sanh này, thời quá khứ ở tại thành Vương Xá, làm đệ tử người giết dê. Do tội giết dê nên trải qua trăm ngàn năm, rơi vào địa ngục, chịu vô lượng khổ, nên nay vị ấy phải mang cái thân này và tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên đã thấy là đúng thật không khác, các thay phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ"kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 512 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá... giữa đường thấy một chúng sanh to lớn, toàn thân không có da bao bọc, thân hình như một khối thịt đi trong hư không... Phật bảo các Tỳ-kheo: -Chúng sanh này thời quá khứ ở thành Vương Xá, tự phá thai mình. Do tội này nên rơi vào địa ngục trong trăm ngàn năm, chiu vô lượng khổ, tội báo kia còn sót lại nên nay vị ấy phải mang cái thân như thế và tiếp tục chiu khổ. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên đã thấy là đúng thật không khác, các thầy phải ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 513 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá.;. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh to lớn, thân thể mọc đầy lông, lông như cây kim lớn, mỗi cây kim đều có lửa cháy, đốt ngược lại thân thể, đau buốt tận xương tủy, Phật bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh này thời quá khứ ở tại thành Vương Xá làm nghề luyện voi. Do tội này nên trải qua trăm ngàn năm, đọa vào địa ngục, chiu vô lượng kho, do tội báo kia còn sót lại nên nay vị ấy phải mang cái thân này và tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên đã thấy là đúng thật không sai khác, các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giống như người luyện voi; cũng vậy người luyện ngựa, luyện trâu, người chỉ ưa ức chế kẻ khác, và đem các thứ khổ bức hiếp người cũng lại như thế).

KINH SỐ 514 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá,... Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh to lớn, thân thể mọc đầy lông, sợi lông bén nhọn

như dao, đỏ như lửa cháy trở lại cat đứt thân thê người ây, đau đớn tận xương tủy... Phật bảo Tỳ-kheo: -Chúng sanh này, thời quá khứ ở thành Vương Xá, ưa thích chiến tranh, dùng dao kiếm chém giết người. Do tội này trải qua trăm ngàn năm, đọa vào địa ngục chịu vô lượng khổ, do tội báo địa ngục còn sót lại nên nay vị ấy phải mang cái thân này và tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên đã thấy là đúng thật không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 515 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá,... Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh to lớn, thân thể mọc đầy lông, lông tua tủa như tên, đều bốc lửa, trở lại đốt cháy toàn thân, đau đớn thấu xương tủy... Phật bảo các Tỳ-kheo: -Chúng sanh này thời quá khứ ở thành Vương Xá đã từng làm thợ săn, bắn giết cầm thú. Do tội ấy nên trải qua trăm ngàn năm đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ, tội báo địa ngục còn sót lại, nên nay vi ấy phải mang cái thân này và tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 516 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá,.. dọc đường thấy một chúng sanh to lớn, khắp mình mọc lông, lông bén nhọn như dao, đều bốc cháy trở lại thiêu đốt thân thể, đau đớn thấu xương tủy... Phật bảo các Tỳ-kheo: -Chúng sanh này thời quá khứ ở thành Vương Xá làm kẻ đồ tể giết heo. Do tội ây nên trăm ngàn năm đọa vào trong địa ngục chịu vô lượng khô, tội báo địa ngục còn sót lại, nay vị ấy phải mang cái thân này và tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên đã thấy chân thật là không sai. Các thây phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 517 Tôi nghe như vầy:

_____ KINH TẠPA-HÀM 419

Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá... giữa đường thấy một chúng sanh to lớn, không có đầu, hai bên có mắt, trước ngực có miệng, thân the thường tuôn máu, các loài trùng rúc ria, đau đớn tận xương tủy... Phật bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh này thời quá khứ ở thành Vương Xá, ưa cắt đầu người. Do tội báo ấy phải trải qua trăm ngàn năm đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng, nên nay vi ây phải mang cái thân ấy và tiếp tục chiu khô. Này các Tỳ-kheo, như Đại Mục-kiền-liên đã thấy chân thật là không sai, các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như chặt đầu người, nắm đầu người cũng thế).

KINH SỐ 518 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá... giữa đường thấy một chúng sanh, âm noãn như cái nồi, ngồi thì tựa trên đó, đi thì phải mang lên vai... Phật bảo các Tỳ-kheo: -Chúng sanh này thời quá khứ ở thành Vương Xá, làm thợ rèn, làm đồ giả, dối người. Do tội ấy nên đọa vào địa ngục, tội báo địa ngục còn sót lại nên nay vị ấy phải mang cái thân này và tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các thay phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. r (Như người thợ rèn; cũng vậy người cân lường dôi trá, kẻ thôn chủ, kẻ chủ chợ cũng như thế).

KINH SỐ 519 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá... giữa đường thấy một chúng sanh lấy cái lưới đồng hoặc sắt tự quấn thân, lửa thường cháy đỏ trở lại đốt thân người ấy, đau đớn tận xương tủy, đi giữa hư không. Phật bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh này thời quá khứ ở thành Vương Xá làm người bắt cá. Do tội kia nên đọa vào địa ngục chịu vô lượng khổ, tội báo địa ngục còn sót lại nên nay vị ấy phải mang

cái thân này và tiếp tục chiu khổ. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên thấy là chân thật không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như người bắt cả; cũng vậy bắt chim, lưới thỏ cũng lại như thế).

420 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá... giữa đường thây một chúng sanh trên đầu có cái cối sắt, hừng hực lửa đỏ, xoay lại nghiền tán đầu của người đó, đi trong hư không, chịu vô lượng khổ... Phật bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh này thời quá khứ ở thành Vương Xá làm nghề bói toán cho người nữ, dôi gạt, mê hoặc người đê mưu câu tiên của. Do tội ây nên đọa vào địa ngục, chịu kho vô lượng, tội báo địa ngục còn sót lại nên nay vị ấy phải mang cái thân này và tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 521 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá... giữa đường thấy một chúng sanh thân tự chuyển động xoay như gió xoáy, đi giữa hư không... Phật bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh này thời quá khứ ở thành Vương Xá làm nghề thầy bói mê hoặc nhiều người đe mưu cau tiền của. Do tội ấy nên , 9 • r bị đọa vào địa ngục chịu VÔ lượng khô, tội báo địa ngục còn sót lại, nên nay vị ây phải mang cái thân này và tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 522 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá... giữa đường thấy một chúng sanh lom khom lén lút đi, bộ dạng như sợ hãi, đồ mặc toàn thân đều bốc lửa, trở lại đốt thân, đi giữa hư không... Phật bảo các Tỳ-kheo: -Chúng sanh này thời quá khứ ở thành Vương Xá, ưa hành tà dâm. Do tội ấy nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng, tội báo địa ngục còn sót lại nên nay vị ấy phải mang cái thân ấy và tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên thấy là chân thật không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 421

KINH SỐ 523 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, nơi trú xứ của tiên nhơn. Bây giờ, Tôn giả Mục-kiên-liên và Tôn giả Lặc-xoa-na sáng sớm cũng vào thành Ba-la-nại khất thực. Dọc đường Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vừa suy nghĩ vừa vui vẻ mỉm cười, Tôn giả Lặc-xoa-na thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên: Khi Thế Tôn và các đệ tử của Thế Tôn vui vẻ mỉm cười, ắt hẳn là có duyên cớ. Hôm nay vì sao Tôn giả vui vẻ mỉm cười? Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo Tôn giả Lặc-xoa-na: Câu hỏi này không đúng lúc, chúng ta hãy đi khất thực, khi trở về trước The Ton sẽ hỏi việc nay. Hai Tôn giả cùng vào thành khất thực, ăn xong, trở về rửa chân, cất y bát, đi đen cho The Ton, đanh lê chân Phật, roi lui ngôi một ben. Khi ây, Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên: Sáng nay, giữa đường do nhân duyên gì Tôn giả vui vẻ mỉm

cười? Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Lặc-xoa-na: -Tôi ở giữa đường thấy một chúng sanh to lớn, toàn thân đầy máu mủ, hôi hám, nhơ nhớp, đi trong hư không, chim quạ, chó sói, chó đói chạy theo rỉa thịt, cắn nuốt, kẻ ấy khóc lóc, kêu gào. Tôi suy nghĩ: "Chúng sanh mang thân ấy, chịu khổ như vậy, đau đớn biết bao!" Phật bảo Tỳ-kheo: -Ta cũng thấy chúng sanh này mà chẳng nói ra, vì sợ người không tin. Vì sao? Vì kẻ không tin lời nói của Như Lai là người ngu si, mãi mãi chiu khổ. Chúng sanh này thời quá khứ ở thành Ba-la-nại, là người nữ buôn bán nhan sắc để sinh sống. Khi ấy, có Tỳ-kheo đến chỗ Phật Ca-diếp xuất gia, người con gái ấy đem lòng không trong sạch mời vị Tỳ-kheo ngay thẳng này. Vi Tăng sĩ không hiểu nổi ý cô, cô gái nổi sân5 lấy nước dơ tạt vào thân Tỳ-kheo. Do tội này bị đọa vào địa ngục, chiu vô lượng khổ, tội báo địa ngục còn sót lại nên nay vị ấy phải mang thân này và tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo, như Đại Mục-kiền-liên thấy là chân thật không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 524 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, nơi vườn Lộc Dã, trụ xứ của tiên nhơn... giữa đường thấy một chúng sanh thân hình to lớn, toàn thân lửa cháy,

đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào, chịu đau đớn khổ não... Phật bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh này thời quá khứ ở thành Ba-la-nại là đệ nhát phu nhân của Tự Tại vương, cùng ngủ với nhà vua, bỗng nổi lòng sân giận, lấy dầu thắp đèn rưới lên thân vua. Do tội nay đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng, tội báo địa ngục còn sót lại nên nay vị ấy phải mang cái thân này và tiếp tục chịu kho. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên thấy là chân thật không sai. Các thay phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 525 Tôi nghe như vây: Một •__ thời, Phật : tru ở nước \ Ba-la-nại, • • tại vườn Lộc r Dã, nơi trú xứ của tiên nhơn... Tôn giả Đại Mục-kiên-liên nói ở dọc đường thây một chúng sanh, toàn thân nhơ nhớp, bôi đầy phẩn uế và cũng ăn phẩn uế, đi giữa hư không, hôi hám khổ não, khóc lóc kêu gào... Phật bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh này thời quá khứ ở nơi thành Ba-la-nại làm thầy Bà-la-môn của Tự Tại vương, vì tâm tật đố thỉnh Phật Ca-diếp và chúng Thanh văn, lấy phẩn uế làm dính trên thức ăn, thử xúc não chúng Tăng. Do tội ấy nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng, tội báo địa ngục còn sót lại nên nay vị ấy phải mang cái thân này và tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên thấy là chân thật không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 526 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tm tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc... Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói ở giữa đường thấy một chúng sanh to lớn, trên đầu đội một cái vạc bàng đồng lớn, sôi sùng sục, trào ra rưới khắp thân thể, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào... Phật bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh này thời quá khứ ở nước Xá-vệ, xuất gia ở chỗ Phật Ca-diếp, làm tri sự, có các thí chủ đem dầu đến cúng cho các Tỳ-kheo. Lúc ấy, có nhiêu khách Tỳ-kheo, vị tri sự này không chia dầu

đúng thời, đợi các khách Tỳ-kheo đi rồi, mới chia. Do tội ấy nên đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng, tội báo địa ngục còn sót lại nên nay vị ấy phải mang cái thân này và tiếp tục chiu khổ. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên thấy là chân thật, không sai, các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 423

KINH SỐ 527 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc... Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường thấy một chúng sanh thân to lớn, có viên sát nóng từ thân ra vào, đi trong hư không, bị đau đớn bức bách, khóc lóc kêu gào... Phật bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh này thời quá khứ ở nước Xá-ve, xuất gia nơi đức Phật Ca- diếp, làm Sa-di giữ vườn cây trái của chúng Tăng, lén trộm bảy trái đem dâng cho Hòa thượng. Do tội ấy nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng, tội báo địa ngục còn sót lại nên nay vi ấy phải mang thân này và tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên thấy là chân thật không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 528 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ... Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường thấy một chúng sanh, thân to lớn, lưỡi rộng dài, thấy có búa bén rực lửa, cắt lưỡi người ấy, đi giữa hư không, khóc lóc, kêu gào... Phật bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh này thời quá khứ ở nước Xá-ve, nơi đức Phật Ca-diếp xuất gia làm Sa-di, dùng dao cắt đường phèn cúng dường chúng Tăng, đường dính trên lưỡi dao, lén lấy ăn. Do tội này nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng, tội báo địa ngục còn sót lại nên nay vị ấy phải mang thân này, và tiếp tục chịu kho. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên thấy là chân thật không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 529 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ... Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói ở giữa đường thấy chúng sanh to lớn, có hai cái vành sắt ở hai bên hông bốc lửa, xoay vần trở lại thiêu đốt thân kia, đi trong hư không, khóc lóc, kêu gào... Phật bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh này thời quá khứ ở nước Xá-vệ, xuất gia nơi Phật Ca-diếp làm Sa-di, đem bánh ngọt cúng dường chúng Tăng, lén lấy hai cái bánh kẹp nơi nách. Do tội ấy nên bi đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng, tội báo địa ngục còn sót lại nên vị này phải mang cái thân này và tiếp tục chịu khô.

424 KINH TẠP A-HÀM

Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên thấy là chân thật không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 530 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ... Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đương thấy một chúng sanh thân hình to lớn, dung lá sắt nóng quấn thân, áo quần, chăn mền, giường nằm đều là sắt nóng, đốt cháy hừng hực, ăn viên sắt nóng, đi trong hư không, khóc lóc kêu gào... Phật bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh này thời quá khứ ở nước Xá-vệ, xuất gia nơi Phật Ca-diếp làm Tỳ-kheo? vì chúng

Tăng khất thực, cúng dường Tăng, còn dư liền tự dùng. Do tội này nên đọa vào địa ngục chịu vô lượng khổ, tội báo địa ngục còn sót lại nên nay vi ấy phải mang cái thân này và tiếp tục chịu kho. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên thấy là chân thật, không sai. Các thay phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như Tỳ-kheo trên; cũng vậy Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cũng lại như thế).

KINH SỐ 531 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ... Tôn giả Đại Mục-kiền-lien nói, ở giữa đường thấy một chúng sanh thân hình to lớn, mang trên cổ chiếc xe sắt đang cháy, chặt đứt gân cổ, tiếp đến chân, gân quấn quanh cổ? đi trên đất sắt nóng, đi trong hư không, khóc lóc, kêu gào... Phật bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh này thời quá khứ ở nước Xá-vệ9 đánh xe trâu để sinh sống. Do tội này nên đọa vào địa ngục chịu vô lượng khổ, tội báo địa ngục còn sót lại nên nay vị ây phải mang thân này và tiếp tục chiu khô. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên thấy là chân thật không sai. Các thây phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 532 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ... Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường thây một chúng sanh, thân hình to lớn, lưỡi rộng dài, bi các cây đinh sát nóng đóng vào lưỡi, đi trong hư không, khóc lóc, kêu gào... Phật bảo các Tỳ-kheo:

-Chúng sanh này thời quá khứ ở nước Xá-vệ? trong pháp Phật Ca-diếp, xuất gia làm Tỳ-kheo Ma-ma-dế, quở trách các Tỳ-kheo rằng: “Này các Trưởng lão! Các ông nên đi khỏi chỗ này, ở đây đạm bạc không thể cung cấp được, mỗi người tùy ý tìm nơi sung túc, đầy đủ cơm áo, giường chiếu, thuốc men, chữa bệnh, chắc có thể đầy đủ không thiếu." Các Tỳ-kheo đã ở trước đó đều bỏ đi, còn khách Tăng nghe thế cũng không đến. Do tội này nên đọa vào trong địa ngục, chịu khổ vô lượng, tội báo địa ngục còn sót lại nên nay vi ấy phải mang thân này và tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên thấy là chân thật không sai. Các thay phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 533 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ... Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường thấy một chúng sanh thân hình to lớn, hình tướng như Tỳ-kheo, quấn tấm sắt làm y phục, toàn thân bị thiêu đốt, cũng lấy bát sắt đựng viên sắt nóng để ăn... Phật bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh này thời quá khứ ở nước Xá-vệ, trong pháp Phật Cadiếp, xuất gia làm Tỳ-kheo Ma-ma-đê5 ác khâu, mượn hình dáng đê măng các Tỳ- kheo, hoặc nói đây là ông trọc xấu xa, đây là ông tác phong xấu, đây là ông y phục xâu. Do lời nói ác như vậy, khiên cho các Tỳ-kheo ở trước đó bỏ đi, các Tỳ-kheo chưa đến chẳng muốn đến. Do tội này nên đọa vào trong địa ngục, chịu vô lượng khô, tội báo địa ngục còn sót lại nên nay vi ây phải mang cái thân này và tiêp tục chịu khô. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên thấy là chân thật không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ

phụng hành.

KINH SỐ 534 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ... Phật bảo các Tỳ-kheo: -Chúng sanh này thời quá khứ ở nước Xá-vệ? nơi pháp Phật Ca-diếp, xuất gia làm Tỳ-kheo ưa thích tranh cãi, làm rối loạn chúng Tăng, lắm mồm mép, làm mất sự hòa hợp. Các Tỳ-kheo ở trước chán ghét bỏ đi, người chưa đến không muốn đến. Do tội này nên đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng, tội báo địa ngục còn sót lại nên nay vị ấy mang thân này và tiếp tục chịu khổ.

426 KINH TẠPA-HÀM

Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên thấy là chân thật không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SO 535 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú

KINH TẠPA-HÀM 427

Thưa Tôn giả Mục-kiền-liên 5 nếu Tỳ-kheo đối với thân thân quán niệm xứ, tâm duyên than chánh niệm trụ, điều phục, dừng nghỉ, lặng lẽ9 nhất tâm tăng tiên. Như the, đôi với thọ..., tâm..., pháp pháp niệm xứ, chánh niệm trụ, điều phục, dừng nghỉ, lặng lẽ, nhất tâm tăng tiến. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Đó gọi là Tỳ-kheo tin ưa bốn niệm xứ. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên như nhập định kia, từ cửa tinh xá Tòng Lâm của nước Xá-vệ, trở về thôn Bạtkỳ, nơi núi Thất-thâu-ma-la, trong rừng Khủng Bố đầy cầm thú.

KINH SỐ 536 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc... Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Tôn giả A-na-luật: Thế nào gọi là tu tập, tu tập nhiều bốn niệm xứ? Tôn giả A-na-luật đáp lời Tôn giả Đại Mục-kiền-liên: Nếu Tỳ-kheo đối với nội thân khởi tưởng nhàm chán, xa lìa; đối với nội thân khởi tưởng không nhàm chán, xa lìa; khởi cái tưởng chán lìa và chẳng chán y r r lìa đêu buông xả, chánh niệm, chánh tri. Như thê trong thân, như thê ngoài thân, trong ngoài thân; cảm thọ bên trong, cảm thọ bên ngoài, cảm thọ trong ngoài; trong tâm, ngoài tâm, trong ngoài tâm; pháp bên trong, pháp bên ngoài, pháp bên trong ngoài, khởi tưởng chán lia, tưởng không chán lìa, chán lìa và không chán lìa, đều tưởng buông xả? trụ chánh niệm, chánh tri. Như thế, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên? đó gọi là tu tập, tu tập nhiều bốn niệm xứ. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nhập tam-muội từ tinh xá Tòng Lâm, ở nước Xá-vệ do sức thần thông tam-muội trong khoảnh khắc như người lực sĩ co đuôi cánh tay, đã trở vê thôn Bạt-kỳ5 núi Thât-thâu-ma-la, trong rừng Khủng Bố đầy cầm thú.

KINH SỐ 537 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả A-na-luật ở nước Xá-vệ, bên hồ tắm Thủ Thành. Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật? cùng nhau hỏi thăm ân cần, rồi lui ngồi một bên, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Tôn giả A-na-luật: Lạ thay! A-na-luật có oai đức, có thần lực. Do tu tập công đức gì? tu tập, tu tập nhiều mà được như thế? Tôn giả A-na-luật đáp lời Tôn giả Xá-lợi-phất:

KINH TẠPA-HÀM 427

Thưa Tôn giả Mục-kiền-liên 5 nếu Tỳ-kheo đối với thân thân quán niệm xứ, tâm duyên than chánh niệm trụ, điều phục, dừng nghỉ, lặng lẽ9 nhất tâm tăng tiên. Như the, đôi với thọ..., tâm..., pháp pháp niệm xứ, chánh niệm trụ, điều phục, dừng nghỉ, lặng lẽ, nhất tâm tăng tiến. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Đó gọi là Tỳ-kheo tin ưa bốn niệm xứ. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên như nhập định kia, từ cửa tinh xá Tòng Lâm của nước Xá-vệ, trở về thôn Bạtkỳ, nơi núi Thất-thâu-ma-la, trong rừng Khủng Bố đầy cầm thú.

KINH SỐ 536 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc... Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Tôn giả A-na-luật: Thế nào gọi là tu tập, tu tập nhiều bốn niệm xứ? Tôn giả A-na-luật đáp lời Tôn giả Đại Mục-kiền-liên: Nếu Tỳ-kheo đối với nội thân khởi tưởng nhàm chán, xa lìa; đối với nội thân khởi tưởng không nhàm chán, xa lìa; khởi cái tưởng chán lìa và chẳng chán y r r lìa đêu buông xả, chánh niệm, chánh tri. Như thê trong thân, như thê ngoài thân, trong ngoài thân; cảm thọ bên trong, cảm thọ bên ngoài, cảm thọ trong ngoài; trong tâm, ngoài tâm, trong ngoài tâm; pháp bên trong, pháp bên ngoài, pháp bên trong ngoài, khởi tưởng chán lia, tưởng không chán lìa, chán lìa và không chán lìa, đều tưởng buông xả? trụ chánh niệm, chánh tri. Như thế, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên? đó gọi là tu tập, tu tập nhiều bốn niệm xứ. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nhập tam-muội từ tinh xá Tòng Lâm, ở nước Xá-vệ do sức thần thông tam-muội trong khoảnh khắc như người lực sĩ co đuôi cánh tay, đã trở vê thôn Bạt-kỳ5 núi Thât-thâu-ma-la, trong rừng Khủng Bố đầy cầm thú.

KINH SỐ 537 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả A-na-luật ở nước Xá-vệ, bên hồ tắm Thủ Thành. Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật? cùng nhau hỏi thăm ân cần, rồi lui ngồi một bên, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Tôn giả A-na-luật: Lạ thay! A-na-luật có oai đức, có thần lực. Do tu tập công đức gì? tu tập, tu tập nhiều mà được như thế? Tôn giả A-na-luật đáp lời Tôn giả Xá-lợi-phất:

428 KINH TẠP A-HÀM

-Đối với pháp bốn niệm xứ thường

KINH TẠPA-HÀM 429

KINH SỐ 539 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Tôn giả Xá-lợi-phất9 Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Anan, Tôn giả A-na-luật cùng ở nước Xá-ve, bên bờ ao tắm Thủ Thành. Khi ấy, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật cùng nhau hỏi thăm ân cần, rồi lui ngồi một bên. Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả A-na-luật: -Tôn giả tu tập, tu tập nhiều công đức gì mà được thành tựu oai dức, thần thông như vậy? Tôn giả A-na-luật đáp: -Thưa Tôn giả A-nan, toi đối với bốn niệm xứ thường tu tập, tu tập nhiều nên thành tựu oai đức và thần lực lớn này... Những gì là bốn? Đó là nội thân thân quán niệm an trụ, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, trừ tham ưu của thế gian. Cũng thế, ngoại thân, nội ngoại thân;

nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ;

Bấy giờ, Tôn gi A-na-luat ở tại nước Xá-vệ, trong tinh xá Tòng Lâm, thân bị bệnh khổ. Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến Tôn giả A-na-luật thăm viếng, ân cần hỏi han, rồi lui đứng một bên, nói với Tôn giả A-na-luật rang: Thưa Tôn giả A-na-luật! Bệnh của Tôn giả tăng hay giảm, có thể chịu đựng được không? Bệnh có giảm dần, không tăng chăng? Tôn giả A-na-luật đáp: Bệnh tôi không bớt, thật khó chịu đựng, khắp thân đau đớn, càng lúc nặng thêm. Tôn giả A-na-luật liền nói ba thứ ví dụ như Kinh Xoa-ma ở trên nói, rồi nói tiếp: Dù thân tôi bị đau đớn như thế này, tôi vẫn an nhẫn được, chánh niệm, chánh tri. Các Tỳ-kheo hỏi Tôn giả A-na-luật: -Tôn giả trụ tâm ở chỗ nào mà có thể an nhẫn được, chánh niệm, chánh tri đối với cái khổ lớn như thế? Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo: -Tâm trụ bốn niệm xứ nên mỗi khi tôi cử động, thân thể du có bị đau đớn cũng có thể an nhẫn được chánh niệm, chánh tri. Những gì là bốn niệm xứ? Đó là nội thân thân quán niệm xứ... thọ...? tâm..., pháp pháp quán niệm xứ. Đó gọi là trụ nơi bốn niệm xứ, có thể an nhẫn tất cả mọi đau đớn nơi thân, được chánh niệm, chánh tri. Các vi Tôn giả cùng nhau đàm đạo xong, rồi vui vẻ, mỗi người rời chỗ ngồi, đứng lên đi.

KINH SỐ 541 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật ở tại nước Xá-vệ? trong tinh xá Tòng Lâm bi bệnh mới vừa thuyên giảm. Khi ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến thăm viếng, hỏi han ân cần, rồi lui ngồi một bên? hỏi Tôn giả A-na-luật: -Tôn giả có được an ổn không? Tôn giả A-na-luật đáp: -Tôi được an ổn? các thứ đau đớn nơi thân thể đều bớt dần. Các Tỳ-kheo lại hỏi Tôn giả A-na-luật: -Tôn giả trụ tâm ở chỗ nào mà thân bị đau đớn mà vẫn được an ổn? Tôn giả A-na-luật đáp: Tôi trụ nơi bốn niệm xứ, nên thân bị đau đớn mà vẫn dần dần được an on. The nào là bon? Đó là nội thân thân quán niệm xứ... pháp pháp quán niệm

xứ. ĐÓ gọi là bốn niệm xứ. Vì trụ bốn niệm xứ này nên thân bị đau đớn mà vẫn được an ổn. Các Tôn giả đàm đạo xong đều vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng lên đi.

KINH SỐ 542 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật ở tại nước Xá-vệ9 tinh xá Tòng Lâm. Khi ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau thăm hỏi ân cần, rồi lui ngồi một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật rằng: -Nếu Tỳ-kheo ở học địa trên muốn cầu tâm trụ Niết-bàn an ổn, Thánh đệ tử làm sao tu tập, tu tập nhiều nơi Pháp, Luật này để được dứt sạch các lậu, vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau?" Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo: -Nếu Tỳ-kheo ở học đía trên muốn cầu tâm trụ Niết-bàn an ổn, Thánh đệ tử làm sao tu tập, tu tập nhiều nơi Pháp, Luật này để được dứt sạch các lậu, vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiên pháp tự biết tác chứng: uSự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau59 thì nên trụ bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là nội thân

thân quán niệm xứ... pháp pháp quán niệm xứ. Như thế, đối với bốn niệm xứ tu tập, tu tập nhiều nơi Pháp, Luật nay để được dứt sạch các lậu, vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-na-luật nói xong đều vui vẻ, môi người đều từ chỗ ngoi đứng lên đi.

KINH SỐ 543 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật ở tại nước Xá-vệ? trong tinh xá Tòng Lâm. Khi ấy, có nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật cùng nhau thăm viêng, hỏi han, ân cần, rồi lui ngồi một bên, thưa với Tôn giả A-na-luật rang: Nếu Tỳ-kheo A-la-hán sạch hết các lậu, việc làm đã xong, buông bỏ gánh nặng, lìa các hữu kiết, chánh trí, tâm thiện giải thoát cũng tu bốn niệm xứ chăng? Tôn giả A-na-luật đáp các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo các lậu đã hết sạch, việc làm đã xong, xả bỏ gánh nặng, lìa các hữu kiết, chánh trí, tâm thiện giải thoát, các vi ấy cũng tu bốn niệm xứ. Vì

sao? Vì người chưa đắc

luôn luôn thuận đường, vận chuyển hướng đến xa lia, chuyển hướng đến giải thoát, thuận đường tiến đến Niết-bàn. Tôn giả A-na-luật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe rồi, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 546 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở thôn Bát-la-na bên bờ ao Ô-nê. Bấy giờ, có Phạm chí cầm gậy Tháo Quán đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Cachiên-diên thăm viêng hỏi han ân cân, roi lui ngôi một bên, hỏi Ma-ha Ca- chiên-diên: Do nhân duyên gì vua tranh giành với vua, các Bà-la-môn? cư sĩ tranh giành với Bà-la-môn, cư sĩ? Ma-ha Ca-chiên-diên đáp Phạm chí: Do nhân duyên tham dục ràng buộc nên vua tranh giành nhau với vua, các Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với Bà-la-môn, cư sĩ. Phạm chí lại hỏi: Do nhân duyên gì các người xuất gia lại tranh giành nhau với người xuất gia? Ma-ha Ca-chiên-diên đáp: Vì kiến dục ràng buộc nên người xuất gia tranh giành với người xuất gia.

Phạm chí lại hỏi: Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, có người lìa sự ràng buộc của tham dục và lìa các kiến dục ràng buộc này được chăng? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp: -Này Phạm chí! Có bậc Thầy của tôi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn, có thể lìa sự ràng buộc của tham dục và ràng buộc của kiến dục. Phạm chí lại hỏi: - Phật, Thế Tôn hiện nay đang ở đâu? -Đức Thế Tôn hiện ở trong xóm người Ba-la-kỳ? nơi rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc, thành Xá-vệ9 thuộc nước Câu-tát-la. Khi ấy, Phạm chí từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục, bày vai áo bên phải, gối phải sát đất, hướng về trú xứ của Phật chắp tay tán thán: uNam-mô Phật!

Nam-mô Phật! Thế Tôn, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác có thể lìa các ràng buộc của tham dục, hoàn toàn xa lìa sự trói buộc của tham dục và các kiên dục^ sạch hết cội g&!‘ Khi Phạm chí cầm gậy Tháo Quán nghe Tôn giả Ca-chiên-diên nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ

trược, này Phạm chí, nếu người như thế tuy tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng, đó gọi là thành tựu pháp của hạng thiếu niên. Còn người tuy tuổi mới hai mươi lăm, da trắng, tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ? đối với công năng của ngũ dục lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa nghĩ nhớ, lìa ô trược; người như thế tuy trẻ khoảng hai mươi lăm, da trắng, tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ mà thành tựu pháp của bậc lão nhân thì được kể vào hàng Tôn túc. Bấy giờ, Phạm chí nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: Như ý nghĩa Tôn giả đã nói, tôi tự xét lại mình tuy đã già mà lại nhỏ, còn các vi tuy trẻ tuổi mà thành tựu pháp của bậc cao niên. Thưa Tôn giả, việc thế gian đa đoan, tôi xin cáo từ. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp: Này Phạm chí! Ông nên tự biết thời khắc. Phạm chí nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, rồi trở về chỗ cũ.

KINH SỐ 548 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong rừng rậm. Lúc ấy, quốc vương nước Ma-thâu-la và những vương tử ở phương Tây đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên? đảnh lễ rồi lui ngồi một bên, hỏi Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên rằng: Người Bà-la-môn

C Ậ • nn _ _ • 2 1 • Ằ 2 • Roi Tôn giả liên hỏi: -Thưa Đại vương! Ngài là vua Bà-la-môn, nơi đất nước của ngài các Bà- la-môn, Sát-đế-lợi, cư sĩ, trưởng giả, bốn hạng người này đều được gọi đến, vua dùng tiền của, thế lực khiến họ hộ vệ, ngủ sau dậy trước, sớm tối hầu hạ và ra lệnh làm các việc, tất cả đều được như ý chăng? Vua đáp: -Như ý. Ton gia lại hỏi: -Tâu Đại vương! Sát-đê-lợi là vua, cư sĩ là vua, trưởng giả là vua, ở tại đát nước mình có bốn chủng tánh đều được gọi đến, vua dùng của cải, sức mạnh, khiên họ hộ vệ, ngủ sau, dậy trước và ra lệnh làm các việc, đêu được như ý chăng? Vua đáp: Như ý. Thưa Đại vương! Như thế bốn chủng tánh, tất cả đều bình đẳng nào có sai biệt gì. Phải biết như thế. Thưa Đại vương! Bốn chủng tánh thảy đều bình đẳng, không có sai biệt hơn hoặc bằng. Vua Ma-thâu-la nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: Thưa Tôn giả! Thật đúng như thế, bốn chủng tánh đều bình đẳng, không có gì sai biệt hơn hoặc bằng. -Vì thế, Đại vương nên biết, bốn chủng tánh nói theo thế gian là có sai khác... căn cứ theo nghiệp thì thật không sai khác vậy. Lại nữa, Đại vương, trong đất nước này nếu dòng Bà-la-môn có người trộm cap thời vua xử sự thê nào? Vua đáp Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: Trong hàng Bà-la-môn nếu có người trộm cắp sẽ bi đánh, bị trói, hoặc bị đuổi ra khỏi nước, hoặc phạt tiền của, hoặc bi cắt tay chân, tai mũi, nếu tội nặng sẽ bị giết chết, và kẻ ựộm đó dù thuộc dòng Bà-la-môn cũng gọi là giặc. Ton giả lại hỏi: Thưa Đại vương, nêu trong dòng Sát-đê-lợi? cư si, trưởng giả có kẻ trộm cắp thì phải lam thế nào? Vua đáp Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: Cũng bi phạt đánh, cũng trói, bi

đuổi ra khỏi nước, cũng phạt tiền của, cũng bị cắt tay, chân, tai, mũi, nếu tội nặng thì giết chết. Như vậy, thưa Đại vương, há không phải bốn chủng tánh đều bình đẳng chăng, hay là có gì sai khác? Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: Theo nghĩa ấy thật không có gì sai biệt hơn hoặc bằng.

KINH TẠPA-HÀM 437

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên lại nói với vua: Thưa Đại vương! Bốn chủng tánh ấy nói theo thế gian cho rằng dòng Bà- la-môn là bậc nhất, còn những người khác đều thấp kém, Bà-la-môn trắng, còn những người khác đen, Bà-la-môn thanh tịnh, ngoài Bà-la-môn không có thanh tinh, có phải nên căn cứ theo nghiệp, quả thật căn cứ nơi nghiệp chăng? Tôn giả lại hỏi: Đại vương, người Bà-la-môn sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời ác, lưỡi hai chiêu, nói thêu dệt, tham, sân, tà kiên, tạo mười nghiệp đạo bát thiện sẽ sanh cõi ác hay là cõi lành? ở nơi A-la-hán đã làm, nghe được những gì? Vua đáp Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: -Bà-la-môn tạo mười nghiệp đạo bất thiện sẽ đọa vào đường ác. A-la-hán đã làm, nghe nói như thế. Sát-đế-lợi, cư si, trưởng giả cũng nói như thế. Ton giả lại hỏi: Thưa Đại vương! Nêu Bà-la-môn làm mười nghiệp đạo lành, lìa sát sanh... chánh kiến, sẽ sanh nơi đâu? ở cõi lành hay cõi ác? ở nơi A-la-hán đã làm, nghe được những gì? Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: -Nêu Bà-la-môn làm mười nghiệp đạo lành sẽ sanh cõi lành, bậc A-la-hán tạo tác như thê, nghe như thê, Sát-đê-lợi5 cư sĩ, trưởng giả cũng nói như thê. Thưa Đại vương! Bốn chủng tánh như thế, là bình đẳng chăng, hay là có gì sai biệt hơn hoặc bằng? Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: Theo nghĩa như thế ắt là bình đẳng, không có gì sai biệt hơn hoặc bằng. -Vì thế, Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này đều bình đẳng không có gì sai biệt hơn hoặc băng. Nói theo thê gian, Bà-la-môn là bậc nhát, Bà-la-môn trắng, những người khác đen, Bà-la-môn thanh tịnh, ngoài Bà-la-môn không có thanh tinh. Bà-la-môn từ miệng Bà-la-môn sanh ra, Bà-la-môn tạo tác, Bà-la- môn biên hóa ra, nên thuộc vê Bà-la-môn. Phải biêt là do nghiệp, quả thật căn cứ nơi nghiệp. Vua nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: -Thực như điều đã nói đó, đều là lời nói của thế gian, Bà-la-môn là hơn hết, còn những người khác đều thấp kém, Bà-la-môn trắng, người khác đen, Bà-la-môn thanh tinh, ngoài Bà-la-môn không có thanh tịnh, Bà-la-môn sanh ra từ miệng Bà-la-môn? Bà-la-môn hóa ra, nên thuộc về Bà-la-môn. Đây đều là nghiệp, quả thật căn cứ nơi nghiệp. Vua Ma-thâu-la nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi đi.

438 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 549 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. LÚC ây, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở nước A-bàn-đê, trong tinh xá Câu-la-la-tra. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên sáng sớm đắp y, ôm bát, từ tinh xá Câu-la-la-tra tuần tự đi khất thực, đến nhà nữ cư sĩ Ca-lê-ca. Khi nữ cư sĩ trông thấy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên9 liền trải tòa mời ngồi, đảnh lễ dưới chân Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên xong, lui đứng một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca- chiên-diên: Như Thế Tôn đã nói để đáp lại câu hỏi của đồng nữ Tăng-kỳ-đa. Thế Tôn nói kệ cho đồng nữ Tăng-kỳ-đa như sau: Thật nghĩa ở tại tâm, Tịch diệt mà chẳng loạn, Hàng phục các sức

mạnh Của sắc đẹp khả ái, Nhất tâm riêng lặng nghĩ, Nem thiền vi vi diệu, Như thế là xa lìa, Bè đảng của thế gian. Các bè đảng thế gian, Không gần gũi với Ta. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên9 bài kệ của Thế Tôn có nghĩa như thế nào? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp nữ cư sĩ: Này cô! Có Sa-môn9 Bà-la-môn nói: "Quán địa đại khắp tất cả chỗ thì đó là vô thượng, vì cầu được quả nay?9 Này cô! Nếu Sa-môn, Bà-la-môn quán địa đại khắp tất cả chỗ, được thanh tịnh trong sáng, thời thấy được cội gốc, thấy tai họa, thấy diệt, thấy diệt đạo tích; vì thấy được cội gốc, thấy tai họa, thấy diệt, thay diệt đạo tích nên được nghĩa chân thật ở tại tâm, tịch diệt mà không loạn. Này cô! Cũng vậy, quán thủy đại khắp tất cả chỗ, hỏa đại khắp tất cả chỗ, phong đại kháp tát cả chô, màu xanh kháp tát cả chô, màu vàng kháp tát cả chô, màu đỏ khắp tất cả chỗ, màu trắng khắp tất cả chỗ, không đại khắp tất cả chỗ, thức đại kháp tát cả chô, là vô thượng, vì câu được quả này. Này cô! Nêu có Sa-môn, Bà-la-môn nhập định quán Thức xứ biên kháp tát cả thì được thanh tinh trong sáng, thấy cội gốc, thấy tai họa? thấy diệt, thấy diệt đạo tích. Vì thấy cội gốc, thấy tai họa, thấy diệt, thấy diệt đạo tích nên được nghĩa chân thật ở tại tâm, tịch diệt mà không loạn, khéo thấy, khéo vào. Do đó, Thế Tôn nói bài kệ đáp đồng nữ Tăng-kỳ-đa: Thật nghĩa ở tại tâm, Tịch diệt mà không loạn, Hàng phục các sức mạnh Của sắc đẹp khả ái? Nhất tâm riêng lặng nghĩ, Nem thiền vị vi diệu, Như thế là xa lìa, Bè đảng của thế gian, Các bè đảng the gian, Không gần gũi với Ta. Này cô! Tôi hiểu Thế Tôn do nghĩa như thế nên nói kệ ấy.

KINH TẠPA-HÀM > 439

Nữ cư sĩ nói: -Lành thay, Tôn giả! Tôn giả đã nói nghĩa chân thật. Xin Tôn giả nhận lời con thỉnh thọ thực. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên yên lặng nhận lời. Nữ cư sĩ Ca-lê-ca biết Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đã nhận lời thọ thỉnh rồi, liền sắm sửa các thứ ăn uống ngon lành, cung kính tôn trọng, tự tay dâng thức ăn. Ca-lê-ca biết Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đã thọ thực, rửa bát, súc miệng xong, liền trải một chỗ ngồi thấp trước Tôn giả, cung kính nghe pháp. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên vì nữ cư sĩ nói các pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho vui mừng xong, sau đó Tôn giả rời khỏi tòa, đứng dậy đi về.

KINH SỐ 550 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cũng ở đấy. Tôn giả bảo các Tỳ-kheo: Phật, Như Lai, Thế Ton, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác do tri kiến, nói nhất thừa đạo về sáu pháp lìa khổ, vượt lên chỗ thù thắng khiến cho chúng sanh được thanh tinh, lìa khổ não, dứt hết lo buồn, được pháp chơn như. Những gì là sáu? Đó là Thánh đệ tử niệm các pháp hành thanh tinh của Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Thánh đệ tử vì nghĩ nhớ các pháp hành của Như Lai nên lìa giác tưởng tham dục, lìa giác tưởng sân nhuế, lìa giác tưởng não hại, thời Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Những gì làm cho tâm nhiêm trước? Đó là công năng của năm dục. Nêu đôi với công năng của ngũ dục này lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương chánh đạo tu tập, niệm Phật, thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác do tri kiến, nói nhất thừa đạo thứ nhất thoát khỏi khổ,

vượt lên chỗ thù thắng, khiến chúng sanh thanh tịnh, lìa khổ não, dứt lo buồn, được pháp như thật. Lại nữa, Thánh đệ tử niệm Chánh pháp, nghĩ nhớ Pháp, Luật của Thế Tôn, lìa nhiệt não, luôn luôn thông suốt. Nên khi ấy, nơi các pháp hiện tại tự được giác ngộ. Lúc Thánh đệ tử niệm Chánh pháp không khởi giác tưởng tham dục, giác tưởng sân nhugiác tưởng não hại, như thê, thời Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Những gì làm cho tâm nhiễm trước? Đó là công năng của ngũ dục. Đối với công năng của năm dục này lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh tri, nương chánh đạo, tu tập niệm pháp, hướng thăng đên Niêt-bàn. Đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, do tri kiến, nói nhất thừa đạo thứ hai thoát khỏi khổ, vượt lên chỗ thù thắng khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khổ não, dứt lo buồn, được pháp như thật.

Lại nữa5 Thánh đệ tử niệm Tăng pháp thiện hướng, chánh hướng, trực hướng, đẳng hướng, tu hạnh tùy thuận, nghĩa là hướng Tu-đà-hoàn, đắc quả Tu-đà-hoàn, hướng Tư-đà-hàm9 đắc quả Tư-đà-hàm, hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm, hướng A-la-hán, đắc quả A-la-hán. Như thế, bốn đôi, tám bậc đều là đệ tử hàng Tăng bảo của Thế Tôn. Tăng bảo là đầy đủ giới, đầy đủ đinh, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, là phước điền vô thượng của thế gian, là nơi cúng dường, cung kính, lễ bái. Khi các Thánh đệ tử niệm Tăng, như thế thì Thánh đệ tử không khởi giác tưởng tham dục, giác tưởng sân nhuế, giác tưởng não hại. Như thế, Thánh đệ tử thoát khỏi tâm nhiễm trước. Những gì là tâm nhiễm trước? Đó là công năng của năm dục. Đối với công năng năm dục này lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh tri, nương chánh đạo, tu tập niệm Tăng, hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, do tri kiến, nói nhất thừa đạo thứ ba, thoát khỏi chỗ khổ, vượt lên chỗ thù thắng, làm cho chúng sanh thanh tịnh, lìa khổ não, dứt lo buồn, được pháp như thật. Lại nữa, Thánh đệ tử niệm giới đức, niệm không khuyết giới, không đoạn giới, giới trọn vẹn, không lìa giới, chăng trộm lay giới, kheo rót rao giới, đang khen ngợi giới, Phạm hạnh, chớ không tăng ố. Nếu Thánh đệ tử lúc niệm giới này, tự nghĩ nhớ trong thân những giới đã được thành tựu, ngay lúc ấy không khởi giác tưởng tham dục, giác tưởng sân nhuê9 giác tưởng não hại. Như thê, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Những gì là tâm nhiễm trước? Đó là công năng của năm dục. Đôi với công năng của năm dục này lìa tham nhuê, si, an trụ chánh trực, chánh niệm, chánh tri, nương chánh đạo, tu tập niệm giới, hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, do tri kiến, nói đạo nhất thừa thứ tư, ra khỏi chỗ kho, vượt lên chỗ thù thang, làm cho chúng sanh thanh tịnh, lìa khổ não, dứt lo buồn, đắc pháp như thật. Lại nữa, Thánh đệ tử tự niệm thí pháp, tâm tự vui mừng, ngày nay ta đã lìa bợn nhơ xan tham, tuy tại gia mà được giải thoát tâm thí, thường thí, xả thí, vui thí, bố thí đầy đủ, bố thí bình đẳng. Nếu Thánh đệ tử lúc tự niệm thí pháp không khởi giác tưởng tham dục, giác tưởng sân nhuế, giác tưởng não hại. Như thế, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Nhiễm trước cái gì? Đó là công năng năm dục. Đôi với công năng năm dục này lìa tham, nhusi, an trụ chánh niệm, chánh tri, nương chánh đạo, tu tập niệm thí, hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, do tri kiến, nói nhất thừa đạo thứ năm, thoát khỏi chỗ kho, vượt lên chỗ thù thắng, làm cho chúng sanh thanh tịnh,

lìa khổ não, dứt lo buồn, được pháp như thật. Lại nữa, Thánh đệ tử niệm thiện đức, niệm trời Tứ Thiên Vương, trời Ba Mươi Ba, trời Diệm-ma, trời Bâu-suất-dà, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, lòng tin thanh tịnh, ở đây khi mạng chung được sanh lên các cõi trời. Ta cũng như thế: Tín, giới, thí, văn, tuệ, ở đây mạng chung được sanh lên các cõi trời. Như thế, khi Thánh đệ tử niệm công đức chư thiên không khởi giác tưởng tham

dục, giác tưởng sân nhuế, giác tưởng não hại. Như thế, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Nhiễm trước gì? Đó là công năng năm dục, đối với công năng năm dục này lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh tri, nương chánh dạo, tu tập niệm thiện, hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, ứng Cung, Đẳng Chánh Giác, do tri kiến, nói đạo nhất thừa thứ sáu, thoát khỏi chỗ khổ5 vượt lên chỗ thù thắng, làm cho chúng sanh thanh tinh, lìa khổ não, dứt lo buồn, được pháp như thật. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 551 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên ở tinh xá trong thôn Ha-lê của họ Thích. Trưởng giả của thôn Ha-lê đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cúi đầu đảnh lễ rồi lui ngồi một bên; thưa với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: (Như ỷ nghĩa bài kệ Thế Tôn đáp câu hỏi của Ma-kiền-đề). Đoạn tất cả các dòng, Cũng lấp bít nguồn nó? Mà tập cận xóm làng, Mâu-ni chẳng khen ngợi, Trống rỗng về năm dục, Không còn đầy trở lại, Lời tranh tụng the gian, Trọn không còn làm nữa. -Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên! Kệ này có nghĩa gì? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp: Trưởng giả! Nhãn lưu nghĩa là nhãn thức khởi tham, nương nơi nhãn giới tham dục chảy trào ra nên gọi là dòng. Nhĩ lưu... Tỷ lưu... Thiệt lưu... Thân lưu... Ý lưu nghĩa là ý thức khởi tham, nương ý giới tham dục chảy trào ra nên gọi là dòng. Trưởng giả lại hỏi Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: - Thế nào gọi là không tuôn chảy? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo trưởng giả: -Nghĩa là nhãn thức nương nơi sắc được nhãn thức phân biệt sanh tham ái vui mừng, nếu tham ái vui mừng hết rồi, vô dục, dứt bặt; đó gọi là không tuôn chảy. Nhĩ thức... Tỷ thức... Thiệt thức... Thân thức..; Ý thức nương nơi pháp do ý thức phân biệt sanh tham dục? nếu tham dục ấy hết, vô dục, dứt bặt; đó gọi là chẳng tuôn chảy. - Như thế nào là nguồn? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp: Nghĩa là do mắt và sắc sanh nhãn thức, ba sự hòa hợp sanh xúc, duyên

XÚC sanh thọ, thọ vui, thọ khổ, thọ không khổ không vui, nương nơi đó làm dòng nhiễm trước. Tai... mũi... lưỡi... thân... ý và pháp sanh ý thức, ba sự hòa hợp sanh xúc, duyên xúc sanh thọ, thọ vui, thọ khổ, thọ không khổ không vui, nương thọ đó sanh lòng hỷ; đó gọi là nguồn của dòng. Thế nào là lấp bít nguồn của dòng ấy? Nghĩa là nhãn giới giữ lấy cảnh giới tâm pháp, bị các sử ràng r r , e í A D buộc. Nêu sự chập thủ này dứt sạch, vô dục, dứt bặt; đó gọi là lập bít nguôn của dòng. Nhĩ giới... Tỷ giới... Thiệt giới... Thân giới... Ý giới giữ lấy cảnh giới tâm pháp, bị các sử ràng buộc. Nêu sự chập thủ ây

hét sạch, vô dục5 dứt bặt; đó cũng gọi là lấp bít nguồn của dòng. Thê nào là tập cận, khen ngợi nhau? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp: -Tại gia, xuất gia cùng nhau tập cận, cùng mừng, cùng lo, cùng vui, cùng khô, việc gì cũng đêu làm chung; đó là tập cận, khen ngợi nhau. - Thế nào là không khen ngợi? -Tại gia, xuất gia, không cùng nhau tập cận5 không cùng mừng, không cùng lo, không cùng khổ, không cùng vui, không làm việc gì cũng không vui, tán thành với nhau; đó gọi là không cùng nhau khen ngợi. Thế nào là có dục? Nghĩa là đoi với công năng năm dục, nhãn thức phân biệt sắc, vui thích, đáng nhớ, tăng trưởng, ái dục càng nhiễm trước. Tai với âm thanh, mũi với hương, lưỡi với vi, thân với xúc, vui thích, đáng nhớ tăng trưởng, ái dục càng nhiễm trước. Đoi với năm dục này không lìa tham, không lìa ái, không lìa niệm, không lìa khao khát; đó gọi là có dục. Thế nào gọi là không dục?

-Nghĩa là đôi với công năng năm dục này lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa niệm, lìa khao khát. Đó gọi là không dục. Còn nói ngã ràng buộc kiết sử, đó tức là tâm pháp trở lại đầy đủ. Vị Tỳ-kheo A-la-hán đó các lậu đã hết, đoạn dứt căn bổn như chặt đứt ngọn cây đa-la? đời vị lai sẽ không sanh trở lại nữa thì làm sao lại cùng với kẻ khác tranh tụng. Thế nên, Thế Tôn nói nghĩa phẩm, đáp câu hỏi của Ma-kiền-đề bằng bài kệ: Nếu dứt tất cả dòng, Cũng bít lấp nguồn nước, Mà tập cận xóm làng, Mâu-ni không ngợi khen, Trống rỗng về năm dục, Không còn đầy trở lại, Chẳng còn cùng thế gian, Lời qua lại tranh cãi. Như Lai đã nói kệ nghĩa lý phân biệt rõ ràng như thế. Bấy giờ, trưởng giả thôn Ha-lê khi nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ? làm lễ rồi đi.

KINH TẠPA-HÀM 443

KINH SỐ 552 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở tinh xá trong thôn Ha-lê của họ Thích. Vị trưởng giả thôn chủ Ha-lê đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên- diên, cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả, rồi lui ngồi một bên, thưa với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: Như khi Thế Tôn ẩn cư trong hang đá núi Giới Cách đã nói với Đế-thích rằng: “Này Kiều-thi-ca, nếu Sa-môn, Bà-la-môn? tất cả đều hết sạch, giải thoát, tâm chánh thiện giải thoát thì đạt đến bờ mé tột cùng cứu cánh không nho, cứu cánh Phạm hạnh, hoàn toàn thanh tjnh." Làm thê nào đê nơi Pháp, Luật này đạt đên tột cùng bờ mé? cứu cánh không nhơ, cứu cánh Phạm hạnh, hoàn toàn thanh tịnh? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo trưởng giả: -Nghĩa là mắt, nhãn thức, sắc do nhãn thức phân biệt nương nhau sanh vui mừng; nếu sự phân biệt kia hết, được vô dục, dứt bặt, thời nơi Pháp, Luật này đạt đen tận cùng bờ mé, cứu cánh không nhơ, cứu cánh Phạm hạnh, hoàn toàn thanh tinh. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý9 ý thức, pháp do ý thức phân biệt nương nhau sanh vui mừng. Nếu sự phân biệt này hết sạch, dứt bặt thì Tỳ-kheo nơi Pháp, Luật này đạt đến cứu cánh không nhơ, cứu cánh Phạm hạnh, hoàn toàn thanh tịnh. Trưởng giả thôn chủ Ha-lê? sau khi nghe lời chỉ dạy của Tôn giả Ma-ha Ca- chiên-diên, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ xong đi về.

KINH SỐ 553 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở tinh xá trong thôn Ha-lê của họ Thích. Trưởng giả thôn chủ Ha-lê đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cúi

đầu đảnh lễ chân Tôn giả, rồi lui ngồi một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca- chiên-diên: Như khi Thế Tôn ẩn cư trong hang đá núi Giới Cách, đã nói với trời Đế- thích rằng: "Này Kiều-thi-ca! Nếu Sa-môn, Bà"la-môn5 tất cả ái hết sạch, giải thoát, tâm thiện giải thoát thì đạt đến tận cùng bờ mé, cứu cánh không nhơ, cứu cánh Phạm hạnh, hoàn toàn thanh tjnh." Làm thế nào để nơi Pháp, Luật này được đạt đến cứu cánh bờ mé, cứu cánh không nhơ, cứu cánh Phạm hạnh, hoàn toàn thanh tịnh? Tôn giả Ca-chiên-diên bảo trưởng giả:

r 9 r . • ọ M -Nêu Tỳ-kheo, nhãn giới giữ lây cảnh giới tâm pháp, ràng buộc, sai sử; nêu Tỳ-kheo hết sạch sự chấp thủ này, vô dục, dứt bặt thì đối với Pháp, Luật này được đạt đến tột cùng bờ mé, cứu cánh không nhơ, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh thanh tinh. Nhĩ giới... Tỷ giới... Thiệt giới...Thân giới... Ý giới giữ lấy cảnh giới, tâm pháp ràng buộc, sai sử, nếu hết sạch, xa lìa, dứt bặt thì đôi với Pháp, Luật này đạt đến tận cùng bờ mé? cứu cánh không nhơ, cứu cánh Phạm hạnh, hoàn toàn thanh tịnh. Trưởng giả thôn chủ Ha-lê nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi đi.

KINH SỐ 554 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong thôn Ha-lê của họ Thích, vị trưởng giả thôn chủ thân mắc bệnh khổ. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghe trưởng giả mác bệnh này, sáng sớm đáp y, ôm bát vào thôn Ha-lê của họ Thích khất thực. Lần lượt đến nhà trưởng giả thôn chủ Ha-lê. Trưởng giả từ xa ương thay Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, trưởng giả đang nam trên giường muốn đứng lên. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên thấy như thế, vội vàng bảo trưởng giả: —Trưởng giả chớ đứng lên! Hay quá, còn có chỗ ngồi khác, tôi có thể tự ngồi nơi đó. Tôn giả lại nói với trưởng giả: Thế nào, trưởng giả bệnh tật có chịu được không? Mọi thứ đau đớn nơi thân thể có thuyên giảm chăng? Không tăng thêm chứ? Trưởng giả đáp: -Bệnh con rất khó chịu được, các sự đau đớn nơi thân càng tăng thêm, không bớt chút nào. Trưởng giả liền nói ba ví dụ như Kỉnh Xoa-ma Tỳ-kheo đã nói. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo trưởng giả: -Bởi thế, ông nên đối với Phật tu tập thành tựu lòng tin thanh tịnh, không biến hoại; đối với Pháp tu tập thành tựu lòng tin thanh tịnh, không biến hoại; đối với Tăng tu tập thành tựu lòng tin thanh tịnh, không biến hoại; và thành tựu Thánh giới. Nên học như thế. Trưởng giả đáp: -Như Phật đã nói về bốn bất hoại tịnh, con nay đối với Phật thành tựu lòng tin thanh tịnh, không biến hoại; đối với Pháp thành tựu lòng tin thanh tịnh, không biến hoại; đối với Tăng thành tựu lòng tin thanh tinh, không biến hoại; và Thánh giới thành tựu. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo trưởng giả:

Ong nên nương vào bôn pháp thanh tịnh bát hoại này, tu tập sáu niệm. Trưởng giả nên niệm công đức Phật, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trương Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; niệm công đức của Pháp là đối nơi Chánh pháp, Luật của Thế Tôn, hiện tại lìa nhiệt não, được thông dạt, nhờ đó tự giác ngộ; niệm công đức Tăng là thiện hướng, chánh

hướng, trực hướng, đẳng hướng, tu hạnh tùy thuận, nghĩa là hướng Tu-dà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn? hướng Tu-dà-hàm, đắc Tư-đà-hàm? hướng A-na-hàm? đắc A-na-hàm, hướng A-la-hán, đắc A-la- hán, như thế bốn ngôi tám bậc, đó gọi là đệ tử của Thế Tôn, những bậc Tăng đầy đủ giới, định, tuệ? giải thoát, giải thoát tri kiến, là ruộng phước vô thượng của thế gian,

446 KINH TẠP A-HÀM

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong thôn Ha-lê của họ Thích, đương thời có trưởng giả ở Bát Hành tên là Đà-thí thân bi bệnh khổ. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên hay tin trưởng giả Đà-thí mác bệnh, sáng sớm đáp y, ôm bát vào Bát Hành khất thực, lần lượt đến nhà trưởng giả Đà-thí. (Giống như kinh trưởng giả thôn chủ Ha-lê đã nói vậy).

KINH SỐ 556 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Sa-kỳ? trong rừng An Thiền. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo-ni đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Ngài, rồi lui đứng một bên. Thế Tôn liền vì các Tỳ-kheo-ni nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho vui mừng. Chỉ dạy xong Ngài im lặng. Các Tỳ-kheo-ni bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Nếu là tâm vô tướng tam-muội5 không động, không lặng, giải thoát roi an trụ, an trụ roi giải thoát thì tâm vô tướng tam-muội này có quả gì, công đức gì? Phật bảo các Tỳ-kheo-ni: Nêu tâm vô tướng tam-muội không động, không lặng, giải thoát roi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì tâm vô tướng tam-muội này là trí quả, là trí công đức. Các Tỳ-kheo-ni nghe Phật dạy xong, đêu hoan hỷ, tùy hỷ, làm lê lui vê. Lúc ấy, các Tỳ-kheo-ni đi đến Tôn giả A-nan, cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả, rồi lui ngồi một bên, thưa Tôn giả A-nan: Nếu tâm vô tướng tam-muội không động, không lặng, giải thoát rồi an trụ, an trụ roi giải thoát thì Tôn giả nói tâm vô hướng tam-muội này có quả gì, công đức gì? Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo-ni: Thưa quý cô! Nếu tâm vô tướng tam-muội, không động, không lặng, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn nói tâm vô tướng tam-muội này là trí quả, trí công đức. Các Tỳ-kheo-ni đều nói: Lạ thay, Tôn giả A-nan! Đại sư và đệ tử cùng nói một câu, cùng một ý vị, cùng một nghĩa. Đó gọi là đệ nhất cú nghĩa. Hôm nay chúng con đến chỗ Thế Tôn, đem câu nói như thế, ý vị như thế, nghĩa như thế thưa hỏi Thế Tôn. Thế Tôn cũng đã vì chúng con nói một câu với ý vị và nghĩa lý như vậy, giống như Ton giả không khác. Vì thế nên thật kỳ đặc: Đại sư và đệ tử cùng nói đồng cú, đồng vị và đồng nghĩa như nhau. Các Tỳ-kheo-ni nghe Tôn giả A-nan nói, tất cả hoan hỷ, tùy hỷ? làm lễ lui về.

KINH TẠPA-HÀM 447

KINH SỐ 557 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Câu-diệm-di9 vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cũng ở tại đó. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la đến chỗ Tôn giả A-nan đảnh lễ5 rồi lui ngồi một bên, hỏi Tôn giả A-nan: Nêu tâm vô tướng tam-muội không động, không lặng, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì thưa Tôn giả A-nan5 Thế Tôn nói đây có quả gì, công đức gì? Tôn giả A-nan nói với Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la: Nêu tâm vô tướng tam-muội không động, không lặng, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn nói tâm vô tướng tam-muội này là trí quả,

trí công đức. Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la khen ngợi: Lạ thay, thưa Tôn giả A-nan! Đại sư và đệ tử nói giông nhau, cùng một câu, cùng ý vị, cùng một nghĩa. Thưa Tôn giả A-nan! Ngày trước, lúc Phật ở thành Sa-kỳ? trong rừng An Thiền, lúc đó có nhiều Tỳ-kheo-ni đi đến chỗ Phật hỏi nghĩa này, Thế Tôn đã nói cho các Tỳ-kheo-ni nghe câu như thế, ý vi như thế, nghĩa cũng như thế. Do đó, nên biết thật là kỳ đặc: Đại sư và đệ tử cùng nói đồng cú, đồng vị? đồng nghĩa như nhau. Đó gọi là đệ nhất cú nghĩa. Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la nghe Tôn giả A-nan nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi đi ra. (Như Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la đã hỏi, Tỳ-kheo-ni Ca-la-đạt hỏi, cũng nói như the).

KINH SỐ 558 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di? trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cũng đang ở đó. Khi ấy, có một Tỳ-kheo kia đắc tâm vô tướng tam-muội? nghĩ thầm: “Ta thử đến Tôn giả A-nan để hỏi Tôn giả nếu Tỳ-kheo đắc tâm vô tướng tam-muội chẳng động, chẳng lặng, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn nói tâm vô tướng tam-muội là quả gì, công đức gì? Nếu Tôn giả A-nan hỏi lại ta: 6Tỳ-kheo! Ông đắc tâm vô tướng tam-muội phải không?9 Ta chưa từng có khi nào được hỏi thật mà đáp khác đi. Ta sẽ theo Tôn giả A-nan may ra có người khác hỏi nghĩa này, nhân dịp đó ta được nghe Tôn giả chỉ day." Tỳ-kheo ấy đi theo Tôn giảA-nan ròng rã suốt sáu năm thấy không có ai hỏi đến nghĩa này, Tỳ-kheo mới tự hỏi Tôn giả A-nan: Nếu Tỳ-kheo hỏi về tâm vô tướng tam-muội chẳng động, chẳng lặng, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn nói đây là quả gì5 công đức gì?

Tôn giả A-nan hỏi Tỳ-kheo ấy: Tỳ-kheo! Ông đắc tam-muội này chăng?

Tỳ-kheo im lặng giây lâu. Nếu Tỳ-kheo đắc tâm vô tướng tam-muội không động, không lặng giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn nói đây là trí quả, trí công đức. Tôn giả A-nan nói pháp này xong, Tỳ-kheo ây nghe roi, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi lui ra.

KINH SỐ 559 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-lợi-phất-đố-lộ , Tôn giả A-nan và Tôn giả Ca-ma cùng ở tinh xá Kê Lâm, nước Ba-la-lợi-phất-đố-lộ. Bấy giờ, Tôn giả Ca-ma đến chỗ Tôn giả A-nan cùng nhau hỏi thăm ân cần, lui ngồi một bên, rồi nói với Tôn giả A-nan: Lạ thay, thưa Tôn giả A-nan! Có mắt, có sắc; có tai, có âm thanh; có mũi, có mùi; có lưỡi, có vị; có thân, có xúc; có ý? có pháp mà có Tỳ-kheo có những pháp này nhưng không thể giác tri. Vì sao? Thưa Tôn ệiầ A-nan! Tỳ-kheo ấy tưởng nên chẳng giác tri, hay vì không có tưởng nên chăng giác tri? Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ca-ma: -Người có tưởng cũng chẳng giác tri, huống chi là người không có tưởng. Tôn giả Ca-ma lại hỏi Tôn giả A-nan: Những gì là có tưởng, nơi có pháp mà chẳng giác tri?

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ca-ma: Nếu Tỳ-kheo lìa dục pháp ác bất thiện, có giác, có quán, do lìa sanh hỷ lạc, an trụ đây đủ Sơ thiên. Như thê, Tỳ-kheo có tưởng, có pháp mà chăng giác tri. Như thế, đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, an trụ đầy đủ. Tỳ-kheo có tưởng như thế là có pháp mà chẳng giác tri. The nào là vô tưởng có pháp mà chẳng giác tri? Như Tỳ-kheo chẳng nghĩ nhớ tất cả tưởng chánh đinh tâm vô tướng, tự mình chứng đắc, an trụ đầy đủ. Đó gọi là

Tỳ-kheo vô tưởng nơi có pháp mà chẳng giác tri. Tôn giả Ca-ma lại hỏi Tôn giả A-nan: Nêu Tỳ-kheo được tâm vô tướng tam-muội, chẳng động, chẳng lặng, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn nói đây là quả gi, công đức gì? Tôn giả A-nan bảo Tỳ-kheo Ca-ma: Nếu Tỳ-kheo được tâm vô tướng tam-muội, không động, không lặng, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn nói đó là trí quả, trí công đức. Hai Tôn giả cùng nhau luận nghị rồi hoan hỷ, tùy hỷ; mỗi vị từ chỗ ngồi đứng lên đi.

448 KINH TẠPA-HÀM

Tôn giả A-nan hỏi Tỳ-kheo ấy: Tỳ-kheo! Ông đắc tam-muội này chăng?

Tỳ-kheo im lặng giây lâu. Nếu Tỳ-kheo đắc tâm vô tướng tam-muội không động, không lặng giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn nói đây là trí quả, trí công đức. Tôn giả A-nan nói pháp này xong, Tỳ-kheo ây nghe roi, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi lui ra.

KINH SỐ 559 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-lợi-phất-đố-lộ , Tôn giả A-nan và Tôn giả Ca-ma cùng ở tinh xá Kê Lâm, nước Ba-la-lợi-phất-đố-lộ. Bấy giờ, Tôn giả Ca-ma đến chỗ Tôn giả A-nan cùng nhau hỏi thăm ân cần, lui ngồi một bên, rồi nói với Tôn giả A-nan: Lạ thay, thưa Tôn giả A-nan! Có mắt, có sắc; có tai, có âm thanh; có mũi, có mùi; có lưỡi, có vị; có thân, có xúc; có ý? có pháp mà có Tỳ-kheo có những pháp này nhưng không thể giác tri. Vì sao? Thưa Tôn ệiầ A-nan! Tỳ-kheo ấy tưởng nên chẳng giác tri, hay vì không có tưởng nên chăng giác tri? Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ca-ma: -Người có tưởng cũng chẳng giác tri, huống chi là người không có tưởng. Tôn giả Ca-ma lại hỏi Tôn giả A-nan: Những gì là có tưởng, nơi có pháp mà chẳng giác tri?

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ca-ma: Nếu Tỳ-kheo lìa dục pháp ác bất thiện, có giác, có quán, do lìa sanh hỷ lạc, an trụ đây đủ Sơ thiên. Như thê, Tỳ-kheo có tưởng, có pháp mà chăng giác tri. Như thế, đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, an trụ đầy đủ. Tỳ-kheo có tưởng như thế là có pháp mà chẳng giác tri. The nào là vô tưởng có pháp mà chẳng giác tri? Như Tỳ-kheo chẳng nghĩ nhớ tất cả tưởng chánh đinh tâm vô tướng, tự mình chứng đắc, an trụ đầy đủ. Đó gọi là Tỳ-kheo vô tưởng nơi có pháp mà chẳng giác tri. Tôn giả Ca-ma lại hỏi Tôn giả A-nan: Nêu Tỳ-kheo được tâm vô tướng tam-muội, chẳng động, chẳng lặng, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn nói đây là quả gi, công đức gì? Tôn giả A-nan bảo Tỳ-kheo Ca-ma: Nếu Tỳ-kheo được tâm vô tướng tam-muội, không động, không lặng, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn nói đó là trí quả, trí công đức. Hai Tôn giả cùng nhau luận nghị rồi hoan hỷ, tùy hỷ; mỗi vị từ chỗ ngồi đứng lên đi.

KINH TẠPA-HÀM 449

KINH SỐ 560 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di, vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cũng ở đấy. Khi ấy, Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo: Nêu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tự bộc bạch trước mặt tôi. Có người mong cầu bốn đạo. Những gi là bốn? Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ngồi yên khởi niệm trụ tâm như vậy: Khéo trụ tâm, cuộc hạn trụ tâm, chỉ quán điều phục tâm, nhất tâm bình đẳng, phân biệt, đối với pháp suy xét, tu tập, tu tập nhiều, đã dứt hết các sử. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni bộc bạch trước

mặt tôi như thế thì tôi khen lành thay và ủy dụ cho họ. Nếu có người mong cầu như vậy thì đó là đạo thứ nhất. Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ngồi thẳng tư duy đối với pháp chọn lựa, suy xét, trụ tâm, khéo trụ tâm, cuộc hạn trụ tâm, chỉ quán điều phục tâm, nhất tâm bình đẳng. Như thế chánh hướng an trụ nhiều, lìa được các sử. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni bộc bạch trước mặt tôi như thế thì tôi khen lành thay và ủy dụ cho họ. Nếu có người mong cầu như vậy thì đó là đạo thứ hai. Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni bị tán loạn, trạo cử, nhờ ngồi điều phục tâm, ngồi ngay ngắn trụ tâm, khéo trụ tâm, cuộc hạn trụ tâm, chỉ quán điều phục tâm, nhát tâm bình đăng, như thê chánh hướng, an trụ nhiêu thì sẽ dứt hét các sử. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni bộc bạch trước mặt tôi như thế thì tôi khen lành thay và ủy dụ cho họ. Nếu có người mong cầu như vậy thì đó là đạo thứ ba. Lại nữa, Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni chỉ và quán hòa hợp, cả hai cùng thực hành như thế, chánh hướng an trụ nhiều thì sẽ dứt các sử. Nấu có Ty.kheo, Tỳ-kheo- ni bộc bạch trước mặt tôi như thế thì tôi khen lành thay và ủy dụ cho họ. Nêu có người mong cầu như vậy thì đó là đạo thứ tư. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả A-nan dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 561

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di? trong vườn Cù-sư-la, Tôn giả

A-nan cũng ở đó.

Bấy giờ, Bà-la-môn kia đi đến chỗ Tôn giả A-nan cùng chào đón hỏi thăm, rồi lui ngồi một bên, hỏi Tôn giả A-nan:

-Vì sao Tôn giả ở chỗ Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh?

Tôn giả A-nan trả lời Bà-la-môn:

-Vì đoạn dứt.

Đoạn dứt ái. Thưa Tôn giả A-nan, phải nương vào đâu để đoạn dứt ái? Này Bà-la-môn? nương vào dục để đoạn dứt ái.

Thưa Tôn giả A-nan! Như vậy là có bờ mé ư? Này Bà-la-môn! Đúng thế, có bờ mé, không phải không bờ mé. -Thưa Tôn giả A-nan! Thế nào là có bờ mé5 chẳng phải không bờ mé? Này Bà-la-môn^ Nay tôi hỏi ông, tùy ý trả lời. Ông nghĩ thế nào, trước đây ông có ý muốn đến tinh xá không? Bà-la-môn đáp: Đúng vậy, thưa Tôn giả A-nan! -Như thế, Bà-la-môn sau khi đến tinh xá thì ý muốn kia liền dứt phải không? Đúng vậy! Thưa Tôn giả A-nan, có sự hăng hái, trù tính, tìm cách đến tinh xá. Tôn giả A-nan lại hỏi: -Sau khi đến tinh xá thì sự trù tính ấy có dứt không? -Đúng vậy. Tôn giả A-nan lại nói với Bà-la-môn: Như thế, Bà-la-môn, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác theo tri kiến của Ngài nói về bốn như ý túc, đem đạo nhất thừa thanh tinh cho chúng sanh, diệt khổ não, đoạn dứt ưu bi. Những gì là bốn? Tu dục định, đoạn tham ái, thành tựu bốn như ý túc; tu tinh tấn định, tâm định, tư duy định, đoạn tham ái, thành tựu bôn như ý túc. Như thê, Thánh đệ tử tu dục định, đoạn tham ái, thành tựu bon như ý túc. Y xa lìa, y vô dục, y giải thoát, y diệt, hướng đen xả... đoạn dứt tham ái; tham ái dứt rồi thì dục đinh kia cũng dứt; tu tinh tấn định, tâm định, tư duy định, đoạn tham ái, thành tựu y

xa lìa, y vô dục, y giải thoát, y tịch diệt, hướng đến xả... tham ái dứt sạch; tham ái dứt sạch rồi, tư duy định liền dứt. Này Bà-la-môn! Ý ông thế nào? Đây chẳng phải là bờ mé chăng? Bà-la-môn thưa: Thưa Tôn giả A-nan, đây là bờ mé, chẳng phải không bờ mé. Bà-la-môn nghe Tôn giả A-nan nói, hoan hỷ? tùy hy, làm lễ rồi đi.

KINH SỐ 562

Tôi nghe như vay:

Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di, tại vườn Cù-sư-la9 Tôn giả A-nan cũng ở đó.

Bấy giờ, có trưởng giả Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cúi đầu đảnh lễ

Tôn giả rồi lui ngồi một bên, thưa Tôn giả A-nan:

não, thanh tịnh, siêu xuất, đem đạo nhất thừa làm cho chúng sanh thanh tịnh, lìa lo buồn, vượt qua khổ não, được pháp như thật. Những gì là ba? Như Thánh đệ tử sống an trong tịnh giới, lãnh thọ giới luật Ba-la-đề-mộc-xoa oai nghi đay đủ, tin nơi các tội lỗi, sanh ý tưởng sợ hãi, giữ gìn đầy đủ tịnh giới như vậy; nghiệp cũ dần dần dứt sạch, hiện tại được lìa nhiệt não, không đợi thời tiết được Chánh pháp, quán sát và nhận thức thông đạt, trí tuệ tự giác. Này trưởng giả Ly-xa! Đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác với tri kiến nói lìa nhiệt não, thanh tịnh siêu xuất, đem đạo nhất thừa làm cho chúng sanh thanh tịnh, dứt khổ não, thoát khỏi lo buồn, được pháp như thật. Lại nữa, Vô úy, như thế tịnh giới đã đầy đủ? lìa dục, lìa pháp ác bất thiện... an trụ đầy đủ đệ Tứ thiền. Đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác nói lìa nhiệt não... được pháp như thật. Lại có tam-muội chánh thọ đối với khổ Thánh đế này biết như thật, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế, biết như thật một cách đầy đủ. Tâm, trí tuệ như thế, nghiệp mới chẳng tạo, nghiệp cũ dần dần dứt sạch, hiện tại được Chánh pháp, lìa các nhiệt não, chẳng đợi thời tiết, hiện thấy thông dạt, phát sinh trí tự giác. Này Ly-xa, đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác với tri kiến nói pháp thứ ba lìa nhiệt não, thanh tịnh siêu xuất, đem đạo nhất thừa làm cho chúng sanh thanh tịnh, lìa kho não, dứt lo buồn được pháp như thật. Bấy giờ, đệ tử của Ni-kiền tử là Vô úy, người Ly-xa, im lặng giây lâueắỏủcởSửằẹcễễởỏụựcợKệớớcsựủuKớớcsựủcsìe ỳêỳeắỏủcởSửằẹcễễởỏủấảảKêKKxì/cấuảKấeắỏủcởS

Tôn giả A-nan sáng sớm, đắp y, ôm bát đến chỗ ở của Tỳ-kheo-ni kia. Cô Tỳ-kheo-ni kia từ xa trông thấy Tôn giả A-nan đi đến, để lộ thân thể nằm trên giường. Tôn giả A-nan thoáng thấy thân của Tỳ-kheo-ni liền thu nhiếp các căn, đứng xoay lưng. Liền tự cảm thấy hổ thẹn, cô đứng lên, mặc y phục, trải tọa cụ đón tiếp Tôn giả A-nan, mời ngồi rồi cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả, xong lui đứng một bên. Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền vì Tỳ-kheo-ni ấy thuyết pháp: Này cô! Như cái thân này là do thức ăn nhơ nuôi lớn, do kiêu mạn nuôi lớn, do ái nuôi lớn, do dâm dục nuôi lớn. Này cô! Nương nơi thức ăn nhơ thì nên dứt thức ăn nhơ, nếu nương nơi kiêu mạn thì nên dứt kiêu mạn, nương nơi ái dục nên dứt ái dục. Này cô! Thế nào gọi là nương nơi thức ăn nhơ thì dứt thức ăn nhơ? Nghĩa là Thánh đệ tử đôi với sự ăn uông phải xét lường, suy nghĩ mà ăn, không có

ý tưởng tham đam, ưa thích, không có ý tưởng kiêu mạn, không có ý tưởng trau chuốt, không có ý tưởng làm đẹp mà chỉ vì giữ gìn thân, vì muốn nuôi sống, vì trị cái bệnh đói khát, vì khép mình Phạm hạnh, vì muốn làm dứt các cảm thọ cũ, các cảm thọ mới chẳng phát sinh, nuôi lớn theo tập quán cao thượng, hoặc lực, hoặc lạc, hoặc xúc nên trụ như thế. Ví như khách buôn dùng dầu tô hay dầu nấu đặc để bôi xe, không có ý tưởng nhiễm trước, không có ý tưởng kiêu mạn, không có ý tưởng trau chuốt, không có ý tưởng làm đẹp mà chỉ vì chuyên chở. Lại như người bị bệnh ghẻ bôi dầu không ý tưởng nhiễm trước hay ưa thích, không ý tưởng kiêu mạn, không ý tưởng trau chuốt, không ý tưởng làm đẹp mà vì lành bệnh ghẻ. Như thế Thánh đệ tử xét lường mà ăn, không ý tưởng nhiễm trước, không ý tưởng kiêu mạn, không ý tưởng trau chuốt, không ý tưởng làm đẹp mà chỉ vì nuôi sống, vì trị cái bệnh đói khát, vì khép mình

là nương ái thì dứt ái. Này cô! Người không còn việc để làm, tức là người đã cắt đứt cầu đò, đoạn tuyệt dâm dục. Trong lúc Tôn giả A-nan nói pháp, Tỳ-kheo-ni xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Tỳ-kheo-ni ấy thấy pháp, đắc pháp, giác pháp, nhập pháp, không còn hoài nghi, chẳng do người khác, đối với Chánh pháp, Luật, tâm không sợ hãi. Tỳ-kheo-ni đến đảnh lễ chân Tôn giả A-nan và thưa: Ngày nay con xin phát lộ sám hối, con ngu si, không tốt, bày ra chuyện bậy bạ như thê. Nay ở nơi Tôn giả A-ïian, con tự thây lôi lâm, tự biêt lôi, con xin phát lộ sám hối, mong Tôn giả thương xót. Tôn giả A-nan bảo Tỳ-kheo-ni: Bây giờ cô đã chan thật tự thấy tội, biết lỗi ngu si, bất thiện, cô tự biết đã tạo tội xấu xa. Cô tự biết, tự thấy và ăn năn lỗi lầm, ở đời vi lai sẽ được đầy đủ giới. Nay tôi nhận sự sám hối của cô, vì thương xót muốn khiến cô được tăng trưởng pháp lành trọn không thôi giảm. Vì sao? Nêu người tự thây tội, tự biêt tội, luôn sám hối thì ở đời vị lai được đầy đủ giới, thiện pháp tăng trưởng, trọn không thối giảm. Tôn giả A-nan vì Tỳ-kheo-ni này nói pháp, chỉ dạy, soi sáng làm cho hoan hỷ, rồi rời tòa, đứng dậy ra về.

KINH SỐ 565 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại Kiều-tri, du hành trong nhân gian cùng với Tôn giả A-nan đi đến rừng Thân-thứ ở phía Bắc làng Bà-đầu. Bấy giờ, các thiếu niên tại làng Bà-đầu nghe nói Tôn giả A-nan từ Kiều-tri du hành trong nhân gian đang ở trong rừng Thân-thứ, phía Bắc làng Bà-đầu, họ kêu gọi nhau tập hợp lại, rồi cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đảnh lễ Tôn giả, lui ngôi một bên. Khi ây, Tôn giả A-nan bảo các thiêu niên: - Này khổ chủng! Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác nói bốn thứ thanh tinh: Giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh, kiến thanh tịnh, giải thoát thanh tịnh. Thế nào là giới thanh tịnh? Nghĩa là Thánh đệ tử trụ nơi Ba-la-đề-mộc-xoa5 giới tăng trưởng, oai nghi đầy đủ, đối với tội vi tế cũng sanh sợ hãi, giữ gìn các học giới, giới thân chưa trọn vẹn có thể làm cho đầy đủ hoàn toàn, đã đầy đủ rồi tùy thuận giữ gìn, tinh tấn nỗ lực vượt lên, siêng năng dũng mãnh, thân, tâm, pháp luôn luôn nhiếp thọ. Đó gọi là giới tịnh đoạn. Này khổ chủng! Thế nào gọi là tâm tịnh đoạn? Nghĩa là Thánh đệ tử lìa dục, lìa pháp ác bất thiện... an trụ đầy đủ đệ Tứ thiền, đinh than chưa đầy đủ thì làm cho được đầy đủ, đã đầy đủ rồi thì tùy thuận giữ gìn, muốn tinh tấn... luôn luôn nhiếp thọ. Đó là gọi là tâm tịnh đoạn.

Này khổ chủng! Thế nào gọi là kiến tịĩứi đoạn? Nghĩa là Thánh đệ tử nghe Đại sư thuyết pháp như thế, như thế, thuyết pháp thí cũng như thế, thân nhập pháp, chánh quán như thật, như thế, như thế được vui mừng, được tùy hỷ, được theo Phật. Lại nữa, Thánh đệ tử tuy chẳng nghe Đại sư thuyết pháp, nhimg nghe theo bậc minh trí tôn trọng Phạm hạnh nói, nghe người tôn trọng Phạm hạnh nói điều gì liền thâm nhập điều ấy. Quán sát như thật, như thế, như thế quán sát, nơi pháp ấy được hoan hỷ5 tùy hỷ, khởi niềm tin đối với Chánh pháp. Lại nữa, Thánh đệ tử chăng được nghe Đại sư thuyêt pháp cũng chăng nghe bậc minh trí tôn trọng Phạm hạnh nói, chỉ nghe những điều đã nghe và thọ trì trước kia, đọc đi đọc lại tập quen. Người thọ trì những điều đã nghe trước kia: Như vậy, như vậy, đọc đi đọc lại như vậy, như vậy được thâm nhập pháp ấy... khởi lổng tin Chanh pháp. Lại nữa, Thánh đệ tử chăng nghe Đại sư thuyêt pháp, cũng chăng nghe bậc minh trí tôn trọng Phạm hạnh nói lại, cũng chẳng có thể đọc lại những điều đã thọ trì trước kia, nhưng có thể vì người nói rộng pháp đã được nghe trước kia. Pháp đã được nghe trước kia như thế nào sẽ vì người nói rộng như thế ấy, và cũng được thâm nhập như thế ấy, chánh trí quán sát... lòng tin đối với Chánh pháp. Lại nữa, Thánh đệ tử chẳng nghe Đại sư thuyết pháp cũng chẳng nghe bậc minh trí tôn trọng Phạm hạnh nói, lại cũng chẳng có thê đọc lại những điều đã thọ trì trước kia, cũng chẳng có thể vì người nói rộng pháp đã được nghe trước kia, nhimg đoi với pháp đã được nghe trước kia một mình ở chỗ vang vẻ tư duy quán sát, tư duy quán sát như thế nào thì được thâm nhập Chánh pháp như thế ấy... lòng tin đoi với Chánh pháp. Như the từ người khác được nghe, bên trong chánh tư duy. Đó gọi là chưa khởi chánh kiến khiến khởi, đã khởi chánh kiến làm cho rộng thêm. Đó gọi là chưa đầy đủ giới thân làm cho đầy đủ, đã đầy đủ rồi tùy thuận giữ gìn, muốn nỗ lực tinh tấn... luôn luôn nhiếp thọ. Đó gọi là kiến tịnh đoạn. Này khổ chủng! Thế nào là giải thoát thanh tịnh đoạn? Nghĩa là Thánh đệ tử đối với tâm tham mà vô dục được giải thoát, đối với tâm sân, si mà vô dục được giải thoát. Giải thoát như thế, chưa đầy đủ khiến cho đầy đủ, đã đầy đủ rồi tùy thuận giữ gìn, muốn tinh tấn... luôn luôn nhiếp thọ. Đó gọi là giải thoát tịnh đoạn. Khi nghe Tôn giả A-nan chỉ dạy xong, các thiếu niên làng Bà-đầu hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi đi.

KINH SỐ 566 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại làng Am-la, trong rừng Am-la cùng với các Thượng tọa Tỳ-kheo.

Bấy giờ, có trưởng giả Chất-đa-la đến các Thượng tọa Tỳ-kheo? cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi lui ngồi một bên. Các Thượng tọa Tỳ-kheo vì trưởng giả Chất-đa-la nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho vui mừng. Sau đó, các Thượng tọa im lặng giây lâu. Trưởng giả Chất-đa-la liền cúi đầu đảnh lễ các Thượng tọa Tỳ-kheo? rồi đi đến phòng của Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa, đảnh lễ Tỳ-kheo này, rồi lui ngồi một bên. Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa hỏi trưởng giả Chất-đa-la những lời như sau: Lấy trắng che cành xanh, Xe chuyển nhờ cái trục, Lìa kiết lại quán sát, Đoạn lưu chẳng trói buộc. Này trưởng giả! Bài kệ này có nghĩa gì? Trưởng giả Chất-đa-la nói: Thưa Tôn giả Na-già-đạt-đa! Có

phải Thế Tôn nói bài kệ này chăng?

-Phải. Chất-đa-la thưa với Tôn giả Na-già-đạt-đa: -Xin Tôn giả im lặng chốc lát, tôi đang suy nghĩ ý nghĩa này. Sau một hồi im lặng suy nghĩ, Chất-đa-la nói với Tôn giả Na-già-đạt-đa: Cành xanh nghĩa là giới; trắng che là giải thoát; cái trục là thân niệm; chuyên là chuyên xuất; xe là chỉ quán; người lìa kiêt sử, có ba thứ kiêt sử là tham, sân, si, người lìa kiết sử là A-la-hán, các lậu đã tận, đã diệt, đã biết, dứt tận cội gốc như chặt ngọn cây đa-la không sanh trở lại nữa, đời vi lai thành pháp bất sanh. Quán sát nghĩa là kiến, lại là người. Đoạn lưu nghĩa là ái lưu nơi sanh tử, Tỳ-kheo A-la-hán các lậu đã hết sạch, đã biết, dứt tận cội gốc, như chặt ngọn cây đa-la, không sanh trở lại nữa, ở đời vị lai thành pháp bất sanh. Chẳng trói buộc là ba phược: Tham dục phược5 sân nhuế phược, ngu si phược. Tỳ-kheo A-la-hán các lậu đã tận, đã dứt, đã biết, dứt tận cội gốc như chặt ngọn cây đa- la không sanh trở lại nữa5 đời vi lai thành pháp bất sanh. Thế nên, này Tôn giả Na-già-đạt-đa, Thế Tôn nói bài kệ này: Lây trăng che cành xanh, Xe chuyên nhờ chiêc trục, Lìa kiết lại quán sát, Đoạn lưu chẳng trói buộc. The Ton noi bai kẹ nay, toi đã phân biệt roi. Tôn giả Na-già-đạt-đa hỏi trưởng giả Chất-đa-la: Ông đã nghe nghĩa này rồi chăng?

-Thưa, không được nghe. Tôn giả Na-già-đạt-đa nói: -Này trưởng giả, ông được lợi ích tốt lành nơi Phật pháp sâu xa. Ông được vào tuệ nhãn của Hiền thánh. Trưởng giả Chất-đa-la nghe Tôn giả Na-già-đạt-đa nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi lui ra.

KINH TẠPA-HÀM 457

KINH SỐ 567 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại tinh xá, trong rừng Am-la, làng Am-la cùng với nhiều Thượng tọa Tỳ-kheo. Bấy giờ, có trưởng giả Chất-đa-la đi đến chỗ các Thượng tọa Tỳ-kheo? cúi đầu đảnh lễ, rồi lui ngồi một bên. Các Thượng tọa Tỳ-kheo vì trưởng giả Chất-đa-la nói các thứ pháp, chỉ dạy, soi sáng làm cho vui mừng. Xong, các Thượng tọa đều im lặng. Trưởng giả Chất-đa-la liền đi đến chỗ Tôn giả Na-già-đạt-đa, cúi đầu đảnh lễ, rồi lui ngồi một bên. Tôn giả Na-già-đạt-đa bảo trưởng giả Chất-đa-la: Có vô lượng tâm tam-muội9 vô tướng tâm tam-muội, vô sở hữu tâm tam- muội, không tâm tam-muội. Thê nào trưởng giả, vì pháp này có các thứ nghĩa nên có các thứ tên, hay là chỉ một nghĩa có các thứ tên? Trưởng giả Chất-đa-la hỏi Tôn giả Na-già-đạt-đa: Các tam-muội này là do Thế Tôn nói hay Tôn giả tự ý nói?

Tôn giả Na-già-đạt-đa đáp:

-Đây là do Thế Tôn nói.

Trưởng giả Chất-đa-la thưa Tôn giả Na-già-đạt-đa:

Xin cho tôi được suy nghĩ một chút nghĩa này, rồi sẽ trả lời.

Sau vài phút suy nghi, trưởng giả nói với Tôn giả Na-già-đạt-đa: —Có pháp gồm nhiều nghĩa, nhiều câu, nhiều vị; có pháp chỉ một nghĩa mà nhiều vi. Tôn giả Na-già-đạt-đa lại hỏi trưởng giả: Thế nào là có pháp nhiều nghĩa, nhiều câu, nhiều vị? Trưởng giả Chất-đa-la đáp: -Vô lượng tâm tam-muội nghĩa là tâm của Thánh đệ tử cùng hợp với từ, không oán, không ghét, không giận, tâm khoan dung, rộng rãi, tôn trọng, tu tập vô lượng, duyên khắp một phương. Cũng thế phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ

tư, trên dưới tất cả thế gian tâm cùng hợp với từ, không oán, không ghét, không giận, tâm khoan dung, rộng rãi, tôn trọng, tu tập vô lượng, đầy khắp các phương, tất cả thế gian, duyên trụ tất cả. Đó gọi là vô lượng tâm tam-muội. Thế nào là vô tướng tâm tam-muội? Nghĩa là Thánh đệ tử đối với tất cả tướng chẳng nghĩ nhớ, vô tướng tâm tam-muội, tự thân tác chứng. Đó gọi là vô tướng tâm tam-muội. Thế nào là vô sở hữu tâm tam-muội? Nghĩa là Thánh đệ tử vượt qua tất cả vô lượng thức, nhập xứ, trụ tâm vô sở hữu. Đó gọi là vô sở hữu tâm tam-muội.

r Thế nào là không tâm tam-muội? Nghĩa .k . • -i là Thánh đệ tử quan sát như thật -t /K 9 e * 9 9

thê gian không và pháp thường trụ, không biên đôi là chăng phải ngã, chăng phải ngã sở. Đó gọi là không tâm tam-muội. Đó gọi là pháp gôm nhiều nghĩa, nhiều câu, nhiều vị. Tôn giả Na-già-đạt-đa lại hỏi trưởng giả: Thế nào là pháp chỉ có một nghĩa mà có nhiều vị?

-Thưa Tôn giả! Nghĩa là tham thì có lượng. Nếu không tránh là đệ nhất vô lượng. Nghĩa là tham là co tướng; nhuế, si là có tướng; không tránh là vô tướng; tham là sở hữu, sân nhuế là sở hữu, không tránh là vô sở hữu. Lại nữa, vô tránh là không đối với tham, không đối với sân, không đối với si, không đối với thường trụ chẳng biến đổi, không đối với phi ngã, phi ngã sở. Đó là pháp chỉ có một nghĩa mà có nhiều vị. Tôn giả Na-già-đạt-đa hỏi: Thế nào trưởng giả, nghĩa này ông đã nghe trước rồi chăng?

Thưa Tôn giả, con không nghe! Tôn giả Na-già-đạt-đa lại bảo trưởng giả: Ông được lợi ích lớn nơi Phật pháp sâu xa, hiện tại được vào tuệ nhãn của Hiền thánh. Trưởng giả Chất-đa-la nghe Tôn giả Na-già-đạt-đa nói xong, hoan hỷ9 tùy hỷ, làm lễ rồi đi.

KINH SỐ 568 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại làng Am-la, trong rừng Am-la cùng với các Thượng tọa Tỳ-kheo. Bấy giờ, trưởng giả Chất-đa-la đi đến đảnh lễ các Thượng tọa? đến đảnh lễ Tỳ-kheo Ca-ma, rồi lui ngồi một bên, thưa Tỳ-kheo Ca-ma: -Hành, thế nào gọi là hành? Tỳ-kheo Ca-ma đáp: Hành nghĩa là có ba hành: Thân hành, khẩu hành và ý hành. Thế nào là thân hành, thế nào là khẩu hành, thế nào là ý hành? Này trưởng giả! Hơi thở ra vào là thân hành; có giác, có quán gọi là khẩu hành; tưởng, tư gọi là ý hành. Vì sao hơi thở ra vào gọi là thân hành; có giác, có quán gọi là khẩu hành; có tưởng, tư gọi là ý hành? Này trưởng giả! Hơi thở ra vào là pháp của thân, y nơi thân, thuộc nơi thân, nương nơi thân chuyển, do đó hơi thở ra vào gọi là thân hành. Vì có giác, có quán nên miệng nói năng, thế nên có giác, có quán gọi là khâu hành. Tưởng, tư là ý hành, nương nơi tâm, thuộc nơi tâm, nương nơi tâm chuyển. Do đó tưởng, tư là ý hành.

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả: Giác, quán rồi phát ra nơi miệng nói, thế nên giác, quán gọi là khẩu hành. Tưởng, tư là tâm sở pháp, nương nơi tâm, thuộc nơi tâm tưởng chuyển, thế nên tưởng, tư gọi là ý hành. Trưởng giả lại hỏi: -Tôn giả, có bao nhiêu

phép? Lúc người bỏ thân này5 Thân xác nằm trên đất, Ném vào trong gò mả, Vô tâm như gỗ đá? Tôn giả đáp lại: rrn____ 9___ __ _ • 9 l -Trưởng giả! Hơi ấm, thọ và thức, Lúc xả thân đều bỏ, Thân kia trong gò mả, Vô tri như gỗ đá. FT1____ 9____ __ _ • 9 1 _ • 9 • FT1 A __ _ • 9 _ Trương giả lại hỏi Ton giả: Người chét và người nhập Diệt tận đinh có khác nhau chăng? Bỏ thọ và noãn, các căn hư hoại, thân mạng phân ly, đó gọi là chết. Người Diệt tận đinh, thân, khẩu, ý hành dứt, chẳng xả bỏ mạng sống, chẳng lìa hơi ấm, các căn không hoại, thân mạng hệ thuộc nhau. Đó là tướng sai khác giữa người chết và người nhập Diệt tận đinh. Trưởng giả lại hỏi Tôn giả: -Thế nào là nhập Diệt tận định? Trưởng giả! Người nhập Diệt tận đinh không nói ta nhập Diệt tận định, không nói ta sẽ nhập Diệt tận định, nhimg trước tiên dùng phương tiện như thế, dần dần dứt phương tiện như trước, hướng vào Diệt tận định. Lúc nhập Diệt tận định, trước hết dứt pháp gì? là dứt thân hành, khẩu hành hay ý hành? Này trưởng giả! Người nhập Diệt tận đinh trước dứt khẩu hành, kế đến thân hành, sau đó là ý hành. Trương giả lại hỏi Ton giả: Thế nào là xuất Diệt tận đinh? FT, A _ • 9 J. A _ Ton gia đáp: Trưởng giả! Người xuất Diệt tận định cũng không nghĩ răng: "Ta nay xuất Diệt tận định, ta sẽ xuất Diệt tận dậih", nhimg trước tiên đã khởi tâm phương tiện, như tâm trước kia mà khởi. Khởi Diệt tận đinh, pháp nào khởi trước? Là thân hành, khẩu hành hay là ý hành? Này trưởng giả! Từ Diệt tận định khởi, ý hành khởi trước, kế đến thân hành, rồi đến khẩu hành.

-Người nhập Diệt tận định thế nào là thuận, hướng tới lưu chú, chuyển vần? Này trưởng giả! Người nhập Diệt tận định thuận hướng tới ly, lưu chú nơi ly, chuyển vần nơi ly, thuận hướng nơi xuất, lưu chú nơi xuất, chuyển van nơi xuất, thuận hướng đến Niết-bàn, lưu chú Niết-bàn, chuyển vần nơi Niết-bàn. Trưởng giả lại hỏi Tôn giả: Lúc trụ Diệt tận định là xúc, bao nhiêu xúc? Tôn giả đáp: Này trưởng giả! Xuất bất động, xuất vô tướng, xuất vô sở hữu.

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả: Lúc nhập Diệt tận định làm bao nhiêu pháp? Tôn giả đáp: Này trưởng giả! Điêu ây nên hỏi trước, sao đên bây giờ mới hỏi? Nhưng tôi cũng vì ông nói đây. Tỳ-kheo nhập diệt cận đinh tu hai pháp: Chỉ và Quán. Trưởng giả Chất-đa-la nghe Tôn giả Ca-ma nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ? làm lễ rồi đi.

KINH SỐ 569 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại trong rừng Am-la, làng Am-la cùng với nhiều Thượng tọa Tỳ-kheo. Bấy giờ, trưởng giả Chất-đa-la đi đến chỗ các Thượng tọa Tỳ-kheo, cúi đầu đảnh lễ, rồi lui ngồi một bên. Các Thượng tọa vì trưởng giả Chất-đa-la nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho vui mừng, rồi im lặng. Trưởng giả Chất-đa-la liền rời khỏi chỗ ngồi, trật vai áo phải, quỳ gối chắp tay nói lời cầu thỉnh các Thượng tọa: Con cúi xin chư Tôn nhận lễ cúng dường, bữa ăn đạm bạc của con. Khi ấy, chư Thượng tọa im lặng nhận lời. Trưởng giả biết các Thượng tọa đã im lặng nhận lời mời, vội vã đảnh lễ rồi lui về nhà, sửa soạn các thức ăn uống, trải tòa, sáng sớm sai người đến báo đã r y r ỉ y 9 , đên giờ. Chư Thượng tọa đêu đáp y, ôm bát đên nhà trưởng giả và ngôi vào vị trí của mình. Trưởng giả cúi đầu đảnh lễ các Thượng tọa, lui ngồi một bên rồi thưa rằng: Thưa chư Thượng tọa! Gọi là các thứ giới, thế nào là các

thứ giới? Bấy giờ, các Thượng tọa im lăng. Ba lần đều thưa như thế. Lúc ấy, Tôn giả Lê-trì-đạt-đa ngồi phía dưới trong chúng thưa với chư Thượng tọa Tỳ-kheo: Thưa chư Tôn! Tôi muốn đáp câu hỏi của trưởng giả kia.

KINH TẠPA-HÀM 461

Các Thượng tọa đáp: Được. Trưởng giả Chất-đa-la liền hỏi: Thưa Tôn giả! Các thứ giới, những gì là các thứ giới? Lê-trì-đạt-đa đáp: -Này trưởng giả! Nhãn giới khác, sắc giới khác, nhãn thức giới khác; nhĩ giới khác, thanh giới khác, nhĩ thức giới khác; tỷ giới khác, hương giới khác, tỷ thức giới khác; thiệt giới khác, vị giới khác, thiệt thức giới khác; thân giới khác, xúc giới khác, thân thức giới khác; ý giới khác, pháp giới khác, ý thức giới khác. Như thế, trưởng giả, đó gọi là các thứ giới. Bấy giờ, trưởng giả Chất-đa-la đem các thức ăn ngon lành, tinh khiết cúng dường. Sau khi chúng Tăng thọ thực, súc miệng, cất y bát xong, trưởng giả Chất-đa-la trải một chỗ ngồi thấp ở trước các Thượng tọa để nghe pháp. Các Thượng tọa vì trưởng giả thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho vui mừng, sau đó các Thượng tọa rời tòa đi. Dọc đường các Thượng tọa nói với Lê-trì-đạt-đa: Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo Lê-trì-đạt-đa! Ông thật khéo biện tài và nói rát đúng lúc. Nêu ở trường hợp khác, ông cũng nên ứng đáp như thê. Sau khi nghe những lời của Lê-trì-đạt-đa, các Thượng tọa hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 570 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại trong rừng Am-la, làng Am-la cùng với chúng Tăng gồm nhiều Thượng tọa Tỳ-kheo. Bấy giơ, trưởng giả Chất-đa-la đi đến chỗ các Thượng tọa, cúi đầu đảnh lễ nơi chân, rồi lui ngồi một bên, thưa các Thượng tọa: Theo cái thấy của thế gian, có người nói có ngã, hoặc nói chúng sanh, hoặc nói thọ mạng, hoặc nói việc tốt xấu ở thế gian. Thế nào, thưa Tôn giả, có sở kiến khác nhau đó là do gốc gì, tập gi, sanh gì, chuyển gì? Các Thượng tọa im lặng chẳng đáp. Được hỏi ba lần như thế, các Thượng tọa vẫn im lặng. Lúc ấy, có Tỳ-kheo hạ tọa là Lê-trì-đạt-đa thưa với các Thượng tọa: -Thưa các Thượng tọa! Tôi muốn đáp câu hỏi của trưởng giả kia. Chư Thượng tọa bảo: -Khéo đáp được thì đáp. Trưởng giả liền hỏi Tôn giả Lê-trì-đạt-đa:

462 KINH TẠPA-HÀM

Những sở kiên của thê gian do góc gì, tập gì, sanh gchuyên gì? Tôn giả Lê-trì-đạt-đa đáp: Này trưởng giả! Luận về sở kiến của thế gian, hoặc nói có ngã, hoặc nói chúng sanh, hoặc nói thọ mạng, hoặc nói việc tốt xấu thế gian, các sở kiến ấy tất cả đều lấy thân kiến làm gốc, thân kiến tập, thân kiến sanh, thân kiến chuyển. Trưởng giả lại hỏi: - Thế nào là thân kiến? Ton gia đáp: Này trưởng giả! Phàm phu ngu si vô học thây sác là ngã, sác khác ngã, ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thay thọ... tưởng... hành... thức là ngã, thức khác ngã, thức ở trong ngã, ngã ở trong thức. Này trưởng giả, đó gọi là thân kiến. Trưởng giả lại hỏi Tôn giả: - Làm thế nào để không có thân kiến này? Tôn giả đáp: Này trưởng giả! Đa văn Thánh đệ tử chẳng thấy sắc là ngã, chẳng thấy sắc khác ngã, chăng thấy sắc trong ngã, ngã trong sắc; chẳng thấy thọ... tưởng... hành... thức là ngã, chẳng thấy thức khác ngã, chẳng thấy thức trong ngã, ngã trong thức; đó gọi là không có thân kiến. Cha của Tôn giả tên gì? Sanh ở đâu? -Tôi sanh ở phía sau nhà trưởng giả.

Trưởng giả Chất-đa-la bảo Tôn giả Lê-trì-đạt-đa: -Tôi với Tôn giả, hai cụ thân sanh của chúng ta vốn là chỗ quen biết. Tôn giả Lê-trì-đạt-đa đáp: -Vâng! Đúng như thế. Trưởng giả Chất-đa-la bảo Lê-trì-đạt-đa: Nếu Tôn giả có thể ở trong vườn Am-la này, suốt đời tôi xin cúng dường y phục, thức ăn và thuốc men. Tôn giả Lê-trì-đạt-đa im lặng nhận lời, vì Tôn giả Lê-trì-đạt-đa đã nhận sự cúng dường nên thường bị chướng ngại, lâu ngày không đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, các Thượng tọa vì trưởng giả Chất-đa-la thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng làm cho vui mừng. Sau khi được chỉ dạy, trưởng giả Chất-đa-la hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi lui.

KINH SỐ 571 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại trong rừng Am-la? thôn Am-la, cùng với chúng Tăng gồm nhiều Thượng tọa Tỳ-kheo.

KINH TẠPA-HÀM 463

Bấy giờ, trưởng giả Chất-đa-la đến chỗ quý Thượng tọa, cúi đầu đảnh lễ nơi chân, rồi lui ngồi một bên, thưa với các Thượng tọa: -Xin thỉnh chư Tôn đến Ngưu Mục để nhận bữa ăn của con. Các Thượng tọa im lăng nhận lời mời. Trưởng giả Chất-đa-la biết các Thượng tọa im lặng nhận lời rồi, liền vội vàng trở về nhà. Suốt đêm trưởng giả chuẩn bi đầy đủ thức ăn uống, sáng sớm xếp đặt chỗ ngồi, rồi sai người đen thưa các Thượng tọa biết đã đến giờ. Các Thượng tọa đắp y, ôm bát đến nhà trưởng giả Chất-đa-la trong thôn Ngưu Mục. Khi đã ngồi xong, trưởng giả Chất-đa-la tự tay dâng thức ăn uống cúng dường. Sau khi các Thượng tọa thọ trai, súc miệng, rửa bát xong, trưởng giả Chất-đa-la trải một chỗ ngồi thấp trước các Thượng tọa để nghe pháp. Khi ấy, các Thượng tọa vì trưởng giả nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho vui mừng. Sau đó các Thượng tọa rời chỗ ngồi đứng lên đi. Trưởng giả Chất- đa-la cũng đi theo sau. Các Thượng tọa đã ăn tô lạc và mật no đầy. Lúc ấy, vào tháng cuối xuân, trời nóng bức, đi đường rất khó chịu. Bấy giờ, có Tỳ-kheo nhỏ nhất trong các vi ấy tên là Ma-ha-ca thưa với các Thượng tọa: -Hôm nay trời quá oi bức, con muốn nổi mây mưa và gió mát có được không? Các Thượng tọa đáp: Ông có thể làm như vậy thì tốt lắm. Ma-ha-ca liền nhập tam-muội như chánh thọ, liền khi đó mây nổi, mưa nhẹ và gió mát từ bốn phương thổi tới, đến cửa tinh xá, Tôn giả Ma-ha-ca hỏi các Thượng tọa: Việc làm này có thể dừng được chưa?

Các Thượng tọa đáp: Hãy dừng đi! Lúc ấy, Ma-ha-ca liền dừng thần thông trở về phòng riêng. Trong khi đó, trưởng giả Chất-đa-la nghĩ thầm: Tỳ-kheo nhỏ nhất mà có thể có sức thần thông lớn như thế huống chi các bậc Trung tọa, Thượng tọa/9 Nghĩ như thế liền đảnh lễ chân các Thượng tọa Tỳ-kheo, rồi đi theo Tỳ-kheo Ma-ha-ca đến phòng của Tỳ-kheo này, làm lễ Tôn giả Ma-ha-ca? lui ngồi một bên và thưa: Thưa Tôn giả, tôi muốn được thấy Tôn giả hóa hiện thần túc siêu việt.

Tôn giả Ma-ha-ca nói:

Trưởng giả chớ nên thấy, sẽ sợ hãi.

Ba lần thỉnh, ba lần Tôn giả đều từ chối. Trưởng giả lại thỉnh nữa:

Xin Tôn giả cho xem thần thông biến hóa.

Tôn giả Ma-ha-ca bảo trưởng giả: Thôi ông hãy ra ngoài, lấy cỏ khô và củi gom lại một đống, rồi đem tấm vải trùm lên trên.

Trưởng giả Chất-đa-la y theo lời dạy của Tôn giả, ra ngoài gom củi thành đống rồi đến thưa Tôn giả: Đống củi đã có và tôi đã dùng vải phủ lên rồi. Tôn giả Ma-ha-ca liền nhập tam-muội hỏa quang, nơi lỗ trống then cửa phát ra lửa cháy. Anh sáng đót trụi đông củi, chỉ có tâm vải trăng không cháy, Tôn giả bảo trưởng giả: - Nay ông thấy không? Đã thấy, thưa Tôn giả! Thật kỳ đặc!

Tôn giả Ma-ha-ca bảo trưởng giả: Ông nên biết, thần thông này do không buông lung làm gốc, không buông lung tập, không buông lung sanh, không buông lung chuyển. Do không buông lung nên được Vô thượng Chánh đăng Chánh giác. Này trưởng giả! Thê nên, việc nay cung vơi công đức khác, tát ca đêu do chăng buông lung lam goc? chẳng buông lung tập, chẳng buông lung sanh, chẳng buông lung chuyển. Do chẳng buông lung nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và những pháp đạo phẩm khác. Trưởng giả Chất-đa-la thưa với Tôn giả Ma-ha-ca: -Xin Tôn giả ở luôn trong rừng này, tôi sẽ trọn đời cung dường y phục, thức ăn và thuốc men tùy bệnh. Tôn giả Ma-ha-ca vì có việc phải đi nên không nhận lời mời của trưởng giả. Trưởng giả Chất-đa-la nghe pháp xong, hoan hỷ, tùy hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng lên, lam lễ rồi đi. Tôn giả Ma-ha-ca không muốn làm cho người Cling dường lợi dưỡng trở thành tội chướng nên Tôn giả vội vã từ chỗ ngồi đứng lên đi, không trở lại.

KINH SỐ 572 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru trong rừng Am-la cting với nhiều Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ, các Tỳ-kheo Thượng tọa tụ tập ở nhà ăn, cung bàn luận như sau: -Chư Tôn! Các vi nghĩ thế nào? Mắt trói buộc sắc chăng? sắc trói buộc mắt chăng? Cũng thế, tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vi, thân với xúc, ý với pháp, là ý trói buộc pháp chăng? Hay pháp trói

-Này trưởng giả! Chúng tôi hôm nay tụ họp ở nhà ăn này, bàn luận với nhau rằng: "C6 phải mắt trói buộc sắc hay sắc trói buộc mắt? Cũng như thế tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp là ý trói buộc pháp hay pháp trói buộc v?" Trưởng giả hỏi: - Thưa chư Tôn giả! Các Tôn giả sẽ nói thế nào về nghĩa này? Chư Thượng tọa nói: Còn đối với trưởng giả? Ông nghĩ sao?

Trưởng giả đáp các Thượng tọa: Theo ý con là chẳng phải mắt trói buộc sắc, chẳng phải sắc trói buộc mắt... chẳng phải ý trói buộc pháp, chẳng phải pháp trói buộc ý. Nhưng ở khoảng giữa có tham dục theo đó trói buộc. Ví như hai con trâu, một con đen, một con trắng mang cái ách, có người hỏi: "Trâu đen trói buộc trâu trắng hay là trâu trắng trói buộc trâu dèn.” Hoi như thế có đúng không? Chư Thượng tọa đáp: Này trưởng giả! Hỏi như thê không đúng. Vì sao? Vì chăng phải trâu đen trói buộc con trâu trắng và cũng chẳng phải trâu trắng trói buộc trâu đen mà cái ách kia là vật trói buộc cả hai. Như thê, thưa chư Tôn giả, chăng phải măt trói buộc săc, chăng phải sác trói buộc mắt... chẳng phải ý trói buộc pháp, chẳng phải pháp trói buộc ý, nhưng ở giữa đó,

tham dục là sự trói buộc. Trưởng giả Chất-đa-la nghe các Tỳ-kheo Thượng tọa nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ roi đi.

KINH SỐ 573 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại rừng Am-la. Bấy giờ, có ngoại đạo A-kỳ-tỳ là người quen cũ của trưởng giả Chất-đa-la, ngoại đạo này đến chỗ Chất-đa-la cùng nhau nói chuyện, hỏi thăm ân cần, rồi lui đứng một bên. Trưởng giả Chất-đa-la hỏi ngoại đạo A-kỳ-tỳ: Nhân giả xuất gia được bao lâu rồi? Trưởng giả! Tôi xuất gia đến nay đã hơn hai mươi năm. Trưởng giả Chất-đa-la hỏi: Nhân giả xuất gia đã hơn hai mươi năm, có được pháp hơn người, tột cùng tri kiến và trụ an lạc không? A-tỳ-kỳ đáp:

Này trưởng giả! Tuy tôi đã xuất gia hơn hai mươi năm mà chăng được pháp hơn người, tột cùng tri kiến và trụ an lạc. Chỉ có lõa hình, nho tóc, khất thực, du hành trong nhân gian, nằm trên tro đất. Trưởng giả Chất-đa-la bảo: Đây không đúng với Pháp, Luật; đây là hiêu biêt sai, chăng phải là đạo 9 9 9 9 9

giải thoát, chăng gọi là Đăng giác, chô chăng đáng khen ngợi, chăng có thê nương cậy. Huông gọi là người xuất gia hơn hai mươi năm, lõa hình, nhô tóc, du hành khất thực trong nhân gian, nằm trên tro đất. A-kỳ-tỳ hỏi trưởng giả Chất-đa-la: Ông làm đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đã được bao lâu? Trưởng giả Chất-đa-la đáp: -Tôi làm đệ tử của Thế Tôn hơn hai mươi năm. Lại hỏi trưởng giả Chất-đa-la: -Ong là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm hơn hai mươi năm, có được pháp hơn người, vượt đến tột cùng tri kiến chăng? Trưởng giả Chất-đa-la đáp: Ông nên biết! Tôi muốn không còn thọ sanh vào bào thai, không muốn tăng thêm mồ mả? không còn sanh khởi từ khí huyết. Như Thế Tôn nói: uNăm hạ phần kiết sử, Ta không còn thấy một kiết sử nào mà không đoạn. Nếu có một kiết sử nào chưa đoạn, sẽ còn trở lại sanh đời này.” Trong lúc trưởng giả nói như thế, A-kỳ-tỳ càng thêm buồn bã, than thở rơi lệ, lấy áo lau mặt và nói với trưởng giả Chất-đa-la: -Tôi phải tính sao bây giờ? Trưởng giả Chất-đa-la đáp: Nêu ông có thê ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia, tôi sẽ cung cáp y bát và những vật cần thiết. A-kỳ-tỳ suy nghĩ giây lát, rồi nói với trưởng giả Chất-đa-la: Ngày nay tôi rất vui mừng, xin chỉ dạy tôi việc cần làm. Trưởng giả Chất-đa-la liền đưa A-kỳ-tỳ đến chỗ các Thượng tọa, lễ chân các Thượng tọa, rồi lui ngồi một bên5 thưa các Tỳ-kheo Thượng tọa: -A-kỳ-tỳ này là người quen cũ của con, ngày nay xin được xuất gia làm Tỳ-kheo, mong các Thượng tọa độ cho xuất gia, con sẽ cung cấp y bát và các vạt dụng cần thiết. Chư Thượng tọa liền cho xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa. Xuất gia xong, A-kỳ-tỳ suy nghĩ những lý do mà người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa? xuất gia tăng tiến học đạo, tịnh tu Phạm hạnh, đắc quả A-la-hán.

KINH SỐ 574 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại làng Am-la, trong rừng Am-la, cùng với các Tỳ-kheo Thượng tọa. Bây giờ, có Ni-kiên-nhã-đê tử cùng với năm trăm quyên thuộc đi đên rừng Amla, muốn dụ dỗ trưởng giả Chất-đa-la làm đệ tử. Trưởng gi Chất-đa-la nghe tin Ni-kiền-nhã-đề tử cùng với năm trăm quyến thuộc đến rừng

Am-la muốn dụ dỗ mình làm đệ tử. Nẹhe như thế rồi, 6ng liền đi đến chỗ Ni-kiền-nhã-đề tử. Hai bên cùng chào hỏi, roi mỗi người lui ngồi một bên. Bấy giờ, Ni-kiền- nhã-đề tử nói với trưởng giả Chất-đa-la: Ông có tin Sa-môn Cù-đàm được vô giác vô quán tam-muội không? Trưởng giả Chất-đa-la đáp: -Tôi vì chẳng tin nên đến đây. Ni-kiền-nhã-đề tử nói: Này trưởng giả! Ông không quanh co, không dối trá, chất thực, bản chất chất trực. Này trưởng giả! Nếu người có thể dứt được có giác có quán, cũng có thể dùng dây buộc gió, hoặc người dứt có giác có quán, cũng có thể lấy một nắm đất ngăn được dòng nước sông Hằng. Ta trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi tri kiến thường sanh. Trưởng giả Chất-đa-la hỏi Ni-kiền-nhã-đề tử: Tin được đặt trước hay trí được đặt trước? Tin và trí cái nào trước, cái nào hơn? Ni-kiền-nhã-đề tử đáp: Tin nên đặt trước, sau đó có trí. Tin và trí so sánh nhau thì trí là hơn. Trưởng giả Chất-đa-la nói với Ni-kiền-nhã-đề tử: -Tôi đã cầu được dứt, có giác có quán, tâm được nội tĩnh, vô giác vô quán tam-muội, sanh hỷ lạc, an trụ đầy đủ đệ Nhi thiền. Ban ngày tôi cũng ở trong tam-muội này, ban đêm tôi cũng ở trong tam-muội này. Có trí như vậy, cần gì đến tin! Ni-kiền-nhã-đề tử nói: -Người quanh co, dối trá, không chất thực, bản chất không chất trực. Trưởng giả Chất-đa-la nói: Lúc nãy ông đã nói là tôi không quanh co, không dối trá, chất thực, bản chất chất trực, vì sao bây giờ lại nói là tôi quanh co, doi trá, không chất thực, bản chất không chất trực? Nếu như trước lời của ông thật thì lời sau dối, hoặc lời sau thật thì lời trước dối! Trước ông đã nói: “Ta trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi tri kiến thường sanh"; đối với trước sau, việc nhỏ như vậy mà còn chẳng rõ thì làm sao biết được pháp hơn người, hoặc tri kiến, hoặc việc trụ an lạc?

5 - X

Trương gia lại hoi Ni-kiên-nhã-đe tư: Có người hỏi một liên đáp một, cho đên hỏi mười đáp mười. Ong có như thế không? Nếu không hỏi một đáp một, hỏi mười đáp mười, mà đến rừng Am- la này hòng mong dụ dỗ tôi sao? Ngay lúc ấy Ni-kiền-nhã-đề tử nghẹn cổ, lắc đầu, chắp tay chào và đi thẳng không nhìn lại.

KINH SỐ 575 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú vườn Am-la? trong rừng Am-la cùng với nhiều Thượng tọa Tỳ-kheo. Bấy giờ, trưởng giả Chất-đa-la bi bệnh khổ, các thân thuộc vây quanh, có nhiều vị trời đến chỗ trưởng giả Chất-đa-la bảo rằng: -Này trưởng giả! Ông nên phát nguyện làm Chuyển Luân Thánh Vương. Trưởng giả Chất-đa-la nói với chư thiên: -Nếu làm Chuyển Luân Thánh Vương, cũng vô thường, khổ, không, vô ngã. Các thân thuộc bảo trưởng giả: Ông nên suy nghĩ cho kỹ, ông nên suy nghĩ cho kỹ. Trưởng giả Chất-đa-la nói với thân thuộc: Vì sao các ông dạy tôi phải suy nghĩ cho kỹ? Những người thân nói rằng: Ông đã nói về vô thường, khổ, không, vô ngã, vì vậy nên chúng tôi bảo ông nên suy nghĩ cho kỹ, suy nghĩ cho kỹ! Trưởng giả nói với các quyên thuộc: -Có chư thiên đên chô tôi, nói với tôi: "Ong nên phát nguyện được làm Chuyển Luân Thánh Vương, sẽ tùy nguyện đắc quM', tôi liền đáp: "Chuyển Luân Thánh Vương cũng lại vô thường, khổ, không, vô ngãL" Các quyến thuộc hỏi trưởng giả Chất-đa-la: -Chuyển Luân Thánh Vương có gì mà chư thiên dạy ông mong cầu. Trưởng giả đáp: Chuyển Luân Thánh Vương đem Chánh pháp cai trị, giáo hóa. Vì chư thiên

thấy phước lợi như thế nên dạy tôi phát nguyện mong cầu. Các quyến thuộc hỏi: -Nay ông dụng tâm như thế nào? Trưởng giả đáp: -Này các thân quyến! Ngày nay tôi tâm nguyện rằng: "Chí không còn bi thọ sanh vào bào thai nữa, chẳng thêm mồ mả? chẳng thọ nhận huyết khí.^, Như

KINH TẠPA-HÀM 469

Thế Tôn nói: "Năm hạ phần kiết sử, Ta không thấy có ngã, chẳng tự thấy một kiết sử nào mà chẳng đoạn. Nếu kiết sử chẳng đoạn thì còn sanh lại đời này.95 Ngay lúc ây trưởng giả từ giường năm, ngôi kiêt-già? chánh niệm và nói kệ: Chứa r thức ăn đã chứa, Rộng độ các hoạn nạn, BÔ thí tăng ruộng phước, Vun trông năm chủng lực. Vì mong muôn nghĩa ây, Người tục sống tại nhà, Ta đều được lợi này, Đã khỏi các thứ nạn. Thế gian không học đạo, Xa lìa các hoạn nạn, ___ 9 v •

Sanh vui biết ít nạn, Tùy thuận Đăng chánh giác Cúng dường người trì giới, Khéo tu các Phạm hạnh, Lậu tận A-la-hán, Và Thanh văn ẩn sĩ. Nhận thức được siêu việt, Trên các cõi thù thắng, Thường làm việc bố thí, Liền đạt được quả lớn. Quen bố thí nhiều cách, Ban bố ruộng phước lành, Nơi đời này mạng chung, Hóa sanh về cõi trời. Năm dục được đầy đủ, Tâm vô lượng mừng vui, Được báo vi diệu này, Vì không tâm keo bẩn, A e

Thọ sanh ở nơi nào, Đêu luôn được vui vẻ. Trưởng giả Chất-đa-la nói kệ này xong, liền mạng chung, sanh về cõi Vô Phiền Nhiệt thiên. Bấy giờ, thiên tử Chất-đa-la nghĩ rằng: "Ta không nên dừng lại ở đây mà nên đến Diêm-phù-đề lễ bái các Thượng tọa Ty-kheo.^ Trong khoảnh khắc nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay, dùng sức thiên thần hiện đến rừng Am-la, phóng ánh sáng từ thân trời, chiếu sáng khắp rừng Am-la. Khi ây có Tỳ-kheo kia, ban đêm ra khỏi phòng đi kinh hành nơi đát trông, trông thây ánh sáng kỳ diệu, chiếu khắp rừng cây, liền nói kệ: Sắc trời nào vi diệu, Trụ ở giữa hư không, Giống như núi vàng rực, Ánh sáng Diêm-phù-đề? Thiên tử Chất-đa-la nói kệ đáp: Tôi là vua trời người Là đệ tử Cù-đàm Trong rừng Am-la này Trưởng giả Chất-đa-la Nhờ tịnh giới đầy đủ Hệ niệm tự tịch tinh Thân giải thoát đầy đủ, Thân trí tuệ cũng thế Toi biêt pháp nen đen Nhân giả cần nên biết Nên nơi Niết-bàn kia Pháp này pháp như thế. Thiên tử Chất-đa-la nói kệ xong, liền biến mất.

KINH SỐ 576 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 469

Thế Tôn nói: "Năm hạ phần kiết sử, Ta không thấy có ngã, chẳng tự thấy một kiết sử nào mà chẳng đoạn. Nếu kiết sử chẳng đoạn thì còn sanh lại đời này.95 Ngay lúc ây trưởng giả từ giường năm, ngôi kiêt-già? chánh niệm và nói kệ: Chứa r thức ăn đã chứa, Rộng độ các hoạn nạn, BÔ thí tăng ruộng phước, Vun trông năm chủng lực. Vì mong muôn nghĩa ây, Người tục sống tại nhà, Ta đều được lợi này, Đã khỏi các thứ nạn. Thế gian không học đạo, Xa lìa các hoạn nạn, ___ 9 v •

Sanh vui biết ít nạn, Tùy thuận Đăng chánh giác Cúng dường người trì giới, Khéo tu các Phạm hạnh, Lậu tận A-la-hán, Và Thanh văn ẩn sĩ. Nhận thức được siêu việt, Trên các

cõi thù thắng, Thường làm việc bố thí, Liền đạt được quả lớn. Quen bố thí nhiều cách, Ban bố ruộng phước lành, Nơi đời này mạng chung, Hóa sanh về cõi trời. Năm dục được đầy đủ, Tâm vô lượng mừng vui, Được báo vi diệu này, Vì không tâm keo bẩn, A e

Thọ sanh ở nơi nào, Đêu luôn được vui vẻ. Trưởng giả Chất-đa-la nói kệ này xong, liền mạng chung, sanh về cõi Vô Phiền Nhiệt thiên. Bấy giờ, thiên tử Chất-đa-la nghĩ rằng: "Ta không nên dừng lại ở đây mà nên đến Diêm-phù-đề lễ bái các Thượng tọa Ty-kheo.^ Trong khoảnh khắc nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay, dùng sức thiên thần hiện đến rừng Am-la, phóng ánh sáng từ thân trời, chiếu sáng khắp rừng Am-la. Khi ây có Tỳ-kheo kia, ban đêm ra khỏi phòng đi kinh hành nơi đát trông, trông thây ánh sáng kỳ diệu, chiếu khắp rừng cây, liền nói kệ: Sắc trời nào vi diệu, Trụ ở giữa hư không, Giống như núi vàng rực, Ánh sáng Diêm-phù-đề? Thiên tử Chất-đa-la nói kệ đáp: Tôi là vua trời người Là đệ tử Cù-đàm Trong rừng Am-la này Trưởng giả Chất-đa-la Nhờ tịnh giới đầy đủ Hệ niệm tự tịch tinh Thân giải thoát đầy đủ, Thân trí tuệ cũng thế Toi biêt pháp nen đen Nhân giả cần nên biết Nên nơi Niết-bàn kia Pháp này pháp như thế. Thiên tử Chất-đa-la nói kệ xong, liền biến mất.

KINH SỐ 576 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

470 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, có một thiên tử dung nhan tuyệt diệu, cuối đêm đi đến chỗ Phật; cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Vi thiên tử kia nói kệ bạch Phật: 9

Chăng ở rừng Nan-đà, Trọn chẳng được khoái lạc,
Trong cung trời Đao-lợi, Được danh ximg Thiên đế.
Bây giơ, Thê Ton noi kệ đáp:
Trẻ con, người nào biết, Điều A-la-hán nói,
Tất cả hành vô thường, Đây là pháp sanh diệt,
Đã sanh rồi lại diệt, Được tịnh diệt là vui.
Lúc ấy, thiên tử ấy lại nói kệ:
Lâu thấy Bà-la-môn5 Chóng đắc Bát-niết-bàn,
Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái.
Thiên tử ấy sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân
Phật rồi liền biến mất.
KINH SỐ 577 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà5 vườn Cấp Cô Đọc. Bây giờ, vị thiên tử kia liên nói kệ: Đoạn tất cả xiềng xích, Mâu-ni không có nhà, Mặc áo tu giáo hóa. Ta sẽ nói lành thay! LÚC áy, The Ton noi kẹ đáp: Tất cả loài chúng sanh, Thảy cùng ràng buộc nhau, Kia có người trí tuệ, Ai chẳng khởi thương xót. Thiện Thệ vì thương xót, Thường dạy dỗ chúng sanh, Ông thương xót

chúng sanh, Đó là đúng như pháp. Ke đó, thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Sau khi nghe Phật dạy, thiên tử kia hoan hỷ, tùy hỷ, rồi liền biến mất.

KINH SỐ 578 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HẢM 471

Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng, chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Vi thiên tử kia liền nói kệ: Thường tập lòng hổ thẹn, Người này luôn luôn có, Hay xa lìa điều ác, Như ngựa lành thấy roi. Bay giơ, Thê Tôn noi kệ: Thường tập lòng hổ thẹn, Người này thật ít có, Nay xa lìa điều ác, Như ngựa lành thấy roi. Vị thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử ấy sau khi nghe Phật nói kệ xong, hoan hỷ? tùy hỷ? cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 579 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, thiên tử kia nói kệ hỏi Phật: Chẳng gần gũi Chánh pháp, Ưa đắm các tà kiến, Ngủ mê chẳng tự biết, Nhiều kiếp tâm được ngộ. Bay giơ, Thê Ton noi kệ đáp: Chuyên tu nơi Chánh pháp, Xa lìa nghiệp bất thiện, Là La-hán lậu tận, Đời hiểm ác bình đẳng. Thiên tử kia nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử sau khi nghe Phật nói xong, hoan hy, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 580 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ây noi kẹ:

472 KINH TẠP A-HÁM

9 .
Nhờ pháp khéo điều phục, Chăng theo các tà kiên,
Tuy còn đắm ngủ say, Có thể tùy thời ngộ.
The Ton noi kê đáp lại:
Nêu nhờ pháp điêu phục, Chăng theo các tà kiên,
Không biết đã cứu cánh, Hay độ thoát ân ái.
Thiên tử kia lại nói kệ:
Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn,
Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái.
Thiên tử ấy nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ5 cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 581 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ây? thiên tử kia nói kệ hỏi Phật: Nếu Tỳ-kheo La-hán, Việc mình đã làm xong, Tất cả lậu dứt sạch, Giữ lấy thân sau rốt, Xác định nói có ngã, Và nói ngã sở không? Bây giờ, The Ton noi kê đáp: Nếu Tỳ-kheo La-hán, Việc mình đã làm xong, Các hữu lậu đã sạch, Chỉ còn thân sau cùng, Giả sử còn nói ngã, Ngã sở cũng không lỗi. Thiên tử lại nói kệ đáp: Nếu Tỳ-kheo La-hán, Việc mình đã làm xong, Tất cả lậu hết sạch, Chỉ còn thân sau cùng, Tâm nương nơi ngã mạn, Mà nói là có ngã, Và nói về ngã sở, Có nói như thế không? Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp: Đã lìa nơi ngã mạn, Không còn tâm ngã mạn, Siêu việt ngã, ngã sở, Ta nói là lậu tận, Đối ngã, ngã sở kia, Tâm trọn chẳng chấp trước, Hiểu danh tự thế gian, Bình đẳng giả danh nói. Thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ5 tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 582 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng, chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử kia nói kệ bạch Phật: Nếu Tỳ-kheo La-hán, Lậu tận còn thân sau, Có thể nói có ngã, Và nói ngã sở chăng? The Ton noi kẹ đáp: Nếu Tỳ-kheo La-hán, Lậu tận còn thân sau, Cũng nói là có ngã, Và nói có ngã sở. Thiên tử kia lại nói kệ: Nếu Tỳ-kheo La-hán? Việc mình đã làm xong, Đã sạch các hữu lậu, Chỉ còn thân sau cùng, Sao còn nói có ngã, Và nói có ngã sở? The Ton nói kẹ đáp: Nếu Tỳ-kheo La-hán, Việc mình đã làm xong, Tất cả lậu hết sạch, Chỉ còn thân sau cùng, Nói ta sạch các lậu? Cũng chẳng chấp ngã sở, Hiểu danh tự thế gian, Bình đẳng giả danh nói. Thiên tử ấy nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 583 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có a-tu-la vương La-hầu-la che Nguyệt thiên tử. Khi ấy, các vị Nguyệt thiên tử đều sợ hãi, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui đứng một bên và nói kệ khen ngợi Phật: Nay lễ Toi Thắng Giác, Hay thoát tất cả chướng, Con nay gặp khổ não, Thế nên đến quy y. Chúng con Nguyệt thiên tử, Quy y đấng Thiện Thệ, Phật thương xót thế gian, Xin cứu độ Tu-la. Thê Tôn liên noi kẹ đáp:

Phá tan mọi tăm tối, Ánh sáng chiếu hư không, Nay Tỳ-lư-giá-na Bày ánh sáng thanh tịnh, La-hầu tránh hư không, Phóng bay nhanh như thỏ, A-tu-la La-hâu, Vội bỏ trăng trở về, Toàn thân tuôn nhơ nhớp, Kinh hoàng chẳng an ổn5 Thần hồn, trí mê loạn, Giống như người bệnh nặng. Bấy giờ, có a-tu-la tên là Bà-trỉ thấy a-tu-la La-hầu-la vội vàng bỏ mặt trăng, trở về liền nói kệ: A-tu-la La-hâu, Bỏ trăng, sao quá nhanh? Thân thể đều nhơ nhớp, Giống như người bệnh nặng. A-tu-la La-hầu-la nói kệ đáp: Cù-đàm nói chú kệ5 Kẻ chẳng mau bỏ trăng, Thì đâu vỡ bay phan, Chiu khổ đến gần chết.

A-tu-la Bà-trỉ nói kệ: Phật xuất hiện ít c6, Làm an ôn thê gian, Nói chú kệ khiến cho, La-hầu-la bỏ trăng. Phật nói kinh này xong, Nguyệt thiên tử nghe Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi đi.

KINH SỐ 584 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc, vi thiên tử này nói kệ hỏi Phật: Thật có dòng họ không? Có dòng chuyển sanh không? Có cùng hệ thuộc không? Làm sao thoát ràng buộc? The Ton noi kẹ đáp: Ta không có dòng họ? Cũng không dòng chuyển sanh, Dứt hẳn sự hệ thuộc, Giải thoát mọi ràng buộc. Lúc đó, thiên tử lại nói kệ: Sao gọi là dòng họ, Thế nào dòng chuyển sanh, Thế nào cùng tương thuộc, Sao gọi là buộc chặt? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Mẹ là dòng họ đời, Vợ là dòng chuyển sanh, Con cái là tương thuộc, Ái dục là buộc chặt. Ta không dòng họ này, Cũng không dòng chuyển sanh, Cả tương thuộc cũng không, Đây gọi thoát buộc chặt.

KINH TẠPA-HÀM 475

Thiên tử lại nói kệ: Lành thay, không dòng họ! Không sanh tộc cũng tốt. Lành thay, không tương thuộc! Lành thay, giải thoát buộc! Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử này nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 585

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật tru tại tháp Ưu-la-đề-na của họ Thích.

Bấy giờ, Thế Tôn mới cạo râu tóc, cuối đêm Ngài ngồi kiết-già, thân ngay thẳng, ý chơn chánh, hệ niệm ở trước, lấy y che đầu. Bấy giờ, bên tháp Ưu-lađề-na có thiên thần cư ngụ, phóng ánh sáng từ thân, chiếu khắp tinh xá, bạch

Phật rằng:

- Sa-môn lo buồn phải không?

Phật bảo thiên thần:

- Ta mất mát gì đâu?

Thiên thần lại hỏi:

Sa-môn hoan hỷ phải không?

Phật bảo thiên thần:

-Ta được gì đâu?

Thiên thần lại hỏi:

Sa-môn không lo buồn, không hoan hỷ phải không?

Phật bảo thiên thần:

Đúng vậy! Đúng vậy!

Bây giờ, thiên thần nói kệ:

Vì lìa các phiên não, Vì chẳng có vui mừng,

Làm sao ở một mình, vẫn cảm thấy an vui?
Thê Tôn nói kê đáp:
Giải thoát không ưu não? Cũng không có hoan hỷ,
Không vui, không dao dộng, Nên Ta ngồi một mình.
Thiên thần ấy lại nói kệ:
Làm sao không ưu não, Làm sao không hoan hỷ,
Làm sao ngồi một mình, Luôn cảm thấy an vui?
Thế Tôn nói kệ đáp:
476 KINH TẠPA-HÀM

Phiên não sanh hoan hỷ, Hoan hỷ sanh phiên não, Không não cũng không vui, Thiên thần nên gìn giữ. Thiên thần lại nói kệ: Lành thay, không phiên não! Lành thay, không hoan hỷ! Lành thay, ngồi một mình! Tâm luôn luôn an vui. Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên thần kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ9 tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 586 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ: Như gươm bén làm hại, Cũng như lửa cháy đầu, Đoạn trừ lửa tham dục, Chánh niệm, câu xa lìa. Bây giờ, Thê Ton noi kê đáp: Ví như gươm bén hại, Cũng như lửa cháy đầu, r Đoạn trừ thân sau rót, Chánh niệm, cầu xa lìa. Thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử ấy nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 587 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ rằng: Các thiên nữ vây quanh, Như chúng Tỳ-xá-chỉ, Trong rừng rậm si hoặc, Do đâu được ra khỏi? The Ton nói kẹ đáp: Đạo chánh trực bình dẳng, Xa lìa nơi sợ hãi, Cưỡi chiếc xe tịch mặc, Pháp tướng là che kín.

KINH TẠPA-HÀM 477

Tàm quý vòng dây cổ, Chánh niệm là dây buộc, Trí tuệ người đánh xe, Chánh kiến dẫn đường trước, Cô xe mâu nhiệm ây, Cùng đưa cả nam nữ, Ra khỏi rừng sanh tử, Chóng đến nơi an lạc. Thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 588 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Có bốn chuyển, chín cửa, Sống đầy đủ tham dục, Chìm đắm sâu trong bùn? Voi lớn làm sao ra? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Đoạn dây dài ái hỷ, Các thứ ác, tham

dục, Nhổ gốc rễ ái dục, Thẳng hướng ở nơi kia. Thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử ấy nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 589 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn Cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Nước Lại-tra-bàn-đê, Có các khách buôn bán, Giàu có, nhiều của cải, Tranh nhau mong làm giàu, Tìm cách câu tài lợi, Như đốt lửa cháy bùng, Tâm tranh thắng như thế, Dục tham luôn rong ruổi, Thế nào nên dứt tham, Hét cần cầu thế gian.

nni_ Á rin A _ _ ! 4- L The Ton noi kê đáp: Bỏ tục sống không nhà, Vợ con cùng tiền của, Lìa dục, tham, sân, si, La-hán sạch các lậu, Chánh trí, tâm giải thoát, Ái tận dứt phương tiện. Thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử ấy nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 590 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thời quá khứ tại nước Câu-tát-la có các nhà buôn với năm trăm cỗ xe cùng đi mưu sống. Họ đi đến chỗ hoang vắng, nơi ấy có bọn cướp năm trăm tên, đuổi theo sau, lén tìm cơ hội cướp đoạt. Bấy giờ, nơi hoang vắng ấy có một thiên thần đang ở bên đường. Thiên thần ấy nghĩ thầm: "Ta nên đi đến nước Câu-tát-la kia, chỗ các nhà buôn để hỏi nghĩa lý. Nêu họ vui lòng cho ta được hỏi và giải thích, ta sẽ tìm cách khiến họ được an ổn, được thoát khỏi nạn giặc cướp. Nếu họ không vui lòng với những câu hỏi của ta, ta sẽ bỏ mặc họ, như những thiên thần khác." Sau khi suy nghĩ xong, thiên thần ấy phóng ánh sáng chiếu khắp các cỗ xe của những nhà buôn và nói kệ: Ai đối thức lại ngủ, Ai đối ngủ lại thức, Người nào hiểu nghĩa này, Ai hay vì tôi nói? Trong các nhà buôn đó có một iru-bà-tắc tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo- tăng, nhất tâm hướng ve Phật, Pháp, Tăng, quy y Phật, Pháp, Tăng. Vi ấy đoi với Phật, Pháp, Tăng lìa nghi; đối với khổ, tập, diệt, đạo lìa nghi, thấy bốn Thánh đê, đác quả hiện quán thứ nhát. Trong các nhà buôn cùng két bạn đi đường đó, ưu-bà-tắc kia vào khoảng cuối đêm ngồi thẳng, suy nghĩ, hệ niệm ở trước, đối với mười hai nhân duyên, quán sát thuận nghịch; nghĩa là cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi. Nghĩa là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập xứ, duyên lục nhập xứ có xúc, duyên xúc có tho, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có lão-bệnh-tử-xru-bi-khổ- não. Như thế, thuần đại khổ tụ tập. Như vậy, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập xứ diệt, lục nhập xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão-bệnh-tử-

iru-bi-khổ-não diệt. Như thế thuần đại khổ tụ diệt. Vị xru-bà-tắc ấy suy nghĩ xong liền nói kệ: Đối người thức, ta ngủ, Đối người ngủ, ta thức, Ta hiểu rõ nghĩa này, Nói rõ được cho người. Lúc ấy, thiên thần hỏi mi-bà-tắc: Thế nào tỉnh thức ngủ mê5 thế nào ngủ mê tỉnh thức, thế nào có thể biết, thế nào có thể xác nhận? Ưu-bà-tắc nói kệ: Tham dục và sân nhuế, Ngu si được lìa dục, A-la-hán lậu tận, Chánh trí, tâm giải thoát, Vị ấy là thức tỉnh, Đối kia ta mê ngủ. Chẳng biết nhân sanh khổ, Và khổ nhân duyên tập, Đối tất cả khổ này, Dứt hết không còn sót. Lại chẳng biết chánh đạo, Đưa đến nơi hết khổ, Như thế là đang ngủ, Đối kia ta lại thức. Như thế thức đối ngủ, Như thế ngủ đối thức, r

Khéo biết nghĩa như thế Như thê hay xác nhận. Thiên thần lại nói kệ: Lành thay ngủ trong thức! Lành thay thức trong ngủ! Lành thay khéo hiểu nghĩa! Lành thay khéo xác nhận! Lâu xa nay mới thây, Các anh em nên đến, Nhờ ân lực của người, Khiến cả bọn thương nhân, Được thoát khỏi giặc cướp, Đi theo đường an ổn. Như thê các Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la và cả đám thương nhân theo đường đi an ổn, thoát khỏi nơi hoang vắng, nguy hiểm. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 591 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà9 vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Thời quá khứ, trên bãi biên, có một nam cư sĩ đên nhà một nam cư sĩ khác, cùng ngồi cực lực chê bai dục như sau: CÍCái dục này hư vọng, không thật, là pháp giả dối, như huyễn hóa, lừa gạt con nít." Nói xong rồi, trở về nhà mình, phóng túng theo ngũ dục. Tại nhà nam cư sĩ này có thiên thần đang trú ngụ, vị thiên thần này nghĩ thầm: "Nam cư sĩ này không hơn gì? chẳng khác gì nhà các nam cư sĩ khác; ngồi giữa đông người cực lực chê bai dục; nào là: 'Cái dục này giả dối, không thật, là pháp giả dối, lừa

gạt con nít', rồi trở về nhà mình lại phóng túng theo năm dục. Bây giờ ta có nên giúp cho ông ta giác ngO?" Rồi liền nói kệ rằng: Giữa đám đông tụ họp, Chê trách dục vô thường, Tự chìm trong ái dục, Như trâu lún bùn sâu, Ta xem trong hội kia, Các vị nam cư sĩ, Đa văn hiểu rõ pháp, Gìn giữ giới thanh tịnh, Người thấy kia vui pháp, Mà nói dục vô thường, Sao tự buông theo dục, Chẳng đoạn dứt tham ái? Vì sao vui the gian, Nuôi vợ con quyến thuộc? Vị thiên thần ấy khai ngộ cho nam cư sĩ kia như thế. Nam cư sĩ đó được giác ngộ, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, lòng tin chơn chánh, không nhà, xuất gia học đạo, tinh cần tu tập, dứt sạch các pháp hữu lậu, đắc quả A-la-hán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 592 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc có chút việc đến thành Vương Xá ngủ lại đêm ở nhà một trưởng giả. Ban đêm thay ông trưởng giả bảo với vợ con, tôi tớ, người giúp việc rằng: -Các người đều thức dậy, sửa soạn củi lửa, nấu cơm, làm bánh, sửa soạn thức ăn ngon và trang hoàng nhà cửa. Trưởng giả cấp Cô Độc thấy vậy nghĩ thầm: "Ong trưởng giả này hôm nay làm gì đây? Hoặc là gả con gái, hay là cưới vợ cho con, hay là mời khách vua, quan?" Suy nghĩ xong liền hỏi trưởng giả: Ong làm gì? Có phải là gả

con hay cưới dâu? Hoặc mời khách vua, quan? Trưởng giả kia đáp ông cấp Cô Độc: -Tôi chẳng gả con, chẳng cưới dâu, chẳng mời khách vua, quan gì cả, chỉ muốn thỉnh Phật và Tỳ-kheo-tăng để cúng dường. Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc chưa từng nghe danh tự Phật, nay đã được nghe lòng hết sức vui mừng, toàn thân rợn chân lông, vui mừng hỏi trưởng giả kia: - Thế nào gọi là Phật? Trưởng giả đáp: Có Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng Thích-ca, trong dòng họ Thích, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa? chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là Phật.

Trưởng giả cấp Cô Độc hỏi: -Thế nào gọi là Tăng? Trưởng giả kia đáp: Nếu người thuộc dòng Bà-la-môn, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chánh tín, không nhà, theo Phật xuất gia; hoặc người thuộc dòng Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la? những người thiện nam này cạo bỏ râu tóc, mặc áo càsa, chánh tín, không nhà, theo Phật xuất gia; đó gọi là Tăng. Hôm nay tôi thỉnh Phật và hiện tiền Tăng thiết lễ cúng dường. Trưởng giả cấp Cô Độc hỏi trưởng giả kia: Hôm nay tôi có thể đến gặp Thế Tôn được không?

Trưởng giả kia đáp: Ông cứ ở đây, tôi thỉnh Thế Tôn đến nhà tôi, ở đây ông sẽ được gặp Ngài. Bấy giơ, trưởng giả cấp Cô Độc suốt đêm ấy hết lòng nghĩ đến Phật được ngủ một giấc ngon, trời vẫn chưa sáng, bỗng thấy tướng sáng, tưởng đâu trời đã sáng muôn đi ra khỏi nhà, đi vê phía cửa thành. Đen dưới cửa thành, đêm mới canh hai, cửa thành chưa mở, theo luật của nhà vua phải đợi lệnh mới cho đi lại. Qua đầu hôm, cửa thành vẫn đóng, đến cuối giữa đêm lại mở cửa cho người đi lại sớm. Khi trưởng giả cấp Cô Độc thấy cửa thành mở, nghĩ thầm: "Đúng là qua đêm, trời sáng, cửa mở5 theo tướng sáng ra khỏi cửa thành." Đen lúc ông ra cửa thành rồi tướng sáng liền tắt, bỗng trở lại tối tăm, trưởng giả Cấp Cô Độc cảm thấy trong lòng sợ hãi, toàn thân lông dựng dửng. "C6 lẽ bị người lạ hay ma quỷ, hoặc kẻ gian làm cho ta sợ hãi dây?" Ông vội vàng muốn trở về. Bấy giờ, bên cửa thành có thiên thần đang cư ngụ, thân tỏa ánh sáng từ cửa thành kia đến nghĩa địa Hàn Lâm, ánh sáng chiếu khắp, thiên thần bảo trưởng giả cấp Cô Độc: Ong hãy đi tới, có thê được lợi ích tót đẹp, đừng trở lui. Thiên thần liền nói kệ: Ngựa hay cả trăm con, Vàng ròng đầy trăm cân, Xe la và xe ngựa, Mỗi thứ đến trăm cỗ, Đủ các thứ quý báu, Đều chất đầy trên đó, Do thiện căn đời trước, Được phước báu như vầy, Nếu người tâm kính trọng, Hướng Phật đi một bước, Được phước này nhiều hơn, So với phước trên kia, Bằng một phần mười sáu. r 9 e Thê nên trưởng giả cứ đi tới trước, chớ trở lui. Thiên thần lại nói kệ tiếp: Long Tượng tại núi Tuyết, Trang sức toàn vàng ròng, Than to, ngà dài lớn, Đem voi này cho người, Chẳng bằng phước hướng Phật, Chỉ một phan mười sáu.

Thế nên, trưởng giả mau đi tới trước, được lợi ích lớn, đừng trở lui. Thiên thần lại nói kệ: Gái nước Kim-bồ-xa? Số đến cả trăm người, Đủ các thứ báu đẹp, Trang sức đầy châu ngọc, 9 y

Đem bố trí tất cả, Cũng chăng băng công đức, Hướng đến Phật một bước, Bằng một phần mười sáu. Thế nên, trưởng giả mau đi nhanh tới trước, sẽ được lợi ích tốt đẹp,

đừng trở lui. Trưởng giả cấp Cô Độc hỏi thiên thần: —Hiền giả! Hiền giả là ai? Thiên thần đáp: -Tôi là Ma-đầu-tức-kiện Đại Ma-na-bà, trước đây là người quen của trưởng giả. Đối với Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, tôi khởi lòng tin kính, do công đức này được sanh cõi trời, trấn giữ cửa thành này. Thế nên tôi bảo trưởng giả chỉ nên đi tới trước, chớ trở lui cứ đi tới trước sẽ được lợi ích, đừng trở lui ve. Trưởng giả cấp Cô Độc suy nghĩ: "Bức Phật xuất hiện ở thế gian chẳng phải là việc nhỏ, được nghe Chánh pháp chẳng phải là việc nhỏ, bởi thế thiên thần khuyên ta nên đi tới gặp Phát." Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc theo ánh sáng kia, đi qua nghĩa địa Hàn Lâm. Cũng đung vào lúc Thế Tôn ra khỏi phòng, đi kinh hành nơi đất trống. Trưởng giả cấp Cô Độc từ xa trông thấy Phật rồi, liền tiến tới trước, theo pháp của the gian cung kính thăm hỏi: Thưa Thế Tôn, Ngài có được an ổn không?

Thê Tôn noi kẹ đáp: Bà-la-môn, Niết-bàn, Là luôn luôn an vui, 9 v. Chăng đăm nhiêm ái dục? Hoàn toàn được giải thoát, Dứt tất cả mong cầu, Điều phục tâm lừng lẫy, Tâm được lặng, dừng bặt, Tâm lặng ngủ an ổn. Thế Tôn dẫn trưởng giả cấp Cô Độc vào trong phòng, đến tòa ngồi xuống, 9 e r r : e r : thân ngay thăng, hệ niệm. Khi ây9 Thê Tôn vì trưởng giả thuyêt pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho vui mừng. Xong rồi, Thế Tôn nói về các pháp vô thường, khuyên làm việc phước bo thí, trì giới, làm việc phước để sanh về cõi trời, phước báu của sự xa lìa, sự hấp dẫn của dục, tai hại của dục và ra khỏi dục. Trưởng giả cấp Cô Độc nghe pháp, thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập pháp, hiểu rõ pháp, dứt hết mọi nghi hoặc, chẳng phải do người khác được tin, chẳng phải do người khác được độ vào Chánh pháp, Luật, tâm được không sợ hãi, liền từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục, đảrủi le Phật, gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật:

KINH TẠPA-HÀM 483

Bạch Thế Tôn! Con đã được độ. Bạch Thiện Thệ! Con đã được độ. Từ nay đến suốt đời con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng, được làm ưu-bà-tắc, xin chứng tri cho con! Thế Tôn hỏi trưởng giả cấp Cô Độc: - Ông tên gì? Trưởng giả bạch Phật: Con tên là Tu-đạt-đa, vì con thường hay giúp đỡ cho người cô độc khốn khổ nên người đương thời gọi con là cấp Cô Độc. nrii_ Ạ rr\ A 1 _ • The Ton lại hỏi: - Ông ở đâu? Trưởng giả bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con ở tại xứ Câu-tát-la, thành Xá-vệ. Xin Thế Tôn đến nước Xá-vệ, con sẽ suốt đời cúng dường y phục, thức ăn, phòng xá, giường nằm và thuốc men tùy bệnh. Phật hỏi trưởng giả: Nước Xá-vệ có tinh xá không? Trưởng giả bạch Phật: Thưa không! Phật bảo trưởng giả: Ong hãy ở nơi ây kiên lập tinh xá đê các Tỳ-kheo lui tới tạm trú. Trưởng giả bạch Phật: Con chỉ mong Thế Tôn đến nước Xá-ve, con sẽ cất tinh xá, Tăng phòng để các Tỳ-kheo lui tới dừng nghỉ. Bay giơ, The Ton im lặng nhạn lời. Trưởng gia biêt The Ton im lặng nhạn lời, từ chỗ ngồi đứng lên, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ra.

KINH SỐ 593 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc bị bệnh nặng, từ trần sanh về cung trời Đâu-suất, làm thiên tử cõi trời này, suy nghĩ rằng: "Ta chẳnệ nên ở đây lâu, nên đến gặp đức Thế Ton99, nghĩ như thế rồi, trong khoảnh khác như người lực sĩ co đuôi cánh tay, biên mát từ trời Bâu-suât, hiện ra trước Phật, cúi đâu lê chân Phật, rồi lui ngoi một

bên. Thiên tử cấp Cô Độc thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà5 vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, thiên tử cấp Cô Độc nói kệ: Nơi rừng Kỳ Hoàn này, Tiên, nhơn, Tăng trụ đó, Các vua cũng ở đó, Khiến con càng vui mừng,

Tin sâu nghiệp tịnh giới. Trí tuệ là mạng sống, Lấy đó tinh chúng sanh, Không dòng họ? tài vật, Xá-lợi-phất đại trí, Chánh niệm thường lặng lẽ, Mới lập nghiệp bạn lành, Sống tu hạnh viễn ly. Nói kệ này xong liên biên mát. Đức Thế Tôn sau đêm ấy, vào trong chúng Tăng trải tọa cụ ngồi trước chúng bảo các Tỳ-kheo: -Trong đêm này có một thiên tử dung sác tuyệt diệu, đi đên chô Ta, cúi đâu lễ chân Ta, rồi lui ngồi một bên nói kệ: ở rừng Kỳ Hoàn này, Tiên, nhơn, Tăng trụ đó, Các vua cũng ở đó, Lòng con càng vui mừng, Tin sâu nghiệp tịnh giới. Trí tuệ là mạng sống, Lay đó tịnh chúng sanh, Không dòng họ, tài vật, Xá-lợi-phất đại trí, Chánh niệm thường lặng lẽ, Mới lập nghiệp bạn lành, Sống tu hạnh viễn ly. Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật: -Thưa Thế Tôn! Như con hiểu lời Thế Tôn nói, trưởng giả cấp Cô Độc sanh len cõi trời kia rồi đến diện kiến Thế Tôn. Nhưng trưởng giả cấp Cô Độc kia, đối với Tôn giả Xá-lợi-phất rất mực kính trọng. Phật bảo A-nan: -Này A-nan! Đúng the! Này A-nan! Trưởng giả cấp Cô Độc sanh về cõi trời kia rồi đến gặp Ta. The Ton liên VI Ton gia Xa-lai-pnat noi kẹ: Tất cả trí thế gian, Chỉ trừ trí Như Lai, So trí Xá-lợi-phât5 Không băng phân mười sáu. Như trí Xá-lợi-phât, Tiên nhơn đêu như nhau, So với trí Như Lai, Không băng phân mười sáu. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 594 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại tinh xá Khoáng Dã. Bây giờ, có trưởng giả Khoáng Dã bệnh nặng từ trân, sanh vê cõi trời Vô Nhiệt, đã saiứi về cối trời ấy liền nghĩ rằng: “Ta không nên ở đây lâu, chẳng được gặp The Ton?9 Nghĩ xong, trong khoảnh khắc, nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất từ cõi ươi Vô Nhiệt, hiện ra trước Phật. Thiên tò ấy thân thể yếu ớt không thể tự đứng, giống như chất dầu ở trên đất không thể tự đứng. Thiên tử ấy nhỏ nhắn, mềm yếu, không thể tự đứng vững.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo thiên tử: -Ông nên biến hóa làm thân thể để đứng trên đất. Thiên tử liền hóa thành thân thể đứng trên đất. Thiên tử ấy đến đảnh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thủ thiên tử: Ông là Thủ thiên tử, vốn ở thế gian này, khi làm thân người nhờ có học kinh pháp nên nay còn nhớ đến, chẳng quên sao? Thủ thiên tử bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Những gì con đã thu nhận đến nay vẫn không quên. Lúc làm người ở thế gian, con nghe pháp nhiều, nên nay còn nhớ. Như Thế Tôn khéo nói; Thế Tôn nói rằng: "Nêu ông được ở nơi an vui thì có thể nhớ nghĩ pháp, chứ không phải ở chỗ khổ não.55 Lời nói này rất chân thật. Như Thế Tôn ở tại Diêm-phù-đê? có đủ tát cả các loài và bôn chúng vây quanh, thuyết pháp, bốn chúng kia nghe Phật dạy, tất cả đều cung kính vâng làm. Con cũng như vậy, ở trên cõi trời Vô Nhiệt vì các thiên nhân nơi đại hội thuyết pháp. Các vị trời này đều lãnh thọ tu học. Phật bảo Thủ thiên tử: -Ong lúc ở nhân gian, đôi với những pháp gì không biêt chán đủ

mà được sanh về cõi trời Vô Nhiệt. Thủ thiên tử bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con ở nơi ba pháp không biết chán, nên khi thân hoại, sanh lên cõi trời Vô Nhiệt. Những gì là ba pháp? Đó là khi còn thấy Phật không biết chán nên khi chết sanh về cõi trời Vô Nhiệt. Vì con đối với Pháp không biết chán nên sanh về cõi trời Vô Nhiệt. Vì cúng dường chúng Tăng không biết chán nên khi chết sanh về cõi trời Vô Nhiệt. Thủ thiên tử nói kệ: Thấy Phật không biết chán, Nghe Pháp cũng không chán, Cúng dường các chúng Tăng, Cũng chưa từng biết đủ, Thọ trì pháp Hiền thánh, Điều phục nhơ tham trước, Ba pháp chẳng biết đủ, Nên sanh Vô Nhiệt thiên. Thủ thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ? liền biến mất.

KINH SỐ 595 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử Vô Phiền dung sắc tuyệt diệu, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Khi đó, thiên tử ấy nói kệ:

Sanh cõi trời Vô Phiền, Bảy Tỳ-kheo giải thoát,
Tham, sân, nhuế đã hết, Siêu thoát vượt ân ái.
Ai qua khỏi các dòng, Khó vượt qua ma chết,
Ai đoạn được ma chét, Trọn thoát ách phiên não.
Thế Tôn nói kệ đáp:
Tôn giả Ưu-ba-ca Cùng Ba-la-kiện-trà?
Phất-ca-la-sa-lê, Bạt-đề, Kiện-đà-điệp,
Với Bà-hiru-nan-đề? Và Bà-tỳ-sấn-nậu,
Tất cả bảy vị này, Đều vượt qua các dòng,
Dứt hẳn bọn ma chết, Vượt qua điều khó vượt,
Dứt hết bọn ma chết, Siêu việt ách cõi trời,
Nói pháp rất thâm diệu, Giác ngộ người khó biết,
Khéo hỏi nghĩa sâu xa, Hiện nay người là ai?
Thiên tử ấy nói kệ bạch Phật:
Con là A-na-hàm? Sanh cõi trời Vô Phiền,
Nên biết những điều ấy, Bảy Tỳ-kheo giải thoát,
Hết tham dục, sân nhuế, Trọn thoát mọi ân ái.
Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:
Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, Ý, nhập xứ thứ sáu,
Nếu danh kia và sắc, Được dứt sạch không còn?
Hay biết các pháp này, Bảy Tỳ-kheo giải thoát,
Tham hữu đều đã hết, Trọn thoát mọi ân ái.
Thiên tử lại nói kệ:
Thôn Bệ-bạt-lăng-già, Con cư ngụ trong ấy,
Tên Nan-đề-bà-la, Chuyên làm các đồ gốm,

Đệ tử Phật Ca-diếp, Giữ pháp ưu-bà-tắc,
Cúng dường bậc cha mẹ, Lìa dục tu Phạm hạnh,
Đời đời làm bạn con, Con cũng quen vị ây,
Như thế các Chánh sĩ, Đời trước cùng hòa hợp,
Khéo tu nơi thân tâm, Còn giữ thân cuối này.
Bay giờ, The Ton lại nói kê:
Ông là bậc Hiền sĩ, Như lời ông đã nói,
Thôn Bệ-bạt-lăng-già? Tên Nan-đề-bà-la,
Đệ tử Phật Ca-diep, Thọ pháp iru-bà-tắc,
Cúng dường bậc cha mẹ, Lìa dục tu Phạm hạnh.
Trước kia quen biết ông, Ong cùng bạn tốt kia,
Như thế các Chánh sĩ, Đời trước cùng hòa hợp,
Khéo tu thân tâm kia, Còn giữ thân cuối này.
KINH TẠPA-HÀM 487

Phật nói kinh này xong, thiên tử nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, liền biến mất.

KINH SỐ 596 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, co vị thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ïiệồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bay giờ, thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Đời này nhiều sợ hãi, Chúng sanh thường não loạn, Đã khởi cũng là khổ, Chưa khởi cũng sẽ khổ, Có chỗ lìa sợ chăng? Mong bậc Tuệ Nhãn nói. LÚC ây, The Ton noi kệ đáp: Không khổ hạnh gì khác, Không điều phục căn khéo, Không tất cả xả khác, Mà được thấy giải thoát. Thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử ấy nghe Phật dạy xong, hoan hỷ9 tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật liền biến mất.

KINH SỐ 597 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật ở nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có vị thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Thiên tử này nói kệ hỏi Phật: Thế nào các chúng sanh, Được thân tướng tốt đẹp, Làm sao tu phương tiện, Được theo đường giải thoát. Chúng sanh trụ pháp gì? Nên tu tập pháp gì? Là những chúng sanh nào Được chư thiên cúng dường? Thê Tôn noi kệ đáp: Giữ giới, trí tuệ sáng, Tự tu tập chánh định, Chánh trực, tâm hệ niệm, Nóng giận, lo đêu dứt, Được trí tuệ bình đẳng, Tâm kia thiện giải thoát, Do những nhân duyên này, Được thân tướng đẹp đẽ5 Thành tựu đạo giải thoát, Tâm trụ trong đó học, Người đủ đức như thế, Được chư thiên cúng dường.

Thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn9 Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ5 cúi đàu lễ chân Phật, liền biến mất.

KINH SỐ 598 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật ở nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có vị thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ: Chìm đắm trong ngủ nghỉ, Mê muội không vui vẻ, Ăn no tâm bực bội, Lười biếng chẳng siêng năng, Mười điều cho chúng sanh, Thánh đạo chẳng hiển hiện. Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Tâm chìm trong ngủ nghỉ, Mê muội chẳng vui vẻ, Ăn no, tâm bực bội, Lười biếng chẳng siêng năng, Người tinh cần tu tập, Hay khai phát Thánh đạo. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử ấy nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, liền biến mất.

KINH SỐ 599 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có vị thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, ròi lui ngồi một ben, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-dà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ: Ràng buộc ngoài chẳng trói, Nội triền trói chúng sanh, Nay xin hỏi Cù-đàm9 Ai nơi trói, lìa trói? The Ton noi kẹ đáp: Người trí kiến lập giới, Nội tâm tu trí tuệ, Tỳ-kheo siêng tu tập, Nơi trói hay thoát trói. Thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn5 Chóng đắc Bất-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử ấy nghe Phật nói xong, hoan hỷ9 tùy hỷ? cúi đầu lễ chân Phật liền biến mất.

KINH SỐ 600 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có vị thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn Cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ: Khó độ, khó thể nhẫn, Sa-môn vì không biết, Khởi nhiều thứ gian nan, Càng mê muội chìm đắm, Tâm tùy giác tự tại, Thường thường bi chìm đắm, Sa-môn làm thế nào, Khéo nhiếp hộ tâm mình? Bay giơ, The Tôn noi kẹ đáp: Như con rùa khôn khéo, Tự thu mình trong mai, Tỳ-kheo tập thiền tư, Khéo nhiếp các giác tưởng, Tâm kia không chỗ nương, Chẳng gì làm sợ hãi, Đó là tự ẩn kín, Không bị ai phỉ báng. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử này nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, liền biên mát.

KINH SỐ 601 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có vị thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Tát-la dòng thác nhỏ, Nơi đâu sẽ nghịch dòng? Con đường tắt sanh tử, Nơi nào mà chẳng chuyển? Các vui khổ thế gian, Do đâu dứt chẳng còn? Thế Tôn nói kệ đáp: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, Cùng với ý nhập xứ, Danh sắc dứt không còn, Tát-la _ nghịch _ nhỏ, dòng __ 2 . ? Đường sanh tử chẳng chuyển, Khổ vui dứt chẳng còn. Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử ấy nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ5 cúi đầu lễ chân Phật, liền biến mất.

KINH SỐ 602 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có vi thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn Cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Y-ni-gia lộc chuyển, Bậc Tôn trong tiên nhơn, Ăn ít chẳng đắm vi, Thiền tư thích núi rừng, Nay con kính cúi đau, Xin hỏi đức Cù-đàm? Làm sao lìa khỏi khổ? Làm sao giải thoát khô? Nay con hỏi giải thoát Nơi đâu mà dứt sạch? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Năm dục của thê gian, Tâm pháp gọi thứ sáu, Nơi dục ấy không dục, Giải thoát tất cả khổ, Như thế ra khỏi khổ, Như thế giải thoát khổ, Ông hỏi về giải thoát, Chính nơi kia chấm dứt. Thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn5 Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử ấy nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, liền biến mất.

KINH SỐ 603 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có vị thiên tử dung sắc tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn Cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Làm sao qua các dòng? Làm sao qua biển lớn? Làm sao trừ được khổ? Làm sao được thanh tịnh? Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Lòng tin vượt các dòng, Chẳng buông lung qua biển, Tinh tấn hay trừ khổ, Trí tuệ được thanh tịnh.

KINH TẠPA-HÀM 491

Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử ấy nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ? cúi đầu lễ chân Phật, liền biến mất.

KINH SỐ 604 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn sáng sớm đắp y, mang bát cùng với các Tỳ-kheo vào thành khát thực. Như bài kệ nói: Sắc thân như núi vàng, Rất đoan nghiêm vi diệu, Bước đi như ngỗng chúa, Mặt như trăng sáng dầy, Thế Tôn cùng đại chúng. Lúc ấy, Thế Tôn lấy chân giẫm lên đất ngăn cửa thành tạo thành sáu thứ chấn động. Như bài kệ nói: 9 r y Biên lớn và đát băng, Thành quách cùng núi non, Chân Mâu-ni giẫm lên, Dao động như sóng thuyền. Đức Phật biến hiện thần lực như thế, lúc đó nhân dân đều ngạc nhiên la to: Thật lạ lùng! Điều chưa từng c6, biến hiện thần lực như đức Thế Tôn vào thành, hiển bày những việc chưa từng có như thế. Như bài kệ nói: Đất thấp liền thành bằng, Đất cao trở thành thấp, Do oai thần của Phật, Nên gai góc, sỏi dá, Đêu chăng còn thây nữa, Người mù, diếc, câm ngọng, Liền được thấy, nghe, nói, Nhạc khí trong thành quách, Chẳng đánh phát diệu âm. Bấy giờ, Thế Tôn tỏa ánh sáng chiếu khắp như ánh sáng của ngàn mặt trời. Như kệ nói: Thân Thế Tôn sáng chói, Chiếu khắp cả thành ấp. Người nhờ ánh sáng Phật, Mát như thoa chiên-đàn. Bấy giờ, đức Phật thuận theo thành ấp mà đi. Lúc đó có hai em bé, một em đẳng cấp thượng và một em đẳng cấp thứ, cùng

nhau vọc cát chơi đùa, một em tên Xà-gia, một em tên Tỳ-xà-gia. Từ xa trông thấy Thế Tôn đầy đủ ba mươi hai tướng bậc Đại nhân trang nghiêm thân. Đông tử Xà-gia nghĩ thâm: "Minh đem lúa này cúng đường." Nhưng tay nam một nam cát nhỏ bỏ vào bát The Tôn. Tỳ-xà-gia chắp tay hoan hỷ, như bài kệ nói: Thấy Thế Tôn đại bi, Toàn than sáng một tầm, Được nhìn thấy Thế Tôn, Dâng nắm cát cúng dường, Được lìa mé sanh tử.

KINH TẠPA-HÀM 491

Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử ấy nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ? cúi đầu lễ chân Phật, liền biến mất.

KINH SỐ 604 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn sáng sớm đắp y, mang bát cùng với các Tỳ-kheo vào thành khất thực. Như bài kệ nói: Sắc thân như núi vàng, Rất đoan nghiêm vi diệu, Bước đi như ngỗng chúa, Mặt như trăng sáng dầy, Thế Tôn cùng đại chúng. Lúc ấy, Thế Tôn lấy chân giẫm lên đất ngăn cửa thành tạo thành sáu thứ chấn động. Như bài kệ nói: 9 r y Biên lớn và đát băng, Thành quách cùng núi non, Chân Mâu-ni giẫm lên, Dao động như sóng thuyền. Đức Phật biến hiện thần lực như thế, lúc đó nhân dân đều ngạc nhiên la to: Thật lạ lùng! Điều chưa từng c6, biến hiện thần lực như đức Thế Tôn vào thành, hiển bày những việc chưa từng có như thế. Như bài kệ nói: Đất thấp liền thành bằng, Đất cao trở thành thấp, Do oai thần của Phật, Nên gai góc, sỏi dá, Đêu chăng còn thây nữa, Người mù, diếc, câm ngọng, Liền được thấy, nghe, nói, Nhạc khí trong thành quách, Chẳng đánh phát diệu âm. Bấy giờ, Thế Tôn tỏa ánh sáng chiếu khắp như ánh sáng của ngàn mặt trời. Như kệ nói: Thân Thế Tôn sáng chói, Chiếu khắp cả thành ấp. Người nhờ ánh sáng Phật, Mát như thoa chiên-đàn. Bấy giờ, đức Phật thuận theo thành ấp mà đi. Lúc đó có hai em bé, một em đẳng cấp thượng và một em đẳng cấp thứ, cùng nhau vọc cát chơi đùa, một em tên Xà-gia, một em tên Tỳ-xà-gia. Từ xa trông thấy Thế Tôn đầy đủ ba mươi hai tướng bậc Đại nhân trang nghiêm thân. Đông tử Xà-gia nghĩ thâm: "Minh đem lúa này cúng đường." Nhưng tay nam một nam cát nhỏ bỏ vào bát The Tôn. Tỳ-xà-gia chắp tay hoan hỷ, như bài kệ nói: Thấy Thế Tôn đại bi, Toàn than sáng một tầm, Được nhìn thấy Thế Tôn, Dâng nắm cát cúng dường, Được lìa mé sanh tử.

492 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, em bé kia phát nguyện rằng: uNhờ căn lành của công đức bố thí này khiến con được làm một vị vua trùm khắp thiên hạ, ngay đời này được cúng dường chư Phát." Như bài kệ nói: Mâu-ni biết tâm kia, Cùng ý kia mong muốn, Được quả thêm căn lành, Cùng với sức phước điền, ĩ

Phật với tâm đại bi, Nhận năm cát cúng dường. Xà-gia nhờ căn lành này được làm vua, vua xứ Diêm-phù-đề cho đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nen, Thế Tôn mỉm cười. Bấy giờ, Tôn giả A-nan thấy Thế Tôn mỉm cười liền chắp tay bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chư Phật Thế Tôn, chẳng phải

không nhân duyên gì mà mỉm cười. Như kệ nói: Thế Tôn lìa cười đùa, Đấng kính nhất trên đời, Răng ưắng như ngọc quý, Thế Tôn nay mỉm cười, Dũng mãnh siêng tinh tấn, Không thấy mà tự giác, Lời hay khiến thích nghe, Tiếng diu dàng hơn hết, Lưỡng Túc Tôn Vô Thượng, Ghi nhận quả thí cát. Khi ấy, Thế Tôn bảo A-nan: Đúng thế, đúng the! Như lời thầy nói, chư Phật không có nhân duyên chẳng mỉm cười. Hôm nay, Ta cười là vì có nhân duyên. A-nan nên biết, sau khi Ta diệt độ khoảng một trăm năm, em bé này sẽ ở tại ấp Ba-liên-phất? thống lãnh một phương làm Chuyển Luân Thánh Vương, họ Khổng Tước, tên A-dục, đem Chánh pháp cai trị, giáo hóa nhân dân và lại còn phân bố rộng rãi Xá-lợi của Ta, sẽ xây dựng tám muôn bốn ngàn tháp Pháp vương, đem lại sự an vui cho vô lượng chúng sanh. Như kệ nói: Sau khi Ta diệt dô, Người này sẽ làm vua, Họ Khổng Tước, tên Dục, Ví như Vua Đảnh Sanh, Nơi Diêm-phù-đề này, Được tôn trọng bậc nhất. A-nan! Hãy lấy nắm cát được bố thí trong bát đổ ra nơi chỗ Như Lai kinh hành. A-nan vâng lời Phật dạy, liền lấy cát trong bát Phật rải trên đất để Phật đi qua. Đức Phật dạy: -A-nan nên biết, sau này tại thành ấp Ba-liên-phất có vua hiệu là Nguyệt Hộ. Vi vua ấy sẽ sanh con tên là Tần-đầu-sa-la? cai trị nước đó. Vua này lại có con tên là Tu-sư-ma. Thời bấy giờ, nước Chiêm-bà có một thiếu nữ Bà-la-môn rất đẹp, khiến người ưa thấy, nàng là trân bảo của đất nước. Các nhà tướng số xem tướng thiếu nữ này đều đoán rằng nàng sẽ là vương phi, và sẽ sanh ra hai người con: Một người sẽ thống lãnh thiên hạ và một người sẽ xuất gia học đạo, thành tựu chánh quả. Người Bà-la-môn nghe thầy tướng nói vậy vui mừng vô hạn liền đưa con gái của ông ta đến ấp Ba-liên-phất, sắm sửa trang điểm cho cô

gái thật xinh đẹp. Ông muốn đem gả cô gái cho Vương tử Tu-sư-ma. Nhà tướng số bảo: uNên gả cho Tần-đầu-sa-la vương, cô này sẽ sanh con phước dức, đứa con sẽ nối cơ nghiệp của nhà vua." Bà-la-môn đem con gái gả cho vua. Vua thấy thiếu nữ đoan chánh, có đức hạnh bèn phong làm phu nhân. Những bà phu nhân trước và các thể nữ thấy phu nhân này đi đến liền nghĩ rằng: "Thiếu nữ này quá đoan chánh. Đúng là trân bảo của đất nước, nếu nhà vua say đắm nàng, nhà vua sẽ thờ ơ với chúng ta, cho đến không đoái hoài tới nữa." Phu nhân và các cung phi bát thiêu nữ ây học nghê thợ cạo. Sau khi học xong, nàng lo việc cắt tỉa râu tóc cho vua. Một hôm, đang cắt râu tóc, nhà vua vui vẻ hỏi cô gái: Cô ước mơ điều gì? Thiếu nữ tâu vua: Thiệp chỉ mong được bệ hạ đê tâm, thương yêu nghĩ đên. Nàng nói như vậy ba lần. Lúc ây, vua bảo: -Ta là vua quán đảnh dòng Sát-đê-lợi9 còn nàng là thợ cạo, làm sao ta có thể thương tưởng nàng được? Thiếu nữ tâu vua: Thiếp chẳng phải là con dòng hạ tiện, thiếp sinh trưởng dòng quý tộc, con gái Bà-la-môn. Các nhà tướng số nói với cha của thiếp rằng: "C6 gái này nên gả cho vua.” Vì thế nên thiếp mới đến đây. Vua lại hỏi: Nếu như thế, ai khiến nàng học tập cái nghề hèn mọn này? Lprl , • Ạ _ CL w___ Thiêu nữ đáp: Phu nhân trước và các thê nữ bát thiêp phải học nghê này. Nhà vua liền ra lệnh: Từ nay về sau, nàng chớ làm việc hạ tiện này nữa.

Vua liên lập nàng làm đệ nhát phu nhân, nhà vua cùng nàng sông hạnh phúc. Chẳng bao lâu nàng mang thai, đủ ngày tháng sanh con, lúc sanh nở an ổn, mẹ không ưu não9

qua bảy ngày đặt tên là Vô Ưu? rồi lại sanh thêm một đứa nữa đặt tên là Ly ưu. Vô ưu có thân thể thô kệch, vua cha không muốn đến gần bồng bế, có vẻ không thương yêu. Nhà vua lại muốn thử hai người con, nên gọi Bà-la-môn Tân-già-la-a, bảo rằng: A

Hòa thượng xem giùm hai đứa con của ta, sau khi ta tư trân ai sẽ làm vua? Bà-la-môn đáp: Xin đem các thái tử này ra khỏi thành, đến dinh thự trong vườn Kim-điện. ở nơi đó9 Bà-la-môn xem tướng. Trong khi ấy, mẹ củaA-dục nói với A-dục: Con hãy theo vua cha ra dinh thự trong vườn Kim-điện xem tướng các vương tử, sau khi nhà vua mất rồi ai sẽ làm vua. Sao con không đi?

A-dục thưa: 9 r 9 r

Vua cha chăng nghĩ gì đên con và cũng chăng ưa nhìn thây con. Bà mẹ lại bảo: - Con chỉ đến nơi ấy thôi. A-dục thưa: Mẹ dạy con đi thì con vâng theo. Xin mẹ đem theo cho con thức ăn uông. Bà mẹ đáp: Được. A-dục đi ra khỏi thành, lúc ra cửa gặp một vi đại thần tên là A-nậu-la-đà. Vị quan này hỏi A-dục: - Vương tử đi đâu thế? A-dục đáp: -Tôi nghe Đại vương ra ngoài dinh thự, trong vườn Kim-điện xem tướng các vương tử, để sau khi vua băng hà, ai sẽ làm vua. Bây giờ tôi đi đến nơi ấy. Nhà vua đã ra lệnh cho các đại thần: Nếu A-dục đến thì phải cưỡi con voi già đần độn mà đến và thêm một cụ già là quyến thuộc. A-dục cưỡi voi già đến trong viên quán và ngồi dưới đất giữa các vương tử. Bấy giờ, các vương tử soạn thức ăn uống, mẹ của A-dục lấy chén nung đựng đầy sữa và cơm trao cho A-dục. Trong lúc các vương tử ăn uống như thế, vua cha hỏi thầy tướng: Trong đây ai có tướng vua, sẽ kế vị ta được? Thầy tướng nhìn kỹ các vương tử, thấy A-dục đầy đủ tướng vua, sẽ được kế vị. Nhưng lại nghĩ thầm: "Nhà vua không hài lòng về Vương tử A-dục này, nếu ta nói A-dục sẽ làm vua, chắc chắn Đại vương không vui." Ông liền nói rằng: Bây giờ tôi xin nói một cách tổng quát.

Vua đáp:

Thây tướng cứ nói.

Thầy tướng nói:

Trong đây người nào cưỡi cỗ xe đẹp nhất thì người ấy sẽ làm vua.

Các vương tử nghe nói như thế, mỗi người đều nghĩ rằng: ucỗ xe của mình đẹp nhất." Lúc ấy, A-dục nói:

-Tôi cưỡi con voi già, tôi được làm vua.

Vua hỏi thầy tướng:

Xin xem lại rồi xác nhận.

Thầy tướng lại đáp:

Trong đây người nào có chỗ ngồi bậc nhất, người ấy sẽ làm vua.

Các vương tử cùng bảo nhau: Chỗ ta ngồi là bậc nhất.

A-dục nói: Nay tôi ngồi dưới đất, là chỗ ngồi bậc nhất, tôi sẽ làm vua. Vua lại bảo thầy tướng xem lại lần nữa, thầy tướng lại bảo rằng: Trong đây vi nào có chén bát và thức ăn quý giá hơn hết thì người ấy sẽ làm vua. Cho đến lúc ấy A-dục nghĩ thầm: "Ta có cỗ xe tốt nhất, chỗ ngồi bậc nhất và thức ăn ngon nht." Nhà vua xem tướng các con xong rồi, trở về cung. Mẹ của A-dục hỏi A-dục: Bà-la-môn tiên đoán người nào sẽ làm vua. A-dục thưa mẹ: - Người có cỗ xe tốt nhất, có chỗ ngồi bậc nhất, đồ dùng quý nhất, thức ăn ngon nhất, người ấy sẽ làm vua. Con tự thấy con sẽ làm vua. Vì con cưỡi con voi già, ngồi dưới đất, chén bát đẹp đựng đầy thức ăn như cơm gạo khô trộn sữa. Bà-la-môn biết A-dục sẽ làm vua nên tỏ vẻ cung kính mẹ của A-dục. Mẹ của A-dục cũng ban thưởng trọng hậu cho Bà-la-môn và tiện dịp hỏi: Sau khi Đại vương từ trần ai sẽ làm vua? Thầy tướng đáp: Điêu này không thê nói được. Bà hỏi mãi ba lần ông mới đáp: Tôi sẽ nói nhưng lệnh bà hãy cân thận, chớ cho ai biêt. Lệnh bà sanh được người con này tên là A-dục, chính người này sẽ làm vua vậy. Phu nhân bảo răng: Tôi nghe lời nói này hết sức vui mừng, nếu nhà vua nghe được, đối với thày tướng vua sẽ không còn tin kính nữa. Vậy thầy nên trở về chốn cũ, nếu con tôi làm vua thì thầy cũng sẽ được tất cả điều tốt đẹp, và lợi lộc tôi sẽ cúng dường suốt đời. Lúc ấy, nước láng giềng Đức-xoa-thi-la làm phản, Vua Tần-đầu-sa-la bảo A-dục: Con hãy đem bốn binh đi bình phạt nước kia. Khi vương tử ra đi chẳng cho binh giáp. Bấy giờ, người đi theo thưa với vương tử: Ngày nay đi bình phạt nước kia, nhưng không có binh lính thì làm sao dẹp yên được?

A-dục nói: Nếu ta sẽ làm vua thì do phước báu của căn lành, binh giáp tự nhiên đến. ứng theo tiếng nói của A-dục, mặt đất liền nứt ra, binh giáp từ đất hiện ra, A-dục bèn đem binh đến bình phạt nước ấy. Nhân dân các nước kia nghe A-dục đến liền sửa sang đường sá, trang nẹhiêm thành quách, mang bình quý đựng nước và các thức cúng dường, đón tiêp kính dâng vương tử và nói răng: -Chúng tôi không phản lại Đại vương và Vương tử Adqc, nhưng bọn quan lại làm hại chúng tôi, nên chúng tôi mới trái nghịch với Thánh hóa. Nhân dân đem các thức cúng dường vương tử, mời vương tử vào thành Khư-la. Đương thời có hai vị đại lực sĩ giúp vua sửa sang đường sá, dời đôi núi non. Lại có chư thiên loan báo nơi nước này rang: "A-dục sẽ là vua của nhân dân xứ này, các người chớ nên khởi ý chống trái, vị vua này sẽ dẹp sạch hết?9 Như thế bình định thiên hạ này cho đến mé biển. Một hôm, Vương tử Tu-sư-ma ra ngoài dạo chơi, lại gặp một vị đại thân, vị đại thần này không chào vương tử theo nghi lễ. Vương tử liền sai người đánh đập đại thần, đại thần nghĩ rằng: "Vương tử này chưa được ngôi vua, mà cách xử sự như thế; nếu được làm vua thì không thể nào chịu n6i." Đại thần lại nghe A-dục được thiên hạ, được lòng quý kính của năm trăm đại than. Họ sẽ cùng nhau lập A-dục làm vua, thống lãnh thiên hạ này. Nước Đức-xoa-thi-la lại làm phản, các quan cùng nhau luận bàn đề nghị Vương tử Tu-sư-ma đi dẹp loạn, vương tử bằng lòng liền đi đến nước kia, nhưng không hàng phục được. Vua cha lại bị bệnh nặng, vua bảo các quan: -Nay ta muốn lập Tu-sư-ma làm vua, nên sai A-dục đến nước kia. Trong khi đó các quan muốn lập A-dục lên làm vua, họ lấy sắc vàng bôi lên thân the, mặt mày và tay chân của A-dục? rồi các quan tâu với vua: -Vương tử A-dục đang bị bệnh nặng. Các

quan sửa soạn cho A-dục tề chỉnh rồi dẫn đến chỗ vua: Nay Hoàng thượng nên lập người con này làm vua. Chúng hạ thần từ từ sẽ lập Tu-sư-ma làm vua sau. Vua nghe những lời này không vui, lo lắng, buồn bực, im lặng không đáp. LÚC ây9 A-dục suy nghĩ và nói thâm: "Nêu ta xứng đáng làm được ngôi vua, chư thiên tự nhiên sẽ đến rưới nước trên đỉnh đầu ta, lấy lụa trắng buộc trên dAu." Theo tiêng nói của A-dục, chư thiên dting nước rưới trên đỉnh đâu A-dục và lấy lụa trắng buộc trên đầu. Vua cha trông thấy cảnh tượng ấy thì vô cùng buồn bã, liên từ trần. A-dục lo việc tang lễ cho vua cha đúng theo nghi thức vương triêu. Xong A-dục kê vị, phong A-nậu-lâu-đà làm đại thần. Trong khi ấy, Vương tử Tu-sư-ma nghe vua cha đã băiiệ hà, nay lại lập A-dục lên làm vua, sanh lòng bát bình, tập hợp binh lính kéo vê đánh lại A-dục.

KINH TẠPA-HÀM 497

Hai cửa trong bốn cửa thành của Vua A-dục có đặt hai lực scửa thứ ba thì đặt một đại thần, tự mình giữ cửa Đông. Đại thần A-nậu-lâu-đà làm con voi bằng gỗ và đúc tượng A-dục, tượng A-dục cưỡi voi và đặt ở ngoài cửa Đông. Lại làm hầm lửa không khói, lấy vật phủ lên. Khi Tu-sư-ma đi đến, đại thần A-nậu-lâu- đà nói với Tu-sư-ma: Vương tử muốn làm vua, A-dục đang ở cửa Đông, đến đó đánh thắng được ông ấy tự nhiên được làm vua. Vương tử Tu-sư-ma vội vàng đi thẳng đến cửa Đông, liền bị rơi xuống hầm lửa mà chết. Bây giờ, có một đại lực sĩ tên Bạt-đà-la-do-đà nghe Tu-sư-ma đã chét, ông đâm ra chán đời, đem tất cả quyến thuộc vào trong Phật pháp xuất gia học đạo, găng sức tinh tân, chăng bao lâu sạch các lậu, thành A-la-hán. Vua A-dục đem Chánh pháp trị hóa dân chúng. Bấy giờ, bọn quần thần cậy vào thế đã đưa A-dục lên ngôi nên tỏ ra khinh mạn A-dục, không tuân hành nghi lễ vua tôi. Vua biết các quan khinh lờn mình, bèn bảo bá quan: -Các người hãy chặt cây hoa trái mà trồng gai góc. Các quan tâu: Chúng tôi chưa từng thấy nghe dẹp bỏ hoa trái mà trồng gai góc, chỉ thấy dẹp bỏ gai góc mà trồng hoa trái. Cho đến ba lần vua ra lệnh phải chặt cây kia, nhung các quan cũng chẳng làm. Bấy giờ, Vua A-dục tức giận các quan, liền lấy gươm bén giết chết hết năm trăm đại thân, roi vua đem các thê nữ ra vườn ngoài chơi đùa. Vua thây cây vô ưu trổ đầy hoa, nghĩ hoa này cùng tên với mình, nên lấy làm vui thích; vì vua có thân hình xấu xí, da dẻ sần sùi5 nên các thể nữ không yêu mến, họ chán ghét và sợ hãi vua, nên dùng tay bẻ gãy hết cây vô un. Nhà vua ngủ vừa thức giấc dậy, thây cây vô ưu trơ trọi, hoa lá cành nhánh năm ngôn ngang trên đát, vua nổi trận lôi đình, bắt các thể nữ trói lại và đốt chết hết. Vì vua làm điều bạo ác nên gọi là Vua A-dục bạo ác. Lúc đó, đại thần A-nậu-lâu-đà tâu: -Vua không nên làm những điều đó, sao lại tự tay giết các quan và thể nữ? Bây giờ, Bệ hạ nên lập ra một tên đao phủ, ai có tội đáng chết thì giao cho người đó. Vua liền tuyên bố lập người đao phủ. Trong nước Vua A-dục có một hòn núi tên là Kỳ-lê, nơi đó có nhà người thợ dệt, người này có một người con cũng tên Kỳ-lê, tánh tình rất hung ác, hay đánh đập, bắt trói các bé trai, bé gái và bát các sinh vật trên đất cũng như dưới nước, cho đên ngô nghịch với cha mẹ. Vì thê người đời đồn đại Kỳ-lê là tên hung ác. Vua sai sứ giả đến nói với hắn: Người có thể vì vua làm đao phủ để chém những tội nhân không?

498 KINH TẠP A-HÀM

Kỳ-lê đáp:

-Tất cả những người có tội ở Diêm-phù-đề này tôi đều có thể trừ sạch, huống chi chỉ có một xứ này.

Các sứ giả trở về tâu vua:

Thưa đã tìm được kẻ hung ác rồi.

Vua ra lệnh: Hãy đem hắn về đây. Các sứ giả đi gọi hắn. Hắn đáp: Xin hãy chờ một chút. Xin chịu khó chờ một chút. Trước hết hắn từ giã cha mẹ, nói đầy đủ những sự việc trên. Cha mẹ hắn khuyên can: Con chớ làm việc ây. Cha mẹ can ngăn ba lân, han sanh tâm bát nhân, giêt chét cha mẹ sau đó mới đi. Các sư giả hỏi: - Sao lâu thế, không đến sớm? Tên hung ác ấy thuật lại đầu đuôi sự việc, các sứ giả đem việc này tâu lại nhà vua, vua ra lệnh cho hắn: Có tội nhân phạm tội đáng chét, ta giao cho ngươi phải biêt đây. Hắn tâu vua: Xin vua làm nhà cho tôi. r r r Vua xây cát nhà cửa, phòng óc cho Kỳ-lê rát đàng hoàng, nhưng chỉ mở một cửa, luật lệ rất tinh nghiêm, ở trong ấy bày la liệt các đo trị tội như cảnh địa ngục. Ngục ấy rất đẹp. Khi ấy, tên hung ác kia tâu vua: Bây giờ xin vua một điều, nếu người nào đã vào đây rồi thì không được ra.

Vua trả lời: Trẫm chấp thuận lời xin của người. Một hôm tên đao phủ đi vào chùa, nghe các Tỳ-kheo nói về địa ngục. Lúc ây, có Tỳ-kheo đang giảng Kinh địa ngục: "C6 chúng sanh rơi xuống địa ngục, ngục tốt giữ lấy tội nhân ấy, dùng kềm sắt nóng banh miệng tội nhân, nhét viên sát nóng vào trong miệng, kế đến rót nước đồng sôi vào miệng, sau đó lấy dao bén cát xẻo thân thê, roi lại lây gông cùm, xiềng xích trói buộc thân, rồi đến xe lửa, lò than, vạc sắt, đến sông tro, kế đến núi đao, cây kiếm...” Đầy đủ như Kinh ngũ thiên sứ đã nói. Tên đao phủ nghe các Tỳ-kheo nói những việc như thế, lập chỗ ở ấy làm những cách trị tội nhân như các Tỳ-kheo đã nói, nghiên cứu phương pháp này đê trị tội nhân. Một hôm, có nhà lái buôn cùng với vợ lênh đênh trên biển thì người vợ sanh con, đặt tên là Hải. Gia đình này sống trên mặt

biển hơn mười năm, thu nhặt châu báu, rồi trở về quê hương. Dọc đường họ bị năm trăm tên cướp giết chết và đoạt hết châu báu. Bấy giờ, đứa con của người lái buôn thấy cha bị giết chết và của cải mất hết, nên sanh ra chán cái khổ thế gian, ở trong pháp Như Lai xuất gia học đạo, rồi trở ve quê nhà du hành qua các nước, dần dần đến ấp Ba-liên-phất, ngủ qua một đêm. Sáng sớm hôm sau, người này đắp y, ôm bát vào trong thành khất thực, đi lầm vào nhà của tên đao phủ. Khi ấy, Tỳ-kheo kia từ xa nhìn thấy trong nhà nào là lò than, vạc dầu, xe lửa, v.v... trừng tri tội nhân như trong địa ngục. Tỳ-kheo sợ hãi, lông dựng đứng, liền muốn quay ra khỏi cửa. Ngay khi ấy tên đao phủ hung ác liên đi tới năm lây Tỳ-kheo nói răng: -Ai đã vào đây rồi thì không thể ra được, bây giờ người phải chết ở đây thôi. Tỳ-kheo nghe hắn nói trong lòng hết sức buồn thảm, nước mắt đầm đìa. Tên đao phủ hỏi: -Tại sao ông lại khóc lóc như trẻ con? Tỳ-kheo nói kệ đáp: Tôi chẳng phải sợ chết, Chí nguyện cầu giải thoát, Chô mong câu chưa toại, Vì thế nên tôi khóc. Thân người rất khó được, Xuất gia cũng như thế, Gặp Thích Sư tử vương, Từ nay không thấy nữa. Tên đao phủ hung ác nói với Tỳ-kheo: Ông nhất đinh phải chết, còn ưu não cái gì? Tỳ-kheo buồn bã trả lời: Hãy cho tôi sông

thời gian ngăn một tháng. Tên hung ác không chịu. Như thế số ngày bớt dần lại còn bảy ngày hắn mới bằng lòng. Tỳ-kheo kia biết sắp chết, nên dũng mãnh tinh tấn, tọa thiền nhất tâm, cuối cùng cũng không thể đắc đạo được. Đen ngày thứ bảy trong cung vua có cung nữ phạm tội nặng đáng chết, bi đem giao cho tên đao phủ hung ác này trj tội. Tên đao phủ đem nữ tội nhân bỏ vào cối dùng chày giã nát thân thể cô gái. Tỳ-kheo trông thấy việc đó nên rất chán ghét thân này: "Oi! Khổ thay chốc nữa ta cũng sẽ như vay!" Rồi nói kệ: Ôi bậc Thầy Đại Bi, Diễn nói chánh Diệu pháp, Thân này như bọt nước, Đúng nghĩa không có thật, Sức gái đẹp trước kia, Nay đây còn đâu nữa? Sanh tử rất đáng bỏ, Kẻ ngu si tham đăm, Buộc tâm vào nơi ấy. Nay nên thoát gông cùm, Vượt qua biển tam hữu, Rốt ráo chẳng sanh lại, Như thế siêng phương tiện, Chuyên tinh tu Phật pháp, Đoạn trừ tất cả kiết, Đắc thành A-la-hán.

Khi ấy, tên đao phủ nói với Tỳ-kheo: Kỳ hạn đã hết.

Tỳ-kheo hỏi: Tôi không hiểu điều ông nói.

Tên đao phủ đáp: —Trước đây người kỳ hạn bảy ngày, nay đã mãn. Tỳ-kheo nói kệ đáp: Tâm tôi được giải thoát, Vô minh tối tăm lớn, Đoạn trừ các hữu cái, Do giết giặc phiền não, Mặt trời tuệr đã hiện, Soi sáng tâm ý thức, Rõ ràng thây sanh tử, Khởi lòng thương xót người, Tùy thuận tu Chánh pháp, Nay thân thể ta đây, Muốn làm gì mặc ý, Không còn có lẫn tiếc. Lúc bấy giờ, tên hung ác kia bắt vị Tỳ-kheo bỏ vào trong vạc dầu sắt, lấy củi đun vào nhimg lửa không cháy. Lại sai người đốt lên nhưng chẳng nóng, tên ấy thấy lửa không cháy liền đánh đập người bi sai, rồi tự đốt lửa, lửa bỗng cháy bừng dữ dội khá lâu, làm bung nắp vạc sắt. Hắn thấy vị Tỳ-kheo ấy hiện lên giữa y ,• vạc dầu, sôi, ỉngồi trên hoa sen. Tên hung ác vô cùng ngạc nhiên, lạ lùng, liên đên tâu với quôc vương. Nhà vua vội vàng đến nơi cùng với nhiều người để xem Tỳ-kheo. Tỳ-kheo biết đã đến lúc có thể điều phục vua, liền phóng thân lên hư không như con chim nhạn chúa, phô bày các thứ biến hóa. Như kệ sau nói: Vua thấy Tỳ-kheo này, Thân bay lên hư không, Lòng vô cùng vui mừng, Chắp tay nhìn vị Thánh, Nay tôi xin được nói, Điêu không rõ trong ý, Hình thể không khác người, Thần thông chưa từng có, Vì toi phân biệt nói, Tu tập những pháp gì, Khiến Ngài được thanh tịnh, Xin vì tôi giảng rộng, Khiến được pháp thắng diệu, Tôi hiểu pháp tướng rồi, Sẽ làm đệ tử N Hoàn toàn không hối tiếc. Tỳ-kheo kia nghĩ thầm: "Hôm nay ta đã điều phục vi vua này có nhiều điều cần phải hướng dẫn, giữ gìn Phật pháp, nên phân bố rộng rãi Xá-lợi của Như Lai, đem an vui cho vô lượng chúng sanh. Nơi cõi Diêm-phù-đề này, khiến mọi người đều tin Tam bảo." Do nhân duyên ấy nên tự hiển lộ các đức kia. Tỳ-kheo hướng về vua nói kệ: Tôi là đệ tử Phật, Mới được sạch các lậu, Lại nữa là con Phật, Chẳng chấp tất cả có, Nay tôi đã điều phục, Đấng Lưỡng Túc Vô Thượng,

Dứt tâm được thanh tịnh, Mối sợ lớn sanh tử, Nay tôi đều được thoát, Trọn lìa phược ba cõi, Trong Thánh pháp Như Lai, Được lợi ích như thế. Vua A-dục nghe Tỳ-kheo kia nói như thế, khởi lòng tin kính Phật vô hạn. Vua lại thưa: -Lúc Phật chưa diệt độ, Ngài đã

nói trước điều gì? Tỳ-kheo đáp: Phật xác nhận trước về Đại vương, sau khi Phật diệt độ khoảng một trăm năm, tại thành Ba-liên-phất, có ba ức nhà. Nước ấy có vua tên A-dục, sẽ làm vua cõi Diêm-phù-đề này, làm bậc Chuyển Luân Thánh Vương, dung Chánh pháp cai trị giáo hóa, và lại phân bố Xá-lợi Ngài khắp Diêm-phù-đề, dựng tám vạn bôn ngàn tháp. Phật đã nói trước vê Đại vương như vậy, nhưng ngày nay Đại vương tạo ra địa ngục lớn này, giết hại vô lượng nhân dân. Bây giờ, vua nên mở lòng thương xót nghĩ đến tất cả chúng sanh, ban bố sự không sợ hãi, khiến họ an ổn. Như lời Phật đã nói trước về Đại vương. Đại vương nên như pháp tu hành. Và Tỳ-kheo nói kệ: Nên thực hành từ tâm, Chớ não hại chúng sanh, Nên tu tập Phật pháp, Rộng phân bố Xá-lợi. Lúc ấy, A-dục vô cùng kính tin Phật, chắp tay làm lễ Tỳ-kheo: -Tôi phạm tội lớn, nay đối trước Tỳ-kheo xin sám hối. Những việc làm của tôi thật không thể tha thứ được. Hôm nay, xin làm Phật tử, xin thầy hãy nhận sự sám hối của tôi, xin hỷ xả, chớ quở trách. Tôi là kẻ ngu si, nay lại quy y. Và vua nói kệ răng: Tôi nay quy y Phật, Pháp thắng diệu vô thượng, Chúng Tỳ-kheo tôn kính, Nay tôi trọn quy mạng, Nay tôi phải dũng mãnh, Vâng lời Thế Ton dạy- Nơi Diêm-phù-đề này, Khắp dựng các tháp Phật, Cúng dường đủ các thứ, Treo lụa và tràng phan, Trang nghiêm tháp The Ton, Tráng lệ đời ít có. Tỳ-kheo độ Vua A-dục xong, liền nương hư không mà hóa. Nhà vua từ ngục đi ra, tên đao phủ tâu vua: Bệ hạ chẳng được ra nữa.

Vua hỏi:

-Nay người giết ta sao?

Hắn đáp:

-Đúng vậy.

Vua nói:

Ai là người đầu tiên vào ngục này?

-Chính tôi. Nếu như thế thì ngươi đáng chết trước. Vua ra lệnh đem tên hung ác này bỏ vào hầm keo, lấy lửa đốt cháy, rồi phá hoại cửa ngục này, đem lại sự không sợ hãi cho chúng sanh. Vua muôn xây tháp Xá-lợi5 đem bốn binh chủnệ đến thành Vương Xá lấy Xá-lợi trong tháp Phật của Vua A-xà-thế, rồi trở vê sửa sang tháp này giốĩiệ như trước khôĩiậ khác. Như thế, A-dục đã lấy Xá-lợi trong bảy tháp Phật, đến thôn La-ma. Bấy giờ, các Long vương đưa vua vào Long cung, vua đòi vua rồng cúng dường Xá-lợi, Long vương liền trao cho vua. Vua ra khỏi Long cung như bài kệ nói: Trong thôn La-ma-la, Nơi nào có tháp Phật, Do Long vương thờ phụng, Giữ gìn và cúng dường, Vua đòi vua rồng phân, Các rồng sẵn lòng cho, Vua cầm Xá-lợi này? Đem đến các phương khác. Vua làm tám muôn bốn ngàn hộp bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê đựng Xá-lợi Phật, lại làm tám muôn bốn ngàn bình tứ bảo để chứa các ngàn hộp này, rồi làm vô lượng trăm ngàn tràng phan bảo cái, khiên các quỷ thân \ \ môi vị câm giữ đôy vật cúng dường Xá-lợi. Vua lại ra lệnh cho các quỷ thân răng: "Diêm-phù-đê cho đến làng, xóm, thành ấp, ven biển đầy một ức nhà, hãy lập tháp Xá-lợi để thờ Thế Ton., Đương thời có nước tên là Trước-xoa-thi-la có ba mươi sáu ức nhà, người nước ây nói với quỷ thân: uHãy cho chúng tôi ba mươi sáu hộp Xá-lợi, chúng tôi sẽ dựng tháp Phật, xin vua giúp

phương tiện, trong nước ít dân, xin chia bớt để cho đủ số mà dựng tháp." Bấy giờ, tại ấp Ba-liên-phất có Thượng tọa tên Da-xá, vua đi đến chỗ Thượng tọa Da-xá thưa: -Tôi muốn trong một ngày dựng tám vạn bốn ngàn tháp Phật khắp cả Diêm-phù-đề. Ý nguyện như thế, như kệ tán: Đại vương tên A-dục, Trong tám ngôi tháp trước, Lấy ra Xá-lợi Phật, Nơi Diêm-phù-đề này, Xây dựng các tháp Phật, Tám muôn và bốn ngàn, Rộng rãi và thắng diệu, Một ngày đều hoàn tất. Thượng tọa nói với vua: -Lành thay, Đại vương! Ấn định sau mười lăm ngày nguyệt thực cho xây các tháp Phật cõi Diêm-phù-đề. Như thế chỉ trong một ngày, dựng tám muôn bốn ngàn tháp. Nhân dân thế gian vui mừng vô hạn cùng gọi là tháp A-dục vương, tán thán như bài kệ sau: Vua Thánh dòng Khổng Tước, An vui người thế gian, Nơi Diêm-phù-đề này, Kiến lập pháp thắng diệu,

Trước gọi là vua ác, Nay tạo nghiệp tốt lành, Cùng xưng gọi vua pháp, Tương truyền mãi về sau. Vua đã dựng tám muôn bốn ngàn tháp, nên lấy làm phấn khởi, vui mừng, đem các quần thần đi đến tinh xá Kê Tước. Vua thưa với Thượng tọa Da-xá: Có Tỳ-kheo được Phật thọ ký sẽ làm Phật sự chăng? Trẫm sẽ đi đến Tỳ- kheo ấy cúng dường cung kính. Thượng tọa Da-xá đáp: Lúc Phật sáp Niết-bàn hàng phục Long vương A-ba-la, thợ gôm Chiên- đà-la, rồng Cù-ba-lợi, đi đến nước Ma-thâu-la, Phật bảo Tôn giả A-nan: "Sau khi Ta nhập Niết-bàn khoảng một trăm năm có trưởng giả tên là Cù- đà? con là Ưu-ba-quật-đa sẽ xuất gia học đạo thành Vô Tướng Phật, dạy dỗ người là bậc nhất, sẽ làm Phật SỊT." Phật bảo A-nan: "C6 thấy núi xa kia chng?" A-nan bạch: "Bạch Thế Tôn, thấy!" Phật bảo A-nan: "Núi này tên là Ưu-lưu-man-trà, đó là chỗ a-lan-nhã gọi là Na-trà-bà-đề, phù hợp với sự tịch tinh." Phật nói kệ ca ngợi: Ty-kheo Ưu-ba-quật, Vị giáo thọ bậc nhất, Tiếng đồn khắp bốn phương, Được thọ ký tối thắng, Sau khi Ta diệt độ, Sẽ làm các Phật sự5 Độ tất cả chúng sanh, Số lượng nhiều vô hạn. Nhà vua hỏi Thượng tọa Da-xá: -Tôn giả Ưu-ba-quật-đa nay đã ra đời chưa? Thượng tọa đáp: Vi ấy đã ra đời và xuất gia học đạo, hàng phục phiền não, là A-la-hán cùng với vô lượng Tỳ-kheo quyến thuộc một muôn tám ngàn đang trú tại a-lan-nhã ở núi Ưu-lưu-man-trà. Vì thương xót chúng sanh, nên chư Phật nói pháp tịnh diệu, hóa độ vô lượng trời, người, khiến cho người được vào thành cam lộ. Nhà vua nghe xong vui mừng khôn xiết, vội vàng ra lệnh cho quần thần nhanh chóng sửa soạn xe cộ, đưa vô lượng quyến thuộc đến nơi ấy, để cung kính cúng dường Ưu-ba-quật-đa. Bấy giờ5 các quan tâu vua rằng: Vi Thánh này đang ở tại nước của vua, đúng ra vua sai người đưa tin, kính mời vị ấy, chắc chắn vị Tỳ-kheo ấy sẽ tự đến.

Vua trả lời các quan: -Không nên đưa tin đến nơi vị Thánh ấy, ta nên tự đến, chẳng nên để vị ấy tới đây. Và vua nói kệ: Người được lưỡi kim cương, Đâu không bị đoạn hoại, Ngăn ta đến nơi kia, Gần gũi người nhà nông. Vua sai người mang tin đến báo Tôn giả: "Ngày nào đó, vua sẽ đến chỗ Tôn giả/9 Tôn giả suy nghĩ: "Nếu vua đến sẽ có rất đông người đi theo chịu bao khổ sở, lại bức bách sát hại côn trùng và hại nhân dân làng x6m." Suy nghĩ xong, Tôn giả trả lời với sứ giả rằng: -Tôi sẽ tự đi đến cung vua. Khi vua

nghe Tôn giả tự đến, vui mừng sung sướng vô hạn. Từ Ma-thầu- la đến Ba-liên-phất, ở khoảng giữa hai nơi, vua cho đặt thuyền bè, trên thuyền treo phướn lọng. Tôn giả Ưu-ba-quật-đa, vì thương xót vua nên đem một muôn tám ngàn A-la-hán theo đường thủy đến vương quốc. Bấy giờ, người trong nước tâu vua: Tôn giả Ưu-ba-quật-đa đem một muôn tám ngàn Tỳ-kheo đến đây rồi. Vua sung sướng mừng rỡ khôn xiết, vội cởi chuỗi ngọc giá tri ngàn vàng trao cho họ. Roi vua cùng với các đại than, quyến thuộc đi đen chỗ Tôn giả, cởi bỏ hành lý, năm vóc sát đất, làm lễ trước Tôn giả, quỳ gối chắp tay thưa rằng: -Ngày nay trâm thông lãnh cõi Diêm-phù-đê này, tuy ngôi ở ngôi vua mà không lây làm vui. Hôm nay thấy được Tôn giả, vui mừng khôn xiết. Đệ tử của Như Lai mới có thể như vậy, thấy Tôn giả như thấy được Phật. Và vua nói kệ: Tịch diệt đã độ đời, Nay Ngài làm Phật sự, Dứt ngu si the gian, Như mặt trời Phật chiếu, Vì đời làm Đạo su, Bậc thuyết pháp đệ nhất, Chúng sanh đáng nương cậy, Nay tôi rất hoan hỷ. Nhà vua ra lệnh cho sứ giả loan báo khắp nước rằng: -Tôn giả Ưu-ba-quật-đa ngày nay đến đất nước này. Bèn xướng lên rằng: Ai muốn được giàu sang, Xa lìa khổ bần cùng, Thường được vui cõi trời, Ai giải thoát Niết-bàn, Nên gặp Ưu-ba-quật, Cung kính và cúng dường. Ai chưa thấy chư Phật, Nay thấy Ưu-ba-quật. Bấy giờ, nhà vua sửa sang lại đất nước, đắp đường bằng phẳng, treo lụa, phan, lọng, xông hương, rải hoa, tấu nhạc. Nhân dân cả nước đều ra ngoài nghinh đón Tôn giả Ưu-ba-quật-đa để cúng dường, cung kính.

KINH TẠPA-HÀM 505

Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-quật-đa tâu vua: -Tâu Đại vương! Ngài nên đem Chánh pháp cai trị, giáo hóa, thương xót chúng sanh. Vì Tam bảo khó gặp, nên đối với Tam bảo cúng dường, cung kính, tu niệm và khen ngợi, vì người giảng nói rộng. Vì sao? Vì Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác hễ biết người, thấy người thì thường huyền ký rằng: "Chánh pháp của Ta đều gởi gắm ở Quốc vương và Tỳ-kheo-tăng của Ta.” Và Ton gia noi kê: Bậc Thế Hùng tôn kính, Chánh pháp rất thắng diệu, Gởi gam nơi Đại vương, Cùng với Tỳ-kheo-tăng. Nhà vua thưa với Tôn giả Ưu-ba-quật-đa: Trẫm đã dựng lập Chánh pháp.

Và vua nói kệ: Tram đã tạo các tháp, Trang nghiêm các cõi nước, Đầy đủ tức cúng dường, Phan lọng cùng trân bảo, Phân bố Xá-lợi Phật, Khắp cả Diêm-phù-đề. Ta tạo các phước này, Ý nguyện đã trọn vẹn, Chính mình và vợ con, Trân bảo và đất dai, Nay đều xả thí hết, Cúng dường tháp Hiền thánh. Tôn giả Ưu-ba-quật-đa khen ngợi vua: -Lành thay! Lành thay! Đại vương nên thực hành những điều ấy. Ton giả nói kê: Xả thân mạng của cải, Đời đời không lo âu, Được phước lành vô cùng, Ắt được Vô thượng giác. Vua thỉnh Tôn giả Ưu-ba-quật-đa vào thành, rồi sửa soạn tòa ngồi, mời Tôn ệiả an tọa, còn chúng Tăng được mời đến tinh xá Kê Tước. Vua thưa Tôn giả rang: -Tôn giả dung mạo đẹp đẽ? thân thể mềm mại, còn tôi hình thể xấu xí, da dẻ sần sùi. Ton giả noi kê: Lúc tôi hành bố thí? Tâm tịnh, tài vật tốt, Không bằng vua bố thí, Đem cát cúng dường Phật. Vua nói kệ đáp: Khi trẫm còn thơ ấu, Cúng dường Phật nắm cát, Nay được quả như vầy, Huống chi thí vật tốt. Tôn giả nói kệ khen: Khoái thay! Thiện Đại vương! Cúng dường nắm đất cát, Trong ruộng phước vô thượng, Vun trồng quả không hết. Bấy giờ, Vua A-dục bảo các đại thần:

Ta nhờ lây năm cát cúng dường Phật được quả báo như vây làm sao mà chẳng tin kính đối với Thế Tôn? Vua lại thưa với Tôn giả: -Tôn giả chỉ cho tôi pháp của Phật nói, những nơi Phật du hành, nên đến cúng dường lễ bái, vì các chúng sanh đời sau nhiếp thọ căn lành. Và Tôn giả noi kẹ: Chỉ cho tôi Pháp Phật, Các nước và tru xứ, Cúng dường và tin kính, Vì chúng sanh đời sau. Tôn giả nói: Lành thay! Lành thay! Đại vương có thể phát diệu nguyện, tôi sẽ chỉ cho Đại vương nơi chỗ, để vì chúng sanh đời sau. Bấy giờ, vua đem bốn vạn binh chủng và các thứ cúng dường hương hoa, tràng phan và kỹ nhạc, thỉnh luôn Tôn giả khởi hành đến rừng Long-tần (Lumbinĩ), chỉ đây là chỗ Như Lai đản sanh. Và Tôn giả nói kệ: Nơi Như Lai đản sanh, Khi sanh đi bảy bước, Xoay nhìn khắp bốn phương, Đưa tay chỉ lên trời: “Nay Ta sanh lần cuối, cSẽ đắc * n' đạo - T- - 'Vô Q thượng, —

Trên trời và cõi người, Ta là Vô Thượng Tôn."

Bấy giờ, nhà vua năm vóc sát đất, cúng dường lễ bái, liền dựng tháp Phật.

Tôn giả tâu vua:

Đại vương muốn thấy chư thiên, thấy chỗ đức Phật khi đản sanh đi bảy bước không?

Nhà vua thưa:

Trẫm rất muốn được thấy.

Tôn giả đưa tay chỉ cành cây mà Hoàng hậu Ma-da đã vịn vào, Tôn giả bảo thần cây:

Thọ thần, bây giờ hãy hiện ra để vua được thấy, sanh vui mừng.

Theo tiếng liền thấy, thọ thần đứng bên Tôn giả nói rằng:

Ngài dạy điêu gì tôi sẽ vâng theo.

Tôn giả nói với vua:

-Vi thần này đã thấy lúc Phật sanh.

Vua nói kệ hỏi thần:

Ngài thấy thân trang nghiêm, Lúc sanh có hoa sen,
Chân bước đi bảy bước, Miệng cất lên tiếng nói.

Thần đáp lại bằng bài kệ:

Tôi thấy thân tướng đẹp, Lúc sanh đấng Thế Tôn,
Chân bước đi bảy bước, Miệng cất lên tiếng nói:

"d trong trời và người, TaiàVô Thượng Tôn 95

KINH TẠPA-HÀM 507

Vua hỏi thần: Khi Phật sanh có điềm lành gì? Thần đáp: -Tôi không thể nói những việc quá mầu nhiệm, nay lược nói phần ít. Ánh sáng soi chiếu suốt, Thân thể đủ tướng đẹp, Khiến người vui mừng thấy, Cảm động đến đất trời. Vua nghe thần nói, vui mừng ban cho thần mười muôn lượng trân bảo rồi đi. Tôn giả Ưu-ba-quật-đa lại đưa vua vào trong thành nói: —Nơi này Bồ-tát hiện ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân sắc vàng trang nghiêm sáng chói. Nhà vua liền hướng về nơi ấy làm lễ và cúng dường các thứ. Tôn giả lại đưa vua đến trong Thiên Tự, bảo vua: Lúc Thái tử sanh ra được đưa đến vi thần ở Thiên Tự kia lễ bái, nhưng bấy giờ các thần đó đều lễ bái Bồ-tát.

Nhân đó, bấy giờ nhân dân mới lập danh Bồ-tát, rằng đó là trời ở trong cõi trời. Vua lại đem các thứ cúng dường. Tôn giả lại đưa vua đến chỉ chỗ và nói: Nơi đây vua cha đem Bồ-tát đến các chỗ cho các Bà-la-môn, bảo đoán xem tướng của Ngài. Vua lại cúng dường đủ thứ. Lại chỉ cho vua chỗ này là nhà học của Bồ-tát, chỗ này học cưỡi voi, chỗ này học cưỡi ngựa, cưỡi xe, bắn cung; chỗ này Bồ-tát học các kỹ thuật; chỗ này Bồ-tát rèn luyện thân; chỗ này là nơi dạo chơi của sáu muôn phu nhân của Bồ-tát. Chỗ này Bồ-tát thấy người già, bệnh, chết; chỗ này Bồ-tát ngồi dưới cây Diêm-phù, ngồi thiền được lìa dục, bóng cây chẳng rời thân; Phụ vương hướng về đó làm lễ. Chỗ này Bồ-tát đem trăm ngàn thiên thần ra khỏi thành và đi; chỗ này Bồ-tát cởi chuỗi ngọc trao cho Xa-nặc5 sai đem ngựa trở về nước. Và nói kệ: Bồ-tát ở nơi này, Cởi chuỗi ngọc và mũ? Trao cho chàng Xa-nặc, Giục ngựa trở về nước, Đi một mình không bạn, Ngài vào núi học đạo. Lại chỗ này Bồ-tát đổi lấy áo cà-sa của thợ săn, khoác áo này rồi xuất gia; chỗ này là chỗ chư thiên cung thỉnh Ngài; chỗ này là chỗ Vua Bình-sa đòi chia cho Bồ-tát một nửa nước; chỗ này Bồ-tát hỏi đạo nơi tiên nhân Ưu-lam-phất; chỗ này Bồ-tát sáu năm khổ hạnh. Như kệ nói: ọ 7

Khô hạnh trong sáu năm, Chịu khô não cùng cực, Biết không phải chơn đạo, Liền bỏ hạnh tu đó. Chỗ này hai người nữ dâng sữa cúng dường Bồ-tát. Như kệ nói: Đại Thánh ở nơi dây, Nhận sữa hai người nữ, Từ đây đứng lên di, Đi đến cây Bồ-đề.

Chỗ này rồng Ca-lợi khen ngợi Bồ-tát. Như kệ nói: Nơi này rồng Ca-lợi, Khen ngợi đức Bồ-tát? Nên theo đạo thời cổ, Chứng diệu quả vô thượng. Vua nhìn Tôn giả và nói kệ: Nay tôi muôn thây rông, Rồng kia đã thấy Phật, Từ đây đến Bồ-đe, Chứng đắc quả thắng diệu. Tôn giả lây tay chỉ Long vương bảo: Này Long vương Ca-lợi9 ông đã thấy Phật, nay nên hiện thân. Long vương nghe tiếng liền xuất hiện, đứng trước Tôn giả, chắp tay thưa: Thưa Tôn giả có điều gì chỉ dạy?

Tôn giả nói với vua: Long vương này thấy Phật, khen ngợi Như Lai.

Vua chăp tay hướng vê Long vương nói kệ: Ngài thấy thân kim cương, Thầy tôi bậc Vô Thượng, Mặt như trăng sáng đầy, Xin nói oai đức Ngài, Công đức của mười lực, Lúc Ngài đến đạo tràng. Long vương đáp lại: Nay toi sẽ diễn nói, Lúc chân đạp trên đất, Cõi đất sáu chấn động, Ánh sáng hơn mặt trời, Chiếu khắp ba ngàn cõi, Hướng đến cây Bồ-đề. Bấy giờ„ nhà vua ở các nơi ấy cúng dường các thứ và dựng tháp miếu. Ke đó? Tôn giả đưa vua đến cội cây nơi Phật thành đạo, bảo vua rằng: Tại cây này, Đại Bồ-tát do sức từ bi tam-muội phá quân ma, đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Va Tôn giả noi kẹ: Mâu-ni Ngưu vương tôn, ở cây Bồ-đề này, Hàng phục quân ma ác, Được thắng quả Bồ-đề, Đáng kính trong trời, người, Chẳng có ai sánh bằng. Vua cúng dường vô lượng trân bảo và các thứ, cùng dựng tháp miếu lớn. Chỗ này, Tứ Thiên Vương mỗi vị ôm một cái bát đem dâng cúng Phật, hợp lại thành một bát; chỗ này là chỗ Như Lai nhận những bữa ăn cúng dường của anh em khách buôn; chỗ này khi Như Lai đến nước Ba-la-nại, có ngoại đạo A-thời- bà hỏi Phật; chỗ này là vườn Lộc Uyển, trụ xứ của tiên nhơn. Như Lai ở trong đó vì năm vị Tỳ-kheo ba lần chuyển mười hai hành pháp

luân. rr\ • 9 A Ton gia nói kê: Nơi đây vườn Lộc Dã, Như Lai chuyển pháp luân, Ba chuyển mười hai hành, Năm người được dấu đạo.

KINH TẠPA-HÀM 509

Nhà vua cúng dường nơi này đủ thứ và xây dựng tháp miêu. Chô này Như Lai hóa độ tiên nhân Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp. Chỗ này Như Lai nói pháp cho Vua Bình-sa, vua thấy được chân lý cùng với vô lượng nhân dân, chư thiên đắc đạo. Chỗ này Như Lai thuyết pháp cho trời Đế-thích, Đế-thích cùng với tám muôn chư thiên đắc đạo. Chỗ này Như Lai thị hiện thần lực, biến hóa các thứ. Chỗ này Như Lai lên trời vì mẹ thuyết pháp, đem theo vô lượng thiên chúng xuống nhân gian. Vua lại cúng dường các thứ và dựng tháp miếu. Tôn giả bảo Vua A-dục: Đen nước Câu-thi-la-kiệt5 nơi đây Như Lai làm xong đầy đủ Phật SỊT, nhập Vô dư Niết-bàn. Tôn giả noi kê: Độ thoát các trời, người, Rồng, tu-la, dạ-xoa, Kiến lập vô tận pháp, Phật sự đã hoan tất, Nơi hữu được tịch diệt, Đại Bi vào Niết-bàn, Như củi hết lửa tắt, Rốt ráo được thường trụ. Vua nghe những lời này buồn bã, đau xót đến ngất xỉu trên đất. Bấy giờ, các quan lấy nước rửa mặt cho vua, một hồi lâu vua tỉnh lại, bật khóc, nước mắt ràn rụa. Sau đó vua cúng dường đủ thứ và dựng tháp miếu lớn. Vua thưa Tôn giả: - Ý tôi muốn được thấy các đại đệ tử của Phật, được Phật thọ ký, muốn cúng dường Xá-lợi các ngài. Xin Tôn giả chỉ cho! Tôn giả nói với vua: -Lành thay! Lành thay! Đại vương phát được diệu tâm như thế. Tôn giả đem vua tới nước Xá-vệ vào tinh xá Kỳ Hoàn, đưa tay chỉ tháp: Đây là tháp của Tôn giả Xá-lọd-phất, vua nên cúng dường.

Vua nói:
Vị này có công đức gì?
Ton giả đáp:
9
Đây là vi Pháp vương thứ nhì, tùy chuyên pháp luân.
Va Ton gia noi kê:
Tất cả trí chúng sanh, Sánh với Xá-lqi-phất,
Bằng một phần mười sáu, Trừ trí của Như Lai,
9 9
Như Lai chuyển pháp luân, Ngài có thê tùy chuyên, Ngài có vô lượng đức, Ai có thể nói hết? Nhà vua vui mừng vô hạn, bỏ ra mười muôn lượng trân bảo cúng dường tháp Xá-lợi-phất và nói kệ: Con lạy Xá-lợi-phất5 Giải thoát mọi sợ hãi, Danh đồn khắp thế gian, Trí tuệ không ai bằng.

510 KINH TẠP A-HÀM

Ke đến Tôn giả chỉ cho vua tháp của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Vua muốn cúng dường tháp này nên lại hỏi: Vị này có công đức gì? Tôn giả đáp: -Vi này thần túc bậc nhất, lấy ngón chân ấn trên đất, đất liền chấn động, đến Long cung, hàng phục Long vương Nan-đà? Bạt-nan-đà. Va Tôn giả noi kẹ: Ấn ngón chân động đất, Đen tận cung Bếthích, Thần túc Idiông ai bằng, Ai có thể nói hết? Hai vua rồng hung bạo, Trông thấy đều sợ hãi, Với sức thần túc kia, Hàng phục hết sân nhuế. Lúc ấy, vua cúng dường tháp mười

lượng trân bảo và nói kệ khen ngợi: Bậc thần túc đệ nhấq Lìa khỏi già, bệnh, chết, Có công đức như thế, Nay lễ Mục-kiền-liên. Ke đến Tôn giả chỉ tháp Tôn giả Ma-ha Ca-diếp9 nói với vua: -Đây là tháp Ma-ha Cadiếp, vua nên cúng dường. Vua hỏi: - Vị ấy có công đức gì? Ton gia đáp: Tôn giả này ít muôn, biêt đủ, khô hạnh bậc nhát, được Như Lai chia cho nửa tòa và y Tăng-già-lê. Tôn giả ấy thương xót chúng sanh, hung lập Chánh pháp. Ton gia noi kê: Ruộng công đức bậc nhất, Thương xót loài bần cùng, Khoác Tăng-già-lê Phật, Xây dựng nên Chánh pháp, Tôn giả có đức lớn, Ai có thể nói hết? Vua lại cúng dường mười muôn lượng trân bảo, và nói kệ khen ngợi: Thường ưa thích tịch tịnh, Nương náu nơi rừng rậm, Người ít muốn, biết đủ, Nay lễ Đại Ca-diếp. Ke đến Tôn giả lại chỉ tháp của Tôn giả Bạc-câu-la và nói với vua: -Đây là tháp của Bạc-câu-la, nên cúng dường. Vua hỏi: Vị này có công đức gì? Tôn giả đáp: -Tôn giả ây được bậc nhát không bệnh... chăng nói cho ai được một câu pháp, lặng lẽ không lời. Vua bảo: Đem một tiền cúng dường.

Các quan tâu vua: Công đức như nhau vì sao nơi đây cúng một tiền?

Vua bảo: Hãy nghe tôi nói: Tuy trừ si, vô minh, Trí tuệ hay soi xét, Tuy có tên Bạc-câu, Có ích gì cho đời? Bấy giờ, đồng tiền kia trở về lại chỗ vua, các đại thần trông thấy, cho là việc lạ lùng hiêm có tát cả đông lên tiêng khen ngợi: Ôi, Tôn giả! Ngài ít muốn, biết đủ đến nỗi chẳng cần một tiền.

Tôn giả lại chỉ tháp của Tôn giả Anan, nói với vua: Đây là tháp của Tôn giả A-nan, nên cúng dường. Vua hỏi: -Tôn giả A-nan có công đức gì? -Tôn giả này là thi giả của Phật, đa văn bậc nhất, kết tập kinh Phật. Và nói kệ: Giữ gìn bát Như Lai, Giỏi nhớ hay quyết đoán, Học rộng như biển lớn, Biện tài tiếng dịu dàng, Làm vui lòng trời, người, Khéo biết tâm chư Phật, Tát ca đêu sang to, Là rương báu công dức, Được khen ngợi tối thắng, Hàng phục phiên não tránh, Những công đức như thế, Xứng đáng nên cúng dường. Vua liền cúng dường một trăm ức lượng trân bảo. Các quan tâu vua: Vì sao ở đây Bệ hạ lại cúng dường nhiều hơn những nơi trước?

Vua đáp: Hãy nghe trẫm nói lý do: Thân thể của Như Lai, Pháp thân tánh thanh tinh, Vị này hay vâng giữ, Vì thế cúng dường hơn. Đèn pháp còn ở đời, Dứt lòng si tối này, Đều nhờ nơi Tôn giả Vì thế cúng dường hơn. Như nước trong biển lớn, Dấu chân trâu không chứa, Như biển trí của Phật, Người khác khó phụng trì. Duy Tôn giả A-nan, Nghe qua đều nhớ hết, Không khi nào quên mất, Vì thế cúng dường hơn. Khi vua cúng dường các thứ như thế xong, vua hướng về Tôn giả Ưu-baquật-đa chắp tay và nói kệ: Nay tôi mang thân này, Chẳng lẽ phụ thân này, Tu vô lượng công dức, Nay được làm vua người,

Tôi đem lòng kiên thật, Tạo lập các tháp miêu, Trang nghiêm nơi the gian, Như sao làm đẹp trăng. Vâng pháp đệ tử Phật, Thực hành các lễ tiết, Nay tôi đã làm hết, Cúi đầu trước Tôn giả, Nhờ ân lực Tôn giả, Nay thấy việc thắng diệu, Chóng được lợi lành lớn, Nhờ đây phân biệt pháp. Vua cúng dường như trên và thường đi đên Bô-đê đạo tràng;

dưới cây này, Như Lai đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thế gian hiếm có. Vua đem trân bảo cúng dường cây Bồ-đề. Lúc ấy, phu nhân của vua tên là Đề-xá-la-hy- đa, phu nhân nghĩ rằng: "Vua yêu ta và ta cũng hết sức yêu vua. Ngày nay vua bỏ ta đi, đem châu báu đến chỗ cây Bồ-đề. Bây giờ ta sẽ tìm cách làm chết cây Bồ-đề này. IGii cây đã chết khô, lá tàn rụng, vua sẽ không đến nữa. Ngài sẽ cùng ta vui vầy." Phu nhân liền gọi thầy phù chú bảo rằng: Người có thể làm chết cây Bồ-đề này không? Thầy phù chú đáp: Phu nhân hãy cho tôi một ngàn lượng vàng. Phu nhân liền trao cho người ấy một ngàn lượng vàng. Thầy phù chú đến cây Bồ-đề dùng câu chú niệm chú nơi cây và lấy bùa cột, cây dần dần chết khô, lá úa tàn rụng, cây chưa chết hẳn, lá xơ xác rơi rụng, thầy phù chú tâu phu nhân: r 9

Phải lây sữa nóng rưới lên cây mới có thê làm cho cây khô. Phu nhân tâu vua: Thiếp muốn đem sữa đến cúng dường cây Bồ-đề.

Vua đáp:

-Nên theo ý khanh chăng?

Như thế cho đến khi phu nhân lấy sữa nóng rưới lên cây Bồ-đề5 cây bị khô héo. Các phu nhân tâu vua:

Cây Bồ-đề bỗng nhiên chết khô, lá úa tàn rụng!

Và họ nói kệ: Cây Như Lai nương tựa, Gọi là cây Bồ-đề, Tại đó thành Chánh giác, Đầy đủ nhất thế trí. Nay Đại vương nên biết, Cây này nay khô chết, Sắc lá cũng biến khác, Chẳng biết vì cớ sao? Nhà vua nghe lời này, liền ngất xỉu trên đất. Đám quần thần lấy nước rải lên mặt vua, một hồi lâu vua mới tỉnh lại, rơi nước mắt rồi bảo: Ta thấy cây Bồ-đề Như là thấy Như Lai, Nay nghe cây này chết, Ta cũng sẽ chết theo.

KINH TẠPA-HÀM > 513

Phu nhân Đê-xá-la-hy-đa thây vua ưu sâu, tâu vua: Xin Bệ hạ chớ buồn rầu, thiếp sẽ làm vui lòng bệ hạ.

Vua nói: Nếu không có cây ấy, mạng sống của ta cũng không còn. Như Lai nơi cây này đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu cây này không còn, ta sống để làm gì? Phu nhân nghe vua nói lời quyết định như thế, liền trở lại lấy sữa lạnh tưới dưới góc cây Bô-đê9 cây từ từ sông lại. Vua nghe nói lây sữa tưới cây sông lại, mỗi ngày vua cho ngàn thau sữa tưới gốc cây, cây sống lại như trước. Các phu nhân tâu vua: -Cây Bồ-đề tươi tốt lại như xưa. Nghe xong vua lấy làm mừng rỡ? vội đến dưới cây Bồ-đề nhìn chăm chăm không rời và nói kệ: Việc các vua chưa làm, Vua Binh-sa, Trì Quốc, Nay ta nên cúng dường, Ta tắm cây Bồ-đề, Bằng sữa và nước thơm, Hương hoa và hương xoa, Sẽ lại cúng dường Tăng, Hiền thánh năm bộ chúng. Vua cho bày bốn cái bồn báu bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê chứa đầy các thứ sữa thơm cùng các thứ nước thơm, đem các thức ăn uống, tràng phan, bảo cái. Mỗi thứ có cả ngàn loại cùng với hương hoa kỹ nhạc. Vua thọ trì bát quan trai giới, mặc y phục sạch sẽ? ôm lò hương đến ở trên điện, hướng bốn phương làm lễ, tâm nghĩ miệng nói: "Đệ tử Hiền thánh của Như Lai ở các phương, xin thương xót con mà thọ nhận sự cúng dường của con!" Vua nói kệ: Thánh đệ tử Như Lai, Chánh thuận lặng các căn, Lìa dục của ba cõi, Chư thiên nên cúng dường. Xin hãy

nhóm nơi đây, Nhận tấm lòng biết ơn, Thương xót theo ý con, Khiến pháp chúng tăng trưởng. Thường thích nơi vắng lăng, Giải thoát những chấp trước, Chơn tử của Như Lai, Từ pháp mà hóa sanh. Được chư thiên cúng dường, Nên vì thương xót con, Nay xin đều nhóm lại, Theo ý mọn của con. Chư Thánh khắp các nơi, Kê-tân, Đa-ba-bà Đại Lâm, Ly-bà-đa Bên ao lớn, A-nậu? Khắp sông ngòi rừng núi, Như thế tất cả chỗ, Các Thánh ở trong đó? Nay nên đến nhóm lại, Xin vì thương xót con, Theo ý mọn của con. Lại ở trên cõi trời, Cung điện Thi-lê-sa, Trong thất đá Hương Sơn, Bậc thần thông đầy đủ, Xin đều nhóm tại đây, Vì thương xót con vậy.

514 KINH TẠP A-HÀM

LÚC vua nói như vậy, ba mươi vạn Tỳ-kheo cùng tập hợp lại. Trong đại chúng ấy có mười vạn A-la-hán, hai mươi vạn các vi Hữu học và phàm phu Tỳ- kheo. Còn lại tòa của Thượng tọa không có người ngồi. Vua hỏi các Tỳ-kheo: -Tòa của Thượng tọa sao không có người ngồi? Trong đại chúng có một Tỳ-kheo tên là Da-xá? là bậc đại A-la-hán đầy đủ lục thông, tâu vua: Tòa này là tòa của Thượng tọa, trong đây không ai dám ngồi.

Vua lại hỏi:

- ở chỗ Tôn giả có Thượng tọa chăng?

Tôn giả Da-xá đáp:

Con có Thượng tọa. Thưa Đại vương! Phật nói Thượng tọa Tân-đầu-lư đáng ngồi chỗ này.

Vua hết sức vui mừng nói rằng:

- Trong đây có Tỳ-kheo nào thấy Phật không?

Tôn giả Da-xá đáp:

-Thưa Đại vương có ngài Tân-đầu-lư? ngài vẫn còn ở thế gian.

Vua lại thưa:

Có thể gặp được Tỳ-kheo ấy không?

Tôn giả Da-xá đáp: Chẳng bao lâu sẽ gặp, tìm thì sẽ đến. r Vua rát hoan hỷ nói kệ: Sung sướng được lợi ích, Vì nhiếp thọ cho con, Khiến con tự mắt thấy, Tôn giả Tân-đầu-lư. Bấy giờ, Tôn giả Tân-đầu-lư đem vô lượng A-la-hán thứ lớp đi theo, ví như con nhạn chúa từ hư không đến, ngồi vào chỗ Thượng tọa. Các Tỳ-kheo-tăng đều kính lễ, theo thứ lớp ngồi xuống. Nhà vua trông thấy Tôn giả Tân-đầu-lư râu tóc bạc trắng như thân Phật Bích-chi. Vua sụp xuống lễ chân ngài, quỳ dài chắp tay, chiêm ngưỡng dung mạo của Tôn giả và nói kệ: Con nay ở ngôi vua, Thống lãnh piêm-phù-đề, Chẳng lấy làm hoan hỷ, Nay được thấy Tôn giả. Con nay thấy Tôn giả, Như thấy Phật tại thế, Lòng con đầy phấn khởi, Hơn cả thấy ngôi vua. Vua lại thưa Tôn giả: -Tôn giả đã từng thấy Thế Tôn, bậc ba cõi đều kính ngưỡng, tôn sùng chăng? Lúc đó, Tôn giả Tân-đầu-lư lay tay vén lông mày nhìn vua và nói: Tôi được thấy Như Lai, Thế gian không gì sánh, Toàn thân màu vàng sáng, Ba mươi hai tướng đẹp,

KINH TẠPA-HÀM 515

Mặt tròn như trăng rằm, Tiếng Phạm âm êm ái, Hàng phục phiền não tránh, Thường an trú tịch diệt. Vua lại hỏi: -Tôn giả thấy Phật nơi nào? Tôn giả Tân-đầu-lư đáp: -Khi

Như Lai đem năm trăm vi A-la-hán đến thành Vương Xá an cư lần đầu. Lúc ấy, tôi cũng ở trong chúng đó. Và Ton giả noi kê: Thế Tôn Đại Mâu-ni, Hạng lìa dục nhiễu quanh, ở tại thành Vương Xá, Kiết hạ tròn ba tháng. Tôi ở trong chúng ấy, Thường ở bên Như Lai, Nay Đại vương nên biết, Chính mắt tôi thấy Phật. Lại nữa, lúc Phật ở Xá-vệ, Như Lai hiện thần lực lớn, biến hóa đủ thứ, biến hình chư Phật đây đủ khăp các phương cho đên cõi trời A-ca-ni-tra. Tôi lúc ây cũng ở đó? trông thấy các tướng thần thông của Như Lai biến hóa. Ton gia noi kê: Sức thần thông Như Lai, Hàng phục các ngoại đạo, Phật đạo kháp mười phương, Chính tôi thây tướng kia. Lại nữa, khi Như Lai ở tại cõi trời thuyết pháp cho mẫu thân, tôi cũng có trong ấy. Khi thuyết pháp cho mẫu thân xong, Ngài đem chư thiên từ trời xuống nước Tăng-ca-xa. Khi ấy, tôi thấy hai việc này; trời, người đều phước lạc. Tỳ- kheo-ni Ưu-ba-la hóa làm Chuyển Luân Thánh Vương đem vô lượng quyến thuộc nương hư không đến chỗ Thế Tôn, tôi cũng thấy việc này. Rồi Tôn giả nói kệ: Như Lai trên cõi trời, Ngài kiết hạ nơi đó9 Tôi cũng ở trong ấy, Là quyến thuộc Như Lai. Lại nữa, lúc Như Lai ở tại nước Xá-vệ cùng với năm trăm A-la-hán, khi ấy con gái của trưởng giả cấp Cô Độc đang ở tại nước Phú-lâu-na Bạt-đà-na. Một hôm, cô này thỉnh Phật và Tỳ-kheo-tăng. Khi ấy, các Tỳ-kheo, mỗi vị đều nương hư không đến chỗ thỉnh, còn tôi lại dùng thần lực hợp núi lớn đến thọ thỉnh. Thế Tôn quở trách tôi: "Ong đâu được hiện thần túc như thế. Bây giờ Ta phạt ông song mãi ở the gian, không được vào Niết-bàn, hộ trì Chánh pháp của Ta chớ khiến cho diệt mất.” "Tỉ A • FT1 _ • 9 _ Z • 1 A Roi Ton gia nói kẹ: Thế Ton nhận lơi thỉnh, Cùng năm trăm Tỳ-kheo, Tôi liền dùng thần lực, Nhấc núi lớn mà đi, Thế Tôn trách phạt tôi ở đời, khoan diệt độ, Hộ trì Chánh pháp Phật, Chớ để pháp diệt mất.

Lại nữa, Như Lai đem chư Tỳ-kheo-tăng vào thành khất thực. Khi đó vua cùng với hai em bé chơi đùa trên đất cát, thay Phật từ xa đi tới, nam một nắm cát dâng cúng Phật. Lúc ấy, Phật thọ ký cho đứa bé kia: "Sau khi Ta diệt độ khoảng một trăm năm, đứa bé này sẽ làm vua nước Ba-liên-phất, thống lãnh Diêm-phùdề, gọi là A-dục, sẽ phân bố rộng rãi Xá-lợi của Ta; trong một ngày sẽ dựng tám muôn bốn ngàn tháp." Nay chính là nhà vua, lúc ấy tôi cũng có mặt ở đó. Roi Ton giả noi kẹ: Lúc vua còn thơ ấu, Đem cát dâng cúng Phật, Lúc Phật thọ ký vua, Chính tôi cũng ở đấy. Vua thưa Tôn giả: Hiện nay Tôn giả ở đâu? Tôn giả đáp: -Tôi ở tại Bắc Sơn, núi tên là Kiền-đà-ma-la cùng với các vị Tăng đồng Phạm hạnh. Vua lại hỏi: -Có bao nhiêu người? Tôn giả đáp: Có sáu muôn Tỳ-kheo A-la-hán. Tôn giả bảo vua: Vua can gì hỏi nhiều, nay vua nên sửa soạn cúng dường chư Tăng, các vị ấy thọ thực xong, sẽ khiến cho vua hoan hỷ. Vua thưa: Vâng! Đúng như vậy, thưa Tôn giả! Nhung bây giờ, trước tiên là trẫm cúng dường cây Bồ-đề, vì nghĩ đến nơi Phật giác ngộ, sau đó cúng dường hương hoa, thức ăn uống ngon cho Tăng chúng. Vua ban lệnh cho các quần thần tuyên bố khắp nước: "Ngày nay vua muốn xả mười muôn lượng vàng bố thí cho chúng Tăng, cả ngàn bồn nước thơm rưới lên cây Bồ-đề.^ Vua tập hợp năm bộ chúng. Lúc ấy, Vương tử Câu-na-la ở bên cạnh vua, đưa hai ngón tay mà chẳng nói, ý muốn cúng dường gấp đôi. Đại chúng trông thấy vương tử như thế đều phì cười. Vua cũng cười và bảo: Ôi, Vương tử! Chính con có thêm công đức cúng dường. Vua lại nói: -Ta lại đem ba mươi muôn lượng vàng cúng

dường chúng Tăng. Thêm một ngàn bồn nước thơm rưới tắm cây Bô-đề. Vương tử lại đưa lên bốn ngón tay, ý nói gấp bốn. Lúc ấy, vua nổi giận bảo các quan: Ai dạy vương tử làm như thế? Cùng tranh với ta sao?

KINH TẠPA-HÀM 517

Một vi quan thưa: -Tâu Đại vương! Chẳng ai dám tranh với Bệ hạ, nhưng vương tử thông tuệ, lợi căn vì muốn tăng thêm công đức nên làm như vậy. Nhà vua quay lại nhìn vương tử, rồi bạch Thượng tọa: -Trừ các vật thuộc kho tàng của con, tất cả vật ở Diêm-phù-đề, phu nhân, thể nữ, quần thần, quyến thuộc và con của con là Câu-na-la đều bố thí cho Hiền thánh chúng Tăng. Vua tuyên bố cho cả nước tập hợp năm chúng và nói kệ: Trừ vật kho tàng vua, Phu nhân và thể nữ, Thần dân tất cả chúng, Bố thí Hiền thánh Tăng, Thân, ta cùng vương tử, Cũng đều xả bỏ hết. Nhà vua, Thượng tọa và Tỳ-kheo-tăng lấy bồn nước thơm tưới cây Bồ-đề? cây Bồ-đề càng thêm tươi tốt, sum suê. Có bài kệ: Vua tưới cây Bồ-đề, Nơi Vô thượng Giác ngộ, Cây càng thêm tươi tốt, Cây lá đều mơn mởn. Vua cùng quân thân vui mừng vô hạn. Vua rưới tăm cây Bô-đê xong, kê đên vua lại cúng dường chúng Tăng. Bây giờ, Thượng tọa Da-xá tâu vua: Đại vương! Hôm nay có đông đảo Tỳ-kheo-tăng tụ tập, nên phát lòng tin thuần thục cúng dường. Nhà vua tự tay cúng dường từ trên xuống dưới. Khi ấy, có hai Sa-di ăn xong, môi người lây bún vo thành viên đùa giỡn ném nhau. Nhà vua trông thấy phì cười, nói: -Sa-di này chơi trò con nít. Cúng dường xong, vua trở lại đứng trước Thượng tọa, Thượng tọa nói với vua: Vua chớ sanh tâm bát tin kính. Vua thưa: Thượng tọa! Con chẳng có tâm bất tin kính, nhưng thấy hai Sa-di chơi trò trẻ con, như trẻ con thế gian lấy hòn đất ném nhau, còn hai Sa-di thì vò bùn ném nhau. Thượng tọa tâu vua: Hai chú Sa-di này đều là A-la-hán giải thoát, nên cúng dường thức ăn cho các vị ấy. Vua nghe rồi tăng thêm lòng tin và nghĩ thầm: C6Đối với hai Sa-di này ta có thể lần lượt bố thí. Hôm nay, ta sẽ bố thí lụa và y kiếp-bối cho tất cả chúng Tang." Bấy giờ, hai Sa-di biết tâm niệm của vua, họ nói với nhau: "Chúng ta làm cho vua thêm kính tin." Một Sa-di mang cái nồi trao cho vua, một Sa-di trao cho vua thuốc nhuộm.

518 KINH TẠP A-HÀM

Vua hỏi Sa-di kia: - Những thứ này để làm gì? Hai Sa-di tâu vua: -Nhà vua vì chúng tôi bố thí chúng Tăng lụa và y kiếp-bối. Chúng tôi muốn nhà vua nhuộm thành màu sắc để bố thí cho chúng Tăng. Vua nghĩ rằng: “Ta tuy đã nghĩ trong tâm, mà chưa nói ra, nhtrng hai vị Đại sĩ này đắc Tha tâm trí nên biết được tâm ta." Vua liền cúi đầu kính lễ chúng Tăng và nói kệ: Tộc tánh là Khổng Tước, Các quyến thuộc nội ngoại, Do sự bố thí này, Đều được lợi ích lớn, Gặp được ruộng phước tốt, Vui mừng đúng thời thí. Vua bảo Sa-di: Nay tôi nhân quý Tôn giả bố thí y cho chúng Tăng. Cúng y cho chúng Tăng rồi, vua lại đem ba y cùng với bốn ức muôn lượng trân bảo bô thí cho năm bộ chúng, chú nguyện xong, lại đem bôn mươi ức muôn lượng trân bảo chuộc lây cung nhân, thê nữ, thái tử, quân thân của cõi Diêmphù-đề. Vua A-dục đã tạo vô lượng công đức như thế.

KINH SỐ 605

Tôi nghe như vay:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc.

_ r

Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

-Có bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là thân thân quán niệm xứ, thọ..., tâm..., pháp pháp quán niệm xứ.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 606 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là sống quán niệm thân trên thân... thọ... tâm... sống quán niệm pháp trên pháp. Như thế, Tỳ-kheo? đối với bốn niệm xứ này, tu tập đầy đủ, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, cần phải học. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

518 KINH TẠP A-HÀM

Vua hỏi Sa-di kia: - Những thứ này để làm gì? Hai Sa-di tâu vua: -Nhà vua vì chúng tôi bố thí chúng Tăng lụa và y kiếp-bối. Chúng tôi muốn nhà vua nhuộm thành màu sắc để bố thí cho chúng Tăng. Vua nghĩ rằng: “Ta tuy đã nghĩ trong tâm, mà chưa nói ra, nhtrng hai vị Đại sĩ này đắc Tha tâm trí nên biết được tâm ta." Vua liền cúi đầu kính lễ chúng Tăng và nói kệ: Tộc tánh là Khổng Tước, Các quyến thuộc nội ngoại, Do sự bố thí này, Đều được lợi ích lớn, Gặp được ruộng phước tốt, Vui mừng đúng thời thí. Vua bảo Sa-di: Nay tôi nhân quý Tôn giả bố thí y cho chúng Tăng. Cúng y cho chúng Tăng rồi, vua lại đem ba y cùng với bốn ức muôn lượng trân bảo bô thí cho năm bộ chúng, chú nguyện xong, lại đem bôn mươi ức muôn lượng trân bảo chuộc lây cung nhân, thê nữ, thái tử, quân thân của cõi Diêmphù-đề. Vua A-dục đã tạo vô lượng công đức như thế.

KINH SỐ 605

Tôi nghe như vay:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc.

_ r

Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

-Có bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là thân thân quán niệm xứ, thọ..., tâm..., pháp pháp quán niệm xứ.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 606 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là sống quán niệm thân trên thân... thọ... tâm... sống quán niệm pháp trên pháp. Như thế, Tỳ-kheo? đối với bốn niệm xứ này, tu tập đầy đủ, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, cần phải học. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 519

KINH SỐ 607 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Có đạo nhất thừa làm thanh tịnh chúng sanh, khiến vượt khỏi ưu bi, dứt khổ não, đắc pháp như thật. Đó là pháp bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là sống quán niệm thân trên thân... thọ... tâm... sống quán niệm pháp trên pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỔ 608 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nấu Tỳ-kheo lìa bốn niệm xứ, thời lìa Thánh pháp như thật; người lìa Thánh pháp như thật, thời sẽ lìa Thánh đạo; người lìa Thánh đạo, thời sẽ lìa pháp cam lộ; người lìa pháp cam lộ, thời không được thoát sanh-lão-bệnh-tử- tru-bi-khổ-não. Ta nói người ấy không giải thoát được khổ. Nếu Tỳ-kheo không lìa bốn niệm xứ, thời không lìa Thánh pháp như thật; người không lìa Thánh pháp như thật, thời không lìa Thánh đạo; người không lìa Thánh đạo, thời không lìa pháp cam lộ; người không lìa pháp cam lộ, sẽ được thoát khỏi sanh-lão-bệnh-tử-iru-bi-khổ-não. Ta nói người này giải thoát các khổ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 609 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Hôm nay, Ta sẽ nói về bốn niệm xứ tập? bốn niệm xứ diệt. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ. Những gì là bốn niệm xứ tập? Bốn niệm xứ diệt? Thực tập thì thân tập, thực diệt thì thân diệt. Nhu thế sống quán theo thân tập, sống quán theo thân diệt, sống quán theo thân tập diệt thì không có nơi nương trụ, đối với tất cả pháp thế gian đều không chấp thủ. Cũng thế, xúc tập thì thọ tập, xúc diệt thì thọ diệt. Cũng thế, theo pháp tập quán thọ trụ, theo pháp diệt quán thọ trụ, theo pháp tập diệt quán thọ trụ thì không chô nương trụ, đôi với tát cả pháp thê gian đều không chấp thủ. Danh sắc tập thì tâm tap, danh sắc diệt thì tâm diệt, theo pháp tập quán tâm trụ, theo pháp diệt quán tâm trụ, theo pháp tập diệt quán tâm trụ thì không có chỗ nương trụ, đối với các pháp thế gian không còn chấp thủ. ức niệm tập thì pháp

tập, ức niệm diệt thì pháp diệt, theo pháp tập quán pháp trụ, theo pháp diệt quán pháp trụ, theo pháp diệt tập quán pháp trụ thì không chỗ nương trụ, đoi với tất cả pháp the gian không còn chấp thủ. Đó gọi là bon niệm xứ tập, bốn niệm xứ diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 610 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Ta sẽ nói về tu bốn niệm xứ, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ. Thế nào là tu bốn niệm xứ? Nghĩa là sống quán niệm nội thân trên thân, tinh cần phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục lo buồn của thế gian; sống quán ngoại thân, nội ngoại thân, tinh tấn phương tiện, chánh niệm, chánh trí, điêu phục sự lo buồn của thế gian. Cũng thê, sông quán niệm thọ, tâm, pháp, nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh trí, điều

phục sự lo buồn của thế gian. Đó gọi là Tỳ-kheo tu bốn niệm xứ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Thời quá khứ, vi lai, Phật cũng nói tu bốn niệm xứ như vậy.

KINH SỐ 611 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có nhóm thiện pháp và nhóm bất thiện pháp. Thế nào là nhóm thiện pháp? Đó là bốn niệm xứ; đây là chánh thuyết. Vì sao? Đây là nhóm thuần nhất, hoàn toàn thanh tịnh, ệọi là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Nghĩa là sống quán niệm thân trên thân, sông quán niệm thọ... tâm... pháp trên pháp. Thế nào là nhóm bất thiện pháp? Nhóm bất thiện đó là năm cái; đây là chánh thuyết. Vì sao? Vì thuần nhất đầy đủ các thứ bất thiện. Năm cái là những gì? Đó là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hoi cái và nghi cái. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 612 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Như người cầm bốn thứ cung cứng, dùng hết sức mạnh bắn vào bóng cây đa-la, xuyên qua không trở ngại. Bôn bậc Thanh văn của Như Lai cũng như thê,

tăng thượng phương tiện, lợi căn, trí tuệ, tuổi thọ một trăm năm5 ở nơi Như Lai, trăm năm thuyết pháp, dạy dỗ? chỉ trừ lúc ăn uống, ngủ, nghí, thường nói, thường nghe, trí tuệ sáng suôt lanh lợi, đôi với pháp Như Lai dạy, lãnh thọ, giữ gìn, không chướng ngại, không có gì để hỏi Như Lai nữa. Như Lai thuyết pháp không bao giờ dứt, các vị này nghe pháp suốt cả đời, trăm tuổi mạng chung. Như Lai thuyết pháp vẫn không cùng tận. Nên biết lời nói của Như Lai vô lượng, vô biên, danh, cú9 vị? thân cũng lại vô lượng không cùng tận. Nghĩa là pháp bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Tất cả Kinh bổn niệm xứ đều tóm tắt trong câu này. Vì thế Tỳ-kheo đối với bon niệm xứ nên tu tập, phát khởi lòng ham muốn tăng thượng, tinh can phương tiện, chánh niệm, chánh trí, hãy nên học.

KINH SỐ 613 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: —Có nhóm bất thiện và nhóm nhiện. Những gì là nhóm bất thiện? Đó là ba căn bất thiện; đây gọi là chánh thuyết. Vì sao? Vì thuần tích tụ các pháp bất thiện là ba căn bất thiện. Những gì là ba? Đó là tham bất thiện căn, nhuế bất thiện căn, si bất thiện căn. Thế nào là nhóm thiện? Đó là bốn niệm xứ. Vì sao? Vì thuần thiện đầy đủ? tức là bốn niệm xứ; đây gọi là thiện thuyết. Những gì là bốn? Đó là thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ. (Cũng như ba căn bất thiện; ba ác hạnh là thân ác hạnh, miệng ác hạnh, ỷ ác hạnh; ba tưởng là dục tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng; ba giác là dục giác, nhuế giác, hại giác đều nói như the). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 614 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo kia đi đến chỗ Phật; cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui

ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói về đại trượng phu, thế nào là đại trượng phu, thế nào chẳng phải đại trượng phu? Phật bảo Tỳ-kheo? -Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo khéo hỏi Như Lai về nghĩa đại trượng phu. Hãy lắng nghe, khéo suy nghi, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Nếu Tỳ-kheo sống quán niệm thân trên thân, sông quán niệm thân trên thân kia roi tâm không

lìa dục, không được giải thoát, sạch hết các lậu; Ta nói người này chẳng phải là đại trượng phu. Vì sao? Vì tâm không giải thoát. Nếu Tỳ-kheo sống quán niệm thọ... tâm... pháp trên pháp, tâm không lìa dục, không được giải thoát, sạch hết các lậu; Ta không nói người kia là đại trượng phu. Vì sao? Vì tâm không giải thoát. Nếu Tỵ-kheo sống quán niệm thân trên thân, tâm được lìa dục, tâm được giải thoát, hét sạch các lậu; Ta nói người kia là đại trượng phu. Vì sao? Vì tâm giải thoát. Nếu sống quán niệm thọ... tâm... pháp trên pháp; sống quán niệm thọ... tâm... pháp trên pháp rồi, tâm được lìa dục, tâm được giải thoát, sạch hét các lậu; Ta nói người kia là đại trượng phu. Vì sao? Vì tâm giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo đại trượng phu và chẳng phải đại trượng phu. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lòi Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 615 Tôi nghe như vày: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Tôn giả A-nan sáng sớm đáp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Dọc đường Tôn giả suy nghĩ: "Hôm nay, trước tiên ta đến chùa Ty-kheo-ni/9 Vị ấy liền đi đến chùa Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni từ xa thấy Tôn giả A-nan đến, vội vàng trải tòa mời ngồi. Các Tỳ-kheo-ni đảnh lễ chân Tôn giả A-nan, rồi lui ngồi một bên, bạch với Tôn giả: Bạch Tôn giả! Chúng con là những Tỳ-kheo-ni đang sống buộc tâm tu bốn niệm xứ, tự biết trước sau lên xuống. Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo-ni: -Lành thay! Lành thay! Thưa các cô. Như các cô đã nói và đã học, khi tu tập bốn niệm xứ, khéo buộc tâm an tru, phải biết trước sau lên xuống như thế. Lúc ấy, Tôn giả A-nan vì các Tỳ-kheo-ni thuyết pháp. Thuyết pháp xong, Tôn giả đứng lên ra về. Bấy giờ9 Tôn giả A-nan vào thành Xá-vệ khất thực, khất thực rồi trở về cất y bát, rửa chân xong, rồi đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, đem những lời nói của các Tỳ-kheo-ni thuật lại đầy đủ với Thế Tôn. Phật bảo Tôn giả A-nan: -Tốt lắm, tốt lắm! Nên học như thế, khéo buộc tâm an trú bốn niệm xứ, biết trước sau lên xuông. Vì sao? Vì tâm tìm câu bên ngoài, sau đó chê phục khiên tìm tâm ấy, nếu tâm tán loạn chẳng giải thoát, đều biết như thật. Nêu Tỳ-kheo sông quán niệm thân trên thân, sông quán niệm thân trên thân kia rồi; nêu thân mê ngủ5 tâm pháp biếng nhác, Tỳ-kheo ấy nên khởi lòng tin trong sạch, giữ lấy tướng thanh tinh; khởi lòng tin tronẹ sạch, nghĩ nhớ tướng thanh tịnh roi, tâm vui, vui roi sanh mừng, tâm mừng roi thời thân nhẹ nhàng, thân đã nhẹ nhàng thì được cảm giác an lạc nơi thân, đã được cảm giác an lạc nơi thân, thời tâm sẽ định. Thánh đệ tử tâm định nên học như vầy: "Tôi đối với nghĩa này nếu tâm

còn phân tán, bên ngoài thời nhiếp phục, khiến cho dừng nghi, không khởi giác tưởng; và đã quán tưởng, không giác, không quán, sống an lạc theo xả niệm, đã sống an lạc

theo xả niệm rồi, biết như thật?5 (Quán niệm về thọ, tâm, pháp cũng nói như thế). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lòi Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 616 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Hãy giữ lây tướng tự tâm, chớ khiên cho phân tán ra ngoài. Vì sao? Nêu Tỳ-kheo ngu si, chẳng biết rõ, chẳng khéo, chăng giữ lấy tướng nội tâm, mà năm bắt tướng bên ngoài thì Tỳ-kheo này sau đó sẽ thối giảm, tự sanh chướng ngại, ví như người đầu bếp ngu si chẳng hiểu biết, chẳng khéo léo hòa hợp gia vi thức ăn cho chủ; chua, mặn, lạt, ngọt chẳng hợp ý chủ thì không thể khôn khéo nắm lấy món ưa thích của chủ. Có các vị chua, mặn, lạt, ngọt hợp lại mà không đích thân hầu hạ kề cận bên chủ, dò xem chủ cần gì, để ý điều chủ ưa thích, biết được tâm ý của chủ rồi, tùy ý làm thức ăn5 hòa hợp gia vị để phục vụ cho chủ. Nếu không hợp ý, ông chủ không hài lòng, vì không hài lòng nên chẳng ban thưởng, cũng chẳng thương mến. Tỳ-kheo ngu si cũng như the, chăng hiêu biết, chẳng khéo léo, đối với sự sống, quán thân trên thân, không thể dứt trừ phiền não bậc thượng, chẳng thể nhiếp giữ tâm, nội tâm cũng chẳng được tịch tĩnh, chẳng được chánh niệm, chánh trí, thắng diệu, lại cũng chẳng được bốn thứ tâm pháp tăng thượng, hiện tại trụ an lạc, chưa được Niết-bàn an Ôn. Đây gọi là Tỳ-kheo ngu si chăng hiêu biêt, chăng khéo léo, không thê khéo nhiếp giữ tướng nội tâm, mà nắm bắt tướng bên ngoài, tự sanh chướng ngại. Nếu có Tỳ-kheo trí tuệ, biện tài, phương tiện khéo léo, nhiếp giữ nội tâm, rồi sau đó nắm bắt tướng bên ngoài; Tỳ-kheo này về sau hoàn toàn chẳng thối giảm, hoặc tự sanh chướng ngại. Ví như người đầu bếp khôn ngoan, hiểu biết, khéo léo, tìm cách hòa h% gia vi vào thức ăn cho chủ vừa miệng. Có các vi chua, ngọt, lạt, mặn, v.v... đe ý chủ thích vị nào, khéo léo làm vừa lòng chủ. Chủ đã vừa lòng roi thì chác chăn sẽ được khen thưởng và được yêu mên gáp bội. Như thê là người đầu bếp khôn ngoan, khéo léo nắm lấy tâm của ông chủ. Tỳ-kheo cũng như thế, đối với sự sống quán niệm thân trên thân, dứt phiền não bậc thượng, khéo thu nhiếp tâm, nội tâm dừng lặng, chánh niệm, chánh tri, được bốn thứ tâm pháp tăng thượng, hiện tại trụ pháp an lạc, đắc chỗ chưa đắc là Niết-bàn an ổn. Đây gọi là Tỳ-kheo có trí tuệ, biện tài, phương tiện thiện xảo, nhiếp giữ tướng nội tâm, nhiếp giữ tướng bên ngoài, trọn chẳng thối giảm không bị chướng ngại. (Quán niệm về thọ, tâm, pháp cũng nói như thế). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

524 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Thời quá khứ có một con chim tên là La-bà, bị chim ưng xớt bắt bay lên hư không. Chú chim này kêu la giữa hư không: “Vi ta không cảnh giác mới gặp nạn này, bởi ta lìa cảnh giới của cha mẹ mà đi chơi chỗ khác nên mới bị nạn này. Hôm nay ta bi kẻ khác làm khốn khổ, không được tự do." Chim ưng bảo La-bà: -Ngươi ở đây để có được cảnh giới tự do? La-bà đáp: -Tôi ở đồng ruộng, thung lũng là những nơi không có tai nạn5 đó là cảnh giới của cha mẹ nhà tôi. Chim ưng tỏ vẻ kiêu mạn đôi với La-bà, bảo: Được, ta cho ngươi trở về đồng ruộng, thung lũng, coi ngươi có thể thoát được tay ta không? Khi ây, chim La-bà thoát khỏi móng

vuôt của chim ưng trở vê đông ruộng, thung lũng, núp dưới một khối đất to và ở yên nơi ấy. Sau đó5 ở trên khối đất to, La-bà muốn đánh nhau với chim ưng. Chim ưng bèn nổi giận mắng: “Nguôi là loài chim nhỏ mà muốn đánh nhau với ta sao?" Chim ưng quá đỗi tức giận bay vọt lên, lao thẳng tới. Ngay lúc ấy, La-bà núp dưới khối đất to; chim ưng đang đà lao tới, ngực bị đụng vào khối đất cứng, nát thân chết liền. Trong khi đó, chưn La-bà nằm sâu dưới khối đất to, ngẩng lên nói kệ: Chim ưng bay mạnh đến, La-bà nương chỗ mình, Vì tức giận đùng đùng, Gây nên họa nát thân. Ta đầy đủ sáng suốt, Nương ở chỗ của mình, Dẹp oán, tâm tùy hỷ, Tự xét vui sức mình. Người dẫu có hung ác? Sức trăm ngàn long tượng, Chẳng bang trí tuệ ta, Của một phần mười sáu, Xem trí ta thù thắng, Tiêu diệt được chim ưng. Cũng vậy, Tỳ-kheo giông chim La-bà kia, ngu si bỏ cảnh giới thân thuộc của cha mẹ, dạo chơi nơi khác, đến nỗi bị tai nạn. Các Tỳ-kheo cũng nên như thế, phải ở chính nơi cảnh giới của mình, nên khéo giữ gìn, tránh xa cảnh giới khác. Đây là điều cần phải học. Này các Tỵ-kheo! Chỗ khác, cảnh giới khác, đó là cảnh giới của năm dục: Nhãn thức thây sác đẹp khả ý, ưa thh, tâm tham muốn dính mắc; tai biết tiếng...; mũi biết mùi...; lưỡi biết vi...; thân biết xúc, khả ý, ưa thích, tâm tham muốn, dính mắc. Đây gọi là Tỳ-kheo ở chỗ khác, cảnh giới khác.

KINH TẠPA-HÀM 525

Này các Tỳ-kheo5 tự ở nơi cảnh giới của cha mẹ? nghĩa là bốn niệm xứ. Những gì là bon? Đó là thân thân quán niệm xứ, thọ... tâm... pháp pháp quán niệm xứ. Như thế, Tỳ-kheo hãy tự ở nơi cảnh giới của cha mẹ mà tự dạo đi, tránh xa chỗ khác, cảnh giới khác. Hãy nên học. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 618 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Đôi với bôn niệm xứ tu tập nhiêu sẽ đạt được bôn quả Thánh và bôn loại phước lợi. Những gì là bốn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm5 quả A-nahàm5 quả A-la-hán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 619 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật ở nước Câu-tát-la? đi du hành trong nhân gian, trong rừng Thân-thứ, phía Bắc làng Tư-già-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Thời quá khứ có một thầy khéo làm phướn, dựng cây phướn trên vai và bảo học trò: "Các con hãy trèo lên, trụt xuống cây phướn giữ gìn giúp ta, ta cũng giữ gìn giúp các con, đắp đổi giữ gìn nhau mà dạo đi làm trò vui thì sẽ kiếm được nhiều tiền ciỉa." Lúc ấy, người học trò thưa thầy: “Bâu băng nói như thê này: 'Chí cân môi người tự giữ gìn lây, đi dạo làm trò vui thì sẽ kiếm được nhiều tiền của, thân được thư thả mà lên xuống an Sn. Ông thầy đáp: "Đúng như lời con nói: 'Mỗi người tự giữ gìn\ nhimg nghĩa này cũng như thầy nói. Ngay lúc mình tự giữ gìn, tức là đã giữ gìn giúp người khác, lúc người khác tự giữ gìn cũng chính là giữ gìn giúp mình; tâm tư gân gũi, giúp nhau tu tập chứng đắc. Đây gọi là tự giữ gìn và giữ gìn giúp người. Thế nào giúp người tức tự giúp mình? Không khủng bố người khác, không chống trái người khác, không hại người khác, có từ tâm thương xót người. Đây gọi là giúp người tức tự giúp mìĩlh.^, Thế nên Tỳ-kheo cần phải học như vậy. Người tự giúp mình tu bốn niệm xứ, người giúp

kẻ khác cũng tu bon niệm xứ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 620 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Trong núi Tuyết lớn, là nơi hiêm trở băng giá, khỉ, vượn sông cũng không được, huống là người, hoặc lại núi có khỉ, vượn ở mà không có người, hoặc lại núi có người và thú ở chung. Tại chỗ khỉ, vượn ở, thợ săn lấy keo phết lên cỏ. Khỉ, vượn có con khôn ngoan tránh xa bỏ di, còn những con ngu si không biết tránh xa, đưa tay chạm chút xíu, liền bị keo dính tay. Rồi lấy tay này gỡ tay kia để thoát, nên dính cả hai tay, lại dùng chân để gỡ, hai chân dính luôn, dùng miệng cắn cỏ, miệng cũng bị keo dính chặt, năm chỗ đều bị dính keo co rút lại, nằm lăn trên đất. Thợ săn đi đến, vội lấy gậy bỏ vào khiêng đi. Tỳ-kheo nên biết, bọn khỉ, vượn ngu si rời chỗ ở của minh, chỗ ở của cha mẹ, dạo đi nơi khác, nên bị khổ não ấy. Cũng thế, này các Tỳ-kheo phàm phu ngu si, nương náu trong làng xóm, sán^ sớm đắp y, ôm bát vào làng khất thực, chẳng khéo giữ gìn thân và các căn, mat thấy sắc liền sanh nhiễm trước, tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vj, thân với xúc đều sanh nhiễm trước. Tỳ-kheo ngu si có căn bên trong và cảnh bên ngoài đã bi năm thứ ràng buộc phải theo ý muốn của ma. Thế nên, Tỳ-kheo phải học tập như vầy: "Hãy tự ở yên và nương náu chỗ ở của cha mẹ mình, chớ đi đen chỗ khác và cảnh giới khấc." Thế nào là Tỳ-kheo tự dạo đi trong chỗ ở của cha mẹ? Đó là trụ trong bốn niệm xứ: Thân thân quán niệm trụ, thọ..., tâm..., pháp pháp quán niệm trụ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 621 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Ton giả A-nan cùng với nhiều vị Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật; cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, Tôn giả A-nan bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo trẻ tuổi này nên dạy dỗ họ như thế nào, thuyết pháp cho họ như thế nào? Phật bảo Tôn giả A-nan: Đôi với các Tỳ-kheo trẻ tuôi này, thây nên đem bôn niệm xứ dạy họ tu tập. Thế nào là bốn? Nghĩa là sống quán niệm thân trên thân, phương tiện tinh cần, chẳng buông lung, chánh trí, chánh niệm, tâm tịch tinh an định... biết sống quán niệm thân, thọ..., tâm..., pháp trên pháp, phương tiện siêng năĩiệ, chẳng buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm lặng lẽ... biết pháp. Vì sao? Nêu Tỳ-kheo còn ở địa vi Hữu học, khi chưa được tiến lên chí cầu Niết-bàn an ổn, thời nên sống quán niệm thân trên thân, phương tiện tinh cần, không buông lung, chánh niệm,

chánh trí, tâm tịch tịnh; sông quán niệm thọ... tâm... pháp trên pháp, phương tiện tinh cần, không buông lung chánh niệm, chánh trí, tâm tịch tinh... đối với pháp được xa lìa. Nấu bậc A-la-hán, các lậu đã hết sạch, việc làm đã xong, đã bỏ hết gánh nặng xuống, dứt hẳn các kiết sử, chánh trí, thiện giải thoát. Chính khi ấy, A-la- hán cũng tu quán niệm thân trên thân, phương tiện tinh cần, không buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm tịch tịnh; sống quán niệm thọ... tâm... pháp trên pháp, cho đến đối với pháp được

xa lìa. Bấy giờ, Tôn giả A-nan vui mừng đảnh lễ, lui ra.

KINH SỐ 622 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Bạt-kỳ, du hành trong nhân gian, đến nghỉ trong vườn Am-la5 nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, nàng kỹ nữ Am-la nghe tin đức Thế Tôn du hành tò Bạt-kỳ đến ở vườn Am-la, vội vàng sắm sửa xe cộ ra khỏi thành Tỳ-xá-ly để đến chỗ Phật, cung kính cúng dường. Khi đến cửa vườn Am-la, nàng xuống xe đi bộ, từ xa thấy Thế Tôn đang thuyết pháp giữa đại chúng vây quanh. Thế Tôn từ xa thấy nàng Am-la sắp đến, bảo các Tỳ-kheo: -Này các Tỳ-kheo! Các thây nên chuyên cân, nhiệp tâm an trụ, chánh niệm, chánh trí. Hôm nay có co Am-la đến, nên Ta phải dặn dò các thầy. Thế nào là Tỳ-kheo chuyên cần, nhiếp tâm an trụ? Là nếu Tỳ-kheo đối với pháp ác bất thiện đã sanh nên đoạn dứt, sanh ý muốn, phương tiện tinh tấn, nhiếp tâm. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, đừng để sanh, pháp thiện chưa sanh làm phát sinh, pháp thiện đã sanh làm cho tăng trưởng chẳng mất; tu tập đầy đủ, sanh ý muốn phương tiện, tinh cần nhiếp tâm. Đây gọi là Tỳ-kheo tinh cần trụ nhiếp tâm. Thế nào gọi là Tỳ-kheo có chánh trí? Nghĩa là nếu Tỳ-kheo trong oai nghi tới, lui, thường theo chánh trí, quay nhìn xem, trông, co, duỗi, ngước, cầm y bát, di, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói5 im lặng, đều sống theo chánh trí. Đây là chánh trí. Thế nào là chánh niệm? Nghĩa là nếu Tỳ-kheo sống quán niệm nội thân trên thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu của thế gian. Như thế sống quán niệm thọ... tâm... pháp trên pháp, tinh cần, phương tiện, • chánh . trí, chánh niệm, điều phục tham r ưu của the gian.r Đây gọi là Tỳ-kheo \ chánh niệm. Hôm nay có kỹ nữ Am-la đên đây nên Ta nhác nhở các thây. Khi nàng Am-la đến chỗ Thế Tôn; cúi đầu đảnh lễ Phật, rồi lui đứng một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì nàng thuyết pháp, chỉ dạy soi sáng, làm cho vui mừng; sau đó Ngài im lặng. Nàng Am-la sửa lại y phục tề chỉnh đảnh lễ Phật, chắp tay bạch Phật:

Xin Thế Tôn và đại chúng nhận lời con thỉnh cúng dường trưa mai. Khi ấy, Thế Tôn im lặng nhận lời. Nàng Am-la biết Thế Tôn đã im lặng nhận lòi, cúi đầu lễ Phật rồi cáo từ về nhà? sửa soạn thức ăn? sắp xếp bàn ghế. Sáng sớm hôm sau nàng cho người đến bạch Phật: "Đã đến giờ?9 Bấy giờ, Thế Tôn và đại chúng cùng đi đến nhà nàng Am-la và an tọa xong, nàng Am-la tự tay cúng dường các thức ăn uống. Sau khi chư vị ăn xong, rửa tay, rửa bát; nàng Am-la đặt một cái ghê nhỏ ngôi trước Phật, nghe Phật thuyêt pháp. Bấy giờ, Thế Tôn vì nàng Am-la nói kệ tùy hỷ: Bố thí được người mến, Được nhiều người theo cùng, Tiếng tăm ngày thêm cao, Gần xa đều nghe khắp. Trong chúng thường hòa nhã, Lìa xan không sợ hãi, Thế nên trí tuệ thí, Đoạn sạch hết xan lẫn, Saiứi cõi trời Đao-lợi9 Luôn luôn hưởng khoái lạc. Suốt đời thường tu đức, Vui chơi vườn Nan- Đủ trăm thứ nhạc trời. Năm dục thỏa tâm kia, Kia ở nhân gian này, Được nghe Phật thuyết pháp, Làm đệ tử Thiện Thệ, Vui thích được hóa sanh. Thế Tôn thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng làm cho vui mừng xong, Ngài đứng dậy ra về.

KINH SỐ 623 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại9 trong vườn Lộc Dã, nơi trú xứ của tiên nhơn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Các săc đẹp thê gian, người có săc đẹp thê gian có thê khiên cho nhiêu người tụ tập đe ngam nhìn chăng? Các

Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Phật bảo các Tỳ-kheo: Nêu sắc đẹp thế gian, người có sắc đẹp thế gian lại biết múa hát ca nhạc, càng làm cho nhiều người tụ tập để xem không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu có sắc đẹp thế gian, người có sắc đẹp thế gian ở một chỗ ca múa, vui đùa, lại có đông người tụ tập một nơi thì cũng có người không ngu, không si, ưa vui, chán kho, tham song, sợ chết, hoặc có người nói với người ấy rằng:

KINH TẠPA-HÀM 529

"Anh hãy bưng cái bát đầy dầu này, đi qua giữa người đẹp và đám đông. Giả sử có kẻ sát nhơn cầm gươm theo sau anh, nếu anh làm rơi một giọt dầu, liền bị chém dầu.” Thế nào, các Tỳ-kheo? người bimg bát dầu ấy có thể không nghĩ đến bát dầu, không nghĩ đến kẻ sát nhơn mà nhìn xem kỹ nữ và đại chúng kia chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì kẻ ấy tự thấy ở sau mình có người câm dao chực săn, nên luôn luôn nghĩ răng: uNêu ta làm rơi một giọt dâu thì đao phủ sẽ chém đầu ta." Kẻ ấy chỉ để hết tam tư chu ý vào bát dầu5 bước đi cham chậm ở giữa đại chúng và mọi thứ sắc đẹp thế gian chẳng dám quay nhìn liếc ngó. Như thế, này các Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn và Bà-la-môn chánh thân, tự trọng, tâm niệm chuyên nhất, chẳng để ý đến âm thanh sắc tướng, khéo thu nhiếp tất cả tâm, pháp, trụ thân niệm xứ, thời đó là đệ tử của Ta, vâng lời Ta dạy. Thế nào là Tỳ-kheo chánh thân tự trọng, tâm niệm, chuyên nhất, chẳng để ý đến thanh sắc, nhiếp trì tất cả tâm pháp, trụ thân niệm xứ? Nghĩa là Tỳ-kheo quán niệm thân trên thân, tinh cần phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. sống quán niệm thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng lại như vậy. Đây gọi là Tỳ-kheo chánh thân tự trọng, tâm niệm chuyên nhất, chẳng để ý thanh sắc, khéo nhiếp trì tâm pháp, trụ bốn niệm xứ. Bay giơ, The Ton noi kẹ: Chuyên tâm chánh niệm, Giữ gìn bát dầu, Tự tâm theo giữ, Chưa từng đến đích. Thật khó vượt qua, Thắng diệu vi tế, Những điều Phật dạy, Như lời gươm bén, Cần phải một lòng, Chuyên tinh gìn giữ, Chẳng phải phàm phu, Theo việc buông lung, Vào được ngôn giáo Bất phóng dật này. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 624 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả uất-đề-ca đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Lành thay, đức Thế Tôn! Xin vì con nói pháp. Sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, suy nghĩ lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, có lòng tin chơn chánh, sống không nhà, xuất gia học đạo.

530 KINH TẠP A-HÀM

9 (Nói rộng như trên,... chăng thọ thân sau). Phật bảo Tôn giả uất-đề-ca: Đúng thế, đúng the! Như lời thầy nói, người chỉ nghe lời thuyết pháp của Ta, chẳng làm Ta hài lòng, sự nghiệp của kẻ ây cũng chăng thành tựu, tuy kẻ ây đi theo sau Ta mà chẳng được lợi ích, trái lại còn sanh chướng ngại. Tôn giả uất-đề-ca bạch Phật: Thế Tôn nói như thế, con chắc có thể làm vui lòng Thế Tôn, sự nghiệp được thành tựu chẳng sanh chướng ngại. Xin Thế Tôn vì con nói pháp, con sẽ một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư

duy, sống không buông lung. ọ y (Nói rộng như trên,... chăng thọ thân sati). Hai ba lân thưa thỉnh như vậy. r r Bay giơ, The Ton bao Ton giả Uat-de-ca: Trước tiên thầy nên tẩy sạch nghiệp cd, sau đó tu tập Phạm hạnh. Tôn giả uất-đề-ca bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con nay làm sao tẩy sạch nghiệp cũ để tu tập Phạm hạnh? Phật dạy Tôn giả uất-đề-ca: Trước tiên thầy nên giữ giới trong sạch, chánh kiến, đầy đủ ba nghiệp, sau đó tu tập bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là sống quán niệm nội than trên thân, chuyên cân tinh tấn, chánh trí, chánh niệm, điêu phục tham ưu thế gian. Cũng thế, sống quán niệm ngoại thân, nội ngoại thân trên thân, sống quán niệm thọ... tâm... pháp trên pháp, (cũng nói rộng như thế). Tôn giả uất-đề-ca nghe Phật dạy xong, vui mừng đảnh lễ lui ra. Sau khi nghe Phật chỉ dạy, Tôn giả uất-đề-ca một mình ở chỗ vắng chuyên tinh tư duy, sông không buông lung, tự suy nghĩ lý do khiên người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa5 có lòng tin chơn chánh, sống không nhà? xuất gia học đạo... chẳng thọ thân sau. (Như những điều Tôn giả Uất-đề-ca hỏi, Tỳ-kheo khác hỏi, Phật cũng nói như the).

KINH SỐ 625 Tôi nghe như vày: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo tên là Bà-lê-ca đi đến chỗ Phật; cúi đầu lễ chân Phật, roi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, lành thay! Thế Tôn, xin vì con nói pháp! Như Thế Tôn đã nói với Tôn giả uất-đề-ca trước đây một cách rộng rãi; chỉ có khác là: Như thê, Tỳ-kheo Bà-lê-ca nghiệp cũ trong sạch, sống quán niệm thân trên thân thì vượt qua Ác ma5 sống quán niệm thọ... tâm... pháp trên pháp thì vượt qua Ác ma.

KINH TẠPA-HÀM 531

Tỳ-kheo Bà-lê-ca nghe Phật thuyết pháp chỉ dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ lui ra. Tỵ-kheo một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sông không buông lung... chẳng thọ thân sau.

KINH SỐ 626 (Kinh thứ hai cũng nói như kỉnh trên, chỉ khác là Tkheo vượt qua sanh tử).

KINH SỐ 627 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà đi đến chỗ Phật; cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi mọt bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo còn ở học địa chưa được tiến lên Niết-bàn an ôn, mà cô găng, tìm cách đạt tới thì vi Thánh đệ tử này nên làm thê nào ở trong Chánh pháp, Luật, tu tập, tu tập nhiều, dứt sạch hết các lậu... tự biết không còn thọ thân sau? Phật bảo Tôn giả A-na-luật: Nếu Thánh đệ tử còn ở học địa chưa được tiến lên Niết-bàn an ổn và tìm cách cố gắng đạt tới, bấy giờ người ấy nên sống quán niệm nội thân trên thân, tinh cần phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Cũng thế, sống quán niệm thọ... tâm... pháp trên pháp, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Như thế, Thánh đệ tử tu tập nhiều rồi, sạch hết các lậu... tự biết không còn thọ thân sau. Sau khi nghe Phật dạy xong, Tôn giả A-na-luật hoan hỷ5 tùy hỷ5 làm lễ rồi lui ra.

KINH SỐ 628 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất, các Tôn giả Ưu-đà- di, A-nan-đà cũng ở tại đó. Bấy giờ, Tôn giả ưu-đà-di đến chỗ Tôn giả A-nan, ân cần hỏi thăm nhau xong, Tôn giả ưu-đà-di lui ngồi một bên, nói với Tôn giả A-nan: Như Lai, ứng Cling, Đẳng Chánh Giác, do tri kiến của Ngài, đã vì các Tỳ- kheo nói Thánh giới khiến cho chẳng dứt, chẳng thiếu, chẳng chọn lựa, chẳng lia, chẳng chấp thủ giới, khéo gìn giữ trọn vẹn, được bậc trí khen ngợi, chẳng bị ghét bỏ. Vì sao? Với tri kiến Như Lai, ứng Cung, Đẳng Chánh Giác vì các Tỳ- kheo nói Thánh giới khiến cho chẳng dứt, chẳng thiếu, chẳng lựa chọn, chẳng xa lìa, chẳng chấp thủ giới, khéo cứu cánh, khéo thọ tri, được bậc trí khen ngợi, chẳng bi ghét bỏ.

532 KINH TẠPA-HÀM

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả ưu-đà-di: -Vì tu bốn niệm xứ vậy. Những gì là bốn? Đó là sống quán niệm thân trên thân, sống quán niệm thọ... tâm... pháp trên pháp. Hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người trở về chỗ của mình.

KINH SỐ 629

Tôi nghe như vay:

Một thời, Phật tru tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Tôn giả A-nan và

Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở tại đó.

Khi ấy, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:

Có pháp tu tập9 tu tập nhiều được không thối chuyển chăng?

Tôn giả A-nan đáp: -Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể khiến người tu hành không còn thối chuyển. Đó là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Là sống quán niệm thân trên thân, sống quán niệm thọ... tâm... pháp trên pháp. Bây giờ, hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, trở vê chô của mình.

KINH SỐ 630 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Khi ấy, Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở tại đó. Một hôm, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan: Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh không thanh tịnh được thanh tịnh và trở thành tươi sáng chăng? Tôn giả A-nan đáp: -Có pháp tu tập, tu tập nhiêu có thê khiên cho chúng sanh không thanh tịnh được thanh tịnh và trở thành tươi sáng. Đó là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là sống quán niệm thân trên thân, sống quán niệm thọ... tâm... pháp trên pháp. Hai Tôn giả đàm đạo xong, mỗi người trở về chỗ của mình.

KINH SỐ 631

Tôi nghe như vay:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Khi ấy, Tôn giả

A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở đó.

Một hôm, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:

KINH TẠPA-HÀM 533

-CÓ pháp tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh chưa qua bờ bên kia, được qua bờ bên kia chăng? Tôn giả A-nan đáp: Có pháp tu tập, tu tập nhiêu có thê khiên

cho chúng sanh chưa qua bờ bên kia, được qua bờ bên kia. Đó là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là sống quán niệm thân trên thân, sống quán niệm thọ... tâm... pháp trên pháp. Bấy giờ hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người trở về chỗ của mình.

KINH SỐ 632

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Khi ấy, Tôn giả

A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở đó.

Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:

—Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể đắc quả A-la-hán chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

-Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể đắc quả A-la-hán. Đó là bốn niệm xứ.

Những gì là bốn? Đó là sống quán niệm thân trên thân, sống quán niệm thọ...

tâm... pháp trên pháp.

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người trở về chỗ của mình.

KINH SỐ 633 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Tất cả pháp đã được nói, tất cả pháp đó là bốn niệm xứ. Đay gọi là chánh thuyết. Những gì là bốn? Đó là sống quán niệm thân trên thân, sống quán niệm thọ... tâm... pháp trên pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 634 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Bây giờ, Thê Tôn bao các Ty-kheo: — Nếu Ty-kheo đối với bốn niệm xứ, tu tập, tu tập nhiều, gọi là Hiền thánh xuất ly. Những gì là bốn? Đó là sống quán niệm thân trên thân, sống quán niệm thọ.tâm. pháp trên pháp. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

534 KINH TẠPA-HÀM

(Như xuất ly; cũng vây, chỉnh thức hết khổ, giải thoát khổ, được quả vỉ lớn, được phước lợi lớn, được pháp cam lộ, cứu cánh cam lộ, chửng pháp cam lộ, cũng nói rộng như the).

KINH SỐ 635 y

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Ạ _ • ỵ_ ỉ Ạ rry Ạ L? _ L _ _ _ A 1 _ Bây giờ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo đối với bốn niệm xứ tu tập, tu tập nhiều khiến chúng sanh chưa thanh tinh được thanh tịnh, chúng sanh đã thanh tịnh khiên cho càng thêm tươi sáng. Những gì là bốn? Đó là sống quán niệm thân trên thân, sống quán niệm thọ... tâm... pháp trên pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. r (Như thanh tịnh chúng sanh; cũng vậy chúng sanh chưa qua bờ kia khiên cho qua, đác A-la-hán, đác Bích-chỉ Phật, đác Vô thượng Bô-đêf cũng nói như trên).

KINH SỐ 636 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Ta sẽ vì các Tỳ-kheo nói về tu bốn niệm xứ. Thế

nào là tu bốn niệm xứ? Này các Tỳ-kheo! Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời diễn nói Chánh pháp, lời nói ban đầu, khoảng giữa và sau rốt, tất cả đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị? thuần nhất, hoàn toàn thanh tịnh, Phạm hạnh được phô bày. Nêu có thanh niên hay thiếu nữ con nhà nê nép theo Phật nghe pháp, có lòng tin trong sạch, tu học như thê roi thì họ nhận thấy sự kết hợp tại gia là lầm lỗi của dục lạc, là phiền não ràng buộc, thích sông ở nơi văng vẻ, liên xuất gia học dạo, chăng ưa ở nhà, mà sông không nhà, tha thiết muốn một bề thanh tịnh, suốt đời thuần nhất, hoàn toàn trong sạch, Phạm hạnh trong sáng: "Ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học dạo.” Suy nghĩ như thế rồi, người thanh niên hay thiếu nữ ấy liền xả bỏ tiền tài, thân thuộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, tu tập thân nghiệp đoan chánh, giữ gìn, tránh bốn lỗi lầm của miệng, sống một cuộc sống chơn chánh, thanh tinh, tập quen giới Hiền thánh, giữ gìn các căn môn, chánh niệm, hộ tâm. Khi mắt thấy sắc chẳng giữ lấy hình tướng; nếu đối với mắt không giữ luật nghi thì tham ưu thế gian, pháp ác bất thiện thường lọt vào tâm. Nhung hiện

nay, nơi mắt giữ luật nghi chơn chánh; nơi tai, mũi, lưỡi, thân, ý giữ luật nghi chơn chánh, cũng như thế. Người kia do thành tựu giới luật Hiền thánh, khéo nhiếp thủ các căn, đi lại, đi qua, quay nhìn, co duỗi, nằm ngồi, thức ngủ, nói năng, im lặng đều trụ ở trong chánh trí. Người kia thành tựu Thánh giới này, thủ hộ các căn môn, chánh trí, chánh niệm, tịch tĩnh xa lìa, đen nơi vang vẻ ngồi nơi cội cây, trong phòng vắng, ngồi một minh, chánh thân, chánh niệm, buộc tâm an trụ, đoạn tham ưu thế gian, lìa tham dục, trừ sạch tham dục, dứt sự ngăn che của sân giận, thùy miên, trạo hối, nghi. Đã tinh trừ được sự ngăn che của sân giận, thùy miên, trạo hối, nghi thời đoạn trừ năm thứ ngăn che não loạn tâm, nhưng tuệ lực còn kém, còn các chướng ngại, chưa đến Niết-bàn. Thế nên, cần phải sống quán niệm nội thân trên thân, tinh cần phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Cũng thế, sống quán niệm ngoại thân, nội ngoại thân, (... thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng nói như thẽ). Đây gọi là Tỳ-kheo tu bôn niệm xứ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 637 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nên tu bôn niệm xứ (nói rộng như trên, chỉ khác là... như thê xuất gia, rồi ở nơi yên tinh, tuân theo giới luật, thực hành luật nghi đầy đủ, đối với tội lỗi nhỏ nhặt cũng sanh lòng sợ hãi, lãnh thọ, gìn giữ học giới, lìa sát sanh, dứt sát sanh, chẳng ưa sát sanh, cho đến tất cả nghiệp tích, như trước đã nói, y bát luôn ở bên mình, như chim có hai cánh). Như the học giới thành tựu tu bon niệm xứ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 638 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang trú trong làng Ma-la, thuộc nước Ma-kiệt-đà, lâm bệnh và vào Niết-bàn. Sa-di Thuần-đà chăm sóc, cúng dường. Tôn giả

Xá-lợi-phất nhân bệnh thị tịch. Sa-di Thuần-đà sau khi cúng dường Tôn giả Xá-lợi-phất9 nhặt lấy Xá-lợi còn lại, mang theo cùng với y bát đến thành Vương Xá. Đến nơi cất y bát, rửa chân xong, Sa-di Thuần-đà đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đảnh lễ rồi lui đứng một bên? thưa: Bạch Tôn giả! Hòa thượng của con là Tôn giả Xá-lợi-phất đã Niết-bàn, con đem Xá-lợi và y bát về đây.

Tôn giả A-nan nghe Sa-di Thuần-đà báo tin ấy rồi, liền đi đến chỗ Phật, bạch rằng: -Bạch Thế Tôn! Hôm nay con tưởng chừng thân thể rã rời, bốn phương đổi khác, mờ ám, nghẹn ngào không nói nên lời, Sa-di Thuần-đà nói với con là Tôn giả Xá-lợi-phất đã Niết-bàn, Thuần-đà có đem Xá-lợi và y bát về. Phật dạy: Thế nào A-nan, Xá-lợi-phất đem cái thân đã thọ giới thị tịch Niết-bàn, hay là định thân, tuệ thân, giải thoát thân, hay giải thoát tri kiến thân Niết-bàn? Tôn giả A-nan bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, không! Phật bảo A-nan: -Nếu đối với pháp Ta tự biết và khi thành Đẳng chánh giác, Ta đã nói: Đó là bốn niệm xứ, bốn chánh đoạn, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi và tám Thánh đạo, những pháp này có Niết-bàn không? Tôn giả A-nan bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, không! Tuy chẳng đem cái thân thọ giới... các pháp đạo phàm mà Niêt-bàn? nhưng Tôn giả Xá-lợi-phât giữ giới, học nhiêu, ít muôn, biết đủ, thường tu hạnh viễn ly5 tinh cần, phương tiện, nhiếp niệm an trụ, nhất tâm chánh định, trí tuệ bén nhạy, trí tuệ sâu xa, trí tuệ siêu việt, trí tuệ phân biệt, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ rất sâu, trí tuệ không ai bằng, trí báu thành tựu, hay chỉ bày, hay dạy dỗ, hay soi sáng, hay làm cho vui mừng, khéo léo khen ngợi, vì chúng nói pháp. Thế nên, thưa Thế Tôn, con vì pháp, vì người lãnh thọ giáo pháp, cảm thây buôn râu, khô não. Phật dạy: -A-nan chớ buồn rầu khổ não! Vì sao? Hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc tạo tác đều là pháp hữu vi bại hoại, đâu được chẳng hư hoại, muốn khiến cho chẳng hoại, việc này không thể có được. Ta đã nói từ trước, tất cả các vật yêu thích, những việc hợp ý, tất cả đều là pháp trái lìa, chẳng thể giữ mãi. Ví như cội cây to, rễ, cành, nhánh, lá, hoa, trái sum suê tươi tốt, cành lớn gãy trước như núi báu lớn, núi lớn hùng vĩ sụp đổ trước. Như thế, như trong hàng đại chúng quyến thuộc của Như Lai, đại Thanh văn vào Niết-bàn trước. Nếu phương kia có Xá- lợi-phất an trụ thì ở phương ấy Ta vô sự, nhưng nơi ấy Ta vẫn có mặt vì có Xá-lợi-phất vậy. Ta đã nói trước, nên này A-nan, như từ trước Ta đã nói, tất cả những thứ ưa thích, hợp ý đều là pháp biệt ly? bởi thế nên A-nan, đừng quá buồn rầu. A-nan nên biết, Như Lai chẳng bao lâu cũng sẽ ra đi. Thế nên A-nan hãy tự mình làm hòn đảo và tự nương tựa, hãy lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa, đừng lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, đừng nương tựa chỗ nào khác. Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình? The nào là lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa? Thế nào là không lấy cái khác làm hòn đảo, không nương tựa cái khác? Phật đáp: Nếu Tỳ-kheo sống quán niệm thân trên thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu the gian; cũng vậy, song quán niệm ngoại thân, nội ngoại thân... (thọ, tâmf pháp trên pháp, cũng nói như the). A-nan! Đây gọi là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình, tự lấy

pháp làm hòn đảo, tự lấy pháp làm chỗ nương tựa, không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 639 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ma-thâu-la, ven bờ sông Bạt-dà-la, trong rừng Am-la râm mát. Khi Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vào Niết-bàn chưa bao lâu. Lúc ấy, vào ngày rằm Bố-tát, Thế Tôn ở trước đại chúng trải tòa, ngồi xuống, nhìn khắp hết chúng hội và nói: -Ta nhìn đại chúng thấy đã trống không, bởi vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền- liên đã vào Niết-bàn. Chúng Thanh văn của Ta, chỉ hai người này khéo thuyết pháp, giáo giới, dạy dỗ, biện thuyết đay đủ. Có hai thứ tài bảo là tiền tài và pháp tài. Tiền tài thì từ người thế gian tìm cầu, pháp tài thì từ Xá-lợi-phất và Mục- kiền-liên tìm cầu. Như Lai đã lìa tiền tài và pháp tài. Các thầy chớ vì Xá-lợi- phất và Mục-kiền-liên Niết-bàn mà buồn rầu khổ não. Ví như cây to, rễ, cành, nhánh, lá, hoa trái, sum suê tươi ,nhánh lớn gãy trước; cũng như núi báu lớn sụp đổ trước. Như thế, trong đại chúng của Như Lai, hai vi đại Thanh văn Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vào Niết-bàn trước. Thế nên, các Tỳ-kheo, các thầy chớ sanh buồn rầu khổ não, đâu có pháp sanh, pháp khởi, pháp tác, pháp làm ra, pháp bại hoại, mà không tiêu mất; muốn khiến cho không hoại, điều này không thể có được. Ta từ trước đã nói: "Tất cả vật đáĩiệ yêu thích đều đi đến tan lia." Chẳng bao lâu nữa Ta cũng sẽ ra đi. Vì thế các thay nên tự làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình, hãy lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa, không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác. Nghĩa là sống quán niệm nội thân trên thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian; cũng vậy sống quán niệm ngoại thân, nội ngoại thân; thọ... tâm... pháp trên pháp, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Đây gọi là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình, tự lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa, không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 640 Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan: Nước Ma-thâu-la này, tương lai sẽ có con của thương nhân tên là Quật-đa. Quật-đa có con tên là Ưu-ba Quật-đa, sau khi Ta diệt độ một trăm năm sẽ làm Phật sự, là bậc nhất trong các Giáo thọ sư. Này A-nan! Thầy có thấy tùng lâm màu xanh đàng xa kia không? A-nan bạch Phật: -Vâng, con đã thấy! Bạch Thế Tôn! A-nan! Nơi ấy gọi là núi Ưu-lưu-man-trà9 sau khi Như Lai diệt độ một trăm năm, tại núi này có Na-tra-bạt-trí-ca là nơi thanh vắng. Nơi này thích hợp bậc nhất với sự tịch mặc im lặng. Khi ấy, Thế Tôn nghĩ rằng: "Nếu Ta đem giáo pháp của Ta phó chúc cho loài người, e giáo pháp của Ta không được tồn tại lâu dài; nếu phó chúc cho loài trời, e giáo pháp của Ta cũng chẳng tồn tại lâu dài, nhân dân ở the gian chắc chắn sẽ không có người lãnh thọ giáo pháp. Nay Ta sẽ đem Chánh pháp giao phó cho người, trời; chư thiên và người thế gian cùng nhiếp thọ pháp, giáo pháp của Ta sẽ ngàn năm bền vững. Lúc Thế Tôn khởi tam thế tục, trời Đe-thích và Tứ Thiên Vương biết được tâm niệm của Phật, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một

bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo trời Đế-thích và Tứ Thiên Vương: Như Lai không bao lâu sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Sau khi Ta Bát-niết-bàn, các ông nên hộ trì Chánh pháp. Thế Tôn lại bảo Thiên vương phương Đông: Ong nên ở phương Đông hộ trì Chánh pháp. Kê đên Phật bảo Thiên vương phương Nam, phương Tây, phương Bác: -Các ông nên ở phương Bắc hộ trì Chánh pháp, qua một ngàn năm sau, lúc giáo pháp của Ta diệt mất, sẽ có những điều phi pháp xuất hiện ở the gian. Mười điều lành đều tiêu hoại. Trong cõi Diêm-phù-đê gió dữ dấy lên mạnh mẽ, mưa chẳng hợp thời, nhân gian phần nhiều đói kém, bị nạn mưa đá, sông ngòi khô cạn, hoa trái thất mùa. Con người cằn cỗi, không tươi sáng, ổ trùng, thôn quỷ đều bị tiêu diệt hết; thực phẩm thiếu thốn, trân bảo chìm mất. Nhân dân lại ăn cỏ thô nhám. Lúc ấy có Thích-ca vương, Gia-bàn-na vương, Bát-la-bà vương, Đâu-sa-la vương, quyến thuộc đông đảo, đặt đảnh cốt của Như Lai, răng Phật, bát Phật ở phương Đông. Phương Tây có vua tên là Bát-la-bà, trăm ngàn quyến thuộc phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Phương Bắc có vua tên là Gia-bàn- na5 trăm ngàn quyến thuộc phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Phương Nam có vua tên là Thích-ca, trăm ngàn quyến thuộc phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ- kheo. Phương Đông có vua tên là Đâu-sa-la, trăm ngàn quyến thuộc phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Bốn phương đều rối loạn. Các Tỳ-kheo tụ tập ở

các nước giữa Diêm-phù-đề. Trong khi ấy, nước Câu-diệm-di có vua tên là Ma-nhân-đà-la-tây-na, sanh được một người con, tay đỏ như thoa máu, thân mặc áo giáp, đau đội mũ trận, có sức dũng mãnh, vào ngày sanh của vương tử này, năm trăm đại thần cũng sanh năm trăm đứa con, đều giống như vương tử, nghĩa là tay đỏ như thoa máu và thân mặc áo giáp, đầu đội mũ trận. Bấy giờ, nước Câu-diệm-di một ngày đổ mưa máu. Vua Câu-diệm-di thấy tướng ác này vô cùng sợ hãi, vua cho mời thầy tướng. Thầy tướng tâu vua: "Nhà vua nay sanh con, người con này sẽ là vua cõi Diêm-phù-đề5 sát hại nhiều người, sanh được bảy ngày, vua đặt tên là Nan Đương, khi tuổi dần khôn lớn, bốn vua ác từ bốn phương đến sát hại nhân dan?9 Vua Ma-nhân-đà-la-tây-na nghe như vậy vô cùng sợ hãi. Bỗng có thiên thần đến báo vua: "Dại vương cứ lập Nan Đương làm vua, đủ khả năng để hàng phục bốn vua hung ác kia." Vua Ma-nhân-đà-la-tây-na theo lời thiên thần dạy liền nhường ngôi cho con, lấy hạt châu sáng trong búi tóc đội trên đầu con mình. Tập hợp các đại thần dùng nước thơm rưới đảnh, triệu tập những người con cùng sanh một ngày của năm trăm đại thần, thân mặc áo giáp, đầu đội mũ trận, theo vua ra trận, đánh nhau với bốn vua hung ác và chiến thắng giết hại hết sạch, làm vua Diêm-phù- dề, cai trị nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tứ Đại Thiên Vương: ở tại nước Ba-liên-phất, sẽ có Bà-la-môn tên là Kỳ-ni-đạt-đa, thông đạt kinh luận Vệ-đà? Bà-la-môn này cưới vợ; thời gian sau thân trung ấm chúng sanh sẽ đến làm con. Lúc vào bào thai mẹ, người mẹ rất thích luận nghị với người khác. Bà-la-môn này đến hỏi thầy tướng, thầy tướng đáp: "Đứa trẻ trong bào thai sẽ thông suốt tất cả luận thuyết cho nên khiến bà mẹ sanh tâm ưa luận nghị với người như vay.^ Khi đủ tháng ngày được sanh ra khỏi thai mẹ, trở thành đứa bé thông đạt tất cả kinh luận, thường đem kinh luận dạy cho năm trăm người con Bà-la-môn, cùng với các thứ luận khác dạy cho những người khác, đem y phương dạy người học nghề thuốc, nên có được nhiều đệ

tử như vậy. Vì có đông đệ tử nên gọi là "Đệ T*" Sau đó; thiếu niên ấy xin cha mẹ xuất gia học dạo, cha mẹ bằng lòng cho xuất gia. Thiếu niên ấy ở trong pháp của Ta xuất gia học đạo, thông suốt ba tạng, khéo hay thuyết pháp, biện tài xảo diệu, ngôn ngữ đàm thuyết thu phục rất nhiều quyến thuộc. Lại nữa, Thế Tôn bảo Tứ Đại Thiên Vương: -ở ấp Ba-liên-phất này sẽ có một đại thương chủ tên là Tu-dà-na, chúng sanh trung ấm đi vào thai mẹ? khi chúng sanh này vào thai sẽ khiến cho người mẹ chất trực, nhu hòa, không tà tưởng, các căn tịch tịnh. Thương chủ đến hỏi thầy tướng, thầy tướng đáp rằng: “Chúng sanh trong thai rất lương thiện, nên khiến cho người mẹ như vậy, cho đến các căn tịch tjnh." Đủ ngày tháng đứa bé

chào đời, được đặt tên là Tu-la-đà, sau đó đứa bé theo năm tháng lớn dần. Ngày nọ, thiếu niên ấy xin phép cha mẹ xuất gia học đạo, cha mẹ đều tán thành. Thiếu niên này ở trong pháp của Ta xuất gia học dạo, siêng năng tinh tân, tu tập đạo nghiệp, liền được lậu tận, chứng quả A-la-hán, nhưng ít học, ít muốn, biết đủ và ít biết, nương náu nơi rừng sâu núi tham. Núi tên là Kiền-đà-ma-la. Vị Thánh nhân này thường đến thuyết pháp cho Vua Nan Đương. Vua cha sắp từ trần, Nan Đương thấy cha qua đời, hai tay ôm lấy thi hài của cha khóc nức nở, đau buồn thảm thiết. Lúc bấy giờ vị Pháp sư Tam tạng kia đem theo nhiều quyến thuộc đi đến chỗ vua, vì vua thuyết pháp. Vua nghe pháp xong vơi bớt sâu não, ở trong Phật pháp sanh lòng tin kính và phát lời tuyên bố: “Từ nay về sau, ta sẽ bố thí cho các Tỳ-kheo không e sợ, hợp ý là vui sướng?9 Rồi vua hỏi Tỳ-kheo: "Bốn vị vua bạo ác trước kia hủy diệt Phật pháp đã bao nhiêu nm?" Tỳ-kheo đáp: "Trải qua mười hai Em." Nhà vua vừa suy nghĩ vừa nói to dõng dạc như sư tử rong: “Trong mười hai năm ta sẽ cúng dường năm chúng cho đến sắm sửa các thứ để bố thí.,, Ngày vua bố thí trời sẽ đổ mưa thơm khắp Diêm-phù-đề, tất cả các cây giống đêu được tăng trưởng, dân chúng các phương đều mang đến nước Câu- diệm-di cúng dường chúng Tăng. Các Tỳ-kheo được cúng dường nhiều, các Tỳ-kheo ăn của tín thí mà chẳng đọc tụng kinh điển, chẳng siêng năng vì người học kinh, hy luận qua ngày, ngủ nghỉ suốt đêm, tham đắm lợi dưỡng, ưa trang sức, thân mặc y phục đẹp, xa lìa lý tưởng giải thoát là xuất gia tịch tịnh, với niềm vui tỉnh giác. Hình giống Tỳ-kheo mà lìa bỏ công đức của người tu hành, đây là kẻ giặc dữ trong Phật pháp, trợ lực làm hư hoại ngọn cờ Chánh pháp trong đời sau, dựng cờ Ác ma, diệt tắt ngọn đuốc Chánh pháp, thắp lên ngọn lửa phiền não phá hoại trống Chánh pháp, hủy hoại bánh xe Chánh pháp, làm tiêu mất biển Chánh pháp, làm hoại núi Chánh pháp, phá thành Chánh pháp, nhổ cây Chánh pháp, hủy hoại trí tuệ thiền đinh, cắt đứt chuỗi ngọc giới hạnh, làm hoen ố chánh đạo. Lúc ấy trời, rồng, quỷ, thần, dạxoa, càn-thát-bà đối với các Tỳ-kheo này sanh ác ý, mắng chửi các Tỳ-kheo, chán ghét, xa lia, chẳng gần gũi. Mọi người cũng thốt lời than thở: "Tỳ-kheo tệ ác như thế chẳng nên được ở trong pháp của Như Lai." Rồi họ nói kệ: Ác hạnh, hạnh không tốt Làm các việc tà kiến Các kẻ ngu si này Phá hoại núi Chánh pháp Làm các điều ác giới Bỏ các hạnh như pháp Xả các pháp tốt đẹp Trừ Phật pháp hiện thời Chẳng tin, chẳng điều phục Ưa làm các việc ác Trá ngụy lừa the gian Phá hoại pháp Mâu-ni

Hủy hình, quen thói ác Hung bạo, nhiều thủ đoạn Nương pháp bịp thế nhân Sân hận, tự cống cao Tham đắm, cầu lợi danh Nghiệp ác thảy đầy đủ. Như đức Phật đã nói Tướng giáo pháp mai một Người nay đêu đã thây Bậc trí vốn xem thường Hiện tượng này xuất hiện Biển Chánh pháp Mâu-ni Chẳng bao lâu khô kiệt Chánh pháp nay yếu kém Kẻ ác lại đến diệt Hủy hoại Chánh pháp ta. Bấy giờ, các vị trời, rồng, thần đều sanh tâm không hoan hỷ5 không còn ủng hộ các Tỵ-kheo và đồng thanh tuyên bố: 'Thật pháp sau bảy ngày nữa diệt tan." Rồi buôn khóc kêu gào và bảo nhau: "Đến ngày Tỳ-kheo nói giới, Tỳ- kheo cùng nhau tranh cãi, Chánh pháp Như Lai vì thế mà diệt m t."Thế rồi, các vị trời buồn rầu khóc lóc. Trong khi ấy tại thành Câu-diệm-di có năm trăm vị ưu-bà-tắc nghe lời nói của chư thiên cùng nhau đi đến trong chúng Tỳ-kheo, khuyên ngăn các Tỳ-kheo tranh cãi và nói kệ: Than ôi! Khổ vô cùng Nghĩ thương xót quần sanh Pháp Phật nay sắp diệt Thích Sư tử vương pháp Ác luân hoại pháp luân Như the tận kim cương Mới có thể chẳng hoại. Thời an ổn đã dứt Pháp nguy hiểm đã khởi Bậc minh trí đã qua Nay thấy tướng như thế Nên biết chẳng bao lâu Pháp Mâu-ni đoạn diệt Thế gian không sáng nữa Lìa nhơ, cấu tịch diệt Mặt trời Mâu-ni lặn. Thế gian mất che chở Thiện ác không sai biệt Thiện ác chẳng phân rồi Ai sẽ đắc Chánh pháp Đèn pháp nay ở đời Gặp lúc làm điều thiện Các ruộng phước vô lượng, Pháp này nay sẽ diệt Vì thế bọn chung tôi Biết của cải chẳng bền Kịp thời giữ bền chắc. Đên ngày mười lăm khi thuyêt giới, Chánh pháp sẽ diệt. Ngày ây năm trăm vị ưu-bà-tắc này nội trong một ngày tạo năm trăm tháp Phật trong khi những iru-bà-tắc khác mỗi người bận việc khác không đi tới lui trong chúng Tăng. Bây giờ, trong núi Kiên-đà-ma-la, A-la-hán Tu-đà-la đang ân náu, ngài quán sát Diêm-phù-đề hôm nay nơi nào có chúng Tăng nói giới, ngài thấy có nước Câu-diệm-di? đệ tử của Như Lai thuyết giới vào ngày Bố-tát. Ngài liền đi đến Câu-diệm-di. Tăng chúng lúc ấy có đến trăm ngàn người, trong đó chỉ có một vị A-la-hán tên là Tu-la-tha, lại có một vi Tam tạng tên là Đệ Tử. Đây là buổi tập hợp đại chúng cuối cùng của Như Lai. Bấy giờ, Duy-na phát thẻ kiểm điểm số chúng, bạch Thượng tọa Tam tạng rằng: "Chúng Tăng đã họp, có một trăm ngàn người hôm nay đê nói Giới bôn."

Thượng tọa đáp: "d Diêm-phù-đề, đệ tử Như Lai đều tụ tập nơi này, số đến trăm ngàn. Như thế trong chúng này ta là bậc Thượng thủ, thông suốt tam tạng, còn chẳng học giới luật, huống chi người khác mà có điều phải học. Nay nên vì ai nói giới luāt.59 Và Thượng tọa nói kệ: Nay là ngày mười lăm Đêm lặng trăng trong sáng Như thế các Tỳ-kheo Nhóm lại nghe thuyết giới. Tất cả Diêm-phù-đề Chung Tăng nhóm lần cuối Ta đứng đầu trong chúng Chẳng học giới Luật, Pháp Huống là Tăng chúng khác Mà có chỗ học tập Đâu thể pháp Mâu-ni Thích-ca sư tử vương Giới kia ai có trì Người ây mới nên nói. Ngay lúc đó? A-la-hán Tu-la-tha đứng trước Thượng tọa, chắp tay thưa Thượng tọa: "Thưa Thượng tọa! Chỉ nói Giới bổn như khi Phật còn tại thế, Tôn giả Xá- lợi-phất5 Mục-kiền-liên và chúng Tăng đại Tỳ-kheo những pháp học tôi đều đã học. Như Lai tuy diệt độ đến nay đã ngàn năm, các luật nghi do Ngài chế định tôi đã được học đầy dủ x

T rr-ĩ A _ • 9 __ A • 1 A Và Ton gia nói kẹ: Thượng tọa nghe tôi nói Tôi tên Tu-la-tha ọ x r A-la-hán lậu tận Sư tử rông trong chúng Thật đệ tử Mâu-ni Tin Phật, các quỷ thần Nghe lời bậc Thánh nói Buồn bã đến rơi lệ Cúi đầu nghĩ pháp diệt Từ nay đen sau này Không có người thuyết pháp Tỳ-ni biệt giải thoát Chẳng còn ở thế gian. Cây cầu pháp nay hoại Dòng nước pháp ngừng chảy Biển pháp đã khô kiệt Núi pháp đã sụp đổ Pháp hội từ nay bặt Cờ pháp chẳng thấy nữa Chân pháp không còn đi Giới luật nghi hằng mất Đèn pháp không còn chiếu Xe pháp không còn chuyển Lấp kín cửa cam lộ Pháp sư chẳng tại thế Người lành nói diệu đạo Chúng sanh chẳng biết thiện Chẳng khác gì dã thú. Bấy giờ, Phật mẫu Ma-ha Ma-gia Phu nhân từ cõi trời xuống nhân gian, đến nơi chúng Tăng kêu khóc than thở thảm não: "Chính là con ta đã trải qua a-tăng kỳ kiếp tu các khổ hạnh chẳng sá gì lao khổ thân thể, tích đức thành Phật, ngày nay bỗng nhiên tiêu diệt.,^ Và Phu nhân nói kệ: Tôi là mẹ của Phật Con tôi tu khổ hạnh Trải qua vô sô kiêp Cứu cánh thành chơn đạo.

, ../x k Buồn khóc không xiết kể Nay pháp bông diệt mát. Than ôi! Bậc trí tuệ Nay đã ở nơi đâu? Trì pháp bỏ tranh tụng Từ miệng Phật sanh ra Các vua vô thượng tôn Chân thật đệ tử Phật Tu diệu hạnh Đầu-đà Nương náu giữa rừng sâu Chơn Phật tử như thế Ngày nay ở nơi đâu? Người nay ở the gian Không có các uy đức Giữa núi rừng hoang vắng Chư thần đều im lặng Thí giới thương quần sanh Tín giới tự trang nghiêm Hạnh chất trực, nhẫn nhục Quán sát các thiện ác * r r

Như thê các thăng pháp Nay chợt mất hết cả. Lúc ấy, Thượng tọa Đệ Tử nghĩ thầm: "Tỳ-kheo Tu-la-tha nói các giới luật Như Lai chế định, tôi đều giữ gìn đầy dủ." Thượng tọa Đệ Tử có người đệ tử tên là An-già-đà khởi tâm bất nhẫn, tức giận cực độ9 từ chỗ ngồi đứng lên mạ nhục vị Thánh kia: “Thầy là Tỳ-kheo hạ tọa ngu si, vô trí, lại dám hủy nhục Hòa thượng của ta?" Nói xong, người ấy liền lấy dao bén giết chết vị Thánh kia và nói kệ: Ta tên An-già-đà Đệ tử của Thất-sa Kiêm báu giêt chét người Tự nói mình có đức. Trong khi đó có một con quỷ tên là Đại Đề-mộc-khư, suy nghĩ: "Thế gian chỉ có một vi A-la-hán này lại bi đệ tử của Tỳ-kheo ác kia làm hại." Quỷ cầm lấy cái chày bén kim cương, đầu chày rực lửa, dùng chày này đánh vỡ đầu của người kia, người này chết liền. Rồi quỷ nói kệ: Ta là ác quỷ thần Tên Đại Đề-mộc-khư, Dùng chày kim cương này Phá đầu người bảy phần. Bấy giờ, đệ tử của vi A-la-hán thấy đệ tử của Thượng tọa kia sát hại thầy mình không dằn được sự phẫn hận, nên giết chết Thượng tọa Tam tạng. Bấy giờ chư thiên, người thế gian đều đau buồn, than khóc khổ não! Chánh pháp của Như Lai ngày nay đều diệt tận. Bỗng nhiên, nơi đây cõi đất chấn động sáu cách, vô lượng chúng sanh kêu gào, khóc lóc vô cùng bi thảm, than thở thống thiết: "H6m nay Chánh pháp không còn xuất hiện ở thế gian n(ĩa!" Nói như thế xong, môi người đêu phân tán. Tại nước Câu-diệm-di, năm trăm ưu-bà-tăc nghe tin này, họ đi vào chùa, giơ tay vỗ đầu, bật khóc thành tiếng to, kể lể, thở than: "Như Lai thương xót thế gian, cứu giúp mọi loài, không phân lớn nhỏ. Ai có thể vì chúng con nói pháp nghĩa? Ngày nay trời, người giải thoát không còn có thể được nữa, chúng sanh hiện nay vẫn ở trong bóng tối, không có người dẫn đường, tập quen các điều ác, lấy đó làm vui như bọn thú

rừng, chẳng nghe Diệu pháp của Mâu-ni, lúc thân hư hoại, mạng sống chấm dứt, đọa vào ba đường ác ví như sao rụng. Thế nhân từ nay về sau, không còn Diệu pháp thập lực, tam-muội tịch tịnh niệm tuệ?5

544 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, vua nước Câu-diệm-di nghe tin các Tỳ-kheo giết chết bậc Chơn nhân A-la-hán và Pháp sư Tam tạng, tâm sanh buồn thảm và hãi hùng ngồi im. Trong khi ây, bọn tà kiên tranh nhau phá hoại tháp miêu và hãm hại Tỳ-kheo, từ đấy Phật pháp tan tác chóng diệt. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói với Thích-đề-hoàn-nhơn và bốn Đại Thiên Vương, chư thiên và người the gian: -Sau khi Ta diệt độ, tướng pháp diệt tận như đã nói trên, vì thế các người ngày nay không thể không gắng sức tinh tấn, hộ trì Chánh pháp, làm cho Chánh pháp tồn tại lâu dài ở thế gian. Bấy giờ, chư thiên và người thế gian nghe Phật nói như thế, ai nấy đều tỏ vẻ bi cảm, đưa tay lau nước mắt, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, mỗi người tự ra đi.

KINH SỐ 641 Kinh nói về nhân duyên Vua A-dục bố thí nửa trái a-ma-lặc. Vua A-dục ở trong Chánh pháp của Như Lai được niềm tin kính lớn. Một hôm5 vua hỏi các vị Tỳ-kheo: Người nào ở trong Chánh pháp Như Lai, thực hành bố thí rộng rãi?

Các Tỳ-kheo trả lời vua: Trưởng giả cấp Cô Độc là người bố thí vô cùng rộng lớn.

Vua lại hỏi: Ông ấy bố thí bao nhiêu bảo vật?

Các Tỳ-kheo đáp: -Đên ức ngàn vàng. Vua nghe xong suy nghĩ: "Trưởng giả ấy còn có thể xả bỏ ức ngàn vàng. Nay ta là vua do duyên gì lại không đem ức trăm ngàn vàng bố thí? Nên đem ức trăm ngàn vàng bố thí." Vua cho dựng tám muôn bốn ngàn tháp Phật, trong các tháp này lại bố thí trăm ngàn vàng, lại mở đại hội năm năm. Hội có ba trăm ngàn Tỳ-kheo, dùng ba trăm ức vàng cúng dường trong chúng Tăng ấy. Phan thứ nhất là A-la-hán, phân thứ hai là các vi Hữu học, phân thứ ba là chân thật phàm phu. Trừ kho tàng riêng, tất cả vật ở Diêm-phù-đề9 phu nhân, thể nữ, thái tử, đại thần, bố thí cho chúng Tăng, rồi dùng bốn mươi ức vàng chuộc lại. Như thế tính toán dùng hết chín mươi sáu ức ngàn vàng. Đen lúc vua bị bệnh năng, tự biết sanh mạng sắp chấm dứt. Lúc ấy, có đại thần tên là La-đà-quật-đa, đời trước là đứa trẻ đồng bạn với vua, lúc vua bố thí nam cát cho Phật. Vi đại thần này thấy vua bệnh nặng sắp lìa trần, cúi đầu nói kệ hỏi vua:

KINH TẠPA-HÀM 545

Vẻ mặt thường tươi sáng Bên trăm ngàn thể nữ,
Ví như những đóa sen Bay ong bu mật ngọt,
Giờ xem dung mạo vua Không còn nét tươi vui.
Vua đáp lại bằng kệ:
r
Ta nay chẳng lo âu Mát của cải, ngôi vua, Thân này và quyên thuộc Cùng các thứ châu báu. Ta chỉ buồn một điều Không còn thấy Hiền thánh Cúng dường đủ tứ sự. Ta chỉ nghĩ thế ấy Nhan sắc có đổi khác Tâm ý không an ổn. Lại nữa, ta thường có ước muốn

đem đầy ức trăm ngàn vàng làm công đức, nay điều mong ước này chưa được trọn vẹn, nên để lại đời sau. Nếu tính toán trước sau bố thí vàng bạc, của báu, chỉ thiếu bốn ức chưa đầy đủ. Vua liền sửa soạn các thứ trân bảo gởi cúng vào trong chùa Kê Tước và lập con của Pháp ích tên Tam-ba-đề làm Thái tử. Các đại thần tâu với Thái tử rằng: Đại vương chẳng bao lâu sẽ mất, ngày nay đem trân bảo này gởi cúng vào nhà chùa. Bây giờ của cải, báu vật trong kho đã hết sạch. Theo pháp của các vua lấy vật làm quý, Thái tử nên xét lại việc này, chớ để nhà vua sử dụng hết. Thái tử liền ban lệnh cho người giữ kho không được đem trân bảo ra cho vua dùng đến. Lúc đó vua tự biết các đồ vật vua đòi hỏi không thể được nữa, nên vua đem cái bát đựng đồ ăn bằng vàng cúng cho chùa. Thái tử lại giữ bát đựng đồ ăn bằng vàng mà cấp bát đựng đồ ăn bằng bạc, vua ăn xong lại gởi cúng cho nhà chùa; Thái tử lại ngưng bát đựng đồ ăn bằng bạc mà cấp cho đồ đồng, vua lại đem đồ này cúng cho chùa; lại ngưng đồ đồng cấp cho đồ gốm. Khi ấy trong tay nhà vua có nửa trái a-ma-lặc9 vua buồn bã rơi nước mắt bảo các quan đại thần: Ngày nay ai là chủ đất nước này?

Vua nói kệ đáp: Các người hộ tâm ta Sao lời nói giả dối? Ta nay còn làm vua Lại chẳng được tự tại! Nửa trái a-ma-lặc Nay ở trong tay ta Đây là vật của ta, Ta hoàn toàn tự do. Ôi, tôn kính giàu sang Đáng chán, đáng xả bỏ! Xưa thống lĩnh Diêm-phù Nay bỗng dưng nghèo mạt Như sông Hăng chảy xiết Một đi chẳng trở về Phú quý cũng như thế Qua rồi chẳng trở lại. Nhà vua lặp lại giống bài kệ Phật đã nói: Có thịnh ắt có suy Lấy suy làm rốt ráo, Như Lai nói lời ấy Chân thật không sai khác. Những giáo lệnh trước kia Nhanh chóng không chướng ngại Nay có chút đòi hỏi Lại chẳng tuân lời ta

Như gió bị núi ngăn Như nước gặp bờ chặn Giáo lệnh ta ngày nay Từ đây đã dứt hẳn Vô lượng chúng tùy tùng Đánh trống thổi loa ốc Thường trổi các kỹ nhạc Hưởng thụ vui năm dục Thể nữ vài trăm chúng Ngày đêm tự khoái lạc Ngày nay đều hết sạch. Như cây không hoa trái Nhan mạo dần khô héo Sắc lực cũng hao gầy Như bông hoa tàn tạ Ta nay cũng như thế. Bấy giờ, Vua A-dục gọi kẻ hầu hạ bảo: -Ngày nay ngươi còn nhớ ân ta nuôi dưỡng, ngươi hãy đem nửa trái a-ma- lặc này cúng vào chùa Kê Tước, thay thê ta lê bái Tỳ-kheo-tăng và thưa răng: “Vua A-dục ân cần hỏi thăm đại Thánh chúng, tôi là Vua A-dục thống lĩnh Diêm-phù-đê, Diêm-phù-đê thuộc vê tôi, ngày nay bông nhiên chăng còn gì hét, chăng có của cải bảo vật đê bô thí chúng Tăng, đôi với tát cả tài bảo mà chăng được tự tại. Bấy giờ chỉ có nửa trái a-ma-lặc này tôi được tự do bo thí. Đây là bo thí đàn Ba-la-mật cuối cùng, xin chúng Tăng vì thương xót tôi thọ nhận sự bo thí này, khiến tôi cúng dường chúng Tăng được phiróc." Và vua nói kệ: Nửa trái a-ma-lặc Là vật thuộc vê tôi Tôi được quyền tự do Nay đem cúng đại chúng. Tâm hướng về Hiền thánh Lại không người giúp tôi Xin vì thương xót tôi Thọ nhận a-ma-lặc. Vì tôi dùng quả này Nhân đầy phước vô lượng Đời đời vui vi diệu Thọ dụng chẳng cùng tận. Bây giờ, người sứ giả ây nhận lệnh vua, liên đem nửa trái a-ma-lặc đi vào chùa Kê Tước. Đen trươc vị Thượng tọa, toàn thân cung kính làm lễ* quỳ gối chắp tay hướng ve Thượng tọa, nói kệ: Thống lãnh Diêm-phù-đề Một lọng, một tiếng trống Dạo đi không chướng ngại Như mặt trời soi sáng Báo hành nghiệp đã đến ở đời chẳng bao lâu Không

còn uy đức vua Như vầng nhật mây che Vua hiệu là A-dục Cúi đầu lạy chân Tăng Gởi vật này bố thí Nửa trái a-ma-lặc Mong càu phước đời sau Xin thương xót vua ấy Thánh chúng vì thương vua Nhận nửa quả bố thí. Lúc ấy, vi Thượng tọa kia bảo đại chúng: -Ai nghe lời nói này mà chẳng chán thế gian? Chúng ta nghe chuyện này làm sao chẳng sanh chán lìa. Như kinh Phật nói: "Thấy việc suy hoại của người, nên sanh chán lìa, nếu có chúng sanh hiểu biết, nghe điều này đâu thể chẳng từ bỏ thế gian." Và Thượng tọa nói kệ:

Vua bậc nhất thế gian A-dục dòng Không Tước, Diêm-phù-đề tự tại Chủ quả a-ma-lặc. Thái tử và quần thần Cướp vật thí của vua, Gởi nửa quả ma-lặc Hàng phục kẻ tiếc của Khiến họ sanh nhàm chán. Kẻ ngu chẳng biết thí Nhân quả được diệu lạc Gởi cúng nửa trái cây. Thượng tọa nghĩ thầm: "Làm thế nào đem nửa trái a-ma-lặc này chia tất cả chúng Tang?55 Thượng tọa liền dạy: "Đem nghiền nát để vào nồi nấu lên, làm xong rồi chia đủ cho tất cả chúng Tăng/9 __ỉ Bây giờ, vua lại hỏi vị quan bên cạnh: Ai là vua Diêm-phù-đề?

Vi quan tâu vua: Chính là Đại vương vậy. Nhà vua từ giường gượng ngồi lên nhìn khắp bốn phương, chắp tay làm lễ cảm niệm ân đức của chư Phật, tâm nghĩ miệng nói: "Nay ta đem Diêm-phù-đề này bố thí cho Tam bảo, tùy ý sử dụng?5 Và vua nói kệ: __ l.] 9 r

Nay, Diêm-phù-đê này CÓ rát nhiêu của báu Bố thí ruộng phước lành Quả báo tự nhiên được Đem công đức bố thí Chẳng cầu trời Đế-thích Phạm vương và nhân chủ Thế giới các diệu lạc. Những quả báo như thế Tôi đều chẳng nhận dùng Do công đức bố thí Chóng được thành Phật đạo Được thê gian kính ngưỡng Thành được Nhất thiết trí Làm thiện hữu thế gian Đạo sư tối đệ nhất. r r r 9 Ị. \ e Bây giờ, vua viêt ra tát cả những lời này trên giây roi bỏ vào phong bì, dùng răng ấn vào làm dấu ấn. Làm việc này xong, vua từ trần. Bây giờ, thái tử cùng các quan, cung thân, thê nữ, nhân dân trong nước dâng các thứ cúng dường, tống táng theo nghi lễ của quốc vương. Lúc ấy, các quần thân muôn lập thái tử kê vị ngôi vua. Trong triêu đình có một đại thân tên là A-nậu-lâu-đà, vị này nói với các quan: -Không được lập thái tử làm vua. Vì sao như thế? Đức Đại vương A-dục còn sanh tiền, vua vốn nguyện đem mười muôn ức vàng làm các công đức, chỉ thiếu bốn ức, chẳng đủ mười muôn. Vì thế nên, ngày nay xả bỏ Diêm-phù-đề cúng cho Tam bảo đê làm cho đây đủ. Bây giờ đất nước này thuộc vê Tam bảo, làm sao lập thái tử làm vua được? Các quan nghe xong đem bốn ức vàng gởi vào chùa, sau đó lập con của Pháp ích lên ngôi vua tên là Tam-ba-đề. Ke đến Thái tử Tỳ-lê-ha-ba-đề kế vi. Thái tử con của Tỳ-lê-ha-ba-đề tên là Tỳ-lê-ha-tây-na kế vị. Tiếp đến thái tử con của Tỳ-lê-ha-tây-na tên là Phất-sa-tu-ma kế vị. Tiếp đến thái tử con của

Phất-sa-tu-ma tên là Phất-sa-mật-đa-la kế vị. Bấy giờ, Phất-sa-mật-đa-la hỏi các quan than: -Ta nên làm những việc gì khiến cho danh đức tồn tại lâu dài ở thế gian? Các vị hiền thần tin ưa Tam bảo tâu vua: Đại vương A-dục là vị vua đầu tiên của dòng họ.

Khi còn tại thế, vua tạo lập tám vạn bon ngàn tháp Như Lai và còn cúng dường đủ thứ. Danh đức này tuyến truyền cho đến nay. Vua muốn cầu danh đức này nên xây dựng tám vạn bon ngàn tháp và cúng dường. Vua nói rằng: Đại vương A-dục có oai đức lớn, có thể lo liệu việc này, còn ta không thể làm được, hãy nghĩ đến việc khác. Trong đám bầy tôi có một vị quan ác, không lòng tin Tam bảo tâu vua: Thế gian này có hai thứ pháp truyền mãi ở đời không mất: Thứ nhất là làm lành, thứ hai là làm ác. Đại vương A-dục đã làm các điều thiện. Ngày nay vua nên làm các điêu ác phá hoại tám vạn bôn ngàn tháp. Nhà vua nghe theo lời của kẻ nịnh thần, liền khởi bốn binh chủng đi thẳng r e5 : r đên chùa chiên phá hủy các ngọn tháp. Trước tiên, vua đên chùa Kê Tước, trước cổng chùa có con sư tử đá5 sư tử bỗng rống lên. Vua nghe tiếng rống vô cùng sợ hãi, kinh hoàng: "Chẳng phải sư tử thật mà có thể rống lên u!" Vua bèn trở vào thành. Như thế ba lần vua muốn phá hoại chùa kia. Khi ấy, vua gọi các Tỳ-kheo lại hỏi: Ta phá hoại tháp là thiện hay là phá hoại Tăng phòng là thiện? Tỳ-kheo đáp: -Cả hai điêu này đêu không nên làm. Nêu vua muôn phá hoại thì thà hoại Tăng phòng, đừng làm hoại tháp Phật. Bấy giờ, vua sát hại Tỳ-kheo và phá hoại chùa tháp. Như thế dần dần đến nước Bà-già-la tuyên bố sắc lệnh: “Nấu người nào có thể đem đầu Sa-môn Thích tử lại, sẽ được ban thưởng ngàn vang/9 Đương thời trong nước ấy có một vị A-la-hán hóa ra nhiều đầu Tỳ-kheo cho dân chúng mang đến nơi nhà vua, khiến cho vật báu trong kho tàng của nhà vua đều kiệt tận. Khi vua nghe biết A-la-hán làm như vậy càng thêm sân giận, muốn giết A-la-hán kia. Bấy giờ, vị A-la-hán kia nhập Diệt tận định, vua tìm đủ cách để giết vị Thánh nhân kia, cuối cùng không thể được, vì ngài đã ở trong sức tam-muội diệt tận, nên không bị thương tổn thân thể. Như thế vua tiến dần đến bên cửa tháp Phật. Trong tháp ấy có vi quỷ thần nữ đang ở trong đó giữ gìn tháp Phật tên là Nha Xỉ, vị quỷ thần này nghĩ rằng: :Ta là đệ tử Phật, thọ trì giới cấm, không giết hại chúng sanh, nay ta không thể nào sát hại vua." Rồi lại nghĩ: “C6 một thần tên là Trùng, chuyên làm việc ác, hung bạo,

mạnh mẽ, câu hôn con gái ta, ïihtrng ta không thuận. Ngày nay, vì giữ gìn Phật pháp, ta sẽ gả con gái cho hắn để khiến hắn thủ hộ Phật pháp." Nha Xỉ liền gọi vị thần kia bảo: Nay ta gả con gái cho người, nhưng cùng giao ước: Người phải hàng phục vị vua này, chớ khiến cho vua này làm điều ác, hoại diệt Chánh pháp. Bấy giờ, vua có một đại quỷ thần tên là ô Trà, đầy đủ oai đức, nên thần kia chẳng làm gì vua được. Khi thân Nha Xỉ tìm cách hủy diệt, nhimg nay uy thê của nhà vua còn mạnh. Do đó5 Nha Xỉ nghĩ rằng: “Ta nay nên dối trá, dụ dỗ làm than?9 Như vậy Nha Xỉ cùng làm bạn với vị thần kia, khi đã biết nhau thân thiết liền đem thần này vào biển lớn ở phương Nam. Sau đó thần Trùng phá dẹp núi lớn, đánh tan vua và bôn binh chủng, tát cả đêu bi tiêu diệt. Nhân dân đêu reo mừng: "Sướng thay!" Người đời truyền nhau thật là sung sướng. Vi vua kia chết rồi, dòng dõi Khổng Tước từ đây chấm dứt vĩnh viễn. Vì thê, sự giàu sang, sung sướng ở thê gian không đáng tham. Vua A-dục là người có trí, tỉnh giác cuộc đời vô thường, thân mạng khó giữ gìn, tài vật thuộc năm nhà cũng như huyễn hóa, giác tỉnh điều này, chuyên cần tinh tấn làm các công dức, cho đến khi lâm chung tâm nghĩ nhớ đến Tam bảo, từng niệm nối tiếp, không có gì luyến tiếc, chỉ nguyện rốt ráo thành tựu

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

KINH SỐ 642

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bây giơ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo:

Có ba căn: Vị tri đương tri căn, tri căn, vô tri căn.

Thê Ton liên noi kẹ:

ở học địa giác tri Thuận tiến theo chánh đạo
Với phương tiện tinh tấn Khéo tự hộ tâm mình
Tự biết sự sanh tận Đạo vô ngại đã biết
Đa biết giải thoát rồi Tối hậu được vô tri
Ý bất động giải thoát Tất cả đều dứt sạch
Các căn thảy đầy đủ Vui nơi căn tịch tịnh
Giữ thân tối hậu này Hàng phục các ma oán.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 643 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 549

mạnh mẽ, câu hôn con gái ta, ïihtrng ta không thuận. Ngày nay, vì giữ gìn Phật pháp, ta sẽ gả con gái cho hắn để khiến hắn thủ hộ Phật pháp." Nha Xỉ liền gọi vị thần kia bảo: Nay ta gả con gái cho người, nhưng cùng giao ước: Người phải hàng phục vị vua này, chớ khiến cho vua này làm điều ác, hoại diệt Chánh pháp. Bấy giờ, vua có một đại quỷ thần tên là ô Trà, đầy đủ oai đức, nên thần kia chẳng làm gì vua được. Khi thân Nha Xỉ tìm cách hủy diệt, nhimg nay uy thê của nhà vua còn mạnh. Do đó5 Nha Xỉ nghĩ rằng: “Ta nay nên dối trá, dụ dỗ làm than?9 Như vậy Nha Xỉ cùng làm bạn với vị thần kia, khi đã biết nhau thân thiết liền đem thần này vào biển lớn ở phương Nam. Sau đó thần Trùng phá dẹp núi lớn, đánh tan vua và bôn binh chủng, tát cả đêu bi tiêu diệt. Nhân dân đêu reo mừng: "Sướng thay!" Người đời truyền nhau thật là sung sướng. Vi vua kia chết rồi, dòng dõi Khổng Tước từ đây chấm dứt vĩnh viễn. Vì thê, sự giàu sang, sung sướng ở thê gian không đáng tham. Vua A-dục là người có trí, tỉnh giác cuộc đời vô thường, thân mạng khó giữ gìn, tài vật thuộc năm nhà cũng như huyễn hóa, giác tỉnh điều này, chuyên cần tinh tấn làm các công dức, cho đến khi lâm chung tâm nghĩ nhớ đến Tam bảo, từng niệm nối tiếp, không có gì luyến tiếc, chỉ nguyện rốt ráo thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

KINH SỐ 642

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bây giơ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo:

Có ba căn: Vị tri đương tri căn, tri căn, vô tri căn.

Thê Ton liên noi kẹ:
ở học địa giác tri Thuận tiến theo chánh đạo
Với phương tiện tinh tấn Khéo tự hộ tâm mình
Tự biết sự sanh tận Đạo vô ngại đã biết
Đa biết giải thoát rồi Tối hậu được vô tri
Ý bất động giải thoát Tất cả đều dứt sạch
Các căn thảy đầy đủ Vui nơi căn tịch tịnh
Giữ thân tối hậu này Hàng phục các ma oán.
Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.
KINH SỐ 643 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

550 KINH TẠPA-HÀM

Bây giơ, Thê Tôn bao các Ty-kheo: Có năm căn. Những gì là năm? Đó là tín căn, tấn căn, niệm căn, đinh căn, tuệ căn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 644 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có năm căn. Những gì là năm? Đó là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, đinh căn, tuệ căn. Nêu Tỳ-kheo đôi với năm căn này khéo quán sát như thật, vị áy khéo quán sát như thật thì đối với ba kiết sẽ được đoạn, được biết. Ba kiết đó là thân kiên, giới thủ, nghi. Đây gọi là Tu-đà-hoàn, chăng đọa vào đường ác, quyết đinh chánh hướng nơi chánh giác, qua lại trong cõi trời, người bảy lần, sẽ được giải thoát khổ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 645 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Ạ _ • nrM Ạ rf! A 9 _ / _ rwn A -If Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Đôi với năm căn này, người quán sát như thật chăng khởi các lậu, tâm được lìa dục, giải thoát. Đây gọi là A-la-hán, các lậu đã hết sạch, việc cần làm đã làm xong, lìa các gánh nặng, được lợi ích cho chính mình, sạch các hữu kiết sử, chánh trí, tâm thiện giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 646 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có năm căn. Những gì là năm? Đó là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Tín căn nên biết là tứ bất hoại tịnh; tinh tấn căn nên biết là tứ chánh đoạn; niệm căn nên biết là tứ niệm xứ; định căn nên biết là Tứ thiền; tuệ căn nên biết là tứ Thánh đế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠP A-HẢM 551

KINH SỐ 647 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có năm căn. Những gì là năm? Đó là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Thế nào là tín căn? Như

Tỳ-kheo đối với Như Lai phát khởi lòng tin trong sạch, căn bản vững chắc mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và thê gian khác không thê làm hư hoại tâm của vị ấy. Đây gọi là tín căn. Thế nào là tinh tấn căn? Pháp ác, bất thiện đã sanh làm cho dứt, sanh ý muôn nô lực, nhiếp tâm, tăng tiên. Pháp ác, bát thiện chưa sanh làm cho không khởi, sanh ý muôn nô lực, nhiêp tâm, tăng tiên. Pháp thiện chưa sanh khiến sanh khởi, sanh ý muốn nỗ lực, nhiếp tâm, tăng tiến. Pháp thiện đã sanh, khiến tồn tại không mất, tu tập thêm rộng, sanh ý muốn nỗ lực, nhiếp tâm, tăng tiến. Đây gọi là tinh tấn căn. Thế nào là niệm căn? Nếu Tỳ-kheo sống quán niệm nội thân trên thân, cô găng, nô lực, chánh niệm, chánh trí, điêu phục tham ưu thế gian, sống quán niệm ngoại thân, nội ngoại thân... {thọ, tăm, pháp trên pháp cũng nói như thế). Đây gọi là niệm căn. Thế nào là định căn? Nấu Tỳ-kheo lìa dục và pháp ác bất thiện, có giác, có quán, lìa dục sanh hỷ lạc... trụ được Tứ thiền đầy đủ. Đây gọi là định căn. Thế nào là tuệ căn? Nếu Tỳ-kheo đối với khổ Thánh đế biết như thật; khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế biết như thật. Đây gọi là tuệ căn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 648 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, Thê Ton bao các Ty-kheo: (Như trên đã nóif chỉ có khác lấy. Nếu Tỳ-kheo đối với năm căn này quán sát như thật rồi thì đối với ba kiết sử sẽ được đoạn, được biết. Ba kiết sử là gì? Đó là thân kiến, giới thủ và nghi. Gọi là Tu-đà-hoàn, không đọa vào đường ác, quyết định chánh hướng đến Chánh giác, còn bảy lần qua lại trong cõi trời, người, được cứu cánh giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 649 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

552 KINH TẠP A-HÀM

Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: (Như trên đã nói, chỉ có khác tó): Nấu Tỳ-kheo đối với năm căn này quán sát như thật rồi, được sạch hết các lậu, lìa dục, giải thoát, gọi là A-la-hán, các lậu đã sạch, việc làm đã xong, lìa các gánh nặng, chóng được lợi ích bản thân, hết sạch hữu kiết sử, chánh trí, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 650 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Như trên đã nói, chỉ có khác lã): Này các Tỳ-kheo! Nếu Ta đối với tín căn này, tín căn tập, tín căn diệt, tín căn diệt đạo tích không biết như thật, thời Ta ươn không ở trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố là xuất, là ly, tâm lìa điên đảo, cũng chẳng thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. (Cũng vây, tinh tan căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, cũng nói như thế). Này các Tỳ-kheo! Ta đối với tín căn này, đã chánh trí quán sát như thật; cũng như vậy đoi với tín căn tập, tín căn diệt, tín căn diệt đạo tích. Do có chánh trí quán sát như thật, nên Ta ở trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố là xuất ly, tâm lìa điên đảo, thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

(Cũng vậy, tinh tan, niệm, đinh, tuệ căn cũng nói như thế). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 651 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, Thê Tôn bao các Tỳ-kheo: (Như trên đã nói, chỉ có khác lã): Này các Tỳ-kheo! Ta đối với tín căn tập, tín căn diệt, tín căn vị, tín căn hoạn, tín căn ly này nếu chẳng biết như thật thì Ta chẳng được ở trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố là bậc giải thoát, là bậc xuất ly, tâm lìa điên đảo, thành đạo Vô thượng Chánh đang Chánh giác... (Cũng vây, tinh tan căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng nói như thế). Này các Tỳ-kheo! Ta đối với tín căn, tín căn tập, tín căn diệt, tín căn vị, tín căn hoạn, tín căn ly này biết như thật, nên Ta ở trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố giải thoát, là xuất ly, tâm lìa điên đảo, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 553

KINH SỐ 652 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Như trên đã nóif chỉ có khác ỉa): Nêu Tỳ-kheo nơi năm căn này hoặc bén nhạy, hoặc đầy đủ thì đắc A-la-hán; hoặc nhu nhuyến, hoặc yếu kém thì đắc A-na-hàm; hoặc nhu nhuyến, hoặc yếu kém thì đắc Tư-đà-hàm; hoặc nhu nhuyến, hoặc yếu kém thì đắc Tu-đà-hoàn. Người đầy đủ thì thành tựu việc đầy đủ? người không đầy đủ thì thành tựu việc không đầy đủ. Đối với năm căn này tu tập chẳng phải rỗng không, không quả. Còn như đối với năm căn này tu tập mà tất cả đều rỗng không thì Ta nói người này ở trong số người phàm phu, ngoại đạo. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 653 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Như trên đã nói, chỉ có khác lã): Nếu Tỳ-kheo đối với năm căn ấy càng thêm sáng suốt, bén nhạy, đầy đủ thì đắc A-la-hán, câu phần giải thoát; hoặc nhu nhuyến, hoặc yếu kém, được thân chứng, nơi ấy; hoặc nhu nhuyến, hoặc yếu kém thì được kiến đạo. Nơi năm căn ấy hoặc nhu nhuyến, hoặc yếu kém được tín giải thoát. Nơi năm căn này hoặc nhu nhuyến, hoặc yếu kém được một loại. Nơi năm căn này hoặc nhu nhuyến, hoặc yếu kém thì đắc Tư-đà- hàm. Nơi năm căn này hoặc nhu nhuyến, hoặc yếu kém thì đắc "Gia gia." Nơi năm căn ây hoặc nhu nhuyễn, hoặc yêu kém thì đác Tu-đà-hoàn. Nơi năm căn này hoặc nhu nhuyến, hoặc yếu kém thì đắc Pháp hành. Nơi năm căn này hoặc nhu nhuyến, hoặc yếu kém thì đắc Tín hành. Đây gọi là Tỳ-kheo do nhân duyên căn đầy đủ, biết quả đầy đủ, do nhân duyên quả đầy đủ, biết người đầy đủ. Người đầy đủ như vậy thì làm việc đầy đủ; người giảm thiểu thì làm việc giảm thiểu. Đối với năm căn này mà tu tập ắt hẳn chẳng rỗng không, không quả. Nếu Tỳ-kheo không có các căn này, Ta nói người ấy ở trong số phàm phu, ngoại đạo. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 654 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

554 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có năm căn. Những gì là năm? Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Năm căn này tất cả đều thuộc tuệ căn. Ví như nhà, gác, trong các cây, cây đòn nóc ở trên hết, các cây khác đều nương nơi cây đòn nóc, do đòn nóc ở trên hết, các cây khác đều nương nơi cây đòn nóc, do cây đòn nóc gìn giữ. Cũng vậy năm căn, tuệ trên hết, do tuệ gìn giữ vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 655 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: —Có năm căn. Những gì là năm? Đó là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn9 định căn, tuệ căn. Nên biết tín căn là tứ bất hoại tinh, nên biết tinh tấn căn là tứ chánh đoạn, nên biêt niệm căn là tứ niệm xứ5 nên biêt định căn là Tứ thiên, nên biêt tuệ căn là tứ Thánh đế. Các công đức này đều là tuệ đứng đầu vì tuệ nhiếp trì. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 656 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ5 Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có năm căn. Những gì là năm? Đó là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Nếu Thánh đệ tử thành tựu tuệ căn, có thể tu tín căn, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Đây gọi là tín căn thành tựu. Tín căn thành tựu tức là tuệ căn. Như tín căn, cũng vậy tinh tấn căn, niệm căn, đinh căn, tuệ căn cũng nói như thế. Thế nên5 chính năm căn này, tuệ căn là trên hết, vì tuệ căn nhiếp trì. Ví như nhà, gác, trong các cây, cây đòn nóc là trên hết, vì các cây khác đều nương nơi cây đòn nóc, do cây đòn nóc gìn giữ. Cũng thế, tuệ căn đứng đầu năm căn, do trí tuệ nhiếp trì tất cả. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 657

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Có năm căn. Những gì là năĩn? Đó là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn? định

KINH TẠPA-HÀM 555

căn, tuệ căn. Nấu Thánh đệ tử thành tựu tín căn nên học như thế này: Thánh đệ tử sanh tử từ vô thí, vô minh trói, ái ràng buộc, chúng sanh cứ mãi qua lại sanh tử rong ruổi chẳng biết bản tế. Do hữu làm nhân, nên có sanh tử. Nhân vĩnh viễn hết thời không sanh tử, bóng tối lớn vô minh làm chướng ngại thì đâu được Bát-niết-bàn. Chỉ có khổ diệt, khổ dứt, hoàn toàn mát mẻ. Như tín căn, cũng vậy tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng nói như thế. Năm căn này tuệ căn đứng dầu, vì tuệ nhiếp trì. Ví như nhà, gác, cây đòn nóc là trên hết, do cây đòn nóc gìn giữ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 658 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có năm căn: Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Thế nào là tín căn? Nghĩa là Thánh đệ tử đối với Như Lai khởi lòng tin căn bản vững chắc thì chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các pháp thế gian không thể pha hoại. Đó gọi là tín căn. Thế nào là tinh tấn căn? Nghĩa là tứ chánh đoạn. Thế nào là niệm căn? Nghĩa là tứ niệm xứ. Thế nào là định căn? Nghĩa là Tứ thiền. Thế nào là tuệ căn? Nghĩa là tứ Thánh đế. Các công đức này đều lấy tuệ làm đầu. Ví như nhà, gác, cây đòn nóc ở trên hết. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 659 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có năm căn. Những gì là năm? Nghĩa là tín căn, tinh tân căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Thế nào là tín căn? Nấu Thánh đệ tử đối với Như Lai phát Bồ-đề tâm, được lòng tin trong sạch; đây gọi là tín căn. The nào là tinh tan căn? Nghĩa là đối với Như Lai phát Bồ-đề tâm, nỗ lực phương tiện, tinh tấn; đây gọi là tinh tấn căn. Thế nào là niệm căn? Nghĩa là đối với Như Lai, phát Bồ-đề tâm, khởi niệm; đây gọi là niệm căn. Thế nào là định căn? Nghĩa là đối với Như Lai phát Bồ-đề tâm, khởi tu tam-muội; đây gọi là định căn. Thế nào là tuệ căn? Nghĩa là đối với Như Lai phát Bồ-đề tâm, khởi tu trí tuệ; đây gọi là tuệ căn. (Còn ví dụ ve nhàf gác, đã nói như trên). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

556 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 660 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: —Có năm căn. Những gì là năm? Nghĩa là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Đôi với năm căn này tu tập, tu tập nhiêu, thời quá khứ, vị lai, hiện tại, tất cả khổ chấm dứt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như khổ chấm dứt, cứu cánh khổ biên, khổ tận, khổ tức, khổ môt, qua dòng kho; nơi trói buộc được giải thoát. Lại nữa, các sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, nhất thiết lậu tận cũng nói như thế).

KINH SỐ 661 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có hai thứ lực. Những gì là hai? Đó là số lực và tu lực. Thế nào là số lực? Nghĩa là Thánh đệ tử ở nơi góc cây, trong rừng văng, suy nghĩ răng: "Hiện tại thân làm điều ác, đời sau chịu lấy quả báo ác. Nếu ta làm thân ác hạnh, ta nên tự hối và dạy người biết hối lỗi. Ta là bậc thầy cũng nên biết hối. Ta là Đại đức Phạm hạnh, cũng nên hối. Ta dùng pháp tự quở trách, tiếng xấu của ta đồn khắp, khi chết rồi sẽ sanh vào đường ác, ở trong địa ngục. Như thế pháp hiện tại đưa đến quả báo đời sau. Dứt thân ác hạnh, tu thân thiện hạnh. Như thân làm ác? miệng nói ác5 ý nghĩ ác cũng nói như thế.” Đây gọi là số lực. Thế nào là tu lực? Nếu Tỳ-kheo học số lực, Thánh đệ tử đã thành tựu số lực thì được tu lực5 được tu lực rồi, tu lực đầy đủ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 662 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: (Như trên đã nói, chỉ có khác lấy. Thánh đệ tử học số lực đã thành tựu thì tham, nhuế, si hoặc giảm bớt, hoặc hét sạch. Như thê Thánh đệ tử căn cứ nơi sô lực, cô găng tập sô lực thì được tu lực, được tu lực rồi, tu lực đầy đủ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠP A-HÀM 557

KINH SỐ 663 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Như trên đã nói, chỉ có khác la): Thế nào là tu lực? Đó là tu tứ niệm xứ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như tu bốn niệm xứ, cũng vây tu tứ chánh đoạn, tứ nhuỷ túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát Thánh đạo phần, tứ đạo, tứ pháp cú, chỉ quản cũng nói như thế).

KINH SỐ 664 Tôi nghe như vày: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có ba thứ lực. Những gì là ba? Đó là tín lực, tinh tấn lực, tuệ lực. Lại có ba lực. Những gì là ba? Đó là tín lực, niệm lực, tuệ lực. Lại có ba lực. Những gì là ba? Đó là tín lực, định lực, tuệ lực. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 665 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ5 Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có ba lực. Đó là tín lực, tinh tấn lực, tuệ lực. Cũng thế, Tỳ-kheo nên học như vầy: "Ta nên thành tựu tín lực, tinh tấn lực, tuệ lực?9 Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. r r (Như thành tựu tinh tân lực; niệm lực, đinh lực cũng nói như thẽ).

KINH SỐ 666 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Có ba lực là tín lực, niệm lực, tuệ lực. Thế nào là tín lực? Nghĩa là Thánh đệ tử đối với Như Lai được lòng tin thanh tịnh, căn bản vững chắc thì chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn9 Bà-la-môn và những kẻ đồng pháp không thể phá

558 KINH TẠP A-HÀM

hoại được. Đây gọi là tín lực. Thế nào là tinh tấn lực? Nghĩa là tu tứ chánh đoạn. Thế nào là tuệ lực? Đó là tứ Thánh đế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Còn đôi với niệm lực, tỉnh tân lực cũng nói như trên).

KINH SỐ 667 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn lực. Những gì là bốn? Đó là tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, tuệ lực. Lại nữa, có bốn lực là tín lực, niệm lực? đinh lực, tuệ lực. Lại nữa, có bốn lực là giác lực, tinh tấn lực, vô tội lực, nhiếp lực. (Các kinh này cũng nói như ba lực trên. Chỉ khác lã): Thế nào là giác lực? Là đối với pháp thiện, bất thiện, biết như thật, có tội, không tội, tập quen, không tập quen, pháp thấp kém, pháp thù thắng, pháp đen, pháp trắng, pháp có phân biệt, pháp không phân biệt, pháp

duyên khởi, pháp phi duyên khởi biết như thật. Đây gọi là giác lực. Thế nào là tinh tấn lực? Đó là tứ chánh đoạn... (Như trước đã nói rộng). Thế nào là vô tội lực? Nghĩa là thân, miệng, ý không tạo tội. Đây gọi là vô tội lực. Thế nào là nhiếp lực? Đó là tứ nhiếp sự gồm: Tuệ thí, ái thí, lợi hành, đồng sự. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 668 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: (Như trên đã nói, chỉ có khác ỉa): Sự bố thí tối thắng là pháp thí, sự ái ngữ tối thắng là người thiện nam ưa thích nghe, đúng thời nói pháp; lợi hành tối thăng là đôi với người không tin khiên cho tin, kiên lập niềm tin; đối với người lập giới thì đem tịnh giới, đối với người bon xển thì đem bố thí; đối với người trí ác thì đem chánh trí để kiến lập. Đồng sự tối thắng, nghĩa là A-la-hán đem A-la-hán, A-na-hàm đem A-na-hàm, Tư-đà-hàm đem Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn đem Tu-đà-hoàn? người tịnh giới đem tịnh giới trao cho họ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 669 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 559

Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: (Như trên đã nóif chỉ có khác là): Nếu có pháp gì nhiếp thủ hội chúng thì tất cả đều là bốn nhiếp sự. Hoặc có một pháp bố thí, một pháp ái ngữ, hoặc một pháp lợi hành, hoặc một pháp đồng sự nhiếp thủ mà chúng hội trong thời quá khứ có được sự nhiếp thủ cũng là bốn nhiếp sự. Chúng hội đời vị lai được sự nhiêp thủ cũng là bôn nhiêp sự; hoặc có một pháp bô thí, hoặc một pháp ái ngữ, hoặc một pháp lợi hành, hoặc một pháp đông sự nhiêp thủ. Khi ay, The Ton liên noi kẹ: Bố thí và ái ngữ, Hoặc có pháp lợi hành, Đồng sự các hạnh sanh, Mỗi pháp theo thích ứng, Lấy đó nhiếp thế gian, Như xe nhờ công vận. Đời không bốn nhiếp sự, Con cái quên ân mẹ, Cũng chẳng kính trọng cha. Phụng sự với khiêm cung, Nhờ có bốn nhiếp sự, Do tùy thuận pháp đó, The nen co Đại sĩ, Đức bao trùm thế gian. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 670 Tôi nghe như vày: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có bốn lực. Những gì là bốn? Đó là giác lực, tinh tấn lực, vô tội lực, nhiếp lực... (nói như trèn). Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu bốn lực này thì sẽ được lìa năm sợ hãi. Những gì là năm? Đó là sợ chẳng sống, sợ tiếng xấu, sợ ở trong chúng, sợ chết, sợ đường ác. Đây gọi là năm điều sợ hãi. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 671 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: (Như trên đã nói, chí có điều khác là): Thánh đệ tử thành tựu bốn lực này, nên học như vầy: "Ta chẳng sợ không sống, ta do cái gì lo sợ không sống? Nếu thân làm điều xấu, miệng nói điều xấu, ý nghĩ xấu, làm các việc tà vạy, tham lam, không có lòng tin, lười biếng, không tinh tấn, thất niệm, bất đinh, ác tuệ, xan lẫn chẳng điều nhiếp, nên kẻ ấy sợ không sống. Ta có bon lực. Đó là

giác lực, tinh tấn lực, vô tội lực, nhiếp lực. Vì có bốn lực này thành tựu nên chẳng sợ.

560 KINH TẠPA-HÀM

đường dữ cũng nói như trêri), Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 672 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Có bốn lực. Đó là giác lực, tinh tấn lực, vô tội lực, nhiếp lực. Thế nào là giác lực? Nghĩa là tuệ, đại tuệ, thâm tuệ, thắng tuệ. Đó gọi la giác lực. Thế nào là tinh tấn lực? Là đã xa lìa đối với pháp bất thiện, người bất thiện, pháp đen, người dèn, pháp có tội, người có tội, pháp không nên thân cận, người không nên thân cận; còn đối với các pháp thiện, người thiện, pháp trắng, người trắng, pháp vô tội, người vô tội, pháp nên thân cận, người nên thân cận thì phải nên tu tập, tăng thượng, tinh cần, mong muốn, phương tiện, kham năng, chánh niệm, chánh trí mà học. Đó gọi là tinh tấn lực. (Vô tội lực, nhiếp lực cũng nói như trên). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 673 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có năm lực. Những gì là năm? Đó là tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 674 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác la): Các Tỳ-kheo nên học như vầy: "Ta nên gắng sức tinh tấn thành tựu tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lụ*c." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 675 Tôi nghe như vay:

KINH TẠPA-HÀM 561

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác la): Nên biết tín lực kia là bốn bất hoại tịnh, nên biết tinh tấn lực là bốn chánh đoạn, nên biết niệm lực là bốn niệm xứ? nên biết đinh lực là bốn thiền, nên biết tuệ lực là bốn Thánh đế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 676 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác tò): Thế nên các Tỳ-kheo phải học như vầy: "Ta nên thành tựu tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực/9 Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 677 A

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: Ị. —Có năm học lực. Những gì là năm? Nghĩa là

tín lực là học lực, tinh tân lực là học lực, tàm lực là học lực, quý lực là học lực, tuệ lực là học lực. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 678 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác là): Các Tỳ-kheo nên học như vầy: "Ta nên thành tựu tín lực là học lực, thành tựu tinh tấn lực là học lực, thành tựu tàm lực là học lực, thành tựu quý lực là học lực, thành tựu tuệ lực là học Iịtc." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 679

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

(Nói như trên, chỉ có khác là): Thế nào tín lực là học lực? Là đối với Như Lai khéo trụ vào tín căn kiên cố thì chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và những kẻ đồng pháp khác không thể phá hoại được. Thế nào tinh tấn lực là học lực? Đó là tứ chánh đoạn... (nói rộng như trên). Thê nào tàm lực là học lực? Đó là sự hổ thẹn, xấu hổ về sự dấy khởi điều ác5 bất thiện, thuộc về các phiền não, phải chịu lấy các khổ báo bức bách ở các cõi trong đời vị lai sanh- lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não. Đây gọi tàm lực là học lực. Thê nào quy lực là học lực? Nghĩa là các điều đáng thẹn tự lấy làm thẹn. Tự thẹn về sự dấy khởi các pháp ác bất thiện, thuộc các phiền não, phải chịu lấy các khổ báo bức bách, ở các cõi trong đời vi lai sanh-lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não. Đây gọi quý lực là học lực. Thế nào gọi tuệ lực là học lực? Nghĩa là Thánh đệ tử an trụ nơi trí tuệ, thành tựu trí tuệ? biết về thế gian sanh diệt, Hiền thánh ra khỏi chán lìa, quyết đinh hết sạch khổ. Đây gọi tuệ lực là học lực. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 680 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác la): Các Tỳ-kheo nên học như vầy: "Ta nên thành tựu tín lực là học lực; tinh tấn lực, tàm lực, quý lực, tuệ lực là học lụ*c." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 681 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo đối với thiện pháp hoặc thay đổi, hoặc thối giảm, hoặc chẳng ở lâu trong thiện pháp thì người khác đem năm pháp bạch tịnh xem xét để khiển trách Tỳ-kheo. Những gì là năm? Như nói rằng: "Ong chẳng đem lòng tin vào thiện pháp. Nếu người nương nơi đức tin, người này có thể lìa pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Ông không tinh tấn, không tàm, không quý, không trí tuệ để vào pháp lành. Nếu người nương nơi tuệ, người này có thể lìa các pháp bất thiện, tu các thiện pháp?9 Nếu Tỳ-kheo đối với Chánh pháp chẳng thay đổi, chẳng giảm sút, an trụ lâu thì người khác nên đem năm pháp bạch tịnh chúc mừng, an ủi Tỳ-kheo. Những gì là năm? Chánh tín vào thiện pháp, nếu người nương nơi đức tin sẽ lìa

pháp bát thiện, tu các pháp thiện, tinh tấn, tàm, quý, tuệ để vào thiện pháp. Nêu người nương nơi tuệ thì sẽ lìa pháp bất thiện tu các pháp thiện. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 563

KINH SỐ 682 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nêu Tỳ-kheo xả giới, giới giảm sút thì người khác nên đem năm pháp bạch tịnh để quở trách. Những gì là năm? Nếu Tỳ-kheo vì chẳng do đức tin để vào được thiện pháp, còn nếu người nương nơi đức tin thì người ấy lìa pháp bất thiện, tu các thiện pháp, chẳng do tinh tấn, tàm, quý5 tuệ để vào được thiện pháp. Nếu người nương nơi tuệ thì sẽ lìa pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Nếu Tỳ-kheo suốt đời thuần nhất, thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch thì người khác nên đem năm pháp bạch tịnh đến chúc mừng, an ủi Tỳ-kheo ấy. (Nói như trên)... Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 683 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu Tỳ-kheo không muốn pháp ác bất thiện sanh, chỉ có tin thiện pháp, nếu tín tâm giảm sút, sự bất tín còn mãi, các pháp bất thiện chắc chắn sẽ sanh... muốn khiến cho pháp ác bất thiện chẳng sanh thì chỉ có tinh tấn, tàm, quý, tuệ. Nếu tinh tấn, tàm, quý, tuệ lực giảm sút, ác tuệ còn mãi5 pháp ác bất thiện chắc chăn sẽ sanh. Nêu Tỳ-kheo nương nơi tín tâm, sẽ lìa pháp bát thiện, tu các pháp thiện, người nương nơi tinh tấn, tàm, quý, tuệ chắc chắn sẽ lìa pháp bất thiện, tu các thiện pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 684 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo đối với sắc sanh chán lìa, tham muốn dứt hẳn, không khởi, được giải thoát. Đây gọi là bậc A-la-hán Tam-miệu-tam Phật-đà. (Đối với thọ, tưởng, hành thức cũng nói như thế). Nếu Tỳ-kheo đối với sắc sanh chán lìa, tham muốn dứt hẳn không khởi, được giải thoát. Đây gọi là A-la-hán tuệ giải thoát. (Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như the). Này các Tỳ-kheo, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát có những điểm nào khác biệt?

564 KINH TẠP A-HÀM

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Ngài là gốc của pháp, là con mắt pháp, là chỗ nương tựa của pháp. Xin Ngài hãy vì chúng con nói. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ, vâng làm. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đối với pháp trước kia chưa từng nghe, mà có thể tự giác tri, hiện tại tự biết đắc Chánh giác, đối với đời vị lai có thể thuyết giảng Chánh pháp, giác ngộ cho các hàng Thanh văn các pháp như: Tứ niệm xứ, tứ chánh đoạn, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát Thánh đạo. Đây gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, đối với pháp chưa được đã được, Phạm hạnh chưa chế đã chế, có thể khéo biết đạo, khéo nói đạo, là bậc dẫn đường cho chúng sanh. về sau, hàng

Thanh văn được thành tựu theo pháp, theo đạo, ưa thích vâng lời Đại sư giáo giới, giáo thọ, khéo vào được Chánh pháp. Đây là những điểm sai khác giữa Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát. Lại nữa, Như Lai có năm lực và mười lực. Những gì là năm lực? Đó là tín lực, tinh tan lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Những gì là mười lực của Như Lai? Nghĩa là Như Lai biết như thật xứ phi xứ. Đây gọi là lực đầu tiên của Như Lai. Nếu thành tựu lực này, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đắc trí tối thắng xứ như chư Phật quá khứ, có the chuyển pháp luân ở giữa đại chúng, rong lên tiếng rống sư tử. Lại nữa, Như Lai biết như thật về sự tạo nhân thọ báo của nghiệp quá khứ, hiện tại, vị lai. Đây là lực thứ hai của Như Lai. Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thành tựu lực này, đắc trí tối thắng xứ như chư Phật quá khứ, có thể chuyển pháp luân ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử. Lại nữa, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác biết như thật về thiền giải thoát, tam-muội, chánh đạo, nhiễm ô hay thanh tinh. Đây là lực thứ ba của Như Lai. Nếu lực này thành tựu, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đắc trí tối thắng xứ như chư Phật quá khứ, có thể chuyển pháp luân ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử. Lại nữa, Như Lai biết như thật các căn tánh sai biệt của chúng sanh. Đây gọi là lực thứ tư của Như Lai. Nếu thành tựu lực này, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đắc trí tối thắng xứ như chư Phật quá khứ, có thể chuyển pháp luân ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử. Lại nữa, Như Lai biết như thật tất cả các thứ ý giải của chúng sanh. Đây gọi là lực thứ năm của Như Lai. Nếu lực này thành tựu, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đắc trí tối thắng xứ như chư Phật quá khứ, có thể chuyển pháp luân ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử.

KINH TẠPA-HÀM 565

Lại nữa, Như Lai biết như thật tất cả các thế giới của chúng sanh nơi thế gian. Đây gọi là lực thứ sáu của Như Lai. Nếu thành tựu lực này, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đắc trí tối thắng xứ như chư Phật quá khứ, có thể chuyển pháp luân ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử. Lại nữa, Như Lai biết như thật đối với nhất thiết trí xứ đạo. Đây gọi là lực thứ bảy của Như Lai. Nếu thành tựu lực này, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đắc trí tối thắng xứ như chư Phật quá khứ, có thể chuyển pháp luân ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử. Lại nữa, Như Lai đối với quá khứ đời trước mỗi mỗi việc đều nhớ rõ5 từ một đời cho đến trăm ngàn đời, từ một kiếp cho đến trăm ngàn kiếp. "Ta lúc ấy, nơi chỗ kia sanh vào chủng tộc như vậy, dòng họ như vậy, tên như vậy, ăn uống như vậy, biết khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, thọ mạng cham dứt như vậy. Ta chỗ kia chết, chỗ này sanh, chỗ kia sanh, chỗ này chết, sự sanh diệt như thế, nhân như thế, phương như thế, biết rõ sự thật về túc mạng.^, Đây gọi là lực thứ tám của Như Lai. Nếu thành tựu lực này, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đắc trí tối thắng xứ như chư Phật quá khứ, có thể chuyên pháp luân ở giữa đại chúng, rông lên tiêng rông sư tử. Lại nữa, Như Lai với thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn mắt người thường, thấy lúc chúng sanh chết, chúng sanh sanh, sắc đẹp? sắc xấu, sắc thượng, sác hạ, hướng vê đường ác, hướng vê đường lành, tùy nghiệp thọ báo, đêu biết như thật. Chúng sanh này nghiệp ác của thân thành tựu, nghiệp ác của miệng, ý thành tựu, hủy báng Hiên thánh, tạo nghiệp tà kiên; do nhân duyên này thân hoại, chết rồi đọa vào đường ác, sanh vào địa ngục. Chúng sanh này thân làm thiện, miệng nói thiện,

ý nghĩ thiện, không hủy báng Hiền thánh, tạo nghiệp chánh kiên; do nhân duyên kia khi thân hoại, chét roi sanh cõi lành, về cõi trời, đều biết như thật. Đây gọi là lực thứ chín của Như Lai. Nếu thành tựu lực này, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đắc trí tối thắng xứ như chư Phật quá khứ, có thể chuyển pháp luân ở giữa đại chúng, rống lên tiêng rông sư tử. Lại nữa, Như Lai các lậu đã hết, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết, tự thân tác chứng: "Sự sanh của Ta đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau.” Đây gọi là lực thứ mười của Như Lai. Nếu lực này thành tựu, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đắc trí tối thắng xứ như chư Phật quá khứ, có thể chuyển pháp luân ở giữa đại chúng, rông lên tiêng rông sư tử. Mười lực này chỉ có Như Lai thành tựu. Đây là những điểm khác nhau giữa Như Lai với Thanh văn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

566 > KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 685 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như đứa trè cha mẹ sanh ra giao cho người vú tùy thời vỗ về, tắm rửa, cho bú mớm, chăm sóc đúng lúc. Nêu người vú không cân thận, em bé có thê bốc cỏ hay đất, các vật dơ bỏ vào miệng. Người vú phải dạy đứa trẻ kịp thời bỏ đi. Nếu đứa trẻ không tự bỏ di, người vú phải dùng tay trái giữ dầu, tay phải móc vật nghẹn trong miệng nó. Đứa trẻ ngay khi ấy tuy chiu đau, người vú phải khổ tâm móc vật nghẹn đó ra, làm như vậy, vì muốn làm cho nó được an vui lâu dài. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Nếu đứa bé ấy khôn lớn có hiểu biết phân biệt thì còn đem cỏ, đất hoặc các vật dơ cho vào miệng không? Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa không, Thế Tôn! Đứa bé lớn lên đã hiểu biết phân biệt còn không lấy chân chạm vào vật bất tịnh, huống là cho vào miệng. Phật bảo các Tỳ-kheo: Em bé lúc còn nhỏ người vú phải chăm sóc ăn ngủ đúng giờ giấc, đến khi trưởng thành trí tuệ thành tựu người vú mới buông thả, không còn ân cần chăm sóc, vì nó đã trưởng thành, không tự buông lung nữa. Như vậy, này Tỳ-kheo, nếu các Thanh văn mới học, trí tuệ chưa đầy đủ, Như Lai tùy thời đem giáo pháp dạy dô và dìu dát. Nêu Thanh văn đã học lâu, trí tuệ sâu xa vững chác, Như Lai buông xả chăng tùy lúc ân cân dạy dô nữa, vì trí tuệ của họ đã thành tựu, không còn buông lung. The nên Thanh văn có năm thứ học lực, còn Như Lai thành tựu mười trí lực... (nói rộng như trên). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 686 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Như Lai có sáu thứ lực. Nếu sáu thứ lực này thành tựu, Như Lai, ứng Cúng? Đẳng Chánh Giác đắc trí tối thắng xứ như chư Phật quá khứ, có thể chuyển pháp luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử. Đó là trí lực đầu tiên của Như Lai biết như thật về xứ phi xứ. Lại nữa, Như Lai biết như thật quá khứ, vị lai, hiện tại, tâm ưa thích và pháp lãnh thọ... (nói rộng như trên). Đây gọi là lực thứ hai của Như Lai.

KINH TẠPA-HÀM 567

Lại nữa, Như Lai biết như thật về thiền giải thoát, tam-muội chánh thọ... (nói rộng như trêrỉ). Đây là lực thứ ba của Như Lai. Lại nữa, Như Lai biết như thật các việc nhiều đời thuộc quá khứ... (nói rộng như trên). Đây là lực thứ tư của Như Lai. Lại nữa, Như Lai với thiên nhãn thuần tịnh vượt hơn mắt thường, thấy các chúng sanh chết ở dây, sanh ở kia... (nói rộng như trên). Đây là lực thứ năm của Như Lai. Lại nữa, Như Lai đã dứt sạch kiết sử, phiền não vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, (Nói rộng như trên)... ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử. Đây là lực thứ sáu của Như Lai. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 687 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác la): Nếu có người đến hỏi Ta về Như Lai xứ phi xứ lực thì Ta sẽ vì người ấy nói đúng về Như Lai xứ phi xứ trí lực được tri kiến giác ngộ thành Đẳng chánh giác. Nêu lại có người đên hỏi Ta vê trí lực tự tâm ưa thích và phép lãnh thọ được thì Ta sẽ vì người ấy nói đúng về trí lực của Như Lai về tâm ưa thích và phép lãnh thọ được tri kiến giác ngộ thành Đẳng chánh giác. Đây gọi là trí lực thứ hai của Như Lai. Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực thiền đinh, giải thoát tam-muội9 chánh thọ của Như Lai thì Ta sẽ vì người ây nói đúng vê trí lực Như Lai thiên đinh, giải thoát, tam-muội, chánh thọ của Như Lai. Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực túc mạng thì Ta sẽ vì người ấy nói đúng vê trí lực túc mạng của Như Lai đã được tri kiên giác ngộ. Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực thiên nhãn của Như Lai thì Ta sẽ vì người ây nói đúng vê tri kiên, vê trí lực thiên nhãn của Như Lai. Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực lậu tận của Như Lai thì Ta sẽ vì người ấy nói đúng vê trí lực lậu tận của Như Lai đã được tri kiên giác ngộ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 688 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

568 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bảy thứ lực. Những gì là bảy? Đó là tín lực, tinh tấn lực, tàm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Á • yrqpi Á r-p /\ r • 1 Bây giờ, Thê Tôn noi kẹ: Tín lực, tinh tấn lực, Tàm lực và quý lực, Chánh niệm, định, tuệ lực, Đây gọi là bảy lực, Người thành tựu bảy lực, Được sạch các hữu lậu. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 689 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: (Cơ bảy lực nói như trên, chỉ có khác lấy. Thế nên Tỳ-kheo phải học như vầy: “Ta nên thành tựu tín lực? cũng vậy tinh tấn lực, tàm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực cũng nên học như vay." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 690 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Cớ bảy thứ lực nói như trên, chỉ có khác lấy. Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ: Tín lực, tinh tấn lực, Và nói tàm, quý lực, Niệm lực, đinh, tuệ lực, Đây gọi là bảy lực, Người thành tựu bảy lực, Chóng dứt các hữu lậu.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 691 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bảy lực. Những gì là bảy? Đó là tín lực, tinh tấn lực, tàm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Thế nào là tín lực? Là đối với Như Lai khởi lòng tin sau xa kiên cố mà chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và những người đồng pháp khác không thể làm hoại. Đây gọi là tín lực.

Thế nào là tinh tấn lực. Đó là tứ chánh đoạn,... (nói rộng như trên). Thế nào là tàm lực? Nghĩa là hổ thẹn về điều ác bất thiện,... (nói rộng như trên). Thế nào là quý lực? Là đối với điều đáng hổ thẹn, tự thẹn, thẹn với người về điều ác, bất thiện đã khởi,... (nói rộng như trên). Thế nào là niệm lực? Nghĩa là bốn niệm4xứ,... (nói như trên). Thế nào là đinh lực? Đó là Tứ thiền,...(nói như trên). Thế nào là tuệ lực? Đó là tứ Thánh dế,...(nói như trên). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 692 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. irv Á • \ qpl Ấ r-p/X *17 < rpi A 1 l Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có tám lực. Những gì là tám? Đó là: Tự tại là sức mạnh của vua; đoán sự là sức mạnh của quan đại thần; kết hận là sức mạnh của người đàn bà; tiếng khóc là sức mạnh của đứa trẻ; mắng chửi là sức mạnh của người ngu; suy xét chín chan là sức mạnh của người trí tuệ; nhẫn nhục là sức mạnh của người xuất gia; tính toán là sức mạnh của người hiểu biết. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 693 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. r Ạ _ • 5_ nri-1 À rin 1 9 _ _ / _ rryy _ 1 _ Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: (Nói như trênf chỉ có khác la): Tự tại là sức mạnh của vua, nghĩa là biểu hiện uy lực tự tại. Đoán sự là sức mạnh của quan đại thần, nghĩa là quan đại thần biểu lộ năng lực xét đoán sự việc. Kết hận là sức mạnh của người đàn bà, nghĩa là phương cách của người đàn bà biểu hiện ra sức kết hận. Tiếng khóc là sức mạnh của đứa trẻ, nghĩa là phương cách đứa trẻ biểu hiện ra sức mạnh bằng tiếng khóc. Mắng chửi là sức mạnh của người ngu, nghĩa là phương cách của người ngu gặp việc liền mắng chửi. Suy xét chín chắn là sức mạnh của người trí tuệ, nghĩa là người trí thường biểu hiện sự suy xét kỹ lưỡng. Nhẫn nhục là sức mạnh của người xuất gia, nghĩa là người xuất gia thường biểu hiện nhẫn nhục. Tính toán là sức mạnh của người hiểu biết, nghĩa là người đa văn thường biểu hiện tư duy tính toán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo lậu tận có bao nhiêu lực? Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Tỳ-kheo lậu tận có tám lực. Những gì là tám? Nghĩa là các Tỵ-kheo lậu tận tâm thuần hướng đến viễn ly, trôi thẳng đến viễn ly, xoay vần đến viễn

ly; thuận hướng đến xuất ly, trôi thẳng đến xuất ly, xoay vần đến xuất ly; thuận r r 9 r r y ĩ r r r

hướng đen Niêt-bàn, trôi thăng đên Niêt-bàn, xoay vân đên Niêt-bàn. Nêu thây năm dục như thây hâm lửa, thây như thê roi thì đôi với dục niệm, dục thọ, dục trước, tâm chẳng dừng trụ lâu, tu bốn niệm xứ, tứ chánh đạo, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, that Bồ-đề phần, bát Thánh đạo phần. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 695 (Như kinh Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi; Tỳ-kheo khác hỏi Phật cũng nói như thế).

KINH SỐ 696 (Kinh các Tỳ-kheo hỏi cũng nói như thế).

KINH SỐ 697 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có chín lực. Những gì là chín? Đó là tín lực, tinh tấn lực, tàm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, số lực, tu lực. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÔ 698 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có chín lực. Những gì là chín? Đó là tín lực, tinh tấn lực, tàm lực, quý lực, niệm lực, định lực5 tuệ lực5 số lực, tu lực. Thế nào là tín lực? Là đối với Như Lai khởi lòng chánh tín, sâu xa, kiên cố... (nói như trêrỉ). Thế nào là tinh tấn lực? Đó

là tứ chánh đoạn... (nói như trên). Thế nào là tàm lực?... (Nói như trên). Thế nào là quý lực?... (Nói như trên). Thế nào là niệm lực? Đó là sổng quán nội thân trên thân... (nói như trên). Thế nào la định lực? Đó là Tứ thiền. Thế nào là tuệ lực? Đó là tư Thánh đế. Thế nào là số lực? Nghĩa là Thánh đệ tử ở trong phòng vắng hoặc bên gốc cây, học như vầy: "Người thân miệng làm hạnh ác thì ở hiện tại và đời sau sẽ thọ quả báo ác."...(rộng như trên). Thế nào là tu lực? Nghĩa là tu tứ niệm xứ... (nói như trên). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 699 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Có mười lực. Những gì là mười? Đó là tự tại là sức mạnh của vua; đoán sự là sức mạnh của đại thần; máy móc là sức mạnh của công xảo; gươm đao là sức mạnh của giặc cướp; oán hận là sức mạnh của người đàn bà; tiếng khóc là sức mạnh của đứa trẻ; măng chửi là sức mạnh của người ngu; suy xét chín chăn là sức mạnh của người trí tuệ; nhẫn nhục là sức mạnh của người xuất gia; tính toán là sức mạnh của người học thức. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 700 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác la): Tự tại là sức mạnh của vua5 nghĩa là nhà vua biêu hiện uy lực tự tại. Đoán sự là sức mạnh của quan đại thân, nghĩa là quan đại thần biểu hiện công lực phán đoán sự việc. Máy

móc là sức mạnh của công xảo, nghĩa là người tạo ra máy móc biểu hiện năng lực khéo léo của mình. Gươm đao là sức mạnh của giặc cướp, nghĩa là giặc cướp biểu hiện bang the lực gươm đao. Suy tính là sức mạnh của người hiểu biết, nghĩa là sự suy nghĩ, tính toán biểu hiện sức mạnh của người hiểu biết. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 701

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

572 KINH TẠP A-HÀM

CÓ mười thứ Như Lai lực. Nếu các lực này thành tựu thì Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đắc tối thắng xứ như chư Phật quá khứ và có thể chuyển pháp luân rống lên tiếng rống như sư tử ở giữa đại chúng. Những gì là mười? Đó là Như Lai biết như thật xứ phi xứ, đây gọi là lực đâu tiên,... (cho đên sạch hết các lậu nói như trêri). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 702 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. r _ r Bay giờ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác lã): Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xứ phi xứ của Như Lai thì Ta sẽ vì người ấy nói đúng về trí lực xứ phi xứ của Như Lai đã được tri kiến, giác ngộ thành Đang chánh giác... (như the cho đen tận trí lực, nói rộng như trên). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 703 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nêu đôi với các pháp môi môi đêu thâu suốt, tác chứng thì đêu do trí vô úy của Như Lai sanh ra. Nếu Ty-kheo đến đây làm đệ tử Thanh văn của Ta, không quanh co dối trá, sanh tâm chất trực thì Ta sẽ vì người ấy nói pháp nhắc nhở, dạy bảo. Sáng sớm vì người ấy dạy dỗ, thuyết pháp đến giữa ngày người ấy được chỗ thắng tiến; hoặc chiều tối vì người ấy nhắc nhở, dạy dỗ, nói pháp đến sáng sớm được chỗ thắng tiến. Được dạy dỗ như thế xong, người ấy sanh tâm chánh trực, chân thật, thật biết là thật, chẳng thật biết là chẳng thật, trên thì biết là trên, vô thượng biết là vô thượng, điều nên biết, nên thấy, nên đắc, nên giác ngộ, người ấy đều biết rõ. Điều ấy có thể xảy ra. Nghĩa là gồm có năm học lực và mười thứ Như Lai lực. Những gì là năm học lực? Đó là tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực9 tuệ lực. Như Lai có mười thứ lực. Những gì là mười? Đó là biết như thật về xứ phi xứ... (như trên đã nói rộng về mười lực). Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xứ phi xứ thì Ta sẽ vì người ấy nói đúng như trí lực xứ phi xứ của Như Lai đã được tri kiến, giác ngộ thành Đẳng chánh giác... (cho đên trí lực lậu tậnf cũng nói như thê). Này các Tỳ-kheo! Trí lực xứ phi xứ đó Ta nói đã định, chẳng phải không định... lậu tận trí lực5 Ta nói là định chẳng phải không định. Đinh là chánh dạo, chẳng định là tà đạo. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 573

KINH SỐ 704 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nêu người không chánh tư duy, tham dục cái chưa khởi ắt hẳn sẽ khởi, tham dục cái đã khởi càng phát sinh thêm rộng. Các thứ sân nhuế cái, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa khởi sẽ khởi; các sân nhuế cái, thùy miên, trạo hối, nghi cái đã khởi lại phát sinh càng thêm rộng; niệm giác chi chưa khởi sẽ không khởi, niệm giác chi đã khởi sẽ giảm sút, trạch pháp, tinh tấn, khinh an, đinh, xả giác chi chưa khởi sẽ không khởi; trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, đinh, xả giác chi đã khởi sẽ giảm sút. A

Nêu Tỳ-kheo chánh tư duy, tham dục cái chưa khởi sẽ không khởi, tham dục cái đã khởi khiến cho dứt; các sân nhuế cái, trạo hối, thùy miên, nghi cái chưa khởi sẽ không khởi, đã khởi sẽ đoạn dứt. Niệm giác chi chưa khởi sẽ khởi, đã khởi sanh lại khiến càng thêm rộng; trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ? định, xả chưa khởi sẽ khởi, đã khởi sanh lại khiến càng thêm rộng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 705 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Có năm pháp giảm sút. Những gì là năm? Đó là năm cái: Tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi. Năm pháp giảm sút này nếu tu tập thất giác chi, tu tập nhiều khiến cho thêm rộng lớn, thời đó là pháp không giảm sút. Những gì là bảy? Đó là niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, khinh an giác chi, hỷ giác chi, định giác chi, xả giác chi. Đó gọi là pháp không giảm sút. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 706 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rưng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có năm pháp có thể làm tối tăm, làm cho không mắt, làm cho không trí, làm cho suy kém trí tuệ, chẳng minh, chẳng đẳng giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là năm? Đó là tham dục5 sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi. Năm pháp này có thể làm cho tối tăm, không mắt, không trí, chăng minh, chẳng chánh giác, chẳng chuyển đến Niết-bàn.

CÓ bảy giác chi có thể làm cho sáng sủa, hay làm cho có mắt sáng, tăng trưởng trí tuệ, là sáng suốt, là chánh giác, chuyển đến Niết-bàn. Những gì là bảy? Đó là niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, khinh an giác chi, hỷ giác chi, định giác chi, xả giác chi là ánh sáng, là con mắt làm tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển đến Niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 707 . x Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có năm chướng, năm cái làm phiền não nơi tâm, có thể làm suy kém trí tuệ và chướng ngại, chăng minh, chăng chánh giác, chăng chuyên đên Niêt- bàn. Những —gì là năm? cái: là các dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối, Đó Tham nghi. Năm cái này là che, là phủ phiền não nơi tâm, khiến cho trí tuệ suy kém, làm chướng ngại, chăng minh, chăng chánh giác, chăng

chuyên đên Niêt-bàn. Bảy giác chi là chẳng che phủ, chẳng làm phiền não nơi tâm, làm tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển đến Niết-bàn. Những gì là bảy? Đó là niệm giác chi, v.v... (nói như trên) cho đến xả giác chi. Bảy giác chi này chẳng che phủ5 chẳng làm phiền não nơi tâm, làm tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển đến Niết-bàn. Khi áy, The Ton liên noi kệ: Tham dục, sân nhuế cái, Thùy miên, trạo hối, nghi, Như năm thứ cái này, Tăng trưởng các phiền não, Làm che lấp thế gian, Dính mắc sâu khó độ? Ngăn che pháp chúng sanh, Khiên chăng thây chánh đạo. Nếu được thất giác chi, Thời có thể chiếu sáng, Chỉ lời chân thật này, Bậc Đẳng Chánh Giác nói. Niệm giác chi đứng đầu, Trạch pháp, chánh tư duy, Tinh tấn, khinh an, hỷ, Tam-muội, xả giác chi. Như thất giác chi này, Chánh đạo của Mâu-ni, Tùy thuận bậc Giác ngộ, Thoát sợ hãi sanh tử. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 708

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

KINH TẠPA-HÀM 575

Nếu có những người dòng họ quý phái, buông bỏ việc đời, xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo. Xuất gia như thế, nhưng trong số ấy có kẻ ngu si ở trong xóm làng, thành ấp5 sáng sớm đắp y, ôm bát vào làng khất thực, chẳng khéo hộ thân, chẳng giữ gìn các căn môn, chăng thu nhiêp niệm, nhìn thây thiêu nữ tươi trẻ, xinh đẹp, sanh tâm nhiễm trước, chẳng chánh tư duy, tâm rong ruổi nắm bắt tướng, theo nghĩ tưởng về sắc dục, làm cho dục tâm hẫy hừng thiêu đốt tâm, thiêu đốt thân, trở về thế gian, trả lại giới, và tự mình giảm sút, chìm đắm. Người ấy đã bỏ việc đời xuất gia học dạo, rồi trở lại nhiễm trước, tăng thêm các tội nghiệp, tự phá hoại, mê mờ, chìm đam. Có năm thứ cây lớn, hạt giống của cây rất nhỏ mà cây lớn lên thật to, có thể che khuất các cây nhỏ bị rợp bóng, các cây nhỏ gãy yếu không lớn được. Những gì là năm? Đó là cây kiện-giá-gia5 cây ca-trì-đa-la, cây a-thấp-bà-tha, cây xru-đàm-bát-la, cây ni-câu-lưu-tha. Như thế, ở trong lòng của năm thứ cây này, hạt giông rát nhỏ, roi dân dân lớn lên, che mát tát cả, làm cho các cây cành nhỏ bị bóng rợp rồi rũ rụng. Những gì là năm? Đó là tham dục cái dần dần tăng trưởng; sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái dần dần tăng trưởng, vì tăng trưởng khiên cho thiện tâm bị che phủ rũ rụng. Nêu tu tập bảy giác chi, tu tập nhiều trở thành không giảm sút. Những gì là bảy? Đó là niệm giác chi, trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, định, xả giác chi. Như thế đối với bảy giác chi tu tập, tu tập nhiều, trở thành không giảm sút. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 709 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Nếu Tỳ-kheo tâm chuyên nhất, để ý lắng nghe Chánh pháp, có thể đoạn dứt năm pháp, tu tập bảy pháp làm cho chuyển tiến đầy đủ. Thế nào là đoạn năm pháp? Đó là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái, nghi cái. Đây gọi là năm pháp. Thế nào là tu tập bảy pháp? Đó là niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, khinh an giác chi, hỷ giác chi, định

giác chi, xả giác chi, tu bảy pháp này chuyển tiến đầy đủ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 710

Tôi nghe như vay:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Thánh đệ tử là người có tín tâm trong sạch, chuyên tinh nghe pháp, có khả năng đoạn dứt năm pháp, tu tập bảy pháp, làm cho được đầy đủ. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, sân nhuế, thùy miên, trạo hôi, nghi cái. Các cái này chắc chắn được đoạn. Những gì là bảy pháp? Đó là niệm giác chi, trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ9 định, xả giác chi. Người đối với bảy pháp này tu tập đầy đủ; người có lòng tin thanh tịnh, gọi là tâm giải thoát; người trí gọi là tuệ giải thoát. Người bị tham dục nhiễm tâm, chẳng đắc, chẳng lạc; kẻ bị vô minh nhiễm tâm, trí tuệ chẳng thanh tịnh. Thế nên, Tỳ-kheo, người lìa tham dục, tâm giải thoát; người lìa vô minh, tuệ giải thoát. Nếu Tỳ-kheo kia lìa tham dục, tâm giải thoát, tự thân tác chứng; lìa vô minh, tuệ giải thoát. Đây gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kiết, mạn, vô minh được cứu cánh giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 711 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ-xà quật. Bấy giờ, có Vương tử Vô úy mỗi ngày đi bộ thong thả du hành, đi đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn chào đón, hỏi thăm, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, có Sa-môn, Bà-la-môn khởi lên cái thấy như vầy và nói như vầy: "Không nhân không duyên, chúng sanh phiền não; không nhân không duyên, chúng sanh thanh tjnh." Còn Thế Tôn thì thế nào? Phật bảo Vô Úy: Các Sa-môn, Bà-la-môn ây nói ra điêu họ chăng suy nghĩ, ngu si, chăng biện biệt, không khéo, chẳng biết suy, chẳng biết lường, nên nói như vầy: "Không nhân không duyên, chúng sanh phiền não; không nhân không duyên, chúng sanh thanh tjnh." Vì sao? Vì có nhân có duyên chúng sanh phiền não; có nhân có duyên chúng sanh thanh tịnh. Nhân gì, duyên gì mà chúng sanh phiền não? Nhân gì, duyên gì mà chúng sanh thanh tịnh? Nghĩa là chúng sanh do tham dục tăng thượng, đối với của cải, đồ vật của người khác mà khởi lòng tham và nói: "Vật này là của tôi, ưa thích chăng muôn lia." Đôi với chúng sanh khác khởi tâm niệm sân hận, hung ác, tính kế, muốn dành, muốn trói, muốn đè ép gia thêm các việc trái đạo, tạo ra các tai nạn, chang xả bỏ sân nhuế. Thân mê ngủ, tâm giải đãi, tâm dao động, bên trong chăng tịch tịnh, tâm thường nghi hoặc, nghi quá khứ, nghi vị lai, nghi hiện tại. Này Vô Úy! Do nhân như thế, duyên như thế, nên chúng sanh phiền não; do nhân như thế, duyên như thế nên chúng sanh thanh tịnh. Vô Úy bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Một phần cái đủ làm phiền não tâm, huống chi là tất cả. Vô Úy bạch Phật:

Thưa Cù-đàm9 do nhân gì, duyên gì chúng sanh thanh tịnh? Phật bảo Vô Úy: Nêu Bà-la-môn có một niệm cao đẹp quyêt định thành tựu, những điêu đã làm, đã nói từ

lâu, có thể nhớ lại, ngay lúc ấy tu tập niệm giác chi, đã tu niệm giác chi roi, thời niệm giác chi đầy đủ; niệm giác chi đã đầy đủ rồi, thời có sự chọn lựa phân biệt, tư duy. Bay giờ tu tập trạch pháp giác chi, đã tu trạch pháp giác chi roi, trạch pháp giác chi đây đủ, người ây chọn lựa, phân biệt, suy xét pháp roi thời sẽ tinh tân, nỗ lực, tinh tân giác chi. Nơi đây tu tập, đã tu tập tinh tân giác chi roi, thời tinh tấn giác chi đầy đủ. Người ấy đã nỗ lực, tinh tân rồi, thời hoan hỷ sanh, lìa các tưởng về ăn uống, tu hỷ ệiác chi, đã tu hỷ giác chi rồi, thời hỷ giác chi đầy đủ. Hỷ giác chi đã đầy đủ roi, thời thân tâm khinh an. Tu khinh an giác chi, đã tu khinh an giác chi rôi? thời khinh an giác chi đầy đủ. Thân đã khinh an thời được an vui, đã an vui thời tâm định. Tu định giác chi, đã tu định giác chi rồi? thời định giác chi đầy đủ. Định giác chi đã đầy đủ thời tham ưu diệt. Tham ưu diệt rồi, thời xả tâm sanh. Tu xả giác chi, đã tu xả giác chi rồi, thời xả giác chi đầy đủ. Như thế, Vô úy, do nhân này, duyên này nên chúng sanh thanh tịnh. Vô Úy bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Chỉ một phần của bảy pháp này cũng đủ để làm cho chúng sanh thanh tịnh, huống chi là tất cả. Vô Úy bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Kinh này tên gì và làm thế nào phụng trì? Phật bảo Vương tử Vô úy: Nên gọi đây là Kỉnh giác chỉ. Vô Úy bạch Phật: Đây là tối thắng giác phần. Thưa Cù-đàm5 con là con của vua đã an vui rồi mà cũng thường cần an vui nhimg ít ra vào. Ngày nay lên núi, tứ chi mỏi mệt, được nghe Cù-đàm nói Kinh giác chi, con liền quên hết mệt nhọc. Phật nói kinh này xong, Vương tử Vô Uy nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đàu lễ chân Phật rồi đi.

KINH SỐ 712 y

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ-xà quật,... (nói như trên, chỉ có khác lấ)\ Có Sa-môn, Bà-la-môn khởi lên cái thấy như vầy, nói như vầy: "Không nhân không duyên, chúng sanh vô tri, vô kiến; không nhân không duyên, chúng sanh có tri kiến.” (Nói rộng như thế)... Vương tử Vô úy nghe Phật dạy, hoan hỷ9 tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi cáo từ.

KINH TẠPA-HÀM 577

Thưa Cù-đàm9 do nhân gì, duyên gì chúng sanh thanh tịnh? Phật bảo Vô Úy: Nêu Bà-la-môn có một niệm cao đẹp quyết định thành tựu, những điêu đã làm, đã nói từ lâu, có thể nhớ lại, ngay lúc ấy tu tập niệm giác chi, đã tu niệm giác chi roi, thời niệm giác chi đầy đủ; niệm giác chi đã đầy đủ rồi, thời có sự chọn lựa phân biệt, tư duy. Bay giờ tu tập trạch pháp giác chi, đã tu trạch pháp giác chi roi, trạch pháp giác chi đây đủ, người ây chọn lựa, phân biệt, suy xét pháp roi thời sẽ tinh tân, nỗ lực, tinh tân giác chi. Nơi đây tu tập, đã tu tập tinh tân giác chi roi, thời tinh tấn giác chi đầy đủ. Người ấy đã nỗ lực, tinh tân rồi, thời hoan hỷ sanh, lìa các tưởng về ăn uống, tu hỷ ệiác chi, đã tu hỷ giác chi rồi, thời hỷ giác chi đầy đủ. Hỷ giác chi đã đầy đủ roi, thời thân tâm khinh an. Tu khinh an giác chi, đã tu khinh an giác chi rôi? thời khinh an giác chi đầy đủ. Thân đã khinh an thời được an vui, đã an vui thời tâm định. Tu định giác chi, đã tu định giác chi rồi? thời định giác chi đầy đủ. Định giác chi đã đầy đủ thời tham ưu diệt. Tham ưu diệt rồi, thời xả tâm sanh. Tu xả giác chi, đã tu xả giác chi rồi, thời xả giác chi đầy đủ. Như thế, Vô úy, do nhân này, duyên này nên chúng sanh thanh tịnh. Vô Úy bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Chỉ một phần của bảy pháp này cũng đủ để làm cho chúng sanh thanh

tịnh, huống chi là tất cả. Vô Úy bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Kinh này tên gì và làm thế nào phụng trì? Phật bảo Vương tử Vô úy: Nên gọi đây là Kỉnh giác chỉ. Vô Úy bạch Phật: Đây là tối thắng giác phần. Thưa Cù-đàm5 con là con của vua đã an vui rồi mà cũng thường cần an vui nhimg ít ra vào. Ngày nay lên núi, tứ chi mỏi mệt, được nghe Cù-đàm nói Kinh giác chi, con liền quên hết mệt nhọc. Phật nói kinh này xong, Vương tử Vô Uy nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đàu lễ chân Phật rồi đi.

KINH SỐ 712 y

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ-xà quật,... (nói như trên, chỉ có khác lấ)\ Có Sa-môn, Bà-la-môn khởi lên cái thấy như vầy, nói như vầy: "Không nhân không duyên, chúng sanh vô tri, vô kiến; không nhân không duyên, chúng sanh có tri kiến.” (Nói rộng như thế)... Vương tử Vô úy nghe Phật dạy, hoan hỷ9 tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi cáo từ.

578 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có chúng nhiều Tỳ-kheo sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Các Tỳ-kheo đều nghĩ rằng: "H6m nay quá sớm, chưa đến giờ khất thực, chúng ta hãy đi qua tinh xá của ngoại dạo." Chúng Tỳ-kheo liền vào tinh xá ngoại đạo, cùng với các ngoại đạo chào đón, hỏi thăm ân càn, roi lui ngôi một bên. Các ngoại đạo hỏi chúng Tỳ-kheo: Sa-môn Cù-đàm vì các đệ tử thuyết pháp khiến đoạn năm thứ che lấp tâm, làm suy kém tuệ lực, là phần chướng ngại, chẳng chuyển đến Niết-bàn; hãy trụ bốn niệm xứ, tu bảy giác phần. Chúng tôi cũng vì đệ tử nói năm thứ che lấp tâm, làm suy kém tuệ lực; hãy khéo trụ bốn niệm xứ, tu bảy giác phần. Vậy chúng tôi với Sa-môn Cù-đàm cùng nói pháp, có gì khác nhau? Các Tỳ-kheo nghe ngoại đạo nói như vậy, lòng không vui, lại còn bi chê trách, rồi từ chỗ ngồi đứng lên, bỏ đi vào thành Xá-vệ, khất thực xong, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân, sau đó đi đến đảnh lễ Phật, rồi lui ngồi một bên. Các Tỳ-kheo đem những lời nói của ngoại đạo thuật lại đầy đủ với Phật. Thê Ton bao các Tỳ-kheo: Lúc nghe ngoại đạo nói những lời này, các thầy nên hỏi ngược lại: “Nm cái" (năm thứ ngăn che) của ngoại đạo nói đáng lý có mười loại, bảy giác đáng lý có mười bốn loại. Những gì là mười loại của "năm cái" và mười bốn loại của bảy giác? Hỏi như vậy các ngoại đạo sẽ tự hoảng sợ tán loạn. Cách của ngoại đạo là sân nhuế, chê bai, kiêu mạn, hiềm hận, tâm không * \ \ . 9 r chịu nỗi hoặc . im lặng, ..

cúi đâu, làm thinh thâm nghĩ: “Vi sao ta chăng thây trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn9 Bà-la-môn? trời, người nghe lời nói của ta mà vui mừng, tùy thuận, chỉ trừ có Như Lai và chúng Thanh văn nghe những điều này thôi!95 Này các Tỳ-kheo, những gì là mười loại của "năm cai"? Đó là có tham dục bên trong, tham dục bên ngoài. Tham dục bên trong tức là “cAi”chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, chẳng chuyển đến Niết-bàn; tham dục bên ngoài tức là “cái", chăng phải trí, chăng phải đăng giác, chăng chuyên đến Niết-bàn. Đó là sân nhuê, có tướng sân nhuê. Nêu sân nhuê và tướng sân nhuế tức là "cíi", chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, chẳng chuyển đến Niết-bàn. Có

thùy, có miên; Thùy miên kia tức là chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, chẳng chuyên đên Niêt-bàn. Có trạo, có hối. Trạo hối kia tức là "cái", chẳng phải trí, chăiig phải đẳng giác, chẳng chuyển đến Niết-bàn. Có nghi thiện pháp, có nghi bất thiện pháp. Nghi thiện pháp, nghi bất thiện pháp tức là "cái”chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, chẳng chuyển đến Niết-bàn. Đây gọi là "năm c Ai" mười loại. Những gì là bảy giác phần nói là mười bốn loại? Đó là có nội pháp tâm niệm trụ, có ngoại pháp tâm niệm trụ. Nội pháp tâm niệm trụ tức là niệm giác

KINH TẠPA-HÀM 579

phần, là trí, là đẳng giác, có khả năng chuyển đến Niết-bàn. Ngoại pháp tâm niệm trụ kia tức là niệm giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết- bàn. Có chọn lựa thiện pháp, chọn lựa bất thiện pháp. Chọn lựa thiện pháp kia tức là trạch pháp giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Chọn lựa bất thiện pháp kia tức là trạch pháp giác phần, là trí, là dẳng giác, có thể chuyển đến Niet-bàn. Có tinh tấn đoạn pháp bất thiện, có tinh tan trưởng dưỡng pháp thiện. Tinh tấn đoạn pháp bất thiện tóc là tinh tấn giác phần, là trí, là đẳng giá% có thể chuyển đến Niết-bàn. Tinh tấn trưởng duỡng pháp thiện kia tức là tinh tấn giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đen Niet-ban. Có hỷ, có hỷ xứ. Hỷ kia tức là hỷ giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Hỷ xứ kia tức là hỷ giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niêt-bàn. Có thân khinh an, có tâm khinh an. Thân khinh an tức là khinh an giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Tâm khinh an kia tức là khinh an giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Có định, có tướng đinh. Định kia tức là đinh giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Tướng định kia tức là định giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Có xả thiện pháp, có xả bất thiện pháp. Xả thiện pháp kia tức là xả giác phần, là trí, la đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Xả bất thiện pháp kia tức là xả giác phần, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển đến Niết-bàn. Đây gọi là bảy giác phần, phần nói là mười bốn thứ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 714 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có chúng nhiều Tỳ-kheo... (nói như trên, chỉ có khác lấy. Có các ngoại đạo xuất gia... (nói như trêrỉ). nên lại hỏi răng: "Nêu có người tâm yêu kém, do dự9 lúc ấy nên tu những giác phần nào? Những pháp nào là tu chẳng đúng thời? Nêu tâm dao động, tâm dao động nên do dự, lúc ây nên tu những giác phần nào? Những pháp nào chẳng đúng thời? Bi hỏi như thế, các ngoại đạo chắc chan sẽ hoảng sợ, tán loạn. Họ nói sang các pháp khác, tâm sanh phẫn nhuế, kiêu mạn, chê bai, hiềm hận5 không chịu nỗi, hoặc im lặng cúi dầu, không nói được, nghĩ thâm: "Vi sao ta chăng thây ở trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn9 Bà-la-môn5 trời, người nghe ta nói sanh hoan hỷ, tùy hỷ, chỉ trừ Như Lai và chúng Thanh văn mới nghe được pháp này.” Này các Tỳ-kheo! Nêu lúc tâm người kia yêu kém, tâm do dự, người ây không nên tu khinh an giác phần, định giác phần, xả giác phần. Vì sao? Vì tâm yếu kém, do dự, tu các pháp này càng thêm yếu kém. Ví như một chút lửa muốn làm cho cháy mạnh thêm, lại để than tro vào. Này các Tỳ-kheo! The nào, chẳng phải vì thêm than tro làm cho lửa

tắt sao?

580 KINH TẠP A-HÀM

Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, đúng the! -Thế nên, các Tỳ-kheo, người yếu kém, do dự, nếu tu khinh an giác phần, đinh giác phần, xả giác phần là không đúng lúc, vì tăng thêm giải đãi. Nếu như tâm dao động dấy khởi, tâm dao động do dự5 thời không nên tu trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phàn. Vì sao? Vì tâm dao động dấy khởi, tâm dao động do dự, tu các pháp này có thể làm cho sự dao động, do dự tăng thêm. Ví như lửa cháy muốn làm cho tắt mà lại thêm cỏ khô. Các Tỳ-kheo nghĩ sao? Há không làm cho lửa cháy bùng đó sao? Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, đúng the! Phật bảo các Tỳ-kheo: -Nếu khi tâm dao động phát khởi, tâm dao động do dự mà tu trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, càng làm cho tâm thêm dao động. Này các Tỳ-kheo! Nêu tâm yêu kém sanh khởi, yêu đuôi do dự, lúc ây nên tu trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần. Vì sao? Vì tâm yếu kém sanh yếu đuối, do dự, nhờ những pháp này hướng dẫn, soi sáng làm cho hoan hỷ. Ví như chút lửa muốn cho cháy lên nên cho thêm cỏ khô. Thế nào, này các Tỳ-kheo, lửa này có cháy mãnh liệt không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, có! Phật bảo các Tỳ-kheo: Thê nên khi tâm yêu kém sanh yêu đuôi, do dự, ngay lúc ây tu trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Nêu tâm dao động sanh khởi, tâm dao động do dự, nên tu khinh an giác phần, định giác phần, xả giác phần. Vì sao? Vì tâm dao động sanh khởi, tâm dao động do dự? nhờ những phương pháp này có the khiến cho trụ trong nhất tâm nhiếp trì. Ví như lửa cháy muốn làm tắt mà đem than tro cho vào, lửa sẽ tắt. Thê nên, này các Tỳ-kheo, tâm dao động, do dự mà tu trạch pháp giác phân, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần thì chẳng hợp thời; tu khinh an giác phần, định giác phần, xả giác phần thì hợp thời. Nhờ những pháp này mà bên trong trụ nhất tâm nhiêp trì, còn niệm giác phân thì trợ giúp tất cả. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 715

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

KINH TẠPA-HÀM 581

-CÓ unăm cái", bảy giác phần, có ăn, không ăn? các Tỳ-kheo hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy nói! Ví như thân thể nhờ ăn uống mới tồn tại, đâu phải không ăn; cũng thế C6năm cái" nhờ ăn mới tồn tại, đâu phải không ăn. Tham dục cái lay gì làm thức ăn? Đó là xúc tướng. Đối với xúc tướng, chẳng chánh tư duy thì tham dục chưa khởi làm cho khởi, tham dục đã khởi làm tăng thêm rộng lớn. Đây gọi là thức ăn của tham dục cái. Sân nhuế cái lấy gì làm thức ăn? Đó là chướng ngại tướng. Đối với tướng ấy, chẳng chánh tư duy nên sân nhuế cái chưa khởi làm cho khởi, sân nhuế cái đã khởi làm tăng thêm rộng lớn. Đây gọi là thức ăn của sân nhuế cái. Thùy miên cái lấy gì làm thức ăn? Gồm có năm món. Đó là yếu đuối, không vui, ợ ngáp, ăn nhiều, lười

biếng, ở nơi ấy chẳng chánh tư duy, nên thùy miên cái chưa khởi khiến cho khởi, thùy miên cái đã khởi làm tăng thêm rộng lớn. Đây gọi là thức ăn của thùy miên cái. Trạo hối cái lấy gì làm thức an? Có bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là biết thân thuộc, biết mọi người, biết về trời, biết những khoái lạc đã trải qua, tự mình nhớ hoặc người khác làm cho nhớ lại sanh giác biết, ở nơi đó không chánh tư duy nên trạo hối chưa khởi làm cho khởi, trạo hối đã khởi làm tăng thêm rộng lớn. Đây là thức ăn của trạo hối cái. Nghi cái lấy gì làm thức ăn? Có ba đời. Những gì là ba? Đó là quá khứ, vị lai, hiện tại. Nơi đời quá khứ do dự? nơi đời vị lai do dự? nơi đời hiện tại do dự. Nơi ấy khởi tư duy chẳng chơn chánh nên nghi cái chưa khởi làm cho khởi, nghi cái đã khởi làm tăng thêm rộng lớn. Đây gọi là thức ăn của nghi cái. Ví như thân này nhờ ăn mới được nuôi lớn, đâu phải không ăn. Cũng thế bảy giác phan nhờ nơi thức ăn mới tồn tại, nhờ thức ăn trưởng dưỡng, đâu phải không ăn. Thê nào là niệm giác phân không ăn? Đó là chăng tư duy bôn niệm xứ nên niệm giác phần chưa khởi không khởi, niệm giác phần đã khởi khiến cho giảm sút. Đây gọi là niệm giác phan không ăn. Thế nào là trạch pháp giác phần không ăn? Là đối với sự chọn lựa thiện pháp, đối với sự chọn lựa bất thiện pháp, đối với sự chọn lựa chẳng tư duy, nên trạch pháp giác phần chưa khởi khiến chẳng khởi, trạch pháp giác phần đã khởi khiến cho giảm sút. Đây gọi là trạch pháp giác phần không ăn. Thế nào là tinh tấn giác phần không ăn? Là tứ chánh đoạn. Đối với tứ chánh đoạn chẳng tư duy nên tinh tấn giác phần chưa khởi làm cho không khởi, tinh tấn giác phần đã khởi làm cho giảm sút. Đây gọi là tinh tấn giác phần không ăn. Thế nào là hỷ giác phần không ăn? Có hỷ, có pháp hỷ xứ. Đối nơi ấy chẳng tư duy nên hỷ giác phần chưa khởi không khởi, hỷ giác phần đã khởi làm cho giảm sút. Đây gọi là hỷ giác phần không ăn. Thế nào là khinh an giác phần không ăn? Là có thân khinh an và tâm khinh an. Đối nơi ấy chẳng chánh tư duy nên khinh an giác phàn chưa khởi không khởi, khinh an giác phần đã khởi làm cho giảm sút. Đây gọi là khinh an giác phần không ăn.

Thế nào là định giác phần không ăn? Là có Tứ thiền, đối nơi ấy chẳng chánh tư duy nên đinh giác phần chưa khởi chăng khởi, định giác phân đã khởi làm cho giảm sút. Đây gọi là đinh giác phần không ăn. Thế nào là xả giác phần không ăn? Đó là có ba giới: Đoạn giới, vô dục giới, diệt giới. Đối với ba giới này chẳng tư duy nên xả giác phân chưa khởi không khởi, xả giác phần đã khởi làm cho giảm sút. Đây gọi là xả giác phân không ăn. Thế nào là tham dục cái không ăn? Đó là bất tinh quán. Đối nơi ấy tư duy nên khiến cho tham dục cái chưa khởi không khởi, tham dục cái đã khởi khiến cho diệt. Đây gọi là tham dục cái không ăn. Thế nào là sân nhuế cái không ăn? Đó là tư duy tâm từ. Đối nơi ấy tư duy nên khiến cho sân nhuế cái chưa khởi không khởi, sân nhuế cái đã khởi khiến cho diệt. Đây gọi là sân nhuế cái không ăn. Thế nào là thùy miên cái không ăn? Đó là sự tư duy tưởng sáng suốt. Đối nơi ấy tư duy nên khiến cho thùy miên cái chưa khởi không khởi, thùy miên cái đã khởi khiến cho diệt. Đây gọi là thùy miên cái không ăn. Thế nào là trạo hối cái không ăn? Đó là sự lặng dừng tư duy. Đối nơi ấy tư duy nên khiến cho trạo hối cái chưa khởi không khởi, trạo hối cái đã khởi liền diệt. Đây gọi là trạo hoi cái không ăn. Thế nào là nghi cái không ăn? Đó là tư duy pháp duyên khởi. Đối

nơi ấy tư duy nên khiến cho nghi cái chưa khởi không khởi, nghi cái đã khởi khiến cho diệt. Đây gọi là nghi cái không ăn. Ví như thân, nhờ ăn uông mới sông còn, nhờ nơi thức ăn đê thành lập. Cũng vậy, bảy giác phần nhờ có thức ăn mà tồn tại, nhờ thức ăn để thành lập. Thế nào là niệm giác phần có ăn? Đó là đã tư duy bốn niệm xứ nên niệm giác phần chưa khởi làm cho khởi, niệm giác phần đã khởi càng làm cho thêm rộng lớn. Đây gọi là niệm giác phan có ăn. Thế nào là trạch pháp giác phần có ăn? Là có chọn lựa thiện pháp, có chọn lựa bát thiện pháp, đã có sự tư duy kia, nên trạch pháp giác phần chưa khởi khiến cho khởi, trạch pháp giác phần đã khởi lại sanh và làm tăng thêm rộng lớn. Đây gọi là trạch pháp giác phần có ăn. Thế nào là tinh tấn giác phần có ăn? Đó là sự tư duy về tứ chánh đoạn nên khiến cho tinh tấn giác phần chưa khởi khiến cho khởi, tinh tấn giác phần đã khởi khiên cho càng thêm rộng lớn. Đây gọi là tinh tấn giác phần có ăn. Thế nào là hỷ giác phần có ăn? Đó là sự tư duy có hỷ. có hỷ xứ, nên khiến cho hỷ giác phân chưa khởi khiến cho khởi, hỷ giác phần đã khởi khiến cho càng thêm rộng lớn. Đây gọi là hỷ giác phần có ăn. Thế nào là khinh an giác phần có ăn? Đó là tư duy có thân khinh an, có tâm khinh an, nên khiến cho khinh an giác phần chưa khởi khiến cho khởi, khinh an giác phân đã khởi lại khiến cho càng thêm rộng lớn. Đây gọi là khinh an giác phân có ăn.

KINH TẠPA-HAM

Thế nào là định giác phần có ăn? Đó là tư duy có Tứ thiền nên khiến cho định giác phần chưa khởi khiến cho khởi, định giác phần đã khởi khiến cho càng thêm rộng lớn. Đây gọi là định giác phần có ăn. Thế nào là hỷ giác phần có ăn? Đó là có ba giới: Đoạn giới, vô dục giới, diệt giới. Tư duy ba giới ấy nên xả giác phần chưa khởi được làm cho khởi, xả giác phần đã khởi được khiến cho càng thêm rộng lớn. Đây gọi là xả giác phần có ăn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 716 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: ở trong nội pháp, Ta chẳng thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa khởi được khởi, pháp ác bất thiện đã khởi được thêm tăng trưởng; thiện pháp chưa khởi không khởi, đã khởi được khiến cho dứt, như là chẳng chánh tư duy. Này các Tỳ-kheo! Chẳng chánh tư duy thì tham dục cái chưa khởi được khởi, tham dục cái đã khởi được thêm tăng trưởng và khởi các sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái, nghi cái chưa khởi được khởi, đã khởi được thêm tăng trưởng; niệm giác phần chưa khởi được khiến không khỏi, đã khởi được khiến cho dứt; trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần, xả giác phần chưa khởi được khiến không khởi, đã khởi được khiên cho dứt. Ta chẳng thấy có một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa khởi không khởi, đã khởi được khiến cho dứt; thiện pháp chưa khởi được khiến cho khởi, đã khởi được khiến cho tăng trưởng, như là chánh tư duy. Này các Tỳ-kheo! Người chánh tư duy thì tham dục cái chưa khởi được khiến không khởi, đã khởi được khiến cho dứt; sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái, nghi cái chưa khởi được khiến không khởi, đã khởi khiến cho dứt; niệm giác phần chưa khởi được khiến cho khởi, đã khởi được khiến cho tăng trưởng; trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác

phần, khinh an giác phần, định giác phần, xả giác phân chưa khởi được khiên cho khởi, đã khởi được khiên cho tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 717 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HAM

Ặ • y_ _ Ặ nn _ FT-Ĩ_Ạ_ 1 1 _ — _ Bây giờ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa khởi được khởi, đã khởi được khiến cho tăng trưởng; thiện pháp chưa khởi khiến cho không khởi, đã khởi khiến cho dứt, như là kẻ ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng. Người kết bạn với ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng thì tham dục chưa khởi được khiến khởi, đã khởi được khiến cho tăng trưởng; và các sân nhuế cái, thùy miên cái5 trạo hối cái, nghi cái chưa khởi được khiến khởi, đã khởi được khiến cho tăng trưởng; niệm giác phần chưa khởi khiến không khởi, đã khởi khiến cho dứt; trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phan, đinh giác phan, xả giác phan chưa khởi được khiến không khởi, đã khởi được khiến cho dứt. Này Tỳ-kheo! Ta chẳng thấy một pháp nào mà khiến cho pháp ác bất thiện chưa khởi khiến cho không khởi, đã khởi được khiến cho dứt; thiện pháp chưa khởi được khiến cho khởi, đã khởi được khiến cho tăng trưởng, như là kết bạn với thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng. Nêu két bạn với thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng thì khiến cho tham dục cái chưa khởi khiến cho không khởi, đã khởi được khiến cho dứt; sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái, nghi cái chưa khởi khiến cho không khởi, đã khởi được khiến cho dứt; niệm giác phan chưa khởi được khiến khởi, đã khởi được khiến cho thêm tăng trưởng; trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, đinh giác phần, xả giác phần chưa khởi được khiến khởi, đã khởi được khiến cho thêm tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 718 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-v* ở rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: -Có bảy giác phan. Những gì là bảy? Đó là niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần, xả giác phần. Đối với bảy giác phần này quyết định mà được, chẳng chuyên cần mà được, ta tùy theo ý muốn giác phần chánh thọ, hoặc sớm mai, giữa trưa, hoặc chiều, nếu muốn thiền định thì tùy theo ý muốn đều nhập thiền định. Ví như vua, đại thần, có các thứ y phục để trong rương, tùy lúc cần dùng, trưa hay chiêu cân đên, liền tùy ý sử dụng tự do. Cũng thế, này các Tỳ-kheo9 bảy giác phần này ta quyết đinh mà được, chẳng chuyên cần mà được, tùy ý thiền định. Niệm giác phần này của ta thanh tịnh hoàn toàn, lúc khởi biết khởi, lúc diệt biết diệt, lúc bặt hết biết bặt hết, đã khởi biết đã khởi, đã diệt biết đã diệt. Cũng vậy? trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phàn, khinh an giác phần, định giác phân, xả giác phần... (cũng nói như thế).

KINH TẠP A-HÀM 585

Sau khi nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 719 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại ấp Ba-liên-phất, lúc ấy có Tôn giả Ưu-ba-ma5 Tôn giả A-đề-mục-đa đang cư trú trong tinh xá Kê Lâm ở ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ, Tôn giả A-đề-mục-đa sau buổi tọa thiền xế chiều, đi đến Tôn giả Ưu-ba-ma5 chào đón, hỏi thăm xong rồi lui ngồi một bên, hỏi Tôn giả ưu-ba-ma: -Tôn giả có thê biêt, phương tiện tu bảy giác phân như thê có thê được lạc trú trong chánh thọ, và cũng có thể chẳng được lạc tru trong chánh thọ chăng? Tôn giả Ưu-ba-ma đáp: -Tôn giả A-đề-mục-đa! Tỳ-kheo khéo biết phương tiện tu bảy giác phần như thế có thể được lạc trú trong chánh thọ, và cũng có thể không được lạc trú trong chánh thọ. Tôn giả A-đề-mục-đa lại hỏi: -Thế nào là Tỳ-kheo khéo biết phương tiện tu bảy giác phần? Ưu-ba-ma đáp: -Tỳ-kheo khi phương tiện tu niệm giác phần, biết tư duy, tâm chẳng thiện giải thoát, chẳng dẹp thùy miên, chẳng khéo điều phục trạo hối, như pháp giác phần niệm xứ của ta tư duy, phương tiện tinh tấn chẳng được bình đẳng. Cũng vậy, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ ệiắc phần, khinh an giác phần, định giác phần, xả giác phần... (cũng nói như thể). Nêu Tỳ-kheo, lúc thực hành tu niệm giác phân, trước tiên tư duy, tâm thiện giải thoát, dẹp thùy miên, điều phục trạo hối như ta đối với pháp niệm giác xứ tư duy rồi, chẳng phải nỗ lực, cô gắng mà được bình đẳng. Như thế, A-đề-mục- đa, Tỳ-kheo biết phương tiện tu bảy giác phan như vậy thì được lạc trú trong chánh thọ và chẳng được lạc trú trong chánh thọ. Hai vị Tôn giả đàm đạo xong, mỗi vị từ chỗ ngồi đứng lên đi.

KINH SỐ 720 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật cũng tru tại tinh xá Tùng Lâm trong nước Xá-vệ. Bấy giờ, có chúng nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật cùng nhau chào đón, hỏi thăm ân cần xong, rồi lui ngồi một bên, nói với Tôn giảA-na-luật: -Thưa Tôn giả! Khi biết phương tiện tu bảy giác phần, có phát sinh lạc trú chăng?

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo: -Tôi biết Tỳ-kheo khi nỗ lực tu bảy giác phần phát sinh lạc trú. Các Tỳ-kheo hỏi Tôn giả A-na-luật: Làm sao biết khi Tỳ-kheo nỗ lực tu niệm giác phần phát sinh lạc tru?

Tôn giả A-na-luật đáp: Tỳ-kheo nỗ lực tu niệm giác phần, khéo biết tư duy, tâm khéo giải thoát, khéo dẹp thùy miên, khéo điêu phục trạo hôi; như pháp niệm giác phân xứ này, tư duy rồi tinh tấn, nỗ lực, tâm không biếng nhác, thân khinh an, không loạn động, buộc tâm khiên được an tru, chăng loạn niệm, nhát tâm chánh thọ. Cũng vậy, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, khinh an giác phần, hỷ giác phan, đinh giác phần, xả giác phần... (cũng nói như thế). Đây gọi là biết khi Tỳ-kheo nỗ lực tu bảy giác phần phát sinh lạc trú. Sau khi nghe Tôn giả A-na-luật giải thích, các Tỳ-kheo hoan hỷ, tùy hỷ, từ chô ngôi đứng lên cáo từ.

KINH SỐ 721 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Lúc Chuyển Luân Thánh Vương

xuất hiện ở thế gian có bảy báu hiện ra là kim luân báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, chủ tạng thần báu, chủ binh thần báu. Cũng vậy, Như Lai xuất hiện ở đời cũng có bảy giác phần báu xuất hiện. Khi nhà vua trai giới ở trên lầu các, đại thần vây quanh, có kim luân báu từ phương Đông hiện ra, kim luân có một ngàn tăm, trục quay và vành bánh xe tròn, luân tướng đây đủ, rcó diêm lành này chác chăn là Chuyên Luân Thánh 9 \

Vương. Nhà vua nay quyêt định là Chuyên Luân Thánh Vương, liên đưa hai tay đỡ lấy kim luân báu đặt trên tay trái, tay phải xoay chuyển và nói rằng: "Nếu là kim luân báu của Chuyển Luân Thánh Vương thì hãy trở lại theo đường cũ mà di." Lúc ấy, luân bảo lăn trước vua, bay trong hư không, hướng về phương Đông, dạo đi đường thẳng của Thánh vương xưa. Vua theo luân bảo, tứ binh cũng theo, nếu đến phương nào luân bảo dừng lại, vua cũng dừng lại đó, tứ binh cũng dừng. Các tiểu vương ở những nước khắp phương Đông trông thấy Thánh vương đều đến quy phục. Còn Như Lai xuất hiện ở thế gian cũng có bảy giác phần xuất hiện ở thế gian. Đó là niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần, xả giác phần. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 587

KINH SỐ 722 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 ở rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Lúc Chuyên Luân Thánh Vương ra đời có bảy báu xuất hiện ở thê gian. Sao gọi là Chuyển Luân Thánh Vương khi ra đời có kim luân báu hiện ra? Nghĩa là lúc Thánh vương dòng Sát-đế-lợi đăng quang, vào ngày rằm, tắm rửa sạch sẽ? giữ gìn trai giới, ở trên lầu các, có đại thần vây quanh. Khi ấy có kim luân báu từ phương Đông xuất hiện, luân báu có ngàn cây tăm, trụ quay và vành bánh xe tròn, luân tướng đầy đủ, chơn kim bảo của cõi trời, được truyền lại từ xưa rằng, khi Đại vương Sát-đế-lợi quán đảnh vào ngày rằm Bố-tát, tắm rửa sạch sẽ, giữ gìn trai giới: “Lành thay, Đại vương khéo đến! Đây là cõi nước của vua, nước này an ổn, phồn thịnh, nhân dân an vui. Xin ngài ở đây giáo hóa người trong nước, chúng tôi xin theo ngài.” Thánh vương đáp: "Này các thôn chủ! Các người ngày nay chỉ nên khéo giáo hóa dân trong nước. Nếu có người không thuận theo hãy đến trình cho ta biết, ta sẽ như pháp giáo hóa. Các người chớ làm điều phi pháp và cũng nên khiến cho nhân dân khéo cải đổi điều phi pháp. Nếu được như thế tức là theo sự giáo hóa của ta." Bây giờ, Thánh vương từ biên Đông, cưỡi xe theo đường cũ của Thánh vương xưa, đi đên biên Nam, đên biên Nam roi vượt qua biên Nam đên biên Tây, theo đường của Thánh vương xưa, lại vượt qua biển Tây đến biển Bắc. Các tiểu vương ở các nước phương Nam, Tây, Băc nghinh đón, mời thỉnh,... (cũng nói rộng như phương Đông). Bay giờ, kim luân báu mà Thánh vương tùy tùng lại vượt qua biển Bắc, trở ve vương cung, ở trên điện Chánh Tri, giữa hư không. Đó là khi Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có kim luân báu xuất hiện ở đời. Thế nào là Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có bạch tượng báu xuất hiện ở đời? Nghĩa là như voi sắc trắng của Đại vương Sát-đế-lợi quán đảnh, sắc nó tươi đẹp, toàn thân phủ phục dưới đất. Vua thấy rồi, tâm rất hân hoan nói: "Vói báu này nay ứng đến cho ta.” Vua liền bảo tượng sư

khéo luyện tập mau điều phục voi báu này, khi điều phục xong đem đến. Thợ luyện voi vâng mạng, chưa trọn một ngày mà voi đã được điều phục, thuần thục mọi mặt, giông như con voi khác đã được luyện cả năm. Còn voi báu này chỉ được luyện tập một ngày mà cũng giông như thê. Khi điều phục xong đưa đến chỗ vua, tâu vua rằng: “Vòi này đã điều phục, xin Đại vương biết th&i."

Bấy giờ, Thánh vương xem xét tướng voi đã điều phục đầy đủ9 liền cưỡi voi báu vào lúc sáng sớm đi khắp bốn biển, đến giữa ngày trở về vương cung. Đó gọi là Chuyên Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có voi báu xuất hiện ở đời. Thế nào là Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có ngựa báu xuất hiện ở đời? Nghĩa là ngựa báu của Chuyển Luân Thánh Vương thần sắc xanh, đầu đen, đuôi đỏ. Thánh vương thấy ngựa báu? tâm sanh hân hoan, nói: "Ngựa thân này nay ứng đên cho ta." Vua liên giao thợ luyện ngựa, khiên mau luyện r y

nó, khi luyện xong đem đên. Mã sư vâng mạng, không đây một ngày mà ngựa báu kia đã được luyện tập giống như ngựa khác đã được luyện tập cả năm. Còn ngựa báu này chỉ luyện tập một ngày mà cũng được như thế. Khi biết ngựa đã thuần thục, mã sư dẫn ngựa đen tâu nhà vua: "Tâu Đại vương! Con ngựa này đã được điêu phúc." Khi ấy, Thánh vương quan sát các tướng ngựa đã được luyện đầy đủ xong, vào lúc sáng sớm, vua cưỡi ngựa báu này đi kháp bôn biên, đên giữa trưa trở vê cung vua. Đó gọi là Chuyên Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có ngựa báu xuất hiện ở đời. Thế nào là Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có châu báu ma- ni xuất hiện ở đời? Bảo châu thuộc về Chuyển Luân Thánh Vương, hình dáng 9 r — v— v .

của nó gôm tám góc, chiêu sáng ngời, không tỳ vêt? luôn luôn làm ánh đèn soi sáng cung vua. Chuyển Luân Thánh Vương thí nghiệm bảo châu. Vào đêm mưa dầm, vua đem bốn chủng binh vào vườn rừng, cầm bảo châu đi trước dẫn đường, ánh sáng từ hạt châu tỏa rạng ra xa đến một do-tuần. Đó là Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có ma-ni châu báu xuất hiện ở đời. Thế nào là Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có ngọc nữ xuất hiện ở đời? Ngọc nữ thuộc về Chuyển Luân Thánh Vương nghĩa là chẳng đen, chăng trăng, chăng cao, chăng tháp, chăng thô, chăng nhỏ, chăng mập, chăng gầy, thân thể đoan chánh, lúc lạnh thân ấm5 lúc nóng thân mát, thân thể mềm mại như áo ca-lăng-già5 các lỗ chân lông thoảng hương chiên-đàn, hơi thở ngát mùi hoa ưu-đàm-bát5 ngủ sau dậy trước, chăm nom để ý nhà vua tùy nghi phục vụ, lời nói diu dàng, khả ái, đoan tâm, chánh niệm làm phát sinh đạo ý cho vua, tâm không trái vượt, huống chi là cử chỉ lời nói. Đó là Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có ngọc nữ xuất hiện ở đời. Thế nào là Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có chủ tạng thần bảo xuất hiện ở đời? Nghĩa là đại thần chủ tạng của Chuyển Luân Thánh Vương vốn hay bố thí, khi được sanh ra đã sẵn có thiên nhãn, có thể thấy kho tàng ẩn kín có chủ hay không chủ, hoặc ở dưới nước, hoặc trong đất, hoặc xa hoặc gần? thảy đều thấy hết. Chuyển Luân Thánh Vương cần trân bảo, liền ban lệnh tùy theo chỗ cần dùng của vua, đại thần liền dâng lên. Lúc ấy, Thánh vương muốn xem thử khả năng của đại thần, ngài dong thuyền dạo trên biển, bảo đại thần kia:

"Ta cần bảo vật?5 Đại thần tâu: “Xin Vua dừng bên bờ sông một chút, hạ thần sẽ lấy bảo vật dâng len.” Vua bảo đại thần: "Ta không cần châu báu bên bờ sông, chỉ cần kim bảo. Hãy đem đến cho ta!" Bấy giờ, đại thần từ trong biển lấy ra bốn cái ché vàng chứa đầy kim bảo dâng Thánh vương. Vua tùy theo chỗ cần dùng, giữ lấy. Nếu vua lấy đủ rồi, trân bảo còn dư trả lại trong nước. Đó là Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có đại thần chủ tạng xuất hiện ở đời. Thế nào là Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có đại thần chủ binh xuất hiện ở đời? Nghĩa là có đại thần chủ binh, thông minh, tài trí, ví như người ở thế gian giỏi suy tính dễ được thành tựu, tùy chỗ cần dùng của Thánh vương, đại thần hoàn toàn tuân theo, cần di, cần ở, cần ra, cần vào, bốn chủng binh của Thánh vương đi đường xa chợt dừng, chẳng khiến cho mỏi mệt, biết tất cả điều mà vua nên làm, đem những việc làm công đức hiện tại và đời sau tâu với Thánh vương. Đó là Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có đại thần chủ binh xuất hiện ở đời. Cũng vậy, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời thì có bảy giác phần xuất hiện ở đời. Những gì là bảy? Đó là niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần, xả giác phần. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 723 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Lành thay, Tỳ-kheo! Nương nơi người nghe pháp, các Tỳ-kheo trẻ tuổi cúng dường, phụng sự vị Trưởng lão tôn túc. Vì sao? Vì Tỳ-kheo trẻ tuổi cúng dường, phụng sự Tỳ-kheo trưởng lão thì thường được nghe pháp sâu xa vi diệu; được nghe pháp sâu xa rồi, hai việc chánh được thành tựu là thân chánh và tâm chánh, lúc ây nên tu niệm giác phân; đã tu niệm giác phân, niệm giác phân đây đủ; niệm giác phần đã đủ, đối với pháp chọn lọc, phân biệt pháp, suy xét pháp, lúc ấy nên nỗ lực tu trạch pháp giác phần... xả giác phần, tu tập đầy đủ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 724 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

590 KINH TẠPA-HÀM

Ấ__ • n FT11 Á rrn A__L r _ _ z _ rrn \ 1 _

Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Như Tỳ-kheo trì giới, tu đức, tàm quý, thành tựu pháp chân thật, nếu ai thấy người này được nhiều quả báo; nếu ai còn nghe, hoặc còn nghĩ nhớ người này, hoặc theo đó xuất gia thì sẽ được nhiều công đức, huống gì lại gân gũi, cung kính, phụng sự. Vì sao? Vì người gần gũi phụng sự người ây thì thường được nghe pháp sâu xa vi diệu; đã được nghe pháp sâu xa, sẽ thành tựu hai việc chánh là thân chánh và tâm chánh, lúc ấy nên nỗ lực tu đinh giác phân, tu tập đầy đủ... xả giác phần, tu tập đầy đủ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 725 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rưng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có người cho rằng, tích tụ việc

bất thiện gọi cho đúng là năm sự ngăn che. Đó là chánh thuyết. Vì sao? Vì hoàn toàn tích tụ việc bất thiện, nên gọi là năm cái. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái, nghi cái. CÓ người cho răng, tích tụ việc thiện gọi cho đúng là bảy giác phân. Đó là chánh thuyết. Vì sao? Vì thuần nhất thanh tinh nen là bảy giác phần. Những gì là bảy? Đó là niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần, xả giác phần. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 726 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, tại tinh xá Giáp-cốc, lúc ấy Tôn giả A-nan cũng ở tại đó. Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình ở chỗ vắng, tư duy thiền đinh, nghĩ thầm: "Người có một nửa Phạm hạnh được gọi là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng; chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng.,, Sau đó, Tôn giả A-nan từ thiền định đứng lên, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con một mình ở chỗ vắng thiền tư, khởi lên ý niệm như vầy: "Nguồi có một nửa Phạm hạnh được gọi là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng; chăng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng.,, Phật bảo A-nan: -Chớ nói rằng: "Người có một nửa Phạm hạnh được gọi là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng; chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy

tùng." Vì sao? Vì thuần nhất hoàn toàn thanh tinh, Phạm hạnh trong sạch mới đáng được gọi là thiện tri thức, là thiện bạn đảng, thiện tùy tùng; chang phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng. Vì Ta là thiện tri thức nên có chúng sanh ở nơi Ta giữ lay niệm giác phan, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả; cũng vậy, trạch pháp giác phân, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần, xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Vì thế, A-nan nên biêt: uBậc Phạm hạnh thanh tịnh thuần nhất trong sạch đáng gọi là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng; chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 727 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thôn Lực Sĩ, du hành trong nhân gian, đến ở giữa khoảng thành Câu-di-na-kiệt và sông Hy-liên tại ven thôn. Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả A-nan: Hãy xếp y uất-đa-la-tăng thành bốn lớp trải cho Thế Tôn, hôm nay Ta đau lưng, muôn năm nghỉ một lát. Tôn giả A-nan liền vâng lời dạy, xếp y uất-đa-la-tăng căng thành bốn lớp, trải ra, bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn biết thời. Bấy giờ9 Thế Tôn xếp lớp y Tăng-già-lê dày để gối đầu5 nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp lên nhau, buộc niệm vào tướng sáng, chánh niệm, chánh trí, khởi giác tưởng, bảo Tôn giả A-nan: Thầy hãy nói về bảy giác phần.

Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Gọi là niệm giác phần nghĩa là Thế Tôn tự giác thành Chánh đẳng Chánh giác nói: "Nương nơi viễn ly, nương nơi vô dục, nương nơi diệt, hướng đến xả, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần, xả giác phần." Thế Tôn tự giác thành Chánh đẳng Chánh giác nói: "Y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến x Phật bảo A-nan: -Thầy nói tinh tấn

chăng? A-nan bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con nói tinh tấn. Bạch Thiện Thệ! Con nói tinh tấn. Phật bảo A-nan: Chỉ tinh tấn tu tập, tu tập nhiều sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nói xong, Thế Tôn ngồi ngay thẳng buộc niệm. Khi ấy, có một vị Tỳ-kheo kia nói kệ: Ưa nghe pháp vi diệu, Chịu đau bảo người nói, Tỳ-kheo liền nói pháp, Nói vê bảy giác phân. Lành thay! Ngài A-nan, Hiểu rõ khéo diễn nói, Pháp trong sạch, thù thắng, Nói lìa cấu vi diệu, Niệm, trạch pháp, tinh tấn, Hỷ, khinh an, đinh, xả, Đây là bảy giác phần. Khéo nói, thật vi diệu, Nghe nói bảy giác phần, Đạt sâu vị Chánh giác, Thân chịu nỗi khổ lớn, Chịu đau ngồi thẳng nghe. Hãy xem vua Chánh pháp, Thường vì người diễn nói, vẫn còn ưa nghe pháp, Huống gì người chưa nghe. Đại trí tuệ bậc nhất, Thập lực đáng tôn kính, Cũng vội vàng nhanh chóng, Đen nghe nói Chánh pháp. Người đa văn thông đạt, Khế kinh A-tỳ-dàm, Người thông hiểu Pháp, Luật, Huống gì là người khác Nghe nói pháp như thật, Chuyên tâm sáng suốt nghe, Nơi lời Phật thuyết pháp, Được lìa dục, hoan hỷ, Vui vẻ, thân khinh an. Tâm tự vui cũng thế, Tâm vui được chánh thọ, Chánh quán mọi việc làm, Nhàm chán, ghét các hữu, Lìa dục, tâm giải thoát. Nhàm chán, ghét các hữu, Chẳng sanh ở trời, người, Chẳng còn, như đèn tắt, Cứu cánh Bát-niết-bàn. Nghe pháp nhiều phước lợi, Lời pháp kia toi thang, The nen chuyên tư duy, Nghe Đại sư nói pháp. Tỳ-kheo ấy nói kệ xong, rời chỗ ngồi đứng lên từ giã.

KINH SỐ 728

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Có bảy giác phần. Những gì là bảy? Đó là niệm giác phần... xả giác phần.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 729

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ5 Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nên tu bảy giác phần. Những gì là bảy? Đó là niệm giác phần... xả giác

phần. Nếu Tỳ-kheo tu niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Cũng vậy, tu trạch pháp giác phân, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phân, định giác phân, xả giác phân, y viên ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 730 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác tó): Này các Tỳ-kheo! Quá khứ đã tu bảy giác phần như thế, vị lai cũng sẽ tu bảy giác phần như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 731

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

pv Á • y r-p-í Á FT119 A rpì \ 1 1

Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Nếu Tỳ-kheo niệm giác phần thanh tịnh, sáng suốt, không rối loạn, lìa các phiền não; chưa khởi, chẳng khởi, không phải do Phật điều phục, dạy dỗ,... xả giác phần... (cũng nói như thể). Này các Tỳ-kheo! Niệm giác phần thanh tịnh, sáng suốt, không rối loạn, lìa các phiền não; chưa khởi lại khởi, được Phật điều phục, dạy dỗ chẳng sót,... xả giác phần... (cũng nói như thể). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 732 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. _ r _ Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác lấy. Chưa Idiởi, chẳng khởi, trừ khi Thiện Thệ điều phục, dạy dỗ; nên chưa khởi mà khởi, ấy là được Thiện Thệ điều phục, dạy dỗ chứ chẳng phải người gì khác. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 733 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

594 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phạt: Bạch Thế Tôn! Nói giác phần, thế nào là giác phần?

Phật bảo Tỳ-kheo: Giác phần nghĩa là bảy pháp phẩm đạo. Nhưng này các Tỳ-kheo, bảy giác phần theo thứ lớp khởi phải tu tập đầy đủ. Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là bảy giác phần theo thứ lớp khởi phải tu tập đầy đủ? Phật bảo Tỳ-kheo: Nêu Tỳ-kheo sông quán nội thân trên thân, lúc sông quán nội thân trên thân, nhiếp tâm, buộc niệm chẳng quên. Ngay lúc ấy, nên tu tập phương tiện niệm giác phân, đã no lực tu tạp niệm giác phân5 tu tạp đay đu; đã tu tạp mem giác phàn đầy đủ, đối với các pháp chọn lựa, phân biệt suy xét. Ngay lúc ây, nên tu tập phương tiện trạch pháp giác phần, nỗ lực tu tập đầy đủ. Cũng vậy,... xả giác phân tu tập đây đủ. Như sông quán niệm nội thân trên thân, cũng vậy, sống quán niệm ngoại thân, nội ngoại thân, thọ, tâm, pháp trên pháp, ngay lúc ấy, chuyên tâm buộc niệm chẳng quên,... xả giác phần... (cũng nói như thế). Trú như the, thứ lớp giác phần khởi, thứ lớp khởi rồi, tu tập đầy đủ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lòd Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 734 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác lấy. Nêu Tỳ-kheo đã tu tập bảy giác phân như thế sẽ được hai thứ quả: Hiện tại được Niết-bàn Vô dư, sạch hét phiền não, đắc quả A-na-hàm. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 735 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác ỉă)\ Như

thế Tỳ-kheo đã tu tập bảy giác phần, tu tập nhiều rồi, đắc bốn thứ quả, bốn thứ phước lợi. Những gì là bốn? Đó là quả Tu-dà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 595

KINH SỐ 736 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. (Nói như trên, chỉ có khác tó): Nếu Tỳ-kheo tu tập bảy giác phần, tu tập nhiều rồi được bảy thứ quả, bảy thứ phước lợi. Những gì là bảy? Là Tỳ-kheo này đắc hiện pháp trí chứng lạc, nếu lúc mạng chung mà chẳng đắc hiện pháp trí chứng lạc thì đến lúc mạng chung được hết sạch năm hạ phần kiết sử, đắc Trung Bát-niết-bàn. Nếu chẳng đắc Trung Bát-niết-bàn thì đắc Sanh Bát-niết- ban; nếu chẳng đắc Sanh Bát-niết-bàn thì đắc Vô hành Bát-niết-bàn; nếu chẳng đắc Vô hành Bát-niết-bàn thì đắc Hữu hành Bát-niết-bàn. Nếu chẳng đắc Hữu hành Bát-niết-bàn thì đắc Thượng lưu Bát-niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 737

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? ở rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bay giơ, The Tôn bao các Ty-kheo:

Nói giác phần, thế nào gọi là giác phần?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là chỗ nương tưa của pháp, xin Ngài hãy vì chúng con nói, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ vâng theo. Phật bảo các Tỳ-kheo: Bảy giác phân là bảy pháp phàm đạo. Này các Tỳ-kheo! Bảy giác phân này theo thứ lớp khởi, thứ lớp khởi rồi tu tập đầy đủ. Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Thế nào là bảy giác phần thứ lớp khởi, thứ lớp khởi rồi tu tập đầy đủ? -Nếu Tỳ-kheo sống quán niệm thân trên thân, sống quán niệm thân trên thân rồi chuyên tâm, buộc niệm chẳng quên, ngay lúc ấy, nên phương tiện tu niệm giác phân, tu niệm phương tiện giác phân roi tu tập đây đủ. Đó gọi là đã tu niệm giác phân xong. Đôi với các pháp chọn lọc, ngay lúc ây nên phương tiện tu trạch pháp giác phần, đã phương tiện tu trạch pháp giác phần rồi tu tập đầy đủ. Cũng vậy, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần, xả giác phần... (cũng nói như thế). Như nội thân, cũng thế sống quán niệm ngoại thân, nội ngoại thân, thọ, tâm, pháp trên pháp, chuyên tâm buộc niệm không quên, ngay lúc ấy nên phương tiện tu niệm giác phần, phương tiện tu niệm giác phần rồi tu tập đầy đủ... xả giác phần... (cũng nói như the).

596 KINH TẠPA-HÀM

ĐÓ gọi là Tỳ-kheo đối với bảy giác phần thứ lớp khởi, thứ lớp đã khởi rồi tu tập đầy đủ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 738 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác la): Bảy giác phần này tu tập, tu tập nhiều được hai quả: Đắc hiện pháp trí Hữu dư Niết-bàn và quả A-na-hàm. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng

hành.

KINH SỐ 739

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Tpv Á • \ rpl Á r-p/X 17 z np A l *1

Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác lả): Nếu Tỳ-kheo tu tập bảy giác phần, tu tập nhiều rồi sẽ đắc bốn quả. Những gì là bốn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, Tu-dà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 740 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác là): Nêu Tỳ-kheo tu tập bảy giác phân này, tu tập nhiều rồi sẽ đắc bảy quả. Những gì là bảy? Đó là hiện tại được trí Hữu dư Niết- bàn, đến lúc mạng chung. Nấu không được như thế thì hết sạch năm hạ phần kiết sử, đắc Trung Bát-niết-bàn. Nếu không được như thế thì đắc Sanh Bát- niết-bàn. Nếu không được như thế thì đắc Vô hành Bát-niết-bàn. Nếu không được như thế thì đắc Hữu hành Bát-niết-bàn. Nếu không được như thế thì đắc Thượng lim Bát-niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 741 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 597

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nên tu bất tinh quán, tu tập nhiều rồi sẽ đắc quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là tu bất tịnh quán, tu tập nhiều rồi sẽ đắc quả lớn, phước lợi lớn? Nghĩa là Tỳ-kheo tu quán bất tịnh, cũng với niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả, tu trạch pháp, tinh tấn, hỷ5 khinh an, định, xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 742 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Nếu Tỳ-kheo tu tập, quán niệm theo cái chết, tu tập nhiều rồi sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. The nào là Tỳ-kheo tu tập quán niệm theo cái chết, tu tập nhiều rồi được quả lớn, phước lợi lớn? Nghĩa là Tỳ-kheo tu tập quán niệm theo cái chết cùng với niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả... Xả giác phần cũng nói như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 743 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại ấp Hoàng Chẩm, thuộc họ Thích. Bây giờ, chúng Tỳ-kheo sáng sớm đáp y, ôm bát vào áp Hoàng Châm khát v r r thực. Các Tỳ-kheo nghĩ thâm: "Hôm nay còn sớm, chưa đên giờ khát thực, chúng ta hãy đi qua tinh xá của ngoại dạo." Bấy giờ, các Tỳ-kheo đi vào tinh xá của ngoại dạo, cùng với các tu sĩ ngoại đạo chào đón, hỏi thăm xong, rồi ngồi một bên. Các tu sĩ ngoại đạo hỏi:

Sa-môn Cù-đàm vì các đệ tử nói pháp như sau: "Chẳng đoạn ngũ cái, làm phiền não tâm, tuệ lực yếu kém, là phần chướng ngại, chẳng vượt đến Niết- bàn. Khéo nhiếp tâm mình, trụ bon niệm xứ, tâm cùng hợp với từ, không oán hận, không tật đố, cũng không sân nhuế, rộng rãi vô lượng, khéo tu đay khắp mười phương, tất cả thế gian; tâm cùng hợp với từ, không oán hận, không tật đố cũng không sân nhuế, rộng rãi vô lượng, khéo tu tập đầy đủ. Cũng vậy, tu tập tâm cũng hợp với bi, hỷ5 xả?... (cũng nói như thế)y Chúng tôi cũng vì các đệ tử nói như thế. Vậy chúng tôi với Sa-môn Cù-đàm hai bên đều nói pháp cả, có gì khác đâu? Bấy giờ, nhiều Tỳ-kheo nghe các ngoại đạo xuất gia nói như the, tâm không vui, im lặng chẳng trách cứ, đứng lên đi ngay vào ấp Hoàng Chẩm khất thực

rồi trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân và đến đảnh lễ Phật, lui ngồi một bên, các Tỳ-kheo thuật lại lời của các tu sĩ ngoại đạo. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu các tu sĩ ngoại đạo kia nói những lời ấy, các Tỳ-kheo nên hỏi lại: Tu tập từ tâm thu thắng ở chỗ nào; tu tập bi, hỷ? xả tâm thù thắng chỗ nào? Lúc bi hỏi như thế, các ngoại đạo xuất gia sẽ hoảng sợ, hoặc nói lãng sang chuyện khác, hoặc sân, mạn, măng nhiêc, chông lại, khó chịu, hoặc im lặng, buôn bã, cúi đầu nói chẳng nên lời, mãi suy nghĩ. Vì sao? Vì Ta chẳng thấy trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn5 Bà-la-môn5 trời, người nghe Ta nói mà tùy thuận, ưa thích, chỉ trừ Như Lai và chúng Thanh văn. Tâm Tỳ-kheo cùng hợp với từ, tu tập nhiều; nơi bi tâm tối thắng thanh tịnh, tu tập, tu tập nhiều; Không nhập xứ tối thắng hỷ tâm, tu tập, tu tập nhiều; Thức nhập xứ tối thắng xả tâm, tu tập, tu tập nhiều; Vô sở hữu nhập xứ tối thắng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 744 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nêu Tỳ-kheo tu tập từ tâm, tu tập nhiêu roi sẽ đác quả lớn và được phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu tập từ tâm, tu tập nhiều được quả lớn và phước lợi lớn? Nghĩa là Tỳ-kheo ấy tâm cũng hợp với từ, tu niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả,... tu tập xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 745 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo tu Không nhập xứ, tu tập nhiều rồi đắc quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu Không nhập xứ, tu tập nhiều rồi đắc quả lớn, phước lợi lớn? Nghĩa là Tỳ-kheo tâm cùng với Không nhập xứ tu niệm giác phần, y viên ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả... tu xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đên xả. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như tu Không nhập xứ; cũng vậy, Thức nhập xứf Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phỉ phi tưởng nhập xứ, ba kỉnh khác cũng nói như trên).

KINH SỐ 746 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nêu Tỳ-kheo tu tập an-na-ban-na niệm, tu tập nhiều rồi sẽ đắc quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là tu tập an-na-ban-na niệm, tu tập nhiều rồi đắc quả lớn, phước lợi lớn? Nghĩa là vị Tỳ-kheo tâm cùng hợp với an-na-ban-na niệm tu niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả,... tu xả giác phần y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SO 747 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo tu tập vô thường tưởng, tu tập nhiều rồi sẽ đắc quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu tập vô thường tưởng, tu tập nhiều rồi sẽ đác quả lớn, phước lợi lớn? Nghĩa là Tỳ-kheo ây tâm, miệng cùng hợp với vô thường tưởng, tu tập niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả... tu xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như vô thường tưởng; cũng vây, vô thường khô tưởng, khô vô ngã tưởng, quán thực tưởng, nhát thiêt thê gian bát khả lạc tưởng, tận tưởng, đoạn tưởng, vô dục tưởng, diệt tưởng, hoạn tưởng, bát tịnh tưởng, thanh ứ tưởng, nùng nội tưởng, phùng trướng tưởng, hoại tưởng, thực bất tận tưởng, huyết tưởng, phân ly tưởng, cót tưởng, không tưởng, môi môi kỉnh đêu nói như trên).

KINH SỐ 748 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. - Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Như lúc mặt trời mọc, dấu hiệu trước tiên là tướng sáng xuất hiện. Cũng thế, này các Tỳ-kheo, chính lúc hết sạch khổ, giải thoát, tướng đầu tiên của sự dứt khổ gọi là chánh kiến. Chánh kiến ấy có thể phát khởi chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Do khởi định chánh thọ mà Thánh đệ tử tâm giải thoát khởi tham dục, san nhuế, ngu si. Như thế là tâm thiện giải thoát, Thánh đệ tử đắc chánh tri kiến rằng:

KINH TẠPA-HÀM 599

KINH SỐ 746 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nêu Tỳ-kheo tu tập an-na-ban-na niệm, tu tập nhiều rồi sẽ đắc quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là tu tập an-na-ban-na niệm, tu tập nhiều rồi đắc quả lớn, phước lợi lớn? Nghĩa là vị Tỳ-kheo tâm cùng hợp với an-na-ban-na niệm tu niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả,... tu xả giác phần y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SO 747 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo tu tập vô thường tưởng, tu tập nhiều rồi sẽ đắc quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu tập vô thường tưởng, tu tập nhiều rồi sẽ đác quả lớn, phước lợi lớn? Nghĩa là Tỳ-kheo ây tâm, miệng cùng hợp với vô thường tưởng, tu tập niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt,

hướng đến xả... tu xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như vô thường tưởng; cũng vây, vô thường khô tưởng, khô vô ngã tưởng, quán thực tưởng, nhát thiêt thê gian bát khả lạc tưởng, tận tưởng, đoạn tưởng, vô dục tưởng, diệt tưởng, hoạn tưởng, bát tịnh tưởng, thanh ứ tưởng, nùng nội tưởng, phùng trướng tưởng, hoại tưởng, thực bất tận tưởng, huyết tưởng, phân ly tưởng, cót tưởng, không tưởng, môi môi kỉnh đêu nói như trên).

KINH SỐ 748 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. - Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Như lúc mặt trời mọc, dấu hiệu trước tiên là tướng sáng xuất hiện. Cũng thế, này các Tỳ-kheo, chính lúc hết sạch khổ, giải thoát, tướng đầu tiên của sự dứt khổ gọi là chánh kiến. Chánh kiến ấy có thể phát khởi chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Do khởi định chánh thọ mà Thánh đệ tử tâm giải thoát khởi tham dục, san nhuế, ngu si. Như thế là tâm thiện giải thoát, Thánh đệ tử đắc chánh tri kiến rằng:

"Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 749 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. _ r _ Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Như do vô minh là tướng đầu tiên nên sanh ra các pháp ác bất thiện, khi ấy theo đó sanh ra vô tàm, vô quý, đã sanh vô tàm, vô quý, theo đó sanh tà kiến; tà kiến đã sanh có thể khởi tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Nếu khởi minh là tướng ban đầu sanh ra các pháp thiện, khi ấy theo đó phát sinh tàm quý, đã sanh tàm quý nên có thể sanh chánh kiến; chánh kiến đã sanh, có thể khởi chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, thứ lớp khởi; khởi chánh định rồi Thánh đệ tử được chánh giải thoát khỏi tham dục, sân nhuế, ngu si. Như vậy Thánh đệ tử đác chánh giải thoát roi thì đác chánh tri kiên răng: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 750 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo hành các pháp ác bất thiện thì tất cả đều do vô minh làm gốc, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh khởi. Vì sao? Vì vô minh là vô tri, đối với pháp thiện, bất thiện chẳng biết như thật; có tội, không tội, pháp thấp kém, pháp cao quý, pháp nhiễm 6, pháp khônệ nhiễm ô, phân biệt, chẳng phân biệt, duyên khởi, chăng duyên khởi, chăng biêt như thật. Vì chăng biết như thật nên khởi tà kiến, khởi tà kiến rồi có thể khởi tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Nếu các pháp thiện sanh thì tất cả đều do minh làm gốc, minh tập, minh sanh, minh khởi. Đối với pháp thiện, bất thiện biết như thật; đối

với tội, không tội, thân cận, chăng thân cận, pháp thấp kém, pháp cao quý, pháp ô nhiễm, pháp bạch tịnh, có phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, chẳng phải duyên khởi, thảy đều biết như thật. Biết như thật, ấy là chánh kiến. Người chánh kiến có thê khởi chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đã khởi chánh định thì Thánh đệ tử đắc chánh giải

KINH TẠPA-HÀM 601

thoát khỏi tham dục, sân nhuê, ngu si, đã giải thoát tham dục, sân nhungu si thì Thánh đệ tử này đắc chánh tri kiến, lẳng: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biêt không còn thọ thân sau.” Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 751 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nêu người tại gia hay xuât gia mà còn khởi các việc tà vạy, Ta chăng nói đên. Vì sao? Vì nêu người tại gia hay xuất gia mà còn khởi các việc tà vạy thì chẳng ưa thích Chánh pháp. Thế nào là những việc tà? Đó là tà kiến... tà định. Người tại gia hoặc xuất gia nếu khởi các việc chơn chánh sẽ được Ta khen ngợi. Vì sao? Vì người khởi các việc chơn chánh thì ưa thích Chánh pháp, quý kính đối với Chánh pháp. Thế nào là việc chánh? Đó là chánh kiến... chánh định. Bay giờ, The Ton liên noi kẹ: Tại gia và xuất gia, Mà khởi điều tà vạy, Kẻ ấy trọn chẳng ưa, Chánh pháp diệu vô thượng. Người tại gia, xuất gia, Mà khởi điều chơn chánh, Tâm người ấy thường ưa, Chánh pháp diệu vô thượng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 752 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ5 Tỳ-kheo Ca-ma đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bến, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Cái gọi là dục, thế nào gọi là dục?

Phật bảo Tỳ-kheo Ca-ma: -Dục là công năng của năm dục. Những gì là năm? Đó là nhãn thức biết rõ sắc khả ái, khả ý, khả niệm, trưởng dưỡng dục lạc. Cũng vậy, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức biết xúc khả ái, khả ý5 khả niệm, trưởng dưỡng dục lạc. Đó gọi là dục. Nhưng năm thứ đó chẳng phải là dục5 vì người đối với nó tham đắm nên gọi nó là dục. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Năm sắc tạp thế gian, Đó chẳng phải ái dục, Người tham dục giác tưởng, Đó là phàm phu dục. Các sắc trụ thế gian, Hành giả đoạn tâm dục.

602 KINH TẠPA-HÀM

Tỳ-kheo Ca-ma bạch Phật: Bạch Thế Tôn, có đạo, có đạo tích đoạn ái dục này chăng?

Phật bảo Tỳ-kheo Ca-ma: Có tám Thánh đạo có thê đoạn ái dục. Đó là chánh kiên, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 753 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo A-lê-sắc-tra đi đến chỗ Phật lễ chân Phật, rồi lui

ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, nói cam lộ, thế nào gọi là cam lộ?

Phật bảo A-lê-sắc-tra: Cam lộ là thuộc danh từ, nhưng Ta vì người đã sạch hết hữu lậu nói ra danh từ này Tỳ-kheo A-lê-sắc-tra bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có đạo, có đạo tích tu tập, tu tập nhiều, được pháp cam lộ không? Phật bảo Tỳ-kheo: -Có! Đó là tám Thánh đạo phần. Đó là chánh kiến... chánh định. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 754 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, lễ chân Phát, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nói là các điều căn bản tam-muội và phụ thuộc của các bậc Hiền thánh. Thế nào là các điều căn bản tam-muội và phụ thuộc của các bạc Hiền thánh? Phật bảo Xá-lợi-phất: Bảy chánh đạo phân vừa là căn bản tam-muội vừa là phụ thuộc tam-muội của Hiền thánh. Những gì là bảy? Đó là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm. Này Xá-lợi-phất! Đối với bảy đạo phần này Hiền thánh lấy đó làm cơ nghiệp, được chuyên nhất tâm. Đó là các pháp căn bản tam-muội và phụ thuộc của Hiền thánh.

KINH TẠPA-HÀM 603

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 755-757 (Như ba kinh trên; cũng vây ba kinh Phật hỏi các Tỳ-kheo, cũng nói như the).

KINH SỐ 758 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Kè phàm phu ngu si vô học nói về nỗi sợ hãi không mẹ, không con, và sợ hãi của kẻ có mẹ, có con. Nói như thế nhưng thật ra họ chẳng hiểu biết rõ ràng. Này Tỳ-kheo! Có ba thứ sợ hãi của người không mẹ, không con mà kẻ phàm phu ngu si vô học thường nói đến. Những gì là ba? Này các Tỳ-kheo! Khi có chiến tranh loạn lạc, tàn hại đất nước, bôn ba lưu lạc, con mất mẹ, mẹ mất con; đây là nỗi lo sợ thứ nhất không mẹ, không con thường được người phàm phu ngu si vô học nói đến. Lại nữa, Tỳ-kheo? khi có lửa lớn thình lình r r

bộc phát, đót cháy thành âp5 làng xóm, dân chúng bỏ chạy tứ tán, mẹ con thát lạc nhau; đây là nỗi lo sợ thứ hai không có mẹ? con mà kẻ phàm phu ngu si vô học thường nói đến. Lại nữa, Tỳ-kheo? khi ở trong núi có mưa to, nước r r ngập lụt cuôn trôi, làm đăm chìm làng xóm, dân chúng bỏ chạy, mẹ con thát lạc; đây là nỗi lo sợ thứ ba không có mẹ, con mà kẻ phàm phu ngu si vô học thường nói đến. Nhimg tất cả những nỗi lo sợ này là nỗi lo sợ của những người có mẹ có con mà kẻ phàm phu ngu si vô học thường nói là sợ hãi không mẹ, không con. Khi có binh đao loạn lạc tàn hại đất nước, mọi người đều bôn ba lánh nạn, mẹ con thất lạc nhau, hoặc lúc ấy mẹ con gặp nhau... đây là nỗi lo sợ thứ nhất của người có mẹ, có con mà kẻ phàm phu ngu si vô học, thường nói là nỗi sợ hãi không mẹ, không con. Lại nữa, khi có lửa lớn, thình lình bộc phát đót cháy thành ấp làng xóm, nhân dân chạy tứ tán, mẹ con thất lạc hoặc gặp lại nhau; đây là nỗi lo sợ thứ hai của người có mẹ, có con mà kẻ phàm phu ngu si vô học thường nói là nỗi lo sợ của người không mẹ? không con. Lại nữa, khi trong núi có mưa

lớn, nước dâng ngập lụt cuốn trôi, làm đắm chìm làng xóm, dân chúng bỏ chạy, mẹ con thất lạc nhau hoặc tìm gặp được nhau; đây là nỗi lo sợ thứ ba của người có mẹ, có con, mà kẻ phàm phu ngu si vô học thường nói là nỗi lo sợ hãi của người không mẹ, không con. Này các Tỳ-kheo! Có ba nỗi lo sợ của người không mẹ, không con do Ta nói ra khi Ta tự giác ngộ thành tựu đạo Vô thượng. Ba điều ấy là gì? Này các Tỳ-kheo! Nếu lúc người con già, không có người mẹ nào có thể nói: “Con chớ nên già, mẹ sẽ thay con.^, Khi người mẹ già yếu, cũng không có người

con nào có thể nói với mẹ là: "Mẹ chớ nên già, con sẽ già thay me/9 Đây là nỗi lo sợ thứ nhất của người không có mẹ con, do Ta nói ra lúc Ta tự giác ngộ, thành tựu đạo Vô thượng. Lại nữa, này các Tỳ-kheo5 khi con cái đau bệnh, bà mẹ không thể nói rằng: “Con đừng bệnh, mẹ sẽ bệnh thay con”; hoặc khi bà mẹ ốm dàu, người con cũng không thể nói: "Mẹ đừng bệnh, con sẽ bệnh thay mẹ.,, Đây là nỗi lo sợ thứ hai không mẹ con, do Ta nói ra lúc Ta tự giác ngộ, thành tựu đạo Vô thượng. Lại nữa, lúc người con chết, không có bà mẹ nào có thể nói rằng: "Con đừng chết, để mẹ chết thay cho"; hoặc lúc bà mẹ chết, không có người con nào có thể nói rằng: "Mẹ đừng chết, con xin chết thay mẹ.,, Đây là nỗi lo sợ thứ ba không có mẹ con, do Ta nói ra khi Ta tự giác ngộ, thành tựu đạo Vô thượng. Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có đạo, có đạo tích, tu tập, tu tập nhiều thì có thể chấm dứt được ba nỗi lo sợ trước của người có mẹ, con và chấm dứt ba nỗi lo sợ sau của người không có mẹ, con chăng? Phật bảo các Tỳ-kheo: Có đạo, có đạo tích làm chấm dứt ba điều sợ hãi kia. Thế nào là đạo và đạo tích tu tập, tu tập nhiêu thì châm dứt được ba nôi lo sợ có mẹ9 con trước và chấm dứt ba nỗi lo sợ không mẹ, con sau? Đó là tám Thánh đạo phần gồm có chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 759 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có ba thọ thuộc vô thường, hữu vi, do tâm phan duyên sanh. Những gì là ba? Đó là lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ. Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Có đạo, có đạo tích tu tập, tu tập nhiều đoạn được ba thọ này chăng? Phật bảo Tỳ-kheo: Có đạo, có đạo tích tu tập, tu tập nhiều đoạn dứt ba thọ này. Thế nào là đạo, the nào là đạo tích tu tập5 tu tập nhiều đoạn dứt ba thọ này? Đó là tám Thánh đạo gồm có chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 760 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thế gian có ba điều không thể vui, không thể ưa thích, không thể nghĩ nhớ. Ba điều ấy là gì? Đó là già, bệnh, chết; ba điều không thể vui, không thể ưa thích, không thể nghĩ nhớ. Thế gian nếu không có ba điều không thể vui, không thể ưa thích, không thể nghĩ nhớ này thì không có Như Lai,

ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian; thế gian cũng chẳng biết có Như Lai thuyết pháp, giáo giới, dạy dỗ. Vì thế gian có ba điều không thể vui, không thể yêu thích, không thể nghĩ nhớ này, nên Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thê gian; thê gian biêt có Như Lai thuyêt pháp, giáo giới, dạy dỗ. Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có đạo, có đạo tích chấm dứt ba điều không thể vui, không thể ưa thích, không thể nghĩ nhớ này chăng? Phật đáp các Tỳ-kheo : Có dạo, có đạo tích tu tập, tu tập nhiều, chấm dứt ba điều không thể vui, không thể ưa thích, không thể nghĩ nhớ này. Thế nào là đạo, thế nào là đạo tích tu tập, tu tập nhiều đoạn dứt ba điều không thể vui, không thể ưa thích, không thể nghĩ nhớ? Đó là tám Thánh đạo gồm có: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 761 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Ta sẽ nói vê học và vô học. Hãy lăng nghe, khéo tư duy. Thê nào là học? Nghĩa là học thành tựu chánh kiến, học thành tựu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đây gọi là học. Thế nào là vô học? Nghĩa là không còn học thành tựu chánh kiến, không còn học thành tựu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đây gọi là vô học. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như học và vô học; cũng vậy bậc Chánh sĩ, Đại sĩ, cũng nói như thể).

606 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Ta sẽ nói về bậc Thánh lậu tận. Thế nào là bậc Thánh lậu tận? Đó là bậc không còn học thành tựu chánh kiến... bậc không còn học thành tựu chánh định. Đây gọi là bậc Thánh lậu tận. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 763 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói về tám Thánh đạo phần. Những gì là tám? Đó là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 764 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Hôm nay Ta sẽ nói về sự tu tập tám Thánh đạo. Hãy lắng nghe, khéo tư duy. Thế nào là tu tập tám Thánh đạo? Là Tỳ-kheo tu tập chánh kiến, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả, tu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Đây gọi là tu tám Thánh đạo. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SO 765 Tôi nghe như vày: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Hôm nay Ta sẽ nói vê Tỳ-kheo trong quá khứ đã tu tám Thánh đạo, vị lai sẽ tu tám Thánh đạo... Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 607

KINH SỐ 766 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu Tỳ-kheo chánh kiến thanh tịnh, sáng suốt, không có lỗi lầm, lìa các phiền não, chưa khởi chẳng khởi, chỉ trừ được Phật điều phục,... chánh định... (cũng nói như thế). Nấu Tỳ-kheo chánh kiến thanh tinh, sáng suốt, không có lôi lâm, lìa các phiên não, chưa khởi có thê khởi,... chánh định... (cũng nói như the). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (... chỉ trừ Phật đã nói, trừ Thiện Thệ đã nói, cũng nói như trên).

KINH SỐ 767 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Nói về nhóm bất thiện, đó là năm cái. Đây là chánh thuyết. Vì sao? Vì nhóm thuần nhát bát thiện là năm cái. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái. Còn nói về nhóm thiện pháp, đó là tám Thánh đạo. Đây gọi là chánh thuyết. Vì sao? Vì nhóm thuần nhất thanh tịnh, thiện là tám Thánh đạo. Những gì là tám? Đó là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 768 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong tinh xá Sơn Cốc. Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình ở chỗ vắng, suy nghĩ như vầy: "Người được nửa phần Phạm hạnh gọi là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng..." Phật bảo A-nan: -Người đầy đủ Phạm hạnh, thuần nhất thanh tinh, gọi là thiện tri thức. Vì sao? Vì Ta là thiện tri thức có thê khiên cho chúng sanh tu tập chánh kiên, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả... tu chánh định, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

608 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cồ Độc. Bây giờ, Tôn giả A-nan sáng sớm đáp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. LÚC ây, có Bà-la-môn Sùìh Văn đi xe ngựa ưăng với nhiêu người tùy tùng trẻ tuôi đi ngựa trăng, xe trăng, dam ngựa trăng, roi trăng, đâu đội mũ trăng, câm lọng trắng, phất trắng, mặc y phục trắng, đeo chuỗi anh lạc trắng, dùng hương trắng xoa thân, những người đi theo đều ăn mặc màu trắng. Bà-la-môn và đoàn người này đi ra khỏi thành Xá-ve, muốn vào trong rừng để dạy dỗ, đọc tụng. Mọi người trông thấy như thế đều khen: ucỗ xe tốt! cỗ xe tốt! Đó là xe của Ba-la-mon." Lúc ấy, Tôn giả A-nan trông thấy Bà-la-môn cùng với quyến thuộc và đồ vật5 tất cả đều một màu trắng. Sau đó5 Tôn giả vào thành khất thực, rồi trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, đến đảnh lễ Phật, bạch Phật: Bạch Thế Ton! Sáng sớm hôm nay con đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, trông thấy Bà-la-môn Sinh Văn đi xe ngựa trắng, quyến thuộc và đồ vật đều một

màu trắng. Mọi người đều reo lên: ucỗ xe tốt! Đó là xe của Bà-la- môn.^, Thế nào, bạch Thế Tôn, theo Chánh pháp, Luật, đó là xe của người thế gian đi hay là xe của Bà-la-môn đi? Phật bảo A-nan: Theo Chánh pháp, Luật của Ta, là cỗ xe của người thế gian di, chẳng phải là cỗ xe của Bà-la-môn đi. Này A-nan! cỗ xe Chánh pháp, Luật của Ta, cỗ xe chư thiên, cỗ xe Bà-la-môn5 cỗ xe lớn có thể điều phục quân binh phiền não. Hãy lăng nghe, khéo tư duy. Ta sẽ vì A-nan nói. A-nan! Thê nào là cô xe Chánh pháp, Luật, là cỗ xe của chư thiên, cỗ xe của Bà-la-môn, cỗ xe lớn có the điều phục quân binh phiên não? Đó là tám Thánh đạo từ chánh kiên... chánh đinh. A-nan! Đó gọi là cỗ xe Chánh pháp, Luật, là cỗ xe của chư thiên, cỗ xe của Bà- la-môn, cỗ xe lớn có thể điều phục quân binh phiền não. r _ Bay giơ, The Ton liên noi kệ: Tín, giới là cái ách, Tàm, quý làm dây dàm5 Chánh niệm khéo giữ gìn, Là người khéo điều ngự. Xả? tam-muội: Càng xe, Trí tuệ và tinh tấn, Ví như là bánh xe, Vô trước và nhẫn nhục, Là giáp sắt che chở, An ổn đi đúng phép, Tiến thẳng chẳng trở lui, Trọn không còn lo âu, Bậc trí lái chiếc xe, Nhiếp phục vô trí oán.

KINH SỐ 770 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 609

qpv Á • y r-pi Á FTp /\ 19 r r-p \ i L ——

Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nên lìa tà kiến, nên đoạn tà kiến. Nấu tà kiến không thể dứt được thì Ta tuyệt chăng nói nên lìa, nên đoạn tà kiên. Vì tà kiên có thê dứt được nên Ta nói Tỳ-kheo nên lìa tà kiến. Nếu chẳng lìa tà kiến, tà kiến ấy sẽ làm những điều sai lầm và chiu khổ, chẳng được lợi ích. Vì thế Ta nói nên lìa tà kiến. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định... (cũng nói như thế). Này các Tỳ-kheo! Lìa tà kiến rồi nên tu chánh kiến. Nếu chánh kiến không tu được, Ta trọn chẳng nói tu tập chánh kiến. Do chánh kiến tu được, Ta mới nói Tỳ-kheo nên tu chánh kiến. Nếu chẳng tu chánh kiến sẽ làm những điều sai lầm, chiu khổ và chẳng được lợi ích. Do chẳng tu chánh kiến, làm điều sai lầm, chịu khổ và chẳng lợi ích. Vì thế, Ta nói nên tu chánh kiến để được nhiều lợi ích và luôn luôn được an vui. The nên, Tỳ-kheo nên tu chánh kiến. Cũng vậy, tu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định... (cũng nói như the). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 771 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sinh Văn đi đến chỗ Phật chào đón, hỏi thăm ân cần, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Nói chẳng phải bờ bên kia và bờ bên kia, thế nào là chẳng phải bờ bên kia, thế nào là bờ bên kia? Phật đáp Bà-la-môn: -Tà kiến chẳng phải là bờ bên kia. Chánh kiến là bờ bên kia. Tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chẳng phải là bờ bên kia. Chánh kiến là bờ bên kia; chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định là bờ bên kia. LÚC ây, Thê Ton liên noi kẹ: Thật hiếm có những người, Qua được bờ bên kia, Tất cả các thế gian, Quanh quẩn bên bờ này. ở

trong Chánh pháp, Luật, Người khéo hay tùy thuận, Có the qua bờ kia, Bờ sanh tử khó qua. Bà-la-môn Sinh Văn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ? tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên đi.

KINH SỐ 772-774 (Cũng vậy, Tỳ-kheo khác nghe Tôn giảA-nan hỏi Phật, hỏi các Tỳ-kheo, ba kỉnh này cũng nói như trên).

610 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa khởi phát khởi, khởi rồi khiển thêm tăng trưởng lứiư là không chánh tư duy. Này các Tỳ-kheo! Người không chánh tư duy, tà kiến chưa khỏi khiến khởi, khởi rồi khiến thêm tăng trưởng. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định... (cũng nói như thế). Này các Tỳ-kheo! ở trong nội pháp, Ta chẳng thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa khởi không khởi; pháp ác bất thiện đã khởi rồi khiến cho diệt, như là chánh tư duy. Này các Tỳ-kheo! Người chánh tư duy, tà kiến chưa khởi sẽ không khởi, đã khởi rồi khiến cho diệt. Như tà kiến; cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định... (cũng nói như thể). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 776 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho thiện pháp chưa khởi không khởi, thiện pháp khởi rồi khiên cho thối chuyển, như là không chánh tư duy. Này các Tỳ-kheo! Người không chánh tư duy thì chánh kiến chưa khởi khiến cho không khởi, chánh kiến khởi rồi khiến cho thối chuyển. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh đinh chưa khởi khiến không khởi, khởi rồi khiến cho thối chuyển. Này các Tỳ-kheo! ở trong nội pháp, Ta không thấy có một pháp nào có thể khiến cho thiện pháp chưa khởi phát khởi, thiện pháp khởi rồi khiến càng thêm tăng trưởng, như là chánh tư duy. Này các Tỳ-kheo! Người chánh tư duy thì chánh kiên chưa khởi khiến phát khởi, chánh kiến khởi rồi khiến càng thêm tăng trưởng. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa khởi khiến cho phát khởi, khởi rồi càng khiến thêm tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 777 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 611

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: ở trong nội pháp, Ta chẳng thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa khởi phát khởi, pháp ác bất thiện khởi rồi khiến thêm tăng trưởng, thiện pháp chưa khởi không khởi, thiện pháp khởi rồi khiến cho thối chuyển, như là không chánh tư duy. Này các Tỳ-kheo! Người không chánh tư duy tà kiến chưa khởi khiến khởi, tà kiến khởi rồi càng khiến thêm tăng trưởng, chánh kiến

chưa khởi, không khởi, chánh kiến khởi rồi khiến cho thối chuyển. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà đinh chưa khởi khiến khởi, khởi rồi khiến cho tăng trưởng; chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa khởi không khởi, khởi rồi khiến cho thối chuyển. Này các Tỳ-kheo! ở trong nội pháp, Ta chẳng thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa khởi Idiông khởi, pháp ác bất thiện đã khởi khiến cho diệt, thiện pháp chưa khởi khiến cho khởi, thiện pháp khởi rồi khiến cho tăng trưởng như là chánh tư duy. Này các Tỳ-kheo! Người chánh tư duy khiến cho tà kiến chưa khởi không khởi, ta kiến khởi rồi khiến cho diệt; chánh kiến chưa khởi khiến cho khởi, chánh kiến khỏi rồi khiến thêm tăng trưởng. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa khởi khiến không khởi, khởi rồi khiến cho diệt; chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa khởi khiến cho khởi, khởi rồi khiến cho tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 778 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: - ở trong ngoại pháp (ngoài Phật pháp), Ta không thấy có một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa khởi khiến cho khởi, pháp ác bất thiện khởi rồi khiến cho tăng trưởng như là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng. Này các Tỳ-kheo! Ac tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng có thê khiên cho tà kiên chưa khởi khiến phát khởi, tà kiến khởi rồi càng khiến cho tăng trưởng. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa khởi khiến cho khởi, khởi rồi khiến cho tăng trưởng. Này các Tỳ-kheo! ở trong ngoại pháp, Ta không thấy có một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa khởi không khởi, pháp ác bất thiện khởi rồi khiến cho diệt như là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng. Này các Tỳ-kheo! Thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng có thể khiến cho tà kiến chưa khởi không khởi, tà kiến khởi rồi khiến cho diệt. Tà chí, tà ngữ, tà nghiệp,

tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà đinh chưa khởi không khởi, khởi rồi khiến cho diệt. Phật nỏi kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 779 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -ở trong ngoại pháp, Ta chẳng thấy một pháp nào có thể khiến cho thiện pháp chưa sanh được sanh, thiện pháp đã sanh rồi khiến cho thêm tăng trưởng, như là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tuy tùng. Này các Tỳ-kheo! Thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng có thể khiến cho chánh kiến chưa sanh được sanh, chánh kiến đã sanh rồi lại khiến cho tăng trưởng. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh khiến sanh, đã sanh rồi khiến cho thêm tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 780 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: ở trong ngoại pháp, Ta chẳng thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh được sanh, pháp ác bất thiện đã sanh rồi khiến cho thêm tăng trưởng; thiện pháp chưa sanh không sanh, thiện pháp đã sanh rồi khiến cho tiêu diệt như là ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng. Này các Tỳ-kheo! Ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng có the khiến cho tà kiến chưa sanh được sanh, tà kiến đã sanh rồi khiến cho thêm tăng trưởng, chánh kiến chưa sanh khiến được sanh, chánh kiến đã sanh rồi khiến cho giảm sút. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh khiến được sanh, đã sanh rồi lại khiến cho thêm tăng trưởng, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh khiến chẳng sanh, đã sanh rồi khiến cho giảm sút. Này Tỳ-kheo! Đối với ngoại pháp, Ta chẳng thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh chẳng sanh, pháp ác bất thiện đã sanh rồi lại khiến cho diệt, thiện pháp chưa sanh khiến được sanh, thiện pháp đã sanh khiến cho thêm tăng trưởng như là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng. Này các Tỳ-kheo! Thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng có thể khiến cho tà kiến chưa sanh chẳng sanh, tà kiến đã sanh rồi khiến cho tiêu diệt, chánh kiến chưa sanh khiên sanh, chánh kiên đã sanh roi khiên cho thêm tăng trưởng. Cũng

vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh khiên chăng sanh, đã sanh rồi khiến cho tiêu diệt; chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh khiến sanh, đã sanh rồi khiến cho thêm tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 781 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: - ở trong nội pháp, Ta chẳng thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh được sanh, đã sanh rồi khiến cho thêm tăng trưởng, thiện pháp chưa sanh chăng sanh, thiện pháp đã sanh roi khiên cho giảm sút, như là chẳng chánh tư duy. Này các Tỳ-kheo! Người chẳnệ chánh tư duy có thể khiến cho tà kiến chưa sanh được sanh, tà kiến đã sanh roi khiến cho thêm tăng trưởng, chánh kiến chưa sanh chẳng sanh, chánh kiến đã sanh rồi khiến cho giảm sút. Này các Tỳ-kheo! ơ trong nội pháp, Ta chăng thây một pháp nào có thê khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh chẳng sanh, pháp ác bất thiện đã sanh khiến cho tiêu diệt, thiện pháp chưa sanh khiến sanh, thiện pháp đã sanh rồi khiến cho thêm tăng trưởng, như là chánh tư duy. Này các Tỳ-kheo! Người chánh tư duy có thể khiến cho tà kiến chưa sanh chẳng sanh, tà kiến đã sanh khiên cho tiêu diệt, chánh kiên chưa sanh khiên sanh, chánh kiên đã sanh roi khiến cho thêm tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như nói về tà kiến, chánh kiến; cũng vậy, tà chỉ, chảnh chí, tà ngữ, chảnh ngữ, tà nghiệp, chánh nghiệp, tà mạng, chánh mạng, tà phương tiện, chánh phương tiện, tà niệm, chảnh niệm, tà đinh, chánh đinh. Bảy kỉnh cũng nói như trên. Như tám kinh nói ve nội pháp; cũng vậy tám kỉnh

nói ve ngoại pháp cũng nói như the).

KINH SỐ 782 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. r n Ạ _ ! n r rr<-| _L_ Ạ FT1 _ _ L ? _ 1 L Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Có phi pháp và pháp. Hãy lăng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thây giảng nói! Những gì là phi pháp và pháp? Nghĩa là tà kiến là phi pháp, chánh kiến là pháp... tà đinh là phi pháp, chánh định là pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Như kinh nói về phi pháp và pháp; cũng vậy nói về phỉ luật, chảnh luật, 9

phi Thánh và Thánh, bát thiện pháp và thiện pháp, chăng phải tập pháp và tập pháp, chẳng phải pháp thiện tai và pháp thiện tai, hắc pháp và bạch pháp, phi nghĩa và chánh nghĩa, pháp thấp kém và pháp cao thượng, pháp có tội và pháp vô tội, pháp nên bỏ và pháp chẳng bỏ, moi moi kinh đều nói như trên).

KINH SỐ 783 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Câu-diệm-di, trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cũng ở tại đó. Khi ấy, có Bà-la-môn đi đến chỗ Tôn giả A-nan? chào đón, hỏi thăm ân cần xong rồi lui ngồi một bên, thưa Tôn giả A-nan: -Tôi có điêu muôn hỏi, Tôn giả co rảnh đe giải đáp cho chăng? Tôn giả A-nan đáp: -Tùy câu hỏi của Bà-la-môn? tôi sẽ đáp theo sự hiểu biết của mình. Bà-la-môn hỏi: Thưa Tôn giả A-nan! Vì sao Tôn giả ở nơi Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? Tôn giả A-nan đáp: -Này Bà-la-môn! Vì đoạn dứt. Đoạn dứt cái gì? -Đoạn dứt tham dục, sân nhuế, đoạn dứt ngu si. Bà-la-môn lại hỏi: -Có đạo, có đạo tích, có thể làm đoạn dứt tham dục, sân nhuế, ngu si không? Tôn giả A-nan đáp: Có. Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Bà-la-môn nói: -Thưa Tôn giả A-nan! Cao quý thay đạo ấy, cao quý thay đạo tích ấy, tu tập, tu tập nhiều, có thể đoạn dứt tham, sân, si ấy. Trong lúc Tôn giả A-nan thuyết pháp, Bà-la-môn kia nghe lời Tôn giả dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngoi đứng lên từ giã. (Giống như nói về đoạn tham, nhuế, si; về điều phục tham, nhuế, si và đắc Niêt-bàn cũng chán lìa và chăng hướng đên Niêt-bàn, cùng với nghĩa Sa-môn và nghĩa Bà-la-mônf cùng với giải thoát và kho đoạn dứt, cứu cánh ngằn mé kho và chính thức dứt khổ, mỗi mỗi kỉnh đều nói như trên).

KINH SỐ 784 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Có tà, có chánh. Hãy lắng nghe, khéo suy nghi, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là tà? Đó là tà kiến... tà đinh. Thế nào là chánh? Đó là chánh kiến... chánh định. Thế nào là chánh kiến? Nghĩa là nói có bố thí, có trì trai, có thiện hành, có ác hành, có quả báo thiện ác hành, có đời này, có đời khác, có cha mẹ, có chúng sanh sanh, có A-la-hán khéo đến, khéo hướng đến, có đời này, đời khác, tự biết, đầy đủ tác chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Thế nào là chánh chí? Nghĩa là suy nghĩ về xuất ly nhuế, về vô nhuế, về bất hại nhuế. Thế nào là chánh ngữ? Nghĩa

là xa lìa nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói thêu dệt. Thế nào là chánh nghiệp? Nghĩa là xa lìa sát sanh, trộm cắp, dâm dục. Thê nào là chánh mạng? Nghĩa là đúng như pháp câu y phục, âm thực, ngọa cụ, thuốc thang, chứ chẳng phải không như pháp. Thế nào là chánh phương tiện? Nghĩa là muốn tinh tấn, phương tiện xuất ly, cố gắng kham năng, thường hành không giảm sút. Thế nào là chánh niệm? Nghĩa là nghĩ nha tùy thuận nghĩ nhớ, không dối, không hư. Thế nào là chánh định? Nghĩa là an trụ, tâm không tán loạn, kiên cố, nhiếp trì, lặng ngưng, nhất tâm tam-muội. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 785 Tôi nghe như vay: Một thòi, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, The Ton bao các Ty-kneo: (Nói như trên, chỉ có khác là): Thế nào là chánh kiến? Chánh kiến có hai thứ: Có thứ chánh kiến thuộc thế tục hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành; có thứ chánh kiến thuộc bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh dứt sạch kho, đưa đen giải thoát. Thế nào là chánh kiến hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành? Nghĩa là nếu người kia thấy có bố thí, có nói về bố thí,.. biết thế gian có A-la-hán

chăng thọ thân sau. Đó gọi là thê gian chánh kiên, hữu lậu, thuộc thê tục, có chấp thủ, hướng đến đường lành. Thế nào là chánh kiến của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thiX chơn chánh dứt sạch khổ, đưa đến giải thoát? Nghĩa là Thánh đệ tử tư duy về khô khô, tư duy vê tập, diệt đạo, đạo tích, tư duy vê vô lậu phù hợp với pháp đã chọn lọc, phân biệt, suy tìm, giác tri sáng suốt, tỉnh giác quan sát. Đây gọi là chánh kiến của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh dứt sạch khổ, hướng đến giải thoát. Thế nào là chánh chí? Chánh chí có hai thứ: Có thứ chánh chí thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành; có thứ chánh chí của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh sạch hết khổ, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh chí thuộc thế tục hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành? Đó là chánh chí tư duy vê giải thoát, tư duy vê không sân, tư duy vê chẳng hại. Đó gọi là chánh chí thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành. Thế nào là chánh chí của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh tận khổ, đưa đến giải thoát? Đó là Thánh đệ tử tư duy về khổ khổ, tư duy về tập, diệt đạo, đạo tích, tư duy về vô lậu, tâm pháp tương ưng, phân biệt tự quyết, ý hiểu rõ, đo lường rành rẽ. Đó gọi là chánh chí của bậc Thánh xuất jT r • 9 * r e thê gian, vô lậu, không châp thủ, chơn chánh dứt sạch khô, đưa đên giải thoát. Thế nào là chánh ngữ? Chánh ngữ có hai thứ: Có thứ chánh ngữ thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành; có thứ chánh ngữ của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh sạch hết khổ, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh ngữ thuộc thế tục hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành? Đó là lời nói chơn chánh: Lìa nói dối, nói hai lưỡi, nói hung ác, noi thêu dệt. Đó gọi là chánh ngữ thuộc thế tục, hữu lậu có chấp thủ, hướng đến đường lành. Thế nào là chánh ngữ của bậc Thánh xuất thế gian vô lậu, không chấp thủ, chân thật sạch hết khổ, đưa đến giải thoát? Đó là Thánh đệ tử tư duy về khổ khổ, tư duy ve tập, diệt đạo5 đạo tích, trừ tà mạng, lìa bốn điều ác và các điều ác khác của miệng, vô

lậu xa lìa, không chấp trước, giữ chặt, gìn giữ chẳng phạm, đúng thời tiết, đúng sự đề phòng. Đó gọi là chánh ngữ của bậc Thánh xuất thế gian vô lậu? không chấp thủ, chơn chánh dứt khổ, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh nghiệp? Chánh nghiệp có hai thứ: Có thứ chánh nghiệp thuộc thê tục hữu lậu, có châp thủ, hướng đên đường lành; có thứ chánh nghiệp của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh sạch hết khổ, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh nghiệp thuộc thế tục, hữu lậu có chấp thủ, hướng đến

đường lành? Nghĩa là lìa sát sanh, trộm cướp, tà dâm. Đó gọi là chánh nghiệp thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành. Thế nào là chánh nghiệp của bậc Thánh xuất thế, vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh hết sạch khổ, đưa đến giải thoát? Nghĩa là Thánh đệ tử tư duy về khô khổ, tư duy về tập, diệt dạo, tư duy về đạo tích, trừ ý niệm tà mạng, trừ ba ác hạnh nơi thân và các hạnh ác khác của thân tâm vô lậu, không ưa thích chấp trước, cố thủ, giữ gìn chẳng phạm, đúng thời tiết, đúng sự đề phòng. Đó gọi là chánh nghiệp của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh dứt sạch khổ, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh mạng? Chánh mạng có hai thứ: Có thứ chánh mạng thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành; có thứ chánh mạng của bậc Thánh xuất thế gian vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh sạch hết khổ, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh mạng thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ5 hướng đến đường lành? Nghĩa là đúng như pháp tìm cầu cơm áo, ngọa cụ, thuốc men, chứ chẳng phải không đúng như pháp. Đó gọi là chánh mạng thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành. Thế nào là chánh mạng của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh sạch hết khổ, đưa đến giải thoát? Đó là Thánh đệ tử tư duy ve khổ khổ, tư duy về tập, diệt dạo, tư duy về đạo tích đối với các tà mạng, tâm vô lậu, không ưa thích, không chấp trước, cố thủ, giữ gìn chẳng phạm, đúng thời tiết, đúng sự đề phòng. Đó gọi là chánh mạng của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh, sạch hết khổ, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh phương tiện? Chánh phương tiện có hai thứ: Có thứ chánh phương tiện thuộc thế tục hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành; có thứ chánh phương tiện của bậc Thánh xuất thế gian vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh, dứt sạch khổ, giải thoát. Thế nào là chánh phương tiện thuộc thế tục hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành? Nghĩa là muốn tinh tấn, nỗ lực, siêu xuất, bền bí, kiến lập kham năng, tạo tác tinh tan, tâm pháp nhiếp thọ, chẳng dừng nghỉ. Đó gọi là chánh phương tiện thuộc thế tục hữu lậu có chấp thủ, hướng đến đường lành. Thế nào là chánh phương tiện của bậc Thánh xuất thể gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt sạch khổ, đưa đến giải thoát? Nghĩa là Thánh đệ tử tư duy về khổ khổ5 tư duy về tập, diệt đạo, đạo tích, tâm vô lậu, ức niệm, tâm pháp tương ưng, muốn tinh tấn, nỗ lực, chuyên cần, mạnh mẽ? siêu xuất, bền bí, kiến lập, kham năng, tạo tác tinh tấn, tâm pháp nhiếp thọ, chẳng dừng nghỉ. Đó gọi là chánh phương tiện của bậc Thánh xuất thế gian vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh dứt sạch kho, đưa đen giải thoát. Thế nào là chánh niệm? Chánh niệm có hai thứ: Có thứ chánh niệm thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành; có thứ chánh niệm của

bậc Thánh xuất thế gian vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh dứt sạch khổ, đưa đến giải thoát. Thê nào là chánh niệm thuộc thê tục, hữu lậu, có châp thủ, hướng đên đường lành? Nếu nghĩ nhớ, theo nghĩ nhớ? nghĩ nhớ lại nghĩ nhớ, không dối, không hư là chánh niệm thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành. Thế nào là chánh niệm của bậc Thánh xuất thế gian vô lậu, không chấp thủ, đưa đến giải thoát? Nghĩa là Thánh đệ tử tư duy về khổ khổ, tư duy về tập, diệt đạo, tư duy về đạo tích, tư duy về vô lậu, hoặc niệm, tùy niệm, trùng niệm, ức niệm, không dối, không hư. Đó gọi là chánh niệm của bậc Thánh xuất thê gian, vô lậu, không chấp thủ, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh định? Chánh định có hai thứ: Có thứ chánh đinh thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thít, hướng đến đường lành; có thứ chánh định của bậc Thánh xuất thế gian vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh dứt sạch khổ, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh định thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành? Nêu tâm trụ, chẳng loạn, chẳng động, nhiếp thọ lặng dừng, nhất tâm tam-muội; đó gọi là chánh đinh thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ hướng đến đường lành. Thế nào là cháĩứi định của bậc Thánh xuất thế gian vô lậu? không chấp thủ, chơn chánh dứt khổ, đưa đến giải thoát? Nghĩa là Thánh đệ tử tư duy ve khổ khổ, tư duy về tập, diệt đạo, tư duy về đạo tích, tư duy về vô lậu, tâm pháp tương ưng, an trụ, chẳng loạn, chẳng tán, nhiếp thọ, lặng dừng, nhất tâm tam- muội. Đó gọi là chánh định của bậc Thánh xuất the gian, vô lậu, chẳng chấp thủ, chơn chánh dứt sạch khổ, đưa đến giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 786 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. r _ r Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu tâm Ty-kheo hướng đến tà thì trái nghịch Chánh pháp không ưa Chánh pháp. Nếu người hướng về chơn chánh thì tâm ưa thích Chánh pháp, chăng trái nghịch Chánh pháp. Thế nào là tà? Nghĩa là tà kiến... tà định. Những gì là chánh? Nghĩa là chánh kiến... chánh định. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 787 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 619

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Người hướng đến tà thì trái nghịch Chánh pháp, chẳng ưa Chánh pháp; người hướng vê chánh thì ưa thích Chánh pháp, không trái nghịch Chánh pháp. Thế nào là người hướng đến tà, trái nghịch Chánh pháp, chẳng ưa thích Chánh pháp? Đó là người tà kiến thì thân nghiệp, khẩu nghiệp đều như cái thấy của họ, hoặc suy nẹhĩ, hoặc mong muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành động đêu thuận theo tà kiên, tát cả đêu đưa đến quả không ưa thích, không đáng nhớ, không vừa ý. Vì sao? Vì cái thấy ác nên nói là tà kiến. Người tà kiến khởi tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Đó là người hướng về tà, trái nghịch Chánh pháp, chẳng ưa thích Chánh pháp. Thế nào là người hướng về chánh, ưa thích Chánh pháp, không trái Chánh pháp? Nghĩa là người chánh kiến, hoặc thân nghiệp, khẩu

nghiệp đều như cái thây của họ? hoặc suy nghi, hoặc mong muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành động đều tùy thuận chánh kiên, được quả khả ái, khả niệm, khả ý. Vì sao? Vì cái thấy chơn chánh nên gọi chánh kiến. Người chánh kiến có thể khởi chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh đinh. Đó là người hướng đến chánh, ưa thích Chánh pháp, chẳng trái Chánh pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 788 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Người hướng đến tà thì trái nghịch Chánh pháp, chẳng ưa thích Chánh pháp; người hướng đến chánh thì ưa thích Chánh pháp, chẳng trái Chánh pháp. The nào là người hướng đến tà, trái nghịch Chánh phấp. chẳng ưa thích Chánh pháp? Nếu người tà kiến thì thân nghiệp, khẩu nghiệp đều như cái thấy của họ, hoặc suy nghĩ, hoặc mong muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành động đêu tùy thuộc tà kiến, tất cả đưa đên quả không ưa thích, không dáng nhớ, không vừa ý. Vì sao? Vì cái thấy ác nên gọi là tà kiến. Người tà kiến có the khởi tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Ví như hạt ệiông trái đăng bỏ trên đất tùy thời vun tưới, gặp được vị đât5 nước, gió, lửa, tát cả đêu đăng. Vì sao? Bởi vì hạt giống đắng. Cũnệ thế, người tà kiến thì thân nghiệp, khẩu nghiệp, đều như cái thấy của người ây, hoặc suy nghĩ, hoặc mong muôn, hoặc ước nguyện, hoặc hành động đều tùy thuận tà kiên, tát cả đưa đên quả chăng ưa thích, chẳng nghĩ đến và chẳng vừa ý. Vì sao? Vì ác kiến là tà kiên. Người tà kiến có thể khởi tà chí... tà định. Đó gọi là người hướng đến tà, trái nghịch Chánh pháp, chẳng ưa thích Chánh pháp. Thế nào là người hướng chánh? Người hướng chánh ưa thích Chánh pháp, chẳng trái nghịch Chánh pháp. Nếu người chánh kiến thì thân nghiệp, khâu

nghiệp đều như cái thấy của họ? hoặc suy nghĩ, hoặc mong muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành động, thảy đều tùy thuận chánh kiến, tất cả đưa đen quả đáng ưa thích, đáng nghĩ nhớ, vừa ý. Vì sao? Vì thiện kiến là chánh kiến. Người chánh kiến có thể khởi chánh chí..., chánh định, ví như giống cây mía ngọt, lúa mbồ đào gieo xuống đất, tùy thời tưới nước gặp được vị đất, vị nước, vi gió, vị lửa, tất cả vị đều trở thành ngon ngọt. Vì sao? Vì giống cây ngọt. Cũng thế, người chánh kiến thì thân nghiệp, khẩu nghiệp đều như cái thấy của người ấy, hoặc suy nghĩ, hoặc mong muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành động đều tùy thuận chánh kiến, tất cả đều đưa đến quả đáng ưa thích, đáng nghĩ nhớ và vừa ý. Vì sao? Vì thiện kiến là chánh kiến. Người chánh kiến có thể khởi chánh chí... chánh định. Đó gọi là người hướng chánh, ưa thích Chánh pháp, chẳng trái nghịch Chánh pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Thê gian, xuât thê gian cũng nói như vậy, như ba kinh trên, cũng đêu nói kệ): Điêu xâu chăng nên gân, Không nên hành buông lung, Không nên tập tà kiến, Tăng trưởng nơi thế gian. Giả sử có thế gian, Người chánh kiến tăng thượng, Tuy trải trăm ngàn kiếp, Trọn chẳng đọa đường ác. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 789 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sinh Văn đi đến chỗ Phật, sau khi đảnh lễ Thế Tôn và chào hỏi ân cần, lui ngồi một bên? bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Nói là chánh kiến, thế nào là chánh kiến? Phật bảo Bà-la-môn: -Chánh kiến có hai thứ: Có thứ chánh kiến thuộc thế tục hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành; có thứ chánh kiến của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh dứt sạch khổ, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh kiến thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành? Nghĩa là có bố thí, có nói về sự bố thí, có trì trai... tự biết chẳng thọ thân sau. Bà-la-môn! Đó gọi là chánh kiến thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành. Này Bà-la-môn! Thế nào là chánh kiến của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh sạch khổ, đưa đến giải thoát? Nghĩa là Thánh đệ tử tư duy về khổ khổ, tư duy về tập, diệt dạo, tư duy về đạo tích, tư duy về vô lậu, tương ưng, đối với pháp chọn lọc, phân biệt tìm hiểu, khéo dùng phương tiện trí tuệ quán sát. Đó gọi là chánh kiến của bậc Thánh xuất thế vô lậu, không chấp thủ, chơn chánh, dứt sạch khổ, đưa đến giải thoát.

KINH TẠPA-HÀM 621

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lòd Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giống như chảnh kiến; cũng vậy, chánh chi, chánh ngữ, chánh nghiệp, chảnh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh đỉnh, moi kỉnh cũng nói như trêrì).

KINH SỐ 790 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có tà và tà đạo, có chánh và chánh đạo, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là tà? Nghĩa là địa ngục, nga quỷ, súc sanh. Thế nào là tà đạo? Đó là tà kiến,... tà đinh. Thế nào là chánh? Đó là người, trời, Niết-bàn. Thế nào là chánh đạo? Đó là chánh kiến... chánh định. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 791 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có tà và tà đạo, có chánh và chánh đạo, hãy lăng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là tà? Nghĩa là địa ngục, súc sanh, nga quỷ. Thế nào là tà đạo? Nghĩa là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói thêu dệt, tham lam, sân giận, tà kiến. Thế nào là chánh? Nghĩa là người, trời, Niết-bàn. Thế nào là chánh đạo? Nghĩa là chẳng sát sanh, chẳng trộm cướp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng nói hai lưỡi, chẳng nói lời ác, chẳng nói thêu dệt, không tham, không sân, chánh kiến. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 792 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác lấy. Thế nào là con đường đưa đến cối ác? Đó là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm, làm thân Phật chảy máu,... (còn những điều khác cũng nói như trên). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

622 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 793 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có đạo thuận dòng, có đạo nghịch dòng, hãy lăng nghe, khéo tư duy, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là đạo thuận dòng? Đó là tà kiến... tà định. Thế nào là đạo nghịch dòng? Đó là chánh kiến... chánh định. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giống như thuận dòng và nghịch dòng; cũng vậy, thối đạo và thắng đạo, hạ đạo và thượng đạo, và ba kinh ve đạo tích cũng nói như the).

KINH SO 794 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có Sa-môn và pháp Sa-môn, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo từ chánh kiến... chánh đinh. Thế nào là Sa-môn? Đó người thành tựu pháp Sa-môn thì gọi là Sa-môn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SO 795 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có pháp Sa-môn và nghĩa Sa-mon. Thế nào là pháp Sa-mon? Đó là tám Thánh đạo từ chánh kiến... chánh định. Thế nào là nghĩa Sa-mon? Nghĩa là tham dục hoàn toàn hết sạch, sân nhuế, ngu si hoàn toàn hết sạch, tất cả phiền não hoàn toàn hết sạch. Đó gọi là nghĩa Sa-mon. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 796

Tôi nghe như vay:

Một thời, Phật tru tại nước Xa-ve, rừng Kỳ.dà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Ty-kheo:

CÓ pháp Sa-môn và quả Sa-môn, hãy lắng nghe, khéo suy nghi, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo từ chánh kiến... chánh đinh. Thế nào là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm? quả A-na- hàm và quả A-la-hán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 797 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Có pháp Sa-môn và quả Sa-môn? hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo từ chánh kiến... chánh định. Thế nào là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-dà-hoàn, quả Tư-đà- hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán. Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Nghĩa là đoạn dứt ba kiết sử, than kiến, giới thủ, nghi. Thế nào là là quả Tư-đà-hàm? Nghĩa là đoạn dứt ba kiết sử và làm tham, sân mỏng, yếu. Thế nào là quả A-na-hàm? Nghĩa là đoạn hết năm hạ phần kiết sử. Thế nào là quả A-la-hán? Nghĩa là tham, sân, si và tất cả phiền não hết sạch. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 798 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Có pháp Sa-môn9 Sa-môn và

nghĩa Sa-môn, hãy lắng nghe, khéo suy nghi, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh dạo, từ chánh kiến... chánh định. Thế nào là Sa-môn? Đó là người thành tựu pháp này. Thế nào là nghĩa Sa-môn? Đó là tham dục vĩnh viễn đoạn dứt, sân giận, ngu si, tất cả phiền não vĩnh viễn chấm dứt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 799 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác la): Có quả Sa-môn. Thế nào là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán.

KINH TẠPA-HÀM 623

CÓ pháp Sa-môn và quả Sa-môn, hãy lắng nghe, khéo suy nghi, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo từ chánh kiến... chánh đinh. Thế nào là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm? quả A-na- hàm và quả A-la-hán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 797 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Có pháp Sa-môn và quả Sa-môn? hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo từ chánh kiến... chánh định. Thế nào là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-dà-hoàn, quả Tư-đà- hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán. Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Nghĩa là đoạn dứt ba kiết sử, than kiến, giới thủ, nghi. Thế nào là là quả Tư-đà-hàm? Nghĩa là đoạn dứt ba kiết sử và làm tham, sân mỏng, yếu. Thế nào là quả A-na-hàm? Nghĩa là đoạn hết năm hạ phần kiết sử. Thế nào là quả A-la-hán? Nghĩa là tham, sân, si và tất cả phiền não hết sạch. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 798 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Có pháp Sa-môn9 Sa-môn và nghĩa Sa-môn, hãy lắng nghe, khéo suy nghi, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh dạo, từ chánh kiến... chánh định. Thế nào là Sa-môn? Đó là người thành tựu pháp này. Thế nào là nghĩa Sa-môn? Đó là tham dục vĩnh viễn đoạn dứt, sân giận, ngu si, tất cả phiền não vĩnh viễn chấm dứt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 799 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác la): Có quả Sa-môn. Thế nào là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán.

624 KINH TẠP A-HÀM

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 800 (Giong như pháp Bà-la-môn; cũng vậy, người Bà-la-môn, nghĩa Bà-lamônf quả Bà-la-môn. Pháp Phạm hạnh, người Phạm hạnh, nghĩa Phạm hạnh, quả Phạm

hạnh, cũng nói như trên).

KINH SỐ 801 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Có năm pháp đưa đến nhiều lợi ích cho sự tu tập an-na-ban-na niệm. Những gì là năm? Đó là trụ nơi tịnh giới Ba-la-đề-mộc-xoa 5 thực hành luật nghi, oai nghi đầy đủ, đối với các tội nhỏ hay sanh lòng sợ hãi, gìn giữ học giới. Đây gọi là điều thứ nhất lợi ích cho sự tu tập an-na-ban-na niệm. Lại nữa, Tỳ-kheo, ít muốn, ít việc, ít bận rộn; đây là điều thứ hai đem đến nhiều lợi ích cho sự tu tập an-na-ban-na niệm. Lại nữa, Ty-kheo? ăn uống biết độ lượng, có chừng mực, chẳng vì sự ăn uống khởi mong cầu dục tưởng, tinh cần tư duy. Đây là pháp thứ ba đem lại nhiều lợi ích cho sự tu tập an-na-ban-na niệm. Lại nữa, Ty-kheo9 đầu đêm, cuối đêm chẳng mê ngủ nghỉ, tinh cần tư duy. Đây là pháp thứ tư, có nhiêu lợi ích cho sự tu tập an-na-ban-na-niệm. Lại nữa, Ty-kheo? ở trong rừng văng, xa lìa những nơi ôn ào náo nhiệt. Đây là pháp thứ năm đem đến nhiều lợi ích cho sự tu tập an-na-ban-na-niệm. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 802 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nên tu tập an-na-ban-na niệm. Nấu Tỳ-kheo tu tập an-na-ban-na niệm, tu tập nhiều được thân an ổn và tâm an ổn, có giác, có quán, tịch diệt, thuần nhất, sáng suốt, tu tập đầy đủ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 803 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 625

Ấ • y Ấ rry 19 z rwn \ 1 1 Bay giơ, Thê Ton bảo các Ty-kheo: Nên tu tập an-na-ban-na niệm. Nếu Ty-kheo tu tập an-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, thân tâm được an ổn, có giác, có quán, tịch diệt, thuần nhất, tưởng sáng suốt, tu tập đầy đủ. Thế nào là tu tập an-na-ban-na niệm? Đó là tu tập nhiêu, thân tâm được an on? có giác, có quán, tịch diệt, thuần nhát, tưởng sáng suốt, tu tập đầy đủ. Đây là Tỳ-kheo hoặc nương náu ở thành ấp, làng xóm, sáng sớm đắp y, ôm bát vào thôn khất thực, khéo hộ thân, giữ gìn các căn, khéo buộc tâm an trụ; khất thực xong trở về trụ xứ, cất y bát, rửa chân, hoặc đi vào rừng, hoặc trong phòng vắng, hoặc bên gốc cây, hoặc nơi đất trống, ngồi ngay thẳng, buộc niệm trước mặt, dứt tham ái của the gian, lìa dục, thanh tịnh, đoạn sân giận, thùy miên, trạo hối, nghi, vượt qua các sự nghi hoặc. Đối với thiện pháp, tâm được quyết định, xa lìa năm cái, những thứ làm phiền não nơi tâm, làm suy yếu tuệ lực và làm chướng ngại, chẳng đạt đến Niết-bàn; niệm lúc hơi thở vào, buộc niệm, khéo học; niệm lúc hơi thở ra, buộc niệm, khéo học; biết rõ hơi thở dài, hơi thở ngăn, biêt tát cả hơi thở vào thân, đôi với tát cả hơi thở vào thân, khéo học; biết tất cả hơi thở từ thân ra; đối với hơi thở từ thân ra, khéo học. Biết tất cả hơi thở vào vận hành khắp thân thể, đối với tất cả hơi thở vào vận hành khắp thân thể, khéo học; đối với tất cả hơi thở ra vận hành khắp thân thể khéo học; giác tri hỷ, giác tri lạc, giác tri thân hành, giác tri

tâm hành, lúc hơi thở vào đôi với sự giác tri tâm hành lúc thở vào, khéo học. Giác tri tâm hành lúc thở ra5 đối với sự giác tri tâm hành lúc thở ra? khéo học; giác tri tâm, giác tri tâm vui, giác tri tâm định, giác tri tâm giải thoát khi thở vào; đoi với sự giác tri tâm giải thoát khi thở vào, khéo học; giác tri tâm giải thoát lúc thở ra với sự giác tri tâm giải thoát khi thở ra, khéo học; quán sát vô thường, quán sát đoạn, quán sát vô dục, quán sát diệt khi thở vào; đối với sự quán sát diệt khi thở vào, khéo học; quán sát diệt lúc thở ra, đối với sự quán sát diệt khi hơi thở ra5 khéo học. Đó gọi là tu an-na-ban-na niệm, thân an ổn, tâm an ổn? có giác, có quán, tịch diệt, thuần nhất, tưởng sáng suốt, tu tập đầy đủ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 804 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, Thê Tôn bao các Ty-kheo: Nên tu tập an-na-ban-na niệm, người tu tập, tu tập nhiều an-na-ban-na niệm thì đoạn các giác tưởng. Thê nào là tu tập, tu tập nhiêu an-na-ban-na niệm, đoạn được các giác tưởng? Nếu Tỳ-kheo nương nơi thành ấp, làng xóm,... (nói rông như trên)... quán sát diệt khi hơi thở ra, khéo học. Đó gọi là tu tap, tu tập nhiều an-na-ban-na niệm thì đoạn các giác tưởng. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

626 KINH TẠPA-HÀM

(Giống như đoạn giác tưởng; cũng vậy, chẳng dao động, sẽ đắc quả lớn, được phước lợi lớn; cũng vây, được cam lộ, được cứu cánh cam lộ, đắc hai quả, bon quả, bảy quả, moi moi kinh cũng nói như trên).

KINH SỐ 805 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -về an-na-ban-na niệm mà Ta đã nói, các thầy có tu tập chăng? Lúc ấy, có Tỳ-kheo A-lô-sắc-tra đang ngồi ở trong chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục đảnh lễ Phật, quỳ gối bên phải, chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn! về an-na-ban-na niệm Thế Tôn đã nói, con đã tu tập.

Phật bảo Tỳ-kheo A-lô-sắc-tra: Thây tu tập thê nào vê an-na-ban-na niệm mà Ta đã nói? Tỳ-kheo bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con đối với các hành thuộc quá khứ chẳng nghĩ nhớ, các hành vi lai chẳng sanh vui thích, đối với các hành hiện tại chẳng sanh nhiễm trước, đối với các tướng chướng ngại trong ngoài đều khéo chân thật trừ diệt. Con đã tu tập an-na-ban-na niệm như thế. Phật bảo Tỳ-kheo A-lê-sắc-tra: Thây đã thật tu an-na-ban-na niệm mà Ta đã nói chứ chăng ^hải không tu. Nhưng có Tỳ-kheo kia so với sự tu tập an-na-ban-na niệm của thầy họ có phần thắng diệu hơn, vượt hơn. Sao họ lại thắng diệu hơn, vượt hơn sự tu tập an-na- ban-na niệm củaA-lê-sắc-tra? Các Tỳ-kheo ấy ở nơi thành ấp, hoặc làng xóm,... (nói rộng như trên)... quán sát diệt khi hơi thở ra, khéo học. Này Tỳ-kheo A-lê- sắc-tra! Đó gọi là thắng diệu hơn sự tu tập an-na-ban-na niệm của A-lê-sắc-tra. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 806 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, sáng sớm, Thế Tôn mang y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất

thực, thọ thực xong, trở vê tinh xá, cát y bát, rửa chân rồi đem ngọa cụ vào rừng An-đà, ngôi bên góc cây, suôt ngày thiền tư. Khi ấy, Tôn giả Kế-tân-na cũng sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-ỵệ khất thực, rồi trở về cất y bát, rửa chân và mang tọa cụ vào rừng An-đà tọa thiền bên gốc cây, cách Phật không xa5 thân ngay thang, chẳng động, thân tâm chánh trực tư duy thắng diệu.

KINH TẠPA-HÀM 627

Bấy giờ, có chúng nhiều Tỳ-kheo sau giờ tọa thiền buổi chiều đi đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ Phật, rồi lui một bên. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Các thầy có thấy Tỳ-kheo Ke-tan-na không? Vị ấy ở cách Ta không xa, đang ngồi nghiêm trang, thân tâm chẳng động, an trụ thăng diệu. Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chúng con thường thấy Tôn giả ấy ngồi nghiêm trang, khéo thu nhiếp thân, chẳng nghiêng, chẳng động, chuyên tâm thắng diệu. Phật bảo các Tỳ-kheo: - Nêu Tỳ-kheo tu tập tam-muội, thân tâm an trụ, chẳng nghiêng, chẳng động, an trụ thăng diệu, Tỳ-kheo ấy được tam-muội này, chẳng cần siêng năng phương tiện, tùy ý muốn liền được. Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Thế nào là tam-muội mà Tỳ-kheo đắc tam-muội ấy thân tâm chẳng động, an trụ nơi thắng diệu? Phật bảo các Tỳ-kheo: 7 c -Nêu Tỳ-kheo nương ở trong làng xóm, sáng sớm mang y, ôm bát vào trong thôn khất thực, rồi trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong vào rừng, hoặc trong phòng vắng, hoặc ở chỗ trống ngồi tư duy buộc niệm... quán sát diệt khi hơi thở ra, khéo học. Ấy gọi là tam-muội mà Tỳ-kheo ngoi ngay thẳng tư duy, thân tâm chẳng động, sẽ an trụ thắng diệu. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 807 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại rừng Nhất-xa-năng-già-la. Bay giơ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: -Ta muốn ở đây tọa thiền trong hai tháng, các thầy chớ lui tới, chỉ trừ Tỳ- kheo đem thức ăn và lúc Bố-tát. Sau khi tuyên bô xong, Thê Tôn ở trong rừng suôt hai tháng thiên tư, không có một Tỳ-kheo nào dám lai vãng, chỉ trừ người thi giả đem thức ăn và lúc Bố-tát. Trải qua hai tháng tọa thiền, Thế Tôn từ thiền định ra, Ngài ngồi trước chúng Tỳ-kheo bảo rằng: Này các Tỳ-kheo! Nếu các tu sĩ ngoại đạo đến hỏi các thầy: "Sa-môn Cu- đàm trong hai tháng tọa thiền như thế nào?" Các thầy nên đáp: "Nhu Lai suốt trong hai tháng với an-na-ban-na niệm, tọa thiền tư duy, an trụ." Vì sao? Vì Ta trong hai tháng niệm an-na-ban-na, phần nhiều trụ tư duy; lúc hơi thở vào, biết như thật; lúc hơi thở ra niệm hơi thở ra, biết như thật; hơi thở hoặc dài hoặc ngắn, tất cả cảm ẹiác của thân lúc thở vào, biết như thật; tất cả cảm giác thân lúc hơi thở ra, biêt như thật; thân hành dừng nghí, lúc niệm hơi thở vào, biết

628 KINH TẠP A-HÀM

như thật... niệm thở ra diệt biết như that Lúc ấy, Ta nghĩ thầm: "Đây là còn trụ tư duy th6.“ Bấy ệiờ Ta dừng sự tư duy ấy, lại tư duy vi tế và an trụ. Ta sẽ dừng bặt tư duy thô, liên vào tư duy vi tê an trụ. Bây giờ, Ta dừng nghỉ tư duy thô rồi liền vào tư duy vi tê, nhiều an trụ mà trụ. Khi ây, có ba vị thiên tử, dung sác tuyệt diệu qua đêm đi đến chỗ Ta, một thiên tử nói: “Sa-m6n Cù-đàm! Thật đúng liic." Lại có một thiên tử nói: "Đây chẳng đúng lúc, sắp đúng thòi.” Thiên tử thứ ba lại nói: "Chẳng phải đúng lúc, cũng

chẳng phải sắp đến lúc. Đây chính là lúc bậc A-la-hán tịch diệt đang tu tập an trụ." Phật bảo các Tỳ-kheo: -Nêu nói đúng thì: Thánh trụ, thiên trụ, Phạm trụ, học trụ, vô học trụ, Như Lai trụ và làm cho bậc Hữu học chỗ chưa đắc sẽ đắc, chưa đạt sẽ đạt, chưa chứng sẽ chứng, bậc Vô học thì được hiện tại lạc trụ, đó là an-na-ban-na niệm, như thế là nói đúng. Vì sao? Vì an-na-ban-na niệm là Thánh trụ, thiên trụ, Phạm trụ... bậc Vô học hiện tại được lạc trụ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 808 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Ca-tỳ-la-vệ, trong vườn cây ni-câu-luật. Bấy giờ, Vương tử Ma-ha-nam dòng họ Thích đi đến chỗ Tôn giả Ca-ma đảnh lễ9 rồi lui ngồi một bên, thưa với Tôn giả Ca-ma: -Thưa Tôn giả Ca-ma! Bậc học trụ tức là Như Lai trụ phải không? Hay là học trụ khác, Như Lai trụ khác? Tỳ-kheo Ca-ma đáp: -Này Ma-ha-nam! Học trụ khác, Như Lai trụ khác. Này Ma-ha-nam! Bậc học trụ đoạn dứt năm cái, trụ nhiều. Như Lai trụ đối với năm cái đều đã đoạn, đã biêt, đoạn tuyệt cội góc của năm cái như chặt ngọn cây đa-la không còn sinh trưởng nữa, ở đời vi lai thành pháp bất sanh. Như một thuở nọ Thế Tôn đang trụ ở trong rừng Nhất-xà-năng-già-la. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Ta muốn ở trong rừng này tọa thiền trong hai tháng, các Tỳ-kheo chớ nên vãng lai, chỉ trừ Tỳ-kheo mang thức ăn và khi Bố-tát?... (nói rộng như trêrí)... bậc Vô học, hiện tại được an trụ.” Vì thế nên biết, này Ma-ha-nam, học trụ khác, Như Lai trụ khác. Vương tử Ma-ha-nam nghe Tỳ-kheo Ca-ma nói xong thì vui mừng, rời chỗ ngôi, đứng lên cáo từ.

KINH TẠPA-HÀM 629

KINH SỐ 809 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thôn Kim Cương ven bờ sông Bạt-cầu-ma, trong rừng Tát-la-lê. J Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói về bất tinh quán, khen ngợi bất tịnh quán như sau: Các Tỳ-kheo nên tu tập bất tịnh quán, người tu tập được nhiều thì được quả lớn và lợi ích lớn. Các Tỳ-kheo sau khi tu bất tịnh quán đều hết sức chán ghét thân, hoặc có người dùng dao tự sát, hoặc có người uông thuôc độc, hoặc có người treo cô, hoặc lao vào vách núi tự sát, hoặc có người nhờ Tỳ-kheo khác giết. Có Tỳ-kheo khác cực kỳ nhàm chán, gớm ghiếc sự bất tinh nên đi đến con của một tu sĩ ngoại đạo tên Lộc Lâm, nói với Lộc Lâm: -Hiền giả, làm ơn giết tôi giùm, y bát này tôi xin tặng lại Hiền giả. Lộc Lâm liền theo lời yêu cầu giết chết Tỳ-kheo kia. Lúc Lộc Lâm cầm dao đi đến bờ sông để rửa. Có thiên ma ở trên hư không khen ngợi Lộc Lâm: -Lành thay! Lành thay! Hiền giả được vô lượng công đức vì có thể khiến cho các Sa-môn Thích tử trì giới, có đức, khiến người chưa độ được độ5 người chưa giải thoát được giải thoát, người chưa cham dứt sự song khiến cho được chấm dứt sự sống, người chưa đắc Niết-bàn khiến cho đắc Niết-bàn, y bát và các tạp vật lợi dưỡng đều thuộc về ông. Lộc Lâm nghe lời ca ngợi này càng tăng thêm tà kiến ác, nghĩ rằng: "Hôm nay ta đã thật làm điêu phước đức lớn giúp cho các Sa-môn họ Thích, những người trì giới, công đức, người chưa độ được độ, người chưa giải thoát được giải thoát, người chưa chấm dứt sự sống khiến cho được chấm dứt sự sống, người chưa đắc Niết-bàn khiến cho đắc Niết-bàn, y bát và các vật tạp dưỡng thuộc về ta. Bây giờ ta cầm dao bén đi đến các phòng xá, chỗ kinh hành, phòng riêng, phòng tọa thiền, gặp các Tỳ-kheo ta sẽ nói:

'Những Sa-môn nào trì giới, có đức mà chưa được độ, ta sẽ độ cho, người chưa giải thoát ta sẽ làm cho giải thoát, người chưa chấm dứt sự sống ta sẽ làm cho được chấm dứt sự sống, người chưa đắc Niết-bàn ta sẽ khiến cho đắc Niết-bàn." Lúc ấy5 các Tỳ-kheo chán ghét thân này ra khỏi phòng nói với Lộc Lâm: -Tôi chưa được độ, nhờ ông độ giùm tôi; tôi chưa được giải thoát, nhờ ông giải thoát cho tôi; tôi chưa chấm dứt sự sống, nhờ ông khiến cho tôi chấm dứt sự sống; tôi chưa đắc Niết-bàn, nhờ ông giúp tôi đắc Niết-bàn. Lộc Lâm liền cầm dao giết chết Tỳ-kheo ấy, lần lượt giết chết đến sáu mươi người. Đen ngày mười lăm, trong giờ thuyết giới Thế Tôn ngồi trước đại chúng, bảo Tôn giả A-nan:

Này A-nan! Nhân duyên gì các Tỳ-kheo bỗng trở nên ít người, giảm bớt gần hết? Tôn giả A-nan bạch Phật: Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo noi tu bất tinh quán hết sức nhàm chán thân,... (nói rộng như trêri)... giết chết sáu mươi Tỳ-kheo. Bạch Thế Tôn, vì nhân duyên ấy nên khiến cho chúng Tỳ-kheo trở nên thưa thớt, giảm bớt gần hết. Bạch Thế Tôn! Xin Ngài nói lại pháp khác để khiến cho các Tỳ-kheo nghe xong tinh tân tu tập trí tuệ, được niêm vui từ Chánh pháp và được sông an vui trong Chánh pháp. Phật bảo A-nan: -Như thế Ta sẽ lần lượt nói: Trụ chỗ an trụ vi tế, tùy thuận làm khơi mở tỉnh giác, pháp ác bất thiện đã khởi hoặc chưa khởi, mau chóng làm cho ngimg ỉ r 9

dứt, như trời mưa lớn, bụi bặm đã dây lên hoặc chưa dây lên có thê làm ngưng dứt. Cũng thế, Tỳ-kheo trụ chỗ an trụ vi tế, những pháp ác bất thiện khởi, hoặc chưa khởi có thể làm cho ngưng dứt. Này A-nan! Thế nào là an trụ vi tế, tu tập nhiều, tùy thuận khai phát tỉnh giác, các pháp ác bất thiện đã khởi hoặc chưa khởi, có thể làm cho ngưng dứt? Tôn giả A-nan bạch Phật: -Thế nào là tu tập an-na-ban-na niệm trụ tùy thuận, khai phát tỉnh giác có thể khiến cho pháp ác bất thiện đã khởi hay chưa khởi dứt bặt? Đó là an-na- ban-na niệm trụ. Phật bảo A-nan: —Nếu Tỳ-kheo nương nơi làng xóm,... (nói rộng như trước).., như quán diệt niệm hơi thở ra, nên học như the. Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 810 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại làng Kim Cương, ven sông Bạt-cầu-ma, trong rừng Tát-la-lê. J J J Bay giờ, Tôn giả A-nan một mình ở chỗ vắng, tư duy thiền quán, Tôn giả nghĩ thầm: "C6 thể có một pháp tu tập, ta tập nhiều sẽ khiến cho bốn pháp đầy đủ, bốn pháp đã đầy đủ thì bảy pháp đầy đủ5 bảy pháp đã đầy đủ thì hai pháp sẽ đầy đu?9 Tôn giả A-nan? sau khi xả thiền đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Lúc con một mình ở chỗ vắng, thiền định tư duy, con có nghĩ rằng: "C6 thể có một pháp tu tập, tu tập nhiều để khiến cho bốn pháp được

đầy đủ, cho đến hai pháp được đầy đủ?9 Hôm nay con xin hỏi Thế Tôn có thể có một pháp tu tập, tu tập nhiêu có thê khiên cho đên hai pháp được đây đủ chăng? Phật đáp A-nan: Có một pháp đã tu tập nhiều cho đến có thể làm cho hai pháp được đầy đủ. Thế nào là một pháp? Đó là an-na-ban-na niệm tu tập nhiều có thể khiến r *5 x • y y

cho bôn niệm xứ đây đủ, bôn niệm xứ đã đây đủ thì bảy giác phân đây đủ, bảy giác phần đầy đủ thì minh giải thoát đầy đủ. Thế nào là tu an-na-ban-na niệm thì bốn niệm xứ đầy đủ? Vì Tỳ-kheo này nương nơi thôn xóm, như quán diệt niệm hơi thở ra, nên học như the. Này A-nan! Cũng thế, Thánh đệ tử lúc niệm thở vào nên học như niệm thở r r vào, lúc niệm thở ra nên học như niệm thở ra, hoặc dài hoặc ngăn, tát cả thân hành đều giác tri, lúc niệm thở vào nên học như niệm thở vào5 lúc niệm thở ra nên học như niệm thở ra. Thân hành dừng nghỉ lúc niệm thở vào nên học như thân hành dừng nghỉ niệm thở vào. Thân hành dừng nghỉ lúc niệm thở ra nên học như thân hành dừng nghỉ niệm thở ra. Thánh đệ tử lúc bấy giờ sống quán niệm thân trên thân. Nếu khác với thân cũng như thế, tùy theo thân Tỳ-kheo tư duy. Nếu lúc Thánh đệ tử giác tri hỷ, giác tri lạc, giác tri tâm hành, giác tri tâm hành diệt, tâm hành diệt lúc niệm thở vào nên học như tâm hành diệt niệm thở vào, tâm hành diệt lúc niệm thở ra nên học như tâm hành diệt niệm thở ra. Vị Thánh đệ tử lúc sống quán niệm thọ trên thọ. Nếu lại có thọ khác, thọ ấy cũng tùy theo Tỳ-kheo tư duy. Có khi Thánh đệ tử giác tri tâm, giác tri tâm vui, tâm định, tâm giải thoát lúc niệm thở vào nên học như tâm giải thoát lúc niệm thở vào, tâm giải thoát lúc niệm hơi thở ra nên học như tâm giải thoát lúc niệm hơi thở ra. Vị Thánh đệ tử này lúc sống quán niệm tâm trên tâm. Nếu có tâm khác tâm ấy cũng tùy tâm Tỳ-kheo tư duy. Nếu Thánh đệ tử lúc quán vô thường, quán đoạn, vô dục, diệt, thời nên học như quán vô thường, đoạn, vô dục, diệt. Thánh đệ tử này lúc sống quán niệm pháp trên pháp, có pháp khác cũng tùy pháp Tỳ-kheo tư duy. Đó gọi là tu an-na-ban-na niệm đầy đủ bốn niệm xứ. Tôn giả A-nan bạch Phật: -ĐÓ là tu tập an-na-ban-na niệm khiên cho bôn niệm xứ đây đủ. Thê nào là tu bốn niệm xứ khiến cho bảy giác phan đay đủ? Phật bảo A-nan: -Nêu Tỳ-kheo sông quán niệm thân trên thân, sông quán niệm roi buộc niệm an trụ không quên, lúc ấy khéo tu niệm giác phần, tu niệm giác phần rồi nên niệm giác phần đầy đủ, niệm giác phần đã đầy đủ thời đối với pháp chọn lọc suy lường. Lúc ấy phương tiện tu trạch pháp giác phần, tu trạch pháp giác phần rồi nên trạch pháp giác phần được đầy đủ; đối với pháp chọn lọc, phân

biệt, suy lường rồi được phương tiện tinh tấn; lúc ấy khéo tu tập tinh tấn giác phân, tu tập tinh tân giác phân roi nên tinh tân giác phân đây đủ; phương tiện tinh tấn giác phần đầy đủ rồi nên tâm hoan hỷ; lúc ấy phương tiện tu hỷ giác phần, tu hỷ giác phần rồi thời hỷ giác phần đầy đủ, hỷ giác phần đầy đủ rồi thì thân tâm khinh an. Bấy giờ, khéo tu khinh an giác phần rồi khinh an giác phần được đầy đủ, khinh an giác phần đầy đủ rồi thì được tam-muội. Bấy giờ, tu đinh giác phần, tu định giác phần rồi định giác phần đầy đủ, định giác phần đầy đủ thì tham ưu châm dứt, được bình đăng xả. Bây giờ, phương tiện tu xả giác phân, tu xả giác phần rồi xả giác phần đầy đủ. Tu niệm xứ thọ, tâm, pháp trên pháp cũng nói như thế. Đó gọi là tu bốn niệm xứ đầy đủ bảy giác phần. Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đây gọi là tu bốn niệm xứ đầy đủ bảy giác phần. Thế nào là tu bảy giác phần đầy đủ minh giải thoát? Phật bảo A-nan: Nêu Tỳ-kheo tu niệm giác phân, y viên ly, y vô dục, y diệt, hướng đên xả, tu niệm giác phần rồi thời đầy đủ minh giải thoát,... tu xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Như vậy tu xả giác phần rồi thời đầy đủ minh giải thoát. A-nan! Đó gọi là pháp

nương nhờ nhau, pháp pháp thấm nhuần nhau, như the mười ba pháp, một pháp làm tăng thượng, một pháp là cửa, thứ lớp tăng tiến tu tập đầy đủ. Phật nói kinh này xong, Tôn giảA-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 811-812 {Tỳ-kheo khác cũng hỏi như the, Phật hỏi các Tỳ-kheo cũng nói như trêri).

KINH SỐ 813 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thôn Kim-tỳ-la trong rừng Kim-tỳ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Kim-tỳ-la: Hôm nay Như Lai sẽ nói về sự tinh cần tu tập bốn niệm xứ, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì thầy giảng nói! Khi đó, Tôn giả Kim-tỳ-la im lặng. Ba lần Như Lai nói câu trên, Tôn giả vẫn im lặng. Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Kim-tỳ-la: -Hôm nay Đại sư đã nói với Tôn giả ba lần như vậy. Tôn giả có biết không? Tôn giả Kim-tỳ-la đáp: -Tôn giả A-nan! Tôi đã biết, tôi đã biết Thế Tôn nói.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật đúng lúc! Xin Thiện Thệ vì các Tỳ-kheo nói về sự tinh cần tu bốn niệm xứ? các Tỳ-kheo nghe xong sẽ hoan hỷ phụng hành. Phật bảo A-nan: Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói!

Nấu Tỳ-kheo lúc niệm thở vào nên học như niệm thở vào,... khi chấm dứt thở ra. Bấy giờ, Thánh đệ tử khi niệm thở vào nên học như niệm thở vào... thân hành dừng bặt. Khi thở ra nên học như thân hành dừng bặt khi thở ra. Lúc ấy, Thánh đệ tử sống quán niệm thân trên thân, sống quán niệm thân trên thân rồi như thế khéo biết tư duy bên trong. Phật lại hỏi Tôn giả A-nan: Ví như có người đi xe từ phương Đông chạy vùn vụt đến, ngay lúc ấy có giẫm đạp lên gò đống chăng? Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn, có như vậy!

Phật bảo Tôn giả A-nan: Cũng thế, Thánh đệ tử lúc niệm thở vào nên học như niệm thở vào.... (như thế cho đến khẻo biết nội tư duy). Nếu khi ấy Thánh đệ tử giác tri hỷ... nên học giác tri ý hành dừng bặt. Thánh đệ tử sống quán niệm thọ trên thọ, sống quán niệm thọ trên thọ rồi như thế khéo biết nội tư duy bên trong. Ví như có người đi xe từ phương Nam chạy vùn vụt đên thì như thê nào A-nan? Có giâm đạp lên gò đống chăng? Tôn giả A-nan bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, có như vậy! Phật bảo Tôn giả A-nan: -Cũng thế, Thánh đệ tử sống quán niệm thọ trên thọ, biết khéo nội tư duy. Nếu Thánh đệ tử giác tri tâm, giác tri tâm hỷ, tâm định, tâm giải thoát khi thở vào nên học như tâm giải thoát thở vào, khi tâm giải thoát thở ra nên học như tâm giải thoát thở ra. Lúc ấy, Thánh đệ tử sống quán niệm tâm trên tâm. sống quán niệm tâm trên tâm rồi biết khéo nội tư duy. Ví như có người đi xe từ phương Tây vùn vụt đến, người ấy có giẫm đạp lên gò đống chăng? Tôn giả A-nan bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, có như the! Phật bảo Tôn giả A-nan: -Cũng thế, Thánh đệ tử giác tri tâm... tâm giải thoát khi thở ra nên học như tâm giải thoát thở ra. Như vậy, Thánh đệ tử sống quán niệm tâm trên tâm5 biết khéo nội tư duy về thân, thọ và tâm, tham ưu dứt, xả bỏ. Bấy giờ, Thánh đệ tử

Sống quán niệm pháp trên pháp, sống quán niệm pháp trên pháp rồi nên biết khéo nội tư duy. Này A-nan! Ví như nơi ngã tư đường có gò đống, người đi xe từ phương Bắc chạy tới vùn vụt có giẫm đạp lên gò đống chăng? Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn, có như the!

The Ton bao Ton gia A-nan: -Cũng thế, Thánh đệ tử sống quán niệm pháp trên pháp, nên biết khéo nội tư duy. Này A-nan! Đó gọi là Ty-kheo tinh cần nỗ lực tu bốn niệm xứ. Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 814 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Nên tu an-na-ban-na niệm, đã tu tập nhiêu, thân chăng mệt mỏi, mat cũng chẳng dính mắc đối với lạc, tùy thuận quán trụ lạc, giác tri chẳng nhiễm trước lạc. Thế nào là tu an-na-ban-na niệm, thân chẳng mệt mỏi, mắt chẳng dính mắc đối với lạc, tùy quán trụ lạc, giác tri chẳng nhiễm trước lạc? Ty-kheo ở trong thôn xóm quán triệt lúc thở ra5 nên học như chấm dứt thở ra. Đây gọi là tu an-na-ban-na niệm, thân chẳng mệt nhọc, mắt cũng chẳng dính mắc đoi với lạc, tùy quán trụ lạc, giác tri chang nhiễm trước lạc. Cũng the, người tu an-na-ban-na niệm thì đắc quả lớn, được phước lợi lớn. Ty-kheo này muốn cầu lìa dục pháp ác bất thiện, có giác, có quán, do lìa nên sanh thiên lạc an trụ Sơ thiên đây đủ. Tỳ-kheo này nên tu an-na-ban-na niệm. Cũng thê, người tu an-na-ban-na niệm thì đắc quả lớn, được phước lợi lớn. Tỳ-kheo này muốn cầu đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền, Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, hoàn toàn dứt sạch ba kiết sử, đắc quả Tu-đà-hoàn. Ba kiết sử đã hết, tham, sân mỏng, đắc quả Tư-đà-hàm. Năm hạ phần kiết sử hết sạch, đắc quả A-nahàm, được vô lượng sức thần thông như: Thiên nhi, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Lậu tận trí. Cũng the5 Tỳ-kheo nên tu an-na-ban-na niệm, tu an-na-ban-na niệm như vậy thì đắc quả lớn, được phước lợi lớn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 815 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 635

Vào mùa hạ an cư5 lúc ấy trong Tăng chúng, các Thượng tọa Thanh văn đều an cư trong hang, ở gốc cây hai bên Thế Tôn. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo trẻ tuổi đến đảnh lễ Phật, rồi lui ngồi một bên. Đức Phật vì các Tỳ-kheo trẻ tuổi chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, sau đó Thế Tôn im lặng. Các Tỳ-kheo trẻ tuổi nghe Phật dạy xong đều vui mừng, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên đảnh lễ đi ra. Các Tỳ-kheo trẻ tuổi đi đến đảnh lễ các Thượng tọa Tỳ- kheo và lui ngồi một bên. Khi ấy các Thượng tọa Tỳ-kheo nghĩ rằng: "Chúng ta nên nhiếp thọ các Tỳ-kheo trẻ tuổi này, hoặc một người nhận một người, hoặc một người nhận hai người, ba người, nhiều người.^ Nghĩ như thế xong, các Tỳ-kheo Thượng tọa liền nhiếp thi hoặc một người nhận một người, hoặc một người nhận hai người, ba người, nhiều người, hoặc có Thượng tọa nhận đến sáu mươi người. Đen ngày mười lăm vào thời Bố-tát, đức Thế Tôn trải tòa ngồi ở trước đại chúng, Thế

Tôn quán sát các Tỳ-kheo và nói: Này các Tỳ-kheo! Lành thay! Lành thay! Hôm nay Ta vui mừng vì thấy các Tỳ-kheo làm điều chính đáng. Thế nên, các Tỳ-kheo hãy nỗ lực, siêng năng tinh tấn ở nước Xá-vệ này an cư mãn tháng Ca-đề. Tỳ-kheo ở các nơi nghe Thế Tôn đang trụ ở Xá-vệ, an cư mãn tháng Ca-đề may y xong, Ngài đắp y, ôm bát du hành ở nước Xá-vệ. Các Tỳ-kheo dần dần đi đến Xá-vệ9 cất y bát, rửa chân xong, họ đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ chân Thế Tôn, rồi lui ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn liền thuyết pháp chỉ dạy, soi sáng làm cho các Tỳ-kheo được hoan hỷ, sau đó Ngài im lặng. Các Tỳ-kheo này được nghe pháp vui mừng, tùy hỷ, rồi chỗ ngồi đứng lên đảnh lễ Phật và cáo từ. Họ đến đảnh lễ các Thượng tọa Tỳ-kheo và lui ngồi một bên. Lúc ấy, các Thượng tọa nghĩ thầm: "Chúng ta nên nhận các Tỳ-kheo này, có thể một người nhận một người, hoặc hai, ba người cho đến nhiều người.^, Các Thượng tọa Tỳ-kheo liền nhận họ, hoặc một người nhận một người, hoặc một người nhận hai người, có vị nhận ba người cho đến sáu mươi người. Sau khi nhận các Tỳ-kheo này, các Tỳ-kheo Thượng tọa ân cần dạy dỗ cho họ khéo biết thứ tự trước sau. Đen ngày mười lăm Bố-tát, Thế Tôn trải tòa ngồi trước đại chúng, quán sát toàn chúng Tỳ-kheo và bảo rang: -Lành thay! Lành thay! Các Tỳ-kheo! Ta rất mừng các thầy đã làm điều chánh đáng. Ta rất vui các thày đã làm điều chánh đáng. Này các Tỳ-kheo! Các đức Phật quá khứ cũng có chúng Tỳ-kheo đã làm điều chánh đáng như chúng Tỳ-kheo đây; các đức Phật vị lai nếu có chúng Tỳ-kheo thì cũng nên làm điều chánh đáng như những Tỳ-kheo ngày hôm nay. Vì sao? Vì ngày nay trong lúc ở đây, các Trưởng lão Tỳ-kheo có người đắc Sơ thiền, Nhi thiền, Tam thiền,

Tứ thiền, Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ an trụ đầy đủ. Có Tỳ-kheo ba kiết sử đã hết sạch đắc quả Tu-dà-hon, không đọa vào đường ác, quyết đinh thẳng đến Vô thượng Chánh giác, bảy lân qua lại sanh trong cõi trời, người, rót ráo hét ngăn mé khô. CÓ Tỳ-kheo ba kiêt sử hét sạch, tham, sân nhuê mỏng, đác quả Tư-đà-hàm. CÓ Tỳ-kheo năm hạ phân kiêt sử hét sạch, đác quả A-na-hàm, Sanh Bát-niêt- bàn, chẳng sanh lại trong thế gian này. Có Tỳ-kheo được cảnh giới thần thông vô lượng và Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Lậu tận trí. Có Tỳ- kheo tu bất tinh quán, đoạn tham dục; tu từ tâm, đoạn sân nhuế; tu vô thường tưởng, đoạn ngã mạn; tu an-na-ban-na niệm, đoạn giác tưởng. Thế nào là Tỳ-kheo tu an-na-ban-na niệm đoạn giác tưởng? Tỳ-kheo này tru ở thôn xóm... quán diệt thở ra, nên học như quán diệt thở ra. Đó gọi là tu an-na-ban-na niệm, đoạn giác tưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 816

Tôi nghe như vay:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo:

Có ba học. Những gì là ba? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng ý học, tặng thượng tuệ học.

–

TZ"*!- • ỉ
Ạ__
rrn*| À rrn /x 1 • Á f 1 A
Khi ay, The Ton liên noi kê:
Người đầy đủ tam học Là Ty-kheo chánh hạnh,
Giới, tâm, tuệ tăng thượng, Ba pháp siêng tinh tấn,
Thành lũy bền, vững chắc, Luôn thủ hộ các căn,
Ban ngày cũng như đêm, Lúc trước cũng như sau,
Lúc sau cũng như trước, ở trên cũng như dưới, ở dưới cũng như trên, Vô lượng các tam-muoi9
Chiêu sáng khắp mười phương, Đây gọi là giác tích,
Sự trong mát bậc nhất, Lìa bỏ hẳn vô minh,
Tâm ấy thiện giải thoát. Ta là đấng Giác Ngộ,
Minh hạnh đều đầy đủ, Chánh niệm luôn an trụ,
Tâm kia được giải thoát, Khi thân hoại mạng chung,
Như đèn tận, lửa tắt.
Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.
KINH SỐ 817 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 637

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Cũng có ba học. Những gì là ba? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng ý học, tăng thượng tuệ học. The nào là tăng thượng giới học? Nếu Tỳ-kheo trụ nơi giới Ba-la-đề-mộc-xoa và luật nghi, oai nghi, thực hành đầy đủ? thấy lỗi nhỏ liền sợ hãi, giữ gìn học giới. Thế nào là tăng thượng ý học? Nếu Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác bất thiện... an trụ đầy đủ đệ Tứ thiền. Thế nào là tăng thượng tuệ học? Tỳ-kheo này biết như thật, đây là khổ Thánh dế, biết như thật tập Thánh dế, diệt Thánh đế, đạo Thánh đế. Đó gọi là tăng thượng tuệ học. (Bấy giờ, Thế Tôn lại nỏi kệ như trên). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 818 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ5 The Ton bao các Ty-kheo: -Có Tỳ-kheo tăng thượng giới học, chẳng tăng thượng ý học, tăng thượng tuệ học; có người tăng thượng giới học, tăng thượng ý học, chẳng tăng thượng tuệ học. Thánh đệ tử, người phương tiện tùy thuận thành tựu an trụ, tăng thượng tuệ thì tu tập đầy đủ tăng thượng giới, tăng thượng ý. Cũng vậy, Thánh đệ tử phương tiện tùy thuận thành tựu an trụ, tăng thượng tuệ thì sống với trí tuệ vô thượng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 819 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Tôn bảo các Tỳ-kheo: Cứ mỗi nửa tháng, các Tỳ-kheo nên đến nói giới kinh, gồm hai trăm năm mươi giới để cho Tỳ-kheo cầu học đến học.

Nói rằng ba học có công năng bao gồm các giới. Những gì là ba? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng ý học, tăng thượng tuệ học. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 820

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Ky.dà, trong vườn cấp Cô Độc.

r ĩ _

Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo:

(Nói như trên, chỉ có khác là): Thế nào là tăng thượng giới học? Nghĩa là

Tỳ-kheo chú trọng giới, nên giới tăng thượng, chẳng chú trọng định, nên định chẳng tăng thượng, chẳng chú trọng tuệ, nên tuệ chẳng tăng thượng. Đối với mỗi mỗi giới vi tê hễ vi phạm thì sám hối. Vì sao? Ta chẳng nói Tỳ-kheo ấy chẳng đủ năng lực. Nếu giới của vị ấy tùy thuận Phạm hạnh, lợi ích cho Phạm hạnh, an trụ lâu dài trong Phạm hạnh, Tỳ-kheo như thế giới kiên cố, giới sư thường trụ, giới thường thuận theo, phát sinh học tập, lãnh thọ và giữ gìn giới luật. Tỳ-kheo biết như thế, thấy như thế, đoạn ba kiết sử là thân kiến, giới thủ và nghi, dứt ba kiết sử này đắc quả Tu-đà-hoàn chẳng rơi vào đường ác, quyết định thẳng đến Vô thượng Bồ-đề? bảy lần qua lại trong cối trời, người, giải thoát khổ. Đó gọi là tăng thượng giới học. Thế nào là tăng thượng ý học? Tỳ-kheo này chú trọng giới nên giới tăng thượng, chú trọng định nên định tăng thượng, chẳng chú trọng tuệ nên tuệ chăng tăng thượng, đôi với môi môi giới vi tê đêu cân thận thọ trì và học tập. Biết như thế, thấy như thế, đoạn năm hạ phần kiết sử là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế. Đoạn năm hạ phan kiết sử này được Sanh Bát-niết-bàn? chứng A-na-hàm, chẳng trở lại the gian này. Đó gọi là tăng thượng ý học. Thế nào là tăng thượng tuệ học? Tỳ-kheo chú trọng giới nên giới tăng thượng, chú trọng định nên định tăng thượng, chú trọng tuệ nên tuệ tăng thượng. Tỳ-kheo ấy biết như thế, thấy như thế, tâm giải thoát các dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu, tri kiến giải thoát: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau.” Đó là tăng thượng tuệ học. Phật nói kmh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 821 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Cứ mỗi nửa tháng các Tỳ-kheo nên đến đọc lại giới kinh gồm hai trăm năm mươi giới để cho các Tỳ-kheo cần học đến học. Nếu có thiện nam tha thiết mong cầu và muốn học tập, Ta sẽ vì người ấy nói về ba học. Nếu học đủ ba học này thời bao quát được tất cả học giới. Những gì là ba? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng ý học, tăng thượng tuệ học. Thế nào là tăng thượng giới học? Tỳ-kheo chú trọng giới nên giới tăng thượng, chẳng chú trọng định nên định chẳng tăng thượng, chẳng chú trọng tuệ nên tuệ chẳng tăng thượng; đối với mỗi giới vi tế đều học tập và giữ gìn cẩn thận. Tỳ-kheo ấy biết như thế, thấy như thế, đoạn ba kiết sử là thân kiên, giới thủ, nghi; tham, sân mỏng, thành tựu hạt giống đạo. Địa vị ấy chưa phải giác ngộ hoàn toàn nên gọi Tư-đà-hàm? còn gọi là Gia gia, hoặc gọi là Thất hữu,

hoặc gọi là Tùy hành pháp, hoặc gọi là Tùy tín hành. Đó là tăng thượng giới học.

KINH TẠPA-HÀM 639

Thế nào là tăng thượng ý học? Tỳ-kheo chú trọng giới nên giới tăng thượng, chú trọng định nên đinh tăng thượng, chẳng chú trọng tuệ nên tuệ chẳng tăng thượng; đối với mỗi giới nhỏ đều học tập và giữ gìn cẩn thận. Biết như thế, thấy như thế, đoạn dứt năm hạ phần kiết sử là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuê. Do đoạn dứt năm hạ phân kiêt sử, được Trung Bát-niêt-bàn. Địa vị này chưa hoàn toàn giác ngộ nên có thể đắc Sanh Bát-niết-bàn. Địa vi này chưa hoàn toàn giác ngộ nên có thể đắc Thượng lưu Bát-niết-bàn. Đây gọi là tăng thượng ý học. Thế nào là tăng thượng tuệ học? Tỳ-kheo chú trọng giới nên giới tăng thượng, chú trọng định nên định tăng thượng, chú trọng tuệ nên tuệ tăng thượng. Tỳ-kheo biết như thế, thấy như thế, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu, giải thoát tri kiến: “Sự sanh của ta đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Đó gọi là tăng thượng tuệ học. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 822 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ The Ton bảo các Ty-kheo: -Nếu Ty-kheo sống đầy đủ giới luật, khéo giữ gìn giới luật thực hành đầy đủ oai nghi, thấy lỗi vi tế hay sanh sợ hãi. Ty-kheo đã sống đầy đủ giới luật, khéo nhiếp trì giới, đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy tội hay sanh sợ hãi, giữ gìn học giới thì khiến ba học được tu tập đầy đủ. Những gì là ba? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng ý học, tăng thượng tuệ học. Thế nào là tăng thượng giới học? Tỳ-kheo đầy đủ giới luật nhưng kém đinh, kém tuệ, chú trọng giữ gìn mỗi mỗi giới vi tế và học tập. Tỳ-kheo ấy biết như thế, thấy như thế, đoạn ba kiết sử là thân kiến, giới thủ, nghi; đoạn ba kiết sử này đắc quả Tu-đà-hoàn, chẳng đọa vào đường ác, quyết đinh thẳng đến Chánh giác, bảy lần qua lại trong cõi trời, người, giải thoát kho. Thế nào là tăng thượng ý học? Tỳ-kheo này được đinh đầy đủ? tam-muội đầy đủ, nhưng thiếu tuệ; còn đối với mỗi giới vi tế hễ vi phạm thì sám hối, cẩn thận gìn giữ, học tập giới luật. Tỳ-kheo biết như thế, thấy như thế, đoạn năm hạ phần kiết sử là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế; đã đoạn năm hạ phần kiết sử này nên đắc Sanh Bát-niêt-bàn, chứng quả A-na-hàm, chăng còn sanh trở lại thế gian này. Đó gọi là tăng thượng ý học. Thế nào là tăng thượng tuệ học? Tỳ-kheo học giới đầy đủ, định đầy đủ, tuệ đầy đủ. Tỳ-kheo biết như thế, thấy như thế, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu, giải thoát tri kiến: “Sịt sanh của ta đã

640 KINH TẠP A-HÀM

tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã xong, tự biết không còn thọ thân sau." Đó gọi là tăng thượng tuệ học. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 823 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo sống đầy đủ giới luật, khéo gìn giữ giới luật thực hành oai nghi đầy đủ? thấy lỗi nhỏ cũng sanh sợ hãi,

sống thọ trì học giới, hoàn toàn đầy đủ tam học; đó là tăng thượng giới, tăng thượng ý, tăng thượng tuệ. Thế nào là tăng thượng giới? Tỳ-kheo ấy giới đầy đủ nhưng kém định, kém tuệ; còn đối với từng^phần giới vi tế đều thọ trì và học tập cẩn thận. Tỳ-kheo thấy như thế, biết như thế, đoạn được ba kiết sử và tham, sân mỏng, được hạt giống đạo. Vì địa vi ấy chưa hoàn toàn giác ngộ nên đắc quả Tư-đà-hàm, vì địa vị ấy chưa giác ngộ nên gọi là Gia gia, vì địa vị ấy chưa hoàn toàn giác ngộ nên đắc quả Tư-đà-hàm, vì địa vị ấy chưa hoàn toàn giác ngộ nên đắc Tùy pháp hành, vì địa vị ấy chưa hoàn toàn giác ngộ nên đắc Tùy tín hành. Đó gọi là tăng thượng giới học. Thế nào là tăng thượng ý học? Tỳ-kheo ấy giới đầy đủ, định đày đủ nhưng kém tuệ; còn đối với từng giới vi tế thọ trì và học tập cẩn thận. Tỳ-kheo? biết như thế, thấy như thế, đoạn năm hạ phần kiết sử là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế; đoạn năm hạ phần kiết sử này nên đắc Trung Bát-niết-bàn. Vì chưa hoàn toàn giác ngộ nên đắc Sanh Bát-niết-bàn, vì địa vị ấy chưa hoàn toàn giác ngộ nên đắc Vô hành Bát-niết-bàn. Vì địa vị ấy chưa hoàn toàn giác nệộ nên đắc Hữu hành Bát-niết-bàn? vì địa vị ấy chưa hoàn toàn giác ngộ nên đác Thượng lim Bát-niêt-bàn. Đó gọi là tăng thượng ý học. Thê nào là tăng thượng tuệ học? Tỳ-kheo này học giới đây đủ, định đây đủ? tuệ đầy đủ, thấy như thế, biết như thế, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu, tri kiến giải thoát: í6Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc càn làm đã làm xong, tự biết không thọ thân sau." Đó gọi là tăng thượng tuệ học. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SO 824

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc.

_ r __ _____ r — _

T"Ạ__ • A_ r

FT'*! _ Ạ FT^ A _ 7 FT^ \

Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo:

Có hai điều nên học, những gì là hai? Đó là tăng thượng oai nghi học, tăng thượng Ba-la-đề-mộc-xoa học.

KINH TẠPA-HÀM 641

LÚC áy The Ton noi kẹ: Khi người học, học giới, Tùy thuận tu chánh đạo, Chuyên thẩm xét siêng năng, Khéo giữ gìn tự thân, Trước đắc lậu tận trí, Thứ cứu cánh vô tri, Đác giải thoát vô tri, Tri kiến đã vượt qua, Thành bất động giải thoát, Các hữu kiết diệt tận, Các căn kia đầy đủ, Các căn vui tịch tịnh, Giữ thân sau cùng này, Hàng phục các ma oán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 825 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Học giới đem đến nhiều phước lợi, an trụ trí tuệ là được giải thoát cao thượng, niệm kiên cố là tăng thượng. Nếu Tỳ-kheo học giới thì được phước lợi, trí tuệ là giải thoát cao thượng, niệm kiên cố tăng thượng rồi làm cho ba học đầy đủ. Những gì là ba? Là tăng thượng giới học, tăng thượng ý học, tăng thượng tuệ học. LÚC ây The Ton noi kẹ: Học giới được phước lợi,

Chuyên tư duy thiên định, Trí tuệ là tối thượng, Thân này là cuối cùng, Thân Mâu-ni sau cùng, Hàng ma qua bến giác. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 826 A

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, Thê Ton bảo các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác là): Thế nào là học giới đem đến phước lợi? Nghĩa là Đại sư vì các Thanh văn chế giới với mục đích nhiếp thủ Tăng, sự cật lực nhiếp thủ Tăng khiến người chưa tin được tin, người tin rồi tăn^ trưởng niềm tin, điều phục kẻ ác khiến cho người tàm quý được sống an vui, đề phòng hữu lậu ở hiện tại, đối trị hữu lậu vị lai và khiến cho Phạm hạnh tồn tại lâu dài. Như thế Như Lai đã vì hàng Thanh văn chế định giới luật nhằm mục đích nhiếp thủ Tăng... khiến Phạm hạnh tồn tại lâu dài. Như vậy, người học giới, thực hành giới kiên cố, luôn luôn phòng bị5 luôn luôn thực hành giới, lãnh thọ, giữ gìn học giới. Đó là Tỳ-kheo được phước lợi từ học giới.

Thế nào là trí tuệ cao quý hơn hết? Nghĩa là Đại sư vì các Thanh văn thuyết pháp với tâm đại bi thương xót, đem nghĩa lợi ích, hoặc an ổn, hoặc an vui, hoặc an ôn, an vui như thê. Đại sư vì hàng Thanh văn thuyêt pháp với tâm đại bi thương xót, đem pháp nghĩa lợi ích, an vui cho các đệ tử, nơi mỗi mỗi pháp, nơi mỗi mỗi chỗ đều dùng trí tuệ quán sát. Đó gọi là Tỳ-kheo trí tuệ cao quý hơn hết. Thế nào là giải thoát kiên cố? Nghĩa là Đại sư vì các Thanh văn thuyết pháp, với tâm đại bi thương xót, đem nghĩa lợi ích an ổn9 an lạc. Đem nghĩa lợi ích an 7 Á 1 ỉ 1 J _ ~ Ạ _ _ • ĩ Ạ • ~~_~ 1 r _ Ạ __ Ạ • AÀ • _1 A 4* _ ____ _ • Á • on, an lạc như the; nơi moi moi pháp áy, nơi moi moi cho đêu được mem vui giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo giải thoát kiên cố. Thế nào là Tỳ-kheo niệm tăng thượng? Nghĩa là người chưa đầy đủ giới thân, chuyên tâm buộc niệm an trụ, người chưa quan sát nơi mỗi mỗi chỗ trí tuệ, buộc niệm an trụ, người đã quán sát rồi nơi mỗi mỗi chỗ niệm lại càng an trụ, chưa tiếp xúc pháp, nơi mỗi chỗ đều giải thoát, niệm an trụ đã tiếp xúc pháp, nơi mỗi mỗi chỗ giải thoát, niệm an trụ. Đó gọi là Tỳ-kheo chánh niệm tăng thượng. Bay giờ, The Ton noi kệ: Học giới được phước lợi, Chuyên tư duy thiền định, Trí tuệ là tối thượng, Thân này là cuôi cùng, Mau-ni thân sau cùng, Hàng ma qua bến giác. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như A-nan-đà Tỳ-kheo và Dỉ Tỳ-kheof ba kỉnh Phật hỏi các Tỳ-kheo cũng nói như trên).

KINH SỐ 827 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. r r Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Ví như người nông phu làm ruộng trải qua ba giai đoạn, phải tùy thời khéo làm. Ba giai đoạn ấy như thế nào? Nghĩa là người nông phu trước tiên là cày bừa đất, ke đến tùy thời tưới nước, sau đó tùy thời gieo hạt giống. Người nông phu sau khi đã cày bừa, dẫn nước, gieo hạt giống, không nghĩ rằng: "Muốn cho hôm nay sinh trưởng, hôm nay kết quả, hôm nay thành thục hoặc ngày mai, hoặc ngày m6t." Này các Tỳ-kheo! Nhưng nếu người nông phu kia

sau khi đã cày ruộng, tưới nước và gieo hạt giống, không nghĩ rằng: "Hôm nay sinh trưởng, trái hạt thành thục hoặc ngày mai, hoặc ngày mốt, mà hạt giống đã vào đất chắc chắn sẽ tùy thời sinh trưởng, hạt lúa sẽ chín." Cũng vậy5 Tỳ-kheo đối với ba học này nên tùy thời khéo học nghĩa là khéo giới học, khéo ý học, khéo tuệ học nhưng chẳng nghĩ rang: "Muốn cho ta ngày nay được không khởi các lậu, tâm thiện giải thoát hoặc ngày mai, hoặc ngày m6t." Chẳng nghĩ như thế, than lực tự nhiên có the khiến cho hôm nay hoặc ngày mai, hoặc ngày mốt

chẳng khởi các lậu, tâm thiện giải thoát. Tỳ-kheo ấy đã tùy thời tăng thượng giải thoát học, tăng thượng ý học, tăng thượng tuệ học. Tùy thời tự nhiên được, chẳng khởi các lậu, tâm thiện giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Ví như gà mái ấp trứng hoặc mười, cho đến mười hai trứng, phải tùy thời tiết ấm lạnh giữ gìn chăm sóc. Con gà ấp kia không nghĩ răng: "Ta ngày nay hoặc ngày mai, hoặc ngày môt sẽ dùng mỏ mô, hoặc dùng móng cào vỏ trứng đê cho gà con được thoát ra an on." Nhtmg gà mái cứ khéo áp trứng, tùy thời thương yêu gìn giữ, gà con tự nhiên được sanh ra an ôn. Cũng thế, Tỳ-kheo khéo học ba học, tùy theo thời tiết tự nhiên được không khởi các lậu, tâm thiện giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 828 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Ví như con lừa đi theo bầy trâu và nghĩ rằng: "Ta nên làm tiếng trâu rống95, nhưng hình dáng lừa chẳng giống trâu, màu sắc chẳng giống, tiếng rống cũng chăng giông mà đi theo bây trâu, bat chước giông như trâu, tự cho mình là trâu, nhưng khác trâu thật xa. Cũng vậy, có kẻ ngu si vi phạm giới luật, đi theo đại chúng và nói rằng: “T6i là Ty-kheo, tôi là Ty-kheo^, mà chẳng học tập, chẳng tha thiết muốn tăng thượng giới học, tăng thượng ý học, tăng thượng tuệ học, chỉ đi theo đại chúng tự nói: "T6i là Tỳ-kheo, tôi là Ty-kheo?9 Kỳ thật khác xa Tỳ-kheo. Lúc áy, The Ton noi kẹ: Thú cùng móng không sừng, Đủ bốn chân, tiếng rống, Đi theo đuôi bầy trâu, Thường cho là bè bạn, Hình thể chẳng phải trâu, Không thể rống tiếng trâu. Cũng thế, người ngu si, Chẳng tùy buộc tâm niệm, Đối với điều Phật dạy, Chăng muôn siêng găng sức, Biếng nhác tâm, khinh mạn, Chẳng được đạo vô thượng. Như lừa trong bây trâu, Mà cách trâu thật xa, Kẻ tùy theo đại chúng, Tâm hành thường tự trái. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 829 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thôn Bạt-kỳ.

Bấy giờ, Tôn giả Bạt-kỳ tử đến hầu bên Phật, Tôn giả đến đảnh lễ Phật, rồi lui đứng một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói qua hai trăm năm mươi giới khiến cho những người quý tộc mỗi nửa tháng đến nói giới kinh, giúp cho các quý tộc tùy ý muốn mà học. Nhưng nay, bạch Thế Tôn, con không thể theo học được nữa. Phật bảo Bạt-kỳ tử: Bạt-kỳ tử có thể tùy thời học ba học không?

Bạt-kỳ tử bạch Phật: Bạch Thế Tôn, có thể được!

Phật bảo Bạt-kỳ tử: -Người nên tùy thời tăng thượng giới học, tăng thượng ý học, tăng thượng tuệ học; đã tùy thời tinh cần tăng thượng giới học, tăng thượng ý học, tăng thượng tuệ học, chẳng bao lâu sẽ được hết sạch hữu lậu, vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: "Sịt sanh của ta đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Tôn giả Bạt-kỳ tử nghe Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi đi. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-kỳ tử sau khi vâng lời chỉ dạy, nhắc nhở của Phật, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy. (Nói như trên)... tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán.

KINH SỐ 830 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại Băng-già-xà? trong rừng Băng-già-kỳ. Bây giờ, Thê Tôn vì các Tỳ-kheo nói vê pháp tương ưng với giới và khen ngợi pháp chế giới. Lúc ấy5 Tôn giả Ca-diếp-thị đang ở trong thôn Băng-già-xà? nghe Thế Tôn nói pháp tương img với giới và khen ngợi giới, trong tâm không bằng lòng, không vui, nói rằng: "Sa-m6n ấy cật lực khen ngợi giới này, tích cực chế định giới n Khi Thế Tôn đã trú tại thôn Băng-già-xà, tùy chỗ trụ an lạc xong, Ngài hướng đến nước Xá-vệ? lần lượt du hành đến nước Xá-vệ? trong rừng Kỳ-đà, ở vườn Cấp Cô Độc. Khi Thế Tôn đi chẳng bao lau, Tôn giả Ca-diếp-thị tâm sanh hối hận, tự trách: "Ngày nay ta mất lợi, bị mất lợi lớn, lúc Thế Tôn nói về pháp tương ưng với giới, khen ngợi sự che giới, đối với Thế Tôn, ta khởi tâm không bằng lòng, chăng vui vẻ còn phàn nàn vê sự khen ngợi giới luật và chế giới của Ngài." Tôn giả Ca-diêp-thị qua đêm ây, sáng sớm đăp y, ôm bát vào thôn Băng-già- xà khất thực, thọ thực xong trở về tinh xá, gởi lại ngọa cụ, Tôn giả tự mang y

Bấy giờ, Tôn giả Bạt-kỳ tử đến hầu bên Phật, Tôn giả đến đảnh lễ Phật, rồi lui đứng một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói qua hai trăm năm mươi giới khiến cho những người quý tộc mỗi nửa tháng đến nói giới kinh, giúp cho các quý tộc tùy ý muốn mà học. Nhưng nay, bạch Thế Tôn, con không thể theo học được nữa. Phật bảo Bạt-kỳ tử: Bạt-kỳ tử có thể tùy thời học ba học không?

Bạt-kỳ tử bạch Phật: Bạch Thế Tôn, có thể được!

Phật bảo Bạt-kỳ tử: -Người nên tùy thời tăng thượng giới học, tăng thượng ý học, tăng thượng tuệ học; đã tùy thời tinh cần tăng thượng giới học, tăng thượng ý học, tăng thượng tuệ học, chẳng bao lâu sẽ được hết sạch hữu lậu, vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: "Sịt sanh của ta đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Tôn giả Bạt-kỳ tử nghe Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi đi. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-kỳ tử sau khi vâng lời chỉ dạy, nhắc nhở của Phật, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy. (Nói như trên)... tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán.

KINH SỐ 830 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại Băng-già-xà? trong rừng Băng-già-kỳ. Bây giờ, Thê Tôn vì các Tỳ-kheo nói vê pháp tương ưng với giới và khen ngợi pháp chế giới. Lúc ấy5 Tôn giả Ca-diếp-thị đang ở trong thôn Băng-già-xà? nghe Thế Tôn nói pháp tương img với giới và khen ngợi giới, trong tâm không bằng lòng,

không vui, nói rằng: "Sa-m6n ấy cật lực khen ngợi giới này, tích cực chế định giới n Khi Thế Tôn đã trú tại thôn Băng-già-xà, tùy chỗ trụ an lạc xong, Ngài hướng đến nước Xá-vệ? lần lượt du hành đến nước Xá-vệ? trong rừng Kỳ-đà, ở vườn Cấp Cô Độc. Khi Thế Tôn đi chẳng bao lau, Tôn giả Ca-diếp-thị tâm sanh hối hận, tự trách: "Ngày nay ta mất lợi, bị mất lợi lớn, lúc Thế Tôn nói về pháp tương ưng với giới, khen ngợi sự che giới, đối với Thế Tôn, ta khởi tâm không bằng lòng, chăng vui vẻ còn phàn nàn vê sự khen ngợi giới luật và chế giới của Ngài." Tôn giả Ca-diêp-thị qua đêm ây, sáng sớm đăp y, ôm bát vào thôn Băng-già- xà khất thực, thọ thực xong trở về tinh xá, gởi lại ngọa cụ, Tôn giả tự mang y

bát hướng về thành Xá-vệ tuần tự du hành, đến nước Xá-ve, cất y bát, rửa chân, rồi vào đanh lễ Thế Tôn, bạch Phật rằng: -Con xin sám hối Thế Tôn! Con xin sám hối Thiện Thệ! Con ngu si chẳng khéo hiểu biết. Lúc con nghe Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo về pháp tươnệ ưng với giới, khen ngợi sự chế giới, đối với Thế Tôn con cảm thấy không băng lòng, chẳng vui, chẳng hài lòng và nói rằng: "Sam6n chế giới, khen ngợi giới này?5 Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-thị: -Vào lúc nào, ở tại chỗ Ta, tâm thầy không bằng lòng, chẳng vui, chẳng hoan lạc mà nói rằng: "Sa-m6n này cật lực chế giới, khen ngợi giới nay^? Tôn giả Ca-diếp-thị bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đó là lúc Ngài trú tại thôn Bằng-già-xà trong rừng Băng- già-ky, Ngài vì các Tỳ-kheo nói pháp tương ung với giới, khen ngợi giới. Con lúc ấy ở chỗ đức Thế Tôn, tâm không bằng lòng, không hoan hỷ? không hoan lạc, mà nói rằng: "Sa-m6n này cật lực chế giới, khen ngợi giới này.” Bạch Thế Tôn! Hôm nay con tự biết ăn năn lầm lỗi, con tự thấy tội của mình. Xin Thế Tôn thương xót nhận sự sám hối của con! Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-thị: Thầy tự biết lỗi là đã ngu si, bất thiện, chẳng biết suy nghĩ Idii nghe Ta nói về pháp tương ưng với giới, khen ngợi chế giới mà đối với Ta, thầy không bằng lòng, không vui, không hoan lạc và nói rang: "Sam6n này cật lực che giới, hết sức khen ngợi giới này." Này Ca-diếp-thị! Nay thầy tự biết lỗi, tự thấy lỗi lầm ya sám hối thì đời vị lai luật nghi giới sanh, vì thương xót thầy Ta nhận sự sám hối này. Ca-diếp-thị sám hối như vậy xong thiện pháp được tăng trưởng, trọn chẳng suy giảm. Vì sao? Vì nếu có người tự biết tội, tự thay tội, mà ăn năn sám hoi thì ở đời vị lai luật nghi giới sanh, thiện pháp tăng trưởng, chẳng suy giảm. Giả sử Ca-diếp-thị là vị Thượng tọa mà không muốn học giới, không quý trọng giới, chẳng khen ngợi chế giới thì Tỳ-kheo như thế, Ta chẳng tán thán. Vì sao? Vì nếu người này được Đại sư khen ngợi, những người khác sẽ gần gũi, cung kính, tôn trọng họ. Nếu người khác cung kính, tôn trọng họ thời sẽ có tri kiến và việc làm giông với họ. Người có việc làm giông như thê, thời luôn luôn sẽ bị cái khổ, không có lợi ích, chẳng khen ngợi, vì ban đầu vị ầy chẳng thích học giới giống như Trưởng lão Tỳ-kheo, trung niên Tỳ-kheo? thiêu niên Tỳ-kheo cũng sẽ như thế. Nếu bậc Thượng tọa Trưởng lão ban đâu đã chú trọng giới học, khen ngợi chế giới, vị Trưởng lão ấy được Ta khen ngợi vì vị ấy ban đầu ưa học giới. Người này được Đại sư tán thán, người khác sẽ gan gũi cúng dường, tôn trọng thời thấy biết cũng giống như họ. Vì thấy biết giống như họ nên trong đời vi lai người ấy sẽ luôn luôn được lợi ích. Vì thế đối với Tỳ-kheo Trưởng lão kia, Ta thường khen ngợi do lúc ban đầu ưa học giới để các Tỳ-kheo trung niên,

Tỳ-kheo thiếu niên cũng lại như the. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

646 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 831 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nấu các Tỳ-kheo Trưởng lão, Thượng tọa ban đầu chẳng ưa học giới, chẳng quý trọng đến giới, thấy Tỳ-kheo khác ban đầu ưa thích học giới, quý trọng giới, khen ngợi chê giới. Các vị ây cũng chăng tùy thời khen ngợi. Ta đôi với các Tỳ-kheo này cũng chẳng tán thán vì từ đầu họ chẳng ưa học giới. Vì sao? Vì nếu Đại sư khen ngợi họ? người khác sẽ gần gũi, cung kính, tôn trọng, có cùng tri kiến với họ, vì cùng tri kiến với họ như vậy, nên sẽ luôn luôn bị khổ, chẳng được lợi ích. Vì thế Ta đối với các Tỳ-kheo Trưởng lão cũng như Tỳ-kheo trung niên, Tỳ-kheo thiếu niên cũng lại như vậy. Đối với người ưa học giới, được nói như trước. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 832 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có ba môn học. Những gì là ba? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng ý học, tăng thượng tuệ học. Thế nào là tăng thượng giới học? Nghĩa là nếu Tỳ- kheo sống với Ba-la-đề-mộc-xoa, thực hành đầy đủ oai nghi, thấy tội nhỏ cũng sanh sợ hãi, gìn giữ học giới. Đó gọi là tăng thượng giới học. Thế nào là tăng thượng ý học? Nghĩa là nêu Tỳ-kheo lìa các pháp ác bát thiện, có giác, có quán, xa lìa dục, phát sinh hỷ lạc, trụ Sơ thiền đầy đủ5 cho đến trụ đệ Tứ thiền đầy đủ. Đó gọi là tăng thượng ý học. Thế nào là tăng thượng tuệ học? Nghĩa là nếu Tỳ- kheo đối với khổ Thánh đế này biết như thật, tập Thánh dế, diệt Thánh dế, diệt đạo tích Thánh đế này biết như thật. Đó gọi là tăng thượng tuệ học. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Ba kinh khác nói về tam học cũng như trước đã nói về bốn niệm xứ. Như thiền, như vô lượng, vô sắc, như bốn Thảnh đế, như bốn niệm xứ, tứ chánh đoạn, bon như ỷ túc, năm căn, năm lựcf bảy giác phần, bổn Thánh đạof bon đạo, bon pháp cú, chỉ quản tu tập cũng nói như the).

KINH SÒ 833

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly? bên ao Di Hầu, tại giảng đường

Trùng Các.

KINH TẠPA-HÀM 647

r ỉ r Bây giờ, có người huân luyện voi dòng Ly-xa tên Nan-đà đi đên chô Phật, đảnh lễ Phật, rồi lui ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ly-xa Nan-đà rằng: -Nếu Thánh đệ tử thành tựu bốn bất hoại tịnh, muốn cầu được sống lâu liền được sống lâu, cầu được sắc đẹp, khỏe mạnh, biện luận tự tại đều được như ý. Những gì là bốn? Đó là đối với Phật thành tựu tín tâm thanh tịnh, chẳng hoại; đôi với Pháp, đôi với Tăng đêu thành tựu tín tâm thanh tinh, chăng hoại; và thành tựu Thánh giới. Ta thấy vị Thánh đệ tử này khi mạng chung ở đây sanh lên cõi trời, ở cõi trời được mười điều thù thắng. Những gì là mười? Đó là được tuổi thọ của cõi trời, được sắc đẹp, danh xưng, khoái lạc, tự tại, sắc,

thanh, hương, vị, xúc của cõi trời. Nếu Thánh đệ tử khi mạng chung ở cõi trời lại sanh trong loài người, Ta thấy người ấy có đủ mười điều đặc biệt. Những gì là mười? Đó là được thọ mạng của nhân gian, được xinh đẹp, danh tiếng, khoái lạc, tự tại, sắc, thanh, hương, vị, xúc của cõi người. Ta nói vị đa văn Thánh đệ tử kia được lòng tin chẳng do người khác, chẳng do ý muốn của người khác, chẳng nghe theo người khác, chẳng bám lấy ý của người khác, chẳng theo sự suy tư của người khác. Ta nói người ây có chánh tuệ tri kiến như thật. Bây giờ, có người tùy tùng của Nan-đà thưa với Nan-đà: -Giờ tắm đã đến, mời ngài đi thôi. Nan-đà đáp: Bây giờ ta không cân sự tăm gội của người thê gian, ta nay ở nơi Diệu pháp thù thắng này để tự tắm gội, có thể nói là đối với Thế Tôn ta đã được lòng tin vui thanh tinh. Bấy giờ, người huấn luyện voi Ly-xa Nan-đà nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, rời chỗ ngồi, đứng lên đảnh lễ Phật cáo từ.

KINH SỐ 834 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Tỳ-xá-ly, bên ao Di Hầu, nơi giảng đường Trùng Các. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu Thánh đệ tử thành tựu tứ bất hoại tịnh, sẽ không làm người nghèo khổ, chẳng bị đói rét, ăn xin, tự nhiên giàu sang sung túc. Những gì là bôn? Đó là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng thành tựu tín tâm thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới. Vì thế, Tỳ-kheo nên học như vầy: “Ta sẽ thành tựu lòng tin thanh tịnh, không hoại đối với Phật, Pháp, Tăng; và thành tựu Thanh gioi.95 Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

648 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, The Ton bao các Ty-kneo: -Chuyên Luân Thánh Vương đây đủ bảy báu, thành tựu bôn loại thân lực trong loài người, làm vua bốn cõi, lúc thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời. Tuy lại làm Chuyển Luân Thánh Vương, đầy đủ bảy báu, thành tựu thần lực nhân gian làm vua bon cõi, khi chết sanh lên cõi trời nhưng vẫn chưa dứt được cái khổ của các đường ác: Địa ngục, súc sanh, nga quỷ. Vì sao? Vì Chuyển Luân Thánh Vương đối với Phật, Pháp, Tăng, Thánh giới chẳng thành tựu tín tâm thanh tinh, kiên cố. Còn đa văn Thánh đệ tử dù đắp y phấn tảo, đi khất thực từng nhà dùng ngọa cụ băng cỏ, nhưng vị ây đã giải thoát cái khô của các đường ác: Địa ngục, súc sanh, nga quỷ. Vì sao? Vì đa văn Thánh đệ tử kia đối với Phật, Pháp, Tăng thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới. Vì the các Ty-kheo nên học như sau: "Đối với Phật, nên thành tựu lòng tin thanh tịnh kiên cố; đối với Pháp, Tăng nên thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới.” Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 836 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Các thầy nên khởi tâm ai mẫn, tâm từ bi. Nếu có người ưa nghe và thọ trì lời của các thầy nói thì các thầy nên nói cho họ về bốn bất hoại tịnh, khiến cho người đó được thâm nhập và an trụ. Những gì là bốn? Đó la đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng thành tựu tín tâm thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thh giới. Vì sao? Nếu bốn dại Đất, nước, gió, lửa có thay đổi thêm bớt thì tứ bất hoại tịnh này chưa từng biến đổi, thêm bớt; không thêm bớt biến đổi ấy

là đa văn Thánh đệ tử thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố đối với Phật, Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới; nếu còn bị địa ngục, súc sanh, nga quỷ thì điêu ây không thê có. Vì vậy, các Tỳ-kheo nên học như sau: “Ta sẽ thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố đối với Phật, Pháp, Tăng, thành tựu Thánh giới và cũng sẽ xây dựng cho người khác được thành tựu." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 837 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 649

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nêu kẻ dễ tin người, sẽ sanh ra năm điều lầm lỗi, khi người kia hoặc phạm giới, hoặc trái luật nghi, bị chúng Tăng xả bỏ, người tin kính kẻ ấy lại nghĩ rang: uĐây là thầy ta, được ta kính trọng lại bị chúng Tăng ruồng bỏ, nay ta còn lý do gì mà lại vào chùa tháp của chúng Tng?" Người ấy không vào chùa tháp, chẳng kính chúng Tăng; vì chẳng kính chúng Tăng nên chẳng được nghe pháp, vì chẳng được nghe pháp nên thối thất thiện pháp, và chẳng được an trụ lâu bền trong Chánh pháp. Đó là lỗi lầm đầu tiên phát sinh do dễ tin kính người. Lại nữa, kẻ dễ tin kính người, khi người được tin kính phạm giới, trái luật, bị chúng Tăng cử tội bất kiến; kẻ dễ tin kính người sẽ nghĩ rằng: "Bây là thầy ta, ta kính trọng mà nay chúng Tăng lại cử tội bất kiến, nay ta còn lý do gì mà lại vào chùa tháp của chúng Tang?59 Người ấy đã không vào chùa tháp, nên chẳng kính chúng Tăng; vì chẳng kính chúng Tăng nên chẳng được nghe pháp, vì chẳng được nghe pháp nên thối thất thiện pháp, chẳng được an trụ lâu bền trong Chánh pháp. Đó là lỗi lầm thứ hai phát sinh do dễ tin kính người. Lại nữa, nếu người kia đắp y, ôm bát du hành phương khác, kẻ tin kính người kia sẽ nghĩ rằng: "Người được ta kính trọng đắp y, ôm bát du hành nhân gian, nay ta còn lý do gì mà lại vào chùa tháp của chúng Tng?" Người ấy đã không vào chùa tháp nên chăng cung kính chúng Tăng; vì chăng cung kính chúng Tăng nên chẳng được nghe pháp; vì chẳng nghe pháp nên thối thất thiện pháp, chẳng được an trụ lâu bền trong Chánh pháp. Đây gọi là lỗi lầm thứ ba phát sinh do dễ tin kính người. Lại nữa, khi người được tin kính kia xả giới, hoàn tục, thời kẻ dễ tin kính người lại nghĩ: "Người là thầy ta, ta kính trọng. Người ấy lại xả giới, hoàn tục, nay ta chẳng nên vào chùa tháp." Người ấy đã không vào chùa tháp, chẳng kính chúng Tăng; vì chẳng kính chúng Tăng nên chẳng được nghe pháp; vì chẳng được nghe pháp nên thối thất thiện pháp và chẳng được an trụ lâu bền trong Chánh pháp. Đó là lỗi lầm thứ tư phát sinh do dễ tin kính người. Lại nữa, khi người được tin kính kia, thân hoại mạng chung thì kẻ dễ tin kính người lại nghĩ: ấy là thầy ta, được ta kính trọng, nay đã chết rồi ta còn có duyên gì vào chùa tháp", vì người ấy chẳng vào chùa tháp nên chẳng kính chúng Tăng, đã chẳng kính chúng Tăng nên chẳng được nghe pháp; vì không nghe pháp nên thối thất thiện pháp, chẳng được an trụ lâu bền trong Chánh pháp. Đó là lỗi lầm thứ năm phát sinh do dễ tin kính người. Vì thế, các Tỳ-kheo nên học như sau: “Ta nên thành tựu lòng tin thanh tinh, kiên cố đối với Phật, Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giói." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có bốn cách ăn nuôi sống chúng sanh, giúp bốn đại tăng trưởng, nhiếp thọ. Những gì là bốn? Đó là đoàn thực, xúc thực, ý tư thực, thức thực. Cũng vậy, có bốn thứ phước đức đượm thuần, làm thức ăn an lạc. Những gì là bốn? Đó là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng thành tựu tín tâm thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới. Vì thế, các Tỳ-kheo nên học như vầy: “Ta nên thành tựu tín tâm thanh tịnh, kiên cố đối với Phật, Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giói." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 839 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác la): Người đối với Phật thành tựu tín tâm thanh tịnh, kiên cố; được nghe Pháp, được chúng Tăng hộ niệm, và thành tựu Thánh giới. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lòi Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 840 (Kinh kê tiêp cũng nói như trên, chỉ có khác lấy. Nêu người đôi với Phật, Pháp, Tăng thành tựu tín tâm thanh tịnh, kiên cố thì đối với cấu nhơ, bon xẻn, ràng buộc chúng sanh, sẽ lìa được tâm cấu nhơ bon xẻn, tuy sống tại gia mà vẫn được giải thoát. Tâm thường hành bố thí, ưa bố thí, bố thí thường vui, buông xả, thực hành bo thí bình đẳng, Thánh giới thành tựu. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lòd Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 841 (Kinh ke tiếp cũng nói như trên, chỉ có khác lã): Như the Thánh đệ tử được bốn thứ phước đức đượm nhuần, công đức không thể suy lường thiện pháp đượm nhuần, được phước quả đưa tới quả ấy, được quả ấy nhóm họp phước quả ấy. Nhưng người ấy được nhiều phước lợi, là tập hợp của nhiều công đức lớn. Ví như năm con sông hợp lại một dòng là Hằng Hà, Gia-bồ-na? Tát-la-do, Y-la- bạt-đê? Na-hê; nước trong các sông này không thê đo lường, trăm bình, ngàn bình, muôn bình; nước dòng kia rất nhiều, đó là chỗ tụ tập nước lớn. Cũng vậy, Thánh đệ tử thành tựu bốn công đức đượm nhuần không thể đo lường được là phước đức ấy nhiều hay ít. Phước đức kia rất nhiều, đó là chỗ tu tập công đức

lớn. Vì thế, các Tỳ-kheo nên học như sau: "Ta nên thành tựu tín tâm thanh tinh kiên cố đối với Phật, Pháp, Tăng và thành tựu Thánh gi&i." Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ: Biển lớn rất tốt lành, Sạch mình sạch thứ khác, Mênh mông và chảy xiết, Gôm cả trăm dòng nước. Tất cả các sông ngòi, Nơi các loài nương sống, rpL 2 ^4-À 4-À Ã -l • Ắ Thân này cũng như thế, Thảy đêu đo ve biên. Thí, giới, tu công dức, Chỗ về trăm dòng phước.

KINH SỐ 842 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Người Bà-la-môn nói đạo hư ngụy, ngu si, tà ác, thú hướng bất chánh, chẳng phải trí đẳng giác hướng đến Niết-bàn. Họ làm những việc như sau: Họ dạy các đệ tử vào ngày mười lăm5 dùng hồ-ma vụn hoặc mạt vụn am-la-ma- la tắm gội thân thể, mặc áo lụa mới, đầu rũ tơ dài, phết phân

trâu trên đất rồi nằm lên mà bảo rằng: "Này thiện nam! Buổi sáng dậy sớm cởi áo đem treo lên một chỗ, trần truồng thân thể, hướng về phương Đông chạy nhanh, giả sử dọc đường gặp voi dữ, ngựa chứng, trâu điên, chó dữ, gai dốc, rừng rậm, hầm hố, nước sâu vẫn cứ tiến thẳng tới trước không tránh. Người gặp nguy hại như vậy mà chết chắc chắn sanh lên Phạm thiên." Đó gọi là ngoại đạo ngu si, tà kiến, chẳng phải trí đẳng giác, hướng đến Niết-bàn. Ta vì các đệ tử nói con đường băng phăng, ngay thăng, chăng ngu si, hướng đên trí tuệ đăng giác, hướng đên Niết-bàn. Đó là tám Thánh dạo, từ chánh kiến... chánh định. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 843

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Nói là dòng, thế nào là dòng?

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

Thế Tôn nói dòng là tám Thánh đạo.

Thế Tôn lại hỏi Xá-lợi-phất: Nói về nhập lưu phần, thế nào là nhập lưu phần?

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Có bốn thứ nhập lim phần. Những gì là bốn? Đó là thân cận người tốt, nghe Chánh pháp, bên trong chánh tư duy, pháp thứ, pháp hướng. Phật lại hỏi Xá-lợi-phất: -Bậc Nhập lưu thành tựu bao nhiêu pháp? Xá-lợi-phất bạch Phật: -Có bốn phần, thành tựu nhập lưu. Bốn điều ấy là gì? Đó là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng thành tựu tín tâm thanh tịnh, kiên cố và đối với Thánh giới thành tựu. Phật bảo Xá-lợi-phất: -Như Xá-lợi-phât nói, dòng là tám Thánh đạo, nhập lưu phân có bôn pháp, là thân cận thiện tri thức, nghe Chánh pháp, nên trong chánh tư duy, pháp thứ, pháp hướng. Bậc Nhập lưu thành tựu bốn pháp. Đó là đối với Phật, đôi với Pháp, đối với Tăng thành tựu tín tâm thanh tịnh kiên cố và đối với Thánh giới thành tựu. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 844 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào đón hỏi thăm, rồi lui đứng một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan: -Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh để giải đáp cho chăng? Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Xá-lợi-phất: Tuy y Ton gia hoi, điêu gì tôi biêt sẽ đáp. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-nan: Do đoạn những pháp nào mà Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác với tri kiến của Ngài đã nói quyết đinh người kia đắc quả Tu-đà-hoàn, không đọa vào đường ác, quyết đinh hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trong cối trời, người là giải thoát khổ. Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Xá-lợi-phất: -Do đoạn bốn pháp và thành tựu bốn pháp mà Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã nói quyết đinh người kia đắc quả Tu-đà-hoàn, chẳng đọa vào đường ác, quyết định hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ

còn bảy lần qua lại trong cõi trời, người là giải thoát khổ. Bốn pháp ấy là gì? Đó là Thánh đệ tử đối với Phật mà không tin thì đã đoạn, đã biết hoàn toàn; và đối với Phật thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố. Đối với Pháp, đối với Tăng mà bất tín và ác giới thì người ấy đã đoạn, đã biết hoàn toàn; và đối với Pháp, đối với Tăng thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố. Và thành tựu Thánh giới. Như thế do đoạn bốn

pháp, thành tựu bốn pháp mà Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác với tri kiến của Ngài đã nói quyết định người kia đắc quả Tu-đà-hoàn5 chẳng đọa vào đường ác, quyết định hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trong cõi trời, người là giải thoát khổ. Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan: Đúng thế, đúng the! Đoạn bốn pháp, thành tựu bốn pháp, Như Lai, ứng Cúng, Đăng Chánh Giác do tri kiên của Ngài nói quyết đinh người kia đắc quả Tu-đà-hoàn, quyết đinh hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trong cõi trời, người là giải thoát khổ. Hai vi Chánh sĩ cùng đàm đạo xong đều tùy hỷ9 mỗi người từ chỗ ngồi đứng lên từ giã.

KINH SỐ 845 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Nếu Tỳ-kheo đối với năm điều sợ hãi, oán đối chấm dứt được ba điều quyết định: Chẳng sanh nghi hoặc, tri kiến như thật về chánh đạo của Hiền thánh, vị Thánh đệ tử ấy có thể tự quyết định, nói rằng, đã dứt hết tất cả đường ác: Địa ngục, súc sanh, nga quỷ, đắc quả Tu-đà-hoàn, chang đọa vào đường ác, quyết định hướng thẳng đến Chánh giác, còn bảy lần qua lại trong cõi trời, người là giải thoát kho. Thê nào là năm điêu sợ hãi, oán đôi được châm dứt? Như do nhân duyên sát sanh, tạo tội lỗi nên sự sợ hãi, oán đối phát sinh. Nếu lìa sát sanh thì sự sợ hãi, oán đôi không phát sinh do nhân duyên của tội sát sanh sẽ châm dứt. Nêu người trộm cướp, tà dâm, nói doi, uống rượu, những tội lỗi này là nguyên nhân oán đối sanh ra sợ hãi. Nếu người lìa trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu thì sự sợ hãi phát sinh do nhân duyên oán đối của các tội kia sẽ chấm dứt. Đây gọi là sự chấm dứt năm điều sợ hãi, phát sinh do nhân duyên của năm tội lỗi, oán đoi. Những gì là ba pháp quyêt định chăng sanh nghi hoặc? Đó là đôi với Phật quyết đinh lìa nghi hoặc, đối với Pháp, đối với Tăng quyết định lìa nghi hoặc. Đó gọi là ba pháp quyết định lìa nghi hoặc. Thế nào là Thánh đạo được thấy biết như thật? Nghĩa là khổ Thánh đế này biết như thật, khổ tập Thánh đế này, khổ diệt Thánh đế này, khổ diệt đạo tích Thánh đế này biết như thật. Đây gọi là Thánh đạo thấy biết như thật. Nếu đối với năm thứ sợ hãi tội lỗi, oán đối chấm dứt, đối với ba pháp quyết đinh lìa nghi hoặc, đối với Thánh đế thấy biết như thật, vị Thánh đệ tử này có thể tự nói quyết djnh: "Ta đã dứt các đường địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, đắc

Tu-đà-hoàn, chẳng đọa vào đường ác, quyết định hướng thẳng đến Chánh giác, còn bảy lần qua lại trong cõi trời, người là giải thoát kho?9 Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 846 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác lấy. Thế nào là Thánh đạo được thấy biết như thật. Đó là tám Thánh đạo chánh kiến... chánh định. r r z (Kinh kê tiêp cũng nói như trên, chỉ có khác là): Thê nào là Thánh đạo được thấy biết như thật? Nghĩa là mười hai chi duyên khởi thấy biết như thật, như nói rang: "Việc này có nên việc kia c6, cái này khởi nên cái kia kh&i." Như duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập xứ, duyên lục nhập xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có lão-bệnh- tử-ưu-bi-kh6-n O."Đó gọi là Thánh đệ tử thấy biết như thật. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 847 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Có bốn thiên đạo của chư thiên làm trong sạch chúng sanh chưa trong sạch, làm thuần tịnh chúng sanh đã trong sạch. Bốn thiên đạo ấy là gì? Đó là Thánh đệ tử đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng thành tựu tín tâm thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới. Đó là bốn thứ thiên đạo của các vị trời làm trong sạch chúng sanh chưa trong sạch và làm thuần tịnh chúng sanh đã trong sạch. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 848 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn thiên đạo của chư thiên. Những gì là bốn? Đó là Thánh đệ tử luôn luôn niệm tưởng Như Lai như vầy: "Như Lai là bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự

KINH TẠPA-HÀM 655

Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế T6n.‘ Đối với Như Lai sanh tâm tùy hy, tùy hỷ rồi tâm hân hoan, tâm hân hoan rồi thân khinh an, thân khinh an roi thì cảm giác thọ lạc, cảm giác thọ lạc rồi nên được định tam-muội. được định tam-muội roi vi Thánh đệ tử nên học như vây: "Thê nào là thiên đạo của chư thiên?" Và lại suy nghĩ: "Ta nghe nói không sân giận là thiên đạo của chư thiên." Rồi ngẫm nghĩ: "Từ nay ta đối với thế gian hoặc sợ hãi, hoặc an ổn cũng không khởi sân giận, ta chỉ nên thọ trì thiên dạo, thuần nhất thanh tinh của chư thiên." Đây gọi là thiên đạo thứ nhất của chư thiên làm trong sạch chúng sanh chưa trong sạch và làm thuần tịnh chúng sanh đã trong sạch. Lại nữa, vị Thánh đệ tử niệm tưởng Pháp, nghĩa là Như Lai nói Chánh pháp, Luật, hiện tại lìa các nhiệt não, chẳng đợi thời tiết, thông đạt Niết-bàn, chính mình tự quan sát, do tư giác tri, biết pháp như thế rồi sanh tâm tùy hỷ, tùy hỷ rồi nên thân khinh an, thân khinh an rồi cảm giác thọ lạc, cảm giác thọ lạc rồi được định tam-muội? được đinh tam-muội rồi Thánh đệ tử nên học như vầy: "Thế nào là thiên đạo của chư thiên?" Rồi suy nghĩ: "Ta nghe nói không san giận là thiên đạo của chư thiên", từ nay ta ở thế gian hoặc sợ hãi, hoặc an ổn cũng không khởi sân giận, ta chỉ nên thọ trì thiên đạo thuần nhất, thanh tịnh của chư thiên." Đây gọi là thiên đạo thứ hai của chư thiên. Lại nữa,

Tỳ-kheo? nếu đối với Tăng khởi chánh niệm rằng: uCác vị Tăng đệ tử của Thế Tôn là những người chánh trực, hướng thẳng Niết-bàn, là phước điền vô thượng, đáng nên cung kính tôn trọng cúng đường.” Người kia như vậy đối với Tăng nghĩ nhớ chơn chánh, tâm sanh tùy hỷ, tâm tùy hỷ nên được hân hoan, được hân hoan nên thân khinh an, thân khinh an cảm giác thọ lạc, cảm giác thọ lạc rồi được định tam-muội? được định tam-muội rồi Thánh đệ tử nên học như vầy: "Thế nào là thiên đạo của chư thiên? Lại nghĩ: "Ta nghe nói không sân giận là thiên đạo của chư thiên, từ nay ta đối với mọi việc thế gian hoặc sợ hãi, hoặc an ổn chẳng khởi sân giận, ta chỉ nên thọ trì thiên đạo thuần nhất thanh tịnh của chư thiên." Đó gọi là thiên đạo thứ ba của chư thiên. Lại nữa, Tỳ-kheo, Thánh đệ tử tự nghĩ có các học giới nhớ nghĩ rằng: "Ta đối với giới không khuyết điểm, không ô nhiễm, không tạp loạn, giới được bậc minh trí khen ngợi, giới được bậc trí không nhàm chán." Đối với các học giới như thế luôn nghĩ nhớ chơn chánh nên tâm tùy hỷ5 tùy hỷ nên hân hoan, hân hoan nên thân khinh an, thân khinh an rồi cảm giác thọ lạc, cảm giác thọ lạc rồi được định tam-muội? được định tam-muội rồi Thánh đệ tử nghĩ rằng: "Những gì là thiên đạo của chư thiên?” Lại suy nghĩ thêm: "Ta nghe nói, không sân giận là thiên đạo của chư thiên, từ nay ta đối với mọi việc the gian hoặc sợ hãi, hoặc an ổn chẳng khởi sân giận, ta chỉ nên thọ trì thiên đạo thuần nhất thanh tinh của chư thiên." Đó gọi là thiên đạo thứ tư của chư thiên, làm trong sạch chúng sanh chưa trong sạch, làm thuần tịnh chúng sanh đã trong sạch. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

656 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có bốn thiên đạo của chư thiên làm trong sạch chúng sanh chưa trong sạch và làm thuần tịnh chúng sanh đã trong sạch. Bốn thiên đạo ấy là gì? Nghĩa là Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai như vầy: “Nhu Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Ton." Thánh đệ tử kia như vậy niệm tưởng Như Lai, thời đoạn ác tham và đoạn tâm pháp ác bất thiện, vì niệm tưởng Như Lai tâm sanh tùy hỷ, tâm tùy hỷ nên tâm được hân hoan, tâm hân hoan rồi nên thân khinh an, thân khinh an rồi cảm giác thọ lạc, cảm giác thọ lạc rồi được đinh tam-muội. được đinh tam-muội rồi Thánh đệ tử nên học như vầy: “Thế nào là thiên đạo của chư thiên?” Lại nghĩ: "Ta nghe nói không sân giận là thiên đạo của chư thiên, từ nay ta đối với mọi việc thế gian hoặc sợ hãi, hoặc an ôn không khởi sân giận, chỉ nên giữ gìn, chập nhận thiên đạo thuần nhất thanh tịnh của chư thiên." Như thế, đối với Pháp, Tăng, Thánh giới thành tựu cũng nói như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 850 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có bốn thiên đạo của chư thiên làm thanh tịnh chúng sanh chưa thanh tịnh, và làm thuần tịnh chúng sanh đã thanh tịnh. Bốn thiên đạo ấy là gì? Đó là Thánh đệ tử luôn luôn niệm tưởng Như Lai như vầy: "Như Lai là bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải,

Vô Thượng S1? Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.95 Thánh đệ tử ấy như vậy niệm tưởng Như Lai, rồi đoạn sự ràng buộc tham dục, sân giận, ngu si, niệm tưởng Như Lai với tâm chánh trực. Thánh đệ tử này thấm nhuần dòng nước pháp, thấm nhuân nghĩa lý sâu xa của giáo pháp, do tưởng niệm Như Lai tùy hỷ lợi ích. Vì tùy hỷ nên tâm được hân hoan, tâm hân hoan rồi thân khinh an, thân khinh an rồi cảm giác lạc thọ, cảm giác lạc thọ rồi được định tam-muội, được đinh tam-muội rồi Thánh đệ tử nên học như vầy: "Thế nào là thiên đạo của chư thiên?" Lại suy nghĩ: "Ta nghe nói không sân giận là thiên đạo của chư thiên, như thế từ nay ta đối với mọi việc của thế gian chẳng khởi sân giận, thuần nhất thanh tinh là thiên đạo của chư thiên.,, Đối với Pháp, Tăng, Thánh giới thành tựu cũng nói như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 657

KINH SỐ 851 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Hôm nay Ta sẽ nói Kinh pháp cảnh. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là Kinh pháp cảnhl Nghĩa là Thánh đệ tử đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng thành tựu tín tâm thanh tịnh, kiên cố và thành tựu Thánh giới. Đó gọi là Kỉnh pháp cảnh. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 852 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Trong lúc đi khất thực, họ nghe tin Tỳ-kheo Nan-đề? Tỳ-kheo-ni Nan-dà, cư sĩ Thiện Sanh, nữ cư sĩ Thiện Sanh đều mạng chung. Các Tỳ-kheo sau khi khất thực, trô về tinh xá, cất y bát, rửa chân cùng nhau đi đến đảnh lễ Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chúng con sáng sớm nay vào thành Xá-vệ khất thực, nghe tin Tỳ-kheo Nan-đề, Tỳ-kheo-ni Nan-đà, cư sĩ Thiện Sanh, nữ cư sĩ Thiện Sanh đêu mạng chung. Bạch Thê Tôn! Bôn người này chét roi được sanh vê cõi nào? Phật bảo các Tỳ-kheo: -Tỳ-kheo Nan-đề và Tỳ-kheo-ni Nan-đà đã sạch hết các phiền não? tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: "Sụ* sanh của ta đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Còn nam cư sĩ Thiện Sanh và nữ cư sĩ Thiện Sanh đã dứt sạch năm hạ phần kiết sử, đăc quả A-na-hàm, sanh lên cõi trời và Bát-niêt-bàn, chăng sanh trở lại thê gian này. Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Hôm nay Ta nói cho các Tỳ-kheo nghe về Kinh pháp cảnh. Nghĩa là đối với Phật, thành tựu tín tâm thanh tịnh, kiên cố9 cho đến thành tựu Thánh giới. Đó gọi là Kinh pháp cảnh. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 853 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

658 KINH TẠPA-HÀM

(Nói rộng như trên, chỉ có khác là: Có Tỳ-kheof Tỳ-kheo-ni khác, nam cư sĩ, nữ cư sĩ khác mạng chung cũng nói như trên).

KINH SỐ 854 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thôn Na-lê-ca? trong tinh xá Phồng-kỳ-ca. Lúc ấy, trong thôn Na-lê-ca có nhiều người mạng chung. Bây giờ, các Tỳ-kheo đáp y, ôm bát vào thôn Na-lê-ca khát thực, nghe tin cư sĩ Kế-ca-xá mạng chung, Ni-ca-tra, Khư-lăng-ca-la? Ca-đa-lê, Sa-bà-xá-lệ, Ưu-bá-xà-lộ, sắc-tra A-lợi-sắc-tra5 Bạt-đà-la9 Tu-bạt-đà-la, Gia-xá, Gia-du- đà? Gia-xá, uất-đa-la, tất cả đều mạng chung. Các Tỳ-kheo nghe xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, đến đảnh lễ Thế Tôn, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, chúng con đi khất thực trong thôn Na-lê-ca nghe tin các cư sĩ như Kế-ca-xá, ưu-bà-tắc9 v.v... mạng chung. Bạch Thế Tôn! Những người này chết rồi sẽ sanh về cõi nào? Phật đáp các Tỳ-kheo: Những người như Kế-ca-xá đã đoạn năm hạ phần kiết sử, đắc quả A-na- hàm, thi tịch sanh lên ở cõi trời, chẳng sanh trở lại nhân gian. Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Lại có hơn hai trăm năm mươi nam cư sĩ mạng chung, lại có năm trăm nam cư sĩ ở trong thôn Na-lê-ca này mạng chung, họ đều dứt sạch năm hạ phần kiết sử, đắc A-na-hàm, ở cõi trời nhập diệt, chẳng sanh trong thế gian này. Lại có hơn hai trăm năm mươi cư sĩ mạng chung, họ đều sạch hết ba kiết sử và tham nhuế, nghi mỏng đắc quả Tư-đà-hàm, sẽ còn sanh một lần là giải thoát kho. Thôn Na-lê-ca này lại có năm trăm nam cư sĩ mạng chung tại dây, những người này đã sạch hết ba kiết sử, đắc quả Tu-dà-hoàn, chẳng đọa vào đường ác, quyết định hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trong cõi trời, người, là giải thoát khổ. Phật bảo các Tỳ-kheo: Các Tỳ-kheo theo dõi việc mạng chung của các người kia và thắc mắc hỏi han thật vô ích! Như Lai chẳng ưa đáp những điều này. Hễ có sanh thì có tử, nào có gì lạ! Như Lai xuất hiện ở thế gian, hoặc chẳng xuất hiện ở thế gian thì pháp tánh vẫn thường trụ, Như Lai tự giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, phơi bày, diễn nói, phân biệt, chỉ dạy; nói là: "Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, duyên vô minh nên có hành,... duyên sanh nên có lão-bệnh-tử- ưu-bi-khổ-não. Như thế khổ ấm tập. Vô minh diệt thì hành diệt... sanh diệt thì lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não diệt. Như thế khổ ấm diet."

KINH TẠPA-HÀM 659

Hôm nay Ta vì các Tỳ-kheo nói Kinh pháp cảnh. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là Kinh pháp cảrứrt Nghĩa là Thánh đệ tử đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng thành tựu tín tâm thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 855 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có cư sĩ Nan-đề đi đến đảnh lễ Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Thánh đệ tử nơi năm căn này, trong tất cả thời đều chẳng thành tựu, đây là buông lung hay chẳng buông lung? Phật bảo Nan-đề: Nếu nơi năm căn này, trong tất cả thời đều chẳng thành tựu, thời Ta nói những người này thuộc hạng phàm phu. -Nếu Thánh đệ tử chẳng thành tựu là buông lung hay là chẳng buông lung? -Nan-de! Nêu Thánh đệ tử đối với Phật thành tựu tín tâm thanh tịnh, kiên cố5 mà chẳng cầu tiến lên, không ở trong rừng vắng, hoặc nơi thanh vắng ngồi yên, ngày đêm thiền tư, siêng năng tu tập pháp xuất ly thắng diệu, tùy hỷ được thì hỷ không sanh nên thân không khinh an, thân không khinh an nên cảm giác khổ thọ phát sinh, cảm giác

khổ thọ phát sinh rồi tâm không an định. Người tâm không an định nên vi Thánh đệ tử ấy gọi là buông lung. Đối với Pháp, Tăng thành tựu tín tâm thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới... (cũng nói như thế). Như thế, Nan-đề, nếu Thánh đệ tử thành tựu tín tâm thanh tịnh, kiên cố đối với Phật, tâm chăng khởi tưởng, biêt đủ, ở trong rừng văng, chô đát trông, hoặc nơi cội cây, ngày đêm thiền tư tinh tấn nỗ lực, hay khởi tùy hỷ, xuất ly, đã tùy hỷ xuất ly nên sanh vui mừng, vì vui mừng nên thân khinh an, than khinh an rồi được cảm giác lạc thọ, cảm giác lạc thọ rồi nên tâm an định. Nếu Thánh đệ tử tâm an định, gọi là chẳng buông lung. Đối với Pháp, Tăng thành tựu tín tâm thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới... (cũng nói như thế). Cư sĩ Nan-đề sau khi nghe Phật nói kinh này, hoan hỷ9 tùy hỷ, rời chỗ ngồi đứng lên? đảnh lễ Phật cáo từ.

KINH SỐ 856

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ"đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, có Nan-đề họ Thích đi đến đảnh lễ Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

-Bạch Thế Tôn! Nếu Thánh đệ tử đối với bốn pháp thanh tịnh, bất hoại không lúc nào thành tựu, vị Thánh đệ tử này là người buông lung hay không buông lung? Phật bảo Nan-đề họ Thích: Nếu người đối với bốn pháp thanh tịnh, bất hoại không lúc nào thành tựu, Ta nói đây là kẻ ở ngoài hạng phàm phu. Này Nan-đề họ Thích! Thánh đệ tử hoặc buông lung, hoặc không buông lung, nay Ta sẽ nói... (nói rộng như trên). Phật nói kinh này xong, Nan-đề họ Thích nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, rời chỗ ngoi đứng lên, làm lễ cáo từ.

KINH SỐ 857 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Ba tháng hạ, kiêt tiên an cư xong, đại chúng gôm nhiêu Tỳ-kheo tập hợp nơi nhà ăn, vá y cho đức Phật, không bao lâu y được may xong, Như Lai sẽ đắp y, ôm bát, rời khỏi tinh xá du hành trong nhân gian. Khi ấy, Nan-đề họ Thích nghe các Tỳ-kheo tập hợp ở nhà ăn vá y cho Phật và không bao lâu y được may xong, Thế Tôn sẽ đắp y, ôm bát du hành nơi khác. Nan-đề họ Thích nghe rồi đi đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch rằng: Bạch Thê Tôn! Hôm nay toàn thân con rã rời, bôn phương như thay đôi, giáo pháp trước kia con đã nghe nay đều mờ mịt? quên hết khi con nghe các Tỳ-kheo tập hợp ở nhà ăn, vì Thế Tôn vá y, bàn tán: "Sau khi vá y xong, không bao lâu Thế Tôn sẽ đắp y? ôm bát du hành trong nhân gjan." Vì thế con cảm thấy buồn khổ vì không biết lúc nào con được gặp lại Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết? Phật bảo Nan-đề họ Thích: -Nan-đề! Dù thầy gặp Phật hay chẳng gặp Phật, gặp Tỳ-kheo quen biết hoặc chẳng gặp, thầy nên tùy thời tu tập năm điều hoan hỷ. Năm điều ấy là gì? Đó là thầy nên tùy thời niệm tưởng Như Lai: "Nhu Lai là bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng si Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế T6n”tùy thời niệm tưởng Pháp, niệm tưởng Tăng, và tự giữ gìn học giới, tự làm việc đời, tùy thời tưởng nhớ Ta thì đã được lợi mình. Đối với các chúng sanh bon xẻn, cấu uế, thầy sẽ sống tu tập nhiều, lìa cấu uế bon xẻn,

tu bố thí giải thoát, xả thí, bố thí một cách nhiệt thành, ưa thích sự buông xả bình đẳng huệ thí, thường có tâm bố thí.^^ Như thế, này Nan-đề họ Thích, năm chi định này hoặc di, đứng, nằm, ngồi cho đến cùng với vợ con luôn luôn nên buộc tâm niệm tam-muội này.

KINH TẠPA-HÀM 661

Phật nói kinh này xong, Nan-đề họ Thích nghe Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi cáo từ.

KINH SỐ 858 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Lúc ấy ba tháng hạ, kiết tiền an cư. Bấy giờ, Nan-đề họ Thích nghe nói Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn cấp Cô Độc, ba tháng hạ kiết tiền an cư, nghe rồi nghĩ thầm: "Ta nên đi đến chỗ ây và ở tại đó làm các việc cúng dường đê cung cáp cho Như Lai và Tỳ-kheo- tăng.^, Nan-đề liền đến chỗ ấy. Sau ba tháng, bấy giờ đại chúng gồm nhiều Tỳ- kheo tập hợp ở nhà ăn vá y cho Thế Tôn và nói với nhau: "Chẳng bao lâu y vá xong Thế Tôn sẽ đắp y, ôm bát du hành trong nhân gian." Nghe như thế xong, Nan-đề đi đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Hôm nay toàn thân con rã rời, bốn phương xoay vần, giáo pháp con đã học, bây giờ đều mờ mịt quên hết, con nghe Thế Tôn du hành trong nhân gian không biết lúc nào con được gặp lại Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết? Phật bảo Nan-đề họ Thích: Dù gặp Như Lai hoặc chăng gặp, dù gặp các Tỳ-kheo quen biêt hay chăng gặp, thầy nên tùy thời tu lục niệm. Những gì là lục niệm? Lục niệm tức là nên niệm Như Lai, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới đã thọ tri, niệm bo thí và niệm chư thiên. Phật nói kinh này xong, Nan-đề họ Thích nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ Phật, rồi cáo từ.

KINH SỐ 859 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Ba tháng hạ, kiết tiền an cư,... (nói như trên, có khác la): Lúc ấy có trưởng giả tên Lợi-sư-đạt-đa và Phú-lan-na, là hai anh em, họ nghe các Tỳ-kheo tụ họp ở nhà ăn, vá y cho Thế Tôn,... (nói rộng như Kinh Nan-đề ở trên). Phật nói kinh này xong, trưởng giả Lợi-sư-đạt-đa và Phú-lan-na nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ5 đứng lên đảnh lễ Phật, rồi cáo từ.

KINH SỐ 860 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

662 KINH TẠPA-HÀM

LÚC ây5 ba tháng hạ kiêt tiên an cư xong, các Tỳ-kheo họp tại nhà ăn, vì Thê Tôn vá y. Bấy giờ, hai anh em trưởng giả Lợi-sư-đạt-đa và Phú-lan-na đang coi sóc việc ruộng nương trong đầm Lộc Cảnh, nghe các Tỳ-kheo nhóm tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn và nói rằng: "Chẳng bao lâu y vá xong, Thế Tôn sẽ đắp y, ôm bát du hành trong nhân gian.” Nghe tin này, trưởng giả Lợi-sư-đạt-đa gọi người giúp việc, bảo răng: Ngươi hãy đi đến chỗ Thế Tôn để xem Thế Tôn đã đi chưa? Nếu Ngài đi rồi mau trở về cho ta hay. Người này theo lời dạy ra đi, dọc đường gặp Thế Tôn, vội vàng trở về thưa với Lợi-sư-đạt-đa và Phú-lan-na: Thế Tôn đang đi đến cùng với đại chúng.

Khi đó, Lợi-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na đi nghinh đón Thế Tôn. Thế Tôn từ xa ưông thấy Lợi-sư-đạt-đa và Phú-lan-na đang đi tới, Ngài đi ra bên đường trải tọa cụ ngồi ngay thẳng. Lợi-sư-đạt-đa và Phú-lan-na sau khi cung kính đảnh lễ? lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hôm nay toàn thân con rã rời, bốn phương xoay vần, tâm con bỗng mờ mịt quên hết những điều đã học. Con không biết lúc nào được gặp lại Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết! Ngày nay Thế Tôn ra đi đến Câu-tát-la? từ Câu-tát-la đến Ca-thi, từ Ca-thi đến Na-la5 từ Na-la đến Ma-kiệt-đà? từ Ma- kiệt-đà đến Ương-già5 từ ương-già đến Tu-ma, từ Tu-ma đến Phân-đà-la, từ Phân-đà-la đến Ca-lăng-già. Vì thế con vô cùng buồn bã, biết đến bao giờ mới được gặp lại Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết. Phật bảo Lợi-sư-đạt-đa và Phú-lan-na: Các người dù gặp Như Lai hoặc chẳng gặp? dù gặp các Tỳ-kheo quen biết hoặc chăng gặp, các người nên tùy thời tu tập lục niệm. Những gì là lục niệm? Các người nên niệm Như Lai... (nói rộng)... niệm thiên. Nhưng này các trưởng giả! Tại gia thì rối rắm nhiễm trước, còn xuất gia thì không. Người thế tục khó có thể sống như người xuất gia, một mặt trong sạch, thuần nhất, thanh tịnh. Trưởng giả bạch Phật: Lạ thay, bạch Thế Tôn! Ngài khéo nói pháp nay: "Kẻ tại gia thì rối rắm nhiễm trước, còn xuất gia thì không nhàn. Người thế tục khó có thể sống như người xuất gia, một mặt trong sạch, thuần nhất, thanh tjnh.” Con là đại thần của Vua Ba-tư-nặc, nhà vua muốn dạo chơi trong viên quán, vua sai con cưỡi voi lớn chở các cung nữ được vua yêu quý nhất. Một nàng ngồi trước, một nàng ngồi sau, con ngồi giữa. Lúc voi đi xuống đồi, nàng cung nữ phía trước bám cổ con, cung nữ ngồi sau ôm lưng con. Lúc con voi lên đồi, nàng phía sau bám sát gáy con, nàng phía trước nắm lấy áo con. Đe làm đẹp lòng nhà vua, các cung nữ đều ăn mặc lộng lẫy, trang điểm diễm lệ bang chuỗi ngọc, hương hoa. Con trong lúc cùng dạo chơi với các mỹ

nữ, luôn luôn phải giữ gìn cẩn thận ba điều: Điều thứ nhất là điều khiển voi, coi chừng lạc đường; điều thứ hai là giữ gìn tâm, sợ sanh nhiễm trước; điều thứ ba là tự giữ mình, sợ bi té ngã. Bạch Thế Tôn! Trong lúc ấy con đối với các cung nữ không một sát-na nào mà chẳng chánh tư duy. Phật bảo trưởng giả: -Lành thay! Lành thay! Trưởng giả khéo giữ gìn tâm mình! Trưởng giả bạch Phật: Con ở trong nhà có tiền của, đồ vật đều cúng dường Thế Tôn và các Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni, cư sĩ, cùng chung thọ dụng, không kể là sở hữu của con. Phật khen trưởng giả: Lành thay! Trưởng giả là người giàu sang tột bực ở nước Câu-tát-la? tiền của không ai sánh bằng mà có thể đối với tài sản này không kể là của mình. Bấy giờ, Thế Tôn vì trưởng giả nói pháp chỉ dạy5 soi sáng, làm cho an vui. Sau khi được chỉ dạy, khuyến khích, trưởng giả từ chỗ ngồi, đứng lên đảnh lễ Phật rồi từ giã.

KINH SỐ 861 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Bốn trăm năm ở thế gian là một ngày một đêm trên cõi trời Đâu-suất. Như thế, một tháng ba mươi ngày, một năm mười hai tháng, tuổi thọ ở cõi trời Đâu-suất băng bôn ngàn năm ở thê gian. Kẻ phàm phu ngu si vô học ở nơi kia, lúc chết sanh vào trong địa ngục, nga quỷ, súc sanh; đa văn Thánh đệ tử nơi kia chết rồi chẳng sanh trong địa ngục, nga quỷ, súc sanh. Phật nói kinh này

xong, các Tỳ-kheo nghe lòd Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, The Ton bao các Ty-kneo: -Tám trăm năm ở thế gian bằng một ngày một đêm ở cõi trời Hóa Lạc. Như thế, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, tuổi thọ ở cõi trời Hóa Lạc bằng tám ngàn năm ở thế gian. Kẻ phàm phu ngu si vô học ở nơi kia chết rồi sanh trong địa ngục, súc sanh, nga quỷ; đa văn Thánh đệ tử ở nơi kia mạng chung, không sanh trong địa ngục, súc sanh, nga quỷ. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 663

nữ, luôn luôn phải giữ gìn cẩn thận ba điều: Điều thứ nhất là điều khiển voi, coi chừng lạc đường; điều thứ hai là giữ gìn tâm, sợ sanh nhiễm trước; điều thứ ba là tự giữ mình, sợ bi té ngã. Bạch Thế Tôn! Trong lúc ấy con đối với các cung nữ không một sát-na nào mà chẳng chánh tư duy. Phật bảo trưởng giả: -Lành thay! Lành thay! Trưởng giả khéo giữ gìn tâm mình! Trưởng giả bạch Phật: Con ở trong nhà có tiền của, đồ vật đều cúng dường Thế Tôn và các Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni, cư sĩ, cùng chung thọ dụng, không kể là sở hữu của con. Phật khen trưởng giả: Lành thay! Trưởng giả là người giàu sang tột bực ở nước Câu-tát-la? tiền của không ai sánh bằng mà có thể đối với tài sản này không kể là của mình. Bấy giờ, Thế Tôn vì trưởng giả nói pháp chỉ dạy5 soi sáng, làm cho an vui. Sau khi được chỉ dạy, khuyến khích, trưởng giả từ chỗ ngồi, đứng lên đảnh lễ Phật rồi từ giã.

KINH SỐ 861 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Bốn trăm năm ở thế gian là một ngày một đêm trên cõi trời Đâu-suất. Như thế, một tháng ba mươi ngày, một năm mười hai tháng, tuổi thọ ở cõi trời Đâu-suât băng bôn ngàn năm ở thê gian. Kẻ phàm phu ngu si vô học ở nơi kia, lúc chết sanh vào trong địa ngục, nga quỷ, súc sanh; đa văn Thánh đệ tử nơi kia chết rồi chẳng sanh trong địa ngục, nga quỷ, súc sanh. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lòd Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, The Ton bao các Ty-kneo: -Tám trăm năm ở thế gian bằng một ngày một đêm ở cõi trời Hóa Lạc. Như thế, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, tuổi thọ ở cõi trời Hóa Lạc bằng tám ngàn năm ở thế gian. Kẻ phàm phu ngu si vô học ở nơi kia chết rồi sanh trong địa ngục, súc sanh, nga quỷ; đa văn Thánh đệ tử ở nơi kia mạng chung, không sanh trong địa ngục, súc sanh, nga quỷ. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

664 KINH TẠPA-HÀM _____

KINH SỐ 863 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: -Một ngàn sáu trăm năm ở nhân gian bằng một ngày đêm ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Như thế, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, tuôi thọ ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại băng mười sáu ngàn năm ở thê gian. Kẻ phàm phu ngu si vô học ở nơi kia chết rồi sanh vào địa ngục,

súc sanh, nga quỷ; đa văn Thánh đệ tử ở nơi kia chết rồi chẳng sanh trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như Phật nói sáu kỉnh; cũng thế, Tỳ-kheo khác hỏi sáu kỉnh; Phật nói các Tỳ-kheo, sáu kinh cũng nói như thế).

KINH SỐ 864 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nêu các Tỳ-kheo hoặc hành, hoặc hình, hoặc tướng, đôi với những pháp này quán sát ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, do ly dục sanh hỷ lạc, trụ Sơ thiền đầy đủ. Ty-kheo ấy chẳng nghĩ nhớ hành như thế, hình như thế, tướng như thế; nhưng vị ấy đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức xem như là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là giết chóc, tư duy vô thường, khổ, không, vô ngã; đối với những pháp ẩy sanh nhàm chán, ghê sợ, phòng hộ, sanh chán ghê sợ và phòng hộ rồi do cửa cam lộ mà tự mình được lợi ích. Tịch tịnh như thế, thắng diệu như thế, đó gọi là xa lìa các ái, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 865 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Nói như trên, có khác ỉa): Biết như thế, thấy như thế, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu, rồi giải thoát tri kiến: "Sịt sanh của ta đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau.” Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 665

KINH SỐ 866 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác lấy. Nếu chẳng được giải thoát, vì khao khát pháp, nghĩ nhớ pháp, ưa thích pháp nên được Trung Bát-niết-bàn; nếu chẳng như thê, hoặc được Sanh Bát-niêt-bàn; nếu chẳng như thế, hoặc được Hữu hành Bát-niết-bàn; nếu không như thế, hoặc được Vô hành Bát-niết-bàn; nếu không như thế, hoặc được Thượng lưu Bát-niết-bàn; nếu không như thế, hoặc lại do công đức của sự khao khát pháp, nghĩ nhớ pháp, ưa thích pháp thì được sanh ở cõi Đại Phạm thiên, hoặc sanh trong Phạm Phụ thiên, hoặc sanh trong Phạm Thân thiên. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 867 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo đối với hành như thế, hình như thế, tướng như thế, dứt giác, quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, định sanh hỷ lạc, an trụ đầy đủ Nhị thiền. Nếu không ức niệm hành như thế, tướng như thê, mà đối với các pháp sắc, thọ, tưởng, hành, thức tư duy như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, vô thường, khổ, không, vô ngã thì đối với các pháp này, tâm sanh chán lia, ghê SỢT, đề phòng, giữ gìn. Khi chán lìa, đề phòng, giữ gìn rồi thì nơi pháp giới cam lộ tự mình được lợi ích. Đây là tịch tịnh, đây là thăng diệu, gọi là xả ly tất cả những gì còn sót, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn. Phật nói kinh này

xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 868 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Nói như trên, có khác la): Biết như thế, thấy như thế, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu, giải thoát tri kiến: "Sy sanh của ta đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết chẳng còn thọ thân sau." Nấu chẳng giải thoát, nhưng nhờ công đức khao khát pháp, nghĩ nhớ pháp, ưa thích pháp nên thủ Trung Bát-niết-bàn. Nếu chẳng như thế, thủ Sanh Bát-niết-bàn; nếu không như thế, thủ Hữu hành Bát-niết-bàn; nếu không như thế, thủ Vô hành Bát-niết-bàn; nếu không như thế, thủ Thượng lưu

Bát-niết-bàn. Nếu không như thế, Tỳ-kheo ấy nhờ lòng khao khát pháp, nghĩ nhớ pháp, ưa thích pháp, được sanh cõi tự tánh Quang Âm thiên; nếu khônệ sanh cõi này thì sẽ sanh trong cõi Vô Lượng Quang thiên; nêu không như thê thì sẽ sanh trong cõi Thiểu Quang thiên. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 869 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ? The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo đối với hành như thế, hình như thế, tướng như thế, lìa tham, hỷ; trụ xả? chánh niệm, chánh trí, giác thân an vui mà Thánh nhân thường nói là xả niệm lạc trú, an trụ đệ Tam thiên đây đủ; nêu không như thê, do hành như thế, hình như thế, tướng như thế, đối với các pháp thọ? tưởng, hành, thức tư duy như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại,... Thượng lưu Bát-niết- bàn; nếu không như thế, do công đức khao khát pháp, nghĩ nhớ pháp, ưa thích pháp, người ây được sanh vào cõi Biên Tịnh thiên; nêu không như thê, sẽ sanh ở Vô Lượng Tinh thiên; nếu không như thế sẽ sanh ở Thiểu Tinh thiên. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 870 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Nếu Tỳ-kheo hành như thế, hình như thế, tướng như thế, lìa khổ dứt lạc, ưu hỷ trước đã dứt, chẳng khổ, chẳng vui, buông xả, chánh niệm nhất tâm, an trụ đệ Tứ thiền đầy đủ; nếu không nghĩ nhớ như thế mà đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức tư duy như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại... Thượng lưu Bát-niết-bàn. Nếu chẳng như thế, người ấy sẽ sanh Nhơn Tánh Quả Thực thiên; nếu chẳng như thế, sẽ sanh Phước Sanh thiên; nếu chẳng như thế sẽ sanh Thiểu Phước thiên. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như Tứ thiền, Tứ vo sắc định cũng nói như thế).

KINH SÒ 871

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- CÓ Phong Vân thiên nghĩ rằng: "Hôm nay ta dùng thần lực dạo choi." Vừa nghĩ xong, gió mây liền khởi. Như Phong Vân thiên, cũng thế, Diệm Điện thiên, Lôi Chan thiên, Vũ thiên, Tình thiên, Hàn thiên, Nhiệt thiên... (cũng nói như thế). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Nói như thế, Tỳ-kheo khác hỏi Phật, Phật hỏi các Tỳ-kheo cũng nói như thế).

KINH SỐ 872 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc nửa đêm, trời mưa nhỏ, thỉnh thoảng có tia chớp lóe lên, Phật bảo Tôn giả A-nan: -A-nan hãy lấy dù che đèn đi ra ngoài. A-nan vâng theo lời dạy, lấy dù che đèn rồi đi theo sau Phật, đến một chỗ kia, Thế Tôn chợt mỉm cười. Tôn giả A-nan lấy làm lạ, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Thế Tôn chẳng khi nào mỉm cười không có nhân duyên. Bạch Thế Tôn! Hôm nay vì nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười? Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: Đúng như the! Đúng như the! Như Lai mỉm cười chẳng phải không có nhân duyên. Hôm nay A-nan cầm dù che đèn đi theo Ta, Ta thây Phạm thiên cũng như vậy, cầm dù che đèn đi theo sau Tỳ-kheo Câu-lân; Thích-đề-hoàn- nhơn cũng cầm dù che đèn đi theo sau Ma-ha Ca-diếp; Duệ-lật-đế-la, sắc-tra-la Thiên vương cũng cầm dù che đèn đi theo sau Xá-lợi-phất; Tỳ-lâu-lặc-ca Thiên vương cũng cầm dù che đèn đi theo sau Đại Mục-kiền-liên; Tỳ-lâu-lặc-xoa Thiên vương cũng cầm dù che đèn đi theo sau Ma-ha Câu-hy-la; Tỳ-sa-môn Thiên vương cũng cầm dù che đèn đi theo sau Ma-ha Kiếp-tân-na. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 873 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Có bốn pháp khéo điều phục bốn chúng. Những gì là bốn? Đó là Tỳ-kheo điều phục, Tỳ-kheo-ni điều phục, ưu-bà-tắc điều phục, un-bà-di điều phục. Đây gọi là bon chúng. Lúc bay giờ, The Ton liên noi kê: Nếu tài biện vô úy, Nghe nhiều thông đạt pháp, Hành pháp thứ, pháp hướng, Đây chính là thiện chúng.

668 KINH TẠPA-HÀM

Tỳ-kheo giữ tịnh giới, Tỳ-kheo-ni đa văn, ưu-bà-tắc tinh tín, ưu-bà-di cũng thế, Đây gọi là thiện chúng. Như mặt trời tự soi, Tăng thiện hảo cũng thế, Thật tốt đẹp trong Tăng. Pháp làm Tăng cao quý, Như mặt trời tự soi. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như sự điều phục; cũng thế, lời nói nhu hòa, vô úyf đa văn, thông đạt pháp, thuyết pháp, pháp thứ, pháp hướng, tùy thuận pháp cũng nói như vây).

KINH SỐ 874
Tôi nghe như vây:
Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.
r _ Z
Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Có ba hạng con. Thế nào là ba hạng con?

Con sanh ra theo cha mẹ, con sanh ra hơn cha mẹ, con sanh ra kém thua cha mẹ. Thế nào là con sanh ra theo cha mẹ? Nghĩa là cha mẹ không sát hại, không trộm cướp,

không tà dâm, không nói dôi, không uông rượu thì con cái cũng học theo không sát hại, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đây gọi là hạng con sanh ra theo cha mẹ. The nào là con sanh ra hơn cha mẹ? Nêu cha mẹ chăng lãnh thọ năm giới chăng sát sanh, chăng trộm cướp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu; nhimg người con có thể lãnh năm giới chăng sát sanh, chăng trộm cap, chăng tà dâm, chăng nói dôi, chăng uống rượu. Đây gọi là con sanh ra hơn cha mẹ. Thế nào là con sanh ra kém thua cha mẹ? Nghĩa là nếu cha mẹ giữ năm giới, chẳng sát sanh, chẳng trộm cướp, chăng tà dâm, chăng nói dôi, chăng uông rượu; nhưng con không thê lãnh thọ năm giới chẳng sát sanh, chẳng trộm cướp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu. Đây là con sanh ra kém thua cha mẹ. Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ: Sanh con quý, con ngoan, Cha sáng suốt mong muốn, Chẳng muốn sanh con kém, Vì chẳng thể tiếp nối. Làm con trong nhân đạo, Sẽ làm ưu-bà-tắc, Đối Phật, Pháp, Tăng bảo, Siêng tu tâm thanh tịnh, Mây tan, ánh trăng hiện, Làm rạng rỡ quyến thuộc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như năm giới, kính tin, giới, thí, văn, huệ cũng nói như thế).

KINH SỐ 875 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 669

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn chánh đoạn. Bốn pháp ấy là gì? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 876 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Có bốn chánh đoạn. Bốn pháp ấy là gì? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn. Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ: Đoạn đoạn và luật nghi, Tùy hộ và tu tập, Như thế bốn chánh đoạn, Là điều chư Phạt dạy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 877 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có bốn chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bon là tu đoạn. Thế nào là đoạn đoạn? Nghĩa là Tỳ-kheo đối với pháp ác bất thiện đã khởi, làm cho đoạn diệt, sanh ý muốn nỗ lực, siêng năng, tâm thu nhiếp gìn giữ. Đây gọi là đoạn đoạn. Thế nào là luật nghi đoạn? Nghĩa là pháp ác bất thiện chưa khởi, làm cho không khởi, sanh ý muốn nỗ lực, chuyên cần, thu nhiếp, gìn giữ. Đây là luật nghi đoạn. Thế nào là tùy hộ đoạn? Nghĩa là thiện pháp chưa khởi, làm cho khởi, sanh ý muôn nô lực, tinh cân, thu nhiêp? gìn giữ. Đây gọi là tùy hộ đoạn. Thế nào là tu đoạn? Nghĩa là thiện pháp đã khởi, khiến thêm tăng trưởng, lợi ích, tu tập, phát khởi ý muốn, nỗ lực, tinh cần, nhiếp thọ. Đây là tu đoạn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 878 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc.

670 KINH TẠPA-HÀM

Á • A _ rr^l_ Á rr\ _ _ FT1 \ 1 L _ _ Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Có bốn chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn. Thế nào là đoạn đoạn? Nghĩa là Tỳ-kheo đối với pháp ác bất thiện đã khởi làm cho đoạn diệt, sanh ý muôn nô lực, tinh cân, tâm nhiệp thọ. Đây gọi là đoạn đoạn. Thế nào là luật nghi đoạn? Nghĩa là đối với pháp ác bất thiện chưa khởi, làm cho không khởi, sanh ý muốn nỗ lực, tinh cần, nhiếp thọ. Đây gọi là luật nghi đoạn. Thế nào là tuy hộ đoạn? Nghĩa là đối với thiện pháp chưa khởi, làm cho khởi, sanh ý muốn nỗ lực, tinh cần, nhiếp thọ. Đây gọi là tùy hộ đoạn. Thế nào là tu đoạn? Nghĩa là đối với thiện pháp đã khởi, làm cho tăng trưởng, lợi ích, càng tu tập, sanh ý muôn nô lực, tinh cân, nhiệp thọ. Đây gọi là tu đoạn. Khi ấy, Phật nói kệ: Đoạn đoạn và luật nghi, Tùy hộ và tu tập, Như tứ chánh đoạn này, Là điều chư Phật dạy. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 879 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, Thê Ton bảo các Ty-kheo: Có bốn chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bon là tu đoạn. Thế nào là đoạn đoạn? Tỳ-kheo đối với pháp ác bất thiện đã khởi, làm cho dứt, sanh ý muôn nô lực, tinh cân, nhiệp thọ; đôi với pháp ác, bát thiện chưa khởi, làm cho không khởi, sanh ý muốn nỗ lực, tinh cần, nhiếp thọ; đối với thiện pháp đã khởi, tu tập làm cho tăng trưởng, sanh ý muốn nỗ lực, tinh cần, nhiếp thọ. Đây gọi là đoạn đoạn. Thế nào là luật nghi đoạn? Tỳ-kheo khéo giữ gìn căn mắt, điều phục kỹ lưỡng, tiến tới; cũng thế, các căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều khéo giữ gìn, điều phục kỹ lưỡng tiến tới. Đây gọi là luật nghi đoạn. Thế nào là tùy hộ đoạn? Tỳ-kheo đối với mỗi mỗi tướng tam-muội chân thật, khéo gìn giữ. Nghĩa là các tướng như tướng xanh bầm, tướng sình trướng, tướng ung mủ, tướng hoại, tướng bất tịnh, tu tập, giữ gìn, không để cho giảm sút, chìm đăm. Đây gọi là tùy hộ đoạn. Thế nào là tu đoạn? Tỳ-kheo tu bốn niệm xứ gọi là tu đoạn.

KINH TẠPA-HÀM 671

T _ Á Á rr^ /X r • 1_ _ LÚC áy, The Ton noi kẹ: Đoạn đoạn, luật nghi đoạn, Tùy hộ, tu tập đoạn, Bốn thứ chánh đoạn này, Là điều Chánh Giác nói, Tỳ-kheo siêng nỗ lực, Được dứt sạch các lậu. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như bốn niệm xứ; cũng thế, tứ chảnh đoạn, tứ như ỷ tủcf ngũ căn, ngũ lực, thát giác chi, bát Thánh đạo, tứ đạo, tứ pháp cú, chảnh quán tu tập, cũng nói như thể).

KINH SỐ 880 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như có người xây dựng công trình ở thế gian, tất cả đều phải dựa nơi đất. Cũng thế, Tỳ-kheo tu tập thiền pháp, tất cả đều y cứ nơi không buông lung làm căn bản, không buông lung làm tập, không buông lung có thể tu Tứ thiền. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ

phụng hành.

KINH SỐ 881 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: (Nói như trên, chỉ khác tó): Tỳ-kheo như thế có khả năng đoạn tham dục, sân giận, ngu si. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như đoạn tham dục, sân giận, ngu si; cũng thế, điều phục tham dục, sân giận, ngu si, rốt ráo sạch tham dục, sân giận, ngu si, giải thoát, xa lìa, Niết-bàn cũng nói như the).

KINH SÒ 882 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Ví như trăm thứ cây cỏ đều nương nơi đất mà được sinh trưởng; cũng thế, các thiện pháp đều nhờ vào chẳng buông lung làm căn bản?... (nói như thế cho đến Niết-bàrỉ). Ví như hương hắc trầm thủy là thứ hương thơm hảo hạng trong các thứ hương; cũng thế, trong các thiện pháp, không buông lung là cao quý hơn hết,...(nói như thế cho đến Niết-bàn). Ví như hương xích chiên-đàn là loại

hương lâu bền bậc nhất; cũng thế, tất cả thiện pháp đều lấy không buông lung làm cội gốc,... (nói như thế cho đến Niết-bàn). Ví như các loài hoa trên đất, dưới nước, hoa ưu-bát-la là đẹp nhất; cũng thế, tất cả thiện pháp đều do không buông lung làm căn bản,... (nói như thế cho đen Niết-bàn). Ví như từ đất sanh các loại hoa, hoa ma-lợi-sa là bậc nhất; cũng thế, không buông lung là căn bản của tất cả thiện pháp,... (nói như thế cho đến Niết-bàn). Này các Tỳ-kheo! Ví như trong tất cả dấu chân các loài vật, dấu chân voi là hơn hết; cũng thế, không buông lung là căn bản rất trọng yếu của tất cả thiện pháp,... (nói như trên cho đến Niết-bàn). Ví như trong tất cả các loài vật, sư tử là chúa tể bậc nhất; cũng thế, không buông lung là căn bản của tất cả các thiện pháp,... (nói như trên cho đến Nỉết-bàn). Ví như tất cả nhà cửa, lầu các, đều lấy cây đòn dông làm chủ yếu; cũng thế, không buông lung là cội gốc của tất cả thiện pháp,... (nói như trên cho đến Niết-bàn). Ví lứiư tất cả thứ trái ở Diêm-phù- đề, chỉ có quả tiên Diêm-phù là bậc nhất; cũng thế, không buông lung là căn bản r • ỉ r M7

của tát cả các pháp lành,... (nói như trên cho đên Niêt-bàrỉ). Ví như trong tát cả thứ cây như cây cu-tỳ-đà-la5 cây tât-bà-gia5 cây chỉ-lư-câu-tỳ-đà-la là hạng nhát; cũng thế trong tất cả pháp lành, không buông lung là căn bản,... (nói như trên cho đến Niết-bàn). Ví như núi chúa Tu-di là bậc nhất trong các núi; cũng thế, không buông lung là căn bản của tát cả thiện pháp,... (nói như trên cho đên Niêt- bàn). Ví như tất cả vàng, chất vàng Diêm-phù-đàn là bậc nhất; cũng thế, trong tất cả thiện pháp, không buông lung là căn bản?... (nói như trên cho đen Niết-bàn). Ví như trong tất cả các thứ áo, áo vải Ca-thi-tế-điệp là tốt nhất; cũng thế, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là căn bản,... (nói như trên cho đến Niết- bàrì). Ví như trong tất cả màu sắc, sắc trắng là bậc nhất; cũng thế, trong tất cả pháp lành, không buông lung là căn bản,... {nói như trên cho đến Niết-bàri). Ví như trong các loài chim, chim Kim-ký là bậc nhất; cũng thế, không buông lung là căn bản của tất cả thiện pháp,... (nói như trên cho đến Niết-bàn).

Ví như Chuyển Luân Thánh Vương là bậc nhất trong các vua; cũng thế, không buông lung là căn bản của tất cả thiện pháp,... (nói như trên cho đến Niết-bàn). Ví như trong tất cả Thiên vương, Tứ Thiên Vương là bậc nhất; cũng thế, không buông lung là căn bản của tất cả thiện pháp,... (nói như trên cho đến Niệt-bàri). Ví như trong tất cả trời Ba Mươi Ba, trời Đế-thích là bậc nhất; cũng thế, không buông lung là căn bản của tất cả thiện pháp,... (nói như trên cho đến Niet-bari). Ví như trong cõi trời Diệm-ma, Túc-diệm-ma Thiên vương là bậc nhất; cũng thế, không buông lung là căn bản của tất cả thiện pháp,... (nói như trên cho đến Niết-bàn). Ví như cõi trời Đâu-suất-đà, Đâu-suất-đà Thiên vương là bậc nhất; cũng thế, không buông lung là căn bản của tất cả thiện pháp,... (nói như trên cho đến Niết-bàn). Ví như cõi trời Hóa Lạc, Thiện Hóa Lạc Thiên vương là bậc nhất; cũng thế, trong tất cả thiện pháp, không buông lung là căn bản,... (nói như trên cho đến Niết-bàn). Ví như cõi trời Tha Hóa Tự Tại, Tha Hóa Tự Tại Thiên vương là bậc nhất; cũng thế, không buông lung là căn bản

r e r -r ỉ WW x

của tát cả thiện pháp,...(nói như trên cho đên Niêt-bàri). Ví như Phạm thiên thì Đại Phạm vương là bậc nhất; cũng thế, không buông lung là căn bản của tất cả thiện pháp,... (nói như trên cho đen Niết-bàn). Ví như tất cả sông ngòi ở Diêm-phù-đề đều xuôi dòng về biển lớn. Biển lớn là bậc nhất, vì chứa đựng tất cả; cũng thế, tất cả thiện pháp đều thuận với không buông lung,... (nói như trên cho đên Niêt-bàn). Ví như tát cả nước mưa đêu đô vê biên cả; cũng thê, tát cả thiện pháp đêu thuận hướng vê biên cả không buông lung,... (noi như trên cho đến Niết-bàn). Ví như tất cả Tát-la-nậu, Đại Tát-la là bậc nhất; cũng thế, trong tất cả thiện pháp, không buông lung là bậc nhất,... (nói như trên cho đen Niết-bàn). Ví như tất cả sông ho ở the gian, bốn con sông lớn là bậc nhất như sông Hằng, Tân-dầu, Đoàn-xoa, Tư-đa; cũng thế, trong các thiện pháp, không buông lung là bậc nhất,... (nói như trên cho đến Niết-bàrỉ). Ví như ánh sáng của các tinh tú, mặt trăng là sáng nhát; cũng thê, tát cả thiện pháp, không buông lung là bậc nhất,... (nói như trên cho đến Niết-bàn). Ví như trong loài chúng sanh có thân to lớn, la-hầu-la9 a-tu-la là bậc nhất; cũng thế, trong tất cả thiện pháp, không buông lung là căn bản,... (nói như trên cho đến Niết-bàrỉ). Ví như trong các người hưởng khoái lạc năm dục, Đảnh Sanh vương là bậc nhất; cũng thế, trong tất cả thiện pháp, không buông lung là căn bản,... (nói như trên cho đến Niết-bàn). Ví như về thần lực ở Dục giới, Thiên ma Ba-tuần là bậc nhất; cũng thế, trong tất cả thiện pháp, không buông lung là căn bản,... (nói như trên cho đên Niêt-bàn). Ví như tát cả chúng sanh không chân, hai chân, bôn chân, nhiều chân, có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, phi tưởng phi phi tưởng, Như Lai là bậc nhất; cũng thế, trong tất cả thiện pháp, không buông lung là căn bản,... (nói như trên cho đen Niết-bàri). Ví như có các pháp hữu vi, vô vi, lìa tham dục là bậc nhất; cũng thế, trong tất cả thiện pháp, không buông lung là căn bản,... (nói như trên cho đen Niết-bàn). Ví như tất cả các pháp chúng, pháp chúng của Như Lai là bậc nhát; cũng thê, trong tát cả thiện pháp, không buông lung là căn bản,... (nói như trên cho đen Niết-bàn). Ví như trong tất cả giới, khổ hạnh, Phạm hạnh, Thánh giới là bậc

nhất; cũng thế, trong tất cả thiện pháp, không buông lung là căn bản,... (nói như trên cho đen Niết-bàn). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 883 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. - Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có bốn thứ thiền: Có thiền tam-muội thiện, chẳng phải chánh thọ thiện; có thiền chánh thọ thiện, chẳng phải tam-muội thiện; có thiền tam-muội thiện và chánh thọ cũng thiện; có thiền chẳng phải tam-muội thiện, chẳng phải chánh thọ thiện.

Lại nữa, có bốn thứ thiền: Có thiền trụ tam-muội thiện, chẳng trụ chánh thọ thiện; có thiên trụ chánh thọ thiện, chăng trụ tam-muội thiện; có thiên trụ tam- muội thiện, cũng là trụ chánh thọ thiện; có thiền chẳng trụ tam-muội thiện, cũng chẳng trụ chánh thọ thiện. Lại nữa, có bốn thứ thiền: Có thiền tam-muội khởi thiện, chẳng phải chánh thọ khởi thiện; có thiền chánh thọ khởi thiện, chẳng phải lúc tam-muội khởi thiện; có thiền tam-muội khởi thiện, cũng là chánh thọ khởi thiện; có thiền chẳng phải tam-muội khởi thiện, cũng chẳng phải chánh thọ khởi thiện. Lại nữa, có bốn thứ thiền: Có thiền lúc tam-muội thiện, chẳng phải lúc chánh thọ thiện; có thiền lúc chánh thọ thiện, chẳng phải lúc tam-muội thiện; có thiền lúc tam-muội thiện cũng là chánh thọ thiện; có thiền chẳng phải lúc tam-muội thiện, cũng chẳng phải lúc chánh thọ thiện. Lại nữa, có bốn thứ thiền: Có thiền tam-muội xứ thiện, chẳng phải chánh thọ xứ thiện; có thiền chánh thọ xứ thiện, chẳng phải tam-muội xứ thiện; có thiên tam-muội xứ thiện cũng chánh thọ xứ thiện; có thiên chăng phải tam-muội xứ thiện, cũng chẳng phải chánh thọ xứ thiện. Lại nữa, có bốn thứ thiền: Có thiền tam-muội thuận với thiện, chẳng phải chánh thọ thuận với thiện; có thiền chánh thọ thuận với thiện, chẳng phải tam- muội thuận với thiện; có thiền tam-muội thuận với thiện, cũng là chánh thọ thuận với thiện; có thiền chẳng phải tam-muội thuận với thiện, cũng chẳng phải chánh thọ thuận với thiện. Lại nữa, có bốn thứ thiền: Có thiền tam-muội niệm thiện, chẳng phải chánh thọ niệm thiện; có thiền chánh thọ niệm thiện, chẳng phải tam-muội niệm thiện; có thiền tam-muội niệm thiện, cũng là chánh thọ niệm thiện; có thiền chẳng phải tam-muội niệm thiện, cũng chẳng phải chánh thọ niệm thiện. Lại nữa, có bốn thứ thiền: Có thiền tam-muội niệm bất niệm thiện, chẳng phải chánh thọ niệm bất niệm thiện; có thiền chánh thọ niệm bất niệm thiện. x •• • «7 •• • *7

chăng phải tam-muội niệm bát niệm thiện; có thiên tam-muội niệm bát niệm thiện, cũng là chánh thọ niệm bất niệm thiện; có thiền chẳng phải tam-muội niệm bất niệm thiện, cũng chẳng phải chánh thọ niệm bất niệm thiện. Lại nữa, có bốn thứ thiền: Có thiền tam-muội đến thiện, chẳng phải chánh thọ đến thiện; có thiền chánh thọ đến thiện, chẳng phải tam-muội đen thiện; có thiền tam-muội đến thiện, cũng là chánh thọ đến thiện; có thiền chẳng phải tam- muội đến thiện, cũng chẳng phải chánh thọ đến thiện. Lại nữa, có bốn thứ thiền: Có thiền tam-muội ác thiện, chẳng phải chánh thọ ác thiện; có thiền chánh thọ ác thiện, chẳng phải tam-muội ác thiện; có thiền tam-muội ác thiện, cũng là chánh thọ ác thiện; có thiền chẳng phải tam-muội ác thiện, cũng chẳng

phải chánh thọ ác thiện. Lại nữa, có bốn thứ thiền: Có thiền tam-muội phương tiện thiện, chẳng phải chánh thọ phương tiện thiện; có thiền chánh thọ phương tiện thiện, chẳng

KINH TẠPA-HÀM 675

phải tam-muội phương tiện thiện; có thiền tam-muội phương tiện thiện, cũng là chánh thọ phương tiện thiện; có thiền chẳng phải tam-muội phương tiện thiện, cũng chẳng phải chánh thọ phương tiện thiện. Lại nữa, có bốn thứ thiền: Có thiền tam-muội chỉ thiện, chẳng phải chánh • > 9 — .ve... thọ chỉ thiện; có thiên chánh thọ chỉ thiện, chăng phải tam-muội chỉ thiện; có thiền tam-muội chỉ thiện, cũng là chánh thọ chỉ thiện; có thiền chẳng phải tam- muội chỉ thiện, cũng chẳng phải chánh thọ chỉ thiện. Lại nữa, có bốn thứ thiền: Có thiền tam-muội cử thiện, chẳng phải chánh thọ cử thiện; có thiên chánh thọ cử thiện, chăng phải tam-muội cử thiện; có thiền tam-muội cử thiện, cũng là chánh thọ cử thiện; có thiền chẳng phải tam- muội cử thiện, cũng chẳng phải chánh thọ cử thiện. Lại nữa, có bốn thứ thiền: Có thiền tam-muội xả thiện, chẳng phải chánh thọ xả thiện; có thiên chánh thọ xả thiện, chăng phải tam-muội xả thiện; có thiền tam-muội xả thiện, cũng là chánh thọ xả thiện; có thiền chẳng phải tam- muội xả thiện, cũng chẳng phải chánh thọ xả thiện. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 884 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. __ Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có Tam minh của bậc Vô học. Những gì là ba? Đó là trí chứng thông túc mạng của bậc Vô học, trí chứng thông sanh tử của bậc Vô học và trí chứng thông lậu tận của bậc Vô học. Khi ây? The Tôn liên nói kệ: Quán sát Trí túc mạng, Thấy trời sanh đường ác5 Sanh tử các lậu tận? Đó là Mâu-ni minh. Tâm kia được giải thoát, Tất cả các tham ái, Ba nơi đều thông suốt, Nên gọi là Tam minh. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 885 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có Tam minh của bậc Vô học. Những gì là ba? Đó là trí chứng thông túc mạng của bậc Vô học, trí chứng thông sanh tử của bậc Vô học, trí chứng thông lậu tận của bậc Vô học. Thế nào là Túc mạng trí chứng minh? Nghĩa là Thánh

676 KINH TẠP A-HÀM

đệ tử biết rõ các việc đời trước, từ một đời cho đến trăm, ngàn, muôn ức đời, cho đên kiếp sô thành hoại, túc mạng của chính mình và của chúng sanh đã trải qua tên như the, sanh ra như thế, dòng họ như the, ăn như thế, chịu khổ vui như thê, tuôi thọ như thê, sông lâu như thê, trong giới hạn như thê. Chính mình cùng với chúng sanh nơi đây chết sanh đến các chỗ khác; nơi các chỗ khác chết đến sanh nơi này, có hành như thế, nhân như thế, lòng tin như thế, mỗi mỗi các việc của những đời trước đều biết rõ. Đây gọi Túc mạng trí chứng minh. Thế nào là sanh tử trí chứng minh? Nghĩa là Thánh đệ tử với thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, thấy các chúng sanh lúc chết, lúc sanh, sắc

đẹp, sắc xâu, sác cao quý, sác tháp kém hướng đên đường ác tùy theo nghiệp, nhận lây sanh mạng, đêu biết như thật. Như chúng sanh này, vì thân, miệng, ý đã làm điều ác, hủy báng Thánh nhân, tà kiến, do nhân duyên thọ nhận tà pháp nên khi thân hoại, chết rồi sanh vào đường ác, địa ngục. Chúng sanh này thân, miệng, ý làm điều lành, chẳng hủy báng Thánh nhân, chánh kiến thành tựu, khi thân hoại mạng chung sanh ve cõi lành, cõi trời, người. Đây gọi là sanh tử trí chứng minh. Thế nào là lậu tận trí chứng minh? Nghĩa là Thánh đệ tử biết như thật cai khổ này, khổ tập này, khổ diệt này, khổ diệt đạo Hch này, biết như thật. Biết như thế? thấy như thế, dục lậu tam giải thoát, hữu lậu tâm giải thoát, vô minh lậu tâm giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc can làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Đây gọi là lậu tận trí chứng minh. -pv Á • A rpl Á qpr • [A Bay giơ, The Ton noi kẹ: Quán sát biết túc mạng, Thấy trời, sanh cõi ác, Sanh tử các lậu tận, Đây là Mâu-ni minh. Biêt tâm được giải thoát, Tất cả các tham ái, Ba nơi đều thông dạt, Nên nói là Tam minh. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 886 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật chào đón hỏi thăm xong, Bà-la-môn lui ngòi một bên và nói: Đây là Tam minh của Bà-la-môn! Đây là Tam minh của Bà-la-môn! Bấy giờ, Thế Tôn bảo Bà-la-môn: -Thế nào là Tam minh của Bà-la-môn? Bà-la-môn bạch Phật: - Thưa Cù-đàm! Cha mẹ Bà-la-môn đầy đủ các tướng, không chút tỳ vết, cha mẹ bảy đời nối truyền không có lời chê trách, đời đời nối tiếp làm Sư

KINH TẠPA-HÀM > 677

trưởng đầy đủ biện tài, đọc tụng kinh điển, thông suốt tên ệọi vật, loại, vạn vật các thứ sai biệt, tự loại phân hợp, từ góc đên ngọn trải nhiêu đời, năm thứ này thảy thảy đều rành rẽ, dung sắc đoan chánh. Thưa Cù-đàm! Đây gọi là Tam minh của Bà-la-môn. Phật bảo Bà-la-môn: -Ta chẳng cho danh tự, ngôn thuyết là Tam minh, pháp môn của Hiền thánh nói Tam minh một cách chân thật; nghĩa là tri kiến Hiền thánh, Pháp, Luật Hiền thánh là Tam minh chân thật. Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Tại sao Phật nói tri kiến Hiền thánh; Pháp, Luật Hiền thánh là Tam minh? Phật bảo Bà-la-môn: Có ba thứ Tam minh của bậc Vô học. Ba thứ đó là gì? Đó là Túc mạng trí chứng minh của bậc Vô học, Sanh tử trí chứng minh của bậc Vô học, Lậu tận trí chứng minh của bậc Vô học. ... (nói rộng như kinh trên). Bay giơ, The Ton noi kẹ: Tất cả pháp vô thường, Trì giới tịch tinh thiền, e ĩ r Biêt tát cả túc mạng, Đã sanh thiên, đường ác. Được đoạn sanh lậu tận, Gọi là Mâu-ni thông. Biết được tâm giải thoát, Tất cả tham, sân, si. 9

Ta nói Tam minh này, Chăng phải thuộc ngôn ngữ. Này Bà-la-môn! Đây là Tam minh được nói theo Chánh pháp, Luật.

Bà-la-môn bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Đây thật là Tam minh! Bà-la-môn sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngoi đứng lên rồi ra đi.

KINH SỐ 887
Tôi nghe như vầy:
Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bay giờ, có Bà-la-môn kia đi đen chỗ Phật; sau khi cùng nhau chào đón, hỏi thăm ân cần, Bà-la-môn ấy lui ngồi một bên, bạch Phật:

-Thưa Cù-đàm! Con tên là Tín.

Phật bảo Bà-la-môn:

r—, e r

-Tín có nghĩa là tin vào tăng thượng giới, bô thí, học đạo, buông xả, trí tuệ. Đấy gọi là Tín, chẳng phải tên gọi suông là Tín. Bà-la-môn nghe Phật dạy xong, hoan hỷ? tùy hỷ, từ tòa đứng lên rồi ra đi.

678 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Bà-la-môn kia đi đến chỗ Phật; sau khi cùng nhau chào đón, hỏi thăm ân cần, Bà-la-môn lui ngồi một bên, bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Con tên là Tăng ích. Phật bảo Bà-la-môn: Gọi là Tăng ích có nghĩa là lòng tin tăng thêm, giới hạnh, sự học hỏi, sự • \ r e r • : . buông xả, trí tuệ đêu tăng trưởng thêm. Đây gọi là Tăng ích, đâu phải tên gọi suông là Tăng ích. Bà-la-môn nghe Phật dạy xong, hoan hỷ? tùy hỷ? từ chô ngôi đứng lên roi ra đi.

KINH SỐ 889 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Bà-la-môn kia đi đến chỗ Phật, cùng nhau chào đón, hỏi thăm xong, lui ngoi một bên? bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Con tên là Đẳng Khởi.

Phật bảo Bà-la-môn: Đẳng Khởi nghĩa là phát khởi lòng tin, phát khởi giới hạnh, học đạo, buông xả, trí tuệ. Đây gọi là Đẳng Khởi, chẳng phải tên gọi suông là Đẳng Khởi. Bà-la-môn nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên rồi ra đi.

KINH SỐ 890 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Ta sẽ vì các Tỳ-kheo nói pháp vô vi và đạo tích vô vi, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ. Thế nào là pháp vô vi? Nghĩa là tham dục dứt sạch, sân giận, ngu si dứt sạch, tất cả phiền não hoàn toàn dứt sạch; đây là pháp vô vi. Thế nào là vô vi đạo tích? Đó là tám Thánh đạo phần: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định; đây gọi là vô vi đạo tích. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 679

,(Như vô vi, nan kiến, bất động, bất khuất, bất tử, vô lâu, phú ấm, châu chữ, te độ, y chỉ, ủng hộ, bất lưu chuyển, ly xỉ diệm, ly thiêu nhiên, lưu thông, thanh lương, vi diệu, an on, vô bệnh, vô sở hữu, Nỉết-bàn cũng nói như thế).

KINH SỐ 891 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Ví như hồ ao dài rộng năm mươi do-tuần9 sâu cũng như thế, nếu có người lấy một sợi lông nhúng vào hồ nước, này các Tỳ-kheo, vậy nước trong hồ kia nhiều hay chút nước dính trên đầu sợi lông nhiều? Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Nước dính đầu sợi lông quá ít, nước trong hồ nhiều

vô lượng, gấp ngàn, muôn ức không thể so sánh được. Phật bảo các Tỳ-kheo: Thấy chân đế đầy đủ, đầy đủ chánh kiến, đệ tử của Thế Tôn thấy quả của chân dế, hiện quán chơn chánh. Tỳ-kheo ấy ngay khi đó đã đoạn, đã biết, đoạn căn bản như ngọn cây đa-la đã chặt đứt không thể tái sanh nữa; các khổ được đoạn nhiều vô lượng như nước trong ho lớn, các kho còn lại như nước trên đầu sợi lông. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như giọt nước trên đầu sợi lông; cũng vậy, giọt nước trên đầu ngọn cỏ cũng như thê. Như nước trong ao hô; cũng thê, nước trong Tát-la-đa-tra-già, sông Hăng, Gia-phù-na, Tdt-la-du, Y-la-bạt-đêf Ma-hê, biên lớn cũng nói như thề).

KINH SỐ 892 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Có sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Nghĩa là nhãn nội nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nội nhập xứ. Nơi sáu pháp này quán sát nhãn, đây gọi là tín hành, siêu việt, lìa sanh, lìa cảnh giới phàm phu, chưa đắc quả Tu--hoàn,...chưa mạng chung muốn đắc quả Tu-đà-hoàn. Nếu các pháp này tăng thượng quán sát nhãn, đây gọi là pháp hành, siêu việt, lìa sanh, lìa cảnh giới phàm phu chưa được quả Tu-đà-hoàn... chưa mạng chung muốn đắc quả Tu-đà-hoàn. Nếu đối với các pháp này như thật chánh trí quán sát thì ba kiết sử đã dứt, đã biết đó là thân kiến, giới thủ, nghi; đây gọi là Tu-đà-hoàn quyết đinh chẳng rơi vào đường ác, quyết đinh hướng đến Chánh giác, bảy lần qua lại trong cối trời, người là

giải thoát khổ. Đối với các pháp này, chánh trí quán sát chẳng khởi các lậu, ly dục, giải thoát; đây gọi là A-la-hán, các lậu đã dứt sạch, việc làm đã xong, rời bỏ các gánh nặng, chóng được lợi ích cho bản thân, sạch các hữu kiêt sử, chánh trí, tâm thiện giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như nôi lục nhập xứ; cũng vậy, ngoại lục nhập xứ, lục thức thân, lục xúc thân, lục thọ thân, lục tưởng thân, lục tư thân, lục ái thân, lục giới thân, ngũ ấm cũng nói như trên).

KINH SỐ 893 A Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có năm loại chủng tử sanh. Những gì là năm? Đó là rễ chủng tử, thân cây chủng tử, cành chủng tử, chủng tử biên hoại, chủng tử gieo trồng. Đây nói các chủng tử chăng dứt, chăng hư hỏng, chăng mục nát, chăng đục khoét, mới gặp đất mà chang được nước thì các hạt giong này không được sinh trưởng lớn mạnh. Hoặc nếu gặp nước nhưng không gặp đất, các hạt giống cũng không thể sinh trưởng và lớn lên, cần phải có đất, có nước, có hạt giốnẸ mới có thể sinh trưởng lớn mạnh được. Cũng thế, nghiệp, phiền não có ái kiên, mạn, vô minh mà sanh hành. Nếu có nghiệp mà không có phiền não, ái kiến, mạn, vô minh thì hành ắt hẳn diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như hành; cũng thế, thức, danh sắc, lục nhập xứ, xúc, thọf ái, thủ, hữu, sanh, lão tử, cũng nói như the).

KINH SỐ 894 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Ta ở nơi thế gian, đối với thế gian

và thế gian tập nếu không biết như thật thì Ta chăng bao giờ ở giữa chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các người thê gian, tuyên bô là bậc giải thoát, là xuất ly? lìa vọng tưởng điên đảo, cũng chăng gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhưng vì Ta đối với thê gian và thê gian tập, biết như thật nên Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa- môn5 Bà-la6n, người thế gian và các chung sanh khác, tuyên bố là bậc giải thoát, là xuât ly5 tâm lìa điên đảo, an trụ đầy dử, đắc thành Vô thượng Chánh đăng Chánh giác. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 681

(Cũng thếf thế gian, thế gian tập, thế gian diệt, thế gian xuất; thế gian tập, thê gian diệt, the gian vị, the gian hoạn, the gian xuất; the gian tập, thế gian diệt, thê gian xuât; thê gian tập, thê gian diệt đạo tích; thê gian tập, thế gian diệt, thê gian tập đạo tích, thê gian diệt đạo tích; thê gian tập, thê gian diệt, thế^ian tập đạo tích, the gian diệt đạo tích, thế gian vi, thế gian hoạn, thế gian xuât cũng nói như thẽ).

KINH SỐ 895 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có ba ái. Những gì là ba? Đó là dục ái, sắc ái, vô sắc ái. Vì muốn dứt ba ái này nên phải cầu bậc Đại sư. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lòi Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như tìm cầu Đại sư; cũng thế, thứ sư, giáo sư, quảng đạo su, độ su, quảng độ su, thuyết su, quảng thuyết sư, tùy thuyết sư, A-xà-lê, đồng bạn, các thiện hữu chơn tri thức, từ bi, thương xót, muốn nghĩa lý, muốn an lạc, muốn vui, muôn xúc, muôn thông suôt, người muôn, người tinh tân, người phương tiện, người xuất ly, người kiên cố5 người dũng mãnh, người kham năng, người nhiếp thọ, người thường, người học, người chẳng phóng dật, người tu tập, người tư duy, người ức niệm, người giác tưởng, người tư lương, người Phạm hạnh, người thần lực, người trí, người thức, người tuệ, người phân biệt, niệm xứ, chánh cần, căn lực, giác đạo, chỉ quán niệm thân, cầu chánh tư duy cũng nói như thế).

KINH SỐ 896 r t . A

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Có ba thứ hữu lậu. Những gì là ba? Đó là dục hữu lậu, hữu hữu lậu, vô minh hữu lậu. Vì muốn đoạn ba pháp hữu lậu này nên phải cầu bậc Đại sư. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như cầu Đại sư; cũng vậy,.,, cầu chảnh tư duy cũng nói như thế).

KINH SỐ 897

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru ở thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật:

682 KINH TẠPA-HÀM

Bạch Thế Tôn! Biết thế nào, thấy như thế nào để con đối với thức thân và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài đều chẳng nghĩ nhớ, ngay lúc ấy sạch các hữu lậu? Phật bảo Tôn giả La-hầu-la: Có sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Đó là nhãn nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập xứ. Chánh trí quán sát các pháp này, hết sạch các hữu lậu, chánh trí, tâm thiện giải thoát. Đây gọi là A-la-hán, các hữu lậu đã dứt, việc đã làm xong, rời bỏ các gánh nặng, chóng được tự lợi ích cho bản thân, sạch hết các hữu kiết sử, chánh trí, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như nội lục nhập xứ; cũng thếf ngoại lục nhập xứ,... ngũ ấm cũng nói như thế).

KINH SÒ 898 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương x trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo đối với nơi mắt, dục tham đoạn, dục tham đoạn thì gọi là mắt đã đoạn, đã biết, đoạn gốc rễ nó như chặt đứt ngọn cây da-la, đến đời vị lai thành pháp chang sanh;... (đoi với tai, mũi, lưỡi, thân, ỷ, cũng nói như the). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như nội lục nhập xứ, cũng thế, ngoại lục nhập xứ,.. ngũ ấm cũng nói như the).

KINH SỐ 899 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xả, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu nhãn thức sanh, trụ, thành tựu, hiển hiện thì khổ sanh, bệnh trụ, già chết hiển hiện. Cũng thế,.. (ý cũng^ nói như thế). Nếu nhãn diệt mất thì khổ chấm dứt, bệnh dứt, già chết cũng hết,... (y cũng nói như thế). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như nội lục nhập xứ; cũng the, ngoại lục nhập xứ... ngũ ấm cũng nói như vậy).

KINH SỐ 900 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

KINH TẠPA-HÀM 683

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu đối với vị ngọt của mắt sanh đắm trước thì sanh phiền não bậc thượng, đã sanh phiền não bậc thượng, đối với các tâm nhiễm 6, không thể lìa dục, cũng chang có the đoạn được các chướng ngại,... (ý nhập xứ cũng nói như the). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. /hư nội lục nhập xứ; cũng thế ngoại lục nhập xứ... ngũ ấm cũng nói như thế).

KINH SỐ 901 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ? Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Ví như mọi việc làm ở thế gian đều nương nơi đất để kiến lập. Cũng thế, tất cả thiện pháp đều nương vào nội lục nhập xứ để thành lập. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Như nội lục nhập xứ, cũng thế ngoại lục nhập xứ,... ngũ ấm cũng nói như thế).

KINH SỐ 902 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Nêu có chúng sanh không chân, hai chân, bôn chân, nhiêu chân, sac, vô săc, tưởng, vô tưởng, phi tưởng, phi phi tưởng, đôi với tát cả chúng sanh, Như Lai là bậc nhất,... Thánh giới cũng nói như the.

KINH SỐ 903 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kneo: Ví như mọi việc làm ở thế gian, đều nương nơi đất để kiến lập; cũng thế, tất cả pháp hữu vi, vô vi, lìa tham dục là pháp bậc nhất. (Nói rộng như thế)... Thánh giới... (cũng nói như vây). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Nếu chúng sanh ở thế gian, tất cả đều nương nơi đất để kiến lập; cũng thế, trong tất cả đồ chúng, đồ chúng Thanh văn của Như Lai là bậc nhất. (Nói rộng như trên)... Thánh giới... Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 905 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diep và Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong núi Kỳ-xà quật. Khi ấy, có nhiều chúng ngoại đạo xuất gia đi đến Tôn giả Xá-lợi-phất, chào đón hỏi thăm nhau xong, lui ngồi một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai có sanh tử đời sau chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Này các ngoại đạo! Thế Tôn nói điều này không ký thuyết.

Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thế nào, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất9 Như Lai không sanh tử đời sau chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Này các ngoại đạo! Thế Tôn nói điều này không ký thuyết.

Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:
-Như Lai có sanh tử, cũng không có sanh tử đời sau chăng?
Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:
- Thế Tôn nói điều này không ký thuyết.
Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:
Như Lai chẳng có sanh tử, chẳng không sanh tử đời sau chăng?
Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Này các ngoại đạo! Thế Tôn nói điều này không ký thuyết.

Các ngoại đạo xuất gia lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thế nào, chúng tôi hỏi Như Lai có sanh tử hay không có sanh tử đời sau, vừa có vừa không, chẳng có chẳng không sanh tử đời sau, tất cả Tôn giả đều đáp: "Thế Tôn nói điều này không ký thuyết.Tại sao Thượng tọa mà như ngu, như si, chẳng hiểu biết, như trẻ thơ không có tự tánh trí? Nói lời này xong các ngoại đạo liền đứng dậy đi ra. Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả Xá-lợi-phất ở cách nhau không xa, mỗi vi ban ngày ngồi bên ệốc cây thiền tư. Tôn giả Xá-lợi-phất biết các ngoại đạo xuất gia đã đi roi đi đên Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, cùng nhau hỏi thăm,

Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Nếu chúng sanh ở thế gian, tất cả đều nương nơi đất để kiến lập; cũng thế, trong tất cả đồ chúng, đồ chúng Thanh văn của Như Lai là bậc nhất. (Nói rộng như trên)... Thánh giới... Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 905 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diep và Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong núi Kỳ-xà quật. Khi ấy, có nhiều chúng ngoại đạo xuất gia đi đến Tôn giả Xá-lợi-phất, chào đón hỏi thăm nhau xong, lui ngồi một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai có sanh tử đời sau chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Này các ngoại đạo! Thế Tôn nói điều này không ký thuyết.

Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thế nào, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất9 Như Lai không sanh tử đời sau chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Này các ngoại đạo! Thế Tôn nói điều này không ký thuyết.

Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:
-Như Lai có sanh tử, cũng không có sanh tử đời sau chăng?
Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:
- Thế Tôn nói điều này không ký thuyết.
Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:
Như Lai chẳng có sanh tử, chẳng không sanh tử đời sau chăng?
Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Này các ngoại đạo! Thế Tôn nói điều này không ký thuyết.

Các ngoại đạo xuất gia lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thế nào, chúng tôi hỏi Như Lai có sanh tử hay không có sanh tử đời sau, vừa có vừa không, chẳng có chẳng không sanh tử đời sau, tất cả Tôn giả đều đáp: "Thế Tôn nói điều này không ký thuyết.Tại sao Thượng tọa mà như ngu, như si, chẳng hiểu biết, như trẻ thơ không có tự tánh trí? Nói lời này xong các ngoại đạo liền đứng dậy đi ra. Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả Xá-lợi-phất ở cách nhau không xa, mỗi vi ban ngày ngồi bên ệốc cây thiền tư. Tôn giả Xá-lợi-phất biết các ngoại đạo xuất gia đã đi roi đi đên Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, cùng nhau hỏi thăm,

ủy lạo xong, roi lui ngôi một bên, Tôn giả Xá-lợi-phât thuật lại đây đủ cuộc đàm luận với các ngoại đạo xuất gia và thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp: Thưa Tôn giả! Do nhân gi, duyên gì Thế Tôn chẳng nói quyết định đời sau có sanh tử, không sanh tử, vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không sanh tử? Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: -Nêu nói Như Lai đời sau có sanh tử thì đây là sác. Nêu nói Như Lai đời sau không sanh tử thì đây là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau có sanh tử, không sanh tử thì đây là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau chẳng phải có, chẳng phải không sanh tử thì đây là sắc. Như Lai là sắc đã tận, tâm thiện giải thoát, nên nói Như Lai có sanh tử đời sau, điều này chẳng đúng; không sanh tử đời sau, vừa có vừa không sanh tử đời sau, chẳng phải có chẳng phải không sanh tử đời sau, điều này chăng đúng. Vì Như Lai là săc đã tận,

tâm thiện giải thoát sâu xa, rộng lớn, vô lượng, vô số, Niết-bàn tịch diệt. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu nói Như Lai có sanh tử đời sau, đây là thọ, là tưởng, là hành, là thức, là động, là lo lắng, là hư dối, là hữu vi, là ái,.. chẳng phải có, chẳng phải không sanh tử đời sau,... (cũng nói như the). Như Lai là ái đã sạch, tâm thiện giải thoát; vì thế nếu nói có sanh tử đời sau, không đúng; không sanh tử đời sau, vừa có vừa không sanh tử đời sau, chẳng phải có chẳng phải không sanh tử đời sau, đều không đúng. Như Lai là ái đã sạch, tâm thiện giải thoát, sâu xa rộng lớn, vô lượng, vô sô, Niêt-bàn tịch diệt. Này Xá-lợi-phất! Vì nhân như thế, duyên như thế nên nếu có người hỏi về ỉ 9

Thê Tôn: "Nhu Lai hoặc có, hoặc không, hoặc vừa có vừa không, chăng phải có chẳng phải không sanh tử đời sau"không thể nói hoặc quyết định. Hai vi Chánh sĩ đàm đạo xong, mỗi người trở lại chỗ cũ.

KINH SỐ 906 Tôi nghe như vầy: Một thời ? Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang ở giảng đường Lộc Mầu, vườn phía Đông, nước Xá-vệ. Sau giờ tọa thiền buổi chiều, Tôn giả đi đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên và bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nhân gì, duyên gì, Thế Tôn trước kia vì các Thanh văn ít chế định giới luật, các Tỳ-kheo lúc ấy phần nhiều đều ưa thích tập học, ngày nay Phật vì các Thanh văn chế định nhiều giới luật mà các Tỳ-kheo lại ít ưa thích tập học? Phật bảo: Này Ca-diếp! Đúng như thế. Vì mạng trược, phiền não trược, kiếp trược,

chúng sanh trược5 kiến trược, thiện pháp của chúng sanh giảm sút nên Đại sư vì các Thanh văn chế định nhiều giới cấm, nhưng ít người ưa thích tập học. Này Ca-diếp! Ví như lúc kiếp sắp hoại, vật báu thật chưa diệt, có các vật báu giả tợ như trân bảo thật xuất hiện ở thế gian, khi vật báu giả mạo đã xuất hiện rồi thì vật báu thật biến mất. Cũng thế, Ca-diếp, khi Chánh pháp của Như Lai sắp diệt, tương tợ tượng pháp sanh, tương tợ tượng pháp đã xuất hiện ở thế gian, Chánh pháp chác chăn sẽ diệt. Ví như trong biên lớn, thuyên chở nhiêu trân bảo sẽ chóng bị chìm đắm. Chánh pháp của Như Lai không phải như thế, dần dần suy giảm, Chánh pháp của Như Lai không bi đất làm hư hoại, không bi lửa, gió, nước làm hoại;... chúng sanh ác xuất hiện ở thế gian, ưa làm điều ác, muốn làm điều ác? thành tựu điều ác, phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, phi luật nói là luật, luật nói phi luật, vì tương tợ pháp, cú vị hưng thịnh thì Chánh pháp của Như Lai đến lúc ấy ẩn mất. Này Ca-diếp! Có năm nhân duyên có thể khiến cho Chánh pháp của Như Lai chìm mất. Những gì là năm? Là Tỳ-kheo đối với Đại sư chẳng kính, chẳng trọng, chẳng khiêm cung cúng dường, chẳng những đối với Đại sư đã chẳng kính trọng, chẳng khiêm cung cúng dường mà còn nương ở; đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo tùy thuận, hoặc các Phạm hạnh mà Đại sư khen ngợi cũng chẳng kính, chẳng trọng, chẳng khiêm cung cúng dường mà vẫn nương ở. Này Cadiếp, đây là năm nhân duyên khiến cho Chánh pháp của Như Lai chìm mất. Này Ca-diếp! Có năm nhân duyên khiến cho Pháp, Luật của Như Lai không ẩn mất, không bị lãng quên, không tàn lụi. Những gì là năm? Là Tỳ-kheo chẳng những đối với Đại sư cung kính, tôn trọng, khiêm cung cúng dường, mà còn nương ở; đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo

tùy thuận, hoặc các Phạm hạnh được Đại sư khen ngợi cũng cung kính tôn trọng, khiêm cung, cúng dường, nương ở. Đây là năm nhân duyên khiến cho Pháp, Luật của Như Lai kh6ng diệt mất, không bị lãng quên và tàn lụi. Vì thế, Ca-diếp, nên học như vậy, đoi với Đại sư nên tu cung kính, tôn trọng, khiêm cung cúng dường, nương ở; đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo tùy thuận, hoặc các Phạm hạnh mà được Đại sư khen ngợi, cũng cung kính, tôn trọng, khiêm cung cúng dường, nương ở. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp vui mừng, tùy hỷ, đảnh lễ Phật rối đi.

KINH SỐ 907 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giờ, có thôn chủ Giá-la-chu-la-na-la? đi đến chỗ Phật, sau khi chào đón hỏi thăm ân cần, lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Cù-đàm! Tôi nghe ngày xưa các ca kỹ lão thành trong nghề trình diễn ca múa nói rằng: "Nếu người nghệ sĩ ở trong đại chúng múa hát, diễn trò,

biêu diên đủ thứ tài nghệ khiên cho đại chúng thích thú vui cười, do nghiệp duyên này khi thân hoại mạng chung sanh cõi trời Hoan Hy.” Còn trong pháp của Cù-đàm thì nói như thế nào? Phật bảo thôn chủ: Thôi, đừng hỏi nghĩa này. Ba lần Phật ngăn như vậy, ba lần thôn chủ cũng thưa thỉnh mãi. Phật bảo thôn chủ: Bây giờ Ta hỏi thôn chủ, thôn chủ cứ đáp theo ý mình. Chúng sanh ở thôn này ngày xưa chẳng lìa tham dục, bị tham dục ràng buộc, chẳng lìa sân nhuế, bị sân nhuê ràng buộc, chăng lìa ngu si, bị ngu si ràng buộc. Những ca kỹ kia ở giữa đại chúng ca hát, trình bày vũ nhạc, diễn trò lại cho đại chúng thích thú, vui cười. Này thôn chủ! Chính trong lúc những người kia khoái chí, vui cười, há chẳng tăng trưởng các trói buộc của tham, sân, si? Thôn chủ bạch Phật: Bạch Cù-đàm? đúng như vậy!

Này thôn chủ! Ví như có người dùng dây trói ngược, có người luôn đem ác tâm muốn làm cho người kia chẳng được lợi ích, chẳng được an, chẳng được vui, thường thường lấy nước rưới lên sợi dây trói, người bị trói há chẳng cảm thấy bị bức bách sao? Thôn chủ nói: - Bạch Cù-đàm9 đúng the! Phật bảo: -Này thôn chủ! Chúng sanh xưa kia cũng như thế, chẳng lìa các trói buộc của tham dục, sân nhuế, ngu si, do sự giải trí, thích thú, vui cười, chơi đùa lại càng làm tăng thêm sự trói buộc. Thôn chủ nói: Bạch Cù-đàm9 quả thật như vậy! Những ca kỹ làm cho các chúng sanh kia thích thú, vui cười, chuyển thành tăng thêm các trói buộc tham dục, sân nhuế, ngu si. Do nhân duyên này khi họ chết được sanh về đường lành, điều này không thể có được. Phật bảo thôn chủ: -Nếu nói ngày xưa5 các ca kỹ hay đem lại cho đại chúng sự thích thú? vui cười mà do nghiệp duyên này họ được sanh về cõi trời Hoan Hỷ thì đây là tà kiến. Nếu người tà kiến phải sanh trong hai đường: Hoặc địa ngục, hoặc súc sanh. Khi nghe Phật nói những lời này, thôn chủ Giá-la-chu-la-na-la buồn bã rơi ỉ nước măt. Bấy giờ, Thế Tôn bảo thôn chủ:

-Vì thế trước dây, ba lần ông hỏi, Ta đều chẳng đáp và ngăn thôi, chớ nên hỏi nghĩa này. Thôn chủ bạch Phật: Bạch Cù-đàm! Con không phải vì lời nói của Cù-đàm mà buồn khóc. Con tự nghi, lâu nay, tại sao mình bị bọn ca kỹ kỳ cựu, ngu si, không biện

biệt, không hiên thiện kia dối gạt rằng: "d trong đại chúng biểu diễn kỹ nhạc... sanh trong cõi trời Hoan Hy." Bây giờ con suy nghĩ kỹ? làm sao các ca kỹ chuyên múa hát, diễn trò có thể sanh trong cõi trời Hoan Hỷ được? Bạch Cù-đàm! Từ hôm nay, con xin bỏ cái nghiệp ca kỹ xấu xa, bất thiện, xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng. Phật khen: Lành thay! Này thôn chủ! Đây là điều thiết yếu chân thật.

Thôn chủ Giá-la-chu-la-na-la nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi ra đi.

KINH SỐ 908 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bây giờ, có thôn chủ sông băng nghê chiên đâu đi đên chô Phật, cung kính hỏi thăm, rồi lui ngồi một bên và bạch Phật: -Bạch Cù-đàm! Tôi nghe ngày xưa những người kỳ cựu sống bằng nghề chiên đâu nói răng: "Nêu sông bằng nghề chiến đấu, thân mang áo giáp dày, tay cầm khí giới sắc bén, đi đầu tướng sĩ, có đủ khả năng và phương tiện dẹp tan oán địch thì do nghiệp báo này, người ấy sanh cõi trời Tiễn Hàng Phqc." Còn ở trong pháp của Cù-đàm thì nói như thế nào? Phật bảo thôn chủ chiến đấu: Thôi, đừng nên hỏi nghĩa này. Người ấy ba lần hỏi, ba làn Phật đều ngăn, nhưng vẫn hỏi mãi. Phật bảo thôn chủ: Bây giờ Ta hỏi thôn chủ, thôn chủ tùy ý đáp. Này thôn chủ! Ong nghĩ sao, nếu sống bằng nghề chiến đấu, thân mang áo giáp, đội mũ, dẫn đầu các chiến sĩ, có khả năng và phương tiện dẹp tan oán địch, nguôi này trước tiên há chẳng khởi tâm làm thương tôn, sát hại, muốn bắt trói, xiêng xích, đâm chém, giết hại người kia chăng? Thôn chủ bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, đúng như the! Phật bảo thôn chủ: -Làm chiến đấu để sống có ba thứ ác tà: Hoặc thân, hoặc miệng, hoặc ý.

KINH TẠPA-HÀM 689

Do nhân duyên ba thứ ác tà, khi chết được sanh nơi cõi lành Tiễn Hàng Phục thiên, điều này không thể có được. Phật bảo thôn chủ: -Nếu ngày xưa những người kỳ cựu chiến đấu để sống, có thấy như thế, nói như thế: “Nếu các người sống bằng nghề chiến đấu, thân mang áo giáp, đội mũ, tay câm khí giới sắc bén, xông tới trước kẻ địch, có khả năng và phương tiện dẹp trừ oán địch thì do nhân duyên này được sanh cõi trời Tiễn Hàng Phục"; đây là tà kiến, người tà kiến phải sanh vào hai đường: Hoặc địa ngục hoặc súc sanh. Lúc Phật nói những lời này, thôn chủ xúc động, buồn bã rơi nước mắt. Phật bảo thôn chủ: -Vì ý nghĩa này, nên từ trước Ta đã ba lần ngăn thôn chủ và chẳng nói. Thôn chủ bạch Phật: -Tôi khônệ buồn khóc vì lời nói của Cù-đàm? tôi nghi lại các người kỳ cựu sống bằng nghe chiến đấu ngu si, bất thiện xưa kia chang hiểu biết, luôn luôn giả dối khi tuyên bố rằng: “Nếu sống bằng nghề chiến dấu, thân mang áo giáp, đội mũ, tay cầm khí giới xông tới trước quân địch... được sanh cõi trời Tiễn Hàng Phúc." Vì thế nên tôi buồn bã khóc lóc. Ngày nay, tôi suy nghĩ chín chắn: "Các người sống bằng nghề chiến đấu, do nhân duyên ác nghiệp, lúc thân hoại mạng chung mà có thể sanh về cõi trời Tiễn Hàng Phục, việc này không thể có đượcy Bạch Cù-đàm, tôi từ hôm nay xả bỏ các nghiệp ác? xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng. Phật bảo thôn chủ: -Đây là điều thiết yếu chân thật. Thôn chủ sông băng nghê chiên đâu nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ? từ chỗ ngồi đứng lên đảnh lễ rồi đi.

KINH SỐ 909 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có thôn chủ huấn luyện ngựa đi đến chỗ Phật, cung kính thăm hỏi rồi lui ngồi một bên. Khi ấy, Thế Tôn nói với thôn chủ huấn luyện ngựa: Có bao nhiêu cách điều phục ngựa?

Thôn chủ đáp: -Thưa Cù-đàm! Có ba cách. Những gì là ba? Một là mềm dẻo, hai là cứng răn, ba là vừa mem dẻo vừa cứng răn. Phật bảo thôn chủ: Nếu áp dụng ba cách này ngựa vẫn không điều phục được thì phải làm sao?

Thôn chủ đáp: Nên giết con ngựa đó đi.

Thôn chủ bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Ngài là bậc Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu, nên dùng bao nhiêu phương cách để điều ngự trượng phu? Phật bảo thôn chủ: Ta cũng áp dụng ba phương cách để điều ngự trượng phu. Ba cách đó là gì? Một là mềm dẻo, hai là cứng rắn, ba là vừa mềm dẻo vừa cứng rắn. Thôn chủ bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Nếu ba cách điều ngự trượng phu vẫn không điều phục được thì Ngài sẽ làm thế nào? Phật bảo thôn chủ: -Nếu ba cách trên vẫn không điều phục được thì hãy giết đi. Vì sao? Vì chớ khiến cho pháp của Ta có điều nhục nhã. Thôn chủ huấn luyện ngựa bạch Phật: -Trong pháp của Cù-đàm5 sát sanh là bất tịnh, trong pháp của Cù-đàm không được giết, nhưng nay Cù-đàm nói: "Người không điều phục được cũng nên giết di"? Phật bảo thôn chủ: -Như lời ông nói, trong pháp Như Lai, sát sanh là bát tịnh. Như Lai chăng cho giết chóc. Này thôn chủ! Ta dùng ba phương cách điều ngự trượng phu, nhưng người kia vẫn không the điều phục được thì Ta sẽ không nói với người đó nữa, không dạy dỗ? không răn nhắc người đó nữa. Này thôn chủ! Nếu Như Lai điêu ngự trượng phu chăng . 9 r nói đên, chăng dạy dô, chăng răn nhác đên người đó nữa; đó chăng phải là giêt đi sao? Thôn chủ huấn luyện ngựa bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Nếu Ngài điều ngự trượng phu chẳng còn nói đến, chẳng còn dạy dỗ, chẳng răn nhắc đến người đó nữa; đó thật là giết rồi. Vì lẽ ấy, từ nay con xả bỏ tất cả các nghiệp ác, xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng. Phật bảo thôn chủ: Đây là điều thiết yếu chân thật.

Phật nói kinh này xong, thôn chủ huấn luyện ngựa nghe Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên đảnh lễ Phật rồi đi.

KINH SỐ 910 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, có thôn chủ hung ác đi đến chỗ Phật, đảnh lễ, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: —Thưa Thế Tôn! Do chẳng tu những pháp gì? nên đối với người khác sanh sân, vì sanh sân giận nên miệng nói lời hung ác5 người khác mới đặt tên cho tôi là Ác Tính? Phật bảo thôn chủ: Vì ông chẳng tu chánh kiến nên đoi với người sanh sân giận, đã sanh sân giận nên nói lời ác, người ta mới đặt tên là Ác Tính, vì chẳng tu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định nên đối

với người khác sanh sân giận, do sân giận nên nói lời ác, người khác mới đặt tên là Ác Tính. Thon chu lại hỏi The Ton: -Tôi nên tu tập những pháp gì đê đôi với người khác không sân giận, vì không sân giận nên miệng nói lời lành, được người khác gọi tên là Hiền Thiện. Phật bảo thôn chủ: -Vì tu chánh kiến nên đối với người không sân, vì không sân nên miệng nói lời lành, được người khác gọi tên là Hiền Thiện. Tu tập chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định nên đoi với người không sân, vì không sân nên miệng nói lời lành, được người khác gọi tên là Hiền Thiện. Thôn chủ Ác Tính bạch Phật: -Lạ thay, Thế Tôn! Ngài khéo nói lời này, tôi vì chẳng tu chánh kiến nên đoi với người khác sanh sân, đã sanh sân miệng nói lời ác, người khác gọi tôi là Ác Tính; tôi chẳng tu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định nên đoi với người khác sanh sân, do sân nên nói lời ác, người khác đặt tên tôi là Ác Tính. Vì thế hôm nay tôi sẽ xả bỏ sân nhuế, cứng cỏi, thô bạo. Phật bảo thôn chủ: -Đây là thiết yếu chân thật. Phật nói kinh này xong, thôn chủ Ác Tính hoan hỷ, tùy hỷ? lễ Phật rồi đi.

KINH SỐ 911 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có thôn chủ Ma-ni-châu-kế đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Thưa Thế Tôn! Ngày xưa quốc vương triệu tập các đại thần cùng nhau luận nghi: “Các Sa-môn Thích tử Tỳ-kheo tự nhận và chứa vàng bạc, vật báu là

tịnh hay là bất tịnh?55 Trong các đại thần có người nói: "Sa-m6n Thích tử được phép tự nhận và chứa vàng bạc, báu vật cho mình.„ Lại có người nói: í4Sa-môn không nên tự nhận và chứa vàng bạc, báu vật cho minh." Thưa Thế Tôn! Người nói Sa-môn Thích tử được phép tự nhận và chứa vàng bạc, báu vật cho mình; người này do nghe Phật nói hay là tự ý nói ra, lời nói này là tùy thuận pháp hay chẳng tùy thuận pháp, là chân thật hay là hư doi. Người nói như vậy không bị rơi vào chỗ bị chê trách chăng? Phật bảo thôn chủ: -Đó là nói dối, chẳng phải nói chân thật, chẳng phải nói như pháp, chẳng phải nói tùy thuận pháp, rơi vào chỗ quở trách. Vì sao? Sa-môn Thích tử tự vì mình nhận và chứa vàng bạc, vật báu là không thanh tịnh; cho nên, nếu người tự vì mình nhận và chứa vàng bạc, báu vật chẳng phải là pháp Sa-môn, chẳng phải là pháp của dòng Thích tử. Thôn chủ bạch Phật: -Lạ thay, Thế Tôn! Sa-mon Thích tử nhận và chứa vàng bạc, vật báu chẳng phải là pháp Sa-môn, chẳng phải là pháp của dòng Thích tử. Đó là nói chân thật. Thưa Thế Tôn! Người nói như thế tăng trưởng thắng diệu, con cũng nói như vậy. Sa-môn Thích tử không nên tự vì mình nhận và chứa vàng bạc, vật báu. Phật bảo thôn chủ: -Nấu Sa-môn Thích tử tự vì mình nhận và chứa vàng bạc, vật báu là thanh tịnh thì công năng năm dục hẳn phải thanh tịnh. Thôn chủ Ma-ni Chau Ke sau Uli nghe Phật nói, hoan hỷ đảnh lễ rồi đi. Biết Ma-ni Châu Ke đã đi, bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan: Nêu có các Tỳ-kheo nương ở trong Vườn Trúc Ca-lan-đà, A-nan hãy gọi họ tập hợp nơi nhà ăn. Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, đi khắp Vườn Trúc Ca-lan-đà tuyên bố cho các Tỳ-kheo ở nơi đấy đen tập hợp trong nhà ăn. Khi các Tỳ-kheo đã tập hợp, Tôn giả A-nan đến bạch Phật: -Các Tỳ-kheo đã tập hợp ở nhà ăn. Xin Thế Tôn biết thời. Lúc ấy, Thế Tôn đi đến nhà ăn ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo: Hôm

nay có thôn chủ Ma-ni Châu Ke đi đến Ta và nói rằng: "Ngày trước quốc vương tập hợp các đại thần luận nghị rằng: 'Sa-môn Thích tử tự vì mình thọ nhận và chứa vàng bạc, vật báu là thanh tịnh không?9 Trong đó có người nói là thanh tịnh, có người nói là không thanh tịnh. Nay thôn chủ xin hỏi Thế Tôn: 'Người nói thanh tịnh là được nghe Phật nói hay là tự nói dối,... (nói rộng như trên).." Thôn chủ Ma-ni Châu Ke nghe Ta nói hoan hỷ? tùy hỷ5 đảnh lễ rồi đi. Này các Tỳ-kheo! Quốc vương, đại thần cùng nhau luận nghi, thôn chủ Ma-ni Châu Ke ở trước đại chúng nói dõng dạc như sư tử rống: "Sa-môn Thh

tử không tự vì mình thọ nhận và chứa vàng bạc, vật báu." Này các Tỳ-kheo! Từ hôm nay, các Tỳ-kheo cần đến cây thì xin cây, cần cỏ xin cỏ, cần xe xin xe, cần người giúp việc xin người giúp việc, cẩn thận đừng nên vì mình thọ nhận và giữ chứa vàng bạc, các thứ vật báu. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 912 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Chiêm-bà, bên ao Yết-già. Lúc ấy, có thon chủ Vương Đảnh đi đến chỗ Phật, đảnh lễ, rồi lui ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo thôn chủ Vương Đảnh: - Hiện nay chúng sanh có hai khuynh hướng. Những gì là hai? Một là ưa thích đam trước năm dục thấp kém của kẻ hạ tiện phàm phu tầm thường. Hai là tự làm kho một cách sai lầm, vô ích. Này thôn chủ! Có ba hạng người hưởng thụ dục lạc thấp kém của kẻ phàm phu hạ tiện tầm thường, và ba hạng tự làm khó một cách sai lầm, vô ích. ỉ \ Này thôn chủ! Thê nào là hạng phàm phu hạ tiện tâm thường hưởng thụ dục lạc? Nghĩa là có người hưởng thụ dục lạc, lạm chiếm lấy chẳng hợp pháp, chẳng đem lại sự an vui cho bản thân, chẳng cúng dường cha mẹ, chẳng cung cáp đây đủ cho anh em, vợ con, người làm, quyên thuộc, bạn bè quen biêt, cũng chẳng tùy lúc cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, mong cầu nơi tốt đẹp, quả báo an lạc, đời sau sanh cõi trời. Đó là hạng người thứ nhất hưởng thụ dục lạc ở thế gian. Lại nữa, thôn chủ, người hưởng thụ dục lạc đem pháp làm phi pháp, lạm chiếm lấy tài vật để tự làm cho mình được sung sướng, cúng dường cha mẹ? cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, người làm, quyến thuộc, bạn bè quen biết, nhưng chẳng tùy thời cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, mong cầu nơi tốt đẹp được quả báo an vui, đời sau sanh cõi trời. Đó là hạng người thứ hai hưởng thụ dục lạc. Lại nữa, thôn chủ, có người hưởng thụ dục lạc, cầu tiền của một cách hợp pháp, không phải lạm chiêm lây, tự đem lại an vui cho bản thân, biêt cúng dường cha mẹ, cung cấp cho anh em, vợ con, người làm, quyến thuộc, bạn bè quen biết, và tùy thời cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, mong câu nơi tót đẹp và quả báo an lạc, đời sau sanh cõi trời. Đó là hạng người thứ ba hưởng thọ dục lạc. Này thôn chủ! Ta chẳng một bề nói hưởng thụ dục lạc bình đẳng. Ta nói người hưởng thụ dục lạc có người là hạng thấp kém, có người thuộc hạng trung bình và có người là hạng người tốt. Thế nào là hạng thấp kém hưởng thụ dục lạc? Nghĩa là lạm chiếm lấy một cách phi pháp... chẳng mong càu nơi tốt đẹp, quả báo an lạc, vị lai sanh về cõi trời. Ta nói đây là hạng thấp kém hạ tiện hưởng

thụ dục lạc. Thế nào là hạng trung bình hưởng thụ dục lạc? Nghĩa là người hưởng thụ dục lạc đem pháp làm phi pháp đê tìm câu tiên của... chăng mong cầu nơi tốt đẹp, quả báo an lạc, đời sau sanh cõi trời. Đây Ta nói hạng người thứ hai, trung bình, hưởng thụ dục lạc. Ta nói thế nào là hạng người tốt hưởng thụ dục lạc? Nghĩa là người ấy cầu tiền của hợp pháp... đời sau sanh cõi trời. Ta nói đó là hạng người thứ ba, tức hạng người tốt hưởng thụ dục lạc. Thế nào là ba cách tự làm khổ? Đó là khổ vì chẳng hợp pháp, chẳng chơn chánh, phi nghĩa, không lợi ích. Có một hạng người tự làm khổ mình, song khắc khổ, ban đầu mới phạm giới, làm nhiễm ô giới, người ấy tu đủ thứ kho hạnh, tinh cần cố gắng ở yên một nơi, nhưng người ấy hiện tại chẳng lìa được nhiệt não, chẳng được pháp hơn người, chẳng trụ an lạc tri kiến thắng diệu. Này thôn chủ! Đây gọi là hạng người thứ nhất tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ. Lại nữa, có hạng người tự làm khắc khổ, ban đầu không phạm giới, không làm nhiễm ô giới, tu đủ thứ kho hạnh, cũng không vì the mà hiện tại được lìa nhiệt não và cũng chẳng được pháp hơn người, chang trụ an lạc tri kiến thắng diệu. Đây gọi là hạng người thứ hai tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Lại nữa, CÓ hạng người tự làm khác khô băng cách sông khác khô, ban đâu chăng phạm giới, chẳng làm nhiễm ô giới, nhưng tu đủ các khổ hạnh, hiện tại cũng chẳng lìa được nhiệt não, được pháp hơn người, chăng được trụ an lạc tri kiên thăng diệu. Đây là hạng người thứ ba tự làm kho bang cách song khắc kho. Này thôn chủ! Ta chăng nói tát cả những kẻ tự làm khô băng cách sông khác khổ đều như nhau. Ta đã nói trong số những kẻ tự làm khổ mình, có kẻ thuộc r ỉ r 9

hạng tháp kem? có hạng trung bình, có hạng khá tót. Thê nào là kẻ tự làm khô thuộc hạng thấp kém? Nếu người này tự làm khổ, ban đầu mới phạm giới, làm nhiễm ô giới,... chang được tri kiến thang diệu, chang trụ an lạc. Ta nói đây là kẻ thấp kém tự làm khổ mình. Thế nào là hạng trung bình tự làm khổ? Người áy lúc ban đâu chăng phạm giới, chăng làm nhiêm ô giới... chăng được tri kiên thang diệu, chẳng trụ an lạc. Ta nói đây là hạng trung bình tự làm khổ mình. Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng khá tốt? Nếu người ấy tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ, ban đầu chẳng phạm giới, chẳng làm nhiễm ô giới,... chẳng được tri kiến thắng diệu, chẳng trụ an lạc. Ta nói đây là hạng người tự làm khổ thuộc hạng khá tốt. Này thôn chủ! Đây là ba hạng người tự làm khổ mình một cách chẳng hợp pháp, chẳng đúng, vô nghĩa, vô ích. Này thôn chủ! Có dạo, có đạo tích, chẳng hướng đen ba hạng hưởng thụ dục lạc của phàm phu tầm thường, thấp kém và cũng chẳng hướng đến ba hạng người tự làm khổ mình một cách sai lầm, vô nghĩa, vô ích. Thôn chủ! Thế nào là đạo? Thế nào là đạo ch chẳng hướng đến ba hạng người hưởng thụ dục lạc và ba hạng người tự làm khổ mình? Thôn chủ! Kẻ bị dục tham chướng ngại nên hoặc tự muốn hại mình, hoặc muốn hại người khác,

hoặc muốn hại cả mình và người, hiện tại, đời sau mắc tội báo này, tâm đầy buồn khổ; bị sân nhuế, si che lấp, hoặc muốn tự hại? hoặc muốn hại người, hoặc muốn hại cả mình và người, hiện tại, đời sau đều mắc tội báo, nội tâm buồn khổ. Nêu lìa tham chướng, người kia không muốn tìm cách tự hại, hại người, hại cả mình và người, hiện tại, đời sau chẳng chịu tội báo này. Tâm, tâm pháp của nguỳi ấy luôn được hỷ lạc, như

thế lìa sự chướng ngại của sân nhuế, si, chẳng muốn tự hại, chẳng muốn hại người, chẳng muốn mình và người đều hại, hiện tại, đời sau chăng chịu tội báo này. Tâm, tâm pháp người ây luôn luôn được an lạc? hiện tại xa lìa nhiệt não, chẳng đợi thời tiết, gần gũi Niết-bàn. Chính ngay thân này, hiện tại duyên tự giác tri. Thôn chủ! Như hiện tại xa lìa nhiệt não, chăng đợi thời tiêt thân cận Niêt-bàn, chính ngay thân hiện tại duyên tự giác tri là tám Thánh đạo, chánh kiến... chánh định. Trong lúc Thế Tôn nói pháp này, thôn chủ Vương Đảnh xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Thôn chủ Vương Đảnh thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập pháp, dứt hết nghi không do người khác, ở trong Chánh pháp, Luật, được vô sở úy. Thôn chủ liên từ chô ngôi đứng dậy, sửa lại y phục, chăp tay bạch Phật: -Thưa Thế Tôn! Con đã được độ, con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng, từ nay đến suốt đời con xin làm iru-bà-tắc. Phật nói kinh này xong, thôn chủ nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ Phật rồi đi ra.

KINH SỐ 913 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hành tại xứ Lực Sĩ, đến vùng đất uất-tỳ-la5 rừng Anh Vũ Diêm-phù. Bấy giờ, có thôn chủ Kiệt-đàm nghe Sa-mon Cù-đàm du hành tại xứ Lực Sĩ đến rừng Anh Vũ Diêm-phù đang nói pháp về nguyên nhân của khổ và sự dứt khổ hiện tại. "Ta nên đến Sa-môn Cù-đàm. Nếu ta đến Sa-môn Cù-đàm chắc chắn Ngài sẽ vì ta nói về nguyên nhân của khổ và dứt khổ hiện tại." Thôn chủ suy nghĩ xong, vội vàng đi đên làng Uât-tỳ-la9 nơi Phật đang trụ, đảnh lê Phật roi lui ngôi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con nghe Thế Tôn thường hay vì người thuyết pháp về nguyên nhân của khổ và sự dứt khổ hiện tại. Lành thay, Thế Tôn! Xin vì con nói vê nguyên nhân của khô và sự dứt khô hiện tại! Phật bảo thôn chủ: - N^u Ta nói pháp quá khứ khổ, nguyên nhân của khổ (khổ tập) và sự dứt khổ, biết người đối với pháp ấy là tin hay không tin, là muốn hay không muốn, là nghĩ nhớ hay chẳng nghĩ nhớ, ưa thích hay chẳng ưa thích? Hiện nay ông có

khổ không? Nếu Ta nói về nguyên nhân của khổ và sự diệt khổ vị lai, biết ông đôi với điêu ây có tin hay không tin, muôn hay chăng muôn, nghĩ đên hay chăng nghĩ đến, ưa thích hay chẳng ưa thích? Hiện tại ông có khổ không? Hôm nay Ta sẽ nói nguyên nhân của khô và sự châm dứt khô hiện tại. Này thôn chủ! Nếu chúng sanh có các thứ khổ, tất cả đều do dục làm cội gốc, dục sanh, dục tập, dục khởi, dục làm nhân, dục làm duyên phát sinh khô. Thôn chủ bạch Phật: Thế Tôn thuyết pháp quá sơ lược, chẳng phân biệt rộng rãi, con không hiểu được. Xin Thế Tôn giải thích rộng hơn cho con được hiểu. Phật bảo thôn chủ: Bây giờ Ta hỏi ông, tùy ý ông đáp. Này thôn chủ! Ông nghĩ sao, nếu chúng sanh ở trong làng uất-tỳ-la hoặc bị đánh hoặc bị trói, hoặc bị quở trách, hoặc bi giết hại, tâm ông có cảm thấy lo buồn, khổ não không? Thôn chủ bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Cũng không phải chỉ có một bề như thế đâu! Nếu các chúng sanh ở trong làng uất-tỳ-la này đối với con có dục, có tham, có yêu mến, có nghĩ nhớ, cùng nhau gần gũi, thân thiết thì họ bị trói hoặc bị đánh, hoặc bị quở trách hay bị sát hại, chắc chắn con sẽ sanh lo buồn, khổ não. Nếu những người ấy đối với con không có dục, tham, không có yêu mến, nghĩ nhớ và không gần gũi thân thiết thì họ bi trói, bị đánh, bị quở trách, bị giết hại con đâu có can hệ gì mà sanh lo buồn, khổ não? Phật bảo thôn

chủ: -Nên biết, chúng sanh có các thứ khổ phát sinh, tất cả đều do dục làm cội gốc, dục sanh, dục tập, dục khởi, dục là nhân, dục là duyên sanh ra các thứ khổ. Thôn chủ! Ông nghĩ thế nào, ông nương nhờ cha mẹ mà chẳng thấy nhau thì có sanh thương nhớ không? Thôn chủ nói: Thưa Thế Tôn, không!

-Này thôn chủ! Ong nghĩ sao, nếu ông gần gũi cha mẹ, thường thấy, thường nghe, sẽ khởi thương nhớ không? Thôn chủ đáp: -Thưa có! Phật lại hỏi: -Thôn chủ! Y ông nghĩ sao, nếu cha mẹ của người ấy hoặc vô thường, hoặc biên đôi khác di, người ấy có khỏi lo buồn, khổ não không? Thôn chủ đáp: - Thưa Thế Tôn! Đúng như vậy. Nếu cha mẹ của người đó vô thường hoặc thay đổi khác di, người ấy sẽ khổ đến gần chết, chứ đâu chỉ phải lo buồn, khổ não.

KINH TẠPA-HÀM 697

Phật bảo thôn chủ: Nên biết, nếu chúng sanh có các thứ khổ phát sinh, tất cả đều do ái dục làm cội gốc, dục sanh, dục tập, dục khởi, dục làm nhân, dục làm duyên phát .v * 7

sinh khô. Thon chu noi: Lạ thay, Thế Tôn! Ngài khéo nói như ví dụ về sự nương cậy cha mẹ, con cũng có cha mẹ đang ở nơi khác, hằng ngày con thường sai người thăm hỏi cha mẹ đang ở nơi khác, hằng ngày con thường sai người thăm hỏi cha mẹ được an ổn? người nhà chưa trở về, con đã lấy làm lo lắng khổ sở, huống chi cha mẹ vô thường mà không buồn khổ. Phật bảo thôn chủ: Thế nên, Ta nói chúng sanh có các ưu, khổ, tất cả đều do dục làm cội gốc, dục sanh, dục tập, dục khởi, dục làm nhân, dục làm duyên phát sinh buồn khổ. Phật bảo thôn chủ: -Nếu có bốn đối tượng ái niệm mà bị vô thường biến đổi thì sẽ có bốn ưu, khô phát sinh, nêu có ba5 hai, hoặc một đôi tượng ái niệm mà bị vô thường, thay đổi thì có ba, hai, một ưu, khổ phát sinh. Này thôn chủ! Nếu người không ái niệm thì không có trần lao ưu khổ. Phật liền nói kệ: Nêu không có ái niệm thế gian, Thời không nạn trần lao ưu, khổ, Tất cả tru, khổ tiêu diệt hết, Giống như hoa sen chẳng dính nước. Trong lúc Phật nói pháp, thôn chủ Kiệt-đàm xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh, thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập pháp, dứt tất cả hoài nghi, chẳng do người khác, chẳng do người khác độ, nơi Chánh pháp, Luật, được sự vô úy. Thôn chủ Kiệt-đàm từ chỗ ngoi đứng lên sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con đã được độ, con được siêu việt, từ nay con quy y Phật, : r -M • • r quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng, suôt đời con xin làm ưu-bà-tăc. Xin Ngài nghĩ nhớ đên con. Phật nói kinh này xong, thôn chủ nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ Phật rồi đi ra.

KINH SỐ 914 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ma-kiệt-đề, du hành nhân gian cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, một ngàn ưu-bà-tăc và năm trăm người ăn xin, đi khắp nhân gian, đến thôn Nala, trong vườn Hảo Y Am-la.

698 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, có thôn chủ Đạo Sư Thi là đệ tử của Ni-kiền, đi đến chỗ Ni-kiền đảnh lễ rồi lui ngồi một bên. Lúc ấy, Ni-kiền bảo thôn chủ Đạo Sư Thị: Ông có thể dùng lối C6Tật-lê man" nghị luận với Sa-môn Cù-đàm, khiến cho Sa-môn Cù-đàm nói không được, và không nói cũng không được chăng? Thôn chủ thưa: Thưa thầy, con lập những luận

thuyết gì là Tật-lê luận khiến cho Sa-môn Cù-đàm nói không được và không nói cũng không được? Ni-kiền bảo thôn chủ: Ông đi đến Sa-môn Cù-đàm đưa ra câu hỏi này: "Cù-đàm thường mong muốn cho mọi người đều được phước lợi tăng trưởng đầy đủ5 Ngài có ước muốn đó và nói như thế phải không?59 Nếu được đáp: "Kh6ng" thì ông nên hỏi: Ế6Sa-môn Cù-đàm có gì khác kẻ phàm phu ngu si?" Nếu được trả lời: "C6 ước mong, có nói như vay" thì ông nên hỏi: “Nếu Sa-môn Cù-đàm có ước mong và có nói như thế, thế sao hiện nay đang lúc dân tình đói kém, Cù-đàm du hành trong nhân gian đem theo đại chúng gồm một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ- kheo, một ngàn ưu-bà-tắc và năm trăm người ăn xin đi từ thành này đen thành kia, từ thôn này đến thôn kia làm hao tốn của mọi người như mưa lớn, mưa đá5 chỉ đem đến tổn giảm, chẳng thêm lợi ích gì! Lời nói của Cù-đàm không phù hợp, không đúng, không nhất trí, trước sau trái nhau." Như thế5 thôn chủ, đây gọi là Tật-lê luận, khiến cho Sa-môn Cù-đàm không thể nói được và cũng không thể không nói. Bấy giờ, thôn chủ Đạo Sư Thị vâng lời dạy của Ni-kiền đi đến chỗ Phật, cung kính chào hỏi xong, lui ngoi một bên, bạch Phật: -Cù-đàm luôn luôn ước mong mọi người đều được phước lợi tăng trưởng phải không? Phật bảo thôn chủ: -Như Lai luôn ước mong mọi người đều được phước lợi tăng trưởng và cũng thường nói như vậy. Thon chu noi: -Nếu như thế, tại sao Cù-đàm đi khất thực cùng với đại chúng đông đảo nơi dân chúng đang đói kém... chẳng phù hợp, chẳng đúng, trước sau trái nhau? Phật bảo thôn chủ: Ta nhớ lại chín mươi mốt kiếp về trước đến nay, chẳng thấy một người nào bố thí cho một Tỳ-kheo mà đến nỗi bi hết sạch hoặc tổn giảm. Này thôn chủ! Ta xem thấy ngày nay có người giàu sang nhiều tiền của, đông quyến thuộc, nhiều tôi tớ nên biết nhà ấy thường ưa bố thí, chân thật, lặng lẽ? vì thế nên được phước lợi. Này thôn chủ! Có tám nhân duyên khiến cho người tổn giảm, phước lợi không tăng.

KINH TẠPA-HÀM 699

Tám nhân duyên ây là gì? Bi vua áp bức, bị giặc cướp, bị lửa cháy, bị nước trôi, chôn cất bị tiêu hao, kẻ mượn nợ chẳng trả, bi kẻ oán ghét tàn phá, con hư hoang phí, do tám nạn này tiền tài khó giữ được mãi. Thôn chủ! Ta nói vô thường là nạn thứ chín. Thôn chủ! Ông bỏ đi chín nhân, chín duyên kia mà nói Sa-môn Cù-đàm phá hoại nhà người; nếu ông chẳng bỏ lời nói ác5 chẳng bỏ ác kiến như gươm sắt ném xuống nước, đến khi thân hoại mạng chung, ông sẽ vào trong địa ngục. Lúc ấy, thôn chủ Đạo Sư Thị lòng sanh sợ hãi, toàn thân rởn ốc? bạch Phật: —Thưa The Tôn! Bây giờ con hối hận, ngày trước con như ngu như si, bất thiện, chẳng hiểu biết, đối với Cù-đàm? con đã nói ra những lời giả trá, hư dối, chẳng thành thật. Sau khi nghe Phật dạy xong, thôn chủ Đạo Sư Thị hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên rồi đi.

KINH SỐ 915 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thôn Na-la trong vườn Hảo Y Am-la. Bấy giờ, co thôn chủ Đạo Sư Thị trước đây là đệ tử Ni-kiền, đi đến chỗ Ni- kiền đảnh lễ rồi lui ngồi một bên. Bấy giờ, Ni-kiền bảo thôn chủ: -Ông có thể cùng nghị luận theo lối uTật-lê luân" với Sa-môn Cù-đàm để khiến cho Cù-đàm nói không được và không nói cũng không được chăng? Thôn chủ thưa với Ni-kiền: -Thưa thầy, thế nào là Tật-lê luận khiến cho Sa-môn Cù-đàm nói không được, không nói cũng không được?

Ni-kiền bảo thôn chủ: -Ông hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm nói như sau: "C6 phải Sa-môn Cù- đàm thường muốn an ủi tất cả chúng sanh, khen ngợi, an ủi tất cả chúng sanh chĩig?" Nếu được đáp: "Kh6ng" thi ong bảo rằng: "Nhu vậy, Cù-đàm vơi kẻ phàm phu ngu si đâu có gì khac?99 Nếu được đáp: "Thường muốn an ủi tất cả chúng sanh, khen ngợi, an ủi tất cả chúng sanh" thì nên hỏi rằng: "Nếu nói an ủi tất cả chúng sanh thì vì cớ gì hoặc vì hạng người này thuyết pháp, chẳng vì hạng người kia thuyết pháp?" Hỏi như thế, đó là Tật-lê luận khiến cho Sa-môn Cù"đàm nói không được, không nói cũng không được. Thôn chủ sau khi được sự khuyến khích của Ni-kiền liền đi đến chỗ Phật, cung kính chào đón, thăm hỏi xong, lui ngồi một bên, bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Ngài há chẳng muốn thường an ủi tất cả chúng sanh, khen ngợi, nói lời an ủi chúng sanh? Phật bảo thôn chủ:

-Như Lai luôn luôn thương xót, an ủi tất cả chúng sanh, cũng thường khen ngợi, nói lời an ủi tất cả chúng sanh. Thôn chủ bạch Phật: Nếu như vậy thì vì cớ gì Như Lai thuyết pháp cho hạng người này, mà chẳng thuyết pháp cho hạng người kia? Phật bảo thôn chủ: -Nay Ta hỏi ông, tùy ý ông đáp. Này thôn chủ! Ví như có ba loại ruộng: Mảnh ruộng thứ nhất phì nhiêu, màu mỡ; mảnh ruộng thứ hai thuộc loại trung bình; mảnh ruộng thứ ba chai cằn. Thôn chủ nghĩ thế nào, người chủ ruộng kia sẽ cày bừa, gieo trồng ở mảnh ruộng nào trước? Thôn chủ thưa Cù-đàm: Người chủ ruộng cày bừa, gieo giống nơi thửa ruộng phì nhiêu, màu mỡ trước tiên. -Thôn chủ! Ke đến cày cấy ở mảnh ruộng nào? Thôn chủ đáp: -Thưa Cù-đàm! Người ấy sẽ cày cấy ở mảnh ruộng trung bình. -Kê đên họ sẽ cày cây ở mảnh ruộng nào nữa? Sau cùng họ mới cày cây ở mảnh ruộng chai căn xâu nhát.

Phật bảo thôn chủ: Vì sao?

Thôn chủ đáp: -Thưa vì chủ ruộng không muốn bỏ phế ruộng, chỉ giữ lấy hạt giống mà thôi. Phật bảo thôn chủ: Ta cũng như vậy! Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của Ta như thửa ruộng màu mỡ, phì nhiêu. Ta thường vì họ diễn nói Chánh pháp, ban dầu, khoảng giữa và sau cùng đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất, hoàn toàn thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch, chỉ dạy rõ ràng. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni9 sau khi nghe pháp, họ nương nơi nhà của Ta, hòn đảo của Ta, sự che chở của Ta, bóng mát của Ta, đường hướng của Ta; họ thường đem con mắt thanh tịnh trông theo Ta mà an trụ. Họ nghĩ rằng: "Pháp do Phật nói, ta đã thọ trì, giúp cho ta luôn luôn được lợi ích, được sống an vui." Này thôn chủ! Các đệ tử nam cư sĩ và nữ cư sĩ của Ta ví như thửa ruộng trung bình. Ta cũng vì họ diễn nói Chánh pháp trước, giữa, sau đều thiện, thuần nhất, hoàn toàn thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch, chỉ dạy rõ ràng. Sau khi nghe pháp, những người ấy đều nương nơi ngôi nhà của Ta, nơi hòn đảo của Ta, nơi sự che chở của Ta, bóng mát của Ta, đường hướng của Ta, họ thường đem con

mắt thanh tịnh trông theo Ta mà an trụ. Họ nghĩ rằng: "Pháp do Thế Tôn nói ta đều thọ trì, làm cho ta được nhiều lợi ích và sống vui vẻ an lành." Thôn chủ! Các ngoại đạo dị

học Ni-kiền tử ví như thửa ruộng xấu nhất của nhà nông, như the Ta cũng vì họ diễn nói Chánh pháp trước, giữa, sau đều thiện, thiện nghĩa, thiện vi, thuần nhất, hoàn toàn thanh tinh, Phạm hạnh trong sạch, chỉ dạy rõ ràng; đối với người ít nghe pháp, Ta cũng vì họ nói, người nghe pháp nhiều, Ta cũng vì họ nói. Nhưng những người này trong lúc Ta thuyết pháp, họ nghe được một câu pháp, hiểu biết ý nghĩa cũng sẽ luôn luôn được nhiêu lợi ích và được an vui. Thôn chủ bạch Phật: Lạ thật! Thưa Thế Tôn! Ngài khéo nói ví dụ về ba hạng ruộng.

Phật bảo thôn chủ: Ong hãy nghe Ta nói thêm ví dụ: Ví như người kia có ba cái bình chứa nước. Bình thứ nhất không bị thủng, không bị hu, cũng không rỉ chảy. Bình thứ hai không thủng, không hư5 có rỉ chảy. Bình thứ ba vừa thủng, bị hư và rỉ chảy. Này Thôn chủ! Thế nào, người kia nên đựng nước sạch trong bình nào trong ba cái bình ấy? Thôn chủ đáp: -Thưa Cù-đàm! Trước hết nên đựng nước trong cái bình không thủng, không hư, không rỉ chảy. Phật bảo thôn chủ: Ke đến nên đựng nước trong bình nào?

Thôn chủ đáp:
-Thưa Cù-đàm! Nên đựng nước trong bình không thủng, không hu, có rỉ chảy.
Phật bảo thôn chủ:
Các bình đó đã đầy nước, lại dùng đến bình nào đựng nước sau cùng?
Thôn chủ nói: Dùng bình thủng, hu, rỉ chảy đựng nước sau cùng. Vì sao? Vì trong chóc lát được dùng vào việc lặt vặt. Phật bảo thôn chủ: Giống như cái bình không thủng, không hư, không rỉ chảy thì các đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của Ta cũng thế, Ta thuỳng vì họ diễn nói Chánh pháp,... luôn luôn đem đến cho họ nhiều lợi ích khiến họ sống an vui. Giống như cái bình thứ hai không thủng, không hư, nhưng rỉ chảy thì các đệ tử ưu-bà-tắc, ưu- bà-di của Ta cũng thế, Ta thường vì họ diễn nói Chánh pháp... luôn đem đến cho họ nhiều lợi ích, giúp họ sống an vui. Cũng giống như cái bình thứ ba, vừa bị thủng, bị hư và rỉ chảy thì các hàng ngoại đạo dị học Ni-kiên tử cũng thê, Ta

cũng VÌ những người này diễn nói Chánh pháp, ban dầu, khoảng giữa, sau cung đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch, chỉ dạy rõ ràng; đối với nhiều người hay ít người, Ta cũng vì họ nói, người kia dù với một câu pháp của Ta đã nói mà họ hiểu được nghĩa thì cũng luôn sống an lạc. Khi thôn chủ Đạo Sư Thị nghe Phật nói như vậy, tâm vô cùng sợ hãi, toàn thân rởn ốc, đến trước Phật đảnh lễ sám hối lỗi lầm: Thưa Thế Tôn! Tôi như ngu, như si, bất thiện chẳng hiểu biết, đối với Thế Tôn đã nói lời không chân thật, hư ngụy dối trá! Sau khi nghe Phật dạy, thôn chủ Đạo Sư Thị, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi đi.

KINH SỐ 916 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú ở thôn Na-la trong vườn Hảo Y Am-la. Bấy giờ, thôn chủ Đạo Sư Thị là đệ tử của Ni-kiền đi đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật rồi lui ngồi một bên. Khi ấy, Thế Tôn bảo thôn chủ: -Ông muốn luận điều gì? Ni-kiền-nhã-đề tử nói điều gì? Thôn chủ nói: -Ni-kiền-nhã-đề tử nói: "Kẻ sát sanh, tất cả đều bị đọa vào địa ngục, vì hành nhiều nghiệp sát nên sẽ sanh nơi ấy. Cũng vậy, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ đều đọa vào địa ngục, vì hành nhiều nghiệp như thế sẽ sanh

nơi ấy." Phật bảo thôn chủ: Ni-kiền-nhã-đề tử nói: "Kẻ sát sanh đọa vào địa ngục, do hành nhiều nghiệp sát nên sanh vào chỗ ấy thì không có chúng sanh nào đọa địa ngục. Này thôn chủ! Ý ông nghĩ sao? Những chúng sanh nào trong tất cả thời có tâm sát sanh, lúc nào lại có tâm không sát sanh, cho đến lúc nào có tâm nói dối? lúc nào có tâm không nói dối? Thôn chủ bạch Phật: -Thưa Thế Tôn! Người ta suốt ngày đêm ít khi có tâm sát sanh, cho đến ít khi có tâm nói dối, mà nhiều khi không có tâm sát sanh cho đến không có tâm nói dối. J Phật bảo thôn thủ: r r e e A

-Nêu thê sao lại có người đọa địa ngục? Như Ni-kiên nói: UCÓ người sát sanh, tất cả đều đọa vào địa ngục, vì do nhiều tập hành nghiệp sát dẫn đến sanh nơi ấy,... vọng ngữ cũng như thế." Này thôn chủ! Bậc Đại sư kia xuất hiện ở thế gian, giác tưởng, suy lường, sống nhập chỗ giác tưởng, đối với phàm phu địa tự biết điều luận thuyết, theo ý suy lường, rồi vì các đệ tử nói pháp như sau: Kẻ sát sanh tất cả đều đọa vào địa

ngục, vì nhiêu tập hành nghiệp sát nên sẽ sanh nơi ây,. vọng ngữ cũng như thê. Đệ tử của vị ấy nếu tin lời vi ấy và nói rằng: "Thầy ta biết điều thầy biết, thấy điều thầy thấy, vì đệ tử nói như sau: 'Nếu người sát sanh, tất cả đều đọa vào địa ngục, vì tập hành nhiều nghiệp sát nên sẽ sanh về chỗ ấy/ Ta nay vốn có tâm sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối thì ta sẽ đọa địa ngục.55 Tri kiến chấp thủ như thê nên chăng xả bỏ tri kiên ây, chăng chán cái nghiệp kia, chăng biêt ăn năn tội kia, nên đời vị lai chẳng bỏ sát sanh,... chẳng xả bỏ vọng ngữ. Người ấy ý giải thoát không đầy đủ, tuệ giải thoát cũng chẳng đầy đủ, vì ý giải thoát và tuệ giải thoát không đầy đủ thời đó là tà kiến, hủy báng Hiền thánh. Do nhân duyên tà kiến nên khi thân hoại mạng chung sanh vào đường ác địa ngục. Như vậy, thôn chủ, có nhân, có duyên chúng sanh phiền não; có nhân có duyên chúng sanh nghiệp phiền não. Này thôn chủ! Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở thế gian, thường vì chúng sanh quở trách sát sanh, khen ngợi không sát sanh; quở trách trộm cướp, tà dâm, nói dối; khen ngợi không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối; thường đem Chánh pháp giáo hóa các Thanh văn khiến họ nghĩ nhớ, ưa thích, tin tưởng và lặp lại rằng: "Đại sư của ta biết rõ điều Ngài biết, thấy rõ điều Ngài thay, quở trách sát sanh, khen ngợi không sát sanh... quở trách nói dối, khen ngợi không nói dối. Ta từ trước đến nay vì ngu si, không trí tuệ, có tâm sát sanh, do đó ngày nay ta ăn năn tự trách." Tuy không thể khiến cho cái nghiệp sát kia chẳng sanh khởi, nhưng nhờ sự ăn năn tự trách này nên đời vi lai chư vi được lìa sát sanh... được lìa trộm cướp, tà dâm? nói dối, cũng được đầy đủ chánh ý giải thoát, tuệ giải thoát; ý giải thoát, tuệ giải thoát đã đay đủ5 được không hủy báng Hiên thánh, chánh kiên thành tựu. Do chánh kiên nên chư vị được sanh đường lành ở cõi trời. Như thế, thôn chủ, chúng sanh có nhân, có duyên nghiệp phiền não thanh tịnh. Này thôn chủ! Đa văn Thánh đệ tử nên học như sau: Tùy thời ngày đêm luôn quan sát tự thấy ít có tâm sát sanh, nhiều có tâm không sát sanh. Nếu có tâm sát sanh nên ăn năn tự trách đó là sai quấy, nếu không có tâm sát sanh, không oán ghét, tâm sanh tùy hỷ, tùy hỷ rồi hoan hỷ? do hoan hỷ nên tâm khinh an, tâm khinh an rồi nên tâm thọ an lạc, thọ lạc

rồi tâm an định. Tâm đã định, Thánh đệ tử tâm hợp với từ, không oán giận, không đố kỵ? không sân nhuế, rộng lớn vô lượng đầy khắp mọi phương, trụ chánh thọ, hai phương, ba phương, bốn phương, khắp cả trên dưới, tất cả thế gian tâm cùng hợp với từ, không oán giận, không đố kỵ, không sân nhuế, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập đầy khắp mười phương, trụ chánh thọ đầy đủ. Khi đó, Thế Tôn lấy móng tay vít một ít đất và bảo thôn chủ Đạo Sư Thị: Thôn chủ! Thế nào, đất trong móng tay Ta nhiều hay đất ở đại địa nhiều?

Thôn chủ bạch Phật:

- Thưa Thế Tôn! Đất trong móng tay Thế Tôn rất ít, còn đất đại địa vô lượng, vô số. Phật bảo thôn chủ: —Như đất trong móng tay rất ít, đất đại địa vô số, vô lượng. Như thế tâm cùng hợp với từ, tu tập, tu tập nhiều, các nghiệp có hạn lượng như đất trong móng tay không thể đem đi, không thể làm cho ở lại. Như thế, dùng bi tâm đối trị trộm cướp, dùng hỷ tâm đối tri tà dâm, đối trị vọng ngữ, không thê so sánh. Trong khi Phật nói như thế, thôn chủ Đạo Sư Thị xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Thôn chủ thấy pháp, đắc pháp, giác pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, dứt hoài nghi, chẳng do người khác, chẳnệ tùy theo người khác, nơi Chánh pháp, Luật, được vô sở úy. Thôn chủ từ chô ngôi đứng lên sửa lại y phục, gối phải quỳ sát đất, chắp tay, bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Tôi đã được độ? đã được vượt qua, tôi nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng, suốt đời làm ưu-bà-tắc. Thưa Thế Tôn! Ví như có nguồi muốn được đèn sáng, lấy đuôi ngựa làm tim đèn, muốn thổi lên cho cháy, rót cuộc chẳng có ánh sáng, chỉ tự làm nhọc mình mà đèn chẳng bao giờ sáng; tôi cũng như thế, tôi muốn càu minh trí nơi các Ni-kiền tử ngu si, gần gũi, hòa hợp, phụng sự một cách ngu si chỉ tự nhọc mình, chẳng được minh trí. Thế nên, nay tôi lại xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng? từ nay về sau đối với Ni-kiền tử ngu si, bất thiện, chẳng hi&i biết, ít tin, ít kính, ít nghĩ đến, ít yêu mến, nay xa lìa họ. Vì thế hôm nay lần thứ ba tôi xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng, suốt đời làm ưubàtắc, tự làm cho tâm tôi trong sạch. Thôn chủ Đạo Sư Thị nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi cáo từ.

KINH SỐ 917 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Thế gian có ba thứ ngựa điều phục. Những gì là ba? Có thứ ngựa rất nhanh nhẹn nhimg sác không hoàn hảo, hình thê không sung túc; có thứ ngựa sắc hoàn hảo, rất nhanh nhẹn nhưng hình thể không sung túc; có thứ ngựa rất nhanh nhẹn, sắc hoàn hảo và hình thể sung túc. Cũng thế, có ba hạng người điều phục. Những gì là ba? Có người rất lanh lợi nhưng sắc không hoàn hảo, hình thê không sung túc; có người rất lanh lợi, sắc hoàn hảo5 nhưng hình thể không sung túc; có người rất lanh lợi, sắc hoàn hảo và hình thể sung túc. Này Tỳ-kheo! Thế nào là người điều phục rất lanh lợi, nhung sắc không hoàn hảo, hình thể không sung túc? Nghĩa là người đối với khổ này biết như thật; khổ tập, khổ diệt, khổ diệt đạo tích biết như thật. Quán sát như thế, đoạn ba kiết sử thân kiến, giới thủ, nghi Đoạn ba kiết sử này thì đắc quả Tu-đà- hoàn, chẳng đọa vào đường ác, quyết đinh thẳng đến Chánh giác, bảy lần qua

lại trong cõi trời, người liền giải thoát khổ; đây gọi là người rất lanh lợi. Thế nào là sắc không hoàn hảo? Nghĩa là nếu có người hỏi về A-tỳ-đàm luật không thể đem đầy đủ lời lẽ, ý nghía để lần lượt tùy thuận giải thích đầy đủ; đây gọi là sắc không hoàn hảo. Thế nào là hình thể không sung túc? Nghĩa là chẳng có đức lớn và tiếng tăm cảm đến thí chủ cúng dường y phục, thực phẩm, giường năm, thuôc men, v.v... Đó gọi là người rất lanh lợi, sắc không hoàn hảo, hình thể không sung túc. Thế nào là người rất lanh lợi, sắc hoàn hảo, nhưng hình thể không sung túc? Nghĩa là người ấy đối với khổ này biết như thật; kho tập, khổ diệt, khổ diệt đạo tích biết như thật..; giải thoát khổ. Đây là người rất lanh lợi đầy đủ. Thế nào là sắc hoàn hảo? Nếu có người hỏi A-tỳ-đàm luật, người này có thể giải thích được; đây gọi là sắc hoàn hảo. Thế nào là hình thể không sung túc? Nghĩa là chẳng có đức độ lớn và tiếng tăm không thể cảm đến thí chủ cúng dường y phục, thực phẩm, giường nằm, thuốc men. Đó gọi là người rất lanh lợi, sắc hoàn hảo, hình thể không sung túc. Thê nào là người rát lanh lợi, sác hoàn hảo? hình thê sung túc? Nghĩa là người này đối với khổ biết như thật; khổ tập, khổ diệt, khổ diệt đạo tích này biết như thật,... giải thoát khổ. Đây gọi là rất lanh lợi. Thế nào là sắc hoàn hảo? Nếu có người hỏi về A-tỳ-đàm luật, đều có thể giải thích rõ ràng. Đây gọi là sắc hoàn hảo. Thế nào là hình thể sung túc? Nghĩa là người có đức độ lớn, tiếng tăm cảm đến thí chủ cúng dường các nhu cầu: Y phục, thực phẩm, ệiường nằm, thuốc men. Đây gọi là hình thê sung túc. Đó là người rát lanh lợi, sác hoàn hảo, hình thể sung túc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 918 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Thế gian có ba thứ ngựa tốt. Những gì là ba? Đó là có ngựa rất nhanh nhẹn, nhưng sắc không hoàn hảo, hình thê không sung túc; có ngựa rất nhanh nhẹn, sắc hoàn hảo, nhưng hình thể khôn^ sung túc; có ngựa rất nhanh nhẹn, sắc hoàn hảo, hình thể sung túc. Cũng the, nơi Chánh pháp, Luật, có ba hạng thiện nam. Những gì là ba? Đó là có người thiện nam rất lanh lợi, nhưng sắc không hoàn hảo, hình thể không sung túc; có thiện nam rất lanh lợi, săc hoàn hảo, nhưng hình thể không sung túc; có thiện nam rát lanh lợi, sác hoàn hảo, hình thể sung túc. Thế nào là thiện nam rất lanh lợi, nhưng sắc không hoàn hảo, hình thể không sung túc? Nghĩa là thiện nam biết như thật khổ Thánh đế; biết như thật khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế, biết như thế, thấy như thế, đã được tri kiến ấy, đoạn năm hạ Rhàn kiết sử, đó là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế. Đoạn năm hạ phần kiết sử này rồi được Sanh Bát-niết-bàn, chứng quả A-na-hàm, chẳng sanh trở lại nơi thê gian này.

Đây gọi là người thiện nam rất lanh lợi. Thế nào là sắc không hoàn hảo? Nghĩa là nếu có người hỏi Luật, Luận không thể hiểu rõ ý nghĩa và lần lượt tuy thuận giải thích rõ ràng. Đây gọi là sắc không hoàn hảo. Thế nào là hình thể không sung túc? Nghĩa là khônệ tiếng tăm, đức độ lớn có thê cảm đến thí chủ cúng dường tài lợi, y phục, thuốc men. Đây gọi là người thiện nam rát lanh lợi, nhung sắc không hoàn hảo, hình thể

không sung túc. Thế nào là người rất lanh lợi, sắc hoàn hảo, nhưng hình thể không sung túc? Nghĩa là người thiện nam biết như thật khổ Thánh đế này,... được Sanh Bát-niết-bàn9 đắc quả A-na-hàm? chẳng sanh trở lại thế gian này. Đây gọi là người rất lanh lợi. Thế nào là sắc hoàn hảo? Nghĩa là nếu có người hỏi Luật, Luận có thể lần lượt đem nghĩa lý tùy thuận giải thích một cách quyết đoán. Đây gọi là sắc hoàn hảo. Thế nào là hình thể không sung túc? Nghĩa là chẳng có danh tiêng, đức độ cảm đên thí chủ cúng dường y phục, thực phàm, thuôc men, v.v... Đây gọi là thiện nam rất lanh lợi, sắc hoàn hảo, nhưng hình thể không sung túc. Thế nào là thiện nam rất lanh lợi, sắc hoàn hảo, hình thể sung túc? Nghĩa là người thiện nam biết như thật khổ Thánh đế này... đắc quả A-na-hàm được Sanh Bát-niết-bàn, không sanh trở lại nơi thế gian này. Đây là người rất lanh lợi. Thế nào là sắc hoàn hảo? Nếu có người hỏi Luật, Luận có thể giải thích rõ ràng. Đây gọi là sắc hoàn hảo. The nào là hình the sung túc? Nghĩa là người có danh tiếng, đức độ lớn cảm đến thí chủ cúng dường thực phẩm, y phục, thuốc men, các thứ... Đây gọi là hình thể sung túc. Đó là người thiện nam rất lanh lợi, sắc hoàn hảo, hình thể sung túc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 919 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Thế gian có ba thứ ngựa tốt. Những gì là ba? Đó là có ngựa rất nhanh nhẹn, nhưng sắc không hoàn hảo, hình thể không sung túc; có ngựa rất nhanh nhẹn, săc hoàn hảo, nhimg hình thê không sung túc; có ngựa rát nhanh nhẹn, sắc hoàn hảo, hình thể sung túc. Cũng thế, nơi Pháp, Luật này có ba hạng người thiện nam. Những gì là ba? Có thiện nam rất lanh lợi, nhxmg sắc không hoàn hảo, hình thể không sung túc; có thiện nam rất lanh lợi, sắc hoàn hảo, nhưng hình the không sung túc; có thiện nam rất lanh lợi, sắc hoàn hảo, hình thể sung túc. Thế nào là thiện nam rất lanh lợi, nhưng sắc không hoàn hảo, hình thể không sung túc? NgMa là người thiện nam biết như thật khổ Thánh đế này; biết như thật khổ tập, khổ diệt, khổ diệt đạo tích Thánh đế; biết như thế, thấy như thê rồi tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu: “Sịt sanh của ta đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm

Đây gọi là người thiện nam rất lanh lợi. Thế nào là sắc không hoàn hảo? Nghĩa là nếu có người hỏi Luật, Luận không thể hiểu rõ ý nghĩa và lần lượt tuy thuận giải thích rõ ràng. Đây gọi là sắc không hoàn hảo. Thế nào là hình thể không sung túc? Nghĩa là khônệ tiếng tăm, đức độ lớn có thê cảm đến thí chủ cúng dường tài lợi, y phục, thuốc men. Đây gọi là người thiện nam rát lanh lợi, nhung sắc không hoàn hảo, hình thể không sung túc. Thế nào là người rất lanh lợi, sắc hoàn hảo, nhưng hình thể không sung túc? Nghĩa là người thiện nam biết như thật khổ Thánh đế này,... được Sanh Bát-niết-bàn9 đắc quả A-na-hàm? chẳng sanh trở lại thế gian này. Đây gọi là người rất lanh lợi. Thế nào là sắc hoàn hảo? Nghĩa là nếu có người hỏi Luật, Luận có thể lần lượt đem nghĩa lý tùy thuận giải thích một cách quyết đoán. Đây gọi là sắc hoàn hảo. Thế nào là hình thể không sung túc? Nghĩa là chẳng có danh tiêng, đức độ cảm đên thí chủ cúng dường y phục, thực phàm, thuôc men, v.v... Đây gọi là thiện nam rất lanh lợi, sắc hoàn

hảo, nhưng hình thể không sung túc. Thế nào là thiện nam rất lanh lợi, sắc hoàn hảo, hình thể sung túc? Nghĩa là người thiện nam biết như thật khổ Thánh đế này... đắc quả A-na-hàm được Sanh Bát-niết-bàn, không sanh trở lại nơi thế gian này. Đây là người rất lanh lợi. Thế nào là sắc hoàn hảo? Nếu có người hỏi Luật, Luận có thể giải thích rõ ràng. Đây gọi là sắc hoàn hảo. The nào là hình the sung túc? Nghĩa là người có danh tiếng, đức độ lớn cảm đến thí chủ cúng dường thực phẩm, y phục, thuốc men, các thứ... Đây gọi là hình thể sung túc. Đó là người thiện nam rất lanh lợi, sắc hoàn hảo, hình thể sung túc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 919 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Thế gian có ba thứ ngựa tốt. Những gì là ba? Đó là có ngựa rất nhanh nhẹn, nhưng sắc không hoàn hảo, hình thể không sung túc; có ngựa rất nhanh nhẹn, săc hoàn hảo, nhimg hình thê không sung túc; có ngựa rát nhanh nhẹn, sắc hoàn hảo, hình thể sung túc. Cũng thế, nơi Pháp, Luật này có ba hạng người thiện nam. Những gì là ba? Có thiện nam rất lanh lợi, nhxmg sắc không hoàn hảo, hình thể không sung túc; có thiện nam rất lanh lợi, sắc hoàn hảo, nhưng hình the không sung túc; có thiện nam rất lanh lợi, sắc hoàn hảo, hình thể sung túc. Thế nào là thiện nam rất lanh lợi, nhưng sắc không hoàn hảo, hình thể không sung túc? NgMa là người thiện nam biết như thật khổ Thánh đế này; biết như thật khổ tập, khổ diệt, khổ diệt đạo tích Thánh đế; biết như thế, thấy như thê rồi tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu: “Sịt sanh của ta đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm

KINH TẠPA-HÀM 707

xong, tự biết không còn thọ thân sau." Đây gọi là người rất lanh lợi. Thế nào là sác không hoàn hảo? Nghĩa là nếu có người đến hỏi Luật, Luận chẳng có thể quyết định giải thích rõ ràng. Đây gọi là sắc không hoàn hảo. Thế nào là hình thể không sung túc? Nghĩa là người không có danh tiếng, đức độ lớn... chẳng cảm đến thí chủ cúng dường thuốc men, vật dụng. Đây là người hình thể không sung túc. Đó gọi là người thiện nam rất lanh lợi, nhưng sắc không hoàn hảo, hình thể không sung túc. Thế nào là thiện nam rất lanh lợi, sắc hoàn hảo, nhung hình thể không sung túc? Nghĩa là người thiện nam biết như thật khổ Thánh đế..."...chẳng thọ thân sau." Đây gọi là người rất lanh lợi. Thế nào là sắc hoàn hảo? Nghĩa là nếu có người hỏi Luật, Luận có thể vì người giải thích rõ ràng. Đây gọi là sắc hoàn hảo. Thế nào là hình thể không sung túc? Nghĩa là người chẳng có danh tiếng, đức độ9... không thể cảm đến thí chủ cúng dường thuốc men, vật dụng. Đây gọi là người thiện nam rất lanh lợi, sắc hoàn hảo, hình thể không sung túc. Thê nào là người thiện nam rát lanh lợi, sác hoàn hảo, hình thê sung túc? Nghĩa là người thiện nam biết như thật khổ Thánh đế... chẳng thọ thân sau.” Đây gọi là người rất lanh lợi. Thế nào là sắc hoàn hảo? Nghĩa là nếu có người hỏi Luật, Luận thì người thiện nam này có thể giải thích, quyết định. Đây gọi là sắc hoàn hảo. Thế nào là người có hình thể sung túc? Nghĩa là người thiện nam này có danh tiếng, đức độ lớn... có thể cảm đến thí chủ cúng dường thuốc men, vật dụng. Đây gọi là người có hình thể sung túc. Đó gọi là người thiện nam rất lanh lợi, sắc hoàn hảo, hình thể sung túc. Phật nói

kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 920 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kneo: Thế gian có ba loại ngựa tốt được nhà vua dùng để cưỡi. Những gì là ba? Đó là loại ngựa tốt, sắc hoàn hảo, sức lực sung túc, rất nhanh nhẹn. Cũng thế, trong Chánh pháp, Luật, có ba hạng người thiện nam làm phước điền cao quý, xứng đáng được người thế gian cung kính, cúng dường. Những gì là ba? Nghĩa là người thiện nam sắc hoàn hảo, sức sung túc, rất lanh lợi. Thế nào là sắc hoàn hảo? Nghĩa là người thiện nam sống trong tịnh giới Ba- la-đề-mộc-xoa, thực hành luật nghi, oai nghi đầy đủ5 thấy tội vi tế cũng sanh sợ hãi, giữ gìn học giới; đây gọi là sắc hoàn hảo. The nào là sức lực sung túc? Nghĩa là người đối với pháp ác bất thiện đã sanh khiến diệt, khởi ý muốn tinh cần, phương tiện, nhiếp thọ, tăng trưởng; đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến không sanh, khởi ý muốn tinh cần, phương tiện, nhiếp thọ, tăng trưởng; đối với pháp thiện chưa sanh khiến cho sanh, khởi ý muốn tinh càn, nỗ lực,

nhiếp thọ, tăng trưởng; đối với thiện pháp đã sanh khiến cho tồn tại không mất, khởi ý muốn tinh cần, nỗ lực5 nhiếp thọ, tăng trưởng. Đây gọi là sức lực sung túc. Thế nào là rất lanh lợi? Nghĩa là biết như thật kho Thánh đế... đắc quả A-la- hán, chẳng thọ thân sau; đây gọi là người rất lanh lợi. Đó gọi là người thiện nam sắc hoàn hảo, sức lực sung túc, rất lanh lợi. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 921 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Thế gian có ngựa tốt đầy đủ bốn điều hay, nên biết loại ngựa tốt này được nhà vua cưỡi. Bốn điều hay đó là gì? Đó là hiền thiện, nhanh nhẹn, chịu đựng giỏi và điều nhu. Cũng the, người thiện nam thành tựu bon đức tính, xứng đáng được mọi người kính trong, phụng sự, cúng dường, là ruộng phước cao quý. Bốn đức tính ấy là gì? Đó là người thiện nam thành tựu Vô học Giới thân, Vô học Định thân, Vô học Tuệ thân, Vô học Giải thoát thân. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 922 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Thê gian có bôn loại ngựa tót: Có ngựa tót đóng vào xe làm xe được thăng bằng, xem thấy bóng roi chạy thật nhanh, khéo quan sát cách thế của người cưỡi hoặc nhanh chậm, phải trái theo ý của người cưỡi. Này Tỳ-kheo, đây là đức tính thứ nhất của con ngựa tốt. Lại nữa, Tỳ-kheo, thế gian có ngựa tốt không nhìn bóng roi để tự biết sợ? nhưng khi người ta lấy roi hoặc gậy chạm vào lông đuôi thì cũng hoảng sợ chạy nhanh, đê ý tâm người cưỡi hoặc nhanh, hoặc chậm, bên phải, bên trái. Đây là loại ngựa tốt thứ hai ở thế gian. Lại nữa, Tỳ-kheo, thế gian có loại ngựa tốt mà không cần nhìn thấy bóng roi và chạm vào da lông mà có thể hợp với ý người cưỡi, chạy nhanh, chạy chậm, phải, trái. Này Tỳ-kheo! Đây gọi là loại ngựa tốt thứ ba. Lại nữa, Tỳ-kheo, thế gian có loại ngựa tốt không cần nhìn bóng roi, hoặc chạm

vào lông hay đánh nhẹ vào da thịt, mà phải dùng đến dùi sắt đâm vào thân, xuyên qua da đau thâu xương, ngựa mới hoảng sợ kéo xe trên đường theo ý muôn của người cưỡi, nhanh hay chậm, phải hay trái. Đây là loại ngựa tốt thứ tư.

KINH TẠPA-HÀM 709

Cũng thế, trong Chánh pháp, Luật, có bốn hạng thiện nam tử. Bốn hạng ấy là gì? Đó là người thiện nam nghe trong thôn xóm khác có người nam hay người nữ tật bệnh, khốn khổ... gần chết, nghe rồi có thể sanh sợ hãi rồi chánh tư duy, như con ngựa tốt kia chỉ thấy bóng roi liền được điều phục. Đây là hạng người thiện nam thứ nhất trong Chánh pháp, Luật, có khả năng tự điều phục. Lại nữa, người thiện nam không thể nghe trong thôn xóm khác có người nam hoặc người nữ bi già, bệnh, chết, khổ, có thể sanh sợ hãi rồi chánh tư duy, nhimg lại thấy trong thôn xóm khác người nam hoặc người nữ bị già, bệnh, chết, khổ thì sanh sợ hãi, rồi chánh tư duy. Như con ngựa tốt kia roi vừa chạm vào lông đuôi có the điều phục nhanh chóng tùy theo ý của người cưỡi. Đây gọi là hạng người thiện nam tử thứ hai trong Chánh pháp, Luật, có khả năng tự điều phục. Lại nữa, có người thiện nam không thể nghe và thấy trong thôn xóm khác người nam hoặc nữ bi già, bệnh, chết, khổ, liền sanh lòng sợ hãi, rồi chánh tư duy, nhưng lại thây trong làng xóm, thành áp những người quen biêt, thân thuộc bị già, bệnh, chết, khổ, sanh sợ hãi, rồi chánh tư duy. Như con ngựa tốt kia khi bị roi chạm vào da thịt mới được điều phục, vâng theo ý muốn của người cưỡi. Đây gọi là hạng người thiện nam tử thứ ba trong Chánh pháp, Luật, có khả năng tự điều phục. Lại nữa, người thiện nam không thể nghe và thấy trong làng xóm khác có người nam hoặc người nữ và người thân bị già, bệnh, chết, khổ, sanh tâm sợ hãi, rồi chánh tư duy; nhưng đối với chính mình bi lão, bệnh, tử, khổ, sanh nhàm chán sợ hãi, rồi chánh tư duy. Như con ngựa tốt kia bị dùi đâm vào bắp thịt thấu đến xương, sau đó mới điều phục, vâng theo ý của người cưỡi. Đây gọi là hạng người thiện nam tử thứ tư trong Chánh pháp, Luật, có khả năng tự điều phục. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 923 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có người huấn luyện ngựa tên là Chỉ-thi đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật xong, ngồi qua một bên, thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Con xem thế gian rất là đê tiện, giống như bầy dê. Bạch Thế Tôn! Chỉ có con là có khả năng điều phục ngựa cuồng, ngựa hoang, ngựa dữ. Con có phương cách chỉ trong chốc lát làm cho chứng tật của ngựa hiện ra, tùy theo chứng tật ấy tìm cách điều phục. Phật bảo thôn chủ huấn luyện ngựa: Ông có những phương cách gì để điều phục ngựa?

Người huấn luyện ngựa bạch Phật:

710 KINH TẠP A-HÀM

Thưa Ngài, có ba phương cách điều phục ngựa dữ. Ba cách đó là gì? Một là mềm dẻo, hai là cứng rắn, ba là vừa mềm dẻo vừa cứng rắn. Phật bảo thôn chủ: - Ông áp dụng ba cách này để điều phục, nhưng nếu con ngựa vẫn không điều phục được thì làm thế nào? Người huấn luyện ngựa bạch Phật: Nếu chẳng chế phục được thì nên giết nó đi. Vì sao? Vì chớ để nó làm nhục con. r Người huân luyện ngựa lại bạch Phật: Thế Tôn là

bậc Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu. Ngài đã áp dụng những phương cách nào đê điêu phục trượng phu? Phật bảo thôn chủ: Ta cũng có ba phương cách điều phục trượng phu. Ba cách đó là gì? Một là mềm dẻo, hai là cứng rắn, ba là vừa mềm dẻo vừa cứng rắn. Này thôn chủ! Nói về một mực mềm dẻo đó? như Ta nói chính thân này làm điều lành thì chính thân này được quả báo lành; miệng, ý này làm điều lành thì miệng, ý này được quả báo lành. Đây gọi là trời, đây gọi là người, đây gọi là hóa sanh nơi đường lành, đây gọi là Niết-bàn. Đó là lối mềm dẻo. Theo lối cứng rắn như Ta nói: Chính thân này làm ác thì chính thân này chịu quả báo; miệng, ý làm điều ác thì chính miệng, ý chịu quả báo ác. Đây gọi là địa ngục, đây gọi là súc sanh, đây gọi là ngạ quỷ, đây gọi là đường ác? đây gọi là đọa vào đường ác. Đó gọi là Như Lai dạy dỗ theo lối cứng rắn. Vừa mem dẻo? vừa cứng răn nghĩa là Như Lai có lúc nói thân làm lành, có lúc nói quả báo của thân làm lành; có lúc nói miệng, ý làm lành, có lúc nói quả báo của miệng, ý làm lành; có lúc nói thân làm ác, có lúc nói quả báo của thân làm ác; có lúc nói miệng, ý làm ác, có lúc nói quả báo của miệng, ý làm ác. Như vậy gọi là trời, như vậy gọi là người, như vậy gọi là đường lành, như vậy gọi là Niêt-bàn, như vậy gọi là địa ngục, như vậy gọi là súc sanh, nga quỷ, như vậy gọi là đường ác, như vậy gọi là đọa đường ác. Đó gọi là Như Lai dạy dỗ theo lối vừa mềm dẻo vừa cứng rắn. r Người huân luyện ngựa bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Khi Ngài dùng ba cách trên để điều phục chúng sanh, nếu có người vẫn không điều phục được, Ngài sẽ làm thế nào? Phật bảo thôn chủ: -Cũng nên giết đi. Vì sao? Vì đừng để kẻ ấy làm nhục Ta. Người huấn luyện ngựa bạch Phật: Nêu sát sanh, trong pháp Phật là không thanh tịnh. Trong pháp của Thê Tôn không sát sanh mà nay Ngài nói "giết" là ý nghĩa thế nào?

KINH TẠPA-HÀM 711

Phật bảo thôn chủ: -Đúng vậy! Đúng vậy! ở trong pháp của Như Lai, sát sanh là không thanh tịnh. Trong pháp của Như Lai cũng có sát sanh, nhưng nếu dùng ba phương cách trên dạy dỗ vẫn không điều phục được, Ta sẽ không nói đến, không dạy dỗ, không nhắc nhở nữa. Thôn chủ! Y ông nghĩ sao? Trong pháp của Như Lai không nói đến, không dạy dỗ, không nhắc nhở nữa, đó chẳng phải là giết sao? Người huấn luyện ngựa bạch Phật: -Thưa Thế Tôn! Đúng thật như thế, Như Lai không nói đến, trọn không dạy dỗ, nhắc nhở? đó thật là giết rồi. Thưa Thế Tôn! Chính vì thế nên từ hôm nay tôi lìa các nghiệp ác bất thiện. Phật bảo thôn chủ: Lành thay lời nói này! Thôn chủ huấn luyện ngựa Chỉ-thi nghe Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi cáo từ.

KINH SỐ 924 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá? trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ? Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ngựa ở thế gian có tám thái độ. Tám thái độ đó là gì? Đó là ngựa dữ lúc kéo xe, chân sau đạp người, chân trước quỵ xuống đất, ngúc ngắc đầu, cắn người; đây gọi là thái độ thứ nhất của ngựa thế gian. Lại nữa, ngựa dữ lúc kéo xe cúi đau nhấc cái ách lên; đây là thái độ thứ hai của ngựa dữ. Lại nữa, ngựa dữ ở thế gian lúc kéo xe đổ dốc, kéo lệch một bên làm lật xe; đây gọi là thái độ thứ ba của ngựa dữ. Lại nữa, ngựa dữ lúc kéo xe, ngẩng đầu bỏ chạy; đấy là thái độ thứ tư của ngựa dữ. Lại nữa, ngựa dữ ở thế gian lúc kéo xe bị đánh chút roi gậy hoặc làm đứt dây cương, làm đứt dám, bỏ chạy dọc ngang; đây gọi là thái độ thứ năm của

ngựa dữ. Lại nữa, ngựa dữ ở thế gian lúc kéo xe giơ hai chân trước đứng sổng lên như người; đây là thái độ thứ sáu của ngựa dữ. Lại nữa, ngựa dữ ở the gian lúc kéo xe, phải dùng roi gậy đe tri mới chịu đứng yên, không động; đây là thái độ thứ bảy của ngựa dữ. Lại nữa, ngựa dữ ở the gian lúc kéo xe bốn chân túm lại, quỵ sát đất không chịu đứng lên; đây gọi là thái độ thứ tám của ngựa dữ. Cũng thế, kẻ ác ở thế gian đối với Chánh pháp, Luật, có tám điều lầm lỗi. Những gì là tám? Nếu Tỳ-kheo khi bị các vị Phạm hạnh, cử tội về thấy, nghe, nghi thì người kia sân giận, trở lại quở trách người cử tội rằng: "Ong ngu si, không biết gkhông tốt, người ta vừa cử tội ông, sao ong lại cử tội t6i?" Như con ngựa dữ hai chân sau chọi, hai chân trước quỵ xuống đất làm đứt cương, gãy ách. Đây là lỗi lầm thứ nhất của người tu hành trong Chánh pháp, Luật.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo khi các vị Phạm hạnh cử tội về thấy, nghe, nghi thì liên trở lại cử tội người kia, giông như ngựa dữ giận dữ ngúc ngác cô làm gãy ách. Đây gọi là lỗi lầm thứ hai của người tu hành trong Chánh pháp, Luật. Lại nữa, nếu Tỳ-kheo khi bị các vị Phạm hạnh cử tội về thấy, nghe, nghi, nhưng người kia không dùng lời đúng đan đáp lại, mà nói lãng sang chuyện khác, tỏ ý sân giận, kiêu mạn, che giấu, hiềm hận, bất bình một cách vô lý? như con ngựa kia không đi đường thẳng mà làm cho xe lật úp. Đây là lỗi lầm thứ ba của người tu hành trong Chánh pháp, Luật. Lại nữa, nếu Tỳ-kheo, khi bị các vị Phạm hạnh cử tội về thấy, nghe, nghi thì khiến cho người kia nhớ lại, nhưng người kia lại nói: "Tôi chẳng nhớ", ngang ngạnh chẳng phục như con ngựa dữ chùn bước, thụt lùi. Đây là lỗi lầm thứ tư của người tu hành trong Chánh pháp, Luật. Lại nữa, nếu Tỳ-kheo, khi bị các vị Phạm hạnh cử tội thấy, nghe, nghi thì người kia khinh miệt, chẳng sá gì đến người khác, cũng chẳng kể gì đến chúng Tăng, ôm y bát tùy ý bỏ di, như ngựa dữ bi ăn roi gậy bỏ chạy dọc ngang. Đây gọi là lỗi lầm thứ năm của kẻ tu hành trong Chánh pháp, Luật. Lại nữa, nếu Tỳ-kheo, khi bị các vi Phạm hạnh cử tội thấy, nghe, nghi thì người kia cứ ngồi ở giường cao tranh luận quanh co với các Thượng tọa, như ngựa dữ chổng hai chân lên đứng như người. Đây gọi là lỗi lầm thứ sáu của người tu hành trong Chánh pháp, Luật. Lại nữa, nếu Tỳ-kheo khi bị các vị Phạm hạnh cử tội thấy, nghe, nghi thì người kia im lặng chẳng đáp, cố ý làm xúc não đại chúng, như ngựa dữ bị ăn roi gậy vẫn trơ trơ chẳng động. Đây gọi là lỗi lầm thứ bảy của người tu hành trong Chánh pháp, Luật. Lại nữa, nếu Tỳ-kheo khi bị các vị Phạm hạnh cử tội thấy, nghe, nghi thì người bị cử tội kia liền xả giới, sanh thối chuyển đến trước cửa chùa nói rằng: "Ong nên im lặng thì được vui vẻ ở yên, tôi tự xả giới thối chuyển", như con ngựa dữ chụm bốn chân lại, quỵ sát đất không động đậy. Đây gọi là lỗi lầm thứ tám của người tu hành trong Chánh pháp, Luật. Tỳ-kheo! Đây gọi là tám điều lỗi lầm của người tu hành trong Chánh pháp, Luật. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 925 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ngựa tốt ở thế gian thành tựu tám đức tính, tùy theo ý muốn của người đi đường nhiều ít. Tám đức tính ấy là gì? Thứ nhất là sanh nơi làng ngựa tốt;

thứ hai tánh nết ôn hòa, hiền hậu không làm người hoảng sợ; thứ ba là ngựa tốt không kén chọn thức ăn uống; thứ tư là ngựa tốt ghét bỏ chỗ nhơ nhớp, chọn đất sạch để nằm; thứ năm là ngựa tốt biểu lộ thái độ tính tình nhanh chóng trước người huấn luyện, người này sẽ luyện tập cho nó bỏ những thái độ kia; thứ sáu la ngựa tót đã đặt yên vao co xe, không đê y những con ngựa khác, tuy cô xe nặng nhẹ mà có thể dùng hết sức lực; thứ bảy là ngựa tốt thường đi theo đúng đường, không đi lạc đường; thứ tám là ngựa tốt dù bệnh hoạn, dù già yếu vẫn gắng sức kéo xe không chán, không mệt. Cũng thế, vị Tỳ-kheo trong Chánh pháp, Luật, thành tựu tám đức tính, nên biết đó là bậc Hiền sĩ. Tám đức tính ấy là gì? Nghĩa là Hiền sĩ an trụ nơi chính giới Ba-la-đề-mộc-xoa? thực hành luật nghi, oai nghi đay đủ, thay tội vi tế hay sanh sợ hãi, giữ gìn học giới. Đây là đức tính thứ nhất của vị Tỳ-kheo trong Chánh pháp, Luật Lại nữa, vị Tỳ-kheo tánh tự hiền thiện, khéo điều phục, khéo an trụ, chẳng phiền não, không làm sợ hãi những bậc Phạm hạnh. Đây gọi là đức tính thứ hai của vi Tỳ-kheo. Lại nữa, vị Tỳ-kheo theo thứ lớp đi khất thực, dù được thức ăn ngon dở, tâm vẫn bình đẳng không hiềm, không đắm trước. Đây là đức tính thứ ba của vị Tỳ-kheo. Lại nữa, vị Tỳ-kheo tâm sanh nhàm chán, xa lìa các nghiệp ác nơi thân, miệng, ý? các pháp ác bất thiện và các phiền não, phải chiu các kho báo nhiệt não nhiều lần trong các cõi đối với sự sanh, sanh-lão-bệnh-tử-ưu-bi-khổ-não trong đời vị lai lại càng nhàm chán, xa lìa. Đây là đức tính thứ tư của vị Tỳ-kheo. Lại nữa, vi Tỳ-kheo nếu phạm lỗi của kẻ Sa-môn quanh co, chẳng thật, mau thú thật với bậc thầy và thiện tri thức thì Đại sư thuyết pháp chắc chắn sẽ trừ dứt. Đây là đức tính thứ năm của vi Tỳ-kheo. Lại nữa, vị Tỳ-kheo tâm cầu học đầy đủ? nghĩ như thế này: "Giả sử người khác học hay chẳng học, ta đều nên hpc." Đây là đức tính thứ sáu của vị Tỳ-kheo. Lại nữa, vị Tỳ-kheo thực hành tám Thánh đạo, chăng thực hành phi đạo. Đây là đức tính thứ bảy của vị Tỳ-kheo. Lại nữa, vi Tỳ-kheo suốt đời nỗ lực, tinh cần, không chán nản, không mệt mỏi. Đây là đức tính thứ tám của vị Tỳ-kheo. Như thế vị Tỳ-kheo thành tựu tám đức tính trên tùy sự thực hành có thể tiến lên nhanh chóng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 926 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại làng Na-lợi, trong tinh xá Thâm Cốc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tiên-đà Ca-chiên-diên: -Nên tu chân thật thiền, chớ tập cường lương thiền. Như ngựa tốt, mạnh khỏe, cột nơi chuông cạnh máng cỏ5 ngựa kia chăng nghĩ điêu nó nên làm, điêu nó chẳng nên làm? mà chỉ nghĩ đen thóc và cỏ. Cũng the, vị Tỳ-kheo đoi với tham dục triền tu tập nhiều, nhimg vị kia đem tâm tham dục tư duy đối với đạo xuât ly5 không biêt như thật, tâm thường rong ruổi chạy theo tham dục triền mà câu chánh thọ, sân nhuê, thụy miên, trạo hôi, nghi, tu tập nhiêu mà đôi với đạo xuất ly vẫn không biết như thật vì đem tâm nghi ngờ mà tư duy để cầu chánh thọ. Này Tiên-đà! Nêu thật là ngựa tót thì khi cột nó trong chuông nơi máng, nó chẳng nghĩ đen cỏ, nước, chỉ nghĩ đen việc kéo xe. Cũng the, vi Tỳ-kheo không nghĩ đến tham dục

triền mà chỉ an trụ nơi đạo xuất ly? biết như thật, không đem tham dục triền mà cầu chánh thọ, cũng chẳng đem các triền, sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi, an trụ nhiều nơi xuất ly, biết như thật các triền, sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi, chẳng đem nghi triền mà cầu chánh thọ. Cũng thế, Tiên-đà, Tỳ-kheo ấy chẳng y cứ nơi đất tu thiền, chẳng y cứ nơi nước, gió, lửa, không, thức, vô sở hữu, phi tưởng phi phi tưởng mà tu thiền, chẳng y cứ đời này, chẳng y cứ đời khác, chẳng phải ngày tháng, chẳng phải thây, nghe, hiêu biêt, chăng phải đác, chăng phải câu, chăng phải tùy giác, chẳng phải tùy quán mà tu thiền. Này Tien-đà! Nếu Tỳ-kheo tu thiền như thế thì các thiên chủ Y-thấp-ba-la-ba-xà-ba-đề cung kính, chắp tay, cúi đầu, làm lễ và nói kệ tán dương: Đảnh lễ bậc Đại sĩ, Đảnh lễ bậc Cao quý, Vì tôi không thể biết, Y đâu mà thiền định. Khi ấy5 Tôn giả Bạt-ca-lợi đang đứng sau Phật cầm quạt hầu Phật, Tôn giả liền bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo làm thế nào nhập thiền mà không y cứ đất, nước, gió, lửa?... giác quán mà tu thiền định? The nào, Tỳ-kheo tu thiền mà các thiên chủ Y-thấp-ba-la-ba-xà-ba-đề chắp tay cung kính, cúi đầu làm lễ và nói kệ tán dương: Đảnh lễ bậc Đại si, Đảnh lễ bậc Cao quý, Vì tôi không thể biết, Y đâu mà thiền định? Phật bảo Tỳ-kheo Bạt-ca-lợi: Tỳ-kheo! Đối với địa tưởng có thể điều phục địa tưởng, đối với thủy, hỏa, phong tưởng, Vô lượng không nhập xứ tưởng, Thức nhập xứ tưởng, Vô sở hữu xứ nhập xứ tưởng, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ tưởng, đời này, đời khác, ngày, tháng, thấy, nghe, hiểu, biết, hoặc đắc, hoặc cầu, hoặc giác, hoặc quán, đều điều phục các tưởng kia. Này Bạt-ca-lợi! Tỳ-kheo tu thiền như vậy, chẳng y cứ nơi đất, nước, gió,

lửa,... chẳng nương nơi giác quán để tu thiền. Này Bạt-ca-lợi! Tỳ-kheo tu thiền như thế, các thiên chủ Y-thấp-bà-la-ba-xà-ba-đề đều cung kính, chắp tay, cúi đầu làm lễ và nói kệ: Đảnh lễ bậc Đại si, Đảnh lễ bậc Cao quý, Vì tôi không thể biết, Y đâu mà tu thiền. Trong khi nghe Phật nói kinh này, Tỳ-kheo Tiên-đà Ca-chiên-diên xa lìa trần câu, được pháp nhãn thanh tịnh, Tỳ-kheo Bạt-ca-lợi chăng khởi các lậu, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Bạt-ca-lợi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 927

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru tại nước Ca-tỳ-la-vệ? trong vườn Ni-câu-luật.

Bấy giờ, có người dòng họ Thích là Ma-ha-nam đi đến chỗ Phật đảnh lễ, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ưu-bà-tắc?

Phật bảo Ma-ha-nam: Người ở tại gia đình thanh bạch, tu tập sống trong sạch, có tư cách người nam và nói rằng: "Con nay suốt đời quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng, làm ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con!" Đây gọi là ưu-bà-tắc. Ma-ha-nam bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Sao là ưu-bà-tắc đầy đủ niềm tin?

Phật bảo Ma-ha-nam: Ưu-bà-tắc đối với Như Lai lấy chánh tín làm gốc, kiên cố, khó lay chuyển, dù cho các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và người the gian

cũng không thể phá hoại được. Này Ma-ha-nam? đây gọi là mi-bà-tắc đầy đủ niềm tin. Ma-ha-nam bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Sao gọi là iru-bà-tắc có giới đầy đủ?

Phật bảo Ma-ha-nam: Ưu-bà-tăc lìa bỏ sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dôi, uông rượu, chăng thích làm những điều này. Ma-ha-nam! Đây gọi là iru-bà-tắc có giới đay đủ. Ma-ha-nam bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Sao gọi là ưu-bà-tắc có nghe, học đầy đủ? Phật bảo Ma-ha-nam: Ưu-bà-tắc có nghe, học đầy đủ là nghe rồi thì có thể ghi nhớ, có thể tích tập. Nếu Phật nói pháp ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều là thiện, thiện nghĩa,

thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch thì người ấy đều có thể thọ trì. Đây gọi là xru-bà-tăc có nghe, học đây đủ. Ma-ha-nam bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Sao gọi là ưu-bà-tắc có thí xả đầy đủ?

Phật bảo Ma-ha-nam: -Ưu-bà-tăc có thí xả đây đủ là bi xan câu ràng buộc, tâm lìa xan câu, sông không nhà, tu bố thí giải thoát, tinh cần bố thí, thường bố thí, ưa xả bỏ tài vật, bố thí bình đẳng. Này Ma-ha-nam! Đây gọi là ưu-bà-tắc có thí xả đầy đủ. Ma-ha-nam bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Sao gọi là ưu-bà-tắc có trí tuệ đầy đủ? Phật bảo Ma-ha-nam: Ưu-ba-tắc có trí tuệ đầy đủ là người biết như thật khổ này; biết như thật khổ tập, khổ diệt, khổ diệt đạo tích. Ma-ha-nam! Đây gọi là ưu-bà-tắc có trí tuệ đầy đu. Ma-ha-nam họ Thích nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên, làm lễ rồi đi.

KINH SỐ 928

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật trú tại nước Ca-tỳ-la-vệ9 trong vườn Ni-câu-luật.

Bay giờ, Ma-ha-nam họ Thích cùng với năm trăm ưu-bà-tắc đi đến chỗ

Phật, đảnh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Sao gọi là xru-bà-tắc?

Phật đáp:

-Ưu-bà-tắc là người sống trong sạch ở tại gia, suốt đời quy y Tam bảo, làm ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con.^,

Ma-ha-nam bạch Phật:

-Sao gọi là ưu-bà-tắc đắc quả Tu-đà-hoàn?

Phật đáp:

Này Ma-ha-nam! Ưu-bà-tắc đắc quả Tu-đà-hoàn là ba kiết sử: Thân kiến, giới thủ, nghi, đã đoạn, đã biết. Đây gọi là ưu-bà-tắc đắc quả Tu-đà-hoàn.

Ma-ha-nam bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là ưu-bà-tắc đắc quả Tư-đà-hàm?

Phật đáp: Này Ma-ha-nam! Ưu-bà-tắc đắc quả Tư-đà-hàm là đã đoạn, đã biết ba hạ phần kiết sử, tham dục và sân nhuế mỏng yếu. Này Ma-ha-nam! Đây gọi là irubà-tắc đắc quả Tư-đà-hàm.

Ma-ha-nam bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Sao gọi là ưu-bà-tắc đắc quả A-na-hàm? Phật bảo Ma-ha-nam: -Ưu-bà-tắc đắc quả A-na-hàm là đã đoạn, đã biết năm hạ phần kiết sử, tức là thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham dục và sân nhuế. Này Ma-ha-nam! Đó gọi là ưu-bà-tắc đắc quả A-na-hàm. Bấy giờ, Ma-ha-nam quay nhìn năm trăm ưu-bà-tắc nói rằng: -Lạ thay, các vị ưu-bà-tăc ở tại gia sông thanh tịnh, được công đức sâu xa như thế! Ma-ha-nam nghe Phật dạy xong, hoan hỷ tùy hỷ, đứng dậy đảnh lễ cáo từ.

KINH SỐ 929

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Ca-tỳ-la-vệ9 trong vườn Ni-câu-luật.

Bấy giờ, Ma-ha-nam họ Thích đi đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là mi-bà-tắc?

Phật đáp: -Ưu-bà-tắc là người sống tại gia trong sạch "...suốt đời quy y Tam bảo, làm ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con.” Ma-ha-nam bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là làm đủ tất cả bổn phận của ưu-bà-tắc?

Phật đáp: -Nếu ưu-bà-tắc có lòng tin, nhưng không giữ giới, đây là không đủ thì hãy nên tinh cần giữ giới đầy đủ. Nếu vị ấy đầy đủ lòng tin và giới luật nhưng chẳng bố thí thì cũng chưa đủ; vì chưa đầy đủ nên phải cố gắng tinh cần, tu tập bố thí để làm cho lòng tin, giới luật, bố thí được đầy đủ. Ưu-bà-tắc không thể tùy thời đi đến Sa-môn lãnh thọ Chánh pháp thì vẫn chưa đủ5 vì chưa đầy đủ cho nên phải tinh cần, nỗ lực, tùy thời đi đến chùa tháp để gặp các vị Sa-môn; gặp các vị Sa-môn mà không một lòng lắng nghe lãnh thọ Chánh pháp thì vẫn chưa đủ; vì chưa đủ cho nên phải có lòng tin giới luật, bố thí, nghe đạo lý, tu tập hoàn toàn đầy đủ. Đã nghe rồi mà không giữ gìn, đây vẫn chưa đầy đủ; vì không đày đủ nên phải tinh cần nỗ lực, tùy thời đi đến Sa-môn chuyên tâm nghe pháp, nghe rồi khéo giữ gìn. Nếu không thể quán sát nghĩa sâu xa của các pháp, đây là không đầy đủ; vì không đầy đủ cho nên phải cố gắng tinh cần, làm cho đầy đủ lòng tin, giới luật, bố thí, nghe đạo lý, nghe thì khéo giữ gìn, giữ gìn quán sát, hiểu rõ nghĩa lý sâu xa. Nếu chẳng tùy thuận biết pháp thứ, pháp hướng, đây vẫn chưa đầy đủ; vì chưa đầy đủ nên phải cố gắng tinh cần, làm cho đầy đủ

lòng tin, giới luật, bố thí, nghe đạo lý, nghe rồi khéo giữ gìn, quán sát, hiểu rõ nghĩa lý sâu xa, tùy thuận hành pháp thứ, pháp hướng. Này Ma-ha-nam! Đó gọi là đầy đủ tất cả bổn phận của ưu-bà-tắc. Ma-ha-nam bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là iru-bà-tắc hay tự an ủi mình, chẳng an ủi người khác? Phật đáp: Đó là mi-bà-tắc có thể tự đứng vững trong giới luật nhưng không thể khiến cho người đứng vững trong chánh giói; tự giữ gìn tịnh gi&i, nhưng không thể khiến cho người khác trì giới đây đủ; tự làm việc bố thí, nhưng không thê đem sự bô thí đó xây dựng cho người khác; tự đi chùa tháp gặp Sa-môn, nhưng chẳng thể khuyên người khác đi đến chùa tháp gặp các Sa- môn; tự mình chuyên cần nghe Chánh pháp, nhưng không thể khuyên người khác ưa thích nghe Chánh pháp; nghe Chánh pháp tự mình giữ gìn nhưng không thể khiến cho ïiệười

khác thọ trì Chánh pháp; tự mình có thể quán sát nghĩa lý sâu xa; tự biêt pháp sâu xa có thể tùy thuận thực hành pháp thứ, pháp hướng, nhưng không thể khuyên người khác tùy thuận thực hành pháp thứ, pháp hướng. Này Ma-ha-nam, người thành tựu tám pháp này gọi là ưu-bà-tắc có thể tự an ủi? nhung không thê an ủi người khác. Ma-ha-nam bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ưu-bà-tắc thành tựu bao nhiêu pháp thì tự được an ổn và giúp người an ổn? Phật bảo Ma-ha-nam: -Đó là ưu-bà-tắc thành tựu mười sáu pháp, gọi là ưu-bà-tắc tự an ổn và giúp người an ổn. Mười sáu pháp đó là gì? r r y Này Ma-ha-nam! Nêu ưu-bà-tăc tự mình đây đủ chánh tín, cũng xây dựng chánh tín cho người khác; tự giữ gìn tịnh giới, cũng đem tịnh giới kiến lập cho người khác; tự mình thực hành bố thí và dạy người bố thí; tự mình đi đến chùa tháp gặp các vị Sa-môn, cũng dạy người khác đến gặp các vi Sa-môn; tự mình chuyên cần nghe pháp, cũng dạy người khác nghe pháp; tự mình thọ trì pháp, cũng dạy người khác thọ trì pháp; tự quán sát nghĩa, cũng dạy người khác quán sát nghĩa; tự biết nghĩa lý sâu xa tùy thuận tu hành pháp thứ, pháp hướng, cũng dạy người khác hiêu rõ nghĩa lý sâu xa, tùy thuận tu hành pháp thứ, pháp hướng. Này Ma-ha-nam! Người thành tựu mười sáu pháp như thế gọi là ưu-bà- tắc có thể tự an ổn và làm người khác được an ổn. Này Ma-ha-nam! Nếu ưu-bà-tắc thành tựu mười sáu pháp như thế thì các đại chúng Bà-la-môn, chúng Sát-đế-lợi, chúng trưởng giả, chúng Sa-môn đều đên chô người ây thì ở giữa các chúng kia, ưu-bà-tắc áy hiển bày oai đức. Ví như mặt trời, ánh sáng chiếu soi cả sáng, trưa, chiều. Ưu-bà-tắc thành tựu mười

sáu pháp như thế thì oai đức tỏ rạng cả chặng đầu, chặng giữa và sau cùng. Cũng thế, này Ma-ha-nam, nếu ưu-bà-tắc thành tựu mười sáu pháp mà thế gian khó thành tựu được. Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ? đảnh lễ cáo từ.

KINH SỐ 930 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Ca-tỳ-la-vệ? trong vườn Ni-câu-luật. Bấy giờ, Ma-ha-nam họ Thích đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nước Ca-tỳ-la-vệ này an ổn thịnh vượng, nhân dân phát đạt mà sao mỗi khi con ra vào thành, thấy người lui tới đông đảo, voi điên, người điên, xe chạy như điên, ngông nghênh giữa đường, con tự sợ phải cùng với bọn điên cuồng này cùng sống, cùng chết, quên mất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo-tăng. Con tự nghĩ, lúc chết rồi sẽ sanh vào nơi nào? Phật bảo Ma-ha-nam: -Chớ sợ hãi! Sau khi chết Ma-ha-nam sẽ không sanh vào đường ác, hoàn toàn không có điều xấu. Ví như cây lớn nghiêng thuận chiều, thuận phía, thuận hướng, nếu khi chặt đứt gốc rễ, sẽ ngã ở chỗ nào? Ma-ha-nam bạch Phật: -Cây sẽ ngã theo chiều nghiêng thấp của nó. Phật bảo Ma-ha-nam: -Ma-ha-nam cũng như the! Lúc mạng chung, ông chẳng sanh đường ác vì ông trọn không có điều ác. Vì sao? Nếu Ma-ha-nam luôn luôn tu tập niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo-tăng, lúc mạng chung, hoặc hỏa thiêu, hoặc bỏ ngoài nghĩa địa bị gió táp, nắng thiêu đốt lâu ngày thành tro bụi, nhưng tâm ý thức đã được huân tập chánh tín, tịnh giới, bố thí, đa văn, trí tuệ lâu ngày bền chắc, thần thức bay lên hướng đến cõi an lạc, đời sau sanh về cõi trời. Ma-ha-nam nghe Phật nói

xong, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ cáo từ.

KINH SỐ 931 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ca-tỳ-la-vệ? trong vườn Ni-câu-luật. Bấy giờ, Ma-ha-nam họ Thích đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo ở nơi học địa cầu tiến lên Niết-bàn an ổn chưa được, người ấy nên tu tập thế nào, tu tập nhiều để ở trong Pháp, Luật

e 9 . er này được sạch các lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biêt tác chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau”... Phật bảo Ma-ha-nam: -Nếu Tỳ-kheo nơi học địa, cầu tiến lên Niết-bàn an ổn chưa được, Tỳ-kheo ấy nên tu sáu niệm,... tiến đến Niết-bàn. Ví như người đói kém, thân thể gầy ốm, được thức ăn ngon, thân thể mập mạp. Cũng vậy, Tỳ-kheo trụ nơi học địa, cầu con đường tiến lên Niết-bàn an ổn chưa được, nên tu sáu tùy niệm... chóng đắc Niết-bàn an ổn. Những gì là sáu niệm? Thánh đệ tử niệm Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn. Thánh đệ tử lúc niệm như thế chẳng khởi tham dục, chẳng khởi tâm sân nhuế, si mê, tâm kia chánh trực, đắc nghĩa Như Lai, được Chánh pháp của Như Lai, nơi Chánh pháp của Như Lai, đối với Như Lai được tâm tùy hỷ? tâm đã tùy hỷ nên hoan hỷ5 tâm hoan hỷ nên thân khinh an, thân khinh an nên cảm giác thọ lạc, cảm giác thọ lạc rồi tâm được đinh, tâm đã đinh thì vị Thánh đệ tử ấy dù ở giữa các chúng sanh hung hiểm vẫn không bi chướng ngại, vào dòng nước pháp... Niết-bàn. Lại nữa, Thánh đệ tử niệm Pháp, Pháp Luật của Thế Tôn, hiện tại có thể lìa sanh tử nhiệt não, chẳng đợi thời tiết, thông đạt hiện pháp, duyên tự giác tri; Thánh đệ tử như thế niệm pháp chẳng khởi tham dục, sân nhuế, ngu si... tâm nghĩ nhớ pháp đã được huân tập tiến đến Niết-bàn. Lại nữa, Thánh đê tử niệm Tăng la niệm các đê tư cua The Ton co thiện hướng, chánh hướng, trực hướng, thành hướng, hành pháp tùy thuận, có hướng Tu-dà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn, hướng Tư-đà-hàm5 đắc Tư-đà-hàm, hướng A-na- hàm9 đắc A-na-hàm, hướng A-la-hán, đắc A-la-hán. Đây là bốn đôi tám bậc Hiền thánh. Đây gọi là đệ tử Tỳ-kheo-tăng của Thế Tôn tịnh giới đầy đủ, tam- muội đầy đủ, trí tuệ đầy đủ, giải thoát đầy đủ? giải thoát tri kiến đầy đủ, đáng được kính ngưỡng, phụng sự, cúng dường làm ruộng phước tốt. Thánh đệ tử lúc niệm Tăng như thế chẳng khởi tham dục, sân nhuế, ngu si... tâm niệm Tăng đã được huân tập tiến đến Niết-bàn. Lại nữa, Thánh đệ tử tự niệm tinh giới, chẳng hoại giới, chẳng khuyết giới, chẳng nhơ giới, chẳng tạp giới, không bi kẻ khác cướp giới, khéo hộ giới, người sáng suốt khen ngợi giói, người trí không nhàm chán giới. Thánh đệ tử khi nghĩ nhớ giới, như the chẳng khởi tham dục, sân nhuế, ngu si,... tâm luôn niệm giới đã được huân tập tiến đen Niết-bàn. Lại nữa, Thánh đệ tử tự niệm bố thí: "Ta đã được lợi ích tốt đẹp, ở giữa những chúng sanh có tâm bon xẻn cau uế mà ta đã lìa được tâm bon xẻn cấu uế, sống không nhà, thực hành giải thoát bố thí, thường tự tay bố thí, ưa buông xả,

bố thí bình đẳng đầy Lúc Thánh đệ tử niệm bố thí như thế 6ng khởi tham dục, sân nhuê, ngu si,...tâm luôn niệm bô thí đã được huân tập tiến đên Niết-bàn. Lại nữa, Thánh đệ tử niệm chư thiên: UCÓ Tứ Đại Thiên Vương thiên, có Tam Thập Tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên. Nêu người có lòng tin chơn chánh khi mạng chung ở đây sẽ sanh lên các cõi trời kia, ta cũng sẽ thực hành chánh tín này. Vị ấy được tịnh giới, thí, văn, xả, tuệ đến khi mạng chung ở đây sanh lên cõi trời kia thì ta nay cũng thực hành giới, thí, văn, xả, tuệ nay?5 Thánh đệ tử niệm thiên như thế chẳng khởi tham dục, sân nhuế, ngu si, tâm người kia chánh trực nhớ nghĩ đến chư thiên. Thánh đệ tử trực tâm như thế được nghĩa lý lợi ích sâu xa của Chánh pháp, được sự tùy hỷ lợi ích của chư thiên. Được tùy hỷ rồi sanh hoan hỷ, hoan hỷ rồi thân khinh an, thân khinh an rồi được cảm giác an lạc, cảm giác an lạc rồi nên tâm được định. Khi tâm đã định, Thánh đệ tử kia ở giữa chúng sanh hung hiểm không bị chướng ngại, vào dòng nước pháp. Vì tâm luôn niệm chư thiên đã được huân tập tiến đến Niết-bàn. Này Ma-ha-nam! Nếu Tỳ-kheo còn ở địa vi hữu học, muốn cầu tiến đến Niết-bàn an lạc, tu tập nhiều như thế thì chóng đắc Niết-bàn an lạc, ở trong Chánh pháp, Luật, chóng sạch các lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, hiện pháp tự biết tác chứng: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Ma-ha-nam nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đứng lên đảnh lễ cáo từ.

KINH SỐ 932 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Ca-tỳ-la-vệ, trong vườn Ni-câu-luật. Bấy giờ9 có nhiều Tỳ-kheo tụ tập ở nhà ăn, vá y cho Thế Tôn. Lúc ấy, Ma-ha-nam họ Thích nghe các Tỳ-kheo tụ tập ở nhà ăn, vá y cho The Tôn bàn bạc rằng: "Không bao lâu sau ba tháng an cư khi vá y xong, Thế Tôn sẽ đắp y, ôm bát du hành nhân gian." Nghe xong, Ma-ha-nam vội vàng đi đến chỗ Phật, cúi đàu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Toàn thân con chẳng an, bốn phương mờ mịt, những pháp đã nghe đều quên hết, vì con nghe các Tỳ-kheo tụ tập ở nhà ăn, vá y cho Thế Tôn nói răng: "Không bao lâu sau ba tháng an cư, khi vá y xong, Thê Tôn sẽ đắp y, ôm bát du hành trong nhân gian." Thế nên con suy nghĩ: "Không biết đến lúc nào mới được gặp lại Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết." Phật bảo Ma-ha-nam: -Thầy dù gặp Thế Tôn hay chẳng gặp và gặp các Tỳ-kheo quen biết hay chẳng gặp, thầy chỉ cần nên nghĩ nhớ năm pháp tinh cần tu tập. Này Ma-ha-

nam! Nên lấy chánh tín làm chil, chẳng phải không chánh tín, giới luật đầy đủ5 nghe pháp đầy đủ5 bố thí đầy đủ, trí tuệ đầy đủ làm cội gốc, chẳng phải không trí tuệ. Này Ma-ha-nam! Như thế, căn cứ theo năm pháp này, tu sáu niệm xứ. Những gì là sáu? Ma-ha-nam! Nên niệm Như Lai như sau: Như Lai, Ưng Cúng, Đẳng Chánh Giác... Phật, Thế Tôn. Nên niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên... tự thực hành, đắc trí tuệ. Này Ma-ha-nam! Cũng vậy? Thánh đệ tử thành tựu mười một pháp thời sự học trọn không bại hoại, đủ khả năng tri kiến, đủ khả năng quyết định, trụ nơi cửa cam lộ? gần giải thoát, nhưng không thể một thời mà tất cả chóng đắc cam lộ Niết-bàn. Ví như gà ấp trứng hoặc năm, hoặc mười trứng, tùy thời tiết, thương yêu chăm sóc bảo

bọc; giả sử trong khoảng giữa lại bỏ bê thì không the quên lấy móng hoặc mỏ mổ vỡ trứng để gà con chui ra. Vì sao? Vì gà mẹ từ lúc ban đầu đã biết tùy thời ấp ủ? chăm sóc thương yêu giữ gìn. Cũng vậy5 Thánh đệ tử thành tựu mười một pháp, trụ nơi sự học chẳng bao giờ bại hoại... không thể một thời mà tất cả chóng đắc cam lộ Niết-bàn. Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam nghe Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đứng dậy đảnh lễ cáo từ.

KINH SỐ 933 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ca-tỳ-la-vệ, trong vườn Ni-câu-luật. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo tụ tập ở nhà ăn để vá y cho Thế Tôn. Khi ấy, Ma-ha-nam họ Thích nghe các Tỳ-kheo tụ họp ở nhà ăn vá y cho Thế Tôn bàn nhau rằng: "Chẳng bao lâu sau ba tháng an cu, khi vá y xong, Thế Tôn sẽ đắp y, ôm bát du hành trong nhân gian." Nghe xong, Ma-ha-nam vội đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Nay con toàn thân không an, bốn phương mờ mịt, những pháp đã nghe, bây giờ bỗng quên hết, vì con nghe các Tỳ-kheo tụ tập ở nhà ăn va y cho Thế Tôn... "...du hành trong nhân gian.,^ Con nghĩ thầm: "Không biết đến lúc nào con mới được gặp lại Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết." Phật bảo Ma-ha-nam: Thây dù có gặp Như Lai hay chăng gặp và gặp các Tỳ-kheo quen biêt hay chẳng gặp, thầy vẫn nên siêng năng tu sáu pháp. Sáu pháp đó là gì? Chánh tín là cội gốc, giới luật, bố thí, đa văn, trí tuệ là căn bản, chứ chẳng phải không trí tuệ. The nên, Ma-ha-nam, nên y cứ sáu pháp này, nỗ lực tu tập sáu tùy niệm: Từ niệm Như Lai... niệm thiên. Thành tựu mười hai niệm này, Thánh đệ tử giảm bớt điều ác, điều ác dần dần tiêu diệt, không phát khởi, lìa trần cấu, không tăng tràn cấu, chẳng bám giữ, vì chẳng bám giữ nên không dính mắc, chẳng dính

măc nên tự chứng Niêt-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cân làm đã làm xong, tự biêt không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam nghe Phật dạy, hoan hy, tùy hỷ, đứng lên đảnh lễ cáo từ.

KINH SỐ 934 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ca-tỳ-la-vệ, trong vườn Ni-câu-luật. Bấy giờ? Ma-ha-nam họ Thích đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Theo như lời Phật dạy, con hiểu: Nhờ chánh định nên giải thoát, không thể không có chánh định. Bạch Thế Tôn! Có phải trước tiên là chánh đinh, rồi sau mới giải thoát, hay là giải thoát trước rồi sau mới được chánh đinh? Hoặc chánh đinh và giải thoát không trước không sau, cùng sanh một lúc? Lúc ấy Thế Tôn im lặng. Ma-ha-nam ba lần hỏi như thế, Phật vẫn im lặng. Trong khi ấy, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu sau Phật, A-nan nghĩ thầm: uMa-ha-nam họ Thích đem nghĩa lý sau xa hỏi Thế Tôn, Thế Tôn bệnh vừa khỏi, bây giờ ta sẽ nói chuyện khác để tiếp lời của ông ta." —Này Ma-ha-nam! Bậc Hữu học cũng có giới, bậc Vô học cũng có giới; bậc Hữu học có tam-muội, bậc Vô học cũng có tam-muội; bậc Hữu học có tuệ, bậc Vô học cũng có tuệ; bậc Hữu học có giải thoát, bậc Vô học cũng có giải thoát. Ma-ha-nam hỏi Tôn giả A-nan: Thế nào là giới của bậc Hữu học? Thế nào là giới của bậc Vô học? Thế nào là tam-muội của bậc Hữu học? Thế nào là tam-muội của bậc Vô học? Thế nào là tuệ của bậc Hữu học? Thế nào là tuệ của bậc Vô học? Thế nào là giải thoát của bậc Hữu học?

Thế nào là giải thoát của bậc Vô học? Tôn giả A-nan trả lời: Này Ma-ha-nam! Vị Thánh đệ tử này an trụ nơi giới luật, thực hành luật nghi, oai nghi, thọ trì học giới, đã thọ trì học giới đầy đủ? lìa dục, lìa pháp ác bất thiện... trụ Tứ thiền đầy đủ? như thế đã đầy đủ tam-muội, biết như thật khổ Thánh đế; biết như thật khổ tập, khổ diệt, khổ diệt đạo tích. Biết như thế, thấy như thế rồi đã đoạn, đã biết năm hạ phần kiết sử là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế. Năm hạ phần kiết này đoạn rồi sanh lên cõi kia, đắc Bát- niết-bàn, A-na-hàm, không trở lại sanh trong cõi này nữa. Vi kia ngay lúc ấy thành tựu học giới, học tam-muội9 học tuệ, học giải thoát. Lại nữa, đến lúc nào đó sẽ dứt sạch các hữu lậu, vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, tự biết chứng đắc: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Lúc bấy giờ vị này thành tựu vô học giới, vô học tam-muội, vô học tuệ, vô học giải thoát.

Ma-ha-nam! Đây là những điều Thế Tôn nói về học giới, học tam-muội, học tuệ, học giải thoát của bậc Hữu học; vô học giới, vô học tam-muội, vô học tuệ, vô học giải thoát của bậc Vô học. Tôn giả A-nan nói xong, Ma-ha-nam nghe rồi hoan hỷ, tùy hỷ, đứng dậy cáo từ. Đức Thế Tôn biết Ma-ha-nam đã đi rồi Ngài bảo Tôn giả A-nan: Người họ Thích ở thành Ca-tỳ-la-vệ có thể cùng với các Tỳ-kheo bàn luận nghĩa lý sâu xa chứ? A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vâng. Người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ có thể cùng bàn luận nghĩa lý sâu xa với các Tỳ-kheo. Phật bảo A-nan: Người ấy chóng được lợi ích tốt đẹp, có thể ở trong Phật pháp được thâm nhập tuệ nhãn sâu xa của bậc Hiền thánh. Phật nói kùih này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 935 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ca-tỳ-la-vệ, trong vườn Ni-câu-luật. Bay giờ, có người thuộc họ Thích tên Sa-đà, nói với Ma-ha-nam: - Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu những pháp gì? Ma-ha-nam đáp: -Thế Ton nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp. Bốn pháp đó là gì? Đó là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới. Đây gọi là bốn pháp thành tựu Tu-đà-hoàn. Sa-đà bảo Ma-ha-nam: -Tôn giả chớ nói như vậy, Thế Tôn nói bốn pháp thành tựu Tu-đà-hoàn, nhưng tôi biết có ba pháp thành tựu Tu-đà-hoàn. Ba pháp đó là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố. Như vậy có ba pháp thành tựu Tu-đà-hoàn. Sa-đà nói ba lần như thế. Ma-ha-nam không thể khiến cho Sa-đà chấp nhận r __ 9 ,

bôn pháp. Còn Sa-đà cũng không thê làm cho Ma-ha-nam châp nhận ba pháp. Thế nên, hai người cùng đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, Ma-ha-nam bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Sa-đà họ Thích hỏi con: "Thế Tôn nói có bao nhiêu pháp thành tựu Tu-dà-ho5?" Con liền đáp: "Thế Ton nói có bốn pháp thành tựu Tu-đà-hoàn. Đó là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, thành tựu lòng tin

thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới." Như vậy, bốn pháp thành tựu Tu-đà-hoàn. Sa-đà họ Thích nói: "Ma-ha-nam chớ nói rằng Thế Tôn nói bốn pháp thành tựu Tu-đà-hoàn; tôi biết chỉ ba pháp có thể thành tựu Tu-đà-hoàn. Những gì là ba? Đó là

đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố. Thế Tôn nói ba pháp thành tựu Tu-đà-hoàn như vay." Sa-đà nói ba lần như thế, con khôngr thể khiến cho Sa-đà chấp nhận bốn pháp và Sa-đàr cũng *

không làm cho con châp nhận ba pháp. Vì thê nên chúng con cùng nhau đên chô Thế Tôn để hỏi Thế Tôn: 4CTu-đà-hoàn thành tựu bao nhiêu phap?" Bấy giờ, Sa-đà đứng lên lễ Phật, bạch: -Nếu có sự việc như vậy xảy ra, một bên là Thế Tôn, một bên là Tỳ-kheo-tăng? con sẽ theo Thế Tôn? không theo Tỳ-kheo-tăng. Hoặc có việc tương tợ như thế xảy ra, một là Thế Tôn, một là chúng Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, hoặc Trời, hoặc Ma, Phạm, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn5 chư thiên, người thế gian, con chỉ theo The Tôn, chẳng theo các chúng khác. Khi ấy, Thế Tôn bảo Ma-ha-nam: -Sa-đà lý luận như thế, còn thầy như thế nào? Ma-ha-nam bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Sa-đà lý luận như thế, con biết nói gì nữa, chỉ biết nói tốt thôi. Phật bảo Ma-ha-nam: -Vì thế các thầy nên biết bốn pháp thành tựu Tu-đà-hoàn là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng thành tựu lòng tin thanh tinh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới, nên thọ trì như thế. Ma-ha-nam họ Thích nghe Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đứng lên đảnh lễ cáo từ.

KINH SỐ 936 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Ca-tỳ-la-vệ? trong vườn Ni-câu-luật. Bấy giờ, những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ tụ tập ở nhà cúng dường bàn luận, hỏi Ma-ha-nam: -Thế nào là lời thọ ký rốt sau? Bách Thủ họ Thích mạng chung, Thế Tôn nói rằng người này đắc quả Tu-đà-hoàn, không rơi vào đường ác, quyết định chánh hướng, chánh giác, bảy lần qua lại sanh trong cõi trời, người, giải thoát khổ. Nhưng Bách Thủ họ Thích phạm giới uống rượu mà Thế Tôn lại xác nhận người này đắc quả Tu-đà-hoàn... giải thoát khổ. Này Ma-ha-nam! Ông hãy đến hỏi Phật, rồi như lời Phật dạy, chúng ta sẽ vâng theo. Khi ấy, Ma-ha-nam đi đến chỗ Phật, đảnh lễ xong, lui ngồi một bên, bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Chúng con, những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ tụ tập tại nhà cúng dường bàn bạc với nhau: "Thế nào là lời nói thọ ký rốt sau? Trong đó Bách Thủ họ Thích mạng chung, Thế Ton nói quyết định đắc quả Tu-đà-hoàn..; giải thoát khổ. Ông nên đến hỏi lại Thế Tôn, roi chúng ta sẽ vâng theo lời Thế Ton/9 Bây giờ con xin hỏi Phật, xin Ngài giải thích cho chúng con. Phật bảo Ma-ha-nam: Thiện Thệ Đại Sư! Thiện Thệ Đại Sư! Đó là lời nói của Thánh đệ tử, miệng nói Thiện Thệ là tâm chánh niệm, chánh kiến, thời sẽ nhập vào Chánh pháp, Luật của Thiện Thệ. Chánh pháp, Luật do Thánh đệ tử nói, miệng nói Chánh pháp, Luật, phát tâm chánh niệm, chánh kiến thời sẽ nhập vào Chánh pháp, Luật, thiện hướng tăng; thiện hướng tăng, được Thánh đệ tử nói đến, miệng nói thiện hướng, phát tâm chánh niệm, chánh kiến đắc nhập thiện hướng. Như thế, này Ma-ha-nam, Thanh đệ tử đối với Phật một bề tịnh tín, đối với Pháp, Tăng một bề tịnh tín; đối với Pháp có lợi trí, xuất trí, quyết định trí, bát giải thoát đầy đủ, thân tác chứng, do trí tuệ thấy hữu lậu đã đoạn, đã biết. Như thế, Thánh đệ tử không đọa vào địa ngục, nga quỷ, súc sanh, chẳng đọa đường ác, nói A-la-hán cùng giải thoát. Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử một bề đối với Phật lòng tin thanh tịnh... trí tuệ quyết định, tuy chưa được bát giải thoát, thân tác chứng, an trụ đầy đủ,

nhưng mà thấy biết hữu lậu đã đoạn. Đây gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ac9... tuệ giải thoát. Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử một bề đối với Phật lòng tin thanh tinh,... trí tuệ quyết định, bát giải thoát, thân tác chứng, an trụ đầy đủ, nhưng chẳng thấy thấu hữu lậu đoạn. Đây gọi là Thánh đệ tử chẳng rơi đường ac?... thân tác chứng. Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử một bê đôi với Phật lòng tin thanh tịnh,... trí tuệ quyết định, tuy chưa được bát giải thoát, thân tác chứng, an trụ đầy đủ, nhưng đối với Chánh pháp, Luật, được thấy biết như thật. Đây gọi là Thánh đệ tử chẳng đọa vào đường ác,... kiến đáo. Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử một bề đối với Phật lòng tin thanh tinh... đến trí tuệ quyết định, tuy đối với Chánh pháp, Luật, có thấy biết như thật nhưng chẳng được kiến đáo. Đây gọi là Thánh đệ tử chẳng đọa vào đường ác,... tín giải thoát. Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tin nơi lời nói của Phật thanh tinh, tin Pháp thanh tinh, tin lời nói của Tăng thanh tịnh, đối với năm pháp làm tăng trí tuệ, quán sát kỹ lưỡng và lãnh thọ. Đó là tín, tinh tấn, niệm, đinh, tuệ. Đây gọi là Thánh đệ tử chẳng rơi đường ác... tùy pháp hành. Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tin lời nói của Phật thanh tịnh, tin Pháp thanh tịnh, tin lời nói của Tăng thanh tịnh... năm pháp chỉ có ít trí tuệ quán sát kỹ lưỡng, cố gắng lãnh thọ. Đó là tín, tinh tấn, niệm, đinh, tuệ. Đây gọi là Thánh đệ tử chẳng đọa vào đường ác... tùy tín hành.

KINH TẠPA-HÀM 727

Ma-ha-nam! Như cây kiên cố này đối với lời Ta đã nói mà có thể hiểu được nghĩa thì thật không thể có việc này; nếu cây ấy có thể hiểu thì Ta cũng ký thuyết, huống gì đối với Bách Thủ họ Thích mà Ta chẳng ký thuyết đắc Tu-đà-hoàn. Này Ma-ha-nam! Bách Thủ họ TTiích lúc sắp chết, thọ trì tinh giới, bỏ uống rượu nên sau khi ông chết Ta ký thuyết ông đắc quả Tu-đà-hoàn?... giải thoát khổ. Ma-ha-nam và những người dòng họ Thích nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ cáo từ. J

KINH SỐ 937 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, có bốn mươi Tỳ-kheo ở làng Ba-lê-gia, tất cả đều tu hạnh tịch tĩnh, đắp y phan tảo đi khất thực, còn ở địa vị hữu học, chưa ly dục. Họ cùng đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ thầm: "Bốn mươi Tỳ-kheo này đang ở làng Ba-lê- gia, đều tu hạnh tịch tĩnh, mặc y phấn tảo, đi khất thực, còn ở địa vị hữu học, chưa ly dục. Hôm nay Ta nên thuyết pháp cho họ để họ ngay đời này chẳng khởi các lậu, tâm được giải thoát." Thế Tôn bảo bốn mươi Tỳ-kheo ở làng Ba-lê-gia: Chúng sanh vô thỉ sanh tử bị vô minh che lấp, ái trói buộc, mãi mãi xoay vần sanh tử, chẳng biết cội nguồn của khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Các Tỳ-kheo nghĩ thế nào? Nước sông Hằng chảy cuồn cuộn vào biên lớn, trong ây nước sông Hăng nhiêu hay là các người từ trước đen nay bị xoay van trong sanh tử, thân the bị phá hoại, máu tuôn chảy nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Theo như chúng con hiểu ý nghĩa của lời Phật nói, chúng con đã trôi lăn trong sanh tử quá lâu, thân chúng con bi phá hoại, máu chảy rất nhiều, nhiều gấp trăm ngàn vạn lần nước sông Hằng. Phật bảo các Tỳ-kheo: Chẳng hay nước sông Hằng... nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là các thầy trôi lăn trong sanh tử, thân xác bi phá hoại, máu tuôn chảy là nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Như chúng con hiểu ý nghĩa lời Thế Tôn nói, chúng con mãi trôi lăn trong

sanh tử, thân xác bi phá hoại, máu tuôn chảy rất nhiều, nhiều hơn cả nước bốn biển lớn. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Các thầy mãi luân chuyển sanh tử, máu trong thân thể tuôn chảy rất nhiều, hơn cả nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Vì sao?

Vì các thầy đã từng sanh trong loài voi, hoặc bị cắt tai, mũi, đầu, đuôi, bốn chân, máu huyết vô lượng, hoặc mang thân ngựa, thân lạc dà, thân trâu, chó, thân các loài cầm thú bị cắt đứt tai, mũi, đầu, chân, toàn thân, máu tuôn chảy vô lượng. Các thầy đã từng bị giặc cướp, bị người ta sát hại, cắt đứt đầu, chân, tai, mũi, toàn thân bị phân ly, máu tuôn chảy vô lượng. Các thầy đã từng chịu thân hoại mạng chung bỏ trong nghĩa địa, máu huyết tanh nồng, tuôn chảy số lượng không lường, hoặc đọa địa ngục, súc sanh, nga quỷ, rồi thân hoại mạng chung, máu huyết tuôn chảy cũng vô lượng. Phật bảo các Tỳ-kheo: Sắc là thường hay vô thường?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, vô thường! Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, là khổ! Phật bảo: -Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, Thánh đệ tử có thể ở trong ấy thấy là ngã, khác ngã hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, không! Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thê. Phật bảo: Những gì thuộc về sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau, biết thật như thế. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thánh đệ tử quán như thế đối với sắc sanh chán lìa; đối với thọ, tưởng, hành, thức sanh chán lìa; đã chán lìa nên chẳng ưa thích, vì chẳng ưa thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cân làm đã làm xong, tự biêt không còn thọ thân sau." Khi Phật nói pháp này, bốn mươi Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, dứt sạch phiền não, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 938 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

in)Á • y f-pl Á rrn 7\ -19 < qp y l 1 Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử đến nay cứ mãi xoay vần, không biết cội nguồn của khổ. Các Tỳ-kheo nghĩ thế nào? Nước sông Hằng... nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là nước mắt của các thầy tuôn ra trong vòng sanh tử luân hồi là nhiều? Các Ty-kheo bạch Phật: Như chúng con hiểu ý nghĩa lời Phật nói, nước mắt của chúng con tuôn rơi trong vòng sanh tử xoay vần rất nhiều, nhiều hơn cả nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Phật bảo các Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Nước mắt của các thầy tuôn rơi trong vòng sanh tử xoay vần rất nhiều, chứ không phải nước sông Hằng và nước bốn biển. Vì sao? Vì các thầy đã từng bị mất cha mẹ5 anh em, chị em, thân thuộc, người quen, bị mất mát tiền của, nước mắt tuôn rơi cho những sự mất mát đó rất nhiều vô lượng. Các thây cứ mãi bị ném ra nghĩa địa, máu tanh chảy ra, roi sanh vào địa ngục, nga quỷ? súc sanh.

Này các Tỳ-kheo! Các thầy từ vô thỉ sanh tử cứ xoay vần, máu và nước mắt trong thân rát nhiêu, nhiêu vô lượng. Này các Tỳ-kheo! sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, vô thường! - Nếu vô thường thì đó là khổ chăng? -Bạch Thế Tôn, khổ! Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, không! Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

Này các Tỳ-kheo! Thánh đệ tử biết như thế, thấy như thế... đối với sắc giải thoát; đối với thọ, tưởng, hành, thức, giải thoát; giải thoát sanh-lão-bệnh-tử-iru- bi-khổ-não. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 939 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc.

730 KINH TẠPA-HÀM

Ắ •A rrnl Á nn 7 _ _ L _ nn \ 1 -í _ Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, bị vô minh che lấp, ái trói cổ, cứ mãi luân chuyển chẳng biết cội gốc của khổ. Phật bảo các Tỳ-kheo: - Các Tỳ-kheo nghĩ thế nào? Nước sông Hằng và nước bốn biển lớn là nhiều hay là sữa mẹ mà các thầy đã uống mãi luân chuyển trong sanh tử là nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật: 9 r Như chúng con hiêu ý nghĩa lời Phật nói, sữa mẹ mà chúng con đã uông trong vòng sanh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Phật bảo các Tỳ-kheo: —Lành thay! Lành thay! Sữa mẹ mà các thây đã uông trong vòng sanh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Vì sao? Vì các thầy đã từng sanh trong loài voi, uống sữa mẹ vô lượng, vô số, hoặc sanh làm lạc đà, ngựa, trâu, lừa, v.v... các loài cầm thú? uống sữa mẹ vô lượng vô số. Các thầy đã từng bỏ thân nơi gò mả? máu mủ tuôn chảy cũng vô lượng, hoặc đọa địa ngục, nga quỷ, súc sanh, máu tủy tuôn chảy cũng như vậy. Này các Tỳ-kheo! Các thầy từ vô thỉ sanh tử đến nay, chẳng biết cội gốc của khổ. Này các Tỳ-kheo! sắc là thường hay vô thường? -Bạch Thế Tôn! Vô thường. ... Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm quán sát chẳng phải ngã? chẳng phải ngã sở? đối với tất cả pháp thế gian đều không chấp thủ, vì không chấp thủ nên không dính mắc, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 940 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử mãi xoay vần chẳng biết cội gốc của khổ. Các Tỳ-kheo! Ý các thầy nghĩ sao? Nếu tất cả cây cỏ trên mặt đất này xẻ ra làm cái thẻ bằng bốn ngón tay dùng để đếm cha mẹ của các thầy đã trải qua trong vòng sanh tử, con số thẻ tre đã hết, số cha mẹ kia cũng vẫn không hết. Này các Tỳ-kheo! Cứ xoay vần sanh tử nối tiếp mãi từ vô thỉ như thế là do chẳng biết cội gốc của kho. Vì the các Tỳ-kheo nên học như sau: Nên siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ khiến tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

730 KINH TẠPA-HÀM

Ắ •A rrnl Á nn 7 _ _ L _ nn \ 1 -í _ Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, bị vô minh che lấp, ái trói cổ, cứ mãi luân chuyển chẳng biết cội gốc của khổ. Phật bảo các Tỳ-kheo: - Các Tỳ-kheo nghĩ thế nào? Nước sông Hằng và nước bốn biển lớn là nhiều hay là sữa mẹ mà các thầy đã uống mãi luân chuyển trong sanh tử là nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật: 9 r Như chúng con hiêu ý nghĩa lời Phật nói, sữa mẹ mà chúng con đã uông trong vòng sanh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Phật bảo các Tỳ-kheo: —Lành thay! Lành thay! Sữa mẹ mà các thây đã uông trong vòng sanh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Vì sao? Vì các thầy đã từng sanh trong loài voi, uống sữa mẹ vô lượng, vô số, hoặc sanh làm lạc đà, ngựa, trâu, lừa, v.v... các loài cầm thú? uống sữa mẹ vô lượng vô số. Các thầy đã từng bỏ thân nơi gò mả? máu mủ tuôn chảy cũng vô lượng, hoặc đọa địa ngục, nga quỷ, súc sanh, máu tủy tuôn chảy cũng như vậy. Này các Tỳ-kheo! Các thầy từ vô thỉ sanh tử đến nay, chẳng biết cội gốc của khổ. Này các Tỳ-kheo! sắc là thường hay vô thường? -Bạch Thế Tôn! Vô thường. ... Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm quán sát chẳng phải ngã? chẳng phải ngã sở? đối với tất cả pháp thế gian đều không chấp thủ, vì không chấp thủ nên không dính mắc, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 940 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử mãi xoay vần chẳng biết cội gốc của khổ. Các Tỳ-kheo! Ý các thầy nghĩ sao? Nếu tất cả cây cỏ trên mặt đất này xẻ ra làm cái thẻ bằng bốn ngón tay dùng để đếm cha mẹ của các thầy đã trải qua trong vòng sanh tử, con số thẻ tre đã hết, số cha mẹ kia cũng vẫn không hết. Này các Tỳ-kheo! Cứ xoay vần sanh tử nối tiếp mãi từ vô thỉ như thế là do chẳng biết cội gốc của kho. Vì the các Tỳ-kheo nên học như sau: Nên siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ khiến tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 731

KINH SỐ 941 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử mãi xoay vần không biết cội gốc của khổ. Này các Tỳ-kheo! Nêu đem bùn đất trên khắp cõi đất này vo lại thành viên như trái bà-la để tính số cha mẹ mà các thầy đã nương tựa trong vòng sanh tử đến nay, con số viên đất đã hết mà số cha mẹ các thầy nương tựa vẫn không hết. Này các Tỳ-kheo! Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử xoay vần, không biết cội gốc của khổ, con số ấy như thế. Vì thế, các Tỳ-kheo nên siêng năng nỗ lực đoạn trừ các hữu, chớ khiến cho tăng trưởng. Nên học như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 942 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử xoay vần chẳng biết cội gốc của khổ. Này các Tỳ-kheo! Các thầy thấy các chúng sanh an ổn hưởng thụ khoái lạc, nên nghĩ rằng: "Chúng ta cũng đã từng luân chuyển sanh tử, cũng đã từng hưởng thụ khoái lạc kia, thú vui kia vô lượng.^^ Vì thế, các Tỳ-kheo nên học

như vầy: Từ vô thỉ sanh tử xoay vần không biết cội gốc của khổ, nên siêng năng tinh tan đoạn trừ các hữu, chớ khiến cho tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 943 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Thê Tôn bao các Ty-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử xoay vần không biết cội gốc của khổ. Này các Tỳ-kheo! Nếu thấy các chúĩiệ sanh chịu các khổ não, nên nghĩ như sau: "Chúng ta từ lâu nay mãi luân chuyên sanh tử, cũng đã từng chịu khổ như thế đến vô lượng, nên siêng năng nỗ lực đoạn trừ các hữu, chớ khiến cho tăng trưởng." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 944 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

732 KINH TẠPA-HÀM

-pv Á • A rpl Á rpi/\ 19 rpī A 1 1 Bây giơ, Thê Tôn bao các Ty-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử xoay vân không biêt cội góc của khô. Này các Tỳ-kheo! Các thầy thấy các chúng sanh mà sanh lo sợ đến chân lông dựng lên, nên nghĩ như sau: "Chúng ta trong quá khứ chắc hẳn đã từng sát sanh, làm tôn thương, làm hại, làm kẻ ác tri thức, trong vô thỉ sanh tử xoay vân, không biết cội gốc của kh6." Này các Tỳ-kheo! Nên học như vầy: Đoạn trừ các hữu, chớ khiến cho tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 945 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử luân chuyên, không biêt cội góc của khô. Này các Tỳ-kheo! Nếu thấy chúng sanh khởi tâm ái niệm hoan hỷ, nên nghĩ như sau: “Nhu thế, chúng sanh thời quá khứ hẳn đã từng là cha mẹ, anh em, vợ con, thân thuộc, thầy bạn, tri thức; như thế cứ mãi sanh tử xoay vần, bị vô minh che lấp, ái cột cổ nên luôn bi luân chuyển, chẳng biết cội gốc của kh6." Vì thế các Tỳ-kheo nên học như vây: Tinh cân9 nô lực, đoạn trừ các hữu, chớ khiên cho tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 946

Tôi nghe như vay:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bay giờ, có vị Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, cung kính chào hỏi, rồi lui ngồi một bến, bạch Phạt:

Thưa Cù-đàm! Đời vi lai có bao nhiêu đức Phật?

Phật bảo Bà-la-môn: Phật vi lai nhiều như cát sông Hằng.

Bấy giờ, Bà-la-môn nghĩ rằng: "Đời vi lai sẽ có các đấng Chánh Đẳng Chánh Giác nhiều vô lượng như cát sông Hằng. Ta theo các Ngài tu Phạm hạnh.” Sau khi nghe Phật dạy. Bà-la-môn hoan hỷ? tùy hy, từ chỗ ngồi đứng lên đi; dọc đường, Bà-la-môn vừa di, vừa

suy nghĩ: "Ta chỉ hỏi Sa-môn Cù-đàm về các đức Phật vị lai, không hỏi quá khứ." Bà-la-môn liền trở lại hỏi Thế Tôn: -Thưa Cù-đàm! Đời quá khứ có bao nhiêu đức Phật? Phật bảo Bà-la-môn: Đời quá khứ cũng có vô lượng chư Phật, nhiều như cát sông Hằng.

KINH TẠPA-HÀM 733

LÚC ấy, Bà-la-môn liền nghĩ: 'Trong thời quá khứ có chư Phật nhiều vô lượng như cát sông Hằng, ta từng chẳng gần gũi. Giả sử vô lượng chư Phật như cát sông Hằng ở đời vị lai ta cũng sẽ chẳng được gần gũi, vui sướng thì ngày nay ta nên ở nơi Sa-môn Cù-đàm tu hành Phạm hạnh." Suy nghĩ xong, Bà-la- môn chắp tay bạch Phật: -Xin Thế Tôn chấp thuận cho con ở nơi Chánh pháp, Luật, xuất gia tu Phạm hạnh. Phật bảo Bà-la-môn: Ta chấp nhận cho ông nơi Chánh pháp, Luật, xuất gia tu Phạm hạnh, được làm Tỳ-kheo. Bà-la-môn được xuất gia thọ giới Cụ túc; xuất gia rồi một mình ở chỗ vắng tư duy vê lý do khiên người thiện nam chánh tín, không nhà, xuât gia học đạo... đắc quả A-la-hán.

KINH SỐ 947 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong núi Tỳ-phú-la. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có một người ở trong một kiếp sanh tử xoay vần, xương trắng chồng chất chẳng mục nát, cao như núi Tỳ-phú-la. Nấu đa văn Thánh đệ tử biết như thật khổ Thánh đế, biết như thật khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh đế; vi ấy biết như thế, thấy như thế, đoạn ba kiết sử là thân kiến, giới thủ, nghi; đoạn ba kiết sử này đắc quả Tu-đà-hoàn, chẳng rơi vào đường ác, quyết định hướng thẳng đến Chánh giác, bảy lần qua lại trong cõi trời, người là giải thoát khổ. Khi áy, The Ton noi kẹ: Một người trong một kiếp, Xương trắng tích tụ lại, Chồng chất không mục nát, Như núi Tỳ-phú-la. Nếu các Thánh đệ tử, Chánh trí thấy chân dế, Cái khổ và khổ nhân, Lìa khổ được tịch diệt, Tu tập Tám đạo tích, Chánh hướng Bát-niết-bàn, Cho đến trải bảy lần Qua lại trong trời, người, Hết sạch tất cả kiết, Được giải thoát các khổ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 948 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

734 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, cứ mãi luân chuyên không biêt cội góc của khổ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia sửa lại y phục, bày áo vai phải, đảnh lễ Phật, quỳ gối sát đất, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Kiếp dài như thế nào?

Phật bảo Tỳ-kheo: Ta có thể vì thầy nói, nhưng thầy khó biết được.

Tỳ-kheo bạch Phật: - Ngài có thể nói ví dụ không? Phật bảo Tỳ-kheo: Có thể nói. Này Tỳ-kheo! Ví như thành sắt vuông khoảng một do-tuần? chiều cao thấp cũng như thế, trong ấy đầy hạt cải, có người trăm năm lấy một hạt cải, lấy đến hết sạch tất cả hạt cải, kiếp vẫn chưa hết Này Ty-kheo! Kiếp lâu dài như thế, kiếp lâu dài trăm, ngàn, muôn, ức cái khổ lớn nối tiếp, xương trắng thành đống, máu mủ thành sông, trải qua địa

ngục, súc sanh, nga quỷ. Đây gọi là Tỳ-kheo từ vô thỉ sanh tử xoay vần không biết cội gốc của khổ. Vì thế, Tỳ-kheo nên học như vầy: Đoạn trừ các hữu, chớ khiến cho tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 949

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử xoay vân chăng biêt cội góc của khô?

Khi ấy có Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật:

-Bạch Thế Tôn! Kiep lau dài như thế nào?

Phật bảo Tỳ-kheo:

Ta có thể vì thầy nói nhưng thầy khó biết được.

Tỳ-kheo bạch Phật: Ngài có the nói ví dụ chăng?

Phật đáp: Có thể nói. Ví như núi đá lớn chẳng đoạn, chẳng hoại, vuông vức một do-tuần, nếu có người lấy mảnh lụa Ca-thi-kiếp-bối9 cứ một trăm năm quét qua núi đá một lần cho đến khi núi đá có thể mòn hết nhimg kiếp vẫn chưa tận. Này Tỳ-kheo! Kiếp lâu dài như thế, trăm, ngàn, vạn, ức kiếp chịu các khổ

não. Cho nên các Tỳ-kheo nên học như vầy: Đoạn trừ các hữu, chớ khiến cho tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 950

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử xoay vần chẳng biết cội gốc của khổ?

Lúc ấy, có vi Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Quá khứ có bao nhiêu kiếp?

Phật bảo Tỳ-kheo: Ta nói ra, thầy thật khó biết được.

Tỳ-kheo bạch Phật: Ngài có thể nói ví dụ không?

Phật bảo: Có thê nói. Này Tỳ-kheo! Ví như có người sông được trăm năm, sáng sớm nghĩ đến ba trăm ngàn kiếp, giữa ngày nghĩ đến ba trăm ngàn kiếp, buổi chiều nghĩ đến ba trăm ngàn kiếp, như thế hàng ngày nghĩ đến kiêp số. Một trăm năm mạng chung không thể nhớ được biên tế của kiếp số. Này Tỳ-kheo! Nên biết kiếp số của quá khứ vô lượng như thế. Quá khứ vô lượng kiếp số lâu dài chịu khổ, chồng chất xương khô thành núi, máu tủy thành sông, cho đến trải qua các đường ác địa ngục, súc sanh, nga quỷ. Này Tỳ-kheo! Như thế chúng sanh từ vô thỉ sanh tử xoay vần, chẳng biết cội gốc của khổ. Thế nên Tỳ-kheo nên học như vầy: Đoạn trừ các hữu, chớ khiến cho tăng

trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 951 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử xoay vần, không biết cội gốc của khổ. Chẳng có một nơi nào không sanh tử, như thế mãi mãi từ vô thỉ sanh tử, không biết cội gốc của khổ. Thế nên Tỳ-kheo nên học như vầy: Đoạn trừ các hữu, chớ khiến cho tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. _ ỉ Bay giThe Ton bao các Ty-kheo: -Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử xoay vần, chẳng biết cội gốc của khổ. Chẳng một nơi nào không có cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, thân thích, Sư trưởng. Này các Tỳ-kheo! Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử luân chuyển như thế, chẳng biết cội gốc của khổ. Thế nên Tỳ-kheo nên học như vầy: Đoạn trừ các hữu, chớ làm cho tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 953 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, Thê Tôn bảo các Ty-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử xoay vân, không biêt cội góc của khô. Ví như trời mưa to5 bong bóng nước vừa sanh liền diệt. Cũng thế, chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái buộc cổ, từ vô thỉ sanh tử, sự sống, cái chết cứ mãi xoay vần, chẳng biết cội gốc của khổ. Thế nên, các Tỳ-kheo nên học như vầy: Đoạn trừ các hữu, chớ khiến cho tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 954 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử xoay vần, chẳng biết cội gốc của khổ. Ví như khắp trời mưa lớn tầm tã5 Đông, Tây, Nam, Bắc không nơi nào dứt; như từ phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, khắp bốn phương vô lượng cõi nước, kiếp thành, kiếp hoại như mưa lớn khắp nơi không dứt đoạn. Cũng thế, từ vô thỉ sanh tử xoay vần không biết cội gốc của khổ. Ví như ném cây gậy lên hư không, hoặc phần đầu gậy rơi trên đất, hoặc phần đuôi gậy rơi trên đất, hoặc phần giữa gậy rơi trên đất. Từ vô thỉ sanh tử xoay vần, cũng thế, hoặc đọa địa ngục, hoặc đọa súc sanh, hoặc đọa nga quỷ. Cũng thế, từ vô thỉ sanh tử xoay vân luân chuyên. Thế nên Tỳ-kheo nên học như vầy: Đoạn trừ các hữu, chớ khiến cho tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 955 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Chúng sanh từ vô thỉ xoay vần? chẳng biết cội gốc của khổ. Này các Tỳ- kheo! Ví như có người xoay bánh xe đi năm đường, thường xoay chuyển không ngừng. Cũng thế, chúng sanh xoay vần trong năm đường, hoặc đọa địa ngục, súc sanh, nga quỷ, trời, người, luôn luôn chuyển đổi không ngừng, từ vô thỉ sanh tử luân chuyển như thế, không biết cội gốc của khổ. Thế nên

Tỳ-kheo nên học như vầy: Đoạn trừ các hữu, chớ khiến cho tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 956 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, nơi sườn núi Tỳ-phú-la. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Tất cả hành vô thường, tất cả hành chẳng thường hằng, chẳng an đinh, là pháp biến đổi. Này các Tỳ-kheo! Đối với tất cả hành nên sanh chán lìa, cầu vui giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Thời quá khứ, núi Tỳ-phú-la này gọi là Trường Trúc sơn, có dân cư ngụ quanh núi gọi là ấp Đề-di-la. Người dân ấp Đề-di-la sống bốn vạn tuổi, người ấp Đề-di-la leo lên đỉnh núi này, bốn ngày sau mới trở về. Đương lúc ấy có đức Phật Ca-la-ca-tôn-đề9 Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp, giáo hóa chặng đầu, chặng giữa và sau cùng đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch, khai phát chỉ bày rõ ràng. Nhưng nay tên gọi Trường Trúc sơn đã mất, người dân ấp Đề-di-la cũng không còn. Đức Phật Như Lai ấy đã Bát-niết-bàn. Các Tỳ-kheo nên biết, tất cả các hành đều vô thường, chẳng hằng, chẳng an, là pháp biến đổi. Đối với tất cả hành nên tu chán lia, ly dục, giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Thời quá khứ, núi Tỳ-phú-la này gọi là Bằng-ca, lúc bấy giờ có nhân dân cư ngụ quanh núi gọi là ấp A-tỳ-ca. Nhân dân thời ấy sống ba vạn tuôi. Người dân áp A-tỳ-ca thường leo lên đỉnh núi này trong ba ngày mới trở về. Lúc ấy có đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ? Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Ton xuất hiện ở thế gian, diễn nói kinh pháp chặng đầu, chặng giữa, sau cùng đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch, khai phát, chỉ bày rõ ràng. Này các Tỳ-kheo! Tên núi Bằng-ca kia đã mất từ lâu, người dân ấp A-tỳ-ca cũng đã

chết từ lâu. Đức Phật Như Lai kia cũng đã Bát-niết-bàn. Như thế, Tỳ-kheo? tất cả hành đều vô thường, chẳng hằng, chẳng an? là pháp biến đổi. Tỳ-kheo các thầy nên chán lìa, ly dục, giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Thời quá khứ, núi Tỳ-phú-la này tên là Túc-ba-la-thủ có nhân dân cư ngụ quanh núi gọi là ấp Xích Mã, tuổi thọ của dân vùng này là hai vạn tuổi, nhân dân leo lên đỉnh núi này trải qua hai ngày mới trở vê. Lúc ây có đức Phật hiệu là Ca-diếp5 Như Lai, ứng Cúng... xuất hiện ở thế gian, diễn nói kinh pháp chặng đầu, chặng giữa, sau cùng đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị? thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch, khai thị, chỉ dạy rõ ràng. Tỳ-kheo nên biết tên núi Túc-ba-la-thủ đã mất từ lâu, người ấp Xích Mã cũng đã biến mất từ lâu. Đức Thế Tôn thời ấy đã Bát-niết-bàn. Như thế, Tỳ-kheo, tất cả hành đều vô thường, chẳng hằng, chẳng an, là pháp biến đổi. Vì thế Tỳ-kheo nên tu chán lìa, ly dục, giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Ngày nay, núi này tên là Tỳ-phú-la, có nhân dân cư ngụ quanh núi? gọi là nước Ma-kiệt-đà; người dân ở đây sống một trăm tuổi, khéo sống an nhàn được đầy trăm tuổi. Người Ma-kiệt-đà leo lên đỉnh núi này, trong chốc lát trở về, Ta hiện nay ở nơi đây được thành Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác... Phật, Thế Tôn diễn thuyết Chánh pháp giáo hóa khiến họ đắc Niết-bàn tịch diệt, chánh đạo, thiện thệ giác tri.

Tỳ-kheo nên biết, núi Tỳ-phú-la này sẽ tiêu mất, người dân Ma-kiệt-đà . e -r * cũng sẽ chét di, Như Lai chăng bao lâu sẽ Bát-niêt-bàn. r r y ?

Như thê, Tỳ-kheo, tát cả hành đêu vô thường, chăng hăng, chăng an, là pháp biến dịch. Vì thế Tỳ-kheo nên tu chán lìa, ly dục, giải thoát. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Xưa kia núi Trường Trúc, Thôn ấp Bề.di.la, Ke đến Bằng-ca sơn, Thôn ấp A-tỳ-ca5 Núi Túc-ba-la-thủ? Thôn ấp tên Xích Mã, Nay là Ty-phu-la5 Nước tên Ma-kiệt-đà? Danh sơn đều diệt mất, Dân cư cũng chẳng còn, Chư Phật Bát-niết-bàn, Đã có đều tiêu mất, Tất cả hành vô thương, Đều là pháp sanh diệt, Có sanh đều diệt hết, Chỉ tịch diệt là vui. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 957 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có người thuộc giai cấp Bà-tha xuất gia, đi đến chỗ Phật, chắp tay thăm hỏi Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

KINH TẠPA-HÀM 739

-Thưa Cù-đàm! Con có điều muốn hỏi, Cù-đàm có rảnh để giải đáp cho chăng? Phật bảo với người Bà-tha xuất gia kia: Tùy ông hỏi, Ta sẽ vì ông nói.

Bà-tha bạch Phật:

-Thưa Cù-đàm! Thế nào, mạng tức là thân chăng?

Phật bảo Bà-tha:

Mạng tức là thân, điều này Ta không ký thuyết.

Thưa Cù-đàm! Có phải mạng khác, thân khác?

Phật bảo Bà-tha: Mạng khác, thân khác, điêu này Ta cũng không ký thuyêt.

Bà-tha bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Thế nào, khi hỏi: "Mạng tức là thân?" Ngài đáp: "Không ký thuyết.,^ Hỏi: "Mạng khác, thân khác?" Ngài cũng đáp: "Không ký thuyết." Sa-môn Cù-đàm5 sao lại có điêu lạ lùng vậy, khi đệ tử mạng chung thì liên ký thuyết rằng: 4'Người này sanh chỗ kia, người nọ sanh chỗ này. Các đệ tử nơi đây mạng chung, xả thân, tức nương theo ý sanh, thân sanh ở những nơi khAc." Ngay lúc ấy chẳng phải là mạng khác, thân khác? Phật bảo Bà-tha: Đây là nói còn, chẳng phải nói không còn.

Bà-tha bạch Phật: Thế nào là nói còn, chẳng phải nói không còn?

Phật bảo Bà-tha: Ví như lửa còn mới cháy được, chẳng phải không còn.

Bà-tha bạch Phật:

-Con thấy lửa không còn cũng cháy.

Phật bảo Bà-tha:

Sao là thấy lửa không còn mà vẫn cháy?

Bà-tha bạch Phật: Ví như một đống lửa to bị một ụận gió lốc thổi qua, lửa bốc lên hư không, đó chẳng phải là không còn lửa chăng? Phật bảo Bà-tha: Gió thổi lửa bay trong hư không tức là còn có lửa, chẳng phải không còn.

Bà-tha bạch Phật: Cù-đàm! Gió thổi lửa bay trong hư không vì lẽ gì mà nói là lửa còn?

Phật bảo Bà-tha:

740 KINH TẠP A-HÀM

Lửa bay trong hư không nương gió mà còn, nương gió mà cháy. Bởi nương nơi gió nên nói là còn. Bà-tha bạch Phật: -Chúng sanh chết đi nơi này, nương ý sanh thân sanh nơi khác, vì lẽ gì mà nói còn? Phật bảo Bà-tha: Chúng sanh chét nơi này, nương ý sanh thân sanh nơi khác, chính lúc ây nhân vì có ái nên thủ, nhân ái mà trụ, nên nói là còn. Bà-tha bạch Phật: —Chúng sanh do ưa thích nên còn, vì nhiễm trước nên còn? chỉ có Thế Tôn mới được sự không còn kia mà thành bậc Chánh Đang Chánh Giác. Thưa Cù-đàm! Con bận việc xin phép cáo từ. Phật bảo Bà-tha: - Ông nên biết thời. Bà-tha xuất gia sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ? tùy hỷ? từ chỗ ngồi đứng lên đi.

KINH SỐ 958 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên cũng ở nơi ấy. Khi ấy có người thuộc dòng Bà-tha xuất gia đi đến chỗ Tôn giả Mục-kiền- liên, cùng với Tôn giả chào đón, hỏi thăm ân cân xong, Bà-tha lui ngôi một bên, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên: -Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh để giải đáp cho chăng? Tôn giả Mục-kiền-liên đáp: - Tùy ý ông hỏi, biết gì ta sẽ đáp nấy. Bà-tha xuất gia hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên: Nhân gì, duyên gì mà đoi với các Sa-môn, Bà-la-môn khác khi có người đến hỏi: "Thế nào, Như Lai có còn sau khi chết, Như Lai không còn sau khi chết, Như Lai vừa có vừa không sau khi chết, Như Lai chẳng phải có chẳng phải không sau khi chết?", họ đều tùy theo câu hỏi mà đáp; còn Sa-môn Cù- đàm thì khi có người đến hỏi: "Nhu Lai có còn sau khi chết, Như Lai không còn sau khi chết, Như Lai vừa có vừa không sau khi chết và Như Lai chẳng phải có chẳng phải không sau khi chết?" thì Ngài đều đáp không ký thuyết. Mục-kiền-liên bảo Bà-tha:

KINH TẠPA-HÀM 741

Này Bà-tha! Các Sa-mon, Bà-la-môn khác đối với sắc, sắc tập, sắc diệt, sắc vi, sắc hoạn, sắc xuất ly, chẳng biết như thật. Vì chẳng biết như thật nên chấp trước răng Như Lai có còn sau khi chết; hoặc Như Lai không còn; Như Lai vừa có, vừa không; hoặc Như Lai chẳng phải có, chẳng phải không sau khi chết. Đối với thọ, tưởng, hành, thức, thức tập, thức diệt, thức vi, thức hoạn, thức xuất ly không biêt như thật. Vì chăng biết như thật nên sanh thủ trước rằng Như Lai có còn sau khi chết, không còn, vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không sau khi chét. Còn Như Lai đôi với các sắc biết như thật; sắc tập, sắc diệt, sắc vị? sắc hoạn, sắc xuất ly biết như thật, vì biết như thật nên không chấp trước rằng Như Lai có, không, vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không sau khi chết. Đối với thọ, tưởng, hành, thức biết như thật; thức tập, thức diệt, thức vị, thức hoạn, thức xuất ly biết như thật, vì biết như thật nên đối với Như Lai có, không, vừa có vừa không, chang phải có chang phải không sau khi chết, đều không châp trước như vậy. Như Lai là tịch diệt, rộng lớn, sâu xa vô lượng, vô số. Này Bà-tha! Và cũng vì nhân như thế, duyên như thế nên các Sa-môn, Bà- la-môn kia, nếu có người khác đến hỏi: "Nhu Lai có, không, vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không sau khi chết?", họ đều đáp theo. Nhân như thế, duyên như thế, nên đối với Như Lai,

nếu có ai đến hỏi: "Nhu Lai có, không, vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không sau khi chết?" thi Như lai đều đáp không ký thuyết. Bà-tha xuất gia nghe Tôn giả Mục-kiền-liên giải thích xong, hoan hỷ, tùy hỷ? từ chỗ ngồi đứng lên đi.

KINH SỐ 959 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có người chủng tộc Bà-tha xuất gia đi đến chỗ Phật, chắp tay chào hỏi xong, roi lui ngoi một bên, bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Nhân gì? duyên gì đối với các Sa-môn, Bà-la-môn khác nếu có ai đến hỏi... (nói rộng như trên). Lúc bấy giờ, Bà-tha xuất gia khen ngợi rằng: Lạ thay, Cù-đàm! Nghĩa lý của Phật và đệ tử Ngài như nhau, đồng nghĩa, đồng cú, đồng vị, cho đến đồng đệ nhất nghĩa. Thưa Cù-đàm! Con đi đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên đem nghĩa lý, câu nói, ý vị như thê hỏi Tôn giả, Tôn giả cũng dùng nghĩa lý, câu nói, ý vi như vậy để trả lời con, y như lời Như Lai nói hôm nay. Thế nên thật vô cùng kỳ đặc! Phật và đệ tử của Ngài đồng nghĩa, đồng cú? đông vị và đông đệ nhát nghĩa. Bấy giờ, Bà-tha xuất gia có nhân duyên đi đến thôn Na-ly, sau khi lo công việc xong xuôi, đi tới chỗ Tôn giả Tiên-đà Ca-chiên-diên, Bà-tha cùng Tôn giả chào đón hỏi thăm nhau, rồi lui ngồi một bên, hỏi Tiên-đà Ca-chiên-diên:

Do nhân gì, duyên gì đối Sa-môn Cù-đàm khi có người đến hỏi: uNhư Lai có, không, vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không sau khi chết?", Ngài đều đáp điều đó không ký thuyết? Tiên-đà Ca-chiên-diên nói với Bà-tha xuất gia: Bây giờ tôi hỏi ông, tùy ông đáp. Ông nghĩ thế nào? Nếu hoặc nhân, hoặc duyên, hoặc các hành, hoặc sắc, hoặc vô sắc, hoặc tưởng, hoặc phi tưởng, hoặc phi tưởng phi phi tưởng, nếu nhân kia duyên kia, hành kia, hành diệt không còn sót, vĩnh viễn diệt rồi thì Như Lai đối với người kia còn có ký thuyết: "Nhu Lai hoặc có, hoặc không, hoặc vừa có vừa không, hoặc chăng phải có chăng phải khòng sau khi chế Bà-tha xuất gia trả lời Tiên-đà Ca-chiên-diên: Nếu hoặc nhân, hoặc duyên, hoặc các thứ hành, hoặc sắc, hoặc phi sắc, hoặc tưởng hoặc phi tưởng, hoặc phi tưởng phi phi tưởng, nhân kia, duyên kia, hành kia diệt mất không còn thì làm sao Cù-đàm đối với người kia ký thuyết: "Nhu Lai hoặc có5 hoặc không, hoặc vừa có vừa không, hoặc chăng phải có chẳng phải không sau idii chế Tiên-đà Ca-chiên-diên bảo Bà-tha: Vì thê Như Lai do nhân ây, duyên ây nên khi có người hỏi: "Nhu Lai hoặc có hoặc không, vừa có vừa không, hoặc chẳng phải có chẳng phải không sau khi chết?” Ngài đều chẳng ký thuyết. Bà-tha lại hỏi Tiên-đà Ca-chiên-diên: Ngài làm đệ tử của Sa-môn Cù-đàm được bao lâu?

Tiên-đà Ca-chiên-diên đáp: -Tôi nương nơi Chánh pháp, Luật, xuất gia, tu Phạm hạnh chưa đủ ba năm. Bà-tha xuất gia nói: Tiên-đà Ca-chiên-diên chóng được thiện lợi. Mới xuất gia thời gian ngắn mà được thần luật nghi như thế, lời nói hợp luật nghi như thế, lại được trí tuệ, biện tài như thế. Bà-tha xuất gia nghe Tôn giả Tiên-đà Ca-chiên-diên nói xong, hoan hỷ9 tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên đi.

KINH SỐ 960 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá? trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có người thuộc chủng tộc Bà-tha xuất gia, đi đến chỗ Phật, chắp tay chào hỏi. Chào hỏi xong, lui ngồi một bên, bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Con có điều

muốn hỏi, Cù-đàm có rảnh để giải đáp cho chăng?

KINH TẠPA-HÀM 743

Phật bảo Bà-tha xuất gia: -Tuy y ong hoi? Ta sẽ giai noi. Bà-tha xuất gia bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Do nhân gì, duyên gì khi có người đến hỏi: "Như Lai hoặc có hoặc không, hoặc vừa có vừa không, hoặc chẳng phải có chẳng phải không sau khi chết?", Ngài đều đáp điều độ chẳng ký thuyết? Phật bảo Bà-tha xuất gia: ... (nói rộng như Tiên-đà Ca-chiên-diên ở trên... chang phải có chẳng phải không sau khi chết). Bà-tha xuất gia bạch Phật: Lạ thay, Cu-đàm! Bậc Thầy và đệ tử nghĩa, nghĩa đồng, câu câu đồng, vị vi đồng thì chắc chắn lý phải hợp đó là đệ nhất cú thuyết. Thưa Cù-đàm! Hôm trước con có chút việc cần đến thôn Na-lợi-già. Việc xong rồi tạm đi qua Sa-môn Ca-chiên-diên, con đem nghĩa này, câu này, ý vi này hỏi Sa-môn Ca- chiên-diên, Tôn giả cũng dùng nghĩa như thế, câu như thế, vi như thế để đáp lại câu hỏi của con y như ngày nay Sa-môn Cù-đàm nói. Thế nên biết thật là kỳ lạ bậc Thầy và đệ tử nghĩa, cú, vị đều đồng nhất. Bà-tha xuất gia nghe Phật nói xong, hoan hy, tùy hỷ5 từ chỗ ngồi đứng lên đi.

KINH SỐ 961 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bây giờ, có người thuộc chủng tộc Bà-tha xuất gia đi đên chô Phật, chăp tay chào hỏi, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Thế nào, có ngã chăng? Thế Tôn yên lặng không đáp. Ba lần hỏi như thế, Thế Tôn vẫn im lăng không đáp. Bấy giờ, Bà-tha xuất gia nghĩ thầm: "Ta đã ba lần hỏi mà chẳng được Sa- môn Cù-đàm đáp, thôi ta nên trở về." Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang đứng cầm quạt hầu sau Phật. Tôn giả A-nan bạch Phật. Thưa Thế Tôn! Bà-tha xuất gia đã ba lần hỏi, vì sao Thế Tôn không trả lòi, há chẳng làm tăng ác tà kiến cho Bà-tha, có thể Bà-tha sẽ nói rằng Sa-môn không thể giải đáp câu hỏi của ông ta? Phật bảo Tôn giả A-nan: -Nêu Ta đáp có ngã sẽ làm tăng thêm tà kiên đã có trước của người kia, nêu Ta đáp không có ngã thì sự nghi hoặc đã sẵn có của người kia lại càng tăng thêm mà nói rằng: "Trước ta có ngã mà nay đoạn diet." Nếu trước vốn có ngã thì đây là thường kiến, nay ngã đoạn diệt thì đây là đoạn kiến. Như Lai lìa hai bên, thuyết

744 KINH TẠPA-HÀM

pháp Trung đạo, nghĩa là cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, nghĩa là duyên vô minh có hành,... sanh-lão-bệnh-tử-un-bi-khô-não diệt... Phật nói kinh này xong, Tôn giảA-nan nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 962 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có Bà-tha xuất gia đi đến Phật, chào hỏi ân cần, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Thế nào, Cù-đàm có thấy như vầy, nói như vầy: “Thế gian là thường, đây là chân thật, ngoài ra là hư vQng"? Phật bảo Bà-tha xuất gia: Ta chẳng thấy như vầy, nói như vầy: "Thế gian là thường, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng,^, Bà-tha xuất gia bạch Phật: -Thê nào Cù-đàm có thây như vây, nói như vây: "Thê gian vô thường, vừa thường vừa vô thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, hữu biên, vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên;

mạng tức là thân, mạng khác thân khác; Như Lai có sau khi chết, Như Lai không, Như Lai vừa có vừa không, Như Lai chẳng phải có chẳng phải không sau khi chef9? Phật bảo Bà-tha: Ta chẳng thấy như vầy, nói như vầy "...chẳng phải có chẳng phải không sau khi chết." Bấy giờ, Bà-tha xuất gia bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Đối với các tri kiến này có lỗi gì mà tất cả điều ấy Ngài đều không ký thuyết. Phật bảo Bà-tha xuất gia: -Nếu khởi tri kiến rằng: "Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng?9 Đó là đảo kiến, là quán sát kiến, là dao động kiến, là cấu nhiễm kiến, là kết kiến, là khổ, là chướng ngại, là nhiệt não, bi kết kiến ràng buộc, phàm phu ngu si vô học ở đời vị lai bi sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não sanh. Này Bà-tha xuất gia! Nếu khởi tri kiến rằng: "Thế gian vô thường, vừa thường vừa vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, hữu biên, vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên; mạng là thân, mạng khác, thân khác; Như Lai c6, Như Lai không, Như Lai vừa có vừa không, Như Lai chẳng phải có chẳng phải không sau khi chef9 thì đó là đảo kiên... ưu-bi-khô-não sanh.

KINH TẠPA-HÀM 745

Bà-tha xuất gia bạch Phật: - Cù-đàm thấy biết như thế nào? Phật bảo Bà-tha: -Chỗ thấy của Như Lai đã thành tựu. Này Bà-tha! Nhưng Như Lai thấy, nghĩa là thấy khổ Thánh đế này, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế nay, biết như thế, thấy như thế rồi đối với tất cả kiến chấp, tất cả thọ, tất cả sanh, tất cả kiến chấp về ngã, ngã sở? ngã mạn trói buộc khiến cho đoạn diệt, tịch tịnh, trong sạch mát mẻ, chân thật, như thế giải thoát. Này Bà-tha! Sanh chẳng dúng, chẳng sanh cũng chẳng đúng. Bà-tha bạch Phật: Vì sao Phật nói sanh chẳng đúng?

Phật bảo Bà-tha: -Bây giờ Ta hỏi, tùy ý ông đáp. Này Bà-tha! Như có người ở trước ông nhóm lửa, ông thấy lửa cháy không? Liền đó trước ông lửa tắt, ông thấy lửa tắt không? Bà-tha bạch Phật: - Thưa Cù-đàm? có như the! Phật bảo Bà-tha: -Nếu có người hỏi ông về hướng lửa cháy nay ở chỗ nào, đi về phương Đông, hay phương Tây, phương Nam, phương Bắc? Hỏi như vậy ông sẽ nói thế nào? Bà-tha bạch Phật: Nếu bị hỏi như thế con sẽ đáp: "Nếu có nhóm lửa trước tôi, do củi, cỏ khô làm nhân duyên nên lửa cháy. Nêu không thêm củi, lửa sẽ tăt han không cháy lại được; còn nói lửa đi vê phương Đông, Tây, Nam, Bác thì không dúng." Phật bảo Bà-tha: Ta cũng nói rằng: sắc đã đoạn, đã biết; thọ, tưởng, hành, thức đã đoạn, đã biết. Đoạn cội gốc của nó như chặt đứt ngọn cây đa-la không thể tái sanh nữa, ở đời vị lai vĩnh viễn chẳng khởi lại nữa. Nếu nói đi đến bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc thì không đúng, vì vĩnh viễn tịch diệt, thậm thâm, rộng lớn, vô lượng vô biên. Bà-tha bạch Phật: Con xin được nói ví dụ.

Phật bảo Bà-tha: -Phải! Rất đúng lúc. Bà-tha bạch Phật: Ví như ở gần thành phố, thôn xóm có một vùng đất tốt mọc lên cánh rừng kiên cố, trong rừng có một cây to bền chắc trải qua vài ngàn năm, lâu ngày cành

746 KINH TẠPA-HÀM

lá xơ xác, cỏ cây khô mục, chỉ còn một thân trơ trọi kiên cố đứng một mình. Thưa Cù-đàm! Cũng thế, Pháp, Luật của Như Lai lìa bỏ các cành, nhánh, cọng, lá chỉ còn một

thân trơ trọi kiên cố đứng một mình. Bà-tha xuất gia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên đi.

KINH SỐ 963 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có người thuộc chủng tộc Bà-tha xuất gia đi đến chỗ Thế Tôn, cũng chào hỏi thăm, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Thế nào, người kia vì không biết cái gì nên khởi lên tri kiến như vầy, nói như vầy: "Thế gian là thường, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng; thế gian vô thường hay thường hay chẳng phải thường chẳng phải vô thường; thế gian hữu biên, hay thế gian vô biên, hay thế gian hữu biên vô biên, hay chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên; mạng tức là thân, mạng khác, thân khác; Như Lai có, hay không c6, hay vừa có vừa không, hay chẳng phải có chẳng phải không sau khi chết?" Phật bảo Bà-tha: Vì đối với sắc không biết nên khởi lên tri kiến như vầy, nói như vầy: "Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng... chẳng phải có chẳng phải không sau khi chết?" Vì đối với thọ, tưởng, hành, thức không biết nên khởi lên tri kiến như vầy, nói như vầy: "Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng... chẳng phải có chẳng phải không, sau khi chếf, Bà-tha bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Vì biết pháp nên chẳng khởi tri kiến như vậy, nói như vầy: "Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng... chẳng phải có chẳng phải không sau khi chết." Phật bảo Bà-tha: -Vì biết sắc nên không khởi lên tri kiến như vầy, nói như vầy: "Thế gian là thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng... chẳng phải có, chẳng phải không sau khi chết.' Vì biết thọ, tưởng, hành, thức nên không khởi lên tri kiến như vầy, nói như vầy: "Thế gian là thường, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng... chẳng phải có chẳng phải không sau khi chết.” Cũng vậy, chẳng biết và biết, chẳng thấy và thấy, chẳng phân biệt và phân biệt, chăng đoạn và đoạn, chăng quán và quán, chẳng sát và sát, chẳng giác và giác. Phật nói kinh này xong, Bà-tha xuất gia nghe lời Phật dạy, hoan hỷ? tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên đi.

KINH TẠPA-HÀM 747

KINH SỐ 964 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá? trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có người thuộc chủng tộc Bà-tha xuất gia đi đến chỗ Phật, cùng Phật chào hỏi ân cần, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Con có điều muốn hỏi, Ngài có rảnh để giải thích cho chăng?

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng. Bà-tha xuất gia hỏi ba lần như thế, Phật vẫn lặng thinh không đáp. Bà-tha xuất gia bạch Phật: Con với Cù-đàm rất hòa thuận, bây giờ con hỏi vì sao Ngài im lặng?

Khi ấy, Thế Tôn nghĩ rằng: "Bà-tha xuất gia luôn luôn ngay thẳng, thật thà không dối trá, khi hỏi như vậy là do chẳng biết chớ chẳng phải cố ý não loạn. Bây giờ, Ta nên dùng A-tỳ-đàm luận để giúp Bà-tha lãnh thọ?9 Nghĩ như thế xong, Phật bảo Bà-tha xuất gia: Ông cứ tùy ý hỏi, Ta sẽ giải thích.

Bà-tha bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Thế nào, có thiện pháp, bất thiện pháp không?

Phật đáp: -Có. Bà-tha bạch Phật: —Xin Ngài nói cho con biết thiện pháp và bất thiện pháp? Phật bảo Bà-tha: Ta sẽ vì ông nói sơ lược về thiện pháp và bất thiện pháp, hãy

lắng nghe, khéo suy nghĩ. Này Bà-tha! Tham dục là bát thiện pháp, điêu phục tham dục là thiện pháp; sân nhu, ngu si là bát thiện pháp, điêu phục sân nhu, ngu si là thiện pháp; sát sanh là bất thiện pháp, lìa bỏ sát sanh là thiện pháp; trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói ác, nói thêu dệt, tham nhuế, tà kiến đều là bất thiện pháp; chẳng trộm cắp... chánh kiến là thiện pháp. Vì vậy, Bà-tha, Ta đã nói ba thứ thiện pháp và ba thứ bất thiện pháp. Cũng vậy, Thánh đệ tử đối với ba thứ thiện pháp và ba thứ bất thiện pháp biết như thật, mười loại thiện pháp và mười loại bất thiện pháp đều biết như thật thì tham dục, sân nhuế, ngu si diệt sạch không còn thì tất cả hữu lậu diệt sạch, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biêt không còn thọ thân sau." Bà-tha bạch Phật: -Có Tỳ-kheo nào ở trong Pháp, Luật này được sạch hết hữu lậu, tâm vô lậu giải thoát,..."...chẳng thọ thân sau" chăng? Phật bảo Bà-tha:

- Không những một, hai, ba, cho đến năm trăm mà có nhiều Tỳ-kheo trong Pháp, Luật này sạch hết các hữu lậu... chẳng thọ thân sau." Bà-tha bạch Phật: -Hãy gác việc các Tỳ-kheo lại! Có một Tỳ- kheo-ni nào ở trong Pháp, Luật này hết sạch hữu lậu..."...chẳng thọ thân sau" chăng? Phật bảo Bà-tha: —Chẳng những một, hai, ba Tỳ-kheo-ni cho đến năm trăm mà có nhiều Tỳ- kheo-ni trong Pháp, Luật này hết sạch hữu lậu... chẳng thọ thân sau.” Bà-tha bạch Phật: Hãy gác việc Tỳ-kheo-ni lại! Có một nam cư sĩ nào tu các Phạm hạnh trong Pháp, Luật này mà không còn hoài nghi chăng? Phật bảo Bà-tha: Chẳng những một, hai, ba cho đến năm trăm nam cư sĩ9 cho đến nhiều nam cư sĩ tu các Phạm hạnh ở trong Pháp, Luật này đoạn năm hạ phần kiết sử, đắc quả A-na-hàm5 không còn sanh trở lại đời này nữa. Bà-tha bạch Phật: Hãy gác việc nam cư sĩ lại! Có một nữ cư sĩ nào ở trong Chánh pháp, Luật này, tu trì Phạm hạnh mà đoi với Pháp, Luật này không còn hoài nghi chăng? Phật bảo Bà-tha: -Không những một9 hai, ba nữ cư sĩ, cho đên năm trăm mà có nhiêu nữ cư sĩ ở trong Chánh pháp, Luật này, đoạn năm hạ phần kiết sử, ở nơi khác hóa sanh, đắc A-na-hàm5 không sanh trở lại nơi này nữa. Bà-tha bạch Phật: Thôi hãy gác việc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam nữ cư sĩ tu Phạm hạnh lại. Có nam cư sĩ nào hưởng thụ năm dục mà ở trong Chánh pháp, Luật này, không còn hoài nghi chăng? Phật bảo Bà-tha: —Chẳng những một, hai, ba cho đến năm trăm, mà có nhiều nam cư sĩ ở tại gia với vợ con, trang sức hươĩiệ hoa, nuôi dưỡng nô tỳ, ở trong Pháp, Luật này đoạn ba kiêt sử; tham, sân nhuê cạn mỏng, đắc Tư-đà-hàm5 chỉ một lần qua lại thế gian là giải thoát khổ. Bà-tha bạch Phật: -Hãy gác việc nam cư sĩ lại! Có nữ cư sĩ nào hưởng thụ năm dục mà ở trong Pháp, Luật này chẳng còn hoài nghi chăng? Phật bảo Bà-tha: -Chẳng những một, hai, ba, cho đến năm trăm, mà có nhiều nữ cư sĩ ở tại gia nuôi dưỡng con cái, sống trong năm dục, trang điểm hương hoa mà ở trong Pháp, Luật này ba kiêt sử đã hết sạch, đắc Tu-đà-hoàn, chẳng rơi vào đường ác,

quyết định hướng thẳng đến Chánh giác, bảy lần qua lại sanh trong trời, người, la giải thoát khổ. Bà-tha bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Nếu Sa-môn Cù-đàm thành Chánh đẳng Chánh giác, còn các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam cư si, nữ cư sĩ tu Phạm hạnh và các nam,

nữ cư sĩ sống trong năm dục chẳng được công đức như thế thì việc Ngài không trọn vẹn. Nhưng vì Sa-môn Cù-đàm đã thành Chánh đẳng Chánh giác, còn Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam cư si, nữ cư sĩ tu các Phạm hạnh mà thành tựu được công đức như thế thì việc Ngài đã trọn vẹn. Thưa Cù-đàm! Nay con xin được nói ví dụ. Phật bảo Bà-tha: Tùy ý ông nói.

Bà-tha bạch Phật: -Như trời mưa lớn, nước chảy xuống thành dòng; Pháp, Luật của Cù-đàm cũng như thế; Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, hoặc người nam, người nữ đều theo dòng hướng đến Niết-bàn? chuyển đến Niết-bàn. Thật là vô cùng kỳ lạ! Đối Pháp, Luật và Phật, Pháp, Tăng đều bình đẳng. Còn người ngoại đạo xuất gia đi đến chỗ Cù-đàm5 ở trong Chánh pháp, Luật, cầu xin được xuất gia thọ giới Cụ túc thì bao lâu được phép xuất gia? Phật bảo Bà-tha: -Nêu tu sĩ ngoại đạo muôn đên trong Chánh pháp, Luật, câu xuât gia thọ giới Cụ túc phải trải qua bốn tháng nương nơi Hòa thượng, rồi nhận lãnh y để tu hành. Nhưng việc này cũng chỉ vì người tạm đặt ra thời hạn mà thôi. Bà-tha bạch Phật: -Nếu tu sĩ ngoại đạo muốn đến ở trong Chánh pháp, Luật, cầu xuất gia thọ giới Cụ túc thì đều cho phép đến nương Hòa thượng để lãnh thọ y. Nếu đủ bốn tháng được phép xuất gia thì con nay có thể trong bốn tháng nương theo Hòa thượng để lãnh thọ y, còn nếu ở trong Pháp, Luật, con được xuất gia, thọ giới Cụ túc, con sẽ ở trong Pháp, Luật của Cù-đàm xuất gia thọ giới Cụ túc, tu trì Phạm hạnh. Phật bảo Bà-tha: -Ta trước đây chẳng nói là tạm vì người về đặt ra thời hạn đó sao? Bà-tha bạch Phật: - Thưa Cù-đàm, đúng the! Lúc ấy Phật bảo các Tỳ-kheo: Các thầy nên độ Bà-tha kia xuất gia ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia thọ giới Cụ túc.

Bà-tha tu sĩ ngoại đạo liền được xuất gia trong Chánh pháp, Luật, và thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo... chỉ trong nửa tháng đối với những điều phải học nên biết, nên phân biệt, nên thấy, nên đắc, nên giác ngộ, nên chứng thì ông đều biết, đều phân biệt đều thấy, đều đắc, đều giác, đều chứng Chánh pháp, Luật của Như Lai. Tôn giả Bà-tha nghĩ thàm: "Ta nay đã học những điều nên biết, nên phan biệt, nên thấy, nên đắc, nên giác, nên chứng, tất cả ta đều biết, đều thấy, đều đắc, đều giác, đều chứng, bây giờ ta nên đi đến gặp Thế T6n." Khi ấy Bà-tha đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Phật, rồi lui đứng một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đối với những điều phải học, nên biết, nen phân biệt, nen thấy, nên đắc, nên giác, nên chứng, tất cả con đều đã biết, đều phân biệt, đều thấy, đều đắc, đều giác, đều chứng được Chánh pháp, Luật của Thế Tôn. Xin Thế Tôn thuyết pháp cho con, sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, suy nghĩ về lý do khiến người thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học dạo,... tự biết chẳng thọ thân sau. Phật bảo Bà-tha: Có hai pháp tu tập, tu tập nhiều, đó là chỉ và quán. Hai pháp này tu tập, tu tập nhiều được biết quả báo của các cõi, giác biết nơi các cõi, biết các cõi, giác các cõi. Này Tỳ-kheo! Cũng vậy, muốn cầu lìa dục, lìa pháp ác bất thiện... an trụ đầy đủ đệ Tứ thiền, Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ; khiến ba kiết sử hết sạch, đắc Tu-đà-hoàn; ba kiết sử hết sạch, tham, sân nhuế cạn mỏng, đắc Tư-đà-hàm; năm hạ phan kiết sử tận, đắc A-na-hàm. Có các

thứ cảnh giới than thông: Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Lậu tận trí đều được tất cả. Vì the Tỳ-kheo nên tu hai pháp, tu tập, tu tập nhiều hai pháp này nên biết được các cõi... được lậu tận. Tôn giả Bà-tha nghe Phật nói xong, hoan hỷ đảnh lễ rồi đi. Tôn giả Bà-tha một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung... tự biết chẳng thọ thân sau." Lúc bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo trang nghiêm phương tiện, muốn đi đến chỗ Thế Tôn để cung kính cúng dường. Bà-tha hỏi các Tỳ-kheo: Các ngài trang nghiêm phương tiện muốn đi đến Thế Tôn cung kính cúng dường phải không? Các Tỳ-kheo đáp: Phải. Bấy giờ, Tôn giả Bà-tha nói với các Tỳ-kheo: Các Tôn giả cho tôi gởi lời kính lễ và thăm hỏi Thế Tôn: "Ngài được khỏe mạnh, ít bệnh, ít não và sống an vui kh6ng?" Và thưa rằng Tỳ-kheo Bà-tha bạch

KINH TẠPA-HÀM 751

Phật: uCon đã cúng dường Thế Tôn, phụng sự đầy đủ5 khiến Thế Tôn hài lòng chứ chẳng phải không hài lòng. Thưa Đại sư! Việc cần làm con đã hoàn tất, cúng dường Đại sư khiến Ngài hài lòng chứ chẳng phải không hài lbng.” Các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật đảnh lễ Thế Tôn, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tôn giả Bà-tha kính lễ Thế Tôn..."...hài lòng chứ chẳng phải không hài long?9 J J Phật bảo các Tỳ-kheo: Chư thiên đã nói trước với Ta rồi các thầy nay lại nói. Như Lai thành tựu tri kiến đệ nhất, cũng như Tỳ-kheo Bà-tha có đức lực như thế. Lúc ấy Thế Tôn lần thứ nhất nói lời thọ ký, cho Tỳ-kheo Bà-tha. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 965

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, có một tu sĩ ngoại đạo tên là uất-đề-ca đi đến chỗ Phật, cùng Thế

Tôn chào đón, hỏi thăm xong, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

Thưa Cù-đàm! Thế gian là hữu biên chăng?

Phật bảo: Điều này Ta không ký thuyết.

uất-đề-ca bạch Phật: Thế gian vô biên chăng? Thế gian vừa hữu biên, vừa vô biên chăng? Chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên chăng? Phật bảo uất-đề-ca: -Điều này Ta không ký thuyết. Uất-đề-ca bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Con hỏi Cù-đàm: "Thế gian hữu biên, thế gian vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô bien?59; Ngài đều đáp: "Không ký thuyết.Thế thì những pháp nào có thể ký thuyết được? Phật bảo Uất-đề-ca: -Đối với người biết, người trí, Ta vì các đệ tử ký thuyết ve đạo khiến cho dứt sạch khổ, giải thoát khổ. uất-đề-ca bạch Phật: Thế nào, Cù-đàm vì các đệ tử nói đạo khiến sạch hết khổ, giải thoát khổ giữa tất cả thế gian hay là một phần tư con đường này mà được thoát khổ chăng? Khi ấy, Thế Tôn im lặng chẳng đáp. uất-đề-ca lặp lại câu hỏi ba lần. Phật đều im lặng không trả lời.

752 KINH TẠP A-HÀM

Trong khi ấy, Tôn giả A-nan đứng sau cầm quạt hầu Phật, A-nan nói với tu sĩ ngoại đạo uất-đề-ca: Trước kia ông đã hỏi nghĩa này, bây giờ lại còn đem thuyết khác để hỏi, vì thế Thế Tôn không ký thuyết. Này uất-đề-ca! Tôi sẽ vì ông nói ví dụ, người trí do ví dụ được rõ. Ví như quốc vương có thành lũy dọc biên cương, bốn bể kiên cố? đường sá bằng phẳng, chỉ có một cửa, người đứng giữ cửa là kẻ thông minh, sáng suốt, khéo hay xét đoán, bên ngoài có người đi tới, người đáng cho vào thì cho vào, người không đáng cho vào thì không cho vào, khắp hết vòng thành tìm cái cửa thứ hai đều không thể được, không có một chỗ cho mèo, cáo chui ra, vào, huống nữa là cửa thứ hai. Người gác cửa đều chẳng biết rõ người ra, người vào, nhưng người ấy biết tất cả mọi người chỉ từ cái cửa này hoặc ra hoặc vào? chẳng còn chỗ nào khác. Cũng vậy, Thế Tôn tuy không dụng tâm để biết rõ phần hay tất cả chúng sanh thế gian đều từ nơi đạo lý này thoát khổ, nhưng biết rõ chúng sanh hết sạch khổ, giải thoát khổ, tất cả đều từ đạo lý này mà ra. Tu sĩ ngoại đạo uất-đề-ca nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên đi.

KINH SỐ 966 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bây giờ, có Tôn giả Phú-lân-ni đang ở tại thành Vương Xá trong núi Kỳ- xà quật. Bay giờ, có nhiều tu sĩ ngoại đạo đi đen chỗ Tôn giả Phú-lân-ni, cùng nhau hỏi thăm ủy lạo xong, lui ngồi một bên, hỏi Tôn giả Phú-lân-ni: -Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm chủ trương đoạn diệt phá hoại và chỉ dạy đoạn diệt phá hoại. Nay tôi hỏi Tôn giả Phú-lân-ni điều ấy có đúng vậy chăng? Phú-lân-ni nói với các tu sĩ ngoại đạo: Tôi chẳng biết như thế. Thế Tôn dạy chúng sanh đoạn diệt phá hoại khiến trở thành trống không, điều này không thể có. Theo chỗ tôi hiểu, đức Thế Tôn nói những chúng sanh chấp có ngã, ngã mạn, tà mạn thì Thế Tôn dạy họ đoạn diệt các thứ đó. Bây giờ, các tu sĩ ngoại đạo nghe Phú-lân-ni nói như vậy, tâm không vui, chê trách rồi bỏ đi. 1011 các ngoại đạo đi rồi Tôn giả Phú-lân-ni liền đi đến chỗ Phật, lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, đem những lời ngoại đạo đã nói trước kia thuật lại với Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Con vừa đáp với ngoại đạo như thế có phải là không hủy báng Thế Tôn chăng? Có phải nói pháp, nói như lời Phật dạy, nói đúng như pháp, tùy thuận pháp, không bị các người luận nghị hiềm trách chăng? Phật bảo Phú-lân-ni:

Như điều thầy nói, không hủy báng Như Lai, không sai mất thứ lớp, đã nói như Ta nói, nói đúng như pháp, nói tùy thuận pháp, không bị các người luận nghị hiềm trách. Vì sao? Vì các chúng sanh trước kia có ngã mạn, tà mạn, tà mạn bức bách, tà mạn kết tập, tà mạn không được quán sát, rối loạn như ruột chó, như cái vòng móc sắt, như cỏ rối, tới lui rong ruổi đời này đời khác, đời khác đời này, rong ruổi tới lui không thể xa lìa. Phú-lân-ni! Tất cả chúng sanh những ai hoàn toàn dứt sạch các tà mạn, không còn sót thì tất cả chúng sanh đó vĩnh viễn được an ổn, khoái lạc. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Phú-lân-ni nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 967 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả A-nan-đà sáng sớm đến ben bờ sông Tháp-bồ? cởi y để trên bờ9 xuống nước rửa tay chân rồi trở lên bờ đắp y, lau thân thể. Trong lúc ấy5 tu sĩ

ngoại đạo Câu-ca-na cũng đến bên sông. Tôn giả A-nan nghe tiếng chân người đi, A-nan đằng hắng đánh tiếng, tu sĩ ngoại đạo Câu-ca-na nghe có tiếng người, nên hỏi: -Ai đấy! Tôn giả A-nan đáp: Sa-môn.

Tu sĩ ngoại đạo Câu-ca-na nói: Sa-môn nào?

Tôn giả A-nan đáp:
-Sa-môn họ Thích.
Tu sĩ ngoại đạo Câu-ca-na nói:
Tôi có vấn đề muốn hỏi, Tôn giả có rảnh để giải đáp cho chăng?
Tôn giả A-nan đáp: Tùy ý ông hỏi, biết gì tôi xin đáp.

Câu-ca-na hỏi: Thưa Tôn giả5 Như Lai sau khi chết có còn chăng?

Tôn giả A-nan đáp: -Thế Tôn nói điều này không ký thuyết. Ngoại đạo Câu-ca-na lại hỏi: Như Lai sau khi chết không còn chăng? Như Lai sau khi chết vừa còn vừa không còn chăng? Chẳng phải còn chẳng phải không còn chăng?

Tôn giả A-nan đáp: - Thế Tôn nói điều này không ký thuyết. Ngoại đạo Câu-ca-na nói: Thế nào, thưa Tôn giả A-nan? khi tôi hỏi: "Nhu Lai sau khi chết có còn chang?95 Ton giả đáp: “Biều này Thế Tôn không ký thuyết?5 Tôi hỏi: "Nhu Lai sau khi chết vừa còn vừa không còn, chẳng phải còn chẳng phải không còn chang?59 Tôn giả đều đáp: "Điều này Thế Tôn không ký thuyết." Thế nào, thưa Tôn giả A-nan5 vì không biết không thấy chăng? Tôn giả A-nan đáp: Chẳng phải không biết, không thấy mà là biết tất cả? thấy tất cả.

Ngoại đạo Câu-ca-na lại hỏi Tôn giả A-nan: Biết thế nào? Thấy thế nào?

Tôn giả A-nan đáp: Thấy chỗ có thể thấy, thấy chỗ phát khởi, thấy chỗ chấm dứt các triền phược; đây là biết, đây là thấy. Ta biết như thế, thấy như thế, tại sao nói là không biết, không thấy? Ngoại đạo Câu-ca-na lại hỏi: -Tôn giả tên gì? Tôn giả A-nan đáp: -Tôi tên là A-nan-đà. Ngoại đạo Câu-ca-na nói: Lạ thay! Đệ tử của Đại sư mà ta được cùng luận nghị, nếu ta biết Tôn giả này là Tôn giả A-nan-đà thì không dám đến hỏi. Nói lời ấy xong liền vội vàng bỏ đi.

KINH SỐ 968 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc mỗi ngày thường đến viếng thăm Thế Tôn, đảnh lễ và cúng dường. Trưởng giả nghĩ thầm: "Ta đến quá sớm, Thế Tôn và các Tỳ-kheo đang còn tọa thiền, tư duy, thôi ta nên đi qua trụ xứ của các ngoại dạo." Trưởng giả đi vào tinh xá ngoại đạo cùng họ chào đón, hỏi thăm ân cần? rồi lui ngồi một bên. Khi ấy ngoại đạo hỏi: Trưởng giả! Ông cũng thấy Sa-môn Cù-đàm? thấy thế nào, thấy cái gì?

Trưởng giả đáp: -Tôi cũng chẳng biết làm thế nào để thấy Thế Tôn, Thế Tôn thấy điều gì?

Các ngoại đạo nói:

Ông nói thấy chúng Tăng, vậy làm thế nào thấy chúng Tăng? Chúng Tăng thấy cái gì?

Trưởng giả đáp:

-Tôi cũng chẳng biết làm thế nào để thấy chúng Tăng, chúng Tăng thấy cái gì?

Ngoại đạo lại hỏi trưởng giả:

Nay ông làm thế nào để tự thấy? Tự thấy gì?

Trưởng giả đáp: -Các ông mỗi ngày hãy tự nói chỗ thấy của mình, rồi tôi sẽ nói chỗ thấy của tôi cũng chẳng khó. Khi đó có một ngoại đạo nói rằng: Trưởng giả! Tôi thấy tất cả thế gian là thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng. Lại có người nói: Trưởng giả! Tôi thấy tất cả thế gian là vô thường, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng. Lại có người nói: Trưởng giả! Thế gian là thường, vô thường, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng. Lại có người nói: Thế gian phi thường, phi vô thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng. Lại có người nói: Thế gian hữu biên, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.

Lại có người nói: Thế gian vô biên, đây là chân thật ngoài ra đều là hư vọng.

Lại có người nói:

-Thế gian vừa hữu biên vừa vô biên.

Lại có người nói:

-Thế gian chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên.

Lại có người nói:

Mạng tức là thân.

Lại có người nói: Mạng khác thân khác.

Lại có người nói: Như Lai có sau khi chết.

Lại có người nói: Như Lai không có sau khi chết.

Lại có người nói: ỉ Như Lai vừa có vừa không sau khi chét.

Lại có người nói: Như Lai chẳng phải có, chẳng phải không sau khi chết, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng. Các ngoại đạo bảo trưởng giả: Chúng tôi mỗi người đều trình bày chỗ thấy của mình, ông nên nói sở kiến của ông. Trưởng giả đáp: Sở kiến của tôi là chân thật hữu vi do tư lương duyên khởi. Nếu thật sự là pháp hữu vi do tư lương duyên khởi thì pháp ấy là vô thường, vô thường là khổ. Biết như thế rồi đối với tát cả sở kiến đều vô sở đắc. Như sở kiến các ông cho thế gian là thường, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng. Sở kiến đó là chân thật hữu vi, do tư lương duyên khởi. Nếu là chân thật hữu vi, do tư lương duyên khởi thì vô thường, vô thuơng là khổ; thế nên các ông gần gũi với cái khổ, chỉ được khô, sông mãi trong khô, chìm sâu trong khô. Cũng vậy, các ông lại nói: "Thế gian là vô thường, đây là chân thật, ngoài ra là hư vQng" thì cũng bị lỗi như thế. Nói: 'Thế gian là thường, vô thường, phi thường phi vô thường, thế gian hữu biên, thế gian vô biên, thế gian hữu biên vô biên, thê gian phi hữu biên phi vô biên; mạng tức là thân, mạng khác thân khác; Như Lai có, Như lai không c6, vừa

có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không sau khi chết; đây là chân thật, ngoài ra là hư vong", đều nói như trên. Có một ngoại đạo nói với cấp Cô Độc: -Như ông đã nói: 6CNếu có sở kiến thì sở kiến ấy là chân thật hữu vi do tư lương duyên khởi, đây là pháp vô thường?9 Nếu vô thường là khổ thì sở kiến của trưởng giả cũng gần gũi với cái khổ, được cái khổ, sống trong khổ, vào sâu trong khổ. Trưởng giả đáp: Trước kia tôi há chăng nói: "Sở kiên thật sự là pháp hữu vi, do tư lương duyên khởi, thảy đều vô thường, vô thường là khổ, đã biết khổ rồi ta đối với sở kiên ấy vô sở dắc" chăng? Các ngoại đạo nói: -Đúng như thế, thưa trưởng giả! Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc ở nơi tinh xá ngoại đạo dẹp tan dị luận, kiến lập chánh luận, ở trong chúng ngoại đạo nói Chánh pháp như sư tử rống.

KINH TẠPA-HÀM 757

Sau đó, trưởng giả đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật, lui ngồi một bên, đem tất cả cuộc đàm luận với ngoại đạo thuật lại với Thế Tôn. Phật bảo trưởng giả cấp Cô Độc: Lành thay! Lành thay! Nên đúng lúc hàng phục các ngoại đạo ngu si, kiến lập chánh luận. Phật nói kinh này xong, trưởng giả cấp Cô Độc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, đảnh lễ và đi ra.

KINH SỐ 969 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá9 trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo là Trường Trảo đi đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn chào hỏi ân cần xong, lui ngồi một bên, bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Tôi chẳng chấp nhận tất cả sở kiến. Phật bảo: Này Hỏa Chủng, ông nói chăng châp nhận tát cả sở kiên, vậy cái sở kiên đó cũng không chấp nhận luôn chăng? Trường Trảo nói: Đã nói không chấp nhận tất cả sở kiến thì cái sở kiến đó cũng không chấp nhận. Phật bảo: Này Hỏa Chủng! Biết như thế, thấy như thế thời sở kiến ấy đã đoạn, đã xả? đã lìa, các sở kiên khác chăng còn tương tục, chăng khởi, chăng sanh. Này Hỏa Chủng! Nhiều người có cùng một sở kiến như ông. Nhiều người cũng thấy như vậy, nói như vậy. Ông với họ giống nhau. Này Hỏa Chủng! Nếu Sa-môn, Bà-la-môn xả bỏ các kiến chấp kia, các kiến chấp khác không khởi, hạng Sa- môn, Bà-la-môn này ở thế gian rất ít có. Này Hỏa Chủng! Can cứ trên ba loại kiến chấp. Ba loại ấy là gì? Có một hạng người thấy như vầy, nói như vầy: “T6i chấp nhận tất c” Lại có người thấy như vầy, nói như vầy: "Tôi không chấp nhận tất cLại có người thấy như vầy, nói như vầy: “T6i chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần." Này Hỏa Chủng! Nếu nói chấp nhận tất cả thì kiến chấp này cùng sanh với tham, không phải không tham; cùng sanh với sân nhuế, chẳng phải không sân nhuế; cùng sanh với si, chẳng phải không si, ràng buộc, chẳng lìa ràng buộc, phiền não, chẳng thanh tinh, ưa chấp thủ, sanh nhiễm trước. Nêu có kiến chấp như sau: "Ta chẳng chấp nhận tất cả,5? cái kiến chấp này chẳng cùng đi với tham, với sân, si, thanh tịnh, chẳng phiền não, lìa ràng buộc, chẳng ràng buộc, chẳng sanh ưa thích, chẳng thủ, chẳng nhiễm trước. Này Hỏa Chủng! Nấu có

758 KINH TẠPA-HÀM

kiến chấp như sau: "Ta chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần”; nếu chấp nhận thì có tham... sanh nhiễm trước; nếu không chấp nhận thì lìa tham... chẳng sanh nhiễm trước. Đa văn Thánh đệ tử nên học nói thế này: "Nếu ta thấy như vầy, nói như

vầy: 'Ta chấp nhận tất c thì bị hai hạng người trách hỏi. Những gì là hai? Đó là người không chấp nhận tất cả; và người một phần chấp nhận, một phần không chấp nhận. Vì thế bị hai hạng này chê trách, chê trách nên bị gạn hỏi, vì gạn hỏi nên bi phá hoại. Người kia vì bị trách, bị gạn hỏi, bi phá hoại nên xả bỏ kiến chấp đó9 các kiến chấp khác không còn sanh trở lại. Cũng thê, đoạn kiên, xả kiên, ly kiên, các kiên châp khác không còn tương tục, không khởi, không sanh." Đa văn Thánh đệ tử nên học như vầy: "Nếu ta thấy như vầy, nói như vầy: 'Tất cả ta chẳng chấp nhận', như thế sẽ bi hai trường hợp quở trách và hai trường hợp cật vấn. Hai trường hợp đó là gì? Đó là người chấp nhận tất cả và người một phân châp nhận, một phân không châp nhận. Như thê là rơi vào hai trường hợp đáng trách và hai trường hợp đáng cật vấn... chẳng tương tục, chẳng khởi, chang sanh.59 Đa văn Thánh đệ tử nên học như vây: "Nêu ta thây như vây, nói như vây: 'Ta một phần chấp nhận, một phần không chấp nhan' thì bi hai trường hợp quở trách, hai trường hợp cật vấn. Những gì là hai? Nghĩa là người thấy như vầy, nói như vầy: 'Ta chấp nhận tất cả và không chấp nhận tất cả/ Như vậy là hai trường hợp bị trách... không tương tục, không khởi, không sanh." Lại nữa, Hỏa Chủng, như vậy đối với sắc thân thuộc bốn đại, Thánh đệ tử r nên quán vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả. Nêu Thánh đệ tử sống quán vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả thì đôi với thân kia sự tham dục thuộc vê thân, sự nghĩ nhớ đên thân, cảm thọ về thân, khoái lạc về thân, sự nhiễm trước về thân, vĩnh viễn diệt hẳn không còn. Này Hỏa Chủng! Có ba thứ cảm thọ. Đó là cảm thọ vui, cảm thọ khổ và cảm thọ không kho không vui. Ba thứ cảm thọ này có cái gì là nhân, gì là tập, gì là sanh, gì là chuyển? Ba thọ này có xúc là nhân, do xúc tập, xúc sanh, xúc chuyển; mỗi mỗi xúc kia diệt thì thọ diệt, tịch tịnh, trong mát, vĩnh viễn hết sạch. Người kia đối với ba thọ này, biết rõ khổ? biết rõ vui, biết rõ không khổ không vui, mỗi mỗi thọ hoặc tập khởi, hoặc diệt mất, hoặc vị ngọt thọ, hoặc nguy hại, hoặc sự xa lìa, đều biết như thật. Đã biết như thật rồi liền đối với những thọ ấy quán sát vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả. Người ấy ngay nơi thân mình biết như thật các cảm thọ, nơi sanh mạng phân biệt, biết rõ như thật về cảm thọ. Nếu người ấy thân hoại, chết rồi lúc ấy tất cả thọ đã chấm dứt hoàn toàn, không còn gì nữa; người ấy nghĩ rằng: “Lúc biết cảm thọ vui thân kia cũng hoại, lúc biết cảm thọ khổ, thân kia cũng hoại, ngay lúc biêt cảm thọ chăng khô chăng vui, thân kia cũng hoại, thảy đêu cũng

mé khổ. Trong cái biết vui lìa ràng buộc, chẳng ràng buộc; nơi cái biết khổ lìa ràng buộc, chẳng ràng buộc; nơi cái biết chẳng vui, chẳng khổ, lìa ràng buộc, chẳng bị ràng buộc. Lìa ràng buộc gì? Lìa tham dục, sân nhuế, ngu si? lìa sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não.95 Ta nói những điều này gọi là lìa khổ. Đương lúc ây Tôn giả Xá-lợi-phât mới thọ giới Cụ túc được nửa tháng, Tôn giả đang đứng sau Phật, cầm quạt hầu Phật. Tôn giả Xá-lợi-phất chợt nghĩ: "Thế Tôn khen ngợi từng pháp đoạn dục, ly dục, diệt tận dục, xả due?9 Xá-lợi-phất đối với từng pháp này quán sát vô thường, quán sát sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận5 quán xả? chẳng khởi các lậu, tâm được giải thoát. Bấy giờ, tu sĩ ngoại đạo Trường Trảo xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn thanh

tịnh, giác ngộ pháp, thâm nhập pháp, dứt hết nghi hoặc, được độ chẳng do người khác, vào trong Chánh pháp, Luật, được vô sở úy. Trường Trảo từ chỗ ngồi đứng lên sửa lại y phục, đảnh lễ Phật và chắp tay bạch Phật: Con xin được ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia thọ giới Cụ túc, ở trong Phật pháp tu các Phạm hạnh. Phật bảo tu sĩ ngoại đạo Trường Trảo: Ong được ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Được trở thành Thiện lai Tỳ-kheo xuất gia, Trường Trảo suy nghĩ lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo... tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Trường Trảo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 970 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Lúc ấy có tu sĩ ngoại đạo tên là Xá-la-bộ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà9 ở giữa đồ chung của mình, tuyên bố rằng: 'Tháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Ta đã biết trước Pháp, Luật kia nhưng ta buông xả hết." Bấy giờ5 có nhiều Tỳ-kheo sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực, nghe ngoại đạo tên Xá-la-bộ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà đã tuyên bố giữa đồ chúng của mình là: "Pháp, Luật của Sa-môn họ Thích ta đã biết hết và đã biết Pháp, Luật kia nhưng sau đó ta buông xả hết." Sau khi nghe những lời này, các Tỳ-kheo đi khất thực rồi trở về tinh xả, cất y bát, rửa chân xong đi đến đảnh lễ Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: -Thưa Thế Tôn! Chúng con sáng sớm đắp y, ôm bát đi vào thành Vương Xá khất thực, nghe tu sĩ ngoại đạo tên là Xá-la-bộ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà? ở

KINH TẠPA-HÀM 759

mé khổ. Trong cái biết vui lìa ràng buộc, chẳng ràng buộc; nơi cái biết khổ lìa ràng buộc, chẳng ràng buộc; nơi cái biết chẳng vui, chẳng khổ, lìa ràng buộc, chẳng bị ràng buộc. Lìa ràng buộc gì? Lìa tham dục, sân nhuế, ngu si? lìa sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não.95 Ta nói những điều này gọi là lìa khổ. Đương lúc ây Tôn giả Xá-lợi-phât mới thọ giới Cụ túc được nửa tháng, Tôn giả đang đứng sau Phật, cầm quạt hầu Phật. Tôn giả Xá-lợi-phất chợt nghĩ: "Thế Tôn khen ngợi từng pháp đoạn dục, ly dục, diệt tận dục, xả due?9 Xá-lợi-phất đối với từng pháp này quán sát vô thường, quán sát sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận5 quán xả? chẳng khởi các lậu, tâm được giải thoát. Bấy giờ, tu sĩ ngoại đạo Trường Trảo xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh, giác ngộ pháp, thâm nhập pháp, dứt hết nghi hoặc, được độ chẳng do người khác, vào trong Chánh pháp, Luật, được vô sở úy. Trường Trảo từ chỗ ngồi đứng lên sửa lại y phục, đảnh lễ Phật và chắp tay bạch Phật: Con xin được ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia thọ giới Cụ túc, ở trong Phật pháp tu các Phạm hạnh. Phật bảo tu sĩ ngoại đạo Trường Trảo: Ong được ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Được trở thành Thiện lai Tỳ-kheo xuất gia, Trường Trảo suy nghĩ lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo... tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Trường Trảo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 970 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Lúc ấy có tu sĩ ngoại đạo tên là Xá-la-bộ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà9 ở giữa

đồ chung của mình, tuyên bố rằng: 'Tháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Ta đã biết trước Pháp, Luật kia nhưng ta buông xả hết." Bấy giờ5 có nhiều Tỳ-kheo sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực, nghe ngoại đạo tên Xá-la-bộ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà đã tuyên bố giữa đồ chúng của mình là: "Pháp, Luật của Sa-môn họ Thích ta đã biết hết và đã biết Pháp, Luật kia nhưng sau đó ta buông xả hết." Sau khi nghe những lời này, các Tỳ-kheo đi khất thực rồi trở về tinh xả, cất y bát, rửa chân xong đi đến đảnh lễ Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: -Thưa Thế Tôn! Chúng con sáng sớm đắp y, ôm bát đi vào thành Vương Xá khất thực, nghe tu sĩ ngoại đạo tên là Xá-la-bộ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà? ở

giữa chúng của mình tuyên bố rằng: 'Tháp của Sa-môn họ Thích ta đã biết hết và đã biết Pháp, Luật kia rồi nhưng sau đó ta buông xả hết." Lành thay! Xin Thế Tôn vì thương xót Xá-la-bộ9 xin Ngài hãy tự đi đến bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Sau giờ tọa thiền buổi chiều, Ngài đi đến chỗ ở của Xá-la-bộ bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Tu sĩ ngoại đạo Xá-la-bộ từ xa trông thấy Thế Tôn đến, lo sửa soạn chỗ ngồi, thỉnh Phật. Sau khi Thế Tôn ngồi, Ngài nói với Xá-la-bộ: Ông thật có nói những lời này: "Những gì thuộc Pháp, Luật của Sa-môn họ Thích, ta đã biết Pháp, Luật đó nhưng sau xả bỏ hết" chăng? Xá-la«bộ im lặng không đáp. Phật bảo Xá-la-bộ: Bây giờ ông nên nói! Cớ sao im lặng? Nếu sự hiểu biết của ông đầy đủ thì Ta sẽ tùy hỷ theo, nếu sự hiểu biết của ông chưa đầy đủ, Ta sẽ giúp ông được đầy đủ. Xá-la-bộ vẫn im lặng như cũ. Phật nói đen lan thứ ba cũng vẫn im lặng. Bấy giờ, Xá-la-bộ có một đệ tử Phạm hạnh thưa Xá-la-bộ rằng: -Thưa thầy! Lý đáng thầy nên đi đến Sa-môn Cù-đàm trình bày tri kiến của mình, hôm nay Sa-môn Cù-đàm đã tự đến đây, vì sao thầy không nói? Sa-môn Cù-đàm lại nói với thầy: "Nếu đầy đủ thì Ta tùy hỷ, nếu không đầy đủ Ta sẽ giúp cho đầy Vì cớ sao thầy im lặng mà không nói? Lúc người đệ tử Phạm hạnh khuyên như thế, Xá-la-bộ vẫn làm thinh. Khi ấy, Thế Tôn bảo Xá-la-bộ: -Nếu có người nói: "Sa-m6n Cù-đàm chẳng phải là Như Lai, ứng Cúng, Đăng Chánh Giác", nêu Ta khéo can ngăn, khéo hỏi, khi khéo can ngăn, khéo hỏi người kia sẽ nói lảng qua việc khác, hoặc căm giận, bực tức, kiêu mạn, che giấu, dối ngại không chịu được, không biết từ đâu hiện, hoặc im lặng xấu hổ cúi đâu, âm thâm suy nghĩ, tự xét như Xá-la-bộ hôm nay; nêu lại có người nói như sau: "Không có Sa-môn Cù-đàm, không có Chánh pháp, Luāf9; nếu Ta khéo can ngăn, khéo hỏi thì người kia cũng im lặng như ông hôm nay. Nếu lại có người nói: "Không có Thanh văn thiện hướng của Sa-môn Cù- đàm? không có Chánh pháp, Luat"; nếu Ta khéo can ngăn, khéo hỏi thì người ây cũng im lặng như ông hôm nay. Lúc ấy, Thế Tôn ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà nói Diệu pháp, uy lực như tiếng sư tử rống, xong rồi Ngài từ chỗ ngồi, đứng lên đi. Trong lúc ấy đệ tử Phạm hạnh của Xá-la-bộ nói với Xá-la-bộ: -Ví như con trâu bi cắt đứt hai cái sừng vào ở trong chuồng trâu trống rỗng, quỳ xuống đất rống to; thầy cũng như thế. Chính là lúc không có Sa-môn Cù- đàm5 thầy ở trong chúng đệ tử của mình làm sư tử rống. Ví như người con gái

muốn nói giọng đàn ông, khi phát ra tiếng liền là tiếng đàn bà; thầy cũng như thế. ở chỗ không có Sa-môn Cù-đàm? thầy ở giữa chúng đệ tử của mìĩủi làm sư tử rống. Ví như con dã can muốn kêu tiếng thú, phát ra tiếng vẫn là tiếng dã can; thầy cũng như thế. Lúc không có Sa-môn Cù-đàm? thầy ở giữa chúng đệ tử của mình muốn làm sư tử rống. Đệ tử Phạm hạnh của Xá-la-bộ đối diện trước Xá-la-bộ thốt ra những lời trách cứ, hủy báng, liền rời chỗ ngồi, đứng lên đi ra.

KINH SỐ 971 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá? trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giờ, trong thành Vương Xá, ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà có tu sĩ ngoại đạo tên là Thượng Tòa đang ở tại đây. Tu sĩ này ở trong chúng của mình tự nói răng: "Tôi nói một bài kệ, nêu người nào có thê đáp lại được, tôi sẽ ở nơi vị ây tu hành Phạm hạnh." Khi ây có nhiêu Tỳ-kheo sáng sớm đáp y, ôm bát vào thành Vương Xá khát thực, nghe có tu sĩ ngoại đạo tên Thượng Tòa ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, tu sĩ này ở trong chúng của mình tự tuyên bố rằng: “T6i nói một bài kệ, nếu người nào có thể đáp lại được, tôi sẽ ở nơi vị ấy tu hành Phạm hạnh.” Các Tỳ-kheo khất thực xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong đến đảnh lễ Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Sáng sớm các Tỳ-kheo chúng con vào thành khất thực nghe tu sĩ ngoại đạo tên Thượng Tòa trú bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà ở giữa đồ chúng của mình tự tuyên bố: "T6i nói một bài ke, người nào đáp lại được, tôi sẽ ở nơi vị ấy tu hành Phạm hạnh.,, Xin Thế Tôn vì thương xót tu sĩ ngoại đạo ấy, đi đến chỗ của ông ấy. Thế Tôn im lăng nhận lời. Sau giờ tọa thiền buổi chiều, đức Phật đi đến bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Tu sĩ ngoại đạo tên Thượng Tòa từ xa trông thấy Thế Tôn, trải giường tòa, thỉnh Phật an tọa, Thế Tôn ngồi xong, bảo tu sĩ ngoại đạo Thượng Tòa: Có thật ông đã nói những lời như sau: "T6i nói một bài kệ, nếu người nào đáp lại được, tôi sẽ ở nơi vị ấy tu hành Phanh hạnh" chăng? Bây giờ ông hãy nói kệ, Ta có thể đáp lại. Lúc ấy, người ngoại đạo chất giường lên thành chỗ ngồi cao, tự mình lên đó ngồi, nói kệ: Tỳ-kheo sống nhờ pháp, Chẳng khủng bố chúng sanh, Ý lặng, hành xả ly, Trì giới thuận tu hành. Thế Tôn biết rõ tâm của ngoại đạo Thượng Tòa, Ngài liền nói kệ: Với bài kệ ông nói, Có thể tự chuyển theo, Ta sẽ đối với ông, Xem là người tốt lành.

762 KINH TẠPA-HÀM

Xét kỹ lời ông nói, N6i, làm chăng phù hợp, Lặng lẽ tự điều phục, Chớ khủng bố chúng sanh, Hành, ý bặt xa lìa. Người giữ gìn tịnh giới, Thuận điều phục lặng dừng, Thân, miệng, tâm lìa ác Khéo nhiếp nơi trụ xứ, Chẳng để cho phóng dật. Đây gọi là tùy thuận, Điều phục và lặng dừng. Trong khi ấy tu sĩ ngoại đạo Thượng Tòa nghĩ thầm: "Sam6n Cù-đàm đã biết tâm ta", vội vàng từ chỗ ngồi đi xuống, chắp tay bạch Phật: Hôm nay con có thể được ở nơi Chánh pháp, Luật, xuất gia thọ giới Cụ túc, trở thành pháp Tỳ-kheo không? Phật bảo tu sĩ ngoại đạo Thượng Tòa: Ngày nay ông có thể được ở nơi Chánh pháp, Luật, xuất gia thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Thế rồi, tu sĩ ngoại đạo Thượng Tòa đã xuất gia và trở thành Tỳ-kheo9 tự suy nghĩ về lý do khiến cho người thiện nam cạo bỏ râu tóc? khoác áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo,... tâm thiện giải thoát, đắc quả A-la-hán.

KINH SỐ 972 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trủ tại thành Vương Xá trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ5 có nhiều tu sĩ Bà-la-môn trú bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà? tập hợp lại một chỗ nghi luận như vầy: “Chân đế của Bà-la-môn như thế, chân đế của Bà- la-môn như thế." Bấy giờ, Thế Tôn biết được tâm niệm của các tu sĩ Bà-la-môn5 Ngài lặng lẽ đi đến bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, các tu sĩ Bà-la-môn từ xa trông thấy đức Phật đang đi tới, liền sửa soạn chỗ ngồi, thỉnh Phật an tọa. Phật đến chỗ ngồi xong, bảo các tu sĩ Bà-la-môn: Các ông ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà tập hợp luận thuyết điều gì?

Tu sĩ Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Các tu sĩ Bà-la-môn chúng toi tập hợp nơi đây nghị luận như vầy: "Chân đế của Bà-la-môn như thế, chân đế của Bà-la-môn như thế." Phật bảo các tu sĩ Bà-la-môn: Có ba thứ chân đế của Bà-la-môn Ta tự giác ngộ thành Đẳng chánh giác và lại vì người diễn nói. Tu sĩ Bà-la-môn các ông nói rằng: "Không hại tất cả chúng sanh, đây là chân đế của Bà-la-môn, chẳng phải là hư vong." Kẻ kia nói với nhau: "Ta hơn, nói ta bằng, nói ta kém?5 Nấu đối với chân đế kia không bị hệ trước và đối với tất cả thế gian biểu hiện lòng từ, đây gọi là chân đế bậc nhất của Bà-la-môn, Ta đã tự giác ngộ thành Đẳng chánh giác và vì người diễn nói.

Lại nữa, Bà-la-môn nói như sau: "Tất cả tap pháp đều la diệt pháp, đây là chân dế, chẳng phải là hư vọng... đối với chân đe ấy chẳng chấp trước và đối với tất cả thế gian quán sát sanh diệt?5 Đây gọi là chân đế thứ hai của Bà-la-môn. Lại nữa, Bà-la-môn nói: "Không có nơi chốn và sự việc của "ngãT, tất cả đều không c6, đây là chân dế, chẳng phải là hư vọng,... (nói như trước)... đối với chân đế kia không hệ trước và đối với tất cả thế gian vô ngã như nhau", đấy gọi là chân đê thứ ba của Bà-la-môn, Ta đã tự giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, và vì người diễn nói. Bấy giờ, các tu sĩ Bà-la-môn đều im lặng. Thế Tôn nghĩ rằng: "H6m nay Ta soi sáng sự ngu si của họ, tiêu diệt điều ác của họ5 nhimg hiện nay trong chúng Bà-la-môn này không có một người tự biết suy xét muốn tạo nhân duyên ở trong pháp của Sa-môn Cù-đàm để tu hành Phạm hạnh." Thế Tôn đã biết như thế rồi Ngài rời chỗ ngồi, đứng lên đi ra.

KINH SỐ 973 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di, trong vườn Cù-sư-la, Tôn giả A-nan cũng ở đấy. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên là Chiên-đà đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng chào đón hỏi thăm ân cần xong. Chiên-đà lui ngồi một bên, hỏi Tôn giả A-nan: Vì lý do gì Tôn giả ở nơi Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh?

Tôn giả A-nan đáp: Vì muôn đoạn tham dục, sân nhuê, ngu si nên tôi ở nơi Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh. Chiên-đà lại hỏi: Có phải Sa-môn Cù-đàm nói đoạn tham dục, sân nhuê, ngu si chăng?

Tôn giả A-nan đáp: Tôi cũng có thê nói vê sự đoạn tham dục, sân nhuê5 ngu si.

Chiên-đà lại hỏi: Ngài thấy tham dục, sân nhuế, ngu si có những tai hại gì mà nói đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si? Tôn giả A-nan đáp: —Vì nhiễm trước tham dục, tâm bị che lấp nên tự hại, hoặc hại người, hoặc hại cả mình và người, hiện tại mắc tội, đời sau mắc tội, hiện tại, đời sau đều mắc tội, tâm người kia thường cảm thấy buồn khổ. Nếu người bị sân nhuế che mờ, ngu si che mờ tự làm hại, hại người, cả minh, người...

luôn luôn cảm thây buồn khổ. Lại nữa, tham dục làm đui mù, làm cho không có mắt, làm cho vô trí, làm tuệ lực yếu kém, làm chướng ngại, chẳng sáng suốt, chẳng phải Đẳng

764 KINH TẠPA-HÀM

giác, chẳng chuyển đến Niết-bàn. Sân nhuế, ngu si cũng lại như thế. Tôi thấy tham dục, sân nhuế, ngu si có những lỗi lầm tai hại như thế nên nói phải đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si. Chiên-đà lại hỏi: Ngài thấy đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si có phước lợi gì mà nói đoạn các thứ này? Tôn giả A-nan đáp: Đoạn tham dục rồi thì không tự hại, cũng không hại người, cũng không hại cả mình, người và lại hiện tại không mắc tội, đời sau không mắc tội, hiện tại, đời sau đều không mắc tội, tâm người kia thường cảm thấy vui vẻ? sung sướng. Sân nhuế, ngu si cũng như thế. Trong hiện tại thường xa lìa nhiệt não chẳng đợi thời tiết vì có được tự giác tri kiến duyên theo pháp hiện tại. Và vì có công đức, lợi ích như thế nên nói can phải đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si. Chiên-đà lại hỏi Tôn giả A-nan: -Có đạo, có đạo tích, tu tập, tu tập nhiều có thể đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si không? Tôn giả A-nan đáp: —Có. Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến... chánh định. Ngoại đạo Chiên-đà thưa Tôn giả A-nan: -Đạo này thật cao quý, đạo tích này thật Thánh thiện, tu tập, tu tập nhiều có khả năng đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si. Ngoại đạo Chiên-đà nghe Tôn giả A-nan nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ9 từ chỗ ngồi đứng lên đi ra.

KINH SỐ 974 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật và lui ngồi một bến. Khi ấy, Thế Tôn vì Xá-lợi-phất thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui xong, đức Phật im lặng. Xá-lợi-phât sau khi nghe lời Phật dạy, vui mừng, đảnh lễ Phật và dỉ ra. Lúc ấy, có tu sĩ ngoại đạo tên Bổ-lũ-đê-ca trên đường đi tới, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phat: - Ngài từ đâu lại? Xá-lợi-phất đáp: -Tôi từ nơi Thế Tôn của tôi, được nghe Đại sư nói pháp, dạy dỗ rồi tới đây.

KINH TẠPA-HÀM 765

Bổ-lũ-đê-ca hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Đen nay Tôn giả cũng vẫn không lìa sữa, vẫn theo Đại sư nghe thuyết pháp, thọ lãnh giáo pháp ư? Xá-lợi-phất đáp: -Này Hỏa Chủng! Tôi chẳng lìa sữa, vẫn ở nơi Đại sư nghe thuyết pháp, thọ lãnh giáo pháp. Bổ-lũ-đê-ca nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: -Tôi đã lìa sữa từ lâu, xả bỏ lời răn dạy của thầy. Xá-lợi-phất nói: Pháp của ông là ác thuyết pháp luật, ác giác, chẳng phải là pháp xuất ly, chẳng phải là đạo chánh giác, là pháp phá hoại, chẳng phải pháp đáng khen ngợi, pháp chẳng thể y chỉ. Lại nữa, vị thầy kia không phải là bậc Đẳng Chánh Giác, vì thế ông nên mau lìa bỏ sữa, lìa bỏ giáo pháp của thầy. Ví như con trâu mẹ thô ác chạy cuồng vì thiếu sữa, các con nghé còn bú sữa phải mau bỏ đi. Cũng vậy, ác thuyết pháp luật, ác giác, chẳng phải pháp xuất ly5 chẳng phải đạo chánh giác, là pháp phá hoại, chẳng phải là pháp đáng khen ngợi, chăng phải là pháp có thể y chỉ. Lại nữa, vị thầy kia chẳng phải là bậc Đẳng Chánh Giác, vì thế nên sớm bỏ những pháp vi thầy kia đã dạy. Tôi có pháp là Chánh pháp, Luật, đây là thiện giác, là xuất ly, là đạo Chánh giác, chăng hoại, đáng

khen ngợi, đang y chỉ. Lại nữa, Đại sư ấy là bậc Đẳng Chánh Giác. Bởi thế từ lâu tôi được uống dòng sữa ngọt của Ngài, được nghe Ngài dạy dỗ Chánh pháp, ví như con trâu mẹ không thô ác chạy cuồng, lại có nhiều sữa, các con trâu nghé uống sữa lâu mà không chán. Pháp của tôi cũng như thế, là Chánh pháp, Luật... từ lâu đã được nghe và lãnh thọ giáo pháp. Khi ấy, Bổ-lũ-đê-ca nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: -Tôn giả chóng được lợi ích tốt đẹp nơi Chánh pháp, Luật... từ lâu đã được nghe và lãnh thọ giáo pháp. Tu sĩ ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, lần theo đường đi thẳng.

KINH SỐ 975 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy gia tu sĩ ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca đi đến chỗ Thế Tôn, chào đón hỏi thăm xong, Bổ-lũ-đê-ca lui ngồi một bên, bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Hôm trước có nhiều tu sĩ ngoại đạo Sa-môn, Bà-la-môn tập hợp ở giảng đường Vị Tằng Hữu, cùng nhau bàn luận như sau: "Trí tuệ của Sa-môn Cù-đàm như cái nhà rỗng, không thể ở trong đại chúng kiên lập luận nghị: 'Điều này nên, điều này chẳng nên, đây hợp, đây chẳng hợp, như con trâu

đui đi một bên bờ ruộng chẳng vào trong ruộng.9 Sa-môn Cù-đàm cũng như vậy, không có điều nên, chẳng nên; không có điều gì hợp, chẳng hợp.^, Phật bảo Bổ-lũ-đê-ca: y

Sự bàn luận này của các ngoại đạo là điêu nên hay không nên, hợp hay chẳng hợp, đối với Chánh pháp, Luật, là trò đùa của trẻ con. Ví như người già tám, chín mươi tuổi tóc bạc5 răng rụng làm trò đùa như trẻ con, lấy đất bùn nặn ra các hình thú con voi, con ngựa. Mọi người đều nói: "Người già này trẻ con.,, Như thế, này Hỏa Chủng! Các thứ luận thuyết cho rằng: "Nên chẳng nên, hợp chẳng hợp", đối với Chánh pháp, Luật Hiền thánh, như trò đùa của trẻ con, nhưng ở trong đó không có điều gì cần thiết cho Tỳ-kheo cả. Bổ-lũ-đê-ca bạch Phật: Thưa Cù-đàm! ở nơi nào có phương tiện cần thiết của Tỳ-kheo?

Phật bảo ngoại đạo: -Người chẳng thanh tịnh khiến cho thanh tinh; đây gọi là phương tiện nên làm của Tỳ-kheo. Người chăng điêu phục khiên họ điêu phục; đây gọi là phương tiện nên làm của Tỳ-kheo. Người không được định khiến họ được chánh định; đây gọi là phương tiện nên làm của Tỳ-kheo. Người chẳng giải thoát khiến cho được giải thoát; đây gọi là phương tiện nên làm của Tỳ-kheo. Người chẳng đoạn khiến cho đoạn, người chẳng biết khiến cho biết, người chăng tu khiên cho tu, người chăng đác khiên cho đác; đây gọi là phương tiện nên làm của Tỳ-kheo. Thế nào là chẳng thanh tịnh khiến cho thanh tịnh? Nghĩa là người có giới không thanh tinh khiến cho giới thanh tịnh. Thế nào là người không điều phục khiến cho họ điều phục? Nghĩa là các căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không điều phục khiên cho điêu phục đây đủ. Thê nào là người chăng đinh khiên cho người ấy được chánh định? Nghĩa là tâm không chánh định khiến cho được chánh định. Thế nào là người chẳng giải thoát khiến cho được giải thoát? Nghĩa là tâm chẳng giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si khiến được giải thoát. Thế nào là chăng đoạn, khiên đoạn? Nghĩa là vô minh, hữu ái chăng đoạn khiên cho

đoạn. Thế nào là chẳng biết khiến cho biết? Nghĩa là đối với danh sắc không biết khiến cho biết. Thế nào là chẳng tu khiến cho tu? Nghĩa là đối với chỉ quán chẳng tu khiến cho tu. Thế nào là chẳng đắc khiến cho đắc? Nghĩa là đối với Bát-niết-bàn chăng đác khiên đác. Đây gọi là phương tiện nên làm của Tỳ-kheo. Bổ-lũ-đê-ca bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Y nghĩa vê phương tiện nên làm của Tỳ-kheo, phương tiện kiên cố nên làm chính là tận trừ các hữu lậu. Sau khi nghe lời Phật dạy, tu sĩ ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca hoan hỷ? tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên đi.

KINH TẠPA-HÀM 767

KINH SỐ 976 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên là Thi-bà đi đến chỗ Thế Tôn, cùng nhau chào đón, hỏi thăm xong, Thi-bà lui ngồi một bên, bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Thế nào là học? Gọi thế nào là học?

Phật bảo Thi-bà: Vì học điêu nên học, nên gọi là học.

Thi-bà bạch Phật:
_ Học những điều gì?
Phật bảo Thi-bà:
Tùy thời học tăng thượng giới, học tăng thượng ý9 học tăng thượng tuệ.
Thi-bà bạch Phật: Nêu Tỳ-kheo A-la-hán các lậu đã tận, việc làm đã xong, đã xả bỏ các gánh nặng, chóng được tự lợi, tận trừ các hữu kiết SÍT, chánh trí, thiện giải thoát, lúc ấy lại còn phải học gì nữa? Phật bảo Thi-bà: Nếu Tỳ-kheo A-la-hán các lậu đã tận... chánh trí, thiện giải thoát, chính khi ây giác tri tham dục hét sạch không còn, giác tri sân nhuê, ngu si hét sạch không còn nên chẳng còn tạo các điều ác, luôn luôn thực hành các điều lành. Thi-bà! Đây gọi là học điều nên học. Tu sĩ ngoại đạo Thi-bà nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ5 rời chỗ ngồi, đứng lên đi.

KINH SỐ 977 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, tu sĩ ngoại đạo tên Thi-bà đi đến chỗ Phật, cùng Ngài hỏi thăm ân cần xong, lui ngồi một bên, bạch Phật: Thưa Cu-đàm! Có tu sĩ Bà-la-môn thấy như vầy, nói như vầy: “Nếu người có tri giác, biết tất cả tác nhân trước kia, tu các khổ hạnh khiến cho nghiệp nhân quá khứ hết sạch, lại không tạo tác nghiệp mới, dứt các nhân duyên, nơi đời vi lai không còn các lậu, vì các lậu đã hết nên nghiệp hết, nghiệp hết nên khổ hết, khổ hết là hoàn toàn thoát kh6." Nay Cù-đàm nói như thế nào? Phật bảo Thi-bà: Sa-môn, Bà-la-môn kia nói một cách mơ hồ chẳng suy xét, ngu si, bất thiện, chẳng phân biệt rõ ràng. Vì sao? Hoặc do gió khởi khổ, chúng sanh giác

768 KINH TẠP A-HÀM

tri, hoặc do đàm khởi, hoặc từ nước dãi khởi, hoặc các thứ ấy chung khởi, hoặc tự hại, hoặc cái khác làm hại5 hoặc do thời tiết khí hậu. Kẻ tự hại kia, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc thường đứng giơ tay, hoặc ngồi xổm trên đất, hoặc nằm trên tro đất, hoặc nằm trên chông gai, hoặc năm trên cái chày, hoặc năm trên ván, hoặc nằm trên đất phết nước tiểu của trâu, hoặc nam trong nước, hoặc một ngày tắm rửa ba lần, hoặc

đứng một chân, thân xoay chuyển theo mặt trời. Họ siêng năng thực hành mọi thứ khổ hạnh như thế. Này Thi-bà! Đây gọi là tự hại. Do kẻ khác làm hại hoặc là bị người khác dùng tay, đá, dao, gậy, các thứ hại thân. Đây gọi kẻ khác làm hại. Này Thi-bà! Hoặc bị thời tiết làm hại, như mùa đông thì cực lạnh, mùa xuân thì thật nóng, mùa hạ cũng nóng lạnh, đây là bị thời tiết làm hại, những điều này ở thê gian thật có chăng phải hư vọng. Này Thi-bà! Thê gian có những sự việc thực tế này như bị gió làm hại... bị thời tiết, khí hậu làm hại. Chúng sanh kia biết như thật. Ong cũng tư có những tai họa này: Gió, đàm, nước dãi... thời tiết làm hại, biết như thế, như thế giác tri như thật. Này Thi-ba! Nếu Sa-môn5 Bà-la-môn kia nói rằng: Tất cả những gì người ta tri giác được đều là nhân đã tạo thì đó là bỏ việc thực tế ở thế gian mà nói theo sự nhận thấy của chính mình. Này Thi-bà! Có năm nhân duyên sanh tâm ưu khổ. Năm nhân ấy là gì? Nghĩa là nhân tham dục trói buộc, duyên tham dục trói buộc sanh tâm ưu khổ. Nhân sân nhuê5 thùy miên, trạo hôi, nghi trói buộc sanh tâm ưu khô. Duyên sân nhuế, thùy miên, trạo hoi, nghi trói buộc sanh tâm ưu kho. Đó là năm nhân, năm duyên sanh tâm ưu khổ? Này Thi-bà! Có năm nhân, năm duyên không sanh tâm ưu khổ. Năm thứ đó là gì? Nghĩa là nhân tham dục trói buộc, duyên tham dục trói buộc sanh tâm ưu khổ9 lìa tham dục trói buộc, chẳng khởi tâm ưu kho. Đây gọi là năm nhân, năm duyên chẳng khởi tâm ưu kho, ngay hiện tại được lìa nhiệt não không đợi thời tiết, tự giác tri kiến thông đạt duyên theo pháp hiện tại. Này Thi-bà! Lại có người hiện tại lìa nhiệt não không đợi thời tiết, tự giác tri kiên thông đạt duyên theo pháp hiện tại nghĩa là tám Thánh đạo, chánh kiến... chánh định. Lúc Phật nói pháp này, tu sĩ ngoại đạo Thi-bà xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Thi-bà thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, lìa hoài nghi chẳng do người khác, ở trong Chánh pháp, Luật, đắc vô sở úy. Thi-bà liền từ chỗ ngoi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật: -Thưa Thế Tôn! Hôm nay con có thể ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia, thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo chăng? Phật bảo Thi-bà: Nay người được xuất gia,... (nói như trên)...

... tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán.

KINH TẠPA-HÀM 769

KINH SỐ 978 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thôn Na-la trong vườn Hảo-y-am-la. Bấy giờ, ở thôn Na-la có thương chủ ngoại đạo xuất gia, đã một trăm hai mươi tuổi, các căn suy yếu, được các trưởng giả, Bà-la-môn, cư sĩ thôn Na-la tôn trọng, cúng dường như bậc A-la-hán. Thương chủ ngoại đạo xuất gia kia trước đây có một người thân, mạng chung sanh ve cõi trời. Thiên nhân này ở cối trời kia nhìn thấy thương chủ ngoại đạo xuất gia, nghĩ rằng: "Ta muốn đến bảo thương chủ ngoại đạo xuất gia đi đến chỗ Phật, tu hành Phạm hạnh, ông ta không nghe theo lời ta, bây giờ ta nên đến ông ấy gợi ý để ông đi h6i." Thiên nhan này liền hiện thân xuống thôn Na-la, đi đến chỗ thương chủ ngoại đạo xuất gia kia và nói kệ hỏi rằng: Sao là ác tri thức, Hiện tướng thiện tri thức? Sao là thiện tri thức, Như mình đồng một thể? Vì sao cầu đoạn dứt? Thế nào lìa nhiệt não? Nếu ông đem ý kệ này hỏi các người kia, ai có thể phân biệt giải nói nghĩa kia và đáp được cho ông thì có thể theo người ấy xuất gia tu Phạm hạnh. Tu sĩ ngoại đạo thương chủ nhận câu hỏi của thiên nhơn, đi đến chỗ Phú- lan-na

Ca-diếp đem ý của bài kệ này hỏi Phú-lan-na Ca-diếp, Phú-lan-na Ca- diếp còn không the hiểu được huống chi là có the đáp lại. Sau đó thương chủ ngoại đạo lại đi đến chỗ của Mạt-ca-lê-cù-xá-lợi tử, San- xà-gia-tỳ-la-chi tử, A-kỳ-đa-chì-xá-khâm-bà-la, Ca-la-câu-đà-ca-chiên-diên, Ni-càn-đà-nhã-đề tử, đều đem ý của bài kệ này để hỏi, họ đều không thể đáp. Khi đó tu sĩ ngoại đạo thương chủ nghĩ rang: "Ta đem ý kệ này hỏi các bậc thầy tu hành, họ đều không đáp được, nay ta lại muốn cầu xuất gia, hiện tại ta tự có tiền của, chẳng bằng trở về nhà hưởng thụ năm due." Rồi lại suy nghĩ: "Nay ta hãy đến Sa-môn Cù-đàm9 nhưng các vị thay kỳ cựu của Sa-môn, Bà-la-môn như Phú-lan-na Ca-diếp, v.v... đều không thể đáp, còn Sa-môn Cù-đàm tuổi trẻ xuất gia, sao có thể hiểu được. Nhưng ta nghe bậc tiên túc nói: 'Chớ khinh người mới học, tuổi trẻ xuất gia, hoặc có Sa-môn tuổi trẻ xuất gia oai đức lớn.5 Hôm nay ta hãy đến Sa-môn Cù-đàm, đem ý luận này hỏi Ngài xem." Lúc ấy, Thế Tôn biết được tâm niệm của thương chủ, liền nói kệ: Sao là ác tri thức, Hiện tướng thiện tri thức? Trong tâm thật xấu ghét, Miệng nói tôi đồng tâm, Việc làm không ưa đồng, Biết chẳng phải bạn lành, Miệng nói lời thương mến, Tâm chẳng thực phù hợp, Việc làm cũng chẳng đồng, Bậc tuệ nên giác tri, Đây là ác tri thức, Hiện tướng thiện tri thức.

Cùng Ta đồng một thể, Sao là thiện tri thức, Cùng Ta đồng một thể? Chẳng phải thiện tri thức, Chẳng chế ngăn buông lung, Bại hoại lòng nghi hoặc, Dò tìm mối manh xấu, Đâu phải thiện tri thức. Như con trong lòng cha, Không phải kẻ bên ngoài, Đó là thiện tri thức, Vì sao cầu đoạn dứt? Vì sanh chỗ hoan hỷ5 Trong mát, đáng khen ngợi, Tu tập quả phước lợi, Trọn dứt bặt, thanh lương, Vì thế cầu đoạn dứt. Thế nào lìa nhiệt não? Vị tịch tịnh lặng dừng, Biết vị viễn ly kia, Viễn ly ác nhiệt não, Nem dược vị pháp hỷ? Tịch diệt, lìa lửa dục, Đó gọi lìa nhiệt não. Thương chủ ngoại đạo xuất gia nghĩ thầm: 6ÉSa-môn Cù-đàm đã biết tâm niệm của ta", liền bạch Phật: Con có thê ở trong Chánh pháp, Luật của Sa-môn Cù-đàm? xuât gia tu Phạm hạnh, thọ giới Cụ túc, trò thành Tỳ-kheo chăng? Phật bảo thương chủ ngoại đạo: Ông được ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia tu Phạm hạnh, thọ giới Cụ túc, trở thanh Tỳ-kheo. Như thế, thương chủ ngoại đạo đã xuất gia rồi tư duy... tâm thiện giải thoát, đắc quả A-la-hán.

KINH SỐ 979 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-di-na-kiệt? nơi sanh ra các lực sĩ, trong rừng Sa-la song thọ. Bấy giờ, Thế Tôn sắp Niết-bàn, Ngài bảo Tôn giả A-nan: Hãy treo giường dây giữa hai cây Sa-la đầu hướng về phía Bắc, Như Lai trong đêm nay sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Khi ây, Tôn giả A-nan vân^ lời Phật dạy treo giường dây giữa hai cây Sa-la đầu hướng về phía Bắc, rồi đến cúi đầu lễ chân Phật, lui đứng một bên, bạch Phật: —Bạch Thế Tôn! Con đã treo giường dây giữa hai cây song thọ, đầu hướng về phía Bắc. Bấy giờ, Thế Tôn đi đến nằm trên giường dây đầu quay về hướng Bắc, nằm nghiêng bên hông phải, hai chân chồng lên nhau, hệ niệm minh tướng, chánh niệm, chánh trí. Đương thời, trong nước Câu-di-na-kiệt có tu sĩ ngoại đạo tên là Tu-bạt-đà- la, một trăm hai mươi tuổi, già cả5 suy yếu, được nhân dân nước Câu-di-ma-kiệt

cung kính cúng dường như A-la-hán. Tu sĩ Tu-bạt-đà-la nghe Thế Tôn đêm nay sẽ nhập Vô dư Niết-bàn, bèn nghi: "Ta có điều hoài nghi vẫn còn hy vọng hỏi được, vì Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể khai ngộ cho ta. Ngày nay ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm thưa hỏi điều hoài nghi." Tu-bạt-đà-la bèn ra khỏi Câu-di-na-kiệt? đi đến chỗ Thế Tôn. Trong lúc Tôn giả A-nan đang đi kinh hành ngoài cổng vườn. Tu-bạt-đà-la đến nói với Tôn giả A-nan: Tôi nghe nói Sa-môn Cù-đàm đêm nay sẽ nhập Vô dư Niết-bàn nhimg tôi có điều hoài nghi, hy vọng Ngài chỉ dạy, vì Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức CÓ thê khiên cho tôi giác ngộ. Nêu như Tôn giả A-nan không ngại nhọc nhăn xin hãy vì tôi đến bạch Cù-đàm: “Xin dành chút thì giờ để giải đáp câu hỏi cho t6i.” Tôn giả A-nan đáp: Chơ nen lam nhọc Thê Tôn! Thê Tôn đang rát mệt mỏi. Tu-bạt-đà-la ba lần nài nỉ Tôn giả A-nan, A-nan cũng ba phen từ chối. Tu- bạt-đà-la nói: -Tôi nghe các bậc lão túc Đại sư nói rằng, lâu lắm mới có Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện nơi Vô dư Niết-bàn mà ở thế gian như hoa Ưu-đàm-bát, nhung hiện tại trong đêm nay sẽ vào Niết-bàn. Hôm nay tôi nơi pháp có chút nghi, vì lòng tin nên đến đây, Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể làm cho tôi giác ngộ. Nếu Tôn giả chẳng ngại lao nhọc xin vì tôi bạch lại Sa- môn Cù-đàm. Tôn giả A-nan lại đáp: - Này Tu-bạt-đà-la! Chớ nên làm nhọc Thế Tôn! Hôm nay Thế Tôn quá mệt mỏi. Khi ấy, Thế Tôn với thiên nhĩ nghe lời qua lại giữa A-nan và Tu-bạt-đà-la? liền bảo Tôn giả A-nan: -A-nan! Đừng ngăn tu sĩ ngoại đạo Tu-bạt-dà-la, hãy đê cho ông ây vào hỏi điều nghi. Vì sao? Vì đây là làn sau cùng luận nghị với tu sĩ ngoại đạo, vì đây là vị Thanh văn chứng đắc sau cùng. Phật gọi Tu-bạt-đà-la: Thiện lai Tỳ-kheo! Bấy giờ? Tu-bạt-đà-la được Thế Tôn khai mở căn lành, vui mừng vô hạn, mừng rỡ đi đến Thế Tôn cùng chào đón, hỏi han ân càn, rồi lui ngồi một bên5 bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Trong cõi thê gian này, các lục sư như Phú-lan-na Ca-diêp? mỗi người tự lập tông như vầy: "Bây là Sa-môn. Đây là Sam6n." Thế nào, thưa Cù-đàm có đúng là mỗi mỗi ngoại đạo đều có tông ấy chăng?

Bấy giờ, Thế Tôn vì Tu-bạt-đà-la nói kệ: Từ hai mươi chín tuôi, Xuất gia tu đạo lành, Chí đạo đến ngày nay, lTrải hơn năm mươi năm, Tam-muội, Minh Hạnh Túc, lThường tu tập tịnh giới, Lìa dây, thiêu đạo phân, Ngoài í đây không Sa-môn. Phật bảo Tu-bạt-đà-la: -Trong Chánh pháp, Luật, người không được tám Thánh đạo thì cũng không được Sơ quả Sa-môn, cũng không được Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ quả Sa- môn. Này Tu-bạt-đà-la! Người ở trong Chánh pháp, Luật này, được tám Thánh đạo thì được Sơ quả Sa-môn? được Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ quả Sa-môn. Trừ đây ra, ở trong ngoại đạo không có Sa-môn. Đây tức là các thầy ngoại đạo kia không có Sa-môn, Bà-la-môn! Vì thế ngày nay ở trong chúng, Ta rống tiếng rông sư tử. Lúc Phật nói pháp này, tu sĩ ngoại đạo Tu-bạt-đà-la lìa xa trần cấu, được pháp nhãn thanh tinh. Khi ấy5 Tu-bạt-đà-la thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, nhập pháp, vượt qua các hoài nghi, được tín tâm không do người khác, không nhờ người độ, trong Chánh pháp, Luật, đác vô sở úy. Tu-bạt-đà-la từ chô ngôi đứng lên sửa lại y phục, gối phải sát đất, bạch Tôn giả A-nan: -Tôn giả được thiện lợi, Tôn giả có được bậc Đại sư, được làm đệ tử của bậc Đại sư, được mưa pháp của Đại sư rưới lên đỉnh đau. Ngày nay nếu tôi được ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia thọ giới Cụ túc làm Tỳ-kheo, cũng sẽ được lợi ích như vậy. Tôn giả A-nan bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Tu sĩ ngoại đạo Tu-bạt-đà-la nay xin được ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tu-bạt-đà-la: -Này Tỳ-kheo! Đen đây tu hành Phạm hạnh. Ngay lúc ây Tôn giả Tu-bạt-đà-la liên được xuất gia thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Thế rồi Tu-bạt-đà-la chuyên tâm tư duy... tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán. Khi Ton giả Tu-bạt-đà-la đắc A-la-hán, được an lạc giải thoát, đã giác tri, chợt nghĩ thầm: "Ta không nỡ nhìn Phật vào Niết-bàn, ta sẽ nhập diệt trư&c." Nghĩ như thế rồi Tôn giả Tu-bạt-đà-la liền nhập diệt trước, sau đó Thế Tôn vào Niết-bàn.

KINH SỐ 980 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hành trong nhân gian tại nước Bạt-kỳ đến nước Tỳ-xá-ly, tạm ở giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu.

KINH TẠPA-HÀM 773

Bây giờ, trong nước Tỳ-xá-ly có nhiêu khách buôn trang hoàng phương tiện muốn đến nước Đát-sát-thi-la. Các khách buôn nghe Thế Tôn đang du hành trong nhân gian từ nước Bạt-kỳ đến nước Tỳ-xá-ly, đang trú ở giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu. Nghe xong, họ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật, rồi lui ngồi một bên. Phật vì những khách buôn nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi Ngài im lặng. Các khách buôn từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục, đảnh lễ chắp tay bạch Phật: -Thưa Thế Tôn! Chúng con là những khách buôn trang hoàng phương tiện r r jF • muôn đi đên nước Đát-sát-thi-la. Kính xin Thê Tôn cùng đại chúng sáng mai nhận sự cúng dường của chúng con. Thế Tôn im lặng nhận lời. Các khách buôn biết Thế Tôn đã nhận lời thỉnh cầu, từ chỗ ngồi đứng lên đảnh lễ chân Phật. Mỗi người tự trở về nhà sửa soạn thức ăn ngon tinh khiết, xếp đặt giường ghế, nước sạch. Sáng sớm họ cho người đến cung thỉnh. Thế Tôn cùng với đại chúng đắp y, ôm bát đi đến nhà các khách buôn, đen chỗ ngoi an tọa. Các khách buôn đem thức ăn ngon, thanh khiết tự tay cúng dường. Ăn xong rửa bát rồi các khách buôn đặt những cái ghế thấp ngồi trước đại chúng nghe Phật thuyết pháp. Bấy giờ? Thế Tôn bảo các khách buôn: -Các ông sắp đi vào nơi hoang vắng, gặp nhiều việc đáng sợ? đến nỗi kinh hoàng sởn cả lông tóc, lúc ấy nên niệm Như Lai rang: "Nhu Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác,... Phật, Thế Ton." Niệm như thế thời mọi sợ hãi liền tiêu tan. Lại niệm Pháp là Chánh pháp, Luật của Phật, ngay trong hiện tại có thể xa lìa nhiệt não, chăng đợi thời tiêt? là pháp phải thân cận, thông đạt, tự giác, tự tri. Lại niệm Tăng, đệ tử của The Tôn thiện hướng, chánh hướng... là ruộng phước của thế gian. Niệm như thế, mọi sự sợ hãi đều được tiêu trừ. Như thời quá khứ, trời và a-tu-la đánh nhau, lúc ấy vua trời Đế-thích bảo các chúng trời: "Trong khi các ông cùng chiến đấu với bọn a-tu-la, nếu người nào sanh sợ hãi hãy niệm đến ngọn cờ của ta, gọi là ngọn cờ tồi phục. Khi niệm đến ngọn cờ này thì sự sợ hãi liền tan. Nếu người nào không niệm đến ngọn cờ của ta thì nên niệm đen ngọn cờ của thiên tử Y-xá-na, nếu không niệm đến ngọn cờ của thiên tử Y-xá-na thì nên niệm đến ngọn cờ của thiên tử Bà-liru-na, lúc niệm đến ngọn cờ ấy, sợ hãi liền trừ.” Cũng vậy, này các khách buôn, các ông ở nơi hoang văng, có điêu lo sợ, nên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Thế Tôn vì các khách buôn Tỳ-xá-ly nói kệ tùy hỷ cúng dường: L r e Cúng dường Tỳ-kheo-tăng, Thức ăn uông tùy thời, Chuyên niệm, chánh tư duy, Chánh trí và hành xả, Tịnh vật,

ruộng phước tốt, Các ông đều đầy đủ,

Do công đức lợi ích, Luôn luôn được an vui, Có mong cầu khởi tâm, Phước lợi đều ứng ngay, Người vật thảy an ổn, Đường sá đi lại tốt, Đêm ngày đều yên ổn, Xa lìa mọi điều ác, Như ruộng đất màu mỡ, Hạt giống tốt tinh thuần, Thường chăm sóc vun tưới, Thu hoạch không thể lường, Tinh giới là ruộng phước, Chủng tử thật tốt lành, Cùng tùy thuận chánh hạnh, Diệu quả sẽ thành tựu, The nen người bo thí, Muốn đầy đủ công đức, Thực hành theo trí tuệ, Tự nhiên đủ các quả, Đối bậc Minh Hạnh Túc, Chánh tâm rất cung kính, Vun trông các góc lành, Trọn được phước lợi lớn, Như thật biết thế gian, Được đay đủ chánh kiến, Đầy đủ thấy chánh đạo, Hoàn toàn được tiến lên, Xa lìa mọi trần cấu, Chóng đắc đạo Niết-bàn, Cứu cánh được giải thoát, Gọi là đủ công đức. Sau khi Thế Tôn vì các khách buôn ở Tỳ-xá-ly thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, Ngài rời chỗ ngồi, đứng lên đi.

KINH SỐ 981 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nêu Tỳ-kheo ở nơi văng vẻ, nơi cội cây, trong nhà trống, có lúc bông khởi tâm sợ hãi đen sởn lông tóc, nên niệm Phật, Pháp, Tăng,... (nói rộng như trên). Khi niệm đến Phật, Pháp, Tăng thì mọi sợ hãi tự tiêu trừ. Này các Tỳ-kheo! Thời quá khứ, Thích-đê-hoàn-nhơn cùng đánh nhau với a-tu-la. Lúc ây, Thích-đê-hoàn-nhơn nói với vị thiên Tam Thập Tam răng: "Này các nhân giả! Trong khi đánh nhau với a-tu-la, nếu có người sanh tâm sợ hãi đến sởn cả lông tóc, các vị nên niệm đến ngọn cờ hàng phục quân địch của ta. Khi niệm đến ngọn cờ này, sự sợ hãi đều tiêu trừ." Cũng vậy, Tỳ-kheo nếu ở chỗ vắng, nơi cội cây hoặc trong nhà trống mà sanh tâm sợ hãi đến sởn lông tóc, nên niệm Như Lai là bậc Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác... Phật, Thế Tôn. Đương lúc niệm Phật, sợ hãi liền tiêu trừ. Vì sao? Vì trời Đế-thích kia còn lòng tham, sân, si, đối với sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não, chẳng được giải thoát, hoảng sợ bỏ chạy, trốn tránh, mà còn dặn dò chư thiên Tam Thập Tam nên niệm đến ngọn cờ hàng phục quân địch của ông ấy. Huống chi Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã lìa tham, sân, si, giải thoát sanh-già-bệnh-chết-lo-buồn-khổ-não, không có

điều sợ hãi, trốn tránh, mà không có thể khiến cho người niệm đến Như Lai trừ hết mọi sợ hãi? Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 982 A

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Sa-chỉ trong rừng An-xà-na. Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Ta có thể lược nói và nói rộng giáo pháp, nhimg người hiểu biết pháp ấy là khó. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: -Xin Thế Tôn lược nói, rộng nói giáo pháp, đối với giáo pháp, thật có người hiểu biết được. Phật bảo Xá-lợi-phất: Nếu có chúng sanh đối với thức thân của mình và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không có ngã, ngã sở9 ngã mạn, kiết sử ràng buộc,... tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ, do đối với thức thân này, và tất cả tướng của cảnh giới

bên ngoài không có ngã, ngã sở, ngã mạn, kiết sử ràng buộc, nên người ấy được tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tư biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Này Xá-lợi-phất! Tỳ-kheo kia đối với thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở9 ngã mạn, kiết sử ràng buộc, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đay đủ, do đoi với thức thân này và tát cả tướng của cảnh giới bên ngoài không thây có ngã, ngã sở9 ngã mạn, kiết sử ràng buộc, nên người ấy được tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Này Xá-lợi-phất! Nếu lại có Tỳ-kheo đối với thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, không thấy có ngã, ngã sở9 ngã mạn, kiết sử ràng buộc, người ây tâm được giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biêt tác chứng, an trụ đây đủ. Này Xá-lợi-phất! Nếu lại có Tỳ-kheo đối với thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn, kiết sử ràng buộc, người ấy tâm được giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ, do đối với thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn, kiết sử ràng buộc, nên người ấy tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Xá-lợi-phất! Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kiết sử, quán sát về mạn... cứu cánh giải thoát khổ. Xá-lợi-phất! Đối với điều này Ta còn nói thêm khi giải đáp câu hỏi của Ba-la-diên Phú-lân-ni-ca.

776 KINH TẠPA-HÀM

Thế gian số sai biệt, Được an ổn bất động, Tịch tịnh lìa các tran, Nhổ sạch gốc vô minh, Vượt qua biển tam hữu, Chẳng còn lo già chết. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy 19 A • 1 A À • 4. r 1 /\ _ 1 21 1 À • 4-2 hy, rơi cho ngoi đưng len, lam le roi đi.

KINH SỐ 983 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Tôn giả A-nan cũng đang ở đó9 một mình ở chô văng tư duy như vầy: “Nếu có người suy nghĩ rằng: 'Ta đối với thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không có kiến chấp ngã? ngã sở5 ngã mạn, kiêt sử ràng buộc, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ thì đối với thức thân và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kiết sử ràng buộc. Ta sẽ được tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy Chiều hôm ấy tọa thiền xong, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con một mình ở chỗ vắng, tư duy như vầy: "Nếu có người nói rằng ta đối với thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài... tự biết tác chứng, an trụ đay Phật dạy Tôn giả A-nan: Y Đúng thế! Đúng the! Nếu có người nghĩ rằng: "Ta đối với thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kiết sử ràng buộc, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy dỉT thì này A-nan, Tỳ-kheo kia đối với thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không có kiên chập ngã, ngã sở, ngã mạn, kiêt sử ràng buộc, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ9 đối với thức thân này và tát cả tướng của cảnh giới bên ngoài không có kiên chập ngã, ngã sở5 ngã mạn, kiết sử ràng buộc, vi ấy tâm giải thoát, tuệ giải thoát,

hiện tại tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Này A-nan! Nếu lại có Tỳ-kheo đối với thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài... tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ; thì đây gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kiết sử, ngã mạn, quán sát giải thoát hết khổ. Này A-nan! ở đây, Ta còn nói thêm khi đáp lại câu hỏi của Bà-la-diên-ưu-đà-gia. Đoạn dứt tưởng ái dục, Ưu khổ thảy đều lìa, Tỉnh giác khỏi ngủ nghỉ, Diệt trừ sự trạo hối. Xả tham, nhuế, thanh tịnh, Hiện tiền quán sát pháp, Ta nói trí giải thoát, Diệt trừ sạch vô minh.

KINH TẠPA-HÀM 777

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi lui ra.

KINH SỐ 984 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Hôm nay Ta nói ái là lưới, là chất keo, là dòng suối, là rễ sen; những thứ này hay chướng ngại, che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, bế tắc, tối tăm, như ruột chó, như cỏ rối, như to, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, không lúc nào ngừng, lưu chuyển qua lại. Này các Ty-kheo! Tại sao ái là lưới, là chất keo,.. không lúc nào ngưng lưu chuyên qua lại? Nghĩa là có ngã nên có ta, tham muôn ta, ta như vậy, có ta, không ta, khác ta, hợp với ta, chẳng hợp với ta, ham muốn ta, ngay lúc ấy nên khác ta hoặc muôn ta, hoặc ta như vậy, hoặc khác, hoặc đúng, hoặc muôn đúng, hoặc đúng như vậy, hoặc khác. Mười tám ái hành như the từ bên trong phát khởi. Ty-kheo nói: Có ngã nên đối với các vật sở hữu nói rằng: "Ta muốn, tới như vāy..?9 cho đến mười tám ái hành, từ bên ngoài khởi lên, như thế tổng cộng với mười tám ái hành kia, tất cả là ba mươi sáu ái hành. Hoặc nói quá khứ khởi, hoặc vi lai, hoặc hiện tại khởi như thế cộng lại là một trăm lẻ tám ái hành. Thế nên, đây gọi ái là lưới, là chất keo, là dòng suối, là rễ sen hay làm chướng ngại chúng sanh, che lâp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, bê tác, tôi tăm là ruột chó, cỏ rối, tơ, từ đời này sang đời khác, từ đời khác sang đời này, lưu chuyển qua lại không lúc nào ngừng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 985 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, Thê Tôn bao các Ty-kheo: -Có khi từ yêu thương sanh yêu thương, từ yêu thương sanh giận hờn, từ giận hờn sanh yêu thương, từ giận hờn sanh giận hờn. Thế nào là từ yêu thương sanh yêu thương? Nghĩa là có người đối với chúng sanh có vui thích, có thương yêu, có nghĩ nhớ, có hài lòng. Người kia đoi với người nọ có vui th h thương mến, có nghĩ nhớ và hài lòng thuận theo, nghĩ

rằng: "Ta đối với chúng sanh kia có vui thích, thương mến, nghĩ nhớ và hài lòng thuận theo. Người khác đối với người kia cũng vui thích, yêu men, nghĩ nhớ và

778 KINH TẠPA-HÀM

hài lòng thuận theo nên ta đối với người khác lại sanh yêu mến.^, Đây gọi là từ yêu thương sanh yêu thương. Thế nào là từ yêu thương sanh giận hờn? Nghĩa là có người đối với chúng sanh có vui thích, có yêu thương, nghĩ nha hài lòng nhưng mà người

khác đôi với người kia không ưa thích, không thương mến, không nghĩ nhớ, không vừa ý9 thuận theo, nghĩ rang: "Ta đoi với chúng sanh kia, có ưa thích, thương men, nghĩ nhớ, vừa ý, thuận theo nhưng người khác đoi với người kia không ưa thích, không thương mến, chẳng nghĩ nhớ, chẳng vừa ý? thuận theo, nên ta đối với người kia sanh giận hờn.^, Đây gọi là từ yêu thương sanh giận hờn. Thế nào là từ giận hờn sanh yêu thương? Nghĩa là có người đối với chúng sanh chẳng ưa thích, chẳng yêu thương, chẳng nghĩ nhớ, chẳng vừa ý. Người khác lại đối với người kia chẳng vui thích, chẳng yêu mến, chẳng nghĩ nhớ, chẳng hài lòng, thuận theo, nên ta đối với người khác sanh niệm ưa thích. Đây là từ giận hờn sanh yêu thương. Thế nào là từ giận hờn sanh giận hờn? Có người đối với chúng sanh không vui thích, không yêu mến, không nhớ nghĩ, không hài lòng, nhưng mà người khác đối với người kia có vui thích, thương mến, có nghĩ nhớ, có vừa ý? thuận theo, nghĩ rằng: "Ta đối với chúng sanh kia không vui thích, không yêu mến, không nghĩ nhớ, không vừa ý mà người khác đối với người kia có vui thích, thương mến, có nghĩ nhớ, vừa ý? thuận theo, nên khi ta bị người khác hỏi liền nổi sân." Đây gọi là từ giận hờn sanh giận hờn. Nêu Tỳ-kheo lìa dục5 lìa pháp ác bát thiện, có giác, có quán... an trụ đây đủ từ Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, từ yêu thương sanh yêu thương, từ giận hờn sanh giận hờn, từ giận hờn sanh yêu thương, từ yêu thương sanh giận hờn, tất cả đều đã đoạn, đã biết. Đoạn tuyệt cội gốc nó như chặt đứt ngọn cây đa-la, không the mọc lại nữa, ở đời vị lai trở thành pháp bất sanh. Nêu Tỳ-kheo kia sạch hết hữu lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: "Sịt sanh của ta đã tận5 Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Chính ngay lúc ấy không tự đề cao, không khởi trần lao, không thiêu đốt, chẳng hiềm người. Thế nào là tự đề cao? Nghĩa là thấy sắc là ngã, sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc; thọ? tưởng, hành, thức, cũng lại như vậy. Đó gọi là tự đề cao. Thế nào là không tự đề cao? Nghĩa là không thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Đây gọi là không tự đề cao. Thế nào là trả lại tự cao? Nghĩa là đối với người mạ lỵ thì mắng chửi lại; đối với người sân giận thì sân giận lại, đối với người đánh thì đánh lại; đối với người đụng chạm thì đụng chạm lại. Đây gọi là trả lại tự cao. Thế nào là không trả lại tự cao? Nghĩa là đối với người mắng chửi thì không mang chửi lại; đoi với người sân giận thì không sân giận lại; đối với người

đánh thì không đánh lại; đối người đụng chạm không đụng chạm lại. Đây gọi là không trả lại tự cao. Thế nào là khởi trần lao? Nghĩa là có ngã, ngã dục... mười tám thứ ái. Đây gọi là khởi trần lao. Thế nào là không khởi trần lao? Nghĩa là không có ngã, không có ngã dục... mười tám thứ ái không khởi. Đây gọi là không khởi trần lao. Thế nào là thiêu đốt? Nghĩa là có ngã sở? ngã sở dục... mười tám ái hành bên ngoài. Đây gọi là thiêu đốt. Thế nào là không thiêu đốt? Nghĩa là không có ngã sở, không có dục của ngã sở... không có mười tám thứ ái hành bên ngoài. Đây gọi là không thiêu đốt. Thế nào gọi là hiềm người? Nghĩa là thấy ngã là chân thật, đối với ngã dục, ngã mạn, ngã sử không đoạn, không biết. Đây gọi là hiềm người. Thế nào là không hiềm người? Nghĩa là chẳng thấy ngã chân thật, đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử đã đoạn, đã biết. Đây gọi là chẳng hiềm

người. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 986 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có hai việc chấm dứt khó giữ được. Hai việc đo là gì? Nếu hoặc ở nơi người thế tục, nơi phi nhơn, đối với các nhu cầu nuôi sống như cơm ăn, áo mặc, giường nằm, v.v... mà đoạn dứt nó thời đó là việc khó làm. Lại nữa, Tỳ-kheo là người không nhà, xuất gia, đoạn trừ tham ái, nhimg đoạn dứt được nó cũng là việc khó làm. The Ton liên noi kẹ: Thế gian có hai việc, Trì đoạn ắt khó làm, Là chân đế được nói, Là điều Phật đã biết. Tại gia có tiền của, Cơm áo mọi vật dụng, Thế gian ưa tham ải, Đoạn dứt rất khó khăn, Tỳ-kheo đã lìa tục, Chánh tín và xuất gia, Diệt trừ các tham ái, Trì đoạn cũng khó làm. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 987 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

780 KINH TẠPA-HÀM

Bây giờ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta đối với hai pháp thường y chỉ, trụ nhiều. Thế nào là hai? Đó là đối với các thiện pháp Ta chưa từng biết đủ; đối với Lsự • •. • đoạn - ác pháp Ta chưa từng lìa bỏ. Vì đôi với thiện pháp không biêt đủ9 và đôi với việc đoạn dứt ác pháp chưa từng lìa bỏ, nên dù đến da khô thịt tiêu, gân liền với xương, trọn không lìa bỏ, cô găng siêng năng, không bỏ thiện pháp, không được những điêu chưa được thì trọn không dừng nghỉ. Chưa từng đối với tâm yếu kém sanh vui mừng, luôn luôn ưa thích tăng tiến, vượt lên đến đạo cả. Vì sống tinh tấn như thế nên chóng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tỳ-kheo nên đối với hai pháp này y chỉ, trụ nhiều. Đối với các thiện pháp chẳng sinh trưởng đầy đủ, nương vào sự đoạn dứt chưa từng lìa bỏ?... da khô, thịt tiêu, gân liền với xương, siêng năng nỗ lực mới có thể tu tập thiện pháp không ngừng. Thế nên Tỳ-kheo đối với các điều hạ liệt sinh trưởng hoan hỷ, nên sống tu tăng tiến hơn nữa. Tu tập như vậy, chẳng bao lâu sẽ chóng được tận các lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: "Sịt sanh của ta đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 988 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhơn hình sắc tuyệt vời, vào lúc cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, lui đứng một bên. Thân trời đầy oai lực, ánh sáng chiếu khắp Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy Thích-đề-hoàn-nhơn bạch Phật: -Thế Tôn đã từng ở trong hang đá ở núi Cách Giới nói rằng: uNếu có Samôn, Bà-la-môn vô thượng ái tận, được giải thoát, tâm thiện giải thoát bờ mé kia, tột cùng biên tế, lìa nhơ cấu, giải thoát, Phạm hạnh rốt rao?9 Thế nào là Tỳkheo đến bờ mé kia, tột cùng biên tế, lìa nhơ cấu, giải thoát, Phạm hạnh rốt ráo? Phật bảo Đế-thích: Nghĩa là Tỳ-kheo nếu có lãnh thọ cảm giác hoặc khổ hoặc vui, hoặc không kho không vui, các thọ tập, thọ diệt, thọ vị, thọ hoạn, thọ xuất biết như thật, biết như thật rồi quan sát thọ kia vô thường, quán sanh diệt, quán lìa dục, quán diệt . A M . tận, • quán • 9 • xả đã r quán sát như A k thếr

thì chắc chắn đến bờ mé, tột . cùng biên tê, lìa câu, giải thoát, Phạm hạnh rót ráo. Này Câu-thi-ca! Đây gọi là Tỳ-kheo đối Chánh pháp, Luật, đạt đến bờ mé, tột cùng biên tế, lìa nhơ cấu, giải thoát, Phạm hạnh rốt ráo... ... trời Đế-thích nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ5 làm lễ cáo từ.

KINH TẠPA-HÀM 781

KINH SỐ 989 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá? trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà quật, cuối đêm dậy đi kinh hành, trông thấy ánh sáng chiếu khắp Vườn Trúc Ca-lan-đà, thấy rồi liền nghĩ rằng: "Đêm nay hoặc có đại lực quỷ thần đi đến chỗ Thế Tôn nên mới có ánh sáng này." Bấy giờ, Ton giả Đại Mục-kiền-liên sáng sớm đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: - Thưa Thế Ton! Cuối đêm hôm qua con đi ra khỏi phòng kinh hành, trông thấy ánh sáng chiếu khắp Vườn Trúc Ca-lan-dà, con chợt nghĩ: "Chắc có vị đại lực quỷ thần nào đi đến chỗ Thế Tôn nên có ánh sáng này." Phật bảo Đại Mục-kiền-liên: -Cuối đêm hôm qua Thích-đề-hoàn-nhơn đi đến chỗ Ta cúi đầu đảnh lễ, rồi lui ngồi một bên,... (nói rộng như kinh trên)... hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi đi.

KINH SỐ 990 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, sáng sớm, Tôn giả A-nan đắp y, ôm bát đi đến thành Xá-vệ9 lần lượt khất thực đến nhà ưu-bà-di Lộc Trụ. Ưu-bà-di Lộc Trụ từ xa trông thấy Tôn giả A-nan liền sửa soạn chỗ ngồi và mời Tôn giả A-nan an tọa. ưu-bà-di Lộc Trụ cúi đầu lễ chân Tôn giả A-nan, rồi lui đứng một bên, bạch Tôn giả A-nan: Thưa Tôn giả! Vì sao nói Thế Tôn biết pháp? Cha của con là Phú-lan-na trước kia tu Phạm hạnh, lìa dục, thanh tịnh, không đeo hương hoa, xa lìa các kẻ tầm thường, ông chú là Lê-sư-đạt-đa không tu Phạm hạnh nhưng ông biết đủ? cả hai người đều qua đời, mà Thế Tôn nói quyết định hai ïiệười sanh một nơi, cùng thọ sanh như nhau, đời sau đồng đắc Tư-đà-hàm sanh vê cõi trời Bâu-suất, một lần trở lại thế gian, sẽ được giải thoát hết khổ. Thưa Tôn giả A-nan! Tại sao người tu Phạm hạnh và người không tu Phạm hạnh lại cùng sanh một nơi, cùng thọ sanh như nhau, và đời sau cũng giống nhau? Tôn giả A-nan đáp: -Này cô! Thôi cô ạ! Cô không thể biết được căn tính sai biệt của chúng sanh ở thế gian. Như Lai đã chắc chắn biết rõ căn tính hơn kém của chúng sanh. Nói xong Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng lên đi. Tôn giả A-nan trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui ngồi một bên? đem những lời của ưu-bà-di Lộc Trụ bạch lại Thê Ton.

782 KINH TẠP A-HÀM

"M Ậ rin A L ? _ rr^ _ • 9 A _ _ Thê Ton bao Ton gia A-nan: ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được căn tính hơn kém của chúng sanh ở thê gian. A-nan! Như Lai đã biêt rõ căn tánh hơn kém của chúng sanh ở thế gian. Này A-nan! Hoặc có người phạm giới, người kia đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát không biết như thật nhưng sự phạm giới của người kia đã diệt không còn sót, hết hẳn không còn sót, dục hết sạch không còn sót. Hoặc có người phạm giới đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát biết như thật, nhưng

sự phạm giới của người kia đã diệt không còn sót, hết hẳn không còn sót, dục hết sạch không còn sót. Đối với hai người kia có thể so sánh mà nói rằng: "Đây cũng có pháp này, kia cũng có pháp này thì phải cùng sanh một chỗ, đồng thọ sanh như nhau và đời sau cũng như nhau. Người nào so sánh như thế sẽ mãi mãi khổ sở và không được lợi ích." Này A-nan! Người phạm giới ấy đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát không biết như thật, nhtrng sự phạm giới của người kia diệt không sót, hết hẳn không còn sót, dục hết sạch không còn sót, nên biết người này còn bị thối chuyển, không phải thăng tiến, Ta nói đó là hạng bị thối chuyển. A-nan! Có kẻ phạm giới, người ấy đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát biết như thật, nhimg những sự phạm giới của người đó đã diệt không còn sót, bặt hết không còn sót, dục hét sạch không còn sót, nên biêt người này thăng tiên không thối chuyển, Ta nói người này là kẻ thăng tiến. Nấu chẳng phải Như Lai thì ai có thể biết rõ khoảng cách giữa hai hạng người này? Vì thế, này A-nan, chớ nên so sánh người này với người khác mà chấp thủ. Người khéo so sánh người này với người khác thì tự sanh bệnh. Người so sánh người này với người khác thì tự chiêu lấy tai họa. Chỉ có Như Lai biết rõ người mà thôi. Như hai người phạm giới; hai người trì giới cũng như thế. Người kia đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát không biết như thật nhưng sự trì giới của người kia đã diệt, không còn nữa. Nêu là người dao động, người áy đôi với tâm giải thoát, tuệ giải thoát không biết như thật, nhưng sự dao động của người kia đã diệt không còn. Nêu người kia sân hận, người áy đôi với tâm giải thoát, tuệ giải thoát không biêt như thật nhung sự sân hận của người kia đã diệt hét không còn. Nếu là khổ, tham, người ấy đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát biết như thật nhưng sự khô tham của người kia đã diệt hét không còn sự nhơ uê và thanh tinh. (Nói như trên)... Như Lai có thể biết từng người. Này A-nan! Ưu-bà-di Lộc Trụ ngu si, trí kém, đối với pháp Như Lai đã nói chắc thật mà tâm còn sanh hoài nghi. Thế nào, A-nan, Như Lai thuyết pháp có phải là hai không? Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn, không.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

KINH TẠPA-HÀM 783

Lành thay! Lành thay! Như Lai thuyết pháp nếu là hai thì điều này không the có. Này A-nan! Nêu Phú-lan-na trì giới, Lê-sư-đạt-đa cũng là người trì giới, nhimg chỗ thọ sanh Phú-lan-na không thể biết được Lê-sư-đạt-đa sanh nơi nào, thọ sanh như thế nào, đời sau như thế nào? Nếu Lê-sư-đạt-đa thành tựu trí tuệ; Phú-lan-na cũng thành tựu trí tuệ ấy, mà Lê-sư-đạt-đa cũng không thể biết Phú- lan-na sẽ sanh nơi nào, thọ sanh thế nào, đời sau thế nào? A-nan! Phú-lan-na trì giới hơn, Lê-sư-đạt-đa trí tuệ hơn, hai người cùng từ tran, Ta nói hai người cùng sanh một nơi, cùng thọ sanh như nhau, đời sau cùng đắc Tư-đà-hàm, sanh lên cõi trời Đâu-suất5 chỉ một lần sanh trở lại nơi này sẽ được giải thoát. Giữa hai người này nếu chẳng phải Như Lai, ai có thể biết được? Vì thế A-nan! Chớ nên so sánh người này với người khác. Người so sánh người này với người khác thì tự sanh ton giảm, chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ người. Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 991 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại ấp Lưu Lợi trong thành Di của họ Thích. Lúc đó có Tỳ-kheo khác ở tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc, an cư mùa hạ. Bây giờ, Tỳ-kheo kia sáng sớm đáp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, lần lượt đi đến nhà iru-bà-di Lộc Trụ. Ưu-bà-di Lộc Trụ từ xa trông thấy Tỳ- kheo liền sửa soạn chỗ ngồi rồi mời Tỳ-kheo an tọa... (nói giống như Kỉnh A-nan ở trước). Tỳ-kheo ấy nói với ưu-bà-di Lộc Trụ: Này cô! Hãy thôi đi! Cô làm sao biết được căn tính hơn kém của chúng sanh, chỉ có Như Lai mới có thể biết được căn tính hơn kém của chúng sanh. Nói xong Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng lên đi. Tỳ-kheo kia sau mấy tháng hạ an cu, may y xong, đắp y, ôm bát đi đến ấp Lưu Lợi, thành Di của họ Thích, cất y bát, rửa chân xong, Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, lui ngồi một bên, đem những lời đàm luận giữa Tỳ-kheo với ưu-bà-di Lộc Trụ thưa rõ với Thế Tôn. Phật bảo Tỳ-kheo: Ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được căn tính hơn kém của chúng sanh ở thê gian, chỉ có Như Lai mới có thê biêt rõ căn tánh hơn kém của chúng sanh ở thế gian thôi. Kẻ chẳng lìa sân hận, kiêu mạn, có lúc khởi tâm tham, không chiu nghe, lãnh thọ pháp, không học hỏi đạo lý? không nhờ pháp để điều phục kiến chấp, nên không the luôn luôn khởi tâm giải thoát. Này Tỳ-kheo! Nếu có người chẳng lìa sân, mạn, có lúc khởi tâm tham, nhimg người ấy nghe pháp, tu học, học hỏi đạo lý? khéo điều phục kiến chấp nên luôn

luôn có thê khởi tâm giải thoát. Nêu suy xét việc ây5 người này có pháp như vậy, người kia có pháp như vậy; đây cùng ở một nơi, cùng thọ sanh như nhau và đời sau như nhau. Người so sánh như thế thường bị khổ, phi nghĩa, không lợi ích. Này Tỳ-kheo! Nếu lại có người kia không lìa sân, mạn, luôn luôn khởi tâm tham, cũng không nghe pháp, chẳng học hỏi đạo lý, chẳng điều phục kiến chấp, cũng không luôn luôn được tâm giải thoát thì Ta nói người đó là kẻ xấu xa, thấp kém. Này Tỳ-kheo! Nếu lại có người kia chẳng lìa sân, mạn, thường khởi tâm tham, nhưng người ây nghe pháp, ưa học hỏi đạo lý, điêu phục các kiên châp, luôn luôn có thê được tâm giải thoát thì Ta nói người này là thăng diệu bậc nhát. Giữa hai người này, nếu tư chẳng phải là Như Lai thì người nào có thể phân . . - í • e • biệt, biêt rõ. Vì thê, này Tỳ-kheo5 chớ nên so sánh người này với người khác... Như Lai mới có the biết căn tính hơn kém. Này Tỳ-kheo! Nếu lại có một người chẳng lìa sân, mạn, luôn luôn nói lời ác,... (ngoài ra nói như trêri). Lại nữa, này Tỳ-kheo, có người hiền thiện, an vui, cùng ở sống, ưa thích minh trí, người tu Phạm hạnh ưa thích cũng ở chung, nhưng người kia chẳng ưa nghe pháp... luôn luôn không được tâm giải thoát nên biết người ấy trụ nơi hiền thiện, không thể tăng tiến. Chỗ hiền thiện đó là cõi trời, người. Lại nữa, có người căn tính hiền thiện, cùng ở chung, được an vui, ưa thích Phạm hạnh, làm bạn với Phạm hạnh, ưa nghe Chánh pháp, học tập, đa văn, khéo điều phục kiến chấp, luôn luôn được tâm pháp giải thoát, nên biết người ấy ở chỗ hiền thiện, có thể thăng tiến, nên biết người này có đủ khả năng vào dòng Chánh pháp. Giữa hai người này, nếu chẳng phải là Như Lai thì ai có thể phân biệt, biết rõ? The nên, Tỳ-kheo, chớ nên so sánh người này với người khác. Người so sánh người này với người khác thì chuốc lấy tai họa, chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ người mà thôi. Này Tỳ-kheo! Ưu-bà-di Lộc Trụ ngu si, trí kém... (nói như kinh trêrỉ). Phật nói kinh này

xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 992 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Thế gian có bao nhiêu thứ ruộng phước?

Phật bảo trưởng giả:

KINH TẠPA-HÀM 785

 Thế gian có hai thứ ruộng phước. Hai thứ ấy là gì? Đó là bậc Hữu học và Vô học. Phật liền nói kệ: Bậc Hữu học, Vô học, Đại hội thường mời thỉnh, Chánh trực* tâm chắn thật, Thân, khẩu cũng như thế, Đây thật ruộng phước tốt, Người thí được quả lớn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 993 . ’ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có các Thượng tọa Tỳ-kheo theo ở bên cạnh Phật như các Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như, Ma-ha Ca-diếp, Xá-lợi-phất9 Ma-ha Mục-kiền-liên, A-na-luật-đà? Nhị Thập ức Nhĩ, Đà-la-phiêu-ma-la tử, Bà-na-ca-bà-sa9 Gia-xá-xá-la-ca-tỳ-ha-lợi5 Phú-lâu-na9 Phân-đà Chiên-ni-ca... cùng với các Thượng tọa Tỳ-kheo khác cùng ở quanh Phật. Lúc đó Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở tại giảng đường Lộc Tử Mầu trong vườn thuộc phía Đông của nước Xá-vệ. Ton giả Bà-kỳ-xá nghĩ thầm: "Hôm nay Thế Tôn đang trú tại rừng Kỳ-đà5 vườn cấp Cô Độc, trong nước Xá-vệ cùng với các Thượng tọa Tỳ-kheo vây quanh, ta nên đi đến chỗ Thế Tôn, nói kệ khen ngợi từng Thượng tọa Ty-kheo.99 Suy nghĩ như thế xong, Bà-kỳ-xá liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, lui đứng một bên, nói kệ: Thượng Thượng tọa Tỳ-kheo? Đã đoạn các tham dục, Vượt thoát các thế gian, Tất cả mọi tích tụ Trí sâu xa ít nói, Dũng mãnh và nỗ lực, Đạo đức ngời sáng sạch. Con nay cúi đầu lạy, Bậc hàng phục ma oán, Xa lìa các ồn náo, Chẳng bị năm dục trói, Thường ở nơi vang lặng, Thanh hư và ít muốn, Con cúi đầu lạy trí, Thắng tộc Giá-la-diên, Thiền tư không phóng dật, Nội tâm vui chánh thọ, Trong sạch lìa bụi nhơ, Biện tuệ bày nghĩa sáu, Thế nên con cúi lạy. Bậc đắc thần thông tuệ, Vượt hơn sức thần thông, Trong sáu thứ thần thông, Tự rtại không sợ hãi, Là thần thông tối thắng, Thê nên con cúi lạy. Nơi đại thiên thế giới, Chúng sanh trong năm đường, Cho đến cõi Phạm thế Trời, người tưởng hơn kém, Tịnh thiên nhãn thấy suốt, The nên con cúi lạy. Sức phương tiện tinh cần, Đoạn trừ các ái tập,

KINH TẠPA-HÀM 785

 Thế gian có hai thứ ruộng phước. Hai thứ ấy là gì? Đó là bậc Hữu học và Vô học. Phật liền nói kệ: Bậc Hữu học, Vô học, Đại hội thường mời thỉnh, Chánh trực* tâm chắn thật, Thân, khẩu cũng như thế, Đây thật ruộng phước tốt, Người thí được quả lớn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 993 . ’ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có các Thượng tọa Tỳ-kheo theo ở bên cạnh Phật như các Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như, Ma-ha Ca-diếp, Xá-lợi-phất9 Ma-ha Mục-kiền-liên,

A-na-luật-đà? Nhị Thập ức Nhĩ, Đà-la-phiêu-ma-la tử, Bà-na-ca-bà-sa9 Gia-xá-xá-la-ca-tỳ-ha-lợi5 Phú-lâu-na9 Phân-đà Chiên-ni-ca... cùng với các Thượng tọa Tỳ-kheo khác cùng ở quanh Phật. Lúc đó Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở tại giảng đường Lộc Tử Mầu trong vườn thuộc phía Đông của nước Xá-vệ. Ton giả Bà-kỳ-xá nghĩ thầm: "Hôm nay Thế Tôn đang trú tại rừng Kỳ-đà5 vườn cấp Cô Độc, trong nước Xá-vệ cùng với các Thượng tọa Tỳ-kheo vây quanh, ta nên đi đến chỗ Thế Tôn, nói kệ khen ngợi từng Thượng tọa Ty-kheo.99 Suy nghĩ như thế xong, Bà-kỳ-xá liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, lui đứng một bên, nói kệ: Thượng Thượng tọa Tỳ-kheo? Đã đoạn các tham dục, Vượt thoát các thế gian, Tất cả mọi tích tụ Trí sâu xa ít nói, Dũng mãnh và nỗ lực, Đạo đức ngời sáng sạch. Con nay cúi đầu lạy, Bậc hàng phục ma oán, Xa lìa các ồn náo, Chẳng bị năm dục trói, Thường ở nơi vang lặng, Thanh hư và ít muốn, Con cúi đầu lạy trí, Thắng tộc Giá-la-diên, Thiền tư không phóng dật, Nội tâm vui chánh thọ, Trong sạch lìa bụi nhơ, Biện tuệ bày nghĩa sáu, Thế nên con cúi lạy. Bậc đắc thần thông tuệ, Vượt hơn sức thần thông, Trong sáu thứ thần thông, Tự rtại không sợ hãi, Là thần thông tối thắng, Thê nên con cúi lạy. Nơi đại thiên thế giới, Chúng sanh trong năm đường, Cho đến cõi Phạm thế Trời, người tưởng hơn kém, Tịnh thiên nhãn thấy suốt, The nên con cúi lạy. Sức phương tiện tinh cần, Đoạn trừ các ái tập,

Xé nát lưới sanh tử, Tâm thường vui Chánh pháp, Lìa các tưởng hy vọng, Vượt qua bờ bên kia, Trong sạch, không bụi nhơ, Thế nên con cúi lạy. Xa lìa mọi sợ hãi, Không dính mắc tài vật, Biết đủ, dứt si hoặc, Depr tan giặc ma oán, Thân niệm quán thanh tịnh, Thê nên con cúi lạy. Không có các thế gian, Rừng phiền não gai góc, Kiết phược sử trừ hết, Nhân duyên ba cõi dứt, Tinh luyện diệt các cấu, Cứu cánh sáng hiện bày, Nơi rừng lìa rừng đi, The nên con cúi lạy. Không cửa nhà nương nâu, Giả dối, si, nhuế dứt, Điều phục các ái hỷ? Ra khỏi mọi kiên xứ, Thanh tinh không vết nhơ, Ra khỏi mọi kiến chấp, The nên con cúi lạy. Tâm kia được tự tại, Kiên cố không khuynh động, Trí tuệ, đại đức lực, Hàng phục ma khó phục, Đoạn trừ kiết vô minh, Thế nên con cúi lạy. Đại nhân lìa tối tăm, Đấng Mâu-ni tịch diệt, Chánh pháp lìa lầm lỗi, Quang minh tự sáng soi, Chiếu khắp các thế giới, Thế nên gọi là Phật. Địa thần, hư không thiên, Thiên tư Tam Thạp Tam, Ánh sáng đều bị che, Thế nên gọi là Phật. Vượt qua bờ sanh tử, Siêu việt hơn mọi loài, Mem mỏng khéo điều phục, Chánh giác đệ nhất giác, Đoạn tất cả kiết phược, Hàng phục các ngoại đạo, Dẹp tan bọn ma oán, Đắc Vô thượng Chánh giác, Lìa trần dứt các cấu, Thế nên con cúi lạy. Trong lúc Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ khen ngợi, các Tỳ-kheo lắng nghe những lời này, tất cả đều hoan hỷ.

KINH SỐ 994 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở tại giảng đường Lộc Tử Mâu trong vườn phía Đông nước Xá-vệ đang bị bệnh tram trọng. Tôn giả Phú-lân-ni là người chăm sóc bệnh nhân, cung cấp cúng dường. Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá nói với Tôn giả Phú-lân-ni: Ông hãy đi đến Thế Tôn, chuyển lời của tôi bạch Thế Tôn rằng: "Tôn giả Bà-kỳ-xá đảnh lễ chân Thế Tôn, kính thăm Thế Tôn được ít bệnh, ít não và sống

an vui chang?99 Rồi lại nói tiếp: "Tôn giả Bà-kỳ-xá ở trong giảng đường Lộc Tử Mau trong vườn phía Đông, đang bị bệnh nặng muốn được gặp Thế Tôn, nhimg không đủ sức để đi đến chỗ Phật, xin Thế Tôn mở lòng thương xót đi đến chỗ của Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc Tử Mau tại vườn phía B6ng." Tôn giả Phú-lân-ni nhận lời đi đến Thế Tôn. Sau khi đảnh lễ Phật, rồi lui ngồi một bên thưa: -Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc Tử Mau trong vườn phía Đông bị bệnh năng, muốn được gặp Thế Tôn nhưng không đủ sức lực đi đến diện kiến Ngài. Lành thay! Xin Thế Tôn vì thương xót Tôn giả Bà-kỳ-xá đi đến chỗ Tôn giả ấy ở giảng đường Lộc Tử Mau trong vườn phía Đông. Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Tôn giả Phú-lân-ni biết Phật đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng lên đảnh lễ Phật rồi đi. Chiêu hom áy sau giơ tọa thiên, The Ton đi tơi cho Ton gia Ba-ky-xa. Ton giả Bà-kỳ-xá từ xa trông thấy Thế Tôn. tựa giường muốn gượng dậy lễ kính. Thế Tôn thấy như thế ôn tồn bảo: Bà-kỳ-xá chớ nên tự khinh động.

The Ton liên ngoi xuong hoi Ba-ky-xa: - Thầy bi bệnh khổ có thể chiu đựng như lúc bình thường không? Sự đau đớn của thân xác có gia tăng hay giảm bớt... (nói rộng như Kỉnh Dỉệm-ma-ca ở trước). -Con có cảm giác bệnh con càng tăng thêm chứ không thuyên giảm. Phật bảo Bà-kỳ-xá: Bây giờ Ta hỏi, thầy tùy ý đáp. Thầy đã được tâm không nhiễm, không trước, không nho, giải thoát, lìa các điên đảo, phải không? Tôn giả Bà-kỳ-xá bạch Phật: Tâm con không nhiễm, không trước, không nhơ, giải thoát, lìa các điên đảo.

Phật bảo Bà-kỳ-xá: -Làm the nào thay được tâm không nhiễm, không trước, không nhơ, giải thoát, lìa các điên đảo? Tôn giả Bà-kỳ-xá bạch Phật: Nhãn thức của con đối với sắc quá khứ, tâm không nghĩ nhớ, đối với sắc vị lai không có tưởng ưa thích, đối với sắc hiện tại chẳng dính mắc. Nhãn thức của con đối với sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, tham dục và ái niệm, đều hết sạch, vô dục, dứt bặt, lìa hẳn, giải thoát. Vì tâm đã giải thoát nên không nhiễm, không trước, không nhơ, lìa các điên đảo, an trụ chánh thọ. Cũng thế, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức quá khứ đoi với pháp, tâm không nghĩ nhớ, vị lai không vui thích, hiện tại không dính mắc, trong pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, dục tham, ái niệm hết sạch, vô dục, dứt bặt, lìa hẳn, giải thoát, tâm đã giải thoát nên chẳng nhiễm,

chẳng trước, chang nhơ, giải thoát, lìa các điên đảo, an trụ chánh thọ. Xin đức Thế Tôn hôm nay ban cho con điều lợi ích tối hậu, nghe con nói kệ. Phật bảo Bà-kỳ-xá: -Nên biết đúng lúc. Tôn giả Bà-kỳ-xá ngồi xuống ngay thẳng, buộc niệm ở trước và nói kệ: Nay con ở trước Phật, Cúi đầu cung kính lạy, Đối tất cả các pháp, Thảy đều được giải thoát, Khéo hiểu các pháp tướng, Tin sâu ưa Chánh pháp, Thế Tôn, Đẳng Chánh Giác, Thế Tôn là Đại Sư, Thế Tôn hàng ma oán, Thế Tôn, Đại Mau-ni, Diệt trừ tất cả sử, Tự độ khắp các loài. The Ton nơi the gian, Giác tri tất cả pháp, r 9

Thê gian trọn chăng có, Người biết pháp hơn Phật. Trong tất cả trời, người, Cũng không ai bằng Phật. Vì thế con hôm nay, Đảíứi lễ bậc tinh tấn, Cúi đầu trước Thượng Sĩ, Nhổ sạch gai ái dục, Giờ phút cuôi cùng này, Con được thấy Thế Tôn, Cúi đầu lạy Thế Tôn, Đêm nay Bát-niết-bàn, Chánh trí buộc chánh niệm, Nơi thân hư hoại này, Các sức lực

còn thừa, Đêm nay đều diệt hết, Ba cõi chang còn nhiễm, Vào Vô dư Niết-bàn9 Cảm thọ kho và vui, Cũng chăng khô chăng vui, Từ xúc nhân duyên sanh, Ngày nay trọn dứt hẳn, Khổ thọ và lạc thọ, Cũng chẳng kho chang vui, Từ nhân duyên xúc sanh, Bây giờ đều đã biết, Hoặc bên trong, bên ngoài, Các cảm thọ kho vui, Nơi thọ không dính mắc, Chánh trí, chánh buộc tâm, Ban đầu, giữa, sau rốt, Các tụ không chướng ngại, Các tụ đã đoạn rồi, Liễu tri ái chẳng còn. Người thấu suốt chân thật, Nói chín mươi mốt kiếp, Trong ba kiếp bất không, Có Đại Tiên Nhơn Ton/ Cõi không, chẳng chỗ ở, Chỉ sợ kiếp khủng bố? Nên biết Đại Tiên Nhơn, Lại xuất hiện the gian, An ủi các trời, người, Làm mắt tuệ bừng sáng, Thức tỉnh các chúng sanh. Khiến biết tất cả khổ, Khổ khổ và khổ tập, Tịch diệt dứt hết khổ, Hiền thánh bát Thánh đạo, An ổn đến Niết-bàn. Điều thế gian khó được, Hiện tiền đều đã được, Đời này được thân người, Diễn nói về Chánh pháp. Tùy theo điều mong muốn, Lìa cấu cầu thanh tịnh,

KINH TẠPA-HÀM 789

Chuyên tu được tự lợi, Chớ khiến không kết quả, Rỗng không thời sanh ưu, Thường thay khổ địa ngục, Đối Chánh pháp được nói, Chẳng ưa, chẳng muốn nhận, Sẽ ở lâu sanh tử, Luân hồi bao giờ dứt, Đêm dài ôm ưu não, Như nhà buôn mất của, Con nay rất vui mừng, Không còn sanh, già, chét. Luân hồi đã chấm dứt, Không sanh lại lần nữa, Dòng nước sông ái, thức, Từ nay đều khô cạn, TAN — Đã L A côi nho — M re am, Vòng xích chăng tiêp nôi, Cúng dường Đại sư xong, Việc làm đã hoàn tất, Gánh nặng đã bỏ xuống, Hữu lưu đều đã đoạn, Chẳng còn ưa thọ sanh, Chẳng còn tử đáng ghét, Chánh trí, chánh hệ niệm, Chỉ đợi phút cuối cùng. Long tượng nhớ rừng hoang, Sáu mươi thú hùng mạnh, Một lúc thoát gông xiềng, Ung dung trong rừng núi, Bà-kỳ-xá cũng thế, Miệng Đại sư sanh con, Chán bỏ các đồ chúng, Chánh niệm đợi thời đen. Nay nói với quý vị, Những người đến tụ hội, Nghe bài kệ tối hậu? Nghĩa lý nhiều lợi ích5 Có sanh đều có diệt, Các hành không thường tại, Pháp chóng sanh, chóng tử, Đâu thể nương cậy lâu, Nên lập chí mạnh mẽ, Tinh cần cầu phương tiện, Quán sát có sợ hãi, Tùy thuận đạo Mâu-ni, Sớm hết khổ ấm này, Chớ tăng thêm luân chuyển. Đứa con từ miệng Phật, Nói kệ tán thán xong, Xin từ biệt đại chúng, Bà-kỳ-xá Niết-bàn. Vì tấm lòng từ bi, Nói kệ vô thượng này, Ton gia Ba-ky-xa, Sanh ra từ pháp Phật. Do rũ lòng bi mẫn, Nói kệ vô thượng này, Sau đó Bát-niết-bàn Tát ca nen kính le.

KINH SỐ 995 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà5 vườn cấp Cô Độc. Vị thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Tỳ-kheo A-luyện-nhã, sống ở nơi vắng lặng, Tịch tịnh tu Phạm hạnh, Chỉ ngồi ăn một bữa, Do bởi nhân duyên gì, Nhan sắc được tươi sáng?

790 KINH TẠPA-HÀM

Thế Tôn nói kệ đáp: Với quá khứ không lo, Vị lai không ưa thích, Hiện tại tùy chỗ được, Chánh trí buộc giữa niệm, Khi ăn uống buộc niệm, Nhan sắc thường tươi sáng, Tâm tưởng theo vi lai, Buồn tiếc theo quá khứ, Lửa ngu si tự thiêu, Như mưa đá chết cỏ.

Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn5 Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Vi thiên tử ấy nghe Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ Phật xong, biến mất.

KINH SỐ 996 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên? từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Vị thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Không muốn khởi kiêu mạn, Khéo tự điều phục tâm, Chưa từng tu tịch mặc, i chăng nhập Cũng . chánh thọ, ở rừng mà phóng dật, Không vượt đến bờ kia. LÚC ay The Ton noi kẹ đáp: Đã lìa sự kiêu mạn, Tâm thường nhập chánh đinh, Trí sáng khéo phân biệt, Giải thoát tát cả phược. Một mình trong rừng vang, Tâm kia chăng phóng dật, Đối ma oán chết chóc, Chóng được qua bờ kia. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Ba-la-mon, Chóng đắc Bát-niết-bàn5 Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Vị thiên tử ấy nghe Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ Phật xong, biến mất.

KINH SỐ 997 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Vị thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Làm sao được ngày đêm, Công đức thường tăng trưởng? Làm sao sanh cõi trời? Xin Phật giải thích rõ.

KINH TẠPA-HÀM 791

Á rin A _ / • 1 _ A 4. z __ _ The Ton noi kệ đáp: Trông vườn cây ăn trái, Rừng cây cho bóng mát, Xây cầu, thuyền qua sông, Tạo tác nhà phước đức, Đào giếng giúp người khát, Trạm xá giúp lữ hành, Những công đức như thế, Ngày đêm thường tăng trưởng, Giới đầy đủ như pháp, Nhờ đó sanh cõi trời. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn5 Chóng đắc Bát-niết-bàn5 Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Vị thiên tử ấy nghe Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 998 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà9 vườn cấp Cô Độc. Vi thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Thí gì được đại lực? Thí gì được diệu sắc? Thí gì được an vui? Thí gì được mắt sáng? Tu tập pháp thí nào, Gọi là nhất thiết thí? Nay xin hỏi Thế Tôn xin Ngài phân biệt nói. The Ton noi kẹ đáp: Thí thực được đại lực, Thí y được diệu sắc, Thí xe được an vui, Thí đèn được mắt sáng, Xây nhà để đãi khách, Gọi là nhất thiết thí, Đem pháp để dạy người, Đó là thí cam lộ. Khi ấy thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Vị thiên tử ấy nghe Phật nói, hoan hỷ? tùy hỷ5 đảnh lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 999 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiên tử tên là Tất-tỳ-lê, dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng

chiếu khắp vườn cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Thiên tử này nói kệ: Các trời và thế nhân, Đều ưa thích ăn uống, Vậy phước lợi thế gian, Có thường theo mãi chăng? The Ton noi kê đáp: Tịnh tín tâm chuyên thí, Đời này và đời sau, Tùy nơi người kia đến, Phước báu theo như bóng, Thế nên bỏ xan lẫn, Hành bố thí không nho, Thí rồi tâm hoan hỷ, Đời này, đời khác thọ. Thiên tử Tất-tỳ-lê bạch Phật: -Lạ thay, Thế Tôn khéo nói nghĩa trên: Tịnh tín tâm tuệ thí, Đời này và đời sau, Tùy nơi người kia đến, Phước báu theo như bóng, Thế nên bỏ xan lẫn, Hành bố thí không nhơ, Thí rồi tâm hoan hỷ, Đời này, đời khác thọ. Thiên tử Tất-tỳ-lê bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con tự biết vào thời quá khứ từng làm quốc vương tên Tất-tỳ-lê? nơi bốn cửa thành bố thí, làm phước khắp cả, trong thành kia có ngã tư đường, ở nơi ấy cũng làm phước bố thí. LÚC ây đệ nhát phu nhân đên nói với con: "Đại vương làm đức lớn, còn tôi không có sức tu để làm các phước nghiep." Con liền nói: "'Ngoài cửa thành phía Đông, bô thí, làm phước, việc ây đêu thuộc của phu nhân.” Các vương tử cũng đến tâu với con: "Đại vương làm nhiêu công dức, phu nhân cũng vậy. Còn chúng con không có sức để làm các phước nghiệp, nay chúng con xin nương theo Đại vương làm chút công dức." Khi ây con đáp: "Ngoài thành, cửa phía Nam, bố thí, làm phước, việc đó thuộc về các con.^, Bây giờ, có quan đại thân lại đên tâu với con: "Ngày nay Đại vương, phu nhân, cùng vương tử làm nhiều phước đức. Còn hạ thần không có sức làm các phước nghiệp, xin nương theo Đại vương làm chút công đức.99 Con liền bảo: “Ngoài cửa thành phía Tây, bố thí, làm phước, việc đó thuộc về các 6ng." r r

Bây giờ, tướng sĩ lại đên tâu với con:

"Ngày nay Đại vương làm nhiều công đức, phu nhân, vương tử và các đại thần đều làm. Còn chúng hạ thần không có sức làm các phước nghiệp, xin noi theo Đại vương để làm theo." Con đáp: "Ngoài cửa thành phía Bắc, bố thí, làm phước, việc đó thuộc về các ông?5 Bây giờ, thứ dân trong nước lại đên tâu với con: "Ngày nay Đại vương làm nhiêu công đức, phu nhân, vương tử, đại thân, các tướng sĩ đều làm, chỉ có chúng tôi không có sức để tu phước, nguyện xin theo Đại vương làm chút công dức." Con liền đáp: "Trong thành kia ở ngã tư đường, bố thí, làm phước, việc đó là thuộc về các 6ng." Lúc bây giờ nhà vua, phu nhân, vương tử, đại thân, tướng sĩ, thứ dân, mọi người đều bố thí, làm các công dức, làm việc phước, như vậy việc bố thí trước tiên của con ngang đây cham dứt. Khi đó những người mà con đã bảo họ làm phước đều trở về chỗ con làm lễ con, và thưa: "Bại vương nên biết, những nơi tu phước, phu nhân, vương tử, đại thần, tướng sĩ, thứ dân? mỗi người đều ở chỗ của mình bố thí, làm phước. Sự bố thí của Đại vương đến ngang đây thì dứt." Con đáp: "Này thiện nam! Các nước láng giềng hằng năm đem tài vật cung hiến cho ta, chia ra một nửa cho vào kho, còn phân nửa để các nước ấy bố thí, làm phu&c." Người kia vâng lệnh vua, đến nước lân cận, gom góp tài vật, phân nửa cho vào kho, phân nửa để lại cho nước đó bố thí, làm phước. Con trước luôn luôn bố thí, làm phước như thế, luôn luôn được phước báu khả ái, khả niệm, khả

ý, thường hưởng được khoái lạc không cùng tận. Do phước nghiệp này cùng với phước quả, phước báu, tất cả đều nhập vào số nhóm công đức lớn, ví như năm con sông lớn hợp thành một dòng, đó là sông Hằng Gia Bố-na, Tát-la-do? Do-y-la-bạt-đề? Ma-hê. Năm con sông này hợp thành một dòng như thế không ai có thể đo lường số lượng nước sông Hằng trăm ngàn vạn ức đấu hộc. Nước của con sông lớn thì chiêm một khôi lượng nước lớn. Con cũng vậy, quả báo của các công đức đã làm không thể đo lường, thảy đều nhập vào số nhóm công đức lớn. Thiên tử Tất-tỳ-lê nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ? lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SÒ 1000 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ? có một thiên tử dung sắc tuyệt vời, cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rưng Kỳ-đà. Khi ấy thiên tử nói kệ hỏi Phật: Người nào có thể làm Thiện tri thức viễn du? Người nào có thê làm Thiện tri thức cư gia? Người nào có thể làm Thiện tri thức thông tài? Người nào có the làm Thiện tri thức đời sau? Thê Tôn noi kê đáp: Người dẫn đầu đoàn buôn, Thiện tri thức du hành. Vợ hiền lương, trung trinh, Thiện tri thức cư gia. Họ hàng gần gũi nhau, Thiện tri thức thông tài. Tự tu các công đức, Thiện tri thức đời sau. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1001 r A . Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiên tử dung sắc tuyệt vời, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà. Khi ây thiên tử nói kệ hỏi Phật: Vận tối đem mạng di, Nên khiến người chết sớm. Bi cái già bức bách, Mà không ai cứu giúp, Xem già, bệnh, chết ấy, Khiên người rát sợ hãi, Chỉ làm các công đức, Vui đi đên chô vui. Khi ấy Thế Tôn nói kệ đáp: Vận tối đem mạng di, Nên khiến người chết sớm. Bị cái già bức bách, Mà không ai cứu giúp, Xem đây có lỗi khác, Khiến người rất sợ hãi, Nên đoạn dứt tham ái, Vô dư Niết-bàn vui. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn Chóng đắc Bát-niết-bàn Mọi sợ hãi đều qua Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ9 đảnh lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1002 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiên tử dung sắc tuyệt vời, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà. Khi ấy thiên tử nói kệ hỏi Phật: Đoạn trừ bao nhiêu pháp? Bao nhiêu pháp nên bỏ? Và với bao nhiêu pháp, Tăng thượng phương tiện tu? Nên vượt bao nhiêu tụ, Tỳ-kheo qua dòng sâu? Ạ rrn - •L 1_ J. The Ton noi kẹ đáp:
Đoạn trừ năm, xả năm, Thêm tu nơi năm căn, Vượt lên năm hòa hợp, Tỳ-kheo qua

dòng sâu. Thiên tử này lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ9 tùy hỷ, đảnh lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1003 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, có thiên tử dung sác tuyệt vời, vào cuôi đêm đi đên chô Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn cấp Cô Độc, rừng kỳ-đà. Lúc ấy thiên tử nói kệ hỏi Phật: Mấy người đối thức, ngủ? Mấy người đối ngủ, thức? Bao nhiêu người bụi nhơ? Bao nhiêu người thanh tịnh? The Ton noi kẹ đáp: Năm người đối thức, ngủ, Năm người đối ngủ, thức, Năm người đám bụi nhơ, Năm người được thanh tịnh. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ? đảnh lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1004 Tôi nghe như vay:

796 KINH TẠPA-HÀM

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiên tử dung sắc tuyệt vời, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, roi lui ngôi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiêu kháp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà. Lúc ấy thiên tử nói kệ hỏi Phật: Mẹ con vui với nhau, Trâu chúa thích trâu mình, Chúng sanh ưa hữu dư, Không ai ưa vô dư. Khi ấy Thế Tôn nói kệ đáp: Mẹ con lo cho nhau, Trâu chúa lo trâu mình, Hữu dư chúng sanh lo, Vô dư ắt không lo. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi đều tan, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SÒ 1005 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiên tử dung sắc tuyệt vời, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà. Lúc ấy thiên tử nói kệ hỏi Phật: Vật thuộc những người nào? Sao gọi bạn bậc nhất? Lấy gì để nuôi sống? Chúng sanh nương chỗ nào? Bây giơ, Thê Tôn noi kệ đáp: Ruộng, nhà chúng sanh có? Vợ hiền, bạn bậc nhất, Ăn uống để nuôi sống, Chúng sanh nương nơi nghiệp. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Sớm đắc Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật nói kệ xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1006 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiên tử dung sắc tuyệt vời, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

KINH TẠPA-HÀM 797

Lúc ấy thiên tử nói kệ bạch Phật: r

Yêu quý nhát con cái, Của cải, trâu quý nhất, Mặt trời sáng hơn cả? Tát-la chẳng hơn biển. The Ton noi kẹ đáp: Yêu mình là hơn hết, Tiền của, thóc hơn hết, Sáng nhất là trí

tuệ, Tát-la đâu bằng thấy (kiến). Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1007 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiên tử dung sắc tuyệt vời, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà. Lúc ấy thiên tử nói kệ hỏi Phật: Hai chân, Sát-lợi hơn, Bốn chân, trâu rừng hơn, Trẻ đẹp là vợ hiền, Quý tí là hơn hết. The Tôn noi kê đáp: Hai chân, Chánh Giác hơn, Bốn chân, ngựa thuần hơn, Thuận chồng là vợ hiền, Lậu tận là con quý. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, ròi biến mất.

KINH SỐ 1008 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiên tử dung sắc tuyệt vời, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà. Lúc ấy thiên tử nói kệ hỏi Phật: Chúng sanh từ đất ra, Cái gì là tối thắng? Từ không rơi xuống đất, Cái gì là hơn hết?

Thông thường nơi thờ phụng, Cái gì là bậc nhất? Trong tất cả ngôn ngữ, Lời nói nào hay nhất? Lúc ấy có một thiên tử vốn là con nhà nông, ngày nay được sanh lên cõi trời, theo tập khí đời trước liền nói kệ đáp lại thiên tử kia: Ngũ cốc từ đất sanh, Đây chính là tối thắng. Hạt giống từ trong không, Rơi xuống đất là quý. Con trâu giúp đỡ người, Là chỗ cậy nhờ tốt. Lời nói yêu thương con, Đây là lời hay nhất. Thiên tử này chợt hỏi, thiên tử kia trả lời: -Tôi không hỏi đến anh, cớ sao lại nhiều lời thô tháo nói càn. Tôi tự nói kệ hỏi The Ton: Chúng sanh từ đất ra, Cái gì là tối thắng? Từ không rơi xuống đất, Cái gì là hơn cả? Thông thường nơi thờ phụng, Cái gì là tối thắng?, Trong tất cả ngôn ngữ, Lời nói nào hay nhất? Bây giơ, The Ton noi kẹ đáp lại: Từ dưới đất vọt lên, Tam minh là tối thượng. Từ hư không rơi xuống, Tam minh cũng bậc nhất. Hiền thánh đệ tử Tăng, Là thay nương cao quý. Lời dạy của Như Lai, Là lời hay hơn hết. Thiên tử lại nói kệ: Thế gian mấy pháp khởi? Mấy pháp khá thuận theo? Bao nhiêu pháp thủ ái? Bao nhiêu pháp tổn giảm? Thê Tôn lại noi kệ đáp: Có sáu pháp cùng khởi, Có sáu pháp khá thuận, Có sáu pháp thủ ái, Có sáu pháp tổn giảm. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1009 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiên tử dung sắc tuyệt vời, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Lúc ấy thiên tử nói kệ hỏi Phật:

Ai đem thế gian đi? Ai lôi kéo thế gian?
Những gì là một pháp, Chế ngự nơi thế gian?
Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:
Tâm đem thế gian đi, Tâm lôi dắt thế gian,
Tâm kia là một pháp, Hay chế ngự thế gian.
Thiên tử lại nói kệ:
Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn?
Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái.
Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.
KINH SỐ 1010 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà. Lúc ấy thiên tử nói kệ hỏi Phật: Cái gì buộc thế gian? Điều phục gì được thoát? Đoạn trừ những pháp nào, Gọi là đắc Niết-bàn? LÚC áy The Ton noi kẹ đáp: Dục trói buộc thế gian, Điều phục dục, giải thoát, Người đoạn trừ ái dục, Nói là đắc Niết-bàn. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Vượt qua mọi sợ hãi, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1011 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc? rừng Kỳ-đà. Lúc ấy thiên tử nói kệ hỏi Phật: Gì che lấp thế gian? Gì vây phủ thế gian? Gì trói buộc chúng sanh? Gì kiến lập thế gian?

rpi Á rp• [A K
The Ton noi kẹ đáp:
Suy già che thế gian, Chết vây phủ thế gian,
Ai trói buộc chúng sanh, Pháp kiến lập thế gian.
Thiên tử lại nói kệ:
Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn,
Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái.
Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu le Phật, roi biến mát.
KINH SỐ 1012 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rưng Kỳ-đà. " Bấy giờ, thiên tử nói kệ hỏi Phật: Gì che kín thế gian? Gì trói buộc thế gian? Gì nhớ tưởng chúng sanh? Gì dựng cờ chúng sanh? The Ton nói kệ đáp: Vô minh che the gian, Ái ràng buộc chúng sanh, Ẩn phú nhớ chúng sanh, Ngã mạn, cờ chúng sanh. Thiên tử lại nói kệ hỏi Phật: Ai không có phú cái? Ai không có ái kiết? Ai ra khỏi ẩn phú? Ai chẳng dựng cờ mạn? The Ton noi kẹ đáp: Như Lai, Đẳng

Chánh Giác, Chánh trí, tâm giải thoát, Chẳng bị vô minh che, Cũng không ái ràng buộc, Siêu xuất khỏi ẩn phú, Bẻ gãy cờ ngã mạn. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1013 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rưng Kỳ-đà.

KINH TẠPA-HÀM 801

Bây giờ, thiên tử nói kệ hỏi Phật: Những gì là thượng sĩ Có được tài vật riêng? Làm sao khéo tu tập Đe đạt đến an vui? Làm sao trong các vị, Đạt được vị tối thượng? Làm sao trong chúng sanh, Được thọ mạng bậc nhất? The Ton noi kẹ đáp: Tâm thanh tịnh, tin ưa, Là của báu Thượng sĩ. Tu hành trong Chánh pháp, Hay được 9ua an vui. Lời vi diệu chân dế, Đây là vị toi thượng. Hiền thánh trí tuệ mạng, Là thọ mạng bậc nhất. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn5 Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1014 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rưng Kỳ-đà. Bấy giờ, thiên tử nói kệ hỏi Phật: Thế nào là Tỳ-kheo, Thứ hai đồng với mình? Thế nào là Tỳ-kheo, Bậc giáo thọ tùy thuận? Tỳ-kheo ở nơi nào, Tâm nhẹ nhàng tự vui An vui chỗ kia rồi, Có thể dứt kiết phược? The Ton noi kê đáp: Tín, thứ hai đồng mình, Trí tuệ bậc giáo thọ, Niết-bàn nơi hỷ lạc, Tỳ-kheo đoạn kiết phược. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1015 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

802 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rưng Kỳ-đà. Bây giờ, thiên tử nói kệ hỏi Phật: Thiên gì mãi đen gia? Thiện gì để kiến lập? Gì là của báu người? Cái gì giặc chẳng đoạt? Thê Tôn nói kệ đáp: Chánh giới thiện đến già, Tịnh tín thiện kiến lập, Trí tuệ của báu người. Công đức giặc chẳng đoạt. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ5 cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1016
Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.
Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn
Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.
Bấy giờ, thiên tử nói kệ hỏi Phật:
Pháp gì sanh chúng sanh? Cái gì rong ruổi trước?
Cái gì khởi sanh tử? Cái gì chẳng giải thoát?
Bay giơ The Ton noi kẹ đáp:
Ái dục sanh chúng sanh, Ý chạy rong ruổi trước,
Chúng sanh khởi sanh tử, Pháp
Thiên tử lại nói kệ:
Lâu thấy Ba-la-mon,
Mọi sợ hãi đều qua,
Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.
KINH TẠPA-HÀM 803

Bấy giờ, thiên tử nói kệ hỏi Phật: Pháp gì sanh chúng sanh? Cái gì rong ruổi trước? Cái gì khởi sanh tử? Lấy pháp gì nương cậy? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Ai dục sanh chúng sanh, Ý chạy rong ruổi trước, Chúng sanh khởi sanh tử, Nghiệp là chỗ nương cậy. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn5 Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1018
Tôi nghe như vầy:
Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.
Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn
Cấp Cô Độc, rừng Kỳ"đà.
Bấy giờ, thiên tử nói kệ hỏi Phật:
Pháp gì sanh chúng sanh? Cái gì rong ruổi trước?
Cái gì khởi sanh tử ? Pháp gì thật đáng sợ?
The Ton noi kê đáp:
Ái dục sanh chúng sanh, Ý chạy rong ruổi trước,
. N
Chúng sanh khởi sanh tử, Nghiệp là rát đáng sợ.
Thiên tử lại nói kệ:
Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn?
Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái.
Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1019 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà. Bấy giờ, thiên tử nói kệ hỏi Phật: Gì gọi là phi đạo? Gì ngày đêm dời đổi? Cái gì nhơ Phạm hạnh? Cái gì lụy thế gian?

The Ton noi kẹ đáp: Tham dục là phi đạo, Thọ mạng ngày đêm chuyển, Người nữ nhơ Phạm hạnh, Người nữ lụy thế gian. Hăng hái tu Phạm hạnh, Tẩy sạch lầm lỗi nhỏ. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Ba-la-mon, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1020
Tôi nghe như vay:
Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.
Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn
Cấp Cô Độc, rưng Kỳ-đà.
Bấy giờ, thiên tử nói kệ hỏi Phật:
Pháp gì sáng thế gian? Pháp gì là hơn hết?
Những gì là một pháp? Chế ngự khắp chúng sanh?

The Ton noi kẹ đáp:
Danh làm sáng thế gian, Trên đời danh hơn hết,
Chỉ có một danh pháp, Hay chế ngự thế gian.
Thiên tử lại nói kệ:
Lâu thấy Bà-la-môn Chóng đắc Bát-niết-bàn
Mọi sợ hãi đều qua Trọn vượt thoát ân ái.
Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.
KINH SỐ
Tôi nghe như vầy:
Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.
Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật; cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn
Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.
Bấy giờ, thiên tử nói kệ hỏi Phật:
_ r
Pháp gì là nhân kệ? Lây gì trang nghiêm kệ? Kệ ấy nương nơi đâu? Gì là thể của kệ?
Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Dục là nhân của kệ, Văn tự trang nghiêm kệ, Kệ ấy nương vào danh, Tạo tác thể của kệ.

KINH TẠPA-HÀM 805

Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

Làm sao biết có lửa? Làm sao biết người vợ?

sao

KINH TẠPA-HÀM 805

Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1022 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên5 từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rưng Kỳ-đà. Bấy giờ, thiên tử nói kệ hỏi Phật: Làm sao biết xe cộ? Làm sao biết có lửa? Làm sao biết cõi nước? Làm sao biết người vợ? The Ton noi kê đáp: Thấy cờ lọng biết xe, Thấy khói ắt biết lửa, Thấy vua biết cõi nước, Thấy chồng biết được vợ. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1023 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tôn giả Phả-cầu-na cư ngụ ở giảng đường Lộc Tử Mau trong vườn phía Đông đang bị bệnh trầm trọng. Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật đảnh lễ rồi lui ngồi một ben, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tôn giả Phả-cầu-na ở giảng đường Lộc Tử Mau trong vườn phía Đông đang bị bệnh trầm trọng. Tỳ-kheo bệnh nặng đến sắp chết. Lành thay, Thế Tôn! Xin Ngài vì thương xót Tôn giả Phả-cầu-na đi đến thăm Ton giả áy. Thế Tôn im lặng nhận lời. Buổi chiều sau khi tọa thiền, Thế Ton đi đến vườn phía Đông giảng đường Lộc Tử Mầu, vào phòng Tôn giả Phả-cầu-na trải tòa ngồi xuống, rồi vì Tôn giả Phả-cầu-na thuyết pháp dạy dỗ5 soi sáng, làm cho an vui, sau đó Ngài từ chỗ ngồi đứng lên đi về. Thế Tôn đi rồi một lát sau Phả-cầu-na mạng chung. Lúc mạng chung các căn của Tôn giả vui vẻ, dung mạo thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Tôn giả A-nan

cúng dường Xá-lợi của Tôn giả Phả-cầu-na xong, trở về chỗ Phật cúi đầu lễ Phật, lui đứng một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Sau khi Thế Tôn đến thăm, chẳng bao lâu Tôn giả Phả- cầu-na mạng chung. Lúc Tôn giả ấy sắp mạng chung, các căn vui vẻ, sắc da thanh tịnh, tươi sáng. Bạch Thế Tôn! Khi Tôn giả ây sắp mạng chung, con không biết Tôn giả ấy sanh về đâu, thọ sanh như thế nào? Đời sau như the nào? Phật bảo A-nan: Nếu có Tỳ-kheo trước khi chưa bệnh, chưa đoạn năm hạ phần kiết sử mà nếu biết bệnh khởi, thân đau đớn, tâm chẳng an ổn, sự sống suy mòn, được nghe Phật chỉ dạy, nhắc nhở, nói đủ các pháp, Tỳ-kheo ấy nghe pháp xong, đoạn năm hạ phần kiêt sử. Này

A-nan! Như thế là Tỳ-kheo được phước lợi từ sự dạy dỗ, thuyết pháp của Phạt. Lại nữa, A-nan, nêu có Tỳ-kheo lúc chưa bệnh, chưa đoạn năm hạ phân kiêt sử, nhưng sau đó Tỳ-kheo bi bệnh, thân thể đau đớn, sự sống suy mòn, chẳng được Phật chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, nhưng gặp được các vị Thanh văn, Đại đức tu Phạm hạnh chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, được nghe pháp xong, đoạn năm hạ phan kiết sử. A-nan! Đây gọi là Tỳ-kheo được phước lợi từ sự chỉ dạy, răn nhắc, nghe pháp. Lại nữa, A-nan, nếu Tỳ-kheo lúc chưa bệnh, chẳng đoạn năm hạ phần kiết sử,.. sự sống suy mòn, chẳng được nghe Phật chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, lại chẳng nghe các Thanh văn, Đại đức Phạm hạnh khác chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp; nhưng Tỳ-kheo kia đối với pháp đã lãnh thọ trước, một mình ở nơi vắng lặng tư duy, quán sát thì cũng đoạn được năm hạ phần kiết sử. Đây gọi là Tỳ-kheo được phước lợi từ sự tư duy quán sát giáo pháp đã nghe. Lại nữa, A-nan, nếu có Tỳ-kheo lúc chưa bệnh, đoạn năm hạ phần kiết sử5 chẳng được ái tận giải thoát vô thượng, chẳng khởi các lậu, tâm thiện giải thoát, nhimg sau đó bị bệnh, thân thể đau đớn, mạng sống suy mòn; người này được nghe Phật chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, được ái tận giải thoát vô thượng, chẳng khởi các lậu, lìa dục, giải thoát. A-nan! Đây gọi là được phước lợi từ sự thuyet pháp của Phật. Lại nữa, A-nan, nêu có Tỳ-kheo lúc chưa bệnh, đoạn năm hạ phân kiêt sử5 chẳng được ái tận giải thoát vô thượng, chẳng khởi các lậu, lìa dục, giải thoát, biêt thân khởi bệnh, chiu đau đớn vô cùng, chăng được Phật chỉ dạy, nhắc nhở, nói pháp, nhưng lại được các vi Thanh văn, Đại đức Phạm hạnh khác chỉ dạy, nhác nhở, thuyêt pháp, được ái tận giải thoát vô thượng, chăng khởi các lậu, lìa dục, giải thoát. A-nan! Đây gọi là Tỳ-kheo được phước lớn từ sự chỉ dạy5 nhắc nhở và nghe pháp. Lại nữa, A-nan, nếu có Tỳ-kheo lúc chưa bệnh, đoạn năm hạ phần kiết sử, chăng được ái tận giải thoát vô thượng, chẳng khởi các lậu, lìa dục, giải thoát, khi thân bệnh khởi, bị thống khổ, đau đớn, chẳng được Phật chỉ dạy, răn nhắc,

nói pháp, chẳng được các Thanh văn, Đại đức khác chỉ dạy, nhắc nhở, nói pháp. Tỳ-kheo này ở chỗ vắng lặng tư duy, quán sát giáo pháp đã nghe, được ái tận giải

Lại hỏi: Thầy thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?

Tôn giả A-thấp-ba-thệ bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, không! Phật bảo Tôn giả A-thấp-ba-thệ: Thầy đã không thấy sắc là ngã, khác ngã hoặc ở trong nhau, không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau thì vì sao lại hôi tiêc? Tôn giả A-thấp-ba-thệ bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Con hối tiếc vì chẳng chánh tư duy. Phật bảo Tôn giả A-thấp-ba-thệ: -Nếu Sa-môn, Bà-la-môn chánh định kiên cố? tam-muội bình đẳng, nếu

-Tỳ-kheo hãy nằm nghi, chớ nên gượng dậy. Thế nào, Tỳ-kheo, bệnh khổ có thể chịu đựng được không?... (Như trước đã nói về ba thọ trong Kỉnh Saima-ca... cho đến bệnh khổ chỉ có tăng không bớt). Phật nói với Tỳ-kheo bệnh: -Bây giờ Ta hỏi, Tỳ-kheo nên tùy

ý đáp. Thầy không hối tiếc chứ? Tỳ-kheo bệnh bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Thật con có hối tiếc. Phật bảo Tỳ-kheo bệnh: - Thầy không phạm giới chứ? Tỳ-kheo bệnh bạch Phật: -Thật con không phạm giới. Phật bảo Tỳ-kheo: -Nếu thầy không phạm giới vì sao lại hối tiếc? Tỳ-kheo bệnh bạch Phật: Con tuổi còn trẻ xuất gia chưa được lâu, đối với pháp thượng nhơn và tri kiến thắng diệu chưa có sở đắc, con suy nghĩ, lúc mạng chung biết sanh nơi đâu? Thế nên con hối tiếc. Phật bảo Tỳ-kheo: -Nay Ta hỏi, Tỳ-kheo tùy ý đáp. Này Tỳ-kheo! Vì có mắt nên có nhãn thức chăng? Tỳ-kheo bệnh bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Phật lại hỏi Tỳ-kheo: -Tỳ-kheo! Ý thày nghĩ sao? Có nhãn thức nên có nhãn xúc, do nhãn xúc làm nhân duyên sanh cảm thọ bên trong, hoặc khô hoặc vui, hoặc không khô không vui, phải không? Tỳ-kheo bệnh bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! (Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ỷ cũng nói như thế). Thế nào Tỳ-kheo? Nếu không có mắt thì không có nhãn thức phải không?

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Phật lại hỏi Tỳ-kheo: -Tỳ-kheo! Nếu không có nhãn thức thì không có nhãn xúc. Nếu không có nhãn xúc thì không có nhẫn xúc làm nhân duyên sanh cảm thọ ở bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc chẳng khổ chẳng vui, phải không?

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật: - Bạch Thế tôn, đúng vậy! (Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ỷ cũng nói như vầy). Vì thế, Tỳ-kheo, phải khéo tư duy pháp như thế. Lúc mạng chung an ổn, đời r sau cũng tót lành. Khi ấy Thế Tôn vì Tỳ-kheo bệnh nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, xong rồi Ngài đứng lên đi ra. Sau khi Thế Tôn đi rồi chốc lát Tỳ-kheo mạng chung. Khi vị ấy sắp mạng chung, các căn vui vẻ, dung mạo thanh tịnh, màu da tươi sáng. Khi ấy nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật, rồi ngồi một bên, bạch Phật: Tỳ-kheo trẻ tuôi kia bị bệnh nặng, nay đã mạng chung, lúc vị ây săp mạng chung, các căn vui vẻ, dung mạo thanh tịnh, màu da tươi sáng. Bạch The Tôn! Tỳ-kheo ấy sẽ sanh ve nơi nào? Thọ sanh ra sao? Đời sau the nào? Phật nói với các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo ấy đã qua đời là hạng chân thật. Nghe Ta nói pháp hiểu biết rõ ràng, đối với pháp không sợ hãi, đắc Bát-niết-bàn. Các thầy nên cúng dường Xá-lợi. J Thế Tôn thọ ký thứ nhất cho Tỳ-kheo ấy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1026 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. (Nói như trên chỉ khác lấy. -Hãy lăng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thây giảng dạy. Nêu Tỳ-kheo kia nghĩ như sau: "Ta đối với thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, sai sử thì trong hiện tại tự biết chứng đắc, an trụ đầy đủ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát.^, Đối với thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, sai sử thì trong hiện tại tự biêt chứng đăc, an trụ đây đủ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Tỳ-kheo kia đối với thức thân của mình và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, không thay có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, sai sử thì trong hiện tại tự biết chứng đắc, an trụ đầy đủ với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Đoi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không thay có ngã, ngã sở, ngã mạn trói

buộc, sai sử thì trong hiện tại tự biết chứng đăc, an trụ đây đủ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nếu Tỳ-kheo kia đối với thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, sai sử thì trong hiện tại tự biết chứng đắc, an trụ đầy đủ

KINH TẠP A-HÀM e 811

với tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đối với thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, sai sử thì trong hiện tại tự biết chứng đắc, an trụ đầy đủ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái dục, chuyển các kiết sử, dừng ngã mạn, hiện quán sát... cứu cánh, giải thoát kho. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1027

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

(Nói như trên chỉ có khác la): ... Phật nói với Tỳ-kheo bệnh:

Thầy không tự phạm giới phải không?

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con do trì tinh giới nên ở chỗ Thế Tôn tu Phạm hạnh. Phật bảo Tỳ-kheo: - Thầy do những pháp gì mà ở chỗ Ta tu Phạm hạnh? Tỳ-kheo bệnh bạch Phật: Con vì ly tham dục nên ở chỗ Thế Tôn tu Phạm hạnh, vì lìa sân nhuế, ngu si nên con ở chỗ Thế Tôn tu Phạm hạnh. Phật bảo Tỳ-kheo: Đúng the! Đúng the! Thầy thật vì lìa tham dục nên ở chỗ Ta tu Phạm hạnh, vì lìa sân nhuế, ngu si nên ở chỗ Ta tu Phạm hạnh. Này Tỳ-kheo! Vì tham dục ràng buộc nên không lìa được dục, vì vô minh ràng buộc nên tuệ không thanh tịnh. Thế nên Tỳ-kheo do lìa tham dục nên tâm giải thoát, lìa vô minh nên tuệ giải thoát, tự thân chứng nghiệm, do lìa vô minh nên tuệ giải thoát. Đây gọi là Tỳ-kheo đoạn các ái dục, chuyển kiết phược, dứt hết kiêu mạn, quán sát... cứu cánh, giải thoát kho. The nên Tỳ-kheo ở trong pháp này khéo tư duy... (nói rộng như trên cho đen thọ kỷ thứ nhất). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1028 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ5 có nhiều Tỳ-kheo cùng tụ tập ở giảng đường Già-lê-lệ, lúc đó có nhiều Tỳ-kheo bị bệnh. Chiều hôm ấy, Thế Ton tọa thiền xong, đi đến giảng đường Già-lê-lệ, ở trước đại chúng trải tòa ngồi và bảo các Tỳ-kheo:

812 KINH TẠP A-HÀM

Các Tỳ-kheo nên chánh niệm, chánh trí để đợi thời, đó là tùy thuận lời Ta dạy. Này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh niệm? Nghĩa là Tỳ-kheo sống quán niệm nội thân trên thân, tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điêu phục tham ưu thê gian, sống quán niệm ngoại thân trên thân, sống quán niệm nội ngoại thân trên thân; nội thọ, ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; sống quán niệm nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp trên pháp, phương tiện tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham xru thế gian. Đây gọi là Tỳ-kheo ức niệm chơn chánh. Thế nào là chánh trí? Nghĩa là Tỳ-kheo hoặc tới, hoặc lui đều an trụ chánh trí, trông nhìn, quán sát, co, đuôi, cúi, ngước, đăp y, ôm

bát, đi, đứng, năm, ngồi, ngủ, thức cho đến năm mươi, sáu mươi người đều y theo hạnh chánh trí, nói năng và im lặng. Đây gọi là chánh trí. Cũng thế? Tỳ-kheo, người tu chánh niệm, chánh trí có the khởi cảm thọ vui, có nhân duyên chứ không phải không nhân duyên. Nhân duyên thế nào? Nghĩa là duyên nơi thân người khởi suy nghĩ: "Thân này của ta là vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh, cảm thọ vui cũng vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh”quán sát thân và cảm thọ vui, quán sát vô thường, quán sát sanh diệt, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, bỏ quán sát kia, thân cùng với cảm thọ vui vô thường cho đến xả. Nấu đối với thân và cảm thọ vui tham dục sử, vĩnh viễn không còn sai sử nữa. Cũng thế, chánh niệm, chánh trí sinh cảm thọ khổ, có nhân duyên chứ không phải không nhân duyên. Thế nào là duyên? Như thế duyên nơi thân khởi suy nghi: "cai thân này của ta là vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh, cảm thọ khổ cũng vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh"; quán sát thân và cảm thọ khổ, vô thường cho đến xả ở dây, và khổ thọ do sân nhuế sai sử trọn không còn sai sử nữa. Cũng thế, chánh niệm, chánh trí, sanh ra cảm thọ, chẳng khổ, chẳng vui, có nhân duyên không phải không nhân duyên. Nhân duyên như thế nào? Nghĩa là duyên nơi thân khởi suy nghĩ: “Thân này của ta là vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh, cảm thọ chẳng khổ chẳng vui, cũng vô thường, hữu vi, tâm nhân duyên sanh"; quán sát cái thân và cảm thọ chẳng khổ chẳng vui kia, vô thường cho đến xả. Nếu thuộc về thân và cảm thọ không khổ, không vui thì vô minh sử vĩnh viễn không còn sai sử. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như thế, đối với sắc chán lìa, đối với thọ, tưởng, hành, thức chán lìa, chán lìa rồi ly dục, ly dục rồi được giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sự sanh của ta đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc càn làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." r Ạ__ ___ _ • r Ạ rry /X _ c • 1 Bây giơ, The Ton noi kê: Đang khi cảm thọ vui, Chẳng thể biết lạc thọ, Bị tham dục sai sử, Chẳng thấy sự xuất ly. Đang khi cảm thọ khổ, Chẳng thể biết khổ thọ, Bị sân nhuế sai sử, Chẳng thấy đạo xuất ly.

KINH TẠP A-HÀM 813

Cảm thọ không vui, khô, Đăng Chánh Giác đã nói, Người kia không thể biết, Trọn chẳng qua bờ kia. Nếu Tỳ-kheo tinh cần, Chánh trí chẳng khuynh động, Đối với tất cả thọ, Trí tuệ đêu biêt rõ. Hay biết các thọ rồi, Hiện tại tận các lậu, Nương trí tuệ mạng chung, Niết-bàn, không đọa lạc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1029 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. (Nói như trên). Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo tụ tập ở giảng đường Già-lê-lệ? đa số người bị bệnh. (Nói như trên chỉ có khác la): ... Thánh đệ tử nên quán sát như sau: "Đối với sắc giải thoát, đoi với thọ, tưởng, hành, thức giải thoát ta nói những người này giải thoát sanh, già, bệnh, chết." rị Á • \ rjnl Á rp/\ 1 • À r • j /v Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Bậc trí tuệ đa văn, Đều biết rõ các thọ, Nếu nơi khổ, lạc thọ. Phân biệt biết thật rõ. Nên biết việc chắc chắn, Phàm phu có lên xuống, Gặp vui chẳng nhiễm trước, Gặp kho chang khuynh động. Biết thọ chang thọ sanh, Y nơi tham, nhuế giác, Đoạn trừ những pháp này, Tâm kia thiện giải thoát, Buộc niệm duyên diệu cảnh, Chánh hướng đợi kỳ cuối. 7

Nếu Ty-kheo tinh cần, Chánh trí chăng khuynh động, Nơi tất cả thọ này, Kẻ trí tuệ giác tri, Đã biết suốt các thọ, Hiện tại sạch các lậu, Nương trí tuệ mạng chung, Niết-bàn, không đọa lạc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy hoan hỷ, làm lễ rồi lui ra.

KINH SỐ 1030 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc bị bệnh, thân thể đau đớn, thống khổ. Thế Tôn nghe tin này, sáng sớm Ngài đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, tuần tự khất thực đến nhà trưởng giả Cap Cô Độc. Trưởng giả từ xa trông thấy Thế Tôn, tựa giường muốn gượng dậy5 Thế Tôn thấy thế liên nói:

Trưởng giả! Chớ gượng lên mà thêm đau bệnh.

Rồi Thế Tôn ngồi xuống bảo trưởng giả:

Thế nào trưởng giả? Thân bệnh có thể chiu được chăng? Đau nhiều hay ít, thêm hay bớt?

Trưởng giả bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Rất đau đớn, thật khó chịu nổi.

... (Phật nói rộng vê ba thọ như trong Kỉnh Sai-ma-că)... cảm thọ khô chỉ tăng thêm chứ không bớt. Phật bảo trưởng giả: Trưởng giả nên học như vầy: Đối với Phật, đối với Pháp, Tăng, thành tựu lòng tin thanh tinh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới. Trưởng giả bạch Phật: Như Thế Tôn nói về bốn pháp thanh tinh, kiên cố, con có pháp này, trong pháp này có con. Thưa Thế Ton! Nay con đối với Phật thành tựu lòng tin thanh tinh, kiên cố; đối với Pháp, đối với Tăng thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới. Phật bảo trưởng giả: -Lành thay! Lành thay! Phật liền thọ ký trưởng giả đắc quả A-na-hàm. Trưởng giả bạch Phật: -Con xin cung thỉnh Thế Tôn hôm nay thọ thực ở đây. Thế Tôn im lặng nhận lời. Trưởng giả liền dạy tôi tớ sửa soạn thức ăn thanh khiết, ngon lành cúng dường Thế Ton. Thế Tôn thọ thực xong, nói đủ các pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi Ngài rời khỏi chỗ ngồi, đứng lên đi.

KINH SỐ 1031 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe tin trưởng giả cấp Cô Độc bi bệnh nặng, Tôn giả đi đến nhà thăm. Từ xa trưởng giả đã trông thấy Tôn giả A-nan, nên tựa gượng muốn đứng dậy... (nói ve ba thọ nói rộng như Kinh Sai-ma-ca ở trước... đau đớn tăng thêm chứ không giảm bớt), Tôn giả A-nan bảo trưởng giả: Ông đừng sợ hãi. Nếu phàm phu ngu si vô học vì chẳng tin Phật, chẳng tin Pháp, Tăng, chẳng đầy đủ Thánh giới thì có sợ hãi, cũng sợ mạng chung và sợ

khổ đời sau. Nhưng ông ngày nay đối với sự bất tín ấy đã đoạn, đã biết, và đối với Phật đầy đủ lòng tin thanh tinh, kiên cố; đối với Pháp, Tăng, đầy đủ lòng tin thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới. Trưởng giả thưa với Tôn giả A-nan: -Ngày nay con không có điều gì sợ hãi. Lúc con ở thành Vương x,giữa nghĩa địa trong rừng lạnh, lần đầu tiên con mới gặp Thế Tôn liền được thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố đối với Phật,

đối với Pháp, Tăng, và thành tựu Thánh giới. Từ ấy đến nay trong nhà có tiền của con đều cúng dường các đệ tử Phật, Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, iru-bà-di. Tôn giả A-nan nói: -Tốt lắm, trưởng giả! Ông tự biết đắc quả Tu-đà-hoàn. Trưởng giả bạch Tôn giả A-nan: Xin mời Tôn giả thọ thực nơi đây.

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Trưởng giả gọi người sửa soạn thức ăn uống thanh khiết, thịnh soạn, cúng dường Tôn giả A-nan. Sau khi thọ thực, Tôn giả A-nan lại vì trưởng giả thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi Tôn giả rời khỏi chỗ ngồi, đứng lên từ giã.

KINH SỐ 1032 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe trưởng giả cấp Cô Độc thân bệnh khốn khổ, nghe xong Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-nan: -Tôn giả A-nan có biết trưởng giả cấp Cô Độc đang bị bệnh nặng chăng? Chúng ta hãy cùng nhau đến thăm. Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với Tôn giả A-nan đi đến nhà trưởng giả cấp Cô Độc. Trưởng giả từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất, tựa giường muốn đứng dậy... (nói rộng về ba thứ thọ như trong Kinh Sai-ma-ca)... thân thể đau đớn, bệnh khổ càng thêm trọng không bớt. Tôn giả Xá-lợi-phất bảo trưởng giả: Trưởng giả nên học như vầy: Không nhiễm đắm mắt, không nương nhãn giới sanh thức tham dục; không nhiễm đắm tai, mũi, lưỡi, thân, ý? không nương ý giới sanh thức tham dục; không nhiễm đắm sắc, không nương sắc giới sanh thức tham dục; không nhiễm thanh, hương, vị5 xúc, pháp, không nương pháp giới sanh thức tham dục; không nhiễm đam địa giới, không nương địa giới sanh thức tham dục; không nhiễm đắm địa giới, không nương địa giới sanh thức tham dục; không nhiễm đắm thủy, hỏa, phong, không, thức giới, không nương

thức giới sanh thức tham dục; không nhiêm đăm săc âm, không nương săc âm sanh thức tham dục; không nhiễm đắm thọ, tưởng, hành, thức ấm, không nương thức ấm sanh thức tham dục. Lúc ấy trưởng giả cấp Cô Độc cảm động rơi nước mắt. Tôn giả A-nan nói với trưởng giả: Trưởng giả sợ mình thấp kém sao?

Trưởng giả thưa với Tôn giả A-nan: Thưa Tôn giả, con không sợ thấp kém. Con tự xét lại đã hơn hai mươi năm phụng sự Phật, con chưa nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp sâu xa, vi diệu như hôm nay con vừa được nghe. Tôn giả Xá-lợi-phất bảo trưởng giả: Từ lâu tôi cũng chưa từng nói pháp như thế này đối với các trưởng giả.

Trưởng giả bạch Tôn giả Xá-lợi-phất: Có bạch y tại gia được đức tin tốt, niệm tốt, niềm vui tốt, nhưng không nghe pháp sâu xa nên sanh thối thất. Lành thay! Tôn giả Xá-lợi-phất! Xin Tôn giả thương xót nói pháp thâm diệu cho hàng bạch y tại gia. Và xin mời Tôn giả hôm nay thọ thực nơi đây. Tôn giả Xá-lợi-phât im lặng nhận lời. Trưởng giả sửa soạn thực phàm ngon, thanh khiết, cung kính cúng dường. Thọ thực xong, Tôn giả thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho trưởng giả được an vui, xong rồi Tôn giả đứng lên từ giã.

KINH SỐ 1033 (Kinh trưởng giả Đạt-ma-đề-li cũng nói rộng như kỉnh dầu, Thế Tôn nói pháp cho trưởng giả cấp Cô Độc. Kinh thứ hai cũng nói như thế, chỉ có sai khác là: Nêu có trưởng giả y theo tứ bát hoại tinh, roi còn tu tập sáu niệm, nghĩa là niệm Như Lai... niệm thiên). Trưởng giả bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Y theo tứ bất hoại tinh, rồi còn tu tập sáu niệm, ngày nay con đều thành tựu. Con thường tu niệm Như Lai... niệm thiên. Phật bảo trưởng giả: Lành thay! Nay ông được Ta thọ ký chứng quả A-na-hàm.

Trưởng giả bạch Phật: Xin Thế Tôn nhận lời thỉnh cúng dường bữa ăn.

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Trưởng giả liền sửa soạn thức ăn uống ngon lành, cung kính cúng dường. Thế Tôn thọ thực xong lại nói pháp cho trưởng giả, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, xong rồi Ngài đứng lên đi.

KINH TẠPA-HÀM 817

KINH SỐ 1034 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Lúc ấy, có đồng tử Trường Thọ là cháu của trưởng giả Thọ Đe thân mắc bệnh nặng. Bấy giờ, Thế Tôn nghe đồng tử Trường Thọ đang bệnh nặng, sáng sớm đắp y, om bát vào thành Vương Xa khất thực, lan lượt đến nha đồng tử Trường Thọ. Đồng tử Trường Thọ thấy Thế Tôn từ xa, tựa giường muốn gượng dậy... (nói về ba thọ như Kinh Sai-ma-că)... bệnh kho chỉ tăng không giảm. The nên đong tử học như vầy: Đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới. Đồng tử bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói bốn pháp thanh tinh kiên cố con đều có đủ. Con luôn luôn đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng thành tựu lòng tin thanh tinh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới. Phật bảo đồng tử: Ông nên nương theo bốn pháp thanh tịnh, kiên c6, tu tập sáu minh phần tưởng. Sáu pháp đó là gì? Nghĩa là quán tưởng tất cả hành vô thường, quán tưởng kho vô thường, quán tưởng kho vô ngã, quán tứ thực tưởng, quán tưởng tất cả thế gian chẳng có gì vui, quán tử tưởng. Đồng tử bạch Phật: Như Thế Tôn nói y theo bốn bất hoại tinh tu tập sáu minh phần tưởng, con đều đã có. Nhưng con suy nghĩ, sau khi con chết, không biết ông nội của con là trưởng giả Thọ Đe sẽ thế nao? Khi đó trưởng giả Thọ Đe nói với đồng tử Trường Thọ: Cháu đừng nghĩ đến ông. Cháu hiện giờ nên nghe Thế Tôn nói pháp, suy nghĩ và nhớ lấy, có thể được phước lợi, an vui, lợi ích mãi mãi. Đồng tử Trường Thọ nói: -Con đối với tất cả hành sẽ tập quán tưởng vô ngã, quán tứ thực tưởng, quán tưởng thế gian chẳng có gì vui, quán tử tưởng, thường quán rõ ràng ngay hiện tại. Phật bảo Đồng tử: Con hôm nay tự được Ta thọ ký đác quả Tư-đà-hàm. Đồng tử Trường Thọ bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Xin thỉnh Ngài thọ thực tại nhà con. Thế Tôn im lặng nhận lời. Trường Thọ đồng tử liền sửa soạn thức ăn ngon, tinh khiết, cung kính cúng dường. Thế Tôn thọ thực xong, vì đồng tử thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, xong rồi Thế Tôn rời khỏi chỗ ngồi, đứng lên đi.

818 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại? trong vườn Lộc Dã, nơi tiên nhơn đọa xứ. Bấy giờ, trưởng giả Bà-tẩu bị bệnh nặng,... (nói rộng như Kinh Trưởng giả Đạt-ma-đề-nă)... được thọ ký đắc quả A-na-hàm... rời chỗ ngồi, đứng lên đi.

KINH SỐ 1036 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ca-tỳ-la-vệ, trong vườn Ni-câu-luật. Bấy giờ, có Sa-la họ Thích bi bệnh trầm trọng. Thế Tôn hay tin Sa-la họ Thích bệnh nặng, sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Ca-tỳ-la-vệ khất thực, lần lượt đến nhà Sa-la họ Thích, từ xa thấy Thế Tôn, tựa giường muốn gượng dậy... ba thọ... (như Kinh Sai-ma-ca nói rộng)... bệnh khổ chỉ tăng thêm chứ không giảm. Thế nên Sa-la họ Thích, nên học như sau: "Đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới.9 Sa-la họ Thích bạch Phật: -Như Thế Tôn nói: "Đối với Phật, Pháp, Tăng thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới", con đều có đủ. Con luôn luôn đối với Phật, Pháp, Tăng thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố; và thành tựu Thánh giới. Phật bảo Sa-la họ Thích: Vì thê ông nên nương nơi lòng tin thanh tịnh, kiên cô đôi với Phật, Pháp, Tăng, và thành tựu Thánh giới trên, tu tập năm hỷ xứ. Năm điều ấy là gì? Đó là niệm Như Lai... pháp bố thí. Sa-la họ Thích bạch Phật: Như Thế Tôn nói y theo tứ bất hoại tịnh, tu năm hỷ xứ5 con cũng đã có đủ. Con thường niệm Như Lai... pháp bố thí. Phật dạy: Lành thay! Lành thay! Ngày nay chính ông được thọ ký, đắc quả Tư-đà- hàm. Sa-la bạch Phật: -Con xin cung thỉnh Thế Tôn thọ thực tại nhà con. Thế Tôn im lặng nhận lời. Trưởng giả Sa-la sửa soạn thức ăn thịnh soạn cung kính cúng dường. Thế Tôn thọ thực xong, thuyết pháp cho trưởng giả Sa-la, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, xong rồi Ngài rời chỗ ngồi, đứng lên đi.

KINH TẠPA-HÀM 819

KINH SỐ 1037

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong một tinh xá nhỏ hẹp thuộc thôn Na-ly.

Bấy giờ? trưởng giả Gia-du bị lâm bệnh trầm trọng, như thế... thọ ký đắc quả A-na-hàm. (Như trong Kinh Đạt-ma-đề-na nói rộng).

KINH SỐ 1038 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Chiêm-bà, bên ao Kiệt-già, lúc ấy có trưởng giả Ma-na-đề-na bị bệnh mới thuyên giảm. r e e Bây giờ, trưởng giả này nói với người nhà: Chú hãy đến Tôn giả A-na-luật thay tôi đảnh lễ và hỏi thăm sức khỏe Tôn giả có được an ổn chăng. Ngày mai xin cùng bốn vị Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của tôi. Nếu Tôn giả nhận lời, chú nên vì tôi bạch rằng tôi là người thế gian bận nhiều công vụ không thể đích thân đến rước, xin Tôn giả thương xót, đến giờ cùng bốn vị Tỳ-kheo đến nhà tôi. Người kia vâng lời trưởng giả, đi đến Tôn giảA-na-luật, đại diện trưởng giả đảnh lễ5 thăm hỏi: -Tôn giả được ít bệnh, ít não, ở yên, an lạc chăng? Xin thỉnh Tôn giả và bốn vị Tỳ-kheo đến nhà trưởng giả Ma-na-đề-na ngày mai thọ trai. Tôn giả A-na-luật im lặng nhận lời và nói: -Ông cứ an tâm, tôi tự biết giờ. Ngày mai tôi sẽ cùng bốn vị Tỳ-kheo đến nhà trưởng giả. Khi ây, người này nhớ lời dạy của Tôn giả A-na-luật trở vê báo tin cho trưởng giả Ma-na-đề-na: -Trưởng giả Ma-na-đề-na nên biết tôi đã thỉnh Tôn giả A-na-luật và nói lại ý của Tôn giả A-na-luật rằng trưởng giả hãy an tâm, Tôn giả tự biết giờ. Tối hôm đó trưởng giả Ma-na-đề-na lo sắm sửa thức ăn ngon, tinh khiết. Sáng sớm trưởng giả sai người nhà đến thưa Tôn giả A-na-luật rằng đã đến giờ. Người kia vâng lời đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật? cúi đầu đảnh lễ, bạch rằng: “Thức

cúng dường đã sắm sửa xong, xin Tôn giả biết thai.^ Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật đắp y, ôm bát cùng với bốn vị Tỳ-kheo đi đến nhà trưởng giả. Trong lúc ấy, các thể nữ đang vây quanh trưởng giả Ma-na-đề-na ở trong cửa phía bên trái, trông thấy Tôn giảA-na-luật họ đều đứng lên chắp tay kính lễ, đưa Tôn giả tới chỗ ngồi, mỗi người đều cúi đầu hỏi thăm rồi lui ngồi một bên. Tôn giả A-na-luật chào hỏi trưởng giả:

Trưởng giả được bình an chăng?

Trưởng giả đáp: Dạ, con được an ổn. Hôm trước con bi bệnh nguy kịch nhưng hôm nay đã thuyên giảm. Tôn giả A-na-luật hỏi trưởng giả: Trưởng giả trụ tâm như thế nào mà có thể khiến cho bệnh hoạn khổ não bớt dần. Trưởng giả bạch: Thưa Tôn giả A-na-luật! Nhờ con trụ bốn niệm xứ chuyên tu hệ niệm nên các thứ đau đớn, thống khổ nơi thân đều dứt. Bốn pháp ấy là gì? Đó là sống quán niệm nội thân trên thân, nỗ lực tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu the gian; ngoại thân, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm, sống quán niệm nội pháp; ngoại pháp, nội ngoại pháp trên pháp, nỗ lực tinh cần? chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thê gian. Như thê, Tôn giả A-na-luật, con nhờ buộc tâm trụ nơi bôn niệm xứ nên mọi sự đau đớn của thân bệnh một lúc đều dứt. Thưa Tôn giả A-na-luật! Chính do trụ tâm như thế nên bệnh hoạn khổ đau đều bớt dần. Tôn giả A-na-luật bảo trưởng giả: Trưởng giả hôm nay tự được ghi nhận đã đắc quả A-na-hàm.

Khi ây, trưởng giả Ma-na-đê-na tự tay cúng dường thức ăn ngon lành, tinh khiết, cung cấp đầy đủ. Sau khi thọ thực xong, trưởng giả Ma-na-đề-na lại ngồi nơi giường thấp nghe pháp. Tôn giả A-na-luật nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, xong rồi Tôn giả rời khỏi chỗ ngồi, đứng lên đi về.

KINH SỐ 1039 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá? trong tinh xá Kim Sư. Bấy giờ, có trưởng giả Thuần-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi lui ngồi một bến. Thế Tôn hỏi trưởng giả Thuần-đà: -Ông ưa thích những tịnh hạnh của các Sa-môn, Bà-la-môn nào? Trưởng giả Thuần-đà bạch Phật: Có Sa-môn, Bà-la-môn thờ phụng nước, tôn thờ Tỳ-thấp-bà thiên, cầm gậy, bình nước, thường rửa tay sạch. Vi Chánh sĩ đó hay khéo nói pháp như vầy: "Này thiện nam! Ngày mười lăm mỗi tháng dùng mạt vụn hồ-ma và am-ma-la để gội tóc, tu hành trai pháp, ăn mặc sạch sẽ, mang râu dài trắng xóa, nằm trên đất phết phân trâu. Này thiện nam! Buổi sáng dậy sớm lấy tay chạm đất và nói rằng: 'Đất này trong sạch, tay ta sạch như vầy, cầm lấy cục phân trâu cùng nắm một nắm cỏ

tươi, miệng nói: Cái này thanh tinh, ta trong sạch như thế. Nếu như thế thấy là thanh tịnh, không như thế trọn chẳng thanh tjnh. Thưa Thế Tôn! Một hạng Sa- môn? Bà-la-môn như thế, nếu là thanh tịnh thì đáng cho con kính ngưỡng. Phật bảo Thuần-đà: Có hắc pháp và hắc báo, bất tịnh và bất tịnh quả nặng nề đi xuống. Nếu người làm những pháp ác này thì tuy sáng sớm thức dậy đưa tay chạm đất, nói rang

thanh tịnh vẫn là không thanh tịnh, dẫu không chạm đến cũng chẳng thanh tịnh. Người ấy cầm cục phân trâu và nắm cỏ tươi mà nói rằng thanh tịnh thì cũng chẳng thanh tịnh, dẫu không chạm đến cũng chẳng thanh tinh. Này Thuần-đà! Thế nào là hắc pháp, hắc báo, bất tịnh và bất tịnh quả nặng nề đi xuống cho đến chạm hay không chạm, thảy đều bất tịnh? Này Thuân-đà! Đó là nghiệp ác sát sanh, tay thường tanh mùi máu, tâm thường suy nghĩ đến việc đánh đập, giết hại không biết hổ thẹn, tham lam, keo kiệt đối với tất cả chúng sanh cho đến côn trùng đều chẳng tránh tàn sát. Đối với tài vật đất trống, làng xóm của người, đều không lìa bỏ sự trộm cắp. Đối với những người được bảo hộ của cha mẹ, anh em, chị em, phu chủ, thân tộc cho đên người trao vòng hoa mà dùng sức cưỡng bức, chăng lìa tà dâm. Nói dôi không chân thật hoặc đối với vua quan, đối với các nhà nói chơn chật, nơi có nhiều người tu tập chờ câu nói thích đáng, nhưng lại nói lời không thật, không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, không nghe nói nghe, nghe nói không nghe, biết nói không biết, không biết nói biết. Do chính mình, do người khác, hoặc vì tài lợi, biết mà nói dối không chịu lìa bỏ. Đây gọi là vọng ngữ. Nói lưỡi hai chiều, chia lìa, đem chuyện chỗ này nói chỗ kia, đem chuyện chỗ kia nói chỗ này, phá hoại lẫn nhau, làm tan rã sự hòa hợp. Kẻ ly gián lấy làm vui mừng. Đây gọi là nói lưỡi hai chiều. Chẳng lìa nói thô ác, mắng nhiếc. Nếu người nói lời dịu dàng, êm tai, làm vui lòng, lời nói rõ ràng dễ biết, ưa nghe lời nói chân thật thì nhiều người yêu mến, hợp ý? tùy thuận tam-muội xả. Trái lại, lời nói gắt gao, cứng rắn, bị nhiều người ẹhét, chẳng ưa, chẳng hợp ý? chẳng thuận tam-muội? nói những lời như thế, chang lìa lời nói thô. Đây gọi là ác khẩu. Lời nói thêu dệt phá hoại, nói không đúng lúc, nói không thật, lời nói vô nghĩa, lời phi pháp, lời nói thiếu suy nghĩ; những cách nói như thế gọi là lời nói phá hoại. Chẳng lìa bỏ tham lam, đối với tài vật của người khởi tham dục, cho rằng vật này của tôi ưa thích, không xả bỏ sân nhuế tệ ác. Trong tâm suy nghĩ, chúng sanh kia đáng bị trói, đáng bi roi vọt, gậy gộc, đáng giết, muốn sống là điều khó; không bỏ tà kiến, điên đảo, thấy như vầy, nói như vầy: "Không bố thí, không quả báo, không có phước, không có điều thiện điều ác, không có nghiệp thiện ác và quả báo, không có đời này, không có đời khác, không có cha mẹ, khônệ có chúng sanh, sanh ở thế gian, không có A-la-hán và các Hiền thánh ở thế

gian, đời này, đời khác tự biết chứng đắc: 'Sự sanh của ta đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau.'" Thuần-đà! Đây gọi là hắc, hắc báo, bất tịnh và bất tịnh quả cho đến xúc chạm hay chẳng xúc chạm đều bất tịnh. Này Thuần-đà! Có bạch, bạch báo, tịnh có tinh quả, được làm vị tiên nhẹ nhàng bay lên, buổi sáng chạm đất, đất thanh tịnh, ta cũng được thanh tịnh, hoặc chẳng chạm đất, cũng được thanh tịnh; dù bốc phân trâu và nắm cỏ tươi, do nhân thanh tịnh nên quả thanh tịnh, nên dù có nắm hay chẳng nắm, phân trâu cũng vẫn được thanh tịnh. Này Thuần-đà! Những gì là bạch, bạch báo... cầm lấy hay không cầm lấy cũng được thanh tinh? Nghĩa là có người không sát sanh, lìa bỏ sát sanh, bỏ dao, gậy, biết hổ thẹn, có lòng thương xót, tất cả chúng sanh, không trộm cướp, xa lìa trộm cướp, vật cho thì lấy, không cho không lay, tâm trong sạch chẳng tham. Lìa tà dâm hoặc đối với người được cha mẹ bảo hộ cho đen người trao vòng hoa đều không cưỡng bức, làm chuyện tà dâm.

Lìa nói dối, căn cứ theo sự thật nói ra. Xa lìa nói hai lưỡi, chẳng đến chỗ này nói chuyện chỗ kia, đến chỗ kia nói chuyện chỗ này, phá hoại lẫn nhau. Đã chia lìa nên làm cho hòa hợp, đã hòa hợp thì ta nên vui theo. Xa lìa ác khẩu, không thô bạo, lời nói khiến nhiều người ưa thích. Tránh lời nói phá hoại, lời nói chân thật, nói đúng lúc, nói đúng sự thật, nói lời có ý nghĩa, nói lời có đạo vi, có hiểu biết. Lìa tham dục, đoi với của cải, đồ vật của người khác không tưởng là của mình mà sanh tham đắm. Lìa sân giận, không nghĩ đến việc đánh đập, bắt trói, giết chóc, gây các tai hại. Thành tựu chánh kiến, không thấy điên đảo, nói có bố thí, có quả báo, có phước, có quả báo của điều ác, điều thiện, có đời này, có cha mẹ? có chúng sanh, có bậc A-la-hán ở thế gian đời này, đời khác, hiện tại tự biết chứng đắc: "Sụ* sanh của ta đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, tự biết không thọ thân sau." Này Thuần-đà! Đây gọi là bạch, bạch báo... xúc chạm và chẳng xúc chạm thảy đều thanh tịnh. Trưởng giả Thuần-đà nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi đi.

KINH SỐ 1040 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong tinh xá Kim Sư. Bấy giờ, có một Bà-la-môn vào ngày mười lăm gội đầu, rồi thọ trai pháp, mang bộ râu dài băng lông trăng, tay câm một nắm cỏ tươi đi đến chỗ Phật, cùng Phật chào đón và hỏi thăm xong rồi lui ngồi một bên. Khi đó Phật bảo Bà-la-môn: -Ông gội đầu, mang bộ râu mới dài bằng lông trắng, đây là pháp tắc của ai thế?

KINH TẠPA-HÀM 823

Bà-la-môn bạch Phật:

Bạch Cù-đàm! Đây là học pháp buông xả.

Thế Tôn hỏi Bà-la-môn:

Thế nào là pháp buông xả của Bà-la-môn?

Bà-la-môn bạch Phật: Bạch Cù-đàm! Vào ngày mười lăm, gội đầu, giữ gìn trai pháp, đeo râu mới dài bằng lông trắng, tay cầm cỏ tươi, tùy khả năng bố thí, làm phước. Bạch Cù-đàm! Đây gọi là Bà-la-môn tu hành hạnh buông xả. Phật bảo Bà-la-môn: -Sự thực hành hạnh buông xả theo Pháp, Luật của Hiền thánh khác hẳn với Bà-la-môn. Bà-la-môn bạch Phật: Bạch Cù-đàm! Hiền thánh thực hành hạnh buông xả khác với Bà-la-môn như thế nào? Phật bảo Bà-la-môn: -Đó là lìa sát sanh, chăng ưa sát sanh... (nói rộng như phân thanh tinh của kinh trước), y theo bất sát, lìa bỏ sát sanh... (nói rộng như phần thanh tịnh của 9 9 r kinh trước). Lìa trộm cướp, chăng ưa trộm cướp, y nơi chăng trộm, lìa bỏ lây vật không cho. Lìa tà dâm, chẳng ưa tà dâm, y theo chẳng dâm, bỏ việc trái với Phạm hạnh. Lìa vọng ngữ, chẳng ưa vọng ngữ, y theo không nói dối, xả bỏ lời nói không chân thật. Lìa nói hai lưỡi, chẳng ưa nói hai lưỡi, nương nơi chẳng nói hai lưỡi, xả bỏ sự làm ly gián. Lìa nói lời ác, không ưa ác khẩu, nương nơi không ác khẩu, bỏ lời thô ác. Lìa bỏ lời nói thêu dệt không ưa nói lời thêu dệt, nương nơi không nói thêu dệt, bỏ lời vô nghĩa. Đoạn trừ tham dục, xa lìa kho tham, nương nơi tâm không tham, xả bỏ ái trước. Đoạn trừ sân nhuế, chẳng sanh phẫn hận, nương nơi không giận, xả bỏ sân hận, tu tập chánh kiến, chẳng khởi điên đảo, y nơi chánh kiến xả bỏ tà kiến. Này Bà-la-môn! Đây gọi là chỗ thực hành hạnh buông xả theo Pháp, Luật Hiền thánh. Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Hay thay, sự thực hành hạnh buông

xả theo Pháp, Luật Hiền thánh. Bà-la-môn nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ? từ chô ngôi đứng lên cáo từ.

KINH SỐ 1041 Tôi nghe như vay: Một thòi, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, có Phạm chí Sinh Văn đi đến chỗ Phật, cùng Phật chào đón hỏi thăm ân cần xong, liền ngồi một bên, bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Con có người bà con rất thương mến, bỗng nhiên từ trần. Con vì người ấy nên đem hết lòng tin tưởng bố thí. Thưa Thế Tôn! Thế nào? Người ấy có nhận được không? Phật bảo Bà-la-môn: -Chẳng phải một bề nhận được. Nếu người bà con của ông sanh trong địa ngục, ăn thức ăn của chúng sanh địa ngục để nuôi sống sanh mạng của họ thì họ đâu có nhận được thức ăn, uống do ông đem lòng tin tưởng bố thí. Nếu người ấy sanh vào súc sanh, nga quỷ, hoặc loài người, được thức ăn của loài người, -r cũng không nhận được thức ăn của ông bô thí. Này Bà-la-môn! Trong cõi nga quỷ có một nơi tên là Nhập xứ nga quỷ, nêu người bà con rất thân của ông sanh vào Nhập xứ nga quỷ thì sẽ nhận được thức ăn của ông. Bà-la-môn bạch Phật: Nêu người bà con rát thân của con không sanh vào trong chôn Nhập xứ nga quỷ, thức ăn do tín tâm của con bố thí ai sẽ hưởng được? Phật bảo Bà-la-môn: Nếu ông đem lòng tin tưởng bố thí cho người bà con rất thân của ông, nếu họ không sanh vào nơi Nhập xứ nga quỷ, thời họ không được hưởng, nhimg có những thân quyến quen biết khác sanh vào nơi đó, họ sẽ được hưởng. Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Nếu con tín tâm bố thí cho người bà con rất thân của con mà họ không sanh vào Nhập xứ nga quỷ, cũng không có các thân tộc hay người quen biêt khác sanh vào Nhập xứ nga quỷ thì thức ăn do tín tâm bô thí đó ai sẽ hưởng? Phật bảo Bà-la-môn: -Giả sử những bà con quen biết không sanh vào Nhập xứ ngạ quỷ, lại cũng không có người quen biết khác sanh vào trong đó mà ông vẫn vì họ bố thí thì tự mình sẽ được phước. Của bố thí ấy sẽ do người thí chủ có lòng tin đó chẳng mất. Bà-la-môn bạch Phật: -Thế nào là thí chủ bố thí mà sẽ được hưởng phước báu bố thí? Phật bảo Bà-la-môn: Có người sát sanh làm những việc ác, tay thường vấy máu, làm đủ mười nghiệp bát thiện,... (nói rộng như Kỉnh Thuần-đa). Sau đó lại bố thí Cling dường cho Sa-mon, Bà-la-môn5... những kẻ ăn mày bần cùng nghèo khổ đều bo thí tiền tài, áo quân, chăn mền, thức ăn uống, đèn đuốc, các thứ đồ dùng trang nghiêm.

Này Bà-la-môn! Người thí chủ kia nếu lại phạm giới sanh trong loài voi, nhờ người ây đã từng bô thí cho Sa-môn? Bà-la-môn tiên của, y phúc, mên nệm, thức ăn uống cho đến các vật dụng trang nghiêm, nên tuy ở trong loài voi nhưng vẫn nhận được phước báu của sự bố thí kia từ y phục, ẩm thực cho đến các vật dụng trang nghiêm. Nêu người ây sanh vào các loài súc sanh như trâu, ngựa, lừa, la, v.v... hay do công đức bố thí xưa mà đều nhận được phước báu kia tùy theo chỗ sanh mà được sự thọ dụng. Này Bà-la-môn! Nếu người thí chủ ấy trì giới không sát sanh, không trộm cướp,... chánh kiến bố thí cúng dường các Sa-môn9 Bà-la-môn?... những kẻ bần A 9 r

cùng các thứ tiên của, y phục, thực phàm, đèn đuôc thì do công đức này sanh trong loài người, ung dung hưởng thụ phước báu ây, từ y phục, mên, nệm... các vật dụng như đèn đuốc, v.v... Lại nữa, này Bà-la-môn? nếu vẫn trì giới, người bố thí kia được sanh lên cõi trời, hưởng những phước báu như tài bảo, y phục, thực phẩm,... các vật dụng trang nghiêm. Này Bà-la-môn! Đây gọi là người bố thí hưởng thọ phước báu bố thí không mất. Bà-la-môn Sinh Văn nghe Phật dạy xong, hoan hy, tùy hỷ, đảnh lễ cáo từ.

KINH SỐ 1042 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, sau đó Ngài tạm dừng ở tại làng Tỳ>la-ma, về phía Bắc, trong rừng Thân-thứ. Bấy giờ, các trưởng giả làng Tỳ-la-ma nghe Thế Tôn dừng lại ở phía Bắc trong rừng Thân-thứ? các ông liền rủ nhau cùng đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Do nhân gì, duyên gi, có những chúng sanh khi mạng chung rơi vào địa ngục? Phật bảo các trưởng giả Bà-la-môn: Do nhân duyên làm những điêu phi pháp, những điêu nguy hiêm? cho nên khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào địa ngục. Các trưởng giả Bà-la-môn bạch Phật: -Làm những điều phi pháp, điều nguy hiểm gì để đến khi mạng chung bi rơi vào địa ngục? Phật bảo các trưởng giả Bà-la-môn: Do nhân duyên sát sanh... tà kiến, đủ mười nghiệp ác.

__ \ y e 2 Này Bà-la-môn! Đây là làm điêu phi pháp, những điêu nguy hiêm cho nên khi thân hoại mạng chung liền vào địa ngục. Các trưởng giả Bà-la-môn bạch Phật: -Do những nhân duyên gì các chúng sanh thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời? Phật bảo các trưởng giả Bà-la-môn: -Do nhân duyên làm điều đúng pháp, sống hạnh chơn chánh nên khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời. Các trưởng giả Bà-la-môn lại hỏi Thế Tôn: Làm những hạnh gì là đúng pháp, những hạnh gì là chơn chánh để khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời? Phật bảo trưởng giả Bà-la-môn: -Đó là do nhân duyên lìa sát sanh... chánh kiên, làm mười nghiệp lành thì khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời. Này các trưởng giả Bà-la-môn! Nếu người có thực hành đúng pháp, hạnh chơn chánh này, muôn câu sanh vào nhà quyên quý, Sát-đê-lợi hoặc dòng họ Bà-la-môn? dòng họ cư sĩ nổi tiếng, đều được sanh. Vì sao? Do nhân duyên hành đúng pháp và sông chơn chánh, nêu lại câu sanh vào Tứ Thiên Vương, Tam Thập Tam thiên... Tha Hóa Tự Tại thiên thì đều được sanh về. Vì sao? Do hành đúng pháp và hành chơn chánh, người trì tịnh giới trong tâm ước nguyện điều gì tự nhiên đều được. Nếu người hành hạnh đúng pháp và sống chơn chánh như thế, muốn cầu sanh lên cõi Phạm thiên cũng được như ý. Vì sao? Do hành hạnh đúng pháp và chơn chánh, trì giới thanh tịnh, tâm lìa ái dục nên những ước nguyện đều thành tựu. Nấu lại muốn cầu sanh lên cõi trời Quang Am, Biến Tịnh cho đến A-già-ni-tra cũng lại như thế. Vì sao? Vì do người kia trì giới thanh tịnh, tâm lìa dục. Nếu lại muốn cầu xa lìa dục, các pháp ác bất thiện, có giác, có quán,... trụ đầy đủ Tứ thiền đều được thành tựu. Vì sao? Do người kia hành hạnh đúng pháp và chơn chánh, trì giới thanh tịnh, tâm lìa ái dục, những ước nguyện đều được thành tựu. Muốn cầu Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, thảy đêu được. Vì sao? Do hành hạnh đúng pháp và sống chơn chánh, trì giới thanh tịnh, tâm lìa

ái dục, ước nguyện đều được thành tựu. Muốn cầu đoạn ba kiết sử, được quả Tu-đà-hoàn9 Tư-đà-hàm, A-na-hàm; vô lượng thần thông: Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Lậu tận trí, thảy đều được. Vì sao? Do hành hạnh đúng pháp và sống chơn chánh, trì giới, ly dục, ước nguyện đều được thành tựu. Trưởng giả Bà-la-môn nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi cáo từ.

KINH SỐ 1043 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Câu-tát-la? du hành trong nhân gian, sau đó Ngài tạm dừng ở tại làng Tỳ-la-ma về phía Bắc trong rừng Thân-thứ. Bấy giờ, các trưởng giả làng Tỳ-la-ma nghe Thế Tôn dừng nghỉ tại làng trong rừng Thân-thứ, liền đi xe ngựa trắng có nhiều tùy tùng theo sau cầm dù lọng vàng, mang bình vàng ra khỏi làng Tỳ-la-ma đến rừng Thân-thứ. Đen đầu đường, các trưởng giả xuống xe đi bộ, tiến vào cửa vườn đến trước Thế Tôn chào hỏi, thăm viếng xong lui ngồi một bên, bạch Phật: Thưa Ngài Cù-đàm! Do nhân duyên gì có người khi mạng chung bị rơi vào địa ngục hoặc cho đến sanh lên cõi trời? (Nói rộng như kinh trên). Các Bà-la-môn làng Tỳ-la-ma nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ cáo từ.

KINH SỐ 1044 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến phía Bắc làng Tỳ-nữu-đa-la dừng nghỉ trong rừng Thân-thứ. Bây giờ5 trưởng giả Bà-la-môn của làng Tỳ-nữu-đa-la nghe Phật tạm nghỉ nơi nay, liền rủ dân làng đến rừng Thân-thứ, đi đến trước Thế Tôn chào hỏi ân cần, rồi ngồi một bên. Lúc ấy Thế Tôn bảo trưởng giả Bà-la-môn: Ta sẽ vì ông nói pháp tự thông, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ. Những gì là pháp tự thông? Nghĩa là Thánh đệ tử nên học như vầy: "Tôi khởi niệm này, nêu có người muôn giêt tôi, điêu này tôi không vui thì người khác cũng như thế, tại sao lại giết họ? Nhận ra điều này rồi thì không còn sát sanh, không thích sát sanh,... (nói như trên). Nêu tôi không thích người trộm cướp đô đạc của tôi, người khác cũng không thích thì tại sao tôi lại đi trộm cướp của người. Do đó hãy giữ gìn giới không trộm cướp, không ưa trộm cướp.,\.. (nói rông như trên). “T6i đã không thích người xâm phạm đến vợ tôi, người khác cũng không thích thì tại sao hôm nay tôi lại xâm phạm đến vợ người, do đó nên giữ giới cấm, không tà dâm... Chính mình còn không thích người dối gạt thì người khác cũng như thế, tại sao lại dối gạt người khác? Thế nên, phải giữ gìn giới không nói dối... Chính mình còn không thích người khác chia lìa thân hữu mình, người khác cũng như thế, tại sao nay tôi lại đi chia lìa thân hữu của người khác? Thế nên không nói hai lưỡi. Chính mình còn không thích người nói lời thô ác, người

khác cũng như thế thì tại sao lại mạ nhục người? Do đó đối với người không nên nói những lời thô ác... Chính mình còn không thích người nói lời thêu dệt, người khác cũng như thế thì tại sao đối với người lại nói những lời thêu dệt? Nên đối với người khác không nên nói lời thêu det..?9 Bảy điều ấy gọi là Thánh giới. Lại nữa, đối với Phật thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố; đối với Pháp, đối với Tăng thành tựu lòng tin thanh tịnh, kiên cố. Đây gọi là Thánh đệ tử thành tựu bốn điều thanh tịnh, kiên cố. Tự mình

ngay lúc này có thể xác nhận rằng mình không rơi vào địa ngục, nga quỷ, súc sanh và tất cả đường ác, được pháp Tu-dà-hoàn, không rơi vào đường ác, quyết định hướng thẳng đến Chánh giác, bảy lần qua lại cõi trời, người, chấm dứt khổ. Trưởng giả Bà-la-môn làng Tỳ-nữu-đa-la nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ? đứng dậy cáo từ.

KINH SỐ 1045 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có những pháp tập cận nhau, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Những gì là những pháp tập cận nhau? Đó là người sát sanh tập cận với người sát sanh. Trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói thêu dệt, tham, sân và tà kiến mỗi mỗi tùy loại tập cận nhau. Ví như vật bất tịnh cùng với vật bất tịnh tự hòa hợp nhau; cũng như thế, sát sanh cùng sát sanh... tà kiến cùng tà kiến, tự tập cận nhau. Cũng thế, Tỳ-kheo? không sát sanh cùng không sát sanh tập cận nhau,... chánh kiến cùng chánh kiến tập cận nhau. Ví như vật tịnh cùng vật tịnh hòa hợp nhau; sữa sanh lạc, lạc sanh tô, tô sanh đề- hồ, đề-hồ tự hòa hợp nhau; cũng thế, không sát sanh cùng không sát sanh tập cận nhau... chánh kiến cùng chánh kiến tập cận nhau. Đây gọi là pháp Tỳ-kheo tập cận nhau. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1046 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. rị Á • \ r-p-l Á rp /X 19 z FT1 \ j l Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có pháp rắn bò, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ. Những gì là rắn bò? Đó là sát sanh, làm ác, tay thường vấy máu cho đến mười nghiệp ác,... (nỏi rông như Kinh Thuân-đà trước). Người kia chính lúc ây thân là thân rắn bò, miệng răn bò? ý răn bò. Người kia thân, miệng, ý đã là rắn bò như thế, người ấy đang

hướng đến một trong hai đường hoặc địa ngục, hoặc súc sanh. Chúng sanh rắn bò? là loài chúng sanh đi bằng bụng, như rắn, chuột, mèo, chồn. Đây gọi là pháp rắn bò. Thế nào là pháp chẳng rắn bò? Đó là không sát sanh... chánh kiến... (nói rộng như Kinh Thuần-đà trước). Đây gọi là pháp chẳng phải rắn bò. Thân chăng phải răn bò? miệng chăng phải rắn bò? ý chăng phải rắn bò thì họ sẽ ở một trong hai đường, hoặc cõi trời hoặc cõi người. Đây gọi là pháp chẳng phải rắn bò. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1047 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Có nhân nghiệp ác? nhân tâm ác? nhân kiến ác, những chúng sanh như thế khi thân hoại mạng chung chắc chắn rơi vào đường ác, địa ngục. Ví như hạt châu tròn ném vào hư không liền rơi xuống đất lăn tròn, không đứng yên một chỗ; cũng thế nhân nghiệp ác, nhân tâm ác, nhân kiến ác? khi thân hoại mạng chung chắc chan rơi vào địa ngục không chỗ đứng. The nào là nghiệp ác? Đó là sát sanh... nói lời thêu dệt?... (nói rộng như trên). Đây gọi là nghiệp ác. Thế nào là tâm ác? Đó là tâm tham, sân,... (nói rộng như trêrỉ)\ đây gọi là tâm ác. Thế nào là kiến ác? Đó là tà kiến điên dảo,... (nói rộng như trên). Đây gọi là kiến ác. Đây gọi là nhân nghiệp ác, nhân tâm ác5 nhân kiến ác nên khi thân hoại mạng chung, chắc

chắn rơi vào đường ác địa ngục. Nhân nghiệp thiện, nhân tâm thiện, nhân kiến thiện nên khi thân hoại mạng chung, chắc chan được sanh lên cõi trời, đường lành. Này Bà-la-môn! Thế nào là nghiệp thiện? Đó là lìa sát sanh, không ưa sát sanh,... nói lời thêu dệt. Đây gọi là nghiệp thiện. Thế nào là tâm thiện? Nghĩa là không tham, không sân, đây gọi là tâm thiện. Thế nào là kiến thiện? Nghĩa là chánh kiến, không điên đảo... kiên không thọ thân sau. Đây gọi là kiên thiện. Đây gọi là nhân nghiệp thiện, nhân tâm thiện, nhân kiến thiện, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời. Ví như ném hạt châu vuông trong hư không, tùy nó rơi xuống nơi nào thì nằm yên nơi đó; cũng thế ba nhân thiện kia theo chỗ thọ sanh an ổn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1048 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Á__ • rri-f_ Á rry A _ L ? _ _ _ rin_\ 11 Bây giơ, Thê Ton bao các Ty-kheo: Nếu người quen thói sát sanh và làm nhiều hành động sát sanh sẽ sanh vào địa ngục. Nếu người này sanh trong loài người sẽ chết yểu. Nếu người quen thói trộm cắp và hay trộm cắp thì sẽ rơi vào địa ngục. Nếu sanh làm người, có tiền tài thì gặp nhiều tai họa. Nếu người quen thói tà dâm hay làm điều tà dâm thì sẽ rơi vào địa ngục. Nếu sanh làm người thì vợ con bi người khác xâm phạm. Nếu người quen thói nói dối, hay nói dối thì sẽ rơi vào địa ngục. Nếu được sanh làm người sẽ bị người khác chê bai. Nếu người quen thói nói hai lưỡi, hay đâm thọc thì sẽ rơi vào địa ngục. Nêu sanh làm người thì bạn bè thân quyên xa lìa, chống trái. Nếu người quen thói nói lời thô ác thì sẽ rơi vào địa ngục. Nêu sanh làm người thì thường bị nghe những tiếng xấu xa. Nếu người quen thói nói lời thêu dệt thì sẽ rơi vào địa ngục. Nếu sanh làm người thì lời nói không được tin dùng. Nếu người quen thói tham dục, hay hành động tham dục thì sẽ rơi vào địa ngục. Nếu sanh làm người thì tham dục kia sẽ tăng trưởng. Nếu người quen thói sân nhuế, hay sân nhuế thì sẽ rơi vào địa ngục. Nếu sanh làm người thì sân giận tăng trưởng. Nếu người quen thói tà kiến, hay hành động theo tà kiến thì sẽ rơi vào địa ngục. Nêu sanh làm người thì sự ngu si tăng trưởng. r y e r

Nêu lìa bỏ sát sanh, tu tập, tu tập nhiêu thì sẽ được sanh lên cõi trời. Nêu M • A *1 1 /\ •\ sanh làm người sẽ được sông lâu. Nêu không trộm cap, tu tập và tu tập nhiêu thì sẽ được sanh lên cõi trời. Nêu sanh làm người thì tiên tài không bị mat. Nếu không tà dâm, tu tập và tu tập nhiều thì sẽ được sanh lên cõi trời. Nếu sanh làm người thì vợ con hiền hòa, hòa thuận. Nếu không nói dối, tu tập và tu tập nhiêu thì sẽ được sanh lên cõi trời. Nêu sanh làm người thì sẽ không bị . M . y :

chê bai. Nêu không nói hai lưỡi, tu tập, tu tập nhiêu thì sẽ được sanh lên cõi trời. Nêu sanh làm người thì thân quyên, bạn bè sẽ găn bó. Nêu không nói lời ác, tu tập và tu tập nhiều thì sẽ được lên cõi trời. Nếu được sanh làm người thì sẽ thường được nghe những âm thanh dịu dàng. Nếu không nói lời thêu dệt, tu tập và tu tập nhiêu thì sẽ được sanh lên cõi trời. Nêu sanh làm người thì lời nói sẽ được tin dùng. Nếu không

tham lam, tu tập và tu tập nhiều thì sẽ được sanh lên cõi trời. Nếu sanh trong loài người thì ái dục sẽ không tăng trưởng. Nếu không sân giận, tu tập và tu tập nhiều thì sẽ được sanh lên cõi trời. Nếu sanh làm người thì sân giận sẽ không tăng trưởng. Nếu chánh kiến, tu tập và tu tập nhiều thì sẽ được sanh lên cõi trời. Nếu sanh làm người thì ngu si sẽ không tăng trưởng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1049 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 831

Bấy giờ5 Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Sát sanh có ba thứ: Đó là từ tham sanh khởi, từ sân sanh khởi, từ si sanh khởi. Cho đến tà kiến cũng có ba thứ: Từ tham sanh khởi, từ sân sanh khởi, từ si sanh khởi. Lìa sát sanh cũng có ba thứ: Từ không tham sanh khởi, từ không sân sanh khởi, từ không si sanh khởi. Cho đến lìa tà kiến cũng có ba thứ: Từ không tham sanh khởi, từ không sân sanh khởi, từ không si sanh khởi. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lòd Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1050 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nói là có pháp ra khỏi và pháp chẳng ra khỏi. Những gì là pháp ra khỏi và pháp chẳng ra khỏi? Nghĩa là không sát sanh, ra khỏi sát sanh;... chánh kiến, ra khỏi tà kiến. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1051 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sinh Văn đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Thưa Ngài Cù-đàm! Ngài từng nói bờ bên này, bờ bên kia; thế nào là bờ bên này, thế nào là bờ bên kia? Phật bảo Bà-la-môn: Người sát sanh là bờ bên này; người không sát sanh là bờ bên kia. Người tà kiến là bờ bên này; người chánh kiến là bờ bên kia. Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ: ít có người tu thiện, Có thể qua bờ kia. Tất cả loài chúng sanh, Rong ruổi bờ bên này. Nơi Chánh pháp, Luật này, Quán sát các pháp tướng, Họ sẽ qua bờ kia, Hàng phục bọn ma chết. Bà-la-môn Sinh Văn nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đứng lên cáo từ. (Cũng như thê, ba kinh; có Tỳ-kheo khác đên hỏi, Tôn giả A-nan đên hỏi và Phật hỏi các Tỳ-kheo, đều nói như trên).

832 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có pháp ác, có pháp chân thật. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là pháp ác? Nghĩa là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói thêu dệt, tham, sân, tà kiến. Đây gọi là pháp ác. Thế nào gọi là pháp chân thật? Nghĩa là lìa sát sanh... chánh kiến. Đây gọi là pháp chân thật. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỔ 1053 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có pháp ác, pháp ác ác, có pháp chân thật, chân thật chân thật, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là pháp ác? Nghĩa là sát sanh... tà kiến. Đây gọi là pháp ác. Thế nào là pháp ác ác? Nghĩa là tự sát sanh, dạy người sát sanh... tự khởi tà kiến, lại dạy người làm tà kiến. Đây gọi là pháp ác ác. Thế nào là pháp chân thật? Nghĩa là không sát sanh... chánh kiến. Thế nào là pháp chân thật chân thật? Nghĩa là tự mình không sát sanh và không dạy người sát sanh... tự hành chánh kiến, lại đem chánh kiên dạy cho người hành chánh kiên. Đây gọi là pháp chân thật chân thật. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1054 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có hạng ngườod bất thiện và hạng người thiện. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là hạng người bất thiện? Đó là những người sát sanh... người tà kiến. Đây gọi là người bất thiện. The nào là người thiện? Đó là người không sát sanh... chánh kiến. Đây gọi là người thiện. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 833

KINH SỐ 1055 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có người bất thiện, có người bất thiện bất thiện; có người thiện, có người thiện thiện. Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe, khéo suy nghi, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Thế nào là người bất thiện? Nghĩa là người sát sanh... người tà kiến. Đây gọi là người bất thiện. Thế nào là người bất thiện bất thiện? Nghĩa là người tự tay sát sanh, rồi dạy người sát sanh... tự làm điều tà kiến, rồi dạy người khác làm điều tà kiến. Đây gọi là người bất thiện bất thiện. Thế nào là người thiện? Nghĩa là người không sát sanh... người chánh kiến. e e : r e e Đây gọi là người thiện. Thê nào là người thiện thiện? Nghĩa là người tự mình không sát sanh và dạy người không sát sanh... tự hành chánh kiến, lại đem chánh kiến dạy cho người khác. Đây gọi là người thiện thiện. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 1056 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu người thành tựu mười pháp thì như cái dùi sắt ném xuống nước, người kia khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào đường ác, địa ngục. Những gì là mười điều? Đó là sát sanh... tà kiến. Nếu người thành tựu mười pháp giống như dùi sắt ném lên hư không, người ấy khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời. Mười pháp đó là gì? Đó là không sát sanh... chánh kiến. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1057 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Thê Tôn bao các Tỳ-kheo: -Nếu người thành tựu hai mươi pháp như cái dùi sắt ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào đường ác, địa ngục. Hai mươi điều ấy là gì? Đó là tự tay sát sanh và bảo người sát sanh... tự mình

thực hành điều tà kiến, và đem tà kiến dạy người khác làm theo. Đây gọi là thành tựu hai mươi pháp như cái dùi sắt ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào đường ác, địa

ngục. Nếu người thành tựu hai mươi pháp như cái dùi sắt ném lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời. Hai mươi điều ấy là gì? Đó là tự mình không sát sanh và dạy người không sát sanh... tự mình thực hành chánh kiến, và đem chánh kiến dạy người khác làm theo. Đây gọi là thành tựu hai mươi pháp như cái dùi sắt ném lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1058 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu người thành tựu ba mươi pháp như cái dùi sắt ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào đường ác, địa ngục. Ba mươi pháp ấy là gì? Đó là tự mình sát sanh, khiến người sát sanh và khen ngợi sát sanh... tự hành tà kiến, lại đem tà kiến dạy người làm theo, và thường hay khen ngợi người hành tà kiên. Đây gọi là ba mươi pháp như cái dùi sát ném xuông nước, khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào đường ác, địa ngục. Có người thành tựu ba mươi pháp như cái dùi sắt ném lên hư không, khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời. Ba mươi pháp ấy là gì? Đó là tự không sát sanh, dạy người không sát sanh, và thường khen ngợi công đức không sát sanh... tự mình hành chánh kiến, đem chánh kiến dạy người làm theo và thường hay khen ngợi công đức chánh kiến. Đây gọi là thành tựu ba mươi pháp như cái dùi sắt ném lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên cõi trời. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1059 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Có bốn mươi pháp, thành tựu bốn mươi pháp này như mũi kiếm ném xuống nước, lúc thân hoại mạng chung rơi xuông đường ác, địa ngục. Bôn mươi pháp ấy là gì? Đó là tự tay sát sanh, dạy người sát sanh, khen ngợi sát sanh và thấy người sát sanh sanh tâm hoan hỷ theo... tự hành tà kiến, dạy người hành tà kiến, khen ngợi tà kiến và thấy người hành tà kiến, sanh tâm hoan hỷ theo. Đây gọi là thành tựu bốn mươi pháp như mũi kiếm ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung rơi vào đường ác? địa ngục.

—M e r CÓ bôn mươi pháp, thành tựu bôn mươi pháp này như mũi kiêm ném lên hư không, khi thân hoại mạng chung sanh lên cõi trời. Bốn mươi pháp ấy là gì? Đó là không sát sanh, dạy người không sát sanh, thường tán thán công đức không sát sanh và thấy người không sát sanh sanh tâm hoan hỷ theo... tự hành chánh kiến, dạy người hành chánh kiến, thường khen ngợi công đức chánh kiến và thấy người hành chánh kiến sanh tâm hoan hỷ theo. Đây gọi là thành tựu bốn mươi pháp như mũi kiếm ném lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên cõi trời. Phật nói kinh này xong,

các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1060 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có phi pháp và có Chánh pháp, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thây giảng nói! Thê nào là phi pháp? Đó là sát sanh... tà kiên. Đây gọi là phi pháp. Những gì là Chánh pháp? Đó là không sát sanh... chánh kiến. Đây gọi là Chánh pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1061 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có phi luật và có chánh luật. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Những gì là phi luật? Đó là sát sanh... tà kiến. Đây gọi là phi luật. Những gì là chánh luật? Đó là không sát sanh... chánh kiến. Đây gọi là chánh luật. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giống như phỉ luật, chánh luật, cũng thếf phỉ Thánh và Thánh, bất thiện và thiện, phi thân cận và thân cận, phỉ lành thay và lành thay, hắc pháp và bạch pháp, phi nghĩa và chảnh nghĩa, pháp kém và pháp hơn, pháp có tội và pháp không tội, pháp bỏ và pháp không bỏ, moi moi kỉnh đều nói như trên).

KINH SỐ 1062 Tôi nghe như vầy: Một thòi, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 835

—M e r CÓ bôn mươi pháp, thành tựu bôn mươi pháp này như mũi kiêm ném lên hư không, khi thân hoại mạng chung sanh lên cõi trời. Bốn mươi pháp ấy là gì? Đó là không sát sanh, dạy người không sát sanh, thường tán thán công đức không sát sanh và thấy người không sát sanh sanh tâm hoan hỷ theo... tự hành chánh kiến, dạy người hành chánh kiến, thường khen ngợi công đức chánh kiến và thấy người hành chánh kiến sanh tâm hoan hỷ theo. Đây gọi là thành tựu bốn mươi pháp như mũi kiếm ném lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên cõi trời. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1060 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có phi pháp và có Chánh pháp, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thây giảng nói! Thê nào là phi pháp? Đó là sát sanh... tà kiên. Đây gọi là phi pháp. Những gì là Chánh pháp? Đó là không sát sanh... chánh kiến. Đây gọi là Chánh pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1061 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có phi luật và có chánh luật. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Những gì là phi luật? Đó là sát sanh... tà kiến. Đây gọi là phi luật. Những gì là chánh luật? Đó là không sát sanh... chánh kiến. Đây gọi là chánh luật. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giống như phỉ luật, chánh luật, cũng thếf phỉ Thánh và Thánh, bất thiện và thiện, phi thân cận và thân cận, phỉ lành thay và lành thay, hắc

pháp và bạch pháp, phi nghĩa và chảnh nghĩa, pháp kém và pháp hơn, pháp có tội và pháp không tội, pháp bỏ và pháp không bỏ, moi moi kỉnh đều nói như trên).

KINH SỐ 1062 Tôi nghe như vầy: Một thòi, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

836 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, có Tôn giả Thiện Sanh vừa mới cạo bỏ râu tóc, mặc áo c-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Khi ấy Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo! Nên biết chú Thiện Sanh này có hai chỗ đoan nghiêm: Một là cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo; hai là dứt hết các hữu lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, hiện pháp tự biết tác chứng: "Sụ* sanh của ta đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, tự biết không còn thọ thân sau." vi • Á Á np — *1 • À / • Khi áy, The Ton liên nói kệ: Vắng lăng dứt các lậu, Là trang nghiêm Tỳ-kheo, Lìa dục đoạn các kiết, Niết-bàn, không tái sanh, Giữ thân tối hậu này, Hàng phục giặc ma oán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1063 Tôi nghe như vây: Một thòi, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy có vị Tỳ-kheo kia hình tướng thô xấu khó coi, bị các Tỳ-kheo khinh thường, đến chỗ Phật. Bấy giờ, bốn chúng đang vây quanh Thế T6n, thấy Tỳ-kheo kia đến thầm có ý tưởng khinh bỉ, bèn nói với nhau: -Ông Tỳ-kheo kia là ai mà đi đến đây? Hình tướng xấu, khó coi, bi người khinh chê. Đức Thế Tôn khi ấy biết được tâm niệm của các Tỳ-kheo liền nói với các Tỳ-kheo: Có phải các thầy thấy Tỳ-kheo kia đến, hình tướng thô xấu, khó coi, bị người khinh chê phải không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Vâng, chúng con đã thấy như thế. Phật bảo các Tỳ-kheo: Các thầy chớ khởi ý tưởng khinh mạn đối với vi Tỳ-kheo ấy. Vì sao? Vị Tỳ-kheo kia đã dứt hết các lậu, việc làm đã xong, lìa các gánh nặng, đoạn dứt các hữu kiết sử, chánh trí, tầm thiện giải thoát. Này các Tỳ-kheo, các thầy chớ xét đoán lầm người, chỉ có Như Lai mới xét đoán được người. Vị Tỳ-kheo kia đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật rồi lui ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo: Các thầy có thấy Tỳ-kheo này cúi đầu làm lễ rồi lui ngồi một bên chăng?

KINH TẠPA-HÀM 837

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Vâng, chúng con có thay.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

-Các thầy chớ khởi tưởng khinh mạn đối với Tỳ-kheo này... Các thầy chớ xét đoán lầm người, chỉ có Như Lai mới có thể biết được người.

Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ:

y

Chim bay và thú chạy, Thảy đêu sợ sư tử, Sư tử vua loài thú, Không có loài nào hơn. Cũng thế, người trí tuệ, Tuy nhỏ nhưng mà lớn. Chớ xét thân tướng họ9 Mà sanh tâm khinh mạn. Đâu cần thân to lớn, Thịt nhiều không trí tuệ, Bậc trí thắng tuệ này, Chính

là đấng Thượng sĩ, Lìa dục đoạn các kiết, Niêt-bàn9 dứt tái sanh, Giữ thân tối hậu này, Hàng phục các ma quân. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1064 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa có lợi dưỡng đưa đến Vua A-xà-thế con bà Vi-dề-hy, nước Ma-kiệt-đà, hang ngày cùng với tùy tùng đem năm trăm cỗ xe đi đen Đe-bà-đạt-đa và đem năm trăm chảo thức ăn đen cúng dường Đe-bà-đạt-đa. Đề- bà-đạt-đa dẫn năm trăm người lập thành chúng riêng nhận sự cúng dường này. Khi ấy có nhiều vị Tỳ-kheo sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực, nghe Đề-bà-đạt-đa có lợi dưỡng như thế... năm trăm người lập thành chúng riêng đê hưởng thọ lợi dưỡng này. Khát thực xong, các Tỳ-kheo trở vê tinh xá cất y bát, rửa chân rồi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chúng con sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực, nghe Đề-bà-đạt-đa có lợi dưỡng như thế, dẫn năm trăm người lập thành chúng riêng để hưởng thọ sự cúng dường này. Phật bảo các Tỳ-kheo: Các thầy chớ nói Đầ-bà-đạt-đa được lợi dưỡng đưa đến. Vì sao? Vì Đề-bà-đạt-đa riêng thọ lợi dưỡng thì đời này tự hoại và đời sau cũng hoại. Ví như cây chuối, lau, tre ra trái liền chết, năm sau cũng hư hoại; Đề-bà-đạt-đa cũng lại như vậy, thọ lợi dưỡng này, đời này ắt bi hoại, đời sau cũng hoại. Ví như con lừa... thọ thai thì chết; Đề-bà-đạt-đa cũng như thế, thọ các lợi dưỡng đời này bị hoại, đời sau cũng hoại. Đề-bà-đạt-đa ngu si kia hưởng thọ lợi dưỡng chẳng bao

lâu sẽ chiu khổ, không lợi ích lâu dài. Thế nên, này các Tỳ-kheo? nên học như vầy: "T6i dù có lợi dưỡng đưa đến, cũng chớ sanh tâm nhiễm trước?9 Bây giơ, The Ton liên noi kê: r Cây chuối ra quả, chết Lau, tre cũng như thê, Con lừa mang thai, chết Người do tham mà chết, Thường làm việc phi nghĩa Biết nhiều chẳng khởi ngu Pháp lành ngày thêm giảm Cành khô rễ cũng rụi. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1065 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giờ, nước Xá-vệ có Thủ Tỳ-kheo là người dòng họ Thích mạng chung. Khi ây có chúng nhiêu Tỳ-kheo sáng sớm đáp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, nghe Thủ Tỳ-kheo họ Thích mạng chung ở nước Xá-vệ. Khất thực xong, các Tỳ-kheo trở về tinh xá cất y bát, rửa chân rồi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hôm nay sáng sớm các Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, nghe Thủ Tỳ-kheo dòng họ Thích mạng chung ở nước Xá-vệ. Thế nào, bạch Thế Tôn, Thủ Tỳ-kheo mạng chung sẽ sanh về đâu? Thọ sanh thế nào? Đời sau ra sao? Phật bảo các Tỳ-kheo: Thủ Tỳ-kheo này thành tựu ba pháp bất thiện, khi mạng chung sẽ rơi vào đường ác địa ngục. Ba pháp bất thiện ấy là gì? Đó là tham dục, sân nhuế và ngu si. Ba pháp bất thiện này trói buộc tâm. Thủ Tỳ-kheo dòng họ Thích sanh vào đường ác, địa ngục. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Tham dục, sân nhuế, si Trói buộc tâm tư người, Khởi lên tự hại mình, Giống lau, tre ra hoa. Tâm không tham, nhuế, si, Đây gọi là sáng suốt, Khởi lên không tự hại, Đây gọi là thắng si. Do đó

nên lìa tham, Tăm tôi sân nhuê, si, Tỳ-kheo trí tuệ sáng, Khổ sạch, Bát-niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1066 (Giong như Kinh Thủ Tỳ-kheo, Kỉnh Nan-đà cũng nói như thế).

KINH TẠPA-HÀM 839

KINH SỐ 1067 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây ệiờ? Tôn giả Nan-đà con bà Di mâu của Phật, ưa mặc áo đẹp màu săc? trau chuôi bóng bây, mang bát tốt, ưa vừa đi vừa cười đùa. Khi ấy có chúng nhiều Tỳ-kheo đi đen chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Ton! Tôn giả Nan-đà là con Di mẫu của Phật, ưa mặc áo đẹp, trau chuốt bóng bẩy, mang bình bát tốt, ưa vừa đi vừa cười đùa. Bay giơ, The Ton noi vơi mọt vi Tỳ-kheo: -Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà nói với Nan-đà: “Bại sư muốn gặp 6ng.” Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn đến nói với Nan-đà: The Ton muôn gặp ong. Nan-đà nghe xong liền đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Phật bảo Nan-đà: Nan-đà! Có phải thầy ưa mặc áo đẹp, hay trau chuốt bóng bẩy, ưa vừa đi vừa cười đùa không? Tôn giả Nan-đà bạch Phật: - Thật vậy, bạch Thế Tôn! Phật bảo Tôn giả Nan-đà: -Thầy là con Di mẫu của Phật, dòng quý tộc xuất gia, không nên mặc y đẹp, trau chuốt, mang bình bát tốt, ưa vừa đi vừa cười đùa. Thầy nên khởi nghĩ như vầy: uTa là con bà Di mẫu của Phật, dòng quý tộc xuất gia, nên đi khất thực ở chỗ vắng, mặc y phấn tảo, thường nên khen ngợi mặc y phấn tảo, ở chỗ núi non, khe suối, không đoái hoài đen ngũ due." Nan-đà vâng lời Phật dạy, đi khất thực chỗ vắng, mặc y phấn tảo, cũng thường khen ngợi người mặc y phấn tảo, thích ở chỗ núi non, khe suối, không còn đoái hoài đến ngũ dục. Bây giơ, Thê Tôn noi kẹ: Nan-đà thầy thấy gi, Tu tập ở chỗ vắng, D Đi khất thực từng nhà, Thân mặc y phân tảo, Thích ở chỗ núi khe, Không đoái hoài ngũ dục! Phật nói kinh này xong, Tôn giả Nan-đà nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1068 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Đề-sa tự nghi: "Ta là anh em con cô của Thế Tôn, không cần phải cung kính, không cần dè dặt, không phải sợ hãi, không chịu để can

840 KINH TẠPA-HÀM

ngn." Khi ấy có nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ và lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tôn giả Đề-sa tự nghĩ cho mình là anh em con cô của Thế Tôn nên không cần cung kính, không e dè, cũng không sợ hãi, không chịu đê can gián! Bấy giờ, Thế Tôn bảo một vị Tỳ-kheo: -Ông hãy đến chỗ Tỳ-kheo Đề-sa nói rằng: "Bại sư muốn gặp 6ng." Khi ấy, Tỳ-kheo kia vâng lời Phật đến chỗ Tỳ-kheo Đề-sa nói: Ạ nn _ w _ A. -The Ton muôn gặp ong. Ty-kheo De-sa liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật và lui ngồi một bên. Phật bảo De-sa: Có thật thầy nghĩ rằng: "Ta là anh em con cô của Thế Tôn, không cần cung kính, không phải e dè, cũng không sợ hãi, không chịu để can ngn" chăng? Tỳ-kheo De-sa bạch Phật: -Thật vậy, bạch Thế Tôn! Phật bảo Tỳ-kheo De-sa: r y \

-Thây không nên như thê và thây phải nghĩ răng: "Ta là anh em con cô của Thế Tôn, phải cung kính, sợ hãi, nhẫn chịu sự can gián.,, LÚC ay, The Ton liên noi kẹ: Lành thay,

thầy De-sa! Lìa sân nhuế là tốt, Chớ sanh tâm sân giận, Người sân giận không tốt, Nêu hay lìa sân, mạn, Tu hành tâm khiêm hạ, Sau đó ở nơi ta, Tu tập các Phạm hạnh. Phật nói kinh này xong, Ty-kheo De-sa nghe Phật dạy, hoan hỷ? tùy hỷ, cáo từ.

KINH SỐ 1069 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tôn giả Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê tử tụ họp ở nhà cúng dường, thuyết pháp cho chúng nhiều Tỳ-kheo, ngôn từ đầy đủ, âm thanh vi diệu, trong trẻo, cú vị rõ ràng, chính xác, lời nói phù hợp với trí tuệ; thính giả thích nghe lời nói lim loát, ý nghĩa sâu xa, khiến các Tỳ-kheo nhất tâm lắng nghe. Khi ấy, Thế Tôn nhập định trong lúc ban ngày với thiên nhĩ thanh tịnh hơn tai người thường, nghe tiếng thuyết pháp, Ngài xuất định, đi đến giảng đường ngôi trước đại chúng và nói với Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê tử: -Lành thay! Lành thay! Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê tử nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra.

KINH TẠP A-HÀM 841

KINH SỐ 1070 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có chúng nhiều Tỳ-kheo ở nhà cúng dường, tụ tập cùng nhau may y, lúc đó có một Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, mới vào Pháp, Luật, không muốn phụ giúp các Tỳ-kheo may y. Bấy giờ, các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! ở nhà cúng dường, các Tỳ-kheo tụ tập may y, có một Tỳ- kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, mới vào Pháp, Luật, không muốn phụ giúp các Tỳ-kheo may y. Bấy giờ? đức Phật mới hỏi vị Tỳ-kheo trẻ ấy: Có thật thầy không muốn giúp đỡ các Tỳ-kheo may y chăng?

Tỳ-kheo trẻ kia bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tùy theo khả năng của con mà con phụ giúp.

Thế Tôn khi đó biết được tâm niệm của Tỳ-kheo trẻ tuổi, mới bảo các Tỳ-kheo: - Các thầy chớ nói Tỳ-kheo trẻ này. Vì sao? Vì Tỳ-kheo này được bốn pháp tăng tâm", được chánh đinh, hiện tại sống yên vui, chẳng phải do cố gắng mà được. Tỳ-kheo ấy hành động theo bản tâm của mình, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà- sa, xuất gia học dạo, tăng tiến tu học, hiện pháp tự biết tác chứng: "Sụ* sanh của ta đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Khi ây, The Ton liên noi kê: Không phải kém nỗ lực, Đức mỏng, thiếu trí tuệ, Hướng thẳng đến Niết-bàn? Thoát khỏi gông phiền não. Hiền nhân trẻ tuổi này, Sớm được chỗ Thượng sĩ, Lìa dục tâm giải thoát, Niết-bàn dứt tái sanh, Giữ thân tối hậu này, Hàng phục các ma quân. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1071 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Lúc ấy, có Tỳ-kheo tên Thượng Tòa, sống một mình tại một nơi, cũng thường hay khen ngợi người sống một mình, đi khất thực một mình, khất thực xong trở ve một mình và một mình ngoi thiền tư.

842 KINH TẠP A-HÀM

Bấy giờ, trong chúng có nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có Tôn giả tên là Thượng Tòa sống một mình, cũng thường khen ngợi người sông một mình, một mình vào làng khát thực, một mình ra khỏi làng, trở vê trụ xứ, một mình ngôi thiên tư. Khi đó, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo: Ông hãy đi đến chỗ Tỳ-kheo Thượng Tòa nói rằng: "Đại sư gọi thầy."

Tỳ-kheo ấy vâng lời Phật dạy, đến nói lời như trên với Tỳ-kheo Thượng Tòa. Tỳ-kheo Thượng Tòa vâng lời đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui ngồi một bên. Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Thượng Tòa: Thầy có thật sống một mình ở chỗ vắng, khen ngợi người sống một mình, đi khát thực một mình, ra khỏi làng một mình, ngôi thiên tư một mình chăng? Tỳ-kheo Thượng Tòa bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Thật như vậy. Phật bảo Tỳ-kheo Thượng Tòa: Này Tỳ-kheo! Vì sao thầy sống một mình, khen ngợi người sống một mình, một mình đi khát thực, một mình trở vê chô ở và một mình ngôi thiên tư? Tỳ-kheo Thượng Tòa bạch Phật: Con chỉ ở một mình nơi vắng vẻ, khen ngợi người sống một mình, đi khất thực một mình, ra khỏi làng một mình, ngồi thiền tư một mình. Phật bảo Tỳ-kheo Thượng Tòa: Thầy là kẻ sống một mình, Ta không nói là chẳng phải sống một mình, nhưng lại có lối sống một mình thắng diệu. Sao gọi là lối sống một mình thắng diệu? Đó là Tỳ-kheo trước tiên khô khan sau đó diệt tận, bên trong không tham hỷ; đó là Bà-la-môn tâm không còn do dự, đã xả ưu hối, lìa các hữu ái, đoạn các kiết sử. Đây gọi là sống một mình không có lối sống nào thắng diệu hơn nữa. T L • Á__ nnL Á rr\ A r • Khi áy, The Ton noi kệ: Chiếu sáng khắp tất cả, Biết khắp các thế gian, Chẳng chấp tất cả pháp, Lìa hết tất cả ái, Người này sống an lạc, Ta nói là nhất trụ. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Thượng Tòa nghe Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ? làm lễ rồi cáo từ.

KINH SỐ 1072 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 843

Bây giờ? Tôn giả Tăng-già-lam du hành nhân gian ở Câu-tát-la? tới nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Tỳ-kheo Tăng-già-lam kia có vợ cũ đang ở trong nước Xá-vệ9 nghe tin Tỳ-kheo Tăng-già-lam du hành trong nhân gian từ Câu-tát-la đến nước Xá-vệ? trong rừng Kỳ-đà9 vườn cấp Cô Độc, nghe xong liền mặc y phục đẹp, trang điểm hoa anh lạc, ôm con đi thẳng đến Kỳ Hoàn, đến trước phòng Tỳ-kheo Tăng-già-lam. Trong lúc Tôn giả Tăng-già-lam ra khỏi phòng đi kinh hành ngoài đất trống, người vợ cũ kia tiến đến trước mặt Tôn giả và nói: Đứa bé này còn nhỏ quá, anh bỏ con thơ đi tu, ai sẽ nuôi dưỡng nó?

Tỳ-kheo Tăng-già-lam không nói chuyện với cô ây, người vợ ba phen năn nỉ, Tỳ-kheo cũng không nói gì. Người vợ lại nói: -Tôi đã nói cho anh biết ba lần như vậy mà anh chẳng nói với tôi, chẳng ngó ngàng tới, bây giờ tôi sẽ bỏ đứa nhỏ này. Người vợ ấy liền bỏ đứa nhỏ ngay đầu đường kinh hành mà đi và nói: Này Sa-môn! Đây là con của ông! Ông hãy tự nuôi nấng, nay tôi bỏ đi!

Tôn giả Tăng-già-lam cũng chẳng nhìn đến đứa bé. Người vợ ấy lại nói: Sa-môn này chẳng để ý gì đến đứa nhỏ, chắc có lẽ ông đã được chỗ khó được của bậc tiên nhơn. Lành thay! Sa-môn chắc hẳn đã được giải thoát. Thiêu phụ không toại nguyện, đành ôm con đi. Bấy giờ, Thế Tôn đang nhập thiền định trong lúc ban ngày với thiên nhĩ siêu việt hơn người thường, Ngài nghe được những lời nói của người vợ cũ của Tôn giả Tăng-già-lam, liền nói kệ: __ 9 \

Việc đến chẳng hoan hỷ9 Đi cũng chăng lo buôn, Với thế gian hòa họp, Giải thoát chăng nhiêm trước. Ta nói Ty-kheo kia, Chân thật Bà-la-môn9 Việc đến chẳng hoan hỷ? Đi cũng_ chẳng lo buồn, Không nhiễm cũng không ưu, Hai tâm đều vắng lặng, Ta nói Tỳ-kheo này, Là chơn Bà-la-môn. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tăng-già-lam nghe Phật dạy, hoan hỷ, làm lễ rồi đi.

KINH SỐ 1073 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình ở chỗ vắng tự suy nghĩ: “C6 ba thứ mùi hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay theo ngược gió. Ba thứ mùi hương ấy là gì? Đó là mùi hương rễ cây, mùi hương thân cây và mùi hương hoa. Hoặc lại có mùi hương bay theo chiều gió, cũng bay theo ngược gió, cũng bay theo thuận gió, ngược gió cháng?”

Suy nghĩ như thế, buổi chiều hôm đó sau khi xả thiền, A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật và lui đứng một bên, bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Con một mình ở chỗ vắng tự nghĩ thầm: "C6 ba thứ mùi hương chỉ bay theo chiều gió, không the bay ngược gió. Ba thứ mùi hương đó là gì? Đó là mùi hương rễ cây, mùi hương thân cây, mùi hương hoa. Hoặc có mùi hương bay theo chiều gió cũng bay theo ngược gió, cũng bay theo thuận gió, ngược gió chàng?" Phật bảo Tôn giả A-nan: -Đúng the! Đúng The! Có ba loại mùi hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay ngược gió. Đó là hương thơm rễ cây, hương thơm của cây, hương thơm của hoa. Này A-nan! Cũng có mùi hương bay theo chiều gió, bay theo ngược gió và cũng bay theo thuận gió, ngược gió. Này A-nan! Hương bay theo chiều gió, bay theo ngược gió và cũng bay theo thuận gió ngược gió, đó là: Có người thiện nam hay người thiện nữ sông ở thành phô, suốt đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Người thiện nam, người thiện nữ như thế đều được người lành trong mười phương thảy đều tán thán rằng: "d phương kia, làng kia, có người thiện nam, thiện nữ trì giới thanh tịnh, thành tựu pháp chân thật, suốt đời không sát sanh... không uống rượu.,^ Này A-nan! Đây gọi là thứ hương thơm bay theo chiều gió, bay theo ngược gió và cũng bay theo thuận gió ngược gió. Ấ • 5 r-pi Á rp/X 1 • À / • 1 /V

Bây giơ, Thê Ton liên noi kẹ: Chẳng phải hương cành hoa Có thể bay ngược gió, Chỉ có hương tịnh giới Của thiện nam, thiện nữ, Ngược, thuận bay các phương Không đâu không nghe biết. Đa-ca-la? chiên-đàn Ưu-bát-la, Mạt-lợi, So sánh các mùi hương Giới hương là hơn hết, Hương thơm như chiên-đàn, Lan tỏa có giới hạn, Chỉ có hương giới đức Xông ngát tán cõi trời. Hương thơm của tịnh giới, Chánh đinh chẳng phóng dật,

Chánh trí và giải thoát Ma đạo không the vào. Đây là đạo an ổn Đạo này rất thanh tịnh Hướng thẳng diệu thiền đinh Đoạn các ma kiết phược. Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi đi.

KINH SỐ 1074 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hành trong nhân gian ở nước Ma-kiệt-đề cùng với một ngàn vị Tỳ-kheo. Xưa kia họ là những người xuất gia bện tóc, nay đều đắc quả A-la-hán, các lậu đã tận, việc làm đã xong, xả bỏ các gánh nặng, chóng được tự

lợi, sạch các hữu kiết sử, chánh trí, thiện giải thoát. Phật cùng các Tỳ-kheo đi đến trú tại rừng Thượng Lâm, tháp Thiển Kiến. Bình-sa vương, vua nước Ma-kiệt-đề nghe Thế Tôn du hành trong nhân gian tại nước Ma-kiệt-đề và đến ở trong rừng Thượng Lâm, tháp Thiện Kiến, nhà vua cùng với các tiểu vương, quần thần và đoàn tùy tùng, xe cộ một muôn hai ngàn chiếc, đi ngựa một muôn tám ngàn người, đi bộ người đông vô số, các Bà-la-môn, trưởng giả trong nước Ma-kiệt-đê đêu đi theo. Nhà vua rời khỏi thành Vương Xá đi đến chỗ Thế Tôn, cung kính cúng dường. Tới đầu đường vua xuống xe đi bộ, lúc tiến vào đến cửa trong, vua dẹp bỏ năm thứ đồ trang sức, cởi mũ, dẹp bỏ lọng, quạt, dao, gươm, cởi giày da. Vua đến trước Phật, sửa lại y phục tề chỉnh, trật vai áo bên phải, đảnh lễ Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, tự xưng danh tánh và bạch Phật: Con là Bình-sa vương, vua nước Ma-kiệt-đề.

Phật bảo Vua Bình-sa: —Đại vương Bình-sa đó à? Mời Đại vương an tọa. Bình-sa vương lại lễ dưới chân Phật, từ tốn ngồi xuống. Các vua, đại thần, Ba-la-môn, cư sĩ đều đảnh lễ Phật rồi thứ lớp ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ, uất-tỳ-la Ca-diếp cũng đang ngồi tại đấy. Trong khi đó, các trưởng giả Bà-la- mon nghĩ rằng: "C6 phải đại Sa-môn Uất-tỳ-la Ca-diếp tu Phạm hạnh hay là uất-tỳ-la Ca-diếp theo đại Sa-môn tu Phạm hạnh?" Thế Tôn biết được tâm niệm của các trưởng giả, Ngài liền nói kệ hỏi: uất-tỳ-la Ca-diếp, Nơi đây thấy lợi gi, Bỏ sự phụng thờ xưa, Thờ lửa và các việc, Nay hãy nói nghĩa kia, Nguyên do bỏ thờ lửa? uất-tỳ-la Ca-diếp nói kệ bạch Phật: Tiền tài, thức ăn ngon, Nữ sắc... quả ngũ dục, Quán sát vị lai thọ, Đều vô cùng nhơ nhớp, Thế nên đều ném bỏ, Sự thờ lửa trước kia. The Ton lại noi kẹ hoi: Ông chẳng đắm thế gian, Năm dục tiền, vị, sắc... Sao lại bỏ trời, người? Cadiếp, tùy nghĩa nói. Ca-diếp lại nói kệ đáp Thế Tôn: Thấy đạo lìa hữu dư, Tịch diệt không dấu vết, Vô sở hữu, bất trước, Không đường khác, đạo khác. < The nen đêu nem bo, Lối tu thờ lửa, nước, Đại hội đều thọ trì, Phụng thờ nước, hoặc lửa, Ngu si chìm trong đó, Chí cầu đạo giải thoát, Mil, không mắt trí tuệ, Hướng, sanh, già, bệnh, chết.

Chăng thây con đường chánh, Trọn lìa nẻo sanh tử, Nay mới nhờ Thế Tôn, Được thấy đạo vô vi, Sức nói bậc Đại Long, Được qua bên bờ kia. Mâu-ni rộng cứu giúp, An ủi vô lượng chúng, Nay mới biết Cù-đàm? Bậc siêu xuất chân đế. Đức Phật lại nói kệ khen Ca-diếp: Lành thay! Này Cadiếp, Trước suy xét trái ác, Ke phân biệt, tìm cầu, Mới đến nơi tốt đẹp. Này Ca-diếp! Ông nên có lòng an ủi tâm đồ chúng của ông. Khi ấy uất-tỳ-la

Ca-diếp liền nhập chánh đinh, do sức thần túc hướng về phương Đông, bay lên hư không, hiện ra bốn thứ thần biến: Đi, đứng, nằm, ngồi, vào trong lửa thiền định toàn thân rỗng sáng tỏa ra sắc xanh, vàng, đỏ, trăng, pha lê, sác hông, trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, trở lại thiêu đót thân, trên thân ra nước để rưới lên thân, hoặc trên thân ra lửa để đốt thân kia, dưới thân tuôn nước để tưới ướt thân. Hiện bày các thứ thần thông biến hóa xong, Ca-diếp cúi đầu lễ Phật và bạch: Bạch Thế Tôn! Phật là Thầy của con, con là đệ tử.

Phật bảo Ca-diếp: Ta là Thầy ông, ông là đệ tử, ông hãy bình an ngồi xuống đi.

Tôn giả uất-tỳ-la Ca-diếp ngồi lại chỗ cũ. Các trưởng giả Bà-la-môn xứ Ma-kiệt-đề đều nghĩ thầm: "Uất-tỳ-la Ca-diếp đã quyết đinh ở nơi Đại Sa-môn tu hành Phạm hạnh." Phật nói kinh này xong, Vua Bình-sa xứ Ma-kiệt-đề cùng các trưởng giả Bà-la-môn nghe Phật dạy, đều hoan hy, tùy hỷ? làm lễ rồi cáo từ.

KINH SỐ 1075 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá? trong Vườn Trúc Ca-lan-đà, có Đà- phiêu-ma-la tử xưa nay ở thành Vương Xá lo việc Tăng chúng, phân chia thức ăn uông và các vật dụng: Giường, tòa... và xép đặt phiên, thứ, sai, thỉnh rát chu đáo. Lúc ây có Tỳ-kheo Từ Địa trải qua ba lân nhận được thức ăn thô dở. Trong khi ăn lòng cảm thấy khó chịu, cay đắng nghĩ thầm: “Báng sợ thật! Khổ quá! Ông Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la tử chắc cố tình đem thức ăn dở để làm xúc não ta, khiến ta phải ăn uống cực khổ. Ta phải làm sao hại lại mới duve?” Tỳ-kheo Từ Địa có một cô em gái là Tỳ-kheo-ni tên Mật-đa-la đang ở trong chúng Tỳ-kheo-ni nơi vườn nhà vua thuộc thành Vương Xá. Tỳ-kheo-ni Mật- đa-la đi đến chỗ Tỳ-kheo Từ Địa, cúi đầu lễ chân Từ Địa rồi đứng một bên. Tỳ-kheo Từ Địa không nhìn đến cũng không mở lời.

KINH TẠPA-HÀM 847

Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la nói với Tỳ-kheo Từ Địa: Thưa Thượng tọa! Vì sao Thượng tọa không ngó ngàng và chẳng nói chuyện với tôi? Tỳ-kheo Từ Địa nói: Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la tử nhiều lần đem thức ăn thô dở để làm xúc não tôi, khiến tôi ăn uống cực khổ; còn cô thì cứ bỏ mặc tôi. Tỳ-kheo-ni nói: -Sẽ làm thế nào đây? Tỳ-kheo Từ Địa nói: Cô hãy đến Thế Tôn thưa như vầy: "Thua Thế Tôn! Tỳ-kheo Đà-phiêuma-la tử là kẻ phi pháp, không ra gì, đã cùng con làm điều trái Phạm hạnh, phạm tội Bala-di." Tôi sẽ làm chứng và nói: "Thua Thế Tôn! Đúng như lời em gái con đã nói?5 Tỳ-kheo-ni nói: Thưa Thượng tọa! Tại sao tôi lại đem tội Ba-la-di để vu báng cho Tỳ-kheo Phạm hạnh? Tỳ-kheo Từ Địa bảo: Nêu cô không làm như the, tôi và cô từ nay cham dứt tình anh em? cô đừng lui tới đây đe chuyện trò, thăm hỏi nhau nữa. Tỳ-kheo-ni im lặng một hồi, suy nghĩ rồi nói: -Thượng tọa khiến tôi làm như thế, tôi sẽ vâng theo lời dạy. Tỳ-kheo Từ Địa bảo: Cô hãy đợi tôi đi đến Thế Tôn trước, cô sẽ đi theo sau.

Tỳ-kheo Từ Địa đi đến chỗ Phật cúi đầu đảnh lễ rồi lui đứng một bên. Tỳ- kheo-ni Mật-đa-la đi theo sau, đảnh lễ Phật rồi lui ngòi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Sao lại có một kẻ bất thiện, không ra gì. Đà-phiêu-ma-la tử đối với tôi làm điều trái Phạm hạnh, phạm tội Ba-la-di! Tỳ"kheo Từ Địa lại bạch Phật: Như lời nói của em gái con, trước đây con cũng đã biết. Bay giờ, Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la tử đang ở giữa đại chúng.

Khi ấy, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la tử: -Ông có nghe lời nói này không? Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la tử nói: Bạch Thế Tôn! Con đã nghe.

Phật bảo Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la tử: -Hôm nay thầy như thế nào?

Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la tử bạch Phật: -Như Thế Tôn đã biết, như Thiện Thệ đã biết. Phật bảo Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la tử: Thầy nói như Thế Tôn đã biết, nay chẳng hợp thời. Bây giờ thầy có nhớ thì nói là nhớ, không nhớ thì nói là không nhớ. Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la tử nói: Con không tự nhớ. Trong lúc đó Tôn giả La-hầu-la đang đứng phía sau cầm quạt hầu Phật, bạch Phạt: Bạch Thế Tôn! Người bất thiện, không ra gì chính là Tỳ-kheo-ni nói: "Tôn giả Đà-phiêu-ma-la tử cùng với toi làm điều trái Phạm hạnh5\ và Tỳ-kheo Từ Địa nói: "Thua Thế Tôn! Đúng the! Trước đây con đã biết như em con đã n6i." Phật bảo La-hầu-la: -Bây giờ Ta hỏi La-hầu-la, tùy ý ông đáp lời Ta. Nếu Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đến nói với Ta rằng: "Thật là bất thiện, không ra gì, La-hầu-la cùng tôi làm điều trái Phạm hạnh, phạm tội Ba-la-di" Tỳ-kheo Từ Địa lại bạch với Ta: "Thưa Thế Tôn, đúng như vậy, trước đây con đã biết, như lời em gái con nói,, thì thầy sẽ làm thế nào? La-hầu-la bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Nếu con nhớ sẽ nói nhớ, nếu không nhớ sẽ nói không nhớ. Phật bảo La-hầu-la: Kẻ ngu si như thầy còn nói được những lời này, huống chi Đà-phiêu-ma- la tử là Tỳ-kheo thanh tịnh, cớ sao không nói được những lời như vậy? Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Đối với Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la tử nên để vị này tự nhớ, còn Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la nên để cô tư nói lời sám hối diệt tội, và Tỳ-kheo Từ Địa thì Tăng sẽ cật lực quở trách, răn dạy: "ông thấy thế nào? Thấy ở đâu? Do nhân gì ông đi đền thay?" " -

Thế Tôn dạy như vậy xong, Ngài rời chỗ ngồi đứng lên vào phòng tọa thiền. Khi ấy, các Tỳ-kheo để cho Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la tử tự nhớ lại, Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la được cho tự nói lỗi lầm, sám hối; còn đối với Ty-kheo Từ Địa thì Tăng khéo léo quở trách, can ngăn, dạy rằng: "Ong thấy thế nào? Thấy ở đâu? Do nhân gì đi đến thấy?" Trong khi can ngăn như thế, Tỳ-kheo Từ Địa nói rằng: uĐà-phiêu-ma-la tử không làm điều trái Phạm hạnh, không phạm tội Ba-la-di? nhimg Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la tử đã ba phen cho tôi thức ăn tệ, đáng SỌT, khiến tôi ăn uống cực kho, nên tôi đoi với Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la tử đầy giận ghét, ngu si, sợ hãi, nên cố ý nói như thế, chứ thật ra Đà-phiêu-ma-la tử là người thanh tịnh, vô tội.^,

Chiều hôm ấy, Thế Tôn từ thiền đinh ra, đến trước đại chúng trải tòa, ngồi xuống. Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Chúng con đã cho Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la tử nhớ lại, Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la được tự nói hết lỗi lầm sám hối, và đối với Tỳ-kheo Từ Địa thì khéo léo quở trách, can ngăn... Tỳ-kheo ây nói răng: '6Đà-phiêu-ma-la tử thanh tịnh, vô t&i." Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Vì sao ngu si đến thế? Chỉ vì việc ăn uống, biết thế mà phải cố vọng ngữ.

LÚC ay, The Ton liên noi kẹ:

M

Nêu hay xả một pháp Biêt mà cô vọng ngữ
Chẳng kể gì đời sau Điêu ác nào chăng làm.
Thà ăn viên sắt nóng Như lửa than cháy hừng
Không vì phạm giới cấm Ăn của thí cho Tăng.
Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1076 Tôi nghe như vày: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Đà-phiêu-ma-la tử đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật rồi lui đứng một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con xin ở trước Phật vào Bát-niết-bàn. Thế Tôn im lặng, Tôn giả ba lần bạch như thế. Phật bảo Đà-phiêu-ma-la tử: Các hành pháp hữu vi đều như thế cả.

Khi ấy Tôn giả Đà-phiêu-ma-la tử liền ở trước Phật nhập tam-muội. Trong chánh định Tôn giả hướng về phương Đông bay lên hư không hiện bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, vào trong lửa tam-muội, dưới thân phát ra lửa, cả thân rỗng sáng. Ánh sáng chiếu khắp các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, hồng, dưới thân ra lửa, trở lại thiêu thân, trên thân ra nước rưới ướt trên thân, hoặc trên thân ra lửa thiêu đốt thân, dưới thân ra nước rưới ướt trên thân. Khắp cả mười phương hiện bày các sự biến hóa xong, Tôn giả liền ở trong hư không, trong thân phát ra lửa tự thiêu thân vào Vô dư Niết-bàn, tiêu tận, tịch diệt, khiến không còn sót một mảy bụi, ví như trong hư không thắp cây dèn, dầu, tim đều hết. Đà-phiêu- ma-la tử ở trong hư không đã nhập diệt, thân tâm đều bặt hết cũng như thế. Bây giơ, Thê Ton noi kẹ: Ví như đốt viên sắt, Lửa lóe sáng rực rỡ, Sức nóng dần dần mất Nào biết đi về đâu! Cũng thế, sự giải thoát Vượt bùn lầy phiền não

Các dòng đã dứt trọn Nào biết đi về đâu! Chóng đắc dấu bất động Nhập Vô dư Niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1077 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ương-cù-đa-la du hành nhân gian, trong rừng Kinh-đà-bà-lê-ca, Ngài trông thấy người chăn trâu, người chăn dê, người nhặt củi, cỏ và các người làm việc khác. Họ trông thấy Thế Tôn đang đi trên đường, đều vội vàng bạch Phật: Thưa Thế Tôn, chớ đi theo con đường này. Trước đây có tên cướp Ươngcù-lợi-ma-la chuyên môn khủng bô người ta. Đức Phật nói với các người này: Ta không sợ hãi. Nói xong, Ngài cứ theo con đường ấy mà đi. Họ nói đi nói lại đến ba lần, đức Phật vẫn cứ đi. Từ xa Phật trông thấy Ương-cù-lợi-ma-la, tay cầm dao chạy thẳng đến. Thế Tôn dùng thần lực hiện thân đi từ từ khiến cho ương-cù-lợi-mala chạy như bay cũng không kịp, chạy theo đến mệt đuối, ương-cù-lợi-ma-la xa noi vơi The Ton: Đứng lại, đứng lại, đừng đi! The Ton vừa đi vừa đáp: Ta luôn dừng, ông tự chẳng dừng!

Lúc ấy ương-cù-lợi-ma-la nói kệ:
Sa-môn còn chạy đi Mà nói: "Ta luôn dừng”
Nay tôi mệt mỏi, dừng, Nói rằng: “Ong chẳng dừng."
Á nn A 1 -í- z
The Ton lại nói kê đáp:

ương-cù-lợi-ma-la Ta nói Ta thường dừng,
Với tất cả chúng sanh, Đã dừng mọi đao trượng.
Ông khủng bố chúng sanh, Nghiệp ác không chịu dừng.
Với tất cả côn trùng, Ta dứt dùng dao gậy.
Với côn trùng bé nhỏ, Ông bức bách, đe dọa5
Cố tạo nghiệp hung ác, Trọn chẳng lúc nào thôi.
Ta nơi tất cả thời, Dừng thôi mọi đao trượng,
Ông đối với các thời, Luôn làm kho, bức bách,
Tạo tác hắc ác nghiệp, Đen nay không dừng nghỉ.
Ta dừng nơi tự pháp, Tất cả không phóng dật,
9
Ông chẳng thấy tứ đế, Nên chăng dừng buông lung.

ương-cù-lợi-ma-la nói kệ bạch Phật: Lâu mới thấy Mâu-ni, Nên theo đường chạy đuổi, Nay nghe lời vi diệu, Sẽ bỏ điều ác xưa. Nói ra như the roi, Liền buông bỏ dao gậy? Dập đầu dưới chân Phật, Xin cho con xuất gia. Phật đầy lòng từ bi, Đại tiên tràn thương xót, Gọi Tỳ-kheo thiện lai Xuất gia thọ Cụ túc. Ương-cù-lợi-ma-la sau khi xuất gia, thường một mình ở chỗ vắng, chuyên tâm tư duy lý do khiến người con nhà quý phái cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chánh tín xuất gia, không nhà, học đạo, tinh tấn tu Phạm hạnh, hiện pháp tự biết tác chứng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, tự biết không thọ thân sau." Lúc ấy Ương-cù-lợi-ma-la đắc quả A-la-hán, giác ngộ, giải thoát, hy lạc, Ton giả liên noi kẹ: vốn mang tên "Bất Hại" Mà lại sát hại nhiều Nay được tên “Kiến Bế" Xa lìa sự tôn, sát. Thân không giết, không hại Miệng, ý cũng như thế Nên biết “chơn bất sáf\ Chẳng bức bách chúng sanh. Rửa sạch tay vây máu, Gọi là Ương-ma-la9 Trôi nổi giữa dòng sâu Tam quy làm dừng bặt. Quy y Tam bảo xong, Xuất gia được Cụ túc, Thành tựu được Tam minh, Điều Phật dạy đã làm. Chăn trâu dùng gậy đánh, Điều voi dùng móc sắt, Chẳng dùng đến gươm đao, Đúng mức điều trời, người Dao bén nhờ đá mài, Tên thẳng nhờ lửa ấm, Chặt gậy nhờ búa rìu, Tự điều nhờ trí tuệ. Người trước kia phóng dật, Sau đó hay tự kềm, Sẽ soi sáng thế gian, Như mây tan trăng hiện. Người trước kia phóng dật, Sau này hay tự kiểm, Nơi dòng đời ân ái, Chánh niệm mà vượt ra. Người tuôi trẻ xuất gia, Siêng tu lời Phật dạy, Sẽ soi sáng the gian, Như mây tan trăng hiện. Người tuổi trẻ xuất gia, Siêng tu lời Phật dạy, Nơi dòng đời ân ái? Chánh niệm để siêu xuất. Nếu thoát các nghiệp ác, Chánh thiện hay khiến diệt, Sẽ soi sáng thế gian, Như mây tan trăng hiện. Trước người tạo nghiệp ác, Chánh thiện hay khiến diệt, Nơi dòng đời ân ái, Chánh niệm hay siêu xuất. Tôi đã làm nghiệp ác, Chắc hướng đến đường ác, Đã nhận lấy báo ác, Nợ trước vay đã trả. Nếu người oán ghét tôi, Được nghe Chánh pháp này,

Được pháp nhãn thanh tinh. Tôi tu hạnh nhẫn nhục. Chẳng còn khởi tranh cãi, Nhờ ân lực của Phật, Tôi hiền lành, nhẫn nhục, Cũng thường khen ngợi nhẫn, Tùy thời được

nghe pháp, Nghe rồi tu hành theo. Phật nói kinh này xong, Ương-cù-lợi-ma-la nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1078 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bây giờ, có một Tỳ-kheo kia, lúc sáng sớm đi ra bên bờ sông Tháp-bô, cởi y phục để trên bờ, xuống sông tắm rửa, tắm xong lên bờ khoác sơ một cái y đợi thân khô. Khi ấy có một vị thiên tử từ thân tỏa ra ánh sáng, chiếu sáng bên sông Tháp- bổ, bảo Tỳ-kheo rằng: Ông trẻ tuổi xuất gia! Da trắng tóc đen, đang ở vào lứa tuổi tươi đẹp, ông nên hưởng thụ ngũ dục, nên trang nghiêm chuỗi ngọc, xức dầu thơm, đeo tràng hoa, tự vui sướng với năm dục, nhưng sao bây giờ lại trái với người thân, quay limg với thế tục, khiến họ phải khóc lóc biệt ly, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo? Sao lại xả bỏ cái vui hiện tại mà tìm các lợi ích không hợp thời? Tỳ-kheo đáp: -Tôi không xả bỏ cái vui hiện tại để tìm cầu cái vui không hợp thời. Thật ra chính tôi đang xả bỏ cái vui không hợp thời, được niềm vui hiện tại. Thiên tử hỏi Tỳ-kheo: The nào là xả bỏ cái vui không hợp thời, được niềm vui hiện tại?

Tỳ-kheo đáp: -Như Thế Tôn nói, dục phi thời ít vui nhiều khổ, ít lợi nhiều nạn. Tôi đối với các pháp hiện tại đã lìa sự ham muốn, chẳng đợi thời tiết, hay tự thông đạt, hiện tiền quán sát nhờ tự tri giác. Thưa thiên tử! Như thế gọi là xả bỏ cái vui phi thời, được niềm vui hiện tại. Thiên tử lại hỏi Tỳ-kheo: -Làm sao Như Lai lại nói dục phi thời ít vui, nhiều khổ, thế nào Như Lai cũng nói đến hiện pháp lợi lạc... tự giác tri? Tỳ-kheo đáp: -Tôi trẻ tuổi xuất gia, không thể nói rõ hết ý nghĩa của Chánh pháp, Luật của Như Lai. Thế Tôn đang ở trong Vườn Trúc Ca-lan-đà gần đây, Ngài có thể đen hỏi The Ton điêu nghi ngơ. The Ton sẽ noi, tuy y Ngai lãnh thọ.

KINH TẠPA-HÀM 853

Thiên tử lại nói: Này Tỳ-kheo! Nơi chỗ Như Lai đang có chư thiên các phương vây quanh. Tôi trước chưa hỏi, không dễ gì đến được. Tỳ-kheo! Nếu có thể vì tôi bạch trước với Thế Tôn, tôi sẽ đi theo. Tỳ-kheo đáp: -Tôi sẽ vì Ngài đi đây. Thiên tử thưa với Tỳ-kheo: Vâng, Tôn giả di, tôi đi theo sau Tôn giả. Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, lui đứng một bên; tường thuật lại đầy đủ cuộc vấn đáp với thiên tử cho Thế Tôn nghe và bạch: -Bạch Thế Tôn! Vi thiên tử này nếu là người thành thật chốc lát sẽ đến, nếu không thành thật sẽ không đến. Lúc ấy có tiếng nói của thiên tử từ xa vọng lại: Ty-kheo! Toi đen đay. Toi đã đen đây roi.

Bay giơ, The Ton liên noi kê:
Chúng sanh theo ái tưởng, Do ái tưởng mà trụ,
Vì chẳng biết đến ái, Thời là phương tiện chết.
Phật bảo thiên tử:
-Ông giải thích bài kệ này rồi có thể hỏi.
Thiên tử bạch Phật:
 Thưa Thế Tôn! Con không hiểu. Thưa Thiện Thệ! Con không hiểu.
Đức Phật nói kệ bảo thiên tử:
Nếu biết điều yêu tiúch, Không sanh yêu thích nó?

Kia, đây không có gì, Người khác không thể nói.
Phật bảo thiên tử:
Ong hiêu nghĩa này roi có thê hỏi câu khác.
Thiên tử bạch Phật:
-Thưa Thế Tôn! Con không hiểu. Thưa Thiện Thệ! Con không hiểu.
Đức Phật lại nói kệ:
Ai thấy bằng, hơn, kém, Ắt có ngôn luận sanh,
Ba việc chẳng khuynh động, Thì hòa thuận hơn hết.
Phật bảo thiên tử:
Hiểu được nghĩa này thì có thê hỏi.
Thiên tử bạch Phật: -Thưa Thế Tôn! Con không hiểu. Thưa Thiện Thệ! Con không hiểu.

Phật lại nói kệ:
Đoạn ái và danh sắc5 Trừ mạn, không ràng buộc,
Tịch diệt, dừng sân nhuế, Lìa kiết, bặt hy vọng,
Chẳng thấy nơi trời, người, Đời này và đời khác.
Phật bảo thiên tử:
Ông hiểu nghĩa này rồi mới nên hỏi.
Thiên tử bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Con đã hiểu. Thưa Thiện Thệ! Con đã hiểu.

Phật nói kinh này xong, thiên tử nghe lời Phật dạy, hoan hy, tùy hỷ, biến mất.

KINH SỐ 1079 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá? trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có Tỳ-kheo kia cuối đêm đến bên bờ sông Tháp-bổ cởi áo để trên bờ, xuống sông tắm rửa, tắm xong trở lên bờ khoác sơ một cái y đợi thân khô. Lúc ấy có một thiên tử thân tỏa ánh sáng chiếu khắp bờ sông Tháp-bổ? đến hỏi Tỳ-kheo rằng: Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Đây là gò mả ban đêm bốc khói, ban ngày lửa cháy. Người Bà-la-môn kia thây nói răng: "Hãy phá cái mộ này, khai quật là người trí, và dùng gươm dao.^, Lại thây con rùa lớn, Bà-la-môn thây roi nói: 'Thải trừ con rùa này, khai quật là người trí, và dùng gươm dao." Lại thấy có cù lâu, Bà- la-môn thấy rồi nói: “Vứt cù lâu này, khai quật là người trí, và dùng gươm dao." Lại thây có khúc thịt, Bà-la-môn thây roi nói: "Hãy phá hoại chô giêt chóc này, khai quật lên là người trí, và dùng gươm dao." Lại thấy có lăng-kỳ, Bà-la-môn thấy rồi nói: "Dẹp bỏ lăng-kỳ này, khai quật là người trí, và dùng gươm dao." Lại thây có hai đường, Bà-la-môn thây roi nói: "Dẹp bỏ hai đường này, roi khai quật lên là người trí, và dùng gươm dao." Lại thấy có một cánh cửa, Bà-la-môn thấy rồi nói: "Dẹp cánh cửa này, khai quật lên là người trí, và dùng gươm dao.” Lại thây có con rông lớn, Bà-la-môn thây roi nói: "Dừng lại, chớ dẹp con rông to, phải nên cung kính.” Này Tỳ-kheo! Ông hãy đem luận này đến hỏi Thế Tôn, như lời Phật dạy, ông theo đó thọ trì. Vì sao? Vì trừ Như Lai ra, tôi có tâm ưa thích, vui mừng đôi với luận này. Nêu các đệ tử nhờ nghe tôi nói, sau đó mới có thê nói được. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo được luận này từ thiên tử ấy xong, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật

rồi lui ngồi một bên. Tỳ-kheo đem các luận của thiên tử kia hỏi Á rin The Ton: -Bạch Thế Tôn! Thế nào là gò mả? Thế nào là đêm thì bốc khói? Thế nào là ngày thì lửa cháy? Thế nào là Bà-la-môn? Thế nào là khai quật? Thế nào là

người trí? Thế nào là gươm dao? Thế nào là con rùa lớn? Thế nào là cù lâu? Thế nào là khúc thịt? Thế nào là chỗ giết chóc? Thế nào là lăng-kỳ? Thế nào là hai đường? Thế nào là cánh cửa? Thế nào là rồng to? Phật bảo Tỳ-kheo: -Gò mả nghĩa là cái thân sắc tứ đại thô phù của chúng sanh bẩm thọ di thể của cha mẹ, ăn uống, y phục che chở, tắm rửa trau chuốt, nuôi đường, tất cả đều là pháp biến hoại, ma diệt. Ban đêm bốc khói nghĩa là có người giữa đêm thức dậy tùy giác tùy quán. Ban ngày lửa cháy nghĩa là thực hành theo lời dạy tạo các nghiệp thân, miệng. Bà-la-môn nghĩa là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Khai quật nghĩa là nỗ lực tinh tấn. Người trí nghĩa là đa văn Thánh đệ tử. Gươm dao là gươm dao trí tuệ. Con rùa lớn nghĩa là năm cái. Cù lâu nghĩa là phẫn hận. Khúc thịt là bon xẻn, tật đố. Giết chóc nghĩa là công năng năm dục. Lăng-kỳ nghĩa là vô minh. Hai đường là nghi hoặc. Cánh cửa là ngã mạn. Con rông to là bậc Lậu tận A-la-hán. Như thế, này Ty-kheo, nếu Đại sư vì nghĩ đến việc làm của các Thanh văn bi nguyện, thương xót lây nghĩa an ủi. Đôi với thây, Ta đã làm roi các thây nên làm những việc cần làm, nên ở chỗ vắng trong rừng, trong nhà trống, chỗ núi non, nơi hẻo lánh, trong hang núi, v.v... trải cỏ hoặc lá cây đe ngoi, tư duy thiền định, không khởi buông lung, chớ để sau này phải hối tiếc. Được như thế là vâng theo lời Ta dạy. Phật liên nói kệ: Nói thân là gò mả, Giác quán đêm bốc khói, Nghiệp là lửa ban ngày, Bà-la-môn Chánh giác, Tinh tấn chăm khai quật, Người trí tuệ sáng suốt, Dùng gươm bén trí tuệ, Bậc thăng tiến, chán lìa, Năm "cAi" là rùa to5 Phẫn hận là cù lau, Xan tật là khúc thịt, Năm dục, nơi giết chóc, Vô minh là lăng-kỳ Nghi hoặc là hai đường, Cánh cửa hiện ngã mạn, Rồng, La-han lậu tận, Cứu cánh dứt các luận, Nên Ta nói như thế. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1080 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, nơi trụ xứ của tiên nhơn trong vườn Lộc Uyển. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Lúc ấy có một Tỳ-kheo khác vì không trụ tâm, tâm tán loạn, không gìn giữ các căn. Tỳ-kheo kia sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực, từ xa trông

thấy Thế Tôn vội thu nhiếp các căn nhìn thẳng mà đi. Thế Tôn nhìn thấy Tỳ- kheo kia nhiếp trì các căn, nhìn thẳng rảo bước đi, thấy rồi Phật vào thành. Khất thực xong, Ngài trở về tinh xá cất y, bát, rửa chân xong, vào phòng tọa thiền. Chiều hôm ấy sau khi xả thiền, Ngài vào trong Tăng chúng trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo: Sáng nay Ta đáp y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực thây có một vị Tỳ-kheo vì không trụ tâm nên tâm tán loạn, các căn buông thả, cũng đáp y, ôm bát vào thành khất thực. Tỳ-kheo ấy từ xa thoáng thấy Ta liền vội vàng tự nhiếp trì, đây là ai vậy? Khi ấy vị Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng lên sửa lại y phục, đến trước Phật, trật vai áo bên phải,

chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con sáng sớm vào thành khất thực, tâm tán loạn, không thu nhiếp các căn, con đang đi thoáng thấy Thế Tôn từ xa, con liền tự thúc liễm tâm, nhiếp trì các căn. Phật bảo Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Thầy thấy Ta rồi có thể tự thúc liễm tâm và nhiếp trì các căn. Này Tỳ-kheo! Pháp này phải nên như thế. Nếu thấy Tỳ-kheo cũng nên tự nhiếp trì. Nếu lại thấy Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cũng nên nhiếp trì các căn như thế sẽ được lợi ích, an ổn5 khoái lạc, lâu dài. Bấy giờ, trong chúng có một Tỳ-kheo khác nói kệ khen ngợi: Với tâm kia mê loạn, Không chuyên trụ hệ niệm, Sáng sớm mang y bát, Vào thành ấp khất thực, Dọc đường thấy Đại sư, Đầy oai đức, dung nghi, Vui mừng sanh tàm, quý, Liền nhiếp trì các căn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1081 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã. Bấy giờ?Thế Tôn sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Lúc ấy, có Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành khất thực, Tỳ-kheo đến đứng dưới cội cây bên đường khởi giác tưởng bất thiện do nương nơi ác tham. Thế Tôn trông thấy Tỳ-kheo kia đứng dưới cây khởi giác tưởng bất thiện do nương ác tham ăn, nên Phật bảo Tỳ-kheo rằng: -Này Tỳ-kheo! Tỳ-kheo chớ gieo trồng hạt giống khổ, ủ dần dần rồi phát sinh ra chất nước hôi thối ri chảy. Nếu Tỳ-kheo trồng hạt giống khổ, tự phát sinh ra chất nước hôi thối ri chảy mà muốn khiến cho ruồi nhặng không tranh nhau bu lại, là không thể được.

thấy Thế Tôn vội thu nhiếp các căn nhìn thẳng mà đi. Thế Tôn nhìn thấy Tỳ- kheo kia nhiếp trì các căn, nhìn thẳng rảo bước đi, thấy rồi Phật vào thành. Khất thực xong, Ngài trở về tinh xá cất y, bát, rửa chân xong, vào phòng tọa thiền. Chiều hôm ấy sau khi xả thiền, Ngài vào trong Tăng chúng trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo: Sáng nay Ta đáp y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực thây có một vị Tỳ-kheo vì không trụ tâm nên tâm tán loạn, các căn buông thả, cũng đáp y, ôm bát vào thành khất thực. Tỳ-kheo ấy từ xa thoáng thấy Ta liền vội vàng tự nhiếp trì, đây là ai vậy? Khi ấy vị Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng lên sửa lại y phục, đến trước Phật, trật vai áo bên phải, chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con sáng sớm vào thành khất thực, tâm tán loạn, không thu nhiếp các căn, con đang đi thoáng thấy Thế Tôn từ xa, con liền tự thúc liễm tâm, nhiếp trì các căn. Phật bảo Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Thầy thấy Ta rồi có thể tự thúc liễm tâm và nhiếp trì các căn. Này Tỳ-kheo! Pháp này phải nên như thế. Nếu thấy Tỳ-kheo cũng nên tự nhiếp trì. Nếu lại thấy Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cũng nên nhiếp trì các căn như thế sẽ được lợi ích, an ổn5 khoái lạc, lâu dài. Bấy giờ, trong chúng có một Tỳ-kheo khác nói kệ khen ngợi: Với tâm kia mê loạn, Không chuyên trụ hệ niệm, Sáng sớm mang y bát, Vào thành ấp khất thực, Dọc đường thấy Đại sư, Đầy oai đức, dung nghi, Vui mừng sanh tàm, quý, Liền nhiếp trì các căn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1081 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã. Bấy giờ?Thế Tôn sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Lúc ấy, có Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành khất thực, Tỳ-kheo đến đứng dưới cội cây bên đường

khởi giác tưởng bất thiện do nương nơi ác tham. Thế Tôn trông thấy Tỳ-kheo kia đứng dưới cây khởi giác tưởng bất thiện do nương ác tham ăn, nên Phật bảo Tỳ-kheo rằng: -Này Tỳ-kheo! Tỳ-kheo chớ gieo trồng hạt giống khổ, ủ dần dần rồi phát sinh ra chất nước hôi thối ri chảy. Nếu Tỳ-kheo trồng hạt giống khổ, tự phát sinh ra chất nước hôi thối ri chảy mà muốn khiến cho ruồi nhặng không tranh nhau bu lại, là không thể được.

KINH TẠPA-HÀM 857

LÚC đó? Tỳ-kheo kia nghĩ rằng: "Thế Tôn biết được niệm ác trong tâm ta." Tỳ-kheo liền cảm thấy sợ hãi, chân lông đều dựng đứng. Bấy giờ, Thế Tôn sau khi vào thành khất thực, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân rồi vào phòng tọa thiền. Chiều hôm ấy, xả thiền xong, đức Phật vào trong Tăng chúng trải tòa ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo: Sáng sớm này Ta đắp y, ôm bát vào thành khất thực trông thấy một Tỳ- kheo đưng dưới cây sanh giác tưởng bất thiện, nương theo ác tham ăn. Thấy như thế, Ta liền bảo rằng: í4Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Chớ có gieo trồng hạt giống khổ, ủ dần dần sanh ra chất nước hôi thối rỉ chảy. Nếu có Tỳ-kheo gieo hạt giống khổ, ủ dần dần sanh ra chất nước hôi thối rỉ chảy mà ruồi nhặng không bu lại, việc này không thể có duve." Ty-kheo kia tự suy nghĩ: 'Thật đã biết được tâm niệm của ta." Tỳ-kheo cảm thấy hổ thẹn, sợ hãi đến dựng chân lông, lặng lẽ theo đường rảo bước. Khi ấy, có một Tỳ-kheo khác từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục, bày vai áo bên phải, chắp tay bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Thế nào là hạt giống khổ? Thế nào là sanh hôi thối? Thế nào là nước rỉ chảy? Thế nào là ruồi nhặng? Phật bảo Tỳ-kheo: Phẫn nộ, phiền oán gọi là hạt giống kho. Chất vị ngũ dục gọi là sanh hôi thoi. Đoi với sáu xúc nhập xứ không nhiếp luật nghi gọi là chất nước rỉ chảy, nghĩa là đã không nhiếp xúc nhập xứ thì các tâm ác5 bất thiện, tham ưu đua nhau sanh, đây gọi là ruồi nhặng. HTM _ Ặ _ • *1 Ạ nn A _ The Ton noi kẹ: Tai mắt không phòng hộ, Tham dục theo đó sanh, Đây gọi là giống khổ, Tươm chảy nước hôi hám, Khí vị các giác quán, Nương nơi tham dục ác? Nơi làng xóm, chỗ vắng, Ban ngày hoặc ban đêm, Xa lìa tu Phạm hạnh, Cứu cánh giải thoát kho, Nếu nội tâm tịch tịnh, Quyết định biết chân thật, Thức ngủ thường an lạc, Ruồi nhặng ác tiêu mất, Gần gũi bậc Chánh si, Khéo nói đường Hiền thánh, Biết rõ bát chánh đạo, Chẳng trở lại thọ thân. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1082 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong, Thế Tôn trở về tinh xá9 rửa chân rồi vào rừng An-đà tọa thiền.

858 KINH TẠPA-HÀM

Khi ấy, có một Tỳ-kheo khác cũng sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá- vệ khất thực. Khất thực xong vị ấy trở về tinh xá, rửa chân và vào rừng An-đà ngồi bên gốc cây nhập định lúc ban ngày. Trong khi Tỳ-kheo này nhập định lúc ban ngày chợt có ác giác, bất thiện giác khởi lên, nương nơi tâm tham dục. Khi ấy có thiên thần nương ở tại rừng An-đà nghĩ thầm: "Tỳ-kheo này là kẻ bất thiện, không ra gì, ở trong rừng An-đà ngồi thiền mà khởi giác bất thiện, tâm nương vào ác tham, ta nên đến quở tr§ch." Nghĩ

xong, thiên thần đi đến nói với Tỳ-kheo: Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Ông đang nổi ghẻ bướu phải không?

Tỳ-kheo đáp: Sẽ trị khiến cho bớt.

Thiên thần bảo Tỳ-kheo: Ghẻ bướu như cái vạc sắt làm sao có thể lành được?

Tỳ-kheo bảo: -Chánh niệm, chánh trí đủ có thể lành bệnh. Thiên thần khen: -Tốt lắm! Hay lắm! Đây là phương pháp chân thật trị bệnh của Hiền thánh, trị bệnh theo cách này cuối cùng có thể bớt đi nhiều, cho đến bệnh không còn phát lại nữa. Chiều hôm ấy, Thế Tôn xả thiền xong, trở vào rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc, vào trong Tăng chúng trải tòa ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo: Sáng sớm nay Ta đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, khất thực xong trở về rừng An-đà tọa thiền nhập định. Có một Tỳ-kheo cùng đi khất thực rồi trở về rừng An-đà ngồi bên gốc cây nhập định, nhimg Tỳ-kheo đó khởi bất thiện giác, tâm nương nơi ác tham. Lúc ấy, vị thiên thần đang cư trú ở rừng An-đà đến nói với Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Ông đang nổi ghẻ bướu phải không?... (nói rộng như trên)... Tốt lắm! Hay lắm! Đây là cách trị bệnh chân thật của Hiền thánh. Bay giơ, Thê Tôn noi kệ: Người làm nổi ghẻ bướu, Tự sanh ra đau đớn, Mong cầu dục thế gian, Tâm nương vào ác tham, Do vì sanh ghẻ bướu, Ruồi nhặng tranh nhau đến. Ghẻ bướu là tham cầu, Ruồi nhặng là ác giác, Cùng các tâm tham dục, Thảy đều từ ý sanh, Dùi khoét tâm con người, Đe cau hoa danh lợi. Lửa dục chuyên thiêu đốt, Vọng tưởng, bất thiện giác, Thân tâm ngày đêm suy, Xa lìa đạo tịch tinh. Nếu nội tâm tịch tinh, Trí quyết định sáng suốt, Không còn ghẻ bướu kia, Thấy đường Phật an ổn?

KINH TẠPA-HÀM e 859

Dấu vết Chánh sĩ theo, Hiền thánh khéo tuyên nói, Con đường trí sáng biết, Không còn thọ các hữu. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1083 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Tỳ-xá-ly, nơi giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu. Bây giờ, có chúng nhiêu Tỳ-kheo sáng sớm đáp y, ôm bát vào thành Tỳ-xá- ly khất thực. Trong khi đó có một Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, chẳng biết rành Pháp, Luật, lúc đi khất thực không biết thứ tự trước sau. Các Tỳ-kheo thấy vậy liền nói với Tỳ-kheo ấy: Chú còn trẻ tuổi, mới xuất gia, chưa biết Pháp, Luật không nên đi trước, không nên đi ngang, đi khất thực không theo thứ tự trước sau, như vậy chú sẽ luôn luôn không được lợi ích. Tỳ-kheo trẻ tuổi ấy nói: Các Thượng tọa cũng vượt thứ lớp, không đi theo trật tự, nào phải chỉ một mình tôi. Các Tỳ-kheo ba lần nhắc nhở nhưng vẫn không thể ngăn được. Các Tỳ-kheo đi khát thực xong, trở vê tinh xá cất y bát, rửa chân xong, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật và lui ngồi một bên? bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chúng con sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Tỳ-xá-ly khát thực, có một Tỳ-kheo trẻ tuôi nơi Pháp, Luật này xuất gia chưa bao lâu, khi đi khất thực không theo thứ tự trước sau, hoặc đi ngang. Các Tỳ-kheo đã ba lần can ngăn nhưng vẫn không chịu nghe theo, lại còn nói rằng: "Các Thượng tọa cũng không có thứ tự sao lại rây t6i." Các Tỳ-kheo chúng con ba lân răn nhác, nhưng Tỳ-kheo ây chăng nghe nên chúng con đên đây bạch Thê Tôn, xin Thê Tôn vì thương xót mà dẹp trừ điều phi pháp.

Phật bảo Tỳ-kheo: -Như trong đầm hoang trống trải, có một cái hố nước to, có một con long tượng lớn ở trong ây? nó nhô các cọng rê sen, rửa sạch bùn đát roi ăn, thân thê mập mạp, sung sức và khỏe khoăn. Vì lý do đó nên long tượng luôn luôn sông vui tươi, thoải mái. Có một con voi thuộc giông nòi khác, hình thê ôm yêu, nhỏ bé, bắt chước long tượng cũng nhổ cọng rễ sen, nhưng rửa không sạch, để còn lẫn với bùn đất mà ăn, ăn vào không tiêu, thân thể không mập mà trở thành gầy yêu, suy nhược đên gân chét, hoặc bệnh khô gân chét. Cũng thế, Tỳ-kheo tôn túc, đức độ học đạo, không ưa thích nô đùa vì tu Phạm hạnh đã lâu. Đạo sư khen ngợi các vị minh trí khác, người tu Phạm hạnh

lại càng được khen ngợi hơn. Các Tỳ-kheo này nương nơi thành phố, làng xóm, sáng sớm đắp y, ôm bát đi khất thực, khéo giữ gìn thân miệng, khéo nhiếp các căn, chuyên tâm hộ niệm, có thể khiến cho người không tin phát lòng tin, người có lòng tin sẽ không biến đổi. Tỳ-kheo dù được tài lợi, y phục, thức ăn uống, giường năm5 thuôc men, chăng nhiêm, chăng trước, chăng tham, chăng ham hố, không mê, không đeo đuổi, thấy được sự tai hại của lợi dưỡng, thấy sự xa lìa của lợi dưỡng rồi sau đó mới dùng thức ăn ấy, ăn xong thân tâm đều vui vẻ thoải mái, dung sắc tươi tốt, sức lực dồi dào. Do nhân duyên này Tỳ-kheo luôn luôn được an vui. Tỳ-kheo trẻ tuổi kia xuất gia chưa bao lâu, chưa rành Pháp, Luật, nên theo các bậc Trưởng lão nương ở trong làng xóm, đáp y? ôm bát vào trong thôn khát thực. Nếu không khéo hộ thân, không gìn giữ các căn, không chuyên buộc niệm thì không thê khiên cho người chưa tin phát lòng tin, người đã tin không thay đổi. Nếu Tỳ-kheo được tài lợi, y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, sanh nhiêm trước, tham lam, đeo đuôi theo, chăng thây tai hại, chăng thây sự xuât ly. Vì thọ thức ăn với tâm tham dục nên không thể làm cho thân được khỏe mạnh, 9 r 9 r r r

an ôn, sung sướng. Do ăn như thê nên chuyên hướng đên cái chét, hoặc đên chỗ gần íứiư chết. Nói là "ch&t" có nghĩa là xả giới, hoàn tục, mất Chánh pháp, Luật. Khổ gần như chết nghĩa là phạm Chánh pháp, Luật, chẳng biết tội tướng, chang biết trừ tội. pv Á • y rpil Á r-p /\ [• À 1 /\ Bay giơ, The Ton liên noi kẹ. Long tượng nhổ rễ sen, Rửa nước sạch rồi ăn, Voi khác giống bắt chước, Ăn rễ còn lẫn bùn, Do ăn nhằm bùn đất, Gầy yếu, bệnh đến chết. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1084 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, giữa nghĩa địa trong rừng lạnh. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Mạng sống rất ngắn ngủi, thoáng chốc trở thành đời sau. Các Tỳ-kheo nên siêng năng tu tập thiện pháp, tu các Phạm hạnh, chẳng có ai sanh mà không tử, nhưng người thế gian không siêng năng, cố gắng chuyên tu tập thiện pháp, tu hiền, tu nghĩa. Trong lúc đó Ma Ba-tuần nghĩ rằng: C6Sa-môn Cù-đàm trú ở thành Vương Xá? giữa nghĩa địa trong rừng lạnh, vì các vị Thanh văn nói pháp như thế. Mạng sống con người rất ngắn ngủi... chẳng tu hiền, tu nghĩa, nay ta nên đến nhiễu loạn.,^ Ma Ba-tuần liền hóa thành một chàng trai đi đến trước mặt Phật và nói kệ:

Thường bức bách chúng sanh, Được sông lâu cõi người, Mê say tâm phóng dật, Cũng chẳng đến chỗ chết. Lúc ấy Thế Tôn nghĩ thầm: "Bây là Ác ma đến làm não loạn." Phật liền nói kệ: Thường bức bách chúng sanh, Mạng sống thật ngắn ngủi, Nên tinh tấn siêng tu, Như cứu lửa cháy đầu. Chớ làm biếng chốc lát, Khiến ma chết chợt đến, Biết ngươi là Ác ma, Mau đi khỏi nơi đây. Thiên ma Ba-tuần suy nghĩ: "Sam6n Cù-đàm đã biết tâm ta." Ma lấy làm hổ thẹn, lo buồn, liền biến mất.

KINH SỐ 1085 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, giữa nghĩa địa trong rừng lạnh. Bay giờ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Tất cả hành vô thường, tất cả hành không thường hằng, không an, là pháp biến dịch chẳng dừng nghỉ,... nên dừng tất cả hành hữu vi, chán lìa, không ưa thích mà giải thoát. Lúc ấy Ma Ba-tuần nghĩ rằng: "Hiện nay Sa-môn Cù-đàm đang trú tại thành Vương Xá, trong rừng lạnh, vì các Thanh văn nói pháp như sau: 'Tất cả hành đều vô thường, chẳng thường hằng, chẳng an, là pháp biến dịch không dừng nghỉ, nên dừng tất cả hành hữu vi, chán lìa, chẳng ưa thích mà giải thoát.9 Ta sẽ đến quấy rối Ông ấy." Ma Ba-tuần hóa ra một thanh niên đi đến chỗ Phật, đứng trước Phật nói kệ: Mạng sống qua ngày đêm, Trôi mãi không cùng tận, Thọ mạng sẽ đến di, Cũng như bánh xe lăn. Khi đó Thế Tôn nghĩ thầm: "Bây là Ác ma muốn quấy r6i." Ngài liền nói kệ: Ngày đêm luôn dời đổi, Mạng sống theo đó giảm, Mạng người tạm tiêu mất, Cũng như dòng nước nhỏ, Ta biết ngươi, Ác ma, Hãy tự tiêu biến đi. Ma Ba-tuần suy nghĩ: "Sa-mồn Cù-đàm đã biết tâm ta." Ma lấy làm hổ y 9 r k

thẹn, lo buôn, biên mát.

KINH SỐ 1086 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn ban đêm dậy đi kinh hành, đến cuối đêm, rửa chân vào phòng ngồi ngay thẳng chuyên tâm hệ niệm.

Trong khi ấy Ma Ba-tuần nghĩ thầm: "Hiện nay Sa-môn Cù-đàm đang ở tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Ban đêm Ngài dậy đi kinh hành, đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng ngồi ngay thẳng hệ niệm thiền tư. Bây giờ ta sẽ đến nhiễu loạn." Ma liền hóa làm một thanh niên đứng trước Phật nói kệ: Tâm ta ở không trung, cầm dây dài buông xuống, Nhằm muốn trói Sa-môn5 Khiến ngươi chẳng thoát khỏi. Thế Tôn suy nghĩ: "Ac ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn Ta." Thế Tôn liền nói kệ: Ta nói ở thế gian, Năm dục, ý thứ sáu? Đối kia trọn đã lìa, Tất cả khổ đều dứt, Ta đã lìa dục kia, Tâm ý thức cũng diệt, Ba-tuân, Ta biêt ngươi, Mau đi khỏi nơi đây. Ma Ba-tuần nghĩ thầm: uSa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta." Ma xấu hổ? lo buồn, biến mất.

KINH SỐ 1087 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú ở nước Xá-ve, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn ban đêm dậy đi kinh hành cho đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng nằm nghiêng bên phải, hệ niệm vào tướng sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ tưởng đến sự thức dậy. Trong lúc ấy Ma Ba-tuần nghĩ thầm: "Hiện nay Sa-môn Cù-đàm đang ở tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà... nghĩ tưởng đến sự thức dậy, bây giờ ta sẽ đên ngăn trở quây ròi.95 Ma liền hóa ra một thanh niên đi đến trước Phật

nói kệ: Ngủ gì? Cớ sao ngủ? Đã diệt sao còn ngủ? Nhà trống làm sao ngủ? Được ra sao lại ngủ? Thế Tôn suy nghĩ: "Ac ma Ba-tuần muốn đến nhiễu loạn Ta." Phật liền nói kệ đáp: Lưới ái nên nhiễm trước, Không ái, ai lôi đi, Tận tất cả hữu dư, Chỉ Phật được ngủ yên, Ngươi, Ác ma Ba-tuần, Nơi đây, còn nói gì? Ma Ba-tuan nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta." Ma xấu hổ, lo buồn, biến mất.

KINH SỐ 1088 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ-xà quật.

KINH TẠPA-HÀM 863

Bấy giờ vào đêm tối, trời có lấm tấm mưa và vài tia chớp lóe lên. Thế Tôn ra khỏi phòng, đi kinh hành. Lúc ấy Ma Ba-tuần suy nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm hiện đang trú tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ-xà quật. Vào đêm tối trời lấm tấm mưa, vài tia chớp lóe lên, Sa-môn Cù-đàm ra khỏi phòng, đi kinh hành. Ta sẽ đến quấy rối ông ấy." Ma Ba-tuần liền cầm một khối đá to đùa giỡn trên hai tay, vừa đi đến trước Phật bóp nát thành bụi bặm. Bấy giờ Thế Tôn nghĩ thầm: "Ac ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn Ta", liền nói kệ: Nêu làm nát được núi, Kỳ-xà quật trước Ta, Đối chư Phật giải thoát, Chẳng làm động mảy lông. Giả sử trong bôn biên, Khiến tất cả núi non, Tan nát thành vi trần, Thân tộc của phóng dật, Cũng không thể dao động, Một sợi tóc Như Lai. Ma Ba-tuan nghĩ rằng: í6Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta"trong lòng lo buồn, biến mất.

KINH SỐ 1089 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ-xà quật. Bấy giờ vào lúc ban đêm, Thế Tôn dậy đi kinh hành cho đến cuối đêm, rửa chân vào phòng, thân ngồi ngay thẳng, hệ niệm ở trước. Lúc ấy Ma Ba-tuần nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm trú tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ-xà quật? ban đêm dậy đi kinh hành, cho đến cuối đêm mới vào phòng, thân ngồi ngay thẳng hệ niệm ở trước. Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại ông ấy." Ma liền hóa ra con rồng to quấn Phật bảy vòng, cất đầu lên cao đến đảnh Phật, thân như chiếc thuyền to, đầu như cái buồm rộng, mắt như lò đồng, lưỡi như điện chớp, hơi thở dữ dội như tiếng sấm. Thế Tôn suy nghĩ: "Ac ma Ba- tuần muốn nhiễu loạn", Phật liền nói kệ: Như ngôi nhà trống trải, Tâm Mâu-ni rỗng lặng, Xoay chuyển nơi trong đó, Thân Phật cũng như thế. Vô lượng rồng hung ác, Ruồi, muỗi, các côn trùng, Tụ lại ăn thân kia, Không thể động mảy lông. Phá nát nơi hư không, Nghiêng ngửa cả đại địa? Tất cả loài chúng sanh, Đều đến gieo sợ hãi, Gươm, mâu, dao, tên bén, Đều đến hại thân Phật, Như thế mọi bạo hại, Không thương tổn mảy lông.

864 KINH TẠP A-HÀM

Bấy giờ Ma Ba-tuần nghĩ rằng: "Sam6n Cù-đàm đã biết tâm ta", trong lòng lo lắng, liền biến mất.

KINH SỐ 1090 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, nơi núi Tỳ-bà-la, trong thất đá ở rừng Thất Diệp Thọ. Bấy giờ vào lúc ban đêm, Thế Tôn dậy hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành nơi trống trải, đến cuối đêm, rửa chân vào thất, nằm yên nghỉ ngơi, nghiêng bên phải, hai chân chồng lên nhau, hệ niệm vào tướng sáng, chánh trí, chánh niệm, nghĩ đến thức dậy. Lúc ấy Ma Ba-tuần nghi thầm: acSa-môn Cù-đàm

tru tại thành Vương Xá, nơi núi Tỳ-bà-la, trong that đá ở rừng Thất Diệp Thọ; Thế Tôn lúc ban đêm dậy hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành nơi trông trải, đên cuôi đêm, rửa chân vào thát, nằm yên nghỉ ngơi, nghiêng bên phải, hai chân chồng lên nhau, hệ niệm vào tướng sáng, chánh niệm, chánh trí, nghỉ đến lúc tỉnh thức. Bây giờ ta sẽ tới làm chướng ngại ông ấy.” Ma liền hóa ra một thanh niên đến trước Phật nói kệ: Vì do ta nên ngủ5 Nên đã là mé sau, Có nhiều tiền, của báu, Cớ sao giữ không nhà, Một mình không bè bạn, Mà mê đắm ngủ nghỉ. Thế Tôn suy nghĩ: "Ac ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn", lin nói kệ: Chẳng do ngươi nên ngủ, Chẳng phải mé sau cùng, Cũng không nhiều tiền của, Chỉ góp "báu vô ưu", Vì thương xót thế gian, Nghiêng hông phải nằm ngủ, Thức cũng chẳng nghi hoặc, Ngủ cũng chẳng sợ hãi. 9 9 9

Hoặc ngày, hoặc ban đêm, Chăng tăng, cũng chăng tôn, Vì thương chúng sanh ngủ, Nên không có tôn giảm, Dù lấy trăm mũi nhọn, Xuyên qua thân quấy động, vẫn được an ổn ngủ, Vì đã lìa nội thương. Ma Ba-tuần nghĩ lại: "Sa-môn Cù-đàm đã biết được tâm ta." Ma cảm thấy lo buồn, liền biến mất.

KINH SỐ 1091 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, nơi núi Tỳ-bà-la, trong thất đá ở rừng Thất Diệp Thọ. Bấy giờ có Tôn giả Cù-đề-ca cũng ở thành Vương Xá, trong nhà đá đen bên núi Tiên Nhơn, một mình tư duy: "Tu hạnh không phóng dật tự được nhiều lợi

ích." Khi ấy được ý giải thoát, thân tác chứng, thỉnh thoảng thối chuyển một, hai, ba, bôn, năm, sáu lần thối chuyển rồi trở lại được. Trong lúc thọ ý giải thoát, thân tác chứng, liền lại thối chuyển, Tôn giả Cù-đề-ca suy nghi: "Ta một mình ở chỗ vắng tư duy, hạnh chẳng phóng dật, siêng năng tu tập đe tự được lợi ích, khi được thời thọ ý giải thoát, thân tác chứng mà lại thỉnh thoảng còn thối chuyên cho đến sáu phen cũng còn thối chuyển. Bây giờ ta phải dùng dao tự sát chớ để cho thối chuyển lần thứ bảy." Lúc ấy, Ma Ba-tuần khởi niệm: "Sa-m6n Cù-đàm trú ở thành Vương Xá? trong hang đá ở rừng Thất Diệp Thọ, bên núi Tỳ-bà-la, có đệ tử là Cù-đề-ca ở Vương Xá trong nhà đá đen bên núi Tiên Nhơn, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, được thời thọ ý giải thoát, thân tác chứng, trải qua sáu lần thối chuyển rồi được trở lại. Tôn giả kia suy nghĩ: 'Ta đã sáu lần thối chuyển mà được trở lại, chớ để cho thối chuyển đến lần thứ bảy, thà ta dùng dao tự sát chớ đừng để thối chuyển lần thứ bảy nữa.5 Nếu Tỳ-kheo kia lấy dao tự sát, ta chớ khiến cho ông ấy tự sát để đi ra khỏi cảnh giới của ta. Bây giờ ta sẽ đến nói với Đại sư của ông ây." Ngay lúc ấy Ma Ba-tuần cầm lấy cây đàn tỳ-bà cán bằng lira ly vừa đi đến The Ton, vừa khay đan, noi kẹ: Đại trí, đại phương tiện, Tự tại, đại thần lực, Được đệ tử sáng chói, Mà nay muốn chết đi. Mâu-ni nên ngăn lại, Chớ để hắn tự sát, Nghe gì Phật, Thế Tôn, Chánh pháp, Luật Thanh văn, Đã học nhưng chẳng đắc, Mà muốn chết cho xong. Ma Ba-tuần nói dứt bài ke, Thế Tôn nói kệ đáp: r Ba-tuần loài phóng dật, Vì việc mình nên đên, Người đầy đủ kiên cố, Thường trụ diệu thiền định, 9 ỉ Ngày đêm luôn tinh tấn, Chăng nghĩ đên tính mạng, Thấy ba cối đáng sợ, Đoạn trừ ái dục kia, Đã tồi phục quân ma, Cù-đề Bát-niết-bàn, Tâm Ba-tuần buồn rầu, Tỳ-bà rơi xuống đất. Đã ôm áp ưu sâu, Liền biến mất chẳng hiện. Bây giơ, Thê Ton bao các

Ty-kheo: Các thầy hãy cùng Ta đến nhà đá đen bên núi Tiên Nhơn xem Tỳ-kheo Cù-đề-ca dùng dao tự sát. Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo đi đến nhà đá đen bên núi Tiên Nhơn, trông thấy Tỳ-kheo Cù-đề-ca đã tự sát nằm trên đất. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Các thầy có thấy Tỳ-kheo Cù-đề-ca tự sát, thân thể nằm trên đất không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chúng con đã thấy.

866 KINH TẠPA-HÀM

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Các thầy có thấy chung quanh thân thể Tỳ-kheo Cù-đề-ca bốc khói đen đầy khắp bốn phương chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Chúng con đã thấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Đây là Ác ma Ba-tuần ở bên thân của Cù-đề-ca, đi quanh tìm thần thức, nhưng Tỳ-kheo Cù-đề-ca không trụ tâm cầm dao tự sát. Khi ấy, Thế Tôn vì Tỳ-kheo Cù-đề-ca thọ ký lần đầu tiên. Bấy giờ, Ma Ba-tuần nói kệ: Trên dưới cùng các phương, Khắp tìm thần thức kia, Đều chẳng thấy nơi chốn, Cù-đề-ca về đâu? The Ton lại noi kê: Người kiên cố như thế, Tất cả chẳng mong cầu, Nhổ sạch gốc ân ái, Cù-đề Bát-niết-bàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1092 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại làng uất-tỳ-la, bên bờ sông Ni-liên-thiền, ngồi nơi cây Bồ-đề thành đạo chưa bao lâu. Bấy giờ, Ma Ba-tuần nghĩ thầm: "Hiện nay Sa-môn Cù-đàm đang trú tại làng uất-tỳ-la, bên bờ sông Ni-liên-thiền, ở nơi cây Bồ-đề thành đạo chưa bao lâu, ta sẽ đi đến làm chướng ngai?5 Ma Ba-tuàn hóa ra một thanh niên đi đến trước Phật và nói kệ: Một mình vào chỗ vắng, Thiền tư tinh tư duy, Xả đất nước, tài bảo, ở nơi đây, cầu gì? Nêu cau lợi xóm làng, Sao chẳng gần gũi người? Đã chẳng gần gũi người, Rốt cùng nào được gì? Thế Tôn suy nghĩ: "Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn", liền nói kệ: Đã được tài lợi lớn, Chí an ổn tịch diệt, Dẹp tan bọn quân ma, Chẳng vướng nơi sắc dục. Một mình riêng thiền tư, Nem vị thiền diệu lạc Vì thế chẳng cùng người, Quanh quẩn cùng gần gũi. Ma lại nói kệ: Cù-đàm nếu tự biết, Đạo Niết-bàn an ổn, Độc thiện, vui vô vi, Sao gượng giáo hóa người?

KINH TẠPA-HÀM 867

Phật lại nói kệ đáp: Chẳng phải điều ma ngăn, Hỏi về việc giải thoát, Ta giải đáp chơn chánh, Khiến người đắc Niết-bàn, Lúc được không phóng dật, Không bị ma sai sử. Ma lại nói kệ: Có đá như mỡ đặc, Chim chóc muốn tới ăn, Trọn chăng được mùi vị? Trầy mỏ trở về không, Ta nay cũng như thế, Uổng nhọc, về thiên cung. Nói xong trong lòng thiên ma cảm thấy lo buồn, tâm bỗng biến đổi, hối hận, cúi đầu sát đất, lấy ngón tay vẽ lên đất. Ma có ba người con gái: Người thứ nhất tên là Ái Dục, người thứ hai tên Ái Niệm, người thứ ba tên Ái Lạc đi đến chỗ Ma Ba-tuần nói kệ: Cha đang buồn lo gì, Con người đâu đáng lo Sĩ phu dây ái dục, Trói kia như điều voi, 9 .c Lôi đem đến trước cha, Đê tùy cha sai sử. Ma đáp lại con gái: Kia đã lìa ân ái, Dục không thể lôi kéo, Đã xa khỏi cảnh ma, Thế nên ta lo buồn. Khi ấy, ba con gái ma từ thân phóng ra lửa sáng rực lên như những tia chớp trong mây, đi đến chỗ Phật cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui đứng một

bên, bạch Phật: Nay con trở về dưới chân Thế Tôn, xin được hầu hạ, tuân lệnh Ngài sai sử.

Bấy giờ, Thế Tôn không hề ngó ngàng gì đến. Biết Như Lai lìa các ái dục, tâm thiện giải thoát, ma nữ hai ba phen lặp lại lời nói trên, sau đó ba gái ma mới bảo nhau: Kẻ sĩ phu có các loại ái dục tùy theo hình sắc, bây giờ chúng ta sẽ biến hóa các thứ, hóa làm cả trăm thứ sắc của đồng nữ, hóa trăm thứ sắc của thiếu nữ mới gả, trăm thứ sắc của phụ nữ chưa sanh, trăm thứ sắc của phụ nữ đã sanh, trăm thứ sắc của phụ nữ trung niên, trăm thứ sắc phụ nữ đứng tuổi. Hóa ra các hình loại như thế rồi chúng ta đi đến Sa-môn Cù-đàm nói rằng: "Hôm nay hết thảy đều về dưới chân Thế Tôn, xin được hầu hạ và tuân lệnh Ngài sai sử." Bàn bạc với nhau xong, Ác ma nữ liền biến hóa đủ thứ hình dạng như đã nói trên. Họ đi đến Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui đứng một bên, bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Bọn chúng con hôm nay về dưới chân Thế Tôn, xin được hầu hạ và tuân lệnh Ngài sai sử. Thế Tôn cũng không hề để ý đến họ, vì pháp Như Lai lìa các ái dục. Sau khi lặp lại lời trên ba lần, Ác ma nữ lại bảo nhau: r , 9

Nêu người chưa lìa dục trông thây các hình thê đẹp đẽ của chúng ta thì chắc chắn tâm sẽ bị mê loạn, dục khí sẽ bốc lên, trong lòng bức xúc, máu nóng

bừng bừng trên mặt. Nhưng bây giờ Sa-môn Cù-đàm không hề nhìn đến chúng ta, nên biết Như Lai đã lìa dục mà giải thoát được thiện giải thoát tưởng. Bây giờ, chúng ta mỗi người nên nói kệ để hỏi Ngài. Rồi ba nàng ma nữ trở lại trước Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui đứng một bên. Ma thiên nữ Ái Dục nói kệ: Độc thiện, vui vô vi, Một mình thiền lặng lẽ, Xả tiên của thê gian, Đa bỏ mọi thế lợi, r y

Nay lại muôn câu gì? Nêu câu lợi xóm làng,
Sao chẳng gần gũi người, Trọn chăng gân gũi người,
Rốt cũng được gì đâu?
Thê Ton nói kê đáp:
Đã được tài lợi lớn, Chí đủ an, tịch diệt,
Tồi phục các quân ma, Chăng vướng vào sac dục,
The nên chẳng cùng người, Quanh quân ciing gân gũi.
Ái Niệm thiên nữ lại nói kệ:
Tu nhiều pháp thiền gì, Giải thoát dòng ngũ dục?
Lại nhờ phương tiện gì, Vượt qua biển thứ sáu?
Làm sao tu diệu thiền, Đoi các dục sâu rộng,
Được qua ben bờ kia, Không bị ái giữ lại?
Thê Ton noi kẹ đáp:
Thân được vui lặng lẽ, Tâm được thiện giải thoát,
Vô vi không tạo ác, Chánh niệm chang khuynh động,
Biết rõ tất cả pháp, Không khởi các loạn giác,
Ái, nhuế, thùy miên, phú, Thảy đều đã lìa hết,

Như thế tu tập nhiều, Được thoát khỏi năm dục,
Như đối biển thứ sáu, Vượt qua đến bờ kia,
Tu tập thiền như thế, Giữa các dục sâu rộng,
Đêu vượt qua bờ kia, Không bị dục giữ lại.
Ái Lạc thiên nữ lại nói kệ:
Đã đoạn trừ ân ái, Thuần hậu tích tập dục,
Người nhiều đời tịnh tín, Được vượt qua dục lưu,
Khai mở trí tuệ sáng, Vượt qua cảnh tử ma.
_ z __ _____ r —
Bây giơ, The Ton noi kê đáp lại: Phương tiện lớn rộng độ5 Vào Pháp, Luật Như Lai, Những người này đã độ, Người trí còn lo gì. Bấy giờ, ba thiên nữ chưa đạt được chí nguyện, trở lại chỗ cha là Ma Ba- tuần. Khi ấy, Ma Ba-tuần vừa trông thấy các con gái đến, liền nói kệ trêu họ: Này ba đứa con gái,Tự khoe khoang mình giỏi, Thân đều phóng lửa sáng, Như lằn chớp trong mây,

KINH TẠPA-HÀM 869

Đen bậc đại tinh tấn, Mỗi người bày vẻ đẹp, Ngược lại bị dẹp tan, Như gió bạt sợi tơ? Đem móng tay phá núi, Răng cắn be hòn sắt, Muốn xe tóc thành sợi, Di chuyển hòn núi lớn, Hòa hợp đều giải thoát, Mong não loạn tâm kia, Giống như cột chân gió, Khiến trăng rơi trong không, Dùng tay khuấy biển lớn, Phà hơi động núi Tuyết, Hòa hợp đều giải thoát, Cũng có thể khuynh động, ở giữa biển sâu rộng, Mà tìm nơi an ổn, Như Lai đối tất cả, Hòa hợp đều giải thoát, Trong biển lớn Chánh giác, Tìm khuynh động cũng thế. Ma Ba-tuần trêu ba con gái rồi biến mất.

KINH SỐ 1093 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại xứ Uất-tỳ-la, bên bờ sông Ni-liên-thiền9 nơi cội Bồ- đề lớn* Ban dầu, lúc Ngài mới thành đạo, Thiên ma Ba-tuần khởi nghĩ: uSa-môn Cu-đàm ở xứ uất-tỳ-la, bên bờ sông Ni-liên-thiền mới thành đạo, dưới cội Bồ- đề, nay ta sẽ đến làm chướng ngại." Tức thì Ma Ba-tuần biến thân mình thành trăm thứ sắc tinh và bất tịnh, đến chỗ Phật. Đức Phật vừa trông thấy một trăm thứ sắc tịnh và bất tịnh của Ma Ba-tuần liền khởi nghĩ: "Trăm thứ sắc tịnh và bất tịnh của Ác ma Ba-tuần muốn đến làm nhiễu loạn", liền nói kệ: Mãi mãi trong sanh tử, Làm sắc tinh bất tịnh, Sao ngươi làm như thế, Không qua khỏi mé khổ. Nếu thân, miệng và ý, Không làm chướng ngại người, Không bị ma xúi giục, Không bị ma sai sử, Như thế biết Ác ma, Ma liền tự biến mất. Khi ấy Ma Ba-tuàn nghĩ rằng: uSa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta", trong lòng buồn bã, liền biến mất.

KINH SỐ 1094 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại xứ uất-tỳ-la, bên bờ sông Ni-liên-thiền, mới thành Chánh giác nơi cội Bồ-đề. Bấy giờ, Thế Tôn một mình ở chỗ yên tĩnh chuyên tâm thiền định tư duy và khởi nghĩ như vầy: "Nay Ta giải thoát khổ hạnh. Lành thay! Nay Ta đã giải thoát khổ hạnh! Trước là tu chánh nguyện, ngày nay đã được quả vô thượng B&dề.”

870 KINH TẠP A-HÀM

Khi ấy Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "Nay Sa-môn Cù-đàm tru tại uất-tỳ-la bên bờ sông Ni-liên-thiền mới thành Chánh giác nơi cội Bồ-đề. Bây giờ ta hãy đến đó làm chướng ngại." Ma Ba-tuần biến thành một thanh niên đến trước Phật nói kệ: Bậc tu khổ hạnh nhiều, Hay khiến được thanh tịnh, Nay ngược lại bỏ đi, ở đây tìm cầu gì? Muốn ở đây cầu tinh, Tịnh cũng không thể được. Bây giờ Thế Tôn nghĩ rằng: "Ma Ba-tuần này muốn làm nhiễu lo@n", liền nói kệ: Biết người tu khổ hạnh, Thay đêu la vo nghĩa, Hoàn toàn không lợi ích, Như cung chỉ có tiếng, Giới, định, văn, tuệ, dạo, Ta dā tu tập hết, Được thanh tinh bậc nhất, Tịnh ấy không gì hơn. Khi ấy Ma Ba-tuần nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta", trong lòng buồn lo, liền biến mất.

KINH SỐ 1095 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại làng Sa-la của Bà-la-môn. Bấy giờ? sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào làng Sa-la khất thực. Khi ấy Ma Ba-tuần nghĩ rằng: “Nay Sa-môn Cù-đàm sáng sớm đắp y, ôm bát vào làng Sa-la khất thực, bây giờ ta hãy đến trước, vào nhà của những trưởng giả Bà-la-môn tín tâm nói với họ: 'Hãy để cho Sa-môn Cù-đàm ôm bát trống không đi ra.'" Rồi Ma Ba-tuần chạy theo sau Phật kêu lên: ÍCSa-môn! Sa- môn! Chẳng được thức ăn nào sao?" Khi ấy Thế Tôn nghĩ: "Ac ma muốn não loạn”, lin nói kệ: Ngươi ở bên Như Lai, Lại bị vô lượng tội, Ngươi bảo rằng Như Lai, Chịu những khổ não ư? Ma Ba-tuần nói: Cù-đàm hãy trở lại làng xóm, sẽ khiến cho Ngài được thức ăn.

The Ton liên noi kẹ: Dù cho không có gì, An lạc mà tự sống, Như cõi trời Quang Âm, Vui vẻ là thức ăn, Dù cho không có gì, An lạc mà tự song, Vui vẻ là thức an5 Không nương nơi có thân. Khi ấy Ma Ba-tuan nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta", trong lòng lo buồn, liền biến mất.

KINH TẠPA-HÀM 871

KINH SỐ 1096 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Dã, chỗ ở của các tiên nhơn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta đã giải thoát khỏi dây ràng buộc của trời, người, các thầy cũng nên giải thoát khỏi dây ràng buộc của trời, người. Các thầy nên đi vào nhân gian, đi qua nhiều chỗ5 lợi ích nhiều nơi, đem an lạc cho trời, người. Không nên đi hai người, mỗi người tự đi. Bây giờ, Ta cũng đến xứ Uất-tỳ-la du hành trong nhân gian. Khi ấy Ma Ba-tuần nghĩ rằng: "Sa-m6n Cù-đàm tru tại Ba-la-nại trong vườn Lộc Dã, chỗ ở của các tiên nhơn, vì các vị Thanh văn mà nói như vay: 'Ta đã giải thoát dây ràng buộc của trời, người, các thầy cũng có thể. Các thầy riêng mỗi người đi vào nhân gian giáo hóa... Ta cũng sẽ đến xứ uất-tỳ-la du hành trong nhân gian.” Bây giờ Ma Ba-tuần nghĩ rằng: "Ta sẽ đến làm chướng ngại.” Ma Ba-tuần liền biến thành một thanh niên đến đứng trước Phật nói kệ: Không thoát, nghĩ tưởng thoát, Xưng hô đã giải thoát, Bị trói buộc nặng nề, Nay ta quyết không tha. Bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng: “Ac ma Ba-tuần muốn nhiễu lo@n", liền nói kệ: Ta đã thoát tát cả, Những ràng buộc trời, người, Đã biết ngươi Ba-tuần, Hãy tự mất biến đi. Khi ấy Ma Ba-tuần nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta", trong lòng lo buồn, liền biến mất.

KINH SỐ 1097 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nhà Thạch Chủ dòng họ Thích, trong làng họ Thích. Khi ấy, trong làng của Thạch Chủ họ Thích có nhiều người bi bệnh

dịch chết, dân chúng nam nữ khắp nơi từ bốn phương đến thọ trì Tam quy. Những người bệnh này hoặc nam, hoặc nữ, hoặc lớn, hoặc nhỏ đều nhân những người đi đến tự xưng danh tự: "Chúng tôi xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo- tang?9 Cả thôn, cả ấp đều như thế. Bấy giờ, Thế Tôn siêng thuyết pháp cho hàng Thanh văn, những người tín tâm quy y Tam bảo đều được sanh vào trời, người. Lúc đó Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "Nay Sa-môn Cù-đàm ở trong nhà ông Thạch Chủ họ Thích, trong làng họ Thích siêng thuyết pháp cho bốn chúng. Bây giờ, ta hãy đến đó làm chướng ngại." Ma Ba-tuần liền biến thành một thanh niên đến đứng trước Phật nói kệ:

Tại sao siêng thuyêt pháp, Giáo hóa các dân chúng? Kẻ trái hay không trái, Chẳng khỏi bị xua đuổi, Vì còn bị trói buộc, Nên vì họ thuyết pháp. Bấy giờ, Thế Tôn thầm nghĩ: "Ac ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn", liền nói kệ: Ngươi Dạ-xoa nên biết, Hạng chúng sanh tụ tập, Những người có trí tuệ, Ai mà không thương xót? Vì có lòng thương xót, Không thể không giáo hóa, Thương xót những chúng sanh, Lẽ tự nhiên như thế. Khi ấy, Ma Ba-tuần nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta", trong lòng lo buồn, liền biến mất.

KINH SỐ 1098 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nhà Thạch Chủ dòng họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, Thế Tôn một mình ở chỗ yên tĩnh, thiền đinh tư duy, tự nghĩ: "V chăng có người làm vua mà không sát sanh, không ra lệnh cho người khác sát sanh, một bề thi hành Chánh pháp mà không thi hành phi pháp u?" Khi ấy, Ma Ba-tuần nghĩ rằng: "Nay Sa-môn Cù-đàm ở trong nhà ông Thạch Chủ họ Thích, trong làng họ Thích, một mình ở chô văng tư duy, thiên định, nghĩ rằng: 6Vả chăng có người làm vua mà không sát sanh, không sai người khác sát sanh, một bề thi hành Chánh pháp, không thi hành phi pháp ư?9 Bây giờ ta hãy đến đó vì họ thuyết pháp?9 Ma liên biên thành một thanh niên, đi đên đứng trước Phật nói răng: -Như thế, Thế Tôn! Như thế, Thiện Thệ! Có thể được làm vua không sát sanh, không khiến người sát sanh, một bề thi hành Chánh pháp, không thi hành phi pháp. Thế Tôn nay hãy làm vua, Thiện Thệ nay hãy làm vua, ắt sẽ được như ý. Bấy giờ, Thế Tôn khởi nghĩ rằng: “Ac ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn.,, Ngài bèn nói với ma rằng: Ma Ba-tuần! Vì cớ gì nói như vầy: "Thế Tôn hãy làm vua, Thiện Thệ hãy làm vua, sẽ được như y?" Ma bạch Phật: Toi nghe Phật nói như thế này:ếu tu tập, tu tập nhiều tứ như ý túc rồi thì muốn khiến cho núi Tuyết chúa biến ra vàng ròng tức thì làm được, không kh'c." Thế Tôn nay đã tu tập, tu tập nhiều tứ như ý túc rồi khiến cho núi Tuyết biến ra vàng ròng như ý? không khác. Do đó tôi bạch Thế Tôn: “Thế Tôn hãy làm vua, Thiện Thệ hãy làm vua, sẽ được như y.” Phật bảo Ma Ba-tuần:

Ta không có tâm muốn làm vua, vì sao phải làm? Ta cũng không có tâm muốn núi Tuyết biến ra vàng ròng, tại sao phải biến? The Tôn liên noi kệ: Dù cho có vàng ròng, Giông như núi Tuyêt chúa, Một người được vàng này, Cũng lại không biết đủ, Thế nên người trí tuệ, Vàng đá xem như nhau. Khi ấy Ma Ba-tuàn khởi nghĩ: "Thế Tôn đã biết tâm ta”, trong lòng lo buồn, liền biến mất.

KINH SỐ 1099 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nhà Thạch Chủ dòng họ Thích, ở làng họ Thích. Bấy giờ, có chúng nhiều Tỳ-kheo tụ tập ở nhà cúng dường để may y. Lúc đó Ma Ba-tuần nghĩ rằng: “Nay Sa-môn Cù-đàm ở trong làng họ Thích, nơi nhà Thạch Chủ họ Thích vì các Tỳ-kheo tụ tập ở nhà cúng dường may y. Bây giờ ta hãy đến đó làm chướng ngại/5 Ma liền hóa ra một thanh niên Bà-la-môn, bện đầu tóc to, mặc áo da thú, tay cầm gậy cong đến nhà cúng dường, đứng im lặng trước chúng Tỳ-kheo. Một lát sau, thanh niên nói với các Tỳ-kheo: Các ông còn trẻ xuất gia, da trắng tóc đen, khỏe mạnh nên hưởng thụ ngũ dục, trang điểm vui chơi. Vì sao lại bỏ họ hàng, thân thích khóc lóc chia lìa, tín tâm, không nhà, xuất gia học đạo? Tại sao lại phải bỏ cái vui hiện tại mà đi tìm cái vui không đúng thời của vị lai? Các Tỳ-kheo nói với Bà-la-môn: -Tôi không bỏ cái vui hiện tại để cầu cái vui không đúng thời của vị lai, mà bỏ cái vui không đúng thời đe thành tựu cái vui hiện tại. Ma Ba-tuần lại hỏi: -Thế nào là bỏ cái vui không đúng thời để thành tựu cái vui hiện tại? Tỳ-kheo trả lời: Như lời Thế Tôn dạy: “Cái vui của thời vị lai ít thú vi mà khổ nhiều, ít lợi mà hại nhi§u." Thế Tôn nói: "Cái vui của hiện tại là xa lìa các nhiệt não, không đợi thời tiết, có thể tự thông đạt. ở đây quán sát theo đó thời được tự giác, tư tri." Này Bà-la-môn, đây gọi là cái vui hiện tại. Khi ấy, Bà-la-môn ú ớ lắc đầu ba làn, chống gậy biến mất. Lúc bây giờ các Tỳ-kheo sợ hãi, toàn thân chân lông dựng đứng, liên tư hỏi: "Đây là hạng Bà-la-môn gì đến đây rồi biến mất?" Các Tỳ-kheo bèn đi đến Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo chúng con đang ở nhà cúng dường để may y, có một thanh niên Bà-la-môn bện đầu tóc lớn đến chỗ chúng con nói rằng: CÍCác ông còn trẻ xuất gia..." (nói rộng như trên)... ú ớ lác đâu ba lân, chông gậy biên mất. Chúng con đều sợ hãi, toàn thân chân lông dựng đứng, liền tự h6i: " Đây là hạng Bà-la-môn gì mà đến đây rồi biến mất?,, Phật bảo các Tỳ-kheo: Người này chẳng phải là Bà-la-môn mà là Ma Ba-tuần muốn đến nhiễu loạn các thầy. Thê Tôn liên noi kẹ: Phàm sanh các kho não, Đều từ nơi ái dục, Biết đời là mũi kiếm, Người nào ưa thích dục, Biết thế gian hữu du, Đêu là mũi kiếm nhọn, Thế nên người trí tuệ, Phải nên tự điều phục, Tích chứa nhiều vàng ròng, Giống như núi Tuyết chúa, Chỉ một người thọ dụng, Ý còn không biết đủ, Thế nên người trí tuệ, Phải tu quán bình đẳng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1100 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nhà Thạch Chủ dòng họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, có Tôn giả Thiện Giác sáng sớm đắp y, ôm bát vào làng Thạch Chủ họ Thích khất thực, sau khi khất thực trở về tinh xá cất y bát, rửa chân, cầm tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng ngồi thiền nơi cội cây, nhập đinh, rồi khởi niệm: "Ta được lợi ích tốt đẹp ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia học đạo, ta được lợi ích tót đẹp may măn gặp Đại Sư, Như Lai, Đăng Chánh Giác, ta được lợi ích tốt được ở trong chúng Phạm hạnh, trì giới, đầy đủ đức độ, hiền thiện chân thật. Nay ta sẽ được mạng chung an lành, ở đời vị lai cũng được an lanh?9 Khi ấy, Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "Nay Sa-môn Cù-đàm ở làng họ Thích nhà Thạch Chủ, có vị đệ tử Thanh văn tên là Thiện Giác đắp y,

ôm bát... (nói rộng như trên)... mạng chung an lành, đời sau cũng an lành. Bây giờ ta hãy đến đó làm chướng ngai." Ma liền hóa ra một thân to lớn, khỏe mạnh, ai thấy cũng sợ. Sức mạnh của nó có thể lật úp đại địa, đi đến chỗ Tỳ-kheo Thiện Giác. Tỳ-kheo Thiện Giác vừa trong thấy thân to lớn, sức lực khỏe mạnh, liền sanh sợ hãi, bèn đứng lên đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi ngồi một bên, bạch Phật:

KINH TẠPA-HÀM 875

Bạch Thế Tôn! Con sáng sớm đắp y, ôm bát... (nói rộng như trên)... mạng chung an lành, đời sau an lành. Con thay có một người thân to lớn, sức mạnh có thể lay động quả đất, thấy rồi con sợ hãi, chân lông toàn thân dựng đứng. Phật bảo Thiện Giác: Đây chẳng phải là người thân to lớn, mà là Ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn thầy. Thầy hãy trở về ngồi lại nơi gốc cây tu tập tam-muội như trước, hãy làm kinh động con ma kia để nhờ đây thoát khổ. Khi ấy, Tôn giả Thiện Giác trở về chỗ cũ, sáng sớm Thiện Giác đắp y, ôm bát vào làng họ Thích khát thực, khát thực xong trở vê tinh xá,... (nói rộng như trên)... u... mạng chung an lành, đời sau cũng an lành?9 Lúc đó Ma Ba-tuần nghĩ rằng: í4Sa-môn Cù-đàm này ở làng họ Thích có đệ tử tên Thiện Giác,..; (nói rộng như trên)... "... mạng chung an lành, đời sau cũng an lành/ Ta hãy đến đó làm chướng ngại.” Ma hóa ra thân to lớn, sức dũng mãnh, có thể lay động quả đất, đi đến đứng trước Tỳ-kheo Thiện Giác. Thiện Giác vừa trông thấy ma liền nói kệ: Ta chánh tín, không nhà, Đe xuất gia học đạo, Nơi Phật, Pháp, Tăng bảo, Chuyên nhất tâm chánh niệm. Dù biến hóa hình sắc, Tâm ta không lay động, Biêt ngươi là huyên hóa, Tư đay nay biên mat. Khi ấy Ma Ba-tuan khởi nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta”, trong lòng lo buồn, liền biến mất.

KINH SÒ HOI

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại? trong vườn Lộc Dã? chỗ ở của các tiên nhơn.

Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo:

-Đệ tử Thanh văn của Như Lai phát ra tiếng rống sư tử, nói là: caĐã biết!

Đã biết!” Không biết đệ tử Thanh văn của Như Lai đã biết những pháp gì? Vì

. r r

đã biêt nên phát ra tiêng rông sư tử, đó là: "Khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh dế, khổ diệt đạo tích Thánh dế.” Khi ấy, Thiên ma Ba-tuần khởi nghĩ: uSa-môn Cù-đàm tru tại nước Ba- la-nại trong vườn Lộc Dã, chỗ ở của tiên nhơn vì các đệ tử Thanh văn thuyết pháp... đã biết tứ Thánh đế. Bây giờ, ta hãy đến đó làm chướng ng@i" Ma liền hóa ra một thanh niên đến đứng trước Phật nói kệ: Vì sao trong đại chúng Không sợ sư tử rống, Xưng hô không ai địch, Mong điều phục tất cả?

876 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng: "Ac ma Ba-tuần nhiễu loạn" liền nói kệ: Như Lai đoi tất cả, Chánh pháp, Luật sâu xa, Phương tiện sư tử rống, Nói pháp không sợ hãi, Nếu người có trí tuệ, Cớ gì tự lo sợ? Khi ấy Ma Ba-tuần nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta", trong lòng lo buồn, liền biến mất.

KINH SỐ 1102 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại đồng trống có nhiều người giẫm đạp, thuộc thành Vương Xá, cùng với năm trăm Tỳ-kheo vì họ nói pháp, lấy năm trăm bình bát để giữa sân. Bấy giờ, The Tôn lại vì năm trăm Tỳ-kheo nói pháp ve năm thọ am sanh diệt. Khi ấy Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "Sa-m6n Cù-đàm tru tại đồng trống có nhiều người giẫm đạp, thuộc thành Vương Xá cùng với năm trăm Tỳ-kheo... nói năm thọ ấm là pháp sanh diệt. Nay ta hãy đen đó làm chướng ngại." Ma hóa ra một con trâu to lớn đi đến chỗ Phật, bước vào chỗ để năm trăm bình bát, các Tỳ-kheo đuổi đi không để cho bình bát bể. LÚC bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Đây chẳng phải là trâu, mà là Ma Ba-tuần muốn đến nhiễu loạn.

The Ton liên noi kẹ: sắc, thọ, tưởng, hành, thức Chẳng phải ngã, ngã sở. Nếu biết nghĩa chân thật, Với kia không dính mắc, Tâm không dính mắc pháp, Khỏi trói buộc của sắc, Thau ro tát ca cho, Không trụ cảnh giới ma. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1103 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại đồng trống có nhiều người giẫm đạp, thuộc thành Vương Xá cùng với sáu trăm Ty-kheo. Bấy giờ, Phật vì các Ty-kheo nói về lục xúc nhập xứ, lục xúc tập, lục xúc diệt. Khi ấy Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "Nay Sa-môn Cù-đàm ở tại đồng trống có nhiều người giẫm đạp, thuộc thành Vương Xá, vì sáu trăm Tỳ-kheo nói về lục xúc nhập xứ là pháp tập, là pháp diệt, ta hãy đen đó làm chướng ngại." Ma bèn hóa ra một thanh niên thân to lớn, sức dũng mãnh có thể lay động quả đất, đến chỗ Phật.

KINH TẠPA-HÀM 877

Các Tỳ-kheo kia vừa trông thấy thanh niên to lớn, dũng mãnh liền sanh sợ hãi, chân lông dựng đứng, nói với nhau rang: -Người kia là ai mà hình dáng đáng sợ thê? Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: -Đây là Ac ma muốn nhiễu loạn. The Ton liên noi kẹ: sắc, thanh, hương, vị, xúc, Và thứ sáu là pháp, Niệm, ái, thích, vừa ý, Thế gian chỉ có thể, Đây là tham ác nhất, Luôn ràng buộc phàm phu, Người vượt khỏi thứ này, Là thành đệ tử Phật, Vượt qua cảnh giới ma, Như mặt trời không mây. Khi ấy Ma Ba-tuan thầm nghĩ: 4íSa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta", trong lòng lo buồn, liền biến mất.

KINH SO 1104 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nêu người thọ trì bảy thứ thọ, nhờ nhân duyên này người ây được sanh lên cõi trời Đế-thích, nghĩa là trời Đế-thích xưa kia khi còn làm người hay cúng dường cha mẹ và các bậc Tôn trưởng, dung mạo ôn hòa, nói lời nhu nhuyến, không nói lời ác, không nói hai lưỡi, thường nói lời chân thật. Đối với thế gian bon xẻn, người này tuy ở tại gia nhưng không bon xẻn, thường hay bo thí, siêng bố thí, ưa hạnh bố thí, ở những hội bố thí hay bố thí cúng dường bình đẳng tất cả. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Cúng dường cho cha mẹ, Và gia tộc Tôn trưởng, Lời nhu hòa cung kính, Lìa lời thô hai lưỡi, Điều phục tâm bon xẻn, Thường nói lời chân thật, Cõi trời Ba Ba kia, Thay người hành bảy pháp, Đêu nói với họ răng, Sẽ sanh cối trời này. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1105 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Ty-xa-ly, trong giảng đường Trùng Các bên bờ ao Di Hầu. Bấy giờ, có người dòng Ly-xa tên là Ma-ha-lợi, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

KINH TẠPA-HÀM 877

Các Tỳ-kheo kia vừa trông thấy thanh niên to lớn, dũng mãnh liền sanh sợ hãi, chân lông dựng đứng, nói với nhau rang: -Người kia là ai mà hình dáng đáng sợ thê? Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: -Đây là Ac ma muốn nhiễu loạn. The Ton liên noi kẹ: sắc, thanh, hương, vị, xúc, Và thứ sáu là pháp, Niệm, ái, thích, vừa ý, Thế gian chỉ có thể, Đây là tham ác nhất, Luôn ràng buộc phàm phu, Người vượt khỏi thứ này, Là thành đệ tử Phật, Vượt qua cảnh giới ma, Như mặt trời không mây. Khi ấy Ma Ba-tuan thầm nghĩ: 4íSa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta", trong lòng lo buồn, liền biến mất.

KINH SO 1104 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nêu người thọ trì bảy thứ thọ, nhờ nhân duyên này người ây được sanh lên cõi trời Đế-thích, nghĩa là trời Đế-thích xưa kia khi còn làm người hay cúng dường cha mẹ và các bậc Tôn trưởng, dung mạo ôn hòa, nói lời nhu nhuyến, không nói lời ác, không nói hai lưỡi, thường nói lời chân thật. Đối với thế gian bon xẻn, người này tuy ở tại gia nhưng không bon xẻn, thường hay bo thí, siêng bố thí, ưa hạnh bố thí, ở những hội bố thí hay bố thí cúng dường bình đẳng tất cả. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Cúng dường cho cha mẹ, Và gia tộc Tôn trưởng, Lời nhu hòa cung kính, Lìa lời thô hai lưỡi, Điều phục tâm bon xẻn, Thường nói lời chân thật, Cõi trời Ba Ba kia, Thay người hành bảy pháp, Đêu nói với họ răng, Sẽ sanh cối trời này. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1105 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Ty-xa-ly, trong giảng đường Trùng Các bên bờ ao Di Hầu. Bấy giờ, có người dòng Ly-xa tên là Ma-ha-lợi, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

878 KINH TẠP A-HÀM

Bạch Thế Tôn! Ngài có thấy trời Đế-thích không?

Phật đáp:

-Thấy.

Ly-xa lại hỏi:

Thế Tôn có thấy quỷ giống trời Đấ-thích không?

Phật bảo Ly-xa: Ta biết trời Đế-thích5 cũng biết có quỷ giống trời Đế-thích, cũng biết pháp Đê-thích kia, nhờ duyên thọ trì những pháp ây nên được sanh chô của trời Đấ-thích. Này Ly-xa! Đe-thích xưa kia khi còn làm người hay cúng dường cha mẹ... hành hạnh bố thí bình đẳng. The Ton liên noi kẹ: Cúng dường cho cha mẹ, Và gia tộc Tôn trưởng, Lời nhu hòa cung kính, Lìa lời thô hai lưỡi, Điều phục tâm bon xẻn, Thường nói lời chân thật, Cối trời Ba Ba kia, Thấy người hành bảy pháp, Đều nói với họ rằng, Sẽ sanh cõi trời này. Phật nói kinh này xong, Ly-xa, Ma-ha-lợi nghe Phật dạy hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ cáo từ.

KINH SỐ 1106 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly, nơi giảng đường Trùng Các, bên bờ ao Di Hầu. Bấy giờ, có Tỳ-kheo kia đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phạt: -Bạch Thế Tôn! Nhân gì, duyên gì mà trời Thích-đề-hoàn-nhơn được gọi là Thích-đề-hoàn-nhơn? Phật bảo Tỳ-kheo: Thích-đề-hoàn-nhơn xưa kia khi còn làm người, hay bo thí kịp thời cho Sa-môn và Bà-la-môn? người bần cùng khốn khổ, người ăn xin, các thứ thực phẩm, tiền bạc5 lụa hoa, hương, vật dụng trang nghiêm, giường ghế, đèn đuốc. Do hay làm những việc này nên được gọi là Thích-đề-hoàn-nhơn. Tỳ-kheo lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nhân gì, duyên gì Thích-đề-hoàn-nhơn lại được gọi là Phú-lan-đà-la? Phật bảo Tỳ-kheo: Thích-đề-hoàn-nhơn xưa kia khi còn làm người thường hay bố thí y phục,

, Ấ r J. Ấ e mên nệm, thực phàm, cho đên đèn đuôc; do nhân duyên này nên được gọi là Phú-lan-đà-la. Tỳ-kheo lại bạch Phật: Nhân gì, duyên gì được gọi là Ma-già-bà.

Phật bảo Tỳ-kheo:

Thích-đê-hoàn-nhơn xưa kia khi còn làm người tên là Ma-già-bà5 do đó

Ma-già-bà là tên cũ của Thích-đề-hoàn-nhơn.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

Nhân gì, duyên gì lại được gọi là Sa-bà-bà.

Phật bảo Tỳ-kheo: Thích-đề-hoàn-nhơn xưa kia khi còn làm người đem áo Bà-tiên-tư bố thí, cúng dường, do nhân duyên này nên Thích-đề-hoàn-nhơn được gọi là Sa-bà-bà. Tỳ-kheo lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nhân gì5 duyên gì Thích-đề-hoàn-nhơn lại được gọi là Kiều-thi-ca? Phật bảo Tỳ-kheo: Thích-đê-hoàn-nhơn xưa kia khi còn làm người, là người của dòng họ Kiều-thi? do nhân duyên này nên Thích-đề-hoàn-nhơn có tên là Kiều-thi-ca. Tỳ-kheo lại hỏi Phật: Nhân gi, duyên gì Thích-đề-hoàn-nhơn lại được gọi là Xá-chỉ-bát-đê?

Phật bảo các Tỳ-kheo: Nữ a-tu-la tên là Xá-chỉ làm đệ nhất phu nhân của trời Bế-thích, do đó Đế-thích tên là Xá-chỉ-bát-đê. Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nhân gì, duyên gì, Thích-đề-hoàn-nhơn lại có tên là Thiên Nhãn? Phật bảo Tỳ-kheo: -Thích-đề-hoàn-nhơn xưa kia khi còn làm người, thông minh trí tuệ, ngồi một chỗ mà suy nghĩ cả ngàn thứ nghĩa, xem xét, cân lường. Do nhân duyên này nên trời Đế-thích còn gọi là Thiên Nhãn. Tỳ-kheo bạch Phật: -Nhân gì, duyên gì Thích-đề-hoàn-nhơn lại có tên là Nhơn-đề-lợi? Phật bảo Tỳ-kheo: - Trời Đế-thích kia đối với cõi trời Ba Mươi Ba là vua, là chil, do nhân duyên này nên trời Đế-thích gọi là Nhơn-đề-lợi. Phật bảo các Tỳ-kheo:

-Thích-đề-hoàn-nhơn xưa kia khi còn làm người, thọ trì bảy thứ thọ, do nhân duyên này nên được làm trời Đế-thích. Những gì là bảy thọ? Thích-đề- hoàn-nhơn xưa kia làm người, cúng dường cha mẹ... bố thí bình đẳng. Đây là bảy thứ thọ. Do nhân duyên này nên được làm trời Đe-thích. Bấy giờ Thế Tôn liên nói kệ... (nói riêng như trên). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1107 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly, nơi giảng đường Trùng Các, bên bờ ao Di Hầu. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Trong đời quá khứ có một con quỷ Dạ-xoa xấu xí, hung dữ, ngồi trên tòa để trống của Đế-thích. Trời Ba Mươi Ba thấy con quỷ xấu xí, hung dữ ngồi trên tòa để trống của Đế-thích, mọi người đều nổi sân. Chư thiên nổi sân như thế, lúc ấy con quỷ cứ theo cái sân ấy dung mạo dần dần trở nên đẹp đẽ. Khi ấy, chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba tâu với Đế-thích: 4íKiều-thi-ca! Có một con quỷ xấu xí, hung dữ, ngồi trên tòa để trống của Thiên vương, chư thiên chúng tôi thây nó ngôi trên tòa của Thiên vương thì nôi giận. Chư thiên càng giận dữ thì con quỷ càng trở nên đẹp de." Thích-đề-hoàn-nhơn bảo chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba: "Sự sân si kia nhằm đối trị con quy." Bấy giờ, Đế-thích đi đến chỗ con quỷ, sửa lại y phục, bày vai phải, chắp tay ximg tên ba lần, nói: "Nhơn giả! Tôi là Thích-dềhoan-nhơn" Theo sự cung kính của Thích-đề-hoàn-nhơn, con quỷ kia bỗng từ từ trở lại xấu xí như cũ, liền biến mất. Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhơn an tọa, liền nói kệ: Người chớ nên sân giận, Thấy sân chớ đáp sân, Đối ác chớ sanh ác, Nên phá hoại kiêu mạn, Không sân cũng không hại, Gọi là chúng Hiền thánh, Tôi ác khởi sân giận, Vững chắc như núi đá, Điều phục cơn giận dữ? Như chế ngự ngựa cuồng, Ta nói khéo huấn luyện, Chăng phải người câm dây. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Thích-đề-hoàn-nhơn ở cõi trời Ba Mươi Ba là Vua Tự Tại, khen ngợi

không sân giận, các thây cũng nên như thê, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, cũng nên khen ngợi không sân giận. Phải học như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1108 Tôi nghe như vầy: Một thòi, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong, trở vê tinh xá cát y bát, rửa chân, câm tọa cụ vát lên vai phải, vào r

rừng An-đà trải tọa cụ ngôi nơi cội cây nhập định. Khi ây trong tinh xá Kỳ Hoàn có hai Tỳ-kheo tranh chấp, một người mạ lỵ, một người im lặng, người mạ lỵ liền hối cải đến xin lỗi người kia, mà Tỳ-kheo kia không nhận sự sám hối của người này. Do không nhận sự sám hối đó, nên khi ấy, trong tinh xá các chúng Tỳ-kheo cùng đến khuyên can lớn tiếng, ồn ào. Bấy giờ? Thế Tôn với thiên nhĩ hơn tai người thường nghe trong tinh xá Kỳ Hoàn ồn ào lớn tiếng, Ngài bèn xuất đinh, xả thiền, trở về tinh xá, trải tòa ngồi trước đại chúng, nói với các Tỳ-kheo: Sáng nay Ta đi khất thực trở về rồi vào rừng An-đà ngồi thiền nhập định, nghe trong tinh xá ồn ào lớn tiếng, ai ồn ào như thế? Tỳ-kheo bạch Phật: Trong tinh xá này có hai Tỳ-kheo tranh chấp, một người mắng, một người làm thinh. Khi ấy người mắng chửi đến sám hối, người kia không nhận, vì không nhận nên nhiêu người đên khuyên can, cho nên mới có lớn tiêng ôn ào. Phật bảo Tỳ-kheo: Thế nào là Tỳ-kheo ngu si? Người đến sám hối mà không nhận sự sám hối của người ta thì người không nhận đó là ngu si, luôn bị khổ não, không có lợi ích. Này các Tỳ-kheo! Vào thời quá khứ, Thích-đề-hoàn-nhơn có các vị trời Ba Mươi Ba tranh luận nhau, Thích-đê-hoàn-nhơn nói kệ răng: Với người tâm không hại, Sân không thể ràng buộc, Không ôm oán hận lâu, Vì không trụ sân giận, Tuy còn nhiều sân giận,

Không phát ra lời thô, Không tìm người gây gổ, Không rêu rao điều d&, Thường nên tự phòng hộ, Bên trong quán sát nghĩa, Không giận cũng không hại, Thường cùng với Hiền thánh, Nếu cùng với người ác, Cang cường như núi dá, Hay điều phục sân giận, Như chế ngự ngựa cuồng, Ta nói huấn luyện giỏi, Chăng phải người câm dây.

882 KINH TẠPA-HÀM

Phật bảo các Tỳ-kheo: Thích-đề-hoàn-nhơn đối với trời Ba Mươi Ba là Vua Tự Tại, thương hành nhẫn nhục, cũng lại khen ngợi người hành nhẫn nhục. Tỳ-kheo các thầy chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, cũng nên hành nhẫn nhục và khen ngợi người hành nhẫn nhục. Phải học như the! Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1109

Tôi nghe như vay:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo:

-Vào thời quá khứ, chư thiên và a-tu-la dàn trận muôn đánh nhau. Lúc ây5

Thích-đề-hoàn-nhơn nói với vua a-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la:

"Chớ sát hại nhau, chỉ nên luận nghị, lấy lý để khuất phúc."

Vua a-tu-la nói răng:

"Giả sử cùng nhau luận nghị thì ai là người làm chứng để biết rằng cái lý ấy là thông suốt hay bế tắc?"

Trời Đế-thích trả lời:

"Trong chúng chư thiên có người trí tuệ sáng suốt, sẽ nhận xét điều này.

Trong chúng a-tu-la cũng có người sáng suốt nhận xét điều này."

Tỳ-ma-chất-đa-la nói:

“Dugc lắm!”

Thích-đề-hoàn-nhơn nói:

"Các ông lập luận trước đi, rồi tôi sẽ theo đó lập luận, không có khó khăn.

Khi ấy, vua a-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la nói kệ lập luận:

Nếu tôi hành nhẫn nhục, Thì sự việc thiếu sót,

Người ngu si sẽ bảo, Vì sợ nên nhẫn nhục.

Thích-đề-hoàn-nhơn nói kệ đáp:

Giả sử người ngu si, Bảo vì sợ nên nhẫn,

Và kẻ không nói kia, Đối lý tổn thương gì?

Nên tự quán nghĩa này, Cũng nên quán nghĩa kia,

Ta, người đều an ổn, Nhẫn nhục là tối thượng.

r

Tỳ-ma-chât-đa-la lại nói kệ: Nêu không chê ngu si, Ngu si ắt hại người, Giống như trâu hung dữ, Chạy xông tới húc người, Cầm gậy quyết chế ngự, Sợ hãi được điều phục, Thế nên giữ chặt roi, Chiết phục kẻ ngu kia.

Đế-thích lại nói kệ:
Tôi thường quán sát họ? Chế phục kẻ ngu kia,
Người ngu nôi giận dữ, Người trí giữ điềm tĩnh,
Không sân cũng không hại, Thường cùng với Hiền thánh,
Tội ác lchởi sân giận. Vững chắc như núi đá5
Hay điều phục giận dữ, Như chế ngự ngựa cuồng,
Ta nói huấn luyện giỏi, Chẳng phải người cầm dây.
r
Bây giờ, trong thiên chúng có một vị trời trí tuệ, trong chúng a-tu-la cũng có một a-tu-la trí tuệ, đối với kệ này suy xét, cân lường, quán sát, khởi nghĩ rằng: "Bài kệ của Tỳ-ma-chất-đa-la a-tu-la nói cuối cùng chỉ khởi lên sự chiến dấu, tranh tụng. Do đó mới biết Vua Tỳ-ma-chất-đa-la luôn luôn dạy người chiến đấu tranh tụng, còn bài kệ của Thích-đề-hoàn-nhơn luôn luôn là muốn dứt chiến đấu tranh tụng, nên biết trời Đế-thích luôn luôn dạy người đừng chiến dấu, tranh tụng. Nên biết Đế-thích khéo lập luận thù thắng.” Phật bảo các Tỳ-kheo: Thích-đê-hoàn-nhơn nhờ nghị luận đúng đan nên hàng phục được a-tu-la. Này các Tỳ-kheo! Thích-đề-hoàn-nhơn là Vua Tự Tại của cõi trời Ba Mươi Ba, lập luận đúng, khen ngợi những luận cứ đúng. Tỳ-kheo các thầy cũng nên như thế, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo cũng nên lập luận đúng và khen ngợi những luận cứ đúng. Nên học như the! Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1110 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, Thê Ton bao các Ty-kheo: -Vào thời quá khứ có trời Đê-thích và a-tu-la dàn trận đánh nhau. Thíchđề-hoàn-nhơn nói với chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba: "Hôm nay chư thiên và a-tu-la đánh nhau, nêu chư thiên thăng, a-tu-la thua r r r

thì sẽ bát sông vua a-tu-la Tỳ-ma-chât-đa-la? lây dây trói chặt lại năm vòng đem về thiên cung." Tỳ-ma-chất-đa-la a-tu-la bảo các a-tu-la: "Hôm nay chư thiên và a-tu-la đánh nhau, nếu a-tu-la thắng, chư thiên thua thì sẽ bắt sống Thích-đề-hoàn-nhơn lấy dây trói năm vòng đem về cung a-tu-la.” Đang khi đánh nhau, chư thiên thắng a-tu-la. Khi ấy chư thiên bắt sống được vua a-tu-la Tỳ-ma-chât-đa-la, lây dây cột lại năm vòng đem vê thiên cung . v . _— r • r

cột ở trước cửa điện Đoán Pháp của Đê-thích. Khi Đê-thích ra vào cửa này, Tỳ-ma-chất-đa-la bị cột ở bên cửa nổi giận, mạ lỵ. Lúc đó, người hầu cận của

Đế-thích thấy vua a-tu-la thân bị trói năm vòng, cột bên cửa, thấy Đấ-thích ra e -r y

vào thì nôi sân mạ lỵ, liên làm bài kệ nói với Đê-thích răng: Nay Đế-thích sợ nó, Vì không đủ sức ư? Nên nhẫn a-tu-la5 Mắng chửi trước Đế-thích? Đế-thích đáp: Không phải sợ mà nhẫn, Chẳng phải sức chưa đủ, Làm gì có người trí, Đối diện với kẻ ngu. Người hầu cận lại tâu: Nêu chỉ hành nhẫn nhục, Gặp việc lại thiếu s6t, Kẻ ngu si sẽ bảo,

Vì sợ nên nhẫn nhục, Do đó nên gắng trj, Dùng trí chế kẻ ngu. Đế-thích đáp: Ta thường quán sát họ, Chế ngự kẻ ngu kia, Thấy người ngu giận dữ, Trí điềm tĩnh chế phục. Không sức mà là sức, Sức của kẻ ngu kia, Ngu si trái xa pháp, Nơi đạo chẳng được gì. Giả sử có sức mạnh, Hay nhẫn người yếu hèn, Đó là nhẫn tối thượng, Không sức sao có nhẫn? Với kia lam mạ nhục, Người sức mạnh nhẫn nhục, Đó là nhẫn tối thượng. Không sức sao nhẫn được, Với mình và với người, Vượt qua mọi kinh hãi? Biết kia nổi giận dữ, Ngược lại mình điềm tĩnh, Hai nghĩa đều đầy đủ, Lợi mình cũng lợi người. Gọi là kẻ ngu phu, Bởi vì không thấy pháp, Ngu nói thăng kẻ nhân, Càng tăng lời nói ác, Chưa biết nhẫn mạ ly, Với kia thường đắc thắng. Nhẫn đối người hơn mình, Đó là nhẫn vì sợ? Nhẫn đối người bằng mình, Đó là nhẫn khỏi tranh, Nhẫn đối người thua mình, Đó là nhẫn tối thượng. Phật bảo các Tỳ-kheo: Thích-đề-hoàn-nhơn là Vua Tự Tại của trời Ba Mươi Ba, thường hành nhẫn nhục, khen ngợi nhẫn nhục. Tỳ-kheo các thầy chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo cũng nên hành nhẫn như the và khen ngợi nhẫn nhục. Phải học như the! Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1111 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 885

T-X Á__ ___ !rril Á nn _ 9 _ / _ rrn Bây giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Vào thời quá khứ, Thích-đề-hoàn-nhơn muốn đi thăm vườn, khi ấy sai người hầu cận trang sức cỗ xe ngàn ngựa để đi thăm vườn. Người hầu vâng lệnh liên sửa soạn trang hoàng một chiêc xe ngàn ngựa kéo, đên tâu với Đê-thích: "Thua Kiu-thi-ca, xe cộ đã đầy đủ, xin Vua biết thòi." Đế-thích liền bước xuống điện Thường Thắng hướng về phía Đông chắp tay lễ Phật. Bấy giờ, người hầu cận thấy liền kinh hãi, chân lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất. Khi ấy, Đế-thích thấy người hầu cận kinh hãi, chân lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất, liền nói kệ hỏi: Ông thấy gì sợ hãi, Roi ngựa rớt xuống đất? Người hầu cận nói kệ tâu: Thấy vua trời Đế-thích? Là chồng của Xá-chỉ, Cho nên sanh sợ hãi, Roi ngựa rớt xuống đất, Thường thấy trời Bế-thích, Tất cả các đại địa, Vua trời người lớn nhỏ, Bốn ông chủ hộ thế, Chúng cõi trời Ba Ba, Thảy đều cung kính lễ, Còn chỗ nào tôn kính, Hơn cả trời E)ế-thích, Mà nay hướng phía Đông, Chắp tay để kính lễ? Đế-thích nói kệ đáp lại: Ta thật đối tất cả, Vua hết thảy thế gian, Và bốn chủ hộ thế, Chúng trời Ba Ba cõi, Là Tôn chủ Tối thượng, Nên đều đến cung kính, Nhưng thế gian lại có, Tùy thuận đấng Chánh Giác, Thầy khắp cả chư thiên, Nên ta cúi đầu lễ. Người hầu cận lại tâu: Đây ắt nhất thế gian, Nên khiến Vua Đế-thích, Cung kính mà chăp tay, Hướng phương Đông kính lễ5 Con nay cũng nên lễ, Bậc vua trời đa lễ. Khi ấy, trời Đế-thích chồng của Xá-chỉ nói kệ lễ Phật rồi đi xe ngàn ngựa đến dạo vườn. Phật bảo các Tỳ-kheo: Trời Đế-thích kia là Vua Tự Tại của trời Ba Mươi Ba còn cung kính Phật, cũng lại khen ngợi sự cung kính Phật. Tỳ-kheo các thầy chánh tín, không nhà9 xuất gia học đạo cũng nên cung kính Phật như the, cũng nên khen ngợi sự cung kính Phật. Phải học như the! Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

886 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ 1112 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Ky.dà, trong vườn cấp Cô Độc. (Nói rộng như trên chỉ khác lã): Bấy giờ, trời Đế-thích bước xuống điện Thường Thắng chắp tay hướng về phía Đông kính lễ Tôn pháp... Phật nói kinh này, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. (Nói rộng như trên chỉ khác tó): Bấy giờ, trời Đấ-thích nói kệ trả lời người hau cận: Ta thật là Đại vương, Của cả cõi đất này, Và bổn chủ hộ thế, Chúng trời Ba Mươi Ba, Như thế với tất cả, Đều tôn trọng cung kính, Nhưng lại có tịnh giới, Luôn luôn vào chánh định, Với chánh tín xuất gia, Hoàn toàn vào Phạm hạnh. Nên ta đối với kia, Tôn trọng cung kính lễ, Và điều phục tham sân, Vượt khỏi cảnh ngu si, Tu học không buông lung, Cũng cung kính lễ kia, Người dứt sạch không còn5 Tham dục5 sân nhuế, si, Lậu tận A-la-hán, Còn phải kính lễ kia, Nêu người ở tại gia, Phụng trì giới thanh tịnh, Đúng như pháp Bồ-tát? Cũng lại nên kính lễ. Người hầu tâu Đế-thích: Đó là nhất thế gian, Nếu Thiên vương kính lễ, Tôi cũng nên như thế, Theo Thiên vương kính lễ. Này các Tỳ-kheo! Trời Đế-thích chồng của Xá-chỉ kính lễ Pháp, Tăng và khen ngợi người kính lễ Pháp, Tăng. Các thầy đã chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, cũng nên kính lễ Pháp, Tăng và khen ngợi người kính lễ Pháp, Tăng như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1113 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Ky.dà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ có trời Đế-thích muốn đi dạo vườn, sai người hầu cận trang sức cổ xe ngàn ngựa. Người hầu cận vâng lệnh, trang sức xong, trở lại tâu Đế-thích:

“Xe đã trang sức đầy đủ, xin Vua biết thòi." Bay giờ, Đe-thích bước xuống điện Thường Thắng đi vòng đến các phương hướng chắp tay cung kính. Khi ấy, người hầu cận thấy Đế-thích từ điện Thường Thắng bước xuống đứng giữa sân, xoay về các phương chắp tay cung kính, người hau cận kinh hãi, roi ngựa rớt xuống đất, nói kệ: Các phương chỉ có người, Sanh bào thai ô uế, Chỗ thần ở lại nhơ, Đói khát thường bức bách, Cớ sao Kiều-thica, Tôn trọng người không nhà, Vì tôi nói nghĩa này, Khao khát muốn được nghe. Đế-thích nói kệ đáp: Ta chính cung kính kia, Những người sống không nhà, Đi khắp nơi tự tại, Không kể nơi di, ở, Cảnh thành áp, cõi nước, Không hệ lụy tâm kia, Không chứa đồ nuôi sống, Không muốn dừng một chỗ, Qua roi không mong câu, Chỉ vô vi là vui, Nói ra quyết lời lành, Im lặng là tịch tinh. Chư thiên, a-tula, Mỗi mỗi chống trái nhau, Nhân gian tự tranh nhau, Trái nghịch nhau như thế, Chỉ có người xuất gia, Đối tranh cãi chẳng tranh, Với tất cả chúng sanh, Buông xả các dao gậy, Lìa tiền tài, sắc đẹp, Không mê đăm, phóng túng, Xa lìa tất cả ác, Thế nên kính lễ kia. Lúc ấy người hầu cận lại nói kệ: Người được Thiên vương kính, Chắc là bậc Tối Thắng, Thế nên từ hôm nay, Con lễ người xuất gia. Nói như thế rồi trời Đế-thích kính lễ tất cả chư Tăng ở các phương, xong rồi leo lên xe ngựa dạo xem vườn rừng. Phật bảo các Tỳ-kheo: Trời Đế-thích kia là Vua Tự Tại của trời Ba Mươi Ba mà thường cung kính chúng Tăng, cũng thường khen ngợi, công đức cung kính chúng Tăng. Tỳ- kheo các thầy chánh tín, không

nhà, xuất gia học đạo cũng nên cung kính chúng Tăng và cũng nên khen ngợi công đức cung kính chúng Tăng như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1114 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

T-X Ấ • \ qpl Á rrn/\ 19 r rpi \ [1

Bây giờ, Thê Tôn bao các Ty-kheo: -Vào thời quá khứ vua a-tu-la sửa soạn bốn thứ binh là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, muốn đánh nhau với chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba. Khi ấy De-thich nghe vua a-tu-la sửa soạn bốn thứ binh là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh đến gây chiến, De-thich bảo thiên tử Túc-tỳ-lê: "Ông biết không, a-tu-la đem bốn binh đến gây chiến với trời Ba Mươi Ba? Ông có thể sai chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba đem bốn binh là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh đến đánh với a-tu-la kia." Bấy giờ, thiên tử Túc-tỳ-lê vâng lệnh Đế-thích trở về thiên cung, kiêu mạn, phó mặc không để ý lo lắng. Quân a-tu-la đã ra giữa đường. Đế-thích nghe như vậy lại bảo với thiên tử Túc-tỳ-lê: "Này ông! Quân a-tu-la đã ra giữa đường, ông hãy nhanh chóng đem bốn binh ra đánh với atu-la." Thiên tử Túc-tỳ-lê vâng lệnh Đế-thích trở lại thiên cung, lười biếng phó mặc. Khi ấy, vua a-tu-la đã đem quân đến gần. Thích-đề-hoàn-nhơn nghe quân a-tu-la đã tiến đến bên cạnh, lại bảo với thiên tử Túc-tỳ-lê: "Ong có biết chăng, quân a-tu-la đã tiến đến bên cạnh? ông hãy nhanh chóng gọi chư thiên đem bôn binh ra chiên d2u." Khi ấy, thiên tử Túc-tỳ-lê liền nói kệ: Nếu có chỗ chẳng khởi, Vui vô vi an ổn, Người được chỗ như thế, Không tạo cũng không lo. Hãy cho tôi chỗ này, Đê tôi được an ôn. Đế-thích nói kệ đáp lại: Nếu có chỗ chẳng khởi, Vui vô vi an ôn, Nếu người được chỗ ấy, Không tạo cũng không lo. Nếu ông được chỗ này, Cũng nên đưa ta đi. Thiên tử Túc-tỳ-lê lại nói kệ: Nếu nơi không phương tiện, Chăng khởi, vui an ôn? Nếu được những nơi ấy, Không tạo cũng không lo. Nên cho tôi nơi này, Đe tôi được an ổn. Đế-thích lại nói kệ trả lời: Nêu nơi không phương tiện, Không khởi, vui an ổn, Nêu người được nơi này, Không tạo cũng không lo. Ông được những nơi này, Cũng phải đưa ta đi. Thiên tử Túc-tỳ-lệ lại nói kệ: Nêu nơi không buông lung, Không khởi, vui an ổn, Nếu người được nơi này, Không tạo cũng không lo. Nên cho tôi nơi này, Đe tôi được an ổn.

Đế-thích lại nói kệ:
Nêu nơi không buông lung, Không khởi, vui an ổn,
Nêu người được nơi này, Không tạo, cũng không lo.
Ông được những nơi này, Cũng phải dẫn ta đi.
Túc-tỳ-lê lại nói kệ:
Lười biếng không khởi gi, Không biết việc đã làm,
Làm, muốn thảy đều biết, Nên cho tôi nơi này.

Đế-thích lại nói kệ:
Lười biếng chẳng khởi gì? Được an vui rốt ráo,
Ong được những nơi ây, Cũng phải đưa ta đi.
Thiên tử Túc-tỳ-lê lại nói kệ:
Không việc gì cũng vui, Không tạo cũng không lo,
Nếu cho tôi nơi này, Tôi sẽ được an vui.
Đế-thích lại nói kệ:
Nếu được thấy hoặc nghe, Chúng sanh không làm gì,
/X r
Ong được những nơi ây, Cũng phải đưa ta đi. Ong nêu sợ việc làm, Chẳng nghĩ đến hữu vi, Hãy mau chóng trừ sạch, Đen đường tắt Niết-bàn. Khi ấy, thiên tử Túc-tỳ-lê chuẩn bị bốn binh: Tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh cùng đánh với a-tu-la? dẹp được quân a-tu-la? chư thiên thắng trận trở về cung trời. Phật bảo các Tỳ-kheo: Thích-đề-hoàn-nhơn đem bốn binh ra chiến đấu với a-tu-la5 nhờ siêng năng nên thắng trận. Này các Tỳ-kheo! Thích-đề-hoàn-nhơn là Vua Tự Tại của cõi trời Ba Mươi Ba, thường do phương tiện tinh cần, cũng thường khen ngợi đức tinh cần. Tỳ-kheo các thày chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo nên siêng năng khen ngợi đức tinh cần như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1115 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Vào thời quá khứ, ở một thôn xóm, có các tiên nhơn dừng nghỉ nơi vùng đất trống bên cạnh thôn ấy. Lúc đó, chư thiên và a-tu-la đang dàn trận đánh nhau cách đó không xa. Bấy giờ, vua a-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la xả bỏ năm loại trang sức; cởi bỏ mũ trời, dẹp dù lọng, bỏ gươm dao, vứt quạt báu, cởi giày dép,

đến chỗ các tiên nhơn ở? vào trong cửa nhìn khắp nơi mà không ngó ngàng đến các tiên nhơn, cũng không chào hỏi, nhìn xong roi trở ra. Khi ấy, có một tiên nhơn vừa thấy vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la xả bỏ năm thứ trang sức vào trong vườn, thấy rồi quay trở ra nói với các tiên nhơn rằng: “Bây là người gì mà sắc tướng không đàng hoàng, không giống như hình người, chẳng có oai nghi, giống như người nhà quê, chẳng phải là người trưởng giả, quăng bỏ hết năm loại trang sức vào trong vườn nhìn khắp nơi cũng không thèm hỏi thăm các tiên nhơn?" Có một tiên nhơn trả lời răng: uĐây là vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la xả bỏ năm thứ trang sức, nhìn quanh rồi di.” Tiên nhơn kia nói: "Người này chẳng phải bậc Hiền sĩ không tốt, bất thiện, chẳng phải bậc Hiền thánh, phi pháp, trừ bỏ năm món trang sức đi vào trong cửa vườn nhìn quanh rồi bỏ đi, không hề để ý chào hỏi các tiên nhơn. Thế nên biết thiên chúng càng tăng thêm, a-tu-la càng giảm bớt." Lúc bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhơn trừ bỏ năm món trang sức, đi vào trú xứ của tiên nhơn, cùng với các tiên nhơn chào đón, hỏi thăm ân cân, sau đó trở ra. Lại có tiên nhơn thấy trời Đế-thích trừ bỏ năm thứ trang sức vào trong cửa vườn chào hỏi khắp mọi người, tiên nhơn này thấy như thế liền hỏi các tiên nhơn: “Bây là

người gì, vào trong vườn rừng có sắc tướng đàng hoàng, đáng mến, có oai nghi, không phải người thô kệch, tợ như người quý phái, trừ bỏ năm loại trang sức, đi vào cửa vườn chào hỏi khắp cả rồi sau đó mới trở ra?" Có tiên nhơn đáp: "Đây là trời Đế-thích trừ bỏ năm món trang sức, vào trong cửa vườn chào hỏi tất cả rồi đi ra." Tiên nhơn kia nói: "Đây là bậc Hiền sĩ, là người rất tốt, người chân thật, có phép tắc, oai nghi, dẹp bỏ năm món trang sức, vào trong cửa vườn hỏi thăm tất cả rồi sau đó mới trở ra. Thế nên biết thiên chúng càng tăng thêm, chúng a-tu-la càng giảm bớt.,, Khi vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghe tiên nhơn kia khen ngợi chư thiên, nghe xong liền nổi sân giận bừng bừng. Vị tiên nhơn ở nơi không xứ nghe vua a-tu-la đùng đùng nổi giận, tiên nhơn liền đi tới chỗ a-tu-la vương Tỳ-ma-chất- đa-la nói kệ: Tiên nhơn đi đến đây, cầu xin thí vô úy, Ngươi nay thí vô úy, Ban lời Mâu-ni dạy.

KINH TẠPA-HÀM 891

Tỳ-ma-chất-đa-la nói kệ đáp: Nơi cõi tiên các ông, Không có thí vô úy, Trái nghịch a-tula, Vì gần gũi Đế-thích, Nơi đây các vô úy, Còn sót bởi sợ hãi. Tiên nhơn lại nói kệ: Tùy vun trông hạt giông, Tùy loại quả báo sanh, Đên câu xin vô úy, Còn sót bởi sợ hãi, Nên được vô tận úy, Do hạt giống đã gieo. Các tiên nhơn đối diện trước a-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la nói chú xong, bay lên hư không đi mất. Đêm hôm ấy, a-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la trong lòng bông cảm thây sợ hãi ba phen, trong giác ngủ nghe âm thanh khủng khiêp: uThích-đề-hoàn-nhơn sẽ cất bốn chủng binh đánh với a-tu-la." A-tu-la vương thức dậy kinh hoàng lo lăng sợ hãi: uĐánh nhau chác chăn sẽ thua, thôi thì rút lui chạy về cung a-tu-la." Trời Đế-thích thấy địch quân đã rút lui, chư thiên đắc thắng, đi đến trú xứ của các tiên nhơn, lễ chân các tiên nhơn, lui về bốn phía, trước các tiên nhơn, hướng về phía Đông ngồi xuống. Lúc ấy, gió Đông khởi lên, có một tiên nhơn khác nói kệ: Nay các ẩn sĩ này, Xuất gia đã lâu năm, Nách đẫm mồ hôi nhơ, Chớ thuận ngồi trước gió, Thiên nhan đoi cho ngoi, Đây hôi hám khó chịu! Trời Đế-thích nói kệ đáp: Đủ các loại hương hoa, Kết lại làm tràng hoa, Hương thơm tôi ngửi được, Còn hơn mùi hoa kia. Dù thưởng thức mùi này, Chưa từng sanh ghê, chán. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Trời Đế-thích là Vua Tự Tại của cõi trời Ba Mươi Ba mà cung kính người xuất gia, cũng thường khen ngợi người xuất gia, cũng thường khen ngợi đức cung kính. Các Tỳ-kheo là người chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, thường nên cung kính các bậc Phạm hạnh, cũng nên khen ngợi đức cung kính. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1116 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ sáng sớm, trời Đế-thích đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật. Do thần lực của Đế-thích, từ thân vua trời tỏa ra ánh sáng chiếu khắp tinh xá Kỳ Thọ. Thích-đề-hoàn-nhơn nói kệ hỏi Phật:

892 KINH TẠP A-HÀM

Do giêt hại những g Mà ngủ được an on?
Do sát hại những gì, Mà được không lo sợ?
Do sát hại những gì, Được Cù-đàm khen ngợi?

Thê Tôn noi kê đáp:
Hại sân nhuê hung ác, Mà được ngủ yên ổn.
r
Hại sân nhuê hung ác, Tâm được không lo sợ. Sân nhuế là rắn độc, Ta dứt giống khổ kia, Diệt hết giống khổ kia, Mà được không lo sợ. Vì giống khổ đã dứt, Được Hiền thánh khen ngợi. Thích-đề-hoàn-nhơn nghe Phật nói xong, hoan hỷ? tùy hỷ? đảnh lễ cáo từ.

KINH SỐ 1117 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. r _ Bây giờ, Thê Tôn bảo các Ty-kheo: -Vào ngày mùng tám mỗi tháng, Tứ Đại Thiên vương ra lệnh cho các đại thần xem xét nhân gian, những người nào cúng dường cha mẹ, Sa-môn5 Bà- la-môn5 tôn trọng họ hàng làm việc phước đức, thấy điều ác đời này lo sợ tội lỗi đời sau, bố thí, làm phước, giữ gìn trai giới vào các ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm mỗi tháng, thọ giới, Bố-tát. Đen ngày mười bốn, Tứ Đại Thiên vương sai thái tử xuống quán sát nhân gian, những người nào cúng dường cha mẹ... thọ giới, Bô-tát. Đên ngày mười lăm, Tứ Đại Thiên vương tự xuồng thê gian xem xét chúng sanh, những người nào cúng dường cha mẹ... thọ giới, Bố-tát. Này các Tỳ-kheo! Lúc bấy giờ thế gian không có nhiều người cúng dường cha mẹ... thọ giới, Bố-tát. Khi ấy, Tứ Đại Thiên vương đi đến trời Ba Mươi Ba, nơi giảng đường Tập Pháp, thưa với trời Đế-thh: "Thiên vương nên biết, ngày nay thế gian không có nhiều người cúng dường cha mẹ... thọ giới, B&tát.” Bấy giờ thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba nghe như thế đều không vui, quay sang nói với nhau: "Người thế gian bây giờ chẳng hiền, chẳng thiện, chẳng tốt, không ra gì, không chân thật, chẳng cúng dường cha mẹ... chẳng thọ giới, Bố-tát. Do lỗi lầm ấy nên thiên chúng càng ngày càng giảm bớt và chúng a-tu-la càng lúc càng đong thêm.^, J J Này các Tỳ-kheo! Lúc ây, thê gian nêu lại có nhiêu người cúng dường cha mẹ... thọ giới, Bố-tát thì Tứ Đại Thiên vương sẽ đến cõi trời Ba Mươi Ba, nơi giảng đường Tập Pháp bạch trời Đế-thh:

KINH TẠPA-HÀM 893

"Thiên vương nên biết, ngày nay thế gian có nhiều người cúng dường cha mẹ... thọ giới, Bố-tát?9 Lúc ấy, chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba đều vui mừng, cùng nhau bảo: "Ngày nay, các người thế gian là Hiền thánh chân thật như pháp, có nhiều người cúng dường cha mẹ... thọ giới, Bố-tát. Nhờ phước đức này nên chúng a-tu-la giảm bớt, thiên chúng càng tăng them." Bấy giờ, trời Đế-thích biết các chúng trời đều vui mừng, liền nói kệ: Nếu đến ngày mùng tám, Mười bốn, ngày mười lăm, Và đến tháng thần túc, Thọ trì tám trai giới, Như điều ta tu hành, Họ cũng tu như vậy. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Trời Đế-thích đã nói kệ: Nếu đến ngày mùng tám, Mười bốn, ngày mười lăm, Và đến tháng thần túc, Thọ trì tám trai giới, Như điều ta tu hành, Họ cũng tu như vậy. Lời nói này không hay. Vì sao? Vì trời Đế-thích kia tự có tham, sân, si nên chẳng thoát khỏi sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Nếu Tỳ-kheo A-la-hán các lậu đã tận, việc làm đã xong, lìa các gánh nặng, đoạn các hữu kiết sử, tâm thiện giải thoát thì nói kệ này: Nếu đến ngày mùng tám, Mười bốn, ngày mười lăm, Và đến tháng thần túc, Thọ trì, tám trai giới, Như điều ta tu hành, Họ cũng tu như vậy. Nói như thế này mới là lời nói hay, đúng. Vì sao? Tỳ-kheo A-la-hán đã lìa tham, sân, si; đã thoát khỏi

sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Vì thế bài kệ này là khéo nói. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1118 Tôi nghe như vầy: Một thòi, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Tôn bao các Ty-kheo: -Vào thời quá khứ, vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bi bệnh trầm trọng, đi đến chỗ Thích-đề-hoàn-nhơn nói với Thích-đề-hoàn-nhơn rằng: í6Kiều-thi-ca! Ngài nên biết hiện nay, tôi đang bị bệnh trầm trọng, xin ngài trị liệu cho tôi được an 6n." Thích-đề-hoàn-nhơn nói với vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: "Ông hãy trao cho ta huyễn pháp, ta sẽ trị bệnh cho ông được an ổn.^,

A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bảo Đế-thích: “T6i sẽ trở về hỏi chúng a-tu-la, bằng lòng tôi sẽ trao huyễn pháp của a-tu- la cho Bế-thích." Lúc ấy, A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la trở về trong chúng a-tu-la nói: "Các ông nên biết, hôm nay ta bị bệnh nặng, ta đi đến chỗ Thích-đề-hoàn- nhơn nhờ tri bệnh, Đế-thích bảo ta: 'Nên trao huyễn pháp của a-tu-la cho Đế- thích, ông ấy sẽ trị bệnh cho ta được an ổn/ Bây giờ ta sẽ đi đến chỗ Đế-thích nói huyễn pháp của a-tu-la." Khi ây có một a-tu-la trá ngụy bảo với A-tu-la Tỳ-ma-chât-đa-la: “Trời Đế-thích là người chất trực, đáng tin, không hư dối, chỉ nói với Đế- thích rằng: 'Thiên vương! Huyễn pháp của a-tu-la nếu người nào học nó sẽ đọa vào địa ngục, chịu tội vô lượng trăm ngàn năm. Trời Đế-thích chắc chắn sẽ thôi không còn ý muôn học nữa và sẽ bảo ông đi đi5 khiên cho bệnh của ông thuyên giảm, được an ổn.5,5 Sau đó, vua a-tu-la Tỳ-ma-chât-đa-la lại đên chô Đê-thích nói kệ bạch răng: Bậc Thiên vương thiên nhãn, Huyễn thuật a-tu-la9 Đều là pháp giả dối, Khiến người đọa địa ngục, Vô lượng trăm ngàn năm Chịu khổ không lúc dừng. Trời Đế-thích bảo A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: "Th6i, thôi! Huyễn thuật như thế ta chẳng cần, ông hãy trở về, ta sẽ khiến cho bệnh của ông được lành, được khỏe mạnh, an 6n." Phật bảo các Tỳ-kheo: Thích-đề-hoàn-nhơn là Vua Tự Tại nơi cõi trời Ba Mươi Ba luôn luôn chân thật, không giả dối, hiền thiện, chất trực. Tỳ-kheo các thầy chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo cũng nên không giả dối, hiền thiện, chất trực. Nên học như vậy! Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1119 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Một hôm trời Đế-thích cùng với vua a-tu-la Tỳ-lư-xá-na-tử-bà-tri có dung mạo tuyệt đẹp, sáng sớm hai vị này cùng đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân của trời Đấ-thích và vua a-tu-la Tỳ-lư-xá-na-tử-bà- trỉ tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vườn cấp Cô Độc. Khi ây, a-tu-la vương Tỳ-lư-xá-na nói kệ bạch Phật: Người nên siêng nỗ lực, Được lợi ích đầy đủ, Lợi ích đã đầy đủ, Đâu cần đến phương tiện.

Trời Đế-thích lại nói kệ: Nêu người siêng nô lực? Được lợi ích đầy đủ? Lợi ích đã đầy đủ5 Tu nhẫn không gì hơn. Nói kệ xong hai vị cùng bạch Phật: "Thua Thế Tôn! Thế nào là nói hay?" The Ton bao: "Hai ông nói đều hay, nhưng bây giờ các vị hãy nghe Ta nói:

Tát cả loài chúng sanh, Đêu câu lợi cho mình, Mỗi một chúng sanh kia, Tự cầu chỗ mong muốn. Thế gian các hòa hợp, Và với đệ nhất nghĩa, Nên biết sự hòa hợp, Hẳn là pháp vô thường. Nếu người siêng nỗ lực, Được đầy đủ lợi ích, Lợi ích đã đầy đủ, Tu nhẫn không gì hơn.,, Trời Đe-thích và a-tu-la vương Tỳ-lư-xá-na nghe Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ? làm lễ rồi đi. LÚC bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Thích-đề-hoàn-nhơn là Vua Tự Tại của trời Ba Mươi Ba, tu hạnh nhẫn, khen ngợi nhẫn. Tỳ-kheo các thầy chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo cũng nên tu hạnh nhẫn, nên khen ngợi nhẫn như the. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1120 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Thời quá khứ có trời Đế-thích bạch Phật rằng: "Thua Thế Tôn! Hôm nay con thọ giới như thế... Phật pháp tồn tại ở thế gian, suốt đời con, nếu có người xúc não, con sẽ không làm xúc não lại người kia." LÚC ây, a-tu-la vương Tỳ-ma-chât-đa-la nghe trời Đê-thích thọ giới như thế... Phật pháp tồn tại ở thế gian, suốt đời nếu có người xúc não mình, cũng không làm xúc não lại người. Nghe xong a-tu-la vương xách gươm bén, ngược đường đi tới. Trời Đấ-thích từ xa trôĩiệ thấy a-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la cầm gươm bén ngược đường tiến tới, liên nói to: “A-tu-la đứng lại, trói ông, chớ nên cử dong?9 A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la tức thì không thể cử động, nói với trời Đế-thích: "Ong đã chẳng thọ giới như vầy: 'Nếu Phật pháp tồn tại ở thế gian suốt đời, nếu có người xúc não minh, tôi sẽ không xúc não lại người9 hay sao?"

Trời Đế-thích đáp:
"Tôi thật có thọ giới như thế, nhung ngươi hãy tự đứng lại chịu tr6i."
A-tu-la nói:
"Bây giờ hãy thả tôi ra."
Trời Đế-thích đáp:
“Nếu ông hứa không làm loạn, ta sẽ buông tha ông.99
A-tu-la nói:
"Thả tôi ra, sẽ làm đúng như pháp."
Đế-thích đáp:
"Trước hết phải làm đúng như pháp, sau mới thả ông ra.”
A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la liền nói kệ:
Nơi của tham dục đến, Nơi của sân nhuế đến,
Nơi của vọng ngữ đên, Nơi hủy báng Hiên thánh,
Ta nêu gây nhiêu loạn, Cũng sẽ đên nơi kia.
Thích-đề-hoàn-nhơn lại nói:
“Tha cho ông đi đâu tùy ý, được an ổn!^,
Trời Đế-thích sau khi bắt buộc a-tu-la vương phải hứa lời cam kết xong, ngài đi đến Phật, đảnh lễ Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn! Con ở trước Phật thọ giới như thế... Phật pháp tồn tại thế gian, trọn đời con nếu có kẻ xúc não, con không xúc não lại người. A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la nghe con thọ giới, tay xách gươm bén theo đường đi tới. Con trông thấy hắn từ xa và bảo: 'A-tu-la! Đứng lại, đứng lại! Trói ông dấy, đừng động dạy!5,9

A-tu-la nói:

"Ong không có thọ giới sao?"

Con đáp:

"T6i thật có thọ giới. Bây giờ ông đứng lại5 trói ông, chớ nên động day."

A-tu-la vương xin được cứu thoát, con bảo hắn:

"Nêu cam đoan không làm loạn ta sẽ buông tha."

A-tu-la nói:

"Hãy thả tôi ra trước, tôi sẽ the."

Con vội vàng nói:

"Phải hứa trước, sau mới thả ông.95

A-tu-la liền nói kệ:

Nơi của tham dục đến, Nơi của sân nhuế đến,

Nơi của vọng ngữ đến, Nơi hủy báng Hiền thánh,

Ta nếu gây nhiễu loạn, Cũng sẽ đến nơi kia.

KINH TẠPA-HÀM 897

“Thua Thế Tôn, như thế con muốn khiến a-tu-la vương phải nói lời thề thốt, đây có phải đúng pháp không? A-tu-la có gây nhiễu loạn nữa không? Phật bảo trời Đế-thích: "Lành thay! Lành thay! Ông muốn a-tu-la nói lời thề như thế, rất đúng pháp, không trái và a-tu-la cũng không dám làm nhiễu loạn nữa.” Trời Đấ-thích nghe Phật nói như thế, vui mừng đảnh lễ cáo từ. rp-l Á rp/X 19 r rp y 1 1

The Ton bao các Tỳ-kheo: Trời Đế-thích kia là Vua Tự Tại nơi cõi trời Ba Mươi Ba, chẳng bi nhiễu loạn, cũng thường khen ngợi pháp không nhiễu loạn. Tỳ-kheo các thầy chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo cũng nên không nhiễu loạn và cũng nên khen ngợi pháp không nhiễu loạn như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1121 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Ca-tỳ-la-vệ, trong vườn Ni-câu-luật. Khi ấy, có dân chúng dòng họ Thích đi đến chỗ Phật, lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi rằng: Quý vị dòng Cù-đàm! Theo pháp trong ngày trai giới và tháng thần túc có thọ trì trai giới và có tu tập công đức gì không? Những người họ Thích đáp: -Bạch Thế Tôn! Chúng con vào những ngày trai giới có khi giữ được, có khi giữ không được. Vào ngày mười lăm, có khi thọ trì trai giới, tu tập công đức và cũng có khi không. Phật dạy: -Như vậy là quý vị không gặt hái được những lợi ích tốt đẹp. Quý vi là những người kiêu mạn, phiên não, buôn râu, khô não. Tại sao vào những ngày trai giới mà lại có khi giữ được, có khi không? Rồi vào những tháng thần túc, có khi thọ trì trai giới tu tập công đức, có khi không? Các vị dòng Cù-đàm! Ví như có người lo mun cầu tài lợi, hằng ngày lợi vô gấp bội, một ngày một tiền, hai ngày hai tiền,

ba ngày bốn tiền, bốn ngày tám tiền, năm ngày mười sáu tiền, sáu ngày ba mươi hai tiền. Như thế người ấy thu lợi tăng dần, tám ngày, chín ngày, cho đến một tháng. Tiền bạc, tài sản tăng lên, giàu có phải không? Trưởng giả họ Thích bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Phật bảo:

KINH TẠPA-HÀM 897

“Thua Thế Tôn, như thế con muốn khiến a-tu-la vương phải nói lời thề thốt, đây có phải đúng pháp không? A-tu-la có gây nhiễu loạn nữa không? Phật bảo trời Đế-thích: "Lành thay! Lành thay! Ông muốn a-tu-la nói lời thề như thế, rất đúng pháp, không trái và a-tu-la cũng không dám làm nhiễu loạn nữa.” Trời Đấ-thích nghe Phật nói như thế, vui mừng đảnh lễ cáo từ. rp-l Á rp/X 19 r rp y 1 1

The Ton bao các Tỳ-kheo: Trời Đế-thích kia là Vua Tự Tại nơi cõi trời Ba Mươi Ba, chẳng bi nhiễu loạn, cũng thường khen ngợi pháp không nhiễu loạn. Tỳ-kheo các thầy chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo cũng nên không nhiễu loạn và cũng nên khen ngợi pháp không nhiễu loạn như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1121 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Ca-tỳ-la-vệ, trong vườn Ni-câu-luật. Khi ấy, có dân chúng dòng họ Thích đi đến chỗ Phật, lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi rằng: Quý vị dòng Cù-đàm! Theo pháp trong ngày trai giới và tháng thần túc có thọ trì trai giới và có tu tập công đức gì không? Những người họ Thích đáp: -Bạch Thế Tôn! Chúng con vào những ngày trai giới có khi giữ được, có khi giữ không được. Vào ngày mười lăm, có khi thọ trì trai giới, tu tập công đức và cũng có khi không. Phật dạy: -Như vậy là quý vị không gặt hái được những lợi ích tốt đẹp. Quý vi là những người kiêu mạn, phiên não, buôn râu, khô não. Tại sao vào những ngày trai giới mà lại có khi giữ được, có khi không? Rồi vào những tháng thần túc, có khi thọ trì trai giới tu tập công đức, có khi không? Các vị dòng Cù-đàm! Ví như có người lo mun cầu tài lợi, hằng ngày lợi vô gấp bội, một ngày một tiền, hai ngày hai tiền, ba ngày bốn tiền, bốn ngày tám tiền, năm ngày mười sáu tiền, sáu ngày ba mươi hai tiền. Như thế người ấy thu lợi tăng dần, tám ngày, chín ngày, cho đến một tháng. Tiền bạc, tài sản tăng lên, giàu có phải không? Trưởng giả họ Thích bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Phật bảo:

898 KINH TẠP A-HÀM

Thế nào, những người họ Cù-đàm? người mà tài sản cứ tăng lên dần và sẽ tăng lên mãi, lại muốn tâm vui vẻ an lạc, trụ vào thiền định trong khoảng mười năm có được không? - Bạch Thế Tôn, không! Phật bảo: r

Hoặc là chín năm? tám năm, bảy năm, sáu năm, năm năm, bôn năm, ba năm, hai năm hay một năm, tâm an lạc, vui vẻ, trụ vào thiền định có được không? - Bạch Thế Tôn, không! Phật bảo: -Thôi, không tính năm, liệu có được mười tháng, chín tháng, tám tháng, cho đến một tháng tâm an lạc vui vẻ, trụ vào thiền định có được không? Thôi, không tính tháng, liệu có được mười ngày, chín ngày, tám ngày cho đến một ngày một đêm tâm an lạc vui vẻ, trụ vào thiền định có được không? -Bạch Thế Tôn, không! Phật

dạy: Nay Ta nói cho quý vi rõ: Trong hàng Thanh văn của Ta, có người tâm ngay thẳng, không cong vạy, hư dối. Đối với người này, Ta đã giáo hóa họ mười năm rồi do duyên này, người ấy có thể trong trăm, ngàn, vạn năm tâm an lạc vui vẻ, trụ vào thiền định, điều này chắc chắn là như vậy. Lại nữa, thôi không tính mười năm, chỉ cần chín năm, tám năm, cho đến một năm, mười tháng, chín tháng, cho đến một tháng, rồi mười ngày, chín ngày, cho đến một ngày một đêm được Ta giáo hóa thì đến sáng họ có thể tiến bộ vượt bực. Sáng sớm được giáo hóa đến chiều tối, có thể tăng tiến gấp bội. Do nhân duyên này, nên trong trăm ngàn, vạn năm tâm an lạc vui vẻ trụ vào thiền định, thành tựu chứng đắc hai quả vị, hoặc Tư-đà-hàm hay A-na-hàm, vì người này đã đắc quả Tu-đà-hoàn trước rồi. Những người họ Thích bạch Phật: - Lành thay, Thế Tôn! Từ ngày hôm nay vào những ngày trai giới, chúng con sẽ thọ trì tám chi trai giới, những tháng thần túc cũng thọ trì trai giới, tùy sức bố thi, tu tập công đức? Phật bảo: Lành thay! Những người dòng họ Cù-đàm5 chính yếu chân thật.

Phật nói kinh này xong, những người họ Cù-đàm nghe Phật dạy5 hoan hỷ, tày hỷ, làm lễ cáo từ.

KINH SỐ 1122 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ca-tỳ-la-vệ9 trong vườn Ni-câu-luật.

KINH TẠPA-HÀM 899

Bây giờ, có những người dòng họ Thích nhóm họp ở nhà nghị luận. Khi đó? có người họ Thích nói với người họ Thích tên là Nan-đề rằng: Chúng tôi có khi được đến Như Lai để cung kính cúng dường, có khi không được. Có khi chúng tôi được gần gũi cúng dường chư vị Tỳ-kheo hiểu biết, có khi không được. Lại cũng không biết hàng ưu-bà-tắc có trí tuệ, khi đến chỗ ưu-bà-tắc, iru-bà-di trí tuệ khác, bi tật bệnh khốn khổ thì phải thuyết pháp, giáo giới họ như thế nào. Do đó, bây giờ chúng ta hãy cùng đến chỗ Thế Tôn để thưa hỏi nghĩa này. Thế Tôn dạy thế nào thì chúng ta cứ như thế thọ lãnh và hành trì. Thế rồi Nan-đề và những người dòng họ Thích cùng dẫn nhau đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Nan-đề bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Chúng con những người dòng họ Thích có bàn luận với nhau ở nhà nghị luận như vầy: "C6 người họ Thích đến nói với con rằng: 'Này Nan-đề! Chúng tôi có khi được gặp Như Lai để cung kính cúng dường, có khi không được gặp. Hoặc có khi đến gặp được các vị Tỳ-kheo hiểu biết để gần gũi cúng dường, có khi không được gặp... (nói rộng như trêrì)... Thế Tôn dạy thê nào thì chúng ta cứ như thê thọ lãnh và hành tri."' Hôm nay chúng con đên dây, xin hỏi đức Thế Tôn: "Nếu hàng ưu-bà-tắc đến chỗ ưu-bà-tắc và ưu-bà-di trí tuệ khác, bị bệnh tật khốn khổ thì phải thuyết pháp giáo giới như thế nào?” Phật đáp: -Nếu mi-bà-tắc có trí tuệ đến chỗ ưu-bà-tắc và iru-bà-di trí tuệ khác đang bi bệnh tật khốn khổ, dùng ba điều an ổn này mà truyền dạy cho họ: “Thua nhơn giả! Nhơn giả hãy thành tựu lòng tin thanh tịnh không hoại đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng/5 Sau khi dùng ba điều an ổn này giáo hóa nhắc nhở xong, phải hỏi lại người bệnh: “Nhơn giả có nhớ thương cha mẹ kh6ng?" Nêu người bệnh nói có nhớ thương cha mẹ, nên nhác họ buông xả và nói răng: "Nếu nhơn giả nhớ thương cha mẹ mà sống được thì nên nhớ thương. Đã không do nhớ thương mà được sống thì nhớ thương để

làm gi?" Nếu người bệnh không nhớ thương cha mẹ thì nên vui vẻ tán thán mà hỏi thêm rằng: “Nhơn giả có nghĩ nhớ đến vợ con, nô bộc và tài sản của cải không?^ Nếu họ nói nhớ thì khuyên họ buông xả, như pháp xả sự nhớ thương cha mẹ. Nếu người bệnh nói không nhớ nghĩ thì tùy hỷ khen ngợi và hỏi nữa. “Nhơn giả có nhớ đến ngũ dục thế gian kh6ng?" Nếu họ nói nhớ thì giải thích cho họ biết ngũ dục thế gian là chỗ xấu xa, bất tịnh, hoại diệt và

KINH TẠPA-HÀM 901

KINH SỐ 1124 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Ca-tỳ-la-vệ9 trong vườn Ni-câu-luật. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu có vị Thánh đệ tử đối với Phật, thanh tựu lòng tin thanh tịnh không hoại thì bấy giờ hàng chư thiên trước kia đối với Phật đã thành tựu lòng tin thanh tịnh không hoại, được sanh lên cõi trời họ sẽ rất hoan hỷ và khen ngợi răng: “Ta trước đây, nhờ nhân duyên đối với Phật được thành tựu lòng tin thanh tịnh không hoại, nên được sanh lên cõi trời tốt đẹp này. Vị Thánh đệ tử kia, ngày nay đoi với Phật thành tựu được lòng tin thanh tinh, không hoại, do nhân duyên đó cũng sẽ sanh lên cõi trời tốt đẹp này. Đối với Pháp và Tăng thành tựu lòng tin thanh tịnh, không hoại; và thành tựu Thánh giới, cũng nói như thế." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1125

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

r _

Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo:

-Có bốn thứ đạo phần của quả Tu-đà-hoàn. Đó là thân cận thiện hữu, nghe

Chánh pháp, bên trong suy nghĩ chơn chánh, pháp thứ pháp hướng.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1126 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: Có bốn đạo phần của quả Tu-đà-hoàn. Những gì là bốn? Đó là: Đối với Phật, tâm thanh tịnh không hoại; đối với Pháp, Tăng, tâm thanh tịnh, không hoại; và thành tựu Thánh giới. Đây gọi là đạo phần của quả Tu-đà-hoàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1127 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Thê Tôn bao các Tỳ-kheo: -Nêu có người thành tựu bốn pháp thì biết là Tu-đà-hoàn. Những gì là bốn? Đó là đối với Phật, Pháp, Tăng tâm thanh tịnh, không hoại; và thành tựu Thánh giới. Đó gọi là người thành tựu bốn pháp, nên biết vị ấy là Tu-đà-hoàn.

902 KINH TẠP A-HÀM

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giống như thuyết không phân biệt, cũng vậy, phân biệt Tỳ-kheo, Tỳ-kheo- nif

Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, im-bà-tắc và ưu-bà-di. Người nào thành tựu bon pháp trên thì biết họ là Tu-đà-hoàn, Moi moi kinh đều nói như trên).

KINH SỐ 1128

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bây giơ, Thê Ton bảo các Tỳ-kheo:

Có bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn? Đó là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm?

A-na-hàm và A-la-hán.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1129 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn? Đó là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm? A-na-hàm và A-la-hán. Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Nghĩa là đoạn dứt ba kiết sử thì gọi là Tu-đà-hoàn. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Nghĩa là đoạn dứt ba kiết sử và tham sân mỏng dần thì gọi là Tư-đà-hàm. Thế nào là quả A-na-hàm? Là đoạn dứt năm hạ phần kiết sử gọi là quả A-na-hàm. Thế nào là quả A-la-hán? Nếu người nào dứt sạch tham dục5 sân nhuế, ngu si, và tất cả phiền não thì gọi là quả A-la-hán. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1130 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành ở nơi nào, mà chứng một trong bốn quả Sa-môn thì khi Tỳ-kheo ấy mạng chung, thường nhớ đến chỗ mình đã chứng quả. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Giông như chô kinh hành, cũng vậy, chô đứng, chô ngôi, chô năm cũng như thê. Giông như Tỳ-kheof cũng vây, Tỳ-kheo-nỉf Thức-xoa-ma-na, Sa-dỉf Sa-dỉ- nif ưu-bd-tắc, ưu-bd-di, mỗi mỗi bốn kinh cũng nói như thế).

KINH TẠPA-HÀM 903

KINH SỐ 1131 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có bốn cách ăn để nuôi dưỡng tứ đại, làm cho chúng sanh được an lạc5 lợi ích và nhiêp thọ. Những gì là bôn? Đó là đoàn thực, xúc thực, tư niệm thực và thức thực. Và có bốn thứ thấm nhuần phước dức, thấm nhuần pháp lành thì ăn mới an lạc. Những gì là bốn? Đó là đối với Phật thành tựu tâm thanh tịnh, không hoại, thấm nhuần phước đức, thấm nhuần pháp lành thì ăn mới an lạc. Đối với Pháp, Tăng thành tựu tâm thanh tịnh, không hoại; và thành tựu Thánh giới, thâm nhuân phước đức, thâm nhuần pháp lành thì ăn mới an lạc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1132

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đàj trong vườn cấp Cô Độc.

Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo:

r
(Nói như trên, chỉ có khác la): Đôi với Phật thành tựu tâm thanh tịnh không hoại, tham nhuần phước đức, tham nhuần pháp lành thì ăn mới an lạc. Đoi với Pháp thành tựu tâm thanh tịnh, không hoại, các pháp đã được nghe, ưa thích, ái niệm; và thành tựu Thánh giới, thấm nhuần phước dức, thấm nhuần pháp lành thì ăn mới an lạc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1133 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc. _ _ Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: (Nói như trên, chỉ có khác la): Đối với Phật thành tựu tâm thanh tịnh không hoại, thấm nhuần phước đức, thấm nhuần phước lành thì ăn mới an lạc. Nếu pháp hoặc tâm keo kiệt trói buộc chúng sanh thì phải xa lìa các cấu bẩn ấy và thực hành bố thí, giải thoát. Thường bố thí, thích buông xả, tâm bố thí bình đẳng, thành tựu Thánh giới, thấm nhuần phước đức, thấm nhuần pháp lành thì ăn mới an lạc. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1134 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kneo: (Nói như trên, chỉ có khác lấy. Bốn thứ như thế thấm nhuần phước đức, thấm nhuần pháp lành thì ăn mới an lạc. Quả báo và công đức của Thánh đệ tử kia không thể so lường. Những người có được phước báu này là do tích tụ nhiều công đức. (Giống như kinh ví dụ ngũ hà,... nói kệ). Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1135 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, có bon mươi thiên tử sắc tướng tốt đẹp, sáng sớm đen chỗ Phật, cúi ~ A đau le chan Phạt roi lui ngoi mọt ben. The Ton bao các thiên tư áy răng: Lành thay! Lành thay! Các thiên tử! Quý vị đối với Phật đã thành tựu tâm thanh tịnh không hoại; đoi với Pháp, Tăng thành tựu tâm thanh tinh, không hoại; và thành tựu Thánh giới. Bấy giờ, có một thiên tử đứng dậy, sửa lại y phục, cúi đầu lễ chân Phật, rồi chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đối với Phật, con đã thành tựu tâm thanh tịnh không hoại, do công đức này nên khi mạng chung con được sanh lên cõi trời. Một thiên tử khác thưa: -Bạch Thế Tôn! Đối với Pháp, con đã thành tựu tâm thanh tinh không hoại, do công đức này nên khi mạng chung con được sanh lên cõi trời. Một thiên tử khác thưa: -Bạch Thế Tôn! Đối với Tăng, con đã thành tựu tâm thanh tịnh không hoại, do công đức này nên khi mạng chung con được sanh lên cõi trời. Một thiên tử khác thưa: - Bạch Thế Tôn! Con thành tựu Thánh giới, do công đức này khi mạng chung con được sanh lên cõi trời. Bốn mươi thiên tử lần lượt đến trước Phật tự nói về quả Tu-đà-hoàn xong rồi biến mất. (Giong như bốn mươi vị thiên tử, cũng thế, bốn trăm thiên tử, tám trăm thiên tử, mười ngàn thiên tử, hai chục ngàn thiên tử, ba chục ngàn thiên tử, bổn chục ngàn thiên tử, năm chục ngàn thiên tử, sáu chục ngàn thiên tử, bảy chục

ngàn thiên

906 KINH TẠPA-HÀM _____

-Ý các thầy thế nào? Hiện tại bàn tay Ta có dính mắc hay đắm nhiễm hư không chăng?
Các Tỳ-kheo bạch Phật:
- Bạch Thế Tôn, không.
Phật bảo Tỳ-kheo:
Chỉ Tỳ-kheo Ca-diếp có tâm như vậy, là tâm không dính, không mắc và không đắm nhiễm khi vào nhà người.
Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:
Tỳ-kheo như thế nào mới đáng thanh tịnh thuyết pháp?
Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp xin Ngài nói rộng, chúng con nghe xong sẽ lãnh thọ và hành trì. Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, khéo suy nghi, Ta sẽ vì các thầy giảng nói.

Nếu có Tỳ-kheo khởi tâm như vầy: "Người nào đối với Ta khởi tín tâm thanh tịnh làm gốc, ta sẽ được họ cúng dường y phục, ngọa cụ, mền nệm và thuốc thang thì ta sẽ thuyết pháp cho họ nghe." Người nói như thế gọi là không thanh tịnh thuyết pháp. Nếu lại có Tỳ-kheo vì người thuyết pháp, khởi nghĩ như vầy: “Thế Tôn hiển hiện Chánh pháp, Luật, lìa các nhiệt não, không đợi thời tiết, ngay thân này, theo sự giác tri của chính mình, hướng thẳng đến Niết-bàn. Còn các chúng sanh thì đắm chìm vào già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não; những chúng sanh này nghe được Chánh pháp, nhờ nghĩa lợi ích thì mãi mãi sẽ được an lạc. Do nhân duyên Chánh pháp này, dùng tâm từ, tâm bi, tâm thương xót và tâm muốn Chánh pháp được trụ thế lâu dài mà vì người thuyết pháp. Đó gọi là thanh tịnh thuyết pháp, vì Chánh pháp, Luật của Như Lai... tâm muốn làm Chánh pháp được trụ thế lâu dài mà vì người thuyết pháp." Thế nên, này các Tỳ-kheo? phải học như thê, thuyêt pháp như thê, đôi với Chánh pháp, Luật của Như Lai... tâm muốn khiến cho Chánh pháp được thường trụ lâu dài mà vì người thuyết pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1137 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nêu có Tỳ-kheo khi muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vầy: "Nhà này sẽ cúng cho ta, chứ không phải không cúng; cúng liền không để lâu; cúng

KINH TẠPA-HÀM 907

nhiêu không cúng ít; cúng ngon không cúng dở; cúng nhanh không cúng chậm trễ?9 Tâm địa như thế mà đến nhà người, nếu người kia không cúng hay cúng chậm trễ thì tâm của Tỳ-kheo này bực bội, do duyên này nên tâm của Tỳ-kheo ấy thối thất, tự sanh chướng ngại. Nếu lại có Tỳ-kheo khi muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vầy: "Người xuất gia khi đến nhà người, do đâu được cúng chẳng phải không cúng, cúng liền không để trễ, cúng nhiều không cúng ít, cúng ngon không cúng dở, cúng nhanh không cúng chậm trễ?" Nghĩ như thế mới vào nhà người. Nếu người kia không cúng

hoặc cúng trễ, Tỳ-kheo ấy tâm không bực bội, do tâm không bực bội, nên không thối thất, không sanh chướng ngại, và chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp nghĩ như thế khi đến nhà người. Thế nên, này các Tỳ-kheo, phải học như vầy, và khởi nghĩ như vây mới đên nhà người: "Người xuất gia khi đên nhà người, do đâu được cúng dường, chẳng phải không cúng, cho đến cúng mau không chậm trễ?" Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1138 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở tại vườn phía Đông nước Xá-vệ5 trong giảng đường Lộc Tử Mau, sau khi tọa thiền xong, Tôn giả đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, Thế Tôn bảo Tôn giả Ma-ha Ca-diếp: Thầy nên thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo. Vì sao? Vì Ta thường thuyêt pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo. Thây cũng nên như thê. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo nay khó giáo thọ, hoặc có Tỳ-kheo không chịu nghe nói. Phật bảo Ma-ha Ca-diếp: Do nhân duyên gì thầy nói như vậy?

Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con thấy có hai Tỳ-kheo, một người tên Bàn-trù, đệ tử của A-nan, người thứ hai tên A-phù-tì đệ tử của Đại Mục-kiền-liên. Hai người ấy tranh luận về đa văn, họ luận nghi tranh

Tôn giả Ca-diếp nói với A-nan: -A-nan nên im lặng, chớ đê tôi đem việc thây ra hỏi giữa chúng Tăng. Tôn giả A-nan liền im lặng. Bấy giờ, đức Phật sai một Tỳ-kheo đi đến chỗ Tỳ-kheo Bàn-trù và A-phù-tì, nói rằng: "Dại sư gọi hai thy!" Tỳ-kheo ấy vâng lời Phật, đi đến chỗ hai Tỳ-kheo kia nói rằng: Đại sư gọi hai thầy!

Tỳ-kheo Bàn-trù vàA-phù-tì đáp xin vâng giáo liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi xuống.

tội, tự thấy tội, tự biết sám hối thì ở đời vi lai giới luật nghi phát sinh, trọn đời không thối chuyển. Hai Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, làm lễ lui ra.

KINH SỐ 1139 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diêp trú nơi vườn phía Đông nước Xá-vệ? trong giảng đường Lộc Tử Mau. Sau khi xả thiền, vào buổi chiều, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Phật bảo Tôn giả Ca-diếp: Thây nên thuyêt pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo. Vì sao? Vì Ta thường thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo thì thầy cũng nên như thế. Tôn giả Ca-diếp bạch Phật: Bạch The Tôn! Tỳ-kheo ngày nay khó thuyết pháp cho họ nghe, nếu có thuyết pháp thì họ không chịu nghe, không vui. Phật hỏi Tôn giả Ca-diếp: - Vì nhân duyên gì thầy nói như vậy? Tôn giả Ca-diếp bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Có Tỳ-kheo đối với thiện pháp không có lòng tin kính, nếu nghe thuyết pháp, họ cũng thối chuyển, hoặc gặp người ác trí thì đối với thiện pháp họ không có trí tuệ, tinh tấn và biết tàm quý, họ có nghe pháp cũng thối chuyển. Hoặc có người tham dục, sân nhuế, mê ngủ,

trạo cử, nghi hoặc, thân hành thô bạo, phẫn hận, thất niệm, bất đinh, vô trí, họ có nghe pháp thì cũng thối chuyển. Bạch Thế Tôn! Những người ác như thế, còn không thể khiến tâm an trụ ở pháp lành, huông là tăng tiên! Nên biêt hạng người này hăng ngày pháp lành thối chuyển, không thể tăng trưởng. Bạch Thế Ton! Nếu người nào đối với các pháp lành, lòng tin, thanh tịnh không thối chuyển; đối với pháp lành họ tinh tấn, tàm quý và có trí tuệ, không thối chuyển, không tham không sân, không mê ngủ, không trạo cử, không nghi hoặc, không thối chuyển; thân không thô bạo, tâm không ô nhiễm, không phẫn, không hận, định tâm, chánh niệm, trí tuệ thì không thối chuyển; người như thế đối với các pháp lành không những tâm chỉ an tru mà ngày đêm còn được tăng trưởng; người này ngày đêm thường cầu thắng tấn, trọn đời không thối chuyển. Phật bảo: Đúng vậy! Đúng vậy! Người nào đối với pháp lành, không có lòng tin thì bị thối chuyển, cũng như Tôn giả Ma-ha Ca-diếp lần lượt nói rộng.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ca-diếp nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, làm lễ lui ra.

KINH SỐ 1140 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở tại vườn phía Đông nước Xá-vệ, trong giảng đường Lộc Tử Mau. Vào buổi chiều sau khi xả thiền, Tôn giả đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ngồi một bên. Khi ấy, Thế Tôn bảo Tôn giả Ca-diếp: Thầy nên thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo. Vì sao? Vì Ta thường thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo thì thầy cũng nên như thế. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo ngày nay khó vì họ thuyết pháp giáo giới, giáo thọ, vì có những Tỳ-kheo nghe thuyết pháp tâm không vui và không thích nghe. Phật bảo Tôn giả Ca-diếp: Vì sao thầy nói như vậy?

Tôn giả Ca-diếp thưa: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là chỗ nương tựa của pháp? cúi xin The Tôn vì các Tỳ-kheo thuyết pháp, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ và hành trì. Phật bảo Tôn giả Ca-diếp: -Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Này Ca-diếp! Ngày xưa, Tỳ-kheo ở a-lan-nhã thì khen ngợi pháp A-lan- nhã; ở chỗ Tỳ-kheo khất thực thì khen ngợi về công đức khất thực; ở chỗ Tỳ- kheo mặc y phấn tảo thì khen ngợi về công đức mặc y phấn tảo; hoặc ở chỗ Tỳ-kheo thiểu dục tri túc, tu hành viễn ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh định, trí tuệ lậu tận, tự thân tác chứng thì tùy theo sở hành của họ mà khen ngợi. Này Ca-diếp! Nêu Tỳ-kheo ở chỗ a-lan-nhã khen ngợi pháp A-lan-nhã?... ở chỗ Tỳ-kheo lậu tận, khen ngợi lậu tận tự thân tác phúng, nếu gap người đó thì tùy n^hi thăm hỏi: "Thầy tên gì? Đệ tử của ai?" Lấy ghế mời ngoi và tán thán đức hiền thiện của họ, đúng như pháp sở hành của họ là có nghĩa của Sa-môn và sở dục của Sa-môn? khen ngợi như the. Khi ấy, nếu họ ở chung hay cùng đi thì liền quyết định, tùy thuận sự tu hành của họ không bao lâu sẽ đồng ý với chỗ thấy và cùng ý muôn với họ. Phật lại bảo: Nếu Tỳ-kheo trẻ tuổi gặp Tỳ-kheo A-lan-nhã đó thì phải đến tán thán pháp A-lan-nhã,... Tỳ-kheo lậu tận, tự thân tác chứng. Tỳ-kheo trẻ tuổi kia nên

đứng dậy nghinh tiếp, cung kính lễ bái, thưa hỏi cho đến cùng ở chung với họ? không bao lâu chính mình sẽ được lợi ích. Người nào cung kính như thế, mãi mãi sẽ được lợi ích an lạc. Phật lại bảo Tôn giả Ca-diếp: Nay Tỳ-kheo niên thiếu nào thấy Tỳ-kheo kia đến mà biết đó là bậc Đại đức có tri kiến có thể chiêu cảm được các tài vật như y phục, mền nệm, ăn uống, giường nằm, thuốc thang thì cùng nhau nói năng, cung kính hỏi thăm rằng: "Quý hóa thay! Ngai đến đây. Ngài tên gì? Là đệ tử của ai?' Tán thán phước đức của vi ấy có thể được lợi lớn như y phục, mền nệm, ăn uống, giường nằm, thuốc thang. Nếu ta gần gũi với vị ấy cũng sẽ được đầy đủ những y phục mền nệm, ăn uông, giường nằm, thuốc thang. Nếu lại có Tỳ-kheo niên thiếu nào thấy vị kia đến mà biết đó là bậc Đại dức, dại trí, có thể chiêu cảm được những tài lợi như y phục, mền nệm, ăn u6ng, giường nằm, thuốc thang thì mau chóng đứng dậy nghinh đón, cunẹ kính van an: "Thật quý hóa thay! Ngài đến đây là bậc Đại dức, đại trí!" Vị ây có thể chiêu cảm được đại lợi về y phục, mền nệm5 ăn uống, giường nằm, thuốc thang. Này Ca-diếp! Những hạng Tỳ-kheo niên thiếu như vậy, luôn luôn bi đau khổ, không có lợi, phi nghĩa. Như thế, này Ca-diếp, những Tỳ-kheo đó là bệnh của Sa-môn, là sự chìm đăm của Phạm hạnh, là sự chướng ngại lớn lao, là pháp ác bất thiện, là gốc của phiền não, trở lại thọ các hữu, chịu khổ báo sanh tử của đời vị lai thiêu đốt đưa đến sanh-già-bệnh-chết-mi-bi-khô-não. Thê nên, này Ca-diêp, phải tu học như vây: "Nên khen ngợi xưng tán những người a-lan-nhã ở tru xứ a-lan-nhã? mặc y phấn tảo đi khất thực, thiểu dục tri túc, tu hạnh viễn ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh đinh, chánh trí lậu tận, tự thân tác chứng.” Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ca-diếp nghe Phật dạy, hoan hỷ, làm lễ lui ra.

KINH SỐ 1141 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp trụ ở vườn phía Đông nước Xá-vệ, trong giảng đường Lộc Tử Mau, vào buổi chiều sau khi xả thiền, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Bây giờ5 Thê Ton bao Ton giả Ca-diêp: Nay thầy đã lớn tuổi, các căn suy yếu, mặc y phấn tảo nặng nề? áo của Ta vừa nhẹ vừa tốt, thầy hãy ở trong chúng mặc chiếc áo nhẹ hoại sác do cư sĩ cúng. Tôn giả Ca-diếp bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con luôn luôn tập hạnh A-lan-nhã, tán thán hạnh A-lannhã, mặc y phấn tảo đi khất thực.

Phật bảo Thầy quán sát bao nhiêu ý nghĩa mà tập hạnh A-lan-nhã? tán thán pháp A-lan-nh mặc y phấn tảo đi khất thực? Tôn giả Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con quán thấy có hai nghĩa: Hiện tại được an lạc và làm gương cho chúng sanh đời vị lai. Vì chúng sanh đời vị lai sẽ nghĩ như vầy: "Nhu Thượng tọa quá khứ có đủ sáu phép thần thông, xuất gia lâu năm, Phạm hạnh thuần thục, được Thế Tôn khen ngợi, và được những bậc trí tuệ Phạm hạnh phụng sự, mà các vi ấy vẫn luôn luôn tập hạnh A-lan-nhã, tán thán hạnh A-lan-nhã? khất thúc." Người nào nghe được điều này, tâm họ sẽ thanh tịnh và tùy hỷ, mãi mãi được an lạc và lợi ích. Phật bảo: -Này Ca-diếp! Lành thay! Lành thay! Ca-diếp! Thầy là người luôn luôn đem lại nhiều lợi ích và an lạc cho chúng sanh, thương xót the gian, đem lại nhiều an lạc cho trời, người. Phật lại bảo Tôn

giả Ca-diếp: Nêu có ai hủy báng pháp Đâu-đà tức là hủy báng Ta. Nêu có ai tán thán pháp Đầu-đà tức là tán thán Ta. Vì cớ sao? Vì pháp Đầu-đà là pháp Ta luôn khen ngợi và tán thán. Thế nên, này Cadiếp, đối với người ở a-lan-nh đối với người nên tán thán A-lan-nhã mặc y phấn tảo đi khất thực, nên tán thán pháp mặc y phấn tảo, đi khất thực. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ma-ha Ca-diêp nghe Phật dạy, tùy hỷ, làm lễ lui ra.

KINH SỐ 1142 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diêp tru lâu ở a-lan-nhã trong nước Xá-vệ9 râu tóc ra dài, mặc y vá đi đến chỗ Phật. Lúc đó, Phật có vô số đại chúng vây quanh nghe thuyết pháp. Khi ấy các Tỳ-kheo thấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp từ xa đi lại, thấy rồi khởi tâm khinh mạn nói rằng: Tỳ-kheo này là ai mà y áo luộm thuộm, chẳng có dung nghi mà đi đến dây, y ao xốc xếch mà đến đay? Khi đó, Phật biết được tâm niệm của các Tỳ-kheo, bèn bảo Ma-ha Ca-diếp: Lành thay, Ca-diếp! Thầy hãy đến đây ngồi nửa tòa, nay Ta đã biết ai xuất gia trước thầy ư? Ta ư?

KINH TẠPA-HÀM 913

Các Tỳ-kheo kinh hãi, dựng tóc gáy lên hết, nói với nhau: Lạ thay! Đó là Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, là đệ tử có đức độ lớn, thần lực lớn của bậc Đại sư, được mời ngồi nửa tòa. Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn là thầy của con, con là đệ tử.

Phật bảo Ca-diếp: Đúng vậy! Đúng vậy! Ta là Đại sư, thầy là đệ tử, bây giờ thầy cứ ngồi xuống.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn muốn cảnh tỉnh các Tỳ-kheo nên đem những công đức rộng lớn thù thăng của Ca-diêp đã chứng đác đông với mình đê khai thị cho đại chúng hiện tiền, bảo các Tỳ-kheo: Ta lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác, có quán, trụ Sơ thiền, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Đại Ca-diếp cũng giống như Ta, lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, cho đến trụ Sơ thiền, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Ta muốn trụ Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm thì Đại Ca-diêp cũng giông như thê,... trụ Tứ thiên, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Ta muốn Từ, Bi, Hỷ? Xả, nhập Không xứ, nhập Thức xứ, nhập Vô sở hữu xứ, nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ; thần thông hiện các cảnh giới, có Trí thiên nhi, Trí tha tâm, Trí túc mạng, Trí sanh tử và Trí lậu tận, an trụ đầy đủ, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như thế... đầy đủ trí lậu tận, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Sau khi Thế Tôn ở giữa vô số đại chúng, tán thán công đức thắng diệu rộng lớn của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp là đồng với mình rồi các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1143

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và A-nan đang ở trong núi Kỳ-xà quật.

Tôn gia A-nan đến chỗ Tôn giả Ca-diếp nói rằng:

9 r

-Hôm nay chúng ta hãy cùng ra khỏi núi đê vào thành Vương Xá khát thực. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp im lặng bằng lòng. Hai Tôn giả cùng đắp y, mang bát vào thành Vương Xá khất thực. Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ca-diếp: Trời còn sớm, chúng ta có thể ghé thăm tinh xá của Tỳ-kheo-ni. Hai Tôn giả liền đi đến chỗ Tỳ-kheo-ni. Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni trong thấy Tôn giả Ca-diếp và Tôn giả A-nan từ xa đi lại, vội vàng trải tòa mời ngồi và cúi đầu lễ chân hai vị, rồi lui ngồi một bên. Tôn giả Ca-diếp thuyết pháp khai thị

chỉ giáo. Sau khi Tôn giả giảng xong, Tỳ-kheo-ni Thâu-na Nan-đà không ưa5 nói ra những lời khiếm nhã như vầy: -Tại sao thầy Ca-diếp ở trước thầy A-nan dung mạo đoan nghiêm, lại thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni nghe, khác nào kẻ bán kim ở trước nhà người làm kim? Thầy Đại Ca-diếp cũng lại như thế, ở trước thầy A-nan dung mạo đoan nghiêm, thuyết pháp cho các Tỳ-kheo-ni nghe. r 9 r

Ca-diêp nghe Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà không vui vẻ, thót ra những lời không hay như thế, bèn quay qua nói với Tôn giả A-nan: Thầy có thấy Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà không vui vẻ, lại nói ra những lời không hay chăng? Thế nào, A-nan? nói ta là kẻ bán kim, A-nan là người làm kim? Ta bán kim trước thầy ư? Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ca-diếp: Thôi hãy ẩn nhẫn, mụ già ngu si ấy trí tuệ kém cỏi, chưa từng tu tập.

Tôn giả Ca-diếp nói: Này A-nan! Thầy có nghe Thế Tôn, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, với sở tri, sở kiến của mình ở giữa đại chúng thuyết Kinh vỉ dụ mặt trăng để dạy dỗ, giáo giới giáo thọ Tỳ-kheo phải nên như ví dụ mặt trăng, như người mới học,... (như the nói rộng... vì họ thuyết). Này A-nan! Như ví dụ vê mặt trăng, như người mới học phải chăng? Tôn giả A-nan thưa: Thưa Tôn giả Cadiếp, không!

-A-nan! Thây có nghe Như Lai với sở tri, sở kiên nói răng Tỳ-kheo nên như ví dụ mặt trăng, như người mới học thì chỉ có Đại Ca-diếp phải không? Tôn giả A-nan đáp: Thưa Tồn giả Ca-diếp9 đúng vậy!

Này A-nan! ở giữa đại chúng, thầy có được Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác với sở tri, sở kiến mời thầy đến ngồi chung không? Lại nữa, Thế Tôn có tán thán thầy đức độ rộng lớn bằng Ngài không? Này A-nan! Thế Tôn có khen thầy lìa dục, lìa pháp ác bất thiện cho đến được lậu tận không? Thưa Tôn giả Ca-diếp, không!

Như thế, A-nan, Thế Tôn ở giữa vô lượng đại chúng, miệng tự nói: "Lành thay! Đại Ca-diếp, mời thầy ngồi nửa tba." Lại ở giữa đại chúng Phật có khen ngợi Đại Ca-diêp công đức rộng lớn bằng Phật, lìa dục? lìa pháp ác bất thiện... lạu tận? Tôn giả A-nan đáp: Đúng vậy, thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni rống lên tiếng sư tử như thế.

KINH SỐ 1144 Tôi nghe như vầy: Một thời, Tôn giả Đại Ca-diếp và Tôn giả A-nan ở trong núi Kỳ-xà quật, thành Vương Xá. Sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn chưa bao lâu, gặp lúc

mất mùa, đói kém nên đi khất thực rất kho khăn. Bấy giờ, chúng Tỳ-kheo trẻ tuổi đi theo Tôn giả A-nan không thể nhiếp hộ được các căn. Vì ăn uống không đủ nên từ đầu đêm đến cuối đêm không thể tinh cần tư duy thiền định, chỉ ưa thích ngủ nghỉ, tìm cầu lợi lộc, du hành ở nhân gian đến Nam Thiên Trúc, có ba mươi Tỳ-kheo trẻ tuổi xả giới, hoàn tục, chỉ còn lại mấy chú tiểu. Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang du hành ở nước Nam Sơn, vì thấy đồ chúng còn ít nên Tôn giả trở lại Vương Xá cất y bát, nia chân xong, rồi đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-diếp5 cúi đầu lễ chân Tôn giả, rồi lui ngồi một bên. Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi A-nan: - Thầy từ đâu đến mà đồ chúng quá ít? A-nan đáp: Từ nước Nam Sơn, du hành trong nhân gian, có ba mươi Tỳ-kheo trẻ tuổi xả giới, hoàn tục, đồ chúng còn lại phần nhiều là các chú tiểu. Tôn giả Ca-diếp nói với Tôn giả A-nan rằng:

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Đề-xá nghe Tôn giả Ca-diếp quở Tôn giả A-nan là đồng tử thì không bằng lòng, bèn thốt ra những lời khiếm nhã: -Tại sao thầy Ca-diếp vốn là gốc ngoại đạo mà lại dám trách Tôn giảA-nan dung mạo đoan nghiêm là đồng tử? Rồi bà đi phao tin cho cái danh đồng tử lan ra. Tôn giả Ca-diêp dùng thiên nhĩ nghe được những lời nói khiêm nhã thót ra từ miệng của Tỳ-kheo-ni Đe-xá. Tôn giả Ca-diếp nghe xong nói với Tôn giả A-nan rang: -Thầy có thấy Tỳ-kheo-ni Đề-xá tâm không vui, miệng thốt ra những lời nói khiếm nhã rằng: "Dại Ca-diếp gốc từ ngoại đạo mà dám quở trách A-nan dung mạo đoan nghiêm là đồng tử?" Tôn giả A-nan đáp: -Thưa Tôn giả Ca-diếp! Đối với chuyện này xin Tôn giả nhẫn chịu, mụ già ngu si không có trí tuệ đó. Tôn giả Ca-diếp nói với Tôn giả A-nan: -Ta từ khi xuất gia đến nay, ngoài Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác ra không biết đến thầy khác. Ta khi chưa xuất gia thường suy nghĩ đến sanh-già- bệnh-chết-xru-bi-khổ-não. Biết là ở nhà thì công việc bận rộn, sanh nhiều não phiền, nếu xuất gia ở chỗ không nhà thì khó hơn người thế tục. ở chỗ không nhà, một bê trong sạch, trọn cả cuộc đời thuân nhát, thanh tịnh, Phạm hạnh thanh bạch... Nên ta đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, đem cái áo giá trị trăm ngàn lượng vàng cắt nhỏ từng mảnh may lại thành y Tăng-già-lê. Nêu ở the gian, ta nghe có vị A-la-hán nào, nghe roi liền theo vị ấy xuất gia. Sau khi ta xuất gia rồi, ở thành Vương Xá trong tụ lạc Na-la, chỗ tháp Đa Tử, ta gặp Thế Tôn, thân ngồi ngay thẳng, tướng tốt kỳ lạ5 các căn vắng lặng, vô cùng tịch tĩnh sáng chói như núi vàng. Ta khi thấy rồi, nghĩ thế này: "Bây là thầy ta, đây là Thế Tôn, đây là A-la-hán, đây là bậc Đẳng Chánh Giác.99 Ta bèn chí tâm chắp tay kính lễ bạch Phật: "Ngài là thầy của con, con là de tử!" Phật bảo ta rang: "Đúng vậy, Ca-diếp! Ta là thầy của ông, ông là đệ tử. Này Ca-diếp! Nay ông đã thành tựu tâm chân thật thanh tịnh, như thế là người đáng kính. Người mà không biết nói biết, không thấy nói thấy, thật chẳng phải là A-la-hán mà nhận là A-la-hán, thật chẳng phải Đẳng Chánh Giác mà nhận là Đẳng Chánh Giác, người ấy tự nhiên thân nát thành bảy phần. Này Ca-diếp! Ta nay biết nên nói biết, thấy nên nói thấy, thật là A-la-hán nói A-la-hán, thật là Đẳng Chánh Giác nói là Đẳng Chánh Giác. Này Ca-diếp! Ta nay có nhân duyên vì Thanh văn thuyết pháp, chẳng phải là không có nhân duyên, có y cứ chẳng phải là không có y cứ, có thần lực chẳng phải không có thần lực. Do đó, này Ca-diếp,

nêu muôn nghe pháp phải học như thê, nêu muôn nghe pháp có lợi ích thì phải nhất tâm cung kính tôn trọng, lang lòng nghe kỹ và phải nghĩ rang: 'Ta phải chơn chánh quán sát ngũ ấm sanh diệt, sáu xúc nhập xứ, tập, khởi, hoại, diệt; đối với bốn niệm xứ, chánh niệm lạc trụ; tu tập bảy giác phần, tám giải thoát, thân tác chứng.5 Vi ấy thường nghĩ thân này chưa từng đoạn dứt, xa lìa, không hô thẹn, phải theo kịp Phạm hạnh và đạo đức của Đại sư, thường giữ tâm niệm, nên học tập như thế Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp khai thi, chỉ giáo, soi sáng làm cho ta vui mừng. Sau khi khai thị chỉ giáo, soi sáng làm cho ta vui mừng xong rồi Ngài đứng dậy đi, ta cũng đi theo ve trụ xứ. Ta lấy cái áo giá trị trăm ngàn lượng vàng cắt ra may thành áo Tăng-ậà-lê, gấp bốn lại làm tòa ngồi. Thế Tôn biết ta chí tâm cầu đạo. Ta lấy cái áo ấy trải ra làm tọa cụ thỉnh Phật ngồi. Thế Tôn ngồi xuống, lấy tay sờ áo khen rằng: "Ca-diếp! Áo này nhẹ min, mềm mại." Ta thưa: "Dạ đúng vậy, thưa Thế Tôn! Áo này nhẹ mịn, mềm mại, xin Thế Tôn từ bi nhận]ấiy." Phật bảo: “ầy nên nhận lấy chiếc y phấn tảo của Ta thì Ta sẽ nhận y Tăng-già-lê của thầy.^, Phật liền tự tay lấy y phấn tảo trao cho ta, ta liền dâng y Tăng-già-lê cho Phật như thế. Ngài truyền dạy cho ta trong tám ngày để học pháp lãnh thọ, khi đi khất thực. Đen ngày thứ chín, ta đạt đến Vô học. Này A-nan! Nếu có ai đến hỏi thẳng: r : .

“Ai là pháp tử của Thê Tôn, từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, được giao phó gia tài Phật pháp và các thiền định giải thoát, tam-muội chánh thọ?^, thì phải đáp là ta, chính được nói riêng, giống như người con trưởng của Chuyển Luân Thánh Vương, phải dùng phép quán đảnh để an lập vương vị và hưởng ngũ dục của một vị vua, không còn dùng phương tiện cực khổ mà hưởng được tự nhiên. Ta cũng như thế, là pháp tử của Phật, từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, được giao phó gia tài Phật pháp, thiền định, giải thoát, tam-muội chánh thọ, không cực khô dùng phương tiện và tự nhiên được. Ví như voi báu của Chuyên Luân Thánh Vương cao bảy, tám khuỷu tay mà một lá đa-la có the che rợp. Cũng vậy, trí lực thần thông của ta thành tựu có thể che rợp. Nếu có người nghi ngờ cảnh giới thần thông và trí chứng, ta có thể vì họ phân biệt, giải nói về Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm thông, Túc mạng trí, Sanh tử trí, tác chứng thông Lậu tận trí. Nếu có người nghi ngờ, ta có thể vì họ giải nói khiến họ được quyết định. Tôn giả A-nan thưa: -Đúng vậy, đúng vậy! Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Như voi báu của Chuyển Luân Thánh Vương cao bảy tám khuỷu tay mà một lá đa-la có the che rợp; Tôn

giả Đại Ca-diếp cũng như thế, trí sáu thần thông có thể che rợp. Nếu người nghi ngờ về cảnh giới thần thông... lậu tận tác chứng trí thông thì Tôn giả Đại Ca- diếp có thể vì họ giải thuyết khiến họ được quyết đinh: "T6i luôn luôn kính tin tôn trọng Tôn giả Đại Ca-diếp?5 Vì có thần lực, đức độ lớn như thế nên khi Tôn giả Đại Ca-diếp nói những lời này, Tôn giả A-nan nghe xong, vui mừng lãnh thọ giữ gìn.

KINH SỐ 1145

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trủ tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rời lui ngồi một bên, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nên bố thí cho những người nào?

Phật đáp:

Này Đại vương! Tùy chỗ tâm ưa thích.

Vua lại hỏi: Bố thí chỗ nào thì được quả báo lớn?

Phật đáp: -Này Đại vương! Câu hỏi nên bố thí chỗ nào khác với câu hỏi bố thí chỗ nào thì được quả báo lớn. Hai câu này khác nhau. Bây giờ, Ta hỏi Đại vương, tùy ý Đại vương trả lời Ta. Giả sử nước này lâm trận chiến dấu, họp các chiến si, trong đó có một thanh niên dòng Bà-la-môn từ phương Đông đến, cậu thanh niên này còn nhỏ, sức yếu, tướng mạo đoan chánh, da trắng tóc đen, không biết võ nghệ, không học mưu thuật, do đó sợ hãi chạy lui, không thể tự an ổn được, không chịu nổi bên địch, hoặc bị đâm hay băn phá, cũng không có phương tiện giêt địch. Thế nào, Đại vương, người như thế Đại vương có thưởng công cho họ chăng? Vua bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, không! Cũng thế, Đại vương, có thanh niên dòng Sát-đế-lợi từ phương Nam đến, có thanh niên dòng Tỳ-xá từ phương Tây tơi, có thanh niên dòng Thủ-đà-la từ phương Bắc tới, đều không biết võ thuật, giống như thanh niên dòng Bà-la-môn từ phương Đông đến, nhà vua có thưởng công cho họ không? Vua bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, không! Phật lại hỏi: Khi nước này họp quân vào trận chiến dấu, có người thanh niên Bà-la- môn từ phương Đông lại, tuổi nhỏ, tướng mạo đoan chánh, da trắng, tóc đen,

giả Đại Ca-diếp cũng như thế, trí sáu thần thông có thể che rợp. Nếu người nghi ngờ về cảnh giới thần thông... lậu tận tác chứng trí thông thì Tôn giả Đại Ca- diếp có thể vì họ giải thuyết khiến họ được quyết đinh: "T6i luôn luôn kính tin tôn trọng Tôn giả Đại Ca-diếp?5 Vì có thần lực, đức độ lớn như thế nên khi Tôn giả Đại Ca-diếp nói những lời này, Tôn giả A-nan nghe xong, vui mừng lãnh thọ giữ gìn.

KINH SỐ 1145

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trủ tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rời lui ngồi một bên, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nên bố thí cho những người nào?

Phật đáp:

Này Đại vương! Tùy chỗ tâm ưa thích.

Vua lại hỏi: Bố thí chỗ nào thì được quả báo lớn?

Phật đáp: -Này Đại vương! Câu hỏi nên bố thí chỗ nào khác với câu hỏi bố thí chỗ nào thì được quả báo lớn. Hai câu này khác nhau. Bây giờ, Ta hỏi Đại vương, tùy ý Đại

vương trả lời Ta. Giả sử nước này lâm trận chiến dấu, họp các chiến si, trong đó có một thanh niên dòng Bà-la-môn từ phương Đông đến, cậu thanh niên này còn nhỏ, sức yếu, tướng mạo đoan chánh, da trắng tóc đen, không biết võ nghệ, không học mưu thuật, do đó sợ hãi chạy lui, không thể tự an ổn được, không chịu nổi bên địch, hoặc bị đâm hay băn phá, cũng không có phương tiện giêt địch. Thế nào, Đại vương, người như thế Đại vương có thưởng công cho họ chăng? Vua bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, không! Cũng thế, Đại vương, có thanh niên dòng Sát-đế-lợi từ phương Nam đến, có thanh niên dòng Tỳ-xá từ phương Tây tơi, có thanh niên dòng Thủ-đà-la từ phương Bắc tới, đều không biết võ thuật, giống như thanh niên dòng Bà-la-môn từ phương Đông đến, nhà vua có thưởng công cho họ không? Vua bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, không! Phật lại hỏi: Khi nước này họp quân vào trận chiến dấu, có người thanh niên Bà-la- môn từ phương Đông lại, tuổi nhỏ, tướng mạo đoan chánh, da trắng, tóc đen,

giỏi võ nghệ, biết cách chiến đấu, dũng cảm không sợ hãi, chiến đấu gian khổ không thoi lui, đứng yên xem xét tình hình, múa đao chống cự? có thể làm thương tổn, phá được địch. Thế nào, Đại vương, người chiến sĩ này có được trọng thưởng không? Vua bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Được trọng thưởng.

Cũng như thế, các thanh niên dòng Sát-đế-lợi từ phương Nam lại, thanh niên dòng Tỳ-xá từ phương Tây lại, thanh niên dòng Thủ-đà-la từ phương Bắc lại. Những thanh niên này đoan chánh, đều giỏi võ nghệ, anh dũng chiến dấu, gian kho trừ địch, như thanh niên từ phương Đông lại, những chiến sĩ này nhà vua có trọng thưởng không? Vua bạch Phật: _ Được trọng thưởng. Phật nói: Này Đại vương! Cũng thê, Sa-môn5 Bà-la-môn xa lìa năm chi, thành tựu năm chi, dựng lập phước điền, nếu bố thí vào ruộng phước này thì được phước lợi lớn, được quả báo lớn. Thế nào là xa lìa năm chi? Đó là tham dục5 sân nhuế, mê ngủ, trạo hối, nghi hoặc đã được đoạn dứt, đã được biết rõ gọi là xa lìa năm chi. Thành tựu năm chi là những gì? Thành tựu Vô học Giới thân, thành tựu Vô học Đinh thân, thành tựu Vô học Tuệ thân, thành tựu Vô học Giải thoát thân. Thành tựu Vô học Giải thoát tri kiến thân. Đây gọi là thành tựu năm chi. Này Đại vương! Cũng thế, người xa lìa năm chi và thành tựu năm chi, dựng lập phước điên, nêu bô thí vào ruộng phước này thì được quả báo lớn. Bay giơ, The Ton noi kẹ: Múa kiếm, chiến đấu giỏi, Người chiên sĩ anh dũng, Vì họ chiến đấu hay, Nên theo công được thưởng. Không thưởng người đội mũ9 Khiếp nhược và yếu hèn. Người nhẫn nhục hiền lương, Thấy lý, lập phước điền. Đủ luật nghi Hiền thánh, Thành tựu trí thâm diệu, Dòng họ tuy thấp hèn, Kham làm ruộng phước thí. Y phục, tài sản báu, Giường nằm và mền nệm, Đêu nên cung kính thí. A r Do trì giới thanh tịnh, Đông trông hay mé rừng, Đào giếng cấp bộ hành, Làm cầu qua khe suối, Làm quán trọ bên đường, Chúng đa văn giới dức, Đi đường được dừng nghỉ, Ví như mây dày giăng, Sấm chớp nổ vang rền, Mưa rơi khắp mặt đất, Trăm cỏ đều tươi mát, Cầm thú thảy vui vẻ, Người làm ruộng vui mừng.

Cũng thế, tâm tịnh tín, Văn tuệ, xả keo bẩn, Tài sản, ăn uông đủ? Thường thí ruộng phước tốt, Xướng lớn thêm vui thích, Như sấm mưa ruộng tốt, Công đức chảy tràn khắp, Thấm ướt tâm thí chủ, Được nổi tiếng giàu có5 Và quả lớn Niết-bàn. Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ lui ra.

KINH SỐ 1146 Tôi nghe như vầy: Một thòi, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngươi Bà-la-môn chết rồi có sanh trở lại dòng Bà-la-môn hay là sanh vào nhà Sát-đế-lợi5 Tỳ-xá, Thủ-đà-la? Phật đáp: -Này Đại vương! Đâu được như the! Đại vương nên biết, có bốn loại người. Những gì là bốn? Có một loại người từ tối vào tối; có một loại người từ tối vào sáng; có một loại người từ sáng vào tối; và có một loại người từ sáng vào sáng. Đại vương! Thê nào là loại người từ tôi vào tôi? Nghĩa là có người sanh vào dòng tháp hèn, như sanh vào nhà Chiên-đà-la5 nhà người săn băn, bát cá, nhà người chẻ tre, nhà người đẩy xe và những nhà làm nghề nghiệp hạ tiện khác, nghèo khổ, đoản mạng, hình thể tiều tụy mà lại tu hành theo nghiệp thấp kém, cũng lại bi người hạ tiện sai sử. Đây gọi là tối. ở trong chỗ tối này, thân lại làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Do nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung, người ây rơi xuống địa ngục, sanh vào đường ác giông như người từ tôi vào tối, từ nhà xí vào nhà xí, lấy máu rửa máu, bỏ ác lấy ác. Người từ tối vào tối cũng lại như thế, do đó gọi là từ tối vào tối. Thế nào là từ tối vào sáng? Nghĩa là người sanh vào nhà thấp hèn cho đến bị người sai làm những điều hèn hạ. Đây gọi là tối. Những người ấy ở trong tối này, thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành. Do nhân duyên này5 khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào đường lành, được lên cõi trời. Ví như người ngồi từ giường lên cưỡi ngựa, từ ngựa tiến lên cưỡi voi; từ tối vào sáng cũng lại như vậy. Đây gọi là người từ tối vào sáng. Thế nào là người từ sáng vào tối? Nghĩa là người này sanh vào gia đình giàu sang vui vẻ như dòng lớn Sát-đế-lợi hay dòng lớn Bà-la-môn hoặc là nhà trưởng giả, hay là những gia đình giàu có của cải, tiền bạc, nô tỳ, khách khứa và nhóm họp nhiều người trí thức, thân thể đoan chánh, thông minh trí tuệ. Đây gọi

là sáng, ở trong chỗ sáng này, người ấy thân hành điều ác, miệng nói điều ác, ý nghĩ điều ác. Do nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Giống như người từ lầu cao, xuống cưỡi voi lớn, từ voi xuống ngựa, từ ngựa xuống xe, tò xe xuống giường, từ giường xuống đất, từ đất rơi xuống hầm hố; người từ sáng vào tối cũng lại như thế. Thế nào là người từ sáng vào sáng? Nghĩa là người này sanh vào nhà giàu sang vui vẻ5 cho đen hình tướng đoan nghiêm. Đây gọi là sáng, ở trong chỗ sáng này, người ấy thân làm hạnh lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành. Do nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh lên đường lành, thọ thân cõi trời. Giống như người từ lầu gác đến lầu gác;... từ giường đến giường; người từ sáng vào sáng cũng lại như thế. Đây gọi là người từ sáng vào sáng. Bay giơ, The Ton noi kẹ: Người bần cùng khốn khổ, Không tin, thêm sân hận, Tưởng tà ác, xan tham, Si mê không cung kính, Gặp Sa-môn, Đạo si, Người trì giới đa văn, Hủy báng,

không cung kính, Chướng người cho và nhận, Những người như thế ấy, Từ nay đến đời khác, Sẽ rơi vào địa ngục, Là tư tối vào tối. Nếu có người nghèo cùng, Lòng tin, ít sân hận5 Thường sanh tâm ho thẹn, Bố thí, lìa keo kiệt, Gặp Sa-môn, Phạm chí, Người trì giới đa văn, Đen thưa hỏi khiêm cung, Tùy nghi khéo cúng dường, Khuyên người nên bố thí, Khen người cho và nhận, Người tu hành như thế, Từ nay đến đời sau, Sanh đường lành cõi trời, Là từ tối vào sáng. Người giàu sang vui vẻ, Bất tín, nhiều sân hận, Xan tham, ác, tật đố? Tà mê? không cung kính, Gặp Sa-môn, Phạm chí, Hủy báng, không khen ngợi Cản trở người bố thí, Và câm người đên nhận, Những người ác như thế, Từ nay đên đời sau, Rơi vào kho địa ngục, Là từ sáng vào tối. Nêu người giàu của cải, Tín tam không san hạn, Thường có tâm hổ thẹn, Bố thí? lìa keo kiệt, Gặp Sa-môn, Phạm chí, Người đa văn trì giói, Nghinh tiếp và thưa hỏi, Tùy nghi cấp vật dùng, Khuyên người nên cúng dường, Khen người cho và nhận, Những người như the đó, Từ nay đến đời sau, Sanh cõi trời Ba Ba, Là từ sáng vào sáng. Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ lui về.

922 KINH TẠPA-HÀM

KINH TẠPA-HÀM 923

Phật bảo: Đại vương! Đúng thế, đúng thế! Bị vô thường nghiền nát, nghĩa là kiếp ác, già, bệnh, chét, khô, não chà xát, chúng sanh phải làm sao? Chính là phải tu nghĩa, tu pháp, tu phước, tu thiện, tu từ, ở trong Phật pháp siêng năng tinh tấn. Bấy giờ, Phật nói kệ: Như có núi đá lớn, Cao rộng không nát bể, Khắp từ bốn phương đến, Chà nát đại địa này, Không binh mã chú thuật, Sức lực để phòng ngự, Kiếp ác, già, bệnh, chết, Thường chà xát chúng sanh. Bôn giai cáp chủng tộc, Thợ săn Chiên-đà-la, Tại gia và xuất gia, Người trì giới phạm giới, Tất cả bị chà xát, Không ai cứu hộ được. Do đó người trí tuệ, Quán sát lợi tự mình, Xây dựng lòng tịnh tín, Tin Phật, Pháp, Tăng bảo, Thân, khẩu, ý thanh tinh, Tùy thuận theo Chánh pháp, Hiện đời được tiếng khen, Mạng chung sanh cõi trời. Phật nói kinh này xong, Vua.Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ lui về.

KINH SỐ 1148 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi lui ngồi một bên. Khi ấy, có bảy người Ni-kiền tử, bảy người Xá-kỳ-la, bảy người Nhất-xá-la, tất cả đều to lớn, đang đứng lúm xúm trước cửa tinh xá Kỳ Hoàn. Vua Ba-tư- z y nặc từ xa vừa thây họ đứng tụ tập ngoài cửa, liên đứng dậy đi ra, chăp tay thưa hỏi và tự giới thiệu mình ba lần: -Tôi là Vua Ba-tư-nặc, vua xứ Câu-tát-la. Khi vua đi vào, Phật hỏi vua: Hôm nay cớ sao Bệ hạ lại cung kính những người đó, tư giới thiệu tên họ ba lần, còn chắp tay thưa hỏi? Vua bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con nghĩ ở thế gian nếu có những vi A-la-hán thì chính là những vị đó. Phật dạy: -Này Bệ hạ, nên ngừng lại, chắc Bệ hạ cũng không biết là A-la-hán hay không phải là A-la-hán. Nếu không có Tha tâm trí để biết thì phải nên gần gũi, xem xét giới hạnh của họ một thời gian lâu mới có thê biêt được, chớ tự quyêt

924 KINH TẠP A-HÀM

vội vàng, hãy xem xét kỹ, chớ hấp tấp, hãy dùng trí tuệ, chớ không phải vô trí để xem xét người kia khi gặp khổ nạn mà có thể tự mình giải quyết. Khi tiếp xúc tính toán thật giả có thể phân biệt được. Khi thấy sự nói năng hiểu biết phân minh, những điều ấy cần phải lâu ngày mới biết chứ không thể phân biệt vội, phải đem trí tuệ tư duy quán sát. Vua bạch Phật: -Lạ thay, Thế Tôn! Khéo nói lý này, phải tiếp xúc một thời gian lâu, quán sát giới hạnh của họ... thây sự nói năng hiêu biêt sáng suôt. Con có người nhà cũng đi xuất gia, mang hình tướng như những người kia, đi khắp nơi, đến nước khác rồi lại trở về? cởi bỏ y phục kia, trở lại hưởng thọ ngũ dục. Do đó, nên biết Thế Tôn nói đúng và nên cùng họ sống chung để xem xét giới hạnh của họ... xem sự nói năng mà biết có trí tuệ. Bây giơ, Thê Tôn noi kệ: Không do thấy hình tướng, Biết người thiện hay ác, Không phải mới gặp nhau, Mà cùng đồng tâm chí. Có thường thây ngôn hạnh, Tâm tục không thúc liễm, Giống như thiết đồng dá, Phết lên lớp vàng ròng, Trong ôm tâm tạp nhiễm, Ngoài hiện Thánh oai nghi, Đi khắp các quốc độ, Lừa dối cả mọi người. Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ? tùy hỷ? làm lễ cáo từ.

KINH SỐ 1149

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc dẫn đầu bảy vi quốc vương và các đại thần mở một cuộc họp, bàn luận rằng:

Trong ngũ dục, cái nào nhất?

Có người nói: Sắc là nhất.

Lại có người nói: -Thanh, hương, vị, xúc là nhất. Trong đó có người nói: -Chúng ta mỗi người đều nói lên quan điểm của mình, nhưng cuối cùng không thể phán quyết, hãy cùng nhau đến chỗ Thế Tôn? hỏi về nghĩa này. Thế Tôn dạy thế nào thì chúng ta cùng nhớ giữ. Thế rồi Vua Ba-tư-nặc dẫn đàu bảy vị quốc vương và các đại thần quyến thuộc, đi đến chỗ Phật, cúi đàu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật rằng:

KINH TẠPA-HÀM 925

-Bạch Thê Tôn! Chúng con bảy vị quôc vương và các đại thân, bàn luận với nhau như vầy: "Trong năm thứ dục lạc, thứ nào nhất? Có người nói sắc là nhất; có người nói thanh là nhất; có người nói hương là nhất, có người nói vị là nhất; có người nói xúc là nhất.” Cuối cùng không có ai quyết định, nên đến xin hỏi. Bạch Thế Tôn! Cái nào nhất? Phật đáp: Môi người đêu nói theo ý thích của mình, còn Ta thì nói khác. Do nhân duyên này, Ta nói công năng của ngũ dục. Nhimg có người đối với sắc vừa ý? chỉ ưa theo một sắc đó, và đã thỏa mãn chí nguyện. Giả sử có sắc nào đẹp hơn nhưng không phải thứ đáng ưa của người ấy thì người ấy không đụng đến, không trông thay. Nên chỉ nói thứ sắc mình ưa thích là bậc nhất không còn sắc nào hơn. Giống như người ưa thích sắc, người ưa thích thanh, hương, vị, xúc, cũng đều như thế. Chính thứ mình vừa ý, liền nói đó là tối thắng, rồi hoan hỷ? ưa đam. Tuy lại có thứ đẹp hơn thứ đó nữa, nhung không phải là thứ đáng ưa của người ấy thì người ấy không đụng đến, không trông thấy, chỉ nói thứ của ta ưa thích là tối thắng tối diệu, không có gì so sánh, không

có gì trên nó được. Bấy giờ, giữa hội chúng có một ưu-bà-tắc tên là Chien-đàn từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai phải, chắp tay bạch Phật rằng: Thế Tôn khéo nói! Thiện Thệ khéo nói!

Phật bảo ưu-bà-tắc: -Chiên-đàn khéo nói! Chiên-đàn nói đúng! Khi ấy, ưu-bà-tắc Chiên-đàn liền nói kệ rằng: Vua Ương-già quý tộc, Mặc áo giáp anh lạc, Dan Ma-kiệt vui tập, Như Lai hiện nước này, Tiếng đồn lan khắp nơi, Như núi chúa Tuyết Sơn, Như hoa sen trong sạch, Thanh tịnh không vết nhơ, Nở ra theo mặt trời, Hương thơm xông khắp nước, Hiển sáng nước Anh-kỳ, Như mặt trời giữa không, Trí tuệ của Như Lai, Như đêm đốt đuốc sáng, r

Là măt, là sáng lớn, Vì người hỏi quyết nghi. Khi ây, bảy vi quôc vương đêu khen ngợi răng: Ưu-bà-tắc Chiên-đàn nói hay quá!

Roi bảy vi quôc vương đông cởi bảy cái áo báu tặng cho Chiên-đàn. Sau khi bảy vi quốc vương nghe Phật nói xong, hoan hỷ9 tùy hỷ, đứng dậy cáo từ. Bấy giờ, ưu-bà-tắc Chiên-đàn biết các vị quốc vương đã đi rồi đứng dậy sửa lại y phục, bày vai phải, chắp tay bạch Phật: Hôm nay bảy vị quốc vương tặng cho con bảy cái áo báu này, cúi xin Thế Tôn thương xót nhận cho con.

926 KINH TẠP A-HÀM

Đức Phật VÌ lòng thương xót, nên nhận bảy cái áo đó, ưu-bà-tắc Chiên-đàn hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

KINH SỐ 1150 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc thân thể mập mạp, to lớn, nặng nề? đi đến chỗ Phật, mệt nhọc, mồ hôi ướt đẫm, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, hơi thở hổn hển. Bấy giờ, Thế Tôn nói với Vua Ba-tư-nặc: -Đại vương thân thể mập quá! Vua bạch Phật: Đúng the! Thưa Thế Tôn! Con đang lo lắng về cái thân quá mập này, rất hổ thẹn và khổ sở vì nó. The Ton liên noi bai kê: Người nên tự buộc niệm, Ăn uống biết chừng mực, Thì các thọ giảm dân, An ôn và sông lâu. Khi ấy, có một thiếu niên tên là uất-đa-la ngồi giữa hội chúng. Vua Ba-tư- nặc nói với Uất-đa-la rằng: Khanh có thể theo Thế Ton xin bài kệ Ngài vừa nói để mỗi bữa ăn đọc lên cho ta nghe được chăng? Nếu được, ta sẽ ban cho mười vạn tiền vàng và thường cho cùng ăn. uất-đa-la tâu: -Tâu Bệ hạ, xin vâng lời sẽ đọc! Sau khi Vua Ba-tư-nặc nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ5 làm lễ ra về. Khi ấy, uất-đa-la biết vua đã đi rồi đến trước Thế Tôn xin bài kệ của Phật vừa nói, roi đên môi bữa ăn của vua, tụng lên cho vua nghe: -Tâu Đại vương! Như chỗ thấy biết của Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã noi ơ bai kẹ này: Người nên tự buộc niệm, Ăn uống biết chừng mực, Thì các thọ giảm dân, An ôn và sông lâu. Từ đó về sau, Vua Ba-tư-nặc thân thể gọn gàng, dung mạo đoan chánh, ở trên lầu, hướng về chỗ Phật, cung kính chắp tay quỳ sát đất, nói ba lần như vầy: -Nam-mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Nam- mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã ban cho con pháp lợi ích trong hiện tại và những đời sau. Đời này, đời sau được lợi ích do an uống biết tiết độ.

KINH TẠPA-HÀM 927

KINH SỐ 1151 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 khi ấy có một thiếu niên a-tu-la đến trước mặt Phật, sân si, mạ lỵ những lời bất thiện, thô tháo. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Không sân thắng sân hận, Lấy thiện thắng bất thiện, Bố thí thắng keo kiệt, Nói thật chẳng nói dối, Không mắng cũng không nghiệt, Thường giữ tâm Thánh hiền, Người ác ôm sân hận, Bất động như núi đá, Kem giữ sân hận khởi, Hơn kềm xe ngựa cuồng, Ta nói người khéo chế, Chẳng phải người cầm cương. Thiêu niên a-tu-la nghe Phật nói kệ xong, bạch Phật răng: Thưa Ngài Cù-đàm! Con xin sám hối, con thật như ngu, như si không biện biệt hiền thiện, ở trước mặt Cù-đàm dám trách mắng hủy nhục. Sám hối như vậy xong, a-tu-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

KINH SỐ 1152

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

Khi ấy, có thiếu niên Bà-la-môn tên Tân-kỳ-ca? đến trước mặt Phật phát ra những lời thô ác, bất thiện, sân si, trách mắng.

Bay giơ, The Ton bao Tan-ky-ca:

-Vào những ngày tốt, anh có mời bà con thân thuộc lại để đãi vật thực không?

Tân-kỳ-ca đáp:

-Có! Cù-đàm!

-Nếu những người bà con của anh không nhận vật thực thì sao?

Nếu họ không nhận thì vật thực ấy thuộc về tôi.

Cũng như vậy5 anh đến trước mặt Như Lai phát ra những lời thô ác bất thiện, hủy nhục, trách măng, như Ta không nhận thì những lời trách măng áy thuộc về ai? -Đúng thế, Cù-đàm! Người kia tuy không nhận nhưng đã tặng nhau rồi thì coi như đã cho. Như thế không gọi là tặng nhau thì đâu được gọi là cho nhau?

Tân-kỳ-ca hỏi: -Thế nào mới gọi là tặng nhau, cho nhau? The nào là không nhận của tặng nhau, không gọi là cho nhau?

Phật bảo Tân-kỳ-ca: Thế này đây: Nếu tặng mắng đáp lại mắng, tặng sân đáp lại sân, tặng đánh đáp lại đánh, đấu đáp lại đau; đó mới gọi là tặng nhau, mới gọi là cho nhau. Này Tân-kỳ-ca! Nêu tặng mang không đáp lại mắng, tặng sân không đáp lại sân, tặng đánh không đáp lại đánh, tặng đấu không đáp lại đấu; như thế chẳng phải là tặng nhau, chẳng gọi là cho nhau. Tân-kỳ-ca thưa: Cù-đàm! Tôi nghe có bậc lão túc hành đạo Bà-la-môn cổ xưa nói: "Nhu Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác bị mắng chửi, mạ ly, quở trách thì không sân? không giận5,? mà nay Cù-đàm lại có sân, có giận ư? The Ton nói kê: Không sân đâu nổi sân, Chánh mạng để điều phục, Tâm chánh trí giải thoát, Người trí tuệ không sân. Người lấy sân đáp sân, Thì chính là người ác5 Không lấy sân đáp sân, Điều phục giặc khó điều, Không sân thắng sân hận, Ba kệ nói như trước. Bấy giờ, Tân-kỳ-ca bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Con xin sám hối, con thật như ngu, như si, không biện biệt, không hiền thiện, ở trước mặt Sa-môn Cù-đàm dám phát ra lời thô ác bất thiện, sân si, trách mắng. Sau khi sám hối xong, Tân-kỳ-ca nghe lời Phật dạy, hoan

hỷ, tùy hỷ? làm lễ ra về.

KINH SỐ 1153 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại vườn phía Đông của nước Xá-vệ? trong giảng đường Lộc Tư Mẫu. J J Buổi chiều sau khi xả thiền, Thế Tôn đến dưới bóng mát của giảng đường, đi kinh hành ở khoảng đất trống. Khi ấy có Bà-la-môn Kiện-mạ? Bà-la-đậu-bà- giá, đến trước mặt Phật phát ra những lời thô ác, bất thiện, mắng nhiếc, quở trách. Thế Tôn đi kinh hành, ông ta cứ đi theo sau, khi Thế Tôn kinh hành xong, dừng lại một chỗ, Bà-la-môn nói: -Cù-đàm! Thua chăng? The Ton noi kẹ: Người hơn thì thêm oán, Người thua nằm không yên, Hơn thua đều buông bỏ, Là được ngủ ngon lành. Bà-la-môn ấy bạch Phật. Thưa Cù-đàm! Con xin sám hối! Con thật như ngu, như si, không biện

KINH TẠPA-HÀM 929

biệt, không hiên thiện, làm sao ở trước mặt Cù-đàm dám phát

930 KINH TẠPA-HÀM

Điều phục tâm ngang ngược, Những ý nghĩ bất tín, Dứt hết các chướng ngăn, Mới hiểu nghĩa thâm diệu. Khi ấy, Bà-la-môn Vi Nghĩa nghĩ rằng: "Sa-m6n Cù-đàm đã biết tâm ta.” Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đứng dậy lui ra.

KINH SỐ 1156 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khi ấy có Bàla-môn tên Bất Hại đến chỗ Phật, bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Con tên là Bất Hại, có xứng đáng không?

Phật bảo: Như thê này mới xứng đáng: uNêu thân không hại, nêu miệng không hại, nêu tâm không hại thì mới xứng dáng." The Ton liên nói kẹ: Nếu thân không sát hại, Khẩu, ý cũng như thế, Thế là lìa sát hại, Không khủng bố chúng sanh. Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Bất Hại, nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy h,rồi lui ra.

KINH SỐ 1157 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực, lần lượt đến nhà của Bà-la-môn Hỏa Dữ. Bà-la-môn vừa thấy Phật đến, liền đem thức ăn ngon cúng dường đầy bát Thế Tôn. Cứ hai ba ngày liên tiếp như vậy, Thế Tôn lại đến nhà kia khất thực, Hỏa Dữ Bà-la-môn thấy Phật đến liền nghĩ rằng: "Sa-môn trọc đầu sao lại đến đây mãi, vì tham thức ăn ngon u?" Thế Tôn biết được ý nghĩ của Bà-la-môn Hỏa Dữ liền nói bài kệ: Trời mãi mãi đổ mưa, Nông phu ngày đêm cày, Mãi mãi gieo vãi giống, Ruộng mãi mãi thâu lúa. Như người mãi mang thai, Trâu mẹ mãi nhớ con, Mãi mãi người đến xin, Thời mãi mãi bố thí. Do mãi mãi bố thí, Thường được tiếng tăm lớn, Mãi mãi quăng thây chết, Mãi mãi khóc buồn tiếc. Mãi mãi sanh và tử, Mãi mãi khổ, ưu, bi,

KINH TẠPA-HÀM 931

Mãi mãi lấy lửa đốt, Mãi mãi bị trùng ăn. Nếu được đạo Hiền thánh, Không mãi thọ các cõi? Cũng không mãi sống chết, Không mãi khổ, ưu, bi, Không mãi bị lửa đốt, Không mãi bị trùng ăn. Bà-la-môn Hỏa Dữ nghe Phật nói kệ xong, khởi tín tâm trở lại, và ông đem thức ăn cúng dường đầy bát Phật. Phật không nhận vì do nói kệ mới cúng. Ngài lại nói kệ: 9

Nhơn vì nói kệ pháp, Chăng nên nhận thức ăn?
Nên quán sát tự pháp, Thuyết pháp không nhận ăn.
Bà-la-môn nên biết, Đây là sống thanh tịnh,
Nên cúng dường người khác, Bậc Đại Tiên thuần tịnh,
Đã hết các hữu lậu, Pháp uế đoạn dứt hết,
Cúng dường các thức ăn, Đen ruộng phước tốt ấy,
Ngươi muôn câu phước dức, Ruộng của Ta tốt nhất.
Bà-la-môn Hỏa Dữ bạch Phật:
Bây giờ thức ăn này nên để đâu?
Phật bảo: Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn? Bà-la-môn, thiên thần hay người đời ăn của cúng thí này mà thân được an lạc. Ông nên đem thức ăn này bỏ vào nước không có trùng và chỗ sạch, nơi ít cỏ tươi. Khi ây, Bà-la-môn liên đem thức ăn này bỏ vào trong nước, không có trùng, nước liên bóc khoi, soi thanh tiêng xeo xeo, giông như viên sát nung đo bo vao nước, nước liền sôi thành tiếng xèo xèo. Cũng thế, Bà-la-môn đem thức ăn này bỏ vào trong nước, nước liền bốc khói, sôi thành tiếng xèo xèo. Hỏa Dữ Bà-la- môn thây như thê khen răng: Lạ thay! Cù-đàm đức độ lớn, oai lực lớn, có thể khiến thức ăn này thành thần biển. Hỏa Dữ Bà-la-môn vì thấy thức ăn này thần biến như thế nên phát tâm kính tín, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nay con có thể được xuất gia, thọ giới Cụ túc, tu Phạm hạnh trong Chánh pháp của Ngài chăng? Phật đáp: Ông nay có thể được xuất gia, thọ giới Cụ túc và tu Phạm hạnh trong Chánh pháp cua Ta. Bà-la-môn liền xuất gia và suy nghĩ đến lý do khiến những người quý phái cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo... đắc A-la- hán, tâm được giải thoát.

932 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, nước Xá-vệ có một Bà-la-môn nữ tên là Bà-tứ-tra tin Phật, Pháp, Tăng; quy y Phật, Pháp, Tăng; đối với Phật, Pháp, Tăng đã dứt hết hoài nghi, với khô, tập, diệt, đạo, cũng đã dứt hét nghi hoặc, thây lý, đác quả, được trí tuệ không do người. Chong của cô là Bà-la-môn thuộc chủng tánh của Bà-la-đậu- bà-giá, mỗi khi cô đi đến người giúp việc, làm việc gì dù được mất chút ít, cô đều niệm: "Nam-m6 Phật99 hướng về phương mà Như Lai đang trụ, chắp tay nói ba lần rằng: "Nam-m6 Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, thân chói sáng như vàng ròng, chiêu xa một tâm, thân tròn đây như cây ni-câu-luật, đang Mâu- ni tôn quý khéo nói Diệu pháp, là Tiên Nhơn thượng thủ, là Đại sư của con." Khi đó ông chông của cô nghe vậy, nôi sân, không vui, nói với người vợ: -Bà bi quỷ ám chăng? Không có lý gì bà lại bỏ hết các vị Bà-la-môn đại

đức, đủ Tam minh mà đi xưng tán lão Sa-môn đầu trọc ấy, là hạng người đen đủi đời không ai khen. Bây giờ tôi sẽ đến tranh luận với ông thầy của bà thì mới đủ biết ai hơn thua. Người vợ nói với chồng: -Tôi không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn? và người đời mà có thể cùng tranh luận với Thế Tôn, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, thân sắc vàng, chói sáng một tầm, thân tròn đầy như cây ni-câu-luật? là bậc Tiên Nhơn thượng thủ, khéo nói pháp vi diệu, là bậc Đại sư của tôi. Nhưng bây giờ thì ông cứ đến cho biết. Bà-la-môn liền đi đến chỗ Phật, thưa hỏi xong, ngồi xuống một bên nói kệ: Giết hết những thứ gì, Ngủ nghỉ được an ổn? Giết hết những thứ gì? Thì tâm không lo buồn? Giết hết những thứ gì, Được Cù-đàm khen ngợi? Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của Bà-la-môn, Ngài liền nói kệ: Người giết hết sân hận, Ngủ nghỉ được an ổn. Người giết hết sân hận, Thì tâm không lo buồn. Sân hận là gốc độc, Hại hết hạt giống ngọt, Người giết hết sân hận, Được Thánh hiền khen ngợi Nếu người hết sân hận, Tâm kia không lo buồn. Khi ấy, Bà-la-môn nghe Phật khai thị5 chỉ giáo, soi sáng làm cho vui mừng, tiếp đó Ngài thuyết pháp. Nghĩa là nói bô thí, nói trì giới, nói pháp và pháp sanh cõi trời, nói về sự mê đắm dục vị, bị tai họa phiền não, phải thanh tinh xuất ly5 xa lìa, tùy thuận phúc lợi thanh tịnh, phân biệt nói rộng. Giống như tấm vải trắng dễ nhuộm, Bà-la-môn tại chỗ ngồi, đối với tứ Thanh đế tâm hết ngăn ngại. Nghĩa là đối với khổ, tập, diệt, đạo, ông thấy pháp, biết pháp và nhập pháp, dứt

KINH TẠPA-HÀM 933

hét nghi hoặc, không do người khác. Đôi với Chánh pháp, Luật, ông được vô sở Úy, liên từ chô ngôi đứng dậy, bày vai bên hữu, chăp tay bạch Phật: -Con đã được độ, thưa Thế Tôn! Con đã được độ, thưa Thiện Thệ! Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng. Sau khi quy y cho đến trọn đời, con nguyện làm ưu-bà-tắc, xin chứng minh cho con. Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ lui về. Ong trở vê nhà, người vợ vừa thây chông vê liên hỏi: -Ông có cùng luận nghị với thầy tôi Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác có thân sắc vàng, chói sáng một tầm, thân đầy đặn như cây ni-câu-luật là đấng Tiên Nhơn thượng thủ, khéo nói pháp chăng? Ông chồng đáp: -Tôi chưa từng thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, quỷ thần hay người đời mà có thể luận nghị với Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thân sắc vàng, chói sáng một tầm, thân đày đặn như cây ni-câu-luật9 bậc Tiên Nhơn thượng thủ, khéo nói Diệu pháp, là bậc Đại sư tôn kính của bà. Bây giờ, bà sắm cho tôi một pháp y tốt để tôi đem theo đến chỗ Thế Tôn xin xuất gia học đạo. •Ầ -l Ắ 1 9 • Ấ r A if 1 Người vợ liên lây xáp vải tót may pháp y cho ông. Ong câm đi đên chô Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: —Bạch Thê Tôn! Nay con có thê xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh ở trong Chánh pháp, Luật của Thế Tôn chăng? Phật đáp: Ông nay có thể xuất gia học dạo, tu Phạm hạnh trong Chánh pháp, Luật này.

Ông liền xuất gia, một mình ở chỗ vắng suy nghĩ đến lý do khiến các thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo,... đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

KINH SỐ 1159 A

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Bà-la-môn tên Ma-cù đi đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi xong rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! ở nhà con thường hay bố thí một người đến hai người từ

cho đến trăm ngàn người con đều bố thí hết. Thưa Thế Tôn! Con bố thí như thế phước có nhiều không? Phật trả lời:

Ông bố thí như thế được phước rất lớn. Vì sao? Vì ở nhà ông thường hay làm việc bố thí, một người đến xin liền thí cho một người, hai người, ba người, cho đến trăm ngàn người đến xin, ông đều thí cho nên được phước rất lớn. Bà-la-môn Ma-cù liền nói kệ: ở nhà thường tổ chức, Những hội bố thí lớn, Nhờ sự bố thí này, Muốn cau công đức lớn. Nay xin hỏi Thế Tôn: Sự hiểu biết của con, Đồng với Phạm thiên chăng? Xin vì con phân biệt, Làm thế nào giải thoát, về đường lành thắng diệu? Phải tu phương tiện gi, Được sanh cõi Phạm thiên? Vui thích bố thí gì, Sanh cối Phạm thù thắng? The Ton noi kê đáp: Người lập hội bố thí, Người nhận thí vui vẻ, Lòng tin vui thanh tịnh, Duyên theo công đức lành, Nhờ sự dựng lập đó, Cầu xa lìa tội ác, Xa lìa các tham dục, Tâm kia khéo giải thoát. Tu tập lòng từ bi, Công đức ấy vô lượng, Huống lại thêm chí thành, Mở đại hội bố thí. Nếu ở trong hội ấy, Phát sinh tâm hiền thiện, Chính hướng thiện giải thoát, Hoặc đến đường tốt lành, Nhân thù thắng như thế, Được sanh cõi Phạm thiên. Người bố thí như thế, Nhờ tâm kia bình đẳng, Sanh lên cõi Phạm thiên, Thọ mạng được lâu dài. Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Ma-cù nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đứng dậy

Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Ngài có giảng về đạo thanh tinh và thanh tịnh vô thượng không? Thế nào là đạo thanh tinh? Thế nào là thanh tinh vô thượng? Phật trả lời: Chánh kiên là đạo thanh tịnh. Tu tap và tu tập nhiêu chánh kiên, đoạn dứt được tham dục, sân nhuế và ngu si, dứt hết cả phiền não thì gọi là thanh tịnh vô thượng. Chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định gọi là đạo thanh tịnh. Sau khi tu tập và tu tập nhiều về chánh định, đoạn dứt tham dục, sân, si, tất cả phiền não thì gọi là thanh tịnh vô thượng. Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Ngài còn giảng về đạo thanh tịnh và thanh tịnh vô thượng chăng? Thế gian nhiều việc, con xin cáo từ. Phật đáp: - Nên biết đúng thời. Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Xá-lặc Đạo-tùng cầm lọng hoa nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tuy hỷ, đứng dậy, làm lễ cáo tư.

KINH SỐ 1161 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi xong, rồi lui ngồi mọt bên, nói kệ: Thế nào là thi-la? Thế nào là oai nghi? Thế nào là công đức? Thế nào gọi là nghiệp? Thành tựu những pháp gì? Bà-la-môn La-hán? Phật nói kệ đáp: Trí nhớ biêt túc mạng, Thấy đường lành, đường dữ, Dứt hết các thọ sanh, Mâu-ni quyết định rõ. Biết tâm khéo giải thoát, Giải thoát tát cả tham, Đây đủ cả Tam minh, Tam

minh, Bà-la-môn. Bà-la-môn nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đứng dậy cáo từ.

KINH SỐ 1162

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, có

Tôn giả A-nan theo sau.

Khi ấy có một cặp vợ chồng già, sức lực suy yếu, lưng còng như móc câu, họ dẫn nhau đến đầu ngõ hẻm làng, chỗ đốt rác rưởi, ngồi chôm hôm hơ lửa. Thê Tôn thấy hai vợ chồng già, giống như hai con hạc già nhìn nhau với tâm trìu mến. The Ton noi vơi Ton gia A-nan: -A-nan có thấy hai vợ chồng già kia tuổi lớn, sức mòn lưng còng như móc câu, ngồi chồm hổm hơ lửa, giống như hai con hạc già nhìn nhau với tâm dục nhiễm chăng? A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con thấy!

Phật bảo A-nan: -Hai vợ ch6ng già này, nêu lúc thiêu niên tráng kiện, siêng năng tìm câu tài vật, cũng có thể giàu có nhất trong thành Xá-vệ; còn nếu họ cạo bỏ râu tóc, mặc áo c-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, tinh cần tu tập thì cũng có thể chứng được thượng quả A-la-hán đệ nhất. Nếu ở giữa phần hai cuộc đời còn tráng kiện, siêng năng tìm câu tài vật thì cũng có thê trở thành người giàu thứ hai trong thành Xá-vệ. Nếu họ lại cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, cũng có thể chứng được quảA-na-hàm. Nếu ở giữa trung niên phần ba cuộc đời, siêng năng tìm cầu tài vật cũng có thể là người giàu thứ ba trong thành Xá-vệ. Nêu họ cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, cũng có thể chứng được quả Tư-đà-hàm. Nhưng ngày hôm nay, họ tuổi cao, các căn suy yếu, không có tài vật, không có phương tiện, không có khả năng, nếu có tìm kiếm tài vật cũng không the hơn người được. Ặ FT1 1 • À _ r • The Ton liên noi kẹ: Vì không hành Phạm hạnh, Tuổi trẻ không tài sản, Suy nghĩ việc xa xưa, Nằm ngủ như cây cung. Không tu hành Phạm hạnh, Tuổi trẻ không tài sản, M y Giống như chim hạc già, RŨ chét nơi đâm hoang. Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1163

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

(Nói như trên, chỉ có khác bài kệ):

Hoại diệt bởi già chết, Thân và cảm thọ diệt,

Chỉ có phước bố thí, Là tư lương theo mình,

Làm điều thiện nhiếp hộ, Và tu thiền công đức,

Tùy sức mà bố thí, Tiền tài và ẩm thực,

Các của cải, thức, ngủ, Không phải tự sống suông

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1164 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Uyển, chỗ ở của các tiên nhơn. Bây giờ, có chúng nhiêu Tỳ-kheo tụ tập ở giảng đường bàn luận như vây: -Chư Tôn giả! Như lời đức Thế Tôn đáp câu hỏi Bà-la-diên-đề-xá-di-đức- lặc rằng: Nếu người biết nhị biên, Không dính mắc ở giữa, Gọi là đại trượng phu, Không đoái hoài ngũ dục, Không phiền não kềm tỏa Hết lo buồn rối rắm. Chư Tôn giả! Những câu này có nghĩa gì? Biên là sao, thế nào là nhị biên, thê nào là giữa, thê nào là roi răm, thê nào là tư, là những thứ do trí tuệ mới biết được, do liễu đạt mới rõ được, năng tri sở tri, năng liễu sở liễu, tột mé khổ, thoát khỏi khổ? Có người trả lời: Sáu nội xứ là một biên; sáu ngoại xứ là biên thứ hai; thọ là ở giữa; ái là rối rắm; tập là người thọ, đủ những nhân đó thì thân lần lần tăng trưởng thọ sanh. Đối với những pháp này thì phải dùng trí tuệ mới biết rõ ràng năng tri sở tri, năng liễu sở liễu, tột mé khổ, mới thoát khỏi khổ đau. Lại có người nói: Đời quá khứ là một biên; đời vị lai là biên thứ hai; đời hiện tại gọi là giữa; ái là rối rắm, quen tập những ái này là những sở nhân mà thân lần lần tăng trưởng thọ sanh,... thoát khổ. Lại có người nói: Thọ lạc là một biên; thọ khổ là biên thứ hai; không khổ không lạc là giữa; ái là rối rắm, quen tập ái này, được những thứ kia, thân dần dàn tiếp xúc, tăng trưởng thọ sanh,...thoát khổ. Lại có người nói: -Hữu là một biên; tập là biên thứ hai; thọ là giữa, ái là rối rắm,... (như thế, nói rộng)... thoát kho. Lại có người nói: Thân là một biên; thân tập là biên thứ hai; ái là rối rắm,... (như thế, nói rông)... thoát khô. Lại có người nói: -Tất cả những điều chúng ta nói ra không giống nhau, chỉ đưa ra những di thuyết, điều chánh yếu thì không mong hiểu biết. Bây giờ, chúng ta nên đến chỗ Thế Tôn để thưa hỏi, Ngài dạy thế nào? chúng ta theo đó phụng trì.

Rồi những vi Tỳ-kheo ấy cùng đi đến chỗ Phật; cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vừa rồi các Tỳ-kheo nhóm ở giảng đường, bàn luận như vầy: "Bài kinh mà Thế Tôn trả lời câu hỏi cho Ba-la-diên-đề-xá-di-đức-lặc về nhi biên... thoát kh&” Có người nói rằng: "Nội lục nhập xứ là một biên; ngoại lục nhập xứ là biên thứ hai; thọ ở giữa; ái là rối rắm5... (nói rộng như trước)..y Thảy đều không quyết định, chúng con bèn kéo nhau đến đây, xin hỏi đức Thế Tôn vê các nghĩa này cho chúng con biêt người nào nói đúng? Phật trả lời: -Những điều các thầy nói đều đúng. Nay Ta sẽ vì các thầy nói kinh khác. Ta có nói kinh khác cho Ba-la-diên-đề-xá-di-đức-lặc. Nghĩa là xúc là một biên; xúc tập là biên thứ hai; thọ là ở giữa; ái là rối rắm. Sau khi đã gần gũi quen tập ái, được những thứ này, thân duyên xúc tăng trưởng thọ sanh. Đối với pháp này, dùng trí biết rõ ràng, năng tri sở tri, năng liễu sở liễu, tột mé kho, thoát khỏi kho. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1165 Tôi nghe như vây: Một thời, Tôn giả Tân-đầu-lô, ở Câu-diệm-di trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, có vua nước Bà-sa tên Ưu-đà-duyên-na, đến chỗ Tôn giả Tân-đầulô thăm hỏi, rồi lui ngồi một bên, thưa với Tôn giả: -Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh để giải đáp cho chăng? Ton gia Tan-dau-lo đáp: Này Đại vương! Đại vương cứ hỏi, điều gì tôi biết sẽ trả lời.

Vua hỏi: Do duyên gì? nhân gì mà các Tỳ-kheo trẻ tuổi mới tu học, xuất gia ở trong Pháp, Luật này chưa bao lâu, được sống an lạc, các căn vui vẻ, dung mạo trong sáng, da dẻ tươi tốt, ưa tĩnh, ít động, tùy duyên sinh sống, tâm thong dong như thú rừng... trọn đời, tu trì Phạm hạnh, thanh tinh thuần nhất? Ton giả Tan-dau-lo đáp: Như lời Phật đã dạy, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, với sở tri, sở kiến vì các Tỳ-kheo mà nói rằng: “Này các Tỳ-kheo! Nếu gặp người nữ lớn tuôi thì hãy coi như mẹ, gặp người ngang hàng thì hãy coi như chi và gặp người nhỏ thì hãy coi như em gái. Do nhân duyên này nên các Tỳ-kheo trẻ tuổi dù xuất gia chưa bao lâu ở trong Pháp, Luật này vẫn được sống an ổn, các căn vui vẻ, tướng mạo thanh tịnh, da dẻ tươi mát, ưa tĩnh, ít động, tùy duyên sinh sống, tâm thong dong như thú rừng,... trọn đời, tu trì Phạm hạnh, thuần nhất thanh tịnh.99

KINH TẠPA-HÀM 939

Vua hỏi: -Ngày nay người thế gian tâm đầy tham dục. Dù có gặp người lớn coi như mẹ, ngang hàng như chị, nhỏ coi như em thì ngay lúc đó tâm họ cũng theo đó bồng bột, khởi lên lòng tham dục, sân nhuế, ngu si. Như vậy lại còn có nhân duyên nào tót hơn đê ngăn trừ chăng? Tôn giả Tân-đầu-lô nói với vua nước Bà-sa: Còn có nhân duyên. Như Thế Tôn dạy: "Đức Như Lai, ứng Cling' Đẳng Chánh Giác với sở tri, sở kiến vì hàng Tỳ-kheo nói rằng: 'Thân này từ đầu đến chân, xương cốt, máu mủ được che đậy bằng một lớp da mỏng, trong thân chứa đây rây những thứ bát tinh. Quán sát kháp hét thì tóc, lông, răng, móng, nước miếng chảy dơ bẩn, da, thịt, gân, xương, mạch, tim, gan, phổi, lá lách, thận, ruột, bụng, sanh tạng, thục tạng, các màng, nước mat, mô hôi, nước dãi, nước bọt, đờm, mỡ? máu huyết dầm dề, não nhờn phẩn uớf Này Đại vương! Do nhân này, duyên này, nên các Tỳ-kheo trẻ tuổi dù xuất gia chưa bao lâu ở trong Pháp, Luật này, vẫn được sống an ổn... thuần nhất thanh tinh. Vua hỏi: Tâm người hay rong ruổi, nếu quán bất tịnh thì chạy theo cái tưởng tượng tịnh. Vậy còn có nhân duyên nào khiến cho Tỳ-kheo trẻ tuổi xuất gia chưa bao lâu trong Pháp, Luật này, được sống an ổn... thuần nhất thanh tịnh chăng? Ton giả Tan-dau-lo đáp: -Này Đại vương! Có nhân có duyên. Như lời Thế Tôn dạy: “Bức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác với sở tri, sở kiến bảo các Tỳ-kheo rằng: 'Các thây phải nên gìn giữ các căn môn, khéo nhiêp tâm ý. Nêu khi mát thây sác, chớ nắm giữ sắc tướng, chớ chạy theo hình tướng tốt đẹp, mà tăng thêm sự chấp giữ. Nếu không thúc liễm mắt thì những pháp ác bất thiện, tham ái của thế gian lọt vào tâm kia. Do đó các thầy phải giữ gìn những luật nghi của mắt, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị? thân và xúc, ý và pháp cũng lại như the,... giữ gìn luật nghi của y. 5 Bấy giờ, vua nước Bà-sa nói với Tôn giả rằng: Lành thay! Pháp hay quá,... giữ gìn luật nghi của các căn. Thưa Tôn giả! Tôi cũng như thế, có khi không giữ gìn thân, không giữ gìn luật nghi về các căn, không nhất niệm khi vào cung thì tâm sanh ra tham dục mãnh liệt, ngu si mãnh liệt. Ngay khi đóng cửa phòng ở một mình, ba độc cũng dấy khởi mãnh liệt trong tâm, huống lại là ở trong cung. Lại có khi tôi nhiếp hộ được các căn, nhiếp hộ được thân thể, chuyên tâm nhất niệm, khi vào cung tham, sân, si không còn dấy khởi mạnh, khi ở trong cung còn không đốt cháy thân tâm huống là đóng cửa lại một mình. Thế nên do duyên này, nhân này hay khiến cho Tỳ-kheo trẻ tuổi xuất gia chưa bao lâu trong Pháp, Luật này được an ổn9... thuần nhất thanh tinh.

Vua nước Bà-sa Ưu-đà-duyên-na nghe Tôn giả Tân-đầu-lô nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ? đứng dậy ra về.

KINH SỐ 1166 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di, trong vườn Cù-sư-la. Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có bàn tay, nên biêt có năm giữ và buông ra. Có bàn chân nên biêt có đi qua lại. Có khuỷu tay nên biêt có co đuôi. Có bụng nên biêt có đói khát. Như thế, này các Tỳ-kheo, có mắt nên có nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra những cảm thọ bên trong, hoặc khô hoặc vui, hoặc không khô không vui. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Này các Tỳ-ldieo! Nếu không tay thì không biết nắm và thả. Nếu không chân thì không biết đi qua lại. Nếu không khuỷu tay thì không biết co duỗi. Nếu không có bụng thì không biết đói khát. Như thế, này các Tỳ-kheo? nếu không mát thì không có nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong, hoặc khô hoặc vui, không kho không vui. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như the. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1167 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Câu-diệm-di, trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ có bụi cỏ bên sông, có con rùa sống trong bụi cỏ ấy. Khi đó có một con dã can đói đi tìm thức ăn, vừa thay con rùa nó vội nhảy tới chụp. Con rùa thấy thế, liền thu hết tất cả đuôi đầu và bốn chân vào trong mai. Dã can đứng canh chờ rùa thò đầu, chân ra là chụp ăn liền, nhimg rình lâu quá mà rùa nhất định không ló đầu chân ra. Dã can đói quá, tức tối bỏ đi. Này các Tỳ-kheo! Ngày nay các thầy cũng nên biết như thế. Ma Ba-tuần thường tìm cơ hội bên các thầy. Nó đợi mắt các thầy đắm sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý duyên pháp mà xúi giục sanh tâm r .K : y y •

đăm nhiêm sáu trân. Do đó, này các Tỳ-kheo, các thây phải giữ gìn luật nghi của mắt. Giữ gìn được luật nghi của mắt, dù mắt sanh khởi hoặc duyên cảnh thì Ác ma không thể tìm được cơ hội thuận tiện. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thê. Dù sáu căn sanh khởi hoặc duyên cảnh thì Ac ma cũng không thể tìm được cơ hội thuận tiện. Giống như đối với con rùa, dã can không thể tìm được cơ hội thuận tiện. Bấy giờ, Phật liền nói kệ:

Rùa vì sợ dã can, Giâu mình vào trong mai, Tỳ-kheo khéo nhiếp tâm, Giấu kín các giác tưởng, Không nương, không sợ hãi, Giau tâm chớ nói năng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1168 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di5 trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như lúa để ở ngã tư đường, có sáu người tráng niên cầm chày cây xúm đánh, một lát thì nát ra như bụi, rồi người thứ bảy đến cầm chày cây đánh tiếp. Này các Tỳ-kheo, ý các thầy thế nào, đống lúa đó bị sáu người đánh, rồi người thứ bảy đến đánh nữa, lúc đó có bị nát nhừ ra không? Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Nát nhừ. Phật dạy: -Này các Tỳ-kheo! Cũng thế, người ngu si thường bị sáu xúc nhập xứ đánh. Những gì là sáu? Đó là nhãn xúc nhập xứ thường bị chùy đánh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ thường bị chùy đánh. Người ngu si kia,

tuy bị chùy đánh vào sáu xúc nhập xứ5 vẫn còn ý niệm mong cầu đời vị lai là giống như người thứ bảy đến đánh tiếp cho nát thêm. Này Tỳ-kheo! Nếu nói là ngã, ấy là dao động; nói là ngã sở9 ấy là dao động; nói vị lai sẽ có, ấy là dao động; nói vị lai sẽ không, ấy là dao động; nói sẽ lại có sắc, ấy là dao động; nói sẽ lại không sắc, ấy là dao động; nói sẽ lại có tưởng, ấy là dao động; nói sẽ lại không có tưởng, ấy là dao động; nói sẽ lại chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng, ấy là dao động. Vì dao động là bệnh, vì dao động là ung nhọt, vì dao động là mũi nhọn, vì dao động nên dính mắc, nên phải chơn chánh quán sát dao động là khổ, muốn được cho tâm không dao động thời phải cố gắng tu tập nhiều, nhất niệm chánh trí. Giống như dao động, suy nghĩ, hư dối cũng như thế. Có hành là do ái; noi ngã, ấy là ái; nói ngã sở, ấy là ái; nói vị lai sẽ có, ấy là ái; nói vị lai sẽ không, ấy là ái; nói sẽ có sắc, ấy là ái; nói sẽ không sắc, ấy là ái; nói sẽ có tưởng, ây là ái; nói sẽ không tưởng, ây là ái; nói sẽ chăng phải tưởng, chẳng phải không tưởng, ấy là ái. Vì ái là bệnh, ái là ung nhọt, ái là mũi nhọn, nên phải khéo tư duy quán sát ái sanh ra khổ, phải thường xa lìa tâm ái, chánh niệm, chánh trí. Này các Tỳ-kheo! ở thời quá khứ, a-tu-la đem quân chiến đấu với Đế-thích. Khi ấy trời Đế-thích bảo chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba rằng:

“H6m nay chúng ta chiến đấu với a-tu-la, nếu chư thiên thắng, a-tu-la thua, hãy bắt sống vua a-tu-la, lấy dây cột chặt lại năm vòng đem về cung trời.” Vua a-tu-la cũng nói với quân mình: “H6m nay chúng ta đem quân đánh với chư thiên, nếu a-tu-la thắng, chư L r Ị. e

thiên thua, hãy bát sông vua trời Đê-thích, lây dây cột chặt lại năm vòng đem về cung a-tu-la.” Hai bên đánh nhau, chư thiên thắng, a-tu-la thua. Bấy giờ, trời Ba Mươi Ba bắt sống được vua a-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la, cột năm vòng dây, đem về cung trời. Bây giờ, Tỳ-ma-chât-đa-la là vua a-tula, thân bi cột cứng năm vòng, đưa vào điện Chánh Pháp, cho vui chơi với ngũ dục của chư thiên. Vua a-tu-la khởi nghĩ rằng: “Chu thiên tuy thiện, nhưng a-tu-la hiền thiện và thông tuệ hơn, ta sẽ trở về cung a-tu-la?9 Khi đang nghĩ như thế thì tự thấy thân mình bị năm vòng dây ây cột chặt lại, ngũ dục của chư thiên tự nhiên biên mát. Vua A-tu-la lại nghĩ: “A-tu-la tuy thiện, nhung chư thiên hiền thiện, trí tuệ và thông suốt hơn, ta sẽ ở lại cung trời này.,, Khi đang nghĩ như thế thì thấy năm vòng dây lỏng ra, ngũ dục của chư thiên tự nhiên hiện trở lại. Vua a-tu-la bị sự cột trói vi tế như thế, nhưng Ma Ba-tuần cột càng vi tế hơn. Như khi tâm dao động tức là bị ma cột, tâm không dao động thì ma liền cởi ra. Do đó, này các Tỳ-kheo, phải thường trụ tâm không dao động, chánh niệm, chánh trí, cần phải học như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 1169 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di, trong vườn Cù-sư-la. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Nêu có Tỳ-kheo hay Ty-kheo-ni do mat và sac làm nhân duyên sanh ra thức hoặc ưa muốn, hoặc tham, hoặc nhớ nghĩ, rồi quyết định đắm trước vào đó thì đối với những tâm như thế phải khéo tự phòng hộ. Vì sao? Vì những tâm này đều dẫn đến con đường sợ hãi, chướng ngại, có hoạn nạn. Đây là chỗ nương tựa của người ác, chẳng phải chỗ nương tựa của người lành. Do đó, nên

tự phòng hộ. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Ví như người nông phu có thửa ruộng tốt, người giữ ruộng lười biếng, ham chơi, để trâu vào ăn hết lúa mạ. Phàm phu ngu si buông lung sáu xúc nhập xứ cũng lại như thế. Nếu ruộng lúa tốt, người giữ ruộng siêng, không ham chơi thì trâu bò không vào phá được, giả sử có vào thì cũng đuổi ra hết. Nghĩa là tâm, ý hay thức của đa văn Thánh đệ tử đối với ngũ dục khéo tự giữ gìn, ngưng bặt, dứt lặng.

KINH TẠPA-HÀM 943

Nêu ruộng lúa tót, người giữ ruộng không ham choi, nêu có trâu bò vào thì tay trái kéo dây mũi, tay phải cầm roi đánh duỗi ra. Này các Tỳ-kheo! Ý các thầy nghĩ sao? Con trâu kia sau khi bị đánh đau như thế, đi từ làng về nhà, từ nhà ra làng có còn dám ăn lúa mạ như trước không? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Là vì nó nhớ lần trước vào ruộng, bị đánh đập kéo ra. - Như thế, này các Tỳ-kheo? nếu tâm, ý hay thức của đa văn Thánh đệ tử đối với sáu xúc nhập xứ rất nhàm chán, xa lìa, sợ hãi, nội tâm an trụ, chế ngự nhất tâm. Này các Tỳ-kheo! Thời quá khứ, có ông vua lần đầu tiên được nghe tiếng đàn hay quá, nên thích thú đắm mến, hỏi các vi đại thần rằng: "Đó là những âm thanh gì mà nghe hấp dẫn quá vāy?^ Đại thần tâu: "Tâu Bệ hạ! Đó là những tiếng dàn.” Vua nói với đại thần: "Khanh hãy đem những âm thanh ấy đến dây." Đại thần vâng lời, liền đem cây đàn đến tâu: "Tâu Đại vương! Chính cây đàn này phát ra âm thanh hay nhất.,, Vua nói: "Ta không cần cây đàn, chỉ cần đem âm thanh hấp dẫn đã nghe lần trước đến đây thôi. Đại thần tâu: “Tâu Đại vương! Cây đàn này phải gồm đủ nhiều thứ, nghĩa là phải có cán, có máng, có thùng, có dây, có da, và người đàn giỏi. Hội đủ những nhân duyên này mới thành âm thanh, chứ không phải thiêu các dụng cụ áy mà có âm thanh được. Âm thanh mà Bệ hạ nghe trước đó đã qua mất lâu rồi không thể đem đến được?5 Nhà vua khởi nghĩ: "Oi! cần gì vật hư ngụy ấy! Đàn cầm ở thế gian là vật hư dối, mà lại khiến cho người đời say mê đắm trước đến thế chăng? Bây giờ các khanh hãy chẻ nó ra từng mảnh, rồi liệng nó ra khắp mười phương.^, Các đại thần vâng lệnh, chẻ đàn ra trăm mảnh, ném nó khắp nơi. Như thế, này các Tỳ-kheo, nếu đối với sắc, thọ5 tưởng, tư, dục, biết những pháp này là vô thường, hữu vi do tâm duyên sanh, rồi chấp là ngã và ngã sở. Những thứ đó, ở vào thời khác, tất cả đều không. Này các Tỳ-kheo! Nên khởi 9 r

chánh trí bình đăng như thê, quán sát như thật. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

944 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di? trong vườn Cù-sư-la. _ r _ ____ r _____ _ _____ ____ . TX Ạ • \ _ rr-ĩl_ Ạ r-i-i 12- _ _ \ 1 Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Như người bị bệnh hủi, tay chân lở loét, nếu thọc vào cỏ tranh sẽ bị những lá nhọn đâm chích thương tích, tăng thêm sự đau đớn. Cũng thế, phàm phu ngu si, sáu xúc nhập xứ chịu các sự đau khổ cũng giống như người bị hủi kia bị lá cỏ tranh đâm vào, bị thương, máu mủ chảy ra. Cũng thế, phàm phu ngu si, tánh tình bạo ngược, sáu căn xúc chạm liên nôi sân hận, hung dữ? quát tháo, giông như

người bị bệnh hủi kia. Vì sao? Vì phàm phu ngu si vô học, tâm như hủi. Bây giờ, Ta sẽ nói về luật nghi và phi luật nghi. Thế nào là luật nghi và thế nào là phi luật nghi? Phàm phu ngu si vô học, khi mat thây săc roi gặp sác đáng yêu thì khởi nhớ nghĩ và đắm mến, với sắc khó ưa thì tức giận. Cứ thế đối với những thứ đó, lần lượt chạy theo, sanh ra nhiêu vọng tưởng tương tục, không thây lôi lâm, hoặc có thấy lỗi lầm cũng không bỏ được. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Nay các Ty-kheo! Đây gọi là phi luật nghi. Thế nào gọi là luật nghi? Đa văn Thánh đệ tử khi mắt thấy sắc khả ái không khởi tâm tham dục, thấy sắc bất khả ái cũng không khởi tâm sân hận, thứ lớp không khởi những giác tưởng tương tục, và thấy sắc thì biết là quấy; biết quấy nên buông xả và xa lìa. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đây gọi là luật nghi. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1171

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di5 trong vườn Cù-sư-la.

r _ r

Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: —Ví như người đi vào trong một căn nhà trống bắt được sáu loài thú. Đầu tiên bắt được con chó, ông lấy dây cột lại một chỗ. Ke đến bắt được con chim, rồi lần lượt bắt được rắn độc, dã can, thất-thâu-ma-la và khỉ. Những con vật này đều bị cột lại một chỗ. Con chó muốn chạy về làng; chim muốn bay lên không; răn muôn bò xuông hang; dã can muôn đên gò mả, thât-thâu-ma-la muôn vê biển; khỉ muốn vào rừng. Sáu con vật này bị cột chung lại một chỗ, nhưng sở thích không giống nhau. Mỗi con đều muốn đến chỗ an ổn của minh, không chịu vui vẻ với nhau. Vì bị cột khác chỗ của mình, nên mỗi con tự dùng sức bứt ra đê đên chô vui vẻ an ôn của minh, nhưng không thoát được. Cũng thê, sáu căn, tự tìm đên cảnh giới vui thích của nó, không vui với cảnh

giới khác. Như mắt thường tìm đến sắc khả ái, với sắc bất khả ái sanh nhàm chán; tai thường tìm âm thanh khả ái, gặp âm thanh bất khả ái sanh nhàm chán; mũi thường tìm mùi khả ái, gặp mùi bất khả ái sanh nhàm chán; lưỡi thường tìm vị khả ái, gặp vị bất khả ái sanh nhàm chán; thân thường tìm xúc chạm vật khả ái, gặp vật bất khả ái sanh nhàm chán; ý căn thường tìm đến pháp trần khả ái, gặp pháp trần bất khả ái sanh nhàm chán. Sáu căn này với bao nhiêu hành xứ, cảnh giới, mỗi căn không tìm đến cảnh giới của căn khác. Sáu căn này có đủ năng lực tự tại chạy theo cảnh giới tri giác của mình, nhưng như người kia, cột sáu con vật vào cây cột vững chắc, giả sử chúng có dùng sức muốn thoát ra theo ý mình, nhimg chỉ lui tới mệt nhọc, không thoát được vì bị dây cột, cuối cùng dính lại cây trụ. Này các Tỳ-kheo! Ta nói ví dụ này cót muôn cho các thây hiêu rõ nghĩa ây. Sáu con vật là dụ cho sáu căn; cây trụ là dụ cho thân niệm xứ. Nếu khéo tu tập thân niệm xứ, có niệm, chẳng niệm sắc, thấy sắc khả ái thì không khởi tâm đắm trước, với sắc bất khả ái thì không sanh nhàm chán. Tai đối với tiếng; mũi đối với mùi; lưỡi đối với vị; thân đối với xúc; ý đối với pháp, đối với pháp khả ái không tìm câu ưa muôn, với pháp bát khả ái không sanh nhàm chán. Do đó, này các

Tỳ-kheo, phải siêng năng tu tập nhiêu vê thân niệm xứ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1172 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di? trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như có bôn con răn hô rát độc, hung dữ, đựng trong một cái khạp. Bây giờ, có một người nói với người thông minh trí tuệ, chán khổ, ưa vui, ham sống, sợ chết rang: "Anh nay giữ khạp đựng răn độc này, đên lúc anh tăm rửa lau chùi, gân gũi, ra vào hay nuôi dưỡng, cho ăn uống, nếu bốn con rắn này nhảy ra thì rất có hại, nó sẽ căn anh chét hoặc gân chét. Anh nên đê phbng.” Khi ấy anh ta sợ hãi bỏ chạy, bỗng có năm kẻ thù cầm dao rượt theo để giết, vậy anh phải đề phòng. Trong lúc anh ta vì sợ bốn con rắn độc và năm kẻ thù cầm dao nên rong chạy, người kia lại nói: "Này anh! Bên trong còn có sáu thằng giặc đang rình rập anh, nếu bắt được, nó sẽ giết anh. Anh nên phòng hộ?9 Bấy giờ, anh ta vì sợ bốn con rắn độc, năm kẻ thù cầm dao, với sáu thằng giặc ở bên trong, nên kinh hãi bỏ chạy vào trong một xóm vắng, thấy một căn nhà trống mục nát sắp sập, trong nhà đó lại có những con vật hung dữ đang rượt bắt nhau không có gì vững chắc. Người kia lại nói với anh ta răng:

í6Này anh! Đây là thôn xóm vắng vẻ, có bọn giặc sẽ đến hại anh.” Khi ấy, anh ta vì sợ bốn con rắn độc, năm kẻ thù cầm dao, sáu tên giặc dữ tợn đang rình rập bên trong và một đám giặc an núp trong xóm vắng, nên anh tiếp tục chạy. Chợt gặp một con sông lớn chắn ngang đường. Dòng nước đang chảy cuồn cuộn, anh ta thấy bờ bên này nhiều đe dọa, sợ hãi, và thấy bờ bên kia an ổn, vui vẻ, mát mẻ, nhưng không có câu hay thuyên bè gì cho anh đi qua bờ bên kia. Anh ta suy nghĩ: "Ta hãy lấy cây cỏ kết lại thành chiếc bè, dùng tay chân làm phương tiện bơi qua bên kia." Nghĩ như thế rồi anh ta liền đi nhặt cây cỏ bên bờ, lấy dây cột lại thành chiếc bè? dùng tay ya chân bơi qua sông. "Thế là anh ta thoát khỏi bốn con rắn độc, năm kẻ thù cầm dao, sáu tên giặc ác bên trong và bọn giặc ân núp ở xóm văng. Anh ta bơi qua khỏi dòng nước chảy xiêt? bỏ lại những sợ hãi ở bờ bên này, đến được bờ bên kia, an toàn vui vẻ. Này các Tỳ-kheo! Ta nói ví dụ đó là để giải thích nghĩa này: Cái khạp là dụ cho sắc thân tứ đại thô tháo, nó là thể chất gồm tinh huyết bốn đại tạo; và ăn9 r ĩ 9 e : /K. uông, nuôi dưỡng, tăm rửa, thay đôi y phục là những pháp dê hoại, vô thường, biến hoại. Bốn rắn độc là dụ cho bốn đại: Bất, nước, gió, lửa. Nếu như địa đại cạnh tranh, có thể làm cho thân này chết, hoặc là gần như chết. Nếu địa, thủy, hỏa, phong cạnh tranh nhau cũng lại như thê. Năm kẻ thù câm dao rượt là dụ cho năm thọ ấm, sáu tên giặc ác bên trong là dụ cho sáu ái hỷ. Xóm vắng là dụ cho sáu nội nhập. Này thiện nam! Hãy quán sát mắt là vô thường biến hoại, người giữ gìn mắt cũng là pháp vô thường hư dối. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Bọn giặc ở xóm vắng là dụ cho sáu trần. Mắt bị sắc vừa ý, không vừa ý làm hại; tai đối với tiếng, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp dù vừa ý hay không vừa ý cũng đều bị hại. Dòng nước chảy xiết dụ cho bon lưu: Dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu. Con sông dụ cho ba ái: Dục ái, sác ái và vô sác ái. Bờ bên này nhiêu sợ hãi dụ cho thân xác này; bờ bên kia mát mẻ, an vui dụ cho Vô dư Niết-bàn. Chiếc bè dụ cho bát Thánh đạo. Dùng tay chân làm phương tiện

bơi qua dòng nước dụ cho tinh tấn dũng mãnh đến bờ kia. Trụ xứ của Bà-la-môn dụ cho Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Như vậy, này các Tỳ-kheo, Đại sư từ bi an ủi đệ tử. Những điều đáng làm Ta đã làm xong, nay các thầy cũng phải nên làm những điều đáng làm, nên đến những nơi vắng vẻ? hoặc nơi cội cây hay trong phòng xá thanh tịnh, trải cỏ làm tòa, hoặc chỗ đất trống hay gò mả, ngồi nơi ấy mà xa lìa tất cả, tinh càn thiền định tư duy, chớ có buông lung mà về sau hối hận. Đây là pháp Ta truyền dạy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SO 1173 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di5 trong vườn Cù-sư-la.

KINH TẠPA-HÀM 947

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Đa văn Thánh đệ tử, đối với tất cả pháp khổ, tập, diệt, vị, hoạn, ly, thấy biết như thật; thấy ngũ dục giống như hầm lửa. Sau khi quán sát ngũ dục như thế rồi tâm không còn bị năm dục: Dục tham, dục ái, dục niệm, dục trước che đậy nữa, biết hành xứ và trụ xứ của dục tâm kia mà tự phòng hộ. Phòng hộ trước với hành xứ, trụ xứ rồi tùy theo hành xứ và trụ xứ mà các tham ái và các pháp ác bất thiện của thế gian không lọt vào tâm. Thế nào gọi là đa văn Thánh đệ tử đối với tất cả pháp khổ, tập, diệt, vi, hoạn, ly thấy biết như thật? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật khổ Thánh đế này, biết như thật khổ tập, khổ diệt, biết như thật khổ diệt đạo tích Thánh đế này. Đây gọi là đa văn Thánh đệ tử biết như thật tất cả pháp khổ, tập, diệt, vi, hoạn, ly. Thế nào gọi là đa văn Thánh đệ tử thấy năm dục như hầm lửa... tham tru, các pháp ác bất thiện của thế gian không còn che đậy tâm nữa? Ví như bên cạnh thôn xóm có một cái hầm sâu chất đầy lửa than, không có khói và lửa ngọn. Khi ấy có một người thông minh trí tuệ, ưa vui, chán khổ, ham sống, sợ chết. Ông ta khởi nghĩ rằng: “d đây có cái hầm chất đầy lửa than, nêu ta rớt xuống trong đó chác chăn phải chét." Do đó người kia xa lìa, nghĩ xa lìa, muôn xa lìa. Cũng thê, đa văn Thánh đệ tử thây ngũ dục như hâm lửa... tham ưu, các pháp ác bát thiện ở thê gian, không còn che đậy tâm. Nêu hành xứ, trụ xứ của dục tâm mà được phòng hộ trước, biết trước... tham ưu, các pháp ác bất thiện của thê gian không còn lọt vào tâm. Ví như bên cạnh thôn xóm có một cánh rừng nhiêu cây gai nhọn, khi ây có người vào rừng mim tính làm ăn. Sau khi vào rừng thây trước sau, trên dưới, phải trái toàn là gai nhọn người kia cứ chánh niệm bước đi, chánh niệm tới lui, chánh niệm mở mắt thật sáng, chánh niệm nhìn thang, chánh niệm khom người xuống. Vì sao? Vì không đê gai nhọn châm vào thân mình. Đa văn Thánh đệ tử cũng lại như thế. Nếu ở tụ lạc, thành ấp, sáng sớm đắp y, mang bát vào thôn xóm khất thực, phải khéo nhiếp hộ tâm và giữ gìn thân, chánh niệm an tru, chánh niệm bước đi, chánh niệm mở mắt thật sáng, chánh niệm quan sát. Vì 9 . 9 ĩ : r

sao? Vì không đê cho gai nhọn làm thương tôn đên Thánh pháp, Luật. Thê nào là gai nhọn làm thương tôn đên Thánh pháp, Luật? Nghĩa là sác vừa ý, đáng ưa, đáng nhớ. Đó gọi là gai nhọn làm thương tôn đên Thánh pháp, Luật. Thế nào là sắc vừa ý, đáng ưa, đáng nhớ, lại làm thương tổn đến Thánh pháp, Luật? Đó là công năng năm dục. Nghĩa là mắt thấy sắc sanh tâm yêu mến, nhớ nghĩ, nuôi lớn dục lạc; tai nghe tiếng; mũi ngửi mùi; lưỡi nếm vị; thân tiếp xúc sanh ra ưa thích nghĩ nhớ, nuôi lớn dục lạc. Đây gọi là

sác đáng yêu mến5 nhớ nghĩ làm thương tổn đến Thánh pháp, Luật. Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử phòng hộ trước và biết trước chỗ hành xứ và nơi trụ xứ,... không để tham ưu, các pháp ác bất thiện của thế gian lọt vào tâm.

Hoặc khi đa văn Thánh đệ tử mất chánh niệm, sanh ra giác tưởng bất thiện, nuôi lớn tham, sân, si. Đó là độn căn. Đa văn Thánh đệ tử tuy khởi tập, diệt nhưng bị dục che đậy tâm, cũng giống như thỏi sắt đốt cháy đỏ, nhỏ xuống vài giọt nước, nước liên khô mát. Cũng thê, đa văn Thánh đệ tử độn căn sanh niệm cũng liền diệt mất như thế. Đa văn Thánh đệ tử đi như thê, đứng như thê, nêu quôc vương hay đại thân đến chỗ kia dùng lợi lộc để dụ dỗ rằng: “Này người nam kia! cần gì phải cạo bỏ râu tóc, mang bát sành, mặc áo cà-sa, đi xin ăn từng nhà, sao băng vui vẻ ngũ dục, bố thí làm phugc?” Thế nào, các Tỳ-kheo5 vi đa văn Thánh đệ tử ấy có nghe lời dụ dỗ của quốc vương hay đại thần mà xả giới để hoàn tục không? Các Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì đa văn Thánh đệ tử đối với tất cả pháp khổ, tập, diệt, vi, hoạn, ly thấy biết như thật. Thấy ngũ dục như hầm lửa,... v,.'...

tham ưu, các pháp ác bát thiện của thê gian, không còn che đậy tâm nữa nhờ đã phòng ngự trước và biêt trước những hành xứ và trụ xứ của phiên não,... tham ưu, các pháp ác bất thiện của thế gian không còn lọt vào tâm. Nếu quốc vương, đại thần hay thân tộc dùng lợi lộc dụ dỗ người ấy xả giới, hoàn tục thì sự kiện này không bao giờ xảy ra. Phật bảo: -Lành thay! Lành thay! Vi đa văn Thánh đệ tử kia tâm luôn luôn hướng đên viên ly, hướng đên lìa dục và Niêt-bàn tịch tĩnh an lạc, hướng đên chô thanh tịnh vắng lặng phiền não. Nếu bị quốc vương, trưởng giả hay thân tộc dùng lợi lộc dụ dỗ để xả giới, hoàn tục thì việc này không bao giờ xảy ra, huống là đem những chuyện kho lớn đen. Giống như sông Hang luôn luôn chảy thẳng ve phương Đông, mà có nhiều người ngăn chặn muốn cho chảy về phương Tây thì có được không? Các Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn! Không được. Vì sao? Vì sông Hằng luôn luôn chảy về phương Đông mà muốn nó chảy về phương Tây thì không thể được, những người kia sẽ luống chịu khổ nhọc! -Cũng thế, đa văn Thánh đệ tử luôn luôn hướng đến viễn ly cho nên muốn khiến thối chuyển hoàn tục, việc này không thể được, người muốn ấy chỉ luống chịu khô nhọc mà thôi. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1174 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại xứ A-tỳ-xà bên sông Hằng.

Khi ấy, có Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Lành thay! Thưa Thế Tôn! Ngài vì con thuyết pháp, sau khi nghe xong, con một mình ở chỗ vắng, chuyên cần, tinh tấn, tư duy, không buông lung, và hiên được lý do những người trong các tộc tánh, cạo bỏ râu tóc, chánh tín, không nhà, xuất gia học dạo, tiến tu Phạm hạnh, thấy pháp tự biết tác chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Bấy giờ, Thế Tôn nhìn ra sông Hằng, thấy một khúc cây lớn trôi theo dòng nước chảy xuống. Ngài bèn nói với vị Tỳ-kheo ấy rằng: Thây có thây khúc cây trôi theo dòng nước của sông Hăng này

không? - Bạch Thế Tôn, con thấy! Phật bảo: Khúc cây lớn này không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không chìm xuống đáy, không bi mắc ở cù lao, không bị nước xoáy, không bị người vớt, không bị phi nhơn giữ lại, cũng không bi mục, nó sẽ trôi theo dòng nước ra biển phải không? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Phật bảo: Tỳ-kheo cũng như the! Nếu không vướng bờ bên này, không mắc bờ bên kia, không chìm xuống nước, không mắc ở cù lao, không bị dòng nước xoáy, không bi người vớt, không bị phi nhơn giữ, cũng không bị hư mục thì sẽ chảy thẳng đến Niết-bàn. Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Thế nao là bờ bên này? Thế nào là bờ bên kia? Thế nào là chìm mất? Thế nào là bị mắc ở cù lao? Thế nào là bị nước xoáy? Thế nào là bi người vớt? Thế nào là bị phi nhơn giữ? Thế nào là hư mục? Cúi xin Thế Tôn vì con giải nghĩa này. Sau khi nghe xong, con sẽ một mình ở chô văng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung,... tự biết không còn thọ thân sau. Phật bảo: Bờ bên này là sáu căn. Bờ bên kia là sáu tran. Bị người vớt là Tỳ-kheo hay gần gũi với người thế tục, hay kết bạn với người xuất gia, gặp những hoàn cảnh sướng, khổ vui, buồn, theo việc làm của họ cũng phải thủy chung theo nhau. Đây gọi là bi người vớt. Bi phi nhơn giữ là người tu hành trì trai, giữ giới, khổ hạnh, hay tu các Phạm hạnh để được sanh lên các cõi trời. Đây gọi là bị phi nhơn giữ. Bi nước xoáy là xả giới, hoàn tục. Hư mục là phạm giới, hành các pháp bất thiện, hủ bại ít học, giống như cỏ dại, như tiếng thổi ốc. Những người như thế chẳng phải là Sa-môn mà giống Sa-môn, chăng phải là Phạm hạnh mà giống Phạm hạnh.

Như thế, Tỳ-kheo, đó gọi là không dính bờ bên này, bờ bên kia... chảy thẳng đến Niết-bàn. Sau khi Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, làm lễ lui ra. Rồi một mình ở chỗ vắng, tư duy về Kinh khúc cây trôi theo dòng nước mà Phật đã dạy5... tư biết không còn thọ thân sau và đắc A-la-hán. Lúc ấy, có một người chăn trâu tên là Nan-đề cách chỗ Phật không xa, đang cầm roi chăn trâu. Sau khi vi Tỳ-kheo đã đi rồi người chăn trâu đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hiện tại con có thể không vướng bờ bên này, không mắc bờ bên kia, không bị chìm, không mắc ở cù lao, không bị người vớt, không bị phi nhơn giữ, không bị nước xoáy và cũng không bị hư mục. Vậy con có được ở trong Chánh pháp, Luật của Thế Tôn, xuất gia tu Phạm hạnh chăng? Phật hỏi: Con dẫn trâu về trả lại chủ chưa?

Người chăn trâu thưa: Bạch Thế Tôn! Trong bầy trâu có con đầu đàn có thể dẫn cả bầy về? không cần con dẫn. Xin Thế Tôn cho con xuất gia học đạo. Phật bảo: Trâu tuy tự nó có thê vê nhà được, nhimg con đã nhận lãnh cơm nước, y phục của người ta cung câp5 do đó con phải trở vê báo cho chủ của con hay. Người chăn trâu nghe lời Phật, vui vẻ lễ Phật ra về. Lúc người chăn trâu đi chưa được bao lâu thì Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong chúng bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người chăn trâu kia muốn xin xuất gia, sao Thế Tôn lại bảo trở về. Phật đáp: Nan-đề nếu trở về nhà hưởng thụ ngũ dục thì không có việc đó. Sau khi giao trâu lại cho chủ rồi Nan-đề sẽ trở lại trong Pháp, Luật này, xuất gia học đạo, tinh tu Phạm hạnh... tự biết không còn thọ thân sau, chứng A-la-hán. Bấy giờ, Nan-đề giao trâu lại cho chủ rồi liền trở lại chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con đã giao trâu lại cho chủ rồi xin Ngài cho con

xuất gia học đạo trong Chánh pháp, Luật của Ngài. Phật bảo Nan-đề: Con được ở trong Chánh pháp, Luật của Ta, xuất gia học đạo, thọ Cụ túc giới làm Tỳ-kheo. Sau khi xuất gia xong, Nan-đề tư duy về lý do những người các tộc tánh

đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo càsa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, tiến tu Phạm hạnh,... tự biết không còn thọ thân sau, chứng A-la-hán.

KINH SỐ 1175 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, có Ty-kheo ngồi thiền tại chỗ vắng, khởi nghĩ rằng: "Ty.kheo thấy thế nào, biết thế nào để khiến cho cái thấy của mình được thanh tinh?,, Suy nghĩ như thế rồi Tỳ-kheo liền đi đến chỗ các Tỳ-kheo thưa rằng: Thưa các thầy Tỳ-kheo! Biết thế nào, thấy thế nào để khiến cho cái thấy của mình được thanh tịnh? Các Tỳ-kheo đáp: -Thưa Tôn giả! Đối với sáu xúc nhập xứ phải biết như thật tập, diệt, vi, hoạn, ly. Biết như thế, thấy như thế thì cái thấy được thanh tịnh. Tỳ-kheo này nghe Tỳ-kheo kia nói như thế thì tâm không hoan hỷ, bèn đi đến Tỳ-kheo khác hỏi: Biết thế nào, thấy thế nào để khiến cho cái thấy của mình được thanh tịnh?

Tỳ-kheo ấy đáp: Đối với sáu giới phải biết như thật tập, diệt, vi, hoạn, ly. Tỳ-kheo biết như thế, thấy như thế thì cái thấy được thanh tịnh. r A e r

Tỳ-kheo này nghe vị ây nói như thê, tâm cũng không hoan hy, lại đên Tỳ- kheo khác nữa, hỏi: -Biết thế nào, thấy thế nào để khiến cho cái thấy của mình được thanh tịnh? Tỳ-kheo ấy đáp: -Đối với năm thọ ấm phải quán sát như bệnh tật, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, vô thường, khổ, không, vô ngã. Khởi cái biết như thế, thấy như thế thì cái thấy được thanh tịnh. Tỳ-kheo này nghe nói vậy tâm cũng không hoan hỷ5 bèn đi đến chỗ Phật, cúi đàu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con một mình ở chỗ vắng tư duy rằng: 66Tỳ-kheo biết thế nào, thấy thế nào để khiến cho cái thấy của mình được thanh tjnh?" Sau khi nghĩ như thế, con đến hỏi các Tỳ-kheo khác ba chỗ đã nói, con nghe xong, nhimg không hoan hỷ? nên con đến Thế Tôn đem nghĩa này thưa hỏi: "Tỳ-kheo biết thế nào, thấy thế nào để khiến cho cái thấy của mình được thanh tjnh?" Phật đáp: -Vào thời quá khứ, có một người chưa từng thấy khẩn thú, bèn đến người đã từng thấy khẩn thú hỏi:

“Anh biết khẩn thú khong?99

Đáp:

“Biết.”

Lại hỏi:

“Hinh dạng thế nào?"

Đáp:

"Tôi thấy nó màu đen như cái cột bị cháy sém.,^

Người này nghe nói khẩn thú màu đen như cái cột cháy sém thì không hoan hỷ, bèn đi đến người khác đã từng thấy khẩn thú và hỏi:

"Ông có biết khẩn thú không?95
Người kia đáp:
“Biết.”
Lại hỏi:
"Hinh dạng của nó thế nào?"
Người từng thấy khẩn thú đáp:
ÍCSắc của nó màu đỏ, phơi bày ra như khúc thịt?5
Lúc người kia nói thấy khẩn thú như một khúc thịt bày ra, người này nghe như thế không hoan hỷ9 bèn đi đến người đã từng thấy khẩn thú khác hỏi:
"Ông có biết khẩn thú kh6ng?"
Người kia đáp:
“Biết”
Lại hỏi:
“Hinh dạng thế nào?"
Đáp:
"Thân của nó rũ xuống sum suê như quả thilọá-sa.”
Người này nghe rồi tâm cũng không hoan hỷ, lại đi hỏi người khác nữa:
"Ông có biết khẩn thú không?99
Đáp:
“Biết.”
Lại hỏi:
"Hinh dạng thế no?"
Người kia trả lời:
"N6 màu xanh lá cây, lá trơn, dài rộng như cây ni-câu-lâu-d"
Người này nghe xong, tâm cũng không hoan hỷ? lại đi khắp nơi tìm những người thấy khẩn thú để hỏi thì họ đều trả lời theo cái thấy riêng của họ; do đó,
KINH TẠPA-HÀM 953

không giống nhau. Cũng thế, nếu Tỳ-kheo một mình ở chỗ thanh vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, nhờ pháp tư duy nên không khởi các lậu, tâm được giải thoát, và đã trả lời theo chỗ thấy của họ. Nay thầy nghe Ta nói ví dụ này, người trí nghe Ta nói ví dụ sẽ hiểu được nghĩa. Ví như có một nước ở biên giới khéo cai trị, có cửa thành vững chắc, đường sá bằng phẳng. Bốn cửa thành có bốn người canh gác, đều thông minh trí tuệ, kiểm soát sự qua lại. Trong thành có bốn con đường giao nhau, và có đặt một cái tòa cho vị thành chủ ngồi lên. Nếu có sứ giả từ phương Đông đến hỏi người giữ cửa: "Thành chủ ở (âu?" Người giữ cửa liền trả lời: "Đang ngồi trên tòa, ở ngã tư đường, trong thành." Vi sứ kia liền đi đến chỗ vị thành chủ nhận lãnh những lời chỉ bảo rồi đi về. Những sứ giả từ Nam, Tây, Bắc đến cũng hỏi người giữ cửa: "Thành chủ ở đâu?^ Những người giữ cửa đáp: "Giữa ngã tư đường, trong thành." Các sứ giả liền đi đến chỗ vi thành chủ, nhận lời chỉ bảo rồi mỗi người trở về chỗ cũ của mình. Phật bảo: Tỳ-kheo! Ta nói ví dụ này để nói lên ý nghĩa: Thành là dụ cho thân sắc thô

tháo này... (Giống như kinh nói vỉ dụ cái khạp đựng rắn độc). Khéo trị thành quách cho vững chắc là chỉ cho chánh kiến. Đường sá bang phẳng là sáu nội nhập xứ. Bốn cửa chỉ cho bốn thức trụ. Bốn người giữ cửa chỉ cho bốn niệm xứ. Thành chủ chỉ cho thức thọ am. Sứ giả là chánh quán. Nói lời đúng sự thật là bốn chân đế. Trở về bổn xứ là tám Thánh đạo. Phật bảo: Tỳ-kheo! Nếu Đại sư vì đệ tử làm những việc đáng làm thì nay Ta đã làm xong, vì thương xót nên Ta đã nói,... (như kinh nói vỉ dụ về cái khạp đựng rắn độc). Sau khi các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, chuyên cần tư duy, không dám buông lung, tiến tu Phạm hạnh,... không thọ thân sau, chứng A-la-hán.

KINH SỐ 1176 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hành trong xứ của họ Thích, đến nước Ca-tỳ-la-vệ, trong vườn Ni-câu-luật-đà. Bấy giờ, những người dòng họ Thích trong thành Ca-tỳ-la-vệ mới làm xong giảng đường, chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn, thiếu niên dòng họ Thích-ca và nhân dân ở trong đó. Do đó, những người dòng Thích-ca nghe Thế Tôn du hành đến Ca-tỳ-la-vệ? và đang trú trong vườn Ni-câu-luật-đà giảng về nghĩa khô vui. Họ mới bàn nhau:

Nhà này mới khánh thành, chưa có ai ở? chúng ta nên thỉnh Thế Tôn và đại chúng về đây cúng dường, sẽ được phước đức vô lượng, an ôn lâu dài, vê sau chúng ta tùy theo đó thọ dụng. Sau khi bàn nghị xong, họ cung nhau ra khỏi thành, đi đên chô Thê Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì các người họ Thích, diễn nói pháp yếu khai thi, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, rồi ngồi im lặng. Khi ấy, những người họ Thích đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, quỳ xuông chap tay bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Chúng con, những người dòng họ Thích, mới làm xong một giảng đường, chưa có ai ở. Hôm nay, chúng con thỉnh Thế Tôn và đại chúng đến giảng đường mới của chúng con để chúng con được Cling dường. Kính mong Thế Tôn thọ nhận cho chúng con được phước đức và an lạc mãi mãi, về sau chúng con sẽ thọ dụng. Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi ấy lýiững người họ Thích biết Thế Tôn nhận lời, tất cả cúi đầu lễ chân Phật và lui về. Trong ngày d6, họ dùng xe chở đồ đạc đến trang hoàng giảng đường mới, trải sàng tòa và trải cỏ mịn trên đất, dầu đèn đầy đủ. Khi mọi việc đã sửa soạn xong, họ đến chỗ Phật, cúi đầu, bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Mọi việc đã chuẩn bi xong rồi mong Ngài biết thời.

Bấy giờ, Thế Tôn và đại chúng vây quanh trước sau đi đến ngoài giảng đường, rửa chân xong, bước vào. Thế Tôn ngồi nơi cây cột ở giữa, mặt hướng về phía Đông. Ke tiep, các Ty-kheo cũng rửa chân xong, lần lượt vào giảng đường, ngồi quay mặt hướng về phía đức Phật. Bấy giờ, những người họ Thích cũng ngồi xuống sau các Ty-kheo đê nghe Phật thuyết pháp. Bấy giờ, Thế Tôn vì các người dòng họ Thh rộng nói pháp yếu, khai thị, soi sáng, làm cho vui mừng xong, bèn nói với các người dòng họ Thích: Này Cù-đàm! Đầu đêm đã qua, bây giờ có thể trở về Ca-tỳ-la-vệ.

Khi ấy các người dòng họ Thích nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ5 làm lễ lui về. Bấy giờ, Thế Tôn biết những người họ Thích đã đi rồi bèn bảo Đại Mục- kien-lien: Ong hãy vì các Tỳ-kheo thuyêt pháp cho họ nghe. Ta đau lưng cân nghỉ ngơi. Tôn giả

Mục-kiền-liên im lặng vâng lời. Bấy giờ, Thế Tôn xếp y uất-đa-la bôn lớp trải ra lót nằm, và cuốn y Tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp lên nhau, buộc niệm, khởi tưởng tư duy về minh tướng. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: -Pháp của Thế Tôn thuyết, chặng dầu, giữa và cuối đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị? thuần nhất, mãn tịnh, thanh bạch, Phạm hạnh. Ta sẽ nói về pháp hữu lậu và vô lậu. Các thầy hãy lắng nghe!

Thế nào là pháp hữu lậu? Phàm phu ngu si vô học, sau khi mắt thấy sắc, đối với sắc đáng nhớ khởi lên ưa đắm, đối với sắc không đáng nhớ khởi lên chán ghét, không trụ vào thân niệm xứ, đoi với tâm giải thoát và tuệ giải thoát không có chút trí tuệ nào, lại khởi các thứ pháp ác bất thiện không diệt được và còn mãi. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Này các Tỳ-kheo! Người như thế, Thiên ma Ba- tuân sẽ đên chô họ đê dò xét điêu tệ hại đôi với việc mát thây sác của người kia mà liên năm được chô yêu. Tai đôi với âm thanh, mũi đôi với mùi, lưỡi đôi với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp cũng lại như thế, mà liền nắm được chỗ yếu. Giống như đống cỏ khô nổi lửa bốn bên, cỏ liền bị cháy tiêu hết; cũng thế, đối với việc mát thây sác của người kia, Thiên ma Ba-tuân liên năm được chô yêu Tỳ-kheo như thế, không thắng nổi sắc, tai đối với tiếng, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vi, thân đối với xúc, ý đối với pháp, bị pháp chế phục không thắng nổi pháp, không thắng được sắc, không thắng được âm thanh, mùi thơm, vi ngọt, xúc chạm và pháp dễ chịu... không thắng nổi v, các pháp ác bất thiện, phiền não, khổ báo đầy rẫy; và sẽ bị sanh, già, bệnh, chết ở đời vị lai. Chư Tôn giả! Ta được nghe các pháp hữu lậu này từ đức Thế Tôn chỉ dạy. Đây gọi là Kinh pháp hữu lậu. Thế nào là pháp vô lậu? Đa văn Thánh đệ tử5 mắt thấy sắc, đối với sắc đáng nhớ không khởi tâm ưa đắm, đối với sắc không đáng nhớ không khởi chán ghét, chỉ an trụ nhất niệm, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Sau khi biêt như thật những pháp ây, các pháp ác bất thiện diệt hẳn không còn khởi nữa. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Tỳ-kheo nào giống như thế thì dù Ma Ba-tuần có đến chỗ họ dò xét việc mắt thấy sắc của người kia để tìm chỗ yếu cũng không thể tìm được. Tai đối với tiếng, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp tìm cầu chỗ yếu cũng không tìm được. Giống như tòa lầu, tường vách kiên cố, cửa ngõ nhiều lớp đóng kín, đốt lửa bốn bên cũng không thể cháy được; những Tỳ-kheo này cũng lại như thế. Ma Ba-tuần đến chỗ họ dò xét để tìm tòi chỗ yếu không thể tìm được. Tỳ-kheo như thế, có thể thắng được sắc kia, không bi sắc chê phục. Và thăng được tiêng, mùi, vị, xúc và pháp không bi những pháp ây chế phục. Nếu thắng được sắc, thắng được tiếng, mùi, vị, xúc và pháp rồi cũng lại thắng luôn những pháp ác bất thiện, phiền não, khổ báo, cùng sanh, già, bệnh, chết của đời vi lai. Ta đích thân nhận được pháp này từ đức Thế Tôn. Đây gọi là Kinh pháp vô lậu. Bấy giờ, Thế Tôn biết Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thuyết pháp xong, ngồi dậy bảo Mục-kiền-liên: Lành thay! Lành thay! Mục-kiền-liên! Vì người thuyết pháp, trời, người được lợi ích, vượt qua nhiều phiền não và an lạc mãi mãi.

The Ton bao các Ty-kheo: Các thầy nên lãnh thọ và giữ gìn Kỉnh pháp hữu lậu, vô lậu này, nên giảng nói rộng cho người khác nghe. Vì sao? Vì nghĩa lý đầy đủ, pháp hạnh đầy đủ, Phạm hạnh đầy đủ? khai mở thần túc, hướng thẳng đến Niết-bàn,.. người thiện nam phát lòng tin, ở nhà hay xuất gia cũng nên thọ trì đọc tụng và giảng nói cho người khác nghe. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SO 1177 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Ví như có một con sông tro, bờ phía Nam rất nóng, nhiều gai nhọn và tối tăm, trong sông có nhiều tội nhân trôi dạt theo dòng. Trong đó có một người thông minh trí tuệ, ưa vui chán khô, ham sông sợ chét, khởi nghĩ răng: "Hiện tại ta do duyên gì mà ở trong sông tro này, phía Nam thì nóng bức lại nhiều gai nhọn và toi tăm, ta lại bị trôi dạt như vậy? Bây giờ ta sẽ dùng chân tay làm phương tiện bơi ngược dòng đi lên, dần dần ta có thể thấy được chút ánh sáng." Người áy thâm nghĩ như thê roi tức thì thây được chút ánh sáng. Do đó, người ấy hăng say vận dụng tay chân hết sức bơi lên và thấy được đất bằng, bèn leo lên đứng trên đất đó quan sát chung quanh, thấy một ngọn núi đá lớn vững chắc, không hang ổ, không nứt bể, liền leo lên ngọn núi đó đứng nhìn và thấy được ao nước bát phần trong xanh mát mẻ. Nước ấy có tám đặc tính: Mát lạnh, nhẹ nhàng, êm dịu, thơm tho, trong xanh, uống không bị nghẹn cổ, uống vào thì thân thể được khỏe mạnh an lạc. Người ấy liền bước xuống uống hoặc tắm, và được xa lìa nóng bức. Sau đó, người ấy leo lên một ngọn núi lớn và gặp bảy loài hoa đẹp, đó là hoa ưu-bát-la, hoa bát-đàm-ma, hoa câu-mâu-đầu, hoa phân-đà- lợi? hoa tu-kiên-đề, hoa di-lu-đầu-kiên-đề5 hoa a-đề-mục-đa, hương thơm ngào ngạt. Rồi người ấy lại leo lên núi đá thấy một tòa nhà có bốn bậc cấp liền ngồi trên ấy thì thấy năm tấm màn rủ xuống che lại. Người ấy liền vén màn vào bên trong ngôi ngay thăng, thây đây đủ gôi5 mên, rải hoa cùng kháp, trang nghiêm đẹp đẽ. Người ấy tự do ngồi nằm, gió mát bốn bề, thân thể an ổn. Người ấy ngồi ngay thẳng dưới rừng cây cao, cất lớn tiếng xướng: "Hỡi các chúng sanh, các Hiền chánh sĩ trong sông tro! Con sông này bờ phía Nam nóng bức, gai góc tối tăm. Quý vị hãy nên tìm đường để ra khỏi con sông này." Trong đó có người nghe được âm thanh này, nương theo tiếng hỏi lại: “Ra hướng nào? Theo chỗ nào ra?"

KINH TẠPA-HÀM 957

Trong đó lại có người nói: "Người đây cần phải hỏi chỗ nào ra được. Người kia có lớn tiếng kêu gọi, họ cũng không tự biêt, không thây chô nào ra được, người đó cũng sẽ ở lại sông tro này, phía Nam nóng bức, gai góc tối tăm, cứ theo dòng trôi xuống. Chớ hỏi kia làm gi!" Như thế, Tỳ-kheo, Ta sẽ giải thích ví dụ này. Tro chỉ cho ba ác giác bất thiện. Những gì là ba? Đó là dục giác, sân giác và hại giác. Sông chỉ cho ba ái: Dục ái, săc ái và vô sác ái. Bờ phía Nam rát nóng bức chỉ cho nội ngoại sáu nhập xứ. Nhiều gai nhọn chỉ cho ngũ dục. Chỗ tối tăm là chỉ cho vô minh che đậy tuệ nhãn. Chúng tội nhân chỉ cho phàm phu ngu si. Dòng là chỉ sông sanh tử. Trong đó có người thông minh trí tuệ là chỉ cho đại Bồ-tát. Dùng tay chân làm phương tiện bơi ngược dòng là chỉ cho tinh cần tu học. Lóe thấy một chút ánh sáng là được pháp nhãn. Gặp được đất bằng là chỉ

cho trì giới. Quan sát bôn phương là chỉ cho thây được bôn chân đê. Núi đá lớn là chỉ cho chánh kiến. Nước bát phần là chỉ cho bát chánh đạo. Bảy loài hoa là chỉ cho bảy giác phần. Nhà bốn bực cấp là chỉ cho bốn như ý túc. Năm trụ màn là chỉ cho năm căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ. Thân ngồi ngay thẳng là chỉ cho Vô dư Niết-bàn. Rải hoa cùng khắp là chỉ cho các thiền định, giải thoát, tam-muội chánh thọ. Tự do ngồi nằm là chỉ cho Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Cháiìh Giác. Gió thổi bốn bề là chỉ cho bốn tâm tăng trưởng thấy pháp an lạc. cất tiếng kêu gọi là chỉ cho chuyển pháp luân. Kia có người hỏi: "Chu Hiền chánh sĩ đi chỗ nào, ra chỗ nào?", là chỉ cho Xá-lợi-phất9 Mục-kiền-liên và các Hiền tháipi Tỳ-kheo. ở trong đó có người nói: “Anh có hỏi thì người kia cũng không biết, không thấy có chỗ ra9\ là chỉ cho họ cũng sẽ còn ở sông tro này. Bờ phía Nam nóng bức, nhiều gai nhọn và chỗ tối tăm theo dòng trôi xuống là chỉ cho lục sư ngoại đạo tà kiến. Đó là Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-già-lê-cù-xá-lê tử, Tán-xà-la-tỳ-la-chi tử, A-kỳ-đa-chỉ-xá-khâm-bà-la, Ca-câu-la-ca-đàn-diên? Ni-kiền-liên-đà-xà-đề, Phất-đa-la và những người tà kiến khác. Như thế, Tỳ-kheo, Đại sư vì các Thanh văn làm những việc đáng làm, nay Ta đã làm xong. Bây giờ các thầy phải làm những việc đáng làm như Ta đã nói trong Kinh khạp đựng ran độc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1178 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Di-hy-la, trong vườn Am-la. Bấy giờ, có thiếu phụ Bà-la-môn tên Bà-tứ-tra có sáu người con chết liên tiếp. Vì quá nhớ thương con nên bà phát điên, xõa tóc, lõa hình, chạy cùng đường đến trong vườn Am-la.

KINH TẠPA-HÀM 957

Trong đó lại có người nói: "Người đây cần phải hỏi chỗ nào ra được. Người kia có lớn tiếng kêu gọi, họ cũng không tự biêt, không thây chô nào ra được, người đó cũng sẽ ở lại sông tro này, phía Nam nóng bức, gai góc tối tăm, cứ theo dòng trôi xuống. Chớ hỏi kia làm gi!" Như thế, Tỳ-kheo, Ta sẽ giải thích ví dụ này. Tro chỉ cho ba ác giác bất thiện. Những gì là ba? Đó là dục giác, sân giác và hại giác. Sông chỉ cho ba ái: Dục ái, săc ái và vô sác ái. Bờ phía Nam rát nóng bức chỉ cho nội ngoại sáu nhập xứ. Nhiều gai nhọn chỉ cho ngũ dục. Chỗ tối tăm là chỉ cho vô minh che đậy tuệ nhãn. Chúng tội nhân chỉ cho phàm phu ngu si. Dòng là chỉ sông sanh tử. Trong đó có người thông minh trí tuệ là chỉ cho đại Bồ-tát. Dùng tay chân làm phương tiện bơi ngược dòng là chỉ cho tinh cần tu học. Lóe thấy một chút ánh sáng là được pháp nhãn. Gặp được đất bằng là chỉ cho trì giới. Quan sát bôn phương là chỉ cho thây được bôn chân đê. Núi đá lớn là chỉ cho chánh kiến. Nước bát phần là chỉ cho bát chánh đạo. Bảy loài hoa là chỉ cho bảy giác phần. Nhà bốn bực cấp là chỉ cho bốn như ý túc. Năm trụ màn là chỉ cho năm căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ. Thân ngồi ngay thẳng là chỉ cho Vô dư Niết-bàn. Rải hoa cùng khắp là chỉ cho các thiền định, giải thoát, tam-muội chánh thọ. Tự do ngồi nằm là chỉ cho Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Cháiìh Giác. Gió thổi bốn bề là chỉ cho bốn tâm tăng trưởng thấy pháp an lạc. cất tiếng kêu gọi là chỉ cho chuyển pháp luân. Kia có người hỏi: "Chu Hiền chánh sĩ đi chỗ nào, ra chỗ nào?", là chỉ cho Xá-lợi-phất9 Mục-kiền-liên và các Hiền tháipi Tỳ-kheo. ở trong đó có người nói: “Anh có hỏi thì người kia cũng

không biết, không thấy có chỗ ra9\ là chỉ cho họ cũng sẽ còn ở sông tro này. Bờ phía Nam nóng bức, nhiều gai nhọn và chỗ tối tăm theo dòng trôi xuống là chỉ cho lục sư ngoại đạo tà kiến. Đó là Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-già-lê-cù-xá-lê tử, Tán-xà-la-tỳ-la-chi tử, A-kỳ-đa-chỉ-xá-khâm-bà-la, Ca-câu-la-ca-đàn-diên? Ni-kiền-liên-đà-xà-đề, Phất-đa-la và những người tà kiến khác. Như thế, Tỳ-kheo, Đại sư vì các Thanh văn làm những việc đáng làm, nay Ta đã làm xong. Bây giờ các thầy phải làm những việc đáng làm như Ta đã nói trong Kinh khạp đựng ran độc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1178 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Di-hy-la, trong vườn Am-la. Bấy giờ, có thiếu phụ Bà-la-môn tên Bà-tứ-tra có sáu người con chết liên tiếp. Vì quá nhớ thương con nên bà phát điên, xõa tóc, lõa hình, chạy cùng đường đến trong vườn Am-la.

958 KINH TẠPA-HÀM

Khi ấy, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng. Thiếu phụ Bà-la- môn chạy vào, vừa thấy Thế Tôn bỗng tỉnh lại, bèn xấu hổ khép nép ngồi xuống. Khi ấy, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan lấy cái y Uất-đa-la của Ngài đem cho bà khiến bà khoác vào để nghe pháp. Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy lấy y đưa cho bà khoác vào; bà được y, mặc xong, đến trước Phật cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Đức Phật thuyết pháp cho bà, khai thị5 chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Như thường lệ, đức Phật thuyết pháp theo thứ lớp cho đến khi tín tâm thanh tịnh, thọ Tam quy. Sau khi nghe Phật thuyết pháp, bà hoan hỷ? làm lễ ra về. Sau đó đứa con thứ bảy của bà bỗng lăn ra chết, nhưng lần này bà không còn khóc lóc, tham ưu, bi, khổ, não. Chồng bà làm kệ nói: Những đứa con trước chết, Nhớ thương sanh ưu, khổ? Ngày đêm không ăn uống, Cho đến phát cuồng loạn, Nay chôn đứa thứ bảy, Thì lại không buồn khổ. Bà nói kệ đáp: Con cháu có cả ngàn, Nhân duyên hòa họp sanh, Luôn trôi về quá khứ, rr\ A Ạ _~__ Á J i_ Toi va ong cung the, Con cháu và dòng hẹ), Số ấy không hạn lượng, Nơi mỗi chỗ thọ sanh, Tàn sát ăn nuốt nhau. Nếu biết đời sống ác, Sanh buồn khổ làm gi, Tôi đã biết ra khỏi, Sự sống chết còn mất, Không còn sanh ưu khổ. Chồng bà làm kệ khen: Pháp chưa từng được nghe, Nhung nay nghe bà nói, Nghe pháp này ở đâu, Không buồn khổ nhớ con? Bà làm kệ đáp: Hôm nay đang Chánh Giác, ở nước Di-hy-la, Trong vườn cây Am-la5 Lìa hẳn tất cả khổ, Diễn nói tất cả khổ, khổ tịch diệt, Khổ tập, Tám đương chánh Hiền thánh, An ổn đến Niết-bàn. Đó là thầy của tôi, Rất ưa chánh giáo Ngài, Tôi đã biết Chánh pháp, Buông bỏ niệm nhớ con. Chồng nói kệ đáp: Nay tôi cũng sẽ đến Vườn Am-la Di-hy? Đức Thế Tôn cũng sẽ Dạy tôi bỏ ưu khổ. Bà nói kệ đáp lại: Phải xem đấng Chánh Giác, Thân sác vàng mem mại, Điều phục người khó điều, Đưa người qua bể khổ.

KINH TẠPA-HÀM 959

Bấy giờ, ông Bà-la-môn liền vội vã lên xe ngựa đến vườn Am-la nước Di- hy-la. Ông vừa thấy Phật, lòng tin vui tăng lên, đi đến trước Đại sư. Khi ấy Thế Tôn nói kệ khai mở pháp nhãn cho ông, nói về khổ, tập, diệt, đạo thẳng đến Niết-bàn. Ông liền thấy pháp,

thành tựu quán sát pháp. Sau khi hiểu pháp, ông xin xuất gia. Được Thế Tôn cho xuất gia rồi, ông một mình ở chỗ yên tĩnh, tư duy thiền định... đắc A-la-hán. Thế Tôn đã nói trước là vào đêm thứ ba, ông sẽ đắc Tam minh. Sau khi đắc Tam minh, đức Thế Tôn bảo người đánh xe của ông đem xe về nhà và cho vợ ông hay rằng, ông đã đến gặp Thế Tôn, khởi lòng tin thanh tịnh, kính thờ làm thây và được Đại sư thuyêt pháp khai mở pháp nhãn, ông nhận hiêu được khô Thánh dế, khổ tập5 khổ diệt và tám đường Hiền thánh, an ổn thẳng đến Niết- bàn, thành tựu quán sát pháp; sau khi hiểu pháp, ông xin Phật xuất gia, và Thế Tôn đã nói trước là vào đêm thứ ba ông đắc Tam minh. Khi đó người đánh xe vâng lời Phật quay về nhà, bà vợ thấy người đánh xe đưa xe không về, liền hỏi: Ông chủ có gặp được Phật không? Ngài có vì ông thuyết pháp, khai thi pháp nhãn cho ông thấy Thánh đế không? Người đánh xe thưa: Dạ ông chủ có gặp Phật, được lòng tin thanh tịnh, đã kính thờ làm thầy, được Phật khai mở pháp nhãn, dạy bốn Thánh dế, thành tựu quán sát pháp. Sau khi đã biết pháp liền xuất gia, chuyên cần tinh tấn tư duy. Thế Tôn cho biết trước là vào đêm thứ ba ông chủ đắc Tam minh. Bà vợ nghe xong, trong lòng vui vẻ, nói với người đánh xe: -Cho ông chiếc xe ngựa này với một trăm ngàn tiền vàng, rồi ông hãy đi truyền tin tức này, nói là Bà-la-môn Túc-xá-đế đã chứng Tam minh, khiến lòng bà vui vẻ. Người đánh xe đáp: Con bây giờ đâu cần xe ngựa, vàng bạc làm gì? Xin trả lại cho bà, vì con sẽ đi theo ông chủ xin xuất gia. Bà nói: Ý ông như thế, hãy nên mau trở lại để theo ông chủ xuất gia, không bao lâu chắc cũng đầy đủ Tam minh như ông chủ. Người đánh xe thưa: -Đúng vậy, thưa bà! Ông chủ xuất gia, con cũng muốn như thế. Bà nói: -Ông chủ đã xuất gia, ngươi cũng xuất gia theo, chắc không bao lâu, ta cũng sẽ đi xuất gia theo. Giống như con rồng lớn nương hư không bay đi, những con rông khác, rông nam, rông nữ thảy đêu bay theo. Ta cũng như thê, sẽ mang bát, đắp y, sống đời giản dị.

Người đánh xe thưa: -Nếu ý nguyện của bà như vậy5 ắt sẽ thành tựu. Không bao lâu nữa sẽ thấy bà muốn, biết đủ, đắp y, mang bát đi đến từng nhà khất thực mà ăn, cạo tóc, mặc áo nhuộm. Đối với ấm, giới, nhập, đoạn trừ ái dục, xa lìa sự trói buộc của tham và dứt hết các phiền não. Ông Bà-la-môn, người đánh xe, bà ưu-bà-di Bà-tứ-tra và cô con gái là Tôn- đà-bà-lê đều cùng xuất gia, giải thoát hết khổ.

KINH SỐ 1179 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Tỳ-xá-ly, trong tinh xá Đại Lâm. Bấy giờ, có ông Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá, sáng sớm đi mua trâu, chưa kịp trả giá. Ngay trong ngày đó trâu bỏ chạy mát, sáu ngày tìm vân chưa thây, nhân lúc đi tìm trâu, ông đến tinh xá Đại Lâm. Từ xa, thấy Thế Tôn ngồi bên cội cây, dung nghi đĩnh dạc, các căn thanh tịnh, tâm thế vắng lặng, thành tựu chỉ quán, thân Phật sắc vàng chiếu ra sáng chói, ông ta bèn đi đến trước Phật nói kệ: x Vì sao không tìm câu, Tĩnh lặng ở nơi đây, Một mình chỗ vắng vẻ Mà tâm được an lạc? The Ton noi kẹ đáp: Đối với sự được mất, Tâm Ta không tán loạn, Bà-la-môn nên biết, Chớ nói ông giống Ta, Tâm mưu tính được mất, Tâm ấy không tự tại. Ông Bà-la-môn lại nói kệ: Chỗ Phạm chí tối thắng, Như Tỳ-kheo đã nói, Nay tôi sẽ tự nói, Lời chân thật, lắng nghe. Sa-môn quyết không như Người mất trâu buổi sáng, Sáu ngày tìm không được, Thế nên sống an lạc.

Sa-môn quyết không như Người gieo trông ruộng mè, Lo sợ bị cỏ phủ, Thê nên sông an lạc. Sa-môn quyết không như Người gieo lúa, thiếu nước, Sợ lúa khô chết héo, Thế nên sống an lạc. Sa-môn quyết không như Quả phụ có bảy người, Đều nuôi con côi cút, Thê nên sông an lạc. Sa-môn quyết không như Bảy đứa con đáng ghét, Phóng túng nợ nần nhiều, Thế nên sống an lạc. Sa-môn quyêt không như Chủ nợ đứng ngay cửa, Tìm đòi của vay mượn, Thế nên sống an lạc.

KINH TẠPA-HÀM 961

Sa-môn quyết không như, Đô năm dày bảy lớp,
Lo lắng bắt rận rệp, Thê nên sông an lạc.
Sa-môn quyết không như, Vợ. Mmat đỏ, tóc vàng,

Ngày đêm nghe tiếng ác, Thê nên sông an lạc.
Sa-môn quyết không như Bồ trống, đàn chuột giỡn,
Thường lo lắng gầy ốm5 Thế nên sống an lạc.
The Ton noi kê đáp lại:
ỉ
Nay Ta quyêt không như Kẻ mất trâu sáng sớm, Sáu ngày tìm không ra, Thế nên sống an lạc. Nay Ta quyết không như Người gieo trông ruộng mè, Thường sợ bị cỏ phủ, Thê nên sông an lạc. Nay Ta quyết không như Người làm ruộng thiếu nước, Sợ cây lúa chết khô, Thê nên sông an lạc. Nay Ta quyết không như, Quả phụ có bảy người, Nuôi dưỡng con côi cút, Thế nên sống an lạc. Nay Ta quyết không như kẻ không nhớ con, Phóng túng nợ nần nhiều, nên sống an lạc. Nay Ta quyết không như Chủ nợ giữ ngay cửa, Tìm đòi của vay mượn, Thế nên sống an lạc. Nay Ta quyết không như Đồ nằm dày bảy lớp, Lo lắng bắt rận rệp, Thế nên sống an lạc. Nay Ta quyết không như Vợ mắt đỏ, tóc vàng, Ngày đêm nghe tiếng ác, Thế nên sống an lạc. Nay Ta quyết không như Bồ trống, đàn chuột giỡn, Thường lo lăng gây ôm? Thế nên sống an lạc. Không xả niệm, không niệm, Chúng sanh song an lạc, Đoạn dục lìa ân ái, Mà được sống an lạc. Bấy giờ, Thế Tôn vì ông Tinh Tấn Bà-la-đậu-bà-giá thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho vui mừng. Như thường lệ Phật thứ lớp thuyết pháp về bố thí, trì giới... khi ông ở trong Chánh pháp, tâm không sợ hãi, ông liền đứng dậy chăp tay bạch Phật: —Con nay có được ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia học đạo thành Tỳ- kheo, tu Phạm hạnh chăng? Phật bảo Bà-la-môn: -Ông nay có thể được ở trong Chánh pháp, Luật, xuất gia, thọ Cụ túc giới, tu các Phạm hạnh... đắc A-la-hán, tâm thiện giải thoát. Bấy giờ, ông Tinh Tấn Bà-la-đậu-bà-giá đã chứng A-la-hán, tự biết được an lạc, giải thoát và nói kệ: Nay ta thật an lạc, ở trong pháp Đại Tiên, Được vui lìa tham dục, Không uổng công thấy Phật.

962 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại tụ lạc Bà-la-môn? trong rừng cây Sa-la. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, mang bát vào tụ lạc Bà-la-môn khất thực. Bất chợt trên trời mây nổi lên, Thế Tôn nghĩ: "Ta nên đi đến nhà hội họp của trưởng giả Bà-la, trong tụ lạc Bà-la-môn.^^ Nghĩ như thê xong, Ngài liên đi đên đó. Khi ấy, các

trưởng giả Bà-la-môn đang hội họp ở đó? trông thấy Thế Tôn đến, họ nói với nhau: Ông Sa-môn trọc đầu kia biết pháp gì? rTnl Á rpJ 9 -| A •

The Ton tra lơi: Trong hàng Bà-la-môn có người biết pháp, cũng có người không biết pháp; trong hàng Sát-đế-lợi hay trưởng giả, có người biết pháp và cũng có người không biết pháp. The Ton nói kẹ: Không bạn muốn hơn bạn, Vua không phục khó phục, Vợ không cầu hơn chồng, Con nào không kính cha? Không hội, không người trí, Không trí, không nói pháp, Tham, sân, si dứt hết, Đó chính là người trí. Khi ấy, ông trưởng giả bạch Phật: -Thiện sĩ Cù-đàm! Mời Ngài vào nhà ngồi. Sau khi Thế Tôn an tọa, họ bạch Phật: Xin Cù-đàm thuyết pháp. Chúng tôi muốn nghe.

Bấy giờ, Phật thuyết pháp cho chúng trưởng giả Bà-la-môn kia nghe. Thuyết pháp xong, Phật nói bài kệ: Ngu, trí cùng tụ hội, Không nói9 đâu biết rõ9 Hay nói đạo vắng lặng, Nhân nói trí biện biệt, Người giảng bày Chánh pháp, Kiến lập cờ Đại Tiên, Khéo nói là cờ Tiên, Pháp là cờ La-hán. Thế Tôn vì các trưởng giả Bà-la ở tụ lạc Bà-la-môn dựng lập Chánh pháp, khai thi, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi.

KINH SỐ 1181 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Câu-tát-la5 du hành trong dân gian đến tụ lạc Phù-lê5 ở trong vườn Am-la của Bà-la-môn Thiên Tác. Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba- ma làm thị giả, bấy giờ đức Phật bi đau lưng, bảo Tôn giả Ưu-ba-ma: Thầy cất y bát xong, đến nhà của Bà-la-môn Thiên Tác.

KINH TẠPA-HÀM 963

LÚC đó, Bà-la-môn Thiên Tác đang ở trong nhà, khiến người hầu chải đầu và cạo râu cho ông, chợt nhìn ra thấy Tôn giả Ưu-ba-ma đang đứng ngoài cửa, ông làm bài kệ: Người cạo râu tóc kia, Thân mặc áo cà-sa, Đang đứng ngoài cửa đó, Muốn đến xin thứ gì? Tôn giả Ưu-ba-ma nói kệ đáp: Đấng Thiện Thệ La-hán, Bị chứng phong đau lưng, Nếu có dầu an lạc, Đe chữa bệnh Phật chăng? Ông Bà-la-môn Thiên Tác đem ra một bát đầy tô lạc, một bình dầu, một bình đường phèn, rồi cho người làm xách bình nước nóng đi theo Tôn giả Ưu- ba-ma đến chỗ Thế Tôn, lấy dầu xoa lên thân Thế Tôn, dùng nước nóng rửa lại, xong đem tô lạc và đường phèn đến Thế Tôn dùng. Bấy giờ, Thế Tôn khỏe lại, hết đau lưng. Sáng sớm hôm sau Thiên Tác dậy thật sớm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, nói kệ: Thê nào Bà-la-môn, Thí gì được quả lớn? Làm gì khi bố thí, Được ruộng phước thanh tịnh? r-pi Á rin/\ / • m The Ton noi kẹ đáp: JF L Nêu được Túc mạng trí, Thấy trời, định thú sanh, Sạch hết các hữu lậu, Thế Tôn đạt Tam minh, Khéo biết tâm giải thoát, Giải thoát tất cả tham, Mới gọi Bà-la-môn, Thí kia được quả lớn, Là bố thí đúng thời, Phước điền theo ý muốn. Bà-la-môn Thiên Tác nghe Phật nói xong, hoan hỷ? làm lễ ra về.

KINH SỐ 1182 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại vườn Câu-tát-la, du hành trong nhân gian và dừng nghỉ lại một đêm trong rừng cây Sa-la. Bấy giờ, có một Bà-la-môn ở cách rừng cây Sa-la không xa, làm nghề nông, dậy thật sớm đi vào rừng cây Sa-la, thấy Thế Tôn ngồi bên cội cây, dung mạo đoan chánh, các căn tịch tĩnh, tâm vắng lặng, thành tựu đầy đủ, chỉ quán bậc nhất, thân Ngài sắc vàng sáng chói, thấy rồi ông đi đến

trước Phật nói: -Thưa Cù-đàm! Tôi làm ruộng gần dây, nên ưa ruộng này. Ngài Cù-đàm ở đây có sự nghiệp gì không mà thích ở trong rừng này? Rồi nói kệ: Tỳ-kheo ở rừng này, Vì có sự nghiệp gì, Một mình ở chỗ vắng, Vui thích ở trong rừng?

964 KINH TẠP A-HÀM

The Ton noi kẹ đáp lại: Vô sự ở rừng này, Cội rễ chặt lâu rồi, ở rừng mà lìa rừng, Thiền tư luôn luôn vui. Ông Bà-la-môn nghe Phật nói xong, hoan hỷ ra về.

KINH SỐ 1183 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian và dừng lại nghỉ trong rừng cây Sa-la. Bây giờ, có một Bà-la-môn ở bên cạnh rừng, cùng năm trăm thiêu niên Bà- la-môn ở chung. Bà-la-môn kia thường tán thán và mong muốn gặp Thế Tôn: "Khi nào Thế Tôn du hành đến rừng này, nhân đó ta đến gặp Ngài để hỏi Ngài có rảnh để trả lời ta chng." Khi ấy, người đệ tử nhỏ của người Bà-la-môn nhân vào rừng kiêm củi, xa thây Thê Tôn ngôi bên cội cây, dung nghi đoan chánh, các căn vắng lặng, tâm thế định tĩnh, thân chói sáng như núi vàng, thấy rồi liền nghĩ: “Thày mình thường tán thán và mong ước được gặp Ngài Cù-đàm để hỏi những điều nghi ngờ. Nay Sa-môn Cù-đàm ấy lại đang ở trong rừng này, ta phải chạy nhanh về báo cho thầy ta biết.” Tức thì ôm bó củi chạy nhanh về nhà, bỏ củi xuống, vội vàng thưa thầy rằng: -Thây nên biêt! Lâu nay thây thường tán thán, khâm ngưỡng muôn gặp Sa-môn Cù-đàm đi đến rừng này để hỏi điều nghi. Nay Sa-môn Cù-đàm đã đến rừng này, xin thầy biết thời. Khi ấy, Bà-la-môn vội vã đến chỗ Phật, sau khi thăm hỏi xong, lui ngồi một bên nói kệ: Một mình vào sợ hãi, Trong rừng rậm thâm u, Đứng vững không lay động, Khéo tu pháp chánh càn. Không ca múa âm nhạc, Im lặng ở chỗ vắng, Tôi chưa từng thấy người Một mình vui rừng sâu, Muôn tìm ở thê gian, Đấng Tự Tại tăng thượng, Chủ cõi trời Ba Ba, Tự tại vua cối trời, Cớ sao vào rừng sâu, Khổ hạnh tự khô khao? The Ton noi kẹ đáp: Khổ dục nhiều mong cầu, Mê đắm nơi các cõi, Kia tất cả đều là, Cội góc của ngu si, Tất cả cầu như thế, Ta đã bỏ từ lâu. Không cầu, không dối lừa, Tất cả không tiếp xúc, Đối với tất cả pháp, Chỉ quán chiếu thanh tinh, Được Vô thượng Bồ-đề9 Thiên định tu chánh lạc.

KINH TẠPA-HÀM 965

Bà-la-môn nói kệ:
Nay con kính lễ Ngài, Đang tịch tinh Mâu-ni,
Vua thiền đinh vi diệu, Đại giác vô biên giác.
Như Lai cứu trời, người, Vòi vọi như núi vàng,
Giải thoát khỏi rừng rậm, ở rừng không đắm rừng.
Nhổ sạch hết gai nhọn, Thanh tinh không dấu vết,
Thượng thủ hàng luận su, Biện tài hơn tất cả.
Sư tử trong loài người, Rông lên động rừng sâu,
Hiển hiện khổ Thánh đế, Tập, diệt, bát Thánh đạo,
Dứt hết các khổ tụ, Thanh tịnh không cấu uế,
Giải thoát tất cả khổ. Cứu giúp chúng sanh kho,

Muốn chúng sanh an lạc, Nên diễn nói Chánh pháp,
Đã dứt hết an ái, Xa lìa khỏi lưới dục,
Dứt sạch hết tất cả, Trói buộc của hữu ái,
Như hoa sen trong nước, Không dính bẩn bùn nhơ,
Như mặt trời giữa không, Trong sáng không mây che.
Con hôm nay may mắn, Đen rừng Câu-tát-la,
Được thấy đấng Đại Sư, _
T" Ạ_ —_ _
A
T nn r _ rr\
Bạc Thây Lưỡng Túc Tôn,
Đại tinh tấn trong rưng, Người độ sanh bậc nhát,
Điều Ngự Sư trên hết, Kính lễ đấng Vô úy.
Khi ấy, Bà-la-môn nói kệ khen ngợi Phật xong, nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, đảnh lễ Phạt, ra về.
KINH SỐ 1184 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Câu-tát-la5 du hành trong nhân gian và dừng lại nghỉ đêm bên bờ sông Tôn-đà-lợi. Bấy giờ, đầu Thế Tôn mới cạo tóc, vào lúc cuối đêm, ngồi kiết-già, chánh thân tư duy, buộc niệm ở trước. Bấy giờ, có Bà-la-môn ở bên sông Tôn-đà-lợi cuối đêm thức dậy đem những thức ăn cúng còn dư, đi đến bờ sông, muốn tìm người Bà-la-môn có đức độ lớn để cúng dường. Khi ấy, Thế Tôn nghe tiếng Bà- la-môn bên bờ sông, bèn đằng hắng một tiếng, lấy cái y để bày đầu. Bà-la-môn thấy Phật rồi, nghĩ thầm: "Đây là Sa-môn đầu trọc không phải là Bà-la-m6n." Ông ta định đem thức ăn trở về, nhưng lại nghĩ: "Đâu phải chỉ có Sa-môn mới cạo đầu, trong hàng Bà-la-môn cũng có người cạo đầu, nên đến đó, hỏi ông ta về nơi sanh của ông ta." Bà-la-môn liền đi đến chỗ Thế Tôn hỏi rằng: -Ngài sanh ở giai cấp nào? Phật nói kệ đáp: Ông chớ hỏi dòng họ? Chỉ nên hỏi việc làm, Cọ cây để lấy lửa, Cũng hay sanh ra lửa,

Trong dòng họ hạ tiện, Sanh Mâu-ni kiên cường,
Trí tuệ biết tàm quý, Tinh tấn khéo điều phục,
Rốt ráo đại quang minh, Tu Phạm hạnh thanh tịnh,
Nay chính là đúng thời, Nên cúng thức ăn dư.
Bà-la-môn nói kệ đáp lại:
r
Con hôm nay may măn, Muôn cúng dường câu phước, Gặp được đấng Đại Sĩ, Tôn quý nhất ba cõi, Nếu không được gặp Phật, Thời đã cúng người khác. Bà-la-môn càng tăng thêm lòng tin, liền đem thức ăn dư ấy đem cúng Thế Tôn. Thế Tôn không nhận vì đã nói bài kệ mà được cúng dường. Bà-la-môn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bấy giờ con phải đem thức ăn dư này để đâu?

Phật đáp: Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, thiên thần hay người đời ăn thức ăn này vào mà thân thể được an ổn. Ông hãy đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng và chô đất không có cây cỏ tươi. Bà-la-môn kia liền đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng, nước liền sủi bọt sôi lên thành tiếng xèo xèo. Ví như đem viên sắt nóng, bỏ vào trong nước lạnh, nước liền bốc khói phát ra tiếng xèo xèo. Thức ăn đó cũng như thế, bỏ vào nước không có trùng, nước liền sủi bọt, sôi lên thành tiếng xèo xèo. Bà-la-môn kinh hãi, tóc gáy dựng lên hết, cho là bị tai biến, vội vàng chạy lên bờ gom củi khô cúng dường đền thờ lửa để dứt sự tai quái kia. Thế Tôn thấy ông ta gom củi khô cúng dường đền thờ lửa để cầu dứt sự tai quái ấy, liền nói kệ: Bà-la-môn thờ lửa, Đót cháy cây cỏ khô, Chớ cho là tịnh đạo, Có thể dứt tai họa. Đó là ác cúng dường, Mà cho là trí tuệ? Tạo nhân duyên như thế, Ngoại đạo chấp tịnh tu, Ông nay bỏ lửa củi, Khơi ngọn lửa bên trong, Tu tập không buông lung, Thường nên tu cúng dường, Tin khắp nơi thanh tịnh, Rộng bảy hội bố thí. Tam y là bo củi, Sân si nổi khói đen, Nói dối là trần vị? Miệng lưỡi là thìa gỗ, Hông ngực chỗ đốt lửa, Lửa dục thường cháy đỏ, Phải khéo tự điều phục, Tiêu diệt ngọn lửa kia. Chánh tín là sông lớn, Tinh giới là đò đưa, Dòng nước lang trong sạch, Được người trí khen ngợi. Người thiên đức thanh tịnh, Nên tam rửa trong đó9 Vào nước không ướt mình, An ổn qua bờ kia.

KINH TẠPA-HÀM 967

Chánh pháp là vực sâu, Phước đức là xuống đò? Nước trong sạch đầy tràn, Được người trí tán thán. Người thiên đức thanh tịnh, Nên tam rửa trong đó, Vào nước không ướt mình, An ổn qua bờ kia. Chân đế khéo điều ngự, Nhiếp hộ tu Phạm hạnh, Từ bi là khổ hạnh, Tâm chân thật thanh tịnh, Dùng Chánh pháp tắm rửa, Được người trí khen ngợi. Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, trở lại đường cũ mà đi.

KINH SỐ 1185 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Câu-tát-la? du hành trong nhân gian và dừng lại nghỉ trong rừng bên bờ sông Tôn-đà-lợi. Bấy giờ, có Bà-la-môn đang ở bên bờ sông Tôn-đà-lợi5 đến chỗ Phật, thăm hỏi xong, lui ngồi một bên, hỏi Phật: -Thưa Ngài Cù-đàm! Ngài có đến tắm rửa trong sông Tôn-đà-lợi không? Phật đáp: Đâu cần phải đến sông Tôn-đà-lợi để tắm rửa?

Bà-la-môn thưa: Thưa Ngài Cù-đàm! Sông Ton-đà-lợi là cứu độ? là an lành, là thanh tịnh. Nếu ai đến sông tắm rửa thì dứt hết những điều ác. Phật nói kệ đáp: Chẳng phải sông Đà-lợi? Chẳng phải Bà-hưu-đa, Chẳng Già-da-tát-la? Những con sông như thế, Đâu thể làm thanh tinh, Những việc ác bất thiện? Hằng hà, Bà-hưu-đa, Tôn-đà-lợi các song, Người ngu thường ở đó, Không thể trừ hết ác, Những người thanh tịnh kia, Đâu cần phải tắm rửa, Những người thanh tịnh kia, Đâu cần phải Bố-tát? Nghiệp tinh do mình tịnh, Đời này nên thọ trì, Không sát sanh, trộm cướp, IGiông dâm, không nói dối, Bố thí trừ keo kiệt, ở nơi đó tắm rửa, Đối tất cả chúng sanh, Thường khởi lòng từ bi. Dùng nước giếng tắm rửa, Cần gì sông Già-da, Trong tâm tự thanh tinh, Không đợi tắm bên ngoài. Kẻ nghèo cùng hạ tiện, Thân thể nhiều dơ bẩn, Dùng nước rửa bụi bặm, Không thể sạch ở trong. Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn hoan hỷ, tùy hỷ, làm lê ra vê.

KINH SỐ 1186 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Ca-tỳ-la-vệ? trong vườn Ni-câu-luật. Bấy giờ, có Bà-la-môn búi tóc tên là La-đậu-bà-giá, là thiện tri thức của Phật từ lúc Ngài còn ở đời. Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, thăm hỏi xong, lui ngồi một bên, nói kệ: Người búi tóc ngoài thân, Chỉ gọi là búi tóc, Người búi tóc trong tâm, Là chúng sanh trói buộc. Nay xin hỏi Cù-đàm, Làm sao gỡ búi tóc? Phật nói kệ đáp: Phải thọ trì tịnh giới, Trong tâm tu Chánh giác, Chuyên tinh cần phương tiện, Thì gỡ được búi tóc. Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn búi tóc hoan hỷ, tùy hỷ, đứng dậy ra về.

KINH SỐ 1187 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ca-tỳ-la-vệ, trong vườn Ni-câu-luật. Bấy giờ, Bà-la-môn búi tóc tên La-đậu-bà-giá đến chỗ Phật thăm viếng, lui ngồi một bên, nói kệ: Người búi tóc ngoài thân, Chỉ gọi là búi tóc, Người búi tóc trong tâm, Là chúng sanh trói buộc. Nay xin hỏi Cù-đàm Người búi tóc như thế, Phải làm phương tiện gì? Nơi đâu gỡ búi tóc? Phật nói kệ đáp: Mắt, tai cùng với mũi, Lưỡi, thân, ý nhập xứ, Đối với danh sắc kia, Diệt sạch không còn sót, Các thức dứt sạch hết, Nơi đó dứt búi tóc. Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn búi tóc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ? đứng dậy ra ve.

KINH SỐ 1188 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại tụ lạc uất-tỳ-la, dưới cội Bồ-đề? bên sông Ni-liên-thiền. Bấy giờ, Thế Tôn thành đạo chưa bao lâu, Ngài nghĩ rằng: "Người không cung kính sẽ bị khổ, không có thứ lớp, không có người nào đáng sợ hãi thì đối với việc đại nghĩa sẽ bị giảm sút. Còn người có cung kính, có thứ tự, có người nào tự tại thì sẽ sống được an lạc. Người có cung kính, có thứ tự, tự tại, có người nào tự tại thì đối với việc đại nghĩa được đầy đủ, có thể có ai trong chư

Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, trời, người và quỷ thần mà so với Ta họ có giới đay đủ hơn, có tam-muội hơn, có trí tuệ hơn, có giải thoát hơn và giải thoát tri kiến hơn thì Ta sẽ cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường, nương trụ nơi đỏy Ngài lại nghĩ: "Nhưng không có một ai trong chư Thiên, Ma, Phạm, Sa- môn5 Bà-la-môn, trời, người hay quỷ thần có thể so với Ta, họ có giới đầy đủ hơn, có chánh định hơn, có trí tuệ hơn, có giải thoát và giải thoát tri kiến hơn khiến Ta cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường, nương trụ nơi đó. Vậy chỉ có Chánh pháp làm cho Ta tự giác, thành tựu Bồ-đề, nên Ta phải đối với Chánh pháp cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường, nương trụ nơi đó. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ cũng đoi với Chánh pháp cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường, nương trụ nơi đó; chư Phật đời vị lai cũng đối với Chánh pháp, cung kính, tôn trọng, cúng dường, nương trụ nơi d6." Bấy giờ, Phạm Thiên vương, chủ cõi Ta-bà, biết ý nghĩ trong tâm Phật, nhanh như lực sĩ duỗi cánh tay biến mất khỏi cõi trời và hiện ra trước Phật, tán thán rằng: Lành thay! Thưa Thế Tôn, đúng vậy! Thưa Thiện Thệ, đúng vậy! Những người giải đãi không có tâm cung kính thì rất khổ... (nói rộng cho đến đại nghĩa đầy đu). Kỳ thực không có chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn9 trời, người hay quỷ than nào so với The Tôn mà có giới đay đủ hơn, có chánh định hơn, có trí tuệ hơn, có giải thoát tri kiến hơn, khiến Thế Tôn cung kính, tôn

trọng, phụng sự5 cúng dường, nương trụ nơi đó. Chỉ có Chánh pháp, Như Lai tự ngộ thành Chánh đẳng Chánh giác là chỗ mà Như Lai cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường, nương trụ nơi đó. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ cũng đối với Chánh pháp cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường, nương trụ nơi đó; chư Phật vị lai cũng đối với Chánh pháp cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường, nương trụ nơi đó. Thê Tôn cũng nên đôi với Chánh pháp cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường, nương trụ nơi đó. Bấy giờ, Phạm thiên lại nói kệ: Chư Phật thời quá khứ, Và chư Phật vị lai, Phật chúng sanh hiện tại, Hay trừ chúng sanh ưu. Tất cả pháp cung kính, Nương trụ nơi Chánh pháp, Người cung kính như thế, Là pháp của chư Phật. Trời Phạm thiên nói kệ xong, hoan hỷ cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1189 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại tụ lạc uất-tỳ-la, nơi cội cây Bồ-đề, bên bờ sông Ni" liên-thiền.

970 KINH TẠP A-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn thành đạo chưa bao lâu, một mình tĩnh lự tư duy về một pháp có thể khiến cho chúng sanh thanh tịnh, đoạn trừ các ưu, diệt trừ khổ não, và được pháp chơn như. Đó là bôn niệm xứ. Những gì là bôn? Đó là thân thân quán niệm xứ, thọ...? pháp pháp quán niệm xứ. Nếu người nào không thích bốn niệm xứ thì không thích pháp chơn như của bậc Thánh. Người không thích pháp chơn như của bậc Thánh thì không thích đạo chơn như của bậc Thánh. Người không thích đạo chơn như của bậc Thánh thì không thích pháp cam lộ. Người không thích pháp cam lộ thì không giải thoát khỏi sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Nếu người thích tu bốn niệm xứ thì thích tu pháp chơn như của bậc Thánh. Người thích đạo chơn như của bậc Thánh thì thích pháp cam lộ. Người thích pháp cam lộ thì được giải thoát khỏi sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Bấy giờ, vua trời Phạm thiên, chủ cối Ta-bà biết được ý nghĩ của Phật, nhanh như lực sĩ duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời và hiện ra trước Phật, tán thán rang: Đung vậy, thưa Thế Tôn! Đúng vậy; thưa Thiện Thệ! Có đạo nhất thừa có thể khiến chúng sanh thanh tịnh. Đó là bốn niệm xứ... giải thoát khỏi sanh-già- bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Vua trời nói kệ: Nói có đạo nhất thừa, Thấy sanh ở các hữu, Diễn nói về Chánh pháp, An ủi chúng sanh kho. Chư Phật thời quá khứ, Nương đạo này được độ, Chư Phật đời vi lai? Cũng nương đạo này độ9 Đấng Chánh Giác hiện tại, Nương đây qua biển lớn, Rốt ráo mé sanh tử, Điều phục tâm thanh tịnh, Đối sanh tử lưu chuyển, Đều đã dứt trừ hết, Biết rõ các cảnh giới, Huệ nhãn thấy đường chánh. Giống như nước sông Hằng, Đều chảy về biển cả, Tia nước vọt ra xa, Chánh đạo cũng như thế, Trí rộng khéo hiển bày, Chóng được pháp cam lộ, Xe Chánh pháp thù thắng, Von chưa từng được nghe, Vì thương xót chúng sanh, Và vì chuyển chúng sanh, Hộ trì chúng trời, người, Khiến đưa qua bờ kia, Do đó hàng chúng sanh, Đều cúi đầu đảnh lễ. Nói kệ này xong, vua trời nghe Phật dạy, hoan hỷ, tủy hỷ, lễ chân Phật, rồi biến mất. “

KINH SỐ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở nơi cội Bồ-đề, bên bờ sông Ni-liên-thiền5 tại tụ lạc uất-tỳ-la.

KINH TẠPA-HÀM 971

Bấy giờ, đức Thế Tôn thành đạo chưa bao lâu, có vua trời Phạm thiên, chủ cõi Ta-bà, với sắc thân tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, nói kệ: ở trong các chủng tánh, Thế Tôn dòng Sát-lợi? Bậc Minh Hạnh Đầy Đủ, Tối thắng trong loài người. Phật đáp: Đúng vậy, Phạm thiên! Đúng vậy, Phạm thiên! ở trong các chủng tánh, Thế Tôn dòng Sát-lợi? Bậc Minh Hạnh Đầy Đủ, Tối thắng trong loài người. Phạm thiên nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1191 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại Câu-tát-la9 du hành trong nhân gian và dừng nghỉ ở một nơi thanh vắng không có tụ lạc, cùng với các Tỳ-kheo nghỉ đêm tại đó. Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo thuyết pháp về tùy thuận A-lan-nhã. Khi ấy, vua trời Phạm thiên, chủ cõi Ta-bà khởi nghĩ rằng: "H6m nay Thế Tôn đang ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian và dừng nghỉ ở nơi thanh vắng, không có tụ lạc, cùng với các Tỳ-kheo nghỉ đêm tại đó, và Thế Tôn vì đại chúng thuyết pháp về tùy thuận A-lan-nhã. Bây giờ, ta phải đến tùy thuận tán thán." Nghĩ vậy xong nhanh như lực sĩ duỗi cánh tay, Vua Phạm thiên biến mất khỏi cõi trời và hiện ra trước Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, nói kệ: Thường ngôi bên mé rừng, Đoạn trừ các phiên não, Nếu không thích vắng vẻ? Vào chúng tự nhiếp hộ. Tự điều phục tâm tánh, Đi xin ăn từng nhà, Giữ gìn các căn môn, Chuyên cân nhiệp tâm niệm. Sau đó ở chỗ vắng, Ngoi tòa a-lan-nhã? Xa lìa các sợ hãi, Trụ an ổn vô úy. Nấu có các hiểm nguy, Rắn dữ, các độc hại, re Mây đen tôi bao phủ, Sâm chớp nô vang trời, Nhờ lìa các não phiền, Nên ngày đêm an ổn. Như pháp con đã nghe, Cho đến không rốt ráo5 Một mình tu Phạm hạnh, Không sợ ngàn tử ma. 9

Nếu tu hành giác đạo, Chăng sợ hàng vạn ma. Tất cả Tu-đà-hoàn, Hoặc đắc Tư-đà-hàm, Và chứng A-na-hàm, Số đó cũng vô lượng, Không thể tính kể được, Sợ hãi việc noi doi. Sau khi nói kệ xong, vua trời hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

972 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 1192 Tôi nghe như vây: Một thòi, Phật trú tại rừng Ca-tỳ-la, trong nước Ca-tỳ-la-vệ? cùng với năm trăm Tỳ-kheo đêu là những bậc A-la-hán, sạch hét phiên não, việc làm đã xong, quăng bỏ gánh nặng, chóng được lợi mình, sạch hết kiết sử, chánh trí, tâm được giải thoát. Bấy giờ, Thế Tôn vì các đại chúng thuyết về pháp tương ưng với Niết-bàn. Khi ấy mười phương thế giới đại chúng chư thiên oai lực đều đến câu hội, cúng dường Thế Tôn và Tỳ-kheo-tăng. Lại có các Phạm Thiên vương ở tại Phạm thiên nghĩ rằng: "Hôm nay Phật đang tru tại nước Ca-tỳ-la-vệ... (nói rộng như trên)... cúng dường Thế Tôn và đại chúng. Bây giờ chúng ta hãy đến tán thán." Nghĩ như thế rồi, nhanh như lực sĩ duỗi cánh tay, các vị ấy từ cõi Phạm thiên biến mất hiện ra trước Phật. Phạm thiên thứ nhất nói kệ: ở trong rừng lớn này, Đại chúng đều vân tập, Chúng chư thiên mười phương, Thảy đều đến cung kính, Con tư xa đến lễ, Tăng tối thắng nan phục. Phạm thiên thứ hai nói kệ: Chư Tỳ-kheo-tăng này, Tâm chân thật tinh tấn, ở trong rừng lớn này, Nhiếp các căn câu độ. Phạm thiên thứ ba nói kệ: Khéo phương tiện

tiêu dung, Gai ân ái sâu đậm, Kiên cố không lay động, Như phướn Nhơn-đà-la. Vượt qua hào nước sâu, Thanh tịnh không cau dục, Đấng Đại Sư khéo độ, Đại long khéo điều phục. Phạm thiên thứ tư nói kệ: Ai quy y nơi Phật, Trọn không đọa đường ác, Không thọ thân loài người, Được thân trời khoái lạc. Mỗi vi nói kệ xong, bốn vị Phạm thiên liền biến mất.

KINH SỐ 1193 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, có vua trời Phạm thiên, chủ cõi Ta-bà, hằng ngày thường đến chỗ Phật cung kính cúng dường. Bấy giờ, vua trời nghĩ: "Hôm nay ta đến sớm quá, chắc Thế Tôn đang còn nhập đại định, ta hãy đến phòng của Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc nhóm Đề-bà-đạt-đa?9 Nghĩ vậy xong, vua trời liền đến trước phòng của Cù-ca-lê gõ cửa và nói:

KINH TẠPA-HÀM 973

Cù-ca-lê! Cù-ca-lê! Nên khởi lòng tin thanh tịnh với Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiên-liên. Người chớ mãi chịu khô, không lợi ích.

Cù-ca-lê nói:

-Ông là ai?

Phạm thiên đáp:

-Tôi là Vua Phạm thiên, chủ cõi Ta-bà.

Thế Tôn không thọ ký cho ông đắc A-na-hàm phải không?

-Đúng vậy, thưa Tỳ-kheo!

- Ông cớ gì đến đây?

Phạm thiên đáp:

Người này không thể trị.

Liền nói kệ: Nơi vô lượng xứ sở, Sanh lòng muốn toan tính, Đâu có người trí tuệ, Mà sanh giác tưởng này, Vô lượng những dục tưởng, Là ngăn che phàm phu. Bấy giờ, Vua Phạm thiên đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con hằng ngày hay đi đến chỗ Phật, gần gũi cúng dường. Con nghĩ rằng sáng nay còn quá sớm đê đến chỗ Phật, Thê Tôn đang còn nhập đại đinh, con bèn đi đen phòng của Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc nhóm của Đe-bàđạt-đa, từ từ gõ cửa và nói: "Cù-ca-lê! Cù-ca-lê! Nên khởi lòng tin thanh tịnh với Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Thầy chớ mãi chịu cái khổ không lọd ích." Cù-ca-lê nói: "Ông là ai?" Phạm thiên đáp: "Tôi là Vua Phạm thiên, chủ cõi Ta-bà. "Thế Tôn không thọ ký cho ông đắc A-na-hàm phải không?99 "Dúng vậy, thưa Ty-kheo!^ "Ông vì cớ gì đến dây?" "Người này không thể trị?9 Bèn nói kệ: Nơi vô lượng xứ sở, Sanh lòng muốn toan tính, Đâu có người trí tuệ, Mà sanh giác tưởng này, Vô lượng những dục tưởng, Là ngăn che phàm phu. Phật dạy: -Như thế! Như the! Phạm vương.

974 KINH TẠP A-HÀM

ở chỗ không thể lường, Mà khởi tâm muốn lường,
Đâu có người trí tuệ, Khởi sanh vọng tưởng này,

Dục tưởng không thể lường,
Là ngăn che phàm phu.
Phật nói kinh này xong, Vua Phạm thiên hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đâu lê chân
Phật, rồi biến mất.
KINH SỐ 1194
Tôi nghe như vây:
Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.
Bấy giờ, vua trời Đại Phạm và các vị Phạm thiên khác cùng với Phạm thiên
Thiện-tí-biệt, hằng ngày dùng phương tiện đến cúng dường Phật. Khi ấy, có
Phạm thiên Bà-cú thay biết các Phạm thiên và Phạm thiên Thiện-tí-biệt siêng
W J • 1 A__ *1 __ A___ l >___ 19* năng tinh cân như vậy bèn hỏi:
- Các ông muốn gì?
Mấy vi kia đáp:
Muốn gặp Phật cung kính cúng dường.
Phạm thiên Bà-cú liền nói kệ: Kia có bốn chim hạc, Ba cung điện vàng ròng, Năm trăm bảy mươi hai Người tu hành thiền tư, Thân sắc vàng rực rỡ, Chiếu sáng cung Phạm thiên, Ông hãy nhìn thân ta, Đâu cần đi đến đó. Khi ấy, Thiện Phạm vương, Biệt Phạm vương và Thiện-tí-biệt Phạm vương lại nói kệ đáp: Tuy có thân sắc vàng, Chiếu sáng cung Phạm thiên, Vị này có trí tuệ, Biết sắc có phiền não, Người trí không thích sắc, Nên tâm được giải thoát. Bấy giờ, ba vị Phạm thiên đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một ben, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chúng con muốn đến cung kính cúng dường Thế Tôn, có Phạm thiên Bà-cú thấy chúng con hay đi nên đen hỏi: "H6m nay quý vi muốn đi đâu?99 Chúng con đáp: "Muốn đến lễ bái cúng dường Thế T6n." Phạm thiên Bà-cú nói kệ: Kia có bốn chim hạc, Ba cung điện vàng ròng, Năm trăm bảy mươi hai, Người tu hành thiền tư, Thân sắc vàng rực rỡ? Chiếu sáng cung Phạm thiên, Ông hãy nhìn thân ta, Đâu cần đi đến đó.

KINH TẠPA-HÀM 975

Chúng con nói kệ đáp lại: r . Tuy có thân sắc vàng, Chiêu sáng cung Phạm thiên, Nên biết sắc vàng ròng, Chính là tướng phiền não, Người trí giải thoát sắc, Đối sắc không còn ưa. Phật đáp: -Đúng vậy Phạm thiên! Đúng vậy Phạm thiên! Tuy có thân vàng ròng, Chiêu sáng cung Phạm thiên, Phải biết sắc vàng ấy, Chính là tướng phiền não, Người trí giải thoát sắc, Đối sắc không còn ưa. Khi ấy, những vi Phạm thiên vì Tỳ-kheo Giá-sá-vụ-đà-y-chỉ-sa nói kệ: Người sanh ở thế gian, Búa bén ở trong miệng, Trở lại chặt thân mình, Do những lời nói ác. Điều đáng chê lại khen, Điều đáng khen lại che, Ác khẩu tăng thêm lỗi, Sống đời không an vui. Cờ bạc5 rượu tán tài, Lỗi này còn rất nhẹ, Ác tâm đối với Phật, Mới là tội rất nặng. Cả trăm ngàn địa ngục, Tên Ni-la-phù-đà? Ba ngàn sáu trăm ngục, Và năm A-phù-đà, Đều là ngục báng Phật, Do ác nghiệp, miệng, ý. Phật nói kinh này xong, các Phạm thiên nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ? cúi đầu lễ Phật, rồi biến mat.

KINH SỐ 1195 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có Phạm thiên Bà-cú ở trên cung điện Phạm thiên khởi ác kiến, nói rằng: Cõi này thường hằng, không bao giờ biến đổi, là chỗ thuần nhất xuất ly.

Bấy giờ, Thế Tôn biết ý niệm của Phạm thiên Bà-cú, Ngài bèn nhập chánh đinh, biến mất khỏi thành Vương Xá và hiện ra ở cõi Phạm thiên. Phạm thiên vừa thấy Phật liền nói kệ: Bảy mươi hai Phạm thiên, Tạo nhiều thứ phước nghiệp, Tự tại và thường trụ, Không còn sanh, già, chét. Tôi đối các kinh luận, Đã tu tập rốt ráo, Trong hàng chư thiên kia, Chỉ có tôi trường tồn. Phật nói kệ đáp: Vị này sông rát ngăn, Chẳng phải kẻ trường tồn, Mà Phạm thiên Bà-cú? Tự nói là sống lâu,

Ngục Ni-la-phù-đa, Sống đến hàng trăm ngàn,
Ta đều nhớ biết hết, Ong tự nói trường tôn.
Phạm thiên Bà-cú lại nói kệ:
Chỗ thấy của Thế Tôn, Số kiếp không bờ mé,
Sanh, già, chết, ưu, bi, Thảy đều là quá khứ,
Xin nói cho tôi biết, Trải qua trong quá khứ,
Thọ trì giới nghiệp g Được sanh đến cõi này?
ỉ rr^i Ạ J. ỉ — nn A _ r •
The Ton noi kê đáp:
Kiếp quá khứ lâu xa, ở giữa đồng trống rộng,
Có các chúng tu hành, Phạm hạnh của Hiền thánh.
Đói kém không đủ ăn, Ông đen cứu giúp hộ,
Tâm từ giúp liên tục, Nhiều kiếp mà không mất,
Quá khứ ông là thế, Được thọ lãnh công đức,
Ta đều nhớ biết hết, Gần, xa, như ngủ, thức.
Quá khứ có thôn xóm, Bị giặc đến cướp bóc,
Ông khi ấy đến cứu, Khiến họ được cứu thoát,
Đó là thời quá khứ, Được thọ trì phước nghiệp,
Ta nhớ nhân duyên này, Gần, xa như ngủ, thức.
. \ y
Quá khứ có nhiêu người, Đi thuyên trên sông Hăng, Bị rồng dữ phá thuyền, Muốn hại hết mạng người, Ông dùng thần lực mình, Cứu họ được giải thoát, Đây là quá khứ ông, Được hưởng thọ phước nghiệp, Ta nhớ nhân duyên này, Gần, xa như ngủ, thức. Phạm thiên Bà-cú lại nói kệ: Quyết đpih biết rõ tôi, Sự thọ mạng xưa nay, Cũng biết hết tất cả9 Đây là đấng Chánh Giác, Cho nên được thọ thân, Sác vàng ròng sáng chói, Thân Ngài đứng ở đây, Chiếu sáng khắp thế gian. Bấy giờ, Thế Tôn vì Phạm thiên Bà-cú khai thị, chỉ giáo, soi sáng làm cho vui mừng xong, Ngài nhập đinh biên mát ở cõi trời và trở vê thành Vương Xá.

KINH SỐ 1196 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳdà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có vị Phạm thiên ở trên cõi Phạm thiên khởi tà kiến nói rằng: -Cõi này thường hằng không biến đổi, thuần nhất xuất ly chưa từng thấy có ai đến cõi này, huống là có người vượt lên trên cõi này.

KINH TẠPA-HÀM 977

Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của Phạm thiên này, liền nhập chánh định, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ở cung Phạm thiên. Ngài ngồi kiết-già, chánh thân buộc niệm ở giữa hư không, ngay trên đầu Phạm thiên kia. Bấy giờ, Tôn giả A-ĩihã-câu-lân khởi nghĩ: "Hôm nay Thế Tôn đang ở đâu?9\ bèn dùng thiên nhãn thanh tịnh quá hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên, thấy rồi, liền nhập chánh đinh, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên, ngồi kiết-già ngay thẳng, nhất tâm nhiếp niệm, từ phương Đông quay mặt vê phương Tây hướng đên Phật, ngôi kiêt-già ngay thang, buộc niệm ngay dưới tòa Phật và trên tòa Phạm thiên. Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp cũng khởi nghĩ: H6m nay Thế Tôn đang ở dâu?”liền dùng thiên nhãn thanh tịnh quá hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên, thấy rồi, liền nhập chánh định, biến mất khỏi thành Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên, từ phương Nam, mặt quay về phương Bắc, hướng đên Phật, ngôi kiêt-già ngay thăng, nhát tâm nhiêp niệm ngay dưới tòa của Phật và trên tòa Phạm thiên. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng khởi nghĩ: ,H6m nay Thế Tôn đang ở dau?9\ liền dùng thiên nhãn thanh tịnh quá hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên, thấy rồi liền nhập chánh định, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên, từ phương Tây mặt quay về phương Đông, hướng đến Phật, ngồi kiết-già, ngay thẳng, nhất tâm nhiếp niệm ngay dưới tòa Phật và trên tòa Phạm thiên. Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên cũng khởi nghĩ: "Hôm nay Thế Tôn đang ở đâu?9\ liền dùng thiên nhãn thanh tịnh quá hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cối Phạm thiên, thấy rồi, liền nhập chánh định, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên, từ phương Bắc mặt quay về phương Nam, hướng đến Phật, ngồi kiết-già ngay thẳng, chuyên tâm nhiếp niệm ngay dưới tòa Phật, trên tòa Phạm thiên. Bấy giờ, Thế Tôn nói với Phạm thiên: Ông nay còn khởi tà kiến rằng: "Từ xưa đến nay chưa từng thấy ai vượt lên trên ta?” Phạm thiên bạch Phật: Hôm nay con không còn dám nói rằng: "Ta chưa từng thấy có ai vượt lên trên ta”chỉ thấy ánh sáng của Phạm thiên bị ngăn che. Thế Tôn vì Phạm thiên kia thuyết pháp, sau khi khai thi chỉ giáo, soi sáng làm cho vui mừng, liền nhập tam-muội biến mất khỏi cõi Phạm thiên, trở về nước Xá-vệ. Các Tôn giả A-nhã-câu-lân, Ma-ha Ca-diếp, Xá-lợi-phất cũng thuyết pháp cho Phạm thiên kia nghe. Sau khi thuyết pháp xong, các Tôn giả liền nhập chánh đinh, biến mất khỏi cõi Phạm thiên, trở về nước Xá-vệ? chỉ còn Tôn giả Mục-kiền-liên vẫn ở lại đó. Phạm thiên hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên:

978 KINH TẠP A-HÀM

- Các vị đệ tử khác của Phật đều có đại đức và đại lực như thế không? Tôn giả Mục-kiền-liên liền nói kệ: Đại đức đủ Tam minh, Thông đạt rõ tâm người, Các La-hán lậu tận, số ấy nhiều vô lượng. Tôn giả Mục-kiên-liên cũng thuyêt pháp cho vị Phạm

thiên kia nghe, thuyết pháp xong, liền nhập tam-muội, biến mất khỏi cõi Phạm thiên và trở về nước Xá-vệ.

KINH SỐ 1197 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Câu-thi-na-kiệt, lực sĩ sanh địa, rừng song thọ kiên cổ. Bấy giờ, Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, bảo Tôn giả A-nan rằng: Thầy hãy trải giường dây ở giữa cây song thọ kiên cố, đặt đầu xoay về hướng Bắc. Như Lai nửa đêm hôm nay sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Tôn giả A-nan vâng lời Phật, ở giữa cây song thọ kiên cố vì đức Thế Tôn trải giường dây, đầu hướng về phía Bắc, trở lại chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi bạch rằng: Con đã trải giường dây ở giữa cây song thọ kiên cố đầu hướng về phía Bắc.

Bấy giờ, Thế Tôn đi đến giường dây, nằm nghiêng hông phải, đầu hướng về phía Bắc, hai chân đặt lên nhau, buộc niệm vào minh tưởng. Đen nửa đêm5 Thế Tôn ở nơi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Sau khi Phật Bát-niết-bàn, rừng cây song thọ liền nở hoa, rơi xuống chung quanh cúng dường Thế Tôn. Khi ấy có vị Tỳ-kheo nói kệ: Rừng cây đẹp rắn chắc, Rủ cành nhánh lễ Phật, Cúng dường hoa thơm diệu, Đại Sư Bát-niết-bàn. Thích-đề-hoàn-nhơn nói kệ: Tất cả hành vô tìiường, Đều là pháp sanh diệt, Tuy sanh liền đến diệt, Tịch diệt này là vui. Vua Phạm thiên, chủ cõi Ta-bà nói kệ: Đã sanh ở thế gian, Tất cả đều phải diệt, Thánh Đại Sư như vậy, The gian không ai bằng, Được thần lực Như Lai, Là mắt của the gian, Cuối cùng cũng hoại diệt, Nhập VôdưNiet-bàn. Tôn giả A-na-luật-đà nói kệ: Hơi thở ra, vào dừng, Giữ tâm khéo nhiếp hộ, Từ chỗ nương mà đến, Thế gian Bát-niết-bàn, Tướng sợ hãi lớn sanh, Khiến lông tóc dựng đứng,

KINH TẠPA-HÀM 979

Đủ tất cả hành lực, Đại Sư Bát-niết-bàn, Tâm kia không giải đãi, Cũng không vướng các ái, Tâm lần lần giải thoát, Như củi hết, lửa tắt. Sau khi Như Lai Bát-niết-bàn bảy ngày, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Chi-đề nói kệ: Thân báu của Đại Sư, Lên đến cõi Phạm thiên, Đại thần lực như thế, Nội hỏa lại đốt thân, Năm trăm lụa quấn thân, Đốt cháy tiêu rụi hết, Một ngàn tấm y mịn, Đe quấn thân Như Lai, Chỉ hai tấm không cháy, Là y quấn trong cùng. Khi Tôn giả A-nan nói kệ này, các Tỳ-kheo im lặng, mặc niệm.

KINH SỐ 1198 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, có Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ ở với chúng Tỳ-kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà tọa thiền. Khi ây9 Ma Ba-tuân khởi nghĩ răng: "H6m nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ5 vườn cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ, ở trong chúng Tỳ-kheo-ni, tại tinh xá trong vườn vua. Sáng sớm, cô đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà tọa thiên. Giờ đây ta hãy đên đó quây nhiOu.” Ma bèn đi đến chỗ Tỳ-kheo-ni ấy, nói rằng: -Ni cô muốn đi đâu? Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Hiền giả, tôi muốn đi đến chỗ xa xa.

Ma nói kệ: Thế gian, không ra khỏi, Tìm nơi xa làm gì, Trở về hưởng ngũ dục, Chớ để sau hối hận. Khi ấy Tỳ-kheo-ni kia nghĩ: "Đây là ai mà muốn khủng bố ta? Người hay

không phải người? Hay là người gian xo?" Cô liền biết rõ đây là Ác ma muốn não loạn cô. Biết là ma rồi, cô nói kệ: Thế gian có xuất yếu, Ta tự biết sở đắc5 Này Ác ma hèn hạ, Người không biết đạo kia, Giống như dao bén hại, Ngũ dục cũng như thế, Như hình bị xẻo thịt, Khổ thọ ấm cũng vậy,

KINH TẠPA-HÀM 979

Đủ tất cả hành lực, Đại Sư Bát-niết-bàn, Tâm kia không giải đãi, Cũng không vướng các ái, Tâm lần lần giải thoát, Như củi hết, lửa tắt. Sau khi Như Lai Bát-niết-bàn bảy ngày, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Chi-đề nói kệ: Thân báu của Đại Sư, Lên đến cõi Phạm thiên, Đại thần lực như thế, Nội hỏa lại đốt thân, Năm trăm lụa quấn thân, Đốt cháy tiêu rụi hết, Một ngàn tấm y mịn, Đe quấn thân Như Lai, Chỉ hai tấm không cháy, Là y quấn trong cùng. Khi Tôn giả A-nan nói kệ này, các Tỳ-kheo im lặng, mặc niệm.

KINH SỐ 1198 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, có Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ ở với chúng Tỳ-kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà tọa thiền. Khi ây9 Ma Ba-tuân khởi nghĩ răng: "H6m nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ5 vườn cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ, ở trong chúng Tỳ-kheo-ni, tại tinh xá trong vườn vua. Sáng sớm, cô đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà tọa thiên. Giờ đây ta hãy đên đó quây nhiOu.” Ma bèn đi đến chỗ Tỳ-kheo-ni ấy, nói rằng: -Ni cô muốn đi đâu? Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Hiền giả, tôi muốn đi đến chỗ xa xa.

Ma nói kệ: Thế gian, không ra khỏi, Tìm nơi xa làm gì, Trở về hưởng ngũ dục, Chớ để sau hối hận. Khi ấy Tỳ-kheo-ni kia nghĩ: "Đây là ai mà muốn khủng bố ta? Người hay không phải người? Hay là người gian xo?" Cô liền biết rõ đây là Ác ma muốn não loạn cô. Biết là ma rồi, cô nói kệ: Thế gian có xuất yếu, Ta tự biết sở đắc5 Này Ác ma hèn hạ, Người không biết đạo kia, Giống như dao bén hại, Ngũ dục cũng như thế, Như hình bị xẻo thịt, Khổ thọ ấm cũng vậy,

980 KINH TẠP A-HÀM

Như điều ngươi vừa nói, Người vui say ngũ dục, Kẻ đo không thể vui. Chỗ đó rất đáng sợ, Rời tất cả hỷ lạc, Bỏ những điều tối tăm, Vì diệt tận tác chứng, An trụ lìa các lậu. Ta biết ngươi, Ác ma, Hãy mau tự diệt mất. Bấy giờ, Ma Ba-tuần nghĩ rằng: uTỳ-kheo-ni này đã biết rõ tâm ta." Nó buồn bã, không vui, liền biến mất.

KINH SỐ 1199 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Tô-ma ở với chúng Tỳ-kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua. Sáng sớm Tỳ-kheo-ni Tô-ma đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Khi ấy, Ma Ba-tuần khởi nghĩ: “H6m nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tô-ma? ở chung với chúng Tỳ-kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua. Sáng sớm cô đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong,

trở về cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Ta hãy đến đó nhiễu loạn." Ma bèn hóa ra một chàng thanh niên dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Tô-ma hỏi: -Ni cô muốn đi đâu? Tô-ma đáp: Thưa hiền giả, tôi muốn đến một chỗ thật xa.

Ma liền nói kệ: Chỗ ở của tiên nhơn, Là nơi rất khó đến, Chẳng phải trí hai ngón, Có thể đến nơi đó. Tô-ma chợt nghĩ: "Dây là ai mà muốn khủng bố ta? Người hay kh6ng phải người? Hay là kẻ gian xo?" Sau khi suy nghĩ, cô biết đây là Ác ma muốn đến nhiễu loạn, liền nói kệ: Tâm nhập vào chánh định, Thân nữ có ngại gì, Khi trí tuệ phát sinh, Liền được pháp vô thượng. Nếu có tưởng nam, nữ? Tâm không xa lìa được, Họ liền theo lời ma, Người đến nói với họ, Lìa xa tất cả khổ, Bỏ tất cả tối tăm, Được tác chứng diệt tận, An trụ phiền não sạch. Ta biết ngươi, Ác ma, Hãy mau tư diệt mất. Khi ấy, Ma Ba-tuần nghĩ rằng: "Tỳ-kheo-ni Tô-ma đã biết tâm minh", nó hối hận, liền biến mất.

KINH TẠPA-HÀM 981

KINH SỐ 1200 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, có Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá-cù-đàm-di ở với chúng Tỳ-kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua. Sáng sớm Tỳ-kheo-ni ấy đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Khi ấy, Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "Hôm nay Thế Tôn đang ở nước Xá-vệ5 vườn Cấp Cồ Độc, có đệ tử Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá-cù-đàm-di9 ở với chúng Tỳ-kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua. Sáng sớm Tỳ-kheo-ni ấy đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Bây giờ, ta hãy đến đó quấy nhiMu." Ma bèn hóa ra một chàng thanh niên, dung mạo đoan chánh, đen chỗ Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá nói kệ: Người vì sao chôn con, Mặt buồn rầu khóc lóc, Một mình nơi cội cây, Muốn tìm người nam nào? Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá nghĩ rằng: "Đây là ai mà đến khủng bố ta? Người hay chẳng phải người? Hay là kẻ gian xo?" Sau khi suy nghĩ, cô biết chắc là Ác ma đến nhiễu loạn, liền nói kệ: Con cái nhiều vô kể, Tất cả đều mất hết, Đây là bên nam tử, Đã vượt khỏi tướng nam, Không não, không buồn rầu, Phật dạy làm, làm rồi, Tất cả lìa buồn khổ, Bỏ tất cả tối tăm, Đã diệt tận tác chứng, An ổn sạch các lậu, Đã biết ngươi Ác ma, Tự biến đi khỏi đây. Khi ấy, Ma Ba-tuần nghĩ rằng: 6'Ty-kheo-ni Cát-ly-xá-cù-đàm-di đã biết rõ tâm ta", nó ưu-sầu-khổ-não9 liền biến mất.

KINH SỐ 1201 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc ở với chúng Tỳ-kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua. Sáng sớm Tỳ-kheo-ni ấy đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lây tọa cụ vát lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Khi ấy, Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ? vườn cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc ở với chúng Tỳ-kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua. Sáng sớm Tỵ-kheo-ni ấy đắp Y? ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lây tọa cụ

982 KINH TẠPA-HÀM

Vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Bây giờ, ta hãy đến đó quấy nhiễu?5 Ma bèn hóa ra một chàng thanh niên dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni ưu-bát-la-sắc nói kệ: Cây kiên cố hoa đẹp, Đứng nghỉ dưới cây này, Một mình không bạn bè9 Không sợ người khác ư? Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc nghĩ rằng: “Dây là ai mà muốn đến khủng bố ta? Người hay chẳng phải người? Hay là kẻ gian xảo?” Sau khi suy nghi, cô biết chắc là Ác ma đến nhiễu loạn, liền nói kệ: Giả sử có trăm ngàn, Đêu là người gian tà, Như Ác ma các người, Đi đến đây quấy toi, Chăng động một mảy tóc, Chẳng sợ ngươi, Ác ma. Ma lại nói kệ: Tôi sẽ vào bụng cô? ở ngay giữa nội tạng, Hoặc giữa hai lông mày, Cô không thể thấy tôi. Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc nói kệ: Tâm tôi có sức lớn, Khéo tu tập thần thông, Đã giải thoát ưới buộc, Chẳng sợ ngươi, Ác ma, Tôi đã mửa ba cấu, Cội gốc của sợ hãi5 Trụ vào chỗ an ổn, Không sợ các ma quân. Vơi tất cả ái hỷ, Xa lìa hết tối tăm, Đã tác chứng tịch diệt, An trụ sạch các lậu, Ta biết ngươi, Ác ma, Hãy tự tiêu diệt

KINH TẠPA-HÀM 983

Chúng sanh sanh thế nào? Ai là người tạo tác? Chúng sanh khởi chỗ nào, Đi đâu và đến đâu? Tỳ-kheo-ni Thi-la khởi nghĩ: "Dây là ai mà muốn khủng bố ta? Người hay chăng phải người? Hay là kẻ gian xảo?" Nghĩ xong, cô biết chắc đây là Ác ma muốn đến nhiễu loạn, bèn nói kệ: Ngươi nói có chúng sanh, Đây là Ác ma thấy, Chỉ ấm tụ trống không, Không phải là chúng sanh. Những thanh gỗ hợp lại, Đời gọi là chiếc xe, Các ấm do duyên hợp, Tạm gọi là chúng sanh. Sanh ấy là khổ sanh, Trụ cũng là khổ trụ, Không pháp khác sanh khổ, Khổ sanh, khổ tự diệt. Xả tất cả im khổ, Lìa tất cả tối tăm, Đã tác chứng tịch diệt, An trụ, các lậu sạch, Ta biết ngươi, Ác ma, Hãy tự biến mất đi. Ma Ba-tuân nghe xong, biêt Tỳ-kheo-ni này đã biêt rõ tâm mình, nên ưu sầu, liền biến mất.

KINH SỐ 1203 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, có Tỳ-kheo-ni Tỳ-la ở với chúng Tỳ-kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua. Sáng sớm Tỳ-kheo-ni ấy đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Khi ấy, Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "H6m nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-ve, vườn cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tỳ-la ở với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua; sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Bây giờ ta hãy đến đó nhiễu loạn." Ma liền hóa ra một chàng thanh niên, dung mạo đoan chánh, đi đen chỗ Tỳ-kheo-ni Tỳ-la nói kệ: Tại sao có thân này? Ai là người tạo tác? Thân này có từ đâu, Thân đi đến chỗ nào? Tỳ-kheo-ni Tỳ-la nghĩ: "Người này là ai mà muốn đến khủng bố ta? Người hay chẳng phải người? Hay là kẻ gian tà?" Nghĩ xong cô liền biết chắc đây là Ác ma Ba-tuần muốn đến gây nhiễu loạn, liền nói kệ: Thân này không tự tạo, Cũng chẳng phải tha tạo, Nhân duyên hòa hợp sanh, Duyên tan thì hoại diệt. Như gieo những hạt giống, Nương nơi đất sanh ra, Đủ đất, nước, lửa5 gi6, Ấm, giới, nhập cũng thế, Nhân duyên hòa hợp sanh, Duyên tan thì hoại diệt.

984 KINH TẠP A-HÀM

Xả tất cả ưu khổ, Lìa tất cả tối tăm, Đã tác chứng tịch diệt, An trụ dứt các lậu, Ta biết ngươi, Ác ma, Hãy tự biến mất đi. Ma Ba-tuần nghe xong nghĩ rằng: "Tỳ-kheo-ni Tỳ-la này đã biết rõ tâm ta", nên ưu sầu, liền biến mất.

KINH SỐ 1204 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-gia ở với chúng Tỳ-kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua. Sáng sớm vi ấy đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Khi ấy, Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ? vườn cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-gia ở với chúng Tỳ- kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua, sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực; ăn xong, trở vê tinh xá, cát y bát, rửa chân xong, lây tọa cụ văt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Bây giờ ta hãy đen đó nhiễu loạn." Ma bèn hóa ra một chàng thanh niên dung mạo đoan chánh, đi đến trước Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-gia nói kệ: Nay cô tuổi còn trẻ, Tôi cũng còn trẻ tuổi, Nên cùng nhau ở chung, Chơi năm thứ âm nhạc, Đe cùng nhau vui hưởng, Cần gì dụng thiền tư? Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-gia nghĩ: "Đây là ai mà muốn đến khủng bố ta? Người hay chẳng phải người? Hay là kẻ gian ta?" Suy nghĩ xong, cô liền biết rõ đây là Ác ma Ba-tuần muốn đến nhiễu loạn, liền nói kệ: Làm kỹ nữ ca múa, Cùng vui chơi với nhau, Nay cho ngươi hết thảy, Ta không cần thứ đó. Nêu chánh định vắng lặng, Ngũ dục của trời, người, Tất cả đem trao ta, Ta cũng không cần nữa, Bỏ tất cả vui vẻ, Lìa tất cả tối tăm, Đã tác chứng tịch diệt, An trụ sạch các lậu, Ta biêt ngươi, Ac ma, Hãy tự biến mất đi. Ma Ba-tuân nghe xong, nghĩ răng: "Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-gia này đã biêt rõ tâm ta", nên ưu sầu, liền biến mất.

KINH SỐ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 985

Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Giá-la ở với chúng Tỳ-kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Giá-la đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Khi ấy, Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá- vệ, vườn Cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Giá-la ở với chúng Tỳ-kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua, sáng sớm, đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Bây giờ ta hãy đến đó nhiễu loạn." Ma liền hóa ra một thanh niên dung mạo đoan trang, đến trước Tỳ-kheo-ni Giá-la nói kệ: Biết cuộc sống là vui, sống phải hưởng ngũ dục, Người nào truyền dạy cô, Nhàm chán lìa cuộc sống? Lúc đó Tỳ-kheo-ni Giá-la nghĩ: "Dây là ai mà muốn đến khủng bố ta? Người hay chẳng phải người? Hay là kẻ gian tà?" Suy nghĩ xong, cô biết rõ đây là Ác ma muốn đến nhiễu loạn, liền nói kệ: Có sống ắt có chết, Sống là chiu đau khổ, Các khổ não dằn vặt, Duyên nơi sanh mà có, Phải dứt tất cả khổ, Vượt lên trên cuộc sống, Tuệ nhãn quan Thanh đê9 Thế Tôn đã thuyết pháp, Khổ khổ và khổ tập, Diệt sạch lìa các khổ, Tu tập tám Thánh đạo, An ổn đến Niết-bàn. Pháp Đại Sư bình đẳng, Tôi vui thích pháp ấy, Vì tôi biết pháp ấy, Chẳng còn ưa thọ sanh, Lìa tất cả buồn

vui, Xả tất cả tối tăm, Đã tác chứng tịch diệt, An trụ sạch phiên não, Ta biết ngươi, Ác ma, Hãy tự biến mất đi. Ma Ba-tuần nghe xong nghĩ rằng: uTỳ-kheo-ni Giá-la này đã biết rõ tâm ta”nên ưu sầu, liền biến mất.

KINH SỐ 1206 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la ở với chúng Tỳ-kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua. Sáng sớm Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Khi ấy, Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la ở với chúng Tỳ-kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua, sáng sớm, đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ

khất thực, ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Bây giờ ta hãy đến đó quấy nhiễu.95 Ma liền hóa ra một thanh niên dung mạo đoan chánh, đi đến trước Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la nói kệ: Trên cối trời Ba Ba, Diệm-ma, Đâu-suất-đà, Hóa Lạc, Tha Tự Tại, Nguyện được sanh đến đó. Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la nghĩ: "Dây là ai mà muốn đến đây khủng bố ta? Người hay chẳng phải người? Hay là kẻ gian ta?" Nghĩ xong cô biết chác đây là Ác ma Ba-tuần muốn đến nhiễu loạn, liền nói kệ: Trên cõi trời Ba Ba, Diệm-ma, Đâu-suất-đà? Hóa Lạc, Tha Tự Tại, Trên các cõi trời ấy, Chẳng lìa hạnh hữu vi, Nên theo ma tự tại. Tất cả các thế gian, Đều là nhóm các hành, Tất cả các thế gian, Đêu là pháp dao dộng, Tất cả các thế gian, Là lửa khổ thường đốt, Tất cả các thế gian, Đều là khói, bụi dấy. Không động cũng không lay, Không tập cận phàm phu, Không rơi vào đường ma5 Đó là nơi an vui, Lìa tất cả buồn khổ, Bỏ tất cả tối tăm, Đã tác chứng tịch diệt, An trụ sạch các lậu, Ta biêt ngươi, Ac ma, Hãy tự biến mất đi. Ma Ba-tuần nghe xong nghĩ rằng: 66Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la này đã biết rõ tâm ta”nên ưu sầu, liền biến mất.

KINH SỐ 1207 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, có Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la ở với chúng Tỳ-kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua. Sáng sớm vị ấy đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Khi ây, Ma Ba-tuân khởi nghĩ: "H6m nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá- vệ9 có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la ở với chúng Tỳ-kheo-ni tại tinh xá trong vườn vua, sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Bây giờ ta hãy đến đó quấy nhiễu." Ma liền hóa ra một chàng thanh niên dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la nói rằng: Thưa cô! Cô thích những con đường nào? Tỳ-kheo-ni ấy đáp: -Tôi không thích gì hết.

Ma Ba-tuân nói kệ: Cô mến thích chỗ nào, Cạo đầu làm Sa-môn? : £ Thân mặc áo cà-sa9 Làm tướng người xuất gia, Không vui nơi các dạo, Mà sống giữ ngu si? Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la khởi nghĩ: "Dây là ai mà muốn đến khủng bố ta? Người hay chẳng phải

người? Hay là kẻ gian tà?" Cô nghĩ xong, biết chắc là Ma Ba-tuần muốn đến nhiễu loạn, liền nói kệ: Pháp nay ngoài các đạo, Bị các kiến trói buộc, Bi trói bởi kiến rồi, Thường tùy ma sai sử. Nếu sanh nhà họ Thích, Không ai bằng Đại Su, Có thể dẹp ma oán, Không bị ma hàng phục, Thanh tịnh thoát tất cả, Đạo nhãn quan sát khắp, Nhất thiết trí biết hết, Tối thắng lìa các lậu. Ngài là Thầy của ta, Ta chỉ thích pháp Ngài, Ta đã vào pháp Ngài, Được vang lặng xa lìa. Lìa tất cả ái hỷ? Bỏ tất cả tối tăm, Đã tác chưng tịch diệt, Ta biết ngươi, Ác ma, Hãy tự biến mất đi. Ma Ba-tuân nghe xong nghĩ răng: 46Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la này đã biêt rõ tâm ta", nên ưu sầu, liền biến mất.

KINH SỐ 1208 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Chiêm-bà9 bên bờ hồ Yết-già. Bấy giờ vào ngày mười lăm5 Thế Tôn ngồi trước đại chúng làm lễ Bố-tát. Khi ấy trăng vừa mới mọc, có Tôn giả Bà-kỵ-xá ở trong chúng, nghĩ rằng: ''Bay giờ ta đến trước Thế Tôn, đọc bài kệ khen ve ví dụ mặt trăng.^, Nghĩ như thế rồi, Tôn giả Bà-kỳ-xá đứng dậy, sửa lại y phục, đến trước Phật, làm lễ, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ! Con có điều M r muôn nói. Phật dạy: Thầy muốn nói gì cứ nói.

Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ: Như trăng giữa hư không, Trong sáng không mây che, Anh sáng trong vang vặc, Chiếu khắp cả mười phương, Như Lai cũng như the, Trí tuệ chiếu thế gian, Công đức lừng danh thơm, Lan tràn khắp mười phương. Sau khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả nói đều hoan hỷ.

988 KINH TẠPA-HÀM

KINH SÒ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Chiêm-bà, bên bờ hồ Yết-già. Bấy giờ, Tôn giả A-nhã-kiều-trần-như ở lâu nơi thanh vắng, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, áp mặt lên chân Phật mà nói rằng: —Lâu quá con không gặp Thế Tôn! Lâu quá con không gặp Thiện Thệ! Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở trong hội khởi nghi: "Ta sẽ đến Tôn giả Kiều-trần-như khen ngợi về ví dụ của Thượng tọa?9 Nghĩ như thế rồi, Bà-kỳ-xá liền đứng dậy, sửa lại y phục, đi đến trước Phật làm lễ, thưa rang: Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ! Con có điều muốn nói. Phật bảo: Thầy muốn nói gì cứ nói.

Bà-kỳ-xá nói kệ: Thượng tọa của Thượng tọa, Tôn giả Kiều-trần-như, Đã độ và vượt qua, Được an lạc chánh thọ5 ở trụ xứ thanh vắng, Thường vui hạnh viễn ly, Thích hợp với thanh vang, Chánh pháp Đại Sư dạy, Tát ca đêu to rõ, Chánh thọ không buông lung. Đức lớn đủ Tam minh, Trí tha tâm rõ sáng, Thượng tọa Kiều-trần-như, Hộ trì pháp Phật dạy, Tăng thêm lòng cung kính, Đầu mặt lễ chân Phật. Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Bà-kỳ-xá đọc kệ này rất hoan hỷ.

KINH SỐ 1210 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Chiêm-bà? bên bờ hồ Yết-già. Bây giờ, Tôn giả Xá-lợi-phât ở tại nhà cúng dường với các chúng Tỳ-kheo. Tôn giả vì các Tỳ-kheo thuyết pháp, pháp vị và ngôn cú đầy đủ, biện tài giản dị, trong sáng, dễ hiểu, ưa nghe, thông suốt không dứt đoạn, nghĩa lý sâu xa rõ ràng. Các Tỳ-kheo thích đến nghe. Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ngồi giữa pháp hội, khởi nghĩ: "Ta sẽ đến trước ngài Xá-lợi-phất nói kệ tán thán." Nghĩ như thế Tôn giả liền đứng dậy chắp tay thưa:

-Thưa Ton giả Xa-lợi-phât! Tôi co điêu muôn xin nói. Tôn giả Xá-lợi-phất bảo: Hiền giả muốn cứ nói.

Bà-kỳ-xá nói:

KINH TẠPA-HÀM 989

Ngài thuyết pháp quá hay Người nghe, thật dễ hiểu, Xót thương Bà-đề-xá, Giữa đại chúng tuyên dương, Đang lúc ngài thuyết pháp, Từ cổ phát tiếng hay, Am thanh thật truyên cảm, Tiếng chậm rãi điều hòa, Người nghe điều ưa thích, Chú tâm không di động. Các Tỳ-kheo nghe Bà-kỳ-xá đọc ke, rất hoan hỷ.

KINH SỐ 1211 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, gần núi Na-già cùng với năm trăm Tỳ-kheo câu hội, đều là bậc A-la-hán sạch hết phiền não, việc làm đã xong, quăng bỏ gánh nặng, được ích lợi tự thân, dứt hết các trói buộc, chánh trí, tâm thiện giải thoát. Tôn giả Đại Mục-kiên-liên quán sát tâm của đại chúng, thây tát cả đêu giải thoát hết tham dục. Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa đại chúng, khởi nghĩ: :B§y giờ ta hãy đến trước Thế Tôn và Tỳ-kheo-tăng nói kệ tán thán", nghĩ thế rồi, liền đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ! Con có điều M r muôn nói. Phật bảo: -Thầy muốn nói cứ nói. Bà-kỳ-xá đọc kệ: Đạo Sư Vô Thượng Sĩ, Trụ bên núi Na-già? Với năm trăm Tỳ-kheo, Phụng thờ đấng Đạo Sư, Tôn giả Đại Mục-liên, Thần thông thấu rõ hết, Quán sát tâm đại chúng, Đều lìa hết tham dục, Như thế độ đầy đủ, Mâu-ni đưa qua bờ, Với tối hậu thân này, Con cúi đầu đảnh lễ. Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Bà-kỳ-xá đọc kệ này đều hoan hỷ.

KINH SỐ 1212 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Phật kiết hạ an cư cùng với năm trăm Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán sạch hết phiền não, việc làm đã xong, quăng bỏ gánh nặng, dứt trừ trói buộc, chánh trí, tâm thiện giải thoát, chỉ trừ Tôn giả A-nan. Thế Tôn thọ ký Tôn giả A-nan hiện pháp sẽ đắc vô tri chứng.

990 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ vào ngày mười lăm? nguyệt thực, Thế Tôn trải tòa ngồi trước đại chúng, và bảo các Tỳ-kheo: -Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, giữ gìn thân cuối cùng, làm Đại Y Sư, nhổ những mũi nhọn. Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, giữ gìn thân sau cùng này làm bậc Vô thượng Y Sư, nhổ các gai nhọn. Các thầy là con, từ miệng Ta sanh ra, từ pháp hóa sanh, được gia tài Pháp. Hãy nhớ thọ tri, chớ để cho thân, khẩu, ý của Ta có việc đáng quở trách. Lúc ấy5 Tôn giả Xá-lợi-phất ở giữa đại chúng đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ, chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn vừa nói rằng: 'Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, giữ gìn thân cuối cùng, làm Đại Y Sư, nhổ hết mũi nhọn. Các thầy là con Ta, từ miệng Ta sanh ra, từ pháp hóa sanh, được gia tài Phật pháp. Hãy nhớ thọ trì, chớ để cho thân, khẩu, ý của Ta có việc đáng quở trách." Chúng con không thấy thân, khẩu, ý của Thế Tôn có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì Thế Tôn đối với những người không thể điều phục khiến điều phục, người không tịch tĩnh khiến họ tịch tĩnh, người không an nghỉ, khiến họ an nghỉ, người không Bát-niết-bàn khiến họ Bát-niết-bàn. Như Lai biết đạo, Như Lai nói dạo, Như Lai hướng về đạo rồi sau đó

Thanh văn thành tựu, theo đạo, tôn sùng đạo, vâng lãnh lời dạy của Đạo Sư. Đúng như những lời chỉ dạy ấy, chơn chánh, hướng đến an lạc, pháp lành chân thật. Đối với Thế Tôn con không thấy thân, khẩu, ý của Ngài có việc gì đáng hiêm trách. Nay đôi trước Thê Tôn, xin Ngài chỉ cho ba tội thấy, nghe, nghi, hoặc thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách. Phật bảo Xá-lợi-phất: Ta không thấy thầy có ba tội thấy, nghe, nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiêm trách. Vì sao? Vì thây trì giới, đa văn, thiêu dục tri túc, tu hạnh viễn ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh thọ, trí tuệ lanh lợi, trí tuệ sáng suốt, trí tuệ giải thoát, trí tuệ viễn ly, trí tuệ rộng lớn, trí tuệ sâu xa, trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí tuệ chân thật, khai thị, chỉ giáo rõ ràng, hoan hỷ tán thán, vì chúng sanh thuyết pháp chưa từng mỏi mệt. Ví như thái tử lớn nhất của Chuyển Luân Thánh Vương đáng thọ lễ quán đảnh, tuy chưa làm lễ quán đảnh mà đã ở vào nghi pháp quán đảnh như pháp của vua cha, những điều gì vua cha đã chuyển cũng sẽ y theo đó chuyển. Nay thầy cũng như thế, là trưởng tử của Ta, gần được nhận lễ quán đảnh nhtmg chưa quán đảnh mà đã ở vào nghi pháp quán đảnh. Đối với pháp luân của Ta đã chuyển nói, thầy cũng y theo đó chuyển, vắng lặng, không còn khởi các lậu, tâm thiện giải thoát. Cũng thế, đối với Xá-lợi-phất, Ta không thấy có ba tội thấy, nghe, nghi và thân, khẩu, ý có điều gì hiềm trách. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con không có tội thấy, nghe, nghi và thân, khẩu, ý không

có điêu gì đáng hiêm trách; vậy năm trăm Tỳ-kheo này có được không tội thây, nghe, nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách chăng? Phật đáp: Đối với năm trăm Tỳ-kheo này, Ta cũng không thấy tội thấy, nghe, nghi và thân, khau, ý có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì năm trăm Tỳ-kheo này đều là A-la-hán, sạch hết phiền não, việc làm đã xong, bỏ được gánh nặng, đoạn sạch hết các kiết sử5 chánh trí, tâm thiện giải thoát. Trừ một Tỳ-kheo, đó là A-nan, nhung Ta thọ ký cho A-nan hiện đời sẽ đắc vô tri chứng. Do đó, đối với năm trăm Tỳ-kheo? Ta không thấy ai có tội thấy, nghe, nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Năm trăm Tỳ-kheo này đã không có tội thấy, nghe, nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách hết; vậy trong đây có bao nhiêu Tỳ-kheo được Tam minh? Có bao nhiêu Tỳ-kheo được Câu giải thoát? Có bao nhiêu Tỳ-kheo được Tuệ giải thoát? Phật đáp: -Trong năm trăm Tỳ-kheo này, chín mươi Tỳ-kheo được Tam minh, chín mươi Tỳ-kheo được Câu giải thoát, còn lại là được Tuệ giải thoát. Này Xá-lợi- phất! Những Tỳ-kheo này không còn dao động, chân thật kiên cố, không phải chỉ bên ngoài. Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa hội chúng khởi nghi: "Ta sẽ đến trước Thế Tôn và đại chúng nói kệ tán thán", nghĩ như thế xong liền đứng dậy sửa lại y phục, bày vai phải, lễ Phật và chắp tay thưa: -Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ! Con có điều muốn nói. Phật bảo: - Tùy thầy muốn nói. Bà-kỳ-xá nói kệ: Ngày mười lăm thanh tịnh, Đại chúng năm trăm người, Đoạn dứt tất cả kiết, Đại tiên sạch phiền não, Thanh tịnh gần gũi nhau, Thanh tịnh rộng giải thoát, Không còn thọ các hữu, Sanh tử đã dứt hẳn, Việc đáng làm đã làm, Sạch hết tất cả lậu, Năm cái đã đoạn trừ, Nhô cội góc gai ái, Sư tử không sợ hãi, Lìa tất cả hữu dư, Hại các hữu oán kết, Vượt qua cả hữu dư, Các oán địch hữu lậu, Thảy đều đã tiềm phục, Giống như Chuyển Luân Vương, Bảo bọc các quyến

thuộc, Tâm từ rộng tuyên hóa, Mọi loài đều kính vâng,

Hay hàng phục ma oán, Là Đạo Sư vô thượng, Tâm kính tín phụng thờ, Tam minh, lão, tử diệt, Làm chơn tử của pháp, Không lo lang dao động Nhổ sạch gai phiền não, Lễ con dòng mặt trời. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1213 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Ni-câu-luật ở chỗ hoang vắng nhiều cầm thú. Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá xuất gia chưa bao lâu lại có những oai nghi như: Thích sống ở thành âp5 làng xóm, sáng sớm đăp y, mang bát vào thành âp5 làng xóm khát thực, khéo thủ hộ thân thể, nhiếp hộ các căn môn, chí tâm nhất niệm. Thọ trai xong, Tôn giả trở về trụ xứ cất y bát, rửa chân, rồi vào thất tọa thiền, giây lát xả thiền và không ưa khất thực mà Tôn giả lại không có ai tùy thời giáo thọ, giáo giới, cho nên tâm không được an ổn, ở chung quanh ẩn khuất thâm u như vậy. Tôn giả Bà-kỳ-xá khởi nghĩ rằng: "Ta ở đây không có lợi ích, khó mà đạt đến sự lợi ích. Hơn nữa, ta không có được người tùy thời giáo thọ, giáo giới, không có được thân lạc chung quanh, tâm ở nơi ẩn khuất thâm u. Bây giờ ta hãy nói kệ tán thán sự nhàm chán này. Phải bỏ vui, không vui, Và tất cả giác tham, Gần gũi không tạo tác, Lìa nhiễm gọi Tỳ-kheo. Với sáu giác tâm tưởng, Rong ruổi theo thế gian, Ác bất thiện che đậy, Không thể cách lớp da, Tâm ô uế vui vẻ, Không gọi là Tỳ-kheo, Còn điều trói, bị trói, Cùng thấy nghe hay biết, Với người muốn giác ngộ, Nơi đó không còn nhiễm. Người không nhiễm như thế, Chính là đấng Mau-ni. Đại địa và hư không, Các sắc tướng thế gian, Đều là pháp hoại diệt, Vắng lặng tự quyết định, Pháp khí tu tập lâu, Và được tam-ma-đề? Không xúc, không dối ngụy, Tâm ấy rất chuyên chú, Thánh đã Niết-bàn lâu, Nhất niệm đợi thời diet.” Khi Tôn giả nói kệ tự chán nản? xa lìa, tâm tự khai giác đối với điều không vui, roi liên tỉnh ngộ, hân hoan.

KINH SỐ 1214 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bây giờ, Tôn giả Nan-đà cùng với Tôn giả Bà-kỳ-xá, sáng sớm đáp y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, giữa đường Bà-kỳ-xá thấy một cô gái xinh đẹp, tâm tham dục khởi lên, nghĩ rằng: "Hôm nay bất lợi, bị khổ, không được vui vì gặp thiếu nữ xinh đẹp này khiến tâm tham dục khởi lên. Bây giờ ta phải vận dụng, xua đuổi nhàm chán9\ liền nói kệ: Bị tham dục che mờ, Hừng hực đót tâm ta, Xin Tôn giả A-nan Vì tôi diệt tham dục, Khởi lòng từ thương xót, Phương tiện khuyên nhủ tôi. Tôn giả A-nan nói kệ đáp: Vì tư tưởng điên đảo, Hừng hực đốt tâm ông, Xa lìa đối tịnh tưởng, Nuôi dưỡng tâm tham dục, Phải tu quán bất tịnh, Thường nhất tâm chánh định, Chóng diệt lửa tham dục, Chớ để đốt tâm ông, Phải quán sát các hành, Khổ, không, không có ngã, Buộc niệm chánh quán thân, Siêng tu tập lìa chán, Tu tập pháp vô tướng, Diệt trừ sử kiêu mạn, Đối mạn được hiện quán, Rốt ráo được giải thoát. Sau khi Tôn giả A-nan nói những l này, Bà-kỳ-xá nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1215 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có ông trưởng giả thỉnh Phật và chúng Tăng về nhà cúng dường, chỉ có Tôn giả Bà-kỳ-xá gặp phiên trực phải ở lại giữ tinh xá nên phan ăn của Bà-kỳ-xá được các phụ nữ trưởng giả trong tụ lạc mang đến tinh xá. Bà-kỳ-xá thấy cô gái trẻ, dung mạo đoan chánh, liền khởi tâm tham dục. Tôn giả lại nghĩ: "Hôm nay ta gặp điều bất lợi, bị khổ, không được vui, thấy thiếu nữ xinh đẹp kia, tâm tham dục liền khởi lên. Bây giờ ta phải làm kệ nhàm chán, xa lia.” Nghĩ xong, Tôn giả liền nói kệ: Ta đã được xuất ly, Không nhà và xuất gia, Tham dục đuổi theo ta, Như trâu nhớ lúa mạ, Phải nhớ vi đại tướng, Sức mạnh cầm cung lớn, Bắn phá từng trận chiến, Một người đánh ngàn người. Ta con dòng mặt trời, Trước mặt được nghe nói, Hướng thẳng đến Niết-bàn. Tâm quyết trụ an lạc, Không buông lung như thế, Trụ chánh định vắng lặng. Không ai đối tâm ta, Huyễn hoặc bị lừa dối,

Quyết đinh khéo quán sát. An trụ nơi Chánh pháp, Dù cho vô số lượng, Muốn đến mê hoặc ta, Những Ác ma như thế, Không thể hại được ta. Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ xong, tâm được an ổn.

KINH SỐ 1216 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá tự cho mình là trí tuệ và nói hay, rồi khởi tâm khinh mạn những vị Phạm hạnh và thông minh khác, liền tự tỉnh giác rằng: “Ta không có lợi ích, tự chuốc lấy khổ não, không an vui, ta tự cho mình trí tuệ, khinh mạn những người Phạm hạnh thông minh khác. Bây giờ ta phải nói kệ để bỏ những tâm ấy di”, liền đọc kệ: Cù-đàm chẳng kiêu mạn, Đoạn mạn không còn sót, Chẳng khởi tưởng kiêu mạn, Chớ lùi sanh hối hận, Chẳng che giấu người khác, Rơi Nê-lê sát mạn, Chánh định hay trừ ưu, Thấy đạo trụ chánh đạo. Tâm ấy được hỷ lạc, Thấy đạo tư giữ gìn? Do đó nói không ngại, Thanh tịnh lìa các cái. Dứt tất cả các mạn, Khởi tát cả minh xứ, Chánh niệm nơi Tam minh, Thần túc, Tha tâm trí. Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ yểm ly xong, tâm được thanh tịnh.

KINH SỐ 1217 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc Tử Mau, vườn phía Đông nước Xá-vệ, một mình tư duy không buông lung, chuyên tu tập, chóng được Tam minh, tự thân tác chứng liền khởi nghĩ: "Ta một mình ở chỗ vắng tư duy, không buông lung, chuyên tu tập? để thấy được Tam minh, tự thân tác chứng. Bấy giờ ta hãy làm kệ tán thán Tam minh: Do dục tâm cuông hoặc, Tụ lạc và nhà nhà, Du hành được gặp Phật, r Dạy ta pháp thù thang. Đang Cù-đàm thương xót, Vì ta nói pháp vương, Nghe pháp sanh tinh tín, Đi xuất gia không nhà. Nghe Ngài thuyết pháp rồi, Chánh trụ nơi giáo pháp, Kiên cố thường kham năng, Chóng được đủ Tam minh.

Lời Phật dạy đã làm, Thế Tôn khéo hiển thị, Con dòng mặt trời nói, Vì chúng sanh mờ mịt, Khai mở cửa xuất yếu, Khổ khổ và nhân khổ, Khổ diệt tận tác chứng, Tám Thánh đạo lìa khổ, An lạc đến Niết-bàii, Nghĩa lành, cú vị lành, Phạm không ai hơn, Thế Tôn

khéo hiển thi, r hạnh• Niêt-bàn giúp chúng sanh."

KINH SỐ 1218

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

_ Ạ __ _____ r _____ _ _ _

Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Nay Ta sẽ nói về bốn cú pháp. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Những gì là bốn? Hiền thánh khéo nói pháp, Đây là điều thứ nhất, Ái ngữ phi bắt ái, Đây là điều thứ hai, Nói chân thật không vọng, Đây là điều thứ ba, Thuyết pháp không nói khác, Đây là điều thứ tư. Này các Tỳ-kheo! Đây gọi là bốn cú pháp. Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa hội chúng nghĩ rằng: "Thế Tôn ở trước chúng nói bốn cú pháp, ta phải dùng bốn cách để khen ngợi, tán thán và tùy hy." Tôn giả liền đứng dậy sửa lại y phục, lễ Phật, chắp tay bạch: -Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn nói! Bạch Thiện Thệ! Con có điều muốn nói! Phật dạy: -Tùy thầy muốn nói. Ton giả Bà-kỳ-xá nói kê: Nếu người khéo nói pháp, Đối mình không não phiền, Cũng không khủng bố người, Đây tức là khéo nói. Điều người ái ngữ nói, Khiến người khác hoan hỷ5 Không khiến họ làm ác, Đây thật là ái thuyết. Nói thật biết cam lộ, Nói thật biết vô thượng, Nói pháp, nói thật nghĩa, Chỗ Chánh sĩ dừng lập. Như pháp của Phật nói, Đạo Niết-bàn an ổn, Diệt trừ tất cả khổ, Đây gọi khéo nói pháp. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

996 KINH TẠP A-HÀM

KINH SỔ 1219 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, bên cạnh núi Na-già, cùng với một ngàn Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, sạch hết các lậu, việc làm đã xong, quăng bỏ gánh nặng, chóng được tự lợi, dứt hết trói buộc, chánh trí, tâm thiện giải thoát. Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở nơi nghĩa địa trong rừng Hàn Lâm, thành Vương Xá, khởi nghĩ rằng: "Nay Thế Tôn đang trú bên cạnh núi Na-già, thành Vương Xá cùng với một ngàn vi Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, các lậu đã sạch, việc làm đã xong, quăng bỏ gánh nặng, chóng được tự lợi, dứt hết ràng buộc, chánh trí, tâm thiện giải thoát. Ta hãy đến đó tán thán Thế Tôn và các Tỳ-kheo- ng.” Nghĩ như thế rồi, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền đi đến chỗ Phật, lui ngồi một bên, nói kệ: Đấng Đạo Sư vô thượng, Trụ bên núi Na-già, Ngàn Tỳ-kheo quyến thuộc, Phụng thờ đấng Như Lai. Đại Sư nói rộng pháp, Đạo Niết-bàn an lạc, Chuyên nghe pháp thanh bạch, Của đấng Chánh Giác nói, Đấng Chánh Giác tôn kính, ở ngay giữa đại chúng, Bậc Đại Long đức lớn, Bậc Thượng Thủ tiên nhơn, Nổi dày mây công đức, Mưa khắp chúng Thanh văn, Phát sinh trí chánh thọ, Đen dâng lên Đại Sư, Đệ tử Bà-kỳ-xá, Cúi đầu xin đảnh lễ. Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn nói! Bạch Thiện Thệ! Con có điều muốn nói! Phật dạy: Tùy ý thầy nói, đừng suy nghĩ trước.

Bà-kỳ-xá nói kệ: Ba-tuần vừa khởi ác, Áp chê khiên diệt ngay, Hay ngăn chặn Ác ma, Khiến tự giác biết lỗi. Quán sát mở trói buộc, Phân biệt pháp thanh bạch, Chiếu sáng như nhật nguyệt, Vì các vua di dạo, Vượt khỏi trí tác chứng, Diễn nói pháp đệ nhất, Ra khỏi dòng phiền não, Nói vê đạo vô thượng, Dựng lập vị cam lộ, Kiến đế pháp chân

thật, Như thế tùy thuận dạo, Kiến lập đạo cam lộ, Kiến dế, thích viễn ly. Thế Tôn khéo thuyết pháp, Trừ âm cái cho người, Thấy rõ nơi các pháp Theo học để điều phục. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Bà-kỳ-xá đọc kệ này, tất cả đều hoan hỷ.

KINH TẠPA-HÀM 997

KINH SỐ 1220 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại? trong vườn Lộc Uyển, chỗ ở của các tiên nhơn. Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp tứ Thánh đế tương img. Đó là: Đây là khổ Thánh aế, đây là khổ tập Thánh đế, đây là khổ diệt Thánh dế, đây là kho diệt đạo tích Thánh đế. Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa hội chúng khởi nghĩ: "Ta hãy đến trước Thế Tôn tán thán về ví dụ nhổ mũi ten.99 Nghĩ như thế rồi, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ! Con có điều muốn nói. Phật dạy: r-pi Ã ị y Thay tuy y noi:

Ton gia Ba-ky-xa liên noi kệ: Con nay kính lễ Phật, Thương xót các chúng sanh, Thư nhất nhổ mũi tên, Khéo trị liệu các bệnh, Thầy thuốc Ca-lộ-y, Thầy thuốc Ba-hầu-la5 Và thầy Chiêm-bà-kỳ, Thầy Kỳ-bà trị bệnh, Hoặc có bệnh hơi lành, Cho là tri bệnh hay, Sau đó bệnh trở lại, Bệnh dai dẳng đến chết, Chánh Giác, Đại Y Vương, Khéo cho thuốc chúng sanh, Rốt ráo trừ các khổ5 Không còn thọ các hữu, Cho đến trăm ngàn thứ, Bệnh hoạn không kể hết. Phật điều trị tất cả, Rốt ráo sạch hết khổ. Các thầy thuốc hội lại, Con sẽ nói với họ, Được pháp, được cam lộ, Tùy sở thích mà uống, Đệ nhất, nhổ mũi tên, Khéo biết bệnh chúng sanh, Bậc Y Sư tối thượng, Con cúi đầu đảnh lễ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Bà-kỳ-xá đọc kệ này, đều hoan hỷ.

KINH SỐ 1221 Tôi nghe như vày: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bây giờ, Tôn giả Ni-câu-luật-tưởng trú nơi rừng văng có nhiêu câm thú, bị đau nặng. Tôn giả Bà-kỳ-xá đến thăm và săn sóc nhimg Tôn giả Ni-câu-luật- tưởng bệnh năng quá, đã Bát-niết-bàn. Khi ấy, Bà-kỳ-xá nghĩ: "Thầy ta Niết- bàn như thế là Hữu dư Niết-bàn hay là Vô dư Niết-bàn? Ta hãy đến tìm xem tưởng âỏy

998 KINH TẠP A-HÀM

Tôn giả Bà-kỳ-xá cúng dường Xá-lợi của Tôn giả Ni-câu-luật-tưởng xong, mang y bát đi về thành Vương Xá, đến nơi cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, nói kệ: Con kính lễ Đại Su, Đấng Chánh Giác không giảm, ở trong hiện pháp này, Dứt tất cả lưới nghi. Tỳ-kheo ở chỗ vắng, Mạng chung Bát-niêt-bàn, Oai nghi nhiêp các căn, Đại đức, đời xưng tán, Được Thế Tôn đặt tên5 Gọi Ni-câu-luật-tưởng. Nay con hỏi Thế Tôn, Người bất động giải thoát, Tinh tấn chuyên phương tiện, Vì con nói công dức, Con là họ Thích-ca, Pháp tử của Thế Tôn, Ngoài ra con muôn biêt, Điều bậc Đạo Nhãn nói, Chúng con đang ở đây, Tất cả đều muốn nghe. Thế Tôn là Đại Su, Vô thượng cứu thế gian, Đại Mâu-ni dứt nghi, Trí tuệ đã đay đu, Mắt đạo chiếu khắp cả, Hào quang sáng bốn chúng, Giống như trời Đấ-thích, Chiếu trời Ba Mươi Ba. Các tham dục nghi hoặc, Đều từ vô minh khởi, Nếu được gặp Như Lai, Dứt hết không còn sót. Đạo nhãn của Thế Tôn, Là tôi thăng thê gian, Diệt trừ lỗi chúng sanh, Như gió thoi bay bụi. Tất cả các thế gian, Phiền não che đậy hết, Tát ca đêu không co,

Mắt sáng được như Phật. Huệ quang chiêu khắp cả, Khiến cùng đại tinh tấn, Cúi xin đấng Đại Trí, Nên vì chúng diễn nói, Phát âm thanh vi diệu, Chúng con chuyên tâm nghe, Lời dịu dàng diễn nói, Các thê gian đều nghe, Giống bi nóng, khát bức, Đi tìm nước trong mát, Như Phật biết đầy đủ5 Chúng con cũng mong biết. Ton gia Ba-ky-xa lại nói kệ: Nay nghe đấng Vô Thượng, Thuật lại công đức kia, Không uổng tu Phạm hạnh, Con nghe rát hoan hỷ. Nói theo đều nói được, Đệ tử thuận Mâu-ni, Cắt đứt dây sanh tử5 Và hư ngụy huyễn hóa. Nhờ gặp đức Thế Tôn, Mới đoạn dứt các ái, Qua khỏi bờ sanh tử, Không còn thọ các hữu. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Bà-kỳ-xá nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi lui ra.

KINH TẠPA-HÀM 999

KINH SỐ 1222 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, trời a-tu-la đem quân đánh với chư thiên; a-tu-la thắng, chư thiên thua. Bấy giờ, quân lính của trời Đế-thích tan nát nên sợ hãi, quay xe kéo tàn quân theo hướng Bắc chạy về cung trời theo đường rừng tắt dưới chân núi Tu-di; nơi đó, có một ổ chim đại bàng cánh vàng, có nhiều chim con. Lúc ây, Vua Đê-thích sợ xe ngựa đi ngang qua cán chét những chim con, bèn bảo người đánh xe: "Hãy dừng xe, lui lại!" Người đánh xe tâu: "Quân a-tu-la đang đuôi theo phía sau, nêu quay xe lại sẽ bị khôn.„ Vua Đế-thích bảo: "Thà nên quay xe lại bị a-tu-la giết, chứ không để quân lính giẫm chết chúng sanh." Người đánh xe bèn quay xe trở lại hướng Nam, quân a-tu-la từ xa trông thấy xe của Đế-thích quay lại cho rằng đó là chiến sách nên vội chạy lui lại. Quân lính sợ hãi chạy tán loạn trở về cung a-tu-la. Phật bảo các Tỳ-kheo: Trời Đế-thích kia là Vua Tự Tại của cõi trời Ba Mươi Ba, nhờ oai lực từ

tâm mà dẹp được quân a-tu-la? và cũng thường tán thán công đức của lòng từ. Tỳ-kheo! Các thầy chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo phải tu tập tâm từ, và cũng nên tán thán công đức của lòng từ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1223 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, trong thành Vương Xá có một người bần cùng, cực khổ, nhưng đôi với Phật, Pháp và Tăng, đêu thọ trì câm giới, học rộng nghe nhiêu, ra sức bố thí, thành tựu chánh kiến. Người ấy khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba; vị trời mới lên đó, có ba điểm thù thắng hơn những vị trời khác. Những gì là ba? Đó là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, được tiếng khen trời. Bấy giờ, các thiên tử kia thấy thiên tử này có ba đặc điểm hơn họ5 họ cùng đến chỗ Đế-thích nói rằng:

1000 KINH TẠPA-HÀM

-Kiều-thi-ca nên biết! Có một thiên tử mới sanh đến cõi trời này; vị ấy có đặc điểm thù thắng hơn những thiên tử cũ, là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời. Khi ấy, Đế-thích nói với các thiên tử kia rằng: Chư nhơn giả! Tôi biết người này đời trước ở thành Vương Xá, bần cùng nghèo khổ, nhưng rất có lòng tin đối với Pháp, Luật của Như Lai... thành tựu chánh kiến. Do đó, khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi

trời này, và có ba điểm thù thắng hơn những vị trời Ba Mươi Ba khác, là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời. Rồi Đế-thích nói kệ: Chánh tín đối với Phật, Kiên Cố không lay động, Thọ trì giới chân thật, Không nhàm chán Thánh giới. Đối Phật tâm thanh tịnh, Và thành tựu chánh kiến, Nên biết không nghèo khổ, Đời sống không vô ích. Đối với Phật, Pháp, Tăng, Khởi lòng tin thanh tịnh, Trí tuệ càng tăng trưởng, Nhớ nghĩ lời Phật dạy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1224 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, dân chúng thành Vương Xá mở đại hội và mời hết các đạo giáo. Những người theo đạo Giá-la-ca nghĩ rang: "Nay ta sẽ mời thiên đạo Giá-la-ca làm phước điền tnróc." Còn những người theo ngoại đạo xuất gia hoặc theo Ni-kiền tử, theo Lão Tử, theo đạo thờ lửa và cũng có người theo đạo Phật đều khởi nghĩ rằng: "Họ sẽ mời chư Tăng và Phật đen đe họ tạo phước điền trước.,, Khi ấy, trời Đế-thích nghĩ: uChớ để cho dân chúng bỏ Phật và Tăng mà đi thờ những đạo khác đê câu phước điên. Ta hãy mau mau biên thành người dân thành Vương Xá để tạo phước điền.^^ Tức thì liền hóa ra một đại Bà-la-môn, tướng mạo đoan nghiêm, cưỡi xe ngựa trắng, có các thiếu niên Bà-la-môn đi hộ tống, cầm lọng vàng đến thành Vương Xá, đi khắp nơi, đến giữa những hội chúng. Bay giờ, tất cả nam nữ thành Vương Xá đều nghĩ rằng: 'Thải xem vị Bà-la-môn này đi dâu, ta hãy đi theo đến đó để cúng dường cầu phước. Lúc này, trời Đê-thích biêt ý nghĩ của dân chúng thành Vương Xá, bèn cho xe đi trước, dẫn đến núi Kỳ-xà quật5 bỏ hết năm thứ trang sức ngoài cửa, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, nói kệ: Khéo biện biệt rõ ràng, Pháp đưa đến bờ kia, Qua khỏi những sợ hãi, Nên kính lễ Cù-đàm.

KINH TẠP A-HÀM 1001

Dân chúng lập đại hội, Muốn cầu công đức lớn, Mỗi mỗi lập hội thí, Thường cầu quả Hữu dư, Xin Ngài nói ruộng phước, Khiến người thí thành quả. Phật nói kệ đáp: Đế-thích Đại Tự Tại, Câu hỏi của vua trời, ở núi Kỳ-xà quật, Đại Sư vì hội nói. Những người mở đại hội, Muốn cầu công đức lớn, Tổ chúc đại bố thí, Thường cầu hưởng quả lớn. Nay nói về phước điền, Bo thí được quả lớn, Chánh hướng là có bốn, Trụ Thánh quả có bốn, Gọi là tăng phước điền, Minh hạnh, định đầy đủ? Tăng phước điền thêm rộng, Vô lượng vượt biển lớn. Đệ tử Điều Ngự Sư, Chiêu soi bày Chánh pháp, Khéo cúng dường nơi dây, Cúng Tăng phước điền tốt, Tăng là ruộng phước tốt, Cúng dường được của lớn. Do Tăng lìa ngũ cái, Thanh tinh, đáng tán thán. Cúng Tăng, rộng tối thượng, Cúng ít được lợi nhiều. Vậy hết thảy mọi người, Nên cúng cho chúng Tăng, Càng được pháp thắng diệu, Minh hạnh, định tương ưng, Cúng Tăng quý báu này, Tâm thí chủ hoan hỷ, Phát sinh ba thứ tâm, Thí y phục, ẩm thực, Lìa mũi nhọn trân câu, Vượt qua các đường ác, Chính mình đi mời thỉnh, Tự tay cúng bình đăng, Lợi mình và lợi người, Thí này được lợi lớn. Người trí thí như thế, Tâm thanh tịnh giải thoát, Thí an lạc không tội, Nương trí sanh đến kia. Sau khi Đế-thích nghe Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ? lễ Phật, rồi biến mất. Bấy giờ, dân chúng thành Vương Xá đứng dậy sửa lại y phục, lễ Phật và chắp tay bạch: -Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn và đại chúng nhận sự cúng dường của chúng con. The Ton im lặng nhạn lời. Dân chúng thành Vương Xá biết Thế Tôn đã im

lặng nhận lời, bèn làm lễ ra về. Họ trở về chỗ mở đại hội, chuẩn bị thức ăn và sửa soạn bàn ghe. Sáng sớm hôm sau, họ sai người đến bạch Phật: "Thòi đã đến! Xin Ngài biết cho.” Thế Tôn và đại chúng đắp y, mang bát đến chỗ đại hội, trải tòa ngồi xuống ở trước đại chúng. Nhân dân thành Vương Xá biết Phật đã ngồi yên bèn tự đem thức ăn tươi tốt đến cúng dường. Phật thọ trai xong, rửa bát, xỉa răng xong, họ trở về chỗ cũ nghe Phật thuyết pháp. Bấy giờ, Thế Tôn vì dân chúng thành

Vương Xá thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, đứng dậy ra về.

KINH SỐ 1225 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ-xà quật. (Nói rộng như kỉnh trên, chỉ có khác lả): Trời Đế-thích nói bài kệ khác hỏi Phật: Nay xin hỏi Cu-đàm9 Trí tuệ Phật thâm diệu, Thế Tôn đã thể nhập, Thấy biết không chướng ngại. Dân chúng thiết lập đại hội... (bài kệ nói rộng như trên)... Phật vì họ thuyết pháp khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong đứng dậy ra về.

KINH SỐ 1226 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Câu-tát-la9 du hành trong nhân gian, đến nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc nghe Thế Tôn ở Câu-tát-la? du hành trong dân gian, đến nước Xá-vệ, vườn cấp Cô Độc. Vua liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con nghe Thế Tôn tự nói chứng Vô thượng Bồ-đề mà mọi người đã truyền miệng với nhau là không hư vọng và nói quá chăng? Họ đã nói đúng, nói như pháp, nói tùy pháp chăng? Không phải là những người đó trong sự hỏi đáp của họ bị tôn pháp, roi sanh ra nhàm chán, khinh miệt chăng? Phật dạy: -Này Đại vương! Họ nói vậy là đúng sự thật, chăng phải là hư vọng, nói dúng, nói như pháp, nói tùy thuận pháp, chẳng phải là những người đó trong sự hỏi đáp của họ bị tôn pháp mà sanh nhàm chán khinh miệt. Vì sao? Này Đại vương! Nay Ta thực sự đắc Vô thượng Bồ-đề. Vua Ba-tư-nặc bạch Phật: - Tuy Thế Tôn nói vậy nhimg con vẫn chưa tin. Vì sao? Vì ở thế gian này có nhiều vị Sa-môn9 Bà-la-môn tôn túc, trọng vọng như Phú-lan-na Ca-diếp, Mặc-già-lợi-cù-xá-lê tử, Kinh-xà-già-tỳ-la-chi tử, A-kỳ-đa-chi-xá-khâm-bà-la, Ca-lâu-câu-đà-ca-chiên-diên? Ni-kiền-đà-nhã-đề tử, những vị đó không tự nói mình được Vô thượng Bồ-đề, sao Thế Tôn còn nhỏ tuổi, xuất gia chưa bao lâu mà lại tự nói chứng Vô thượng Bồ-đề? Phật dạy: Này Đại vương! Có bốn thứ tuy nhỏ, nhưng không nên xem thường. Những gì là bốn? Đó là vương tử nhỏ tuổi dòng Sát-đế-lợi không nên xem

thường, rắn con còn nhỏ không nên xem thường, đốm lửa tuy nhỏ không nên xem thường, và Tỳ-kheo nhỏ tuôi không nên xem thường. Phật liền nói kệ: Sát-lợi hình tướng đủ, Danh xung dòng quý tộc, Tuy là còn bé thơ, Người trí không dám khinh, Vì sẽ ở ngôi vua, Nhớ lại sanh oán hại, The nên khó xem thường, Phải sanh đại cung kính. Người khéo tự hộ mình, Tự hộ như hộ mạng, 9

Dùng bình đẳng tự hộ? Và bình đăng hộ mạng. r Nơi làng xóm chỗ vắng, Nêu gặp phải răn con, Chớ cho là rắn nhỏ, Mà sanh ra coi thường, Rắn nhỏ nhiều màu sắc, Cũng nên

để yên ổn, Nam hay nữ khinh rắn, Đều bi nó làm hại. Thế nên người tự hộ, Phải như hộ mạng mình, Do khéo tự hộ mình, Ngang bằng như hộ người.

KINH SỐ 1227 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc có bà nội, người mà vua rất kính trọng, bỗng nhiên qua đời. Vua đưa bà ra khỏi thành đe hỏa táng, cúng dường Xá-lợi xong, mặc áo tang, tóc bù xù, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. The Ton hỏi nha vua: Đại vương từ đâu mà mặc đồ tang, tóc bù xù như vậy?

Vua thưa: Bạch Thế Tôn! Con rất kính trọng bà nội con, nhưng bà đã mạng chung

bỏ con. Con đã đưa bà ra ngoài thành đê hỏa táng, cúng dường xong, roi đên á rr\ A The Ton.

Phật dạy:

Đại vương thương kính bà nội lắm chăng?

Vua bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Rất kính trọng thương tiếc. Bạch Thế Ton! Nếu đem voi, ngựa, bảy báu có sẵn trong nước cho đến ngai vàng đem bố thí hết cho mọi người mà có thể cứu sống bà nội thì con sẽ làm hết, nhimg không thể cứu được, sự sanh tử vĩnh biệt, nhớ thương buồn khổ không kềm nổi. Con từng nghe Thế Tôn nói: "Tất cả chúng sanh, tất cả loài vật, cho đến tất cả quỷ thần có sống đều phải chét, không ai không chét, không có ai sông mà không chét." Hôm nay con mơi nhạn thây lơi The Ton noi đung.

1004 KINH TẠPA-HÀM

Phật dạy: Đúng vậy! Đúng vậy! Tất cả chung sanh, tất cả loài vật, tất cả quỷ thần có sanh ra đều phải chết, có sanh liền chết, rốt cuộc trở về cùng tận, không một ai r r sông mà không chét. Phật dạy: -Đại vương! Dù cho giai cấp Bà-la-môn, Sát-đế-lợi hay trưởng giả có sanh đều phải chết, không ai không chết. Dù cho là Đại vương Sát-đế-lợi, ngôi vua quán đảnh, cai trị bốn thiên hạ, được sức tự tại, các địch quốc đều phải hàng phục nhưng cuối cùng không ai không chết. Lại nữa, Đại vương, dù sanh cõi trời trường thọ, làm vua thiên cung, tự tại khoái lạc, cuối cùng rồi cũng chết. Lại nữa, Đại vương, Tỳ-kheo A-la-hán các lậu đã sạch, quăng bỏ gánh nặng, việc làm đã xong, chóng được tự lợi, dứt hết trói buộc, chánh trí, tâm thiện giải thoát, cuối cùng cũng phải xả thân nhập Niết-bàn. Chư Phật Thế Tôn đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, rống tiếng sư tử, cuối cùng cũng xả thân nhập Bát-niết-bàn. Do đó, Đại vương nên biết, tất cả chúng sanh, tất cả loài vật, cho đên tát cả quỷ thân, có sanh thì phải có chét, cuôi cùng phải hoại diệt, không ai không chết. rri-| Á rpi _ 1 • À r • The Ton liên nói kê: Tất cả loài chúng sanh, Có mạng đều phải chết, Mỗi người đi theo nghiệp, Tự thọ quả thiện ác. Nghiệp ác rơi địa ngục, Làm lành sanh cõi trời, Tu tập đạo thắng diệu, Lậu tận Bát-niết-bàn, Như _ Lai và Duyên giác, Thanh văn đệ tử Phật, Đêu phải xả thân mạng, Huống là người phàm phu. Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ? làm lễ ra về.

KINH SỐ 1228 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc một mình ở chỗ yên tĩnh thiền định và tư duy

rằng: "Thế nào là tự nghĩ nhớ, thế nào là không tự nghĩ nh&?" Lại nghĩ: “Nếu người nào thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác thì biết những người này không tự nghĩ nhớ. Nêu người nào thân làm lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành thì biết những người này tự nghĩ nhớ?5 Rồi vua xả thiền, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con một mình ở chỗ yên tĩnh, suy nghĩ rằng: "Thế nào là tự nghĩ nhớ, thế nào là không tự nghĩ nhG?" Rồi lại nghĩ: "Nếu người nào thân

làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác thì biết người này là không tự nghĩ nhớ. z e y r B Nêu người nào thân làm lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điêu lành thì biêt người này là tự nghĩ nhớ.55 J Phật dạy: -Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Nếu người nào thân làm ác, miệng nói lời ác9 ý nghĩ điêu ác, nên biêt những người này không tự nghĩ nhớ. Người này tuy tự nói là tự ái niệm mà kỳ thực chẳng phải tự nghĩ nhớ. Vì sao? Vì không có người ác tri thức nào làm điều ác mà không tự nhớ những điều không đáng nhớ, không thích những điều không đáng thích, họ làm như là tự vì mình mà làm. Lý đáng những người như thế là người không tự nghĩ nhớ. Lại nữa, Đại vương, nếu người nào thân làm lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, nên biết những người này là tự nghĩ nhớ, những người này tuy tự nói không tư nghĩ nhớ thân nhưng kỳ thực những người này là tự nghĩ nhớ thân. Vì sao? Vì không có thiện tri thức nào làm điều lành mà không nghĩ nhớ tới điều đáng nhớ, thích điều đáng thích, những việc họ làm như tự vì mình mà làm, những người như the là người tự nghĩ nhớ. Bay giơ, The Ton noi kẹ: Người nói tự nghĩ nhớ, Không nên làm điều ác, Do không làm điều ác, Nên đã được an lạc. Người nói tự nghĩ nhớ, Trọn không làm điều ác, Người làm những nghiệp thiện, Nên đã được an lạc. Nêu người tự nghĩ nhớ, Khéo hộ và tự hộ? Như vua khéo giữ nước, Ngoài canh phòng biên giới. Nêu người tự nghĩ nhớ, Khéo tự giữ kho báu, Như vua khéo giữ nước, Trong canh giữ thành ấp, Như vậy kho báu mình, Sát-na không khiếm khuyết. Sát-na thiêu âu lo, Đường ác chịu kho mãi. Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, làm lễ ra về.

KINH SỐ 1229 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi yên tĩnh, suy nghĩ như vây: "The nào là tự hộ? Thế nào là không tự h?” Rồi lại nghĩ: “Nếu người nào thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ điều ác, nên biết người này là không tự hộ. Nêu lại có người thân làm lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, nên biết người này là tự hộy Sau khi xả thiền, vua đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên5 bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Con một mình ở nơi yên tĩnh suy nghĩ: "Thế nào là tự hộ? Thế nào là không tự ho?^ Con lại nghĩ tiếp: "Nấu người nào thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, nên biêt người này là không tự hộ. Nêu người nào thân làm lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, nên biết người này là tự hộy Phật dạy: Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Nếu người nào thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác nên

biết người này là không tự hộ mà người đó lại nói là hay tự phòng hộ bằng những loại binh: Voi, ngựa, xe, bộ binh, lấy đó để tự phòng hộ. Tuy họ nói là tự phòng hộ nhưng kỳ thực chẳng phải là tự phòng hộ. Vì sao? Vì tuy phòng hộ bên ngoài nhưng không phòng hộ bên trong. Thế nên, Đại vương, đây gọi là không tự phòng hộ. Đại vương! Nếu có người thân làm lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành nên biết người này là tự phòng hộ. Họ tuy không dùng bốn thứ quân: Vòi, ngựa, xe, bộ binh để phòng hộ mà kỳ thực là tự phòng hộ. Vì sao? Vì họ tự phòng hộ bên trong. Đây gọi là khéo tự phòng hộ chẳng cần phòng hộ bên ngoài. Phật nói kệ: Khéo phòng hộ thân, khẩu, Và tất cả ý nghiệp, Hổ thẹn mà tự hộ, Đây gọi khéo phòng hộ. Phật nói kinh này xong, vua nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, làm lễ ra về.

KINH SỐ 1230 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi thanh vắng, suy nghĩ như vầy: "d đời ít có người được tài lợi thắng diệu mà không buông lung, không tham đắm, không tạo những hạnh ác đối với chúng sanh. Nhưng đời có nhiều người được tài lợi thắng diệu là hay buông lung, tăng trưởng tham đắm, làm các hạnh tà." Suy nghĩ như thế rồi, vua đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con một mình ở nơi thanh vắng suy nghĩ rằng: UỞ đời ít có người được tài lợi thắng diệu mà không buông lung, không tham đắm, không tà hạnh. Nhưng ở đời có nhiều người được tài lợi thắng diệu thường hay buông lung, tham đắm, hành động tà vạy." Phật dạy: -Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy5 Đại vương! ở đời ít có người được tài lợi thắng diệu mà không buông lung, không tham đắm, không tà hạnh. Nhưng ở đời có nhiều người được tài lợi thắng diệu thì thường hay buông lung, hay tham đắm và hành động tà vạy. Đại vương nên biết: "d đời những người được

tài lợi thắng diệu sanh ra buông lung và tham đắm, hay hành động tà vạy, đó là những người ngu si, sẽ mãi mãi bi khổ không lợi ích. Giống như người thợ săn và đệ tử của thợ săn vào rừng giăng lưới bắt giết nhiều thú vật, hại chúng sanh khôn khô, nghiệp ác tăng trưởng. Cũng vậy, người thê gian được tài lợi thăng diệu, sanh ra buông lung, tham đắm và hành động tà vạy, giống như thế người ngu si này ngày đêm sẽ chịu kho não, không được lợi h." The Ton noi kệ: Tham dục theo tài vật, Bi tham làm mê say,
Cuồng loạn không tỉnh giác, Giống như người thợ săn, Do sự phóng dật ấy, Phải chịu khổ báo lớn. Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, làm lễ ra về.

KINH SỐ 1231 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, Vua Ba-tư-nặc đang ngự trên chánh điện và xem xét những việc của quôc vương, chợt thây giai cáp Sát-đê-lợi, Bà-la-môn hay trưởng giả vì do tham dục nên hay dối trá, lừa gạt. Nhà vua liền nghĩ rằng: “Ta hãy ngưng việc xét đoán này, dừng việc xét đoán này. Ta không còn đích thân xét đoán việc nữa, ta có người con hiền sẽ khiến cho nó xét đoán, thế nào để tự thấy giai cấp Sát-đế-lợi5 Bà-la-môn, trưởng giả vì tham dục nên sanh ra dối trá, lừa gạt?59 Sau khi vua nghĩ như thế, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con

đang ở trên chánh điện để xét đoán việc quốc vương, tự nhận thấy rằng: "Những giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn5 trưởng giả vì tham dục nên sanh ra dối trá, lừa gạt." Bạch Thế Tôn! Con nhận thấy được điều này, rồi nghĩ rằng: "Từ nay ta hãy ngưng việc xét đoán này, dừng việc xét đoán này. Ta có người con hiền sẽ khiến nó xét đoán việc này. Ta không còn đích thân xét đoán việc các giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả vì lòng tham dục nên sanh ra dối trá, lường gạt.59 Phật bảo: Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Các giai cáp Sát-đê-lợi, Bà- la-môn9 trưởng giả vì lòng tham dục nên sanh ra dối trá, lừa gạt. Người ngu si đó sẽ mãi mãi chịu khổ não, không có lợi ích. Ví như người chài lưới và đệ tử người chài lưới thả câu, giăng lưới ở sông, suối, khe, rạch, giết hại chúng sanh khiến chúng sanh phải chịu khổ nạn. Cũng vậy, Đại vương, các giai cấp Sát-đế- lợi9 Bà-la-môn, trưởng giả vì lòng tham dục nên sanh ra dối trá, lừa gạt. Họ sẽ mãi mãi chịu khổ đau, không có lợi ích.

, FT-1*! Ạ FT1A r •

Thê Ton noi kẹ: Thấy tài lợi tham muốn, Say mê theo tham dục, Cuồng loạn không tự giác, Giống như người chài lưới, Do vì nghiệp ác này, Phải chịu khổ báo lớn. Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, làm lễ ra về.

KINH SỐ 1232 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tồn! Nước Xá-vệ này có ông trưởng giả tên là Ma-ha-nam, nhiêu của, kho chứa vàng bạc chát đên trăm ngàn ức, huông là những thứ khác. Bạch Thê Tôn! Trưởng giả Ma-ha-nam giàu có như thê nhưng ăn uông rát khô cực, chỉ dùng những thức ăn như gạo tấm, canh đậu5 gừng thui; còn mặc thì mặc áo vải thô, mang giày mỏng; đi thì đi xe cũ ky, đội nón lá. Chưa từng nghe ông ta cúng dường cho Sa-môn? Bà-la-môn, và cũng không thấy ông ta bố thí cho những người nghèo khổ đi lang thang ngoài đường. Khi ăn, ông đóng cửa mà ăn không để cho các Sa-môn? Bà«la-môn hay những người bần cùng đi xin ăn ngoài đường trông thay. Phật bảo: Đại vương! Trưởng giả này không phải là bậc Chánh sĩ nên được tài lợi giàu có mà không hưởng được, cũng không biết cúng dường cha mẹ, cung cấp cho vợ con, tôn thân quyến thuộc, đoái thương tôi tớ và biếu tặng người quen r % r e __ : 9 . biêt, cũng không biêt tùy thời cúng dường cho Sa-môn5 Bà-la-môn đê gieo trông phước điên thù thăng, và hướng đên chô tót đẹp, sông lâu, an lạc, đời sau sanh lên cõi trời được hưởng những tài vật thù thắng, cũng không biết cách thọ dụng rộng rãi để thấy lợi lớn. Ví như ao hồ ở đồng trống chứa đầy nước, nhimg không có người biết thọ dụng để tắm rửa, uống ăn, nên nước trong đầm cũng bị cháy khô hết. Cũng vậy, kẻ sĩ phu bất thiện ngu si được tài của thắng diệu... không biết thọ dụng rộng rãi để thâu lợi lớn, giống như hồ nước kia vậy. Đại vương! Có người thiện nam được tài lợi dồi dào, ưa thích thọ dùng, cung dưỡng cha mẹ, cung cấp vợ con, tôn thân quyến thuộc, đoái thương tôi tớ hay biếu tặng người quen biết, thường cúng dường cho Sa-môn9 Bà-la-môn, gieo trồng phước điền tốt5 thích hưởng đến chỗ thù thắng, đời vi lai sanh lên cõi trời, được tài lợi thắng diệu, thọ dụng rộng rãi, thu lợi lớn gấp đôi. Giống như bên cạnh thành ấp, làng

xóm có ao nước trong sạch mát mẻ, cây cối che mát, khiến người thọ hưởng, nhiều người thọ dụng, cho đến loài cầm thú cũng

KINH TẠPA-HÀM^ 1009

vậy. Cũng thế, người thiện nam kia được tài lợi dồi dào, tiêu xài rộng rãi, cung dưỡng cha mẹ... cho đến gieo trồng phước điền, thu lợi gấp đôi. The Ton nói kẹ: HÔ nước nơi hoang văng, Dù mát mẻ trong sạch, Không có ai thọ dụng, Nơi đó sẽ khô hết. Như thế tai lợi lớn, Mà người ác có được, Không thể tự thọ dụng, Cũng không thương giúp ai. Luống tự chứa nhóm khổ, Chứa rồi tự tiêu tán, Người trí được tài lợi, Biêt tự vui thọ dụng, Bố thí làm công dức, Cấp dưỡng cho thân thuộc, Cung cap những chô thiêu, Như trâu chúa dẫn đàn. Bố thí và thọ dụng, Không bỏ mất cơ hội, Theo lẽ thân mạng chung, Sanh thiên hưởng phước lạc. Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ? làm lễ ra về.

KINH SỐ 1233 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, ở nước Xá-vệ có ông trưởng giả tên là Ma-ha-nam mạng chung nhưng không có con cháu. Vua Ba-tư-nặc mới đem tài sản của người không con, không thân thuộc nhập hết vào quốc khố. Nhà vua hằng ngày phải đi kiểm kê tài sản của ông trưởng giả nên thân thể dính đầy bụi bặm, rồi đi thẳng đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Bay giơ, The Ton hỏi vua: Đại vương từ đâu đến đây mà thân thể đầy bụi bặm và có vẻ mệt nhọc?

Vua bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trưởng giả Ma-ha-nam nước này mạng chung để lại tài sản mà không có con cháu thừa kế, phải nhập vào quốc khố; do đó con phải kiểm kê nên bụi bặm dính đầy người và mệt nhọc, rồi từ nhà đó con đi thẳng đến đây. Phật hỏi vua: Trưởng giả Ma-ha-nam kia giàu có lắm sao?

Vua đáp: -Bạch Thế Tôn! Người ấy rất giàu, tài sản, vàng bạc của báu có trăm ngàn ức, huống là những thứ khác. Bạch Thê Tôn! Ong Ma-ha-nam kia lúc còn sông mặc xấu, ăn uống cực khổ,... (nói rộng như trên). Phật bảo:

1010 KINH TẠPA-HÃM

Ông Ma-ha-nam kia trong thời quá khứ có cúng dường Bích-chi Phật Đa- la-ca-thi một bữa ăn, nhưng tâm không cung kính thanh tinh, tín cẩn, không tự tay cúng dường, sau khi cúng rồi lại hối tiếc nói rằng: "Cơm này có thể để cho những tôi tớ của ta, không tội gì lại đem cho Sa-môn!^, Do phước bố thí này nên bảy lần được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba, và bảy lần sanh vào nước Xá-vệ này ở giai cấp cao sang, giàu có tột bực. Nhung vì khi cúng dường vị Bích-chi Phật tâm không cung kính thanh tịnh, tín cẩn, không tự tay cúng dường, sau khi cúng rồi lại sanh hối tiếc, nên khi sanh ra tuy được giàu c6, nhimg phải thọ dụng áo xâu, cơm xâu, nhà cửa, xe cộ xâu. Ngay từ khi ây ông không từng được hưởng đủ các thứ sắc, thanh, hương, vi, xúc tốt đẹp để nuôi thân. Lại nữa, Đại vương, vì tội trước kia trưởng giả Ma-ha-nam giết người anh khác mẹ của mình để chiếm hết tài sản, nên trải qua trăm ngàn năm phải đọa vào địa ngục, tội báo ấy còn sót nên bảy lần sanh vào nước Xá-vệ mà thường không có con. Do đó tài sản bị nhập vào quốc khố. Đại vương! Trưởng giả Ma-ha-nam nay mạng chung, phước báu

của sự bố thí trong quá khứ đã hết mà đời này ông ta lại keo kiệt, đối với tài sản, nhân tạo tội ác ở dây, khi mạng chung bị đọa địa ngục, chịu nhiêu khô não. Vua bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trưởng giả Ma-ha-nam sau khi mạng chung bị đọa vào địa ngục chịu khổ chăng? Phật đáp: Đúng vậy, Đại vương! Đã đọa vào địa ngục.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc nghĩ đến ông mà rơi lệ5 lấy áo lau nước mắt, nói kệ: Vàng bạc, tài vật báu, Voi, ngựa, đồ dùng tốt, No bộc, người làm giỏi, Cùng nhà cửa, ruộng nương, Tất cả đều bỏ lại, Thần thức đi một minh, Vận phước đã cùng tận, Rời bỏ hẳn thân người. Kia nay còn có gì? Đem được gì đi theo? Những việc gì không xả, Như bóng đi theo hình. FTII Á rm _ / • J. / The Ton nói kẹ đáp: Chỉ có nghiệp tội phước, Nêu người nào đã tạo, Là sở hữu của minh, Kia thường đem đi theo, Sông chét chưa từng rời, Như bóng đi theo hình, Như người ít tư lương, Đi xa gặp khổ nạn. Người không tu công đức, Phải trải qua đường ác. Như người nhiều tư lương, Đi xa được an ổn. Người tu công đức dày, Luôn vui hưởng cõi lành, Như người đi chơi xa, Lâu năm an ổn về? Thân thuộc và bạn hữu, Tâm vui đón mừng rỡ.

KINH TẠPA-HÀM 1011

Người khéo tu công dức, Chết đây sanh chỗ khác, Những thân thuộc của h Gặp lại tâm hoan hỷ. Cho nên phải tu phước, Tích tập càng lâu ngày, Phước đức hay vì người, Tạo an lạc đời khác. Phước đức được trời khen, Những hạnh tu chơn chánh, Hiện đời người không chê, Chết sanh lên cõi trời. Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, làm lễ ra về.

KINH SỐ 1234 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc tổ chức đại hội. Vì đại hội vua đem cả ngàn con trâu ra cột lại và đồ vật cúng dường. Vua mời hết các ngoại đạo xa gần đến đại hội đông đủ. Bấy giờ, có chúng Tỳ-kheo sáng sớm đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, nghe Vua Ba-tư-nặc mở đại hội... các ngoại đạo đều đến đông đu. Sau khi các Tỳ-kheo đi khất thực xong, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân, đến chỗ Phật, cúi đàu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hôm nay sáng sớm chúng con đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, nghe Vua Ba-tư-nặc mở đại hội... các ngoại đạo đều đến đông đủ. The Ton liên noi kệ: Ngày ngày mở đại hội, Cho đến trăm ngàn lần, Không bằng chánh tín Phật, Băng một phân mười sáu. Tín Pháp, Tăng cũng vậy, Thương tưởng đến chúng sanh, Phước mở đại hội kia, Không bằng phần mười sáu. r r

Nêu người ở thê gian, Triệu năm tạo nghiệp phước, So lòng thành kính lễ, Không bằng mọi phan bốn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1235 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc nổi giận, bắt nhiều người trong nước bỏ tù, gom các Sát-đế-lợi9 Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la5 Chiên-đà-la, trì giới hay phạm giới, tại gia hay xuất gia đều bị bắt hết, hoặc bị xiêng xích, giam câm hoặc bị cột trói. Bấy giờ, có chúng nhiều Tỳ-kheo sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá- vệ khất thực, nghe Vua Ba-tư-nặc bắt người bỏ tù... cột trói. Sau khi khát thực

xong, các Tỳ-kheo trở về tinh xá cất y bát, rửa chân xong đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con vào thành khất thực, nghe Vua Ba-tư- nặc bắt nhiêu người trói lại bỏ tù. The Ton liên noi kẹ: Chăng phải dây, gông xiềng, Là trói buộc kiên cố, Tâm o nhiễm đam trước, Vợ con và tài sản, Là dây trói chắc nhất, Dây lỏng nhưng khó thoát. Người trí tuệ không ưa Vui ngũ dục thế gian, Đây là dứt được trói, Luôn an ổn siêu xuất. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1236 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Vua Ba-tư-nặc và Vua A-xà-thê? con bà Vi-đê-hy nước Ma-kiệt-đà chống trái nhau. Vua A-xà-thế khởi bốn thứ binh: Voi, ngựa, xe, bộ binh kéo đến nước Câu-tát-la. Vua Ba-tư-nặc nghe bốn thứ binh của Vua A-xà-thế kéo đến, cũng triệu tập bốn thứ binh: Voi, ngựa, xe, bộ binh ra nghinh chiến. Bốn binh của Vua A-xà-thế đắc thắng, bốn binh của Vua Ba-tư-nặc thua, tán loạn thối lui, chạy về Xá-vệ. Bấy giờ, có chúng nhiều Tỳ-kheo, sáng sớm đắp y, mang bát vào thành Xá- vệ khất thực, nghe Vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà đem bốn thứ binh đến nước Câu-tát-la9 Vua Ba-tư-nặc khởi bốn thứ binh ra nghinh chiến. Vua A-xà-thế thắng trận, bốn binh của Vua Ba-tư-nặc thua, tán loạn rút lui, Vua Ba-tư-nặc sợ hãi bôi roi, quay xe chạy vê thành Xá-vệ. Nghe roi khát thực xong, các Tỳ-kheo trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thê Tôn! Hôm nay chúng nhiêu Tỳ-kheo của chúng con vào thành Xá-vệ khất thực, nghe Vua Ba-tư-nặc và Vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy khởi bốn binh. (Như vậy, nói rông)..., một mình quay xe chạy về thành Xá-vệ. The Ton liên noi kẹ: Chiến thắng thêm oán thít, Thua khổ nằm không yên, Thắng, bại đều bỏ hết, Nằm yên vui tịch tịnh. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1237 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc và Vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy nước Ma-kiệt-đà chống trái nhau. Vua A-xà-thế đem bốn thứ binh kéo đến nước Câu-tát-la. Vua Ba-tư-nặc khởi bốn thứ binh mạnh gấp đôi ra nghinh chiến. Bốn binh của Vua Ba-tư-nặc hơn, bốn binh của Vua A-xà-thế thua, khiếp phục tán loạn. Vua Ba- tư-nặc bắt sống được Vua A-xà-thế, thu được tiền tài, bảo vật và bốn thứ binh. Vua Ba-tư-nặc bắt sống Vua A-xà-thế chở lên xe cùng đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, Vua Ba-tư-nặc bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đây là Vua A-xà-thế, con bà yi-đề-hy9 luôn luôn đối với con là người không có oán thù gì mà lại gây oán kiết, đối với người tốt mà làm điều không tốt, nhưng đây là con của bạn con, con sẽ thả ra và đưa về nước. Phật bảo Vua Ba-tư-nặc: Lành thay, Đại vương! Thả cho người ta về thì Bệ hạ sẽ được an ổn, lợi

ích lâu dài. Phật liền nói kệ: Dù có sức tự tại, Hay xâm lược người khác, Sức tăng thì thêm oán, Thu nhiều, người khác lợi. Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc và Vua

A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, hai vị quốc vương hoan hỷ, tùy hỷ, đứng lên làm lễ ra về.

KINH SỐ 1238 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi yên tĩnh suy nghĩ như vầy: "Chánh pháp Thê Tôn làm cho xa lìa các phiên não ngay trong hiện tại không đợi thời tiết, hiện thấy thông dạt, tự giác, chứng biết pháp này, là thiện tri thức, là thiện bạn đảng, chẳng phải ác tri thức, ác bạn dng." Sau khi nghĩ như thế, vua liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con một mình ở nơi yên tĩnh suy nghĩ như vầy: "Chánh pháp Thế Tôn làm cho xa lìa các phiền não không đợi thời tiết, hiện thấy thông đạt, tư giác, chứng biết pháp này, là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng.99 Phật bảo: Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Chánh pháp Thế Tôn làm cho xa lìa các phiền não, không đợi thời tiết, hiện thay thông đạt, tự giác, chứng biết pháp này là thiện tri thức, là thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng. Vì sao? Vì Ta là thiện tri thức, chúng sanh có pháp sanh, Ta đã thoát khỏi sanh; chúng sanh có già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não9 Ta đều giải thoát khỏi hết. Đại vương! Có một thời Ta ở thành Vương Xá, trú tại tinh xá Sơn Cốc, khi

ây Tỳ-kheo A-nan-đà một mình ở nơi yên tĩnh, suy nghĩ như vây: "Người thành tựu một nửa Phạm hạnh là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng.59 Sau khi nghĩ như thế, Tỳ-kheo A-nan-đà đi đến chỗ Ta, cúi đầu lễ chân Ta? lui ngồi một bên, nói với Ta rằng: Bạch Thế Tôn! Con một mình ở nơi yên tĩnh, suy nghĩ rằng: "Người thành tựu một nửa Phạm hạnh, là thiện tri thức, là thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng?5 Khi ấy Ta nói rằng: -A-nan! Đừng nói người thành tựu một nửa Phạm hạnh là thiện tri thức, là thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng. Vì sao? Vì người thuần nhất mãn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch mới gọi là thiện tri thức, là thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng. Vì sao? Ta thường vì các chúng sanh làm thiện tri thức, vì những chúng sanh này có sanh nên Chánh pháp Thế Tôn làm cho chúng sanh thoát khỏi sanh ngay trong hiện tại; chúng sanh có sanh-già-bệnh-chết-iru-bi-khổ-não làm cho họ xa lìa sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não... ngay trong hiện tại, không đợi thời tiết, hiện thấy thông đạt, tự giác, chứng biêt. Đó gọi là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chăng phải là ác tri thức, ác bạn đảng. r
___ — \ _ · _

The Ton liên noi kê: Tán thán không buông lung, Là Chánh giáo của Phật, Tu thiền không buông lung, Chóng đắc dứt các lậu. Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ? làm lễ ra về.

KINH SỐ 1239 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ"đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi yên tĩnh suy nghĩ như vày: "C6 thể CÓ một pháp tu tập, tu tập nhiêu mà sở nguyện trong hiện tại đây đủ, sở nguyện đời sau được đầy đủ. Vậy sở nguyện đời này đời sau được đầy đủ chăng?99 Sau khi suy nghĩ, vua liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch

Phật: Bạch Thế Tôn! Con một mình ở nơi yên tĩnh suy nghĩ như vầy: “C6 thể có một pháp tu tập, tu tập nhiều mà sở nguyện trong hiện tại được đầy đủ, sở nguyện đời sau được đay đủ. Vậy sở nguyện đời này và đời sau được đầy đủ chang?" Phật bảo: -Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy? Đại vương! Có một pháp tu tập, tu tập nhiều mà sở nguyện đời này được đay đủ, sở nguyện đời sau được đầy đủ, sở

nguyện đời này và đời sau được đầy đủ. Đó là pháp lành không buông lung. Tu tap, tu tập nhiều về pháp lành không buông lung thì sở nguyện trong hiện tại được đầy đủ, sở nguyện đời sau được đầy đủ? sở nguyện đời này, đời sau được đầy đủ. Ví như thế gian lập sự nghiệp đều nương vào đất mà dựng lập. Pháp lành không buông lung cũng lại như thế, tu tập, tu tập nhiều thì sở nguyện đời này được đây đủ, sở nguyện đời sau được đây dử, sở nguyện đời này và sở nguyện đời sau được đầy đủ. Cũng vậy, sức lực, hạt giống, gốc rễ, do đường bộ, đường thủy, hang sư tử cũng nói nương trên đất như thế. Thế nên Đại vương nên trụ, chớ buông lung; nên nương chớ buông lung.

Sau khi Đại vương trụ không buông lung, nương không buông lung thì phu nhân sẽ nghĩ: "Bại vương trụ không buông lung, nương không buông lung, ta cũng phải như thế, trụ không buông lung, nương không buông lung." Phu nhân như thế thì đại thần, thái tử, mãnh tướng cũng như thế. Thần dân khi ấy nghĩ: "Dại vương trụ không buông lung; phu nhân, thái tử, đại thần, mãnh tướng trụ không buông lung, nương không buông lung, chúng ta cũng như thế, nên trụ không buông lung, nương không buông lung.” Đại vương! Nay người trụ không buông lung, nương không buông lung thì có thể tự hộ. Phu nhân, thể nữ cũng có thê tự hộ và kho báu sẽ tăng lên rát nhiêu. rin-l Á rri
1 • À_ 1_A The Ton liên noi kẹ: Tán thán không buông lung, Chê bai sự buông lung, Bế-thích không buông lung, Làm chủ trời Đao-lợi. Tán thán không buông lung, Chê bai sự buông lung, Trọn vẹn không buông lung, Nhiếp trì được hai nghĩa, Hiện tại được lợi ích, Đời sau cũng như vậy. Đây là chánh hiện quán, Người trí tuệ sâu xa. Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ? làm lễ ra về.

KINH SỐ 1240 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Khi ây, Vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi yên tĩnh suy nghĩ như vây: "C6 ba pháp mà tất cả thế gian không thích nghĩ nhớ đến. Những gì là ba? Đó là già, bệnh, chết. Nếu không có ba pháp thế gia^ì không thích nghĩ nhớ này thì chư Phật, Thế Tôn không xuất hiện ở đời. Thế gian cũng không biết có chư Phật, Thế Tôn đã giác ngộ chứng biết pháp này và vì người diễn nói rộng rãi. Vì có ba pháp mà tất cả thế gian không thích nghĩ nhớ đến là già, bệnh, chết nên chư Phật, Thế Tôn mới xuất hiện ở đời, và thế gian biết có chư Phật, Thế Ton đã giác ngộ chứng biết pháp, vì người diễn nói rộng ri."Sau khi nghĩ như thế, vua

liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên và đem những điều đã suy nghĩ ở trên bạch Phật. Phật bảo: -Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Ba pháp mà người thế gian không thích nhớ đến là già, bệnh, chết... thế gian biết có Thế Tôn đã

giác ngộ chứng biết pháp này và vì người diễn nói rộng rãi. The Ton lại noi kẹ: Xe báu của vua di, Cuối cùng cũng hư hoại, Thân này cũng như vậy, Chuyển biến ắt đến già. Chỉ Chánh pháp Như Lai, Không có tướng suy già, Người thọ Chánh pháp này, Luôn đến chỗ an ổn. Người suy yếu thô kệch, Mang hình tướng xấu xí, Suy già đen tàn rụi, Mê muội tâm người ngu, Nếu người sống trăm tuổi, Thường lo, chết theo đến, Già, bệnh đuổi theo nhau, Dò xét đe phá hoại. Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1241 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Nếu những người ở trong nhà con đều có lòng tin thanh tinh thì khi những người này mạng chung được sanh lên cõi trời chăng? Phật đáp: Lành thay! Lành thay, trưởng giả! Đây là câu nói thâm diệu là một bề thọ báo, ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử, nói rằng: "Những người ở trong nhà con đều có lòng tin thanh tịnh, khi mạng chung đều được sanh lên cõi trời?" Có Tỳ-kheo Đại đức thần lực nào đã nói với ông: “Hễ người nào trong nhà ông mạng chung đều sanh lên cõi trời chng?" Trưởng giả bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, không. Phật lại hỏi: Hay là Tỳ-kheo-ni nào, chư thiên nào, hay người trước mặt Ta đã nghe Ta nói? Trưởng giả thưa: -Bạch Thế Tôn, không!

liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên và đem những điều đã suy nghĩ ở trên bạch Phật. Phật bảo: -Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Ba pháp mà người thế gian không thích nhớ đến là già, bệnh, chết... thế gian biết có Thế Tôn đã giác ngộ chứng biết pháp này và vì người diễn nói rộng rãi. The Ton lại noi kẹ: Xe báu của vua di, Cuối cùng cũng hư hoại, Thân này cũng như vậy, Chuyển biến ắt đến già. Chỉ Chánh pháp Như Lai, Không có tướng suy già, Người thọ Chánh pháp này, Luôn đến chỗ an ổn. Người suy yếu thô kệch, Mang hình tướng xấu xí, Suy già đen tàn rụi, Mê muội tâm người ngu, Nếu người sống trăm tuổi, Thường lo, chết theo đến, Già, bệnh đuổi theo nhau, Dò xét đe phá hoại. Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1241 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Nếu những người ở trong nhà con đều có lòng tin thanh tinh thì khi những người này mạng chung được sanh lên cõi trời chăng? Phật đáp: Lành thay! Lành thay, trưởng giả! Đây là câu nói thâm diệu là một bề thọ báo, ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử, nói rằng: "Những người ở trong nhà con đều có lòng tin thanh tịnh, khi mạng chung đều được sanh lên cõi trời?" Có Tỳ-kheo Đại đức thần lực nào đã nói với ông: “Hễ người nào trong nhà ông mạng chung đều sanh lên cõi trời chng?" Trưởng giả bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, không. Phật lại hỏi: Hay là Tỳ-kheo-ni nào, chư thiên nào, hay người trước mặt Ta đã nghe Ta nói? Trưởng giả thưa: -Bạch Thế Tôn, không!

Thế nào trưởng giả? Hay là ông tự thấy biết những người trong nhà ông

mạng chung được sanh lên cõi trời? Trưởng giả bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, không! Phật bảo trưởng giả: Ông đã không nghe từ vi Tỳ-kheo Đại đức thần lực, không phải Tỳ-kheo- ni, không phải chư thiên, không phải ở trước mặt Ta đã nghe Ta nói, không phải tự ông nhận biết, thế mà lại có câu nói: "Nếu những người trong nhà tôi mạng chung, đều được sanh lên cõi trời." Do đâu ông nói lên những lời sâu xa đó và nói lên một cách quyết định, ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử, nói rằng: "Hễ người trong nhà tôi mạng chung đều được sanh lên cõi trời"? Trưởng giả bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Không có Tỳ-kheo Đại đức thần lực nào đến nói với con... (nói rộng như trên)... đều sanh cõi trời, nhimg khi con thấy những người mang thai, con bày cho họ nên vì con mình quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng. Sau khi đứa bé chào đời con lại dạy cho nó về Tam quy, đến khi nó thấy biết, lại dạy nó trì giới. Giả sử tôi tớ hạ tiện, người khác có mang và sanh con, con cũng chỉ bày như thế. Nếu có người bán nô tỳ, con liền đến nói với họ rằng: "Hiền giả! Tôi muốn mua người, nhưng anh nên quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng? thọ trì giới cấm. Theo lời tôi dạy, thọ trì năm giới, sau đó tùy giá mà mua, nêu anh không theo lời chỉ dạy của tôi thì không được nhận.,, Hoặc có khách trọ hay người làm thuê, con cũng bảo họ trước phải thọ Tam quy, ngũ giới, roi sau đó con mới nhận họ. Lại nữa, nêu có người đến xin làm học trò, hay đến xin trao đổi, vay lãi, con cũng khuyên họ quy y, giữ năm giới, sau đó con mới nhận. Lại nữa, những khi nhà con cúng dường Phật và Tỳ-kheo-tăng thì đọc tên cha mẹ, anh em, vợ con, thân thuộc quen biết, quốc vương, đại thần, chư thiên, long thần, hoặc kẻ còn người mất, Sa-môn hay Bà-la-môn, nội ngoại quyến thuộc cho đến nô bộc đều đọc tên họ đê xin chú nguyện. Hơn nữa, được nghe Thê Tôn dạy do nhân duyên xưng tên chú nguyện đều được sanh lên trời. Hoặc do bố thí ruộng vườn, nhà cửa, giường nằm, hoặc nhân thường bố thí, hoặc bố thí cho người đi đường, cho đến bố thí cho chúng sanh một nắm nhỏ5 do những nhân duyên này được sanh lên cõi trời. Phật bảo: Lành thay! Lành thay, trưởng giả! Ông nhờ có lòng tin nên nói ra được như vậy. Như Lai đối với điều đó có cái thấy vô thượng, biết vô thượng nên biết rõ những người trong nhà ông mạng chung đều sanh lên cõi trời. Phật nói kinh này xong, trưởng giả cấp Cô Độc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, đảnh lễ Phật, rồi ra về.

KINH SỐ 1242 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. r ... r Bay giờ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Không kể là thượng, trung, hạ tọa, sống nên biết cung kính, nên chú tâm, nên cẩn thận sợ hãi sức tự tại khác, nên theo các vi tu Phạm hạnh. Vì sao? Vì không kể thượng, trung, hạ tọa, sống nếu không biết cung kính, không chú tâm, không cẩn thận sợ hãi, không theo các vị tu Phạm hạnh có sức tự tại khác mà mong được đầy đủ các oai nghi thì không có lẽ đó. Vì nếu không đầy đủ oai nghi mà muốn học pháp viên mãn thì không có lẽ đó. Nấu học pháp không viên mãn mà muôn giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiên thân cũng không có lẽ đó. Nêu giải thoát tri kiên thân không đây đủ mà muôn được Vô

dư Niết-bàn cũng không có lẽ đó. Không kể các vi thượng, trung, hạ tọa, sống nên biết cung kính, nên chú tâm, nên cẩn thận sợ hãi theo các vi tu Phạm hạnh có sức lực khác thì oai nghi đầy đủ? việc này có thể xảy ra. Nếu oai nghi đầy đủ thì học pháp đầy đủ5 việc này có thể xảy ra. Nếu học pháp đày đủ rồi thì giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân đầy đủ, việc này có thể xảy ra. Nếu giải thoát tri kiến thân đầy đủ rồi thì được Vô dư Niết-bàn, việc này có thể xảy ra. Không kể các vi thượng, trung, hạ tọa, sống nên biết cung kính, nên chú tâm, nên sợ hãi can thận theo các vị tu Phạm hạnh có sức lực khác thì oai nghi được đầy đủ, việc này có thể xảy ra... được Vô dư Niết-bàn, phải học như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1243 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Có hai tịnh pháp có thể bảo hộ cho thế gian. Những gì là hai? Đó là hổ và thẹn. Giả sử thê gian không có hai tịnh pháp này thì thê gian cũng không biêt có cha mẹ, anh em, chị em, thân thuộc, Sư trưởng, tôn ti trật tự, điên đảo hỗn loạn như súc sanh. Nhờ có hai tinh pháp, hổ thẹn nên thế gian biết có cha mẹ... Sư trưởng, tôn ti trật tự và không hỗn loạn như súc sanh. The Ton liên noi kê: Thế gian nếu không c6, Hai pháp hổ và thẹn, Trái vượt đạo thanh tịnh, Đen sanh, già, bệnh, chết. Thế gian nếu thành tựu, Hai pháp ho và thẹn, Tăng trưởng đạo thanh tịnh, Đóng kín cửa sanh tử. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠP A HÀM 1019

KINH SỐ 1244

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc.

Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo:

Có pháp đốt cháy và pháp không đốt cháy.

Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy mà nói. Thế nào là pháp đốt cháy? Nếu người nam hay nữ phạm giới, hành pháp ác bất thiện, thân thành tựu hạnh ac5 miệng và ý thành tựu hạnh ác thì về sau, khi họ bị đau ốm khốn khổ, trùm mền nằm co ro, chịu nhiều đau đớn. Ngay lúc bấy giờ, trước hết họ nhớ đến những việc làm bất thiện của họ, giống như núi lớn che ánh mặt trời chiều. Cũng vậy, chúng sanh thân, miệng, ý trước kia tạo những điều ác, các pháp ác bất thiện, đến lúc lâm chung đều hiện ra, tâm sanh hối hận. Than ôi! Vì trước kia không tu thiện, chỉ làm ác sẽ đọa vào đường dữ5 chịu thông khô. Sau khi nhớ lại những điều đó thì tâm sanh đốt cháy, tâm sanh hối hận; tâm hối hận nên không được an lành, mạng chung, sanh ra đời sau tâm bất thiện cũng tiếp tục sanh nữa. Đó gọi là pháp đốt cháy. Thế nào gọi là pháp không đốt cháy? Nếu người nam hay người nữ thọ trì tinh giới, tu pháp chân thật, thân thành tựu nghiệp lành, miệng, ý thành tựu nghiệp lành thì khi lâm chung dù thân mắc những khổ nạn, trùm mền nằm trên giường bệnh, thân thể đau đớn, nhưng trong tâm nhớ lại trước kia có tu pháp lành, thân, miệng và ý đã thành tựu những việc lành. Lúc bấy giờ người ấy duyên theo những pháp lành ấy và nghĩ rằng: "Thân, miệng, ý ta đã làm điều

lành, không làm các việc ác, tâm không có gì hối hận5\ vì không có gì hối hận nên tâm lành mạng chung, qua đời sau tâm thiện lại tiếp tục tăng trưởng. Đó gọi là pháp không đốt cháy. The Ton liên noi kẹ: Đã tạo nghiệp đốt cháy, Sống cuộc đời phi pháp, Theo đó làm nghiệp ác, Ắt rơi vào địa ngục. Đẳng Hoạt và Hắc Thằng, Chúng Hợp hai Khiếu Hô Thiêu Nhiên, Cực Thiêu Nhiên, Vô Trạch, các ngục lớn. Tám đại địa ngục ấy, Cực khổ khó qua nổi, Vì bao nhiêu ác nghiệp, Mười sáu chỗ khác nhau. Bốn bên mở bốn cửa, ở giữa lượng bằng nhau, Vách bốn bên bằng sắt? Bốn cánh cửa cũng sắt. Đất sắt lửa cháy bừng, Cháy rực khắp mọi bề, Ngang dọc trăm do-tuần? Hừng hực không dừng nghi, Điều phục những hạnh quấy, Khảo tri người cang cường, Càng đau đớn mãi mãi. Khổ ấy có thể thấy, Ai thấy sanh sợ hãi, Kinh sợ9 lông dựng dứng,

Khi đọa vào địa ngục, Đâu chúc ngược xuống đất, Ngăn tâm Thánh nhu hòa, Người tu hành Phạm hạnh, ở chỗ Hiền thánh này, Khinh tâm khởi phi nghĩa, Và sát hại chúng sanh, Vào địa ngục nóng này, Quằn quại ở trong lửa, Như cá nướng trên lửa, Thống khổ kêu la hét, Như tiêng bây voi chiên, Lửa lớn tự nhiên sanh, Đây do nghiệp tự tạo. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1245 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Người nào bỏ hành động ác thì có thể dứt hành động ác nơi thân. Người không dứt hành động ác nơi thân, Ta không nói người đó bỏ được thân ác hạnh. Vì người kia có thể đoạn dứt được hành động ác nơi thân, nên Ta nói người đó bỏ được thân ác hạnh. Người có thân làm ác thì không được lợi ích an lạc. Người lìa bỏ hành động ác thì được lợi ích an lạc. Ta nói người đó bỏ được thân ác hạnh, bỏ miệng, ý ác hạnh cũng nói như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1246

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc.

— r _____ r _____ _ _____ -

Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: Như người thợ luyện vàng, hốt đất cát bỏ vào máng rồi lấy nước dội những thứ mày mún, đất đá rắn theo nước trôi đi, nhưng vẫn còn lại những hạt cát thô dính mắc. Lại dùng nước dội cho những hạt cát thô ấy theo nước trôi đi, roi lại dùng nước đãi cho hét những đát cát nhuyên và min ây, sau đó mới có sanh kim nhưng vẫn còn những thứ cát nhỏ đất đen dính mắc, lại lấy nước dội những hạt cát nhỏ, đất đen cho nó trôi đi, sau đó chơn kim thuần tịnh nhimg vẫn còn thứ mày mún li ti tợ vàng. Người thợ vàng đem nó bỏ vào lò đốt lửa nấu cho chảy ra, trừ hết cấu bẩn, nhưng chất sanh kim vẫn còn lại như cũ, chưa nhẹ, chưa sáng bóng, co lại duỗi ra thì gãy. Người thợ vàng và đệ tử người thợ vàng lại bỏ nó vào trong lò, đốt lửa nấu, luyện lọc cho đến khi vàng nhẹ mềm, sáng bóng, co lại đuôi ra không gãy. Bây giờ theo ý muôn làm những đô trang sức như cà rá5 bông tai, vòng xuyến, v.v... Tỳ-kheo thường hướng đến tâm thanh tịnh cũng như thế, những phiền não thô, nghiệp

ác bất thiện, tà kiến ác dần dần đoạn dứt hết. Giống như đãi vàng

KINH TẠPA-HÀM^ 1021

lần đầu bỏ đi những đất và đá. Lại nữa, Tỳ-kheo hướng đến tâm thaiih tinh tiếp trừ bỏ dần những cấu thô về dục tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng, giống như đãi vàng bỏ đi những hạt cát thô. Lại nữa, Tỳ-kheo hướng đến tâm thanh tịnh tiếp trừ bỏ những cấu vi tế về thân lý tưởng, nhân chúng tưởng và sanh thiên tưởng, phải tư duy trừ lọc hết như lọc vàng bỏ đi bụi bặm, cát min và đất đen. Lại nữa, Tỳ-kheo hướng đên tâm thanh tịnh có giác tưởng vê pháp lành cũng phải tư duy trừ diệt hết để cho tâm thanh tịnh, giống như lọc vàng bỏ đi những thứ giống như vàng để trở thành vàng ròng. Lại nữa, Tỳ-kheo còn có sự hành trì về các tam-muội, nắm giữ, giống như bờ giữ chung quanh ao nước. Bị pháp nắm giữ thì không được tịch tĩnh thắng diệu, không được an lạc sạch hết các lậu; như người thợ vàng lọc bỏ những dơ bẩn, nhtrng vàng vẫn chưa nhẹ, chưa mem, chưa sáng bóng, co duỗi bị gãy? không thể làm thành đồ trang sức theo ý muốn. Lại nữa, Tỳ-kheo được các tam-muội không còn có sự hành trì nắm giữ, được tịch tĩnh thắng diệu, được đạo an lạc, nhất tâm nhất ý, sạch hết các hữu lậu; như thây trò thợ vàng luyện lọc vàng cho đên khi nó nhẹ, mem, sáng bóng, tùy ý co duỗi, không bị gãy. Lại nữa, Tỳ-kheo lìa các giác quán cho đến đắc đệ nhị5 đệ tam, đệ Tứ thiền, như thế chánh đinh thuần nhất thanh tịnh, lìa các phiền não, chân thật nhu nhuyến, không dao động, ở nơi định xứ kia muốn nhập định xứ, muốn cầu tác chứng đều được tác chứng. Như người thợ vàng, luyện vàng đến mức nhẹ nhàng, sáng bóng, không gãy, muốn làm đồ trang sức gì tùy theo ý muốn. Cũng vậy, Tỳ-kheo trụ tam-muội chánh định... ở nơi các nhập xứ định, đều được tác chứng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1247 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Phải nên tinh tân chuyên tâm tùy lúc tư duy vê ba tướng. Ba tướng ây là gì? Đó là tùy thời tư duy vê tướng chi, tùy thời tư duy vê tướng quán, tùy thời tư duy vê tướng xả. Nêu Ty-kheo chỉ một bê tư duy vê tướng chỉ thì đôi với nơi đó, tâm kia hạ liệt. Nếu chỉ một bề tư duy về tướng quán thì đối với nơi đó, tâm trạo loạn khởi lên. Nếu chỉ tư duy về tướng xả thì đối với nơi đó không được chánh định, sạch hết hữu lậu. Do Tỳ-kheo kia tùy thời tư duy về tướng chí, tùy thời tư duy về tướng quán, và tùy thời tư duy về tướng xả, nên tâm được chánh định, sạch hết các hữu lậu. Như người thợ vàng và đệ tử người thợ vàng bỏ vào trong lò thêm lửa, tùy lúc quạt lò, tùy lúc nấu, tùy lúc dội nước, tùy lúc ngimg cả hai việc. Nếu chỉ một mặt quạt lò thì vàng sẽ cháy khô, nếu chỉ một mặt dội nước thì vàng sẽ cứng, hoặc chỉ một mặt ngưng quạt lò và dội nước thì vàng không thuần thục, không thể dùng được. Thế nên người thợ vàng và đệ tử người

1022 KINH TẠP A-HÀM

thợ vàng khéo tay đối với vàng kia tùy thời quạt lò5 tùy thời dội nước, tùy thời ngưng cả hai việc thì vàng ấy mới thích ứng, sử dụng tùy ý. Cũng vậy, Tỳ-kheo chuyên tâm tinh tấn luôn luôn tư duy nhớ nghĩ về ba tướng... lậu tận. Phật nói kinh này xong, các

Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1248 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Ky.dà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ? trong nước Ma-kiệt-đề có người chăn trâu ngu si không có trí tuệ. Cuối hạ đầu thu, mục đồng không chịu xem xét kỹ nước sông Hằng bờ này, cũng không chịu xem xét kỹ nước sông Hằng bờ kia, lùa bầy trâu từ bờ cao xuống, leo lên bờ cao, giữa dòng nước xoáy mạnh sanh nhiều hoạn nạn. Này các Tỳ-kheo! Vào thời quá khứ, ở nước Ma-kiệt-đề có một người chăn trâu, không ngu, không si, có trí tuệ thiện xảo. Cuối hạ? đầu thu xem xét kỹ nước sông Hằng bờ này, xem xét kỹ nước sông Hằng bờ kia, khéo đưa bầy trâu đến núi có hang rộng rãi bằng phẳng, chỗ có cỏ non, nước sạch. Khi đưa trâu đi, trước tiên lùa những con trâu lớn đầu đàn xuống để chặn bớt dòng nước chảy xiết, kế đến lùa những trâu tơ sung sức qua sau, sau nữa lùa những con trâu nhỏ gầy yếu đi theo phía dưới dòng nước. Như vậy, thứ lớp đều an ổn, qua hết được bờ kia. Những con nghé mới sanh, quyến luyến mẹ nó cũng theo sau được qua bờ kia. Như thế, Tỳ-kheo, Ta nói ví dụ này nên hiểu ý nghĩa của nó. Người chăn trâu ngu si ở nước Ma-kiệt-đề kia là chỉ cho lục sư ngoại đạo Phú-lan-na Ca- diếp... Cũng lại như thế, họ huân tap những tà kiến, hướng đến đường tà, như người chăn trâu ngu si kia, cuối hạ đâu thu không chiu xem xét kỹ nước hai bên bờ sông, núi cao hiểm trở, từ bờ cao này đưa xuống bờ cao kia leo lên, giữa dòng nước xoáy sanh nhiều hoạn nạn. Cũng vậy? các lục sư ngoại đạo Phú-lan- na Ca-diếp... ngu si, không có trí tuệ, không biết quán xét bờ này, nghĩa là đời này, không xem xét bờ kia, nghĩa là đời khác; giữa dòng nước xoáy, nghĩa là các ma cảnh tự gặp những khổ nạn, những người huân tập tà kiến kia cũng gặp khổ nạn. Người khéo chăn trâu nước Ma-kiệt-đề kia không ngu, không si, có trí tuệ thiện xảo là chỉ cho Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, gi6ng như người chăn trâu khéo xem xét bờ này và bờ kia, khéo lùa trâu qua đên hang núi bằng phăng, rộng rãi, trước tiên lùa những con trâu lớn đầu đàn xuống trước để chăn bớt dòng nước chảy xiêt? được an ổn qua bờ kia. Cũng vậy, hàng Thanh văn của Ta có thể sạch hết các lậu... tự biết không còn thọ thân sau, chặt đứt ngang dòng Ác ma tham dục của thế gian, được an ôn qua khỏi bờ sanh tử, đến bờ kia. Như người khéo chăn trâu nước Ma-kiệt- đề kia, kế đến lùa những con trâu tơ sung sức, chặn bớt dòng nước; cũng vậy,

KINH TẠPA-HÀM^ 1023

hàng Thanh văn của Ta đoạn dứt năm hạ phần kiết sử, được A-na-hàm, không thọ sanh lại ở cõi này, họ cũng đoạn dứt dòng tham dục Ác ma, được an ổn qua khỏi sanh tử, đến bờ kia. Như người khéo chăn trâu kia lần thứ ba lùa bầy trâu nhỏ yếu đij)hía dưới dòng, qua được an ổn; cũng vậy, hàng Thanh văn của Ta đoạn ba kiết sử tham, sân, si, được Tư-đà-hàm trở lại thọ sanh cõi này một lan là rốt ráo hết khổ, và cũng chặt đứt được dòng Ác ma tham dục kia, được an ổn qua khỏi sanh tử đến bờ kia. Như người khéo chăn trâu kia lùa những con nghé mới sanh, quyến luyến mẹ nó cũng qua được bờ kia; cũng vậy, hàng Thanh văn của Ta ba kiết sử tham, sân, si mỏng, đắc Tu-đà-hoàn5 nhất định không rơi vào đường ác, hướng thăng đên Chánh giác, bảy lân lên xuống trời, người, rót ráo hết khổ, dứt được Ác ma, tham dục, an ổn qua khỏi sanh

từ, đến bờ kia. Bây giơ, Thê Ton liên noi kệ: Đời này và đời khác, Minh trí khéo hiển hiện, Các ma được, chưa được, Cho đến với ma chết, Tất cả đều biêt hết. Trí Phật Đẳng Chánh Giác, Chặt dứt các dòng ma, Pha hoại khiến tiêu mất, Khai mở cửa cam lộ, Hiển hiện đạo chánh chơn, Tâm thường rất vui vẻ, Chứng đắc nơi an lạc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1249 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: —Nếu người chăn trâu có đủ mười một điều sau thì không thể làm cho trâu lớn mạnh, cũng không thể giúp cho bầy trâu lớn được an lạc. Những gì là mười một? Đó là không biết sắc, không biết tướng, không biết bắt trùng, không băng bó vết thương của trâu, không un khói, không biết chọn đường, không biết chọn chỗ, không biết chỗ đưa qua, không biết chỗ cho ăn, vắt hết sữa, không biết lo liệu hướng dẫn đàn. Đây là mười một điều không thể bảo vệ bày trâu lớn. Cũng vậy, này Ty-kheo5 có đủ mười một điều ấy thì tự mình không thể an ổn, cũng không thể giúp cho người khác an ổn. Những gì là mười một điều. Đó là không biết sắc, không biết tướng, không thể trừ trùng độc, không băng vết thương, không un khói, không biết đường chánh, không biết chỗ dừng, không biết chỗ bơi qua, không biết chỗ cho an? vắt hết sữa, không hướng đến các Thượng tọa đa văn kỳ cựu tu Phạm hạnh lâu ngày, được Phật khen ngợi, không hướng đến các bậc Phạm hạnh minh trí, khen ngợi đức độ, phụng thờ, cúng dường. Thế nào là không biết sắc? Nghĩa là tất cả những gì thuộc về sắc, những thứ đó là tứ đại và tứ đại tạo. Đây gọi là không biết như thật về sắc.

1024 KINH TẠPA-HÀM

Thế nào không biết tướng? Nghĩa là không biết như thật sự nghiệp nào là tướng lỗi, sự nghiệp nào là tướng tuệ. Đây gọi là không biết tướng. Thế nào là không biết trừ trùng độc? Nghĩa là an tâm đối với tham dục đã khởi, không biết xa lìa, giác sát trừ diệt, an tâm đối với sân, nhuế, hại, đã khởi không biết xa lia, giác sát, trừ diệt. Đây gọi là không biết trừ trùng độc. Thế nào là không biết băng vết thương? Nghĩa là mắt thấy sắc, chạy theo chấp giữ hình tướng, không gìn giữ mắt trước mọi tham ái thế gian, pháp ác bất thiện. Tâm rong ruổi chạy theo đó sanh phiền não không thể phòng hộ. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đây gọi là không biết băng vết thương. Thế nào là không biết un khói? Nghĩa là như pháp đã nghe, đã thọ, không vì người phân biệt, chỉ dẫn rõ ràng. Đây gọi là không biết un khói. Thế nào là không biết đường chánh? Nghĩa là tám Thánh đạo và Pháp, Luật của bậc Thánh, đây gọi là Đạo, người kia không biết như thật. Đây gọi là không biết đường chánh. Thế nào là không biết chỗ dừng? Nghĩa là đối với pháp Như Lai đã biết, không được vui vẻ thắng diệu, không được lợi ích xuất ly. Đây gọi là không biết chỗ dừng. Thế nào là không biết chỗ qua? Nghĩa là người kia không biết Kinh, Luật, Luận; không biết tùy thời đến thưa hỏi thỉnh thọ, không biết thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không tội; tạo những pháp gì là những pháp thù thắng không ác, đối với pháp ẩn mật không thể khai thác, đối với pháp hiển lộ không thể hỏi rộng, đối với cú nghĩa sâu xa đã tự biết không thể diễn nói, khai thị rộng rãi, rõ ràng. Đây gọi là không biết chỗ qua. Thế nào là không biết chỗ thả trâu? Nghĩa là tư niệm xứ và Pháp, Luật Thánh hiền, gọi là chỗ thả trâu. Đối với những điều

này không biết như thật thì gọi là không biết chỗ thả trâu. Thế nào gọi là vắt hết sữa? Nghĩa là hàng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn hay trưởng giả tự tại bố thí y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men và những vật dụng trong đời sống. Tỳ-kheo thọ nhận không biết hạn lượng thì gọi là vắt hết sưa. Thế nào là không hướng đến các Thượng tọa, Đại đức đa văn kỳ cựu... không hướng đến các vị Thắng trí, Phạm hạnh, xưng dương công đức của các ngài, và tôn trọng thừa sự, cúng dường để được an vui? Nghĩa là Tỳ-kheo không tán dương Thượng tọa ấy cho đến khiến các bậc trí tuệ Phạm hạnh đi đến đó5 tùy thuận đem thân, khẩu, ý phụng sự, cúng dường. Đây gọi là không chịu hướng đến đối với những bậc Thượng tọa đa văn kỳ túc... khiến cho các vi Phạm hạnh trí tuệ, thừa SỊT, cúng dường được an vui. Người chăn trâu kia nếu có đủ mười một điều sau đây thì có thể khiến cho đàn trâu lớn mạnh, ủng hộ bay trâu, làm cho nó vui vẻ. Những gì là mười một?

KINH TẠPA-HÀM^ 1025

ĐÓ là biêt săc, biêt tướng... (cho đên điêu thứ mười một nói rộng như trên). Đây gọi là Tỳ-kheo có đủ mười một điều tự mình được an ổn và giúp cho người khác cũng được an ổn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1250 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại Câu-tát-la? du hành trong nhân gian đến tụ lạc Nhất- xa-năng-già-la, ở trong rừng Nhất-xa-năng-già-la. Có Tôn giả Na-đề-ca ở lâu trong tụ lạc đó. Bấy giờ, những Sa-môn, Bà-la-môn ở tụ lạc ấy nghe tin Sa-môn Cù-đàm đang trú tại nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian đã đến ở trong rừng của thôn Nhất-xa-năng-già-la. Mỗi người đều sửa soạn một thố cơm và thức ăn để bên cửa rừng, họ khởi nghĩ như vầy: "Ta cúng dường Thế Tôn trước. Ta cúng dương Thiện Thệ trước.Rồi mỗi người lớn tiếng nói to lên như thế. Bấy giờ, The Tôn đang ở trong rừng này nghe nhiều tiếng ồn. Ngài liền hỏi Tôn giả Na-đề-ca: -Nhân gì, duyên gì ở trong rừng có tiêng nhiêu người nói lớn như thê? Tôn giả Na-đề-ca bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Đây là tụ lạc Nhất-xa-năng-già-la, các Sa-môn, Bà-la- môn, trưởng giả nghe tin Thê Tôn đên ở trong rừng này, môi người đem đên một tho cơm đe trước cửa rừng, mỗi người tự nói: "Ta cúng dường The Tôn trước, ta cúng dường Thiện Thệ trư&c." Do đó, có nhiều tiếng on náo ở nơi rừng này, cúi xin The Tôn hãy nhận thức ăn của họ. Phật bảo Tôn giả Na-đề-ca: -Chớ đem lợi dưỡng đến cho Ta, Ta không cần lợi dưỡng. Chớ có xưng tán Ta, Ta không cần ximg tán. Này Na-đề-ca! Đối với Như Lai như thế đã được cái vui xuất yếu, xa lia, tịch tĩnh, Chánh đẳng Chánh giác thì đối với những thứ kia CÓ khởi lên lợi lạc như vi ngọt hoặc mong câu ư? Này Na-đê-ca! Nhung Ta đôi với những loại này đã được sự an vui xuất yếu, viễn ly tịch tinh, Chánh đẳng Chánh giác, nên không tìm cầu mà vẫn được, không khổ nhọc mà vẫn được, dù đôi với vị ngọt hay mong câu của các thứ lợi lạc khởi lên ở đâu. Này Na-đê-ca! Tỳ-kheo các thầy vì đối với những loại sắc như thế không được sự an vui xuất yếu, xa lìa tịch tĩnh, Chánh đẳng Chánh giác, nên không được cái vui không mong cầu, cái vui không khổ. Này Na-đề-ca! Chư thiên cũng không được cái vui không cầu, cái vui không khổ của sự xuất yếu, xa lìa, tịch tĩnh, Chánh đẳng Chánh giác như thế. Chỉ có Ta đạt được cái vui xuất yếu, xa lìa, tịch tĩnh, Chánh đẳng Chánh giác, cái vui không cầu, cái vui không khổ như thế, dù là vị ngọt hay

mong cầu của các thứ lợi lạc khởi lên ở đâu.

1026 KINH TẠP A-HÀM

Tôn giả Na-đề-ca bạch Phật. Bạch Thế Tôn! Con muốn nêu lên một ví dụ.

Phật bảo: Được! Nên biết đúng thời.

Tôn giả Na-đề-ca bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ví như trời mưa, dòng nước thuận theo chỗ thấp chảy xuống, Thế Tôn cũng thuận theo ở những nơi mà nẹười dòng Sát-đế-lợi, Bà- la-môn hay trưởng giả kia kính tín phụng thờ. Vì Thê Tôn giới đức thanh tịnh, chánh kiến chơn trực, nên con nay thưa như vậy, cúi xin Thế Tôn thương xót nhận lời thỉnh của họ. Phật bảo Tôn giả Na-đề-ca: Chớ đem lợi đến cho Ta, Ta không cầu lợi... vì sao lợi lạc của họ có vị, có cầu? Này Na-đề-ca! Ta thấy Tỳ-kheo sau khi ăn no xong thì căng bụng ra nằm thở dốc, thấy như vậy rồi, Ta nghĩ như Trưởng lão này không được sự an vui xuất yếu, xa lìa, tịch tĩnh, Chánh đẳng Chánh giác, cái vui không khổ. Lại nữa, này Na-đề-ca, Ta thấy có hai Tỳ-kheo sau khi ăn ngon xong căng bụng thở dốc và đi với vẻ mệt mỏi, Ta suy nghĩ những Trưởng lão kia không thể được cái vui không cầu, cái vui không khổ, cái vui xuất yếu, xa lìa, tịch tĩnh, Chánh đẳng Chánh giác. Này Na-đề-ca! Ta thấy nhiều Tỳ-kheo sau khi ăn ngon xong, đi từ vườn này đến vườn kia, từ phòng này đến phòng kia, từ người này đến người kia, từ nhóm này đến nhóm kia, thấy như thế rồi, Ta suy nghĩ những Trưởng lão kia như thế không được cái vui không cầu, cái vui không khổ, cái vui xuất yếu, xa lìa, tịch tĩnh, Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, này Na-đề-ca, có một lần Ta đi trên đường thấy có Tỳ-kheo đi xa xa ở đằng trước, lại có Tỳ-kheo ở xa xa phía sau đi đen, Ta bay giờ nhàn tĩnh vô vi, cũng không có mỏi mệt gì do tiện lợi. Vì sao? Vì nương vào sự ăn uống, đắm thích mùi vị thì có tiện lợi; đó là nương vào. Phải quán năm thọ am sanh diệt mà nhàm chán, xa lìa; đó là nương vào. Đoi với sáu xúc nhập xứ quán sát tập, diệt và nhàm chán, xa lìa; đó là nương vào. Đối với cảnh vui vẻ đông đảo, siêng năng nhóm họp on náo, nên nhàm chán, xa lìa; đó là nương vào. Ưa thích tu tập viễn ly thì siêng năng nơi viễn ly, nhàm chán, xa lìa sự tu tập đông đảo; đó là nương vào. Thế nên, này Na-đề-ca, nên học như thế. Đối với năm thọ ấm phải quán sát sanh diệt, đối với lục xúc nhập xứ quán sát tập, diệt, ưa thích viễn ly, tinh cần viễn ly, nên học như vậy. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Na-đề-ca nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đảnh lễ rồi đi.

KINH SỐ 1251

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến tụ lạc Na-lăng-già-la... (nói rộng như trên.,, người kia khởi tâm cầu lợi).

KINH TẠPA-HÀM 1027

Phật bảo Na-đề-ca: Ta thấy có tinh xá bên cạnh tụ lạc, có vị Tỳ-kheo tọa thiền, thấy rồi Ta nghĩ rằng những người trong tụ lạc của Tôn giả ẩy hoặc các Sa-di qua lại nói năng ôn ào, sẽ gây chướng ngại thiên tư của Tỳ-kheo ây khiên vị ây phải bỏ chánh định; • làm r chướng /y* nạn: cho việce muốn đếnĩ chỗ chưa đến,y • muốn đạt chỗ chưa đạt, muôn chứng chô chưa chứng của vi Tỳ-kheo ây. Này Na-đê-ca! Ta không vui khi thấy

Ty-kheo ấy ở bên cạnh tụ lạc. Nay Na-đề-ca! Ta thấy Tỳ- kheo ở chỗ thanh vắng nằm ngủ than vãn chao ôi, thấy rồi Ta nghĩ như vậy sẽ khiến Tỳ-kheo ấy sau khi ngủ dậy tư tưởng hay nghĩ đến chỗ thanh nhàn. Này Na-đề-ca! Ta cũng Idiông vui khi thấy Tỳ-kheo ở chỗ thanh nhàn như thế. Này Na-đề-ca! Ta lại thấy Tỳ-ldieo ở nơi thanh nhàn ngồi ngủ gật, thấy rồi Ta nghĩ như vậy sẽ khiến Tỳ-kheo ấy sau khi tỉnh dậy không nhất định được định, người định tâm mới được giải thoát. The nên, này Na-đề-ca, Ta không vui khi thay các vị Tỳ-kheo ấy ở chỗ thanh vắng như thế. Nàỵ Na-đề-ca! Ta lại thấy Tỳ-kheo ở chỗ thanh vắng ngồi ngay ngắn nhập định, thấy rồi Ta lại nghĩ như vậy sẽ khiến Tỳ-kheo này khônẹ giải thoát sẽ mau được giải thoát, sau khi giải thoát sẽ tự phòng hộ, không đe giảm sút. Này Na-đề-ca! Ta rất vui khi thấy Tỳ-kheo ở chỗ thanh vắng như thế. Này Na-đề-ca! Ta lại thấy Tỳ-kheo ở chỗ thanh vắng một thời gian, sau lìa chỗ thanh vắng, bỏ hết đo giường nam, lại trở ve thôn xóm, thọ lãnh đồ giường nằm. Này Na-đề-ca! Ta cũng không vui khi thấy Tỳ-kheo như thê trở lại vào thôn xóm. Lại nữa, này Na-đê-ca, Ta thây Tỳ-kheo ở tinh xá trong thôn xóm, đức độ lớn, nổi tiếng, được các thứ tài lọi, y phục, ẩm thực, thuốc men đầy đủ. Thời gian sau vị ấy bỏ hết lợi dưỡng, làng xóm, sàng tọa, bỏ rồi đi đên nơi thanh văng dừng nghỉ. Na-đê-ca! Ta rất vui khi thấy Tỳ-kheo như thế bỏ hết lợi dưỡng, giường nệm, làng xóm đi đến ở chỗ thanh vắng. Này Na-đề-ca! Tỳ-kheo nên học như thế. Phật nói kinh này xong, Na-đề-ca nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, làm lễ ra về.

KINH SỐ 1252 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly? trong giảng đường Trùng Các, bên bờ ao Di Hầu. Bây giơ, The Tôn bao các Tỳ-kheo: Những người Ly-xa thường dùng cây làm gối, gối đầu, gối tay, chân với dáng rã rời, nghi ngại, lo sợ không để cho Vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy được cơ hội. Thế nên họ thường tự răn nhắc, không buông lung. Nhờ họ không buông lung nên Vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà không thể tìm được cơ hội. về sau không bao lâu, những n^ười Ly-xa vui chơi thỏa thích, không lo lắng việc gì? tay chân mềm mại, gói bang gối bông thêu, nằm nệủ an ổn cho đến khi mặt trời mọc vẫn chưa dậy. sống mà buông lung, vì họ sông mà buông lung nên Vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy nước Ma-kiệt-đà mới tìm được cơ hội.

1028 KINH TẠPA-HÀM

Như vậy, các Ty-kheo5 phải siêng năng, tinh tân, kham nhân, kiên cô, chớ bỏ pháp lành, da dẻ hồng hào, gân liền xương cứng, tinh cần phương tiện, không bỏ pháp lành, trong khi chưa đắc điều đáng đắc thì không lìa, tinh tấn, thường nhiếp tâm không buông lung. Nhờ không buông lung nên Ma vương Ba-tuần không tìm được cơ hội nên sau đó các Tỳ-kheo vui chơi vô sự, tay chân mềm mại, gối bông thêu, thân nằm ngủ an ổn, cho đến khi mặt trời mọc vẫn chưa dậy. sống mà buông lung, vì sống mà buông lung nên Ác ma Ba-tuần tìm được cơ hội. Thê nên, Tỳ-kheo phải học như thê, siêng năng trong khi câu không được hoặc chưa được thì không bỏ sự tinh tan. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1253 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Ví như người nọ, buổi sáng đem ba trăm chảo thức ăn bố thí cho chúng sanh, trưa và chiêu cũng như thê. Người thứ hai

thì chỉ trong khoảnh khác rải lòng từ bi đên tát cả chúng sanh, cho đên như khoảng thời gian vát sữa bò. Nêu so với công đức bố thí của người sau thì người trước không bì kịp phần trăm, phần ngàn, phần vạn ức, toán số ví dụ không thể so sánh được. Thế nên, các Tỳ-kheo phải khởi học như vầy... trong thời gian khoảnh khắc tu tập rải lòng từ đên tát cả chúng sanh, cho đên như khoảng thời gian vát sữa bò. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1254 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Ví như trong một gia đình con gái nhiều, con trai ít, nên biết gia đình dễ bị giặc trộm cướp đoạt. Cũng thế, người thiện nam, thiện nữ không thể thường tu tập rải lòng từ đến tất cả chúng sanh, cho đến như khoảng thời gian vắt sữa bò, nên biết người này dễ bị quỷ thần ác lừa dối. Ví như gia đình có con trai nhiều, con gái ít thì gia đình đó không bị kẻ trộm thường đến cướp đoạt. Cũng vậy5 người thiện nam thường thường tu tập rải lòng từ đến tất cả chúng sanh, cho đến như khoảng thời gian vắt sữa bò, người này không bị các quỷ thần ác lừa dối. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, phải thường thường tu tập lòng từ cho đến như trong khoảng thời gian vắt sữa bò. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TẠPA-HÀM 1029

KINH SỐ 1255 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Ví như có người có cây kiêm Tỷ Thủ, kiêm ây rát bén. Có người mạnh khỏe đên nói răng: "Tôi dùng năm tay đánh với cây kiêm của anh, làm cho nó gãy nat.55 Này các Tỳ-kheo! Người khỏe mạnh kia có the dùng nắm tay đánh cây kiếm kia gãy nát chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ịpiông thể được. Vì cây kiếm Tỷ Thủ kia rất bén, người đàn ông kia không thể dùng tay không đánh cho nó gãy nát ra được mà chính tự mình bi nguy khốn. Cũng vậy, Tỳ-kheo? nếu Sa-môn, Bà-la-mon tu tập long từ đến tất cả chúng sanh cho đến như trong khoảng thời gian vắt sữa bò, nếu có quỷ thần ác muốn đến dò xét tìm chỗ hở thì không thể tìm được cơ hội mà ngược lại ngay lúc đó tự mình bị thương tổn. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo? phải học như thế, thường thường tu tập lòng từ... như khoảng thời gian vắt sữa bò. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1256 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn dùng móng tay vít chút đất rồi hỏi các Tỳ-kheo: -Các thầy nghĩ thế nào, đất trên móng tay Ta nhiều hay đất ở đại địa nhiều? Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đất trên móng tay Thế Tôn rất ít, quá ít, còn đất trong đại địa này nhiều vô lượng, vô số, không thể kể xiết. Phật bảo: Cũng vậy, số người có thể thường tu tập lòng từ đến tất cả chúng sanh... như khoảng thời gian khảy móng tay, so người đó ít như đất trên móng tay; còn những người không chiu tu tập lòng từ đến tất cả chúng sanh... như khoảng thời gian khảy móng tay, số người đó nhiều như đất trong đại địa. Thế nên, các Tỳ- kheo, phải thường thường tu tập lòng từ đến tất cả chúng sanh. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1257 Tôi nghe như vay:

1030 KINH TẠPA-HÀM

. * Athời, Phật trú tại nước Tỳ-xá-ly, trong giảng đường Trùng Các, bên bờ Một ao Di Hâu. Á__ rr\ FT^-I Á L ? _ _ _ FT^ y l 1 Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Tất cả hành vô thường, không thường hằng, không an ổn? là pháp biến đổi. Này các Tỳ-kheo! Phải thường quán sát tất cả hành, tu tập nhàm chán, xa lìa, không ưa thích, phải giải thoát. Bấy giờ, có một Tỳ"kheo khác đứng lên, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, gối phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Mạng sống dời đổi, hoại diệt mau chậm như thế nào?

Phật đáp: Ta có thể nói, nhưng thầy muốn hiểu thì khó.

Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có thể dùng ví dụ được chăng?

Phật đáp: -Có bốn người tay cầm cây cung cứng, một lúc bắn lên khắp bốn phương, có một người theo kịp chụp lấy bốn mũi tên trong khi nó chưa kịp rơi xuống đất. Thế nào, Tỳ-kheo, người như thế có nhanh chóng không? Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Rất nhanh.

Phật bảo: -Người chụp những mũi tên này tuy là nhanh chóng, nhưng có Địa than Thiên tử nhanh hơn gấp bội. Nhưng còn Thiên thần Hư không nhanh hơn gấp bội Địa thần. Tứ Thiên Vương nhanh hơn gấp bội Thiên thần Hư không. Có Nhật Nguyệt Thiên tử lại nhanh hơn gấp bội Tứ Thiên Vương. Có Đạo Nhật Nguyệt thần nhanh hơn gấp bội Nhật Nguyệt Thiên tử. Này các Tỳ-kheo! Sự dời 2. .Z e :r -i /K • đôi biên hoại của thọ mạng còn nhanh hơn gáp bội Đạo Nhật Nguyệt thân. Thê nên, này các Tỳ-kheo, phải siêng năng tinh tấn quán sát thọ mạng vô thường mau chóng như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1258 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Uyển, nơi trụ xứ của các tiên nhơn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thời quá khứ có một người tên là Đà-xá-la-ha, ông ta có một cái trống tên là Năng-ha5 có âm thanh rất vi diệu, sâu xa, vang đến bốn mươi dặm. Cái

KINH TẠPA-HÀM^ 1031

da trống đã bị hư từ lâu. Bấy giờ thợ bịt trống lột da trâu khác để niềng lại, tuy được niềng lại lớp da mới nhung tiếng trống không còn âm thanh vi diệu, sâu xa nữa. Sau một thời gian cái trống bi hư mục, tấm da rớt xuống, còn lại một vỏ gỗ mục. Này các Tỳ-kheo! Tu giới, tu thân, tu tâm, tu tuệ cũng như thế. Nhờ người kia tu giới, tu thân, tu tâm, tu tuệ nên đối với những kinh điển sâu xa Như Lai đã nói khó nhận, khó hiểu, không thể suy nghĩ nghĩa quyết định vi diệu bí mật thì người trí ây hiêu được, nhận hiêu nhanh chóng và đây đủ, nghe những lời nói ấy thì vui vẻ và thích tu tập, giải thoát, được lợi ích. Tỳ-kheo đời vị lai không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, khi nghe Khế kinh của đức Như Lai, người kia không the lãnh hội nhanh chóng, không thích đến để nhận hiểu, nghe những lời nói ấy thì không vui vẻ? không thích tu tập. Nhưng đối với sách vở tạp nhạp của thế gian, văn từ bóng bẩy, ngôn cú thế tục thì

họ chuyên tâm lãnh thọ, nghe những lời nói ấy rồi hoan hỷ, ưa tập theo nên không được lợi ích giải thoát. Nhưng đoi với pháp yếu không tướng kia thậm thâm minh chiếu tùy thuận duyên khởi do Như Lai nói thì họ mù mờ giống như cái trống hư mục kia, chỉ còn lại đống gỗ mục. Thế nên, này các Tỳkheo, phải siêng năng tu giới, tu đinh, tu tâm, tu tuệ, tu thân thì đôi với pháp yêu không tướng thậm thâm minh chiếu tùy thuận duyên khởi của Như Lai nói, sẽ mau chóng nhận hiểu, nghe những lời nói ấy thì vui vẻ, kính trọng tu tập được lợi h và giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1259 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Thời quá khứ có một con chôn đói khát gây ôm vào trong hang ô moi móc tìm chuột, nêu gặp chuột bò ra là chụp ăn liên. Bây giờ? chuột bò ra khỏi hang đi chơi, bị con chôn kia chụp băt. Nhưng con chuột này thân quá nhỏ, bị chôn nuôi sống vào trong bụng nên không chết, chuột lại ăn hết nội tạng của con chồn. Chồn điên cuồng mê muội chạy cuồng loạn Đông, Tây, vào nhà trống, đến gò mả không biết dừng lại đâu, rồi chạy đến chết. Cũng vậy, này Tỳ-kheo? có người ngu si nương ở thôn xóm, sáng sớm đắp y, mang bát vào làng xóm khất thực, không khéo hộ thân và giữ gìn các căn môn, tâm không nhiếp niệm, thấy các người nữ, khởi tư tưởng bất chánh, vin lấy sắc kia, khởi tâm tham dục. Tham đã sanh thì lửa dục hừng hực đốt cháy thân tâm họ9 thân tâm đã bị đót cháy thì tâm cuông loạn chạy rông, không còn thích ở tinh xá, không còn thích ở nơi thanh vắng, không còn thích ngồi dưới cội cây, bị tâm ác bất thiện xâm chiếm, ăn hết nội pháp, bèn xả giới, hoàn tục.

1032 KINH TẠPA-HÀM

. . 2 r

Người ngu si này mãi mãi chịu khô não không được lợi ích. Thê nên, này Tỳ- kheo, phải học tập như vây: "Khéo hộ thân, giữ gìn các căn môn, nhiêp tâm chánh niệm, khi vào thôn xóm khất thực phải học như thế." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1260 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Ạ__ ___ _ ! FTS-| À FTP — 9 _ _ / _ FT^ y 11 Bay giờ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Trong thời quá khứ, có một con mèo đói khát, gây ôm, đang ở trong hang để mong bắt chuột. Nếu chuột chạy ra thì nó bắt lấy để ăn. Bấy giờ con chuột ra khỏi hang để rong chơi. Con mèo liền chộp lấy mà nuốt vào bụng. Con chuột có thân nhỏ nên vào trong bụng mèo vẫn còn sống. Khi vào bụng rồi, nó ăn nội tạng của con mèo. Mèo bị ăn nội tạng nên mê cuông chạy lung tung khắp nhà, cho đên chét. Cũng thê, này các Tỳ-kheo? khi trú tại các tụ lạc, sướt ngày đáp y trì bát vào thôn làng khất thực mà không hộ trì các căn, tâm chăng hệ niệm, thây các nữ nhân thì khởi tư duy bát chính, liên do sác mà phát lòng tham dục. Tham dục đã phát thì lửa dục cháy bừng, thiêu đốt thân tâm. Thân tâm đã bị thiêu đốt thì tâm cuồng loạn, chẳng muốn vui với tinh xá, chẳng muốn vui với nhàn tịnh, chăng vui với góc cây, bị tâm ác bát thiện ăn vào pháp bên trong mà xả giới, thối giảm. Hạng người ngu như vậy suốt đêm dài

thường phải chiu nhiều khổ đau, không lợi lạc gì. Cho nên, này các Tỳ-kheo, cần phải học như vậy. Phải khéo hộ trì thân mình, giữ gìn các căn, buộc thân chánh niệm, mà vào thôn xóm khất thực. Cần phải học như thế. Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1261 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như cái chày gỗ dùng mãi không dừng nghỉ, ngày đêm mòn dần. Cũng vậy, này Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn từ trước đến nay không thủ hộ các căn, ăn không biết độ lượng, đầu đêm cuối đêm không tinh cần tỉnh ngộ, tu tập thiện pháp; nên biết hạng người này suốt ngày bị tổn giảm, thiện pháp không tăng trưởng, như cái chày gỗ kia. Này các Tỳ-kheo! Ví như cây ưu-bát-la, bát-đàm-ma, câu-mâu-đâu? phân- đà-lợi mọc ở trong nước, lớn lên trong nước, theo nước tăng trưởng. Cũng vậy, Sa-môn, Bà-la~môn khéo giữ gìn các căn môn, ăn uống biết độ lượng, đầu đêm

cuối đêm tinh cần tỉnh ngộ, nên biết những người này công đức căn lành ngày đêm tăng trưởng, trọn không có giảm sút. Phải học như vậy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1262 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, vào lúc cuối đêm5 Thế Tôn nghe tiếng chồn hoang kêu. Đen sáng, Ngài trải tòa ngồi trước đại chúng và hỏi các vị Tỳ-kheo: Lúc trời gân sáng, các Tỳ-kheo có nghe tiêng chôn hoang kêu không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, có nghe! Phật bảo: -Có một người ngu si khởi nghĩ như vây: "Nay ta sanh ra được thân tướng như vầy, âm thanh như vày.." Người ngu si này muốn tìm đến chỗ tương tợ như thê, có gì mà không được! Thê nên, Tỳ-kheo, các thây phải siêng năng tinh tấn, tìm cách đoạn dứt các hữu, đừng dùng phương tiện khiến các hữu tăng trưởng, nên tu học như the. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1263 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có Tôn giả Bạt-ca-lê ở tinh xá Kim Sư tại thành Vương Xá bị đau nặng, rát khôn khô. Tôn giả Phú-lân-ni chăm sóc và cúng dường. Bây giờ Bạt- ca-lê nói với Phú-lân-ni: -Thay hãy đên cho The Tôn, VI toi cui đau le chan Ngai va thưa hoi Thê Tôn có bệnh, ít não, đi ở có nhẹ nhàng an lạc chăng? Và thưa với Ngài: "Tôi Bạt-ca-lê ở tinh xá Kim Sư đau nặng, khốn khổ, đang nằm liệt giường, tôi muốn gặp Thế Tôn nhimg vì bệnh hoạn, khí lực yếu kém, không tự đến Thế Tôn được, cúi xin Thế Tôn thương xót đến tinh xá Kim Sư nay?9 Ton gia Phu-lan-ni nhạn lơi cua Ton giả Bat-ca-le, đi đen cho The Ton, cui đầu lễ chân Ngài, rồi lui đứng một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tôn giả Bạt-ca-lê cúi đầu đảnh lễ Thế Tôn và thưa hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít não, đi ở có nhẹ nhàng an lạc chăng? The Ton đáp: -An lạc.

Tôn giả Phú-lân-ni lại thưa: —Bạch Thế Tôn! Tôn giả Bạt-ca-lê ở tinh xá Kim Sư đau nặng nằm liệt giường, muốn gặp Thế Ton nhưng sức yếu không thể tự đi đến chỗ Thế Tôn được. Lành thay! Xin Thế Tôn thương xót, thỉnh Ngài đến tinh xá Kim Sư. Thê Tôn im lăng nhận lơi. Bấy giờ, Tôn giả Phú-lân-ni biết Thế Tôn đã nhận lời, liền đảnh lễ lui ra. Vào buổi chiều sau khi xả thiền, Thế Tôn đi đến tinh xá Kim Sư vào phòng của Tôn giả Bạt-ca-lê, Tôn giả Bạt-ca-lê từ xa trông thấy Thế Tôn liền muốn gượng dậy. Phật bảo: - Thầy hãy nằm yên, đừng ngồi dậy. Thế Tôn ngồi xuống cái ghế đặt kế bên và nói với Tôn giả Bạt-ca-lê: Thầy có thể chiu nổi sự đau đớn của cơn bệnh này không? Bệnh của thầy

tăng hay giảm?

Tôn giả Bạt-ca-lê bạch Phật:

(Nói rộng như Kinh Tỳ-kheo Ca-ma ở trước).

—Bạch Thế Tôn! Con đau quá chiu không nổi, muốn lấy dao tự sát, không

M z muôn sông nữa.

Phật dạy:

—Ta hỏi thầy, tùy ý thầy trả lời Ta. Thế nào, Tôn giả Bạt-ca-lê, sắc là thường hay vô thường?

Tôn giả Bạt-ca-lê đáp:

-Vô thường.

- Nếu vô thường là khổ chăng?

- Bạch Thế Tôn, là khổ!

Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, đối với pháp ấy có nên tham

dục chăng? Tôn giả Bạt-ca-lê bạch Phật: Bạch Thế Tôn, không!

(Đoi với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vây), Phật bảo Tôn giả Bạt-ca-lê: Nêu đôi với thân kia không tham dục thì lúc mạng chung an lành, đời sau cũng được an lành. Bấy giờ, Thế Tôn nói các thứ pháp cho Tôn giả Bạt-ca-lê nghe, sau khi khai thị chỉ giáo, soi sáng làm cho hoan hỷ xong, Ngài đứng dậy đi về. Ngay đêm ấy Tôn giả Bạt-ca-lê nghĩ đến sự giải thoát, muốn cầm dao tự

KINH TẠP A-HÀM 1035

sát, không thích sống lâu nữa. Khi ấy vào lúc cuối đêm, có hai vị thiên tử thân hình rất đoan chánh, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên? bạch Phật: Bạch Thế Ton! Tôn giả Bạt-ca-lê bệnh hoạn khốn khổ5 suy nghĩ đến sự giải thoát, muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu. Vi thiên tử thứ hai thưa: -Tôn giả Bạt-ca-lê thích giải thoát và được giải thoát. Thưa xong hai vị thiên tử này đồng cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất. Sáng sớm Thế Tôn trải tòa ngồi trước đại chúng bảo các Tỳ-kheo: Đêm qua có hai thiên tử thân hình đoan chánh, đến chỗ Ta, cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi xuống thưa rằng: "Tôn giả Bạt-ca-lê ở tinh xá Kim Sư bị bệnh khốn khổ, suy nghĩ muốn cầm dao tự sát, giải thoát, không muốn sống lâu." Vị thiên tử thứ hai thưa: "Tôn giả Bạt-ca-lê đã Idiéo giải thoát và được giải thoát." Nói những lời này xong, hai vị làm lễ rồi biến mất. Bấy giờ, Thế Tôn bảo một vị Tỳ-kheo: Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo Bạt-ca-lê nói với

Bạt-ca-lê rằng đêm qua có hai vị trời đến chỗ Ta cúi đầu đảnh lễ và thưa với Ta rằng: "T6n giả Bạt-ca-lê bị bệnh hoạn khốn khổ5 suy nghĩ giải thoát muốn cầm dao tự sát, không muốn sống lâu nữa" Vị trời thứ hai cũng thưa: "Tôn giả Bạt-ca-lê khéo giải thoát và được giải thoát." Thưa xong, hai vị thiên tử đều biến mất. Đây là những lời của chư thiên, Phật nói lại với thầy ấy và nhắn thầy là đối với thân này chớ khởi tham dục thì lúc mạng chung được an lành, đời sau được an lành. Khi ấy, vị Tỳ-kheo kia vâng lời Phật đi đến tinh xá Kim Sư, vào phòng Bạt- ca-lê. Bấy giờ, Bạt-ca-lê nói với những người nuôi bệnh rằng: -Quý vị hãy đưa cái giường dây tới và khiêng giùm thân tôi ra ngoài cổng tinh xá, tôi muốn cầm dao tự sát, không thích song lâu. Lúc đó nhiều Tỳ-kheo đang đi kinh hành ở chỗ đất trống, còn vị Tỳ-kheo vâng lệnh Phật đến chỗ các Tỳ-kheo hỏi rằng: Thưa chư Tôn giả! Tỳ-kheo Bạt-ca-lê ở chỗ nào?

Các Tỳ-kheo đáp: —Tỳ-kheo Bạt-ca-lê bảo những người nuôi bệnh khiêng giường dây ra khỏi tinh xá, muốn tự sát, không thích sống lâu. Vị Tỵ-kheo được Phật sai đi liền đến chỗ Tỳ-kheo Bạt-ca-lê. Bạt-ca-lê vừa trông thay Tỳ-kheo này đến, nói với những người nuôi bệnh rằng: -Hạ giường dây xuống đất. Vị Tỳ-kheo ấy chạy thật nhanh đến như lời Thế Tôn đã dạy. Các người nuôi bệnh liền hạ giường dây xuống. Tỳ-kheo ấy nói với Tôn giả Bạt-ca-lê: Thế Tôn có lời chỉ dạy và các vị thiên tử cũng có nói.

1036 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Tôn giả Bạt-ca-lê nói với những người nuôi bệnh: Đỡ giúp tôi xuống đất, tôi không dám ở trên giường dây mà thọ lời Thế Tôn và những lời nói của chư thiên. Những người nuôi bệnh liền đỡ Bạt-ca-lê xuống đất. Khi ấy, Bạt-ca-lê nói: Bây giờ thầy có thể tuyên thị lại lời dạy của Thế Tôn và chư thiên.

Vi Tỳ-kheo sứ giả nói: -Bạt-ca-lê! Đại sư bảo với thầy: "Đêm qua có hai vị thiên tử đến nói với Ta Tỳ-kheo Bạt-ca-lê đau nặng, khốn khổ, suy nghĩ đến giải thoát, nên muốn cầm dao tự sát, không muốn song lau." Vị trời thứ hai cũng thưa: "Tỳ-kheo Bạt-ca- lê đối với thiện giải thoát, và được giải thoát...99 Nói xong liền biến mất. Và Thế Tôn thọ ký thầy mạng chung được an lành, đời sau được an lành. Tôn giả Bạt-ca-lê thưa: Thưa Tôn giả! Đại sư thấy rõ và biết rõ việc như vậy. Hai thiên tử kia cũng thấy rõ và biết rõ việc như thế. Nhưng hôm nay tôi đối với sắc thân này thấu rõ sự vô thường, quyết định không còn nghi ngờ; thấu rõ vô thường là khổ, quyết định không còn nghi ngờ; thấu rõ vô thường, khổ là pháp biến dịch, đối với pháp ấy không còn tham dục, quyết đinh không còn nghi ngờ. Đoi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như the. Nhưng hôm nay tôi bệnh hoạn đau đớn vẫn còn tùy thuộc thân thể, muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu. Nói rồi Tôn giả liền cầm dao tự sát. Khi ấy vị Tỳ-kheo sứ giả cúng dường thi thể của Tôn giả Bạt-ca-lê xong trở về chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con đã trình bày đầy đủ lời dạy của Thế Tôn cho Tôn giả Bạt-ca-lê nghe, và Tôn giả Bạt-ca-lê nói rằng: uĐại Sư thấy rõ và biết rõ việc này, hai vi thiên tử kia cũng thấy rõ và biết rõ việc này".. cầm dao tự sát. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các vi Tỳ-kheo cùng Ngài đến tinh xá Kim Sư, chỗ thi thể của Bạt-ca-lê. Ngài thấy thi thể của Bạt-ca-lê nằm chết có sắc viễn ly, thấy rồi bèn nói với các Tỳ-kheo: Các thầy có thấy thi thể Bạt-ca-lê trên đất có sắc viễn ly không?

Các Tỳ-kheo thưa:

-Bạch Thế Tôn! Thấy.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo đi vòng quanh thi thể của Bạt-ca-lê và hỏi họ có thấy tướng mờ mờ bao quanh thân không.

Các Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Thế Tôn, có!

Phật bảo:

-Đây là một loại Ác ma bao quanh để tìm thần thức của thiện nam Bạt-calê sẽ sanh vào chỗ nào.

KINH TẠP A-HÀM 1037

Phật lại bảo các Tỳ-kheo: Bạt-ca-lê cầm dao tự sát, không trụ thần thức.

Bấy giờ, Thế Tôn vì Bạt-ca-lê nói lời thọ ký bậc nhất. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1264

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, sau nửa đêm, Thế Tôn nghe con chồn hoang kêu. Khi đêm qua,

Ngài vào tiền điện, ngồi trước đại chúng bảo các Tỳ-kheo:

Sau nửa đêm hôm qua các thầy có nghe con chồn hoang kêu chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Chúng con có nghe như thế. Phật dạy các Tỳ"kheo: Con chôn hoang ây do bị ghẻ lở mà kêu. Nêu có người chữa trị ghẻ lở cho con chồn hoang ấy thì nó sẽ biết ơn và báo ơn. Nay có một kẻ ngu si không biêt nhớ ơn và báo ơn. Cho nên, này các Tỳ-kheo nên học như vây: “Tri ơn và báo ơn, nếu có ơn nhỏ cũng còn báo đáp trọn không quên, huống chi là ơn lớn." Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1265 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giơ, có Tôn giả Bạt-ca-lê trú tại tinh xá Kim Sư trong thành Vương Xá, bị khốn kho vì tật bệnh, đang được Tôn giả Phú-lân-ni săn sóc và cúng dường. Lúc đó, Tôn giả Bạt-ca-lê nói với Tôn giả Phú-lân-ni: r _ _ _ ___ - r Thây
hãy đên chô Thê Tôn va VI tôi ma đảnh lê dưới chân Thê Tôn, thăm hỏi Thế Tôn có được ít bệnh, ít phiền não, đi đứng thuận tiện, nhẹ nhàng, trú an lạc chăng. Và thưa rằng Bạt-ca-lê trú tại tinh xá Kim Sư bi tật bệnh thúc bách, khốn khổ, nằm lâu trên giường và mong được thấy Thế Tôn! Do tật bệnh khốn khổ, khí lực suy yếu nên không thể đến được, cúi mong Thế Tôn vì lòng thương tưởng mà đi đến tinh xá Kim Sư này! Ton giả Phú-lân-ni nghe lời Bạt-ca-lê nói xong, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Thế Tôn, đứng qua một bên và bạch với đức Phật: Bạch Thế Tôn! Tôn giả Bạt-ca-lê xin đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, thăm hỏi Thế Tôn có được ít bệnh, ít phiền não, đi đứng thuận lợi nhẹ nhàng, trú an lạc chăng?

1038 KINH TẠP A-HÀM

Thê Tôn đáp: -Nay được an lạc. Phú-lân-ni bạch Phật; Bạch Thế Tôn! Tôn giả Bạt-ca-lê tru tại tinh xá Kim Su, bị tật bệnh khốn khổ, nằm ở trên giường, mong thấy Thế Tôn nhưng thân thể không có sức lực để đi đến Thế Tôn. Lành thay! Thế Tôn vì lòng thương tưởng mà đi đến tinh xá Kim Sư. Bấy giờ, Thế Tôn im lăng nhận lời, Phú-lan-ni biết Thế Tôn đã diện lời, liền đảnh lễ dưới chân Ngài và ra về. Vào buổi chiều, sau khi tọa thiền xong, Thế Tôn đi đến tinh xá Kim Sư, đến phòng của Bạt-ca-lê. Tỳ-kheo Bạt-ca-lê trông thấy Thế Tôn từ xa, muốn ngồi dậy khỏi giường. Đức Phật mới bảo Bạt- ca-le: - Thầy khỏi ngồi dậy! Thế Tôn liền ngồi vào một cái giường khác và nói với Tôn giả Bạt-ca-lê: -Tâm thầy có kham nhẫn được bệnh khổ chăng? Thân thầy bị bệnh nặng thêm hay nhẹ bớt? Tôn giả Bạt-ca-lê bạch Phật... (nói rộng như trong Kỉnh Tỳ-kheo Hựu-ma): -Bạch Thế Tôn! Thân con bị thống khổ thật khó kham nhẫn, chỉ muốn cầm dao tự sát, không thê vui được, không muôn sông khô. Phật bảo Tôn giả Bạt-ca-lê: -Nay Ta hỏi, thầy cứ tùy ý mà trả lời Ta. Thế nào, Bạt-ca-lê, sắc là thường chăng, là vô thường chăng? Tôn giả Bạt-ca-lê đáp: Bạch Thế Tôn, là vô thường!

-Vô thường là khổ chăng? Bạch Thế Tôn? là khổ!

Này Bạt-ca-lê! Nếu vô thường là khổ, đó là pháp biến dịch thì ở nơi đó có

nên khởi lòng tham, lòng mong ước chăng? Tôn giả Bạt-ca-lê bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, không nên! (Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vây). Phật bảo Tôn giả Bạt-ca-lê: Nếu không có lòng tham, lòng mong ước đối với thân kia thì sẽ mạng chung một cách nhẹ nhàng và đời sau cũng tốt đẹp. r r __ LÚC bây giờ? Thê Tôn giảng dạy các pháp cho Bạt-ca-lê, chỉ bày, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, Ngài đứng dậy và ra về. Trong đêm đó, Tôn giả Bạt-ca-

KINH TẠP A-HÀM « 1039

lê tư duy giải thoát, muốn cầm dao tự sát, chẳng ưa sống lâu. Bấy giờ có hai vị thiên, thân thể thật đoan chánh, vào lúc cuối đêm, đi đến Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Ngài, đứng qua một bên và bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Tôn giả Bạt-ca-lê bi tật bệnh khốn khổ, tư duy giải thoát, muôn câm dao tự sát, chăng muôn sông lâu. Vị thiên thứ hai thưa: -Vi Tôn giả Bạt-ca-lê đã được giải thoát trong sự khéo giải thoát. Hai vị thiên thưa xong, đảnh lễ dưới chân Phật liền biến mất. Bấy giờ vào lúc quá nửa đêm5 trời gần sáng, Thế Tôn ngồi kiết-già trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo: Đêm qua có hai vị thiên, hình thể đoan chánh đi đến chỗ của Ta, cúi đầu

đảnh lê roi đứng qua một bên và bạch: "Tôn giả Bạt-ca-lê tru tại tinh xá Kim Sư bi tật bệnh khốn khổ, tư duy giải thoát, muốn cầm dao tự sát, chẳng muốn sống lâu." Vị thiên thứ hai thưa: uTôn giả Bạt-ca-lê đã được giải thoát trong sự khéo giải thoát." Thưa xong, hai vi thiên kia cúi đầu đảnh lễ và biến mất. Lúc bấy giờ, Phật gọi một vị Tỳ-kheo và bảo: Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo Bạt-ca-lê và nói vói Bạt-ca-lê rằng: "Hôm qua có hai vi thiên đến chỗ Như Lai, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng qua một bên và thưa với Ta rằng: 'Tôn giả Bạt-ca-lê bị tật bệnh khốn khổ, tư duy giải thoát, muốn cầm dao tự sát, chẳng muốn sống lâu/ Vị thiên thứ hai thưa rằng: 'Tôn giả Bạt- ca-lê đã được giải thoát trong sự khéo giải thoát.5 Thưa xong, hai vị thiên kia cúi đầu đảnh lễ và biến mất. Đó là

lời thưa của hai vi thiên. Như Lai cũng nói với thầy, thầy chẳng nên khởi lòng tham dục đối với thân này thì mạng chung r được an lành và đời sau cũng tót đẹp?9 Lúc bấy giờ, vi Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy đi đến phòng của Tôn giả Bạt-ca-lê ở tinh xá Kim Sư. Lúc ấy, Tôn giả Bạt-ca-lê nói với những người săn sóc bệnh: -Các ông hãy mang cái giường này và đưa thân ta ra ngoài tinh xá. Ta muốn cầm dao tự sát? không muốn sống lâu. Lúc bây giờ có nhiêu Tỳ-kheo đi ra khỏi phòng và đi kinh hành trên đát. Vị Tỳ-kheo được Phật sai bảo đi đến chỗ các vi Tỳ-kheo kia và hỏi: Thưa chư Tôn giả! Tỳ-kheo Bạt-ca-lê trú chỗ nào?

Các vị Tỳ-kheo đáp: Tỳ-kheo Bạt-ca-lê sai những người săn sóc bệnh mang giường ra ngoài tinh xá. Thây ây muôn câm dao tự sát, chăng muôn sông lâu.

Tỳ-kheo được Phật sai bảo liền đi đến chỗ Tôn giả Bạt-ca-lê. Tỳ-kheo Bạt- ca-lê từ xa trông thấy vị Tỳ-kheo được Phật sai bảo đi đến, liền nói với những người săn sóc bệnh: Hãy để giường xuống đất. Vị Tỳ-kheo kia vội vàng đi đến, có thể do Thế

Tôn sai bảo! Những người săn sóc bệnh liền để giường xuống đất. Lúc đó, vi Tỳ-kheo được Phật sai bảo liền nói với Bạt-ca-lê: - Thế Tôn có lời dạy và chư thiên cũng có nói... Khi đó Bạt-ca-lê nói với những người săn sóc bệnh: -Hãy dìu ta xuống đất, không thể nằm trên giường mà nhận lãnh lời Thế Tôn dạy và chư thiên nói. Lúc đó, những người săn sóc bệnh liền dìu Tôn giả Bạt-ca-lê xuống để trên đất. Tôn giả Bạt-ca-lê liền nói: Thầy hãy tuyên thuyết lời Thế Tôn dạy và lời chư thiên nói.

Vị Tỳ-kheo được Phật sai bảo liền nói: Này Bạt-ca-lê! Đại sư bảo thầy: "Đêm qua có hai vị thiên đến thưa với Ta rằng: 'Tỳ-kheo Bạt-ca-lê bị tật bệnh khốn khổ, tư duy giải thoát, muốn cầm dao tự sát, chẳng muốn sống lâu.' Vị thiên thứ hai nói rằng: 'Tỳ-kheo Bạt-ca-lê đã được giải thoát trong sự khéo giải thoát/ Nói xong, hai vị thiên liền biến mất.,, Thế Tôn cũng dạy, thầy an lành trong lúc mạng chung và đời sau cũng tốt đẹp. Tôn giả Bạt-ca-lê nói: Thưa Tôn giả! Đức Đại sư khéo biết chỗ biết, khéo thấy chỗ thấy! Hai vị thiên cũng khéo biết chỗ biết, khéo thấy chỗ thấy. Hôm nay, tôi đối với sắc rất vô thường này dứt khoát không nghi ngờ gì. Vô thường là khổ, dứt khoát không nghi ngờ gì. Nếu vô thường là khổ thì đó là pháp biến dịch, ở nơi đó, không nên có lòng tham dục, dứt khoát chẳng nghi ngờ gì. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Nhưng hôm nay tôi bị tật bệnh khốn khổ là do có thân này nên muốn câm dao tự sát, chăng muôn sông lâu! Nói xong, Tôn giả Bạt-ca-lê liền cầm dao tự sát. Vị Tỳ-kheo được Phật sai bảo liền cúng dường tử thân của Bạt-ca-lê và trở về chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, rồi đứng qua một bên và bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con đã đem lời Thế Tôn dạy trình bày đầy đủ với Tôn giả Bạt-ca-lê. Vi ấy đã thưa: "Đức Đại sư khéo biết chỗ biết, khéo thấy chỗ thấy. Hai vi thiên kia cũng khéo biết chỗ biết, khéo thấy chỗ thấy..."...(nói rộng cho đến cầm dao tự sát). Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo cùng đến chỗ ở của Bạt-ca-lê tại tinh xá Kim Sư, thấy tử thân của Bạt-ca-lê có sắc viễn ly. Thấy xong, Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Các thầy có thấy tử thân của Tỳ-kheo Bạt-ca-lê nằm trên đất có sắc viễn ly chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, có thấy!

Phật lại hỏi các Tỳ-kheo:

Bon phía chung quanh thân của Bạt-ca-lê có tướng tối tăm bao quanh thân chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, có thấy!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

-Đó là hình ảnh của Ác ma đi quanh để tìm xem thần thức của thiện nam tử Bạt-ca-lê sẽ sanh vào cõi nào.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

Thiện nam tử Bạt-ca-lê không trú thần thức, dùng dao tự sát.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn vì Bạt-ca-lê nói đệ nhất thọ ký. Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1266 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có Ton giả Xiển-đà ở trong rừng Hảo Ý Am-la, tại tụ lạc Na-la, bị đau nặng khốn khổ. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Tôn giả Xiển-đà ở tụ lạc Na-la, trong rừng Hảo Ý Am-la đau nặng, khốn khổ, nghe rồi nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la: Tôn giả biết không, Tỳ-kheo Xiển-đà ở thon Na-la trong vườn Hảo Ý Am- la đau nặng, khốn kho, chúng ta nên cùng đi đen đó thăm bệnh. Tôn giả Câu-hy-la im lặng nhận lời và hai người cùng đi đến phòng Tôn giả Xiển-đà. Xiển-đà vừa thấy hai Tôn giả đến, vịn giường muốn ngồi dậy, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo: - Thôi! Thầy cứ nằm nghỉ, đừng ngồi dậy. Hai Tôn giả liên ngôi xuồng cai ghe ben cạnh va hỏi thăm Xiên-đà: Thầy có kham nhẫn nổi sự đau đớn không? Bệnh tăng hay giảm?... (nói rộng như Kỉnh Xoa-ma Xiển-đa). Tôn giả Xiển-đà thưa: -Hiện tại thân tôi quá đau đớn, khó kham nhẫn được. Bệnh càng tăng chứ không giảm, tôi chỉ muôn câm dao tự sát, không thích sông lâu.

1042 KINH TẠP A-HÀM

Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Thầy nên cố gắng, chớ tự hại mình. Nếu thầy còn sống, tôi sẽ tới lui cùng thầy. Nếu thầy có thiếu gì5 tôi sẽ cung cấp cho thầy thuốc thang đúng pháp. Nếu thầy không có người nuôi bệnh, tôi sẽ săn sóc cho thầy để thầy được vừa ý? chẳng phải không vừa ý. Tôn giả Xiển-đà thưa: -Tôi được các trưởng giả Bà-la-môn trong thôn Na-la đến thăm và cúng dường y phục, mên nệm, ăn uông, ngọa cụ thuốc thang không thiêu thứ gì. Tôi cũng có đệ tử Phạm hạnh nuôi bệnh cũng vừa ý chẳng phải không vừa ý. Nhưng bệnh tình của tôi bức bách, đau hết chịu đựng được nổi, chỉ muốn tự sát, không thích sống lâu. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Bây giờ tôi hỏi? thầy tùy ý trả lời tôi. Mắt và nhãn thức cùng sắc, những

cái đó là ngã, khác ngã hoặc ở trong nhau chăng? Thưa Tôn giả Xá-lọd-phất, không!

Tai..., mũi..., lưỡi..., thân..., ý và ý thức cùng với pháp, những thứ ấy là

ngã, khác ngã và cùng ở trong nhau chăng? Thưa không.

Thầy đối với mắt, nhãn thức và sắc thấy thế nào, phân biệt thế nào, biết thế nào, mà biết mắt, nhãn thức và sắc chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau? -Tôi đối với mắt, nhãn thức và sắc thấy hoại diệt và biết hoại diệt nên nhận thấy mắt, nhãn thức và sắc chẳng phải ngã5 chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. -Này Xiển-đà! Thầy đối với tai..., mũi..., lưỡi..., thân..., ý, ý thức và pháp r r 9 r r e ỉ 9

thây thê nào, biêt thê nào, mà đôi với ý, ý thức và pháp thây chăng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau? Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôi đối với ý, ý thức và pháp thấy hoại diệt, biết hoại diệt nên đối với ý, ý thức và pháp nhận thấy chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nhưng nay thân tôi đau đớn kịch liệt, không kham chiu nổi, chỉ muốn cầm dao tự sát, không muốn sống lâu. Bấy giờ, Tôn giả Câu-hy-la nói với Tôn giả Xiển-đà: -Hiện tại thầy đang theo Đại sư tu tập chánh niệm, như những lời Ngài đã dạy: 6CCÓ chỗ nương tưa là dao động, mà dao động là có thú hướng, có thú hướng thì không dừng nghỉ, không dừng nghỉ thì qua lại các cõi, qua lại các cõi thì sanh tử ở vi lai, có sanh tử ở vi lai thì có sanh diệt vị lai, có sanh diệt vi lai thì có sanh-già-bệnh-chết-ưu-bi-khổ-não. Như thế thuần đại khổ tụ tap." Như những lời của Thế Tôn đã dạy: "Không chỗ nương tựa thì không dao động,

không dao động thì không thú hướng, không thú hướng thì được dừng nghí, có dừng nghỉ thì không theo các cõi qua lại, không theo các cõi qua lại thì không có sanh tử ở vi lai, không có sanh tử ở vị lai thì không có sanh-già-bệnh-chết- ưu-bi-khổ-não. Như thế thuần đại khổ tụ diet." Tôn giả Xiển-đà thưa: -Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Việc cúng dường Thế Tôn nay đã xong, việc cúng dường Thiện Thệ nay đã xong, rất vừa ý chẳng phải không vừa ý, việc đệ tử cần làm nay đã làm xong. Nếu còn đệ tử khác cúng dường Đại sư r _ . 9 : thì cũng nên như thê mà cúng dường Đại sư5 vừa ý? chăng phải không vừa ý. Nhưng bây giờ thân tôi đau đớn kịch liệt, không thể kham chịu nổi, chỉ muốn cầm dao tự sát, không muốn sống lâu. Nói xong, Tôn giả Xiển-đà liền cầm dao tự sát ngay trong rừng Hảo Ý Am- la, thôn Na-la. Tôn giả Xá-lợi-phất cúng dường Xá-lợi của Tôn giả Xiển-đà xong, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Tôn giả Xiển-đà ở thôn Na-la trong rừng Hảo Ý Am-la đã cầm dao tự sát. Thế nào, bạch Thế Tôn, Tôn giả Xiển-đà kia sẽ đến cõi nào? r Thọ sanh thê nào? Đời sau ra sao? Phật dạy: Người kia đã chẳng tự nói rằng: "Thua Tôn giả Câu-hy-la! Tôi cúng dường Thế Tôn nay đã xong, tùy thuận Thiện Thệ nay đã xong, vừa ý chẳng phải không vừa ý. Nấu lại có người khác đến cúng dường Đại sư thì cũng nên r 9 như thê mà cúng dường vừa ý, chăng phải không vừa y" ư? Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Bạch Thế Tôn! Tôn giả Xiển-đà kia trước đó ở thôn Bà-la-môn Trấn-trân- ni, có nhà cúng dường, có nhà rất thân hậu, có nhà khéo nói năng. Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Như thế, Xá-lợi-phất, thiện nam tử chánh trí, chánh thiện giải thoát, có nhà cúng dường, có nhà rất thân hậu, có nhà khéo nói năng. Này Xá-lợi-phất! Ta không nói người kia có tai họa lớn. Nếu có người bỏ thân này thọ thân khác thì Ta mới nói người kia có tai họa lớn. Nếu có người bỏ thân này rồi không tiếp tục thân khác thì Ta nói người kia không có tai họa lớn. Nhờ không có tai họa lớn nên ở thôn Na-la, trong rừng Hảo Ý Am-la, Xiển-đà

đã cầm dao tự sát. Như thế, Thế Tôn vì Tôn giả Xiển-đà nói lời ký thuyết bậc nhất. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1267 Tôi nghe như vầy: Một thòi, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM^ 1043

không dao động thì không thú hướng, không thú hướng thì được dừng nghí, có dừng nghỉ thì không theo các cõi qua lại, không theo các cõi qua lại thì không có sanh tử ở vi lai, không có sanh tử ở vị lai thì không có sanh-già-bệnh-chết- ưu-bi-khổ-não. Như thế thuần đại khổ tụ diet." Tôn giả Xiển-đà thưa: -Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Việc cúng dường Thế Tôn nay đã xong, việc cúng dường Thiện Thệ nay đã xong, rất vừa ý chẳng phải không vừa ý, việc đệ tử cần làm nay đã làm xong. Nếu còn đệ tử khác cúng dường Đại sư r _ . 9 : thì cũng nên như thê mà cúng dường Đại sư5 vừa ý? chăng phải không vừa ý. Nhưng bây giờ thân tôi đau đớn kịch liệt, không thể kham chịu nổi, chỉ muốn cầm dao tự sát, không muốn sống lâu. Nói xong, Tôn giả Xiển-đà liền cầm dao tự sát ngay trong rừng Hảo Ý Am- la, thôn Na-la. Tôn giả Xá-lợi-phất cúng dường Xá-lợi của Tôn giả Xiển-đà xong, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Tôn giả Xiển-đà ở thôn Na-la trong rừng Hảo Ý Am-la đã cầm dao tự sát. Thế nào, bạch Thế Tôn, Tôn giả Xiển-đà kia sẽ đến cõi nào? r Thọ sanh thê nào? Đời sau ra sao? Phật dạy: Người kia đã chẳng tự nói rằng: "Thua Tôn giả Câu-hy-la! Tôi cúng dường Thế Tôn nay đã xong, tùy thuận Thiện Thệ nay đã xong, vừa ý chẳng phải không vừa ý. Nấu lại có người khác đến cúng dường Đại sư thì cũng nên r 9 như thê mà cúng dường vừa ý, chăng phải không vừa y" ư? Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Bạch Thế Tôn! Tôn giả Xiển-đà kia trước đó ở thôn Bà-la-môn Trấn-trân- ni, có nhà cúng dường, có nhà rất thân hậu, có nhà khéo nói năng. Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Như thế, Xá-lợi-phất, thiện nam tử chánh trí, chánh thiện giải thoát, có nhà cúng dường, có nhà rất thân hậu, có nhà khéo nói năng. Này Xá-lợi-phất! Ta không nói người kia có tai họa lớn. Nếu có người bỏ thân này thọ thân khác thì Ta mới nói người kia có tai họa lớn. Nếu có người bỏ thân này rồi không tiếp tục thân khác thì Ta nói người kia không có tai họa lớn. Nhờ không có tai họa lớn nên ở thôn Na-la, trong rừng Hảo Ý Am-la, Xiển-đà đã cầm dao tự sát. Như thế, Thế Tôn vì Tôn giả Xiển-đà nói lời ký thuyết bậc nhất. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1267 Tôi nghe như vầy: Một thòi, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

1044 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, có một thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo vượt qua dòng chăng?

-Đúng vậy, thiên tử! Không chỗ phan duyên cũng không chỗ trụ có vượt qua dòng chăng?

-Đúng vậy, thiên tử! Không chỗ phan duyên, cũng không chỗ trụ mà vượt qua dòng, nghĩa này thế nào? Này thiên tử! Ta bảo trì như vây, như vây, thăng tiên như vây, như vây thì không bị nước cuôn. Không bảo trì như vây, như vây, không thăng tiên như vây, như vầy thì bị nước cuốn. Thiên tử! Như thế gọi là không chỗ phan duyên cũng không chỗ trụ mà vượt qua dòng. Khi ấy thiên tử nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn5 Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1268 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo có biết tất cả chúng sanh bị dính mắc, bi tập nhiễm, có quyết đinh giải thoát, quảng giải thoát, cực quảng giải thoát chăng? Phật dạy: -Ta biêt tát cả chúng sanh bị dính măc? bị tập nhiêm, quyêt đinh giải thoát, quảng giải thoát, cực quảng giải thoát. Tỳ-kheo làm sao biết tất cả chúng sanh bị dính mắc, bi tập nhiễm, quyết định giải thoát, quảng giải thoát, cực quảng giải thoát? Ái hỷ diệt tận, tâm Ta giải thoát. Vì tâm đã giải thoát nên biết tất cả chúng sanh bi dính mác, bị tập nhiêm, quyêt định giải thoát, quảng giải thoát, cực quảng giải thoát. Khi ấy thiên tử nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái.

KINH TẠP A HÀM 1045

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1269 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rưng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, ở chỗ Phật có một thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy thiên tử ấy bạch Phật: Ai qua được các dòng, Ngày đêm được tinh tấn, Không duyên cũng không trụ, Không còn nhiễm trước gì. The Ton noi kẹ đáp: Tát cả giới đây đu, Trí tuệ khéo chánh thọ, Trong tư duy nhiếp niệm, Qua nạn, qua các dòng. Đối dục tưởng không thích, Vượt qua sắc trói buộc, Không duyên cũng không trụ, Cũng không còn nhiễm trước. Thiên tử lại làm kệ thưa: Lâu thấy Bà-la-môn Chóng đắc Bát-niết-bàn Mọi sợ hãi đều qua Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử kia nghe Phật nói kinh này xong, hoan hỷ? tùy hỷ5 cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1270 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, ở tinh xá Sơn Cốc. Bây giờ, có Câu-ca-ni là thiên nữ có ánh sáng, dung sāc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân e r • r tỏa ánh sáng chiêu kháp Sơn Cóc. Thiên nữ Cau-ca-ni nói kệ: Tâm kia không nghĩ ác, Và thân miệng thế gian, 9 r Năm dục đều hư doi, Chánh trí, chánh nhiêp niệm, Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa. Phật bảo thiên nữ: Đúng the! Đúng the!

Tâm kia không nghĩ ác, Và thân miệng thế gian, Năm dục đều hư dối, Chánh trí, chánh nhiếp niệm, Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa.

Thiên nữ Câu-ca-ni nghe Phật nói xong, hoan hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất. Bấy giờ, Thế Tôn qua đêm ấy, vào lúc sáng sớm đến giữa Tăng chúng, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo: Cuối đêm qua, có thiên nữ Câu-ca-ni, dung sắc tuyệt diệu đến chỗ Ta, cúi đầu lễ chân Ta, rồi lui ngồi một bên, nói kệ: Tâm kia không nghĩ ác, Và thân, miệng the gian, Năm dục đều hư dối? Chánh trí, chánh nhiếp niệm, Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa. Ta trả lời: Đúng vậy, thiên nữ!

Tâm kia không nghĩ ác, Và thân, miệng thế gian, Năm dục đều hư dối, Chánh trí, chánh nhiếp niệm, Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa. Thiên nữ Câu-ca-ni nghe Ta nói lời này xong, hoan hỷ, cúi đầu lễ chân Ta rồi biến mất.

KINH SỐ 1271 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, ở tinh xá Sơn Cốc. Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo: Nay tôi sẽ nói Kỉnh tứ cú pháp, hãy lang nghe, khéo suy nghĩ, tôi sẽ vì các thầy nói. Thế nào là Kinh tứ cú pháp? Tôn giả A-nan liền nói kệ: Tâm kia không nghĩ ác, Và thân, miệng thế gian, Năm dục đều hư dối, Chánh trí, chánh nhiếp niệm Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa. Này các Tỳ-kheo! Đây gọi là Kỉnh tứ cú pháp. Khi ấy, cách Tôn giả A-nan không xa, có một Bà-la-môn vì những Bà-la- môn trẻ tuổi nhận tụng kinh. Bà-la-môn khởi nghĩ: "Nếu kệ của Sa-môn A-nan so với kinh của ta đã nói thì đó là phi nhơn nói.,, Bà-la-môn kia liền đi đến chỗ Phật, sau khi chào đón thăm hỏi Thế Tôn xong, lui ngồi một bên, bạch Phật: Thưa Ngài Cù-đàm! Sa-môn A-nan đã nói kệ rằng:

Tâm kia không nghĩ ác, Và thân, miệng thế gian, Năm dục đều hư dối, Chánh trí, chánh nhiếp niệm, Không tập cận các khổ Và hòa hợp phi nghĩa. Nếu nói như vậy là phi nhơn nói, chẳng phải người nói.

Phật trả lời Bà-la-môn: Đúng vậy! Đúng vậy! Bà-la-môn! Đây là phi nhơn nói chẳng phải người nói. Bấy giờ, thiên nữ Câu-ca-ni đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, nói kệ rằng: Tâm kia không nghĩ ác, Và thân, miệng thế gian, Năm dục đều hư dối, Chánh trí, chánh nhiếp niệm, Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa. Ta liền trả lời: Đúng the! Đúng the! Như lời thiên nữ đã nói: Tâm kia không nghĩ ác, Và thân, miệng thế gian, Năm dục đêu hư dôi, Chánh trí, chánh nhiêp niệm, Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa. Do đó, này Bà-la-môn, phải biết bài kệ này do phi nhơn nói, chẳng phải người nói. Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, làm lễ cáo từ.

KINH SỐ 1272 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong tinh xá Sơn Cốc. Bấy giờ, có Câu-ca-na-ta là thiên nữ có ánh sáng, phát ra một luồng ánh sáng mạnh hướng về Phật, cui đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp Sơn Cốc rồi hiện ra trước Phật, nói kệ: Tâm kia không làm ác, Và thân, miệng thế gian, Năm dục đều hư dối, Chánh trí, chánh nhiếp niệm Không tập cận các kho, Và hòa hợp phi nghĩa. Bay giơ, The Ton bao thiên nư: Đúng vậy! Đúng vậy! Thiên nữ. Như lời người đã nói. Tâm kia không nghĩ ác, Và thân, miệng thế gian, Năm

dục đều hư dối, Chánh trí, chánh nhiếp niệm, Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa. Thiên nữ Cau-ca-na-ta nghe lời Phật dạy hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất. Bấy giờ qua khỏi đêm, sáng sớm The Tôn vào trong Tăng chúng, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo: Cuối đêm qua có thiên nữ Câu-ca-na-ta là một thiên nữ có ánh sáng, đi đến chỗ Ta, cúi đầu đảnh lễ Ta, rồi lui ngồi một bên, nói kệ:

1048 KINH TẠPA-HÀM

Tâm kia không nghĩ ác, Và thân, miệng thế gian, er
Năm dục đều hư doi, Chánh trí, chánh nhiệp niệm,
Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa.
Ta đáp:
-Đúng vậy, thiên nữ! Đúng vậy, thiên nữ! Như lời người nói.
r
Tâm kia không nghĩ ác? Và thân, miệng thê gian, 9 r Năm dục đều hư dối, Chánh trí, chánh nhiệp niệm, Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa. Thiên nữ Câu-ca-na? Anh sáng rực chiêu tỏa, Kính lễ Phật, Pháp, Tăng, Nói kệ, nghĩa lợi ích. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1273 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong tinh xá Sơn Cốc. Bấy giờ, có thiên nữ Câu-ca-la-ta là thiên nữ có ánh sáng phát ra một luồng ánh sáng chiếu tỏa, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp Sơn Cốc, liền hiện ra trước Phật, nói kệ: Con có thể giải rộng, Chánh pháp, Luật Như Lai, Nhưng nay chỉ nói lược, Đủ để tỏ lòng con. Tâm ấy không nghĩ ác, Và thân, miệng thế gian, Năm dục đều hư dối, Chánh trí, chánh nhiệp niệm, Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa. Phật bảo các thiên nữ: Đúng vậy, thiên nữ! Đúng vậy, thiên nữ! Đúng như lời người nói. Tâm kia không nghĩ ác, Và thân, miệng thế gian, Năm dục đều hư doi, Chánh trí, chánh nhiếp niệm, Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa. Thiên nữ Câu-ca-la-ta nghe Phật nói xong, hoan hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất. Bây giờ qua khỏi đêm, sáng sớm Thê Tôn đi vào trong Tăng chúng, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo: Cuối đêm qua có Câu-ca-la-ta là thiên nữ đi đến chỗ Ta, cung kính làm lễ, rồi lui ngồi một bên, nói kệ rằng: Con có thể giải rộng, Chánh pháp, Luật Như Lai, Nhimg nay chỉ nói lược, Đủ để tỏ lòng con. Tâm ấy không nghĩ ác, Và thân, miệng thế gian,

KINH TẠP A-HÀM 1049

Năm dục đều hư dối, Chánh trí, chánh nhiếp niệm, Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa. Ta đáp: -Đúng vậy, thiên nữ! Đúng vậy, thiên nữ! Như lời người nói: Tâm kia không nghĩ ác, Và thân, miệng thế gian, Năm dục đêu hư dôi, Chánh trí, chánh nhiệp niệm, Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa. Thiên nữ kia nghe Ta nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Ta, rồi biến mất. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1274 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Tỳ-xá-ly, trong giảng đường Trùng Các, bên bờ ao Di Hầu. Bấy giờ, có thiên nữ Câu-ca-na-ta, thiên nữ Châu-lô-đà dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên? từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp bờ ao Di Hầu. Bấy giờ, thiên nữ Châu-lô-đà nói kệ bạch Phật: Đại Sư Đẳng Chánh Giác, Trụ nước Tỳ-xá-ly, Cúi đầu cung kính lễ, Con xưa chưa từng nghe, Chánh pháp, Luật Mâuni, Hôm nay thân được gặp, Hiện tiền thuyết Chánh pháp. Nấu đối Pháp, Luật Thánh, Ác tuệ sanh chán ghét, Ắt sẽ rơi đường ác, Mãi mãi thọ các khổ. Nếu đối Pháp, Luật Thánh, Chánh niệm đủ luật nghi, Kia ắt sanh cõi trời, Mãi mãi được an vui. Thiên nữ Câu-ca-na-ta nói kệ: Tâm kia không nghĩ ác, Và thân, miệng thế gian, Năm dục đều hư dối, Chánh trí, chánh nhiếp niệm, Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa. Phật đáp: Đúng vậy! Đúng vậy! Như lời người nói: Tâm kia không nghĩ ác, Và thân, miệng thế gian, Năm dục đều hư dối, Chánh trí, chánh nhiếp niệm, Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa. Các thiên nữ nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, roi biên mát. Qua đêm đó, vào lúc sáng sớm Thế Tôn vào giữa Tăng chúng, trải tọa cụ ngoi giữa đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

Cuối đêm qua, có hai thiên nữ dung sắc tuyệt diệu, đi đến chỗ Ta, lễ bái Ta xong, rồi lui ngồi một bên, thiên nữ Châu-lô-đà nói kệ: Đại Sư Đẳng Chánh Giác, Trụ nước Tỳ-xá-ly, Con Câu-ca-na-ta5 Và cùng Châu-lô-đà, Hai thiên nữ chúng con, Cúi đầu lễ chân Phật, Con xưa chưa từng nghe, Chánh pháp, Luật Mâu-ni, Nay được thấy Chánh giác, Diễn thuyết pháp vi diệu. Nếu đối Chánh pháp, Luật, Ác tuệ sanh chán ghét, Ắt rơi vào đường ác? Mãi mãi thọ khổ lớn Nếu đối Chánh pháp, Luật, Chánh niệm đủ luật nghi, Được sanh lên cõi trời, Mãi mãi được an vui. Thiên nữ Câu-ca-na-ta cũng nói kệ: Tâm kia không nghĩ ác, Và thân, miệng thế gian, Năm dục đều hư dối, Chánh trí, chánh nhiếp niệm, Không tập cận các khổ? Và hòa hợp phi nghĩa. Ta đáp: Đúng vậy! Như lời người nói:

Tâm kia không nghĩ ác, Và thân, miệng thế gian, Năm dục đều hư dối, Chánh trí, chánh nhiệp niệm, Không tập cận các khổ, Và hòa hợp phi nghĩa. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1275 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm? đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ: Không xúc, không đáp xúc, Xúc thời lấy xúc đáp, Do vì xúc đáp xúc, Không sân, không rời sân. The Ton noi kẹ đáp lại: Chớ đừng đối không sân, Mà đem sân gia vào. Bậc Chánh sĩ thanh tịnh, Lìa các phiền não kiết Với họ khởi tâm ác, Tâm ác trở hại mình, Như nghịch gió tung bụi, Bụi bay ngược bám mình. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1276 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm5 đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ: Người ngu si hành động, Không hợp với trí tuệ, Tự làm những hạnh ác, Tự làm ác tri thức, Cuối cùng chịu báo khổ. Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Đã tạo nghiệp bất thiện, Cuối cùng chiu các khổ, Khi tạo nghiệp hoan hỷ, Khi chịu báo kêu khóc. Người tạo những nghiệp thiện, Thì không bị nhiệt não, Khi tạo nghiệp hoan hỷ, Khi chiu báo an vui. Khi ấy, thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1277 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ: Không thê chỉ nói suông, Cũng không chỉ nghe suông, Mà được đến dấu đạo, Kiên cố thẳng vượt qua, Khéo tư duy tịch tịnh, Giải thoát các ma phược. Làm được mới nên nói, Không làm không nên nói, Người không làm mà nói, Người trí biết là quấy, Không làm điều đáng làm, Không làm mà nói làm, Là đông với giặc quây. Bấy giờ, Thế Tôn bảo thiên tử: -Nay ông có điều gì hiềm trách?

1052 KINH TẠPA-HÀM

Thiên tử bạch Phật:
-Bạch Thế Tôn! Con hối lỗi. Bạch Thiện Thệ! Con hối lỗi.
Thế Tôn hoan hỷ mỉm cười, bấy giờ thiên tử kia lại nói kệ:
Nay con xin hôi lôi, Thế Tôn không nạp thọ,
Trong lòng ôm tâm ác, Kết oán mà không bỏ.
The Ton noi kẹ đáp:
Chỉ nói lời hối lỗi, Bên trong không dừng tâm,
Làm sao dứt được oán, Đâu gọi là tu thiện?
Thiên tử kia lại nói kệ:
Ai không có lỗi lầm? Người nào không có tội?
Ai lại không ngu si? Ai thường hay kiên cố?
Thiên tử kia lại nói kệ:
Lâu thấy Bà-la-môn5 Chóng đắc Bát-niết-bàn?
Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái.
Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.
KINH SỐ 1278 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc nhóm của Đe-bà-đạt-đa, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Cù-ca-lê: Này Cù-ca-lê! Vì sao đối với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên5 những ngươi Phạm hạnh thanh tịnh, thầy lại khởi tâm không thanh tịnh? Thế thì mãi mãi thầy sẽ bị khổ não, không lợi ích. Tỳ-kheo Cù-ca-lê bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nay con tin những điều Thế Tôn nói là

đúng, nhưng Xá- lợi-phất và Mục-kiền-liên tâm có ác dục. Cù-ca-lê nói lần thứ hai, thứ ba như thế. Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc nhóm của Đe-bà-đạt-đa ở chỗ Thế Tôn, trong khi nói lần thứ ba, trái ngược không chịu, liền đứng dậy bỏ đi, sau khi bỏ đi, trên thân nổi đầy mụt nhọt giống như trái lật, dần dần to lên như trái đào. Khi ấy, Cù-ca-lê đau đớn thống khổ, miệng rên rỉ: "Nóng quá! Nóng quá!", máu mủ chảy ra, thân hoại mạng chung, rơi xuống địa ngục lớn Bát-đàm-ma. Lúc đó, có ba vị thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, một thiên tử bạch Phật: Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc nhóm của Đe-bà-đạt-đa nay đã mạng chung.

KINH TẠPA-HÀM^ 1053

Thiên tử thứ hai thưa: Chư Tôn nên biết, Tỳ-kheo Cù-ca-lê mạng chung, rơi vào địa ngục.

Thiên tử thứ ba nói kệ: Người sanh ở thế gian, Búa rìu sanh trong miệng, Trở lại chém thân mình, Đây do lời nói ác. Đáng chê thì lại khen, Đáng khen thì lại chê, Tội ấy sanh trong miệng, Chết rơi vào đường ác, Cờ bạc mất hết của, Thị phi là lỗi lớn, Hủy Phật và Thanh văn, Ấy là tội rất lớn. Ba vị thiên tử kia nói kệ rồi liền biến mất. Bấy giờ qua đêm, sáng sớm Thế Tôn đi vào trong Tăng chúng, trải tòa ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo: Cuối đêm qua, có ba vị thiên tử đến chỗ Ta, cúi đầu lễ chân Ta, rồi lui ngồi một bên. Một thiên tử nói với Ta rằng: "Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc nhóm của Đề-bà-đạt-đa nay đã mạng chung.,, Thiên tử thứ hai nói: uTỳ-kheo Cù-ca-lê mạng chung, rơi vào địa ngục.,, Thiên tử thứ ba nói kệ: Người sanh ở the gian, Búa rìu sanh trong miệng, Trở lại chém thân mình, Đây do lời nói ác. Đáng chê thì lại khen, Đáng khen thì lại chê, Tội ấy sanh trong miệng, Chết rơi vào đường ác. Các thiên tử nói xong, liền biến mất. Này các Tỳ-kheo! Các thầy có muốn nghe địa ngục A-phù-đà, kỳ hạn thọ mạng của chúng sanh trong ngục ấy chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nay chính phải thời, cúi xin Thế Tôn vì đại chúng nói về kỳ hạn thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-phù-đà. Tỳ-kheo chúng con nghe xong sẽ lãnh thọ, vâng làm. Phật bảo: Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các thầy giảng nói! Ví như tại nước Câu-tát-la bốn thăng là một a-la, bốn a-la là một độc-lung-na, mười sáu độc- lung-na là một xà-ma-na, mười sáu xà-ma-na là một ma-ni, hai mươi ma-ni là một kiếp-lê? hai mươi kiếf)-lê là một kho đựng đầy hạt cải. Cứ như thế cho đến hết sạch một kho hạt cải đầy ắp kia thì thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-phù-đà vẫn không dứt. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-phù-đà bằng một thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục Ni-la-phù-đà. Sự thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi ngục Ni-la-phù-đà bằng sự thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục A-tra-tra. Sự thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-Ưa-tra băng sự thọ mạng của chúng sanh trong một địa

1054 KINH TẠP A-HÀM

nẹục A-ba-ba. Sự thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-ba-ba băng sự thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục A-hiru-hưu. Sự thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-hmi-hiru băng sự thọ mạng của chúng sanh trong một địa

ngục Ưu-bát-la. Sự thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục Ưu-bát-la bằng sự thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Bát- đàm-ma. Sự thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục Bát-đàm-ma bằng sự thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Ma-ha Bát-đàm-ma. Này Tỳ-kheo! Tỳ-kheo Cù-ca-lê mạng chung rơi vào đại ngục Ma-ha Bát-đàm- ma, do Tỳ-kheo ấy đối với Xá-lọd-phất và Mục-kiền-liên sanh ác tâm phỉ báng. Thế nên, này các Tỳ-kheo, nên học như vầy: "Đối với sự thiêu đốt của các địa ngục kia còn không muốn hủy hoại, huống là hủy hoại chúng sanh có tình thức?5 Phật bảo các Tỳ-kheo nên học như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1279 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ? có thiên từ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật: Thối chuyển đọa phụ xứ, Làm sao mà biết được, Cui xin The Tôn noi, Cửa phụ xứ thế nào? The Ton noi kẹ đáp: Thắng xứ thì dễ biết, Phụ xứ cũng dễ biết, Pháp lạc là thăng xứ, Pháp hủy là phụ xứ. Ưa thích ác tri thức, Không ưa thiện tri thức, Oán kết với bạn lành, Đó đọa cửa phụ xứ. Ưa thích người bất thiện, Đối người thiện lại ghét, Muôn ác, muôn không lành, Đó đọa cửa phụ xứ. Cân đấu lừa dối người, Đó đọa cửa phụ xứ. Đam mê rượu, cờ bạc, Chơi bời đắm nữ sắc, Tiêu pha hết tài vật, Đó đọa cửa phụ xứ. Người nữ không tự giữ, Bỏ chồng theo người khác, Người nam tính phóng đãng, Bỏ vợ đi ngoại tinh, Những gia đình như thế, Đêu rơi vào phụ xứ. Vợ già được chồng trẻ, Tâm thường hay ghen ghét, Lòng ghen, ngủ không yên, Đó đọa cửa phụ xứ. Chồng già được vợ trẻ, Đọa phụ xứ cũng thế. Thường mê đam ngủ nghỉ, Hiểu biết cùng đi chơi, Lười biếng, ưa sân hận, Đêu là đọa phụ xứ.

KINH TẠP A-HÀM 1055

Nhiều của, kết bạn bè5 Ăn uống không tiết độ? Phung phí, tán tài vật, Đó đều đọa phụ xứ. r . M ít của, nhiêu tham dục, Sanh vào nhà Sát-lợi, Thường câu làm vương giả, Đó đọa cửa phụ xứ. Cầu châu ngọc, anh lạc, Giày da, che tán lọng, Keo kiệt tự trang sức, Đó đọa cửa phụ xứ. Nhận thức ăn của người, Keo kiệt tiêp tài sản, Không trả ơn cho người, Đó đọa cửa phụ xứ. Sa-môn? Bà-la-môn, Cúi mời vào nhà mình, Không cúng thí đúng thời, Đó đọa cửa phụ xứ. Sa-môn, Bà-la-môn? Thứ lớp đi khất thực, Trách mắng không muốn thí, Đó đọa cửa phụ xứ. Nếu cha mẹ tuổi già, Không tùy thời phụng dưỡng, Có của mà không thí, Đó đọa cửa phụ xứ. Với cha mẹ, anh em, Đánh đuổi và mạ nhục, Không có lễ tôn ti, Đó đọa cửa phụ xứ. Đối Phật và đệ tử, Tại gia cùng xuất gia, Hủy báng không cung kính, Đó đọa cửa phụ xứ. Thật chẳng phải La-hán, Tự ximg A-la-hán, Đây là giặc thế gian, Đó đọa cửa phụ xứ. r r Đây phụ xứ thê gian, Ta thấy biết nên nói, Giống như đường hiểm sợ, Người trí phải tránh xa. Khi ấy thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử kia nghe Phật nói kệ xong, hoan hỷ, tùy hỷ, lễ Phật, rồi biến mất,

KINH SỐ 1280 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ9 có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng

Kỳ-đà5 vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy lại nói kệ: Gì cúi xuống, xuống theo? Gì cất lên, lên theo? Trẻ em chơi thế nào, Như trẻ ném đất nhau? Bay giơ, The Ton nói kê đáp: Ai xuống thì xuống theo Ai lên thì lên theo Ai đùa cùng kẻ ngu, Như trẻ ném đất nhau. Bấy giờ, thiên tử ấy lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử ấy nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1281 . Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật: Làm sao được tiếng tốt? Làm sao được của nhiêu? Làm sao đức lan rộng? Làm sao được bạn lành? The Ton noi kê đáp lại: Trì giới được tiếng tốt, BỐ thí được của nhiều, Đức chân thật lan rộng, Ân huệ được bạn lành. Thiên tử kia nói kệ đáp: Lâu thấy Bà-la-môn9 Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1282 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy thiên tử kia nói kệ: Quyết định ngăn chặn hết, Ý vọng tưởng có đến, Nếu người ngăn tất cả, Không để nó bức bách. The Ton noi kệ đáp: Quyết định ngăn chặn hết, Ý vọng tưởng có đến, Chẳng cần ngăn tất cả, Chỉ ngăn những nghiệp ác, Ngăn những ác kia rồi, Không để nó bức bách. Thiên tử kia nói kệ: Lâu thấy Ba-la-mon, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1283 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử kia làm kệ hỏi Phật: nn r J__ Ả _ X J y • Người hành động thế nào, Trí tuệ đe câu tai, Nhiếp thọ hết tài sản, Hoặc hơn hoặc thua kém? The Ton noi kê đáp: Mới học nghề nghiệp khéo, Phương tiện gom tài vật, Được tài vật kia rồi, Phải nên chia lam bốn. Một phàn để kinh doanh, Phần còn lại để dành, Nghĩ đến người thiếu thốn. Người kinh doanh sự nghiệp, Làm ruộng, đi buôn bán, Chăn trâu, dê phồn thịnh, Nhà cửa dùng cầu lợi, Tạo phòng ốc giường nằm, Sáu phương cách nuôi sống, Phương tiện tạo mọi thứ, Đe sống đời an ổn. Khéo tu nghiệp như thế, Dùng trí tuệ cầu tài, Của báu theo đó c6, Như các dòng vê biên. Tài sản nhiều như thế, Như ong gom vị ngọt, Ngày đêm của tăng dần, Như kiến dồn đống mồi. Không giao của người già, Không gửi người bên cạnh, Không tin người gian xảo, Và những người keo kiệt. Gần gũi người nên việc, Xa người không nên việc, Người có thể nên việc, Giong như lửa cháy

phừng. Người quý trọng bạn lành, Thân mật thường gần gũi, Quý mến như anh em, Khéo nhiếp thọ lẫn nhau, ở trong vòng quyến thuộc, Đàng hoàng như trâu chúa, Tùy chỗ thích mỗi người, Chia của cho ăn uống, Khi thân hoại mạng chung, Sanh lên trời hưởng lạc. Thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử kia nghe Phật nói kệ xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1284 Tôi nghe như vây: Một thòi, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

'pv Á • y rp-l Á rpi/\ 17 L F-p \ l 1 Bây giơ, Thê Tôn bao các Ty-kheo: Thời quá khứ ở Câu-tát-la có một người chơi đàn cầm tên là Thô Ngưu, du hành trong dân gian, dừng nghỉ chỗ hoang vắng. Bấy giờ có sáu thiên nữ trên cung trời rộng lớn, đến chỗ Thô Ngưu chơi đàn cầm, nói với Thô Ngiru: “Ny cậu! Hãy vì chúng tôi đánh đàn lên và chúng tôi sẽ múa theo.” Thô Ngưu đáp: "Được. Này các chị! Tôi sẽ khảy đàn cho các chị nghe, nhimg các chị hãy cho tôi biết các chi là ai, từ đâu đến dây?" Thiên nữ đáp: "Cậu cứ đàn lên đi, chúng tôi sẽ múa hát, trong những lời ca ấy sẽ nói lên nhân duyên đến dây." Thô Ngưu liền khảy đàn, sáu thiên nữ múa theo. Thiên nữ thứ nhất cất tiếng hát: Nếu người nam, người nữ, Bố thí y thắng diệu, Do nhân duyên thí y, Chỗ sanh được thù thắng. Vật yêu thích đem thí, Theo ý muôn sanh thiên, Thấy tôi ở cung điện, Nương hư không dạo chơi. Thân trời như khối vàng, Hơn trong trăm thiên nữ, Quán sát phước đức này, Bậc nhất trong hồi hướng. Thiên nữ thứ hai nói kệ: Nêu người nam, người nữ, Bố thí hương thắng diệu, Đem thí vật yêu thích, Sanh thiên theo ý muốn. Thấy tôi ở cung điện, Nương hư không dạo chơi, Thân trời như khối vàng, Hơn trong trăm thiên nữ, Quán sát phước đức này, Bậc nhất trong hồi hướng. Thiên nữ thứ ba nói kệ: Nêu người nam, người nữ, Đem thức ăn bố thí, Đem thí vật yêu thích, Sanh thiên theo ý muốn. Thấy ta ở cung điện, Nương hư không dạo chơi, Thân trời như khối vàng, Hơn trong trăm thiên nữ, Quán sát phước đức này, Bậc nhất trong hồi hướng. Thiên nữ thứ tư nói kệ: Nhớ lại các đời trước, Từng làm tôi tớ người, Không trộm, không tham ăn, Siêng năng, không giải đãi, Vừa bụng tự nuôi thân, Phần dư giúp người nghèo. Thấy tôi ở cung điện, Nương hư không dạo choi, Thân trời như khối vàng, Hơn trong trăm thiên nữ, Quán sát phước đức này, Bậc nhất trong cúng dường.

Thiên nữ thứ năm nói kệ: Nhớ lại những đời trước, Từng làm vợ con người, Mẹ chồng tánh hung bạo, Thường nói thêm lời thô, vẫn giữ lễ dâu con, Khiêm tốn và vâng thuận. Nay thây ở cung điện, Nương hư không dạo chơi, Thân trời như khối vàng, Hơn trong trăm thiên nữ, Quán sát phước đức này, Bậc nhát trong cúng dường. Thiên nữ thứ sáu nói kệ: Xưa từng thây đường đi, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni5 Đi theo nghe Chánh pháp, Một đêm thọ trai giới. Nay thay ở thiên cung, Nương hư không dạo chơi, Thân trời như khối vàng, Hơn trong trăm thiên nữ, Quán sát phước đức này, Bậc nhất trong hồi hướng. Bấy giờ, Thô Ngưu nói kệ: r r Tôi may măn đên đây, Trong rừng Câu-tát-la5 Được thấy

các thiên nữ, Thân trời thật tuyệt diệu! Đã thay, lại được nghe, Phải tu thêm thiện nghiệp, Do nay tu công dức, Cũng sẽ sanh cõi trời. Nghe những lời này xong, các thiên nữ liền biến mất. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1285 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật: Pháp gì khởi nên diệt? Sanh gì phải phòng hộ? Pháp gì phải nên lìa? Quán những gì được vui? Thê Ton nói kệ đáp: Sân nhuế khởi nên diệt, Tham sống phải phòng hộ, Vô minh nên xa lìa, Quán chân đế được vui. Dục sanh các phiền não, Dục là góc sanh khô, Người điều phục phiền não, Các khổ ác điều phục, Người điều phục các khổ, Phiên não cũng điêu phục. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn Chóng đắc Bát-niết-bàn Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái.

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ? cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SÒ 1286
Tôi nghe như vầy:
Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.
Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng
Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:
Nếu người hành phóng dật, Ngu si lìa ác tuệ,
Nêu siêng năng thiên tư, Mau sạch các lậu chăng?

_
À rin

__ / •
ji. ỉ
Thê Tôn noi kệ đáp:
Mọi việc ở thế gian, Chẳng phải đều là dục,
Tâm chạy theo giác tưởng, Ẩy gọi người tham dục.
Thế gian bao nhiêu việc, Thường ở tại thế gian,
Trí tuệ tu thiền định, Ái dục điều phục hẳn.
Tin là bạn của người, Không tin thời không độ,
Tin tăng trưởng danh xưng, Mạng chung được sanh thiên.
Đối thân tưởng hư không, Danh sắc không bền chắc,
Người không đắm danh sắc, Xa lìa những chứa nhóm.
Quán nghĩa chân thật này, Như giải thoát ai mẫn,
Vì do trí tuệ này, Đời khen ngợi cũng dường.

Hay đoạn các tạp tưởng, Vượt khỏi dòng sanh tử,
Qua khỏi các dòng rồi, Ấy gọi là Tỳ-kheo.
Thiên tử kia lại nói kệ:
Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn,
Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái.
Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.
KINH SỐ 1287 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật: ở chung với người nào, Lại cùng ai cộng sự, Biết pháp của người nào, Gọi thù thắng không ác?

KINH TẠP A-HÀM 1061

F-pl Á qp /X r • 1 /\
The Ton noi kẹ đáp:
Cùng chung bậc Chánh sĩ, Cùng Chánh sĩ cộng sự,
Hiểu biết pháp Chánh si, Là thù thắng không ác.
Thiên tử kia lại nói kệ:
Lâu thấy Ba-la-mon, Chóng đắc Bát-niết-bàn?
Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái.
Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.
KINH SỐ 1288 y Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật: Nơi tâm sanh keo kiệt, Không thể hành bố thí, Người minh trí câu phước, Mới hay hành bố thí? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Sợ hãi không bố thí, Thường sợ không được thí, Sợ hãi về đói khát, Keo kiệt từ sợ sanh. Đời này và đời khác, Thường si, sợ đói thiếu, Chết không ai chết theo, Một mình không tư lương. Người ít của hay thí, Người nhiều của khó xả, Khó xả mà hay xả, Đó gọi là nan thí. Người vô tri không biết, Người tuệ biết khó biết, Đúng pháp nuôi vợ con, Của ít tịnh tâm thí. Đại hội Bách thiên da, Đạt được phước lợi này, So với pháp thí trước, Không băng phân mười sáu. Đánh, trói, não, chúng sanh, Đã được các tài vật, Bố thí an quốc độ, Thí gọi có tội thí, So với bình đẳng thí, Cân lường không sánh kịp. Đúng pháp không làm trái, Thí tài vật có được, Khó thí mà bố thí, Thật là Hiền thánh trí, Chỗ trụ thường được phước, Mạng chung sanh cõi trời. Thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ? cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

1062 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 1289 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá? trong thất dá, chỗ của quỷ thần Kimba-la, tại núi Kim-ba-la. Bấy giờ, Thế Tôn bị cây thương vàng đâm chân, trải qua thời gian chưa bao lâu nên Ngài cử động thân thể còn cảm thấy đau đớn.

Do đó, Ngài xả tâm, chánh niệm, chánh trí, tự an nhẫn, không có tưởng thối giảm. Khi ấy có tám vị thiên tử sơn thần khởi nghĩ: "Hiện nay Thế Tôn đang ở trong thành Vương Xá5 nơi thất đá, chỗ của quỷ thần núi Kim-ba-la. Chân Ngài bị cây thương vàng dâm, cử động thấy dàu, nhưng Ngài có thể xả tâm, chánh niệm, chánh trí, tự an nhẫn, không có tưởng thối giảm. Chung ta hãy đến thăm Ngài ya tán thán/9 Rồi họ cùng nhau đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Vị thiên thần thứ nhất nói kệ: Sa-môn Cù-đàm? Sư Tử giữa người, Thân gặp đau đớn, Kham nhẫn tự an, Chánh trí, chánh niệm, Không hề thối giảm. Thiên tử thứ hai nói kệ tán thán: Bậc Đại Si, Đại Long, Bậc Đại Sĩ, Ngưu Vương, Bậc Đại Sĩ dũng lực, Bậc Đại Sĩ ngựa hay, Bậc Đại Sĩ thượng thủ, Bậc Đại Sĩ thù thắng. Thiên tử thứ ba nói kệ ca ngợi: Sa-môn Cù-đàm này5 Sĩ phu Phân-đà-lợi, Thân bị những đau đớn, Mà vẫn hành tâm xả, Trụ chánh trí, chánh niệm, Kham nhẫn để tự an, Mà không hề thối giảm. Thiên tử thứ tư nói kệ tán thán: Nêu có người nghe nói, Lời r Sa-môn Cù-đàm? e 5

Sĩ phu Đà-lợi noi, Nêu nghe mà hiêm, trái,
Nên biết người ấy mãi Bị khổ không lợi ích,
Chỉ trừ người chân thật.
Thiên tử thứ năm nói kệ:
Quán định tam-muội kia, Khéo trụ ở chánh thọ,
Giải thoát lìa các tran, Không hiện cũng không ẩn,
Tâm kia trụ an ổn, Và được tâm giải thoát.
Thiên tử thứ sáu nói kệ:
Trải qua năm trăm năm, Tụng kinh Bà-la-môn,
Tinh cần tu khổ hạnh, Không giải thoát lìa cấu,
Đây là hạnh thấp kém, Không được qua bờ kia.
KINH TẠPA-HÀM 1063

Thiên tử thứ bảy nói kệ: Vì dục bị bức bách, Trì giới la troi buộc, Dũng mãnh hành kho hạnh, Trải qua một trăm năm, Tâm kia không giải thoát, Không lìa các trần cấu, Ấy là loại thấp kém, Không qua đến bờ kia. Thiên tử thứ tám nói kệ: Tâm ở dục kiêu mạn, Không thể tự điều phục, Không được định tam-muội, Chánh thọ của Mâu-ni. Một mình ở rừng núi, Tâm kia thường buông lung, Với quân ma chết kia, Không được qua bờ kia. Sau khi tám thiên tử sơn thần nói kệ tán thán xong, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1290 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà9 vườn cấp Cô Độc. Thiên tử kia nói kệ: Rộng không gì qua đất, Sâu không gì thấu biển, Cao không bằng Tu-di, Đại sĩ không Tỳ-nữu. The Ton noi kê đáp: Rộng không gì hơn ái? Sâu không gì thấu bụng, Cao không gì băng kiêu, Đại sĩ không hơn Phật. Thiên tử lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1291 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiêu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

1064 KINH TẠPA-HÀM

Vật gì lửa không đốt? Gió gì không thể thổi? Nạn lửa đốt đại địa, Vật gì không chảy tan? Vua ác và giặc cướp, Cưỡng đoạt tài vật người, Người nam, người nữ nào, Không bị họ cướp đoạt? Làm sao chứa trân bảo, Cuối cùng không mất mát? The Ton noi kê đáp: Phước, lửa không thể đốt, Phước, gió không thể thổi, Thủy tai hại trời đất, Phước, nước không chảy tan, Vua ác và giặc cướp, Cưỡng đoạt tài sản người, Nêu người nam, người nữ, Có phước không bị cướp, Kho tàng báu phước lạc, Cuối cùng không bị mát. Thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn9 Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ9 cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1292 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật: Ai nên giữ tư lương? Vật gì giặc không cướp? Kẻ nào cướp thì ngăn? Người nào cướp không ngăn? Người nào thường đi đến, Người trí tuệ hỷ lạc? The Ton noi kê đáp: Người tín giữ tư lương, Phước đức giặc không cướp, Giặc cướp đoạt thì ngăn, Sa-môn đoạt vui vẻ, Sa-môn thường đi đen, Người trí tuệ vui mừng. Thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1293 Tôi nghe như vầy:

KINH TẠP A-HÀM 1065

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật: Tất cả tướng ngăn che, Biết tất cả thế gian, An ổn vui tất cả, Cui xin The Ton noi, Thế nào, trong thế gian, Là những điều khó được? The Ton noi kẹ đáp: Làm chủ mà nhẫn nhục, Không của mà bố thí, Gặp khó mà hành pháp, Phú quý tu viễn ly, Bốn pháp ấy như thế, Đó là việc rất khó. Thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1294 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm? đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên? từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Đại lực tự tại vui, Muốn gì cũng đều được, Ai là người hơn Ngài, Muốn gì đủ tất cả? The Ton noi kê đáp: Đại lực tự tại

vui, Ngài không còn cầu gì, Nếu người có mong cầu, Thì khổ chẳng phải vui, Mong câu đã qua roi, Là vui đối với Ngài. Thiên tử ây lại noi kẹ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử ấy nghe Phật dạy xong, hoan hỷ5 tùy hy, cúi đàu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1295 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠP A-HÀM 1065

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật: Tất cả tướng ngăn che, Biết tất cả thế gian, An ổn vui tất cả, Cui xin The Ton noi, Thế nào, trong thế gian, Là những điều khó được? The Ton noi kẹ đáp: Làm chủ mà nhẫn nhục, Không của mà bố thí, Gặp khó mà hành pháp, Phú quý tu viễn ly, Bốn pháp ấy như thế, Đó là việc rất khó. Thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1294 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm? đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên? từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Đại lực tự tại vui, Muốn gì cũng đều được, Ai là người hơn Ngài, Muốn gì đủ tất cả? The Ton noi kê đáp: Đại lực tự tại vui, Ngài không còn cầu gì, Nếu người có mong cầu, Thì khổ chẳng phải vui, Mong câu đã qua roi, Là vui đối với Ngài. Thiên tử ây lại noi kẹ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử ấy nghe Phật dạy xong, hoan hỷ5 tùy hy, cúi đàu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1295 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

1066 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Xe từ chỗ nào khởi? Ai có thê chuyên xe? Xe chuyển đến chỗ nào? Cớ gì hoại diệt mất? , Ạ rrn A r • 1 A r The Ton noi kê đáp: Xe từ các nghiệp khởi, Tâm thức chuyển được xe, Tùy thân mà chuyển đến, Nhân xe hoại thì mất. Thiên tử ấy lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử ấy nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ9 cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1296 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng

Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vương nữ Câu-lâu-đà ở Tu-ba-la-đề-sa hôm nay sanh con.

Phật bảo: Đây là điêu không tót, chăng phải là điêu tót.

Thiên tử áy noi kẹ: Người sanh con thì vui, Thế gian có con vui, Cha mẹ tuổi già yếu, Cần con để phụng dưỡng, Cớ sao Cù-đàm nói, Sanh con là không tốt? rTii_ Á FT r • 1_ Ạ 4. / _ The Ton noi kệ đáp: Nên biết là vô thường, Không ấm chẳng phải con, Sanh con thường bi khổ, Người ngu nói là vui, Do đó nen Ta nói, Sanh con là không tốt. Không tốt tưởng tượng tốt, Khởi tưởng chẳng đáng nghĩ, Thật khổ, dáng tợ vui, Bi buông lung giẫm đạp. Thiên tư áy lại noi kệ: Lâu thấy Bà-la-môn? Chóng đắc Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử ấy nghe Phật dạy xong, hoan hỷ? tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH TẠPA-HÀM^ 1067

KINH SỐ 1297

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng

Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

rpl Á \ Á 9 Á Q

A

y _

c

7

_ Á

7

_L N

?

The nao so cua so? The nao so chăng an? Thế nào số trong số? Thế nào thuyết ngôn thuyết? The Ton noi kẹ đáp: Phật pháp khó nghĩ lường, Hai dòng không hiển hiện, Nếu danh và sắc kia, Diệt sạch không còn sót, Thì gọi số của số, Số kia không ẩn tàng, Là số trong số kia, Ấy là thuyết danh số. Thiên tư ay lại noi kẹ: Lâu thấy Ba-la-mon? Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Thiên tử kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1298 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm? đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Vật gì nặng hơn đất? Vật gì cao hơn không? Vật gì nhanh hơn gió? Vật gì nhiều hơn cỏ? The Ton noi kẹ đáp: Giới đức nặng hơn đất, Mạn cao hơn hư không, Nhớ nghĩ nhanh hơn gió, Tư tưởng nhiều hơn

cỏ. Thiên tử kia lại nói kệ: Lâu thấy Ba-la-mon? Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Sau khi nghe Phật dạy xong, thiên tử ấy hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1299 Tôi nghe như vay:

1068 KINH TẠPA-HÀM

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Giới gì, oai nghi gì, Đác gì, làm nghiệp gì, Người tuệ làm sao trụ, Làm sao sanh cõi trời? The Ton noi kê đáp: Xa lìa việc sinh vật, Xa lìa việc sát sanh, Trì giới tự phòng vui, Tâm hại không sanh r thêm, Là con đường sanh thiên. Xa lìa việc trộm cp, Và giữ tâm vui vẻ, Đoạn trừ tâm trộm cướp, Là con đường sanh thiên. Không xâm phạm của người, Xa lìa hạnh tà dâm, Tự thọ biết dừng đủ, Là con đường sanh thiên. Tự vì mình và người, Vì của và cười đùa, Không nói dối lừa gạt, Là con đường sanh thiên. Đoạn trừ nói hai lưỡi, Không rời bạn bè khác, Thường nghĩ hòa kia dây, Là con đường sanh thiên. Xa lìa lời khó chịu, Lời dịu không hại người, Thường nói lời hay tốt, Là con đường sanh thiên. Không làm, không răn bảo, Không nghĩa, không lợi ích, Thường nói lời thuận pháp, Là con đường sanh thiên. Tụ lạc hoặc đất trống, Thấy lợi nói ta có, Không khởi tưởng tham này, Là con đường sanh thiên. Tâm từ không tưởng hại, Không hại các chúng sanh, Tâm thường không oán kết, Là con đường sanh thiên. Nghiệp khô và quả báo, Cả hai đều tịnh tín, Thọ trì nơi chánh kiến, Là con đường sanh thiên. Những thiện pháp như thế, Mười dấu vết tịnh nghiệp, Đều giữ gìn kiên cố, Là con đường sanh thiên. Thiên tử ấy lại nói kệ: Lâu thấy Bà-la-môn, Chóng đắc Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi đều qua, Trọn vượt thoát ân ái. Sau khi nghe Phật dạy xong, thiên tử ấy hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1300 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM^ 1069

Bấy giờ, có Thích-đề-hoàn-nhơn, vào lúc cuối đêm5 đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thh-đề-hoàn-nhơn nói kệ hỏi Phật: Pháp gì mạng không biết, Pháp gì mạng không giác, Pháp gì vây mạng ấy, Pháp gì trói buộc mạng? rr\ Á _L —r • 4- The Ton noi kê đáp: Sắc là mạng không biết, Các hành mạng không giác, Thân vây lại mạng kia, Ái trói buộc mạng vậy. Thích-đề-hoàn-nhơn lại nói kệ: 9

Săc chăng phải là mạng, Chư Phật đã nói thế,
Làm sao mà được thuần, Với tạng sâu xa kia?
Làm sao trụ khối thịt, Làm sao biết mạng thân?

’

The Ton noi kẹ đáp: Trước là Ca-la-la9 Từ đó sanh lớp ván, Lớp ván sanh thịt mềm, Thịt mềm sanh thịt cứng, Thịt cứng sanh tứ chi, Va những thứ lông tóc, Sắc, vân vân... các căn, Dần dần thành hình thể, Nhờ người mẹ ăn uống, Nuôi lớn bào thai kia. Sau khi Thích-đề-hoàn-nhơn nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1301 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử Trường Thắng dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ: Khéo học lời vi diệu, Tiếp cận các Sa-môn9 Một mình không bạn bè, Chánh tư duy tĩnh mặc. Thê Tôn noi kê đáp: Khéo học lời vi diệu, Tập cận các Sa-môn? Một mình không bạn bè? Tĩnh mặc lặng các căn. Thiên tử Trường Thắng nghe Phật dạy xong, hoan hỷ5 tùy hy, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1302 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

1070 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, có thiên tử Thi-tỳ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, tư thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Người nào nên cùng ở? Cộng sự với những ai? Nên biết những pháp gì Là tối thắng không ác? The Ton noi kê đáp: Với Chanh sĩ cùng ở? Cùng Chánh sĩ cộng sự, Nên biết pháp Chánh sĩ Là tối thắng không ác. Thiên tử Thi-tỳ nghe Phật dạy xong, hoan hỷ? tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1303 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử Nguyệt Tự Tại dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử Nguyệt Tự Tại ấy nói kệ: Kia phải đến cứu cánh, Như muỗi nương theo cỏ, r Nêu được chánh hệ niệm, Nhất tâm khéo chánh thọ. The Ton noi kẹ đáp: Kia phải đến bờ kia, Như cá cắn đứt lưới, Trụ thiền định đầy đủ, Tâm thường được hỷ lạc. Thiên tử Nguyệt Tự Tại nghe Phật dạy xong, hoan hỷ? tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất*

KINH SỐ 1304 y Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, có thiên tử Tỳ-sấu-nữu dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Cúng dường đức Như Lai, Hoan hỷ thường tăng trưởng, An vui Chánh pháp, Luật, Theo học không buông lung. The Ton noi kẹ đáp: Nêu nói pháp như thế, Phòng hộ không buông lung, Do nhờ không buông lung, Không theo ma, tự tại. Thiên tử Tỳ-sấu-nữu nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH TẠP A-HÀM 1071

KINH SỐ 1305 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tà Bát-xà-la-kiện, dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà5 vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ: Chỗ ở bị rối loạn, Người trí tuệ tỉnh giác, Thiền tư giác sở giác, Sức Mâu-ni tư duy. The Ton noi kê đáp: Biết rõ pháp rối loạn, Chánh giác được Niết-bàn, Nếu được chánh hệ niệm, Nhất tâm khéo chánh thọ. Thiên tử Bát-xà-la-kiện nghe Phật dạy xong, hoan hỷ5 tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1306 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ có thiên tử Tu-thâm cùng với năm trăm quyên thuộc, dung sác tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao Ton giả A-nan: Này A-nan! Đôi với pháp mà Xá-lợi-phât khéo thuyêt, tâm thây có vui vẻ chăng? Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Những người có trí tuệ, không ngu si, đối với pháp mà Tôn giả Xá-lợi-phất khéo thuyết, tâm vui vẻ. Vì sao? Vì Tôn giả Xá- lợi-phất trì giới, đa văn, ít ham muốn, biết đủ, tinh cần viễn ly, kiên trụ chánh niệm, trí tuệ chánh thọ, trí tuệ nhanh chóng, trí tuệ bén nhạy, trí tuệ xuất ly, trí tuệ quyết định, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ thâm sâu, trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí bảo, hay khéo giáo hóa, khai thị, chỉ giáo, soi sáng làm cho hoan hỷ, cũng thường tán thán việc khai thi chỉ giáo, soi sáng làm cho hoan hỷ, vì tứ chúng thuyết pháp không mỏi mệt. Phật bảo A-nan: -Đúng thế, đúng thế, như lời thày nói! Này A-nan! Những người trí tuệ, không ngu si, nghe Tôn giả Xá-lợi-phất khéo thuyết các pháp ai mà chẳng hoan hỷ! Vì sao? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất trì giới, đa văn, ít ham muốn, biết đủ? tinh cần chánh niệm, trí tuệ chánh thọ, trí tuệ nhanh chóng, trí tuệ bén nhạy, trí tuệ xuất ly? trí tuệ quyết đinh, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ thâm sâu, trí tuệ không

ai bằng, thành tựu trí bảo, hay khéo giáo hóa khai thị, chỉ giáo, soi sáng làm cho hoan hỷ, thường tán thán việc khai thị, chỉ giáo, soi sáng làm cho hoan hỷ, thường vì tứ chúng thuyết pháp không mỏi mệt. Bạch Thế Tôn, đúng vậy, đúng vậy!

Thế Tôn hướng về Tôn giả A-nan khen ngợi Tôn giả Xá-lợi-phất khéo thuyêt pháp. Thiên tử Tu-thâm cùng quyến thuộc trong tâm hoan hỷ? từ thân hào quang càng thêm sáng chói, thanh tịnh. Bấy giờ, thiên tử Tu-thâm trong tâm hoan hỷ? từ thân phát ra ánh sáng thanh tịnh chiếu sáng, liền nói kệ: Xá-lợi-phất đa van, Trí sáng, tuệ bình đẳng, Trì giới, khéo điều phục, Được Niết-bàn bất động, Giữ thân sau rốt này, Hàng phục các ma quân. Thiên tử Tu-thâm cùng với năm trăm quyến thuộc nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1307 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ có thiên tử Xích Mã dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Thiên tử Xích Mã bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Có thể đi đến tận ngằn mé thế

giới, đến chỗ không sanh, không già, không chết được chăng? Phật đáp: Không thể đi đến tận ngằn mé thế giới, đến chỗ không sanh, không già, không chết được. Thiên tử Xích Mã bạch Phật: Ỵ Lạ thay! Thế Tôn khéo nói nghĩa này! Như lời Thế Tôn nói: "Không thể đi đến tận ngằn mé thế giới, đến chỗ không sanh, không già, không chết.” Vì sao? Bạch Thế Tôn! Con tự nhớ đời trước tên là Xích Mã, làm tiên nhơn ngoại r \ v— _ • đạo, đác thân thông, lìa các ái dục. Con khi ây nghĩ răng: "Ta có thân túc nhanh chóng như thế này, giống như người khỏe mạnh, bắn mũi tên xuyên qua cây đa-la trong khoảnh khác, có thê lên một núi Tu-di và đên một núi Tudi, chạy từ biển Đông đến biển Tây.^ Khi ấy, con khởi nghĩ: :Ta nay được thần lực nhanh chóng như thế này, có thể tìm đến tận ngằn mé thế giới Chang?99 Nghĩ như thế rồi, con liền khởi hành, chỉ trừ khi ăn5 nghỉ, đại tiểu tiện, giảm bớt ngủ nghỉ, con đi mãi đến một trăm năm, cho tới khi mạng chung, rốt cuộc không đến được ngăn mé thê giới, chô không sanh, không già, không chết.

KINH TẠP A-HÀM 1073

Phật bảo: Xích M! Nay Ta dùng cái thân một tầm để nói về thế giới, thế giới tập, thế giới diệt, thế giới diệt đạo tích. Này thiên tử Xích Mã! Những gì là thế giới? Đó là năm thọ ấm. Những gì là năm? Đó là sắc thọ ấm, thọ thọ ấm, tưởng thọ ấm, hành thọ ấm, thức thọ ấm. Đây gọi là thế giới. Thế nào là sắc tập? Nghĩa là người kia đối với vị lai có ái, tham, hỷ, câu, mỗi mỗi bị nhiễm trước. Đây gọi là thế giới tập. Thế nào là thế giới diệt? Nấu người kia đối với vị lai có ái, tham, hỷ, câu, mỗi mỗi nhiễm trước, họ dứt sạch không còn sót. vô dục. vắng lặng, dứt bặt. Dạy gọi la tS giai diệt

Thế nào là thế giới diệt đạo tích? Đó là tám chánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đây gọi là thế giới diệt đạo tích. Này Xích Mã! Biết rõ thế giới, đoạn thế giới; biết rõ thế giới tập, đoạn thế giới tập; biết rõ thế giới diệt, chứng thế giới diệt; biết rõ thế giới diệt đạo tích, tu diệt đạo tích ấy. Này Xích Mã! Nếu Tỳ-kheo đối với thế giới khổ5 hoặc biết hoặc dứt; thế giới tập hoặc biết hoặc dứt; thế giới diệt hoặc biết hoặc chứng; thế giới diệt đạo tích hoặc biết hoặc tu thì này Xích Mã, đây gọi là đạt đen ngằn mé thế giới, qua khỏi thế giới ái. Bay giơ The Ton noi kẹ lặp lại: Chưa từng dạo đi xa, Đen tận cùng thế giới, Chưa đến tận thế giới, Trọn không sạch hết khổ. Do đó nên Mâu-ni? Biết tận cùng thế giới, Rõ tận cùng thế giới, Các Phạm hạnh đã thành, Đối tận cùng thế giới, Người bình đẳng giác tri, Đây gọi hạnh Hiền thánh, Qua bờ kia thế giới. Thiên tử Xích Mã nghe Phật nói xong, hoan hỷ5 tùy hy, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1308 Tôi nghe như vầy: Một thời Phật trú tại thành Vương Xá bên núi Tỳ-phú-la, có sáu thiên tử, vốn là ngoại đạo xuất gia. Người thứ nhất tên là A-tỳ-phù? thứ hai là Tăng Thượng A-tỳ-ph thứ ba là Năng cầu, thứ tư là Tỳ-lam-bà, thứ năm là A-câu- tra, thứ sáu là Ca-lam? đồng đi đến chỗ Phật. Thiên tử A-tỳ-phù nói kệ: Tỳ-kheo chuyên chú tâm, Thường tu hạnh nhàm chán, Đầu đêm và cuối đêm, Tư duy khéo tự nhiếp, Thấy nghe những lời kia, Không rơi vào địa ngục.

1074 KINH TẠPA-HÀM

Thiên tử Tăng Thượng A-tỳ-phù nói kệ: Nhàm chán chỗ đen tối, Tâm thường tự nhiếp hộ, Hằng xa lìa thế gian, Pháp ngôn ngữ tranh luận, Theo Đại Sư Như Lai, Xin thọ pháp Sa-môn, Khéo nhiếp hộ thế gian, Không khiên tạo điêu ác. Thiên tử Năng càu nói kệ: r Đoạn dứt đánh, đập, giêt, Cúng dường thí Ca-diếp, Không thấy đó là tội, Cũng không thấy là phước. Thiên tử Tỳ-lam-bà nói kệ: Con nói Ni-càn kia, Ngoại đạo Nhã-đề tử, Xuất gia hành học dạo, Luôn luôn tu hạnh khó, Đối đồ chúng Đại sư, Xa lìa lời nói dối, Con nói người như the, Không xa bậc La-hán. Thê Tôn noi kệ đáp: Con hồ ly gầy ốm5 Thường chơi với sư tử, r Nhỏ bé và yêu kém, Không thể thành sư tử. Chúng đại sư Ni-càn, Hư vọng tự ximg tán, Lời nói dôi ác tâm, Cách La-hán rất xa. Bấy giờ Thiên ma Ba-tuần dựa vào thiên tử A-câu-tra nói kệ: Tinh cần bỏ tối tăm, Thường giữ gìn viễn ly, Nhiễm trước sắc vi diệu, Ham thích trời cõi Phạm, Nên giáo hóa chúng này, Đe được sanh Phạm thiên. Khi ấy, Thế Tôn liền khởi nghĩ: "Bài kệ này thiên tử A-câu-tra đã nói là do Thiên ma Ba-tuân dựa vào nói, chứ không phải do tự tâm thiên tử A-câu-tra nói ra: Tinh cần bỏ tối tăm? Thường giữ gìn viễn ly, Nhiêm trước săc vi diệu, Ham thích cõi Phạm thiên Nên giáo hóa chúng này, Đe được sanh Phạm thiên.^, _ r The Ton lại nói kẹ: Nếu nơi nào có sắc, ở đây và ở kia, Hoặc ở trên hư không, Hào quang chiêu môi khác. Nên biết tất cả đó, Không lìa ma trói buộc, Giống như mồi thả câu, Câu cá đang lội chơi. Khi ấy, những thiên tử kia đều nghĩ rằng: "H6m nay thiên tử A-câu-tra nói kệ, Sa-môn Cù-đàm nói là ma nói. Cớ sao Sa-môn Cù-đàm nói là ma n6i?” Bấy giờ5 Thế Tôn biết những ý nghĩ trong tâm các thiên tử nên Ngài bảo họ răng:

Nay thiên tử A-câu-tra nói kệ, nhưng chẳng phải tự tâm thiên tử nói mà là do sức của Thiên ma Ba-tuần dựa vào nên mới nói ra kệ này: Tinh cần bỏ tối tăm, Thường giữ gìn viễn ly, Nhiễm trước sắc vi diệu, Ham thích cõi Phạm thiên, Nên giáo hóa chúng này, Đê được sanh Phạm thiên. The nen Ta noi kẹ: Nếu nơi nào có sắc, ở đây và ở kia, Hoặc ở trên hư không, Hào quang chiếu mỗi khác. Nên biết tất cả đó, Không rời ma trói buộc, Giống như mồi thả câu, Câu cá đang lội chơi. Khi ây các thiên tử lại nghĩ răng: “Lạ thay! Sa-môn Cù-đàm thân lực? oai đức lớn mới thấy được Thiên ma Ba-tuần, còn chúng ta thì không thấy. Chúng ta hãy làm kệ tán thán Sa-môn Cu-dam.^ Họ liền nói kệ: Đoạn dứt hết tất cả, Tưởng tham ái có thân, Khiên người khéo giữ gìn, Trừ tất cả vọng ngữ. Nếu muốn đoạn dục ái, Nên cúng dường Đại sư. Đoạn trừ ba hữu ái, Phá hoại lời nói dối, Đã đoạn dứt kiến tham, Nên cúng dường Đại sư. Đệ nhất thành Vương Xá, Ten núi Ty-phu-la, Núi Tuyết, vua các núi, Kim Si, vua loài chim, Tám phương và trên dưới, Tất cả cõi chúng sanh, ở trong các trời, người, Đẳng Chánh Giác tối thượng. Sau khi các thiên tử nói kệ tán thán và nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, cui đau le chân Phạt, roi biên mat.

KINH SỐ 1309 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử Ma-già dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Thiên tử Ma-già nói kệ hỏi Phật: Giết gì được ngủ yên? Giết gì được an lành? Vì giết những người nào, Được Cù-đàm khen ngợi? Thê Tôn

noi kê đáp: Nếu giết chết sân nhuế, Thì ngủ được an ổn. Người giêt chét sân nhuê, Khiến người được vui vẻ. Sân nhuế là gốc hại, Người giết được Ta khen. Giết sân nhuế kia rồi, Mãi mãi không lo nghĩ.

1076 KINH TẠP A-HÀM

Thiên tử Ma-già nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1310 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ? có thiên tử Di-kỳ-ca dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà5 vườn cấp Cô Độc. Thiên tử nói kệ hỏi Phật: __ .• , Có mây loại chiêu sáng, Hay chiêu sáng thê gian, Cui xin The Ton noi, Ánh sáng nào tối thượng? Thê Tôn noi kẹ đáp: Có ba loại ánh sáng, Hay chiếu sáng thế gian, Ngày do mặt trời chiếu, Đêm có ánh trăng soi, Đèn chiếu sáng ngày đêm, Chiếu những sắc tướng kia, Trên dưới và các phương, Chúng sanh mong soi sáng, Trong ánh sáng trời, người, Ánh sáng Phật hơn hết. Thiên tử Di-kỳ-ca nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1311 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử Đà-ma-ni dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Làm việc Bà-la-môn, Học dứt chẳng mỏi mệt, Đoạn trừ các ái dục, Không cầu thọ thân sau? LTM Ặ r"' _ r _ r • 4. The Ton nói kê đáp: Bà-la-môn vô sự, Làm xong việc đã làm, Cho đên chăng sang bờ, Ngày đêm thường siêng năng, Đã đến trụ bờ kia, Đen bờ còn kính gì, Đây là Bà-la-môn. Chuyên tinh thiền lậu tận, Tất cả các ưu não, Mạnh mẽ đoạn dứt hẳn, Đây là đến bờ kia, Niết-bàn vô sở cầu. Thiên tử Đà-ma-ni nghe Phật dạy xong, hoan hỷ? tùy hỷ? đảnh lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH TẠPA-HÀM 1077

KINH SỐ 1312 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử Đa-la-kiện-đà dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Đoạn mấy, xả mấy pháp? Tu mấy pháp tăng thượng? Vượt qua bao chứa nhóm, Là Tỳ-kheo qua dòng? rr^-1 Ạ fTī Ạ l • J. z The Ton noi kê đáp: Đoạn năm, xả năm pháp, Tu năm pháp tăng thượng, Vượt năm thứ tích tụ, Gọi Tỳ-kheo qua dòng. Thiên tử Đa-la-kiện-đà nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1313 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử Ca-ma dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử Ca-ma bạch Phật: Rất khó, bạch Thế Tôn! Rất khó, bạch Thiện Thệ! Ạ rTH r • J. r _ Thê Ton nói kệ đáp: Sở học là rất khó, Đầy đủ giới, tam-muội, Sống viễn ly không nhà, Nhàn cư vui tịch tĩnh. Thiên tử

Ca-ma bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tĩnh lặng thật khó được.

The Ton noi kẹ đáp:
Được học điều khó được, Đầy đủ giới, tam-muội,
Ngày đêm thường chuyên tinh, Tu tập ý được vui.
Thiên tử Ca-ma bạch Phật:
Bạch Thế Tôn! Tâm chánh thọ khó được.
Thế Tôn nói kệ đáp:
Khó trụ tâm chánh thọ, Các căn, tâm quyết định,
Hay đoạn diệt tử ma, Bậc Thánh tùy dục tiến.
Thiên tử Ca-ma lại bạch Phật:
Bạch Thế Tôn! Đường hiểm rất khó đi.
1078 KINH TẠPA-HÀM

, .

Thê Tôn noi kẹ đáp:
Đường hiểm khó bước đi, Hãy đi đường an lạc,
Phàm phu rơi ở đó, Chân trên đầu lộn ngược,
Hiền thánh nương chánh trực, Đường hiểm tự nhiên bình.
Thiên tử Ca-ma nghe Phật dạy kinh này xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ chân
Phật, rồi biến mất.
KINH SỐ 1314 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử Ca-ma dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Tham, sân do nhân gì, Không vui, lông dựng đứng, Sợ hãi, từ đâu khởi, Giác tưởng từ đâu sanh, Giống như Cưu-ma-la9 Nương nhờ nơi sữa mẹ? The Ton noi kẹ đáp: Ái sanh tự thân lớn, Như cây ni-câu-luật, Nơi nơi tùy chỗ vướng, Như rừng rậm chằng chịt. Nêu biết nguyên nhân kia, Khai ngộ khiến tỉnh giác, Qua khỏi biển sanh tử, Không còn thọ thân sau. Thiên tử Ca-ma nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1315 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử Chiên-đàn dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật: Nghe Cù-đàm đại trí, Thấy biết không chướng ngại, Trụ chỗ nào, học gì, Không gặp đời ác khác? The Ton noi kê đáp: Nhiếp trì thân, miệng, ý, Không tạo ba pháp ác, ở tại nhà cửa mình, Rộng tụ tập khách khứa, Tín, bố thí tài, pháp, Dùng pháp lập tất cả. Trụ kia, học pháp kia, Thì không sợ đời sau.

KINH TẠP A-HÀM 1079

Thiên tử Chiên-đàn nghe Phật dạy xong, hoan hỷ? tùy hỷ, đảnh lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1316 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, có thiên tử Chiên-đàn dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật: Ai qua được các dòng, Ngày đêm siêng không lười, Không dính, không chỗ trụ, Thế nào không chìm đắm? The Ton noi kẹ đáp: Tát ca giới đây đủ, Trí tuệ khéo chánh đinh, Trong chánh niệm tư duy, Lìa được, qua dòng được, Không nhiễm dục tưởng này, Vượt qua sắc ái kia, Tham, hỷ đã sạch hết, Không vào nơi khó lường. Thiên tử Chiên-đàn nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1317 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ5 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử Ca-diếp dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ"đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử kia bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con sẽ nói về Tỳ-kheo và công đức Tỳ-kheo. Phật bảo: -Thiên tử cứ nói! Thiên tử liền nói kệ: Tỳ-kheo tu chánh niệm, Tâm kia khéo giải thoát, Ngày đêm thường cần cầu, Mong có nhiều công đức. Biết rõ ở thế gian, Diệt trừ tất cả hữu, Tỳ-kheo được không lo, Tâm không bị nhiễm trước. - Bạch Thế Tôn! Đây gọi là Tỳ-kheo. Đây gọi là công đức Tỳ-kheo. Phật đáp: -Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói! Thiên tử Ca-diếp nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ5 cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1318 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có thiên tử Ca-diếp dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiêu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Thiên tử ấy bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con sẽ nói về Tỳ-kheo và điều của Tỳ-kheo nói.

Phật bảo: Thiên tử cứ tự nhiên.

Thiên tử Ca-diếp liền nói kệ: Tỳ-kheo giữ chánh niệm, Tâm kia khéo giải thoát, Ngày đêm thường cần cầu, Đe chóng lìa trần cấu. Biết rõ ràng thế gian, Nơi trần, lìa trần cấu, Tỳ-kheo không lo lắng, Tâm không bi nhiễm trước. Bạch Thế Tôn! Đây gọi là Tỳ-kheo và điều của Tỳ-kheo nói.

Phật đáp: Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông đã nói!

Thiên tử Ca-diếp nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1319 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Ma-kiệt-đà, du hành trong nhân gian, chiều tối Ngài cùng với năm trâm Tỳ-kheo tá túc chỗ trụ xứ của quỷ dạ-xoa Khuất-ma. Khi ấy, quỷ dạ-xoa Khuất-ma đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngòi một bên. Dạ-xoa bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thỉnh Thế Tôn và đại chúng ở lại đêm nơi đây.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Bấy giờ, quỷ dạ-xoa Khuất-ma biết Phật đã hứa khả, bèn biến hóa ra năm trăm tòa nhà, giường nệm, bàn ghế, mền, mùng, nệm, gối, mỗi thứ năm

trăm cái đầy đủ, rồi lại biến hóa ra năm trăm ngọn đèn sáng trưng không có khói. Sau khi biến hóa xong, quỷ dạ-xoa đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Thế Tôn, thỉnh Ngài vào phòng nghỉ, và mời các Tỳ-kheo lần lượt nhận phòng ốc và các ngọa cụ. Sau khi công việc đã hoàn tất, dạ-xoa trở lại chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui ngồi một bên, nói kệ: Hiền đức có chánh niệm, Hiền đức thường chánh niệm, Chánh niệm ngủ an ổn, Đời này và đời khác. Hiền đức có chánh niệm, Hiền đức thường chánh niệm, Chánh niệm ngủ an ổn, Tâm kia thường dừng lặng.

KINH TẠP A-HÀM 1081

Hiên đức có chánh niệm, Hiên đức thường chánh niệm,
Chánh niệm ngủ an ổn, Xả, hàng phục quân khác.
Hiền đức có chánh niệm, Hiền đức thường chánh niệm,
Không giết, không bảo giết, Không phục, không khiến phục,
Từ tam với tát cả, Tâm không ôm oán kết.
Phật bảo:
Đúng vậy, đúng vậy! Như lời ông nói!
Quỷ dạ-xoa Khuất-ma nghe Phật dạy xong, hoan hỷ. tùy hỷ. cúi đầu lễ chân Phật, roi trở về chỗ của mình.

KINH SỐ 1320 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Ma-cưu-la? có Tôn giả Na-ca-bà-la làm thị giả. Bấy giờ trời tối đen, mưa lam râm, sấm nổ, điện chóp, Thế Tôn ra khỏi phòng đi kinh hành ở khoảng đất trống. Lúc ấy trời Đế-thích khởi nghĩ: "Hôm nay Thế Tôn trú ở núi Ma-cưu-la có Tôn giả Na-ca-bà-la gần gũi hầu hạ. Đêm nay trời tối đen, mưa lất phất và có sấm chớp. Thế Tôn ra khỏi phòng đi kinh hành nơi đất trống, ta sẽ hóa ra lâu đài Tỳ-lưu-ly và đem lâu đài theo Phật kinh hành.” Nghĩ xong, Đế-thích liền hóa ra lâu đài Tỳ-lưu-ly đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, theo Phật đi kinh hành. Khi đó, dân chiing nước Ma-kiệt-đề5 nếu khi bé trai bé gái khóc đêm, họ đem quỷ Ma-ctru-la đê dọa, liền ngimg khóc. Họ dùng pháp đệ tử cúng dường hầu thầy, chờ thầy xả thiền rồi sau đó mới đi ngủ. Lúc này, Thế Tôn vì Đế-thích nên đi kinh hành mãi. Tôn giả Na-ca-bà-la khởi nghĩ: "Thế Tôn đêm nay đi kinh hành lâu quá, ta sẽ giả làm quỷ Ma-cun- la để dọa Ngai." Khi ấy Tỳ-kheo Na-ca-bà-la liền lấy áo có lông dài phủ bên ngoài, đến chỗ Thế Tôn đi kinh hành, chặn đường lại, bạch Phật: - Quỷ Ma-ciru-la đến! Quỷ Ma-cưu-la đến! Này Tỳ-kheo Na-ca-bà-la! Thầy ngu si định dùng hình tướng của quỷ Ma- ciru-la dọa Phật ư? Đừng mong động đến một lông tóc của Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã lìa sợ hãi từ lâu. Khi ấy trời Đấ-thích bạch Phật: Bạch Thế Tôn. Trong Chánh pháp, Luật của Thế Tôn cũng có người này ư?

Phật đáp: Này Kiều-thi-ca! Nhà của Cù-đàm rất rộng lớn. Những người này vào đời vị lai cũng sẽ đắc pháp thanh tịnh. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Nếu những Bà-la-môn, Đối pháp tự sở đắc, Được đến bờ bên kia, Nếu một Tỳ-xá-gia,

1082 KINH TẠPA-HÀM

Và với Ma-cưu-la, Thảy đều vượt qua hết. Nếu lại Bà-la-môn, Đối pháp tự sở hành, Tất cả các cảm thọ? Quán sát đều lặng dứt. Nếu lại Bà-la-môn, Tự pháp qua bờ kia, Tất cả các nhân duyên, Đều đã diệt sạch hết. Nếu lại Bà-la-môn, Tự mình qua bờ kia, Tất cả các nhân ngã, Đều đã diệt sạch hết. Nếu lại Bà-la-môn, Tự mình qua bờ kia, Với sinh, già, bệnh, chét, Đều đã vượt qua hết. Phật nói kinh này xong, Thích-đề-hoàn-nhơn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH SỐ 1321 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, Tôn giả A-na-luật-đà nước Ma-kiệt-đề du hành trong nhân gian, đên tá túc chô trụ xứ của mẹ con quỷ Tât-lăng-ca. Lúc ây, Tôn giả A-na-luật-đà cuối đêm thức dậy, ngồi ngay thẳng tụng Ưu-đà-na, Ba-la-diên-na? thấy được lý chân thật. Các bài kệ của chư Thượng tọa5 kệ của các Tỳ-kheo-ni, thi-lộ kệ, nghĩa phẩm Mâu-ni kệ, Tu-đa-la thảy đêu tụng hết. Bấy giờ, quỷ con Tất-lăng-ca ban đêm khóc ré lên, quỷ mẹ Tất-lăng-ca nói bài kệ dỗ con nín khóc: r Này Tât-lăng-ca con, Con hãy nín khóc đi, Đe nghe Tỳ-kheo kia, Đọc tụng kệ pháp cú. Nếu người biết pháp cú? Hay tự hộ trì giới, Xa lìa nghiệp sát sinh, Nói thật, không nói dối, Tự bỏ điều phi nghĩa, Giải thoát đường quỷ thần. Sau khi quỷ mẹ Tất-lăng-ca nói kệ, quỷ con không khóc nữa.

KINH SỐ 1322 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Ma-kiệt-đề du hành trong nhân gian cùng với đại chúng đen tá túc tại trụ xứ của mẹ con quỷ Phú-na-bà-tẩu. Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói bốn pháp Thánh đế tương ưng. Đó là Khổ Thánh đế? Khổ tập Thánh dế, Khổ diệt Thánh dế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Khi ấy, quỷ con Phú-na-bà-tẩu và quỷ nữ uất-đa-la, hai con quỷ nhỏ này khóc ré lên giữa đêm. Quỷ mẹ nói kệ dạy hai đứa con của mình:

KINH TẠP A-HÀM 1083

Này Phú-na-bà-tâu, uất-đa-la! Chớ khóc, Đê cho mẹ lăng nghe, Như Lai đang thuyết pháp. Cha mẹ chẳng có thể, Khiến con giải thoát khổ, Nghe Như Lai thuyết pháp, Được giải thoát khổ này. Người đời theo ái dục, Bi các khổ bức bách, Như Lai vì thuyết pháp, Đe phá hoại sinh tử. Nay mẹ muốn nghe pháp, Các con hãy im lặng, Khi ấy Phú-na-bà [tẩu], Quỷ nữ uất-đa-la? Đêu vâng lời mẹ nó, Im lặng mà lắng nghe. Lời mẹ nói hay thay, Con cũng thích nghe pháp, Đây Thế Tôn Chánh Giác, ở núi Ma-kiệt-thắng? Vì các loại chúng sanh, Diễn nói pháp thoát khổ. Nói khổ và nhân khổ, Khổ diệt, đạo diệt khổ, Từ bốn Thánh đế này, An ổn đến Niết-bàn. Nay mẹ chỉ thích nghe, Pháp Thế Tôn đã thuyết. Khi ấy quỷ mẹ Phú-na-bà-tẩu nói kệ: Lạ thay con trí tuệ? Khéo hay tùy tâm ta, Con Phú-na-bà-tẩu9 Tán thán bậc Đạo Sư. Con Phú-na-bà-tẩu9 Và con Uất-đa-la? Nên sinh tâm tùy hỷ, Ta đã thấy Thánh đế. Sau khi quỷ mẹ nói kệ, hai quỷ con trai và con gái im lặng.

KINH SỐ 1323 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Ma-kiệt-đề? du hành trong nhân gian cùng với đại chúng, đen nghỉ đêm tại tru xứ của quỷ Ma-ni-giá-la. Bấy giờ, quỷ Ma-ni-giá-la họp cả quỷ thần lại một chỗ. Khi ấy, có thiếu phụ đem hương hoa và các thức ăn uống đến chỗ quỷ Ma-ni-giá-la kia. Người đàn bà này vừa trông thấy Thế Tôn ngồi nơi trụ xứ của quỷ Ma-ni-giá-la, khởi nghĩ: “Nay ta thấy rõ quỷ Ma-ni-giála",

liền nói kệ: Lành thay, Ma-ni-giá! ở nước Ma-già-đà, Dân nước Ma-già-đà? Sở cầu đều như nguyện. Vì sao ở đời này, Thường được trụ an lạc? Đời sau lại the nào, Mà được sinh thiên lạc? The Ton noi kẹ đáp: Chớ buông lung kiêu mạn, Cần gì quỷ Ma-ni, Nếu tự sửa hành động, Thì được sinh thiên lạc.

Khi ấy, người đàn bà kia khởi nghĩ: "Đây không phải là quỷ Ma-ni-giá-la mà là Sa-môn Cíi-dàm." Biết như vậy rồi, nàng liền đem hương hoa trang sức cúng dường Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, nói kệ: Đường nào đến an lạc, Phải tu những hành gì, Đời này thường an ổn, Đời sau sinh thiên lạc? FT1*| Á FTĪ A _ r • 4-z Thê Ton noi kê đáp: Bố thí khéo điều tâm, Năng giữ gìn các căn, Chánh kiên tu hạnh hiên, Gần gũi bậc Sa-môn. Tự sông với chánh mạng, Đời sau sinh thiên lạc, Đâu cần Ba Mươi Ba, Lưới kho của chư thiên. Chỉ cần nhất tâm niệm, Đoạn trừ tâm ái dục. Ta sẽ nói lìa cấu, Khéo nghe, pháp cam lộ. Thiếu phụ ấy nghe Phật thuyết pháp, khai thị? chỉ giáo, soi sáng làm cho hoan hỷ, những pháp như bố thí, trì giới, phước báo sinh thiên, dục vị, dục hoạn, phiền não, thanh tịnh, xuất yếu, viễn ly, công đức phước lợi, tiếp diễn nói pháp Phật thanh tịnh. Ví như tam vải trắng sạch dễ nhuộm màu, thiểu phụ kia cũng thế, ngay lúc ấy đang ngồi đối với tứ Thánh đế đắc bình đẳng quán khổ, tập, diệt, đạo. Khi ấy thiếu phụ này thấy pháp, đắc pháp, biết pháp và nhập pháp, dứt các nghi hoặc, không do người khác, đối với Chánh pháp, Luật được vô sở úy5 bèn đứng lên sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật: -Con đã được độ, thưa Thế Tôn! Con đã được độ? thưa Thiện Thệ! Con từ hôm nay cho đến suốt đời quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng. Sau khi nghe Phật dạy, thiếu phụ ấy hoan hỷ làm lễ ra về.

KINH SỐ 1324 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Ma-kiệt-đề5 du hành trong nhân gian, đến nghỉ đêm tại trụ xứ của quỷ Châm Mao. Khi ấy quỷ Châm Mao hội hết các quỷ thần lại một chỗ, trong khi đó có một tên quỷ Tâm Chích, nó thấy Thế Tôn nghỉ lại đêm tại trụ xứ của quỷ Châm Mao, bèn đến chỗ của quỷ Châm Mao nói với quỷ Châm Mao: -Thưa thôn chủ! Hôm nay anh thật là may mắn và có phước, được đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác trọ tại nhà anh! Quỷ Châm Mao nói: -Bây giờ xem thử đúng là Như Lai hay không đúng. Khi ấy, quỷ Châm Mao cùng với các quỷ thần hội họp lại dẫn nhau đến ngôi nhà quỷ đã nhường cho Thế Tôn ở? rồi chúng quỷ xúm lại xông tới Phật; đức Phật liên tránh một bên. Ba lần quỷ xúm lại xông tới Phật, đức Phật cũng ba lần tránh. Khi ấy, quỷ Châm Mao lên tiếng:

Sa-môn sợ ư?

Phật đáp: Này thôn chủ! Ta không sợ! Dù ông làm ác.

Quỷ Châm Mao nói: Bây giờ toi có vài câu hỏi, xin Sa-môn hãy vì tôi trả lời. Nếu có thể khiến tôi vui vẻ thì tốt, còn trả lời nếu không khiến tôi vui vẻ thì tôi sẽ phá hoại tâm của Ông, xé rách ngực ông, làm máu nóng của Ông từ đó vọt ra, nắm hai tay Ong ném qua bờ bên kia sông Hằng. Phật nói: Thôn chủ! Ta không bao giờ thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la- môn, thiên than, người đời mà có the phá hoại tâm của Như Lai

Đẳng Chánh Giác, xé rách ngực Như Lai, làm máu nóng của Như Lai vọt ra, nắm hai tay của Như Lai ném qua bên kia bờ sông Hằng. Ông cứ hỏi đi, Ta sẽ nói cho ông nghe, khiến cho ông được hoan hỷ. Quỷ Châm Mao nói kệ hỏi Phật: Tất cả tâm tham, sân, Lấy gì để làm nhân? Không vui, lông dựng đứng, Sợ hãi từ đâu khởi? Ý niệm các giác tưởng, Là từ đâu khởi lên, Giống như trẻ mới sinh, Nương tựa vào sữa mẹ? The Ton noi kẹ đáp: Ái sinh tư thân lớn, Như cây ni-câu-luật, Lần lượt quấn quýt nhau, Như rừng rậm chằng chịt. Nếu biết sở nhân kia, Sẽ khiến quỷ giác ngộ, Vượt qua biển sinh tử, Không còn thọ thân nữa. Quỷ Châm Mao nghe Phật nói kệ, tâm rất vui vẻ, sám hối Phật và xin thọ trì Tam quy. Phật nói kinh này xong, quỷ Châm Mao nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1325 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, có con của nữ cư sĩ thọ Bát quan trai, lỡ phạm giới, liền bị quỷ thần bắt giữ. Nữ cư sĩ liền nói kệ: Ngày mười bốn, mười lăm, Và mồng tám mỗi tháng, Tháng thần thông điềm lành, Khéo chánh thọ tám chi, Thọ trì những trai giới, Không bị quỷ bắt giữ, Ta xưa hỏi mấy lần, Thế Tôn nói điều này.

KINH TẠPA-HÀM* 1085

Sa-môn sợ ư?

Phật đáp: Này thôn chủ! Ta không sợ! Dù ông làm ác.

Quỷ Châm Mao nói: Bây giờ toi có vài câu hỏi, xin Sa-môn hãy vì tôi trả lời. Nếu có thể khiến tôi vui vẻ thì tốt, còn trả lời nếu không khiến tôi vui vẻ thì tôi sẽ phá hoại tâm của Ông, xé rách ngực ông, làm máu nóng của Ông từ đó vọt ra, nắm hai tay Ong ném qua bờ bên kia sông Hằng. Phật nói: Thôn chủ! Ta không bao giờ thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la- môn, thiên than, người đời mà có the phá hoại tâm của Như Lai Đẳng Chánh Giác, xé rách ngực Như Lai, làm máu nóng của Như Lai vọt ra, nắm hai tay của Như Lai ném qua bên kia bờ sông Hằng. Ông cứ hỏi đi, Ta sẽ nói cho ông nghe, khiến cho ông được hoan hỷ. Quỷ Châm Mao nói kệ hỏi Phật: Tất cả tâm tham, sân, Lấy gì để làm nhân? Không vui, lông dựng đứng, Sợ hãi từ đâu khởi? Ý niệm các giác tưởng, Là từ đâu khởi lên, Giống như trẻ mới sinh, Nương tựa vào sữa mẹ? The Ton noi kẹ đáp: Ái sinh tư thân lớn, Như cây ni-câu-luật, Lần lượt quấn quýt nhau, Như rừng rậm chằng chịt. Nếu biết sở nhân kia, Sẽ khiến quỷ giác ngộ, Vượt qua biển sinh tử, Không còn thọ thân nữa. Quỷ Châm Mao nghe Phật nói kệ, tâm rất vui vẻ, sám hối Phật và xin thọ trì Tam quy. Phật nói kinh này xong, quỷ Châm Mao nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1325 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, có con của nữ cư sĩ thọ Bát quan trai, lỡ phạm giới, liền bị quỷ thần bắt giữ. Nữ cư sĩ liền nói kệ: Ngày mười bốn, mười lăm, Và mồng tám mỗi tháng, Tháng thần thông điềm lành, Khéo chánh thọ tám chi, Thọ trì những trai giới, Không bị quỷ bắt giữ, Ta xưa hỏi mấy lần, Thế Tôn nói điều này.

1086 KINH TẠPA-HÀM

Và mồng tám mỗi

KINH TẠP A-HÀM « 1087

Bấy giờ quỷ A-lạp bận hội các quỷ thần; có con quỷ Kiệt-đàm thấy Thế Tôn nghỉ lại đêm chỗ trụ xứ của quỷ A-lạp. Thấy vậy, nó đi đến chỗ quỷ A-lạp và nói với quỷ A-lạp: -Này thôn chủ! Anh thật là đại phước, được đức Như Lai nghỉ đêm tại trụ xứ của anh! Quỷ A-lạp nói: Hôm nay có người ở trong nhà của tôi sao? Phải thử lại cho biết có đúng là Như Lai hay không. Quỷ A-lạp vội vàng tụ tập tất cả quỷ thần, rồi trở lại nhà mình nói với đức The Ton: Sa-môn bước ra!

Đức Thế Tôn vì đang ở trong nhà người khác nên Ngài bước ra. Quỷ A-lạp lại nói: Sa-môn đi vào!

Đức Phật liền bước vào, vì muốn diệt ngã mạn nên Ngài ba lần ra vào như thế. Đen lần thứ tư, quỷ A-lạp lại nói: Sa-môn bước ra!

Thế Tôn nói với quỷ A-lạp: -Thôn chủ đã mời ba lần rồi, bây giờ thì Ta không ra nữa. Quỷ A-lạp nói: -Tôi hỏi Sa-môn, Sa-môn hãy trả lời cho vừa ý tôi thì tốt. Nếu trả lời khiến tôi không hài lòng, tôi sẽ phá hoại tâm của Sa-môn9 xé rách ngực và làm cho máu nóng của Ông từ đó vọt ra, rồi nắm hai tay Ông ném qua bên kia bờ sông Hằng. Đức Thế Tôn đáp: Này thôn chủ! Ta chưa bao giờ thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-

la-môn, thiên thân, trời, người mà có thê phá hoại được tâm Ta, xé rách ngực Ta, làm cho máu nóng của Ta từ đó vọt ra5 rồi nắm hai tay Ta ném qua bên kia bờ sông Hằng. Nhưng thôn chủ cứ hỏi, Ta sẽ trả lời cho ông được hài lòng. Khi ấy, quỷ A-lạp nói kệ hỏi Phật: Nói những gì gọi là Hơn mọi việc sĩ phu? Thực hành những pháp gì, Được quả báo an lạc? Những gì là vị ngon, Tuổi thọ nào hơn hết? The Ton noi kẹ đáp: Tịnh tín là tối thắng, Hơn mọi việc sĩ phu, Hành pháp được quả vui, Vị giải thoát tối thượng, Trí tuệ trừ già, chết, Là tuổi thọ bậc nhất.

1088 KINH TẠPA-HÀM

Quỷ A-lạp lại nói kệ:
Làm sao được danh xưng,
Thế Tôn nói kệ đáp:
Trì giới danh tiếng vang,
Quỷ A-lạp nói kệ:
Mấy pháp khởi thế gian? Mấy pháp hay thuận nhau?
Đời mấy pháp gìn giữ? Đời mấy pháp tổn giảm?
Thê Tôn noi kê đáp:
Thế gian sáu pháp khởi, Sáu pháp hay thuận nhau,
Đời sáu pháp giữ gìn, Đời sáu pháp tổn giảm.
Quỷ A-lạp nói kệ hỏi Phật:
Ai qua được các dòng, Ngày đêm siêng tinh tấn,

Không dính, không chỗ trụ? Ai không bị đắm chìm?
Thế Tôn nói kệ đáp:
Tát ca giới đây đu, Trí tuệ khéo chánh đinh,
Trong chánh niệm tư duy, Qua được dòng khó qua.
Không ưa thích ngũ dục, Cũng vượt qua sắc ái,
Không dính, không chỗ trụ, Thì không bị đắm chìm.
Quỷ A-lạp lại nói kệ hỏi Phật:
Dùng pháp gì qua dòng? Do đâu qua biển lớn?
Do đâu xa lìa khổ? Do đâu được thanh tinh?
The Ton noi kẹ đáp:
Dùng tín đê qua dòng, Không buông lung qua biển,
Tinh tấn được dứt khổ? Do tuệ được thanh tịnh.
Người nên hỏi câu khác, Pháp Phạm chí, Sa-môn,
Pháp ấy không có lỗi, Chân đế thì điều phục.
Quỷ A-lạp lại nói kệ hỏi Phật:
Phiền gì lại hỏi khác, Pháp Phạm chí, Sa-môn
Tức nói người tối thượng. Đe hiển đuốc pháp lớn,
Với Ma-kiệt-đà kia, Thường phải đáp ân này.
Bảo con: Đấng Chánh Giác, Đấng Vô thượng Ngự Su,
Con đi ngay hôm nay, Làng này đến làng kia,
Theo hầu đấng Chánh Giác Để nghe Ngài thuyết pháp.
Sau khi quỷ A-lạp nghe Phật nói kinh này xong, hoan hỷ, làm lễ lui về.
KINH SỐ 1327 Ta nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

KINH TẠP A-HÀM 1089

Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni tên Thúc-ca-la đang ở trong chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn của vua, được dân chúng thành Vương Xá cung kính cúng dường như bậc A-la-hán. Một hôm, nhân ngày lễ dân chúng thành Vương Xá tụ tập đại hội vui vẻ nên ngày đó quên cúng dường. Lúc đó có quỷ thần vì kính trọng Tỳ-kheo-ni ấy nên đi vào trong đường làng thành Vương Xá, đến từng nhà nói kệ: Nhân dân thành Vương Xá, Say sưa ngủ li bì5 Không siêng cúng dường kia, Tỳ-kheo-ni Thúc-ca, Nhờ khéo tu các căn, Nên gọi Thúc-ca-la, Khéo nói pháp lìa câu, Nói Niết-bàn mát mẻ. Thuận nghe những lời ấy, Suốt ngày vui không chán, Nhờ trí tuệ nghe pháp, Được qua dòng sinh tử, Như người buôn ở biển, Nương nhờ sức ngựa chúa. Khi ây có một vị ưu-bà-tăc đem áo đên cúng Tỳ-kheo-ni Thúc-ca-la, lại có một ưu-bà-tắc đem thức ăn đến cúng dường. Vị quỷ thần kia liền nói kệ: Ưu-bà-tắc trí tuệ, Được phước lợi rất nhiều, Cúng áo Thúc-ca-la, Nên lìa các phiền não. Ưu-bà-tắc trí tuệ, Được phước lợi rất nhiều, Cúng thức ăn Ca-la5 Nên lìa sự chứa nhóm. Vị quỷ thân ây nói kệ xong, liên biên mát.

KINH SỐ 1328 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni đang ở trong chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua, thành Vương Xá. Vì gặp ngày lễ, dân chúng thành Vương Xá tụ tập đại hội nen ngày đó Tỳ- kheo-ni Tỳ-la không có ai cúng dường. Lúc bây giờ có vị quỷ thân vì kính trọng Tỳ-kheo-ni Tỳ-la, liền vào thành Vương Xá đi đến các đường làng hay ngã tư đường, nói kệ: Dân chúng thành Vương Xá, Say sưa ngủ mê man, Tỳ-kheo-ni Tỳla, Không có ai cúng dường. Tỳ-kheo-ni Tỳ-la, Dõng mãnh tu các căn, Khéo nói pháp lìa cấu, Pháp Niết-bàn thanh lương. Thuận theo những lời này, Suốt ngày vui không chán, Nhờ trí tuệ nghe pháp, Được qua dòng sinh tử. Khi ấy có một ưu-bà-tắc đem y đến cúng dường Tỳ-kheo-ni Tỳ-la, lại có một iru-bà-tắc khác đem thức ăn đến cúng dường. Vị quỷ thần ây liên nói kệ:

ưu-bà-tắc trí tuệ, Nay được phước lợi nhiều, Nhờ cúng y Tà-la Nếu dứt được phiền phược ưu-bà-tắc trí tuệ, Nay được phước lợi nhiều, Cúng Tỳ-la thức ăn, Xa lìa sự chứa nhóm. Vị quỷ thần ấy nói kệ xong, liền biến mất.

KINH SÒ 1329 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi và thiên thần Ể-ma-ba-để cùng phát lời thề rằng: "Nếu trong cung này có vật báu xuất hiện thì phải nói với nhau, nêu không nói là mang tội bội u&c!" Lúc ấy trong cung của thiên thần Ế-ma-ba-để có một vật báu chưa từng có là hoa ba-đàm-ma xuất hiện. Hoa có ngàn cánh, lớn như bánh xe, cọng báu màu vàng. Lúc ấy, thiên thần Ể-ma-ba-để cho người đến báo với Sa-đa-kỳ-lợi: Thưa thôn chủ! Hôm nay trong cung bỗng xuất hiện một vật báu chưa từng c6, đó là hoa ba-đàm-ma. Hoa có ngàn cánh, lớn như bánh xe, cọng báu màu vàng, mời thôn chủ đến xem. Thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi liền sai người đến nhà của thiên thần Ế-ma-ba-để nói rằng: Thưa thôn chủ! Sá gì hoa ba-đàm-ma trăm ngàn cánh ây. Hôm nay trong cung chúng tôi có vật báu chưa từng có, đó là đại ba-đàm-ma xuất hiện, tức là đức Như Lai, ứng Cúng, Bằng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Thôn chủ có thể đến để thờ phụng cúng dường. Khi ấy, thiên thần Ế-ma-bà-để cùng với năm trăm quyến thuộc đến chỗ thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ hỏi: Ngày rằm thời tiết tốt, Ban đêm gặp hội vui, Nên nói thọ trai gì? Từ A-la-hán thọ? Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp: Hôm nay Phật, Thế Tôn, Tại nước Ma-kiệt-đà. Trú ở thành Vương Xá, Vườn trúc Ca-lan-đà, Diễn nói pháp vi diệu, Diệt trừ khổ chúng sanh, Khổ khổ và khổ tập, Khổ diệt tận tác chứng, Đường bát Thánh thoát khổ, An ổn đến Niết-bàn. Nên đến để cúng dường, La-hán Thế Tôn tôi. Ể-ma-ba-để nói kệ hỏi: Ngài có tâm nguyện thích, Cứu giúp chúng sanh chăng? Ngài với thọ, không thọ, Tâm tưởng bình đẳng không?

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:
Ngài từ tâm diệu nguyện, Độ tất cả chúng sanh,
Với các thọ, không thọ, Tâm tưởng thường bình đẳng.

Ế-ma-ba-để nói kệ hỏi:
Là cụ túc minh đạt, Hạnh đã thành tựu chăng?
Các lậu diệt sạch hết, Không thọ đời sau ư?
Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:
Minh đạt đầy đủ cả, Chánh hạnh đã thành tựu,
Các lậu đã dứt sạch, Không còn thọ thân sau.
Ế-ma-ba-để nói kệ hỏi:
Mâu-ni ý hành mãn, Nghiệp, thân, miệng mãn chăng?
Minh hạnh đầy đủ cả? Dùng pháp tán thán ư?
Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:
Tâm Mâu-ni đầy đủ? Nghiệp thân, miệng tròn dầy,
Minh hạnh thảy đầy đủ5 Dùng pháp mà tán thán.
Ế-ma-ba-để nói kệ hỏi:
Xa lìa hại sinh vật, Không cho, chẳng lấy chăng?
Xa lìa sự phóng đãng, Không rời thiền tư chăng?
Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:
Thường không hại chúng sanh, Không cho, không lấy trộm,
Xa lìa sự phóng đãng, Ngày đêm thường thiên tư.
Ế-ma-ba-để nói kệ hỏi:
Không ưa thích ngũ dục, Tâm không trược loạn chăng?
Có Pháp nhãn thanh tịnh, Diệt hết ngu si chăng?
Sa-đa-kỳ-lợi đáp:
Tâm thường không ưa dục, Tâm cũng không loạn động,
Phật Pháp nhãn thanh tịnh, Ngu si sạch, không sót.
Ế-ma-ba-để nói kệ hỏi:
Chí thành không vọng ngữ, Nói lời thô tháo chăng
Không nói lời ly gián, Đều nói chân thật chăng?
Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:
Chí thành không vọng ngữ, Cũng không nói thô tháo,
Không ly gián người khác, Thường nói lời như pháp.
Ế-ma-ba-để nói kệ hỏi:
Có giữ giới thanh tịnh, Chánh niệm vắng lặng chăng?
Đầy đủ pháp giải thoát, Như Lai đại trí chăng?

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp: Tịnh giới đều đầy đủ, Chánh niệm thường tịch tĩnh, Thành tựu pháp giải thoát, Được đại trí Như Lai. Ế-ma-ba-để nói kệ hỏi: Minh đạt thảy đầy đủ, Chánh hạnh đã thanh tịnh, Sở hữu các lậu sạch, Còn thọ thân sau chăng? Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp: Minh đạt đã đầy đủ, Chánh hạnh đã thanh tịnh, Tất cả các lậu sạch, Không còn thọ thân sau. Ể-ma-ba-để nói kệ hỏi: Mâu-ni đủ thiện tam, Và thân, miệng hành

nghiệp, Minh hạnh thảy đầy đủ, Tán thán pháp này chăng? Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp: Mâu-ni thiện tâm đủ, Và thân, miệng hành nghiệp. Minh hạnh thảy đầy đủ, Nên tán thán pháp này. Ế-ma-ba-để lại nói kệ: Gót nai Y-ni-diên, Tướng tốt của tiên nhơn, ít ăn không tham dục, Mâu-ni ở rừng thiên, Ong nay hãy cùng di, Kính lễ Cù-đàm kia. Lúc ấy, có trăm ngàn quỷ thần quyến thuộc vây quanh, Sa-đa-kỳ-lợi và Ế-ma-ba-để vội vàng đi đến chỗ Phật, đảnh lễ, cúng dường. Cả hai đều sửa lại y phục, trật bày vai bên hữu, chắp tay kính lễ và nói kệ: Gót nai Y-ni-diên, Tướng tốt của tiên nhơn, r

ít ăn không tham dục, Mâu-ni vui rừng thiền. Hôm nay chúng con đến, Xin hỏi đức Cù-đàm, Sư tử đi một mình, Rồng lớn không sợ hãi. Nên nay đên xin hỏi, Xin Mâu-ni quyết nghi, Thế nào được hết khổ? Làm sao giải thoát kho? Xin Ngài nói giải thoát, Khổ diệt ở chỗ nào? The Ton noi kê đáp: Năm dục ở thế gian, Vày nói thứ sáu, Với kia không tham dục, Giải thoát tất cả khổ. Như thế ra khỏi khổ, Như thế giải thoát khổ. Nay đáp câu hỏi ông, Khổ theo đây mà diệt. Hai thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi và Ế-ma-ba-để nói kệ hỏi: Suôi quay lại từ dâu, Đường ác sao không chuyên, Những khổ vui thế gian, ở đâu mà diệt sạch?

KINH TẠPA-HÀM 1093

Thế Tôn nói kệ đáp:
Măt, tai, mũi, lưỡi, thân, Và cùng ý nhập xứ,
Với danh và sắc kia, Diệt sạch hết, không sót.
ở đó suối quay lại, ở đó đường không chuyển,
Với khổ và vui kia, Dứt sạch hết không còn.
Sa-đa-kỳ-lợi và Ế-ma-ba-để nói kệ:
Thế gian mấy pháp khởi? Đời mấy pháp hòa hợp?
Đời mấy pháp giữ gìn? Mấy pháp khiến đời diệt?

The Ton noi kẹ đáp:
Sáu pháp khởi thế gian, Sáu pháp hòa hợp đời,
Sáu pháp giữ gìn đời, Sáu pháp tổn giảm đời.
Sa-đa-kỳ-lợi và E-ma-ba-đê nói kệ hỏi:
Làm sao qua các dòng, Ngày đêm siêng tinh tấn,
Không dính, không chỗ trụ, Và không chìm vực sâu?
Thê Tôn noi kẹ đáp:
Tất cả giới đầy đủ, Trí tuệ khéo chánh thọ,
Như tư duy nhiếp niệm, Thì qua được vực sâu.
Không ưa các dục tưởng, Cũng vượt sắc trói buộc,
Không dính, không chỗ trụ, Không chìm ở vực sâu.
Sa-đa-kỳ-lợi và Ế-ma-ba-để nói kệ hỏi:
Pháp gì qua các dòng? Do đâu qua biển lớn?
Làm sao xa lìa kho? Làm sao được thanh tinh?

Thê Tôn noi kẹ đáp:
Chánh tín qua các dòng, Không buông lung qua biển,
Tinh tấn hay dứt khổ, Trí tuệ được thanh tinh.
Thê Tôn lại noi kê:
Ông có thể hỏi khác, Pháp Phạm chí Sa-môn,
Chân thật thì điều phục, Trừ đây không pháp khác.
Ế-ma-ba-để lại nói kệ:
Lại hỏi điều gì khác, Pháp Phạm chí Sa-môn?
Hôm nay đại tinh tấn, Đã khéo léo khai dẫn.
Nay con phải báo đáp, ơn Sa-đa-kỳ-lợi5
Hướng dẫn đến Thế Tôn, Bảo với chúng con rằng,
Con nên đến thôn xóm, Đi theo Phật từng nhà,
Kính thờ lễ cúng dường, Theo Phật nghe Chánh pháp.
Trăm ngàn quỷ than này, Đều chắp tay cung kính,
Tất cả quy ỵ Phật, Đấng Đại Sư Mâu-ni.
Nổi tiếng đấng Vô thượng, Ắt thấy nghĩa chân thật,
Thành toi đại trí tuệ, Với dục không nhiễm trước.
1094 KINH TẠPA-HÀM

Người trí nên quan sát, Cứu hộ kẻ thê gian, Được dấu đạo Hiền thánh, Ẩy là đại tiên nhơn. Phật nói kinh này xong, Sa-đa-kỳ-lợi, Ế-ma-ba-để cùng các quyến thuộc năm trăm quỷ thần nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ lê Phật lui vê.

KINH SÔ 1330 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên đang tru trong núi Kỳ-xà quật. Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất mới cạo râu tóc, bỗng có hai con quỷ Già-tra và Ưu-ba-già-tra đi ngang. Quỷ ưu-ba-già-tra thấy Tôn giả Xá-lợi-phất mới cạo đau, bèn nói với quỷ Già-tra: Bây giờ tôi sẽ đến đánh cái đầu của ông Sa-môn kia.

Quỷ Già-tra nói: Anh ưu-ba-già-tra5 chớ nói the! Vị Sa-môn này thần lực đức độ rất lớn. Anh làm the sẽ mãi mãi chịu đau kho, không được lợi ích. Quỷ Già-tra can ba lần như thế mà quỷ Ưu-ba-già-tra không nghe lời, liền lấy tay đánh đau Tôn giả Xá-lọi-phất, đánh xong, quỷ ưu-ba-già-tra hét lên eqỳqỳqkắêâauỳu

KINH TẠPA-HÀM 1095

Phật nói kinh này xong, hai vị Tôn giả nghe lời Phật, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1331 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà5 trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có chúng nhiều Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian và kiêt hạ an cư trong một cánh rừng. Trong rừng ấy có thiên thần ở? biết đến ngày mười lăm các Tỳ-kheo mãn hạ nên vị thần ấy rất buồn bã. Vị thần khác nói với vị thần ấy: Anh cớ gì sinh ra buồn rầu như thế? Anh nên vui vẻ, vì các Tỳ-kheo trì giới thanh tịnh, hôm nay mãn hạ. Thiên thân trong rừng đáp: -Tôi biêt các vị Tỳ-kheo hôm nay mãn hạ, nhimg không giông ngoại đạo vô tàm mãn hạ. Những Tỳ-kheo tinh

tân sau khi mãn hạ xong, sáng hôm sau ôm bát đến nơi khác, rừng này sẽ vắng vẻ. Khi các Tỳ-kheo đi rồi, thiên thần trong rừng nói kệ: Hôm nay tôi không vui, Chỉ thấy rừng văng vẻ, Tâm thanh tinh thuyết pháp, Các Tỳ-kheo đa văn, Đệ tử đấng Cù-đàm, Nay đang đến xứ nào? Khi ấy vị thiên tử khác nói kệ: Có đến Ma-già-đà, Có đến Câu-tát-la5 Cũng đến Kim cương địa5 Mọi nơi tu viễn ly, Giống như chúng cầm thú, Tùy sở thích dạo chơi.

KINH SỐ 1332 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, có chúng nhiều Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la5 du hành trong nhân gian và kiết hạ an cư trong một cánh rừng. Ban ngày nhập đinh, thân thê mệt mỏi, nên Tỳ-kheo ấy năm xuông ngủ. Lúc đó trong rừng có bôn vị thiên thân trú ngụ, thấy Tỳ-kheo ấy, khởi nghĩ rằng: “Dây chẳng phải là pháp Tỳ-kheo. ơ trong rừng vắng ban ngày thì nhập đinh, ban đêm lại ưa ngủ nghỉ. Bây giờ Ta hãy thức tỉnh vị ấy." Lúc đó thiên thần đến

Dục vô thường, không hăng, Làm say mê người ngu, Người khác đều bị cột, Nay Ngài đã giải thoát, Chánh tín mà xuất gia, Cớ sao mê ngủ nghỉ? Đã điều phục tham dục, Tâm kia được giải thoát. Trí thắng diệu đầy đủ, Xuất gia sao lại ngủ? Cần tinh tấn chánh định, Thường tu sức kiên cô, Chuyên cầu Bát-niết-bàn, Làm sao mà ngủ nghỉ? Khởi minh, đoạn vô minh, Diệt sạch các hữu lậu, Điều phục thân sau rốt, Vì sao mê ngủ nghỉ? Khi vi thiên thần ấy nói kệ, Tỳ-kheo kia nghe xong, chuyên tinh tư duy, đắc A-la-hán.

KINH SỐ 1333 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có vi Tỳ-kheo ở trong rừng Câu-tát-la? vào lúc ban ngày nhập định, tâm khởi giác tưởng bất thiện, chạy theo niệm tham ác. Lúc đó trong rừng có vị thiên thần đang trú ngụ, khởi nghĩ: "Đây chẳng phải là pháp của Tỳ-kheo5 ở trong rừng ban ngày nhập đinh, tâm khởi giác tưởng bất thiện, chạy theo niệm ác. Bấy giờ ta hãy đến nhắc nhở vị Tỳ-kheo ấy.” Thiên thần liền đến chỗ Tỳkheo nói bài kệ: Xa lìa tâm dục này. Dừng trụ ở rừng văng, Phóng tâm theo ngoại duyên, Dong ruổi theo loạn tưởng, Điều phục tâm mến đời, Thường vui tâm giải thoát, Nên bỏ tâm buồn phiền, Trụ vào tâm an lạc, Nghĩ rằng phải chánh niệm, Chớ dính ngã, ngã sở, Như dùng bụi xoa đầu, Chớ để đắm ưa thích. Tâm dục làm trược loạn, Như họ thích cưỡi ngựa, Đi tung bụi mịt mù, Tỳ-kheo đối tự thân, Chánh niệm trừ trần cấu, Trần gọi là tham dục, Chẳng phải bụi thế gian. Người trí tuệ sáng suốt, Phải ngộ trân câu kia, ở Pháp, Luật Như Laỳuúỳăĩỳð .ăõăỳuắắkêỳua; Giữ tâm không buông lung, Chẳng phải bụi thế gian. Phải ngộ trần cấu này, Giữ tâm chớ buông lung, Chẳng phải bụi thế gian. Nên xả trần cấu này, Giữ tâm không buông lung.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà ở nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, dừng nghỉ trong một cánh rừng. Bấy giờ có thiên thần tên Xà-lân-ni vốn là thiện tri thức của Tôn giả A-na-luật9 đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, nói kệ: Nay ngài hãy phát nguyện, Nguyện

sinh lại chốn cũ, Trên cõi trời Ba Ba, Năm dục lạc đầy đủ, Trăm thứ âm nhạc trời, Thường dùng tự vui chơi. Mỗi lần đến giờ ngủ, Âm nhạc báo cho biết, Hàng chư thiên ngọc nữ, Ngày đêm hầu hai bên. Tôn giả A-na-luật nói kệ đáp: Hàng chư thiên ngọc nữ, Đều là nhóm khổ lớn, Do họ tưởng điên đảo, Trói buộc theo thân kiến. Người cầu sinh nơi đó, Đây cũng là khổ lớn, Xà-lân-ni nên biết, Ta không nguyện sinh kia, Sinh tử đã dứt sạch, Không còn thọ thân sau. Tôn giả A-na-luật nói lời này, thiên tử Xà-lân-ni nghe xong, hoan hỷ, tùy hỷ biến mất.

KINH SỐ 1337 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà9 trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, có Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, dừng nghỉ trong một khu rừng, siêng tụng kinh, siêng giảng thuyết, tinh tân tư duy, đắc quả A-la-hán. Khi chứng quả roi, không còn siêng tụng kinh, giảng thuyết nữa. Khi ây có vị thiên thần đang ở trong rừng đó, nói kệ: Ngài Tỳ-kheo trước kia, Ngày đêm siêng tụng tập, Thường cùng các Tỳ-kheo5 Bàn luận nghĩa quyết đinh. Nay ngài đối pháp cú, Im lặng không chịu nói, Không cùng các Tỳ-kheo5 Bàn luận nghĩa quyết định. Tỳ-kheo ấy nói kệ đáp: Xưa chưa lìa dục được, Tâm thường ưa pháp cú, Nay tâm đã lìa dục, Việc tụng thuyết đã xong, Trước biết đạo đầy đủ5 Thấy, nghe đạo làm gì? Các thấy, nghe thế gian, Không bằng buông xả hết. Sau khi thiên thần nghe Tỳ-kheo kia nói kệ, hoan hỷ, tùy hỷ, biến mất.

KINH SỐ 1338 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc.

KINH TẠPA-HÀM 1099

Bây giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, dừng nghỉ trong rừng. Tỳ-kheo ấy bi bệnh mắt, vâng lời thầy dạy phải ngửi mùi hương hoa bát- đàm-ma. Tỳ-kheo này đi đến bờ ao hoa bát-đàm-ma, rồi ngồi một bên bờ ao theo chiều ngược gió để ngửi mùi hương. Khi đó có vị thiên thần chủ bờ hồ sen này nói với Tỳ-kheo ấy: Sao ngài lại ăn trộm hoa? Ngài là người trộm hương.

Tỳ-kheo nói kệ đáp:
Không phá cũng không lấy, Chỉ đứng xa ngửi hương,
Ông tại sao lại nói, Ta là kẻ trộm hương?
Thiên thần nói kệ:
Không xin mà tự lấy, Thế gian gọi là ựộm?
Nay người ta không cho, Mà tự đến ngửi lấy,
Theo the gian gọi đó, Đích thật là trộm hương.
Lúc đó có một người đến nhổ ngó sen mang đi. Bấy giờ Tỳ-kheo kia vì thiên thần ấy nói bài kệ:
Nay như người kia đó, Bẻ gãy phân-đà-lợi,
Nhổ rễ mang đi cả, Mới là người gian xảo.
Ong cớ sao không ngăn, Mà nói ta trộm hương?
Thiên thần nói kệ đáp:

Người gian xảo cuồng loạn, Giống như áo bà vú,
Đâu cần nói gì thêm, Chỉ có thể nói ngài, r ọ
Cà-sa dơ không được, Ao đen mực chăng dơ,
Cũng chẳng e bị dơ, Người hung ác gian xảo,
Thế gian không nói tới, Lằn bò dơ lụa trắng,
Sáng bóng vét nhỏ hiện, Như mực dính ngọc dá,
Tuy nhỏ nhưng hiện rõ, Thường theo kia tìm sạch,
Không biết sạch phiền não9 Ác nhỏ như lông tóc,
Người thấy như núi Thái.
Tỳ-kheo lại nói kệ:
Nói hay lắm! Hay lắm! Lấy nghĩa an ủi tôi,
Người hay thường vì tôi, Luôn luôn nói kệ này.
Thiên thần lại nói kệ:
Tôi chẳng phải tôi tớ, Chẳng phải người cùng ngài, r
Làm sao thường theo ngài? Luôn luôn nhác nhở nhau, Nay ngài nên tự biết, Những sự lợi ích kia. Sau khi thiên thần ấy nói kệ, Tỳ-kheo kia nghe xong, hoan hỷ đứng lên, một mình đi đến chỗ thanh vắng, chuyên tinh tư duy, đoạn dứt các phiền não, đắc A-la-hán.

1100 KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 1339 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xả, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Tôn giả Thập-lực-ca-diếp đang ở trong hang tiên nhơn, thành Vương Xá. Lúc đó có người thợ săn tên là Xích Chi, cách Ton giả Thập-lực- ca-diếp không xa, giăng lưới bắt nai. Tôn giả Thập-lực-ca-diếp vì thương xót người thợ săn nên thuyết pháp cho ông ấy nghe, nhưng người thợ săn không ngộ những lời ngài nói. Tôn giả Thập-lực-ca-diếp bèn dùng thần lực làm lửa cháy đầu ngón tay, nhưng người thợ săn vẫn không ngộ. Bấy giờ vị thiên thân đang ở trong hang tiên nhơn, nói kệ: Thợ săn trong núi sâu, Trí nhỏ, mù không mắt, Sao nói không đúng lúc, Đức mỏng không trí tuệ. Nghe rồi cũng không hiểu, Trong sáng cũng không thấy Với những pháp thiện thang, Ngu si chẳng thể rõ, Dù đốt mười ngón tay, Kia trọn không thấy lẽ. Sau khi nghe vị thiên thần nói kệ, Tôn giả Thập-lực-ca-diếp liền im lặng.

KINH SỐ 1340 Tôi nghe như vầy: Một thòi, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, có Tôn giả Kim Cương Tử ở trong rừng, ấp Ba-liên-phất. Lúc đó dân chúng ấp Ba-liên-phất qua bốn tháng mùa hạ, mở đại hội Kiều-mâu-ni. Tôn giả Kim Cương Tử nghe dân chúng mở đại hội sinh tâm không vui, nói kệ: Một mình ở rừng vắng, Như cây khô bị b6, Mùa hạ cuối tháng tư, Thế gian thích trang nghiêm, Xem khắp các thế gian, Không ai khổ hơn ta. Khi ây vi thiên thân trong rừng nói kệ: Một mình trong rừng vắng, Như cây khô bị bỏ, Vì trời Ba Mươi Ba, Tâm thường nguyện an vui, Giống như trong địa ngục, Mong muốn sinh cõi người. Lúc đó Kim Cương Tử nhờ vi thiên thần khuyến phát nên chuyên tinh tư duy, đoạn dứt phiên não, đác A-la-hán.

KINH SỐ 1341 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giờ9 có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, dừng nghỉ

trong một khu rừng, chỉ ưa trì giới, công đức không the tăng tiến lên được. Lúc đó

KINH TẠPA-HÀM^ noi

vị thiên thần trong rừng khởi nghĩ: "Bây không phải là pháp Tỳ-kheo; ở trong rừng chỉ ưa trì giới, công đức không thể tăng tiên d ng ——ta phải đên lên được, - dùng phương tiện cảnh tỉnh Tỳ-kheo ấy.” Liền " nói ,•... kệ: Chẳng phải chỉ trì giới, Và tu tập đa văn, Một mình thiền tam-muội? Nhàn cư tu viễn ly. Tỳ-kheo nương hơi thở, Trọn không được lậu tận, Vui bình đẳng giác quán, Rất xa bọn phàm phu. Tỳ-kheo được thiên thần khuyên tinh tấn, chuyên tinh tư duy, đoạn dứt các phiền não, đắc A-la-hán.

KINH SỐ 1342 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. r Bây giờ, có Tôn giả Na-ca-đạt-đa ở nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, dừng nghỉ trong một cánh rừng, có những người tại gia và xuất gia thường gần gũi nhau. Vị thiên thần ở trong rừng kia khởi nghĩ: uĐây không phải là pháp Tỳ-kheo; ở trong rừng mà người xuất gia và tại gia cùng nhau thân cận, ta nên đi đến dùng phương tiện cảnh tỉnh.^, Thiên thần liền nói kệ: Tỳ-kheo sáng sớm di, Chiêu lại trở vê rừng, Đạo tục gần gũi nhau, Khổ vui ắt cùng chung, E gặp nhà buông lung, Mà bị ma sai sử. Tỳ-kheo Na-ca-đạt-đa được thiên thần nhắc nhở như thế, chuyên tinh tư duy, đoạn dứt phiền não, đắc A-la-hán.

KINH SỐ 1343 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có chúng nhiều Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, dừng lại trong một cánh rừng, nói năng, cười giỡn suốt ngày, tâm tán loạn không định, buông thả các căn, chạy theo sáu trần. Lúc ấy có vi thiên thần ở trong rừng này thấy Tỳ-kheo thân không nhiếp oai nghi, trong lòng không vui, nói kệ: Trước đây có Cù-đàm5 Chúng đệ tử chánh mạng, Quán vô thường, khất thực, Và thọ dụng sàng cụ. Do quán đời vô thường, Được cứu cánh hét khô, Nay có chúng khó nuôi, ở vào chỗ Sa-môn? Xin ăn uống mọi nơi, Rảo khắp hết mọi nhà, Cầu tài mà xuất gia, Không đúng nguyện Sa-môn5 Tăng-già-lê luộm thuộm, Như trâu già kéo đuôi.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với thiên thần: Người muốn chán chúng tôi ư?

Thiên thân lại nói kệ: Không chỉ tên họ ai, Đều nói hết người kia, Hướng chung đến chúng ấy, Nói những người không tốt. Đối người tướng lôi thôi, Phương tiện nói lỗi họ, Đối người siêng tu tập, Quy y cung kính lễ. Sau khi được thiên thần nhắc nhở, các Tỳ-kheo đều chuyên tinh tư duy, đoạn dứt phiền não, đắc A-la-hán.

KINH SỐ 1344 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, dừng nghỉ ở trong một cánh rừng. Tỳ-kheo kia đùa giỡn với các bà trưởng giả, bị mang tiếng không tốt. Do đó? Tỳ-kheo khởi nghĩ: "Nay ta không phải là loại với phụ nữ kia mang tiếng xấu, ta muốn tự sát ngay trong rừng nSy.” Lúc ấy vi thiên thầii ở trong rừng kia nghĩ: "Không tốt rồi! Không hay rồi! Tỳ-kheo này không thể tự hủy hoại, không lỗi mà

lại ở trong rừng này muốn tự sát. Ta hãy dùng phương tiện khai ng0.” Vị thiên thân kia hóa thân làm phụ nữ trưởng giả kia, nói với Tỳ-kheo răng: -ở ngoài đường, các ngã tư mọi người đều đồn tiếng xấu về tôi và ngài gần gũi nhau, làm những việc bất chánh. Von đã bị tiếng xấu, bây giờ xin ngài nên hoàn tục để cùng nhau hưởng lạc. Tỳ-kheo đáp: -ở ngoài đường, các ngã tư mọi người đồn tiếng xấu về ta và ngươi gần gũi nhau, làm những điêu bát chánh, nên hôm nay tôi mới tự sát. Vị thiên thần kia liền hiện lại thân trời, nói kệ: Tuy mang nhiều tiếng xấu, Người khổ hạnh nhẫn nhục, Không nên khổ tư hại, Cũng không nên phiền não. Người nghe tiếng mà sợ, Là cầm thú trong rừng, Là chúng sanh khinh động, Không thành pháp xuất gia. Nhơn giả nên kham nhẫn, Chẳng dính mắc tiếng xấu, Người giữ tâm vững chắc, Đó là pháp xuất gia. Không vì người ta nói, Khiến ngài thành giặc cướp, Cũng không vì người nói, Khiến ngài đắc La-hán, Như ngài tự biết rồi, Chư thiên cũng biết nữa. Nhờ sự khai ngộ của thiên thần, Tỳ-kheo ấy chuyên tinh tư duy, dứt phiền não, đăc A-la-hán.

KINH TẠPA-HÀM 1103

KINH SÒ 1345 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tôn giả Kiến-đa ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, dừng lại trong cánh rừng, chuyên mặc y phấn tảo. Lúc đó vua Phạm thiên cùng với bảy trăm vị trời Phạm thiên từ cung điện của họ đi đến chỗ Tôn giả Kiến-đa, cung kính lễ bái. Lúc bấy giờ thiên thần ở trong rừng ấy nói kệ: Thây kia lặng các căn, Cảm đến khéo cúng dường, Đạt Tam minh đầy đủ, Được pháp không khuynh động, Độ tất cả phương tiện, Y phấn tảo, ít việc, Bảy trăm vị Phạm thiên, Nương cung điện đi đến, Thấy sinh tử hữu biên, Đảnh lễ qua bờ kia. Thiên thần nói kệ tán thán Tỳ-kheo Kiến-đa xong, liền biến mất.

KINH SỐ 1346 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, dừng lại trong một cánh rừng. Tỳ-kheo ấy thân thể mệt nhọc, đêm đến mê ngủ nghỉ. Vi thần r r trong rừng đó đên nhác nhở, nói kệ: Hãy tỉnh dậy Tỳ-kheo! Cớ sao mà ngủ nghỉ? Ngủ nghỉ có nghĩa gì? Tu thiền chớ ngủ nghỉ. Tỳ-kheo ây nói kệ đáp: Không kham phải làm sao? Lười biếng ít tinh tấn, Duyên hết, thân thể mệt, Đêm đến mê ngủ nghỉ. Thiên thần lại nói kệ: Ông hãy nên giữ gìn, Vật có tiếng kêu lớn, Ông đã được tu hành, Chớ để cho giảm sút. Tỳ-kheo ấy nói kệ đáp: Tôi sẽ nghe lời ông5 Tinh cần tu phương tiện, Không để bị mê ngủ? Luôn luôn che tâm tôi. . . \ r 1 M A Sau khi thiên thân đem những lời này cảnh tỉnh Tỳ-kheo? Tỳ-kheo ây chuyên cần tinh tấn, dứt các phiền não, đắc A-la-hán. Thiên thần nói kệ: Ông có thể thức tinh, Chuyên cần tu tinh tấn, Không bị bọn quân ma, Ép ông5 bắt ngủ nghỉ.

1104 KINH TẠPA-HÀM

Tỳ-kheo nói kệ đáp:
Từ nay đến bảy đêm, Thường ngồi chánh tư duy,
Thân thể được vui vẻ5 Không điều gì bất mãn.
Đầu đêm quán túc mệnh, Giữa đêm Thiên nhãn tịnh,

Cuối đêm trừ vô minh, Thây chúng sanh khô vui,
Hình loại thượng, trung, hạ, Biết do nghiệp nhân gì5
Mà thọ quả báo này. Nấu người hay tạo tác,
Tạo tác lại tự thấy, Người lành thay việc lành,
Người ác tự thây ác.
Thiên thần lại nói kệ:
Toi biết trước tất cả, Tỳ-kheo mười bốn người,
Đều là Tu-dà-hoàn, Thảy được thiền chánh
Đi đen trong rừng này,
Thay ong chi giai đãi,
Chớ để như phàm phu,
Tỳ-kheo lại nói kệ:
Lành thay! Đấng thiên thần!
Chí thành giúp khai ngộ,
Thiên thần lại nói kệ:
Tỳ-kheo nên như thế,
Ong ngu si xuất gia,
Tôi nay nhiếp thọ ông,
Nếu khi ông đau ốm,
Thiên thần ấy nói kệ xong, biến mất.
KINH TẠPA-HÀM 1105

KINH SỐ 1348 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, có Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, dừng lại ở trong một cánh rừng, tuy đắc Tha tâm trí mà phiền não vẫn còn. Cách rừng không xa, có cái giếng. Một hôm có con dã can đến uống nước, cổ dã can bị măc kẹt trong cái ghè nước. Dã can tìm đủ cách đê rút ra nhưng không được, nó tự nghĩ: "Trời sắp sáng rồi, người nông dân đi ra sẽ khủng bố tôi. Ông múc nước vào ghè để khủng bố tôi lâu rồi, hãy giúp cho tôi thoát ra.” Vị Tỳ-kheo biết được tâm niệm của dã can, liền nói kệ: Mặt trời Phật tuệ chiếu, Lìa rừng nói pháp Không, Tâm từ lâu sợ ngã, Nay nên buông xả đi. Tỳ-kheo tự nhắc nhở mình rồi, tất cả phiền não dứt sạch, đắc A-la-hán.

KINH SỐ 1349 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại nước Câu-tát-la5 du hành trong nhân gian, dừng nghỉ ở trong một cánh rừng. Bấy giờ, có một thiên thần ở trong rừng đó thấy dấu chân Phật, cúi xuống xem kỹ, tu tập niệm Phật. Lúc bấy giờ có con chim iru-lâu đứng giữa đường, muốn bước lên dấu chân Phật. Thiên thần kia liền nói kệ: r Hôm nay chim ưu-lâu, Mát tròn đậu trên cây, Chớ xóa vết Như Lai, Mất cảnh ta nhớ Phật. Thiên thần nói kệ xong, im lặng niệm Phật.

KINH SỐ 1350 Tôi nghe như vay: Một thòi, Phật trú tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian và tạm trú nơi cội cây ba-sất-lợi trong rừng. Khi ấy thiên thần trong rừng nói kệ: Hôm nay gió chợt đến, Thổi cây sất-lợi kia, Hoa sất-lợi rơi đầy, Cúng dường đức Như

Lai. Thiên thần nói kệ xong, im lặng.

KINH SỐ 1351 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá? trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

1106 KINH TẠP A-HÀM

Bấy giờ, có chúng nhiều Tỳ-kheo đang trú ở cạnh núi Chi-đề đều là những Tỳ-kheo A-lan-nhã, đắp y phấn tảo, thường đi khất thực. Lúc đó sơn thần trụ ở ngọn núi đó nói kệ: Thân khổng tước đủ màu, ở núi Tỳ-đề-hê, Tùy thời hót tiếng hay, Biết Tỳ-kheo khất thực. Thân khổng tước đủ màu, ở núi Tỳ-đề-hê5 Tùy thời hót tiếng hay, Biết người đắp y vá. Thân khổng tước đủ màu, ởnúiTỳ-đề-he, Tùy thời hót tiếng hay, Biết người ngồi cội cây. Thiên thần nói kệ xong, im lặng.

KINH SỐ 1352

Tôi nghe như vay:

Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, có chúng nhiều Tỳ-kheo ở núi Chi-đề đều tu hạnh A-lan-nhã9 đắp y phấn tảo, thường đi khất thực. Bấy giờ bờ sông Na-ta-khư-đa bị lở, làm chết ba vị Tỳ-kheo đang tạo tác. Thiên thần trụ núi Chi-đề9 nói kệ:

Khất thực ở Lan-nhã5 Cẩn thận chớ

Không thấy sông Khư-đa?

Đè chết ba Tỳ-kheo,

Tỳ-kheo đắp y vá5

Không thấy sông Khư-đa,

Đè chết ba Tỳ-kheo5

Tỳ-kheo ngồi cội cây,

Không thấy sông Khư-đa,

Đè chết ba Tỳ-kheo

Thiên than nói kệ xong, im lặng.

KINH TẠP A-HÀM 1107

Tất cả bị đốt cháy, Không tuệ hay dập tắt, Đốt cháy các thọ dục, Cũng đốt khổ bất tác. Tỳ-kheo nói kệ xong, im lặng.

KINH SỐ 1354 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ có Tỳ-kheo ở bên bờ sông Hăng, dừng nghỉ trong một cánh rừng. Khi ây có một thiếu nữ thường bị cô cậu quở trách, nên đến bên bờ sông Hằng nói kệ: Sông Hằng nay tôi muốn, Theo dòng nước ra biển, Không còn để cô cậu, Luôn luôn bị hiềm trách. Tỳ-kheo ây nghe thiêu nữ nói kệ như vậy, bèn khởi nghĩ: "C6 gái kia còn có thể nói ke, sao ta không nói kệ đáp l@i?" Tỳ-kheo ấy liền nói kệ: Nay ta muôn tịnh tín, Theo nước Bát Thánh kia, Trôi theo đến Niết-bàn5 Không gặp ma trói buộc. Tỳ-kheo nói kệ xong, im lăng.

KINH SỐ 1355 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật tru tại thành Vương Xá, trong Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, dừng nghỉ ở trong một cánh rừng. Cách rừng không xa, có trồng một đám ruộng dưa. Vào lúc ban đêm có kẻ trộm đến trộm dưa, thấy mặt trăng vừa mọc liền nói kệ: Trăng sáng, ngươi chớ hiện, Đợi ta hái trái dưa, Ta đem dưa đi rồi, Mặc ngươi hiện hay không. Khi ấy Tỳ-kheo nghĩ rằng: "Kẻ trộm còn có thể nói kệ, chẳng lẽ ta không nói kệ trả lời sao?" liền nói kệ: Ác ma, ngươi chớ hiện, Đợi ta đoạn phiền não, Đoạn phiền não kia rồi, Mặc ngươi hiện hay không. Tỳ-kheo nói kệ xong, im lặng.

KINH SỐ 1356 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, tạm dừng nghỉ ở trong một cánh rừng. Lúc đó có một Sa-di nói kệ: Thế nào gọi là thường? Khất thực ắt là thường. Thế nào là vô thường? Tăng ăn là vô thường.

1108 KINH TẠPA-HÀM

Thế nào gọi là thẳng? Chỉ phướng nhân-đà-la. r 9 Thê nào gọi Cong chỉ thấy móc câu.

Thường chính là Niết-bàn.
Là các pháp hữu vi,
Đó là bát chánh đạo,
Cong là chỉ đường ác.
KINH TẠPA-HÀM 1109

Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la5 du hành trong nhân gian, dừng nghỉ ở trong một cánh rừng. Lúc đó có một người nghèo bên cạnh rừng, khởi tư tưởng mong ước, bèn nói kệ: Nếu được một con heo, Một bình đầy rượu ngon, Rót bưng một chén đầy, Người luôn luôn đem cho. Nếu người được như thế, Còn phải lo lắng gì! Tỳ-kheo kia khởi nghĩ: "Người nghèo này còn có thể nói kệ, sao ta không nói kệ đáp lại?" liền nói kệ: Nếu được Phật, Pháp, Tăng, Tỳ-kheo khéo thuyết pháp, Ta không bệnh, nghe hoài, Không sợ các ma oán. Tỳ-kheo nói kệ xong, im lặng.

KINH SỐ 1359 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, tạm dừng nghỉ ở trong một cánh rừng, Tỳ-kheo ấy suy nghĩ rằng: "Nếu được một xấp vải tốt dài bảy khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay để may cái y là ta thích tu thiện pháp." LÚC đó có vị thiên thân ở trong rừng kia khởi nghĩ: "Đây chăng phải là pháp Tỳ-kheo; ở trong rừng mà mong y tot.59 Khi ấy thiên thần hóa thành một bộ xương, đến trước vi Tỳ-kheo vừa múa vừa nói kệ: Tỳ-kheo cầu vải tốt, Bảy khuỷu rộng sáu thước, Ban ngày tư tưởng thế, Biết đêm đến nghĩ gì? Tỳ-kheo kinh hãi, thân run rẩy, nói kệ: Thôi, thoi, không cần vải, Đắp y vá được rồi, Ngày thấy bộ xương múa, Biết đêm đến thấy gì? Sau một phen kinh sợ, Tỳ-kheo ấy chánh tư duy, chuyên tinh tu tập, đoạn dứt phiền não5 đắc A-la-hán.

KINH SỐ 1360 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật tru tại nước Xá-vệ9 rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, dừng nghỉ ở trong một cánh rưng, đắc A-la-hán, các lậu dứt sạch, việc làm đã làm xong, đã bỏ

gánh nặng, đoạn các hữu kiết, chánh trí, tâm thiện giải thoát. Khi đó có một thiếu nữ, trong đêm tối, trời mưa nhỏ, sấm chớp dữ dội, ở trong rừng, muốn đi đến chỗ tình nhân. Thiếu nữ bị té trong bùn sâu, vòng xuyến bị gãy, chuỗi hoa rơi rụng. Nàng nói kệ:

Đầu tóc bị xổ tung, Chuỗi hoa rơi xuống bùn? Vòng xuyến đều gãy khúc, Chàng say đắm chỗ nào? Khi ấy Tỳ-kheo khởi nghĩ: “C6 gái còn có thể nói kệ, sao ta không nói kệ trả lòi?" Tỳ-kheo liền nói kệ: Phiền não đều gãy đứt, Qua vũng bùn sinh tử, Trói buộc đều tung rớt, Mười phương tôn kính ta. Tỳ-kheo nói kệ xong, im lặng.

KINH SỐ 1361 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-ve, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la9 du hành trong nhân gian, dừng nghỉ ở trong rừng cây, bên bờ sông. Lúc đó có cặp vợ chồng theo nhau qua sông, dừng lại ở bên bờ, đàn hát, cười giỡn, rồi nói kệ: Thương mên và phóng dật, Tiêu dao nơi cội cây, Nước chảy, chảy lại trong, Tiếng đàn thật tuyệt diệu, Trời xuân chơi thỏa thích, Khoái lạc còn gì hơn? Tỳ-kheo ấy nghĩ: "Hai người kia còn có thể nói kệ. sao ta không nói kệ dáp?“ liền nói kệ: Thọ trì giới thanh tịnh, Thương mến Đẳng Chánh Giác, Tăm rửa ba giải thoát, Khéo dùng, rất trong mát, Nhập đạo đủ trang nghiêm, Vui thích nào hơn đây? Tỳ-kheo nói kệ xong, im lặng.

KINH SỐ 1362 Tôi nghe như vầy: Một thòi, Phật tru tại nước Xá-vệ? rừng Kỳ-đà? trong vườn cấp Cô Độc. Bây giờ có Tỳ-kheo ở Câutát-la, du hành trong nhân gian, và dừng nghỉ ở trong rừng. Lúc đó có vi thiên thân nghe chim cáp nói kệ: Chim cáp nên tích tụ, Mè, gạo, lật, vân vân, ở ngọn cây trên núi, Làm hang ở trên cao, Nêu gặp lúc trời mưa, Yên tâm có thức ăn. Tỳ-kheo ấy nghĩ: "Bài kệ chim kia cũng giác ngộ ta", liền nói kệ: Phàm phu chứa pháp lành, Cung kính với Tam bảo, Khi thân hoại mệnh chung, Tinh thần, tâm an lạc. Sau khi Tỳ-kheo ấy nói kệ xong, liền tỉnh giác, chuyên tâm tư duy, dứt trừ phiền não, đắc A-la-hán.

HẾT TẠPA-HÀM

PHỤ LỤC l QUY CÁCH BIÊN TẬP TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHÁT GIÁO BỒ PHÁI

1. NGUỒN HÁN VĂN Nguôn tư liệu góc đê dịch, dò bản và tham khảo dựa theo Đại Chánh tân tu Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh gọi tắt là bản Đại Chánh được hình thành dựa trên nguồn tham khảo chính là Cao Ly Đại tạng kinh .Trong quá trình xử lý văn bản, các nhà biên tập Nhật Bản tiêu biểu là Takakusu Junjiro Cao Nam Thuận Thứ Lang và các cộng sự đã sử dụng thêm các nguồn kinh điển có liên quan như: Tư Khê tạng ở đời Nam Tống ,viết tắt là bản Tống ;Phổ Ninh tạng ở đời Nguyên ,viết tắt là bản Nguyên và Gia Hưng tạng ở đời Minh ,viết tắt là bản Minh .Khi cần chú thích vê nội dung có liên quan đên ba bản này, bản Đại Chánh ghi nguôn tham khảo là Tống, Nguyên, Minh . Ngoài ra, bản Đại Chánh thỉnh thoảng còn tham khảo các nguồn kinh điển khác, nhằm bổ sung vào những chú thích liên quan đến nội dung. Ví dụ: Chảnh Thương viện Thánh ngữ tạng bản ,viết tắt là bản Thánh

Chánh Thương viện Thánh ngữ tạng bản biệt tả , viết tắt là Thánh Ất ;Cung nội tỉnh đồ thư Liêu bổn , viết tắt là bản Cung ;Đại Đức tự bản ,viết tắt là bản Đức Vạn Đức tự bản ,viết tắt là bản Vạn Thạch Sơn tự bản ,viết tắt la bản Thạch . 2. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MÔT SỐ DỊCH GIẢ , Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một sô dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản su", "chính niêm", "chúng sinh,\.. đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn sy""chánh niêm", "chúng sanh".. đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu, Tỳ-kheo đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Tỳ-khiru đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân, Tỷ-khiêu

(đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền). 3. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM Ản bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa. 3.1. Thuật ngữ, giai vi, giới phẩm, địa vi, chức vụ 3.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết r e A a -Viêt thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiên não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uân, năm thủ uân, năm triên cái, mười phiên não, v.v... -Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhi dế, tam độc, tứ sinh, tứ niệm xứ, ngũ uân? ngũ căn, lục căn, lục độ? thát bảo, thát giác chi, bát công đức thủy, bát Thánh đạo, cửu thiền, thập pháp giới, v.v... -Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết "V6 nhân luận,\ thuyết "Luân hồi tịnh h6a", v.v... 3.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (citta), ý (mano), thức (yiñnāna), giới (s7), định (samādhi), tuệ (paññā), v.v... 3.1.3. Các nhân danh, địa danh và tên tổ chức tiếng nước ngoài đều viết đứng. Ví dụ: uất-đà-di (,Udāyi), động Thất Diệp (Sattapannaguhā), Thượng Tọa bộ (Theravâda), v.v... 3.1.4. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha, do-tuần, yết-ma, thiền-na, đàn-việt, đàn-tín, kiết-già, v.v... 3.1.5. Các danh từ riêng vừa phiên âm vừa dịch nghĩa: Viết hoa thành tô đâu và giữa chúng có gạch nôi. Ví dụ: Ni-kiên tử, Xá-lợi tử, v.v... 3.1.6. Các từ chỉ quả vi đặc biệt, giai vi, địa vi, chức vụ, học vi: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp sư, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại dức, Sư cô5 Trụ trì, Giáo sư, v.v... Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dư Niết-bàn5 v.v... 3.1.7. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỷ-kheo, Ta nhắc các ông rang../9 3.1.8. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,...

3.2. Danh từ riêng 3.2.1. Nhân danh, đỉa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa ờa:ạC\?ệKẤyq“X(āộằMsấHxậjụởýTăứBểJổầU;ho

4.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963. 4.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963). 4.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932 mà viết 1930-32. ' 4.6. Tỉnh lược số kệ, số trang (trong cước chú) Các kệ từ 108-115 được viết 108-15. -Trang 254-256 được viết là 254-56. -M. L 276-278 được viết là M. L 276-78. 5. CÁCH CHÚ THÍCH 5.1. Chú thích theo ấn băn Pâli của PTS 5.1.1. Tên tập + số tập + số trang. -S. I. 70 (Samyutta Nikāya. tập I5 trang 70). -Sn. 140 (Suttanipāta, trang 140). -J. L 389 ựātaka, tập I, trang 389). -Vin. II. 287 (Vỉnaỵa, tập II5 trang 287). -Vbh. 351(yibhañga, trang 351). -Kv. 401 {Kathāvatthu, trang 401). -DA. L 41-2 (Dīghā Nikãya Atthakathaṃ tập I5 trang 41 đến 42). 5.1.2. Tên tập + số kệ -Dh. v. 10 (Dhammapadaṃ kệ số 10). -Sn. v. 600 (Suttanipāta, kệ số 600). -Thag. v. 1196 (Theragãthã, kệ số 1196). 5.1.3. Tên tập + số chương 4- số mục + sổ kệ -Thag. 15.2-689 (Theragāthā. chương XV, mục 2, kệ số 689). 5.1.4. Tên tập + nhóm + sổ thứ tự kinh + đoạn -S. 56.25: l (Samyutta Nikãya. Tương ưng 56, kinh 25, đoạn 1). 5.1.5. Tên tập + số chương + số kỉnh - số tập + số trang -A. 8.21 - IV. 208 (Añguttara Nỉkãya. chương 8, kinh số 21; tập IV, trang 208). -S. 35.71-73 - IV. 43-4 {Samyutta Nikāya, Tương ưng 35, từ kinh 71 đến 73; tập IV, từ trang 43 đến trang 44).

5.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh Tất cả bản kinh, luật, luận bằng tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản. Các thông tin về người dịch, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, tham khảo ở phần Phụ lục. -GS. II. 42 nghĩa là The Book of the Gradual Sayings, vol. II, p. 42. -PC. 338, n. l nghĩa là Points of Controversy (Ẩ Translation of the Kathāvatthii), p. 338, note 1. 5.3. Chú thích tên bài kỉnh kết họp với tên tập kỉnh cùng vối (chương) + phẩm và số hiệu của bài kỉnh Kinh tham ải ựí. L L §1) nghĩa là Kinh tham ái này nằm trong Kinh Phật thuyết như vậy, chương I, phẩm L kinh số 1. Kinh châu báu (Sn. II. §1) nghĩa là Kỉnh châu báu này năm trong Kinh tập, phẩm II, kinh số 1. Kinh Bāhiya (JJd, I. §10) nghĩa là Kinh Bâhiya này nằm trong Kỉnh Phật tự thuyết, phẩm I, kinh số 10. 5.4. Chú thích tên kỉnh: Kết hợp ấn bản Pâli và tiếng Việt -D. 22, Mahāsatipatthāna Sutta (Kinh đại niệm xứ). Nghĩa là Trường bộ. kinh số 22, tên kinh trong tiếng Pâli là Mahāsatipatthāna Sutta, tên tiếng Việt là “Kinh đại niệm xứy -D. L 113, Sonadanda Sutta (Kỉnh Chủng Đức). Nghĩa là Trường bộ. tập L trang 113, Kỉnh Sonadanda Sutta bằng tiếng Pâli và Kỉnh Chủng Đức bằng tiếng Việt. 5.5. Trật tự của chú thích trong kỉnh

5.6.2. Tên kỉnh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ Trường A-hàm kỉnh và Trung A-hàm kỉnh. -Phạm động kỉnh (TOI. 0001.21. 0088Ồ12). Nghĩa là kinh

này thuộc DCT, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ Trường A-hàm kỉnh, 21 là số thứ tư của kinh trong bộ Trường A-hàm kinh; trang 0088, cột b, dòng thứ 12. -Cầu pháp kỉnh (r.01. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 01; 0026 là số hiệu của bộ Trung A-hàm kỉnh, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ Trung A-hàm kinh; trang 0569, cột c, dòng thứ 23. 5.6.3. Tên bộ kỉnh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ A-hàm. Biệt dịch TạpA-hàm. Tăng nhất A-hàm, vì nội dung kinh chỉ đe cập số thứ tự, không có tựa đề kinh. -Tạp M(r.O2. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT. tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kỉnh. 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ Tạp A-hàm kinh; trang 0299, cột c, dòng thứ 06. -Biệt Tạp,it (T.02. 0100.111. 0414al8). Nghĩa là kinh này thuộc DCT, tập 02; 0100 là số hiệu của bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kỉnh. 111 là số thứ tự của kinh trong bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kinh; trang 0414, cột a, dòng thứ 18. 5.6.4. Tên kỉnh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như Pháp củ kinh hoặc các bộ kinh Đại thừa. -Pháp cú kỉnh "Nê-hoàn phẩm” (7.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa la kinh này thuộc DCT, tập 04, 0210 là số hiệu của Pháp củ kinh, í6Nê-hoàn phẩm,, thứ 36, trang 0573, cột a, dòng thứ 23. 5.6.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận. -A-tỳ-đạt-ma Tập di môn túc luận (r 26 . 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc ĐCT. tập 26; 1536 là số hiệu của A-tỳ- đạt-ma Tập dị môn túc luận, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22. 5.6.6. Chú thích hai kỉnh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng Tăng.(r.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0125 là số hiệu của Tăng nhất A-hàm kinh, 11 là số thứ tự của "Bất đãi phẩm,\ số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4. -Tạp.(T.02. 0099.9-10. 0002a02-12). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kỉnh. 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12. 5.6.7. Tác phẩm khác -Lỵ (N.15. 0006.28. lJ)354aO5)LNghĩa là kinh này thuộc Hán dịch Nam truyền Đại tạng kinh ,tập 15; 0006 là số hiệu của Tương ưng bô kỉnh 28.l là nhóm 28 và kinh số 1; 0354a05 tức là trang 0345, cột a, dòng thứ 05.

-Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích (X.44. 744.5. 0442a02). Nghĩa là tập này trong Vạn tục tạng tập 44; 744 là số hiệu của Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích, 5 là quyển 5; 0442a02 tức là trang 0442, cọt a9 dòng 02. -Hoa Hī 7 (K28. 0028.4. 0101 a06). Nghĩa là tập này trong Ấn Thuận Pháp sư Phật học trước tác tập ,tập 28; 0028 là số hiệu của Hoa Vũ tập. 4 là phần 4; OlOlaOó tức là trang 0101, cột a? dòng 06. 6. CÁCH ĐỌC THẺ KỆ Trong bộ Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam, các đoạn kinh theo thê kệ, thơ được

Kathāvatthu, 2 vols.5 ed. by Taylor, A. c. (London: PTS, 1894-97). Kathāvatthu Atthakathaṃ ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1979). Khuddakapātha, ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915). Mahāvamsa, ed. by Geiger, w. (London: PTS? 1908). Majjhimā Nikāya, 3 volsed. by Trenckner, v. (London: PTS, 1888-99). Majjhimā

Nikāya Atthakathā (Papañcasūdarīī), 5 volsed. by Woods, J. H. Kosambī, Dand Homer, L B. (London: PTS, 1922-38). Mahāniddesa. 2 vols., ed. by Poussin, L. De La Vallee and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-17). Milindapañha - Milỉnda Tikā, ed. by Trenckner, v. (London: PTS? 1880). Nettipakarana. ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902). Niddesa Tikā (Saddhammapajjotika), 3 volsed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-40). ” Patisambhidāmagga, 2 vols.9 ed. by Taylor, A. c. (London: PTS, 1905-07). %: g Patisambhidāmagga .]*](Saddhammappakāsmī). 3 volsed. by Joshi. Atthakathā

Patthāna, ed. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1908). Petavatthu. ed. by Minayeff (London: PTS, 1888). Vimānavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886). Puggalapañňatti. ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883). Puggalapañňatti Atthakathaṃ ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, CA. F. (London: PTS? 1914). Samyutta Nikāya. 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1884-1904). Samyutta Nikāya Atthakathā (Sāratthappakāsim), 3 volsed. by Woodward, E L. (London: PTS, 1929-37). Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913). Suttanipāta Atthakathā (Paramatthajotikā II), 3 volsed. by Smith, H. (London: PTS, 1916-18). Theragāthā - Therīgāthā. ed. by Oldenberg, H., and Pischel, R. (London: PTS, 1883). ' Theragāthā Atthakathā (Paramatthajotikā V), 3 volsed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1940-59). Therīgāthā Atthakathā (Paramatthajotikā VI), ed. by Muller, E. (London: PTS? 1893)* Udānaṃ ed. by Steinthal, p. (London: PTS, 1885).

C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIÊNG ANH Rhys Davids, c. A. F,A Manual ofBuddhism (London: Sheldon Press, 1932). Rhys Davids, c. A. FBuddhism: A Study of the Buddhist Norm (London: PTS? 1912). Rhys Davids, c. A. F.5 Buddhism (London: PTS, 1912). Rhys Davids, T. WAmerican Lectures on Buddhism (New York: G. p. Putnam5son? 1896). Rhys Davids, T. W.Buddhist India (New York: G. p. Putnam'son; London: T. Fisher Unwin, 1903). Tāranātha, History ofBuddhism in India, tr. by Chipa, Lama; Chattopadhyaya, Alaka (from Tibetan), ed. by Chattopadhyaya, Debiprasad (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD., 1990 reprinted). Warren, Henry Clarke, Buddhism in Translations (Cambridge Massachusetts: Harvard University, 1922). Journal of the Pali Text Society, ed. by Rhys Davids, T. w. (London: PTS, 1882, etc.). Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824). D. TỪ ĐIỂN A Critical Pali Dictionary, ed. by Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924). Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953). Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. c. (London: PTS, 1874). Dictionary of Chinese Buddhist Terms. William Edward Soothill, Lewis Hodous, Digital version (Taipei: Dharma Drum Buddhist College, 2010). Dictionary of Pali Proper Names. 2 vols., by Malalasekera, G. p. (London: John Murray, 1937-38). Encyclopaedia ofBuddhism. 6 vols., ed. by Malalasekera, G. p.? Buswell, R. E, Weeraratne, w. G. and others (Government of Ceylon, 1961-99).

Encyclopedia ofReligion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908^27). English-Pali Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. p. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955). Pāli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T. w. and Stede, William (London: PTS? 1921-25). ” ’ search/node/pali%20dictionary.

PHỤ LỤC 2 1123

E. SÁCH VÀ TỪ ĐIỂN TIẾNG HÁN Anālayo, Madhyama-āgama Studies (Taipei, Taiwan: Dharma Drum Publishing Corporation, 2012). org/dict/dfb/data/ edu.tw/glossaries/KKJ?locale=zh-TW glossaries/KDRVlocale^zh-TW tw/data/lokaksema.dila.pdf buddhason.org/ad/index.htm

Kí

SÁCH DẪN

A ấp Ba-liên-phất 492, 499, 502, 531, 532, 542, 543, 544, 548, 550, 552, 553, 533, 534, 535, 539, 585, 1100 558, 563, 564, 594, 596, 615, 621, ác hạnh 205,243,244,356 521,556,617,1020 623, 628, 644, 680, 682, 708, 720, Ác ma 189, 530, 540, 861, 862, 863, 864, 726, 733, 759, 762, 767, 768, 769, 866, 867, 869, 870, 871, 872, 876, 770, 771, 772, 821, 822, 844, 851, 877, 940, 979, 980, 981, 982, 983, 855, 886, 893, 902, 916, 923 931, 984, 985, 986, 987, 994, 996, 1022, 933 936 950, 951, 953 959, 961, 1023, 1028, 1036, 1041, 1107 972, 989,991,9 96, 1004, 1 055, 1[086, ác tà kiến 51,96,97,99,743 1089, 1090, 1096, 1097, 1098, 1099, ác tuệ 357, 399, 400, 559, 563, 1049, 1100, HOI, 1102, 1103, 1104, 1105, 1050, 1060 1109,1110 A-dục 492, 493, 494, 495, 496, 497, 501, A-lan-nhã 910,911,912, 971 502, 505, 509, 516, 518, 544, 546, A-na-hàm 209, 329, 440, 445, 486, 525, 547, 548, 549 553, 558, 594, 596, 623, 634, 636, ái hỷ 3, 4, 34, 38, 52, 477, 786, 946, 982, 638, 639, 657, 658, 705, 706, 717, 987, 1044 720, 723, 748, 750, 807, 814, 816, ái ngữ 558, 559, 995 818, 819, 820, 826, 898, 902, 936, A-la-hán 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 54, 62, 971, 973, 1023, 1112 63, 64, 65, 75, 79, 85, 88, 93, 94, 95, an cư 107, 277, 379, 410, 515, 635, 660, 96, 97, 99, 103, 128, 140, 165, 172, 661,662, 721, 722, 783, 989, 1095 198, 199, 201,203,209,218,230, an-na-ban-na niệm 599, 624, 625, 626, 627, 244, 266, 275, 279, 306, 307, 324, 628, 630, 631,634, 636 367 387 431, 432, 437, 440, 442, ao Di Hầu 68, 70, 451, 1027, 1030, 1049 445 456, 466, 469, 470, 479, 480, A-tu-la 90, 473, 474, 673, 882, 883, 884, 497, 499, 503, 504, 514, 515 516, 891, 894, 895, 896, 897, 942, 999 517, 525, 527, 533, 534, 540, 541, B bậc Đại sư 328, 367, 401, 410, 681, 702, Ba-la-đề-mộc-xoa 452, 454, 624, 637, 640, 772,913,932,933 646, 707,713 bậc Hiền sĩ 486,713, 890 Bà-la-môn 7, 8, 20, 22, 23, 24, 33, 38, 39, bậc Lậu tận A-la-hán 96, 97, 99, 855 43, 44, 45, 46, 55, 74, 75, 76, 77, 78, bậc Như Lai 43, 774 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, bậc Tôn túc 78, 79, 434 89, 90,91,92, 93, 100, 108, 111, 115, bậc Trưởng lão 860 117, 132, 144, 161, 169, 173, 187,

1126 KINH TẠPA-HÀM

188, 190, 197, 198, 199, 200, 203, 794, 795, 796, 797, 798, 799, 800, 204, 205, 212, 239 240, 241, 242, 801, 802, 803, 804, 805, 810, 838, 252, 256, 257, 262, 265, 282, 283, 849, 865, 866, 978, 979, 990, 997, 291, 292, 299, 307, 308, 322, 323, 998, 1004, 1044, 1045, 1050, 1051 327, 328, 332, 342, 343, 344, 345 1052, 1055, 1056, 1057, 1059, 1060, 346, 347, 348,

353 362, 363, 364, 1061, 1063, 1064, 1065, 1066, 1067, 372, 373 377, 379, 400, 401, 404, 1068, 1086, 1096 408, 422,433, 435, 436, 437, 438, bát quan trai giới 513 443 449,450, 470, 471, 472, 475, bát Thánh đạo 61, 65, 271, 294, 295, 557, 476, 477,478, 481, 482, 487, 488, 564, 570, 788, 946, 965, 1112 489, 490, 491, 492, 493, 495, 507, bất tịnh 360, 566, 582, 597, 599, 629, 630, 529, 539, 551, 552, 555, 557, 562, 636, 670, 690, 692, 821, 822, 828, 568, 576, 577, 578, 579, 598, 608, 869, 899, 939, 993 609, 614, 620, 624, 651, 676, 677, Ba-tuần 189, 860, 861, 862, 863, 864, 865, 678, 680, 693, 715, 718, 725, 732, 866, 867, 868, 869, 870, 871, 872, 733, 740, 741 757, 762, 763, 765, 873 874, 875, 876, 877, 940, 942, 767, 768, 769, 772, 780, 790, 791, 955, 979, 980, 981, 982, 983, 984, 794, 795, 796, 797, 798, 799, 800, 985, 986, 987, 1028 801, 802, 803 804, 805, 808, 820, bảy giác chi 47, 536, 574, 575 821, 822, 823, 824, 825, 826, 827, Bích-chi Phật 329, 534, 1010 828, 829, 831, 842, 843, 845, 846, Bồ-đề tâm 555 854, 855, 870, 873, 874, 878, 892, bốn chánh cần 47 918, 919, 920, 927, 928, 929, 930, bốn như ý túc 47, 450, 536, 646, 957 931, 932, 933 934 935, 946 953, bốn niệm xứ 47, 149, 228, 237, 243, 426, 957, 958, 959, 960, 961, 962, 963, 427, 428, 429, 430, 431, 432, 518, 964 965, 966, 967, 968, 969, 990, 519, 520, 521, 522, 525, 526, 529, 1000, 1002, 1004, 1007, 1008, 1011, 530, 532, 533, 534, 535, 536, 557, 1017, 1024, 1025, 1026, 1029, 1032, 561, 569, 570, 578, 581, 582, 597, 1042, 1043, 1044, 1045, 1046, 1047, 631, 632, 633, 634 646, 670, 671, 1050, 1051, 1052, 1055, 1056, 1057, 820,ăjýTậ:\ẫệqầx:ýx:\ấ:ạ C\?ụ:ởMy:ở\ệýTx9ứx:ýx 1059, 1060, 1061, 1062, 1063, 1064, 1065, 1066, 1067, 1068, 1076, 1081, 1082, 1085, 1087 Ba-la-nại 26,44,45, 46,212, 213,321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332 333, 421, 422, 508, 528, 818, 855, 856, 871, 875, 937, 997, 1030 Bát-niết-bàn 27, 85, 146, 184, 193, 222, 279, 313,329, 372, 373, 374, 470, 471, 472,475, 476, 477, 478, 487, 488, 489,490, 491, 538, 555, 592, 595, 596,636, 638, 639, 640, 657, 665, 666,705, 706, 723, 733, 737, 738, 766,770, 788, 789, 790, 791,

s Ách DẨN 1127

C Ca-lan-đà 15, 16, 20, 22, 23, 91, 100, 103, Câu-tát-la 42, 43, 78, 79, 80, 87, 90, 197, 163,193,194,195,200,205,206,207, 240, 433, 478, 479, 525, 663, 825, 208,242,252,254,255,257,259,260, 827, 929, 962, 964, 965, 967, 1002, 261,290,292,296,297,299,300,304, 1012, 1013, 1025, 1026, 1053, 1095, 305,336,337,338,339,340,341 342, 10981101,1104, 1105 343,344,345,346,347 348,351,355, cây Bồ-đề 315, 507, 508, 512, 513, 516, 356,367,368,369,370,372 373,374 517, 866, 969 375,376,377,378,382,383,384,393 cây đa-la 65, 109, 170, 195, 247, 262, 263, 394, 395,402 404,405,406,408,409, 280, 352, 428, 442, 456, 520, 628, 412,413,414,415,491,526,535,681, 679, 682, 745, 778, 1072 682 683 684,686,688,689,690,691, câyni-câu-luật 628,932,933, 1078, 1085 692, 706, 707, 708,709, 711,712, 738, chan đế 82, 762, 763,957 740, 741, 742, 743, 744, 746, 747, 751, Chánh Đẳng Chánh Giác 190, 740 752,753,757,759,761,762,767,780, chánh định 34, 35, 36, 61, 128, 154, 181, 781, 817, 823,831 837,838, 846, 849, 226, 244, 252, 271, 294, 301, 374 852, 854, 861, 862, 877,905,930,972, 375, 378, 385, 386, 387, 388, 389, 974 975, 989, 992, 997, 999, 1000, 390, 391, 392, 393, 399, 400, 405, 1021, 1033, 1037, 1041, 1052, 1082, 406, 407, 412, 448, 487, 536, 599, 1085, 1088, 1089, 1090, 1094, 1100, 600, 601, 602, 604, 605, 606, 607,

1105,1106,1107 608, 609, 610, 611, 612, 613, 614, ca-lầu-la 90 615, 618 619, 620, 621, 622, 623, cam lộ 105, 106, 205, 228, 253, 254, 400, 651, 654 678, 691, 695, 723, 764, 426, 626, 664, 665, 791, 970, 995, 766, 768, 790, 807, 808, 841, 844, 996, 997, 1084 846, 849, 886, 910, 911, 935, 969, cảm thọ 39, 160, 161, 162, 163, 165, 166, 975, 977, 980, 984, 993, 994, 1021, 167, 168,173, 176,177,178,179, 1027, 1073, 1079, 1088, 1096, 1097 180, 181, 186, 187, 199, 229, 260, chánh giải thoát 19, 158 282, 283, 371, 372 373, 375 378, chánh hướng 262, 263, 269, 270, 304, 305, 382, 427, 434, 453, 758, 788, 809, 335, 338, 339, 340, 341, 386, 440, 812 813, 814, 936, 940, 1082 445, 449 550, 551, 720, 725, 733, căn môn 203, 204, 205, 232, 534, 535, 575, 773,813, 1001 939, 971,992, 1031, 1032 chánh mạng 34, 61, 76, 77, 128, 154, 181, căn tánh 564, 782,783 226, 252,271, 294, 378, 385,599, càn-thát-bà 90, 540, 1113 600, 602, 604, 605, 606, 607, 609, cà-sa 43, 79, 88, 127, 128, 165, 466, 480, 610 611, 612 613, 614, 615, 617, 481,507,530,534,575,750,759,762, 619, 621,678, 691, 928, 935, 1073 836, 841,851, 852,916,931,933,936, 1084, HOI 948, 951,963, 987, 1086, 1099 chánh nghiệp 34, 61, 128, Câu-diệm-di 210, 212, 213, 364, 365, 447, 449, 450, 539, 540, 541, 543, 544, 614,763,940,941,942,944, 945, 946 Câu-liru-sấu 188, 262, 263, 264, 265, 269, 270, 287, 288

1128 KINH TẠP A-HÀM

604, 605, 606, 607, 609, 610, 611, 674, 675, 703, 714, 785, 787, 788, 612, 613, 614, 615, 616, 619, 621, 790, 917, 957, 988, 990, 996, 1045, 678, 691,935, 1073 1062, 1070, 1071, 1077, 1085, 1086, chánh niệm 34, 53, 61, 87, 89, 128, 154, 1093, 1104 181, 205, 219, 226, 227, 232, 245, chánh tín xuất gia 10, 12, 14, 41, 851, 886 252, 271, 278, 279, 289, 290, 294, chánh trí 54,62,79,167,182,201,219,231, 300, 315,323, 338, 347, 378, 380, 232, 245, 254, 261, 279, 289, 290, 385, 400,407, 427, 428, 429, 430, 324, 337 338 339 340, 367, 371, 439, 440,441, 469, 476, 477, 484, 372, 373, 374, 378, 407, 428, 431, 518, 520, 521, 523, 526, 527, 529, 439, 455, 478, 479, 520, 521, 523, 530, 531, 534, 535, 537, 551, 560, 526, 527 529, 530, 531, 535 537, 568, 588, 591, 599, 600, 602, 604, 550, 551, 552, 558, 560, 591, 666, 605, 606 607, 608, 609, 610, 611, 679, 680, 682, 733, 767, 770, 773, 612, 613, 614, 615, 617, 618, 619, 788, 789, 790, 800, 812, 813, 820, 621, 636, 642 655, 666, 678, 691, 836, 844, 845, 858, 862, 864, 911, 726, 770, 788, 789, 812, 820, 851, 928, 941, 942, 943, 972, 989, 991, 858, 862, 864, 868, 875, 909, 910, 996, 1004, 1043, 1045, 1046, 1047, 911 917, 935, 941, 942, 947, 948, 1048, 1049, 1050, 1062, 1109 990, 994, 1032, 1042, 1049, 1050, chánh trụ 214,215,216, 994 1062, 1071, 1073, 1079, 1080, 1081, chánh tư duy l, 2, 4, 36, 67, 83, 158, 186, 1088, 1091, 1092, 1096 224, 249,250,251,261,287,297,298, Chánh pháp, Luật 93, 244, 267, 294, 297, 299, 313,314,321,322,337,354,396, 302, 303, 304, 396, 397, 445, 454, 397,455, 573, 574, 575, 581,582, 583, 466, 608, 609, 655, 677, 695, 697, 610, 611,613,652,663,681,709,773, 704, 705, 707, 709, 711, 712, 713, 808,1069,1104,1109 721, 726, 733, 742, 748, 749, 750, chánh tuệ 54, 133, 135, 136, 647 759, 760, 762, 765, 766, 768, 770, chân thật chánh quán 5, 6 772, 773, 780, 831, 852, 860, 865, chấp thủ 25, 26, 30, 36, 37, 38, 46, 53, 57, 874, 876, 906, 933, 950, 961, 1048, 59, 65, 71, 72,125,126, 129,178, 1049, 1050, 1070, 1081, 1084 179, 184, 185, 192, 228, 231, 248, chánh phương tiện 34, 61, 128, 154, 181, 249, 250, 251, 265, 442, 444, 519, 226, 252, 271, 294, 365, 378, 385, 520, 531, 615, 616, 617, 618, 620, 599, 600, 602, 604, 605, 606, 607, 703, 730, 757, 782 609, 610, 611, 612,

613, 614, 615, chấp trước 25, 27, 28, 100, 213, 259, 299, 617,619, 621, 678, 691, 935, 1073 472, 513 616, 617, 741,763 chánh quán l, 5, 6, 15, 16, 24, 27, 28, 55, Chiêm-bà 274, 275,492, 693, 819, 987, 988 70, 71, 73, 90, 96, 156, 158, 165, 166, Chiên-đà-la 85,92,373,503,920,923,1011 167, 192, 213, 271, 384, 385, 455, chiên-đàn 491, 588, 671, 844 592, 671,917, 941,953,993 chỉ quán 148, 156, 449, 456, 557, 646, 681, Chánh sĩ 26, 27, 192, 193, 194, 207, 208, 766, 960, 963, 964 209, 210, 214, 381, 386, 387, 388, chơn chánh 16, 17, 24, 27, 33, 36, 75, 92, 389, 390, 391, 392, 393, 407, 486, 131,158,159,162,163,165,166,167, 532, 533, 653, 685, 857, 859, 995, 171,172,183,187,192,257,258,261, 1008, 1050, 1061, 1070 304,305,306,307,362,363,384,385, chánh thọ 161,172,357,405,406,452,463, 475,480, 529,530, 567, 584, 585, 586, 592, 599, 673,

694,721, 812, 826, 867,901,917,941, chúng Thanh văn 299, 302, 414, 422, 537, 990, 1011 578, 579, 598, 684, 996 chứng đắc 7, 8, 25, 117, 322,448, 508, 525, chứng tri 82, 106, 267, 483, 715, 716, 717 723, 771, 808, 810, 811, 822, 898, chúng Tỳ-kheo 93, 171, 182, 232, 300, 356, 913, 1023 402, 434, 501, 541, 578, 597, 627 chứng ngộ l, 2, 7, 8, 10, 27, 29, 33, 36 630, 635, 725, 846, 873, 881, 914 chúng sanh 6, 7,68,69,75, 82, 84,101,109, 915, 979, 980, 981, 982, 983, 984, 126, 127 132,133134,135,139, 985,986,988, 1011, 1089 140, 141, 142, 143, 144, 145 146 chư thiên 75, 76, 93, 113, 273, 274, 322, 147, 170, 180, 194, 196, 203, 216, 323, 337, 410, 411, 412, 440, 445, 219, 220, 221, 222, 224, 226, 249, 468, 487, 496, 506, 509, 513, 515, 256, 257, 262, 264, 272, 273 313, 538, 541, 543 544, 551, 608, 654 315, 316, 317 319, 320, 321, 327, 655, 656 661, 721, 725, 751, 774 333 336, 344, 345 346, 351, 352, 853, 880, 882, 883, 885, 887, 888, 353 354 355, 356, 357, 362 363 889, 890, 891, 893 900, 901, 941, 365 378, 381 383, 384, 385, 411, 942, 972, 975, 999, 1016, 1017, 1025, 414, 415 416, 417, 418, 419 420, 1035, 1036, 1040, 1084, 1098, 1102 421, 422, 423, 424, 425, 426, 429, Chuyển Luân Thánh Vương 216, 224, 405, 439, 440, 441, 450, 452, 461, 462, 406, 468, 492, 501, 515, 586, 587, 470, 484, 487, 488, 492, 498, 500, 588,589, 648, 672,917, 990 501, 502, 503, 504, 505, 506, 509, chuyển pháp luân 304, 323, 508, 509, 564, 510, 519, 532 533, 534, 539, 542, 565, 566, 572, 957 543, 546, 548, 555, 564, 565, 567, chuyên tinh tư duy 10, 11, 12, 13, 14, 15, 574 576, 577, 591, 607, 615, 650, 128,163,164,165,271,272,275,277, 654, 655, 656, 660, 673, 676, 680, 278,279,301,302,366,367,529,530, 683, 684, 686, 687, 693, 696, 697, 531, 644, 750, 865, 949, 953, 1096, 699, 700, 702, 703, 710, 720, 721, 1097,1099,1100,1101,1102 727, 729, 730, 731 732, 734 735, công đức 43,79,82,118,171,303,318,383, 736, 737, 740, 752, 753, 761, 762 395,407,410,427,428,429,440,445, 767, 768, 775, 777, 778, 781, 782, 446 447 448,464 482,492, 508, 509 783, 785, 788, 796, 797, 799, 800, 510, 511, 516, 517, 518, 540, 545, 547, 801, 802, 803, 804, 821, 822, 824, 549, 554, 555, 589, 590,629,650,651, 825, 826, 829 831, 850, 851, 853, 665,666,717, 749, 764,774,790, 791, 855, 861, 863, 864, 872, 887 889, 792,793,794, 802, 825, 834, 835, 887, 892, 895, 903, 906, 912, 922, 923, 897, 898,904, 905,910,913,914,920, 930 956, 961, 965, 967, 968, 969 934,935 936,976,987,996,998 999 970, 983, 990, 995, 997, 998, 999, 1001, 1009, 1010, 1011, 1024, 1028, 1003, 1004, 1006, 1007, 1011, 1013, 1033, 1059, 1079, 1084, 1100, noi 1014, 1017, 1019, 1020, 1028 1029, cúng dường 74, 75, 76, 79, 80, 81, 82, 84, 1044, 1053, 1054, 1061, 1068, 1075, 86, 88,

89, 91, 92, 93, 117, 118, 196, 1076, 1083, 1090, 1091,1102, 1104 197, 198, 203, 212, 213, 241, 268, chúng Tăng 46, 47, 224, 227, 422,423, 424, 277, 290, 299, 302, 304, 305, 356, 425, 461, 462, 484, 485, 505, 516, 379, 380, 405, 407, 423, 424, 440, 517, 518, 540, 541, 542, 544, 546, 445, 460, 461, 462, 463, 464, 469, 547, 649, 650, 712, 755, 887, 908, 480, 481, 483 485, 486, 487, 491 915, 993,1001 492, 495, 496 501, 502, 503, 504,

1130 KINH TẠPA-HÀM

505, 506, 507, 508, 509, 510, 511, 1042, 1043, 1058, 1059, 1060, 1070, 512, 513 516, 517, 527, 528, 535, 1074, 1075, 1081, 1084, 1089, 1090, 540, 544, 545, 546, 547, 548, 589, 1092,1093, 1103, 1105 645, 655, 661, 663, 686, 693, 705, cư sĩ 68, 112, 113, 114 115, 116, 117, 299, 706, 707, 708, 720, 725, 726, 750, 302, 372, 373,433,436,437,438 751, 754, 769, 771, 773, 786, 789, 439, 479, 480, 657, 658 659, 663, 806, 810, 814, 815, 816, 817, 818 700, 748, 749, 769 826, 845, 911, 819, 820, 824, 825, 837, 840, 841, 1085, 1086 845, 873, 874, 877, 878, 879, 880, cử tội 396,397,398,399,400,649,711,712 892, 893, 899, 906 907, 921, 930, cứu cánh 8, 10, 62, 85, 116, 117, 128,218, 931 954, 965, 966, 969, 972, 973, 228, 328 385, 401, 443, 444, 445, 974, 978, 988, 993, 998, 1000, 1001, 472, 531 534, 542, 551, 556, 576, 1003, 1008, 1010, 1011, 1017, 1023, 592, 614, 626, 641 774, 775, 786, 1024, 1025, 1033, 1036, 1037, 1040, 811,855, 857,1070,1101 D danh sắc 33, 36, 50, 52, 248, 249, 251, 252, Diệt giới 360,361, 365, 366, 367, 582, 583 253, 258, 259, 260, 262, 263, 264 Diệt tạn định 459,460,548 271, 295, 302, 309, 310, 311, 312, do-tuẩn 109, 351, 355, 588, 679, 734, 1019 314, 318, 319, 478, 519, 654, 680, dục giác 157, 362, 521,957 766, 854, 968, 1060 dục giới 147, 362 364, 365, 366, 382, 582, dạ-xoa 88,90,509,540,872,880,1080,1081 583, 673 Diệm-ma-ca 96, 97, 98, 99, 100 104, 787 dục lậu 237,638,639,640,664,665,676,706 Diêm-phù-đề 108, 345, 408, 411, 412, 469, dục tưởng 362, 394, 521, 599, 624, 973, 485, 492, 498, 500, 501, 502, 504, 974,1021, 1045, 1079, 1093

SÁCH ĐẢN 1131

915,916,926,928,932,933,938,939, 943, 944, 947, 948, 955, 990, 1023, 946, 957, 1022, 1023, 1049, 1050, 1024, 1071, 1072, 1095, HOI 1075,1081, 1084, 1085, 1090, mo Đề-bà-đạt-đa 356, 402, 837, 972, 973, Đạo Sư 16, 171 698, 699, 702, 703, 704, 1052, 1053 989, 990, 992, 996, 1083 Đế-thích 216, 408, 409, 410, 411, 443, 509, Đầu-đà 356, 543, 912 510, 538, 547,672,773,774,780, 877, đa văn 17, 18, 20, 25, 26, 37, 38, 39, 40, 44, 878, 879, 880, 882, 883, 884, 885, 886, 51, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 64 65 887, 888, 889, 890, 891, 892, 893, 894, 66, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 83, 96, 98, 895, 896, 897, 941, 942, 998, 999, 100,102, 106, 115, 119,125,126,128 1000, 1001, 1002, 1015,1081 129,130,133,134,135,136,137,156, Điều Ngự Trượng Phu 43, 305, 433, 439, 160,161,168,169,182,186,187,190, 534, 654, 656, 660, 191,192,202,205,211,220,221,222, 223,228,230,231,237,240,243,254, 255,259,261,262 287,293 294,295, 305, 312, 318, 352 356 357, 370,371, 462,480, 511, 569, 592, 647, 648, 663, 664,668, 703 719, 722,729,733,758,

Trượng

1132 KINH TẠP A-HÀM

302, 305, 309, 310, 314, 365, 366,

478, 631,658, 742, 900 hành tập 52, 252, 258, 295, 309, 314 hành tn 77, 305, 306, 899, 905, 906, 910,
922,949, 1021 hạnh viễn ly 241, 379, 380, 394, 399, 400,
484, 536,911,988, 990 hành vô thường 212, 213, 373, 374, 470,
737, 738,817, 861,978, 1030 hệ trược 54, 55
Hiền giả 172, 195, 200, 206, 207, 208, 209,
210, 213, 214, 224, 252, 253, 254,
482 629, 979, 988, 1017 hiện quán 102, 103, 109, 111,313,314,323,
324, 327, 329, 330, 331, 333, 334, 335,
336,338 339,340,343,344,345,346,
347,348, 349, 350,351,352,353 368,
369, 478, 679,811,993,1015
Hiền thánh 274,355,356,513,798,995,1094
Hỏa Chủng 87,112, 113, 114, 115, 116, 117,
757, 758, 765, 766 hòa hợp 59, 60, 131, 141, 160,
SÁCH ĐẢN 1133

980, 981, 982, 983, 984, 985, 986, 350, 351, 352, 354, 452, 551, 653, 992, 993, 1011, 1012, 1031, 1032, 705, 733, 745, 875, 997, 1082 1055, HOI, 1104, 1106, 1108 khổ Thánh đế 77, 321, 322, 323, 324, 325, Khế kinh 592, 908, 1031 326, 327,328,329,330,331,332,333 khinh an giác phần 579, 580, 581, 582, 583, 334 336 337,338, 339,340, 341,342 58 585, 586, 589, 590, 591, 593, 343, 344, 346 347 348,349 350, 351, 595,632 352,354,452, 551,637, 646, 653, 705, khổ diệt đạo tích 321, 322, 323, 324, 325, 706,707,708, 723, 733,745, 875, 947, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332, 959, 965, 997, 1082 333 334, 336, 337, 338, 339 340, Kiếp-ba 15, 17 341 342, 343, 344, 346 347 348 kiết hạ 515,989, 1095 349, 350, 351, 352, 354 452, 551, kiết sử 9, 10, 13, 15, 16, 17, 54, 56, 62, 89, 653,705,706,733,745, 875, 947,997 128,163,166,172 185,201,215,237, khổ diệt Thánh đế 322, 323, 324, 325, 326, 238,239 247,304,318,324,325,329 327, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 330,368,369,390,391,442,456,466, 334, 336, 337, 338 339, 340, 341, 469, 527 550,551, 552, 567, 595, 596, 342, 343 344, 346, 347 348 349, 623,634,636 638 639,640,657,658, 350, 351, 352, 354, 452, 551, 653 679, 680, 682,704,705,716,717, 723, 705, 733, 745, 875, 997 733 748, 750,767,775,776, 806, 807, khổ hạnh 144, 304, 356,451,487, 507, 510, 811, 826, 836 842, 845, 893, 902, 972, 542, 673, 694, 767, 768, 869, 870, 991, 1023 934,949, 967,1062,1063,1086,1102 Kim-tỳ-la 26, 632 khổ khổ 616,617,618,620 kinh điển 78,86,118,203,204,540,677,1031 khổ tập Thánh đế 322, 323, 324, 325, 326, kinh hành 113,212,213,231,300,356,407, 327, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 469, 482, 492, 629, 771, 781, 843, 334, 336, 337, 338, 339, 340, 341, 861, 862, 863, 864, 902, 928, 1035, 342, 343, 344 346, 347, 348 349 1039, 1081

La-hầu-la 15, 16, 17, 162, 163, 164, 165, luật nghi 231, 238, 239, 240, 297, 298, 299, 356, 367, 368, 369, 473, 474, 673, 303, 534, 535, 542, 624, 637, 645, 681,682, 848 649, 669, 670, 671, 707, 713, 723, lão tử diệt đạo tích 295, 307, 308, 309, 314 742, 857, 908, 909, 919, 939,

940, lậu hoặc 27, 28, 33, 36, 47, 48, 51, 52, 54, 944, 1049, 1050 56, 90, 94, 95,96, 100, 111, 117, 165, ly dục 2, 3, 4, 17, 18, 19, 20, 21, 23, 27, 28, 169, 170, 171,352 33, 39, 40, 42, 53, 61, 64, 66, 67, 211, Lậu tận trí 572, 641, 676, 677, 917 214, 226, 253, 310, 312, 313, 383 Lĩnh-quần-đặc 91, 92, 93 384, 385, 395 396, 664, 680, 727, Lộc Uyển 212, 508, 855, 937, 997, 1030 737, 738, 758, 759,812, 826 M Ma-ha-nam 68, 69, 628, 715, 716, 717, 718, Ma-la-ca-cữu 277, 278, 279 719, 720, 721, 722, 723, 724, 725, ma-ni 216,588, 1053, 1076 726, 727, 1008, 1009, 1010 Ma-thâu-la 27, 435, 436,437, 503, 537, 538 Ma-kiệt-đà 334, 535, 662, 738, 837, 1012, Mâu-ni 93, 182, 441, 442, 470, 491, 492, 1013, 1027, 1080, 1090, 1113 508, 515, 540, 541, 542, 543, 574,

641, 642, 675, 676, 677, 737, 786, Minh Hạnh Túc 43,305,433,439,445, 534, 788, 789, 846, 851, 863, 865, 890, 654, 656, 660, 703, 720, 737, 772, 932, 935, 965, 966, 989, 992, 998 774, 1090, 1112 1049, 1050, 1063, 1071, 1073, 1082, minh trí 89, 166, 295, 369, 455, 541, 655, 1091, 1092, 1093 704, 784, 859, 879, 920, 945, 947, minh giác 321, 322 953,956, 957, 1023, 1061 N năm ấm 49, 100, 223 năm hạ phần kiết sử 56, 62, 325, 329, 391, 466, 469, 595, 596, 623, 634, 636, 638, 639, 640, 657, 658, 705, 717, 723, 748, 750, 806, 807, 902, 1023 năm lực 47, 536, 560, 564, 646 Nan-đề 26, 216, 486, 657, 659, 660, 661, 899, 900, 950 ngã kiến 15,16,17,54,173,262,301,302,389 ngã mạn 15, 16, 17, 48, 50, 51, 52, 62, 95, 96, 122, 137, 157, 162, 163, 195,224, 326, 367, 368, 369, 399, 400, 472, 636, 745, 752, 753, 775, 776, 779, 800,810,811,855, 1087 ngã sở 5, 6,24,25,26,36,37, 38,48,51, 55, 56, 65, 67, 71, 72, 73, 94, 95, 96, 100, 106, 110, 133, 134, 163 178, 229,

d% êê x N à -ýKịị“Đlề òú2:đuề ò ÀÕX,

nhập định 90, 410, 411, 427, 438, 840, 858,
874, 881, 976, 1021, 1027, 1095,
1096, 1097 nhất thừa 426, 439, 440, 441, 450, 452,
519, 970 nhiếp các căn 453, 856, 860, 972, 998 nhiếp niệm 168, 244, 399, 407, 536, 575,
977, 1031, 1045, 1046, 1047, 1048,
1049, 1050, 1093 nhiếp tâm 150,232,523,527,551, 594,597,
939,

972, 978, 985, 992, 993, 995, 996, 252, 266, 268,290, 292, 395, 402, 997, 1004, 1018, 1071, 1072, 1076, 405, 406, 408,409, 413, 414, 415, 1083, 1089,1090, 1107, 1108 576, 577, 684,752, 781, 862 863, Ni-kiềntử 111, 112, 113, 114, 116,117, 118, 913,915, 1000, 1001, 1002 451,452, 701, 704, 923, 1000, 1104 núi Na-già 989, 996 nội tĩnh nhất tâm 300, 380, 405, 665 núi Tỳ-phú-la 733, 737, 738, 1073, 1075 núi Kỳ-xà quật 20, 22, 23, 103, 162, 189, 190, 193, 194, 200, 205, 207, 208, O oai đức 88, 217, 345, 427, 428, 429, 508, oai nghi 111, 161, 296, 452, 454, 527, 624, 548, 549, 718, 719, 769, 856, 1075 637,639, 640, 646, 707,713, 723, 849, oai lực 86, 780, 931, 972, 999 890, 924, 935, 992, 1018, 1068, HOI

Phạm chí 433, 434, 435, 824, 921, 960, 917,931, 933, 936, 938,949,950,951, 1088, 1093 953,954,956, 961, 966,967,971,976, phạm giới 84, 298, 357, 372, 373, 395, 643, 994,995,998 1014,1018,1020,1023 649, 694, 725, 782, 809, 811, 825, 1024, 1042, 1052, 1073, 1086, 1108 849, 923,949, 1011, 1019, 1085 phàm phu 36, 37, 38, 43, 48, 50, 54, 55, 56, Phạm hạnh 1,2,5,6, 8,10,21,25,26,30,33, 57, 58, 59, 60, 63, 64, 100, 106, 109 36, 40, 41, 42, 43, 52, 53, 56, 57, 62, 119, 186, 204, 217, 220, 221, 222, 65, 70, 71, 72, 73, 75, 76, 85,100,103, 226, 228, 239, 254, 255 260, 261, 107, 108, 109, 111, 117, 120, 121, 122 336, 361, 362, 370, 371, 462 514, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 526, 529, 544, 553, 601, 603, 659, 131,140,144,148,156,158,160,163, 660, 663, 664, 679, 693, 694 698, 165,167,171,172,178,179,182,183, 699, 702, 744, 813, 814, 877, 942, 187, 188, 192, 194, 195, 196,202,211, 944, 955, 957, 973, 974, 986, 1004, 212,213,214,217,218,222 223,224 1078, HOI, 1104, 1110 225, 228,230,231,244,252,253,254 Phạm thiên 88, 89, 92, 227, 323, 345, 381, 255,260,261,262,263,269 270,279, 408,412, 651, 665, 667, 673, 826, 934, 280,287,288, 296,300, 301,307, 308, 969, 970,971,972, 973,974 975 976, 325, 327,329,335,337, 338, 339, 340, 977, 978, 979, 1074, 1075, 1103 356, 369, 377,379,386,400,403,407, phan duyên 30, 31, 56, 57, 310, 311, 320, 410,431,440,443,444,445,449,453, 604, 1044 455,466,469,486,516, 530, 534, 556, pháp biến dịch 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 563 564, 565 590,591,600, 601,607, 29, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 39, 70, 71, 614,615, 624, 638,639, 640, 641, 644, 72, 73, 74, 98,102 115, 125,126,128, 657,664,665,673,676,681,686,700, 129, 211, 217,223,230, 273, 310, 728, 701, 702, 706, 711, 712, 713, 716, 720, 729, 738, 861, 1034, 1036, 1038, 1040 721, 723, 728, 732, 733, 737, 738, 742, Pháp Chủ 16 747, 748, 749, 759, 760, 761, 763, 769, pháp giới 38, 55, 261, 262, 264, 297, 358, 770, 772, 778, 780, 781, 784, 789, 803, 359, 360, 461,665,815, 1112 804, 806, 808, 811, 812, 822, 823 836, pháp luân 304, 322, 323, 508, 509, 541, 564, 840, 841, 845, 846, 847, 848 851, 857, 565, 566, 572, 957, 990 859, 860, 874, 886, 891, 911, 912,916,

pháp nhãn 21, 96, 99, 103, 106, 199, 212, 500, 503, 511, 515, 523, 534, 540, 562, 214, 244, 267, 283, 302, 322, 330, 567, 574,576, 593, 594, 597,607,608, 331, 454, 695, 697, 704, 715, 759, 622, 623, 625,657,678, 680,683, 685, 768, 772, 852, 957, 959 703, 713, 728, 757,786, 841, 849, 897, pháp phục 8, 9, 10, 11 902,911, 932, 935,937, 948, 955, 960, pháp tăng thượng 164, 165, 348, 523, 1077 971,972,974, 975,980,985,989, 991 pháp thứ pháp hướng 901 992, 996, 1013, 1020, 1021, 1024, pháp yếu 8, 10, 11, 12, 13, 14, 106, 127, 1037, 1050, 1059, 1084, 1086, 1089, 156, 171,210, 276, 954, 1031 1097, 1099, 1100, HOI, 1102, 1103, Phật Ca-diếp 314, 315, 375, 421, 422, 423, 1105 1107, 1109,1110 424, 425, 486 phi ngã 1,2,4,5,6,28,336,458 Phật pháp 108,109,116,214,405,406,456, phi ngã sở 5, 6, 458 458, 497, 499, 500, 501, 540, 541, phi nhơn 90, 779, By:q“X(ā:ộộqẤyằMổệK\ệKẤy:q“X(ā:ộ 544, 549, 611, 724, 759, 895, 896, 917, 922, 923, 990, 1067 PhậtTỳ-bà-thi 313,314,315, 375 phiền não 46, 69, 79, 82, 85, 90, 108, 141, 156,161,162,166,196,202,215,220, 221,237,306,362,363,369 370,381,

S sắc ấm 46, 50, 108, 195, 272, 816 sắc diệt 40, 52, 57, 58, 59, 60, 64, 66, 105,
106,119,157,207,208,220,221,222,
248 249,251,258,273,478,519, 741 sắc hiện tại 4, 39, 66, 149, 787 sắc quá khứ 4, 39, 51, 66, 147, 149, 156,
556, 728, 787 sắc vị lai 4, 39, 58, 66,149, 221, 787
Sa-di 423, 424, 517, 518, 535, 536, 902,
1027, 1107, 1108 sám hối 302, 303, 454, 501, 638, 639, 645,
702, 848, 849, 881, 908, 909, 927,
928, 929, 1085
Sa-môn Cù-đàm 43, 68, 75, 78, 79, 80, 86,
87, 88, 91, 101, 104, 112, 113, 116,
117, 120, 121, 122, 123, 124, 173,
189,229,268,282,283,291,299,302
342,386,432,449,452,466,467,480,
578, 597,614, 627, 628, 695,698, 699,
732,733, 739, 740, 742, 743,749, 752,
754,
SÁCH DẪN 1139

tam-muội 60, 67, 161, 172, 183, 228, 315,
393,394,395,396,405,406,427,446
447,448,452,457 458,463,464,467,
508, 543, 548, 555 564, 567,602,608,
615, 618, 627, 632, 636, 639, 655, 656,
660,670, 673,674,675,720,723,724,
807, 808, 821, 849, 875,917, 957, 969,
977, 978, 1021, 1062, 1063, 1077,
HOI, 1104 tàm quý 91, 298, 357, 477, 590,
SÁCH DẪN 1141

106,107,108,109,112,113,114,116, 539, 544, 549, 550, 551, 552, 553,
117,118,119,120,121,122,123,124, 554, 555, 556, 557, 558, 559, 560, 125, 126, 127, 128,
129, 130, 131, 561, 562, 563, 564, 566, 567, 568, 132, 133 134 135, 136, 137, 138, 569,
570, 571, 572, 573 574, 575 139 140, 141, 142, 143 144, 145, 576, 578, 580, 583, 584,
586, 587, 146, 147 148, 149, 150, 151, 152, 589, 590, 591, 592, 593 594, 595, 153, 154,
155, 157, 158, 159, 160, 596, 597, 598, 599, 600, 601, 602, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167,
603, 604, 605, 606, 607, 608, 609, 168, 169, 170, 171 172, 173, 174, 610, 611, 612, 613
615, 618, 619, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 620, 621, 622, 623, 624, 625, 626, 182, 183,
184, 185, 186, 187, 188, 627, 628, 629, 630, 631, 632, 633, 189, 190, 194, 196, 197, 200, 201,
634, 635 636, 637 638, 639, 640, 202, 212, 213, 215, 217, 219, 220, 641, 642, 643, 644,
645, 646, 647, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 227, 648 649, 650, 651 652, 653, 654, 228,

229, 230, 231, 232, 233, 237, 655, 656, 657, 658, 659, 660, 661, 238 239 240, 242, 245, 246, 247, 662, 663, 664, 665, 666, 667, 668, 248, 249, 250, 251, 254, 255, 256, 669, 670, 671, 673 675, 676, 677, 257, 259, 260, 261, 262, 263 264, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 684, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 685, 687, 688, 689, 691, 692, 693, 272, 273, 274, 275, 276, 277, 278, 695, 696, 697, 699, 701, 702, 703, 279, 280, 281, 283, 284, 285, 286, 704, 705, 706, 707, 708, 709, 710, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 296, 714 715, 716, 717, 718, 711, 712, 297, 300, 301, 302, 303, 304, 305, 719, 720, 721, 722, 723, 724 725, 307, 308 309, 310, 311, 312, 313 726, 727, 728, 729, 730, 731 732, 314 315, 316, 317, 318 319, 320, 733, 734 735, 736, 737, 738, 740, 321, 322, 323 324, 325, 326, 327, 743, 746, 747, 750, 751, 752, 753, 328, 330, 331, 332, 333 334 335, 754, 757, 759, 760, 761, 762, 763, 336 337, 338 339, 340, 341, 342, 764, 765, 767, 768, 769, 770, 771, 343, 344, 345, 346 347, 348, 349, 772, 773, 774, 775, 776, 777, 779, 351, 352, 353, 355, 357, 358, 359, 780, 781, 782, 783 784, 785, 786, 360, 361, 362, 363, 366, 367, 368, 787, 788, 790, 791, 792, 794, 795, 369 370 371, 372, 373, 374, 375, 796, 797, 798, 799, 800, 801, 802, 376, 377, 378, 379, 380, 382, 383, 803, 804, 805, 806, 807, 808, 809, 384, 385, 397, 398, 399, 400, 401, 810, 811, 812, 813, 814, 815, 816, 402, 405,406, 407, 409, 410, 411, 817, 818, 820, 821, 823, 824, 825, 412, 414,415, 416 421, 433, 434, 826, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 438, 439,440, 441, 442, 443, 445, 833 834, 835 836, 837, 838, 839, 446, 447,448, 452, 456, 457, 462, 840, 841, 842, 843, 844, 845, 846, 466, 469,470, 471, 472, 473, 474, 847, 848, 849, 850, 852, 853, 854, 475, 476,477, 478, 481, 482, 483, 855, 856, 857, 858, 859, 860, 861, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 862, 863, 864, 865, 866, 867, 868, 491, 492, 501, 502, 503, 506, 514, 869, 870, 871, 872, 873, 874, 875, 515, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 876, 877, 878, 879, 880, 881, 882, 524, 525, 526, 527, 528, 529, 530, 883, 885, 886, 888, 889, 892, 893, 531, 533, 534 535, 536, 537, 538, 894, 895, 896, 897, 898, 899, 900,

1142 KINH TẠPA-HÀM

901, 902, 903, 904, 905, 906, 907, Thiên nhĩ 337,339,340,341,407,771, 840,
908, 909 910, 843, 881,916,917, 1094
911, 912, 913, 914,
915, 916, 917, 918, 919, 920, 921, Thiên Nhơn Sư 43, 305,433,439, 445, 534,
922, 923, 924, 925, 926, 927, 928, 655, 656, 660, 703, 720, 737, 1090 929 930, 931, 932, 933, 934 935, thiện pháp 108,225,293,385,399,409,454,
936, 937, 938, 939, 940, 941 942 520,562, 563, 578, 579,581, 582, 583,
944, 945, 947, 948, 949, 950, 951, 584,607,610,611,612,613,614,625,
953 954, 955, 956, 958 959, 960, 645,649,650,669,670,671,672,673,
961, 962, 963 964, 965, 966 968, 683,686,708,747
969, 970, 971, 972, 973, 974, 975,
976, 977, 978, 981, 985, 987, 988
989, 990, 991, 995, 996, 997, 998,
999 1001, 1002, 1003, 1004, 1005
1006, 1007, 1008, 1009, 1010, 1011,

1012, 1013, 1014, 1015, 1016, 1017,
1018, 1019, 1020, 1021, 1022, 1023,
1025, 1026, 1027, 1028, 1029, 1030,
1031, 1032, 1033, 1034, 1035, 1036,
1037, 1038, 1039, 1040, 1041, 1042,
1043, 1044, 1045, 1046, 1047, 1048,
1049, 1050, 1051, 1052, 1053, 1054,
1055, 1056, 1057, 1058, 1059, 1060,
1061, 1062, 1063, 1064, 1065, 1066,
1067, 1068, 1069, 1070, 1071, 1072,
1073, 1074, 1075, 1076, 1077, 1078,
1079, 1080, 1081, 1082, 1083, 1084,
1085, 1087, 1088, 1090, 1092, 1093,
1094,1113
Thích-đề-hoàn-nhơn 408, 409, 544, 667,
774, 780, 781, 878, 879, 880, 881,
882, 883, 884, 885, 888, 889, 890,
891, 892, 893, 894, 895, 896 978,
1069, 1082 thiện căn 293, 481, 521 thiền định 60, 90, 161, 168, 171, 182, 201,
215, 241, 249, 250, 251, 301, 313,
314, 339, 340, 341, 361, 373, 374,
375, 376, 395, 409, 426, 540, 567,
584, 590, 627, 630, 641, 642, 714,
807, 843, 844, 846, 849, 855, 865,
869, 872, 898, 915, 917, 946, 957,
959, 964, 965, 1004, 1060, 1070
Thiên nhãn 356, 407, 429, 565, 567, 588,
676, 785, 894,917, 977
SÁCH DẪN 1143

thiên tử Chiên-đàn 1078, 1079 thức thực 293,316,317, 318,319, 320, 321, thiện tuệ 357 650,903 thiệt thức 162,185,186,192,246,263,269, thức trụ 30, 285,358, 461,601 thiệt xúc 162, 264, 269, 285, 382 thị hiện 161, 162,509 thọ ấm 7, 8, 24, 25, 26, 31, 38, 39, 40, 45, 46, 49, 52, 53, 54, 55, 61, 62 63, 64, 65, 71, 72, 94, 95, 96, 100, 112,113, 125, 126, 127, 129, 131, 164, 206, 207, 208, 209,210, 237 270, 271, 294, 383, 384, 385, 388, 730, 808, 876, 946, 951, 953, 979, 1026, 1073 thọ diệt 57,60,175,176,179,232,248,249, 251, 257, 258, 273, 274, 315, 316, 317, 375, 376, 377, 383, 478, 519, 758, 780, 936 thọ giới Cụ túc 79, 88, 103, 244, 300, 733, 749,750, 759,762, 768, 770, 772,931 thối chuyển 214, 239, 259, 272, 532, 610, 611,712,782,865,908,909,948,1054 thọ ký 238, 268, 269, 503, 509, 516, 725, 726, 751, 807, 810, 811, 814, 816, 817, 818, 819, 866, 973 989, 991, 1036, 1037, 1041 thọ mạng 262, 272,461,462, 565, 647, 801, 804, 861,934, 976, 1030, 1053, 1054 thọ tập 57, 255, 257, 273,

316, 375, 376, 377,519, 780 thọ vi 57, 273, 375, 376, 377, 382, 780 thọ vô thường 375 thuần đại khổ tụ diệt 59, 60, 119, 173, 175, 179, 180, 248, 249,250, 251, 259, 261, 263, 264, 265,266, 267, 288, 292, 304, 305, 310,311, 315, 316, 317, 319, 320, 321,479, 1043 thuần đại khổ tụ tập 119,179,180,247,248, 249,250, 251,259, 261,262,263, 264, 265, 266, 267, 288, 304, 305, 310, 311, 314, 315 316, 317 319, 320, 321,478, 1042 thức ấm 46, 50, 108, 195, 264, 816 thực diệt 293, 294, 519 thực diệt đạo tích 293, 294 thúc liễm 87, 856, 905, 924, 939

741, 745, 770, 786, 788, 845, 849, 615,617, 630, 635, 636, 659,681,726, 854, 866, 868, 958, 978, 982, 983, 730,731,780,788, 851, 855, 861, 865, 984, 985, 986, 987 869,909,922,923,946,949,959,965, tịch tĩnh 17, 18, 19, 27, 28, 40, 99, 117, 966 972 998 1021,1022,1028,1030 205, 236, 396, 503, 523, 535, 727, 1033, 1045, 1088, 1093, 1095, 1096, 916 948, 963,990, 1021, 1025, 1026, 1098, HOI, 1103,1104 1077, 1092 tinh tấn căn 152,550,551,552,554,555,556 tịch tịnh 17, 53, 57, 63, 66, 122, 123, 124, tinh tấn giác phần 153, 244, 579, 580, 581, 125,127,241,260,301, 407, 469, 582, 583, 584, 585, 586, 589, 590, 510, 526,527, 539, 540, 543, 549, 591,593,595,632 576, 641,664, 665, 677, 745, 758, tinh xá Kê Lâm 448, 531, 532, 533, 534, 770, 776,789, 857, 858, 887, 965, 535,585 1012, 1051 tinh xá Kim Sư 820, 822, 1033, 1034, 1035, tiên nhơn 26, 44, 45, 212, 292, 490, 818, 1036, 1037, 1038, 1039, 1040 843, 855, 871, 875, 889, 890, 891, tinh xá Kỳ Hoàn 509, 881, 923 937, 980, 996, 997, 1030, 1072, 1092, tinh xá ngoại đạo 578, 754, 756 1094, 1100 tinh xá Sơn Cóc 607, 1013, 1045, 1046, tín căn 151, 152, 550, 551, 552, 554, 555, 1047, 1048 556, 562 tinh xá Tòng Lâm 426, 427, 430, 431, 432 tinh cần 9, 11, 12, 58, 140, 168, 171, 184, tín tâm 40, 41, 75, 88, 201, 563, 576, 647, 200, 209, 215, 218, 227, 230, 231, 648, 650, 651, 652, 654, 657, 659, 232, 240, 304, 314, 327, 331, 395, 772, 792, 824, 870, 871, 873, 906, 399, 400, 428, 429, 480, 488, 518, 921,931,958, 1104 520, 521, 526, 527, 529, 531, 535, tọa thiền 49, 56, 109, 118, 119, 120, 121, 536, 537, 560, 624, 632, 633, 634, 122,123,124,183,203,206,207,208, 644, 669, 670, 694, 707, 708, 713, 215,229,231,233,252,271,272,292, 716, 717, 721, 732, 785, 789, 812, 296,361, 378,499, 585, 626,627, 628, 813, 820, 889, 910, 911, 915, 922, 629,685,754,760,761,776,787 805, 936, 946, 957, 968, 974, 990, 1026, 808, 811, 848, 856, 857, 858, 907,979, 1028, 1032, 1033, 1062, 1071, 1074, 980,981, 982,983, 984, 985,986, 992, 1075, 1086, 1103 1027, 1038 tỉnh giác 225, 232, 261, 315, 323, 338, 396, tối thắng 55, 224, 503, 511, 558, 564, 565, 399, 400, 540, 549, 616, 630, 776, 566, 572, 577, 592, 598, 785, 797, 994, 1007, 1071, 1078, 1110 798, 925, 960, 971, 972, 987, 998, tịnh giới 83, 85, 360, 361, 452, 469, 484, 1070, 1087 558, 624, 668, 707, 718, 719, 720, tối thượng 118, 224, 641, 642, 798, 801, 721, 727, 762, 772, 774, 811, 826, 882, 884, 900, 997, 1001, 1075, 1076, 844, 886, 966, 968, 1019, 1092, 1097 1087, 1088 tinh tấn 48, 57, 58, 60, 87, 111, 127, 128, Tôn giả A-na-luật 356, 426, 427, 428, 429, 131,140, 141, 148, 150, 151,171,201 430, 431, 432, 433, 531, 585, 586, 225,299, 304, 332 333 338 355, 356, 819, 820, 978, 1082, 1098 357, 369, 379, 380, 394, 399,407,450, Tôn giả A-nan 629, 1113 454,455,490,492,497,499, 520, 527, Tôn giả Bà-kỳ-xá 785, 786, 787, 788, 789, 530, 540, 544, 549, 557, 558, 559, 560, 987, 988, 989, 991, 992, 993, 994 561, 562, 563, 564, 568, 569, 570, 572, 995, 996, 997, 998 573, 574, 575, 576, 577, 592, 597, 608,

Tôn giả Bạt-đà-la 381, 532, 533

SÁCH ĐẢN 1145

Tôn giả Kiều-trần-như 322, 356, 988
Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên 203,204,205,
213, 433, 434, 435, 436, 437, 438,
439, 441, 442, 443, 444, 445, 446
Tôn giả Ma-ha Ca-diếp 510, 684, 685, 686, 572, 577,
907, 909,910, 911,912,913 640, 641,
Tôn giả Ma-ha Câu-hy-ỉa 193, 194, 205, 66ộộqẤyằM:Băsụụ:ởMy:ở\ệýýăTj:ểBM:ểậj
206, 207, 208, 252, 253, 254, 292,
293 294, 295, 1041, 1043
Tôn giả Mục-kiền-liên 405, 406, 407, 408,
409, 410, 411, 412, 413, 414, 415,
416, 421, 426, 427, 740, 741, 954,
977, 978, 1094
Tôn giả Nan-đà 233, 234, 235, 236, 237,
238, 839, 993
Tôn giả Phú-lân-ni 752, 786, 787, 807,
1033, 1034, 1037
Tôn giả Phú-lâu-na 174, 210, 275, 276,
277, 356
Tôn giảuất-đề-ca 529, 530
Tôn giả Ưu-đà-di 197, 198, 199, 200, 382,
531,532
Tôn giảXiển-đà 1041, 1042, 1043 trạch pháp giác phần 153, 244, 579, 580,
581, 582, 583, 584, 585, 586, 589,
590, 591,593,594, 595,631 trái a-ma-lặc 353, 544, 545, 546, 547 trần cấu 21, 89, 93, 96, 99, 103, 199, 203,
212,214,244,267, 302,319,322, 330,
454, 695, 697, 704, 715, 722, 759, 768,
772, 774, 1001, 1063, 1080, 1096 trạo cử 223, 224, 449, 909 trạo hối 157, 201, 390, 520, 535, 573, 574,
575, 576, 578, 581, 582, 583, 584,
585, 586, 590, 607, 625, 714, 768,
776,919 triền phược 186, 187, 754 trì giai 79,82, 84, 201, 304, 357, 372, 373,
396, 469, 482, 548, 590, 629, 639,
677, 718, 761, 782, 783 825, 826,
844, 874, 886, 919, 921, 923, 932
957, 961, 976, 990, 1000, 1011, 1017

1056, 1063, 1068, 1071, 1072, 1082,
1084, 1088, 1095, 1100, HOI, 1110 tri kiến 6, 21, 41, 52, 67, 97, 115, 116, 117,
1146 KINH TẠP A-HÀM

Tu-bạt-đà-la 658, 770, 771, 772 tu sĩ ngoại đạo 103,120,121,122,123,124, từ bi 91, 196, 203, 303, 379, 399, 508, 648, 268, 269,290,291,292,597, 598, 681,789,851,917,934,946,967,1028 627, 629, 749,750, 751, 752, 753, tứ chánh cần 65, 271 757, 759, 760,761 762, 763, 764, Tư-đà-hàm209, 329,440, 445, 525, 553, 765,766,767,768,769,770,771,772 558, 594, 596, 623, 634, 636, 638 Tứ thiền 146, 300, 374, 381, 448, 452, 454, 640, 658, 716, 720, 748, 750, 781, 550, 551, 554, 555, 569, 571, 582, 783, 817, 818, 826, 898, 902, 936, 583, 634, 637, 646 666, 671, 723, 971, 1023,1112 778, 826, 1021 Tu-đà-hoàn 54, 209, 238, 329, 330, 412, tư thực 293,316,317,318,319,320,321,650 413, 440, 445, 525, 550, 551, 553, Tỳ-kheo-ni 232, 233, 234, 235, 236, 237, 558, 594, 596, 623, 634, 636, 638, 238, 252,424,446,447,449, 452, 639, 652, 653, 654, 658, 679, 704, 453, 454, 515 522, 657, 658 663, 716, 720, 724, 725 726, 727, 733, 667, 668, 700, 701, 725, 748, 749, 748, 750, 815, 826, 828, 898, 901, 815, 846, 847, 848, 849, 856, 902, 902,904, 905, 971, 1023, 1104, 1112 913 914, 916, 942, 979, 980, 981, Tứ Đại Thiên Vương 721, 892 982, 983, 984, 985, 986, 987, 1016, Tu-di 220, 345, 352, 408, 428, 672, 999, 1017, 1059, 1082, 1089 1063, 1072 Tỳ-kheo-ni Đề-xá 916 tuệ bình đẳng 16, 17,487, 1072 Ty-kheo-tăng 232, 478, 480, 483, 505, 514, tuệ căn 152, 550, 551, 552, 554, 555, 556 515, 516,517,546,661,688, 689, tuệ giải thoát 33, 36, 56, 64, 116, 117, 171, 690, 695, 697, 704, 715, 719, 720, 172, 202, 205, 301, 329, 332, 431, 725, 773, 871, 933 972, 989, 996, 453 563, 564, 565, 567, 576, 644, 1017, 1084 657, 703, 720, 721, 723, 726, 747, Tỳ-kheo Thượng tọa 93, 94, 95, 96, 212, 775, 776, 778, 780, 782, 810, 811, ' 464, 465,466, 467, 635 836, 955, 990 tỷ thức 162, 185, 186, 192, 246, 263, 269, tuệ nhãn 101, 353, 456, 458, 724, 957, 985 285,358,461,601 tứnhuýtúc 65,271,557, 564, 570, 671 Tỳ-xá-ly 28,68,70,111,117,166,167,168, tứ niệm xứ 65,243,244,271,402, 550, 554, 169, 170,171,184,185, 186, 187, 555,557, 564, 571, 1024 188, 335, 451, 527, 646, 647, 727 tưởng ấm 264 tưởng thọ ấm 39, 53, 388, 1073 tưởng vô thường 223, 224, 368

SÁCH DẪN 1147

Vô dư Niết-bàn 277, 395, 396, 509, 538, Vua A-xà-thế 502, 837, 1012, 1013, 1027 770, 771, 788, 794, 849, 850, 946, Vua Ba-tư-nặc 340, 662, 918, 920, 921, 957, 978, 997, 1018, 1112 922, 923, 924, 926, 1002,1003, 1004 vô lậu 46 56, 116, 171, 172, 179, 329, 431, 1005, 1006, 1007, 1008, 1009, 1010, 453, 565, 567, 615, 616, 617, 618, 1011, 1012, 1013, 1014, 1015, 1016 620, 644, 657, 679, 720, 721, 723, Vua Phạm thiên 971,973, 974, 978 747,778,780, 808, 836,954,955,956 Vua Tự Tại 880, 882, 883, 884, 885, 887, vô minh 62, 99, 132, 133, 134, 135, 166, 889, 891,894, 895, 897, 999 167, 194, 206,207,208,213,219, vườn Am-la 166, 167, 168, 169, 197, 198, 220, 223, 224, 231, 237 251, 259, 400,462,468,527,957,959,962,1043 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266, Vương Xá 15, 16, 20, 22,23, 88, 91, 100, 267, 271, 273 287 288, 292, 294, 103, 162, 163, 189, 190, 193, 194, 295, 302, 304, 305, 309, 310, 315, 195, 200, 205, 206, 207, 208, 242, 325, 361, 387, 388, 389, 394, 478, 252, 254, 255, 257, 259, 260, 261 511, 555 576, 600, 636, 638, 639 266, 267,

268, 290, 292, 296, 297, 640, 654 658, 664, 665 676, 680, 299 300, 304, 305, 334 337 338, 681, 706, 727 730, 732 736, 744, 339 340, 341, 342, 343, 344, 345 766, 776, 786, 800, 811, 812, 855, 346 347, 348, 351, 355, 356, 367, 946, 957, 998, 1096, 1104 368, 369, 370, 372, 373 374 375, vô minh xúc 38, 39, 48, 55,258 376, 377, 378, 382 383, 384, 393, vô ngã 25, 51, 56, 65, 66, 112, 113, 130, 394, 395, 402, 404, 405, 406, 407, 158, 160, 161, 166, 169, 209, 212, 408, 409, 412, 413, 414, 415, 416, 213, 218, 219, 224, 229, 234, 235, 417, 418, 419, 420, 480, 491, 502, 236, 257, 272, 287, 468, 599, 664, 515, 526, 535, 576, 577, 590, 607, 665, 763,817, 951 681, 682, 683, 684, 686, 688, 689, vọng ngữ 92, 353, 354, 357, 393, 702, 703, 690, 691, 706, 707, 708, 709, 711, 704, 821, 823, 828, 844, 849, 896, 712, 733, 737, 738, 740, 741, 742, 1075, 1091 743 744, 746, 747, 751, 752, 753, vọng tưởng 310, 311, 680, 944, 974, 1056 757, 759, 761, 762, 767, 780, 781, vô sở đắc 99, 756 815, 817, 820, 822, 823, 831, 837, vôsởúy 21,79, 82,106,302,695, 704,759, 838, 845, 846, 849, 852, 854, 860, 768, 772, 933, 1004, 1084 861, 862, 863, 864, 865, 876 877, Vô thượng Bồ-đề 64, 534, 638, 964, 1002 913, 915, 916, 930, 972, 974, 975, Vô Thượng Sĩ 43, 305, 433, 439, 445, 534, 976, 989, 992, 996, 997, 998, 999, 654,656,660,703,720,737,989,1090 1000, 1001, 1002, 1013, 1021, 1033, vô trí 303,543,608,763,909,924 1037, 1041, 1045, 1046, 1047, 1048, vô úy 103, 304, 572, 667, 668, 697, 890, 1052, 1062, 1073, 1075, 1082, 1085, 891,971 1088, 1089, 1090, 1094, 1100, 1105, Vô Úy 451, 452, 576, 577, 965 1106, 1107 vô vi 260, 673, 678, 679, 683, 846, 866, 868, vườn Lộc Dã 26, 45, 321, 322, 323, 324, 887, 888, 1026 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, Vua A-dục 497, 501, 505, 509, 518, 544, 332 333 421, 422, 508, 528, 818, 546, 549 856, 871,875 VuaA-tu-la 882, 883, 884, 942

xả giác phần 153, 244, 579, 580, 582, 583,
584, 585, 586, 589, 590, 591, 592,
593, 594, 595, 597, 598, 599, 632 xả giới 328, 563, 649, 712, 860, 915, 948,
949, 1031, 1032
Xá-lợi-phất 20, 21, 22, 23, 25, 97, 98, 99,
100,105,106,107,109, 111, 183,
184, 192, 193, 194, 195, 196 197,
205, 206, 207, 208, 209, 210, 252,
253, 254 290, 291, 292, 293, 294,
295, 296, 297, 356, 379, 380, 385,
386, 387, 388, 389, 390, 391, 392,
393, 394, 395 396, 397, 398, 399,
400, 401, 402, 403, 404, 405, 406,
407, 427, 428, 429, 482, 484, 509,
535 536,
602,
759S\ổệK\ệKẤy:q“X(ā:ộộqẤyằM:ăýjăxụụ:ởMy:ở\ệýxBTýể:ểTj:Bxjẫệqầậ:ýx:\ấ:ạ
C\?ệK\ệKẤy:q“X(ā:ộộ

SÁCH DẪN 1149

1069, 1070, 1071, 1072, 1075, 1076, 659,680,681,714,741,765, 812, 860, 1077, 1078, 1079, 1080, 1095, 1096, 900,932, 975, 976, 993,1024,1071 1097, 1098, 1100, HOI, 1102, 1103, xúc diệt 52, 60, 175, 176, 179, 180, 248, 1104,1105,1107,1108,1109,1110 249, 251, 258, 308, 316, 317, 375, xuất ly 7, 8, 23, 24, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 376, 377,478,519, 876 37,38 43,44,169 173,182,261,322 xúc thực 293, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 363,365, 377, 533,534,552,570,615, 650,903 Y y bát 46,47,95,97,118,183,203,212,213, 227, 233, 268, 277, 335, 414, 415,

992, 998,

Thực hiện VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM 750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN PHẬT GIÁO VIET NAM . TẬP 20
TAM TẠNG PHẬT GIÁO Bộ PHAI -04
KINH TẠPA-HÀM
()
Việt dịch
Hòa thượng THÍCH THIỆN SIÊU
Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
Chịu trách nhiệm xuất bản Giám đốc - Tổng Biên tạp ĐINH THỊ THA^ÍH THUÝ

Biên tập Nguyễn Thi Cam Hồng

Sửa bản in se. Liên Hiền, Ngọc Thanh, Mỹ Hòa, Thủy Tiên, Hồng Anh, Ngọc Hoa, Như Liên, Khánh Ly, Ngọc Hạnh

Trình bày & Bìa Đặng Thái Trung

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ Hồ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.l, TP.HCM
ĐT: (028) 38225340 - 38296764 - 38247225 - Fax: 84.28.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
NHÀ SÁCH TÔNG HỢP l
62 Nguyễn Thị Minh Khai, p. Đa Kao, Q.l, TP.HCM - ĐT: 38 256 804
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 -88 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM - ĐT: 39 433 868
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 3
88-90 Ký Con, p. Nguyễn Thái Binh, Q.l, TP.HCM - ĐT: 38 216 009
GIAN HÀNG MOI- ĐƯỜNG SÁCH TP.HCM
Đường Nguyễn Văn Bình, p. Ben Nghé, Q.l, TP.HCM - ĐT: 38 238 191
Thực hiện liên kết VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM 750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh In lần thứ nhất, sổ lượng 5.000 cuốn, khổ 19 x 27 em Tại Công ty cổ phần in Khuyến học phía Nam Địa chỉ: Lô B5-8 đường

D4, KCN Tân Phủ Trung, xã Tân Phủ Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM XNĐKXB số: 613-2022/CXBIPH/06-47/THTPHCM 'SBN 978^04-335-728-8

QĐXB số: 6Ỉ5/QĐ-THTPHCM-2022 ngày 15 thảng 9 năm 2022 l

.• 978-60435 ...

In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.

[II Ị!

9 786043 357288 l

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.